

Tổng Tập Văn Hóa Thần Bí Trung Hoa

THIỆU VĨ HOA

CHU DỊCH VỚI DỰ ĐOÁN HỌC

周易预测学讲义



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NỘI

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

THIỆU VĨ HOA

CHU DỊCH
VỚI
DỰ ĐOÁN HỌC

Người dịch : MẠNH HÀ

In lần thứ 4 có bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Tập I
CHU DỊCH VỚI
DỰ ĐOÁN HỌC

Từ trang 1 đến 355

TẬP II
NHẬP MÔN CHU DỊCH
DỰ ĐOÁN HỌC

Từ trang 357 đến 528

TẬP III
CHU DỊCH DỰ ĐOÁN
CÁC VÍ DỤ CÓ GIẢI

Từ trang 529 đến 800

Lời nói đầu

Mao Trạch Đông nói : "Nhân dân là anh hùng chân chính", nhân dân là người phân biệt tốt nhất, thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Sách "Chu dịch với dự đoán học" của tôi xuất bản tháng 5 năm 1990 đến nay đã hơn bốn năm. Năm đó bộ sách này rất nổi tiếng. Trong Hội chợ triển lãm sách ở Thượng Hải tháng 9 năm 1990 đến nay đã được trưng bày ở gian hàng sách giáo dục, gian hàng phát hành sách của tỉnh và đã được các chuyên gia, học giả, độc giả rộng rãi trong và ngoài nước đánh giá cao và lượng tiêu thụ rất lớn.

Sau khi sách "Chu dịch với dự đoán học" phát hành được 38 ngày, Đài truyền hình Trung ương từ 5 - 11/1991 đã chính thức tuyên truyền và ca ngợi tôi đã đạt được thành tựu to lớn trong việc ứng dụng "Chu dịch" vào khoa học dự đoán hiện đại.

"Chu dịch là viên ngọc sáng trong kho tàng khoa học của nước ta, là sách mà bậc Đế vương các triều đại cần đọc, là đạo trị quốc và pháp bảo dựng nước. Mao Trạch Đông là nhà cách mạng, nhà tư tưởng, nhà quân sự vĩ đại, Người đã lãnh đạo nhân dân Trung Quốc vượt qua cuộc đấu tranh gian khổ nhưng tuyệt vời, giành được thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó không những là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Trung Quốc mà còn là sự suy nghĩ sâu xa, vận dụng những mưu lược quân sự bắt nguồn từ "Chu dịch" của "Bình pháp Tôn Tử" để lấy yếu thắng mạnh. Về điểm này mọi người đều thừa nhận.

1. Nội dung cơ bản của sách "Chu dịch với dự đoán học"

"Chu dịch với dự đoán học" là sách chuyên đề Dịch học ứng dụng đầu tiên của hơn bốn mươi năm từ sau giải phóng. Nó hùng hồn nêu lên "Chu dịch" là nguồn gốc và cơ sở của khoa học dự đoán, khoa học thông tin của nước ta, nên gọi là ứng dụng khoa học dự đoán của Kinh dịch vào khoa học dự đoán hiện đại. Trong sách chỉ rõ "Chu dịch" ra đời từ vũ trụ quan đối lập thống nhất, là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nó chỉ rõ quy luật và quy tắc phát triển, biến hóa của các sự vật trong vũ trụ. Trong sách công bố phát minh dùng màu sắc của ngũ hành để biểu thị hình vẽ tượng hào của 64 quẻ và dùng thể dự đoán thông tin của 6 hào, bổ sung những chỗ còn trống trong Kinh dịch. Tổng kết các dấu hiệu âm dương bát quái và tượng quẻ, tượng hào của 64 quẻ không những là tiêu chí mật mã của mọi sự vật trong vũ trụ mà còn là cái kho trữ lượng thông tin rất lớn,

nó có một công năng độc đáo, có thể dự đoán và phản ánh vượt lên tất cả, trên đo được trời, dưới đo được đất, giữa đo được người và sự việc... cho dù là thông tin thuộc vĩ mô hay vi mô, thời gian dài hay ngắn, toàn cục hay cục bộ đều có thể đoán được. Khả năng dự đoán và phản ánh của nó là vô cùng thần kỳ và độc đáo, tốc độ rất nhanh, độ chuẩn xác cao, không tốn sức người, sức của và thời gian, không có máy móc hiện đại nào có thể thay thế được.

2. Sách "Chu dịch với khoa học dự đoán" có mặt khắp nước và cả 5 châu

Sách "Chu dịch với khoa học dự đoán" xuất bản lần đầu vào tháng 5 năm 1990 do Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa Sơn xuất bản. Mấy chục vạn cuốn sách chỉ trong một tháng đã bán hết, điều này rất hiếm thấy trong lịch sử phát hành sách của Trung Quốc. Sách cung không đủ cầu, dẫn đến cơn sốt sách.

Tháng 6 năm 1991, tôi từ nước ngoài về đến Bắc Kinh, một vị làm công tác phát hành sách lâu năm đã nói với tôi: "Gần đây tôi đi khắp trong nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến biên giới, gần như chỗ nào có bày sách là có sách ông. Từ diện phủ toàn quốc và thời gian phát hành mà nói, số lượng phát hành đã vượt qua 20 triệu bản, đó là kỳ tích (trừ tác phẩm của Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình ra) trong lịch sử phát hành sách của nước ta, hơn nữa lại là độc giả tự bỏ tiền mua chứ không phải tiền cơ quan".

Sách của tôi được hoan nghênh như thế là vì xã hội đã thừa nhận giá trị của nó. Tháng 12 năm 1990 cuốn sách này lại được xuất bản ở Hồng Kông. Mặc dù trong nước vừa phát hành vẫn không gây ảnh hưởng gì đến việc phát hành sang Áo Môn và các vùng có người Hoa ở Đông Nam Á và trên thế giới. Lượng sách phát hành ở hải ngoại cũng vượt qua bất cứ tác phẩm chuyên đề nào của nước ta (TQ). Điều đó nói lên bộ sách "Chu dịch với dự đoán học" là bộ sách chuyên đề tuyên truyền về khoa học, nói về khoa học, dùng khoa học, là món ăn tinh thần có giá trị quý về khoa học.

Sự ra đời của cuốn sách đã gây nên trong toàn quốc một cao trào "khơi đá tìm vàng", người ta tìm đến những sách cổ và các sách mới có liên quan với thuật số. Nó không những đã làm phồn thịnh thêm sự nghiệp xuất bản của nước ta mà quan trọng hơn là làm sáng tỏ nền văn hóa cổ đại ưu tú của nước ta, đã mở ra chân trời mới và con đường mới cho việc vận dụng khoa học dự đoán thông tin vào khoa học dự đoán hiện đại của nước ta.

Cuốn sách thứ hai của tôi "Giải các ví dụ dự đoán theo Chu dịch" được viết theo yêu cầu thiết tha của quảng đại độc giả, do Nhà xuất bản Văn nghệ Đôn Hoàng phát hành, có đầy đủ giá trị học thuật và giá trị thực tế. Cuốn sách thứ ba là "Dự đoán theo tứ trụ" trực tiếp bàn đến vận mệnh của con

người, là cuốn sách mọi người rất quan tâm, rất muốn học. Cả bộ sách này đều đã phát hành trong và ngoài nước, số lượng đều đứng đầu bảng.

3. Độc giả của cuốn sách "Chu dịch với dự đoán học"

Độc giả của cuốn sách "Chu dịch với dự đoán học" có khắp toàn quốc và nước ngoài, vậy thì cụ thể là bao nhiêu? Nói chung, phát hành bao nhiêu sách là bấy nhiêu độc giả, chỉ có thể nhiều hơn chứ không thể ít hơn. Đó là điều chắc chắn. Vậy số độc giả đó gồm những tầng lớp nào? Trình độ văn hóa ra sao? Dưới đây tôi sẽ nói đến.

Sau khi cuốn sách được phát hành, độc giả gửi thư hoặc đến thăm tập. Họ bay đi Tây An, đến Nhà xuất bản, đến Tạp chí "Người thế gian", đến bất cứ đơn vị nào, nhà giáo sư nào mà trong sách có đề cập đến. Mỗi bức thư đều tỏ lời ca ngợi, cầu mong, cổ vũ, thỉnh giáo của đủ các tầng lớp nhân sĩ. Họ thấy có một thế giới mới chưa hề biết đến trong vòm trời khác của Chu dịch, đó là thế giới dự đoán có quan hệ chặt chẽ với bản thân mình. Thư gửi đến bao gồm nhiều cán bộ ở các cấp, cũng có người là dân thường; về trình độ văn hóa có người là trí thức cao cấp, có người làm công tác khoa học, có cả học sinh, quân đội; về tuổi tác có học giả tuổi ngoài tám mươi, cũng có những em học sinh mới mười mấy tuổi. Bài báo tuyển đăng thư độc giả do nhà văn Trương Chí Xuân viết đã lấy tiêu đề là "Thiệu Vi Hoa - đại sư về dự đoán" là một ví dụ. Trong số độc giả có một vị lãnh đạo cấp tỉnh, tháng 12 năm 1990 sau khi họp Hội nghị trung ương về đã nói: "Trong thời gian tôi họp ở trung ương, rất nhiều đại biểu, nhất là những đồng chí lão thành cứ về đến nhà nghỉ là đọc sách này, và thời gian giải lao ở hội trường họ hay gặp nhau để trao đổi về nó. Tôi giả vờ tò mò hỏi nội dung sách, họ đều trả lời là sách nói về cách dự đoán số mệnh. Bây giờ tôi mới tin có chuyện số mệnh và tôi cũng mê sách luôn". Tháng 3 năm 1991 một vị cán bộ cao cấp khi nhìn thấy tôi đã phấn khởi bảo rằng: "Học viên trường Đảng chúng tôi hầu như mỗi người một quyển, ai cũng đọc sách anh, giáo viên cũng đọc. Sách của anh cứ đọc là thích, cầm lên rồi là đọc thâu đêm suốt sáng, không muốn bỏ ra, viết thật hấp dẫn".

4. Mở lớp học về "Chu dịch với dự đoán học"

Sách "Chu dịch với dự đoán học" được viết từ cuốn sách "Bài giảng về chu dịch với dự đoán học" của tôi đang dùng làm tài liệu giảng dạy trong cả nước. Đó là thành quả và kinh nghiệm trong học tập và ứng dụng dự đoán theo Kinh dịch của tôi. Từ tháng 10 năm 1988 đến tháng 9 năm 1991 tôi đã tổ chức 25 lớp học ở các tỉnh và thành phố lớn như Tây An, Nam Kinh, Khai Phong, Thượng Hải, Thẩm Quyển, Liễu Châu, v.v... và các buổi báo cáo học thuật, số người tham gia hàng vạn trở lên. Trừ Tây Tạng ra, các tỉnh thành và Khu tự trị kể cả Hồng Kông, Áo Môn và Đài Loan đều gửi thư, cử người

đến mời tôi mở lớp, trong đó có rất nhiều học viện lớn, còn có cả học viện quân sự. Nhưng một mình tôi không thể cùng đáp ứng mọi nơi trong một thời gian ngắn, hơn nữa việc nghiên cứu cũng không nên đứt quãng nên đã không thỏa mãn được mong mỏi của nhiều nơi. Nhân dịp này tôi xin chân thành cảm ơn lời mời đầy nhiệt tình và sự tin cậy của mọi người.

Học viên của tôi cũng đến từ khắp nơi và đủ mọi ngành nghề. Trong học viện có cán bộ là cấp Cục, Sở, Ty còn có cả Phó tư lệnh, Chính ủy Quân khu, có cán bộ ở Viện khoa học, Trưởng ban nghiên cứu thuộc Viện khoa học. Những cán bộ cao cấp này và các học viên khác đều chăm chỉ lắng nghe, khiêm tốn học tập và đã đưa ra nhiều kiến nghị rất có ích trong ứng dụng. Trong các hội thảo về học thuật cũng có nhiều cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, trường lớn đến dự.

Trong học viện còn có cả công an và những cán bộ làm công tác an ninh, họ xuất phát từ nhiệm vụ mà đến học. Có người do trước đây không hiểu biết về khoa học dự đoán thông tin lành, dữ, cho rằng đó là mê tín, sau khi nghe giảng, biết được điều tôi nói là dựa trên khoa học, là danh chính ngôn thuận ứng dụng "Chu dịch" nên đã chăm chú nghe, kết bạn với tôi, xem tôi là khách quý. Cũng có những phóng viên báo cấp tỉnh, nói tôi đầu têu mê tín, định viết bài phê bình. Tôi giải thích lại : "Nếu tôi sợ phê phán thì đã không dám viết "Chu dịch với dự đoán học". Nếu anh định phê phán thì tốt nhất trước hết nên đọc xem nội dung sách là khoa học hay mê tín, là duy vật hay duy tâm, trong sách nêu ra biết bao ví dụ có tên người, tên họ, có thời gian, địa điểm cụ thể, và tôi đã đoán đúng sự việc ra sao, sau đó lại phê bình cũng chưa muộn. Nếu chưa làm rõ đã vội vàng phê bình, thì chắc là không nên". Kết quả phóng viên đó không những đã nghe theo mà qua học tập, đã trở thành độc giả nhiệt thành và tích cực ủng hộ. Có người ban đầu còn phản đối mạnh mẽ hơn, nhưng cuối cùng cũng đã xem tôi là thầy giáo.

Sách "Chu dịch với dự đoán học" có mặt khắp nơi, các công trình "Bát quái và thông tin", "Biết tượng thì đã có lý ở trong", "Dùng bát quái đo địa chấn" đã công bố ở nước ngoài. Tháng 3 năm 1991 tôi được mời sang Singapore và Thái Lan giảng bài, đó là điều lần đầu xảy ra trong lịch sử ứng dụng dịch học của nước ta. Trong thời gian ở Singapore, nhờ giảng lý luận tốt, dự đoán đúng, sau khi có sự giám định của các chuyên gia hữu quan, họ đã phong tôi danh hiệu cao quý "Ngôi sao Bắc đẩu Kinh dịch". Điều đó đưa lại vinh quang cho đất nước, cho Kinh dịch. Đó cũng là sự khẳng định và đánh giá cao của nước ngoài đối với khoa học dự đoán thông tin theo "Chu dịch" của nước ta.

5. Thành quả ứng dụng "Chu dịch với dự đoán học"

Trong sách "Chu dịch với dự đoán học" tôi có nói : "Chỉ khi nào lý luận và phương pháp của một môn khoa học, ứng dụng vào thực tiễn và tạo ra được giá trị tinh thần và vật chất thì lý luận và phương pháp đó mới đáng

được gọi là khoa học". Trong vườn hoa muôn màu của ứng dụng dịch học, quyển sách này giống như một trong những bông hoa tươi đẹp nhất, sự ra đời của nó đưa đến một mùa xuân rực rỡ. Việc phát hành nó đã thúc đẩy cho vườn hoa ứng dụng dịch học trăm hoa đua nở và trĩu quả bội thu khắp các ngành trong nước. Dùng phương pháp dự đoán thông tin theo Chu dịch ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong khoa học hiện đại và đã có cống hiến to lớn cho công cuộc bốn hiện đại hóa đất nước. Công tích của nó là không thể phủ nhận được. Dưới đây chỉ xin nêu mấy ví dụ để chứng minh.

Dùng bát quái dự đoán động đất đã bác bỏ được kết luận của các nhà khoa học Mỹ, điều đó lẽ nào không phải là kỳ tích trong lịch sử dịch học ? (Xem sách "Các ví dụ giải dự đoán theo Chu dịch" trang 37 về "Ngày 3 tháng 2 năm 1990 Nhật Bản sẽ không có động đất").

Tháng 10 năm 1990, một cán bộ chỉ huy tác chiến cao cấp của một bộ tư lệnh ở nước ta dùng phương pháp dự đoán giới thiệu trong sách, đã dự đoán đúng trước ba tháng cuộc chiến tranh vùng Vịnh làm chấn động cả thế giới sẽ nổ ra từ 5 đến 9 giờ sáng ngày 17 tháng giêng năm 1991. Ngày 13 tháng giêng năm 1991 họ đã báo cáo lên bộ phận Chỉ huy cấp trên về việc này. Cấp trên đã hỏi lại họ : "Làm sao các anh biết được mấy giờ ngày ấy sẽ nổ ra ?" Họ trả lời là "Dùng bát quái tính ra". Cấp trên không chấp nhận và nói : "Bát quái có thể tính ra ngày, giờ đánh nhau thì cần gì đến ban chỉ huy chúng tôi nữa". Ngày 17 tháng giêng, quả nhiên trong thời gian dự đoán đã ứng nghiệm.

Tháng 2 năm 1992, có một học viên ở Trùng Khánh đã vận dụng bát quái đoán ra ngày 22 tháng 2 Vệ Tinh Ôxtrâyliya phóng không thành công, kết quả đúng như thế.

Ngày 9 tháng 2 năm 1993, một người phụ trách xí nghiệp của thành phố Thẩm Quyến mời tôi đoán muốn biết người khác có một ngân phiếu trị giá 50 triệu đôla định đổi lấy 500 triệu nhân dân tệ xem có nên đổi không. Căn cứ vào quẻ gieo tôi nói ngân phiếu này giả, không nên đổi để khỏi bị lừa. Sau đó qua kiểm tra quả đúng là ngân phiếu giả, tránh được tổn thất 500 triệu cho Nhà nước. Tháng 7 năm 1993 tướng Trương Chấn Hoàn gửi thư báo tôi dự đoán Trung Quốc xin đăng ký Á vận hội năm 2000 có được không ? Tôi đã đoán và sau báo với ông không được, kết quả đúng.

Dùng bát quái đoán thông tin, không những đã đạt được thành tích đáng mừng trong quản lý xí nghiệp mà trong dự đoán thông tin tiền tệ đã tỏ rõ tính ưu việt đặc biệt của nó. Mọi người đều biết, thị trường chứng khoán ở Trung Quốc ngoài quy luật dao động chung ra, yếu tố nhân tạo không thể bằng máy tính hoặc tâm lý mà phán đoán được, nhưng dùng bát quái thì lại thấy rõ thiên cơ, điều đó đối với thị trường chứng khoán, nơi mà yếu tố nhân tạo có tác dụng chi phối chính thì nếu kết hợp cả quy luật chung và yếu tố

tâm lý một cách hữu cơ, độ chính xác của dự đoán sẽ rất cao. "Nhật báo Hải Nam" tháng 2 năm nay (tức năm 1993) đã đưa tin dùng bát quái dự đoán biến động của thị trường chứng khoán, độ chính xác đạt 98%.

"Chu dịch" đã tồn tại mấy nghìn năm, trải qua thử thách của các triều đại, sức sống mãnh liệt nó vẫn tồn tại đến ngày nay và đang tiếp tục cống hiến cho nhân loại. Ngày nay việc ứng dụng Chu dịch, thuật số không những được Nhà nước, Chính phủ coi trọng mà còn được Bộ Quốc phòng coi trọng. Chính phủ đã cho phép tư nhân, tập thể xin đăng ký công khai mở dịch vụ dự đoán. Ví dụ ở Tây An có ba văn phòng, Thẩm Quyến : 2, Trùng Khánh : 2, Thượng Hải : 1... Các xí nghiệp trung ương, địa phương đều lập tổ chức dự đoán thông tin, dự đoán thiên tai và các dạng sự cố khác để phòng tránh tai họa, giảm bớt tổn thất và an toàn tính mệnh, tài sản cho nhân dân, đã đem lại lợi ích to lớn.

Một cao trào có tính toàn dân coi trọng công tác dự đoán, ứng dụng rộng rãi dự đoán thông tin đang hình thành. Đó không những là tiến bộ của văn minh nhân loại mà còn là quy luật tất nhiên trong lịch sử phát triển của xã hội. Ngày 16 tháng 9 năm 1993 ở thành phố An Dương Trung Quốc đã triệu tập cuộc "Hội Thảo học thuật quốc tế lần thứ 5 về Chu dịch và hiện đại hóa". Đó là cuộc hội nghị mang tầm quốc tế để tổng kiểm duyệt, đại tổng kết, khơi dậy rộng rãi sự ứng dụng "Chu dịch". Sau hội nghị này sẽ nhen lên một cao trào mới về ứng dụng "Chu dịch".

6. Cơ sở "Chu dịch" là sự tất nhiên của phát triển xã hội

Sau cuộc Hội thảo học thuật Chu dịch quốc tế lần thứ 4 họp ở Tế Nam năm 1987, trong toàn quốc đã áy lên một cao trào học tập, nghiên cứu "Chu dịch" mang tính quần chúng rộng rãi. Tháng 5 năm 1990, cuốn "Chu dịch với dự đoán học" ra đời, lại hình thành điểm nóng của cao trào đó.

Việc Nhà nước đã bắt đầu coi trọng các cơ sở ứng dụng "Chu dịch", cơ sở tương học, phong thủy, mệnh lý, không những đã xuất bản được rất nhiều loại sách ứng dụng, mà các chính quyền địa phương còn cho phép công khai mở dịch vụ. Nhưng trên thực tế vẫn tồn tại hai khuynh hướng khác nhau. Một bên là những lý luận gia, những nhân sĩ có quan điểm cũ, ra sức hạ thấp và công kích giá trị ứng dụng của "Chu dịch". Có cả những người đem bát quái của Chu dịch vốn ra đời trước xã hội phong kiến mấy nghìn năm phê thành "mê tín phong kiến", với cái mũ duy tâm vốn không thể giúp sáng tạo ra vật chất và tinh thần chụp lên đầu ứng dụng dịch học.

Ở xã hội xa xưa, dưới điều kiện công nghiệp và khoa học chưa phát triển, dự đoán theo "Chu dịch" là khoa học tiên tiến nhất thời đó. Người xưa dùng nó đoán thời tiết, bệnh tật, thu hoạch mùa màng, thiên tai, cát hung, họa phúc... dùng trí tuệ khoa học để chiến thắng thiên tai, thúc đẩy tiến bộ xã

hội. Mấy nghìn năm sau, giá trị thực tế của nó tồn tại tự nhiên và ngày càng phát triển, hoàn thiện.

Nếu phủ nhận nó toàn bộ tức là phủ nhận lịch sử, phủ nhận khoa học. Xã hội hiện đại đã bước vào thời đại điện tử, nhưng đều phát triển từng bước mà đi lên. Quẻ ly trong bát quái của "Chu dịch" ra đời cách đây mấy nghìn năm là đại biểu cho điện, ngày nay khoa học dự đoán có thể thay cho nó một tên mới nhưng vẫn có thể lấy nó để phục vụ xã hội hiện đại.

Khuynh hướng thứ hai là rất nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp, họ kiên định tin ở dự đoán thông tin, không những học tập mà còn cổ vũ bằng lời nói, việc làm, đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo Hội nghiên cứu "Chu dịch", mở rộng tuyên truyền, cống hiến cho công việc. Nhưng cũng có không ít cán bộ trong lòng còn do dự. Cũng có những độc giả sợ khi chính sách Nhà nước thay đổi sẽ bị phê bình. Đó là vì họ chưa hiểu được tam nguyên cứu vận mà thôi.

Những sách "Chu dịch" về dự đoán thông tin đã bị cấm khoảng 40 năm nay. Sau khi cải cách mở cửa lại còn có người luôn phê phán, châm biếm trên báo chí. Vì sao lại phê không đố, cấm không nổi? Thậm chí ngay trong Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ 7 còn tuyên truyền một cách chính thức, phổ ra một cách tự hào trước thế giới rằng tinh hoa của dân tộc Trung Hoa là hình bát quái. Vì sao vậy?

Vì sao lại nói cơn sốt "Chu dịch" là quy luật tất yếu của sự phát triển xã hội, hơn nữa là quy luật bất khả kháng? Chỉ cần xem tam nguyên cứu vận dưới đây thì sẽ rõ.

Thiên can, địa chi, âm dương, ngũ hành là phát minh sớm nhất của tổ tiên ta đáng được tự hào của nước ta. Quy tắc làm lịch của Nhà Hạ cho đến nay vẫn còn giá trị to lớn đã chứng minh điều đó. Về sau phối hợp lại thành 60 hoa giáp tí, sau một thời gian dài lại phát minh ra tam nguyên cứu vận. Tam nguyên cứu vận bắt đầu được tính từ đời Hoàng đế (Hiên Viên) hoa giáp tí thứ 78.

Một hoa giáp tí là một nguyên, hoa giáp thứ nhất là thượng nguyên, hoa giáp thứ hai là trung nguyên, hoa giáp thứ ba là hạ nguyên. Tam nguyên cộng lại là 180 năm. 180 năm này theo 9 cung của bát quái, mỗi cung quản 20 năm. Tức 1 - cung khảm, 2 - cung khôn, 3 - cung chấn, 4 - cung tốn, 5 - cung giữa, 6 - cung càn, 7 - cung đoài, 8 - cung cấn, 9 - cung ly, sau 1 vòng lại lặp lại. Vòng thượng nguyên cận đại này bắt đầu từ năm 1864.

1 - cung khảm : từ năm 1864 - 1883 °

2 - cung khôn : từ năm 1884 - 1903 † Thượng nguyên

3 - cung chấn : từ năm 1904 - 1923 · ϕ

4 - cung tốn	: từ năm 1924 - 1943	} Trung nguyên
5 - cung giữa	: từ năm 1944 - 1963	
6 - cung càn	: từ năm 1964 - 1983	
7 - cung đoài	: từ năm 1984 - 2003	} Hạ nguyên
8 - cung cấn	: từ năm 2004 - 2023	
9 - cung ly	: từ năm 2024 - 2043	

Xem bảng trên ta biết được, chúng ta hiện nay đang ở vào cung thứ 7 của tam nguyên, tức tam nguyên thất vận, chủ vận cung đoài. Vận này là vận của y bác, khí công, những công năng đặc biệt phát triển mạnh. Do đó nước ta và thế giới sẽ thịnh hành các môn y bác, thuật toán, mệnh lý, khí công và các công năng đặc biệt. Đó cũng là kết quả tất yếu giữa sự ứng thuận của quả đất và toàn vũ trụ. Cung thứ 8 là cấn, 9 ly, 1 khâm, cho nên 80 năm sắp tới sẽ là thời kỳ thuật số dự đoán thịnh hành.

7. Phương pháp mới dự đoán theo Kinh dịch

Vì dự đoán thông tin theo dịch học được ứng dụng rộng rãi vào khoa học hiện đại, thành tựu của nó ngày càng được nhiều người tiếp thu và thừa nhận, nên số người có nguyện vọng học tập dự đoán học theo Kinh dịch một cách hệ thống rất nhiều. Để đáp ứng yêu cầu đó, thành phố An Dương tỉnh Hà Nam đã thành lập Học viện Kinh dịch, tuyển sinh khắp trong và ngoài nước và hàm thụ có tính toàn quốc để bồi dưỡng nhân tài dịch học cho các trọng điểm của Nhà nước.

Để giải quyết vấn đề giáo trình, trường Đại học nhân dân Trung Quốc, trường Đảng trung ương, Trung tâm các trường đại học và Học viện Kinh dịch An Dương đều nhất trí kiến nghị lấy sách "Chu dịch và dự đoán học" làm giáo tài và muốn tôi đổi nó thành sách "Giảng nghĩa Chu dịch dự đoán học".

Lần này đổi sách "Chu dịch với dự đoán học" thành tài liệu giảng dạy, thứ nhất là để thỏa mãn nhu cầu dạy học và rộng rãi độc giả; thứ hai là có nhiều chỗ sai trong nguyên bản và trong các bản in lậu cần được hiệu đính, bổ sung ngay; thứ ba là để mở rộng nghiên cứu ứng dụng một cách sâu rộng hơn. Cuốn "giảng nghĩa" xuất bản lần này đã bổ sung thêm "Chương vận hạn của cuộc đời" và hai tiết "Bàn về nhập mộ", "Du hồn, quy hồn" trong cuốn cũ chưa có. Đồng thời vì mọi người rất xem trọng âm dương, phong thủy của nhà ở, đặc biệt là không biết được sự lành, dữ về xây nhà, mua nhà, phân nhà, thuê nhà, thương trường,... cho nên trong cuốn "Giảng nghĩa" này đã tăng thêm chương dự đoán về lành, dữ của nhà ở. Sau khi xuất bản cuốn "Chu dịch với dự đoán học", đồng đảo độc giả trong và ngoài nước với thái độ nhiệt tình, thành khẩn, quan tâm đã nêu ra những sai sót và những điều còn thiếu trong sách, nhân dịp này tôi xin gửi đến các độc giả đó lời cảm ơn

chân thành nhất và rất mong muốn được độc giả tiếp tục chỉ ra những khiếm khuyết đang còn trong sách. Ở đây, tôi muốn thông báo một tin vui với độc giả trong và ngoài nước, để đáp ứng nguyện vọng từ lâu và yêu cầu thiết tha của độc giả, tôi đang chuẩn bị mở lớp hàm thụ dự đoán "Chu dịch", "Tứ trụ". Tháng 9 năm nay quê hương Hồ Bắc đã thành lập "Trung tâm dự đoán thông tin Thiệu Vĩ Hoa - thành phố Ngạc Châu", trung tâm này được Sở Giáo dục thành phố cho phép, và từ tháng 8 năm 1994 đến tháng 6 năm 1995 sẽ tổ chức lớp hàm thụ cho toàn quốc. Ai được tin này, cần học xin báo tên cho tôi. Lớp dự đoán theo "Chu dịch" thu học phí 200 đồng (nhân dân tệ), lớp "Tứ trụ" thu 350 đồng, đó là học phí của một đợt học. Học phí này chỉ bằng một nửa học phí của các lớp hàm thụ bình thường. Tất cả các chi phí cho : sách học, tài liệu, phụ đạo, giải đáp, chi phí bưu điện, bằng tốt nghiệp, phiếu dự đoán, phí huy hiệu (học viên) v.v... đều gửi theo địa chỉ : Thiệu Vĩ Hoa - Trung tâm dự đoán, phòng 402 nhà số 27, đường Nam Phố, thành phố Ngạc Châu tỉnh Hồ Bắc, mã số bưu điện 436.000 (Bưu điện Ngạc Châu sẽ thay học viện trực tiếp báo ghi tên ở Trung tâm).

Trong phiếu gửi tiền cần ghi rõ địa chỉ và mã số bưu điện để Trung tâm tiện liên lạc. Lớp hàm thụ lấy tự học làm chính. Đối với những tỉnh, thành phố số học viên nhiều, tôi sẽ đích thân đến giảng 1 lần. Cuối năm có kiểm tra, người đạt yêu cầu sẽ cấp bằng. Trung tâm chúng tôi ngoài mở lớp hàm thụ ra, còn mở lớp nghiệp vụ Tư vấn dự đoán thông tin.

Ngoài ra, chỗ ngài Lương Dịch Minh có đủ các sách dịch học, huyền học, địa chỉ liên hệ là Phòng sách báo Công ty xuất bản thông tin Quảng Đông - số 2 nửa phía tây nhà số 3, đường Đông Viên Hoàn, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, mã số bưu điện : 510100.

Ngạc Châu, tháng 10 năm 1993

THIỆU VĨ HOA

MAO TRẠCH ĐÔNG RÚT THẺ

Khi Mao Trạch Đông ở Hàng Châu để khởi thảo sửa đổi bộ hiến pháp đầu tiên của Trung Quốc, ông thường dạo chơi phong cảnh và leo núi.

Một ngày cuối tháng 2 năm 1952, Mao Trạch Đông leo lên núi Ngọc Hoàng, trên đỉnh núi có miếu Phúc Tinh. Hôm đó trời mưa dầm nên ít người đi lễ. Mao Trạch Đông xem qua ngoài miếu rồi tiến vào trong. Sau khi xem lướt một lần, Mao Trạch Đông dừng lại bên bàn thờ người đi lễ hay thấp hương và rút thẻ. Mao Trạch Đông nhìn vào ống đựng thẻ một chốc, rồi đưa tay ra, do dự rút một thẻ. Xem qua thẻ, Mao Trạch Đông cười, sau cười thành tiếng. Thấy thế, các vị lãnh đạo khác đều đến vây quanh. Mao Trạch Đông vừa cười, vừa đưa thẻ cho La Thụy Khanh (lúc đó La Thụy Khanh là đại tướng). La Thụy Khanh xem qua cũng mỉm cười, lại đưa thẻ cho Đàm Chấn Lâm. Đàm Chấn Lâm xem qua cũng cười... Cứ thế thẻ được chuyền khắp lượt, sau đó trả về lại cho Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông không xem và tiện tay vứt xuống đất.

Tôi (tác giả) tò mò, chờ cho các Thủ trưởng ra khỏi miếu, vội vàng nhặt thẻ lên, xem qua thấy chữ phồn thể, có vài chữ xem không rõ nên bỏ vào túi. Về đến khách sạn, lấy ra xem. Đó là thẻ bằng gỗ, chữ khắc lên đó. Tôi còn nhớ nội dung đại thể như sau : Mệnh này uy quyền không thể can, tía bào ngọc đai ở triều đường, còn có một câu là đang có vợ thứ ba. Lúc đó tôi biết Giang Thanh là vợ thứ ba của Mao Trạch Đông nên cảm thấy thẻ nói rất đúng. Tôi đã dấu giữ thẻ lại, mãi cho đến khi rời khỏi Trung Nam Hải chuyển nghề đến Tây Tạng, mới đánh mất thẻ trong "Đại cách mạng văn hóa".

(Trích từ Báo

"Văn hóa nghệ thuật Thượng Hải")

THAY LỜI TỰA

NHÀ HỌC GIẢ DÙNG BÁT QUÁI DỰ ĐOÁN TƯƠNG LAI

– Ghi chép về Thiệu Vi Hoa và "Bát quái với thông tin" của ông

LÝ TRÌNH

Mưa xuân thấm vào đêm. Vạn vật như chìm trong yên lặng. Đúng lúc đó, phía sau cửa sổ phòng học ở một ngôi trường tại thành phố Quảng Châu, ánh đèn vẫn hắt lên rất sáng. Trong lớp, tuy học viên đông ngồi chật cả phòng lớn, nhưng vẫn im phăng phắc. Mọi người đang tập trung lắng nghe một vị học giả mắt đeo kính trạc tuổi trung niên, phong độ thoải mái đang giảng bài. Người đó chính là Thiệu Vi Hoa.

Ngày 26 tháng 5 năm 1988, tờ "Báo buổi chiều Trịnh Châu" đăng trên trang nhất một bản tin không bình thường : một em trai hai tuổi tên là Thượng Hồ ở nhà trẻ của một công ty nọ bị bọn gian bắt cóc. Sự việc xảy ra khoảng 9h sáng ngày 27 tháng 4. Hôm đó vì trời nóng, cô giáo cho các em lên xe để đưa ra hóng mát. Lúc bé Hồ bảo cô muốn đi ngoài, cô đã cho cháu tự đi và quên không đóng cửa nhà trẻ. Một lúc sau, cô giáo không thấy bé Hồ đâu, lo cuống lên tìm kiếm khắp nơi. Khoảng 12h trưa, lãnh đạo mới biết việc này, liền động viên cán bộ toàn công ty ra ga tàu, bến xe và các ngã đường tìm kiếm, nhưng vẫn không thấy tông tích em bé ở đâu. Gần một tháng trôi qua, gia đình và công ty tìm khắp tỉnh Hà Nam và đăng tin tìm trên các báo Trịnh Châu, Hà Nam, Đài truyền hình tỉnh đưa tin liên tục, nhưng vẫn bật vô âm tín. Số phận rủi ro của Thượng Hồ làm cho nhiều người xúc động lo lắng. Rất nhiều độc giả quan tâm đến cháu, cung cấp nhiều manh mối, nhưng vẫn chẳng đến đâu. Đúng thời gian đó, có một cán bộ ở Hội liên hiệp văn xã Trịnh Châu đọc được tin này trên báo, liền lập tức viết thư cho Thiệu Vi Hoa nói rõ đầu đuôi, nhờ ông dự đoán. Thiệu Vi Hoa rất nhanh dự đoán : 1) Cháu bé còn sống; 2) Đang ở phía tây nam; 3) Tên bắt trộm ở phía đông bắc đến; 4) Nó trèo tường hoặc vượt rào vào; 5) Cô giáo lúc đó đang bị bán vào công việc; 6) Kẻ trộm cao 1m 66 trở lên, đội mũ; 7) Cháu bé từ cuối tháng 5 âm lịch trở đi và trước tháng 6, 7 gì đó sẽ trở về. Đoán xong ông liền báo cho người hỏi. Quả nhiên, gia đình cháu theo lời đoán của ông đã tìm thấy cháu ở tỉnh Sơn Đông vào ngày 30 tháng 8 (tức 19 tháng 7 âm lịch). Việc này nghe ra có vẻ "huyền bí", nhưng phương pháp dự đoán của Thiệu Vi Hoa quả thật là từ nghiên cứu "Chu dịch" mà ra.

Quách Mạc Nhược từng nói : "Chu dịch" là một cung điện thần bí. Nó sở dĩ thần bí vì được xây bằng những viên gạch thần bí – đó là bát quái. Do

đó cho mãi đến thế kỉ 20 hiện đại, cung điện này vẫn tán phát ra những ánh hào quang thần bí. Vậy Thiệu Vi Hoa đã đi vào cung điện thần bí này như thế nào ? Nói ra thì, do đủ mọi nguyên nhân, bảo vật do tổ tiên ta phát minh ra lại thuộc loại "hoa trong tường, thơm ngoài tường". Người nước ngoài nghiên cứu về mặt này đã đi trước chúng ta, còn chúng ta nói ra thêm hồ thẹn, trước kia tuy có người nghiên cứu, nhưng cũng chỉ là xuất phát từ quan điểm thuần triết học mà nghiên cứu. Cách đây mấy năm, trên thị trường sách căn bản không thể tìm thấy bóng dáng của cuốn "Chu dịch" này. Thiệu Vi Hoa nghiên cứu "Chu dịch" trong điều kiện kinh tế rất khó khăn, ghi chép trên giấy loại, trên vỏ bao thuốc... Khi ông nghiên cứu, người ta bảo ông đang làm việc mê tín phong kiến, mở hội nghị to, hội nghị nhỏ phê ông, nói ông làm ô nhiễm tinh thần. Năm 1984 chính Đảng, nói cần khai trừ ông khỏi Đảng. Thật là khó khăn chống chọi. Nhưng ông vẫn kiên trì không thay đổi. Tháng 9 năm 1984, ông lần đầu gửi kết quả nghiên cứu của mình cho một tạp chí. Trong một tài liệu lưu hành nội bộ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban công nghiệp quốc phòng trung ương - Trương Chấn Hoàn đọc thành quả nghiên cứu của ông, do đó, tháng 2 năm 1985 đã gặp riêng ông ở Tây An. Trương Chấn Hoàn cổ vũ ông, mong ông tiếp tục cố gắng. Từ đó ông càng nỗ lực đi sâu nghiên cứu. Tháng 8 năm 1988, ông tham dự hội thảo nghiên cứu "Chu dịch" toàn quốc họp ở tỉnh Quý Châu, và được bầu vào Chủ tịch đoàn tham gia lãnh đạo hội nghị.

Thiệu Vi Hoa nghiên cứu "Chu dịch" chủ yếu trên phương diện khoa học tự nhiên như : dự báo khí hậu, động đất, thiên tai, bệnh dịch, sự cố công nghiệp. Dưới đây cử vài ví dụ :

Ngày 14 tháng 9 năm 1983 Thiệu Vi Hoa đoán ngày 16 tháng 9 ở Thượng Hải có mưa, khẳng định Đại hội thể thao toàn quốc không thể khai mạc đúng giờ. Quả nhiên ngày 16 mưa và Đại hội phải hoãn đến ngày 18 mới khai mạc.

Chiều ngày 6 tháng 4 năm 1986, ông Trương Muu ở đơn vị ông Hoa nói nhà bị mất cắp, nhờ Thiệu Vi Hoa đoán xem có thể phá án không, đồ đạc có lấy lại được không. Thiệu Vi Hoa bảo : "Thứ nhất, những thứ rất có giá trị, cất ở chỗ cao nhất trong nhà đã bị mất cắp; thứ hai : Sở công an không tìm ra đường dây nào, và cũng không có ai chỉ giúp; thứ ba : bọn trộm từ phía đông nam đến; thứ tư : bọn trộm có ba tên, hai nam một nữ, một nam mặt hơi đen, 1 nam mặt hơi vàng, tên nữ mặc áo đỏ. Tội phạm chính là tên mặt vàng, người gầy nhỏ, mặc áo lính, đội mũ lính, cao 1m57; thứ năm : chúng trộm xong đi đến gốc cây phía tây bắc, sau đó đi theo hướng đông nam; thứ sáu : khoảng tháng ba âm lịch năm nay sẽ phá án, có thể thu hồi được một phần tài sản". Việc xong xuôi, ông Trương nói : "Bát quái thần kỳ quá, tháng ba đã phá án, tội phạm chính sắc mặt vàng, người gầy nhỏ, mặc áo lính, đội mũ lính, cao 1m57. Những cái khác không sai gì lời ông đoán.

Nhưng chúng chỉ thừa nhận có hai nam, không có nữ". Thiệu Vi Hoa nói : "Có một nữ là kẻ oa trữ, chẳng qua không xuất hiện mà thôi".

Tháng 6 năm 1985, lúc đó ông Hoa ốm nằm viện, ông Thi nằm cùng phòng bệnh với ông Hoa xin bác sĩ xuất viện, Thiệu Vi Hoa khuyên ông không nên ra viện, hơn nữa ngày chủ nhật không được đi đâu. Đúng hôm chủ nhật, ông Thi ở nhà không đi đâu nhưng hơn bốn giờ chiều đã vào viện cấp cứu. Bác sĩ hỏi Thiệu Vi Hoa : "Làm sao ông biết bệnh ông ta cấp biến ?" "Tôi tính toán ra". Bác sĩ lại yêu cầu ông Hoa đoán xem ông Thi bị bệnh gì, ông Hoa đoán ngay : "Bệnh về máu". Bác sĩ kinh ngạc và ra hiệu phải bí mật. Thiệu Vi Hoa còn đề nghị bác sĩ phải chú ý những ngày nào, chỉ có qua được những ngày đó mới bình yên vô sự. Về sau quả đúng như thế.

Ba giờ chiều ngày 31 tháng 12 năm 1985, Trương Mưu yêu cầu Thiệu Vi Hoa dự đoán xem kết quả thi đấu của đội bóng chuyền nữ Trung Quốc với liên đội ngôi sao thế giới ở Thượng Hải sẽ ra sao... Ông Hoa đoán là đội Trung Quốc thắng. Đến hiệp năm, liên đội thế giới dẫn đầu 8-2, Trương Mưu nói : "Chú Thiệu lần này đoán sai rồi ! Thử đoán lại xem". Ông Thiệu nói : "Không cần đoán lại đâu, tôi đã viết rõ trên giấy là đội ta chuyển bại thành thắng cơ mà !". Về sau quả đúng như thế.

Ngày 3 tháng 3 năm 1988 Trương Chấn Hoàn gửi thư cho Thiệu Vi Hoa nhờ đoán dịch viêm gan ở Thượng Hải bao giờ thì đỡ. Ông Hoa đoán xong gửi thư trả lời : Tháng ba được khống chế lại, tháng 4 tháng 5 thì sẽ qua khỏi. Ít lâu sau đó Đài phát thanh Trung ương đưa tin là dịch không phát triển nữa.

Ngày 26 tháng 12 năm 1986 Thiệu Vi Hoa đoán đầu năm sau có hạn nên đề nghị Tỉnh ủy Thiểm Tây làm thủy lợi và quan tâm sản xuất lương thực. Lãnh đạo tỉnh đã nghe theo và ra sức phòng hạn.

Ở đây có một việc rất đáng nêu là tháng 6 năm 1989 ở vòng ngoài tranh cúp bóng đá thế giới, đội Trung Quốc gặp đội Iran, Thiệu Vi Hoa đã dự đoán : Cộng hai trận lại đội Trung Quốc nhất định chuyển bại thành thắng. Độc giả ai cũng nóng lòng chờ đợi (Theo tác giả bài báo : Đầu năm 1989 Thiệu Vi Hoa đoán thì tháng 3 tác giả công bố tin này trên báo Nam Phong. Ba tháng sau, kết quả thi đấu của hai đội hoàn toàn khớp với dự đoán. Nhân việc đó rất nhiều độc giả đã gửi thư đến chúc mừng Thiệu Vi Hoa. Vì Thiệu Vi Hoa không thể cảm ơn từng độc giả được nên nhân dịp này Ban biên tập sách chúng tôi thay ông gửi lời cảm ơn đến các độc giả).

Thiệu Vi Hoa đã nhiều lần được Trương Chấn Hoàn - Phó chủ nhiệm Ủy ban khoa học quốc phòng Trung ương gặp gỡ và quan tâm, được các bộ môn hữu quan của Viện khoa học xã hội Trung Quốc coi trọng. Ông là cố vấn của Hiệp hội khí công, lý khí công pháp của tỉnh Thiểm Tây và là Phó thư ký Hội nghiên cứu Kinh dịch của tỉnh Quảng Đông, Phó văn phòng Hội nghiên

cứu Kinh dịch tỉnh Giang Tô, cố vấn Tạp chí Kinh dịch, đã nhiều lần mở lớp học và báo cáo học thuật về Kinh dịch ở Bắc Kinh, Tây An, Nam Kinh, Khai Phong, v.v... Trước mắt đang mở lớp học kỳ II ở trường khí công Bảo Lâm Quảng Châu và đang chuẩn bị mở học kỳ III. Đầu tháng này (tháng 7-1989) Ông vừa nhận được thư của Hội nghiên cứu Kinh dịch quốc tế, chuẩn bị kết nạp ông làm hội viên (theo tác giả : Năm 1989 ông đã chính thức gia nhập hội này; năm 1990 ông đến Quảng Châu, Thâm Quyển giảng bài).

Khi đoàn Đại biểu Nhật Bản đem các tài liệu "Bát quái - Vương miện của khoa học", do Thiệu Vi Hoa soạn ra để quay thành phim truyền hình, ông quả thật cảm thấy Kinh dịch là niềm kiêu hãnh của người Trung Quốc, chúng ta cũng đáng lấy đó làm niềm tự hào.

(Nguyên đăng ở báo Nam Phong số 7 tháng 3 - 1989)

MỤC LỤC

Trang

Mở đầu

23

Phần một

"CHU DỊCH" VỚI KHOA HỌC DỰ ĐOÁN

<i>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ CHU DỊCH</i>	27
I. Tiên thiên bát quái của Phục Hy	27
II. Hậu thiên bát quái của Văn Vương	29
III. Hà đồ, lạc đồ	33
IV. Nguồn gốc của bát quái	36
V. Thời đại Kinh dịch thành sách	37
VI. Sự hình thành và phát triển của Chu dịch	38
<i>Chương 2. KHÁI QUÁT NGUYÊN LÝ CỦA QUÊ</i>	40
I. Sự sắp xếp của 64 quẻ	40
II. Tượng quẻ	44
III. Ngôi của quẻ	56
IV. Tượng hào, số hào	57
V. Ngôi hào	58
VI. Số của đại diện	60
VII. Nguyên, hanh, lợi, trinh	61
VIII. Cát, lận, lệ, hối, cửu, hung	62
<i>Chương 3. BÁT QUÁI VỚI KHOA HỌC HIỆN ĐẠI</i>	64
I. Về vấn đề "mê tín phong kiến" của bát quái	64
II. Bát quái và khoa học (1)	69
III. Bát quái và khoa học (2)	72
<i>Chương 4. BÁT QUÁI VÀ DỰ ĐOÁN THÔNG TIN</i>	77
I. Cơ thể và thông tin	77
II. Học thuyết âm dương	78
III. Học thuyết ngũ hành	81
IV. Thiên can	83
V. Địa chi	85
VI. Bảng sáu mươi giáp tý và những vấn đề khác	89
VII. Thần, sát	100
VIII. Mối quan hệ giữa âm dương, ngũ hành và cơ thể	104

<i>Chương 5.</i>	PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO BÁT QUÁI	114
I.	Phương pháp dự đoán và quá trình phát triển của nó	114
II.	Phương pháp tính toán bát quái	117
III.	Phép biến đổi lẫn nhau của quẻ thể và quẻ dụng	122
IV.	Ví dụ cổ	143
V.	Thí dụ ngày nay	146
VI.	18 việc thường dự đoán	150

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN THEO SÁU HÀO

<i>Chương 6.</i>	NẠP GIÁP	157
I.	Phương pháp gieo quẻ	157
II.	Tượng hào của 64 quẻ	159
III.	Đại cục hỗn thiên giáp tý	164
IV.	Phương pháp xác định hào thể, hào ứng	167
V.	Trì thể của các hào	168

<i>Chương 7.</i>	CÁCH ỨNG DỤNG LỤC THÂN	169
I.	Cách sắp xếp lục thân	169
II.	Cách chọn dùng lục thân	169
III.	Lục thân phát động	170
IV.	Lục thân biến hóa	171
V.	Sáu hào động biến	171
VI.	Thập can phối lục thân	172
VII.	Lục thân phát động	173

<i>Chương 8.</i>	BÀN VỀ CÁC THẦN	174
I.	Dụng thần	174
II.	Nguyên thần, kỵ thần cừu thần	175
III.	Bàn về nguyên thần, kỵ thần	176
IV.	Tiến thần, thoái thần	178
V.	Phi thần, phục thần	180
VI.	Dụng thần hiện 2 lần	182

<i>Chương 9.</i>	NGŨ HÀNH SINH KHẮC	185
I.	Ngũ hành tương sinh của hào	185
II.	Ngũ hành tương khắc của hào	186
III.	Lục hợp của hào	188
IV.	Lục xung của hào	191
V.	Sinh khắc xung hợp của hào	192

VI. Tam hợp hóa cục của hào	194
VII. Tam hình của hào	196
<i>Chương 10. ĐỘNG BIẾN</i>	198
I. Sinh, khắc của quẻ biến	198
II. Sinh, khắc của động, tĩnh	199
III. Sinh, khắc, xung, hợp của động biến	200
IV. Âm động	200
V. Độc phát, độc tĩnh	201
<i>Chương 11. SINH VƯỢNG CỦA TỬ THỜI</i>	202
I. Vượng tướng của tứ thời	202
II. Sinh, vượng, mộ, tuyệt	203
III. Bàn về nhập mộ	204
IV. Quyền của nguyệt kiến	206
N. Nguyệt phá	207
VI. Lệnh của nhật kiến	208
VII. Tuần không của hào	210
<i>Chương 12. PHẢN NGÂM, PHỤC NGÂM, QUY HỒN, DU HỒN VÀ THÂN QUẺ</i>	212
I. Phản ngâm của hào, của các quẻ	212
II. Phục ngâm của hào, của quẻ	214
III. Du hồn, quy hồn	217
IV. Thân quẻ	218
<i>Chương 13. ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM</i>	222
I. Đoán ý của người đến xin đoán	222
II. Xác định thời gian ứng nghiệm	225
<i>Chương 14. CÁC THÔNG TIN VỀ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN</i>	229
I. Dự đoán thời tiết	229
II. Đoán về thời vận trong năm	237
<i>Chương 15. VẬN HẠN CUỘC ĐỜI</i>	246
I. Lấy quẻ ngày giờ sinh để đoán cuộc đời	246
II. Đoán vận hạn cuộc đời	248
<i>Chương 16. HỌC TẬP SỰ NGHIỆP</i>	252
I. Đoán về học tập, thi cử	252
II. Đoán công danh	257

<i>Chương 17. HÔN NHÂN</i>	265
I. Dự đoán về hôn nhân	265
II. Đoán về phương kết hôn	270
<i>Chương 18. CON CÁI</i>	276
I. Đoán có thai	276
II. Đoán về việc sinh đẻ	280
III. Đoán con tốt hay xấu	283
<i>Chương 19. TÀI VẬN</i>	285
I. Dự đoán cầu tài	286
II. Dự đoán về buôn bán, kinh doanh	292
<i>Chương 20. ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA</i>	297
I. Đoán hướng người đi xa (phần 1)	297
II. Đoán hướng người đi xa (phần 2)	302
III. Đoán xuất hành	307
<i>Chương 21. KIẾN TỤNG</i>	311
I. Dự đoán về kiện tụng	311
II. Đoán về mất của	316
<i>Chương 22. ĐOÁN VỀ BỆNH TẬT, BỊ THƯƠNG</i>	326
I. Dự đoán bệnh tật (phần 1)	326
II. Dự đoán bệnh tật (phần 2)	328
III. Dự đoán tai nạn, bị thương	337
<i>Chương 23. ĐOÁN VỀ NHÀ CỬA</i>	341
I. Các hào luận về cát hung của nhà cửa	341
II. Lục thân bản về cát hung của nhà ở	345
III. Căn cứ vào tượng của hào thế, hào ứng để bàn về cát, hung của nhà ở	347
IV. Căn cứ lục thân để bàn về cát hung nhà ở	349
V. Ví dụ thực tế	351

MỞ ĐẦU

"Chu dịch" là bộ sách kinh điển lâu đời nhất, có uy quyền nhất, nổi tiếng nhất ở Trung Quốc, là kết tinh trí tuệ của tổ tiên dân tộc Trung Hoa. Trong dòng lịch sử hàng nghìn năm, nó phải trải qua bao gặp gỡ, thử thách, có khen, có chê, lúc suy lúc thịnh, song quả thật nó đã âm thầm cống hiến to lớn cho nền văn hóa của Trung Quốc và nhân loại.

Bộ "Chu dịch" này nói về lý, tượng số, chiêm. Về hình thức và phương pháp giống như là tác phẩm chuyên nói về âm dương bát quái. Nhưng thực chất là nói về vấn đề cốt lõi nhất, là vận dụng thuyết "một phân làm hai", phương pháp luận vũ trụ quan đối lập thống nhất và phương pháp duy vật biện chứng, nêu lên những quy luật phát triển và biến hóa của vạn vật, nguyên tắc đối lập thống nhất, đồng thời vận dụng thế giới quan này, vận dụng bát quái để dự đoán các thông tin về tự nhiên, xã hội và thân thể con người. Nội dung của "Chu dịch" rất phong phú, phạm vi đề cập rất rộng, trên nói thiên văn, dưới bàn địa lý, giữa nói đến con người, đề cập từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, từ nền sản xuất đến cuộc sống, từ đế vương, tướng lĩnh phải trị nước ra sao đến người dân bình thường sống sao cho phải đạo, tất cả đều nói rất tỉ mỉ, thật là khắp trong trời đất, không gì không nói tới. "Chu dịch" là khởi nguồn và cơ sở của dự đoán học và của khoa học thông tin nước ta. Lời quẻ (quẻ từ) và lời hào (hào từ) của 64 quẻ trong "Chu dịch" không những đã ghi chép một cách hệ thống khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học nhân thể và y học, phản ánh được những thông tin tiềm tàng trong quá khứ, hiện tại và tương lai mà còn ghi lại phương pháp quý báu về dự đoán thông tin.

Trong "Chu dịch" việc phát minh ra cách vận dụng bát quái để dự đoán thông tin chính là trí thông minh và thế giới quan duy vật của nhân dân Trung Quốc. Trong cuộc sống thường ngày, khi gặp việc khó khăn, họ đã không bó tay chờ may rủi mà dùng phương pháp khoa học, vận dụng bát quái để dự đoán thông tin, dự đoán những tin lành, tin dữ của tự nhiên và con người, cố gắng đến mức tiên lượng được sự việc, thực hiện phương châm có phòng ngừa có đỡ ! Từ đó mà nhận thức xã hội, cải tạo xã hội được nhiều hơn, đẩy xã hội tiến lên phía trước. Cho nên nói 64 quẻ trong "Chu dịch" hàm chứa một kho thông tin rất lớn.

Ngày nay trên thế giới, "Chu dịch" được gọi bằng những tên đẹp đẽ như "đại số học vũ trụ", "hòn ngọc của vương miện khoa học". Nó không phải là "mê tín phong kiến", "chủ nghĩa duy tâm" mà là cội nguồn của chân lý. Chủ

tịch Hội Kinh dịch học quốc tế - Ngài Thành Trung Anh nói : "Chu dịch" không những là của Trung Quốc, mà còn là của phương Đông, càng là của thế giới, không những là cổ đại mà còn là hiện đại, càng là của tương lai. "Chu dịch" là khoa học dự đoán, là khoa học quyết sách".

Năm 1984, các nhà dịch học nước ta đã triệu tập cuộc hội thảo học thuật về Chu dịch lần thứ nhất ở Vũ Hán. Năm 1987 ở Tế Nam đã tiến hành Hội thảo quốc tế về học thuật dịch học lần thứ 4. Sau khi "Nhân dân nhật báo" công bố và tuyên truyền phương châm phát triển "Dịch lý kiêm tượng số nghiên cứu tổng hợp nó vào nhiều môn khoa học, nhiều tầng bậc, nhiều kênh, nhiều góc độ" thì ở nước ta trên nhiều ngành, nhiều bộ môn đã dần dần dấy lên một phong trào học "Chu dịch", nghiên cứu "Chu dịch", kết hợp khoa học hiện đại vào trong nghiên cứu, nhiều công trình, kết quả nghiên cứu tốt đã ra đời. Để tiếp tục phát huy, khai thác di sản văn hóa ưu tú của tổ tiên, ra sức mở rộng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng "Chu dịch", làm giàu thêm sự nghiệp khoa học cho tổ quốc và để thỏa mãn lòng yêu thích "Chu dịch" của mọi người, yêu cầu dự đoán thông tin của học giả, tôi đã dựa trên những hiểu biết có hạn của mình qua nhiều năm học tập và ứng dụng "Chu dịch" để dự đoán thông tin, trên cơ sở các bài giảng các nơi trong toàn quốc, viết ra cuốn sách "Chu dịch với dự đoán học" này.

Sách chia làm hai phần. Phần đầu nói về phương pháp dự đoán theo tượng quẻ, bắt đầu từ những kiến thức cơ bản nhất và được sắp xếp thành hệ thống cho đến phương pháp gieo quẻ, phương pháp đoán quẻ đều được bàn đến. Để khắc phục khuynh hướng giới dịch học nước ta nghiên cứu dịch lý nhưng không hiểu phương pháp dự đoán hoặc nghiên cứu dự đoán thông tin nhưng không biết các tri thức cơ bản của dịch học, ở phần đầu tôi có giới thiệu khái quát về dịch học. Phần hai chủ yếu nói về phương pháp dự đoán theo "sáu hào". Lý luận phần hai so với phần đầu sâu và phức tạp hơn nhiều, nội dung dự đoán rất rộng, sự việc đoán cũng rất cụ thể. Nó là phương pháp dự đoán thường dùng nhất, cũng là phương pháp dự đoán quan trọng nhất trong bát quái.

Tôi viết sách này với thái độ khoa học, thực sự cầu thị, vừa trên cơ sở tôn trọng và kế thừa kinh nghiệm quý báu của người trước, giữ đúng nguyên tắc chọn lọc những cái tinh túy, những cái có giá trị, sát với thực tế. Đối với những điều chưa thể nói ngay lý lẽ của nó mà tốt thì vẫn đưa vào, những điều qua kiểm nghiệm thực tiễn phát hiện có chỗ sai thì có uốn nắn, chỉnh lại.

Sách này không những tập hợp được kinh nghiệm cổ kim về phương pháp và kinh nghiệm đoán quẻ mà còn chứa đựng kết quả nghiên cứu nhiều năm của bản thân tôi. Ví dụ phương pháp dùng năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người để gieo quẻ dự đoán vận hạn tốt xấu của cả đời người, điều

đó ngày xưa chưa có. Sự ra đời của phương pháp này đã làm thay đổi cách làm không khoa học trước kia là dùng nhiều quẻ để đoán vận hạn. Ngày xưa đoán động đất chỉ nói chung chung, không nói rõ theo từng chuyên đề, cũng không có phương pháp đoán cụ thể. Tôi căn cứ vào kinh nghiệm của mình, trong sách đưa ra những điều có tính thăm dò, mong để mọi người dùng làm tham khảo. Còn về thiên tai, dịch bệnh, tai nạn thương tật trong sản xuất do còn đang trong chính lý nên chưa đưa ra được theo chuyên đề. Chuyên đề này mong mọi người sẽ đi sâu thêm, trong quá trình dự đoán.

Các ví dụ trong sách đều có cũ và mới. Trong những ví dụ hiện đại, có cái lấy từ trong nước, có cái từ nước ngoài. Đó là một phần quan trọng trong kinh nghiệm mà tôi đã tích lũy trong mấy năm gần đây qua thực tiễn dự đoán. Đọc sách này, với người có trình độ văn hóa cấp hai trở lên và người mới học sẽ có sự hiểu biết trực quan đối với nguồn gốc và sự phát triển của "Chu dịch". Học theo cách dự đoán được đưa ra trong sách không những có thể khiến cho người có chí nghiên cứu dự đoán học sẽ nhập môn dần dần mà thông qua chịu khó nghiên cứu, đào sâu cũng có thể bước lên đỉnh cao trong dự đoán thông tin.

Khi nghiên cứu, vận dụng "Chu dịch", theo tôi nên chú ý mấy điểm sau :

Đầu tiên, mục đích học "Chu dịch" là để ứng dụng, tức là để xây dựng đất nước. Do đó chọn trọng điểm nghiên cứu phải kết hợp với công việc trong cương vị của mình, hoặc kết hợp với những vấn đề đang tồn tại trong sản xuất và thí nghiệm khoa học. Ví dụ, người làm công tác y tế, có thể dùng bát quái vào y học; người làm luật học, có thể vận dụng nguyên lý bát quái chỉ đạo nghiên cứu pháp học; trong quân đội, có thể dùng bát quái để nghiên cứu chiến lược, chiến thuật, v.v...

Thứ hai là nỗ lực học tập, chăm chú vào thực tiễn. Chúng ta không những phải học tập tác phẩm "Chu dịch" mà còn phải học tập các môn triết học khác, như sách y học "Hoàng đế nội kinh", thiên văn, địa lý, pháp học, triết học... Học để dùng, dùng là tập thực hành. Dùng có thể bắt đầu từ chính mình, đến người nhà, người quen, việc quen, dần dần mở rộng đến người khác, việc khác. Cần ghi chép, tích lũy tư liệu, kịp thời tổng kết bài học kinh nghiệm, không ngừng nâng cao trình độ dự đoán.

Thứ ba là chú ý bảo mật. Bất kể là dự đoán cho người hay thiên tai, đều có vấn đề bảo mật, càng không thể đem cái đoán cho người này đi nói với người khác hoặc loan báo cho mọi người, nếu không thì ít ra là gây mất đoàn kết hoặc sẽ dẫn đến thiệt hại lớn hơn như : tính mệnh, kiện tụng. Cho nên mong độc giả phải giữ gìn cẩn thận.

Tôi vào lúc nghiên cứu khó khăn nhất đã được Chủ nhiệm Ủy ban công nghiệp quốc phòng Trương Chấn Hoàn gặp gỡ và quan tâm, ở đây tôi xin gửi đến ông lời cảm ơn chân thành nhất, ngài Mã Trung Tân cũng đã chỉ đạo

tôi nhiệt tình, ngài Đường Minh Bang, Hội trưởng Hội nghiên cứu "Chu dịch" Trung Quốc cũng đã viết lời tựa cho cuốn sách, tôi xin gửi đến các ngài lời cảm ơn sâu sắc.

Do trình độ tư tưởng, văn hóa có hạn, quái thuật chưa cao, trong dự đoán thông tin còn có nhiều vấn đề chưa đạt đến ngưỡng cần thiết, nên những sai sót trong sách càng khó mà tránh được, mong được ý kiến uốn nắn của các chuyên gia dịch học và rộng rãi độc giả.

THIỆU VĨ HOA

Quảng Châu, ngày 30 tháng 4 năm 1989

Phân một

"CHU DỊCH" VỚI KHOA HỌC DỰ ĐOÁN

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ CHU DỊCH

I. TIÊN THIÊN BÁT QUÁI CỦA PHỤC HY

Bát quái là phát minh của tổ tiên ta, là báu vật vô song trên thế giới. Vậy bát quái là gì ? Trong "Hệ từ" có nói : "Dịch có thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái".

Thái cực là âm dương chưa phân, vũ trụ còn thời kỳ hỗn độn. Gọi là thái cực vì bao la đến vô cùng, vô tận. Đến cực điểm tất sẽ thay đổi, đến thái cực tất sẽ phân hóa thành âm dương, hình thành trời đất, hoặc là bản thân thiên thể có cả âm, dương.

Phân âm dương là thành lưỡng nghi. Lưỡng nghi tức là trời và đất. Lấy Dương (—) thay cho trời, lấy âm (—) thay cho đất. Hào âm, hào dương này chính là ký hiệu cơ bản nhất làm thành bát quái. Con cá âm dương trong hình bát quái, cá màu trắng là dương, màu đen là âm. Có người so sánh hai con cá âm dương là mặt trời và mặt trăng, mặt trời là dương, mặt trăng là âm. Âm dương ôm bọc lấy nhau biểu thị âm dương giao nhau.

Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tức âm dương trùng nhau, âm dương giao nhau mà đưa đến. Ví dụ : hào dương (—) kết hợp với một hào dương (==) là thái dương; hào dương (—) kết hợp với hào âm (—) là thiếu âm (==); hào âm với hào dương kết hợp thành thiếu dương (==); hào âm với hào âm kết hợp thành thái âm (==). Cho nên thuận dương là thái dương, thuận âm là thái âm, một âm trên một dương là thiếu âm, một dương trên một âm là thiếu dương. Người xưa lấy bốn tượng, tượng trưng cho bốn phương, cũng tượng trưng cho bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông trong một năm, tức là tứ thời.

Tứ tượng sinh bát quái, thực tế vẫn là âm dương trùng hợp mà thành. Trong "Chú giải Chu dịch đại truyện" Cao Hanh có nói : "Thiếu dương, lão dương, thiếu âm, lão âm vẫn tượng trưng cho tứ thời, bát quái chính là bốn cái đó tạo thành". Ví dụ : Hào dương của nghi phân biệt kết hợp với thái

dương, thiếu âm, thiếu dương, thái âm mà thành bốn quẻ : quẻ càn (☰), quẻ đoài (☶), quẻ ly (☲), quẻ chấn (☳). Hào âm của nghi phân biệt kết hợp với thái dương, thiếu âm, thiếu dương, thái âm mà thành bốn quẻ : tốn (☵), quẻ khâm (☴), quẻ cấn (☶), quẻ khôn (☱). Cho nên gọi càn 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khâm 6, cấn 7, khôn 8 là "tứ tượng sinh bát quái". Bát quái cũng là tám phương, tám tiết vậy.

Thuyết tiên thiên bát quái là từ triều Tống tạo ra. Trước triều Tống chỉ có bát quái và 64 quẻ. Các học giả đời Tống căn cứ vào "thiên địa định vị, sơn trạch thông khí, lôi phong tương bạc, thủy hỏa bất tương xạ" (Trời đất phân rõ, núi sông thông suốt, sấm gió yếu đi, nước lửa ít va chạm) trong "thuyết quái" mà tạo ra "hình tiên thiên bát quái". Cho nên : càn là nam, khôn - bắc, ly - đông, khâm - tây, chấn - đông bắc, tốn - tây nam, cấn - tây bắc, đoài - đông nam (xem hình vẽ).

HÌNH THỨ TỰ BÁT QUÁI CỦA PHỤC HY

	8	7	6	5	4	3	2	1
	Khôn	Cấn	Khâm	Tốn	Chấn	Ly	Đoài	Càn
Bát quái	☱	☶	☴	☵	☳	☲	☶	☰

	4	3	2	1
	Thái âm	Thiếu dương	Thiếu âm	Thái dương
Tứ tượng	☯	☰	☷	☱

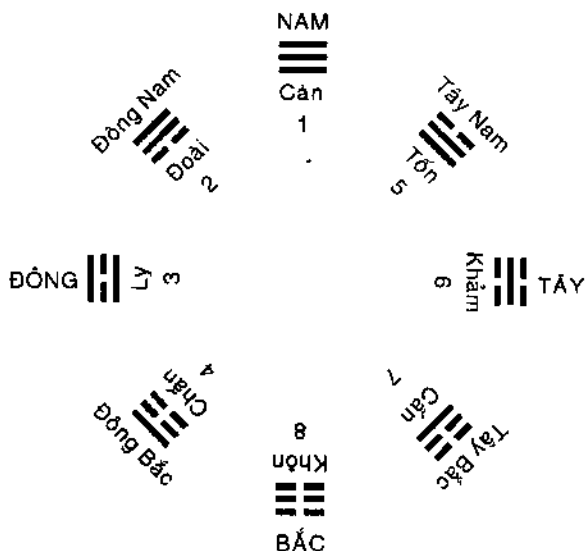
Nghi âm

Nghi dương

Lưỡng nghi _____ Thái cực _____

Hình phương vị tiên thiên bát quái có bốn đặc điểm : 1) Quá trình tuần hoàn của hình tiên thiên bát quái có thuận, nghịch. "Từ một đến bốn, ngược chiều kim đồng hồ thứ tự là bốn quẻ : càn, đoài, ly, chấn. Càn tượng trung cho trời ở phía trên nhất, cũng tức là phương nam. Từ năm đến tám, thuận chiều kim đồng hồ thứ tự là bốn quẻ : tốn, khâm, cấn, khôn. Khôn tượng trung cho đất, thấp nhất, tức là phương bắc" (Kinh dịch bạch thoại). 2) Quẻ được vạch thành cặp đối nhau, "càn ba vạch dương, khôn ba vạch âm là một đôi, khâm ở giữa đầy và ly ở giữa rỗng là một đôi, chấn vạch đầu dương còn đoài vạch cuối âm là một đôi, vạch đuôi cấn là dương còn vạch đầu tốn là âm". 3) Chủ sinh của bát quái tiên thiên là "mộc của chấn và tốn cùng một

HÌNH PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI CỦA PHỤC HY (Nhìn từ ngoài vào trong)



khí, kim của càn sinh thủy của khảm, thổ của cấn sinh kim của đoài, hỏa của ly sinh thổ của khôn". ("Chu dịch thiên thuật"). Chấn, tốn trong ngũ hành đều thuộc mộc, cho nên cùng một khí. Càn là kim, khảm là thủy, cho nên kim của càn sinh thủy của khảm. Cấn là thổ, đoài là kim, nên thổ của cấn sinh kim của đoài. Ly là hỏa, khôn là thổ nên hỏa của ly sinh thổ của khôn.

4) Về con người thì già với già, trẻ với trẻ thành đôi. Già nam với già nữ thành đôi, trưởng nam với trưởng nữ thành đôi, trung nam với trung nữ, thiếu nam với thiếu nữ.

II. HẬU THIÊN BÁT QUÁI CỦA VĂN VƯƠNG

Thuyết tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái từ sau đời Tống tranh luận mãi không thôi, tức là trước Tống căn bản không tồn tại thuyết tiên thiên. Trước Tống, đời Hán và Đường, không thể chỉ ra được ai là người đã đề ra "phương vị tiên thiên", đến đời Tống các đạo gia mới đưa ra "Hình tiên thiên". "Hình phương vị bát quái của Phục Hy" là dựa theo hình tiên thiên của Thiệu Ung, gọi là "Phương vị tiên thiên bát quái". Hình phương vị bát quái của Văn vương còn gọi là "Phương vị hậu thiên bát quái" như sẽ thấy ở "Thuyết quái" phần sau. Cái gọi là hậu thiên bát quái thực tế là dựa theo phương vị của các quẻ trong câu "Đế xuất hồ chấn (1), tề hồ tốn (2), tương kiến hồ ly (3), chí dịch hồ khôn (4), thuyết ngôn hồ đoài (5), chiến hồ càn (6), lao hồ khảm (7), thành ngôn hồ cấn (8)".

Trong tiên thiên bát quái : càn khôn ở nam bắc, ly khảm ở đông tây, còn ở hậu thiên bát quái : ly khảm ở nam bắc, chấn đoài ở đông tây. Cho nên số của hậu thiên bát quái là : khảm (1), khôn (2), chấn (3), tốn (4), trung (5), càn (6), đoài (7), cấn (8), ly (9).

"Quá trình tuần hoàn của hậu thiên bát quái hầu như chỉ là quá trình thuận, tức mô phỏng trời quay sang trái". Tiên thiên bát quái là già với già, trẻ với trẻ thành từng đôi, hậu thiên bát quái trừ khảm và ly ra, những cái khác đều là già thành đôi với trẻ.

Hình tiên thiên bát quái mà ngày nay ta nhìn thấy là từ hình tiên thiên của Thiệu Ung đời Tống mà ra. Còn hình hậu thiên bát quái là từ "Thuyết quái", người đời Tống cho là do Văn Vương tạo ra. Ngày nay rất nhiều học giả đưa ra nhiều cách phỏng đoán, vì sao Văn Vương đã sửa tiên thiên bát quái thành hậu thiên bát quái. Họ cho rằng : thời Nhà Hạ băng tuyết tan, nước biển dâng lên, ngập chìm những khoảng đất lớn, khắp nơi bị ngập nước. Đến đời Nhà Chu, hoàn cảnh tự nhiên thay đổi, vận khí trời đất không còn thống nhất với tiên thiên bát quái nữa, cho nên Chu Văn Vương đã sửa tiên thiên bát quái thành hậu thiên bát quái.

Hậu thiên bát quái lấy càn, khôn làm cha, mẹ; chấn, khảm, cấn, tốn, ly, đoài làm 6 con. Vì thế cho nên chấn trưởng nam được hào đầu của càn, khảm trung nam được hào giữa của càn, cấn thiếu nam được hào trên của càn. Tốn trưởng nữ được hào đầu của khôn, ly trung nữ được hào giữa của khôn, đoài thiếu nữ được hào trên của khôn.

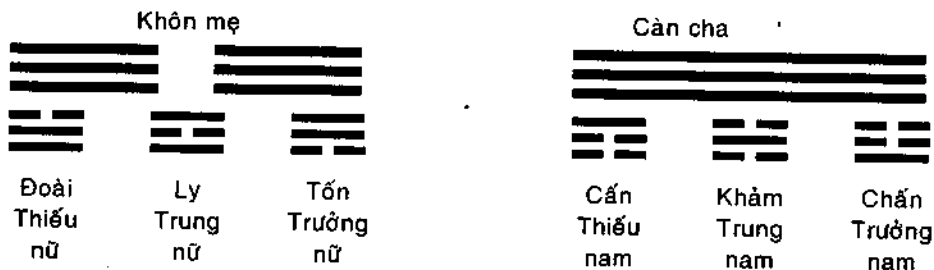
Bát quái là do hai hào âm (— —) và dương (—) mà hợp thành, dùng hai hào âm dương để biểu thị vạn vật trong trời đất. Âm dương là hai mặt mâu thuẫn của vạn vật, vừa đối lập, vừa thống nhất. vật gì, việc gì cũng có mâu thuẫn âm dương và có tính đồng nhất. Ví dụ : trời là dương, đất là âm; nam là dương, nữ là âm; trong hóa học có ion dương, ion âm; trong toán học có dương và âm; trong điện có cực dương, cực âm; tóm lại vạn vật đâu đâu cũng có âm dương.

Ký hiệu âm dương không chỉ thể hiện vật gì cũng có hai mặt âm dương mà còn nói rõ quan điểm duy vật biện chứng trong mỗi vật, trong âm có dương, trong dương có âm. Ví dụ nói về con người, nam là dương, nữ là âm; nói về thân thể : đầu là dương, người là âm; lưng là dương, ngực là âm, mu bàn tay là dương, lòng bàn tay là âm, con cá âm dương trong hình bát quái, điểm trắng giống con mắt trong con cá âm là dương, điểm đen trong cá dương là âm, tức thể hiện quan điểm trong một vật trong âm có dương, trong dương có âm.

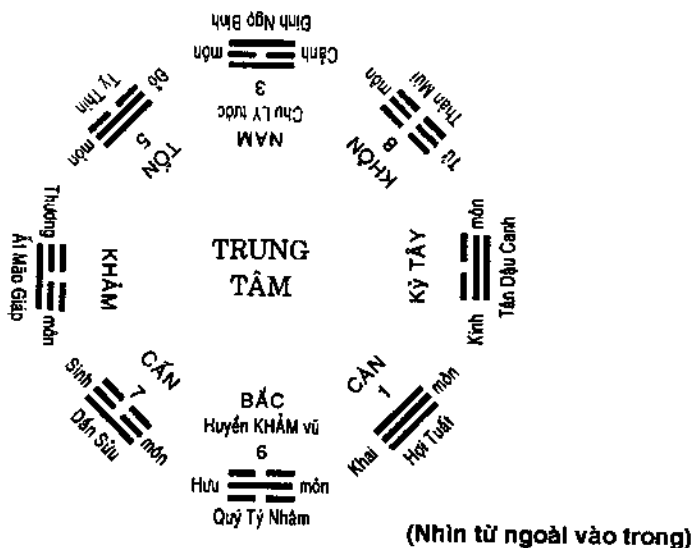
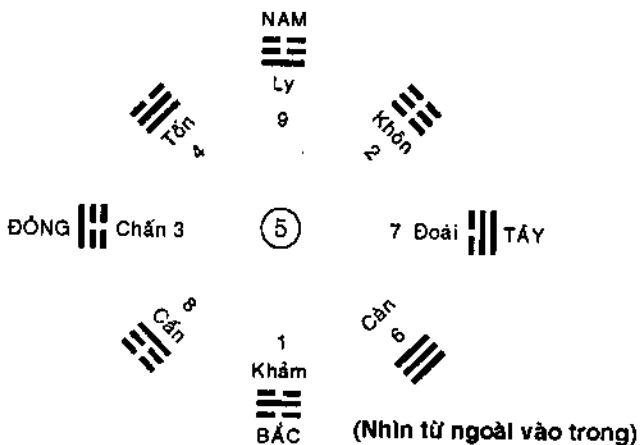
"Hệ từ" có câu "quẻ dương nhiều âm, quẻ âm nhiều dương là cơ làm sao vậy" ? Quẻ dương nhiều âm là chỉ các quẻ : chấn, khảm, cấn, một dương mà hai âm; quẻ âm nhiều dương là : tốn, ly, đoài, một âm mà hai dương. Đối với

những trường hợp này, "Hệ từ" đã giải đáp : "Dương một quan hai dân, đó là đạo của quân tử; âm hai quan một dân, đó là đạo của tiểu nhân" vậy.

Hình thứ tự bát quái của Văn Vương



HÌNH PHƯƠNG VỊ BÁT QUÁI CỦA VĂN VƯƠNG



Thuyết minh :

1. Hình này nghe nói do nhà thiên văn, đại sư bát quái, Thiệu Khang Tiết đời Tống làm ra.

2. Khi dự đoán, Thiệu Khang Tiết dùng hình hậu thiên bát quái, còn số là của tiên thiên bát quái, rất kỳ diệu. Nhưng vì sao Thiệu Khang Tiết lại dùng hình của hậu thiên bát quái và số của tiên thiên ngày nay vẫn chưa rõ nguyên do. Ngày nay khi gieo theo thời gian và dự đoán theo "sáu hào" thì đều phối hợp hình này với số của tiên thiên.

3. Trong hình, sự sắp xếp của thiên can, địa chi vừa là tiêu chí của phương vị thời gian, không gian, vừa là tiêu chí vượng suy và sinh khắc của âm dương ngũ hành.

4. "Tám cửa" và "sáu thần" trong hình là tôi (tác giả) căn cứ vào các sách "Ký môn"... mà sắp xếp. Mục đích để độc giả biết được cách sắp xếp "tám cửa", "sáu thần" trên bát quái. Nếu gieo quẻ theo thời gian thì nói chung không dùng "tám cửa"; "sáu thần" cũng chỉ dùng khi dự đoán theo sáu hào.

5. Khai môn, sinh môn trong "tám cửa" là cát môn. Hưu môn chủ về nghỉ ngơi, chờ thời cơ. Thương môn chủ về nổi kinh hoàng do thương tổn, lo sợ. Đỗ môn chủ về trắc trở không thông, không thuận lợi. Cảnh môn chủ về vật hư, giả. Tử môn đại xấu, dữ. Kinh môn chủ về những việc nguy hiểm, kinh hoàng.

Chú thích :

1) Đế xuất hồ chấn : Vũ trụ vận động bắt đầu từ quẻ chấn. (Quẻ chấn là phương đông, lệnh của tháng 2 mùa xuân, mặt trời phía đông mọc lên, là thời kỳ tỏa chiếu cho vạn vật sinh trưởng).

2) Tê hồ tổn : Vận hành đến quẻ tổn, vạn vật đã đầy đủ, hưng vượng (Quẻ tổn là đông nam, lệnh của tháng 3 tháng 4, mặt trời đã lên cao, chiếu rọi vạn vật rõ ràng).

3) Tương kiến hồ ly : Quẻ ly là tượng trong ngày, ánh sáng rực rỡ, mọi vật đều thấy rõ (Quẻ ly là phương nam, lệnh của tháng 5, chính là lúc mặt trời ở trên cao, nhìn rõ mọi vật đang sinh trưởng).

4) Chí dịch hồ khôn : Thiên đế (chỉ vũ trụ) giao cho đất (khôn) trọng trách (dịch) nuôi dưỡng vạn vật. (Quẻ khôn là phương tây nam, lệnh của tháng 6 tháng 7; khôn là đất, nuôi dưỡng vạn vật, thời kỳ vạn vật đã phát triển đầy đủ).

5) Thuyết ngôn hồ đoài : là lúc vạn vật tươi vui (thuyết tức tươi vui) bèn ứng ở quẻ đoài. (Quẻ đoài là phương tây lệnh của tháng 8, chính là lúc hoa quả trĩu đầy, lúc mừng được mùa).

6) Chiến hồ càn : Thời khắc tương ứng với quẻ càn vạn vật mâu thuẫn, đối lập, đấu tranh. (Quẻ càn là phương tây bắc, lệnh của tháng 9 tháng 10, mặt trời đã xuống chân phía tây, là lúc tối sáng, âm dương đấu tranh lẫn nhau).

7) Lao hồ khảm : Khi vũ trụ đã vận hành đến khảm, mặt trời đã lặn, vạn vật mệt mỏi. (Quẻ khảm là phương bắc, lệnh của tháng 11. Khảm là nước, không ngừng chảy, nghĩa là lao khổ. Mặt trời ở phương này hoàn toàn không có, vạn vật mệt mỏi, là lúc nên nghỉ).

8) Thành ngôn hồ cấn : Vũ trụ vận hành đến quẻ cấn là đã hoàn thành một chu kỳ và sắp bước sang một chu kỳ mới. (Quẻ cấn là phương đông bắc, lệnh của tháng 12 và tháng giêng, tức giao thời của đông và xuân, đen tối sắp qua, ánh sáng sắp tới, vạn vật đến đây đã kết thúc một ngày, cũng là lúc ngày mới sắp bắt đầu).

III. HÀ ĐỒ, LẠC ĐỒ

Từ sau đời Tống, phạm là sách về chú "dịch", luận "dịch" trị "dịch" đều lấy các hình "hà đồ" "lạc đồ" làm một bộ phận quan trọng của "Chu dịch". Thậm chí có người nói bát quái là căn cứ "hà đồ", "lạc đồ" mà vẽ ra, ban đầu "Chu dịch" dựa theo "đồ" "thư" mà làm ra, chứ không phải "đồ" "thư" theo "dịch" mà làm ra. Vì người ta cho rằng Phục Hy đã dựa theo "hà đồ" mà làm ra bát quái, cho nên trong "kinh sơn hải" nói : "Phục Hy được hà đồ, người Hạ do đó mà nói rằng "Liên sơn". Nhưng tôi (tác giả) cho rằng bát quái trong sách "Liên sơn" tuy có thể ra đời từ Nhà Hạ, nhưng bát quái không nhất thiết theo "Hà đồ" mà làm ra. Vì trong nguyên văn của "Kinh dịch" không đề cập đến "hà đồ", "lạc đồ".

Về "Hà đồ" "Lạc đồ" có đủ các loại truyền thuyết thần kỳ. Tương truyền ở xã hội nguyên thủy Trung Quốc, các lãnh tụ bộ lạc thời Phục Hy có long mã nổi lên ở sông Hoàng Hà, lưng mang "hà đồ", có rùa thần xuất hiện ở Lạc Thủy, lưng mang "lạc thư". Phục Hy sau khi được đã căn cứ vào các điểm âm dương trên "hà đồ", "lạc đồ" mà vẽ ra bát quái. Về sau Chu Hy đã thần hóa, nói "hà đồ", "lạc đồ" là "dịch của trời đất".

Thuyết "hà đồ", "lạc đồ" trong cuốn "Thượng thư" của Tiên Tần, "Luận ngữ" của Mạnh Tử và trong "Hệ từ" đều có ghi lại. Nhưng "Đồ" và "Thư" thực chất là cái gì, chưa có ai nhìn thấy, càng chưa thấy ai nói đến. Trước đời Tống, không ít "Dịch" gia khi viết về "Dịch" rất ít nói đến "Hà đồ", "Lạc đồ", một vài người có nói đến thì cũng chỉ là lướt qua. Phong trào nói đến "hà đồ", "lạc thư" là vào những năm thái bình hưng quốc (niên hiệu Tống Thái Tôn). Do đó, từ đời Tống về sau, đối với thuyết "hà đồ" "lạc thư" luôn có hai

dòng ý kiến khác nhau. Các học giả dịch học đời nhà Thanh như Hồ Vị, Hoàng Tôn Nghĩa đều phản đối cách nói của các nhà nho đời Tống.

Ngày nay, qua nhiều khảo chứng, người ta nói : "Trong "hà đồ" của người Tống có 55 vòng tròn đen trắng phân bố, e rằng nó được bắt nguồn từ "Hệ từ". "Hệ từ" nói : trời 1; đất 2; trời 3; đất 4; trời 5; đất 6; trời 7; đất 8; trời 9; đất 10. Trời có 5 số, đất có 5 số. Năm số của trời cộng lại được 25, năm số của đất cộng lại được 30. Tổng số của trời và đất được 55, cho nên nó biến hóa như quỷ thần vậy". Cách nói này xem ra có lý.

Thế các số của trời đất trong "Hệ từ" là từ đâu mà ra ? Cuộc tranh luận lịch sử này không đi đến kết quả. Tôi (tác giả) cho rằng số của Trời Đất rất có thể là lấy từ thiên can : "Giáp ất bình đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý" mà ra. Giáp ất bình đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý là 5 số dương, tổng là 25 số trời; ất đinh kỷ tân quý là 5 số âm, tổng là 30 số đất. Cả hai tổng số hợp lại là 55. Số của thiên địa là ngũ hành, tuy hợp với ngũ hành và phương vị, còn với thiên can hóa (tức 60) có chênh lệch, nhưng phương pháp hóa hợp với thiên can là giống nhau. Ví dụ : số của thiên địa 1 và 6 hợp với thủy chính là giáp, kỷ hợp thổ; 2 và 7 hợp với hỏa, là ất canh hợp kim; 3 và 8 hợp với mộc, là bình tân hợp thủy; 4 và 9 hợp với kim, là đinh nhâm hợp mộc; 5 và 10 hợp với thổ, là mậu, quý hợp hỏa. Số thiên địa thấy trong "Hệ từ", còn sự ra đời của thập thiên can thì sớm hơn "Hệ từ", đó là điều không có gì nghi ngờ. Cho nên số thiên địa trong "Hệ từ" rất có khả năng được rút ra từ thập thiên can.

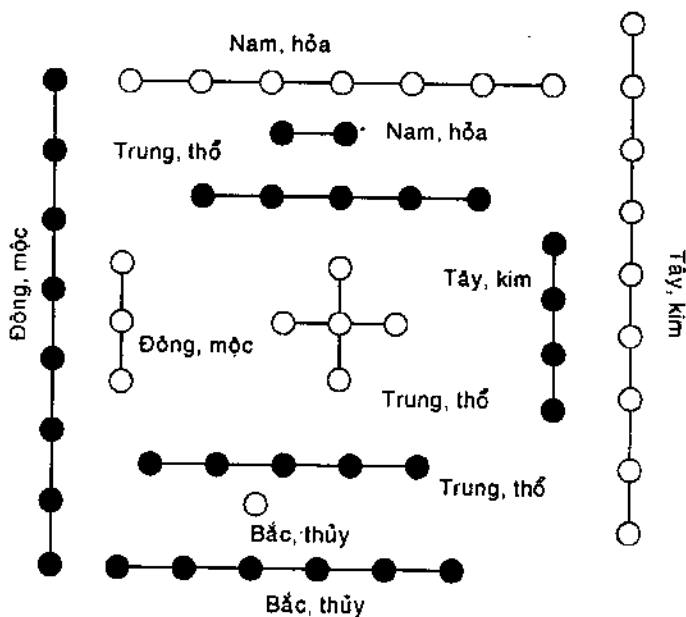
Xuất xứ của 45 vòng đen trắng trong "lạc thư" của người đời Tống tức cái mà gọi là "lạc thư lấy từ mai rùa" không ngoài "độ hôm càn" của Trịnh Huyền đời Tống là "đội 9 dẫm 1, trái 3 phải 7, 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân".

Điểm trắng trong "hà đồ" tượng trưng cho dương, đen tượng trưng cho âm, tức 1, 3, 5, 7, 9 là số lẻ, là dương, gọi là tượng trời; 2, 4, 6, 8, 10 là số chẵn, là âm, gọi là tượng đất. Các số này của trời đất hợp lại với nhau chính là 55.

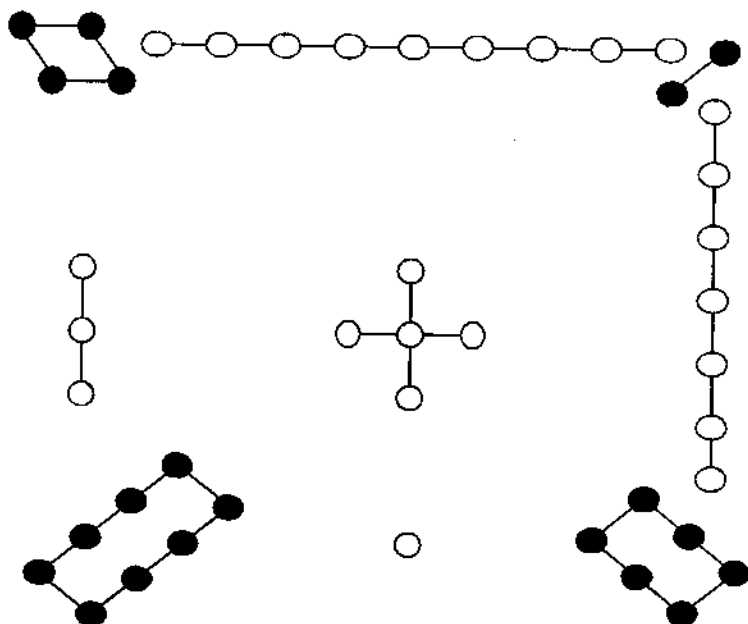
Số 55 của trời đất không những đại diện số của bát quái mà còn hợp với số ngũ hành. Tức 1 và 6 hợp với thủy, 2 và 7 hợp với hỏa, 3 và 8 hợp với mộc, 4 và 9 hợp với kim, 5 và 10 hợp với thổ. Như vậy vạn vật trong trời đất đều thuộc ngũ hành mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.

Điểm trắng trong "Lạc thư" là dương, điểm đen là âm. 1, 3, 7, 9 là số lẻ, thuộc dương; 2, 4, 6, 8 là số chẵn thuộc âm. Các số âm, dương ấy cũng gọi là tượng của trời đất. Các số trong hình vẽ : đội 9 dẫm 1, trái 3 phải 7, 2 và 4 làm vai, 6 và 8 làm chân, điều đó phù hợp với hậu thiên bát quái.

"Kinh dịch" ra đời sớm hơn "Truyện dịch" bảy, tám trăm năm, nên bát quái không phải dựa theo "Hà đồ", "Lạc thư" để vẽ. Đó là điều không ai phủ nhận được.



HÀ ĐỒ



LẠC THƯ

IV. NGUỒN GỐC CỦA BÁT QUÁI

Từ xưa tới nay, bát quái được gọi là sách trời không có chữ, đó là vì nó là lý luận của một khoa học thần kỳ nhưng bí ảo, chưa hề có một tiền lệ nào trong lịch sử văn hóa thế giới. Về nguồn gốc của nó, tự cổ chí kim, tuy sự nghiên cứu và khảo sát chưa bao giờ đứt đoạn, nhưng cho đến nay vẫn là "bí ảo", mỗi người bàn một cách.

Thứ nhất có người nói nguồn gốc của nó là từ cổ thiên văn. Lý do là chữ "quái" của "bát quái" là "từ chữ khuê" (坤), chữ bốc (卜). Thổ khuê tức là đem đất chất đống lên mà thành, dùng để đo bóng mặt trời. Về sau không dùng đất chất đống nữa mà dùng một cái gậy cắm đứng, để bảo đảm gậy đứng thẳng, trên đầu gậy buộc một cái dây, phía dưới dây đeo vật nặng, cho nên hình của nó là chữ (卜). Đó là lý do nói nguồn gốc của bát quái từ cổ thiên văn.

Thứ hai có người nói nguồn gốc của bát quái là văn tự. Chữ xưa : khôn, khâm, chấn, đoài làm thành bát quái.

Thứ ba có người nói bát quái là phù hiệu tám chức quan của thời Phục Hy. Quan quản trời gọi là càn (乾), quan quản đất gọi là khôn (坤), quan quản sấm gọi là chấn (震), quan quản nước gọi là khâm (坎), quan quản núi gọi là cấn (艮), quan quản gió gọi là tốn (巽), quan quản lửa gọi là ly (離), quan quản ao đầm gọi là đoài (兌), cho nên có thuyết nguồn gốc của bát quái là ở tên quan.

Thứ tư có người nói nguồn gốc của bát quái là chiêm bốc, là mô phỏng những dấu hiệu của mai rùa mà ra. Bát quái và 64 quẻ đều là những dấu hiệu tiêu chuẩn. Cho nên có thuyết "nguồn gốc dịch quái là ở quy bốc". Từ xa xưa đã sớm có : chiêm vật tượng, chiêm thiên tượng, chiêm tinh tượng v.v... Nên nói "nguồn gốc của bát quái là chiêm bốc".

Thứ năm có người nói nguồn gốc của bát quái là "Hà đồ", "Lạc thư". Tương truyền ngày xưa có long mã xuất hiện ở Hoàng Hà, lưng mang "Hà đồ"; có rùa thần nổi ở Lạc Thủy "lưng mang "Lạc thư". Phục Hy sau khi được đã căn cứ vào các điểm âm dương trên "Hà đồ" và "Lạc thư" mà vẽ ra bát quái.

Thứ sáu có người nói nguồn gốc của bát quái là chữ số. Cách ghi số thời cổ là vạch các gạch, số một vẽ một gạch, số hai vẽ 2 gạch, số 3 vẽ 3 gạch.

Còn nguồn gốc ký hiệu âm dương của bát quái thì còn nhiều cách giải thích hơn nữa. Cách thứ nhất nói là lấy theo bộ phận sinh dục của nam nữ; cách thứ hai nói là ngày xưa dùng từng mắt tre để tính chiêm bốc, một mắt là dương, hai mắt là âm, hoặc không có mắt là dương, có mắt là âm; cách

thứ ba nói : trời một sắc là dương, đất chia làm đất và nước là âm; cách thứ tư nói trong "Hệ từ" có nói "nút thừng mà trị" là lấy từ phương pháp ghi số nút thừng ngày xưa. Một nút là dương, hai nút là âm. Về sau bói cổ thì dùng để biểu thị số chiêm bốc nên làm thành bát quái. Thời gian xuất hiện của phù hiệu bát quái là vấn đề rất phức tạp, đã có những khảo chứng cho rằng có thể nó xuất hiện cách đây 5.000 năm, nhưng ngày nay lại có phát hiện mới "Trên những mảnh gốm cách đây 1 vạn năm đã có những vạch vẽ giống bát quái". ("kết cấu chữ số của hình dịch").

V. THỜI ĐẠI KINH DỊCH THÀNH SÁCH

Thời gian hình thành bát quái và 64 quẻ khoảng đời Nhà Hạ. Điều đó có "Ngọc Hải" dẫn chứng từ "Sơn hải kinh" như sau : "Phục Hy được Hà đồ, do đó người Hạ nói "Liên Sơn"; Hoàng đế được Hà đồ, do đó người Thương nói "Quy Tàng". Liệt Sơn thì được Hà đồ, do đó mà người Chu nói "Chu dịch". "Dịch tán", "Dịch luận" của Trịnh Huyền nói : "Hạ viết "Liên Sơn", Ân viết "Quy Tàng", Chu viết "Chu dịch".

Trong "Chu lễ" có ghi : Cung xuân đại bốc "năm cả phép của ba bộ dịch là "liên sơn", "quy tàng", "chu dịch". Quái của các kinh đó đều là 8, quẻ đều là 64". Còn nói : Cuối thời kỳ đồ đồng ở An Dương đã xuất hiện những dấu hiệu bát quái (trang 77 sách "Lịch sử chữ viết trên xương của Trung Quốc"). Do đó có thể thấy thời kỳ hình thành bát quái và 64 quẻ nên vào đời nhà Hạ. Còn những người đời sau nói Văn Vương đã làm lại 64 quẻ, điều đó chắc không đúng, tuy nhiên Văn Vương đã sắp xếp lại cho nó hoàn chỉnh hơn thì rất có thể.

Hai quyển sách "Liên sơn", "Quy tàng" đã mất từ lâu, quyển sách người đời sau nhìn thấy chỉ là "Kinh dịch". Nhưng thời kỳ ra đời của Kinh dịch từ xưa tới nay vẫn còn bàn cãi mãi. Căn cứ kết quả khảo cứu của hơn ba mươi năm nay thì có ba loại ý kiến.

1. Kinh dịch ra đời thời Xuân Thu. Quách Mạc Nhược nói : Quan niệm trời đất đối lập xuất hiện rất muộn trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc. Những văn tự đời nhà Chu không có vết tích của bát quái, thậm chí không có chữ "địa"; những chữ như "càn, khôn" trong sách cổ mãi về sau mới xuất hiện... Đủ thấy "Kinh dịch" không thể ra đời trước thời Xuân Thu.

2. Kinh dịch ra đời vào đầu thời Tây Chu. Trương Đại Niên căn cứ câu chuyện trong hào từ quẻ như "táng ngư ư dịch", "táng dương ư dịch", "cao tôn phiệt quỷ phương", "đế ất quy muội", "kỳ tử chi minh di" v.v... đều là các câu chuyện của nhà Thương và Tây Chu. Những sách về sau của Chu Thành Vương, không viện dẫn đến, nên suy ra Kinh dịch thành sách không thể sau thời Thành Vương.

3. Kinh dịch thành sách vào thời kỳ giao thời nhà Ân và nhà Chu. Kim Cảnh Phương v.v... cho rằng : Kinh dịch là tác phẩm giao thời giữa nhà Ân và nhà Chu. Họ khẳng định "quái xuất ư thi". Thi sử đời xưa dần dần được tổng kết lại qua nhiều bài ghi chép hoạt động của chiêm thi, qua sàng lọc, chỉnh lý mà thành "kinh dịch". Có học giả còn từ tiến trình logic phát triển tư tưởng của Trung Quốc và từ trong mâu thuẫn xã hội các đời nhà Ân, nhà Chu mà nghiên cứu các niên đại thành sách của Kinh dịch, họ cho rằng đó là thời kỳ giao tiếp giữa nhà Ân và nhà Chu.

Kinh dịch chia thành hai kinh thượng và hạ, 64 quẻ. Mỗi quẻ có 6 hào, hai quẻ càn khôn, mỗi quẻ có 7 hào, quẻ càn dùng 9, quẻ khôn dùng 6, bản thể của nó không phải là hào tuy có tác dụng như hào, chẳng qua để thuận tiện mới gọi là hào, cộng tất cả có 386 hào. Mỗi quẻ đầu tiên lập hình quẻ, sau đó là tên quẻ, rồi mới đến quẻ từ. Mỗi hào đầu tiên để hào sau đó là hào từ. Quẻ từ và hào từ có 450 điều, hơn 4.900 chữ. Người đời sau nói : quẻ từ do Văn Vương làm ra, còn hào từ do Chu Công làm.

VI. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHU DỊCH

Bộ sách "Chu dịch" là do hai bộ sách "Kinh dịch" và "Dịch truyện" hợp thành. "Kinh dịch" là bộ sách về dự đoán thông tin, phân làm thượng, hạ hai quyển. "Dịch truyện" là tác phẩm triết học, nó gồm "Thoán" thượng hạ, "tượng" thượng hạ, "Hệ từ" thượng hạ, "Văn ngôn", "thuyết quái", "tự quái", "tạp quái" tất cả 60 bài hợp thành. Thời gian hình thành sách khoảng từ nhà Ân, Thương, Tây Chu, kéo dài mãi đến Xuân Thu Chiến quốc, cho nên những bài này không phải do một người viết ra mà là nhiều người làm hợp lại.

"Kinh dịch" nguyên ban đầu chỉ có quẻ từ và hào từ của 64 quẻ. Người đời sau trên cơ sở "Kinh dịch" lại viết nên "Truyện dịch", còn gọi là mười dực. Các bài trong "Truyện dịch" ban đầu là phụ chú sau "Kinh dịch", đều là lời giải thích quanh Kinh dịch. Như vậy "Kinh dịch" và "Truyện dịch" hợp thành bộ "Chu dịch" ngày nay.

Tên "Chu dịch" xuất hiện sớm nhất trong "Tả truyện". Ví dụ : trong "Tả truyện. Trang Công năm thứ 22" : "Sử nhà Chu có "Chu dịch", xem Trần Hầu". Những sử liệu khác có nhắc đến tên "Chu dịch" rất nhiều.

Vì sao lại đặt tên sách là "Chu dịch", xưa nay có rất nhiều cách giải thích. Chữ "Chu" là chỉ tên triều đại nhà Chu, chữ "dịch" hàm ý chỉ ngày đêm biến đổi, nên dịch là "biến" vậy.

Tư tưởng triết học của "Truyện dịch" và "Kinh dịch" là trên cơ sở chiêm thi của "Kinh dịch" xây dựng nên, nó giải thích kinh dịch từ thiên văn, địa

lý, nhân sự bàn một cách rất toàn diện, hệ thống. Đây là lần đầu tiên dùng tư tưởng khoa học, quan điểm duy vật chỉ rõ tư tưởng triết học và duy vật biện chứng pháp của chiêm bói trong Kinh dịch.

Hai bộ sách "Kinh dịch" và "Truyện dịch" này, về nội dung có sự sai khác, về hình thức lại có mối liên hệ rất mật thiết với nhau, kết hợp thành một bộ hoàn chỉnh, điều này đối với lịch sử văn hóa, tư tưởng trong và ngoài nước là một kỳ tích khiến mọi người phải chú ý. "Kinh dịch" ra đời vào giao thời nhà Ân, Thương, Tây Chu, "Truyện dịch" vào thời Chiến quốc. Cả hai bộ sách cách nhau bảy, tám trăm năm lịch sử, nên nay mới nói sách "Chu dịch" ra đời vào giao thời từ nhà Thương, Chu đến Xuân Thu, Chiến quốc là thế. Lịch sử và quá trình phát triển của "Chu dịch" kéo dài và rất phức tạp. Nó trải qua sự sản sinh khái niệm âm dương; sáng tạo ra bát quái, hình thành quẻ kép, sự ra đời của từ quẻ và "mười dục". Về thời gian nó trải qua các triều Hạ, Thương, Chu, Xuân Thu. Trong quá trình hình thành sách, nó bắt đầu từ "Liên sơn", "Quy tàng", "Kinh dịch" sau mới đến "Chu dịch".

"Liên sơn" lấy quẻ cần, tức lấy núi làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó tuy phản ánh được năng lực tư duy của người Hạ phát triển hơn so với trước đó, nhưng nhận thức về Trời Đất còn rất nông cạn : Hối đó do nước lụt ngập khắp nơi, mặt đất lúc chìm lúc nổi, con người chủ yếu sống trong hang núi, nên cho núi là chủ thể của quả đất ("cần" đại biểu sơn).

"Quy tàng" lấy quẻ khôn, tức lấy đất làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó không những nói lên tri thức của người Ân đã nâng cao lên một bước so với người Hạ, thế lực của xã hội mẫu hệ còn tồn tại ("khôn" là thái âm, là mẹ) mà về nhận thức đối với vũ trụ, thế giới tự nhiên đã sơ bộ hình thành thế giới quan thuyết quả đất là trung tâm.

"Kinh dịch" lấy quẻ càn tức lấy trời làm khởi điểm của 64 quẻ. Điều đó nói lên xã hội đã chuyển từ chế độ mẫu hệ sang chế độ phụ hệ (càn là trời, là cha) đồng thời nói lên người Chu đã có những hiểu biết ban đầu về các thiên thể, bắt đầu nghiên cứu sự vận động của các thiên thể đối với quả đất, ảnh hưởng đối với con người, chỉ ra quy luật đối lập thống nhất trong vũ trụ. Cho nên một vũ trụ quan mới đã xuất hiện.

Từ lịch sử phát triển lâu dài của "Chu dịch" có thể nhìn thấy tổ tiên ta đã phát minh ra bát quái là một cuộc cách mạng to lớn trong lịch sử dự đoán thông tin của nước ta. Còn có thể thấy năng lực tư duy của con người, khả năng nhận thức của con người về phương diện tự nhiên hay xã hội đều từng bước phát triển từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu, từ phiến diện đến tương đối toàn diện.


Chương 2


KHÁI QUÁT NGUYÊN LÝ CỦA QUÊ

I. SỰ SẮP XẾP CỦA 64 QUÊ

Tác giả của "Kinh dịch" và "Truyện dịch" tuy không có ai khảo cứu nhưng các học giả xưa nay đều cho rằng "Kinh" và "Truyện" không phải do một người viết ra mà là tác phẩm của nhiều người. Cho nên thứ tự sắp xếp của 64 quẻ trong Kinh dịch đương nhiên cũng không phải do một người hoàn thành mà là sự điều chỉnh trong một thời gian dài của nhiều người.

Phương pháp và hình thức sắp xếp của 64 quẻ, trừ phương pháp của "Chu dịch" bắt đầu từ "càn, khôn", kết thúc ở "Vị tề" ra, còn có cách xếp hình tròn, hình vuông, hình vuông trong hình tròn, có : 1- Thái cực, 2- Lương nghi, 3- Tứ tượng, 4- Bát quái, 5- Sắp xếp 64 quẻ, ngoài ra còn có cách xếp theo tám cung. Các hình vẽ sắp xếp của 64 quẻ phần lớn là do người Tống hoặc bắt nguồn từ đời Tống. Các phái đều có lý luận chuyên môn cho một kiểu hình. Ví dụ cách xếp hình vuông trong hình tròn thì có thuyết "Tròn là trời, là động" "vuông là đất, là tĩnh". Các hình nói chung giống nhau, chỉ có một số khác nhau về chi tiết, tuy nhiên tác dụng của chúng đối với nghiên cứu ứng dụng dự đoán thông tin không quan trọng lắm, cho nên ở đây không thảo luận nhiều về cách xếp hình của 64 quẻ.

Trong "Kinh dịch", 64 quẻ bắt đầu từ "càn, khôn", cho nên tư tưởng chỉ đạo sắp xếp của nó là càn làm trời, khôn làm đất, có trời đất sau đó mới có vạn vật. Thứ tự sắp xếp của 62 quẻ còn lại, tôi cho là lấy tượng quẻ xếp xen lẫn nhau mà thành. Như quẻ thứ ba "Thủy lôi truân" ()

"Sơn thủy mông" () là hai tượng quẻ, (những tượng quẻ khác cũng như thế) sắp xếp ngược nhau mà thành. Sự sắp xếp của các quẻ khác, ngoài cách xếp ngược tượng quẻ ra, có cái còn theo quy luật phát triển biến hóa của sự vật từ nhỏ đến to, hoặc từ to đến nhỏ mà xếp. Điều này trong "Quẻ từ" đều có nói chi tiết. Như hai quẻ càn khôn là thiên địa, có trời đất rồi sau đó mới có vạn vật. "Đầy giữa trời đất chỉ có vạn vật, cho nên đặt làm "truân". "Truân", là thuở mới sinh của vật" (nghĩa là : do quẻ "truân" là vạn vật ở thời kỳ bắt đầu sinh trưởng, nên quẻ "truân" xếp ở thứ ba). Vật sinh thì "mông", cho nên là "mông" (nghĩa là : vạn vật bắt đầu thời kỳ sinh trưởng, trước hết có giai đoạn manh nha, cho nên sau quẻ "truân", tiếp đến là quẻ "mông").

Để tiện lợi cho nhu cầu dự đoán thông tin, tôi theo thứ tự tám cung sắp xếp 64 quẻ như dưới đây. Còn đối với tượng (hình dạng) của tám quẻ đơn, độc giả nên thuộc mới tiện cho nghiên cứu, cho nên trước hết tôi chép lại các "câu vè" để giúp nhớ tám quẻ đơn.

Tượng quẻ : càn ba liên (☰), khôn sáu đoạn (☷), chấn cốc giữa (☳), cấn úp xuôi (☶), ly giữa khuyết (☲), khảm giữa đầy (☵), đoài khuyết trên (☱), tốn khuyết dưới (☴).

Cung Càn bát quái thuộc kim

Càn vi thiên ☰, Thiên phong cấu ☱☳, Thiên sơn độn ☶☵,
 Thiên địa phủ ☷☳, Phong địa quan ☱☶, Sơn địa bác ☶☵,
 Hỏa địa tấn ☲☳, Hòa thiên đại hữu ☱☵

Cung Đoài bát quái thuộc kim

Đoài vi trạch ☱, Trạch thủy khốn ☱☵, Trạch địa tụy ☱☶,
 Trạch sơn hàm ☱☶, Thủy sơn kiến ☵☶, Địa sơn khiêm ☱☶,
 Lôi sơn tiểu quá ☳☶, Lôi trạch quy muội ☳☱.

Cung Ly bát quái thuộc hỏa






Ly vi hỏa ☲, Hỏa sơn lữ ☲☵, Hỏa phong đỉnh ☲☱,
 Hỏa thủy vị tề ☲☵, Sơn thủy mông ☱☲, Phong thủy hoán ☱☲,
 Thiên thủy tụng ☲☵, Thiên hỏa đồng nhân ☲☱.

Cung Chấn bát quái thuộc mộc









Chấn vi lôi ☳, Lôi địa dự ☳☶, Lôi thủy giải ☳☵,
 Lôi phong hằng ☳☴, Địa phong thăng ☱☴, Thủy phong tinh ☵☴,
 Trạch phong đại quá ☱☴, Trạch lôi tụy ☳☱

Cung Tốn bát quái thuộc mộc









Tốn vi phong ☴, Phong Thiên tiểu súc ☴☱, Phong hỏa gia nhân ☴☲.

Phong lôi ích  , Thiên lôi vô vọng  , Hỏa lôi phệ hợp  ,
Sơn lôi di  , Sơn phong cổ  .









Cung Khảm bát quái thuộc thủy

Khảm vi thủy  , Thủy trạch tiết  , Thủy lôi truân  ,
Thủy hỏa ký tế  , Trạch hỏa cách  , Lôi hỏa phong  ,
Địa hỏa minh di  , Địa thủy sư  .

Cung Cấn bát quái thuộc thổ









Cấn vi sơn  , Sơn hỏa bồn  , Sơn thiên đại súc  ,
Sơn trạch tổn  , Hỏa trạch khuê  , Thiên trạch lý  ,
Phong trạch trung phù  , Phong sơn tiệm  .



Cung Khôn bát quái thuộc thổ

Khôn vi địa  , Địa lôi phục  , Địa trạch lâm  ,
Địa thiên thái  , Lôi thiên đại tráng  , Trạch thiên quái  ,
Thủy thiên nhu  , Thủy địa tỉ  .

Tám cung ở trên thuộc ngũ hành gì, xin xem "Thuyết quái".

Bát quái kép làm thành 64 quẻ, tất cả có tám cung, quẻ thứ nhất của mỗi cung gọi là "quẻ đầu", hoặc gọi là "quẻ thuần".

Quẻ càn  , quẻ đoài  , quẻ ly  , quẻ chấn  ,
Quẻ tốn  , quẻ khảm  , quẻ cấn  , quẻ khôn  .

Bát quái, quẻ đơn là quẻ kinh, ví dụ càn  , hai quẻ bất kỳ trùng nhau gọi là quẻ biệt, ví dụ  . Tám quẻ thuần theo ngũ hành chia làm tám cung, tám cung chỉ có tám tượng quẻ, vậy thì 56 tượng quẻ khác sản sinh ra bằng cách nào? Đó là điều mọi người muốn hỏi.

Bát quái là tiêu biểu cho tượng vật, cũng là tiêu chí của hai khí âm dương vượng suy, ngũ hành sinh khắc. Quy luật của âm dương là biến, có thể

nói là biến hóa vô cùng, do đó 56 tượng quẻ khác đều do tám quẻ này biến ra cả. Ví dụ cách biến của cung càn như sau :



Đó là cung càn của bát quái, tức là bảy tượng quẻ khác biến từ trong quẻ càn ☰ mà ra. Cách biến là : dương biến thành âm, âm biến thành dương. Ví dụ quẻ càn sáu hào đều là hào dương, khi biến bắt đầu từ hào dưới nhất (gọi là hào đầu, hào hai, hào ba, hào bốn, hào năm, hào sáu đếm từ dưới lên). Hào đầu của quẻ càn từ dương biến thành âm, tức biến thành quẻ "Thiên phong cấu", quẻ thứ hai. Hào thứ hai của quẻ càn từ dương biến thành âm mà làm ra quẻ "độn" tức quẻ thứ ba. Hào thứ ba của quẻ càn từ dương biến ra âm làm thành quẻ "Thiên địa phủ" tức quẻ thứ tư. Hào thứ tư của quẻ càn từ hào dương biến thành hào âm làm thành quẻ "Phong địa quan", tức quẻ thứ năm. Hào thứ năm dương biến thành âm làm thành quẻ "Sơn địa bác" tức quẻ thứ sáu. Hào thứ tư của quẻ "Sơn địa bác" từ âm biến thành dương biến ra quẻ "Hỏa địa tấn" tức quẻ thứ bảy. Các hào đầu, hào hai, hào ba của "Hỏa địa tấn" đều là âm biến thành dương làm thành quẻ "Hỏa thiên đại hữu" tức quẻ thứ tám. Đến đây tám quẻ của cung càn đều đủ.

Cách biến tám cung đều có một quy luật chung, trong quẻ đầu có hào dương thì biến thành hào âm, còn hào âm biến thành hào dương. Cứ mỗi lần biến một hào sẽ được một tượng quẻ mới. Mỗi cung biến đến hào thứ năm thì ngừng, hào thứ sáu không biến nữa. Quẻ thứ bảy là do biến hào thứ tư của quẻ thứ sáu mà ra. Quẻ thứ tám là do biến cả ba hào : đầu, hai, ba của quẻ thứ bảy mà ra.

Quẻ "Hỏa địa tấn" thứ bảy gọi là quẻ "Du hồn" là vì khi biến không biến hào thứ sáu mà quay trở về biến hào thứ tư. Quẻ "Hỏa thiên đại hữu" thứ tám gọi là quẻ "Quy hồn" vì các hào đầu, hai, ba của quẻ "Hỏa địa tấn" đều biến từ âm thành dương nên có nghĩa là hoàn nguyên, tức quẻ "Quy hồn". Cho nên quẻ thứ bảy của mỗi cung là quẻ "du hồn", quẻ thứ tám quẻ "Quy hồn". Hai quẻ "Quy hồn" và "Du hồn" phần nhiều để đoán kẻ xuất hành, ví dụ đoán đi khi nào về : gặp quẻ du hồn tức là đã đi đến nơi, đang nghỉ chưa thể quay về ngay được, nếu gặp quẻ quy hồn thì người đó đi không xa, sẽ về nhanh.

Trên đây là cách biến tám quẻ của cung càn, các cung khác cách biến cũng theo quy luật đó. Cách biến này do Kinh Phòng, nhà dịch học đời Hán phát minh. Về cách xác định và tác dụng của hào thế, hào ứng của mỗi quẻ sẽ nói kỹ ở phần hai của sách.

II. TƯỢNG QUÊ

Vì sao lại gọi là tượng quê ? "Hệ từ" nói : "Dịch đó là tượng vậy ". "Thoán" nói : "lời và hình ở trong tượng vậy". "Lập tượng để định ý, đặt ra quê là để định ra các tình tiết", "Bát quái xếp thành hàng, tượng cũng ở trong sự sắp xếp đó". Đời xưa lấy bát quái làm quê kinh, hai quê ghép lại với nhau thành 64 quê, gọi đó là quê biệt. Hai quê ghép lại thành ra tượng quê, tượng quê, tượng của vật, tượng có nghĩa là "bây". Đối với vật hay sự việc, nó không chỉ có ý nghĩa là trùng lập hoặc hai loại mà còn bao hàm nhiều ý nghĩa, nhiều loại khác nhau. Như trùng hai khảm không chỉ có nghĩa là cùng một loại "người" hoặc hai loại trộn lẫn, hoặc hai trung nam gặp gỡ. Dem vật ra mà nói, trong nước sẽ sinh ra hàng trăm vật, trong nước tàng ẩn hàng trăm vật. Với hiện tượng tự nhiên, sáu hào ở trong quê có trời, đất, người. Với người thì có cha mẹ, anh em, quan quý, thê tài, con cháu v.v... Tượng quê của bát quái không những đại biểu là nhiều vật mà còn là "tượng của bát quái" "tượng của sáu vạch", "tượng của tượng hình", "tượng của ngôi hào", "tượng của đối lập", "tượng của phương vị", "tượng của hổ thê", cho nên có thể gọi tượng là "bây" vậy.

"Thuyết quái" quy nạp tượng của bát quái như sau :

"Càn là mạnh. Khôn là thuận. Chấn là động. Tốn là nhập. Khảm là chìm vào, lún vào. Ly là lệ (tức đẹp). Cấn là ngừng. Đoài là thuyết (tức vui tươi)". "Càn là ngựa. Khôn là trâu. Chấn là rồng. Tốn là gà. Khảm là lợn. Ly là chim công. Cấn là chó. Đoài là dê".

"Càn là đầu. Khôn là bụng. Chấn là chân. Tốn là bắp đùi. Khảm là tai. Ly là mắt. Cấn là tay. Đoài là miệng".

"Càn là trời, nên gọi là cha. Khôn là đất, gọi là mẹ. Chấn là vừa tìm mà được nam nên gọi là trưởng nam. Tốn là vừa tìm mà được nữ nên gọi là trưởng nữ. Khảm là tìm lần thứ hai mà được nam nên gọi là trung nam. Ly là tìm lần thứ hai mà được nữ nên gọi là trung nữ. Cấn là tìm ba lần mà được nam nên gọi là thiếu nam. Đoài là tìm ba lần mà được nữ gọi là thiếu nữ".

"Càn là trời, là tròn, là vua, là cha, là ngọc, là vàng, là lạnh, là băng, là đại xích (1), là ngựa tốt, là ngựa già, là gậy, là ngựa đốm, là quả cây".

"Khôn là đất, là mẹ, là vải, là nồi, là tính biến lặn, là đều nhau, là con trâu mẹ, là đại hưng (2), là văn, là đông, là tay nắm, những cái khác có nghĩa là đen".

"Chấn là sấm, là rồng, là huyền hoàng (3), là bố thí, là đường lớn, là dài, là quyết tháo (4), là tre non, là lau sậy. Nếu là ngựa kêu là giỏi, là ngựa có chân trái sau màu trắng, là ngựa bước nhanh, là ngựa có đốm trắng ở trán. Còn nữa là ngũ cốc, là củ. Cuối cùng là mạnh, là tươi thơm".

"Tổn là cây, là gió, là trường nữ, là giầy trắng, là thợ, là trắng, là dài, cao, là tiến thoái, là không kết quả, là thối. Nếu là người là ít tóc, là trán rộng, là mắt lòng trắng nhiều, buôn bán phát đạt. Cuối cùng là táo (tức nóng, gấp).

"Khảm là nước, là mương rãnh, là ẩn phục, là nấn day, là xe cộ. Khi là người là thêm lo, là bệnh tim, là đau tai, là quẻ huyết, là đỏ. Nếu là ngựa là sống lưng đẹp, là nóng lòng, là có chân mỏng, là nước chảy trên mặt đất. Khi là xe là xe ngựa, là thông suốt, là thắng, là ăn cướp. Khi là cây là lõi gỗ cứng.

"Ly là lửa, là ngày, là điện, là trung nữ, là mũ của lính ngày xưa, là binh khí. Khi là người là bụng to, là quẻ càn (ở đây : "quẻ càn" là quẻ có ý khô). Là ba ba, là cua, ngọc trai, là rùa. Khi là cây là cây cành khô".

"Cấn là núi, là đường tắt, là hòn đá nhỏ, là môn khuyết (cửa thiếu), là loại quả dưa, là người gác cửa, là ngón tay, là chó, là chuột, là thuộc loại mỏ đen. Khi là cây là nhiều mắt cứng".

"Đoài là trạch, là thiếu nữ, là người làm bói toán, làm thuốc, là cãi vạ, là gãy nát, là rung cây cho quả rơi xuống. Khi là đất thì là đất khô cứng. Là thiếp, là dê".

Các tượng quẻ ở trên xem trong "thuyết quái". Trong dự đoán thông tin cần dùng đến, nên phải thuộc lâu.

Chú thích :

(1) Quẻ càn trong quẻ đoán về tin tức của mười hai tháng là quẻ tháng tư, tháng tư mặt trời đỏ rực nên gọi là đại xích.


(2) Khôn là đại hung, là xe. Cho nên quẻ khôn là xe, có hình xe.

(3) Huyền hoàng tức màu vàng đen.

(4) Quyết tháo là quyết đoán nhanh.

Phụ lục - TƯỢNG LOẠI VẠN VẬT TRONG "MAI HOA DỊCH SỐ"

Tượng loại vạn vật trong "Mai hoa dịch số" là bộ phận quan trọng của tượng quẻ, cũng là phần không thể không nắm vững trong dự đoán thông tin nên ghi ra đây để độc giả ứng dụng. Muốn học dự đoán không thể không nắm vững nội dung phần này.

Những điều nói trong "Tượng loại vạn vật" là tượng vật của quẻ thuần. Rất nhiều độc giả hỏi : khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào ? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, thế là được. Ví dụ đoán về ăn uống được quẻ "tụng" () , quẻ càn của quẻ thượng trong tượng vật

của thức ăn là vật gì, quẻ khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như thế. Tượng quẻ khác cũng làm như thế.

TƯỢNG LOẠI VẠN VẬT

Quẻ càn

[Thiên thời] : trời; băng; (nước) đá; cục [nước] đá.

[Địa lý] : phương tây bắc; kinh đô; quận lớn; địa hình hiểm yếu hoặc danh lam thắng cảnh; vùng đất cao và khô.

[Nhân vật] : vua, quân tử; cha; đại nhân; người già; bậc trưởng giả; quan; danh nhân; cán bộ.

[Tính cách] : cứng, mạnh, dũng võ; quả quyết; hoạt động nhiều.

[Thân thể] : đầu; xương; phổi.

[Thời gian] : giao thời, giữa tháng chín và tháng mười; mùa thu; chuyển từ tháng hoặc năm tuất sang hợi; giờ, ngày, tháng, năm của ngũ kim (1)

[Động vật] : ngựa; ngỗng (thiên nga); sư tử; voi.

[Tinh vật] : vàng ngọc, châu báu; vật tròn; quả cây; vật cứng; mù, kính.

[Nhà cửa] : nhà xí công cộng; lâu đài; nhà cao to; lầu; trạm; ở hướng tây bắc.

[Nhà ở] : chiếm được vào mùa thu thì hưng thịnh, mùa hạ có họa; mùa đông thì vắng lạnh; mùa xuân thì cát lợi.

[Hôn nhân] : người thân quyến của nhà quan; gia đình có danh tiếng; vào mùa thu sẽ kết quả; mùa đông, mùa hạ không lợi.

[Ẩn uống] : thịt ngựa quý ngon; nhiều xương; gan, phổi; thịt khô; quả cây; thủ của các loại vật; vật tròn; vật đắng cay.

[Cầu danh] : có danh; hợp với các chức nội nhiệm, quan tòa, võ chức, nắm quyền, thiên sứ, liên lạc; nhậm chức về hướng tây bắc.

[Mưu vọng] : thành công; có lợi trong việc công; có tiền trong hoạt động; mùa hạ thì không thành; mùa đông nhiều mưu; không được vừa ý.

[Giao dịch] : hàng quý như : vàng, ngọc, châu báu; dễ thành công; vào mùa hạ không lợi.

[Cầu lợi] : có cửa; lợi về vàng, ngọc; được cửa trong cơ quan; vào mùa thu rất lợi; mùa hạ tổn tài; mùa đông không được cửa.

[Xuất hành] : xuất hành lợi; hợp với người kinh sư; lợi đi về phía tây bắc; mùa hạ không lợi.

[Mong gặp] : lợi gặp được đại nhân; gặp người có đức; hợp với gặp người chức cao sang; có thể gặp.

[Kiện tụng] : thế mạnh, có quý nhân phù trợ; vào mùa thu sẽ thắng; mùa hạ thất lý.

[Bệnh tật] : bệnh ở đầu, mặt; bệnh phổi; bệnh gân cốt; bệnh ở thượng tiêu, mùa hạ không yên ổn.

[Phân mộ] : hợp hướng tây bắc; hợp với mạch khí vùng núi; hợp với thiên huyệt; hợp với chỗ cao; mùa thu thì quý; mùa hạ hung dữ.

[Phương đường đi] : tây bắc.

[Ngũ sắc] : màu đỏ đậm, màu đen huyền.

[Chữ tên họ] : người tên họ có chữ kim (金) bên cạnh; ngôi thứ 1, 4, 9. (2)

[Chữ số] : 1, 4, 9 (3)

[Ngũ vị] : đắng, cay.

Quẻ khôn

[Thiên thời] : mây đen, mù, sương.

[Địa lý] : điền dã, buổi sáng ban mai ở nông thôn; bình địa; phương tây nam.

[Nhân vật] : mẹ già; mẹ kế; nông phụ; người nông thôn; người bình thường; người phụ nữ già; người bụng to.

[Tính cách] : biến lặn; nhu thuận; nhu nhược; nhiều người; tiểu nhân.

[Thân thể] : bụng; lá lách; thịt; dạ dày.

[Thời gian] : tháng : thìn, tuất, Sửu, mùi; giờ, ngày, tháng, năm : mùi thân; ngày, tháng : tám, năm, mười (4)

[Tĩnh vật] : vật vuông; vật mềm; vải, tơ gấm; ngũ cốc; binh khí, rìu; đồ đất.

[Động vật] : trâu bò; bách cầm; ngựa bướu.

[Nhà cửa] : phương tây nam; điểm canh, lầu ngoài đồng; nhà thấp bé; đất bậc thang; nhà kho.

[Nhà ở] : yên ổn, nhiều âm khí; được vào mùa xuân không yên.

[Ăn uống] : thịt trâu; món ăn sang và vừa, vị ngọt, vị dân già, vị ngũ cốc; món ăn mắm mướp; những thứ thuộc về lòng (ruột, tim, gan...).

[Hôn nhân] : lợi về hôn nhân; lợi cho nhà chịu thuế, nhà nông thôn hoặc nhà quá phụ; mùa xuân không lợi.

[Mong gặp] : lợi gặp được đại nhân; gặp người có đức; hợp với gặp người chức cao sang; có thể gặp.

[Kiện tụng] : thể mạnh, có quý nhân phù trợ; vào mùa thu sẽ thắng; mùa hạ thất lý.

[Bệnh tật] : bệnh ở đầu, mặt; bệnh phổi; bệnh gân cốt; bệnh ở thượng tiêu, mùa hạ không yên ổn.

[Phần mộ] : hợp hướng tây bắc; hợp với mạch khí vùng núi; hợp với thiên huyệt; hợp với chỗ cao; mùa thu thì quý; mùa hạ hung dữ.

[Phương đường đi] : tây bắc.

[Ngũ sắc] : màu đỏ đậm, màu đen huyền.

[Chữ tên họ] : người tên họ có chữ kim (金) bên cạnh; ngôi thứ 1, 4, 9. (2)

[Chữ số] : 1, 4, 9 (3)

[Ngũ vị] : đắng, cay.

Quẻ khôn

[Thiên thời] : mây đen, mù, sương.

[Địa lý] : điền dã, buổi sáng ban mai ở nông thôn; bình địa; phương tây nam.

[Nhân vật] : mẹ già; mẹ kế; nông phụ; người nông thôn; người bình thường; người phụ nữ già; người bụng to.

[Tính cách] : biến lặn; nhu thuận; nhu nhược; nhiều người; tiểu nhân.

[Thân thể] : bụng; lá lách; thịt; dạ dày.

[Thời gian] : tháng : thìn, tuất, Sửu, mùi; giờ, ngày, tháng, năm : mùi thân; ngày, tháng : tám, năm, mười (4)

[Tinh vật] : vật vuông; vật mềm; vải, tơ gấm; ngũ cốc; binh khí, riu; đồ đất.

[Động vật] : trâu bò; bách cầm; ngựa bươu.

[Nhà cửa] : phương tây nam; diêm canh, lều ngoài đồng; nhà thấp bé; đất bậc thang; nhà kho.

[Nhà ở] : yên ổn, nhiều âm khí; được vào mùa xuân không yên.

[Ẩn uống] : thịt trâu; món ăn sang và vừa, vị ngọt, vị dân già, vị ngũ cốc; món ăn mâm mắng; những thứ thuộc về lòng (ruột, tim, gan...).

[Hôn nhân] : lợi về hôn nhân; lợi cho nhà chịu thuế, nhà nông thôn hoặc nhà quả phụ; mùa xuân không lợi.

[Thời gian] : tháng hai mùa xuân; giờ ngày tháng năm mao; ngày tháng tư, ba, tám.

[Tinh vật] : gỗ tre; cây lau; nhạc khí (bằng tre, gỗ), vật hoa cỏ tươi tốt; hạt.

[Động vật] : rồng; rắn; các loại sâu bọ; ngựa kêu.

[Nhà cửa] : ở phương đông; chỗ rừng rậm; lầu gác.

[Nhà ở] : có lúc bất thần lo sợ vu vơ trong nhà; mùa xuân; mùa đông tốt; mùa thu không lợi.

[Ăn uống] : vó chân; thịt; hương vị sơn lâm; thịt tươi; quả chua; rau; cá chép.

[Hôn nhân] : có thể, thành công, gặp nhà có thanh danh; được kết hôn với trưởng nam; mùa thu không lợi.

[Cầu lợi] : phát tài về gỗ tre rừng núi; tìm lợi chỗ động, hoặc gặp lợi về các mặt hàng trà, tre, gỗ, hàng sơn lâm.

[Cầu danh] : được danh; hợp về nhậm chức ở phương đông; hợp về chức hô hào, ra lệnh; quan cai ngục; không nhậm chức thuế khóa, trà, gỗ, hoặc chức ở chỗ ồn ào.

[Sinh đẻ] : sợ vu vơ; thai động không yên; thai đầu tiên chắc chắn là trai; ngôi nên hướng đông; mùa thu không tốt.

[Bệnh tật] : bệnh chân; bệnh gan; kinh hoàng không yên.

[Mưu vượng] : có thể vượng; có thể cầu; thích hợp với cầu trong sự hoạt động; mùa thu không thuận.

[Giao dịch] : lợi về giao dịch; mùa thu khó thành; động mới có thể thành; có lợi về những hàng trà, tre, gỗ, hàng rừng núi.

[Kiện tụng] : có thể gặp; dễ gặp người rừng núi; dễ gặp người có thanh danh.

[Xuất hành] : dễ xuất hành; lợi về phương đông; lợi với người ở rừng núi; mùa thu đoán quẻ thì không nên đi, lo sợ vu vơ.

[Phần mộ] : lợi về phương đông; mộ trong rừng sâu; mùa thu không lợi.

[Chữ tên họ] : có chữ mộc; ngôi hàng bốn, tám, ba.

[Chữ số] : bốn tám ba.

[Phương đường đi] : đông.

[Ngũ vị] : ngọt, chua.

[Ngũ sắc] : xanh đen; màu lục bích.

Quẻ tổn

[Thiên thời] : gió

[Địa lý] : đất ở phương đông nam; chỗ cỏ cây rậm rạp, vườn rau hoa quả.

[Nhân vật] : trưởng nữ; tú sĩ; người quả phụ; người ẩn dật ở rừng sâu; tăng đạo.

[Tính cách] : nhu hòa; bất định; hồ hởi; buôn bán rất sinh lợi; tiến thoái không quả quyết.

[Thân thể] : cánh tay, đùi, khí, phong tật.

[Thời gian] : giao thời giữa xuân và hạ; ngày tháng : hai, năm, tám; tháng ba; giờ, ngày, tháng : thìn, tỵ, tháng tư.

[Tinh vật] : mộc hương; dây; vật thẳng; vật dài; tre gỗ; đồ thủ công xinh khéo, thối, lông gà; bướm; quạt, cối.

[Động vật] : gà, các loại cầm (thú), cầm (thú) trong rừng, sâu bọ, rắn.

[Nhà cửa] : ở hướng đông nam; lâu đài gác (chuông) trong chùa; ở trong rừng sâu.

[Nhà ở] : yên ổn, lợi ở chợ; mùa xuân tốt; mùa thu không yên ổn.

[Ăn uống] : thịt gà; hương vị núi rừng; vị chua của hoa quả.

[Hôn nhân] : có thể thành; hợp kết hôn với con gái đầu; mùa thu không lợi.

[Sinh đẻ] : dễ sinh; sinh lần đầu sẽ là con gái; vào mùa thu sẽ có hại cho thai; hợp với người hướng đông nam.

[Câu danh] : có danh; hợp với thế lực chức văn hoặc có phong độ; dễ làm người có phong độ; hợp với chức thuế hàng tre, gỗ, trà, hoa quả; hợp với nhiệm chức phía đông nam.

[Câu lợi] : buôn bán phát đạt, lợi về miền núi; lợi về hàng tre gỗ; mùa thu không lợi.

[Giao dịch] : có thể thành công; tiến thoái bất nhất; lợi về giao dịch; giao dịch việc núi rừng; lợi về hàng trà, gỗ núi rừng.

[Mưa vượng] : có thể mưa vượng; có tiền có thể thành công; mùa thu nhiều mưa nhưng không thuận lắm.

[Xuất hành] : có thể đi; có được có mất; hợp đi hướng đông nam; mùa thu không lợi.

[Mong gặp] : có thể gặp; dễ gặp người miền núi; dễ gặp văn nhân tú sĩ.

[Bệnh tật] : bệnh đùi, cánh tay; bệnh phong; bệnh đường ruột; trúng phong; bệnh về tắc khí.

[Chữ tên họ] : tên họ có chữ thảo mộc bên cạnh; ngôi thứ: năm, ba, tám.

[Kiện tụng] : dễ hòa; sợ mắc phải món nợ về phong cách.

[Phần mộ] : dễ là hướng đông; mộ ở rừng núi; chỗ nhiều cây; mùa thu không lợi.

[Chữ số] : năm, ba, tám.

[Phương đường đi] : đông nam.

[Ngũ vị] : vị chua.

[Ngũ sắc] : xanh lục; màu lục bích trong.

Quẻ khảm

[Thiên thời] : trăng; mưa; tuyết; mù; sương, nước.

[Địa lý] : phương bắc; sông hồ; khe suối; giếng tuyền; chỗ ẩm ướt; mương rãnh, ao đầm; chỗ có nước.

[Nhân vật] : trung nam; người giang hồ; người lái đò; bọn trộm cướp; phi.

[Tính cách] : chỗ hiểm hóc; bề ngoài lấy mềm; bên trong lấy lợi; phiêu bạt không thành; theo sóng mà trôi dạt.

[Thân thể] : tai; máu; thận.

[Thời gian] : tháng 11 mùa đông; ngày, tháng, năm : tý; ngày, tháng : một, sáu.

[Tinh vật] : một dải nước; vật có hạt; vành cung; vật thấp mềm, thứ để đựng rượu; dụng cụ đựng nước; nhà xương; bụi gai, lê; cái ách; muối; rượu.

[Động vật] : lợn; cá; con vật trong nước; con hổ ly; loài thủy tộc.

[Nhà cửa] : ở hướng bắc; gần nước; lầu trên nước; lầu trên sông; nhà ở chỗ hỗn địa.

[Ăn uống] : thịt lợn; rượu; thức ăn lạnh; thức ăn biển; canh; vị chua; thức ăn thường ngày; cá lẩn huyết; cất giầu; vật có hạt; vật trong nước; vật nhiều xương.

[Nhã ở] : không yên; ám muội; dễ phòng cướp, phi.

[Hôn nhân] : lợi khi kết hôn với trung nam; hợp với kết hôn về phía bắc; không dễ thành hôn; không nên cưới vào các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

[Sinh đẻ] : khó đẻ, nguy hiểm; không phải là lần đầu; nam; trung nam; vào tháng : Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có tổn thất; hợp với hướng bắc.

[Cầu danh] : khó khăn; e có tai họa; dễ nhậm chức ở phương bắc; được chức kém như quản lý cá, muối, sông bạc; rượu và dấm.

[Cầu lợi] : có của để phòng mất; để được của ở vùng nước; e rằng có sự mất mát nguy hiểm; dễ gặp lợi về các hàng cá, muối, rượu; để phòng mất mát; phòng mất cướp.

[Giao dịch] : không lợi; phải để phòng mất mát; hợp với giao dịch ở vùng hồ nước; hợp với hàng cá muối; hợp với hàng rượu; hoặc giao dịch với người liên quan với nước.

[Mưu vượng] : không dễ mưu vượng; không thành công; mùa thu, đông có thể được.

[Xuất hành] : không nên đi xa; nên đi thuyền; nên đi về phương bắc; dễ phòng bị cướp; e sẽ gặp việc hiểm trở.

[Mong gặp] : khó gặp; nên gặp người giang hồ, hoặc người sống cạnh vùng nước.

[Bệnh tật] : đau tai; bệnh tim; cảm nhiễm; bệnh thận; dạ dày lạnh; đi tống nước; bệnh về lạnh; bệnh về máu.

[Kiện tụng] : có âm hiểm; có mất vì kiện; mất mát.

[Mộ phần] : nên đặt hướng bắc; mộ gần nước; táng không lợi.

[Chữ tên họ] : tên họ viết có chữ thủy bên cạnh.

[Chữ số] : 1, 6.

[Phương đường đi] : phương bắc.

[Ngũ vị] : mặn; chua.

[Ngũ sắc] : đen.

Quẻ ly

[Thiên thời] : ban ngày; điện; cầu vồng; ráng màu.

[Địa lý] : phương nam; chỗ đất gò cao; chỗ có lò; đất khô liếm; mặt đất khô.

[Nhân vật] : trung nữ; văn nhân; bụng to; người mắt có tật; người đội mũ giáp.

[Tính cách] : có văn hóa; tài học thông minh; khiêm tốn trong giao tiếp; làm việc sách vở; mỹ lệ.

[Thân thể] : mắt, tim, thượng tiêu.

[Thời gian] : tháng năm mùa hạ; giờ, ngày, tháng, năm : ngọ hỏa; ngày ba, hai, bảy.

[Tĩnh vật] : lửa, sách; văn; chữ khắc trên mai rùa, xương; vũ khí; áo khô; vật khô.

[Động vật] : chim trĩ, chim công; rùa; ba ba; ốc trai; cua.

[Nhà cửa] : nhà hướng nam; nhà sáng, cửa sổ sáng; nhà ảo (hư thất).

[Nhà ở] : yên ổn; yên lành; mùa đông không yên; hỏa hoạn.

[Ăn uống] : thịt chim trĩ, chim công; hầm xào; thức ăn kho, thịt khô; thịt chín.

[Hôn nhân] : không thành; lợi về kết hôn với trung nữ; mùa hè dễ thành; mùa đông không lợi.

[Sinh đẻ] : dễ sinh, đẻ con gái thứ; mùa đông có tổn thất; nên ngôi hướng nam.

[Cầu danh] : có danh; hợp với chức ở phía nam; nhậm chức quan văn; dễ nhận chức về lò luyện.

[Cầu lợi] : có của thì nên cầu phía nam; có của về việc văn thư; mùa đông có mất mát.

[Giao dịch] : có thể thành; nên giao dịch về việc văn thư.

[Xuất hành] : có thể đi; hợp với đi về phía nam; đi về việc văn thư; mùa đông không nên đi; không nên đi thuyền.

[Mong gặp] : có thể gặp người phương nam; mùa đông không thuận lợi; mùa thu sẽ gặp được tài sĩ văn thư khảo án.

[Kiện tụng] : dễ tan; đơn thư hoạt bát, động; lời kiện rõ ràng.

[Bệnh tật] : bệnh mắt; bệnh tim; bệnh ở thượng tiêu (vùng ngực); mùa hạ dễ bị bệnh nóng; bệnh dịch.

[Mộ phần] : mộ hướng nam; năm không có cây cối. Mùa hạ sẽ xuất hiện văn nhân; mùa đông không lợi.

[Chữ tên họ] : tên nhân sĩ có chữ thứ (次) hoặc chữ nhân đứng (亻) bên cạnh; ngôi thứ 3, 2, 7.

[Chữ số] : 3, 2, 7.

[Phương đường đi] : phương nam.

[Ngũ sắc] : đỏ, tím, hồng.

[Ngũ vị] : đắng.

Quẻ cấn

[Thiên thời] : mây; mù; mây mù ở thung lũng.

[Địa lý] : đường đất ở trên rừng gần sơn thành; lăng gò; mỏ mả; phương đông bắc; môn khuyết (thiếu, mất cửa).

[Nhân vật] : đàn ông trẻ tuổi; người rỗi việc; người trong núi; đồng tử.

[Tính cách] : cách trở; thủ tĩnh (giữ yên tĩnh); tiến thoái do dự; mặt sau; phản lại; ngừng lại; không gặp.

[Thân thể] : ngón tay; xương; mũi; lưng.

[Thời gian] : tháng giữa đông sang xuân; giờ ngày tháng năm sừu dần của tháng 12; ngày tháng 7, 5, 10; giờ ngày tháng năm thổ.

[Tính vật] : đất đá; quả dưa; vật màu vàng; vật trong đất; cửa chùa; vật do gỗ làm ra; dưa của loại cây dây leo sình ra.

[Động vật] : hổ; chó; chuột; các loại súc vật (bách cầm) thuộc loại mõm đen : hổ, ly.

[Nhà cửa] : yên ổn; nhiều việc gặp trở ngại; người nhà không hòa thuận; mùa xuân không yên.

[Nhà ở] : ở phương đông bắc; ở núi gần đá; nhà gần đường.

[Ẩn uống] : hương vị của vật ở trong đất, thịt các loại thú; thuộc măng trúc cạnh mộ; hương vị dân dã.

[Hôn nhân] : cách trở khó thành; thành nhưng muộn, chậm; lợi kết hôn với nam trẻ; nên kết hôn với người nông thôn; mùa xuân không lợi.

[Cầu danh] : cách trở vô danh; nên nhậm chức phía đông bắc; hợp với chức trông coi đất đai ở vùng núi.

[Sinh đẻ] : khó sinh; có chỗ hiểm yếu, trắc trở; nên hướng đông bắc; mùa xuân có tổn thất.

[Giao dịch] : khó thành; có việc giao dịch về ruộng đất rừng núi; mùa xuân có thua thiệt.

[Xuất hành] : không nên đi xa; có trắc trở; nên đi đường bộ và gần.

[Mong gặp] : không thể gặp; có trắc trở; nên gặp người vùng núi.

[Bệnh tật] : bệnh về ngón tay; bệnh về tì vị.

[Kiện tụng] : quý nhân cản trở làm chậm; kiện chưa được giải quyết; có liên quan không dứt được.

[Phần mộ] : huyết hướng đông bắc; huyết trong núi; gần bên cạnh đường có đá; mùa xuân không lợi.

[Tên chữ họ] : chữ viết tên họ bên cạnh có chữ thổ (土); ngôi thứ 5, 7, 10.

[Chữ số] : 5, 7, 10.

[Phương đường đi] : phương đông bắc.

[Màu sắc] : vàng.

[Ngũ vị] : ngọt.

Quẻ đoài

[Thiên thời] : mưa, trăng non, sao.

[Địa lý] : ao dầm; mép nước; ao nhỏ; giếng bỏ đi; chỗ núi nứt sụt lở, chỗ đất sỏi.

[Nhân vật] : thiếu nữ; thiếp; kỹ nữ; diễn viên; người phiên dịch; thầy bói; con gái đi ở.

[Tính cách] : vui mừng; ba hoa đơm đặt (miệng lưỡi); nói xấu; ăn uống.

[Thân thể] : lưỡi; miệng; hầu; phổi; đờm, nước bọt.

[Thời gian] : tháng tám mùa thu; giờ, ngày, tháng, năm dậu; ngày tháng năm kim; ngày tháng 2, 4, 9.

[Tinh vật] : kim đao (dao kim loại); kim loại; nhạc khí; vật phế thải; vật thiếu các phụ tùng; vật có miệng; vật hư gãy.

[Động vật] : dê; vật trong' ao hồ.

[Nhà cửa] : ở hướng tây; ở gần ao; nhà tường vách lở; nhà có hao tổn.

[Nhà ở] : không yên; để phòng cãi vã; mùa thu thì vui mừng; mùa hạ được nhà thì có tai họa.

[Ăn uống] : thịt dê; vật ở ao hồ; vị bình thường; vật đắng cay.

[Hôn nhân] : không thành; mùa thu không thành; có hỷ (vui); tốt cho người chủ hôn; kết hôn với thiếu nữ; mùa hạ không lợi.

[Sinh đẻ] : không lợi; e có tổn hại thai hoặc là sinh con gái; mùa hạ không lợi; nên ngồi hướng tây.

[Cầu danh] : khó thành; vì danh mà có tổn thất; lợi về nhận việc ở phía tây; nên làm hình quan (quan tòa); chức võ; người diễn viên, người phiên dịch.

[Cầu lợi] : không lợi mà còn có hại; vì tài lợi mà gây ra cãi vã; mùa thu có tin vui, có cửa; mùa hạ không lợi.

[Xuất hành] : không nên đi xa; để phòng cãi vã; hoặc mất mát; nên đi phía tây; mùa thu có lợi nên đi.

[Giao dịch] : khó có lợi; để phòng cãi vã; có cạnh tranh; mùa thu có lợi do giao dịch; mùa hạ không lợi.

[Mong gặp] : lợi đi về phía tây; gặp sẽ có chủi máng.

[Bệnh tật] : bệnh ở miệng, lưỡi, yết hầu; bệnh thổ đốc ngược; ăn uống không được.

[Phần mộ] : nên hướng tây; phòng trong huyết có nước; mộ gần ao hồ; hoặc táng ở huyết đất hoang; mùa hạ không nên.

[Kiện tụng] : tranh kiện mãi không thôi; quanh co không dứt khoát; vì kiện mà bị tổn hại; để phòng bị hình sự; mùa thu thắng lý được kiện.

[Chữ viết tên họ] : chữ viết tên họ có chữ khẩu (口), hoặc chữ kim (金) bên cạnh. Ngôi thứ 4, 2, 9.

[Chữ số] : 4, 2, 9.

[Phương đường đi] : phương tây.

[Màu sắc] : trắng.

[Ngũ vị] : cay.

Chú thích :

(1) Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm : tuất sang hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là tuất, tháng 10 là hợi, quẻ càn chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng nghiệm của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ tuất, hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là : "ngũ kim" là chỉ "kim" trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ càn, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim : canh, tân, thân, dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như thế).

(2) Ngôi thứ 1, 4, 9 : quẻ càn vượng tương ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ càn. Ngôi hàng 1, 4, 9 tức người đó là con dậu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.

(3) Số 1, 4, 9 : có nghĩa là lệnh tháng của tháng giêng, tháng tư, hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149 : cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.


(4) Tháng thìn tuất sừ mùi, giờ ngày tháng năm : mùi, thân : quẻ khôn ngũ hành thuộc thổ, gặp tháng thổ : thìn tuất sừ mùi thì vượng. Thời gian ứng nghiệm của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ thìn tuất sừ mùi. Mùi thân là phương vị của quẻ khôn nên còn có thể đoán quẻ khôn và tháng năm hoặc ngày giờ mùi, thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.


III. NGÔI CỦA QUẾ

Trong quẻ từ và hào từ của sáu mươi tư quẻ trong "Kinh dịch", vốn khôn nói về ngôi quẻ. Trong "Hệ từ" tuy nói "bi, cao là trần; quý, hèn là ngôi" "Tượng" nói về "ngôi" rất nhiều, có "ngôi cương" "được ngôi" v.v... "Thuyết quái" có "trời đất định vị" "có quân thần sau đó mới có trên dưới" v.v... để là nói về "ngôi" nhưng chưa bàn về "ngôi quẻ". Do đó có thể khẳng định thuyết "ngôi quẻ" là người đời sau căn cứ vào "ngôi" đã nói ở trên và trong ứng dụng dự đoán, trong kinh nghiệm thực tiễn mà tổng kết ra. Những kinh

nghiệm này rất quý, rất quan trọng, là phần không thể thiếu được trong dự đoán thông tin. Nó đã cung cấp cho người đời sau các điều kiện đáng tin cậy và có lợi để dự đoán thông tin. Lúc tôi dự đoán thường dùng ngôi quẻ, ngôi hào để định việc, định người, định vật, thực tiễn chứng minh là rất chính xác. Ví dụ ngày 24 tháng 8 năm 1986 khi dự đoán quẻ "vị tể" về "trời sét", quẻ động là quẻ "mông" trong đó đã dùng phương pháp đoán "ngôi", kết quả rất chuẩn.

Ngôi của bát quái chính là ngôi của hai quẻ kinh ghép với nhau. Ngôi của quẻ thuộc về tượng quẻ, tượng quẻ bao gồm ngôi quẻ.

Ngôi quẻ có tất cả bảy loại : 1- hai quẻ chồng nhau thì có ngôi trên, ngôi dưới hay gọi là quẻ thượng, quẻ hạ; 2- hai quẻ chồng nhau có ngôi trong, ngôi ngoài, còn gọi là quẻ nội, quẻ ngoại; 3- quẻ giống nhau chồng lên nhau thì có ngôi trước, ngôi sau, tức quẻ thường là quẻ tiền, quẻ hạ là quẻ hậu; 4- hai quẻ khác nhau chồng lên nhau thì có ngôi âm, ngôi dương, còn gọi là quẻ âm, quẻ dương. Như quẻ  ngoài âm trong dương; 5- hai quẻ chồng lên

nhau có ngôi cứng, ngôi mềm, như quẻ  ngoài cứng trong mềm; 6- cùng một quẻ chồng lên nhau thì có ngôi song song hoặc ngôi trùng nhau; 7- hai quẻ chồng lên nhau có ngôi xa, ngôi gần, ngôi ngoài là xa, ngôi trong là gần.

Bảy loại này khi dùng sẽ thấy mỗi loại có hàm ý khác nhau. Ví dụ khi dự đoán về nạn lụt, quẻ ngoại có nước, quẻ trong không có nước tức là vùng ngoài có thủy tai, vùng trong (vùng bản địa) không có thủy tai, vùng xa có nạn lụt, vùng gần không có, không thể giải là phía trên có lụt, phía dưới không có lụt; cũng không thể nói ngôi cứng có lụt, ngôi mềm không có. Tóm lại, phương pháp dùng của ngôi quẻ, ngôi hào là căn cứ vào sự việc dự đoán cụ thể mà định, điều đó rất biện chứng, không phải nhất luật như nhau.

IV. TƯỢNG HÀO, SỐ HÀO

Tượng hào

Quẻ có tượng quẻ, hào có tượng hào, đầu tiên có tượng hào sau đó mới có tượng quẻ. "Hệ từ" nói "quan biến ư âm dương nhi lập quẻ" (xem âm dương biến mà lập quẻ) cho nên tượng hào cũng chính là âm dương vậy. Tượng hào chỉ có hai loại tức là hai phù hiệu cơ bản cấu tạo thành bát quái : hào âm (— —), hào dương (— — —).

Hào dương tượng trưng cho dương, trời, vua, quân tử, đại nhân, cha, đàn ông, số lẻ, vật dương tính, cứng, mạnh, động, v.v...

Hào âm tượng trưng cho đất, người dân, tiểu nhân, mẹ, đàn bà, số chẵn, vật tính âm, mềm, yếu, tĩnh, v.v...

Số hào

Số hào nguồn gốc là từ "số của trời đất cộng lại 55". Lấy số sáu vạch của tượng quẻ mà dùng cho 49 quẻ. Số hào của quẻ là số ngôi của hào trong quẻ đó.

Một quẻ có sáu hào, cách tính số hào là kể từ dưới lên trên. Hào thứ nhất gọi là hào đầu, hào thứ hai là hào hai..., hào thứ sáu là hào thượng.

Để phân biệt âm dương, hào dương dùng số chẵn, hào âm dùng số lẻ. Cho nên hào dương của quẻ dương gọi là "cửu sơ" "cửu nhị"... "cửu ngũ" "cửu thượng". Hào âm của quẻ âm gọi là "lục sơ", lục nhị"... "lục thượng". Trong một quẻ có hào âm, hào dương thì căn cứ vào ngôi thứ của hào rồi thêm vào phía trước đó một chữ "lục" hay "cửu" là được.

Quẻ cần nhiều hơn một hào "dụng cửu", quẻ khôn nhiều hơn một hào "dụng lục". Hai quẻ này mỗi quẻ có bảy số hào. Những quẻ khác đều không có hai hào này. Vì quẻ cần biến thành khôn phải lấy "hào từ" "dụng cửu" để định cát, hung; quẻ khôn biến thành cần cũng phải lấy "hào từ" "dụng lục" để định cát hung.

V. NGÔI HÀO

"Thuyết quái" nói : "Đạo lập thiên gọi là âm với dương; đạo lập địa là mềm với cứng; đạo lập nhân là thiện với ác. Dù cả tam tài mà chỉ có hai yếu tố, cho nên "biến" sáu vạch mà thành quẻ, chỉ có âm dương, chồng lên nhau mà thành cương nhu, nên "biến" cả sáu ngôi mà thành tất cả". Tam tài đó là thiên, địa, nhân vậy.

1. Ngôi thiên, ngôi nhân, ngôi địa : một quẻ có sáu hào, hào năm và hào sáu là ngôi thiên, hào ba và hào bốn là ngôi nhân; hào đầu và hào hai là ngôi địa. Hào năm, hào ba, hào đầu là ngôi chính của thiên, nhân, địa.

2. Ngôi thượng, ngôi trung, ngôi hạ : hào thượng của một quẻ là ngôi thượng. Hào trung của quẻ thượng và hào trung của quẻ hạ là ngôi trung, hào đầu là ngôi hạ.

3. Ngôi dương, ngôi âm : một quẻ có sáu hào, hào sơ hào ba, hào năm là ngôi dương; hào hai, hào bốn, hào sáu là ngôi âm.


4. Đồng ngôi : một quẻ có sáu hào, quẻ nội quẻ ngoại đều có các ngôi hào thượng trung hạ. Hào sơ phía dưới quẻ nội, hào bốn ở phía dưới của quẻ ngoại là đồng ngôi; hào hai ở giữa quẻ nội, hào năm ở giữa quẻ ngoại là cùng ngôi giữa; hào ba ở phía trên quẻ nội, hào thượng về phía trên quẻ ngoại cùng ở ngôi thượng.

5. **Ngôi sang và hèn** : "Hệ từ" nói : "thiên tôn địa bĩ, càn khôn định", "bĩ cao dĩ trăn quý, tiện" (trời sang đất hèn, càn khôn đã định). Ngu Phan nói : "càn cao quý ngũ, khôn bĩ tiện nhị" (càn cao quý ở năm, khôn bĩ hèn ở hai) ("Chu dịch tập giải"). Rõ ràng hào năm là ngôi sang của thiên tử, cái hèn của hào hai là hèn của tiểu nhân.


6. **Cương nhu ở ngôi tôn quý** : hào năm của mỗi quẻ là ngôi trời, ngôi vua, ngôi tôn quý. Dương ở hào năm là cương ở ngôi tôn quý. Âm ở hào năm là âm tôn quý. Ở ngôi tôn quý như người ở ngôi đế vương.


7. **Âm dương được ngôi và không được ngôi** : các hào đầu, hào ba, hào năm của một quẻ ở ngôi dương; hào hai, hào bốn, hào sáu ở ngôi âm. Dương ở ngôi dương, âm ở ngôi âm là được ngôi hay gọi là xứng ngôi, chính ngôi, chính vị, tại vị. Nếu hào âm ở ngôi dương, hào dương ở ngôi âm là không được ngôi, mất ngôi, không xứng ngôi. Được ngôi giống như người ở địa vị đáng được, ở hoàn cảnh có lợi, hoặc tài đức tương xứng với chức vụ, hoặc việc làm tương xứng với chức vụ, nếu không thì không tương xứng, không lợi. Được ngôi thì thuận lợi, không được ngôi tượng trưng cho bất lợi.



8. **Cương, nhu cùng thặng** : Một quẻ có sáu hào, năm hào ở dưới là cương, hào trên cùng là nhu. Cương thặng nhu là cương chế được nhu. Ngược lại năm hào dưới là nhu, hào trên cùng là cương. Nhu thặng cương là nhu chế được cương.

Ví dụ :  là cương chế nhu.

9. **Nhu phục tùng cương**. Hào âm dưới hào dương là hình tượng nhu thuận theo cương, như thần dân thuận theo vua chúa, phụ nữ thuận theo đàn ông, nhu thuận theo cương.

Ví dụ ; .

10. **Nhu vượt cương**. Hào âm ở trên hào dương là hình tượng giả dối, như thần dối vua, nữ lừa nam vậy. Ví dụ  hào hai là nhu ở trên hào đầu nên là nhu vượt cương.

11. **Cương nhu tương ứng**. Năm nhu ứng một cương, một quẻ sáu hào, chỉ cần một trong bốn hào ở giữa là hào dương tức là cương, những hào còn lại đều là âm, là nhu. Cứ năm nhu ứng một cương là thuận, ví dụ  là dân theo vua. Ngược lại, nếu năm cương ứng với một nhu, ví dụ :  ("tiểu súc") là vua theo tiểu nhân.

12. Tương ứng. Một quẻ có sáu hào, còn có hào tương ứng với hào nữa. Thứ tự tương ứng là hào đầu tương ứng với hào tư, hào hai tương ứng với hào năm, hào ba tương ứng với hào sáu. Tương ứng là tương ứng âm dương, hào âm dương; dương với dương, âm với âm, là không tương ứng, là âm dương bất hòa.

13. Ngôi hào cái hung. "Hệ từ" nói : "Hai và bốn đồng công nhưng khác ngôi", tức là hào hai và hào bốn đều là số chẵn, âm, nhu, nên lấy nhu để vâng mệnh, cho nên nói : "hai và bốn đồng công". Nhưng hào hai thuộc quẻ nội, hào bốn thuộc quẻ ngoại, do đó chúng khác ngôi.

"Hai thì vinh dự, bốn thì sợ hãi", tức theo từ hào, hào hai nhiều vinh dự, hào bốn nhiều lo sợ, vì trong ngôi có chia ra xa và gần. Hào hai ở giữa quẻ trong tức chỗ gần, nhiều vinh dự. Hào bốn ở quẻ ngoài, chỗ xa, nên nhiều lo sợ.

"Ba nhiều hung, năm nhiều công, nên khác nhau về cấp sang hèn". Trong hào tứ, hào ba nhiều hung là vì nó ở cực của quẻ hạ, chỗ bí hèn. Hào năm nhiều công là vì nó ở giữa quẻ thượng, chỗ tôn quý. Hai hào này khác nhau về công và hung, nên phân ra là sang, hèn vậy.

VI. SỐ CỦA ĐẠI DIỆN

Trong "Hệ từ", "số của đại diện là năm mươi, nhưng dùng có bốn mươi chín". Số này dùng để gieo quẻ. Nhưng số này nói cho cùng là từ đâu đến ? Từ xưa đến nay đều đang tìm lời giải đáp. "Chu dịch tập giải" đã chú thích về số này như sau : "Trời cao bắt đầu từ ba trở đi đếm tiếp 5, 7, 9, không lấy 1. Đất bắt đầu từ 2 nhưng đếm ngược lại từ 10, 8, 6, không lấy 4". Vì thế mới xuất hiện số dương là 3, 5, 7, 9; số âm là 2, 10, 8, 6, cộng tất cả gồm tám số. Tám số này theo bát quái cùng phối lại.

Cấn là thiếu dương, số của nó là 3. Khảm là trung dương, số của nó là 5. Chấn là trưởng dương, số là 7. Càn là lão dương số 9. Đoài là thiếu âm, số 2. Ly là trung âm, số 10. Tốn là trưởng âm, số 8. Khôn là lão âm, số 6. Như vậy tổng số của bát quái là 50, nên gọi là "số của đại diện". Vì số 1 và số 4 không ở trong bát quái nên số đại diện không dùng. Còn vì 1 là thái cực, bỏ đi không dùng do đó 50 bỏ đi 1, còn lại 49, nên chỉ dùng 49.

Số của đại diện là 50, vốn là số trời đất bỏ đi 5. Để tìm ra lai lịch số 49, cổ nhân đã dựa theo số của trời đất để diễn quẻ. Ví dụ : trời 1, đất 2, trời 3, đất 4, trời 5, đất 6, trời 7, đất 8, trời 9 đất 10. "Số trời năm, số đất cũng năm", tức 1, 3, 5, 7, 9 là số trời, 2, 4, 6, 8, 10 là số đất. "Số trời là 25, số đất 30, tổng lại là 55". Cho nên Đào Tín xưa nói : "Số của trời đất là 55. Số 6 là số 6 mặt, cho nên giảm đi còn 49". Cách nói này tuy chưa chắc đã

đúng với ý ban đầu, nhưng có thể nói rõ vấn đề, tức là do kết quả 55 trừ đi 6.

Nguồn gốc số của đại diện, vì sao phải bỏ đi một cây cỏ thì không dùng mà chỉ dùng 49 cây ? Vấn đề này, ngày nay vẫn đang tìm tòi lời giải đáp.

Về việc bát quái là số của vạn vật, cũng là thông qua số đại diện để lấy quẻ (bói cỏ thi) mà ra. Cũng tức là cổ nhân đã dùng phương pháp chiêm bosc cỏ thi. Đây là phương pháp cổ nhất, hoàn chỉnh nhất còn lưu lại đến ngày nay. Nhưng cách tính của nó vô cùng phức tạp.

Sáu mươi tư quẻ, tất cả có 384 hào. Số hào dương có 192, hào âm cũng 192. Càn là lão dương, mỗi hào có 36 sách; khôn là lão âm, mỗi hào 24 sách.

Nên $36 \text{ sách} \times 192 \text{ hào} = 6.912 \text{ sách}$ (càn)
 $24 \text{ sách} \times 192 \text{ hào} = 4.608 \text{ sách}$ (khôn)

Cả hai số cộng lại ($6.912 + 4.608$) là 11.520 sách. Người xưa đã dùng số sách này đại diện để nói lên số của thế giới vạn vật biến hóa thành.

VII. NGUYÊN, HANH, LỢI, TRINH

Trong quẻ từ và hào từ của "Chu dịch" bốn chữ : nguyên, hanh, lợi, trinh xuất hiện rất nhiều lần. Nếu không hiểu nghĩa bốn từ này thì khó mà hiểu được lời văn của quẻ.

Bốn chữ nguyên, hanh, lợi, trinh có rất nhiều người chú giải. Gần đây ngài Cao Hanh đã chú giải bốn chữ này rất tỉ mỉ. Vì nội dung nhiều nên ở đây chỉ dựa theo những chương có liên quan của "Chu dịch cổ kinh kim chú" để giới thiệu vấn đề cho mọi người tham khảo.

"Nguyên, hanh, lợi, trinh" là bốn đức tính của con người.

Nguyên : lấy nhân làm gốc, hanh : lấy lễ làm bản lễ, lợi : lấy nghĩa làm cốt lõi, trinh : lấy sự chắc chắn, cố định làm chất". "Ý nghĩa đầu tiên của nguyên, hanh, lợi, trinh là : nguyên là to, hanh là hanh lễ, lợi là lợi ích, trinh là chữ trinh trong trinh bosc".

1. Nguyên

1) Nguyên cát : nguyên cát là đại cát.

2) Nguyên hanh : nguyên hanh là đại hanh.

3) Nguyên phu : nguyên phu có tên là nguyên lão, nguyên hầu, nguyên nữ, đại phu.

2. Hanh

- 1) Hanh : hanh lợi, hanh cát, hanh trinh.
- 2) Tiểu hanh : tiểu hanh là người xưa cử hành tiểu hanh lễ.
- 3) Nguyên hanh : nguyên hanh tức là đại hanh.

3. Lợi

- 1) Không có cái gì không lợi : bói cỏ thi được quẻ này hoặc hào này thì việc đã làm rất có lợi.
- 2) Cái gì cũng có lợi : bói cỏ thi được quẻ này hoặc hào này thì việc gì cũng có lợi.
- 3) Lợi một mặt nào đó hoặc không lợi mặt nào đó hoặc đối với ai đó không có lợi.
- 4) Lợi trinh : việc đã làm là có lợi.

4. Trinh

- 1) Trinh cát : việc định bói là việc tốt, việc nào đó hoặc người nào đó tốt.
- 2) Trinh hung : đều chỉ việc định bói là xấu, việc nào đó xấu, người nào đó xấu.
- 3) Trinh lịch : lịch là nguy. Việc định bói nguy hiểm.
- 4) Khả trinh : Việc định bói là có thể làm hoặc không thể làm.
- 5) Lợi trinh : Việc này có lợi, quẻ này có lợi.

VIII. CÁT, LẶN, LỆ, HỐI, CỬU, HUNG

Trong "Chu dịch" có các từ "cát, lận, lệ, hối, cửu, hung", không những là tiêu chí cát hung của từ hào, từ quẻ mà cũng là mức độ nặng nhẹ khác nhau của cát hung. Chỉ có hiểu và nắm vững tiêu chí nặng, nhẹ của cát hung mới có thể dự đoán được chính xác. Dưới đây đưa ra một số giải thích theo lời bàn của ngài Cao Hanh trong "Kinh dịch cổ kinh kim chú".

1. Cát

- 1) Cát là thiện. Việc ấy có kết quả thiện, là cát, là tường phúc.
- 2) Sơ cát : Cát phân thành sơ cát, trung cát, chung (cuối) cát, là ba giai đoạn của sự việc.
- 3) Trinh cát : là chiêm cát, là được quẻ đoán cát.
- 4) Đại cát : Phúc tường rất to.
- 5) Nguyên cát : Nguyên cát cũng to giống đại cát.

2. Lận

- 1) Chữ lận trong "Chu dịch" là mượn chữ "lân". "Thuyết văn" nói : lận là khó làm, lận là khó. Lận là chỉ việc khó làm, hoặc gặp việc gian nan.
- 2) Tiểu lận : gặp phải tiểu nhân, khó khăn.
- 3) Chung lận : cuối cùng khó khăn, tận cùng vẫn khó.
- 4) Trình lận : là quẻ bói gặp khó khăn.

3. Lệ :

- 1) Chữ lệ trong "Chu dịch" là nguy, nguy hiểm.
- 2) Hữu lệ : có nguy hiểm.
- 3) Trình lệ : là việc trong quẻ có nguy hiểm.

4. Hối

- 1) Hối : hối hận về sau, ở vào thế khó khăn quẫn bức, lo lắng.
- 2) Hữu hối : thế khó khăn.
- 3) Hối hữu hối : do việc khó khăn dẫn đến khó khăn.
- 4) Vô hối : không khó khăn.
- 5) Hối vong : trước đây có hối, nay đã mất.

5. Cửu

Trong "Chu dịch", cửu nặng hơn hối nhưng nhẹ hơn hung. Hối là thế khó khăn nhỏ, nhẹ hơn, còn hung là tai ương to lớn, cửu là tai họa nhẹ.

- 1) Vi cửu : sẽ thành tai họa.
- 2) Phi cửu : "Phi" hàm ý "phi", phi cửu là không có tai họa.
- 3) Hà cửu : không đến nỗi tai họa.
- 4) Vô cửu : là không có tai họa.

6. Hung

Hung là ác, việc đó có kết quả là hung, là tai họa.

- 1) Hung : quẻ bói này hung, xấu.
- 2) Chung hung : việc ấy kết quả cuối cùng là hung.
- 3) Hữu hung : có tai ương.
- 4) Trình hung : nói quẻ bói này hung.

Cát, lận, lệ, hối cửu, hung có nghĩa là : cát thì phúc tường; lận là gian khó; lệ là nguy hiểm; hối là thế khó khăn; cửu là tai họa nhẹ; hung là tai họa.

Chương 3

BÁT QUÁI VỚI KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

"Chu dịch", là bộ sách bàn về lý, tượng, số, chiêm. Về hình thức và phương pháp giống như là một tác phẩm chuyên luận về âm dương bát quái. Nhưng thực chất là dùng phương pháp bát quái để dự đoán thông tin. Vấn đề cơ bản nhất của nó là dùng vũ trụ quan một phân làm hai và quy luật đối lập thống nhất, là dùng phương pháp duy vật biện chứng, chỉ rõ quy luật tự nhiên của quá trình phát triển, biến hóa giữa các sự vật trong vũ trụ. Nội dung của nó vô cùng phong phú, phạm vi đề cập rất rộng, trên bàn thiên văn, dưới bàn địa lý, giữa bàn việc đời và con người, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội, từ sản xuất đến cuộc sống, từ bậc đế vương trị quốc ra sao cho đến người dân phải làm người như thế nào. Tất cả đều được bàn một cách tỉ mỉ, thật là bao gồm khắp hết, không đâu không bàn đến. Ở chương này chủ yếu sẽ nói rõ vì sao sách "Chu dịch" bị quy là mê tín phong kiến, mối quan hệ của nó với khoa học là ở đâu và nó đã cống hiến cho nhân loại những gì.

I. VỀ VẤN ĐỀ "MÊ TÍN PHONG KIẾN" CỦA BÁT QUÁI

Xưa nay vẫn tồn tại hai cách nhìn khác nhau đối với bộ sách "Chu dịch". Loại ý kiến thứ nhất : cho bộ sách này, dù từ dịch lý hay tượng số đều có giá trị quý báu về khoa học, là bảo vật của dân tộc Trung Hoa. Loại ý kiến thứ hai lại cho rằng bộ sách này xét về tổng thể mang màu sắc thần học, quỷ thần, tuy về quan điểm triết học và lịch sử, nó có giá trị thực tế nhất định. Họ cho rằng bát quái trong "Chu dịch" là một thứ "mê tín phong kiến", "duy tâm", "siêu hình". Cho nên trong lịch sử cũng xuất hiện cuộc tranh luận của "phái dịch lý" và "phái tượng số" với hai quan điểm khác nhau. Nhưng từ năm 1949 trở về trước xa xưa, người làm dịch lý chỉ bàn về phương diện lý luận, người nghiên cứu dịch số (ứng dụng) thì từ dịch số mà mò mẫm theo thực tiễn. Từ sau đời Hán, nghiên cứu tượng số khá thịnh hành, đến đời Tống tượng số rất hưng vượng và đã có cống hiến to lớn cho khoa học dự đoán của Trung Quốc. Những nhân vật tiêu biểu cho thời kỳ này có Trần Bác, Chu Hy, Thiệu Khang Tiết, v.v...

Từ sau 1949, việc nghiên cứu "Chu dịch" của Trung Quốc tuy bị ngừng lại, nhưng ngoài những tham luận có liên quan với Kinh dịch ra, phần nhiều đều nghiên cứu về mặt lịch sử và triết học. Còn đối với bát quái thì cho rằng

nó thuần là "mê tín phong kiến", "duy tâm, siêu hình", thành loại tư tưởng bị cấm, nhất là dùng bát quái để dự đoán thông tin về tự nhiên và con người, càng bị cấm, không ai dám nói đến.

Sau năm 1984 việc nghiên cứu "Chu dịch" của Trung Quốc, đặc biệt là nghiên cứu tượng số cơ bản đã thay đổi. Mười năm lại đây tuy đã tốt hơn nhiều nhưng vẫn chưa được coi trọng đầy đủ, cho nên ngày 11 tháng 12 năm 1987 Nhân dân nhật báo đã đưa tin về cuộc Hội thảo học thuật "Chu dịch" quốc tế. Trong tin đó nói : "Việc nghiên cứu tổng hợp dịch lý và tượng số đã giành được những bước tiến to lớn trong khoa học liên ngành, trong nhiều tầng lớp, nhiều kênh, nhiều góc độ, nhất là xu thế nổi bật trong nghiên cứu khoa học đa ngành". Điều đó làm cho cuộc tranh luận giữa hai phái "dịch lý" và "dịch số" trong nghiên cứu "Chu dịch" trên hai nghìn năm ở nước ta và mấy thế kỷ gần đây của thế giới được giải quyết một cách tương đối tốt.

Nguyên nhân nói "Chu dịch" là "mê tín phong kiến", là "duy tâm, siêu hình" là ở mấy điểm sau :

1. Vì trong sách "Chu dịch" có các chữ "thần", "quỷ", "tế lễ", "thiên hữu". Hơn hai nghìn năm về trước sách "Chu dịch" đã ra đời, nếu yêu cầu tác giả lúc đó không có quan niệm thần quỷ là không khách quan. Cho nên, chúng ta đối với bộ sách này cũng nên như thế. Chúng ta không nên vì trong sách có chữ "quỷ", "thần" mà đã vội cho là nó tuyên truyền "mê tín", không đi sâu phân tích, đó không phải là thái độ khoa học. Ví dụ trong kho tàng y học của nước ta, trong nhiều chương của "Hoàng đế nội kinh" đều đề cập đến các từ của chuyện quỷ thần, nhưng giới y học vẫn không cho rằng đó là mê tín phong kiến mà với thái độ khoa học sàng lọc nên đã góp phần thúc đẩy y học nước ta phát triển nhanh chóng. Số từ quỷ thần ghi trong "Chu dịch" so với "Hoàng đế nội kinh" còn ít hơn rất nhiều.

Các từ quỷ thần trong "Chu dịch" qua khảo sát, thống kê thì thấy : "Kinh Chu", tức, quẻ từ hào từ của 64 quẻ không có chữ "thần", có ba chữ "quỷ", bảy chữ "tế lễ", "tự thiên hữu" có một chữ. Trong "tượng" bốn chữ có chữ "thần", sáu chữ có chữ "tế", "tự thiên hữu" và "thượng hữu" mỗi chữ có một chữ. Trong "văn ngôn" hai chữ có chữ "thần". Trong "Hệ từ" hai mươi chữ có chữ "thần", hai chữ có chữ "quỷ", hai chữ có chữ "tự thiên hữu". Trong "thuyết quái" hai chữ có chữ "thần". Toàn sách hai mươi chữ có chữ "thần", mười ba chữ có chữ "tế lễ", năm chữ có chữ "quỷ", "tự thiên hữu" và "tự thượng hữu" mỗi chữ có năm chữ. Đó là toàn bộ "tội chứng" mê tín phong kiến" của bát quái. Bây giờ ta thử xem qua các chữ "thần", "quỷ" trong "Chu dịch" thực chất là thế nào.

1) Các chữ thần, quỷ trong "Chu dịch" nguồn gốc là ở chú thích của người đời sau. Sáu mươi tư quẻ trong "Chu dịch", bất kể là trong "quẻ từ" hay "hào

từ", đều không có chữ thần nào, tuy có ba chữ "quỷ" trong các câu "tái quỷ nhất xa", "Cao Tông phiệt quỷ phương" và "Chấn dụng phiệt quỷ phương" nhưng câu đầu chữ "quỷ" là hình dung từ, câu sau chữ "quỷ" là tên của một tộc (theo Thiệu Vi Hoa : quỷ phương là một dân tộc ở biên giới đời nhà Ân, hoặc "quỷ phương" tức là một tộc thời Ân Cao Tông đã kịch chiến với nhà Ân. Nói một cách khác, sau này gọi quỷ phương là hung nô). Cho nên sáu mươi tư quẻ căn bản không phải là cái gì nói về thần, quỷ, hoặc là việc cầu thần hỏi quỷ.

Các từ "quỷ, thần" trong "Chu dịch" nguồn gốc là từ sách "Thập lục" của người xưa. Nhưng các nhà chú giải "Dịch" ở các triều đại khi giải thích "quỷ thần" tuy có hai loại quan điểm khác nhau, nhưng đa số đều lấy "quỷ thần" để so sánh với sự biến hóa của hai khí âm dương.

Như trong câu "Cố tri quỷ thần chi tình trạng" của "Hệ từ", chữ "quỷ" trong câu là chữ "quy", chữ "thần" là chữ "thân". "Thần vô phương, "dịch vô thể", ý của câu này là nói quy luật biến hóa vô cùng thần diệu, cho nên chữ "thần" này không phải là quỷ thần.

Trong sáu mươi tư quẻ, có bảy chữ "tế lễ", trong đó có bốn chữ là nói đến việc tế lễ, nhưng không phải là của quẻ từ mà là hào từ, và cũng không phải là từ chính. Ví dụ "Hỗ nại lợi dụng được" tức là vạch trần tội ác chủ nô ngày xưa dùng tù binh để làm tế vật.

Trong sách có một số việc "tế lễ", phần nhiều là cổ nhân gán cho bát quái. Như trong quẻ từ của "quẻ chấn" vốn không có từ tế lễ, nhưng trong "tượng" khi giải thích đã thêm vào câu : "khả dị thủ tôn miếu xã tắc, dị vi tế chủ dạ" (có thể giữ tôn miếu xã tắc, lấy làm tế chủ vậy). Những trường hợp đại loại như thế quả thực đã làm căn cứ cho một số người đời nay phủ nhận bát quái là một khoa học.

2) Có nhiều "lý do" làm cho người đời nay gán cho "bát quái là mê tín". Kỳ quái nhất là người xưa và người nước ngoài đều thừa nhận bát quái là khoa học thì ngược lại tự chúng ta có một số người lại kịch liệt phản đối. Biện pháp có hiệu quả nhất của họ là lợi dụng dịp chú thích để tìm cách phủ lên cho bát quái một lớp màu sắc quỷ thần. Ví dụ trong "tượng truyện" của quẻ "khiêm" có một câu "thần quỷ hại doanh nhi phúc liêm", Trình Di, nhà lý học nổi tiếng ngày xưa đã giải thích là "tạo hóa chi tích", Ngô Phán theo quẻ tượng giải thích là "quỷ vị tứ, thần vị tam (chỉ hào ba, hào bốn) khôn vi quỷ hại, càn vi thần phúc". Trần Địa Kinh triều Thanh làm "mạn chiêu tổn, khiêm thụ ích", đều không phải chỉ việc của quỷ thần mà gần đây có người chú là "thần đạo của câu này nói rõ khiêm thì hanh, không khiêm thì không hanh".

Lại còn hào từ chín mươi lăm của quẻ "ký tế" có nói "đông lân sát ngư, bất như tây lân chi (được) tế, thực thụ kỳ phúc", cổ nhân phần nhiều đều từ

quẻ tượng mà giải thích. "Chu dịch tập giải" cho rằng : chín mươi làm là đông, sáu mươi hai là tây, khảm là thủy, ly là ngu, thủy diệt hỏa vì sát ngu. Đông chỉ triều Ân, Tây chỉ triều Chu. Cho nên hào từ của hào này ý nói vương triều Ân phải diệt vong, dùng sát ngu để tế lễ quỷ thần cũng vô ích, triều Chu thuận với sự phát triển của lịch sử, được lòng người, dù không sát ngu tế quỷ thần cũng vẫn hưng khởi. Cách dùng chữ "sát ngu" ở đây không những là tỉ dụ mà còn nói lên một cách đầy đủ tư tưởng duy vật đơn giản của người xưa. Nhưng người đời nay khi chú giải lại gán cho người xưa là gây mê tín, cầu thần bảo hộ.

Hay như hào từ chín mươi làm của "quẻ độn" nói : "Phi độn vô bất lợi". Ở đây chữ "phi", ngày xưa là chữ "phì", cho nên "phì độn" có nghĩa là "cao chạy xa bay". Thế nhưng người ngày nay cưỡng gán cho "phì độn" là "phì đôn" (lợn béo) để nói thành ý tế thần.

2. Lý do thứ hai nói bát quái là mê tín phong kiến vì : khi bói quẻ phải cầu thần dâng hương, tâm có thành mới linh ứng.

Trong lời nói đầu của "Chu dịch thông nghĩa" nói : "Cổ nhân mê tín, gặp việc hồ nghi vẫn hay cầu thần". Trong một số chú giải của "Chu dịch" có ghi cổ nhân khi bói cỏ thi, thì dâng cỏ lên làm nghi thức. Sau triều Tống, có một số sách bàn về bói toán cũng đến trước khi bói phải đốt hương cầu quẻ. Tôi cho rằng những cách làm này vừa không phải là bản thân "Chu dịch" vốn có, càng không phải là "tôn chỉ" của "Kinh dịch", mà là cách làm huyền ảo của những người bói toán dẫn đến, không thể cưỡng gán cho sáu mươi tư quẻ của "Chu dịch".

Trong hào từ quẻ "mông" có câu : "sợ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cát. Lợi trinh". Xã hội ngày nay khi tiến hành dự đoán cũng chỉ có thể làm theo nguyên tắc này.

Vì sao khi đoán chỉ có thể lắc một lần quẻ mà không thể lắc lần thứ hai, lần thứ ba ? Đó là vì khi ta khát quẻ, lấy ba đồng tiền lắc, tiền là kim loại có từ tính, thân thể người ta cũng có từ trường, thông qua từ trường mà những thông tin cần dự đoán phản hồi vào đồng tiền để ứng vào quẻ. Nếu lắc lại lần thứ hai, thứ ba thì do ý niệm của mình mỗi lần khác nhau nên lắc mạnh nhẹ khác nhau, làm cho thông tin phản hồi khác nhau. Do đó kết quả của các lần lắc khó mà giống nhau được. Như vậy tức là ba lần lắc là ba tượng quẻ, hào động của mỗi quẻ khác nhau, chủ sự việc khác nhau, cuối cùng lấy tượng quẻ nào làm chủ, người gieo quẻ không định đoạt được, cho nên người xưa căn cứ kinh nghiệm lấy quẻ đầu làm chủ và không lắc lần thứ hai, thứ ba nữa. Đó vốn là vấn đề nguyên tắc hoặc là phương pháp lấy quẻ, nhưng có một số nhà dịch học không hiểu được phương pháp lấy quẻ này đã giải thích "sợ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cát" là : "nếu người bói cho rằng cỏ thi không chuẩn, lại lắc lại, tức là phạm đến quỷ thần, quỷ thần sẽ không

mách bảo nữa". Nói thế tức đã hoàn toàn hiểu sai. Sự hiểu nhầm này tất nhiên sẽ dẫn đến nhận thức sai.

Về cách nói "tâm thành tắc linh" trong một số sách cổ chính là cường điệu người xin quẻ lòng phải thành, lòng thành mới có thể đoán được đúng. Cách nói ấy cũng làm cho bát quái trở thành cái cơ mê tín.

"Tâm thành thì ứng nghiệm" thật ra không thuộc vấn đề mê tín. "Tâm thành" nói theo cách hiện nay là "ý nghĩ phải tập trung", tức là người đến hỏi việc phải tập trung sức chú ý vào việc muốn hỏi, từ đó thông qua tác dụng của từ trường thân thể mình, chuyển tin tức đến đồng tiền qua tay, như vậy mới phản ánh chính xác vào quẻ được. Nếu "ý niệm" của người xin quẻ không mạnh, tinh lực không tập trung, suy nghĩ lung tung, thông tin sẽ bị nhiễu, không phản ánh chính xác vào tượng quẻ nên đoán sẽ không chuẩn. Điều này cũng giống như ta luyện khí công, khi "ý nghĩ" không tập trung việc tập sẽ không đưa lại hiệu quả. Ngày xưa còn nêu ra : không có việc không xem quẻ, không bị ảnh hưởng không xem quẻ, không động không xem quẻ, không cần không xem quẻ, không khác thường không xem quẻ v.v... tất cả những cái đó đều thuộc phạm trù "ý nghĩ" và là vấn đề nguyên tắc trong dự đoán.

3. Không ít người cho rằng : "Bát quái dự đoán cát hung là duy tâm, siêu hình". Những kẻ đó không hiểu biết khoa học về con người, họ phủ nhận cách nói con người có cát hung, họa phúc, cho nên họ mới nói bát quái đoán được cát hung, họa phúc của con người là duy tâm, là siêu hình".

Trong "Hệ từ" có nói : "Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Cát hung, họa phúc ở đây thực tế là vấn đề được và mất, thắng và bại.

Trời đất có sinh sát, vạn vật có bắt đầu và kết thúc, đế vương có hưng suy, nhân sự có cát hung. Đó là quy luật phổ biến của thế giới. Vũ trụ là một đại thiên thể, con người là một tiểu thiên thể. Âm dương ngũ hành vận động trong vũ trụ dẫn đến sinh khắc biến hóa, tự nhiên sẽ ảnh hưởng đến con người. Cho nên trong "Linh xu âm dương nhị thập ngũ luận" nói : "thiên địa chi hợp, lục hợp chi nội, bát ly ư ngũ, nhân tác ứng chi" (hợp thiên địa, trong lục hợp không khỏi có năm, người nữa là sáu). Do đó, người tất nhiên sẽ có cát hung, phúc họa. Nói tóm lại "thuận theo âm dương sẽ sống, ngược lại thì chết; thuận thì trị, nghịch thì loạn" (Chương ba của tứ khí điều thân). Điều này đối với một người hay cả xã hội đều như thế cả.

Còn một số vấn đề chưa làm rõ trong bát quái, hoặc là những nguyên nhân gây ra cát hung cho con người mà chưa được làm sáng tỏ, chúng ta chỉ có thể dùng thái độ khoa học, nghiên cứu sâu hơn chứ không thể dễ dãi cho rằng đó là "mê tín, siêu hình". Vì đó không phải là thái độ của người duy vật và người khoa học cần có. Cuộc bàn luận về những chuyện quỷ thần,

chúng tôi tin là cùng với nhận thức ngày càng sâu sắc và nâng cao của con người, sẽ được nhận thức lại một cách đúng đắn.

II. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC (1)

Bát quái dùng làm gì ? "Hệ từ" nói rõ : "Bát quái định cát hung", "để định nghiệp thiên hạ". Cho nên bát quái, về văn có thể trị nước, võ có thể yên dân, trên có thể báo quốc, dưới có tác dụng giúp dân, giá trị khoa học của nó rất quý báu.

Trong bát quái càn là trời, khôn là đất, khâm là nước, ly là hỏa, chấn là sấm, tốn là gió, cấn là núi, đoài là ao hồ, vốn là tám loại vật chất trong vũ trụ. Đem tất cả vật chất trong vũ trụ quy nạp thành bát quái, điều đó tiêu biểu cho nhận thức của nhân loại về thế giới tự nhiên. Những điều dự đoán của sáu mươi tư quẻ cơ bản chia làm ba loại :

Sản xuất vật chất, cuộc sống xã hội và nhận thức khoa học. Phạm vi bát quái ứng dụng trong khoa học rất rộng : nông nghiệp, thiên văn, địa lý, toán học, hóa học, quân sự, ngoại giao, nhân thể học, y học, sinh học, chính trị, kinh tế, triết học, văn học, luật học, dự đoán học, chọn giống, di truyền, khí công, sử học, truyền tin. Tất cả đều có những mối quan hệ khăng khít và đã thu được thành tựu to lớn trong ứng dụng bát quái. Để nói rõ tính khoa học của bát quái, dưới đây chúng tôi xin nêu vắn tắt một số sự việc.

1. Bát quái với sử học : Mọi người đều biết, giới sử học đối với lịch sử và tình trạng xã hội từ đời Chu về trước, trong một thời gian dài do thiếu các tư liệu văn bản và chứng vật nên không có cách gì làm rõ được. Về sau nhờ phát hiện được nhiều di chỉ và mộ cổ ở cố đô, đào được hàng vạn giáp cốt. Trên những giáp cốt này, chữ khắc rất rõ ghi lại một lượng lớn chiêm bosc ở đời Chu và đời Chu về trước. Trên cơ sở đó mà các nhà khảo cổ học, sử học mới dần dần làm rõ tình trạng lịch sử xã hội đời Chu. Từ đó thấy rõ, hồi đó đã dùng bát quái để ghi lại sự thật lịch sử thật quý giá và chân thực biết bao. Đồng thời, cũng chứng minh đầy đủ kỹ thuật, dự đoán bát quái hồi đó rất cao, kết quả chuẩn xác, cũng là điều hiếm thấy trong lịch sử đoán thông tin của thế giới.

2. Bát quái với toán học : Ở Trung Quốc muốn khảo chứng nguồn gốc của con số thì không thể nào bỏ qua được sách bát quái của Phục Hy. Có thể nói : Phục Hy là thủy tổ số học của Trung Quốc, bát quái là một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra vạn vật tức bát quái là do số học cấu tạo nên hay nói cách khác, bát quái là biểu hiện của số.

Quẻ bát quái có số quẻ, hào có số hào, các con số xuyên suốt các quẻ trong bát quái. Ví dụ : cần 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khảm 6, cấn 7, khôn 8. Hai quẻ chồng nhau lại được một số mới, số ấy gọi là số quẻ.

Dưới đây ta tính số hào của mỗi quẻ theo nhị phân.

$$\begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 0 = 0
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 0
 \qquad
 \begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 1 = 1
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 1$$

$$\begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 1 = 2 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 0 = 0
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 2
 \qquad
 \begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 1 = 2 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 1 = 1
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 3$$

$$\begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 1 = 4 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 0 = 0
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 4
 \qquad
 \begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 1 = 4 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 0 = 0 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 1 = 1
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 5$$

$$\begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 1 = 4 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 1 = 2 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 0 = 0
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 6
 \qquad
 \begin{array}{l}
 \text{---} \quad 2^2 \times 1 = 4 \\
 \text{---} \quad 2^1 \times 1 = 2 \\
 \text{---} \quad 2^0 \times 1 = 1
 \end{array}
 \left. \vphantom{\begin{array}{l} \text{---} \\ \text{---} \\ \text{---} \end{array}} \right\} 7$$

Tức là tính theo chế độ nhị phân ta có (☰☰) 000, (☰☷) 100, (☷☰) 020, (☷☷) 120, (☰☰) 004, (☰☷) 104, (☷☰) 024, (☷☷) 124.

Nhà số học Đức (Lepbunixt) đã căn cứ vào bát quái của Trung Quốc mà phát minh ra máy tính làm chấn động giới khoa học cả thế giới, cho nên được gọi là "mẹ" đẻ ra máy tính.

Bát quái không những là nguồn gốc của số học, nó còn đồng thời với nguồn gốc chữ viết của Trung Quốc. Tám phù hiệu của bát quái là chữ cổ của Trung Quốc. Điểm này đã được ghi lại tường tận trong "lịch sử giáp cốt học".

3. Bát quái với y học : Ở Trung Quốc từ xa xưa đã có câu nói : "y dịch tương thông" (y học và dịch học liên quan nhau), tức là những người nghiên cứu dịch học của Trung Quốc đều lấy sách y học "Hoàng đế nội kinh" làm sách tham khảo chính. Ngược lại, những người nghiên cứu y học luôn lấy "Dịch học" làm nguồn gốc của lý luận. Cho nên nguyên lý của bát quái đã sớm được dùng vào các lĩnh vực của y học. Nó đã cung cấp những luận cứ đầy tin cậy cho dự đoán bệnh, chẩn đoán, dự phòng và điều trị. Bây giờ ta thử điểm qua bát quái phối với giải phẫu cơ thể người ra sao thì sẽ thấy rõ.

Bát quái và nhân thể :

Ngoại ngũ hành : cần là đầu, ly là mắt, khảm là tai, đoài là miệng, khôn là bụng, cấn là tay, chấn là chân, tốn là đùi.

Nội ngũ hành tức bát quái phối với ngũ tạng : can, đoài là phổi, ly là tim, tốn là mật, chấn là gan, cấn là lá lách, khôn là dạ dày, khảm là thận.

4. Bát quái với sinh vật : Sáu mươi tư quẻ trong bát quái rất thống nhất với cấu tạo gen di truyền đã được phát hiện trong nghiên cứu mật mã di truyền của sinh vật. Quyết định phân tử của cơ chế di truyền có hai loại : gọi tắt là DNA và RNA. Hai loại này có kết cấu giống nhau, đều có gốc axit photphoric và gốc kiem cấu thành. Gốc axit photphoric của DNA và RNA giống nhau, đều cùng loại, nhưng gốc kiem có hai loại, mỗi loại lại nối với bốn gốc kiem khác, nên hai loại nối với tám gốc kiem.

Như vậy cứ mỗi nhóm ba DNA và RNA làm thành một mật mã di truyền, tám loại gốc kiem mỗi lần lấy ba, trùng hợp lại sẽ thành 64 loại. Nó so với kết cấu của bát quái để hình thành 64 quẻ rất giống nhau.

Gốc axit + đường	{	Hạt nhân đường	+ Gốc kiem	{	C ₄ H ₄ N ₂ đôn T
		thoát ôxy			C ₄ H ₄ N ₂ bào C
	{	Hạt nhân đường	+ Gốc kiem	{	C ₄ H ₄ N ₂ amôniac U
không thoát ôxy		C ₄ H ₄ N ₂ bào C			
				}	C ₅ H ₄ N ₄ đen G
				}	C ₅ H ₄ N ₄ tuyến A

5. Bát quái cũng có mối quan hệ với giáo dục tư tưởng phẩm chất :
 Ví dụ : quẻ "khiêm" có đưa ra đức khiêm tốn, cho rằng tính khiêm nhường phải lấy trí tuệ, siêng năng, nỗ lực làm tiền đề, không thể gán khiêm nhường với hồ đồ, lười biếng, nhu nhược được. Đồng thời quẻ đó cũng nói "Khiêm tốn sẽ tiếp thu những điều có ích, ngạo mạn sẽ nhận được sự tổn thất". Đó chính là điều mà chúng ta vẫn tuân theo xưa nay.

6. Bát quái với luật pháp : Từ tượng quẻ của bát quái cũng như các điều dự đoán đã ghi chép lại từ xa xưa, một mặt cho ta thấy Trung Quốc từ rất sớm đã có hình pháp, mặt khác bọn chủ nô, những người thống trị đã thao túng quyền sinh quyền sát, thiết lập những trại giam tàn khốc. Thí dụ như các quẻ : "khốn", "cách", "thiên lôi vô vọng", "thiên thủy tụng" đều bàn về pháp luật, giam cầm. Hình pháp ngày xưa có đánh đập, đấu tố trước quần chúng, cắt mũi, thích dấu lên trán, nhốt ngục, chặt đầu v.v...

Trong quá trình bọn thống trị xây dựng pháp luật cũng chú ý giáo dục yêu cầu mọi người tôn trọng pháp luật, chỉ rõ phạm pháp là do manh động; dạy mọi người làm việc tốt, lánh xa việc xấu. Như trong tượng quẻ, tượng từ có nói : "tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu

đương" (làm điều thiện sẽ có điều vui, làm điều ác sẽ gặp tai ương), "thiện bất tích, bất túc dị thành danh, các bất tích bất túc dị diệt thân" (không làm điều thiện thì không đủ để thành danh, không làm điều ác sẽ không đến nỗi bị tiêu diệt), "tội đại nhi bất khả giải" (tội lớn khó mà thoát được). Những điều trên là những lời dạy hay về pháp luật.

Trong thẩm vấn, để khỏi oan người tốt, bỏ qua kẻ xấu "Hệ từ" có câu : kẻ có tội, lời nói tỏ ra lo lắng. Người vong ơn bội nghĩa, lời nói hành động sẽ trái với thực tế, kẻ nói sai sự thật thường sợ người khác vạch trần. Cho nên khi nói năng lời nói của chúng tỏ ra lo lắng. Ngược lại, người thật thì lương thiện "người lành lời ít". Cách xem đoán người qua bề ngoài, qua ngôn ngữ này thường vẫn rất có giá trị.

Bát quái không chỉ có tượng quẻ về hình pháp mà trong nghiên cứu hiện đại về Kinh dịch, còn có thể dùng bát quái để dự đoán thông tin về tội phạm và quan tòa. Phát hiện này dùng để dự đoán về bị giam cầm, dự đoán về tội phạm và giảm thấp tội phạm đối với công cuộc xây dựng đất nước có một ý nghĩa rất to lớn.

7. Bát quái với khí tượng : Trong Kinh dịch bàn rất nhiều đến dùng bát quái để đoán khí hậu thời tiết. Ví dụ quẻ khôn, quẻ truân, quẻ trung phù..., cả thấy có 16 quẻ chuyên nói đến các thông tin về khí tượng. Nước ta dùng bát quái để đoán thời tiết đã được ghi lại rất nhiều trong giáp cốt văn. Trong "Ân khư khiết tiên tiên" có nói : "kỷ sừ bốc, canh vũ", "át dục bốc, mao binh vũ". Chúng tôi đã dùng bát quái để dự đoán thời tiết vùng Tây An bốn mươi sáu tháng, độ chính xác đạt 68,16%, so với đài khí tượng Thiểm Tây là hơi thấp, nhưng so với đài trung ương lại cao hơn. Nhưng Đài trung ương và Đài Thiểm Tây là hôm nay dự báo cho ngày mai, còn chúng tôi là dự báo trước một tháng.

Cống hiến của bát quái về phương diện thiên văn cũng rất lớn. Ngài Lưu Tử Hoa khi còn lưu học ở Pháp năm 1940 đã từng dùng bát quái để dự đoán khối lượng, tốc độ và quỹ đạo của ngôi sao thứ mười trong thái dương hệ nên đã giải quyết được một vấn đề làm chấn động cả thế giới mà hồi đó các nhà thiên văn học rất khó giải quyết.

III. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC (2)

8. Bát quái với quân sự : Từ xưa đến nay, bát quái luôn được các nhà quân sự coi trọng và đã trở thành sách giáo khoa không thể thiếu được trong xây dựng và quản lý quân đội, trong chỉ đạo chiến tranh. Trong sáu mươi tư quẻ cũng bàn luận rất nhiều về quân sự. Ví dụ quẻ "sư", quẻ "đồng nhân", bàn về chuẩn bị chiến tranh, đầu tiên nhấn mạnh cần phải có người chỉ huy tài

đức song toàn, thông minh, tháo vát, nhấn mạnh quân đội phải có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ mới có thể đánh thắng. Đối với thắng bại trong chiến tranh cũng phân tích rất tỉ mỉ. Quẻ "phục" nói quân đội phải quen thuộc địa lý, địa hình, nếu không sẽ mất phương hướng. Quẻ "ly" bàn về cảnh giác với mọi người và đề phòng bọn địch giăng bẫy. Quẻ "tấn" bàn về chiến thuật chiến tranh, các quẻ khác bàn về chiến thuật phục kích, công đồn, phòng ngự, tiến công, tao ngộ chiến, đặc biệt chú ý cảnh giới, đề cao cảnh giác, phòng ngự liên hoàn, chủ trương hòa bình, phản đối xâm lược v.v...kiến thức quân sự rất phong phú.

Các nhà quân sự cổ đại như Tôn Tử, Gia Cát Lượng v.v... đã vận dụng quân sự trong bát quái vào chỉ đạo chiến tranh và thu được nhiều thành tích to lớn. Cuốn "Trung Quốc thông sử giản biên" của Phạm Văn Lan đã ghi lại chuyên đề Gia Cát Lượng dùng bát quái để trị quân như sau : "Gia Cát Lượng trị quân đặc biệt coi trọng giáo dục kỷ luật. Trong đó nổi tiếng nhất có Bát trận đồ. Hành quân phải theo đội ngũ, chú ý chỗ đóng quân, đồn lũy, giếng bếp, chỗ vệ sinh, hàng rào đều phải xây dựng theo quy định, trên đường hành quân cũng phải sẵn sàng chuyển sang tấn công hoặc phòng thủ ngay.

Trước Gia Cát Lượng, Đỗ Hiến cũng đã dùng bát trận pháp đánh tan Bắc Hung nô, về sau Gia Cát Lượng cải tiến thêm thành ra một hình thức mới. Mã Long đời Tây Tấn dùng bát quái trận pháp thu hồi Lương Châu. Điều Ung Thanh đời Bắc Ngụy đã dùng bát trận pháp của Gia Cát Lượng để chống lại Nhu Nhiên. Lý Tĩnh nói với Đường Thái Tôn : "Lục hoa trận pháp nguyên là từ bát trận pháp. Gia Cát Lượng là người có cống hiến cho nền quân sự cổ xưa". Bát trận pháp, bát trận đồ nói ở đây chính là lấy bát môn cứu cung của bát quái vận dụng vào các trường hợp quân sự điển hình.

Ngày xưa vận dụng bát quái vào quân sự, vào chiến tranh, ngày nay cũng có thể làm điều đó. Nước Mỹ đã vận dụng bát quái vào chiến lược, chiến thuật tên lửa hạt nhân. Cũng có thể lấy từ quẻ "sư" của bát quái đã góp phần phát triển xây dựng quân đội nước ta, đó là cống hiến vĩ đại không thể phai mờ được.

9. Bát quái với khí công : Trong "Hệ từ" có câu : "Nhất âm nhất dương chi vị đạo" bàn về quy luật vận động của hai khí âm dương, chỉ rõ quy luật phổ biến về sự vận động của sự vật. Trên kia đã nói : trời có âm dương, đất có âm dương, người có âm dương, trời đất vạn vật đều có âm dương, hai khí âm dương vận động trong vũ trụ quyết định sự sinh trưởng biến hóa của vạn vật, phát triển và thúc đẩy sự vật tiến lên. Vũ trụ là đại thiên thể, con người là tiểu thiên thể. Do đó sự vận động của các thiên thể và nhân thể có mối quan hệ mật thiết với nhau và đều chịu ảnh hưởng chung của đại thiên thể vũ trụ này.

"Bảo mệnh toàn hình luận" nói : "Nhân sinh hữu hình, bất ly âm dương" (con người không tách khỏi âm dương) "Chu dịch tập giải" có câu : "Ban đầu

âm dương giao hợp, cuối cùng âm dương chia thành vạn vật, hợp thì sinh, tách ra thì tử". Y học hiện đại đã chứng minh, do sự vận động của khí đã đưa lại sự hoạt động của lục phủ ngũ tạng. Khí trong cơ thể người có âm, dương là một loại vật chất tinh vi có sức hoạt động rất mạnh. Nó lưu hành trong toàn thân, chỗ nào cũng có. Có sự sống hoạt động, về căn bản mà nói là có sự thăng, giáng, xuất, nhập của khí. Hoạt động của khí ngừng thì sự sống cũng dừng. Rất rõ ràng là, người sở dĩ bị bệnh là do mất cân bằng âm dương. Ta luyện khí công là để thứ nhất hấp thụ khí của trời đất bổ sung cho mình, thứ hai là để tăng cường, duy trì trạng thái cân bằng hai khí âm dương trong cơ thể. Bộ sách "Chu dịch tham đồng khiết", đã bao đời được tôn là "Vạn thế đan kinh vương" chính là căn cứ vào "Chu dịch" để viết ra sách luyện công. Do đó thuyết âm dương trong bát quái là sách giáo khoa chỉ đạo luyện công.

Bây giờ lấy quẻ "thủy hỏa ký tề" để bàn : khâm là thủy, là thận; lý là hỏa, là tim. Sự thăng giáng của thận thủy và tim hỏa của cơ thể cũng giống sự thăng giáng hai khí âm dương của tự nhiên, vừa chế ước nhau lại vừa thống nhất với nhau. Thủy tính hàn, hỏa tính nhiệt, về sinh lý tâm hỏa giáng sẽ ôn thận thủy, phòng được thận hàn. Thận thủy thăng sẽ chế tâm hỏa, tâm quá nhiệt sẽ làm khô tạng phủ. Cứ thế quá trình hỗ trợ lẫn nhau của thủy hỏa gọi là tâm thận tương giao hay "thủy hỏa ký tề", cũng tức là cân bằng âm dương. Âm dương cân bằng là sự sống ở trạng thái tốt nhất, tức "trạng thái khí công". Cho nên luyện công, vừa phòng bệnh, tăng sức khỏe vừa kéo dài tuổi thọ, thậm chí có thể đạt được những công năng đặc biệt.

10. Bát quái với hôn nhân : Trong bát quái không những đã ghi lại những phong tục hôn nhân của xã hội nguyên thủy, những cuộc ngẫu hôn và cướp hôn, mà còn có phương pháp dự đoán và bàn về cát hung của hôn nhân. Ví dụ quẻ "hàm" nói về nam nữ phối hôn chính thức, quẻ "Phong thiên tiểu súc" nói về "vợ chồng không hòa thuận", quẻ "cấn" nói về "người đàn bà không nên lấy" vì người đó không đúng đắn. Quẻ "truân" nói về cầu hôn, quẻ "khue" là đính hôn, quẻ "bôn" là nghênh hôn. Tóm lại, dự đoán thông tin về hôn nhân, giúp cho xây dựng một gia đình hòa thuận, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho xã hội, đặc biệt để giáo dục bồi dưỡng đời sau rất có ý nghĩa.

11. Bát quái với phật giáo, đạo giáo. Phật giáo và các đạo giáo nước ta rất coi trọng nghiên cứu "Chu dịch". Vì trong các phù hiệu âm dương của bát quái, gọi dương là trời là thần, âm là đất là quỷ. Phật giáo và đạo giáo cho rằng : dương là thần, âm là quỷ, người ở giữa âm dương nên vừa có thể là thần, vừa có thể là quỷ. Nhưng thành thần hay thành quỷ đều có điều kiện, đó chính là điều mà đạo Phật yêu cầu con người làm nhiều việc tốt, làm nhiều việc thiện. Người làm việc tốt, sau khi chết biến thành thuận dương thăng lên trời làm thần; người làm việc xấu, việc ác, hại người ích mình, sau khi

chết biến thành thuần âm xuống địa ngục làm quỷ. Tôi cho rằng các đạo muốn cho con người tốt, không làm việc xấu, không những có lợi cho xã hội, cho nhân dân mà còn phù hợp với đường lối chính trị của ta là muốn phục vụ nhân dân, muốn làm việc tốt cho nhân dân. Cho nên chúng ta ủng hộ Phật giáo và các sự nghiệp đạo giáo chân chính khác.

12. Bát quái với triết học : Phạm là người nghiên cứu triết học, không ai không cho rằng triết học bắt nguồn từ bát quái. Lý luận uyên thâm sâu xa của bát quái chính là bộ giáo khoa triết học sinh động, thực tế và là sách triết học kinh điển.

Các danh từ triết học "âm dương", "mâu thuẫn" chính là những tên hào cơ bản của bát quái. "Một chia thành hai" là "thái cực sinh lưỡng nghi" của bát quái. Cho đến quy luật phát triển biến hóa của sự vật, quy tắc đối lập thống nhất của mâu thuẫn, duy vật biện chứng pháp, tư duy lôgic, phương thức tư duy nhiều tầng, siêu hình và lý thuyết tương đối của thức tư duy nhiều tầng, siêu hình và lý thuyết tương đối của Anh-Stanh đều xuất phát từ bát quái hoặc có liên quan với bát quái. Do đó bát quái đối với triết học cổ điển hay triết học hiện đại của nước ta đều có những đóng góp vĩ đại.

13. Bát quái với văn học : Từ quẻ, từ hào của bát quái đều có tư tưởng văn học và giá trị nghệ thuật cao sâu, đồng thời là bông hoa hồng quý báu trong kho tàng văn học của nước ta.

Từ hào và từ quẻ của bát quái về mặt thủ pháp văn chương và ngôn từ đều có một phong cách độc đáo. Chủ yếu thể hiện ở ba đặc điểm dưới đây.

Dùng phương pháp tỉ dụ, đó là đặc điểm thứ nhất của sáu mươi tư quẻ. Hào từ, hào quẻ đều dùng phương thức tỉ dụ để chỉ cát hung, họa, phúc. Đặc điểm thứ hai là hào từ, hào quẻ đều thể hiện phong cách thơ ca, đoàn ca, dân ca, ngụ ngôn một cách đậm đà, nội dung phong phú, màu sắc câu chuyện cô đọng. Đặc điểm thứ ba là câu ngắn gọn, điều luyện, từ vựng phong phú, miêu tả các nhân vật, sự vật rất sinh động, hình tượng xác thực, làm cho người đọc có cảm giác chân thực. Xưa nay những nhà văn, nhà thơ, tác gia, nhà viết kịch và những nhà báo nổi tiếng, trong tác phẩm của mình bao giờ cũng thấm đậm tư tưởng văn học của bát quái. Ví dụ chúng ta thường nói "đội trời đạp đất", đó chính là "hào thượng, hào năm là trời, hào bốn hào ba là người, hào hai hào đầu là đất". Người ở giữa trời đất, trên đội trời dưới đạp đất, cho nên gọi là "đội trời đạp đất". Không ít tác phẩm của nước ta như tiểu thuyết, thơ ca, kịch đều đưa độc giả đến những chương tiết bát quái đẹp đẽ và sinh động.

14. "Chu dịch" là đạo trị quốc. "Chu dịch" bàn về đạo trời, đạo đất, đạo con người và cũng bàn cả đạo trị quốc. Từ tư tưởng đến chính trị, từ kinh tế đến quân sự, từ công nghiệp đến nông nghiệp, từ văn hóa đến khoa học kỹ

thuật, từ giáo dục đến pháp luật... nó đều bàn đến. Do đó "Chu dịch" trở thành cái gốc trị quốc của các triều đại nước ta, được nhà vua coi trọng. Trong lịch sử những nhà vua có công với đất nước, không chỉ bản thân thuộc "Chu dịch" mà còn dùng những người uyên thâm dịch lý, quái thuật cao siêu làm quân sự.

Chu Văn Vương tự giam mình trong phòng để diễn "Chu dịch", tôn Khương Tử Nha, người tinh thông dịch đạo làm quân sự; Tần Thủy Hoàng biết "Chu dịch" là sách trời nên không đốt; Lưu Bang xây dựng nhà Hán lấy Trương Lương, người thông hiểu "Chu dịch" làm quân sư, Đường Thái Tông xây dựng được nhà Đại Đường là nhờ quân sư Từ Mậu Công. Gia Cát Lượng thời kỳ Tam Quốc, Lưu Bá Ôn đời Minh, đều là những người tinh thông dịch đạo, quái thuật cao siêu. Song cũng có những nhà vua không hiểu dịch lý, không có cách trị quốc, có nhà vua không nghe lời quân sư nên đưa đất nước đến suy bại, cách mạng bị tổn thất. Ví dụ Lý Sấm Vương không nghe lời Tống Hiến Sách cách mạng giữa đường bỏ cuộc, biến thành bị kịch lịch sử.

"Chu dịch" đã có những cống hiến to lớn cho nền khoa học hiện đại của nước ta. Khoa học tự nhiên phát triển từ đầu đời nhà Tần đến nay có thể chia làm ba giai đoạn lớn, cũng gọi là ba đợt sóng triều phát triển của khoa học tự nhiên. Đợt thứ nhất lấy tượng số kết hợp với quan niệm chính thể của "Chu dịch" làm đại biểu, đợt thứ hai lấy Galilê, Niuton, Anh-Stanh làm đại biểu, lấy các máy đo và phân tích số hiệu làm đặc trưng; đợt thứ ba từ năm 1960 lại đây, được mở đầu bằng khoa học hệ thống, tiếp sau đó là sự ra đời của lý luận cơ cấu hao tán, lý thuyết hỗn độn, hình học tán xạ, số học nhất nguyên hàm phân tích vật nguyên. Những lý luận học thuật và phương pháp này đều gắn bó mật thiết với tượng số của "Chu dịch" hoặc có những đặc điểm chung. Từ năm 1960 lại đây, có tất cả mười bốn kết quả nghiên cứu khoa học quan trọng nhất làm chấn động thế giới, trong đó có mười hai kết quả đạt được từ sau năm 1980. Điều vui mừng nhất là trong mười bốn thành tựu đó có chín mục do các nhà khoa học Trung Quốc đạt được từ sau năm 1980. Trong những thành quả này có nhất nguyên hàm; phân tích vật nguyên, lý thuyết hỗn độn, thứ tự sinh ngẫu thiên địa, tuyến Luxtox cấu tạo địa chấn toàn cầu, cấu tạo huyết kinh lạc địa cầu, nhịp địa chấn tự nhiên, chu kỳ tự nhiên, nhịp sinh học. Cơ sở lý luận của những vấn đề đó đều bắt nguồn từ tượng số hoặc liên quan mật thiết với tượng số, có những cái hoàn toàn thống nhất với lý luận trong "Chu dịch". Ví dụ tư tưởng huyết kinh lạc của địa cầu, ăn khớp một cách kinh ngạc với lý luận "Viện thủ chư thân, cận thủ chư vật" trong bát quái. (mời tham khảo "Tự nhiên khoa học đệ tam lãnng triều điều điều đạo lộ thông tượng số" (Đợt ba ngọn triều khoa học tự nhiên từng điều một có quan hệ với tượng số) của Lý Thụ Thanh).

Từ đó ta có thể thấy rõ, "Chu dịch" không phải là phong kiến mê tín, không phải là duy tâm, siêu hình mà là nguồn gốc và cơ sở của mọi khoa học.

Chương 4

BÁT QUÁI VÀ DỰ ĐOÁN THÔNG TIN

Bát quái bao la vạn tượng, không gì không có trong đó, là kho tin của nhân loại. Nhìn lên nó bàn thiên văn, nhìn xuống xét địa lý, ở giữa việc nhân sự, xét cát hung tai họa cho người. Vậy đoán cát hung, tai họa trời đất và con người như thế nào? Hệ từ nói: "Để định cát hung cho thiên hạ, không có gì khác ngoài cỏ thi và mai rùa". Người đời xưa dùng hai phương pháp và công cụ này để dự đoán thông tin. Nó báo cho mọi người muốn biết cát hung, có thể dùng phương pháp dự đoán.

Người xưa coi trọng dự đoán, đó là vì "bát quái định được cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Như trên kia đã nói, cát hung chính là vấn đề được mất, thắng bại mà thôi.

Người ta có thói quen thế này, bất kỳ làm việc gì, nhiệm vụ gì, đầu tiên phải nắm tin tức. Ví dụ muốn mở nhà máy, cửa hàng, đầu tiên phải tổ chức điều tra, nghiên cứu, sau đó mới căn cứ tình hình điều tra để quyết định làm hay không. Tất cả những cái này đều thuộc vấn đề dự đoán thông tin. Do đó dự đoán thông tin là cơ sở của vấn đề, là bước đầu tiên của mọi công việc, cũng là sự bảo đảm cho công việc thắng lợi. Chương này chủ yếu bàn về vấn đề liên quan đến dự đoán thông tin và phương pháp gieo quẻ.

I. CƠ THỂ VÀ THÔNG TIN

Trên đây đã nói về tầm quan trọng của thông tin, bây giờ giới thiệu mối quan hệ giữa cơ thể với thông tin và phương pháp đang được dùng để dự đoán. Cơ thể tự nó đã là bộ cảm ứng tin tức. Nó không những có công dụng dự đoán thông tin mà còn liên quan đến thông tin một cách tinh vi chặt chẽ. Ví dụ lấy cơ thể con người ra mà xét, da thịt phản ánh những thông tin như: đau, ngứa, nóng, lạnh, có gió, không có gió; mắt phản ánh các thông tin như xa, gần, to, nhỏ, màu sắc, xấu đẹp; mũi phản ánh thơm thối, các mùi khác; miệng phản ánh vị; tai nghe âm thanh to nhỏ, âm thanh gì, tóm lại là các thông tin bề ngoài, bề mặt, cảm giác được, thấy được, các thông tin trong một phạm vi nào đó. Còn đối với những thông tin tinh vi, tiềm tàng, phức tạp, vượt quá phạm vi bề ngoài thì da thịt trở thành bất lực, không cảm giác được.

Để tồn tại, loài người xuất phát từ những cảm ứng của thân thể, đã chế tạo ra các loại công cụ để đo thông tin, từ đó mới thu được những tin tức cần thiết để bảo tồn mình. Ví dụ con người biết được thông tin đói rét nên mới mặc quần áo, ăn cơm, cho nên nông nghiệp mới ra đời. Có những vật xa quá, nhỏ quá, mắt thường nhìn không thấy nên đã phát minh ra kính viễn vọng, kính hiển vi, có những tin tức cần truyền gấp, địa điểm cần truyền đến lại rất xa nên đã phát minh ra điện báo, điện thoại, truyền tin qua vệ tinh nhân tạo v.v... Tóm lại những công cụ dùng để dự đoán thông tin hoặc truyền tin ngày nay đang dùng đều bắt nguồn từ cảm ứng tin của cơ thể. Do đó Lênin nói : "Giả thiết cảm giác không làm cho con người có được một quan niệm chính xác đối với hoàn cảnh khách quan, thì người đó sẽ không thể thích nghi với hoàn cảnh được" (Lênin tuyển tập, trang 139, tập 14).

Phương pháp thu được thông tin ngày nay rất nhiều, đại để có :

- Thông qua giao tiếp như : cử người điều tra, trinh sát, thăm dò.
- Thông qua báo chí; phát thanh, vô tuyến truyền hình, vệ tinh nhân tạo.

Những tin tức thu được qua các công cụ này tuy rất tiên tiến, có thể là vi mô, có thể là vĩ mô, nhưng không phải là vạn năng. Vì bản thân điều kiện có hạn nên có những tin nó không thể thu được. Còn bát quái thì không cần mất tiền, cách xa hàng nghìn dặm vẫn có thể rất nhanh đoán ra. Cho nên tổ tiên ta mấy nghìn năm trước đây đã phát minh ra bát quái để dự đoán thông tin thì quả là rất giỏi. Ngày xưa đã dùng bát quái đoán tin, thời đại thông tin ngày nay càng không thể thiếu được bát quái.

II. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG

Học thuyết âm dương là nhân dân lao động Trung Quốc, thông qua quan sát các sự vật và hiện tượng mà chia mọi vật trong vũ trụ thành hai loại âm, dương. Từ đó xây dựng nên tư tưởng duy vật và biện chứng pháp thô sơ. Học thuyết âm dương cho rằng, tất cả mọi sự vật hình thành, biến hóa và phát triển đều do sự vận động của hai khí âm dương mà thành. Nó tổng kết quy luật biến hóa âm dương của giới tự nhiên là thống nhất với tư tưởng triết học đối lập thống nhất. Học thuyết âm dương không những ứng dụng vào các lĩnh vực khoa học mà còn trở thành cơ sở lý luận thế giới quan duy vật biện chứng của khoa học tự nhiên nước ta.

1. Khởi nguồn của học thuyết âm dương

Học thuyết âm dương đã sớm hình thành từ đời nhà Hạ. Điều này có thể chứng minh bằng sự xuất hiện hào âm dương bát quái trong Kinh dịch.

Trong bát quái, hào âm (☯) và hào dương (☰) xuất hiện trong sách cổ "Liên sơn" đời Hạ; nên trong "Kinh sơn hải" có câu "Phục Hy được hà đồ, do đó người Hạ gọi "Liên sơn"; Hoàng đế được hà đồ, nên người Thương gọi "Quy tàng"; Liệt sơn được Hà đồ do đó người Chu gọi "Chu dịch". Tức là nói, đời Hạ có sách bát quái "Liên sơn", mà bát quái là do hai hào âm dương cơ bản nhất cấu thành. Cho nên học thuyết âm dương ra đời vào đời nhà Hạ là điều chắc chắn.

2. Âm dương đối lập

Âm dương đối lập là nói vạn vật trong tự nhiên, bên trong nó đồng thời tồn tại hai thuộc tính ngược nhau, tức tồn tại hai mặt âm dương. Ví dụ bát quái là do hai loại ký hiệu đối lập âm dương hợp thành, cũng tức do bốn loại ký hiệu đối lập tổ hợp thành bát quái, do ba mươi hai loại ký hiệu tổ thành sáu mươi tư quẻ. Cho nên "Chu dịch cần tạc độ" nói rằng: "Cần khôn là căn bản của âm dương, là tổ tông của vạn vật". Quẻ cần thuần dương, quẻ khôn thuần âm, cho nên nói âm dương là hai loại mâu thuẫn đối lập, là mâu thuẫn căn bản của tất cả mọi sự vật. Song, tuy mâu thuẫn đối lập nhưng cần khôn lại thống nhất với nhau. Nhờ có sự thống nhất này nên mới có sự biến hóa sinh thành vạn vật. Cho nên sự đối lập và thống nhất của âm dương là có từ đầu chí cuối trong tất cả mọi sự vật.

3. Thuộc tính âm dương

Âm dương không những thống soái hai mặt đối lập của vạn vật mà còn có thuộc tính khác ngược nhau. Trong bản chất và hiện tượng đều tồn tại hai mặt đối lập hàm chứa thuộc tính âm dương, vừa không thể tùy ý áp đặt, vừa không thể đối cho nhau mà phải theo quy luật nhất định. Vậy dùng tiêu chuẩn nào để phân chia thuộc tính âm dương của sự vật và hiện tượng? "Hệ từ" nói: "Cần đạo thành nam, khôn đạo thành nữ". Cần là cha, khôn là mẹ, sinh ra chấn,坎, khảm, tốn, ly, đoài sáu con, sáu con lại chia thành trai gái, tức trời đất sinh vạn vật, không có vật nào mà không mang hai thuộc tính.

"Hệ từ" còn nói: "Thiên tôn địa bị" (Trời sang đất hèn), "Cần là vật dương, khôn là vật âm" và "quẻ dương lẻ, quẻ âm chẵn". Phàm là giống nam, cao và lẻ đều thuộc phạm trù dương, phàm là giống nữ, thấp và mềm đều thuộc phạm trù âm.

4. Âm dương là gốc của nhau

Âm dương là gốc của nhau có nghĩa là trong sự vật hoặc hiện tượng hai mặt đó vừa đối lập nhau, vừa dựa vào nhau để tồn tại, có mối liên hệ lợi dụng lẫn nhau. Âm và dương, cái này dùng cái kia làm tiền đề tồn tại của mình,

tức là không có âm, dương không thể tồn tại; không có dương, âm cũng không thể tồn tại. Đúng như không có càn thì không có khôn, không có trời, không có đất. "Tố vấn âm dương ứng tượng đại luận" nói : "âm ở trong, dương giữ lấy, dương ở ngoài khiến âm vậy". Do đó âm dương dựa vào nhau tồn tại, tác dụng lẫn nhau.

5. Âm dương tiêu trưởng

Âm dương tiêu trưởng là nói trong sự vật và hiện tượng hai mặt đối lập nhau vận động biến hóa. Sự vận động của nó diễn ra dưới hình thức cái này yếu xuống thì cái kia mạnh lên. Do hai mặt âm dương đối lập nên từ đầu chỉ cuối ở vào thế cái này yếu thì cái kia mạnh lên, nó luôn nằm trong trạng thái cân bằng động như thế mới duy trì được sự phát triển biến hóa bình thường của sự vật. "Hệ từ" nói : "mặt trời lặn mặt trăng lên, trăng lặn mặt trời lại mọc, cứ thế mà thay nhau. Lạnh đi nóng lại đến, hàn, thử cứ thế thay nhau theo năm tháng". Cái gọi là đi và đến chính là yếu đi và mạnh lên. Nếu sự biến hóa này phát sinh khác thường cũng tức là phản ứng khác thường của sự tiêu trưởng âm dương.

6. Âm dương chuyển hóa

Âm dương chuyển hóa tức là âm dương biến hóa, nó là hai loại thuộc Tính khác nhau của âm dương trong sự vật. Dưới điều kiện nhất định cái này sẽ chuyển hóa sang phía đối lập bên kia. "Hệ từ" nói : "Âm dương hợp đức thì cương nhu có hình". Âm và dương đối lập nhưng lại dựa vào nhau, chỉ có âm dương thống nhất lại mới có thể thúc đẩy sự vật biến hóa và phát triển, như vậy âm dương mới có thể cùng tồn tại lâu dài..

Âm và dương tuy đều có hai loại thuộc tính khác nhau, nhưng lại có thể chuyển hóa lẫn nhau. "Luôn luôn sinh ra gọi là biến" "đạo có biến động nên gọi là hào". "Dịch" tức là âm dương cùng biến, tức là âm cực sinh dương, dương cực sinh âm, cho nên căn cứ âm biến thành dương, dương biến thành âm mà dương trong cửu sơ của càn ở dưới, âm trong lục sơ của khôn bắt đầu thay đổi. Điều đó nói lên hai quẻ càn khôn đại diện cho sự mâu thuẫn âm dương lại thống nhất làm một. Hào sơ của hai quẻ là âm dương kết hợp, âm dương bắt đầu chuyển hóa. Âm dương chuyển hóa lẫn nhau là quy luật phát triển tất yếu của sự vật. Chỉ cần sự vật phát triển thuận theo quy luật âm dương biến hóa thì cuối cùng sẽ đạt được mục đích sự vật chuyển hóa lẫn nhau.

III. HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH

Học thuyết ngũ hành cũng là sáng tạo độc đáo của nước ta. Tư tưởng triết học huy hoàng của nó đã có tác dụng quan trọng thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp khoa học. Học thuyết ngũ hành cho rằng thế giới là do năm loại vật chất cơ bản nhất : mộc, thổ, hỏa, kim, thủy cấu tạo nên. Sự phát triển biến hóa của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên (bao gồm cả con người) đều là kết quả của năm loại vật chất này không ngừng vận động và tác dụng lẫn nhau. Phát hiện này đã tìm ra quy luật và nguyên nhân sinh sinh diệt diệt của vạn vật trong vũ trụ. Cho nên học thuyết ngũ hành cũng là chủ nghĩa duy vật và biện chứng pháp thô sơ. Học thuyết ngũ hành có công dụng rất rộng trên mọi lĩnh vực khoa học.

1. Khởi nguồn của học thuyết ngũ hành

Sự ra đời của học thuyết ngũ hành, trong giới học thuật vẫn còn là một vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Ba loại ý kiến rất đối lập nhau như sau :

Giới dịch học cho rằng sự ra đời của học thuyết ngũ hành rất có khả năng đồng thời với học thuyết âm dương. Nhưng giới sử học lại cho rằng người đầu tiên sáng lập ra học thuyết ngũ hành là Mạnh Tử. Trong cuốn "Trung Quốc thông sử giản biên" của Phạm Văn Lan đã nói : "Mạnh Tử là người đầu tiên sáng lập ra học thuyết ngũ hành, Mạnh Tử nói năm trăm năm tất có Vương Giả Hưng, từ Nghiêu Thuấn đến Vu Thang là hơn năm trăm năm... Từ Văn Vương đến Khổng Tử lại hơn năm trăm năm... hầu như đã có cách nói tính toán về ngũ hành. Sau Mạnh Tử một ít, Trâu Diên đã mở rộng thuyết ngũ hành trở thành nhà âm dương ngũ hành". Nói học thuyết ngũ hành do Mạnh Tử phát minh là không có chứng cứ xác thực. Điều này chính Phạm Văn Lan đã tự phủ định mình. Trong cùng một chương của cuốn sách trên ông đã nói : "Mạnh Tử không tin ngũ hành, bác bỏ thuật chiêm bói dùng ngũ sắc thanh long để định cát hung, điều đó đủ thấy thời Đông Chu thuyết ngũ hành đã thông dụng rồi, đến Trâu Diên đặc biệt phát huy". Mạnh Tử là người nước Lỗ thời Chiến quốc mà thời Đông Chu đã có ngũ hành rồi, rõ ràng không phải là Mạnh Tử phát minh ra ngũ hành. Có những sách sử nói, học thuyết âm dương ngũ hành là Đổng Trọng Thư đời Hán sáng lập ra, điều đó càng không đúng.

Giới triết học như Vu Bạch Huệ, Vương Dung thì cho rằng : "Văn bản công khai của ngũ hành có thể thấy trong sách "Thượng Thư" của Hồng Phạm (tương truyền vẫn tự những năm đầu thời Tây Chu, theo những khảo chứng của người cận đại có thể là thời chiến quốc). Ngũ hành, một thủy, hai hỏa, ba mộc, bốn kim, năm thổ; thủy nhuận dưới, hỏa nóng trên, mộc cong thẳng, kim là cắt đứt, thổ là nông gia trồng trọt" (xem "Ảnh hưởng của học thuyết

âm dương ngũ hành với khoa học truyền thống Trung Quốc"). Qua đó có thể thấy vấn đề nguồn gốc học thuyết ngũ hành vẫn là điều chưa sáng tỏ.

2. Đặc tính của ngũ hành

"Mộc" có tính sinh sôi, dài thẳng; "hỏa" rất nóng, hướng lên; "thổ" là nuôi lớn, hóa đục; "kim" có tính thanh tĩnh, thu sát; "thủy" là hàn lạnh, hướng xuống.

Học thuyết ngũ hành dùng phương pháp hình tượng để so sánh, lấy sự việc hoặc hiện tượng muốn nói chia làm năm loại, đem những sự việc hoặc hiện tượng tương tự quy về một trong năm ngũ hành và trên cơ sở thuộc tính của ngũ hành, vận dụng quy luật ngũ hành để giải thích, nói rõ mối liên hệ và biến hóa giữa các sự vật, hiện tượng.

3. Ngũ hành sinh khắc

Học thuyết ngũ hành cho rằng, sự vật và giữa các sự vật tồn tại mối liên hệ nhất định, mối liên hệ này thúc đẩy sự vật tiến hóa phát triển. Giữa ngũ hành tồn tại quy luật tương sinh tương khắc, do đó sinh khắc chính là học thuyết ngũ hành dùng để khái quát và nói rõ quan điểm cơ bản mối quan hệ và sự phát triển biến hóa giữa các sự vật.

Tương sinh có nghĩa là cùng bồi bổ, thúc đẩy, trợ giúp nhau. Tương khắc là chế ngự, khắc lại, khống chế nhau.

Ngũ hành tương sinh : mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Trong tương sinh đều có mối quan hệ hai mặt : cái sinh ra tôi và cái tôi sinh ra. Cái sinh ra tôi là cha mẹ; cái tôi sinh ra là con cháu; cái khắc tôi là quan quý; cái tôi khắc là thê tài; cái ngang vai với tôi là anh em. Ví dụ ngày sinh thuộc can Canh là kim. Thổ sinh kim nên thổ là cha mẹ của kim; hỏa khắc kim, hỏa là quan quý; kim khắc mộc, mộc là thê tài của kim; kim sinh thủy nên thủy là con cháu của kim; kim và kim cùng loại nên gọi là ngang vai anh em. Thê tài đối với nam mà nói vừa đại diện cho tiền tài, vừa đại diện vợ; quan quý đối với nữ mà nói vừa là quan tể, vừa là chồng.

Tương sinh, tương khắc giống như âm dương, là hai mặt không thể tách rời của sự vật. Không có sinh thì sự vật không phát sinh và trưởng thành được, không có khắc thì không thể duy trì được sự cân bằng và điều hòa trong sự phát triển và biến hóa của sự vật. Cho nên không có tương sinh thì không có tương khắc, không có tương khắc cũng không có tương sinh. Mối quan hệ trong sinh có khắc, trong khắc có sinh, tương phản tương thành, dựa vào nhau này đã duy trì và thúc đẩy sự vật phát triển, sinh trưởng bình thường và không ngừng biến hóa.

4. Ngũ hành quá thừa

Vật thịnh cực là quá mức. Phàm vật cực thịnh thì thừa, mạnh mà có mầm yếu. Đó gọi là thừa. Vật cực thịnh thái quá luôn luôn dễ gãy, như ngọc cứng dễ vỡ, sắt cứng dễ gãy, đều là lý do này.

5. Phản ngược của ngũ hành

Trong ngũ hành sinh khắc, không chỉ khắc theo chiều thuận như vượng khắc suy, mạnh khắc yếu mà có lúc cũng xuất hiện sự xung khắc ngược lại : suy khắc vượng, yếu khắc mạnh... Như thổ vượng thì mộc suy, mộc bị thổ khắc; mộc vượng kim suy, kim bị mộc khắc; thủy suy hỏa vượng, thủy bị hỏa khắc; thổ suy thủy vượng, thổ bị thủy khắc; kim vượng hỏa suy, hỏa bị kim khắc. Sự khắc ngược này gọi là phản ngược.

IV. THIÊN CAN

Mười thiên can và mười hai địa chi. "Sử ký" gọi thập can, là mười mẹ, thập nhị chi là mười hai con, còn gọi tắt là can chi.

Xét về lịch sử phát triển, đại thể đầu tiên phát minh ra thập can, sau đó là thập nhị chi, rồi tiếp nữa mới đến phát minh ra giáp, Tý. Từ 1600 đến 1562 trước Công nguyên thời kỳ nhà Thương, Ân đã có can chi giáp Tý. Thập can đầu tiên được dùng vào để hiệu thế hệ vương triều nhà Thương, như Thành Thang có tên Thiên Ất, con của ông gọi là đại Đỉnh, trung Bính, trung Nhâm, cháu có tên là đại Giáp... "Đại Nhiêu bắt đầu lấy giáp ất làm tên ngày, gọi là can, lấy tý sừu làm tên tháng, gọi là chi" (Xem "Học thuyết vận khí"). Điều đó nói lên sự ra đời của can chi có quan hệ mật thiết với lịch pháp. Ví dụ quẻ từ bốn mươi bốn quyển bảy của sách "Ân hư thư khiết tiền biên" nói "ất mao bốc, dục bính vũ", "tân hợi bốc phục, dục nhâm vũ" đều nói lên thập can là ghi ngày.

1. Thập thiên can

Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý.

2. Cách chia âm dương của thập thiên can

"Tố vấn nhập thức vận khí luận áo, luận thập can" nói : "Giáp, bính, mậu, canh, nhâm là dương; ất, đinh, kỷ, tân, quý là âm, ngũ hành cách một âm lại một dương, nên gọi là 10 ngày".

Giáp vì sao lại thuộc dương, ất vì sao thuộc âm (những can khác cũng thế) ? Một là vì cái dọc trước là cứng là dương, hai là số lẻ là dương, nên giáp là dương. Giáp ở trước, ất ở sau, giáp số lẻ, ất số chẵn nên ất là âm.

3. Ngũ hành của thiên can

Giáp ất đồng thuộc mộc, giáp là dương mộc, ất là âm mộc; Bính đinh đồng thuộc hỏa, bính là dương hỏa, đinh là âm hỏa; Mậu kỷ đồng thuộc thổ, mậu là dương thổ, kỷ là âm thổ; Canh tân đồng thuộc kim, canh là dương kim, tân là âm kim; Nhâm quý đồng thuộc thủy, nhâm là dương thủy, quý là âm thủy.

4. Phương vị của thiên can

Giáp ất phương đông mộc, bính đinh phương nam hỏa, mậu kỷ trung ương thổ, canh tân phương tây kim, nhâm quý phương bắc thủy.

5. Thập can phối năm mùa

Giáp ất thuộc xuân, bính đinh thuộc hạ, mậu kỷ trường hạ, canh tân thuộc thu, nhâm quý thuộc đông.

6. Thập can phối ngoại ngũ hành, nội ngũ hành

1) *Thập can phối thân thể :*

Giáp là đầu, ất là vai, bính là trán, đinh là răng lưởi, mậu kỷ là mũi mặt, canh là gân, tân là ngực, nhâm là bắp chân, quý là chân.

2. *Thập can phối tạng phủ :*

Giáp là mật, ất là gan, bính ruột non, đinh tim, mậu dạ dày, kỷ lá lách, canh ruột già, tân phổi, nhâm bàng quang, quý thận. Số lẻ là phủ, số chẵn là tạng.

7. Thập can hóa hợp

Giáp và kỷ hợp hóa thổ, ất và canh hợp hóa kim, bính và tân hợp hóa thủy, đinh và nhâm hợp hóa mộc, mậu và quý hợp hóa hỏa.

Thập can hóa hợp là do phương vị của hai mươi tám thiên thể quyết định. Ví dụ "khí đen của trời là đi qua sao Vi, Kỷ chia thành" tức khí thổ của ngũ hành trên thiên thể khi đi qua bốn trạm tâm, vi, giác, chấn, trong thập can tương ứng với phương vị giáp kỷ, do đó gặp năm giáp, năm kỷ thì khí tượng thuộc thổ làm chủ sự vận hành. (Những cái khác xin xem trong "vận khí học thuyết"). Trong tứ trụ nếu gặp thiên can giáp, kỷ thì là hóa thổ. Sự hóa hợp cát hung của nó giống như tam hợp của mười hai chi.

V. ĐỊA CHỈ

Mười hai địa chỉ là tên của tháng, cho nên trong "Nhĩ nha, thích thiên" có câu : "Năm âm : tý sữu dẫn mao thìn ty ngọ vị thân dậu tuất Hợi".

1. Âm dương của mười hai chi

Tý, dẫn, thìn, ngọ, thân, tuất là dương.

Sữu, mao, ty, mùi, dậu, Hợi là âm.

2. Thập nhị chi phối ngũ hành

Dẫn mao thuộc mộc, dẫn là dương mộc, mao là âm mộc;

Ty ngọ thuộc hỏa, ngọ là dương hỏa, ty là âm hỏa;

Thân dậu thuộc kim, thân là dương kim, dậu là âm kim;

Tý Hợi thuộc thủy, tý là dương thủy, Hợi là âm thủy.

Thìn tuất sữu mùi thuộc thổ, thìn tuất là dương thổ, sữu mùi là âm thổ.

3. Thập nhị chi phối phương vị

Dẫn mao phương đông mộc, ty ngọ phương nam hỏa, thân dậu phương tây kim, Hợi tý phương bắc thủy, thìn tuất sữu mùi bốn mùa thổ. Thìn tuất sữu mùi ở tháng cuối của mỗi quý cho nên là bốn mùa thổ.

4. Mười hai chi phối bốn mùa

Dẫn mao thìn là xuân, ty ngọ mùi là hạ, thân dậu tuất là thu, Hợi tý sữu là đông.

5. Mười hai chi phối tạng phủ

Dẫn là mật, mao là gan, ty là tim, ngọ ruột non, tuất thìn dạ dày, sữu mùi lá lách, thân ruột già, dậu phổi, Hợi thận, tý bàng quang.

6. Lục hợp hóa hợp của thập nhị chi

Tý và sữu hợp hóa thành thổ, dẫn và Hợi hợp hóa thành mộc, mao và tuất hợp hóa thành hỏa, thìn và dậu hợp hóa thành kim, ty và thân hợp hóa thành thủy, ngọ và mùi hợp, ngọ thành thái dương, mùi là thái âm, hợp với nhau thành thổ.

Sự vận dụng lục hợp của mười hai chi, thứ nhất là dùng trong tứ trụ, tức năm tháng ngày giờ sinh sắp xếp trong thiên can địa chi. Ví dụ năm tháng ngày giờ sinh trong địa chỉ có tý và sữu, tức là tý và sữu hợp, có hai chi dẫn và Hợi tức là dẫn và Hợi hợp. Cái tương hợp với nhau là tốt.

Tương hợp lại chia ra : trong hợp có khắc, trong hợp có sinh. Trong hợp có khắc thì trước tốt sau xấu, trước nóng sau lạnh, trước hợp sau phân. Có cặp vợ chồng hoặc bạn hữu, ban đầu rất tốt, về sau cãi nhau ly hôn, hoặc quan hệ bạn bè tan vỡ, chính là vì trong tứ trụ đã có những tiêu chí thông tin trong hợp có khắc. Như tý hợp với sừ, mao hợp với tuất, tỵ hợp với thân, tý là thủy, sừ là thổ, thổ khắc thủy; mao là mộc, tuất là thổ, mộc khắc thổ; tỵ là hỏa, thân là kim, hỏa khắc kim. Như thế gọi là trong hợp có khắc.

Trong hợp có sinh là cho dù quan hệ vợ chồng hay giữa người với người, càng hợp càng tốt, ngày càng tốt. Đó cũng là trong tứ trụ đã có những tiêu chí thông tin trong hợp có sinh. Ví dụ dần hợp với Hợi, Thìn hợp với Dậu, Ngọ hợp với Mùi, dần là mộc, Hợi là thủy, thủy sinh mộc, Thìn là thổ, Dậu là kim, thổ sinh kim, Ngọ là hỏa, Mùi là thổ, hỏa sinh thổ. Cho nên gọi là trong hợp có sinh.

Sự vận dụng lục hợp của mười hai chi, thứ hai là dùng vào trong sáu hào của bát quái. Cách dùng của nó giống như trên, ở các chương 7, 8, 9, 10 của phần hai sách này sẽ bàn đến.

7. Mười hai chi tam hợp cục

Thân tý Thìn hợp thành thủy cục, Hợi mao Mùi hợp thành mộc cục, dần Ngọ tuất hợp thành hỏa cục, tỵ Dậu sừ hợp thành kim cục. Tam hợp hóa cục có cát có hung. Cái hóa sinh thành cát, cái hóa khắc thành hung. Dưới đây cử vài ví dụ :

Hóa sinh : Giả thiết có một người sinh năm canh thân, tháng ất Dậu, ngày giáp Thìn giờ giáp Tý. Trong tứ trụ kim vượng, mộc nằm ở tử địa, chi ngày là Thìn thổ lại khắc giờ tý là thủy, can ngày là giáp mộc và can tháng là ất mộc, can giờ là giáp mộc lại khắc chứ không có sinh nên là hung. Nhưng trong tứ trụ có thân tý Thìn hợp thành thủy cục, lại được năm canh là kim, tháng Dậu là kim sinh thủy, nên có điều mừng là thủy sinh mộc, tức tuy bị khắc nhưng được cứu. Điều đó gọi là thân tý Thìn hợp thủy cục hóa sinh là cát.

Hóa khắc : Giả thiết có người sinh năm canh thân, tháng mậu Tý, ngày bính Ngọ, giờ nhâm Thìn. Trong tứ trụ thủy vượng, can ngày là bính hỏa ở tử địa, lại còn bị thủy vượng trong tứ trụ khắc nên trở thành đại hung. Hơn nữa trong tứ trụ lại còn có thân tý Thìn hợp thành thủy cục nên lại càng khắc mạnh thêm can ngày bính hỏa (ngọ cũng thế). Bính hỏa có khắc vô sinh, bị khắc không được cứu, tức là đã hung càng thêm hung. Đó gọi là tam hợp hỏa khắc trở thành hóa hung cục.

8. Mười hai chi tương xung

Tý Ngọ tương xung, sừ Mùi tương xung, dần Thân tương xung, mao Dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, tỵ Hợi tương xung. Tương xung thực chất

là xung khắc nhau. Như trên hình bát quái có thể thấy rõ, mao là mộc ở phương đông, dậu là kim ở tây, ngọ là hỏa ở nam, tý là thủy ở bắc, các chi khác cũng thế, đều ở trên những phương đối nhau, cho nên là đối xung. Tương xung nghĩa là tương khắc. Nếu trong tứ trụ mà gặp thì không cát. Trong sáu hào gặp xung có cát có hung. Cái mà xung mất thần phúc là hung, cái mà xung mất thần khác là cát.

Giả thiết có người sinh năm bính ngọ, tháng canh tý, ngày đinh mao, giờ kỷ dậu. Trong tứ trụ có tý ngọ tương xung, mao dậu tương xung; đó là tượng không tốt. Tương xung có gần kề mà xung, lại có cách ngôi mà xung. Gần kề mà xung thì đại hại, cách ngôi mà xung thì hại nhẹ. Như thế là vì gần kề xung lực mạnh, cách ngôi xung lực nhẹ.

9. Mười hai tương hại

Tý mùi tương hại, sửu ngọ tương hại, dần tỵ tương hại, mao thìn tương hại, thân hợi tương hại, dậu tuất tương hại.

Tương hại là chịu hại, bị hại tức là tương khắc. Giả thiết có người sinh năm bính thân, tháng ất mùi, ngày mậu tý, giờ đinh tỵ. Như vậy trong tứ trụ có tý mùi tương hại. Tương hại đương nhiên không tốt nhưng còn chia ra có chế và không chế. Có chế thì không phương hại gì, không chế sẽ bất lợi.

10. Mười hai chi tương hình (phạt)

Tý phạt mao, mao phạt tý, đó là hình phạt vô lễ; dần phạt tỵ, tỵ phạt thân, thân phạt dần, đó là hình phạt đặc thể (tức do có quyền thế mà bị phạt); sửu phạt mùi, mùi phạt tuất, tuất phạt sửu là vì vong ân mà bị phạt. Thìn ngọ dậu hợi là tự phạt.

Hình là hình phạt vậy. Phần nhiều chủ về việc hình sự phạm pháp, cũng chủ về bị thương, bệnh tật. Phạm người trong tứ trụ thấy có cái không cát thì bản thân nên sống có kỷ luật, tôn trọng pháp luật, không làm việc xấu cũng thoát được cái nạn của hình dịch, thậm chí dù bệnh nhiều mà cố gắng đề phòng, kiên trì tập luyện có thể giảm được nỗi lo về bệnh.

Phạm trong tứ trụ có hai chi tý mao (cái khác cũng thế) là "hình phạt của vô lễ" tức do vô lễ mà tạo thành phạm pháp hoặc sinh tai họa. "Hình phạt đặc thể" là vì nắm quyền bính, có thế lực, làm ầu làm bậy, ức hiếp người khác mà dẫn đến phạm pháp hoặc tai họa. "Vong ân mà bị phạt" là chịu ơn nhưng không báo đáp, ngược lại còn làm hại ân nhân hoặc sát hại ân nhân nên bị tù tội. "Tự phạt" là tự mình muốn đạt âm mưu nào đó nên gây ra tội phạm.

11. Ngũ hành trường sinh đế vượng

Mộc trường sinh ở hợi, đế vượng ở mao, tử ở ngọ, mộ ở mùi.

Hỏa trường sinh ở dần, đế vượng ở ngọ, tử ở dậu, mộ ở tuất.

Kim trường sinh ở tỵ, đế vượng ở dậu, tử ở tý, mộ ở sửu.

Thủy thổ trường sinh ở thân, đế vượng ở tý, tử ở mao, mộ ở thìn.

Khi vận đến được đất trường sinh đế vượng, chủ nhân có sáng tạo, có tin vui như được thêm tiền, sinh con hoặc thăng chức. Khi vận đến tử mộ thì chủ nhân cốt nhục phân ly, hoặc tai họa. Trường sinh đế vượng này là căn cứ tượng quẻ mà đoán.

12. Tứ phế

Xuân : canh thân, tân dậu; hạ : nhâm tý, quý hợi.

Thu : giáp dần, ất mao; đông : bính ngọ, đinh tỵ.

Đây là chỉ hào, quẻ của tứ trụ mà nói.

13. Vượng, tướng, hưu, tù của ngũ hành

Xuân mộc vượng, hỏa tướng, thổ tử, kim tù, thủy hưu.

Hạ hỏa vượng, thổ tướng, kim tử, thủy tù, mộc hưu.

Thu kim vượng, thủy tướng, mộc tử, hỏa tù, thổ hưu.

Đông thủy vượng, mộc tướng, hỏa tử, thổ tù, kim hưu.

Phàm quẻ gặp như thế thì đều chịu như thế. Ví dụ mùa xuân gieo được quẻ chấn, chấn là mộc tức quẻ vượng, cát; nếu gieo được quẻ khôn, khôn là thổ, là tử địa, không cát.

14. Mười hai chi phối nguyệt kiến

Tháng giêng kiến dần, tháng hai kiến mao, tháng ba kiến thìn, tháng tư kiến tỵ, tháng năm kiến ngọ, tháng sáu kiến mùi, tháng bảy kiến thân, tháng tám kiến dậu, tháng chín kiến tuất, tháng mười kiến hợi, tháng mười một kiến tý, tháng mười hai kiến sửu. Cho nên một, hai là mộc; bốn năm là hỏa; bảy tám là kim; mười, mười một là thủy; ba, sáu, chín mười hai là thổ. Tháng giêng kiến dần là vì tháng giêng là tháng dần, là chuỗi sao bắc đẩu chỉ ở ngôi dần.

15. Mười hai chi phối với mười hai giờ

Giờ	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ
Thời gian	23 - 1	1 - 3	3 - 5	5 - 7	7 - 9	9 - 11
Giờ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Thời gian	11 - 13	13 - 15	15 - 17	17 - 19	19 - 21	21 - 23

16. Mười hai chi phối với mười hai loại động vật và số chi

Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Chuột	Trâu	Hổ	Mèo	Rồng	Rắn	Ngựa	Dê	Khỉ	Gà	Chó	Lợn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

VI. BẢNG SÁU MƯƠI GIÁP TÝ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

1. Bảng nạp sáu mươi giáp tý

Trong khoa học nhân thể, đối với việc dự đoán thông tin của người, nhất là dự đoán vận mệnh tốt xấu, cho dù dùng phương pháp tứ trụ hay phương pháp bát quái đều lấy nguyên lý âm dương biến hóa, ngũ hành sinh khắc chế hóa làm quy tắc.

Khí âm dương ngũ hành là loại vật chất cực kỳ tinh vi, nói chung ta không nhìn thấy hay sờ mó được, hiện nay chưa có cách gì đo được nó. Cho cả đến khí âm dương ngũ hành trong cơ thể, nó phân bố, cấu tạo, sắp xếp và phát sinh ngũ hành sinh khắc ra sao, làm thế nào để phân biệt được và thời gian nào nó ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của con người, khoa học hiện đại vẫn chưa biết được gì mấy, cho nên không có cách gì để phòng tránh, để hướng về điều tốt, xa điều dữ.

Tổ tiên ta, để giải quyết điều nan giải ở trên, đã phát minh ra thiên can địa chi để làm tiêu chí cụ thể về các loại tin tức âm dương ngũ hành trên cơ thể con người. Như vậy, người ta rất dễ xem được sự phân bố, cấu tạo tổ hợp sắp xếp khí âm dương trong nhân thể và thời gian ngũ hành sinh khắc cũng như ảnh hưởng của nó đối với vận mệnh con người. Do đó bản sáu mươi giáp tý vừa là khí âm dương ngũ hành trong nhân thể, còn là tiêu chí tin tức thời gian, phương vị không gian, vừa là sự vượng suy của khí âm dương trong cơ thể, còn là tiêu chí tin tức âm dương ngũ hành phát sinh, sinh khắc, chế hóa. Tóm lại, trong đời người ta, các loại thông tin đều chứa trong thiên can địa chi của thời điểm sinh ra. Cho nên sự sắp xếp thiên can địa chi ở thời điểm sinh ra của con người, không những là thời gian biểu suốt đời của người đó mà còn là một cái bảng, cái hồ sơ có nội dung phong phú, có tính kịch rất cao.

Bảng sáu mươi giáp tý có công dụng rất rộng. Sự sắp xếp của thiên can địa chi trong năm tháng ngày giờ sinh có thể tra trong bảng này. Trong bảng chia ra kim, mộc, thủy, hỏa, thổ tức là đem sáu mươi năm đầu của người mới sinh theo kim mộc thủy hỏa thổ chia thành năm loại mệnh. Trong bảng cứ

hai năm là một hàng, làm thành một năm mệnh. Người sinh năm kim là mệnh kim, sinh năm hỏa là mệnh hỏa. Ví dụ : người sinh năm 1924, năm 1984 (năm giáp tý), năm 1925, năm 1985 (là năm ất sữu) đều thuộc mệnh "hải trung kim", gọi tắt là người "mệnh kim". Những mệnh khác trong bảng đã ghi rõ, mỗi vòng 60 năm lại lặp lại. Bảng ngũ hành nạp âm sáu mươi giáp tý, cụ thể đã căn cứ nguyên tắc nào để lập nên ? Người xưa tuy có bàn đến nhưng chưa có căn cứ, nói chưa rõ. Do đó huyền bí khó giải. Sự biến hóa vô cùng của bảng đối với giới học thuật của nước ta vẫn còn là "câu đố".

Trong bảng, đem người ta chia làm năm loại mệnh : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Năm loại mệnh này tồn tại và phát triển theo quan hệ sinh khắc giữa ngũ hành, đặc biệt quan hệ tương khắc, nhất định ta phải phân tích cụ thể, xử lý cụ thể, làm rõ tính khác. Ví dụ hỏa khắc kim, nhưng kim ở "hải trung kim" là dưới đáy biển, kim ở "sa trung kim" là ở trong cát, nên hỏa không dễ khắc kim. Có loại kim không những không sợ hỏa khắc mà còn mừng vì có hỏa. Ví dụ "kiếm phong kim" mừng có lửa luyện, vì nó chỉ nhờ có lửa luyện mới thành kiếm sắc. "Bạch Lạp kim" là kim trên cây nến, rất dễ bị hỏa khắc. "Hải trung kim", "sa trung kim" tuy khó mà bị hỏa khắc nhưng nó cũng sợ "hỏa thu lôi" vì "hỏa thu lôi" có thể đánh xuống đáy biển, đánh xuống tận tầng đất sâu.

Kim có thể khắc mộc, nhưng gỗ trong cột phần nhiều lại mừng có kim để chế ngự lại, nên suy kim không thể khắc mộc vượng. Trừ khi mộc yếu gặp kim vượng thì bất lợi. Nói chung trong điều kiện bình thường thì "đại lâm mộc", "bình địa mộc" không dễ bị kim khắc. Nhưng mộc sợ nhất là "kiếm phong kim" vì nó là kim của vũ khí.

Mộc có thể khắc thổ, thổ trong đồng ruộng phần nhiều thổ vượng, rừng cây thưa nếu không thì không nuôi được mùa màng. Mộc suy thổ vượng, mộc không khắc được thổ, mộc vượng thổ suy, tất sẽ bị khắc. Nói chung "thổ trên tường", "thổ ở bãi ruộng" không dễ bị mộc khắc. Nhưng thổ sợ nhất là "đại lâm mộc", "bình địa mộc" khắc.

Thổ có thể khắc thủy. Thủy nhiều, thủy vượng bao vây thổ, có thể tưới ruộng, tưới nhuận vạn vật, nên suy thổ thì không khắc được vượng thủy. Nếu thủy suy thổ vượng, tất sẽ bị khắc. Thủy sợ thổ khắc. Nhưng "thủy thiên hà", "thủy đại dương" không những không sợ thổ khắc, mà nó còn khắc lại thổ. Vì thủy thiên hà ở trên trời, thổ ở dưới đất, nên đành chờ hai thủy tinh thoái vị thì thổ tinh lúc trực ban mới chế ngự được.

Thủy có thể khắc hỏa. Hỏa nhiều, hỏa vượng mừng có thủy chế. Hỏa vượng thủy suy thì không sợ thủy khắc. Thủy vượng hỏa suy, tất sẽ bị nó khắc. Nói chung "hỏa trên trời", "hỏa thu lôi" không dễ bị thủy khắc. Có thể nói "hỏa thu lôi" không những không sợ bị thủy khắc, ngược lại trời mưa càng to sét còn có thể chui xuống đáy biển để khắc thủy.

BẢNG NAP ÂM SÁU MƯƠI HOA GIÁP TÝ

Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh	Năm	Mệnh
Giáp tý	Kim đáy biển	Bính tý	Thủy dưới khe	Mậu tý	Hỏa thu lỏi	Canh tý	Thổ trên tường	Nhâm tý	Mộc dầu tùng
Ất sữu		Đinh sữu		Kỷ sữu		Tân sữu		Quý sữu	
Bính dần	Hỏa trong lò	Mậu dần	Thổ tường thành	Canh dần	Mộc tùng bách	Nhâm dần	Kim vàng đát mỏng	Giáp dần	Thủy ở khe lớn
Đinh mão		Kỷ mão		Tân mão		Quý mão		Ất mão	
Mậu thìn	Mộc rừng xanh	Canh thìn	Kim trong nền	Nhâm thìn	Thủy dòng nước	Giáp thìn	Hỏa ngọn nền	Bính thìn	Thổ trong cát
Kỷ tỵ		Tân tỵ		Quý tỵ		Ất tỵ		Đinh tỵ	
Canh ngọ	Thổ bên đường	Nhâm ngọ	Mộc dương liễu	Giáp ngọ	Kim trong cát	Bính ngọ	Thủy thiên hà	Mậu ngọ	Hỏa trên trời
Tân mùi		Quý mùi		Ất mùi		Đinh mùi		Kỷ mùi	
Nhâm thân	Kim mũi kiếm	Giáp thân	Thủy trong suối	Bính thân	Hỏa dưới núi	Mậu thân	Thổ ở đất bằng rộng	Canh thân	Mộc cây thạch lựu
Quý dậu		Ất dậu		Đinh dậu		Kỷ dậu		Tân dậu	
Giáp tuất	Hỏa đầu núi	Bính tuất	Thổ nền nhà	Mậu tuất	Mộc bình địa	Canh tuất	Kim ở trâm thoa	Nhâm tuất	Thủy đại dương
Ất hợi		Đinh hợi		Kỷ Hợi		Tân hợi		Quý hợi	

Âm dương ngũ hành tương sinh tương khắc, đương nhiên có ảnh hưởng quyết định đối với cả cuộc đời con người. Tương sinh nhiều là cát, tương khắc nhiều không lợi. Nhưng trong xử lý mối quan hệ giữa con người với nhau, đặc biệt là quan hệ vợ chồng, tất nhiên là năm mệnh tương sinh là tốt nhất. Khi năm mệnh hai người tương khắc, vừa phải xem nó khắc nhiều hay ít và có thể khắc được không, còn phải xem sự sắp xếp, tổ hợp tứ trụ của hai bên có tương sinh, tương chế và tương hợp không, không thể vừa thấy tương khắc liền cho là không cát, như thế là xem xét không toàn diện.

Ngũ hành mỗi cái chủ một việc, đặc điểm rất khác nhau. Về mặt tính cách con người, nói chung người mệnh kim thì nghĩa khí, kim trong cột phần

nhiều là kim vượng, tính chất cứng, nhưng dễ gãy. Người có mệnh hỏa chủ về lễ. Trong cư xử thường có lễ, gặp việc thường lấy lý luận để xét. Nhưng hỏa nhiều, hỏa vượng, tính nóng nảy dễ làm hỏng việc. Người mệnh thổ giữ chữ tín, nói một là một, hai là hai, nói đến đâu làm được đến đó. Nhưng thổ vượng thì thích tĩnh, không thích động do đó dễ mất thời cơ. Người mệnh mộc hiền từ tấm lòng tốt. Nhưng mộc vượng thì tính cách không khuất phục, đặc biệt là người "tang tùm mộc" (gỗ dàu, gỗ thông) thì chết đứng chứ không chịu sống quý. Loại người này rất hợp với binh ngũ, làm trinh sát viên hay nhân viên đặc biệt. Người mệnh thủy mưu trí, thông minh, ham học, nhưng mệnh thủy gặp khúc nhiều, như nước chảy từ Cón Lôn ra biển Đông, phải qua nhiều gian khổ. Nếu thủy vượng thì tính tình gấp nóng, hung bạo, dễ gây ra tai họa.

Bảng sáu mươi giáp tý không những là tiêu chí tin tức của nhân thể mà cũng là tiêu chí tin tức hưng vượng, suy vong của muôn vật, muôn việc trong tự nhiên. Đối với một đất nước cũng như thế. Nếu có thời mưa thuận gió hòa, nông nghiệp được mùa, mọi mặt tốt đẹp thì cũng có thời thiên tai hạn hán hoặc lụt lội khắp nơi, hoặc động đất, tai họa tự nhiên xảy ra liên tiếp làm cho nhân tài vật lực tổn thất liên miên. Gây nên những nguyên nhân này, đặc biệt là gây nên thiên tai, đều có liên quan với âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Để nói rõ vấn đề, ta chỉ lấy năm 1988 làm ví dụ.

Năm 1988 là năm "dại lâm mộc", năm mệnh là mệnh mộc. Can chi mệnh thìn của năm là thổ, mộc khắc thổ. Đó là mệnh của năm tự hành tương khắc, cho nên năm 1988 các loại thiên tai nhân họa rất nhiều. Cụ thể :

1. Ở Thượng Hải có dịch viêm gan siêu vi trùng. Thượng Hải nằm về phương Đông (cổ đại bát quái lấy Thiểm Tây, Tây An làm trung tâm). Phương Đông là mộc, mệnh năm lại là một chứng, tháng hai là mùa mộc vượng, Thượng Hải lại ở bên nước, mộc được thủy sinh là vượng tăng thêm vượng. Vượng quá tức thái quá, thái quá tất có hại, vì mộc là gan nên bị bệnh gan.

2. Nạn lụt nhiều. Năm 1988 lụt rất nhiều, chủ yếu vì mộc khắc thổ, thổ bị thương mà không sức nào chữa được, do đó tạo thành lụt.

3. Mất mùa. Thổ là mẹ nuôi vạn vật. 1988 là năm mệnh mộc, thổ tự khắc mệnh thìn thái tuế, thổ bị thương, giống như người mẹ bị bệnh không thể sinh sản nuôi dưỡng được. Thổ đã bị thương, thủy lại mạnh do đó mà mùa màng xấu, hoặc mất lụt.

Năm nay (sách này viết đầu năm 1989), mệnh năm vẫn là năm khắc thổ. Do đó toàn cảnh năm 1989 vẫn không tốt, thiên tai so với năm 1988 còn nghiêm trọng hơn.

Vận hội của đất nước cũng giống như vận mệnh một người, có tốt có xấu, có quy luật nhất định. Về thời gian mà nói : 1926, 1927, 1928, 1929;

1936, 1937, 1938, 1939; 1946, 1947, 1948, 1949; 1956, 1957, 1958, 1959; 1966, 1967, 1968, 1969; 1976, 1977, 1978, 1979; 1986, 1987, 1988, 1989 v.v... Trung Quốc đều có những tai họa, biến động lớn. Ví dụ năm 1928 Thượng Hải bị nạn bắt bớ tàn sát. Năm 1988 Thượng Hải bị dịch viêm gan siêu vi trùng nặng, tai họa cho con người. Tuy tính chất tai họa không giống nhau, nhưng con người đều gặp nạn. Căn cứ "Địa mẫu kinh" đã chép :

Quốc vận tốt xấu cũng có quy luật tuần hoàn. Có một số nạn dịch đến thời gian sẽ lặp lại, chẳng qua tính chất khác nhau mà thôi. Cho nên Trung Quốc phạm những năm có chữ số cuối là 6, 7, 8, 9 thường không thuận. Đặc biệt năm có số 9 là động quân đội, có chiến tranh, có máu chảy. Năm 1929 bọn quân phiệt cát cứ tàn sát lẫn nhau. Năm 1939 cuộc kháng Nhật phát triển toàn diện, năm 1949 là chiến tranh giải phóng; 1959 chiến tranh Trung Ấn kịch liệt, 1969 chiến tranh biên giới Trung - Xô chấn động toàn cầu, 1979 là chiến tranh với Việt Nam, cho nên năm 1989 cũng sẽ không yên lặng.

Căn cứ tình hình trên, nếu ta nghiên cứu sâu và chi tiết vào bảng sáu mươi giáp tý, đặc biệt là đoán trước thiên tai mỗi năm, nếu có lụt thì làm tốt công tác phòng bị, có hạn thì xây hồ chứa nước trước, có dịch bệnh thì đề phòng trước, có động đất thì chuẩn bị trước... chắc sẽ giảm được rất nhiều tổn thất về nhân lực và vật lực. Do đó, bảng sáu mươi giáp tý là tổng tiêu chí tin tức của vũ trụ.

2. Cách lấy tháng theo năm

Năm giáp, kỷ lấy bính làm đầu, năm át canh lấy mậu làm đầu. Năm bính tân tìm canh dần, năm đinh nhâm, từ nhâm dần kế tiếp. Năm mậu quý lấy giáp dần khởi điểm.

Phép lấy tháng theo năm là tra mười hai tháng của năm xem (can chi tên gì). Biết được tên của tháng sẽ biết được lệnh của tháng. Đó là cách lấy tháng trong tứ trụ và trong dự đoán bát quái.

Năm giáp, kỷ lấy bính làm đầu tức là khi gặp năm giáp và năm kỷ, can chi của tháng giêng là "Bính dần", tháng hai là "Đinh mao", cứ thế lần lượt lấy cho đến tháng mười hai (xem bảng lấy tháng theo năm). Ví dụ 1984 là năm Giáp tý, 1989 là năm Kỷ ty, can năm là giáp và kỷ, cho nên tháng giêng hai năm đó đều là tháng bính dần.

Năm Ất Canh lấy mậu làm đầu là can chi của tháng giêng năm át và năm canh là "mậu dần", tháng hai là "kỷ mao". Ví dụ : 1980 là năm canh thân, 1985 là năm át sữu, can năm là "canh" và "át", cho nên tháng giêng của hai năm đều là "mậu dần", tháng hai là "kỷ mao".

Năm bính tân tìm canh dần cách tìm cũng như trên. Ví dụ năm 1981 là năm tân dậu, năm 1986 là năm bính dần, can năm là bính và tân nên tháng giêng đều là "canh dần", tháng hai là "tân mao".

BẢNG LẤY THÁNG THEO NĂM

Năm Tháng	Giáp, kỷ	Ất, canh	Bính, tân	Đinh, nhâm	Mậu, quý
Tháng giêng	Bính dần	Mậu dần	Canh dần	Nhâm dần	Giáp dần
Tháng hai	Đinh Mão	Kỷ Mão	Tân Mão	Quý Mão	Ất Mão
Tháng ba	Mậu Thìn	Canh Thìn	Nhâm Thìn	Giáp Thìn	Bính Thìn
Tháng tư	Kỷ Tỵ	Tân Tỵ	Quý Tỵ	Ất Tỵ	Đinh Tỵ
Tháng năm	Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Giáp Ngọ	Bính Ngọ	Mậu Ngọ
Tháng sáu	Tân Mùi	Quý Mùi	Ất Mùi	Đinh Mùi	Kỷ Mùi
Tháng bảy	Nhâm Thân	Giáp Thân	Bính Thân	Mậu Thân	Canh Thân
Tháng tám	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu	Tân Dậu
Tháng chín	Giáp Tuất	Bính Tuất	Mậu Tuất	Canh Tuất	Nhâm Tuất
Tháng mười	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi
Tháng mười một	Bính Tý	Mậu Tý	Canh Tý	Nhâm Tý	Giáp Tý
Tháng mười hai	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu	Ất Sửu

Năm đinh, nhâm từ nhâm dần kế tiếp. Ví dụ 1982 là nhâm tuất, 1987 là đinh Mão, hai năm này tháng giêng đều là "nhâm dần", tháng hai là "Quý Mão".

Năm Mậu, Quý lấy Giáp dần khởi điểm. Ví dụ 1983 là năm Quý Hợi, 1988 là năm Mậu Thìn, nên tháng giêng hai năm đó đều là "Giáp dần", tháng hai "Ất Mão".

Ví dụ : Giờ Ngọ ngày 14 tháng ba năm 1989
 Canh Ngọ Kỷ Dậu Mậu Thìn Kỷ Tỵ

1989 là năm kỷ tỵ, theo năm giáp, năm kỷ tháng giêng là bính dần nên tháng ba là "Mậu Thìn". Các tháng khác cũng tính như thế.

3. Cách lấy giờ theo ngày

Giáp, kỷ còn thêm giáp : ất, canh : bính làm đầu.

Bính, tân : khởi từ mậu; đinh, nhâm khởi ở canh.

Mậu, quý : khởi từ nhâm.

BẢNG LẤY GIỜ THEO NGÀY

Ngày Giờ	Giáp, kỷ	Ất, canh	Bính, tân	Đinh, nhâm	Mậu, quý
Tý	Giáp tý	Bính tý	Mậu tý	Canh tý	Nhâm tý
Sửu	Ất sửu	Đinh sửu	Kỷ sửu	Tân sửu	Quý sửu
Dần	Bính dần	Mậu dần	Canh dần	Nhâm dần	Giáp dần
Mão	Đinh mão	Kỷ mão	Tân mão	Quý mão	Ất mão
Thìn	Mậu thìn	Canh thìn	Nhâm thìn	Giáp thìn	Bính thìn
Tỵ	Kỷ tỵ	Tân tỵ	Quý tỵ	Ất tỵ	Đinh tỵ
Ngọ	Canh ngọ	Nhâm ngọ	Giáp ngọ	Bính ngọ	Mậu ngọ
Mùi	Tân Mùi	Quý mùi	Ất mùi	Đinh mùi	Kỷ mùi
Thân	Nhâm thân	Giáp thân	Bính thân	Mậu thân	Canh thân
Dậu	Quý dậu	Ất dậu	Đinh dậu	Kỷ dậu	Tân dậu
Tuất	Giáp tuất	Bính tuất	Mậu tuất	Canh tuất	Nhâm tuất
Hợi	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi	Quý Hợi

"Giáp, kỷ còn thêm giáp" là giờ tý của ngày giáp, ngày kỷ bắt đầu là giờ "giáp tý". "Giáp tý" này là tên gọi can chi giờ tý của ngày giáp, ngày kỷ. Cách đây giờ tiếp theo cũng giống cách lấy tháng theo năm. Còn muốn biết tên can chi của ngày giáp, ngày kỷ thì phải tra tìm trong lịch vạn niên. Sau khi tìm được tên can chi của ngày rồi mới theo bảng trên tìm giờ. Như vậy chỉ cần biết được tên can chi của giờ tý mỗi ngày là có thể tìm ra tên các giờ tiếp theo.

"Giáp, kỷ còn thêm giáp" là tên gọi giờ tý của "ngày giáp, ngày kỷ" lấy là "giáp tý", giờ sửu là "ất sửu".

"Ất, canh, bính làm đầu" là giờ tý của "ngày ấy, ngày canh" lấy tên "bính tý", giờ sửu là "đinh sửu".

"Bính, tân khởi từ mậu" là giờ tý của "ngày bính, ngày tân" lấy tên là "mậu tý", giờ sửu là "kỷ sửu".

"Đinh, nhâm khởi ở canh" là giờ tý của "ngày đinh, ngày nhâm" lấy tên "canh tý", giờ sửu là "tân sửu".

"Mậu, quý khởi từ nhâm" là giờ tý của "ngày mậu, ngày quý" lấy tên là "nhâm tý", giờ sửu là "quý sửu".

Ví dụ : Giờ tý ngày 13 tháng 3 năm 1989
Nhâm tý Mậu thân Mậu Thìn Kỷ ty

Căn cứ năm kỷ tra ra tháng ba là "Mậu Thìn", căn cứ "lich vạn niên" tra tháng 3 ngày 13 là ngày "mậu thân", lại căn cứ "can ngày mậu" tra được giờ Tý là "nhâm Tý".

Ví dụ : Giờ tý ngày 14 tháng 3 năm 1989
Tra bảng được : Giáp tý Kỷ dậu Mậu Thìn Kỷ ty

Bảng sáu mươi giáp tý khi lập tứ trụ không thể thiếu được.

Sự sắp xếp thiên can địa chi trong năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người là tiêu chí thông tin vận mệnh suốt cuộc đời người đó. Như cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái, sức khỏe cho đến vận mệnh tốt xấu, tất cả đều ở trong đó. Đó chính là căn cứ để dự đoán vận mệnh tốt xấu, cát hung, phúc họa của người ấy.

Để sắp xếp cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái theo năm tháng ngày giờ sinh của một người, người xưa có hai cách :

Cách thứ nhất là : năm là tổ tiên ông bà, tháng là cha mẹ, ngày là anh em và mình, giờ là ngôi con cái.

Cách thứ hai thường dùng hơn, thấy chép trong "Kỳ môn tuần giáp thông tôn đại toàn" như sau : Can năm là cha, chi năm là mẹ; can tháng là anh em, chi tháng là chị em; can ngày là mình, chi ngày là vợ (hoặc chồng); can giờ là con trai, chi giờ con gái. Căn cứ thực tiễn, cách thứ hai phù hợp với thực tế. Xin ghi lại thành bảng sau.

Nam : sinh giờ ty ngày 15 tháng 3 năm 1989

Kỷ	Tý	Mậu	Thìn	Canh	Tuất	Tân	Ty
Cha	Mẹ	Anh em	Chị em	Mình	Vợ (chồng)	Con trai	Con gái

Phụ nữ lấy can tháng là chị em gái, chi tháng là anh em trai, những mục khác như nam giới.

Dùng tứ trụ đoán không những độ chính xác cao mà diện tương đối rộng và cụ thể, nhưng phương pháp rất phức tạp và cao sâu, ở đây không bàn sâu hơn được. Ở đây chỉ giới thiệu cách xếp thiên can, địa chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh, chủ yếu là để khi đoán theo bát quái lấy lệnh tháng, lệnh ngày làm tiêu chuẩn, để định sự vượng suy của quẻ, đặc biệt là lệnh tháng, nó có quyền lực làm chủ sinh sát, cho nên lệnh tháng rất quan trọng. Không biết được lệnh tháng thì không thể nào ước lượng được sự vượng suy của quẻ, cũng tức là không nắm chắc được sự thành công hay thất bại, cát hung của

dự đoán. Ví dụ tháng giêng, tháng hai mộc vượng, gieo được quẻ thổ của "khôn", "cấn", vì quẻ gặp tử địa, mọi việc đều hỏng; mùa thu kim vượng, gieo được quẻ mộc của "chấn", "tốn", vì quẻ gặp tử địa, không cát. Những cái khác trong "vượng, tương, hưu tù của ngũ hành" đã nói rõ.

4. Bảng sinh, vượng, tử, tuyệt của thập thiên can

Bảng này dùng để lấy thời lệnh vượng suy của thập can, từ đó nói rõ toàn bộ quá trình phát triển, biến hóa của sự vật từ sinh trưởng, hưng vượng, đến suy, đến bệnh chết. Quá trình này là quy luật phát triển tất yếu của sự vật.

Thập thiên can được đưa vào nhân thể học để tiến hành dự đoán đã trải qua lịch sử mấy nghìn năm. Thực tiễn chứng minh nó là khoa học, vì từ sự sắp xếp thập thiên can trong năm tháng ngày giờ sinh của con người, có thể dựa vào tiêu chí thông tin lệnh vượng suy của thập thiên can để thấy được và dự đoán sự vượng suy của người đó và các thông tin vượng suy của sự vật. Vấn đề này từ xưa đến nay đều không thể phủ nhận. Nhưng do khoa học hiện đại còn chưa giải thích được cơ sở cao sâu của nó nên mới có người nói nó là duy tâm.

Trong bảng, chữ "trường sinh" ví như người vừa sinh ra, hoặc giai đoạn thịnh vượng. "Mộc dục" là hài nhi sau khi sinh ra được tắm rửa. "Quan đới" là trẻ em đã biết tự mặc áo, đội mũ. "Lâm quan" cũng gọi là "tiến lộc" và "đế vượng" đều là giai đoạn thân vượng, vận khí vượng. Sự vật đã vượng tất đến suy, cho nên suy đến tuyệt đều là đất chết. "Thai", "dưỡng" về phương diện vận khí mà nói, đều gọi là "bình vận", vì "thai" là mang thai, "dưỡng" gọi là "hưu dưỡng". Các trạng thái được kê ra trong bảng, từ quy luật phát triển, biến hóa của sự vật mà nói chính là sự vật từ sinh đến trưởng thành, lớn mạnh đến suy bại tử vong, sau đó lại đến vòng tuần hoàn khác cùng qua quá trình sinh tử như thế.

Trong bảng, thập can là chỉ can ngày sinh làm chính. Ví dụ giáp mộc gặp hợi là sinh trưởng, gặp tý là mộc dục, gặp sửu là quan đới... Gặp thìn là suy, gặp tỵ là bệnh... tức là nói : giáp mộc gặp năm hợi, hoặc tháng hợi, ngày hợi, giờ hợi đều là gặp sự "sinh trưởng". Ngược lại, giáp mộc gặp năm giáp ngọ, hoặc tháng ngọ, ngày ngọ, giờ ngọ đều là gặp tử địa. Gặp tử địa không nhất thiết là phải chết. Tử địa phần nhiều chủ vận khí không thuận hoặc giả có tai nạn. Cho nên người sinh giáp mộc nếu năm tháng ngày sinh đều là ngọ, hoặc gặp trường hợp không biết tứ trụ của mình thì khi dự đoán phải cẩn thận, không thì dễ sai.

Trong bảng, từ trường sinh đến đế vượng là lợi, từ suy đến tuyệt là bất lợi, thai thường chủ chung chung. Địa chi trong bảng dùng để đoán cát hung, để biết được thời kỳ có lợi hay không lợi và cho biết phương vị. Ví dụ giáp

để vượng ở mao, mao ở đây là năm mao, tháng mao, ngày mao. Phương vị là phương đông, tức chỉ phương đông so với nơi mình sinh ra.

BẢNG SINH VƯỢNG TỬ TUYỆT CỦA MƯỜI THIÊN CAN

Trạng thái	Ngũ hành Thời lệnh	Can ngũ dương					Can ngũ âm				
		Giáp mộc	Bính Hỏa	Mậu thổ	Canh kim	Nhâm thủy	Ất mộc	Đinh hỏa	Kỷ thổ	Tân kim	Quý thủy
Trường sinh		Hợi	Dần	Dần	Tỵ	Thân	Ngọ	Dậu	Dậu	Tý	Mão
Mọc dục		tý	Mão	Mão	ngọ	Dậu	Tỵ	Thân	Thân	Hợi	Dần
Quan đới		Sửu	Thìn	Thìn	Mùi	Tuất	Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Sửu
Lâm quan		Dần	Tỵ	Tỵ	Thân	Hợi	Mão	Ngọ	Ngọ	Dậu	Tý
Đế vượng		Mão	Ngọ	Ngọ	Dậu	Tý	Dần	Tỵ	Tỵ	Thân	Hợi
Suy		Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Thìn	Mùi	Tuất
Bệnh		Tỵ	Thân	Thân	Hợi	Dần	Tý	Mão	Mão	Ngọ	Dậu
Tử		Ngọ	Dậu	Dậu	Tỵ	Mão	Hợi	Dần	Dần	Tỵ	Thân
Mộ		Mùi	Tuất	Tuất	Sửu	Thìn	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Mùi
Tuyệt		Thân	Hợi	Hợi	Dần	Tỵ	Dậu	Tý	Tý	Mão	Ngọ
Thai		Dậu	Tý	Tý	Mão	Ngọ	Thân	Hợi	Hợi	Dần	Tỵ
Dương		Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Tuất	Sửu	Thìn

Giáp mộc mộ tại mùi. Mộ là nhập mộ, dương nhiên là không cát. Mùi ở đây là năm mùi, tháng mùi, ngày mùi, giờ mùi, phương vị là tây nam. Cho nên việc có lợi phải ở thời gian có lợi, đến phương vị có lợi mà làm. Việc không có lợi vào thời gian không lợi thì không làm, không đi theo phương không lợi thì có thể tránh được những thiệt hại bất ngờ. Cho nên bảng sinh vượng tử tuyệt của mười thiên can là tiêu chí thông tin và thời gian biểu để hướng vào việc tốt, tránh được việc xấu.

5. Mười hai tiết lệnh

Tháng giêng lập xuân, tháng hai kinh trập, tháng ba thanh minh, tháng tư lập hạ, tháng năm mang chủng, tháng sáu tiểu thử, tháng bảy lập thu, tháng tám bạch lộ, tháng chín hàn lộ, tháng mười lập đông, tháng mười một đại tuyết, tháng mười hai tiểu hàn.

Mười hai tiết lệnh còn gọi là mười hai lệnh tháng. Lệnh tháng nắm quyền sinh sát của một tháng, là đề cương của vạn vật. Lệnh tháng không chỉ là đường phân giới của một năm, một tháng, là tiêu chuẩn duy nhất để đo sự vượng suy của một quê mà cũng là tiêu chuẩn vượng suy của can chi trong tứ trụ. Cho nên lệnh tháng vô cùng quan trọng trong việc dự đoán thông tin nhân thế.

1) Cách xếp tứ trụ trước khi lập xuân và sau khi lập xuân trong năm

1 - Ví dụ : Cách xếp tứ trụ năm trước lập xuân.

Giả thiết 3h30 ngày 17 tháng 12 năm 1987 âm lịch lập xuân, người sinh giờ dần thì xếp tứ trụ như sau :

Năm đinh mao, tháng quý Sửu, ngày kỷ Sửu, giờ bính dần (đây là tứ trụ của người sinh trước 3h30).

Nếu âm lịch năm 1987, tháng 12, ngày 17, sinh sau 3h30 phút thì tính như sau :

Âm lịch năm 1988, tháng giêng, ngày 17, sinh giờ dần, tứ trụ sẽ là : năm mậu Thìn, tháng giáp dần, ngày kỷ Sửu, giờ bính dần. Vì sau 3h30 tức sinh sau lập xuân nên là tháng giêng năm 1988, còn ngày giờ vẫn là ngày kỷ Sửu, giờ bính dần.

2 - Ví dụ : Cách xếp tứ trụ năm sau lập xuân.

Âm lịch năm 1987, tháng giêng ngày mồng 7 (giả thiết 10h04 lập xuân) : âm lịch năm 1986 tháng 12 ngày mồng 7 giờ tỵ.

Năm bính dần tháng tân Sửu ngày giáp thân giờ kỷ tỵ, đó là người sinh trước giờ lập xuân.

Âm lịch năm 1987 tháng giêng mồng 7, 10h4 phút, người sinh sau lập xuân có tứ trụ là :

Năm đinh mao, tháng nhâm dần, ngày giáp thân, giờ kỷ tỵ.

2) Cách xếp giao tiết lệnh tháng. Giống như lệnh năm, người sinh trước giao tiết lệnh tháng thì xếp theo can chi lệnh của tháng trước; người sinh sau giao tiết thì xếp theo can chi lệnh của tháng sau, tức là người sinh trước lệnh thì tính theo lệnh của tháng trước, người sinh sau lệnh thì tính theo lệnh tháng sau. Dưới đây, lấy ví dụ về tháng nhuận.

1987 nhuận tháng sáu, ngày 14, 10h4 phút lập thu. Người sinh trước lập thu có tứ trụ là :

Năm Đinh mao, tháng đinh mùi, ngày kỷ Sửu, giờ kỷ tỵ. Năm 1987 nhuận tháng 6, ngày 14, sinh sau 10h4 một giây thì phải tính là :

1987 tháng 7 ngày 14 giờ tỵ Tứ trụ là :

Đinh mao mậu thân kỷ Sửu kỷ tỵ

Trên đây đã giới thiệu về cách xếp tứ trụ cho người sinh trước và sau lệnh tháng. Cách xếp này của tôi không phải chuyên để tính tứ trụ mà là chỉ để dùng lệnh tháng, lệnh ngày do sự vướng suy của quẻ. Nếu dùng bát quái để đoán mà không biết cách xếp tứ trụ của mỗi ngày thì không thể nào dùng bát quái để đoán được.

Tháng sáu là đình mùi, thổ, là tháng lệnh. Nếu gieo được quẻ "khâm" là thủy, mùi thổ sẽ khắc "khâm" thủy rất bất lợi. Sau lệnh tháng sáu là tháng mệnh thân, nếu gieo được quẻ khâm, thì kim của tháng thân sẽ sinh ra thủy của "khâm", đó là tượng lợi đây.

VII. THẦN, SÁT

Thần là cát, còn nếu sát là hung.

1. Thiên ất là có quý nhân

Thiên ất quý nhân là trong tứ trụ của người sinh có thiên ất là có quý nhân. Quý nhân là cát tinh, sao cứu trợ. Trong tứ trụ có cát tinh thì khi gặp việc, có người giúp đỡ, gặp nạn có người cứu, đó là sao gặp hung nhưng hóa thành cát.

Giáp, mệnh đi với trâu, dê; ất, kỵ đi với chuột, khi;

Bính, đình đi với lợn, gà; nhâm quý đi với thổ, rắn;

Canh, tân đi với hổ, ngựa; đó là có quý nhân.

Giáp, mệnh đi với trâu dê là : sinh năm giáp, hoặc năm mệnh, trong tứ trụ lại có sữu, mùi (tức trâu, dê) là tứ trụ có quý nhân. Nếu có cả sữu và mùi là có hai quý nhân, chỉ có một sữu (hoặc mùi) là có một quý nhân.

Có sách lấy Giáp, Mậu của can năm, có sách lấy Giáp, Mậu của can ngày. Theo kinh nghiệm thực tiễn, Giáp, Mậu vừa có thể của can năm, vừa có thể của can ngày để tra quý nhân. Quý nhân của can năm to hơn quý nhân can ngày.

Ví dụ : Người sinh : giờ Sửu - ngày 1, tháng 6 năm 1984.

giờ Kỷ Sửu - Bính Ngọ - Tân Mùi - Giáp Tý.

Trong tứ trụ này, Mùi và Sửu là quý nhân, tức có 2 quý nhân.

Ví dụ : Người sinh : giờ Dậu - ngày 12, tháng 5 - 1984.

Đình Dậu - Bính Tý, Canh Ngọ - Giáp Tý.

Trong tứ trụ này, theo can Giáp để tra quý nhân, trong tứ trụ không có 2 chữ Sửu, Mùi nên không có quý nhân. Chữ Giáp can năm không có quý

nhân thì lấy chữ Bính can ngày để tra quý nhân. Căn cứ "Bính, Đinh với lợn gà", giờ trong tứ trụ có chữ Dậu là gà, nên chữ Bính can ngày của tứ trụ có một quý nhân.

Ví dụ : Người sinh : giờ Ngọ - mồng 3 - tháng 6 - 1986.

Canh Ngọ - Giáp Dần - Ất Mùi - Bính Dần.

Theo chữ Bính can năm để tra quý nhân, trong tứ trụ không có 2 chữ Hợi, Dậu, nên chữ Bính không có quý nhân. Tuy nhiên chữ Giáp của can ngày trong tứ trụ có chữ Mùi, Mùi là dê. Vậy can ngày có quý nhân. Cách tra quý nhân theo hào của quẻ thì lấy can ngày làm chủ.

2. Sao Mã

Sao Mã là ngựa, chủ về chạy khỏe, tượng của chạy, động. Người trong tứ trụ có sao Mã, trong hào quẻ có sao Mã chủ về tượng ham chạy. Sao Mã trong tứ trụ, nếu rơi vào giờ sinh là Mã gặp độn trại; người lính và những người hay đi công tác phần nhiều có sao Mã. Tướng sĩ trấn ải ở biên cương sao Mã của họ phần nhiều rơi vào giờ. Sao Mã không nên nhiều, vì nếu nhiều là tượng của bốn ba, lao khổ. Người phụ nữ có sao Mã nhiều càng không yên tâm, bất ổn, ở không ổn định, là tượng bất lợi.

Thân, Tý, Thìn Mã ở Dần. Dần, Ngọ, Tuất, Mã ở Thân.

Tỵ, Dậu, Sửu Mã ở Hợi. Hợi, Mão, Mùi, mã ở Tỵ.

Thân, Tý, Thìn Mã ở Dần : thứ nhất có nghĩa người sinh năm Thân, năm Tý, năm Thìn trong tứ trụ thấy chữ Dần tức là có sao Mã, thứ hai là chỉ người sinh trong 3 ngày : Thân, Tý, Thìn, trong tứ trụ nếu có chữ Dần cũng là có sao Mã. Thực tiễn vận dụng thấy đều đúng cả.

Ví dụ : Người sinh : giờ Ngọ - ngày 16 - tháng 3 - 1989

Giáp Ngọ - Tân Hợi - Mậu Thìn - Kỷ Tỵ.

Theo Tỵ, Dậu, Sửu để tra sao Mã trong tứ trụ này. Nay lấy chỉ năm làm chuẩn, trong tứ trụ có chữ Hợi, nên Hợi là sao Mã.

Ví dụ : Người sinh : giờ Dần - ngày 17 - tháng 3 - 1989

Nhâm Dần - Nhâm Tý - Mậu Thìn - Kỷ Tỵ

Lấy chỉ năm là Tỵ tra trong tứ trụ không có chữ Hợi nên không có sao Mã. Chỉ ngày là Tý, căn cứ "Thân, Tý, Thìn, Mã tại Dần", tra trong tứ trụ được chữ Dần, nên gọi là chỉ ngày có sao Mã.

Những trường hợp khác cũng dùng cách tra tương tự.

Sao Mã trong tứ trụ lại chia làm 2 loại : hợp và xung.

Người sao Mã bị hợp là Mã bị trói chặt, không chạy, không đi được. Đó gọi là sao Mã có mà như không. Sao Mã nếu bị xung, Mã chạy càng nhanh;

càng sợ, càng chạy nhanh. Như người bị xung, bị đâm, chưa kịp chào đã chạy. Xung là : Ty, Hợi tương xung. Hợp là Dần hợp với Hợi. Hào quẻ lấy ngày làm chủ.

3. Hàm trỉ (Còn gọi là Đào hoa sát)

Đào hoa chủ về người đẹp, thông minh, ham học, khảng khái, hào phóng, phong lưu.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Mão ; Ty, Dậu, Sửu kiến Ngọ,
Thân, Tý, Thìn kiến Dậu ; Hợi, Mão, Mùi kiến Tý.

Dần, Ngọ, Tuất là người sinh trong 3 năm : Dần, Ngọ, Tuất : trong tứ trụ thấy có chữ Mão là có Đào hoa. Cũng có thể người sinh trong 3 ngày : Dần, Ngọ, Tuất, trong tứ trụ thấy có chữ Mão tức cũng có Đào hoa.

Vi dụ : Người sinh : giờ Ty - ngày 11 - tháng 2 - 1986
Đinh Ty - Quý Hợi - Tân Mão - Bính Dần

Trong tứ trụ này lấy chi năm là Dần để tra Đào hoa, trong tứ trụ có chữ Mão, nên có Đào hoa.

Vi dụ : Người sinh : giờ Dậu - mồng 4 - tháng 4 - 1986
Đinh Dậu - Bính Thìn - Quý Ty - Bính Dần

Chữ Dần chi năm của tứ trụ này không có chữ Mão, nên không có Đào hoa. Nhưng có "Thân, Tý, Thìn kiến Dậu" là có Đào hoa. Nay lấy chữ Thìn chi ngày, giờ của tứ trụ có chữ Dậu cho nên vẫn có Đào hoa. Đó gọi là trên chi ngày tìm thấy Đào hoa.

Đào hoa lại chia làm : Hoa trong tường và hoa ngoài tường. (trên giờ thấy Đào hoa là Hoa ngoài tường; những trường hợp khác là Hoa trong tường. Hoa trong tường không dễ bị hái, Hoa ngoài tường dễ bị người đi qua hái. Nên hoa trong tường ít bị thị phi, mang tiếng, cãi cọ; Hoa ngoài tường dễ bị thị phi. Cách tra cũng giống như trên, lấy chi ngày làm chủ để tra.

4. Kinh dương (còn có tên Dương nhãn)

Người gặp kinh dương là kiếp sát. Có hỉ, có kỵ. Kinh dương kiếp sát phần nhiều chủ việc có hại. Được ấn (được chức quyền) sinh ra kinh dương tức nắm quyền cao chức trọng, nên gọi là hỉ.

Giáp kinh dương tại Mão. Ất kinh dương tại Dần. Bính, Mậu kinh dương tại Ngọ. Đinh, Kỷ kinh dương tại Ty. Canh kinh dương tại Dậu. Tân kinh dương tại Thân. Nhâm kinh dương tại Tý. Quý kinh dương tại Hợi.

Luận thuyết về kinh dương lấy can ngày làm chủ, như người sinh ngày Giáp trong tứ trụ có chữ Mão, là có kinh dương.

Ví dụ : sinh giờ Mão - ngày 19 - tháng 3 - 1989
Đinh Mão - Giáp Dần - Mậu Thìn - Kỷ Ty

Ngày Giáp trong tứ trụ này có chữ Mão nên có kinh dương. Tứ trụ gặp ngày Giáp thì cho dù Mão ở ngôi năm, hay tháng, hay giờ đều tính là kinh dương.

5. Lộc của thập Can

Giáp lộc tại Dần; Ất lộc tại Mão; Bính, Mậu lộc tại Ty; Đinh, Kỷ lộc tại Ngọ; Canh lộc tại Thân; Tân lộc tại Dậu; Nhâm lộc tại Hợi; Quý lộc tại Tý.

Lộc là phúc lộc, hưởng lộc. Lộc đặc trưng cho phúc. Lộc lấy can ngày làm chủ. Cách tra : giống cách tra kinh dương.

6. Sao Hoa cái

"Sao Hoa cái" chủ về thông minh, hiểu học, nhiều tài nghệ, kiêu ngạo, tính cô độc. Chủ về xuất gia (tổ hợp tứ trụ không tốt), hoặc là tin Thánh, Phật, tin Đạo giáo, hoặc ham bói toán, tướng số.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Tuất; Ty, Dậu, Sửu kiến Sửu;

Thân, Tý, Thìn kiến Thìn; Hợi, Mão, Mùi kiến Mùi.

Dần, Ngọ, Tuất kiến Tuất tức là người sinh trong 3 năm : Dần, Ngọ, Tuất mà trong tứ trụ thấy chữ Tuất là có sao Hoa cái. Hoặc người sinh trong ba ngày Dần, Ngọ, Tuất mà trong tứ trụ thấy chữ Tuất cũng là có sao Hoa cái.

Ví dụ : sinh giờ Tuất - mùng 1 - tháng 9 - 1982

Nhâm Tuất - Quý Dậu - Canh Tuất - Nhâm Tuất.

Trong tứ trụ này trên tháng có chữ Tuất, là có sao Hoa cái.

Ví dụ : sinh giờ Ngọ - ngày 12 - tháng 12 - 1982

Mậu Ngọ - Quý Sửu - Quý Sửu - Nhâm Tuất.

Trong ví dụ này chi năm là Tuất, nhưng trong tứ trụ không có Tuất nên không có sao Hoa cái. Nhưng trên ngày là Sửu, căn cứ "Ty, Dậu, Sửu kiến Sửu", thì sao Hoa cái của Sửu trong tứ trụ có thấy chữ Sửu, nên Sửu của tháng là sao Hoa cái.

7. Thiên la, địa vông

Thiên la, địa vông phần nhiều chủ về phạm hình pháp, nên trong tứ trụ có Thiên la, địa vông thì nên tôn trọng pháp luật là tốt nhất, đừng làm liều, làm bậy, nếu không sẽ khó tránh khỏi bị lao tù.

Thiên la, địa võng lại còn chủ về bị thương, đau ốm. Chỉ cần khổ công rèn luyện thì có thể tránh được tai họa, bệnh tật.

Thìn là Thiên la, Tuất là Địa võng.

Người có Thìn thấy Ty, người Ty thấy Thìn là Thiên la.

Người Tuất thấy Hợi, người Hợi thấy Tuất là Địa võng.

Người mệnh Hỏa gặp Tuất, Hợi là Thiên la.

Người mệnh Thủy gặp Thìn, Ty là Địa võng.

Nam kỵ Thiên la; Nữ kỵ Địa võng.

Về thuyết Thiên la, Địa võng, người xưa lấy chi năm làm chủ, cũng có người lấy chi ngày làm chủ. Trong thực tế, trong chi ngày, chi năm mà có thì đều không tốt, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi. Cách tra : giống như cách tra quý nhân phù trợ.

Ngày Tân Hợi là trong tuần Giáp Thìn, theo câu : "trong tuần Giáp Thìn thì Dần, Mão không". Trong tứ trụ chữ Dần là Tuần không, cũng gọi là rơi vào chỗ không. Ví dụ : hôm nay lấy quẻ để đoán cầu tài, trong hào của quẻ lấy "Dần mộc là hào tài", vậy cái tài này chỉ chờ đến ngày Giáp dần (tức ngày 19/3) hoặc ngày Ất mao (ngày 12/3) mới đến tay; cái đó gọi là xuất không thì không còn là không cho nên thành sự.

VIII. MỐI QUAN HỆ GIỮA ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH VÀ CƠ THỂ

Học thuyết âm dương, ngũ hành và thiên can, địa chi tương truyền là Đổng Trọng Thư đời Hán sáng tạo ra và đưa vào mệnh học. Cách nói này tuy không đủ để tin, nhưng Đổng Trọng Thư về mặt này tối thiểu cũng đã có sự phát triển to lớn. Ngày nay chúng ta từ hai phương diện : y học và vận hạn con người sẽ bàn một cách thiết thực về sự ảnh hưởng của âm dương ngũ hành và thiên can địa chi đối với con người.

1. Từ bệnh tật để xem xét ảnh hưởng của âm dương, ngũ hành thiên can, địa chi

Âm dương, ngũ hành là các danh từ triết học trừu tượng. Muốn nói rõ tác dụng và mối quan hệ của nó với nhân thể trong lĩnh vực khoa học thì không thể tách rời khỏi bát quái, thiên can, địa chi. Vì trong bát quái, thiên can, địa chi chỉ ra một cách rõ ràng các thuộc tính của âm dương, ngũ hành mà những thuộc tính này lại là tiêu chí cụ thể về các thông tin của nhân thể. Cho nên âm dương, ngũ hành, thiên can, địa chi không những nói rõ sinh lý, bệnh lý và sự biến hóa của khí hậu có ảnh hưởng lớn đối với nhân

thể mà còn nói rõ nhân thể với hoàn cảnh bên ngoài là một chỉnh thể thống nhất : thiên, nhân tương ứng.

Đầu tiên nói về hai khí âm, dương. Trong sách "Âm dương ứng tượng đại luận" nói : "Âm thắng thì Dương bệnh, Dương thắng thì Âm bệnh". Hai khí âm dương trong cơ thể cân bằng lẫn nhau. Nếu khí dương lệch về thắng, khí âm tất sẽ hư tổn; khí âm thiên về thắng, khí dương cũng hư tổn. Như vậy người sẽ bị bệnh, thậm chí bị chết. Trong "Mạch giải thiên", đối với nguyên nhân phát sinh một số bệnh đã giải thích rất cụ thể : "Người bị tai ù là do dương khí của vạn vật thịnh vượt quá nên tai ù, nếu bị nặng thì có thể điên. Dương ở trên, mà âm khí ở dưới, dưới hư trên thực, cho nên bị điên". Do đó trăm bệnh sinh ra đều do khí.

Lại từ ngũ hành để xem xét, "Tố vấn trạch thích" có nói : "Hợp nhân hình thì lấy phép tứ thời của ngũ hành mà trị... Ngũ hành đó là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ rất lợi hại. Qua nó biết được sống hay chết, thành hay bại, nặng hay nhẹ, khi nào thì chết. Nhân thể là một thể âm dương đối lập cực kỳ phức tạp. Trong y học đã sớm căn cứ vào âm dương ngũ hành, thiên can, địa chi để sắp xếp các bộ vị, các tổ chức khí quan trong cơ thể, định ra người thịnh hay suy, chẩn đoán và chữa trị bệnh tật. Cho nên âm dương, ngũ hành, thiên can, địa chi không những để nói rõ công năng sinh lý, bệnh tật biến hóa của cơ thể mà còn để chỉ đạo việc chẩn đoán và chữa bệnh. Để nói rõ vấn đề này chúng ta lập ra bảng âm dương ngũ hành, thiên can, địa chi phối với các tạng, phủ dưới đây.

Ngũ hành	Mộc		Hỏa		Thổ		Kim		Thủy	
	Dương giáp	Âm át	Dương bình	Âm đinh	Dương mậu	Âm kỷ	Dương canh	Âm tân	Dương nhâm	Âm quý
Địa chi	Dần	Mão	Ngo	Tỵ	Thìn, Tuất	Sửu, Mùi	Thân	Dậu	Tý	Hợi
Tạng		Gan		Tim		Lá lách		Phổi		Thận
Phủ	Mật		Ruột non		Dạ dày		Ruột già		Bàng quang	

Thiên can, địa chi phối với tạng phủ, căn cứ vào sự vượng suy của bốn mùa và chủ mệnh của mỗi năm, là có thể biết được thời gian nào thì lưu hành bệnh gì. Trong sách "Khí giao biến đại luận" có nói : "Năm mộc thái quá, gặp gió nhiều thì tỳ thổ bị bệnh. Hỏa thái quá, nhiệt lưu hành, kim phế bị bệnh. Năm thổ thái quá phong thấp lưu hành, thận thủy bị bệnh. Năm kim thái quá, táo nóng lưu hành, can mộc bị . Năm thủy thái quá, hàn lưu hành, bệnh hại tâm hỏa". Trong sách "Tàng khí pháp thời luận" có nói :

"Bệnh tại can khởi vào mùa hạ, hạ không khởi sẽ nặng vào mùa thu, thu không chết kéo dài vào đông, lại khởi bệnh từ mùa xuân. Người bệnh gan khởi ở Bính đinh, Bính đinh không khởi sẽ nặng thêm ở Canh tân, Canh tân không chết sẽ kéo dài đến Nhâm quý. Lại khởi đầu ở Giáp ất..." Thuộc tính âm dương, ngũ hành của tạng phủ con người cũng giống như âm dương, ngũ hành trong thiên can địa chi, mà kim, mộc, thủy, hỏa, thổ lại khác nhau 4 thời suy vượng, cho nên Mộc vượng quá, tỳ sẽ bị khắc, do đó tỳ bị bệnh. Hoặc là nói ở thời điểm sinh của một người, Mộc nhiều hoặc Mộc vượng mà Thổ suy, thì tỳ của người đó nhất định sẽ có tật. Do đó làm rõ mối quan hệ sinh khắc giữa thiên can, địa chi và cơ thể là rất quan trọng, từ đó có thể đề phòng bệnh tật một cách có hiệu quả và biết được bệnh nặng, nhẹ, cát, hung.

2. Từ vận khí tốt xấu của con người để thấy được ảnh hưởng của can chi

Học thuyết vận khí là môn khoa học để tìm ra quy luật vận động của khí tượng trong y học cổ đại của Trung Quốc, sau đó phát triển thành thiên văn vận khí học, hải dương vận khí học, khí tượng vận khí học, y học vận khí học, v.v... Tóm lại vận khí đối với vạn vật mà nói là khách quan tồn tại. Cho nên vạn vật có thủy, có chung; để vượng có hưng có suy; con người có cát, có hung, tất cả đều nằm trong ngũ vận.

Con người đối với trời đất, đối với sự biến hóa nóng lạnh giao thời của thời tiết có những hiểu biết nhất định. Đối với các lĩnh vực khác, khoa học đều thừa nhận có vận khí, vậy con người cũng có vận khí là điều đương nhiên. Vì con người cũng là một loài trong vạn vật, nó cũng bị ảnh hưởng do sự vận động của các thiên thể, cũng bị tác động tốt và xấu của vận khí.

Cái gì gọi là vận ? Cái gì gọi là khí ? Tôi cho rằng vận là hành, khí là khí của âm dương. Sự vận động của hai khí âm dương tồn tại hai trạng thái : cân bằng và không cân bằng. Khi không cân bằng thì sự vật sẽ không có một quy định rõ ràng về chất; khi cân bằng, sự thống nhất của mâu thuẫn sẽ không bị phá vỡ, cho nên sự vật này không thể chuyển hóa thành sự vật khác. Mà sự cân bằng và không cân bằng này, sự phá hoại và trưởng thành đều phát sinh dưới điều kiện nhất định và tại thời điểm nhất định. Thời điểm và điều kiện này chính là toàn bộ quá trình phát triển và biến hóa của sự vật. Trong quá trình này gặp được khí tương sinh là lợi; gặp khí tương khắc là hại. Cho nên sự vật trong quá trình vận hành gặp được khí tương sinh hay tương khắc đều gọi chung là vận khí.

Mùa xuân cỏ cây vượng, đến mùa thu lại khô đi, sự thay đổi của mùa tiết đối với con người cũng như thế. Do đó trong "Thiên nguyên kỳ đại luận" có nói : "Trời có 5 hành ngự ở 5 ngôi để sinh ra hàn, nhiệt, táo, thấp, phong;

người có 5 tạng hóa thành 5 khí để sinh ra : mừng, giận, suy nghĩ, lo lắng, sợ hãi".

Trên đây đã nói thiên can địa chi phối với tạng phủ để đoán bệnh tật, bây giờ nói đến giờ sinh, sự sắp xếp của thiên can địa chi và vượng suy ảnh hưởng đến khí vận của con người.

Lấy thời gian sinh của con người theo năm, tháng, ngày, giờ phối với thiên can địa chi để đoán, phương pháp này đã trải qua hai giai đoạn lịch sử : Ban đầu là Lý hư Trung của đời Đường. Ông đã dựa theo tháng, năm, ngày sinh để phối với thiên can, địa chi đưa đến cách đoán thông tin. Đến đời Tống. Từ Tử Bình phát triển thành theo năm, tháng, ngày, giờ sinh để phối với thiên can địa chi. Cách phối này chính là 8 chữ, nên gọi là "8 chữ". Sau phát minh "8 chữ", lại phát minh ra cách sắp xếp vận khí của người. Do đó đã dùng thiên can, địa chi của thời điểm sinh để sắp xếp "vận khí". Việc đưa thiên can, địa chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh vào dự đoán tin tức lại là 1 lần phát minh lớn của nhân dân nước ta trong dự đoán thông tin. Phát minh này có thể đoán được cát hung, họa phúc của cả đời người, đó là sự dự đoán khá toàn diện tuy rất khó nắm bắt, nhưng độ chuẩn xác lại rất cao.

Thiên can địa chi trong năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người không chỉ là tiêu chí thông tin về trạng thái và bệnh tật của người đó mà cũng là tiêu chí thông tin tốt xấu của cả đời. Dùng phương pháp thiên can địa chi để đoán cũng là lấy nguyên lý âm dương biến hóa, lấy ngũ hành vượng suy, sinh khắc chế hóa làm quy tắc. Ví dụ nói : ngày sinh của mình là mộc lại bị năm sinh khắc, hoặc già trong tứ trụ Kim nhiều, chắc chắn cả cuộc đời sẽ không thuận lợi. Nếu ngày sinh là Mộc, trong tứ trụ có Thủy tư dưỡng, ngũ hành bình thường, như thế vừa đắc thời vừa đắc địa, cả cuộc đời nhất định thuận lợi. Để nói rõ vấn đề này, dưới đây xin cử ví dụ.

1. Quý Mùi - Ất Mão - Giáp Tý - Kỷ Ty.

Đây là tứ trụ tháng Giêng năm 1987 có hai người khi đến thăm tôi tặng tôi lễ vật và nhờ tôi đoán. Tôi xem trong tứ trụ chỉ có can chi của năm mà không nói rõ năm nào. Trong 60 năm chỉ có 1 năm Quý Mùi, trong 600 năm chỉ có 10 năm Quý Mùi 6.000 năm có 100 Quý Mùi. Tôi hỏi hai người đó : Quý Mùi của năm nào ? Khách trả lời : Xin ông đừng hỏi cứ thế tùy ông đoán.

Một tứ trụ mà không có năm cụ thể như thế, đây là lần đầu tôi gặp, nên đành dùng phương pháp tính tứ trụ và gieo quẻ để đoán. Tôi nói : Tứ trụ này là nam, người cao, dáng đẹp, vợ của ông ta cũng khá đẹp, quan hệ vợ chồng rất tốt. Tử tức (con) đầu nếu là nam thì khó mà thành người; nếu là nữ có thể lớn bình thường được. Khách nói : mấy điểm ông đoán đều đúng, bây giờ nhờ đoán thêm là làm gì ? Là nông dân, công nhân, cán bộ hay thầy giáo hoặc là nhà doanh nghiệp ?

Tôi khẳng định nói : chẳng là gì cả, là tướng soái cầm quân đánh giặc. Khách nói : Đúng ! ông xem năm 39 tuổi vận khí người đó thế nào ? Tôi tính toán đại vận là Tân Hợi, tiểu vận là Canh Dần, lưu niên là Tân Dậu. Trong giờ lại ẩn chứa Thất sát canh kim. Mà can này là Giáp mộc là gặp Canh tân kim quan sát, rất hỗn tạp, ngũ kim (5 kim) vây, khắc 1 giáp mộc, giáp mộc bị khắc vô sinh cho nên nhất định phải chết. Tôi nói : Năm 39 tuổi, nửa năm đầu có công, nửa năm sau nhất định gặp tai họa lớn. Hai người khách kinh ngạc, cùng nói to : Hoàn toàn đúng, đây là tứ trụ của anh hùng dân tộc Nhạc Phi.

2. Tháng 12 - 1986, tôi đoán vận cho bà X. Căn cứ ngày giờ sinh của bà ấy, tôi sắp xếp đại, tiểu vận, lưu niên, đoán năm 1987 thời gian nửa năm đầu bà bị nạn nát thân, đặc biệt dạn dò rất kỹ tháng 3, tháng 4 dương lịch không được đi công tác về phía tây bắc và dạn cho phương pháp giải hạn. Bà ấy không những không làm theo mà ngày 14/4/1987 lại còn đi công tác hướng Tây bắc, trên đường trở về bị tai nạn ô tô nên ngực bị đập nát mà chết, đúng là nạn nát thân, vào dịp tháng 3 âm lịch.

Bây giờ ta xem lại tứ trụ và đại tiểu vận của bà đó.

Sinh giờ Mão, mồng 7 tháng 3 năm 1964.

Quý Mão - Đinh Dậu - Mậu Thìn - Giáp Thìn.

Đại vận : Bính dần 15 đến 24 tuổi gặp tử địa.

Tiểu vận : Kỷ Mão, Dậu kim xung khắc với Thái tuế mao mộc.

Lưu niên : Đinh Mão. Mão mộc là thái tuế không thể xem thường được.

1) Vì sao đoán năm 1987 (năm Đinh Mão) bà ta bị nạn nát thân ?

Vì trong tứ trụ ngày là Đinh dậu, giờ là Quý Mão đúng là thiên khắc, địa xung. Chi ngày là Dậu (kim) gặp đúng Thái tuế năm Mão. Mão - Dậu cùng xung khắc tất bị phá, lại xung khắc Thái tuế nên là đại hung.

2) Tiểu vận : Kỷ mao, lưu niên Thái tuế là Đinh Mão, giờ là Quý Mão, trong tứ trụ có Dậu - (kim), vừa đúng tạo thành 1 Dậu xung 3 Mão hay 3 Mão xung 1 Dậu, đó là đại hung.

3) Vì sao lại đoán tháng 3, tháng 4 dương lịch không được đi phương tây bắc ?

Vì thời gian này đúng là tháng 3 âm lịch. Trong tứ trụ của bà ấy năm là Giáp Thìn, tháng là Mậu Thìn, tức đã có hai Thìn (Thổ), tháng 3 năm 1987 cũng là Giáp Thìn, phương Tây bắc là Tuất như thế sẽ tạo thành 3 Thìn xung 1 tuất, đó cũng là đại hung.

4) Đại vận gặp tử địa là diêm hung.

Tôi cần cứ những thông tin đã đón ở trên đoán năm 1987 bà ấy gặp nạn nát thân, tháng 3, tháng 4 không được đi phía Tây bắc, nếu không hậu quả rất nghiêm trọng. Kết quả hai ô tô đâm nhau (vì cùng xung khắc) ngực dập nát nên chết. Như vậy thời gian và phương hướng đều ứng nghiệm cả.

3. Tháng 2 - 1989, lúc đó tôi đang giảng bài ở Quảng Châu gặp một người có án bị hung sát, chết. Nghiên cứu vì sao chết năm 1988, tìm giờ sinh để sắp xếp tứ trụ và đại tiểu vận tìm ra nguyên nhân chết.

Sinh giờ Dần - ngày 15 - tháng 8 - 1952

Nhâm Dần - Nhâm Ngọ - Kỷ Dậu - Nhâm Thìn.

Đại vận : Quý Sửu :suy địa.

Tiểu vận : Canh Thìn : Thìn là kho nước, mộ địa.

Lưu niên : Mậu Thìn. Thìn là kho nước, mộ địa.

1) Trong tứ trụ "Thìn, Dậu, Ngọ là tự hình".

2) Trong tứ trụ ba Nhâm là kiếp tài ngang hòa, vì của hoặc do quan hệ nam nữ mà gặp họa kiếp sát (thực tế là vì của mà chết).

3) Can ngày là Nhâm (thủy) sợ Thổ khắc; đại vận, tiểu vận, lưu niên là 3 Thổ chồng chất khắc thân thể, có khắc mà không có sinh nên chết.

4) Trong tứ trụ chỉ năm có 1 Thìn (thổ), lại gặp tiểu vận, lưu niên có hai Thìn (thổ). Tứ trụ lại là 3 Nhâm (thủy) nên vừa đúng hợp thành 3 Thìn (thổ) khắc 3 Nhâm (thủy), tức là tam mộ thu vào 3 nhâm nên gặp nạn hung tử. "Hoàng đế nội kinh" nói : "Giữa trời đất, trong lục hợp, khí của nó 9 châu, 9 khiêu, 5 tạng, 12 tiết đều là thông với khí trời". Thiên can địa chi trong giờ, ngày, tháng, năm sinh của người ta đều là những tiêu chí cụ thể của khí âm dương ngũ hành trong cơ thể, cũng là tiêu chí thông tin vận mệnh tốt xấu của cả một đời. Nhân thể là sản phẩm âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc diễn biến trong tự nhiên, cho nên nhân thể thông thương với tự nhiên. Nhân thể và thiên thể sở dĩ cùng cảm ứng lẫn nhau được để trở thành một thể thống nhất đó là vì nhân khí và thiên khí thông nhau, cho nên âm dương ngũ hành của thiên thể tương sinh tương khắc gây ra mọi sự biến hóa. Đối với cơ thể con người, vận mệnh con người đều có ảnh hưởng rất quyết định vì sinh mệnh của cuộc sống con người cũng diễn ra theo quy luật đối lập thống nhất của âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc. Do đó vận mệnh con người không thể đi ngược lại quy luật này.

Ba ví dụ chết người ở trên không những nói rõ sự sắp xếp của thiên can địa chi trong tứ trụ là tiêu chí nói lên ảnh hưởng của âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc đối với con người mà cũng nói lên con người giống như vạn vật đều có quá trình phát triển, hưng suy, tử vong. Quá trình này chính là vận khí mà ta hay nói.

Người xưa lấy sự sắp xếp thiên can địa chi trong tứ trụ gọi là "mệnh", lấy các giai đoạn trải qua của 1 cuộc đời gọi là "vận", hai cái kết hợp lại gọi là "vận mệnh". Đoán vận mệnh tốt xấu của một người vừa phải xem sự sắp xếp tốt của tứ trụ, vừa phải biết tính toán tốt. Sắp xếp tứ trụ tốt, tính toán tốt là tốt nhất. Sắp xếp tứ trụ tốt mà tính toán không tốt thì những khó khăn gặp phải là tạm thời. Tứ trụ sắp xếp không tốt, lại gặp vận không tốt đương nhiên là "dã tuyệt còn thêm sương" (dã xấu lại xấu thêm). "Dỡ nhà lại gặp mưa dầm". Tứ trụ sắp xếp không tốt mà gặp vận tốt thì cái tốt này không bền. Mệnh và Vận nếu đem so sánh đương nhiên là tứ trụ tốt là tốt nhất (Mệnh tốt hơn vận tốt).

Vận mệnh của mình tự mình nắm vững, đó là đúng. Nhưng không hiểu vận mệnh của mình thì không có cách gì nắm vững được mệnh của mình. Giống như anh không hiểu phương pháp và quy luật lái xe thì không có phương hướng để nắm vững xe và lái tốt được. Cho nên người ta muốn nắm vững mệnh vận của mình thì đầu tiên phải hiểu được mệnh vận đó, muốn hiểu được mệnh vận của mình biện pháp duy nhất là phải thông qua dự đoán toàn diện đối với mình, biết được cát hung, nắm vững thời cơ có lợi để làm những việc nên làm, đối với việc xấu phải chú ý đề phòng, cố hướng về phía cát tránh phía hung, chỉ có như thế mới có thể thực hiện được tự mình nắm vững vận mệnh mình. Nếu không sẽ là nói suông. Một nước có mệnh vận tốt xấu của nước đó, con người cũng thế, từ hoàng đế đến dân thường đều có vận mệnh riêng.

Về "mệnh vận" là "trời" định, tôi cho rằng không thể nói như thế được. "mệnh vận" là sản phẩm của âm dương ngũ hành tự nhiên tương sinh tương khắc mà thành, các sự vật khác cũng giống tự nhiên đều là sự vận động của các thiên thể gây nên, không chịu một ý chí thiên mệnh nào quyết định cả.

3. Những người cùng giờ sinh, mệnh vận có giống nhau không ?

Có người bạn nói chuyện với tôi về mệnh vận. Anh ta nói : tôi cực lực phản đối thuyết con người có mệnh vận và nêu ra một số lý do để chứng minh quan điểm của mình là đúng. Ví dụ, nếu có người nói con người có mệnh vận, thế thì những người sinh cùng năm, tháng, ngày, giờ, phút, giây vì sao chỉ có một người làm vua. Nước ta có rất nhiều người giờ sinh như nhau, mệnh vận của họ nên giống nhau mới đúng, tại sao lại không giống ? Luận điểm của anh ta rất rõ ràng, chỉ cần cùng thời gian sinh thì mệnh vận sẽ như nhau, không thể khác nhau tí nào hoặc phân thành suy vượng được. Tôi hỏi anh ta : ngày cùng là ngày cả thế tại sao còn có xuân hạ thu đông, có nóng lạnh khác nhau ? Đất cũng là cùng một quả đất, vì sao có chỗ nước, chỗ khô, chỗ cao, chỗ thấp ? Cùng một mảnh đất, cùng một hạt lúa, cùng trồng sáu tháng vì sao có cây cao, cây thấp ? Cùng một cành cây, tại sao có quả to, quả nhỏ. Nhân thế là một khối thống nhất, tại sao công năng của

lục phủ, ngũ tạng lại có cái mạnh, cái yếu, có cái tốt, cái xấu ? Vì sao có người chỉ có gan mộc khối u, còn các phủ tạng khác thì lại tốt ? Tôi lại nói cơ thể con người là thống nhất, lục phủ ngũ tạng ở trong mình là tự người mẹ sinh ra, tất cả cùng giờ sinh thế mà chỉ có gan mộc khối u còn những tạng phủ khác thì không bị. Vậy giữa chúng quả thực có sự khác nhau rất lớn.

Ông bạn ấy nghe tôi nói đã hiểu được vấn đề và nói lại là : "Ừ, đúng nhỉ ! Lục phủ ngũ tạng đều cùng một giờ sinh, thế mà lại khác nhau rất lớn, thật đáng nghiên cứu...". Tôi nói với anh ta : "Tổ tiên chúng ta từ lâu đã nghiên cứu ra rồi, đó là lục phủ ngũ tạng đều có âm dương, có ngũ hành tương sinh tương khắc, mỗi cái chủ suy vượng của 4 mùa, cho nên cùng một giờ sinh, nhưng khác nhau rất lớn".

Những người cùng giờ sinh, vì sao mệnh lại không giống nhau ? Nguyên nhân rất nhiều, không có cách nào để giải thích cho rõ ràng, tỉ mỉ được. Tôi chỉ nói vắn tắt như sau :

1) Phương vị khác nhau, như phương nam là hỏa, phương đông là mộc, phương bắc là thủy, phương tây là kim. Người mệnh hỏa nhưng sinh ở phương nam hay phương bắc sẽ khác nhau. Phương nam là đất hỏa vượng, phương bắc bị thủy khắc cho nên không như người sinh ở phương nam.

2) Năm mệnh của phụ mẫu khác nhau.

3) Năm mệnh của anh chị em khác nhau.

4) Năm mệnh hôn nhân khác nhau.

5) Năm mệnh của con cái và số con đều khác nhau.

Vì năm mệnh của những người trong gia đình khác nhau, mức độ ngũ hành sinh khắc sẽ khác nhau, do đó ảnh hưởng đối với con người cũng sẽ khác nhau. Ví dụ có một người mệnh Mộc, cha mẹ đều là mệnh Kim, đều khắc anh ta. Có người tuy cũng là mệnh Mộc, nhưng cha mẹ đều là mệnh Thủy, thủy sinh mộc. Người bị khắc cuộc sống sẽ không thuận, người được tương sinh cuộc sống sẽ thuận.

6) Nam nữ khác nhau, do đó mà có sự vận hành thuận, nghịch khác nhau.

7) Tướng mặt, vân tay không giống nhau cho nên việc nó làm chủ cũng khác nhau.

8) Cốt tướng của người khác nhau.

9) Mộ tổ, nhà ở khác nhau, phương vị khác nhau. Ngày xưa đã có câu "Nhất mộ, nhì phòng (nhà ở), tam bát tự", tức là nói mệnh vận tốt, xấu của một người, thứ nhất quyết định ở phong thủy phần mộ ông cha tốt hay xấu; thứ hai quyết định ở phong thủy của nhà ở; thứ ba quyết định ở sự sắp xếp

tổ hợp của tứ trụ. Cho nên, cho dù ngày giờ sinh giống nhau, nhưng phần mộ tổ tiên và nhà ở không hoàn toàn giống nhau được.

10) Gen di truyền của mỗi người khác nhau.

11) Hoàn cảnh, điều kiện gia đình của mỗi người khác nhau.

12) Điểm sáng của sao chỉ có một. Tuy có hàng nghìn, hàng vạn người cùng giờ sinh, nhưng điểm sáng của sao trực ban quyết không phải người nào cũng nhận được. Nếu điểm sáng này chiếu đúng vào nhà một người nào đó, hoặc đúng lúc người mang thai đang sinh, người đó có thể sẽ là hoàng đế, còn những người khác thì không làm nổi hoàng đế. Nếu có một tạp chí nào đấy đã thông báo : bố mẹ Mao Trạch Đông đều đồng thời nhìn thấy một vầng đỏ phía đông phòng họ rồi sau đó mang thai Mao Trạch Đông, đương nhiên vầng đỏ này không phải là tất cả các bậc bố mẹ của những người cùng giờ sinh đều thấy được.

Có một câu chuyện như sau :

Chu Nguyên Chương đời Minh sau khi đã làm Hoàng đế nghĩ rằng, mình đã làm vua và những người cùng giờ sinh với mình cũng là "mệnh Hoàng đế" cả, nếu không giết hết họ sau này sẽ có người tranh ngôi. Do đó ông đã ra lệnh giết, giết loạn mà không thương tiếc. Khi giết đến nửa chừng, Chu Nguyên Chương lại nghĩ nên bắt mấy người cùng giờ sinh với ông đến để hỏi xem họ làm nghề gì, sau đó giết cũng chưa muộn. Chu Nguyên Chương hỏi một người trong số đó : "Ông làm gì ?" - "Nuôi ong" - "Nuôi bao nhiêu ong ?" "Nuôi 9 tổ", tất cả mấy vạn con"...

Chu nguyên Chương sau khi nghe, vừa sợ vừa mừng : mình làm Hoàng đế thống trị cả 9 châu, 9 chư hầu. Ông ấy nuôi 9 tổ ong, có 9 ong chúa. Số ong của ông ấy nuôi và số người của mình cai trị đại thể giống nhau. Xem ra mình và ông ta không đều là Hoàng đế của người cả, làm hoàng đế của người chỉ có một mình, còn người khác, có người làm vua của ong, có người làm vua của tằm, có người làm vua của cá... Do đó Chu Nguyên Chương cảm thấy yên tâm và ngừng lệnh giết những người cùng ngày sinh.

Về vấn đề mệnh vận của những người sinh đôi có giống nhau hay không, có thể nói không hoàn toàn khác nhau. Vì cho dù cùng sinh trong một giờ, nhưng có trước có sau. Nếu không cùng sinh trong một giờ thì khác biệt còn rõ hơn nữa. Tôi đã sơ bộ điều tra thấy rõ, những người sinh đôi sau khi kết hôn thì sai lệch rất rõ, nguyên nhân là vì những người bạn đời họ chọn ít khi đều cùng một năm mệnh, cũng không thể cùng giờ sinh. Như vậy các thành viên tổ thành gia đình này phát sinh ra biến hóa, ngũ hành sinh khác cũng đồng thời phát sinh biến hóa, cho nên mệnh vận của hai người sẽ khác nhau.

Vạn vật trong tự nhiên, thậm chí là trong cùng một sự vật, sự phát triển biến hóa còn không đồng đều, huống hồ những người cùng một ngày sinh làm sao mệnh vận lại giống nhau được.

Do đó sự tổ hợp thiên can địa chi trong năm, tháng, ngày, giờ sinh của mỗi người là nhân tố nội tại của mệnh vận tốt hay xấu, là căn cứ của sự biến hóa, nhân tố bên ngoài chỉ là điều kiện để biến hóa. Sự sắp xếp của thiên can địa chi, khí âm dương ngũ hành có mối quan hệ rất mật thiết với con người, đương nhiên chúng ta không phủ định sự nỗ lực chủ quan. Ví dụ trong tứ trụ có tiêu chí thông tin học đến đại học, nhưng không đọc sách, không nỗ lực học tập, chắc chắn là không tốt nghiệp đại học. Do đó muốn đạt được mục đích dự tính, ngoài nhân tố tiên thiên còn phải cộng thêm sự nỗ lực của hậu thiên.

Chương 5

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO BÁT QUÁI

I. PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NÓ

Ở nước ta dùng phương pháp dự đoán thông tin vào nhân thể có rất nhiều : Bát quái, tứ trụ, xem tướng mặt, tướng tay, đại lục nhâm, tiểu lục nhâm, tử vi đẩu số, xem tướng sao, thiết bản thân số, đoán chữ, lưu tinh theo tháng v.v... Những phương pháp này đều là khoa học, có lý luận khoa học rất sâu, nên ra sức phát triển.

Phương pháp dự đoán thông tin theo bát quái không những đã trải qua một thời gian dài mà còn chia thành nhiều phái, nhiều phương pháp. Thường thấy có "phương pháp lấy đồng tiền thay bói cỏ thi" tức là phương pháp đoán "sáu hào". Phương pháp lấy quẻ theo giờ, lấy quẻ theo phương vị, viết chữ, lấy quẻ theo số chữ, "kỳ môn độn giáp" (là phương pháp đoán ở tầng, thứ cao, nó có ứng dụng rất quan trọng trong quân sự). Sách này chủ yếu chỉ bàn về hai phương pháp "lấy quẻ theo thời gian" và gieo quẻ theo "sáu hào".

Đến nay những sách chú giải về "Chu dịch" có hơn 3.000 loại, những tác phẩm bàn về phương pháp dự đoán theo bát quái cũng không đếm xuể. Từ sau Xuân Thu trở đi hầu như triều đại nào cũng có những tác phẩm nổi tiếng về mặt này. Những sách đó đã phát triển và tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu cho cách đoán thông tin theo bát quái của nước ta.

Tổ tiên ta rất sớm đã phát minh ra phương pháp dự đoán thông tin. Căn cứ những điều đã ghi trong sách "Sơn hải kinh" thì có cách : nhìn tượng lấy quẻ. Nếu theo thời gian truy ngược xa hơn thời kỳ "Chu dịch" ra đời thì từ đời Đường Vu hoặc Trọng Lê, lúc đó phương pháp xem tượng động vật, thực vật, thiên tượng để đoán là rất nhiều. Hãy lấy phương pháp xem tượng động vật mà nói : khi người ta gặp việc khó khăn thì giết động vật để đoán cát hung, cho nên xuất hiện các phương pháp : Cốt tượng chiêm (đoán theo xương), huyết tượng chiêm (đoán theo máu); đờm dịch chiêm (đoán theo mật) v.v... Trong sách "Hậu hán thư, đông di truyện" có ghi "giết trâu lấy bàn chân xem cát hung". Trong "Luận hàng" có nói : "Vai lợn, ngực dê có thể xem quẻ". Còn có cách giết gà để bói quẻ cát hung, như xem màu máu đẹp, tươi, dịch mật sáng mà đây là điềm cát, nếu không là điềm hung. Do đó quẻ từ, hào từ của "Chu dịch" không ít hình tượng đều bắt nguồn từ chiêm tượng của ngày xưa.

Do năng lực tư duy của con người ngày càng phát triển, cũng do phương pháp dự đoán theo cách giết súc vật trước đây vừa phiền phức vừa không đủ chính xác, nên ngày nay đã xuất hiện phương pháp đốt mai rùa để xem quẻ cát hung. Phương pháp này chính là xem mức độ các đường nứt trên mai rùa sau khi đốt để đoán ra các sự việc cát hung. Do đó trong sách "Bạch hổ thông nghĩa" có ghi : "Rùa nghìn năm mà thiêng, cò thì trăm năm mà thần, lấy sự lâu dài của nó để phân biệt cát hung". Trong lịch sử gọi giai đoạn trên là thời kỳ gieo quẻ mai rùa.

Sự phát minh bát quái là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử khoa học thông tin, nó không những là sự phát minh phương pháp mà còn đặt cơ sở lý luận hoàn chỉnh cho khoa học thông tin.

Phương pháp dự đoán thông tin theo bát quái, cho đến nay là phương pháp được bảo tồn lâu nhất, hoàn chỉnh nhất là phương pháp bói cò thi ghi trong hệ từ của "Chu dịch". "50 số đại diện, dùng 49 số". Khi bói theo cò thi, dùng 49 cây cỏ. Sau khi đã qua "mười cây, tám lần biến mà thành quẻ", theo tượng quẻ đã lập được căn cứ tượng quẻ, lý quẻ, từ quẻ, từ hào động v.v... để đoán ra sự cát hung, thành bại của sự việc.

Học thuyết âm dương ngũ hành tức kim, mộc, thủy, hỏa, thổ dùng vào bát quái để dự đoán, đó là phát minh to lớn trong lịch sử khoa học thông tin. Có người nói học thuyết âm dương, ngũ hành dùng vào quẻ thuật được phát minh từ đời Hán, thực ra trước đó từ thời Đông Chu đã bắt đầu vận dụng học thuyết này rồi.

Thời Tây Hán, dịch học dù về mặt lý luận hay phương pháp "bói cò thi" đều có một sự phát triển rất lớn, nó chiếm địa vị trọng yếu trong lịch sử dịch học của Trung Hoa. Về phương diện cải tiến cách bói cò thi thì nhà Kinh học Đồng Trọng Thư đời Hán là người đầu tiên ra sức phát triển thuyết âm dương ngũ hành. Trong chương 2 cuốn sách "Trung Quốc thông sử giản biên" có chép : "Đồng Trọng Thư dùng âm dương ngũ hành để suy đoán thiên tai, biết được cát hung". Cho nên cần phải nói là ở thời Tây Hán cách độn toán đã được cải tiến lần thứ nhất.

Đời Tây Hán cải tiến lần thứ 2, do nhà đại dịch học Kinh Phòng. Trên cơ sở thuyết âm dương ngũ hành của Đồng Trọng Thư, ông đã phát minh ra phương pháp phối hợp bói cò thi với chiêm bốc : "nạp giáp".

Gọi là "nạp giáp" tức là lấy 64 quẻ sắp xếp theo 8 cung, mỗi cung có 8 quẻ do quẻ thuận làm đầu. Mỗi quẻ của 8 cung lại có "hào thể" và "hào ứng". Lại lấy thiên can địa chi theo một quy luật nhất định sắp xếp với 6 hào của bát quái để được những quẻ thuộc các địa chi của ngũ hành. Căn cứ vào cung gốc của quẻ thuộc ngũ hành sinh khác mà định ra lục thân, tức : phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, tử tôn, quan quý. Ngoài ra còn có "lục thân", tức : thanh long, chu tước, câu trăn, phi xà, bạch hổ, huyền vũ. Lấy lục thân và

thiên can địa chi thuộc ngũ hành sinh khắc và thời gian gieo quẻ để đoán ra cát hung của sự việc. "Hào thể" và "hào ứng" là chủ của quẻ. Khi đoán phải dựa chính vào hai hào này.

Phương pháp " nạp giáp" của Kinh Phòng không những là sự cải tiến phương pháp mà về mặt nội dung còn có công dụng rất rộng rãi là đoán sự việc cụ thể, độ chính xác cao. Đó lại là một lần sáng tạo mới quan trọng của phương pháp dự đoán theo bát quái. Ảnh hưởng của phương pháp này rất lớn, nguyên lý rất sâu xa, còn lưu truyền đến ngày nay, quả thực giá trị của nó đáng được nghiên cứu.

Đến nhà Đường về mặt chiêm pháp lại phát minh ra lấy tiền thay cò thi. Điều đó đã thay đổi phương pháp phức tạp gieo quẻ bằng cò thi từng kéo dài hơn 3.000 năm. Phương pháp lấy tiền thay cò thi tức là dùng 3 đồng tiền bỏ vào tay, úp hai bàn tay lại để lắc. Mỗi lần lắc xong, bỏ tiền lên bàn hoặc mặt đất sau đó ghi thành các vạch hào âm dương từ dưới lên trên, tất cả 6 lần lắc được 6 hào thành một quẻ. Bát quái là căn cứ vào tượng quẻ phối hợp với " nạp giáp", " thể, ứng", hoặc lấy " dụng thần", hoặc lấy " hào động" của ngũ hành sinh khắc và tham khảo quẻ từ, hào từ để đoán cát hung. Phương pháp lấy tiền thay cò thi đã tổng hợp được ưu điểm của tất cả các phương pháp. Nó không những là phương pháp tổng hợp có uy quyền nhất hiện nay của nước ta, mà không ít nước phương tây cũng rất coi trọng phương pháp này trong ứng dụng và nghiên cứu.

Nhà thiên văn, dịch học, bát quái đại sư Thiệu Khang Tiết đời Tống đối với việc nghiên cứu và phát triển dịch học của Trung Quốc đã có những cống hiến to lớn, đặc biệt là dùng bát quái để dự đoán thông tin đã có nhiều phát minh và sáng tạo. Trong cách gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ chính là phát minh của ông. Ông lấy số của năm, tháng, ngày, giờ, dùng phương pháp cộng trừ, nhân, chia để đưa vào trong quẻ, từ đó lập ra tượng quẻ, tìm ra hào động, căn cứ sự sắp xếp của âm dương ngũ hành bát quái, dùng phương pháp sinh khắc của " thể, dụng" kiêm dùng chiêm từ của " Chu dịch" để đoán ra hung cát. Thiệu Khang Tiết phát minh ra phương pháp gieo quẻ này đã có một ảnh hưởng to lớn đến hậu thế. Đó là một trong những phương pháp quan trọng được ứng dụng rộng rãi hiện nay ở nước ta, cũng như được các nhà dịch học nước ngoài rất coi trọng. Nhật Bản rất coi trọng nghiên cứu phương pháp này. Trong cuốn sách " Mai hoa bí truyền" mới xuất bản gần đây thực tế là lấy cơ sở " Mai hoa dịch số" của Thiệu Khang Tiết mà viết ra.

Phương pháp lấy tiền thay cò thi tuy là phương pháp tổng hợp của nước ta nhưng vẫn còn có 1 chỗ chưa hoàn thiện, đó là : người muốn đoán phải tự mình gieo quẻ mới dự đoán được, và mới đoán chuẩn. Còn người ở xa không thể đến thì không có cách gì đoán được. Phương pháp gieo quẻ thời gian của Thiệu Khang Tiết đã bổ cứu được nhược điểm đó. Cho dù rất xa,

trong hay ngoài nước, chỉ cần lấy chính xác thời gian xảy ra sự việc, hoặc một việc nào đó chuẩn bị sau này mới làm, chỉ cần gửi thư đến ghi rõ ngày tháng là có thể đoán được qua gieo quẻ. Kết quả vẫn rất chính xác.

Các phương pháp trên đây, cho dù là phương pháp cổ thi hay phương pháp gieo tiền, hay phương pháp gieo quẻ theo thời gian đều là lấy "số" làm căn cứ để lập quẻ. Cho nên có "số" là lập được quẻ, có quẻ sẽ có tượng, có tượng thì có lý. Do đó bát quái là biểu hiện và ứng dụng của chữ số, là tượng trưng của tượng.

"... Một môn khoa học chỉ khi nào nó dùng chữ số để biểu thị thì cuối cùng nó mới được gọi là khoa học". Tổ tiên ta đã phát minh ra dùng bát quái để dự đoán thông tin không phải là mê tín phong kiến mà hoàn toàn ngược lại đã phủ định thiên mệnh luận, phủ định mê tín phong kiến, đồng thời biểu hiện nhân dân ta yêu khoa học, tin khoa học, dùng tư tưởng tiên tiến của khoa học. Đó là điều không ai chối cãi được.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN BÁT QUÁI

Chương này sẽ nói về cách gieo quẻ. Ngoài cách lắc tiền gieo quẻ do Thiệu Khang Tiết người Tống phát minh ra, ở đây sẽ bàn về "Mai hoa dịch số".

Phương pháp gieo quẻ bát quái có :

1. Gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ.
2. Dùng 3 đồng tiền để gieo quẻ.
3. Căn cứ phương vị của người đến để gieo quẻ.
4. Gieo quẻ theo nét chữ và số chữ.
5. Gieo quẻ theo thanh âm (tiếng).
6. Gieo quẻ theo màu sắc, v.v...

Phương pháp lắc tiền gieo quẻ sẽ chuyên bàn ở một chương sau. Ở đây trước hết bàn về 6 cách gieo quẻ thường dùng nhất.

1. Gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ

Lấy năm, tháng, ngày, làm quẻ thượng; năm, tháng, ngày thêm giờ làm quẻ hạ. Lại lấy tổng số của năm tháng ngày giờ để tìm hào động. Ví dụ : năm Tý là số 1, năm Sửu số 2, đến năm Hợi là số 12; Tháng giêng là số 1, đến tháng 12 là số 12; ngày mồng 1 là số 1, đến ngày 30 là số 30. Lấy số của năm tháng ngày cộng lại chia cho 8, lấy số dư làm quẻ thượng. Giờ, ví dụ Tý là số 1 đến giờ Hợi là số 12, đem số của năm tháng ngày cộng

thêm với giờ sau đó chia 8, số dư là quẻ hạ. Tổng số của năm, tháng, ngày, giờ chia cho 6, lấy số dư làm hào động.

Phàm khi gieo quẻ, lấy số 8 làm quẻ, số quá số 8 thì chia cho 8 lấy số dư làm quẻ.

Muốn tìm hào thì chia cho 6; lấy tổng số của năm, tháng, ngày, giờ chia cho 6, số dư là số của hào.

Vì sao muốn tính quẻ phải chia cho 8 ? Hào thì chia cho 6 ? Vì quẻ có 8 phương, nên phải chia 8; quẻ có 3 hào, nên phải chia 6.



Gieo quẻ : Sau khi chia 8 lấy số dư làm quẻ. Dư 3 tức là quẻ Ly, dư 7 làm quẻ Cấn, dư 0 thì lấy số 8 làm quẻ tức là quẻ Khôn. Số nhỏ hơn 8 tức không đủ chia cho 8 thì lấy luôn số đó làm quẻ. Nếu số đó là 4 là quẻ Chấn, 6 là quẻ Khảm... (theo tác giả : đây là theo cách gieo quẻ số tiên thiên của Phục Hy. Xem số đó tương ứng với quẻ nào, xin xem ở hình vẽ thứ tự bát quái của Phục Hy. Tức là : Càn - 1, Đoài - 2, Ly - 3, Chấn - 4, Tốn - 5, Khảm - 6, Cấn - 7, Khôn - 8).

Cách tìm hào động : Sau khi chia 6, số dư là hào động. Dư 1 là hào một động, dư 2 là hào 2 động, 4 là hào 4 động, 5 là hào động 5. Nếu chia 6 vừa hết vẫn lấy 6 là hào động. Trường hợp số nhỏ hơn 6 thì lấy số đó làm hào động. Số 4 là hào 4 động.

Ví dụ : Năm 1985, tháng 12, ngày 28, 3 giờ 35' chiều có người đến hỏi : "7 giờ rưỡi tối nay đội Bóng chuyền nữ Trung Quốc đấu với Liên đội nữ ngôi sao thế giới ở Bắc Kinh, ai thắng ai thua ?".


Theo âm lịch là âm Ất Sửu, tháng 11 ngày 17 giờ Thân, tức : Ất Sửu, Mậu Tý, Tân Sửu, Bính thân.

Cách tính quẻ như sau : $2 + 11 + 17 = 30$; 30 chia 8 dư 6. 6 là khảm, là quẻ thượng. $30 + 9$ (giờ Thân) = 39; 39 chia 8 dư 7, 7 là cấn, là quẻ Hạ.

39 chia 6 dư 3 - tức là hào 3 động. Tượng quẻ là "thủy sơn kiến" . . Quẻ thượng là Khảm, là thủy, là đội bóng nữ của Trung Quốc, quẻ hạ là Cấn, Cấn là Thổ, là đội ngôi sao thế giới. Nhưng mùa đông là mùa thủy vượng. Khảm thủy lâm nguyệt kiến, nên lực mạnh. Đội thế giới tuy ở ngôi Thổ, nhưng là ở đất hưu tù vô lực nên không khắc Thủy vượng được. Do đó đội nữ ta nhất định thắng. Kết quả cuối cùng đúng như dự đoán.


2. Gieo quẻ theo phương của người đến


Ví dụ : ngày Kỷ Sửu, giờ Mão có 1 ông già từ phương Tốn đến, sắc mặt lo lắng, hỏi "Vì sao mà ông lo ?". Ông không nói gì cả. Lạ quá nên phải đoán ! Lấy chỗ ông già ở là Càn làm quẻ thượng. Phương đi đến (phương Tốn) là quẻ hạ, là quẻ "thiên phong cấu". Lại lấy số càn 1, Tốn 5 cộng thêm





với số 4 là giờ Mão, được tổng số là 10, chia 6 dư 4, hào 4 là hào động. Tượng quẻ như sau "thiên phong cấu" . Hào 4 động.





3. Gieo quẻ theo số nét chữ và số chữ

Quẻ 1 chữ : Quẻ một chữ rất khó đoán, nếu chữ viết ngoáy không rõ thì không dùng được. Nếu chữ viết rõ thì lấy số nét của nó. Lấy phần bên trái là dương, phần bên phải là âm; hoặc phần trên là dương, phần dưới là âm. Xem phần bên trái mấy nét, phần bên phải mấy nét, hoặc phần trên, phần dưới mỗi phần mấy nét. Lấy phần trái làm quẻ thượng, phần phải làm quẻ hạ. Tương tự : phần trên quẻ thượng, phần dưới quẻ hạ. Lấy tổng số nét cả chữ chia cho 6 để tìm hào động.


Ví dụ : 1 người viết chữ "Tín (信)". Bên trái là quẻ thượng, có 2 nét là quẻ Đoài; bên phải là quẻ Hạ có 7 nét là Cấn. Tổng số nét là 9, chia cho 6 dư 3, nên hào 3 là hào động. Ta được quẻ "trạch sơn hàm" .

Ví dụ : chữ "Nam - (男)". Phần trên là quẻ thượng, là chữ Điền, (田), 5 nét, là Tốn, phần dưới là chữ Lực (力) 2 nét là Đoài, tổng số nét là 7, chia 6 dư 1, nên hào 1 là hào động. Tượng quẻ như sau : .

Nếu những quẻ bên cạnh có : , , , , đó đều là tiêu chí hào động của 1 quẻ. Ví dụ :

 là hào 4 động
 là hào 3 động
  là hào 1 động

Quẻ 2 chữ : chia ra 2 phần, lấy số nét của 1 chữ chia 8 số dư là quẻ Thượng, số nét của chữ thứ 2 chia 8, số dư là quẻ Hạ. Lấy tổng số nét của hai chữ chia 6 để tìm hào động. Ví dụ : hai chữ "Tín - nam : (信男)", chữ Tín : 9 nét chia 8 dư 1 là Càn, nên quẻ thượng là Càn. Chữ Nam 7 nét là Cấn, quẻ Hạ là Cấn. Tổng số nét của hai chữ là 16 chia 6 dư 4, hào 4 là hào động. Đó là quẻ "Thiên sơn độn".

Quẻ 3 chữ : Số nét chữ đầu là quẻ thượng, hai chữ sau là quẻ Hạ. Lấy cả 3 chữ là hào động. Quẻ Thượng là Càn, quẻ Hạ là Đoài, là quẻ "thiên trạch lý" .

Gieo quẻ theo họ và tên : Lấy số nét của họ làm quẻ thượng số nét của tên làm quẻ hạ. Lấy tổng số nét của họ và tên chia 6 số dư làm hào động.

Trường hợp 4 chữ : Số nét 2 chữ đầu là quẻ thượng, 2 chữ là quẻ hạ.

- 5 chữ : 2 chữ đầu là quẻ thượng, 3 chữ sau là quẻ hạ.
- 6 chữ : 3 chữ đầu là quẻ thượng, 3 chữ sau là quẻ hạ.
- 7 chữ : 3 chữ đầu là quẻ thượng, 4 chữ sau là quẻ hạ.
- 8 chữ : 4 chữ đầu là quẻ thượng, 4 chữ sau là quẻ hạ.
- 9 chữ : 4 chữ đầu là quẻ thượng, 5 chữ sau là quẻ hạ.
- 10 chữ : 5 chữ đầu là quẻ thượng, 5 chữ sau là quẻ hạ.

Cách lấy hào động : giống trường hợp lấy cho 3 chữ.

Từ 11 chữ đến 100 chữ đều có thể gieo quẻ được, cứ theo nguyên tắc : nửa đầu là quẻ thượng, nửa sau là quẻ hạ. Lấy tổng số chữ của nó chia cho 6 để tìm hào động của nó.

Cách gieo quẻ theo chữ cho dù là phần thể hay giản thể đều phải viết rõ ràng chuẩn xác, nét bút không rõ không dùng được.

4. Gieo quẻ theo âm thanh

Phàm nghe tiếng kêu, đếm được mấy số thì lấy đó làm quẻ thượng, thêm số thời gian làm quẻ hạ. Lấy tổng số trừ 6, số dư là hào động. Nếu tiếng kêu của động vật thì kêu mấy tiếng, hoặc nghe người đánh mấy tiếng trống đều có thể gieo quẻ.

Ở quẻ động vật : thấy bầy vật đang chuyển động thì không thể lấy quẻ. Nếu thấy một ít vật thì có thể gieo quẻ được. Động vật là quẻ thượng, phương từ đó đi đến là quẻ hạ. Ví dụ : có tiếng bò rống ở phương Khảm, bò thuộc Khôn là quẻ thượng, phương Khảm là quẻ hạ. Khôn cộng với Khảm thêm giờ, số của nó chia cho 6 số dư là hào động.

5. Gieo quẻ theo kích thước

Vật có kích thước, lấy số trưng tính ra quẻ thượng, lấy số xích làm quẻ hạ. Tổng số của trưng và xích chia 6, số dư làm hào động. Số lẻ thốn (tấc) không kể. Quẻ xích thốn thì lấy số xích làm quẻ thượng, số thốn làm quẻ hạ, tổng số xích và số thốn để tìm hào động. Số phân bỏ qua.

6. Gieo quẻ theo cách gia số

Cách gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ, cùng trong 1 giờ chỉ có 1 quẻ. Nhưng trong cùng một giờ lại có nhiều người đến lấy quẻ thì không thể lấy cùng 1 quẻ ra mà đoán được. Hoặc giả có nhiều người cùng đến không thể từ 1 quẻ mà đoán cho nhiều người. Để giải quyết vấn đề này, có thể dùng cách cộng thêm số nét của tên họ để quyết định quẻ.

Ví dụ : có 3 người họ : Vương, Điền, Hàn đồng thời đến hỏi về việc làm nhà. Có thể phân biệt lấy quẻ như sau : năm, tháng, ngày làm quẻ thượng :

năm, tháng ngày giờ thêm số nét của tên họ làm quẻ hạ. Lấy tổng số chia 6 lấy số dư làm hào động. Sau đó căn cứ vào quẻ của 3 người khác nhau để đoán cát hung.

Gặp việc hôn nhân, mai táng cũng có thể dùng cách này. Người có tang thì thêm họ, người có hôn thì thêm số nét của chữ nam hoặc nữ để gieo quẻ.

Phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ, trong 1 giờ chỉ có 1 tượng quẻ, như giờ Giáp lấy quẻ được quẻ Khảm, những thông tin của quẻ Khảm thuộc về anh A, anh B không thể dùng. Anh B muốn đoán, phải theo phương pháp "gieo quẻ theo phương vị", hoặc bảo anh ta viết chữ để gieo quẻ, như thế cũng sẽ tìm được những thông tin anh ta cần biết.

7. Hào động

Những phương pháp gieo quẻ trên đây đều có hào động, hơn nữa trong quẻ chỉ có 1 hào động. Như vậy trọng điểm của quẻ đã lộ ra, có lợi cho dự đoán.

Hào động của quẻ là sau khi chia cho 6 được số dư, số đó là số của hào động. Tác dụng của hào động là :

1. Hào động là tiêu chí chủ yếu dùng để phân biệt quẻ Thể và quẻ Dụng. Một quẻ chia thành quẻ thượng và quẻ hạ, quẻ nào có hào động là quẻ dụng, không có hào động là quẻ Thể. Hào động ở quẻ Hạ thì quẻ Hạ là quẻ dụng, quẻ thượng là quẻ Thể, và ngược lại. Quẻ Thể là mình, quẻ Dụng là người khác hay việc muốn đoán.

2. Hào động là tiêu chí chủ yếu của quẻ Biến. Có động thì có biến, hào dương động biến thành hào âm và ngược lại. Hào biến thì quẻ cũng biến. Ví dụ : hào chín đầu của quẻ Càn động là từ hào dương biến thành hào âm, nên quẻ Càn biến thành quẻ "Thiên phong cấu".

3. Hào động là tiêu chí để đoán cát hung của sự việc cần đoán. Sau khi thành quẻ, tuy dùng ngũ hành và quẻ thể, quẻ dụng tương sinh tương khắc để đoán cát hung, nhưng phải tham khảo thêm hào từ trong quẻ đó. Ví dụ : hào đầu động thì xem từ của hào đầu. Hào 5 động thì xem từ của hào 5 để biết nó chủ về gì. Ví dụ : được quẻ Càn, hào chín đầu động hào từ của nó nói : "Tiềm long vật dụng" thì có thể đoán là : thời cơ của sự việc chưa đến, trước mắt không nên tham làm.





4. Hào động là sự việc biến thành tốt hay xấu, tức là tiêu chí chủ yếu để phân biệt biến sinh, biến khắc, biến ngang nhau, và biến xấu đi. Ví dụ : gieo được quẻ Càn, hào chín hai động, sẽ biến thành quẻ : "Thiên hỏa đồng nhân". Quẻ thượng là càn, là quẻ thể, là kim; quẻ hạ là ly, là quẻ dụng, là hỏa; hỏa khắc kim tức quẻ dụng khắc quẻ Thể, nên có thể đoán là : việc này trước lành sau dữ.

5. Hào động cũng là tiêu chí chủ yếu của hướng người ra đi và phương hướng biến hóa. Ví dụ : gieo được quẻ "thiên phong cấu", hào chín ba động. Quẻ hạ là Tốn, là quẻ dụng, là người đi xa, là hướng đông nam. Vì hào chín ba động, tốn biến thành quẻ khảm, khảm là phương bắc nên có thể đoán người ấy ban đầu đi hướng đông nam sau đó đi lên phương bắc.

III. PHÉP BIẾN ĐỔI LẤN NHAU CỦA QUẺ THỂ VÀ QUẺ DỤNG

Sau khi đã thành quẻ, chia ra quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến. Quẻ chủ là giai đoạn đầu, quẻ hồ là giai đoạn giữa và quẻ biến là giai đoạn cuối của sự việc. Quẻ Thể là mình, quẻ dụng là người khác hay sự việc. Vì vậy quẻ thể nên khắc quẻ dụng, không nên quẻ dụng khắc quẻ thể. Nên quẻ dụng sinh quẻ thể, không nên ngược lại. Dụng khắc thể thì không tốt, thể sinh dụng mình sẽ bị hao tổn, thể ngang với dụng thì tốt. Quẻ ngang nhau thì thuộc tính của ngũ hành quẻ thượng và quẻ hạ giống nhau. Quẻ ngang nhau có tất cả 14 quẻ : Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, lý, quái, khiêm, bóc, hằng, ích.

1. Quẻ hồ

Quẻ hồ là lấy quẻ chủ bỏ đi hào trên cùng và hào dưới cùng, chỉ giữ lại 4 hào rồi chia thành quẻ thượng và quẻ hạ. Ví dụ : quẻ "thủy sơn kiến", quẻ chủ là thượng khảm hạ cấn . Bỏ hai hào trên dưới của quẻ chủ thành . Lại đem 4 hào này chia thành quẻ thượng và quẻ hạ. Ví dụ :  lấy 3 hào trên làm quẻ thượng, 3 hào dưới làm quẻ hạ, như vậy đã thành quẻ hồ là "hỏa thủy vị tề" , quẻ thượng là ly, quẻ hạ làm khảm. Quẻ hồ còn phân ra quẻ hồ của thể và quẻ hồ của dụng. Nếu quẻ thể ở trên thì quẻ hồ của thể ở trên, hoặc ngược lại quẻ thể ở dưới thì quẻ hồ của thể ở dưới. Hai quẻ càn, khôn không có quẻ hồ.

2. Tương sinh tương khắc của quẻ thể, quẻ dụng

Mọi việc trong trời đất có cát có hung, muốn biết cát hung cần phải đoán rõ thiên cơ của nó. Cho nên sau khi thành quẻ, thứ nhất phải xem lời bàn của hào từ trong "Chu dịch", thứ hai phải xem tượng quẻ và cái lý ngũ hành, sinh khắc, vượng suy để đoán cát hung. Ví dụ quẻ Càn, hào chín đầu là "Tiềm long vật dụng" tức việc chưa thể làm thì nên ẩn phục đã.

Quẻ thể khắc quẻ dụng là cát, quẻ dụng khắc quẻ thể là hung. Thể sinh dụng thì có hao tổn, dụng sinh thể thì có tin mừng. Thể và dụng ngang nhau thì trăm việc thuận lợi. Thể được sinh nhiều thì cát nhiều; thể bị khắc nhiều

thì càng hung. Quẻ dụng cát biến thành hung là trước cát sau hung. Quẻ dụng hung biến thành cát là trước hung sau cát. Bị khắc chỗ này thì được sinh chỗ khác, hoặc ngược lại, tức là trong sinh lại gặp khắc. Bị khắc mà gặp sinh là trong khó khăn được cứu giúp, bị khắc vô sinh là khó khăn nhưng không có ai giúp.

Trước cát sau hung là ban đầu tốt sau xấu. Ví dụ quẻ "độn"; quẻ thượng là Càn, là kim, là thể; quẻ hạ là Cấn là thổ, là dụng. Thổ của quẻ dụng sinh kim của quẻ thể là tốt. Còn quẻ Cấn nếu hào đầu động sẽ biến thành quẻ "thiên hỏa đồng nhân", quẻ thượng là Càn, là thể, là kim, bị quẻ hạ là Ly là dụng, là hỏa khắc, cho nên trước cát sau hung biến ra .

Trước hung sau cát là ban đầu xấu sau tốt. Ví dụ quẻ "thiên hỏa đồng nhân", quẻ thượng là Càn, là kim, là thể; quẻ Hạ là Ly là hỏa là dụng. Hỏa của Ly khắc kim của Càn, tức dụng khắc thể, không tốt. Nhưng hào chín đầu của quẻ Ly lại động, biến thành quẻ "độn", kim của quẻ thượng là Càn là thể được thổ của quẻ hạ là Cấn, là dụng tương sinh, nên gọi là trước hung sau cát biến ra .

Quẻ có quẻ thể, quẻ dụng, lại chia thành đảng của quẻ thể và đảng của quẻ dụng. Đảng là cùng loại với quẻ thể, ví dụ quẻ thể là kim, quẻ hõ của quẻ thể, quẻ biến của quẻ thể là kim tức là quẻ thể đảng nhiều. Quẻ dụng là kim; quẻ hõ của quẻ dụng và quẻ biến của quẻ dụng đều là kim tức là quẻ dụng đảng nhiều. Quẻ thể đảng nhiều thì thể của quẻ thể thịnh; quẻ dụng đảng nhiều thì thể của quẻ thể suy. Ví dụ : quẻ "tráng" quẻ hõ là quẻ "quải" (vì hào năm quẻ "tráng" động). Quẻ tráng này có quẻ thể là càn, kim; quẻ dụng là chấn, mộc. Nay các quẻ biến của quẻ hõ đều là kim, nên đảng của quẻ thể nhiều, thể quẻ thể thịnh, còn quẻ dụng suy.

3. Thời gian ứng nghiệm của quẻ

Sau khi thành quẻ, cát hung đã rõ. Nhưng thời gian ứng nghiệm của cát hung vô cùng quan trọng, nó liên quan đến kết quả thành bại của dự đoán. Ứng nghiệm chính xác sẽ tạo phúc cho nhân dân, lợi cho sự phát triển đất nước; không chính xác thì phải chịu trách nhiệm sai lầm với nhân dân và đất nước.

Thời gian ứng nghiệm : xưa nay đều rất coi trọng nên được bàn luận rất nhiều. Có người lấy tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm, có người lấy số của quẻ, có người lấy hào của quẻ để xác định. Dưới đây tôi xin đưa ra các phương pháp thường thấy và thường dùng để mọi người tham khảo.

1) Căn cứ tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm

Quẻ Càn, Đoài thì ứng nghiệm ở Canh, Tân và ngày Kim, hoặc Càn ứng ở năm, tháng, ngày, giờ : Tuất, Hợi; Đoài ứng ở ngày, giờ Dậu. Chấn, Tốn ứng ở Giáp, Ất và ngày Mộc hoặc Chấn lấy Mão, Tốn lấy Thìn. Khôn, Cấn thì ứng vào Mậu, Kỷ và ngày Thổ, Khôn lấy Thìn, Tuất; Cấn lấy Sửu, Mùi. Khảm ứng ở Nhâm, Quý và ngày Thủy, lấy Hợi, Tý. Ly ứng ở Bính, Đinh và ngày Hỏa lấy Tỵ, Ngọ.

Quẻ Càn, Đoài thuộc Kim nên thành sự ở "Canh, Tân và ngày Kim". Ngày kim là chỉ Kim trong ngũ hành. Ví dụ : như Canh, Tân, Thân, Dậu trong ngũ hành đều thuộc Kim, nên sự thành công và thời điểm ứng sự của hai quẻ Càn, Đoài có thể đoán là ngày Canh, Tân, Thân, Dậu hoặc năm Canh, Tân, Thân, Dậu, hoặc các tháng có tên đó. Vì vị trí của Tuất, Hợi ở cung Càn, nên quẻ Càn ngoài các ngày, tháng, năm như trên còn có thể ứng vào giờ, ngày, tháng, năm : Tuất, Hợi.

Hai quẻ Chấn, Tốn thuộc Mộc nên ứng sự, thành sự ở năm, tháng, ngày, giờ : Giáp, Ất, Dần, Mão. Chấn còn có thể ứng ở Mão, Tốn có thể ứng ở năm, tháng, ngày, giờ Thìn.

Hai quẻ Khôn, Cấn thuộc Thổ, nên thời gian ứng sự và thành sự theo : năm, tháng, ngày, giờ : Mậu, Kỷ, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, hoặc Khôn ứng ở Thìn, Tuất; Cấn ứng ở Sửu, Mùi.

Quẻ Khảm thuộc Thủy, nên thời gian ứng sự và thành sự thuộc năm, tháng, ngày, giờ : Nhâm, Quý, Hợi, Tý.

Quẻ Ly thuộc Hỏa, nên thời gian ứng sự và thành sự thuộc năm, tháng, ngày, giờ : Bính, Đinh, Tỵ, Ngọ.

2) Căn cứ số quẻ để định thời gian ứng nghiệm

Chính ứng : là lấy số của hai quẻ thể và quẻ dụng để xác định thời gian ứng nghiệm. Ví dụ quẻ thượng là Càn, quẻ hạ là Khảm : Càn 1, khảm 6 cộng lại là 7, có thể đoán 7 năm, 7 tháng, 7 ngày, hay 7 giờ.

Căn cứ số của ba quẻ : quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến để định thời gian : Ví dụ : quẻ chủ là "tụng" là số 7, quẻ "hỗ" là "gia nhân" là số 8, quẻ biến là "phủ" là số 9. Tổng ba quẻ cộng lại là 24 có thể đoán trong 24 năm, 24 tháng, 24 ngày, hoặc 24 giờ.

3) Xác định thời gian theo quẻ sinh của quẻ thể.

Quẻ thể được sinh thì cát, sự việc xảy ra nhanh. Nên phải xem số của quẻ sinh cho quẻ thể để quyết định thời gian ứng nghiệm. Ví dụ : Khảm là quẻ dụng sinh thể, khảm là số 6 nên có thể đoán : 6 năm, 6 tháng, 6 ngày, 6 giờ. Nếu quẻ hỗ sinh quẻ thể thì việc xảy ra từ từ; quẻ biến sinh quẻ thể thì chậm hơn. Nếu quẻ sinh thể lại biến thành quẻ khắc thể thì việc có trở

ngại, không đủ thuận lợi. Ví dụ có quẻ khắc thể, không có quẻ sinh thể thì việc không thành. Có quẻ sinh thể, không có quẻ khắc thể thì việc tốt.

4) Xem động tĩnh để đoán thời gian ứng nghiệm

Khi đoán thời gian ứng nghiệm cần xem người đoán quẻ động hay tĩnh để quyết định thời gian nhanh chậm. Người đến đoán quẻ luôn đi lại thì ứng nhanh, lấy số của quẻ chia đôi lấy 1/2. Ví dụ được quẻ Tốn là số 10, chia cho 2 thì được 5.

Người đến đoán quẻ đứng thì thời gian ứng nghiệm là nửa chậm, nửa nhanh. Ví dụ quẻ Tốn là 10, thì nửa chậm là 12,5 ngày, nửa nhanh là 7,5 ngày.

Người đến hỏi quẻ ngồi, thì lấy số quẻ mà định. Ví dụ được quẻ Tốn là 10 thì thời gian ứng nghiệm là 10.

Người hỏi quẻ nằm thì càng chậm, nhân đôi số của quẻ lên. Ví dụ quẻ Tốn - 10 có thể đoán thời gian ứng nghiệm là 20.

Người động mà quẻ cát thì ứng cát nhanh, tức là trong động có tin mừng. Người động mà quẻ hung thì ứng hung cũng nhanh, tức có ý trong động có sự xấu. Người không động, cát hung khó thấy. Ví dụ người đến hỏi quẻ không có biểu hiện vui buồn, từ bề ngoài không thấy hỏi việc lành hay dữ, thì phải lập quẻ xong mới biết được.

Bát quái to vô cùng, nhỏ cũng vô cùng. Xa thì bao gồm hết vạn vật, gần thì chỉ có bản thân nó, nên thời gian ứng nghiệm xa là năm, tháng, gần là ngày, giờ. Do đó khi đoán thời gian ứng nghiệm cần căn cứ vào tình hình thực tế, không phân biệt rõ việc lớn, nhỏ; vật gần, dài mà nói một cách đại khái thì nhất định sẽ sai lệch.

4. Mấy phương pháp đoán quẻ

Trên đời có muôn vật, người có muôn việc; muôn vật, muôn việc đều có chữ "lý". Trong quái tượng của Bát quái có âm dương biến hóa, âm dương tăng giảm, có sự phát triển biến hóa của sự việc, có cái "lý" đối lập và thống nhất, có cái "lý" âm dương ngũ hành, tương sinh tương khắc, có cái "lý" vua trị nước ra sao, người dân làm người như thế nào. Tóm lại cái "lý" của trời đất, sinh vật, vạn vật, vạn sự đều trong bát quái cả. Nên "hệ từ" có câu: "Bát quái lấy tượng quẻ, tượng hào để nói", tức là nói: việc anh định đoán, trong hào từ và tượng quẻ của bát quái đều đã viết rất rõ ràng, anh xem sẽ biết, cho nên "biết được tượng tức là lý đã ở trong đó".

"Lý" không những là nguyên tắc để "giải thích" và "chú thích" phải tuân theo, mà cũng là kim chỉ nam để chỉ dẫn cho dự đoán. Nhất là khi quyết định kết quả dự đoán, "lý" đặc biệt quan trọng, vận dụng tốt thì bách phát bách trúng, vận dụng không tốt thì sai từ đầu đến cuối.

Vì phương pháp gieo quẻ và nội dung của bát quái không ngừng được cải tiến và đổi mới nên phương pháp đoán quẻ ngày càng hoàn thiện, càng khoa học, tính chuẩn xác ngày càng cao, nhưng cũng ngày càng phức tạp, độ khó của kỹ thuật rất cao, rất khó nắm vững. Dưới đây đưa ra mấy phương pháp đoán quẻ khác nhau kết hợp các cách đoán xưa nay để so sánh, cung cấp cho mọi người nghiên cứu, tham khảo.


1) Quẻ có 1 hào động

Phương pháp gieo quẻ xưa kia bằng cỏ thi, và lấy đồng tiền thay cỏ thi, trong 1 quẻ có lúc chỉ có 1 hào động, có lúc có nhiều hào động, thậm chí cả 6 hào đều động, nhưng cũng có lúc trong quẻ không có hào động nào. Quẻ có hào động là quẻ biến, ngược lại là quẻ không biến. Khi quẻ có hào động thì lấy hào từ của hào động để đoán, không có hào động thì lấy tượng quẻ để đoán. Cho nên trong "Hệ từ" có câu : "Động thì xem sự biến của nó để đoán !".


Quẻ có 1 hào động là chỉ chuyên về một việc, nhiều hào động là sự việc lập đi lập lại, cho nên xưa kia thường lấy hào động làm chủ để đoán. Điều này trong các sử liệu như "Tả truyện", "Quốc ngữ" đều có chép.

1. Ví dụ cổ :

(1) "Tả truyện, Tuyên công năm thứ 20" : Quân sư nhà Tấn đi cầu nhà Trịnh, đi đến giữa đường được tin Trịnh và Sở đã giảng hòa. Chủ soái là Tuấn Lâm Phủ cho rằng không nên tiến quân nữa. Nhưng phó tướng là Tiên Cốc Cang Phục hiểu chiến, không nghe chỉ huy, tiếp tục tiến quân. Tri Trang Tử (theo tác giả : Tri Trang Tử tức là Tuấn Thủ, là người cùng họ với Tuấn Lâm Phủ) đã gieo được quẻ "lâm" của quẻ "sư", chỉ ra rằng : hào sơ của quẻ "sư" nói : "Sự xuất dị luật, phủ tàng hung" (theo tác giả, câu này có nghĩa : quân đội xuất binh phải có kỷ luật, nếu vô quân kỷ thì cho dù thắng hay bại đều là hung). "Phủ" là ác, là bại; "tàng" là thiện, là thắng. Từ tượng của hào này là : "sư xuất dị luật, thất luật hung dã". nên bảo Tiên Cốc : không phục tùng chỉ huy, vi phạm quân kỷ, tất sẽ chuốc lấy thất bại. Về sau quả nhiên quân Tấn đại bại ở nước Sở.

(2) "Tả truyện, Ai công năm thứ 9" : Tống công đi chinh phạt Trịnh, Tấn Triệu Anh cứu Trịnh. Dương Hồ đã dùng Kinh dịch gieo được quẻ "nhu"  của quẻ "thái". Từ hào 5 của "thái" nói : "để ất quy muội, dị chi, nguyên cát". Dương Hồ đoán : việc chinh phạt nhà Tống không tốt, kết quả đúng như thế !

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Ngày 9/8/1984, đồng sự của tôi có việc nhờ tôi đoán. Được quẻ "tụng" của quẻ Khốn  . Hào từ của hào 6 quẻ "khốn" nói : Khó khăn ở trong sự

ràng buộc, lòng luôn lo lắng không yên, động hối, hữu hối. Chứng cát". Như thế có nghĩa là : tuy khó hối hận, nhưng hối hận được thì sẽ tốt. Tôi nói với anh ta : "Anh vì có quan hệ nam nữ bất chính nên cảm thấy hối hận không kịp". Anh ta nói "đúng, có một quả phụ cứ bám chặt lấy tôi, tôi không thể thoát ra được, trong lòng luôn lo lắng, sợ tiếp tục phát triển sẽ xảy ra không tốt, làm sao bây giờ?". Tôi căn cứ quan hệ tương sinh, tương khắc khuyên anh ta ôn hòa giải quyết, nếu không thì tai nạn đang chờ. Anh ta nghe lời tôi và về sau bình an vô sự.

(2) Ngày 27/7/1986, Ngô Hán Thu, người công ty tôi đã dẫn sư phụ Hầu đến nhà tôi nói muốn đi công tác, nhờ đoán xem có an toàn không? Tôi gieo được quẻ "tiệm" của quẻ "gia nhân". Từ hào đầu quẻ "gia nhân" nói : "nhàn hựu gia, hối chi". "Nhàn là phòng, tức đề phòng việc bị cướp". "Chu dịch Gia nhân" nói : lấy hào sáu mà đoán : trên cùng là cha, hào đầu là con, hào 5 và 3 là chồng, hào 4 và 2 là vợ, đây là tượng ngũ huynh tam đệ, là người nhà.


Căn cứ khí quẻ và hào tử sơ là hào động, nên tôi đoán : Căn bản không phải là đi công tác mà là con trai của ông phạm pháp về việc cướp giết. Ông ta nói : "đúng, đúng ! Chính là con tôi vì cướp giết mà bị bắt. Ông xem có cách gì cứu giải được không?" Tôi nói : "Con ông có 2 lần bị họa phải giam, ông nên chịu giam chứ đừng chịu phạt. Lần này nhiều nhất là giam 1 năm, để cho nó nếm mùi gian khổ, giáo dục, thì lần sau may ra có thể tránh khỏi, nếu không sẽ phạm nặng hơn". Nhưng rất đáng thương cho tấm lòng của cha mẹ, sư phụ Hầu đã chịu phạt tiên để cứu con về. Hậu quả là năm 1987 con ông lại phạm tội cướp giết bị giam 7 năm. Sư phụ Hầu hối hận vì đã không nghe lời tôi nên nay đã rơi vào cảnh tay trắng nhà không (theo tác giả trong thời gian bị giam con ông lại phạm tội lần nữa, nên bị tăng thêm 3 năm).

2) Tượng quẻ

Bát quái bao la vạn tượng, bao hết vạn vật trong đó. Lấy tượng quẻ mà đoán việc cho rõ, có tượng là đã rõ được sự việc. Cho nên căn cứ tượng quẻ đoán cát hung là một trong những phương pháp đoán quẻ thường dùng nhất.


1. Ví dụ cổ :

(1) "Quốc ngữ, Tấn ngữ". Trọng Nhĩ là công tử nước Tấn bị đuổi ra khỏi Tấn 19 năm. Thái Mục Công quyết tâm đem binh lực giúp Trọng Nhĩ trở về chiếm lại quyền hành. Để dự đoán lành dữ, Đổng Nhân đã lấy quẻ cho Trọng


Nhĩ, được quẻ "Thái" . Đổng Nhân căn cứ tượng quẻ nói rằng : "là thiên địa phối". Thái là địa ở trên, thiên ở dưới, có thiên khí giáng xuống, địa khí thăng lên, có thiên địa thông nhau đó là tượng sinh vạn vật, là thời cơ tốt để được nước, được dân. Về sau Trọng Nhĩ quả giành được chính quyền xưng

là vua nhà Tấn, tức là Tấn Văn Công, một trong những ngũ bá thời Xuân Thu.

(2) "Quốc ngũ, Chu ngũ". Tấn Thành Công lưu vong ở Chu, Tấn Triệu Xuyên đón Thành Công về làm vua nhà Tấn. Trước khi lên đường người Tấn

đã đoán quẻ : được quẻ "phủ" của Càn . Người Tấn căn cứ tượng quẻ của hai quẻ "phủ, càn" nói : "Càn là trời, là vua", trời trên vua dưới, có được tượng vua phối với trời, nhưng quẻ hạ cũng là quẻ càn, từ càn biến thành khôn, quân biến thành thân, là "phối mà không chấm dứt". Đó là lấy tượng quẻ của quẻ chủ và quẻ biến để đoán cát hung.

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Ngày 4/5/1987 khi tôi ở Bắc Kinh, Đinh Tiêu Tiêu và mẹ ông cầm tờ Bắc Kinh nhật báo đến hỏi tôi. Trên báo nói : năm nay ở Bắc Kinh vào giao thời mùa hạ mùa thu có nạn lụt, yêu cầu tăng cường đề phòng. Muốn tôi đoán xem có đúng hay không. Lúc đó tôi đoán được quẻ cấn . Tôi xem cả hai quẻ thấy có thổ vượng nên nói : Bắc Kinh năm nay quyết không có lụt. Về sau quả đúng như thế.

(2) Chiều 28/2/1985 ngài Thái Ngọc Quý đến nói : có một đồng sự ở cơ quan ông ta ngày 24 nhận được điện báo của vợ nói ngày 26 vợ đến Tây An. Hôm nay đã là 28 rồi mà không thấy đến, không hiểu trên đường vợ con có xảy ra việc gì không, rất lo lắng. Tôi đoán được quẻ "Dự" của quẻ "Khôn". Vì khôn là đại dự, là nhiều người, dự cũng là xe, cũng là cảnh của nhiều người. Khôn thổ có nghĩa là : nằm im. Tôi nói : Bình yên vô sự, chẳng qua vì người đông xe chật, nên không đi được. Ngày 1/3 có thể đến. Quả nhiên vì nhiều người xe ít, nên mông 1 tháng 3 vợ con mới đến được Tây An.

3) Nghĩa lý


Căn cứ vào nghĩa lý của quẻ mà đoán là một trong những phương pháp phổ biến xưa nay đều dùng. "Nghĩa lý" tức là hàm nghĩa của từ quẻ, từ hào, tượng quẻ kết hợp với tình hình thực tế cụ thể để đoán cát hung. Đó chính là lý luận liên hệ thực tế, bản thân có đích. Phương pháp này rất khó, không dễ nắm vững, nhưng người xưa vô cùng coi trọng. Thiệu Khang Tiết nói : Số muốn nói được đúng cần phải có lý luận kèm theo. Chỉ dựa vào số mà không dựa vào lý thì chỉ thấy vấn đề mà không nghiệm được vấn đề. Ví dụ như đoán về việc ăn uống được quẻ Chấn, chấn là long. Theo lý luận mà nói không thể bắt được rồng, cho nên nói về ăn uống phải lấy cá chép mà thay vậy. Lại ví dụ đoán về thời tiết mà được quẻ Chấn tức là có tiếng sấm. Nếu các tháng mùa đông bói được quẻ Chấn, theo lý luận mùa đông không có sấm... đó tức là căn cứ vào tình hình thực tế, tức là phóng tên có đích, nếu không sẽ phạm phải chủ nghĩa giáo điều hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa.

1. Ví dụ cổ :

(1) "Tả truyện, Chiêu công năm thứ 12" : Nam San là Lộ Quý, một viên quan ở nước Lỗ, ông ta muốn phản bội nhà Lỗ đầu hàng nước Tề. Trước khi hành sự đã gieo quẻ, được quẻ "tỷ" của quẻ "khôn". Lời từ hào 5 của quẻ khôn nói : "Hoàn thường nguyên cát", ông ta phấn khởi cho rằng đó là tượng đại cát, liền đưa quẻ cho 1 chuyên gia dịch học Tử Phục Huệ Bá xem. Nam San nói, tôi có việc, ông xem nó sẽ thế nào ? Huệ Bá nói : nếu là việc của quẻ trung tín thì có thể được, còn nếu là việc xấu thì không thành, tất bại. Huệ Bá đem câu "hoàn thường, nguyên cát" giải thích cho Nam San nghe : Hoàn là sắc ở trong, thường là trang sức, nguyên là lòng thiện. Bên trong không trung thành, thì không được sắc của nó..., tức là nói không đầy đủ những phẩm chất cao thượng, không có lòng trung thiện thì việc trong quẻ là xấu, tức là dù có được quẻ tốt cũng xấu. Nam San không nghe lời khuyên của Huệ Bá, quả nhiên thất bại !

Ngài Lý Kính Trì cho rằng : Huệ Bá sở dĩ đoán đúng là vì còn có một nguyên nhân khác, đó là Huệ Bá thấy Nam San áp a áp úng nên biết đó không phải là điều ngay thẳng (theo "Chu dịch thám nguyên"). Điều đó phù hợp với "hệ từ" là : theo người được đoán lo lắng mà đoán. Nhưng tôi (tác giả) cho rằng cần phải chú ý một nguyên nhân nữa : Huệ Bá đoán đúng là vì hào 5 của quẻ Khôn tuy ở giữa nhưng không được ngôi. Hào 5 là thiên tử, đáng lẽ ngôi dương, nay ngôi âm lại chiếm, tức là không được chính ngôi, không chính tất nhiên là việc ác. Hơn nữa khôn là thổ có nghĩa là bất động, nếu manh động tất sẽ thất bại. Nên Huệ Bá nói "bên trong không trung thì không được sắc của nó". Không trung chính thì không được sắc chân chính của hoàng bào.

(2) "Luận Hàng. Chiêm bốc thiên" : Tướng nước Lỗ chinh phạt nước Việt. Tử Cống đoán được quẻ "cổ" của quẻ "đỉnh". Hào 4 động, lời từ của nó nói : đỉnh gãy chân, hung. Tử Cống nói : đi thì phải dùng chân, nay chân đã gãy là hung vậy. Khổng Tử lại nói là cát vì : "người Việt ở dưới nước, lúc đi dùng thuyền, không dùng chân, cho nên gọi là cát. Nước Lỗ đánh nước Việt quả nhiên thắng". Tiêu chuẩn chân lý chỉ có thể là thực tiễn của xã hội. Khổng Tử đã căn cứ vào nước Lỗ đánh nước Việt là tiến công từ đường thủy chứ không từ phía lục địa, nên dùng thuyền mà không dùng chân đó là căn cứ vào thực tế mà đoán. Nên quái thuật của Khổng Tử cao hơn.

(3) "Mai hoa dịch số" : Tích về Lý Hanh Phong đoán về hai con ngựa đen và đỏ rơi xuống sông, có người hỏi con nào sẽ lên trước ? Có người bốc được quẻ "ly"  nói : "Ly là lửa, lửa màu đỏ, nên ngựa đỏ lên trước". Nhưng ông Lý nói : "Lửa chưa bùng đã bốc khói, nên ngựa đen lên trước". Quả nhiên như thế. Đó là Lý Hanh Phong đã căn cứ khi lửa cháy, đầu tiên thấy khói, sau đó mới thấy lửa để đoán, nên đúng.

(4) "Mai hoa dịch số" : Giờ Dậu tháng 11, Thiệu Khang Tiết và con trai nhóm lò, có người gõ cửa, lần đầu 1 tiếng rồi thôi, sau đó lại gõ 5 tiếng hỏi mượn cái gì đó. Khang Tiết bảo con gieo 1 quẻ thử đoán xem họ mượn cái gì. Được quẻ "Tốn" của quẻ "Cấu". Con ông nói : "Kim đoán mộc trường, đó là dụng cụ, chắc là mượn cuốc". Khang Tiết nói : "Không phải đâu, chắc là mượn rìu". Liên mở cửa hỏi, quả nhiên là mượn rìu ! Con ông hỏi vì sao lại đoán thế ? Ông Tiết nói : "Đoán quẻ phải rõ lý. Theo quẻ mà đoán thì rìu cũng đúng mà cuốc cũng đúng, nhưng lấy lý mà suy đã chiều tối rồi thì mượn cuốc làm gì, chắc là mượn rìu để bổ củi. Cho nên căn cứ số của quẻ mà đoán, còn cần phải rõ lý nữa, đó là điều rất cần thiết khi đoán quẻ".

(5) "Chu dịch, Cổ phệ khảo". Kỷ Hiếu Phượng người nhà Thanh trước khi đi thi bói được quẻ "Khốn", hào 6 động : "Khốn ư thạch, cứ ư tật lê, nhân ư kỳ cung, bất biến kỳ thể, hung". Thấy bói xem xong nói là không tốt, Kỷ lại cho rằng mình chưa lấy vợ làm sao có thể nói : "Bất kiến kỳ thể, hung" ? Anh ta lại nói : "khốn ư thạch" có thể là người đứng tên thứ nhất họ Thạch hoặc tên họ anh ta có chữ Thạch bên cạnh, còn tôi có thể là người đồ thứ hai. Về sau quả đúng như thế ! Lại còn có người nói, nếu bói được hào phụ mẫu hung, nhưng bố mẹ anh ta đã mất từ lâu thì còn phụ mẫu hung gì nữa. Chính là Kỷ Hiếu Phượng đã căn cứ vào tình hình thực tế của mình là chưa lấy vợ mà đoán nên kết luận chính xác. Từ cách dụng thần của quẻ khốn thì thấy thần phúc sinh thế, lại có quan thế tương sinh, đó là tượng được công danh, cho nên thi đỗ.

2. Ví dụ ngày nay :

Ngày 23/7/1986, ngài Lương Kiến mang đến cho tôi quẻ mà ông ta đoán cho 1 người phụ nữ vào ngày Canh Thân tháng 4 trước đó, đó là quẻ "đoài" của quẻ "Tỳ". Hào từ sáu hai của quẻ đó nói : "Hãy còn nhỏ, mất chồng". Nhờ tôi giải quẻ này xem là việc gì và lành hay dữ ? Tôi xem hào động của quẻ này và quẻ hóa khắc trở lại, nên nói : "người phụ nữ này đoán về việc em gái của bà ta bị chết, bây giờ xem kiện tụng có thắng được hay không". Ngay tại trận ông Lương kinh ngạc nói : "Đúng ! Em gái bà ta vì bị tai nạn trong nhà máy mà chết và đang đi kiện. Nhưng hào từ rõ ràng nói là : "hãy còn nhỏ, mất chồng", vậy nên đoán là việc của chồng bà ta mới đúng, sao ông lại đoán là việc của cô em gái ? Tôi nói : điều này rất đơn giản, hào huynh đệ sáu hai ở ngôi âm là chính ngôi lại hóa thành quẻ "đoài", đoài là thiếu nữ nên nhất định là em bà ta ! Trong quẻ đoài nhiều, đoài là cái vã nên là việc kiện tụng.

4) Lý số

Quẻ thì có số, đoán quẻ cũng có số. Trong quẻ, số quẻ và số hào đều tiêu biểu cho cự ly, số lượng, trọng lượng, độ cao, độ sâu, độ rộng, thời gian... Lấy

số để đoán sự ứng nghiệm của quẻ gọi là "Lý số". Cho nên "Chu dịch tiên thuật" có câu : "Biết được tượng thì lý số của nó đã ở trong đó".

Dùng số để đoán quẻ trong sử liệu của các sách "Tả truyện" "Quốc ngữ" chưa thấy có, nhưng từ sau triều Tống thì đã có. Tôi trong khi đoán cũng thường căn cứ số để dự đoán kết quả và thấy rất thích hợp.

1. Ví dụ cổ :

(1) "Mai hoa dịch số" : Thiệu Khang Tiết giờ Mão ngày Kỷ Sửu gặp một ông già đi từ phương Tốn lại, sắc thái lo âu, hỏi vì sao mà ông lo ? Ông già nói : Không. Thiệu Khang Tiết lấy làm lạ liền gieo được quẻ "Cấu" có hào chín bốn động, lời từ của hào đó nói : "Bao vô ngư, hung". Khang Tiết nói với ông già : trong vòng 5 ngày ông ra vào phải cẩn thận, e có đại họa. Quả nhiên đúng ngày thứ 5, ông già đi ăn cỗ bị hóc xương cá mà chết !

Nguồn gốc số 5 của quẻ này là : Càn 1, Tốn 5, giờ Mão là 4, chia cho 2 mà ra. $(1 + 5 + 4 \text{ chia cho } 2 = 5)$. Khang Tiết nói : Nếu hành động thì ứng nhanh, nên phải lấy số của quẻ chia đôi lấy 1 nửa. Nên đoán trong vòng 5 ngày là vì thế.

(2) Sách "Chu dịch cổ phệ khảo". Hồ Phấn và Viên Kỳ Sơn đời nhà Minh, hai người đi chơi Kim lăng để thăm quan chủ. Quan chủ vì mất một cái cốc bằng vàng nên nghi cho người ở ăn cắp, đánh đập tra khảo. Hai người thấy thế liền bói được quẻ "Di" của quẻ "Bóc". Hai người báo với quan chủ là chén vàng không mất, nó ở phía Tây Nam góc tường của ông, đào sâu 5 tấc thì sẽ tìm được. Quả đúng như quẻ bói. Nguồn gốc của số 5 là như sau : trong 8 cung của phép nạp giáp Khôn ở cung thứ 5, nên mới nói đào 5 tấc. Nhưng theo kinh nghiệm thực tế của tôi còn có 2 chỗ có thể giải thích như thế : một là "hành động thì ứng nhanh". Lúc đó quan chủ đánh người ở có lẽ là vì truy bắt, nên nhanh lại nhanh quá. "Bóc" chính là số 15, chia 3 được 5; thứ hai là số của "bóc" trừ đi số của "di" cũng được 5. $(7 + 8 + 1) - (7 + 4) = 5$. "Mai hoa dịch số" có nói : "Quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau thì vật không mất". "Cấn" là thổ là sơn, có nghĩa là bất động, nên chén vàng không mất.

2. Ví dụ ngày nay :

(1) Giờ Thân, ngày 19 tháng 10 - 1983, sư phụ Mạnh ở phân xưởng 32 của nhà máy tôi nói là vợ ông ta đi ra ngoài buôn bán đã hơn 1 tháng mà biệt vô âm tín, nhờ đoán xem có an toàn không và khi nào về. Tôi gieo được quẻ "vô vọng" của quẻ "ly". Tôi an ủi ông ta và nói : vợ ông ở phía tây nam, bình yên, có cãi vã, nhưng vẫn vô sự. Trong vòng 5 ngày, nếu chưa về thì sẽ có thư, nếu không có thư thì nhất định phải về. Đến chiều ngày thứ 5 ông Mạnh báo : vợ vẫn chưa về, cũng chẳng có thư xin nhờ đoán lại. Tôi bảo : không cần, ông cứ về chờ tin tức. Khoảng hơn 3 giờ chiều, ông nói là đã nhận

được điện báo của vợ từ Thành đô báo về dặn hôm sau ra ga đón. Về sau hỏi quả đúng như đoán !

Tôi đoán : 5 ngày thì trở về là vì lấy số của quẻ để đoán cụ thể là : $1 + 2 + 2 = 5$, tức Càn 1, Đoài 2, hào động 2.

(2) Tháng 4/1987 khi tôi đang ở Bắc Kinh để giảng bài cho lớp nghiên cứu Kinh Dịch lần thứ 4 tổ chức trong toàn quốc, chiều ngày 13 tháng 4 giữa giờ giải lao, nữ học viên Trương Lập Mẫn nói : Thầy Thiệu, tôi có một đồng sự sắp đi công tác nhờ đoán xem khi nào có thể đi được. Tôi gieo được quẻ "Cấn" hào đầu động.

"Cấn" là sơn là thổ, là tượng bất động. Cấn là số 7, hào sơ là 1, cho nên $(7 + 7 + 1) : 2 = 7,5$. Tôi nói : "Trong vòng 7,5 ngày không đi nổi". Bà ta nói : "Đúng ! ông ta chuẩn bị sau ngày 20 thì đi. Mọi người ở đó vô cùng kinh ngạc.

5. Âm dương ngũ hành sinh khắc

Học thuyết âm dương ngũ hành là kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động nước ta qua thực tiễn xã hội lâu dài mà tổng kết ra. người xưa đã lấy vạn vật trong thế gian chia thành âm dương, còn kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là những chất cơ bản cấu tạo thành thế giới. Lý luận âm dương ngũ hành sinh khắc, chế hóa không những đã thúc đẩy các lĩnh vực khoa học như thông tin, triết học, quân sự, hóa học, vật lý, nhân thể học, trung y, thiên văn học phát triển mà cho đến nay vẫn còn có tác dụng chỉ đạo to lớn sự nghiệp phát triển khoa học của nước ta. Dem lý luận âm dương, ngũ hành, sinh khắc, chế hóa đưa vào bát quái, dùng để dự đoán thông tin nhân thể là phù hợp với luận điểm nổi tiếng của "hệ từ" : "Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, nghĩa âm dương phối nhật nguyệt" (âm dương có khắp mọi nơi, khắp mọi lúc).

Vạn vật trong trời đất đều thống nhất ở âm dương dương ngũ hành. Người cũng là một loài trong đó, dương nhiên cũng chịu sự chi phối và chế ngự của nó. Nên "tứ thời âm dương là căn bản của vạn vật". "Hợp nhân hình thì lấy phép tứ thời ngũ hành mà trị, ngũ hành là kim mộc, thủy, hỏa, thổ, vừa tầm thường vừa cao quý, lấy biết sinh, tử để quyết đoán sự thành bại". ("Tố vấn"). Âm dương ngũ hành có quyền chủ tế sinh sát vạn vật. "Ngũ vận âm dương, thiên địa hợp sự, kỷ cương của vạn vật là phụ mẫu của sự biến hóa, là nguồn gốc của sự sinh sát, là trung tâm của thần linh, điều đó không thể không biết". Sách còn nói : "Sự hòa hợp của thiên địa, trong lục hợp không thoát khỏi ngũ hành và con người". ("Tố vấn"). Như thế rất rõ : sự vận động của âm dương, ngũ hành trong vũ trụ đã dẫn đến sự biến hóa, không những có ảnh hưởng đối với con người mà còn quyết định sự tồn vong, sinh tử của con người. Cho nên nói : lấy âm dương ngũ hành lồng vào bát

quái, thông qua tính toán, có thể đoán được tình hình âm dương ngũ hành sinh khắc, chế hóa trong các thông tin để quyết định sự thành bại của sự việc.

Dùng nguyên lý âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa để đoán quẻ đã có lịch sử hơn ba nghìn năm, thực tiễn chứng minh là chính xác. Cơ sở khoa học của nó rất sâu. Theo nguyên lý này mà đoán quẻ thì cả 64 quẻ, không thể nói quẻ nào là tốt, quẻ nào là xấu, mà là căn cứ theo ngũ hành sinh, vượng, tử, mộ của khí quẻ và tượng hào làm chủ. Khí quẻ vượng, tượng hào vượng, dụng thần, hào thế, hào ứng vượng mà tương sinh là tốt, nếu rơi vào tử địa mà bị khắc thì không tốt. Nếu quẻ tốt, khi quẻ, tượng hào, hào thế, hào ứng, dụng thần lại vượng thì rõ ràng gấm còn được thêu hoa.

1) Ví dụ cổ

(1) "Tả truyện - Tương công năm thứ 9". Mẹ của Lỗ Thành Công là Mục Khương và quan đại phu Kiều Như thông gian, cùng âm mưu phế bỏ ngôi của Thành Công. Kết quả bị bại lộ, Mục Khương bị nhốt vào lãnh cung. Bà muốn biết vận mệnh mình ra sao nên đã bói được quẻ "tùy" của quẻ "cấn". Quan lại bỏ quẻ chủ (là quẻ "cấn") không dùng mà chỉ dùng quẻ "tùy", trong đó có câu "tùy, vô cố vậy". Ông nói với Mục Khương phải mau trốn thoát. Mục Khương lấy quẻ "tùy" có câu : "nguyên hanh lợi trinh, vô cữu" tức là tôi không đủ cái đức của nguyên hanh lợi trinh. Tôi là một phụ nữ, tự chuốc lấy tội ác, làm việc có hại đến mình, loạn quốc hại dân, làm sao lại không có tai họa được, nên đành chết ở đây, sao có thể trốn thoát được. Về sau đúng như thế ! Bây giờ ta hãy lấy quẻ đó để kiểm nghiệm lại bằng phép 6 hào ngũ hành sinh khắc thì sẽ biết Mục Khương chạy không nổi, tất sẽ chết ở đó.

QUẾ CHỦ : "CẤN"

Quan quý dẫn mộc O thế

Thê tài tý thủy x

Huynh đệ tuất thổ x

Tử tôn thân kim O ứng

Phụ mẫu ngộ hỏa..

Huynh đệ thìn thổ x

QUẾ BIẾN : "TÙY"

Huynh đệ mùi thổ.. ứng

Tử tôn dậu kim.

Thê tài hợi thủy.

Huynh đệ thìn thổ.. thế

Quan quý dẫn mộc..

Thê tài tý thủy.

1/ "Cấn" là sơn, là đình chỉ, là thổ, là tượng bất động, cho nên chạy không nổi.

2/ Trong quẻ "chủ" có 5 hào động, nội ngoại đều động, hào động nhiều là chủ về việc không thuận.

3/ Mục Khương là nữ nên âm phải ở ngôi âm, nay hào thế hào dương động ở ngôi âm, nên không trung, ngôi lại bất chính. Không trung, không

chính đó là người có mầm ác. Ngôi của hào thế lại ở cực địa, ngôi đã cực thì tất sẽ đi xuống.

4/ Hào thế dẫn mộc là Mộc Khương, hào ứng thân kim là con bà (Thành Công) đúng là con khắc mẹ, con hình phạt mẹ nên con của bà nhốt bà vào lãnh cung.

5/ Hào thế dẫn mộc hóa mùi thổ, mùi thổ là mộ địa của mộc. Mộ là lao ngục, cho nên Mộc Khương bị tù và phải chết ở đó.

Trong cách sắp xếp 6 hào ban đầu của ví dụ này, lục thân của quẻ biến như phụ mẫu, huynh đệ, v.v... đều nên theo ngũ hành của quẻ chủ để biến.

(2) "Tả truyện - Tương Công năm thứ 25" : Tề Đường Công sau khi chết, Thôi Vũ Tử đi điếu, nhìn thấy vợ của Đường Công rất đẹp, muốn lấy làm vợ. Dùng Chu dịch để bói, gieo được quẻ "đại quá" của quẻ "khốn". Người bói nói : cát. Trần Văn Tử (theo tác giả tức Trần Tu Vô, sĩ tể trảng công là quan đại phu, có công, lấy Thụy là Văn Tử). Nói là không "cát". Thôi Vũ không nghe vẫn cưới vợ Đường Công làm vợ. Đương nhiên là người bói đoán về quẻ này sai.

QUẺ CHỦ "KHỐN"

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy. ứng

Quan quỷ ngộ hỏa x

Phụ mẫu thìn thổ.

Thê tài dẫn mộc.. thế

QUẺ BIẾN "ĐẠI QUÁ"

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy. thế

Huynh đệ dậu kim.

Tử tôn hợi thủy.

Phụ mẫu sữu thổ.. ứng.

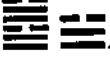
1/ Quẻ ngoại của khốn là đoài, là thiếu phụ. Quẻ nội là khảm, là trung nam thì không phải là chính phối (thiếu nam với thiếu nữ là chính phối), không chính phối thì không cát, lại "đại quá" hóa khắc, hào thế hào ứng cũng khắc nên không tốt.

2/ Hào thế dẫn mộc là Thôi Vũ, hào ứng là Đường thê (vợ Đường công), ứng và thế tương sinh và tương hợp, nên tuy có thể thành hôn nhưng là diêm hung.

Những ví dụ trên đều có thể dùng âm dương ngũ hành và phép " nạp giáp" để kiểm tra, kết quả của chúng đều là như thế cả. Từ hai thí dụ trên có thể thấy rõ : từ thời Xuân Thu đến đời Hán kéo dài hơn 4.000 năm, ta thấy cách lấy quẻ là giống nhau, nhưng cách đoán quẻ thì khác nhau, song kết quả lại như nhau, đó không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên, mà nó chứng tỏ dùng âm dương ngũ hành để đoán quẻ là thiết thực và có thể được.


2) Ví dụ ngày nay :


(1) Ngày 2 tháng 1 năm 1984, Ngô Hán Thu ở nhà máy tôi đưa vợ của Ngưu Thuần Phủ đến nói từ 2 giờ rưỡi chiều hôm qua, sau khi tan ca thì con đi đâu mãi bây giờ chưa thấy về, muốn hỏi xem khi nào trở về ? Gieo quẻ

được quẻ "doài" . Tôi nói : đây là con gái, hồi còn nhỏ bị mắc bệnh để di chứng đến nay, cháu đi về phương nam. Vì quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau nên tôi lại nói : "Trước 8g30' tối nay nhất định cháu sẽ về".

Đến tối 7g45' ông Ngô lại đưa vợ chồng Thuần Phủ đến tôi nói là con chưa về và nhờ đoán lại. Tôi nói : chưa đến 8g30', nếu không về thì tôi xem lại cũng chưa muộn. Đến 8g15', tôi nói : các anh chị về xem sao. Hai vợ chồng họ vừa xuống hết cầu thang thì có người nhà đến báo tin : là con gái đã về nhà lúc 8g10'.

(2) Cô Triệu Thế Lan ở xưởng tôi trước đây có việc đã nhờ tôi đoán 5 lần đều đúng cả. Lần này khoảng hơn 1 giờ chiều ngày 23/3/1988 đến nhà tôi. Nhìn thấy dáng vội vàng hấp tấp của chị tôi biết lại có việc tìm tôi. Cô ấy nói : "Trưa nay tôi và chồng tôi mời khách ăn cơm ở khách sạn, lúc đó cái áo dạ mới của chồng tôi để trên ghế, ăn cơm xong đi rửa tay, quay trở lại thì không thấy nữa. Tìm khắp nơi vẫn không thấy. Tôi phải tiết kiệm lâu năm lắm mới mua được cái áo đó, thế mà bây giờ lại mất, thật rủi ro quá !". Tôi


gieo được quẻ "tốn" . Quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau, tức là "vật không mất". Tôi an ủi nói : "Thôi đừng buồn nữa, trước 7g tối hôm nay sẽ thấy áo. Nếu không thấy thì hãy khóc cũng chưa muộn". Cô Triệu thất vọng nói : "Thời buổi bây giờ bọn cướp ngày đây rầy, áo mất rồi lại còn mong được lại, làm gì có chuyện ấy". Kết quả 6g30 tối một vị giám đốc nhật được áo này đã đưa đến trả.

(3) Ông Vương Song Ngân xưởng tôi nói : giờ Mão ngày 10 tháng 11/1987 xe đạp bị mất cắp, hỏi có thể tìm lại được không ? Gieo được quẻ "cầu" . Quẻ này dụng khắc thể, tôi nói : không tìm được đâu. Sau quả đúng như thế.

(4) Ngày 1/6/1984, tôi ra phố có việc, trên đường gặp một cụ già, tay cầm 5đ گیر cao, vừa đi vừa nói to : "Tôi có việc nhờ đoán, ai đoán được sẽ trả tiền đây". Có 2 người xem quẻ nói với cụ già : "chúng tôi đoán được". Cụ già rất phấn khởi.

Hai tiếng đồng hồ sao, tôi làm xong việc trở về, thấy ông già vẫn cầm 5đ trong tay. Tôi đoán là chưa ai đoán đúng. Tôi định đi, nhưng Viên Đôn Kiệt - bạn tôi, nói với cụ già : "ông nhờ thầy Triệu đây đoán xem". Cụ già

nghe lời xin tôi đoán. Tôi nói : "Họ đoán cho cụ không sai, vì sao cụ chưa vừa lòng ?" - "Hai người đó đều đoán rất tốt, nhưng việc chính hôm nay của tôi thì họ lại không đoán được câu gì !".

Tôi nói : "để tôi thử xem". Gieo được quẻ "khiêm" .

QUẺ CHỦ "KHIÊM"

Huynh đệ dậu kim..
 Tử tôn hợi thủy.. thế
 Phụ mẫu sữu thổ..
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọ hỏa.. ứng
 Phụ mẫu thìn thổ..

QUẺ BIẾN "KHÔN"

Huynh đệ dậu kim.. thế
 Tử tôn hợi thủy..
 Phụ mẫu sữu thổ..
 Thế tài mao mộc.. ứng
 Quan quý ty hỏa..
 Phụ mẫu mùi thổ..

LỤC THẦN

Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long

Tôi xem quẻ kinh ngạc nói : "Thưa cụ, con trai cụ phạm pháp, đang bị giam là diêm tội chết. Nhưng không sợ, đang có anh nó cứu, không chết được đâu. Cụ phải mất trên dưới 1.000 đồng". Cụ già nghe xong vừa kinh sợ vừa mừng : "Thầy Thiệu ạ, thầy đoán rất đúng, con trai tôi kẹt chết 1 bà già bên cạnh, phí an táng mất 960đ. Bây giờ cả nhà đương lo nó có bị tử hình hay không, nên tôi muốn đoán quẻ này. Nghe thầy nói có người cứu không chết, tôi rất mừng. Hiện nay hai anh của cháu đang khiếu nại với tòa án. Tên tôi là Vương Vĩnh Sơn, người thành phố này, rất muốn mời thầy đến nhà dùng bữa cơm thân mật". Nói xong cụ già nhét vào túi tôi 5đ. Tôi nói : tôi không đoán để lấy tiền, cụ cứ cầm lại tiền đi ! Về sau báo tòa án thành phố Tây An đã đăng tin này, bản án hoãn tử hình 2 năm để tra cứu, xem xét tiếp.

1/ Hào thế hợi thủy, hào ứng ngọ hỏa là quan quý tương khắc. Quan quý ngọ hỏa đắc địa, lâm nhật kiến, còn hợi thủy tử tôn lại ở vào đất hưu tù, vô lực. Ngược lại còn bị quan quý ngọ hỏa khắc nên là tai nạn về việc kiện tụng.

2/ Các sách đều nói : "Thủy tù ở tháng thìn, tuất, sữu, mùi". Nay hào thế tử tôn hợi thủy tù ở nguyệt kiến mùi thổ, vì là hào tử tôn, nên con trai bị giam.

3/ Câu trăn động khắc hào thế hợi thủy, nên nó chủ về tai họa lao ngục.

4/ Hai quẻ đều là thổ, lâm nguyệt kiến, nhật sinh, trùng khắc tử tôn hợi thủy nên là diêm chết.

5/ Hào huynh đệ thân kim ở "quan đới" lại lâm hào động, sinh cho hào thế hợi thủy nên là tượng cứu giúp.

(5) 3 giờ chiều ngày 31/12/1985, Trương Thành biết tôi đã từng đoán đúng ngày 28/12 đội nữ bóng chuyền của ta thắng liên đội Ngôi sao thế giới,

nói : "Thầy Thiệu, hôm nay ở Thượng Hải đội ngũ bóng chuyền của ta lại đấu với đội nữ bóng chuyền thế giới, thầy thử đoán xem ai thắng?". Tôi gieo được quẻ "đoài" của quẻ "lý".

QUẺ CHỦ "LÝ"

Huynh đệ tuất thổ
 Tử tôn thân kim. thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa.
 Huynh đệ sữu thổ..
 Quan quý mao mộc. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa.

QUẺ BIẾN "ĐOÀI"

Huynh đệ mùi thổ.. thế
 Tử tôn dậu kim.
 Thê tài hợi thủy.
 Huynh đệ sữu thổ.. ứng
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.

1/ Hào thế tử tôn thân kim là đội nữ của ta, ngôi 5 ở ngôi vua được chính, được trung. Tuy nhiên tử ở tý thủy của nguyệt kiến là tượng không lợi. Nhưng được nhận thìn vào hào cứu thượng tuất thổ động để sinh thế, nên đã chuyển bại thành thắng.

2/ Hào ứng quan quý mao mộc là đội Ngôi sao thế giới, được sự trợ giúp của Tý thủy nguyệt kiến là tượng có lực mạnh. Cho nên hôm nay so với trận ngày 28 sẽ càng ngoan cường hơn, nhưng là thế trước thắng sau bại.

3/ Mão mộc của đội Ngôi sao tuy lâm nguyệt kiến nhưng lại ở đất tuần không nên việc không thành, lại bị hào thế thân kim thân phúc khắc nên thất bại là chắc chắn. Do đó đội ta sẽ chuyển bại thành thắng.

Khi séc thứ 5 đội Ngôi sao đã dẫn đầu 8/2, Trương Thành nói với tôi : "Thầy Thiệu ạ, lần này thì thầy sai rồi, đoán lại xem sao!". Tôi nói : "Không cần đoán. Tôi đã viết những điều này lên giấy rồi, đội ta nhất định sẽ chuyển bại thành thắng". Cuối cùng quả đúng như vậy !

(6) Ngày 23/01/1987, ngài Trương Trung Thành cùng quẻ tôi đến xin đoán hậu vận. Căn cứ vào ngày sinh tháng đẻ, tính được quẻ "lý" của quẻ "vô vọng".

QUẺ CHỦ "VÔ VỌNG"

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim.
 Tử tôn ngộ hỏa, thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dấn mộc x
 Phụ mẫu ty thủy. ứng

QUẺ BIẾN "LÝ"

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim. thế.
 Tử tôn ngộ hỏa.
 Thê tài sữu thổ..
 Huynh đệ mao mộc. ứng
 Tử tôn ty hỏa.

LỤC THẦN

Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ

Tôi xem quẻ đầu tiên nói : "Hôn nhân của ông không thuận, đã ly hôn 1 lần, năm nay lại phải ly hôn nữa, thời gian khoảng tháng 2, tháng 3". Ông Trương nói : "quẻ thực không hợp với người vợ hiện tại nên có lẽ ly hôn lần thứ hai khó tránh khỏi". Về sau đúng ly hôn vào tháng 3 !

1/ Càn là kim là quẻ thể ở vương địa, chấn mộc là vợ lại ở tử địa, lại hóa đoài kim khắc trở lại, nên trong hôn nhân có khắc trở; lại thanh long là mộc lâm hào thể tài chủ về việc khắc vợ.

2/ Hào thể hào ứng xung khắc lẫn nhau, đó là chủ về tượng hôn nhân không tốt.

3/ Huynh đệ dẫn mộc động, mà hóa tiến là mao mộc cũng là diêm kiếp thể khắc vợ. Lại mao mộc lâm thái tuế khắc vợ, nên năm nay tất ly hôn.

(7) Ngày 8/12/1986 nữ sĩ Khoan Hồng ở nhà máy tôi đến xin đoán về thai nghén, gieo được quẻ "khôn" của quẻ "cấu".

QUẺ CHỦ "CẤU"		QUẺ BIẾN "KHÔN"	LỤC THẦN
Phụ mẫu tuất thổ	○	Huynh đệ dậu kim.. thể	Thanh long
Huynh đệ thân kim	○	Tử tôn hợi thủy..	Huyền vũ
Quan quý ngọc hỏa	○ ứng	Phụ mẫu sừ thổ..	Bạch hổ
Huynh đệ dậu kim	○	Thể tài mao mộc.. ứng	Phi xà
Tử tôn hợi thủy	○	Quan quý tỵ hỏa..	Câu trăn
Phụ mẫu sừ thổ..thể		Phụ mẫu mùi thổ..	Chu tước

1/ Trong quẻ chủ năm hào đều động tức việc không thuận.

2/ Hào thể phụ mẫu sừ thổ không hợp, tử tôn hợi thủy lại bị nguyệt kiến khắc, là chưa có thai.

3/ Hào tử tôn hợi thủy tù ở nguyệt kiến, mộ ở nhật thìn, lại hóa thành tỵ hỏa là tuyệt địa, câu trăn động khắc tử tôn là tượng không tốt.

4/ Hào thể phụ mẫu sừ thổ hóa mùi thổ, là hóa xung. Thai bị xung cũng là tượng không tốt. Tháng giêng năm 1987 mà có thai thì sợ rằng khó vượt qua cửa ải tháng 6.

Căn cứ tình hình trên, tôi nói với cô ta : "năm 1987 tốt nhất là không có thai". Về sau cô ta lại gặp được người ông của chồng nói là : vợ chồng các con năm nay không có thai thì tốt, nếu có rất khó giữ. Hậu quả là tháng giêng đã có thai và tháng 6 đẻ non con chết !

(8) Ngày 23/7/1987, tôi về thăm quẻ ở Hồ Bắc, cô em họ tên là Bình Hóa muốn tôi đoán về vận hạn. Gieo được quẻ "độn" của quẻ "lữ".

QUÊ CHỦ "LỮ"

Huỳnh đệ tỵ hỏa.
Tử tôn mùi thổ X
Thê tài dậu kim. ứng
Thê tài thân kim.
Huỳnh đệ ngọ hỏa..
Tử tôn Thìn thổ... thế

QUÊ BIẾN "ĐỘN"

Tử tôn tuất thổ.
Thê tài thân kim. ứng
Huỳnh đệ ngọ hỏa.
Thê tài thân kim.
Huỳnh đệ ngọ hỏa.. thế
Tử tôn Thìn thổ..

1/ Hào thế Thìn thổ bị thái tuế đinh Mão khắc, năm nay nhất định có tai họa.

2/ Quê nội huỳnh đệ ngọ hỏa hóa tiến lại là ngọ hỏa nên nhất định bị thương ở chân tay.

3/ Hào thế Thìn thổ lâm cung, lại hóa ra hào thế ngọ hỏa cả 1 vùng hỏa địa là sinh thân thái quá, hiện nay nguyệt kiến đinh hỏa vượng, sách nói : "vượng thái quá tức là họa vậy".

4/ Hào tử của hào thế nói đại ý là : "rời khỏi chỗ ở thì sẽ chuốc lấy tai nạn".

Căn cứ tình hình trên tôi nói với cô em họ : "những ngày gần đây cô đừng đi xa thì tốt, đặc biệt đừng đi về phía nam nhà ở, sợ gặp tai họa bị thương". Quả đúng cuối tháng 7 đi chợ Hoàng Thạch ở phía nam để mua dưa, kết quả ô tô cán chân bị thương, phải nằm viện.

(9) Ngày 29/10/1987, cô Lưu Hoa Hương nói : bà mẹ năm nay tuổi đã cao lại bị bệnh nặng. Cụ bảo khó mà qua khỏi được. Chị em nghe xong rất lo lắng, nên nhờ tôi đoán cho một quê. Gieo được quê "lý" của quê "càn".

QUÊ CHỦ "CÀN"

Phụ mẫu tuất thổ. thế
Huỳnh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa.
Phụ mẫu Thìn thổ. ứng
Thê tài dần mộc.
Tử tôn tỵ thủy.

1/ Quê gặp ngang nhau, nên không cần thuốc cũng có tin mừng.

2/ Đây là quê lục xung, mới bị bệnh gặp xung thì khỏi.

3/ Hôm nay ngày dần đoán được quê "càn", hào ứng phụ mẫu Thìn thổ tuần không, hôm sau ra khỏi tuần không là khỏi.

Tôi an ủi nói với cô Lưu : Đừng lo, không những không chết mà hôm sau sẽ khỏi. Quả đúng như thần, sáng ngày thìn bệnh nhân thấy khỏe và xuống giường được, tối còn ăn được bát mì.

(10) Ngày 3/3/1988 ngài Trương Chấn Hoàn là Tổng thư ký của Hội nghiên cứu khoa học khí công Trung Quốc gửi thư cho tôi nhờ đoán xem bệnh viêm gan truyền nhiễm ở Thượng Hải khi nào thì có chuyển biến tốt ? Gieo được quẻ "độn" của quẻ "đồng nhân".

QUẺ CHỦ "ĐỒNG NHÂN"

Tử tôn tuất thổ. ứng
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa.
Quan quý hội thủy. thế
Tử tôn sử thổ..
Phụ mẫu mảo mịch.

QUẺ BIẾN "ĐỘN"

Tử tôn tuất thổ.
Thê tài thân kim. ứng
Huynh đệ ngộ hỏa.
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa.. thế
Tử tôn thìn thổ..

"Đoán bệnh thì hào quan quý là dụng thần " ("Hoàng kim sách").

Quan quý hội thủy ở tử địa lại bị phúc thần của tuất thổ tử tôn khắc, nay mảo và tuất hợp, quan quý không chế ngự, tháng 3 thìn thổ xung tuất thổ, tất khắc được quan quý. Lại tháng thìn là mộ địa của quý, tức thủy quý nhập mộ. Quý nhập mộ thì vô hại, tháng 4 ở tuyệt địa. Do đó tôi liền viết thư trả lời như sau : "Tháng 3 bệnh dịch sẽ được khống chế, tháng 4, tháng 5 nhất định sẽ qua". Sau đó không lâu Đài phát thanh trung ương đưa tin dịch viêm gan ở Thượng Hải đã bị ngăn chặn.

(11) Ngày 10/6/1988 cô Nhâm Kính Tiên ở nhà máy nhờ tôi đoán cho con thi tay nghề có được hay không ? Được quẻ "di" của quẻ "phệ hạp".

QUẺ CHỦ "PHỆ HẠP"

Tử tôn tỵ hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thế
Quan quý Dậu kim.
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc.. ứng
Phụ mẫu tỵ thủy..

QUẺ BIẾN "DI"

Huynh đệ dẫn mộc.
Phụ mẫu tỵ thủy..
Thê tài tuất thổ. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tỵ thủy. ứng

1/ Lấy quan quý Dậu kim làm dụng thần, nay dụng thần được hào thế mùi thổ tương sinh, dụng thần lâm trường sinh nguyệt kiến, đã cát lại thêm cát.

2/ Dụng thần hóa thành hào tài tuất thổ sinh trở lại là tượng đắc lợi. Cho nên nhất định sẽ thi đỗ. Quả thực về sau đó.

(12) Bà Thường Lan có con gái đi công tác xa, dặn 10 hôm sẽ về, nay nửa tháng chưa thấy về, nên nhờ đoán. Gieo được quẻ "thái" (☰☷) Tử tôn dậu kim là dụng thần.

QUẺ CHỦ "THÁI"

Tử tôn dậu kim.. ứng

Thê tài hợi thủy..

Huynh đệ sữu thổ..

Huynh đệ thìn thổ. thê

Quan quý dần mộc.

Thê tài tý thủy.

Hào thế hào ứng tương hợp nên vốn định hôm nay trở về, nhưng vì công việc ràng buộc, phải ngày tuất là ngày mai, chờ tuất thổ xung khai thìn thổ thì sẽ về. Quả đúng như vậy.

Phương pháp đoán quẻ theo bát quái rất nhiều, còn có quẻ "hỗ", quẻ "biến", thân quẻ.. Ở đây không nêu ra nữa.

Bát quái vốn là công cụ dùng để dự đoán thông tin, giống như điện thoại công cộng, người tốt, người xấu đều dùng. Căn bản không có chuyện : "người tốt thì đoán quẻ xấu thành tốt, người xấu đoán quẻ tốt thành xấu". Mà là người đoán cần đoán việc gì, có phù hợp với điều kiện khách quan hay không, có thuận với lý âm dương không ? Còn một vấn đề nữa là bản thân mình tiềm chứa những thông tin gì thì sẽ được thông tin về dạng đó. Điều này trong sự sắp xếp thiên can địa chi của giờ sinh đã có thể xem ra. Giống như bác sĩ dùng X-quang để chiếu rõ bộ phận nào của anh "tiên thiên bất túc", và đến thời kỳ nào đó nhất định phát triển thành bệnh gì. Dùng bát quái để đoán thông tin cũng giống như việc chẩn đoán bệnh : việc tốt thì làm, việc xấu thì bỏ, không làm tự nhiên sẽ không bị hại. Việc mà bát quái đoán, chỉ cần kỹ năng đoán cao đều có thể bách phát bách trúng, còn vì sao lại đúng đến thế thì trong "bát quái và thông tin" tôi đã nói rõ : đó là sự bí mật thiên cổ.

"Chu dịch" lấy bát quái làm chủ thể, lấy 64 quẻ để viết thành sách, lấy dự đoán thông tin mà nổi tiếng, do đó giá trị khoa học quý báu của nó còn lưu truyền đến ngày nay. Vì lý luận uyên thâm, thần kỳ mà được người đời coi trọng, do cố gắng hiến to lớn cho nhân loại mà được người đời khâm phục, sùng bái... Đó là niềm tự hào của dân tộc Trung Hoa. Nhưng thật không may, phương pháp dùng bát quái để dự đoán thông tin cũng gặp rủi ro giống như 4 phát minh lớn của nước ta đều là "hoa nở trong tường ngoài tường thơm". Người nước ngoài xem nó là bảo bối, gọi nó là viên ngọc sáng trên vương miện của khoa học, còn chúng ta, ngược lại khoác cho nó cái tên "mê tín

phong kiến, duy tâm chủ nghĩa", bỏ xó lâu dài, hàng chục năm nay không ai dám nhìn đến, càng không dám nghiên cứu, tuyên truyền. Có một số người nghiên cứu bát quái, nhẹ ra là bị phê phán đấu tranh, nặng ra bị ghép thành tội phản cách mạng bắt giam. Bị kịch mình không tin mình, không tôn trọng mình, không tôn trọng sự thật, không tôn trọng khoa học này thật có lỗi với tổ tiên. Đâu còn dám nói đến phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng".

Về việc "tượng quẻ sinh khắc làm chủ" trong Mai hoa dịch số" có bàn đến, xin đưa vào tiết này để mọi người ứng dụng khi đoán. Thực tế đã chứng minh nó đúng.

6. Tượng quẻ sinh, khắc làm chủ sự việc

1) Quẻ có thể sinh

Thể sinh của quẻ Càn : chủ ở trong công môn thì có ích, hoặc trong công danh thì có hi, hoặc vì việc quan mà có cửa, hoặc vì kiện tụng mà thắng lý, hoặc được của quý, hoặc người già tiến tài, hoặc có tin mừng thăng quan tiến chức.

Thể sinh của quẻ Khôn : chủ về việc chỉ của điền thổ, hoặc nhờ điền thổ mà tiến tài, hoặc được lợi cho người thân hoặc làm lợi cho người chết, hoặc có lợi về lương thực, hoặc có tin mừng về vải vóc.

Thể sinh của quẻ Chấn : chủ về việc được lợi về sơn lâm, hoặc nhờ sơn lâm mà được của, hoặc được của phía đông, hoặc nhờ hoạt động mà có tin mừng, hoặc được lợi trong việc giao dịch đồ gỗ, hoặc vui mừng nhờ gặp được người trong tên họ có chữ thảo, mộc.

Thể sinh của quẻ Tốn : chủ về sự có ích do sơn lâm hoặc nhờ sơn lâm mà được tài, hoặc được của ở phía đông nam, hoặc có lợi nhờ người làm thảo mộc, hoặc có lợi về trà, hoa quả, hoặc những tin mừng do trà, rau quả... đưa đến.

Thể sinh của quẻ Khảm : có tin mừng từ phương bắc, hoặc được của từ phương bắc, hoặc tiến tài nhờ người ở gần chỗ có nước, hoặc được lợi nhờ giao dịch về các việc : văn thư, hàng rượu, cá, muối hoặc được tặng : cá, muối, rượu.

Thể sinh của quẻ Ly : chủ về việc được của ở phương nam, hoặc tin mừng về văn thư, hoặc có lợi nhờ các lò nấu luyện, hoặc nhờ người trong tên họ có chữ Hỏa mà được của.

Thể sinh của quẻ Cấn : được của về phía Đông bắc, hoặc có tin mừng về ruộng vườn trên núi, hoặc được của nhờ sơn lâm điền thổ, hoặc được của nhờ người tên có chữ Thổ, của cải ổn định, việc có đầu có đuôi.

Thế sinh của quẻ Đoài : có của ở phương tây, hoặc có tin mừng hoặc có nguồn lợi của quý về hàng thực phẩm, là người có giọng hay, hoặc niềm vui giữa chủ và khách, hoặc niềm vui trong bè bạn.

2) Quẻ có thể khắc :

+ Thế khắc của quẻ Càn : chủ về nỗi lo âu việc công, việc gia đình, hoặc mất của quý, hoặc tổn thất về vàng bạc, lương thực, hoặc tức giận vì bị xúc phạm, hoặc bị phạm tội với quý nhân.

+ Thế khắc của quẻ Khôn : chủ về những nỗi lo phiền thổ, hoặc ruộng vườn mất mát, hoặc bị tiểu nhân làm hại, hoặc người chết bị xâm phạm, hoặc mất vài vóc, lương thực.

+ Thế khắc của quẻ Chấn : chủ về những việc kinh hoàng chấn động, thường lo sợ nhiều, hoặc trong lòng không thể yên tĩnh, hoặc nhà cửa bị tai họa, hoặc bị người tên họ có chữ Mộc xâm phạm, hoặc mất mát về sơn lâm.

+ Thế khắc của quẻ Tốn : có thể bị người tên họ có chữ thảo, mộc làm hại, hoặc lo lắng về việc sơn lâm, hoặc mưu sự với người ở đông nam, đề phòng bị chông làm hại (nữ), cãi vã nhau.

+ Thế khắc của quẻ Khảm : chủ về những việc ngầm có hại hoặc lo về trộm cướp, hoặc làm mất lòng người ở gần nước, hoặc gặp điều có hại ở quán rượu, hoặc bị người phương bắc gây tai ương.

+ Thế khắc của quẻ Ly : chủ những nỗi lo về văn thư, hoặc nỗi lo về hỏa hoạn, hoặc có những mối lo ở phương nam, hoặc bị hại do lửa hay người khác.

+ Thế khắc của quẻ Cấn : hay gặp sự việc ngược lại, việc gì cũng trắc trở, hoặc có sự mất mát về sơn lâm điển thổ, hoặc người tên họ có chữ thổ xâm phạm, đề phòng những tai họa do người ở phía đông bắc gây ra, hoặc do mồ mả không yên ổn.

+ Thế khắc của quẻ Đoài : không gặp lợi về phương tây, bị chia rẽ nhau do cãi vã, hoặc bị người trong tên họ mang chữ khẩu lừa dối, hoặc gặp tai họa bị hủy nát, hoặc do ăn uống mà sinh lo.



IV. VÍ DỤ CỔ

Những ví dụ vận dụng bát quái để đoán tin tức ngày xưa còn ghi lại rất nhiều, nó không những là tư liệu thông tin quý báu mà cũng là những điều khó tìm thấy trong sử liệu. Từ những tư liệu ghi chép để lại, chúng ta có thể thấy rõ, người xưa khi giải quẻ : có người dùng quẻ từ để định cát hung; có người căn cứ tượng quẻ định cát hung; có người lại dựa theo lý của quẻ để định cát hung, có người lấy từ hào của quẻ biến để định cát hung, có người

còn dùng những lời văn chứa trong hai quẻ để định cát hung; lại có người kết hợp tình hình thực tế để định cát hung.

Kinh Phòng đời Hán dùng phương pháp lấy dụng thần, theo ngũ hành sinh khắc để định cát hung. Thiệu Khang Tiết đời Tống theo tượng quẻ ngũ hành sinh khắc để định cát hung. Qua những điều đã nói ở trên, ta thấy, do sự cải tiến phương pháp gieo quẻ, phương pháp đoán quẻ cũng cải tiến theo. Đó là nhờ xã hội không ngừng phát triển, khoa học kỹ thuật không ngừng tiến bộ, năng lực tư duy của con người không ngừng nâng cao mà đạt được.

Những sử sách ghi lại về mặt chiêm bói ở nước ta rất nhiều, như : "Tả truyện", "Chu ngữ", "Ân hư kế tiền biên", "Chu dịch tập văn phủ phê tôn"... Đối với những ví dụ quý báu và thực tế lịch sử này, các học giả xưa nay đều rất coi trọng nghiên cứu nó và đều rất ngạc nhiên về sự linh nghiệm của các quẻ đó. Như ngài Lý Kính Tri, nhà dịch học của Trung Quốc trong tác phẩm "Chu dịch thám nguyên" của mình có nói : dòng quan bói ở thời đại Xuân Thu, đoán rất ứng nghiệm, lẽ nào họ cứ mở miệng là nói, rồi gặp may mà đúng. Thực tế không phải như thế, mà chính là vận dụng đúng". Bất quá trước đây đã đoán đúng, bây giờ chắc chắn vẫn đoán đúng, ngày xưa có thể dùng, thì ngày nay vẫn có giá trị ứng dụng. Để giúp mọi người hiểu được tri thức về mặt đoán quẻ, dưới đây xin giới thiệu một số ví dụ cổ để mọi người nghiên cứu.

1) "Quốc ngữ, Chu ngữ" : Tấn Thành Công lưu vong ở Chu. Khi Thành Công từ Chu trở về Tấn, người Tấn đã bói xem lành dữ ra sao. Được quẻ "phủ"
 của quẻ "càn"
. Vì từ quẻ của quẻ "càn" là : "nguyên, hanh, lợi, trinh", từ quẻ của quẻ phủ là : "phủ vận phi nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng, tiểu lai". Cho nên người Tấn theo tượng quẻ của hai quẻ "phủ" và "càn" đoán là : tương xứng nhưng việc bất thành, lại phải ra khỏi chỗ đó.

Càn là trời là quân, càn của quẻ thượng là trời, càn của quẻ hạ là vua, tức là tượng của vua phối với trời, đây là cát. Nhưng quẻ hạ của càn là từ càn thành khôn, tức là quân biến thành thần, nên "phối mà không kết quả". Ba hào dương của quẻ hạ biến thành ba hào âm, nên vua phải 3 lần xuất.

2) "Quốc ngữ, Tấn ngữ" : Trọng Nhĩ (Tấn Văn Công) muốn về nước làm vua, tự mình dùng Chu dịch bói một quẻ, được quẻ "truân" của quẻ "dự". Từ quẻ của quẻ truân là "nguyên hanh lợi trinh, vật dụng, hữu du vãng, lợi kiến hầu". Từ quẻ của quẻ dự là : "lợi kiến hầu hành sư". Thấy đoán quẻ nói : "không tốt. "Bế nhi bất thông". Nguyên nhân là vì quẻ "truân" có chấn ở phía dưới khảm, khảm là xe, chấn là đường nứt, đó là tượng đi không thông. Còn Tư Không Quý Tử lại nói là cát. Vì sao vậy ? Vì trong "Chu dịch" nói : "lợi kiến hầu" là "việc được nước". Nên ông ta cho Trọng Nhĩ được làm vua. Lịch sử chứng minh là ông ta đúng.

3) "Tả truyện, Chiêu Công nguyên niên" : Vua nước Tấn mời thầy thuốc nước Tấn, Tần Bá Hâu xem xong nói : "không thể chữa được vì gần nữ, bệnh nhiều". Triệu Mạnh nói : "Sao lại gọi là bệnh nhiều ?" Tần Bá Hâu trả lời lại : "Vì chìm đắm trong dâm dục mà rối loạn, sinh bệnh... "Chu dịch" nói : "nữ mê hoặc nam như gió xô cây đổ". Đây là thầy thuốc dùng quẻ "cổ" để giải thích bệnh tật. Quẻ "cổ" là cấn, là thiếu nam, tổn là trưởng nữ, là tượng nữ mê hoặc nam. Cấn là sơn, tổn là phong, là gió thổi cây trên rừng. Do đó đoán bệnh của Tấn Hâu là do quan hệ nam nữ gây ra. Để chứng minh lời thầy thuốc đúng, ta hãy dùng sáu hào để xem bệnh ra sao.

QUẺ "CỔ"

Huynh đệ dẫn mộc. ứng

Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ..

Quan quý dậu kim. thế

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài sửu thổ..

LỤC THẦN

Phi xà

Câu trăn

Chu tước

Thanh long

Huyền vũ

Bạch hổ.

Trong quẻ dậu kim là mình, tuất thổ, sửu thổ là vợ, đều tương hợp với dậu kim, một nam hai nữ. Thanh long lại lâm quý, vì tham sắc quá độ, nên thầy thuốc dùng quẻ "cổ" để đoán bệnh cho Tấn Hâu là đúng.

4) Trong thí dụ trước "Tả truyện", Tương Công năm thứ 9" :

Mẹ của Lô Thành Công là Mục Khương và quan đại phu Kiều Như thông gian mưu cướp ngôi Thành Công là nói về quẻ ứng nghiệm âm dương không được ngôi.


Bấy giờ ta hãy lấy tượng quẻ để bàn : cấn là sơn, là thổ, là tượng bất động, nên chạy thoát không được, đó là lẽ thứ nhất, thứ hai là trong một quẻ, năm hào đều động, hào động nhiều thì bản thân chủ sự không lợi, thứ ba là : quẻ ngoại "tùy" là đoàn kim, là quẻ dụng, quẻ nội là chấn mộc, là quẻ thể. Quẻ dụng khác quẻ thể nên hung.

5) Trong "Luận hàng, bốc phê biên" ghi : Nước Lỗ đánh nước Việt, Khổng Tử cho là cát, vì ông đoán theo lời từ của hào cứu tứ quẻ "Đỉnh". Theo quẻ này mà nói : trong quẻ "đỉnh", quẻ cấn là quẻ dụng, quẻ tổn là quẻ thể, thể sinh dụng, có tổn thất nhưng biến thành quẻ "cổ", cấn thổ là quẻ dụng, tổn mộc là quẻ thể, là thể khắc dụng, là Lỗ thắng. Qua đó ta thấy rõ quái thuật của Khổng Tử thật là cao siêu.

V. THÍ DỤ NGÀY NAY


Trong quá trình dùng bát quái để dự đoán thông tin, tôi đã tích lũy được một số thí dụ thực tế. Nay xin giới thiệu một số trong đó để cung cấp cho học viên tham khảo.

1. Đoán người đi xa

1) Giờ thân ngày 19 tháng 10 năm 1983, ông Mạnh nhà máy tôi nói vợ ông đi đã hơn một tháng nay mà bật vô âm tín, nhờ đoán xem có rắc rối gì không và khi nào về. Gieo được quẻ lý . Tôi nói với ông Mạnh : "Vợ ông đi về phía tây nam, có gặp chuyện cãi vã, nhưng không can gì. Nếu từ nay đến ngày thứ năm không về thì sẽ có thư, sẽ về".


Hai giờ chiều ngày thứ năm ông Mạnh lại đến tìm tôi nói vợ chưa về, mà thư cũng không thấy. Tôi nói đừng nôn nóng, chờ cho hết ngày xem. Khoảng ba giờ chiều hôm đó ông nhận được điện báo của vợ từ Thành đô gửi về, báo ngày mai ra ga đón. Vợ ông Mạnh về nói, vì có chuyện cãi nhau nên về muộn một ngày.

Giải : Tây nam : Quẻ dụng là đoài, đoài là tây, trong quẻ hồ có ly, ly là nam, nên tây nam. Gặp chuyện cãi cọ : đoài là cãi vã. Bình yên : quẻ ngang hòa. Năm ngày : càn một, đoài hai, quẻ động (2 : 1) + 2 + 2 = 5. Có tin thư : ly là điện, có nghĩa là "tin".


2) Tháng 4 năm 1987, tôi ở Bắc Kinh đang giảng bài cho lớp nghiên cứu "Kinh dịch" đợt thứ tư của toàn quốc. Giữa giờ giải lao chiều ngày 13 tháng 4, học viên Trương Lập Mẫn nói : "Thầy Thiệu, tôi có một người bạn muốn đi công tác, nhờ thầy xem khi nào có thể đi được ?" Được quẻ Cấn . Tôi nói với chị ấy : "Trong bảy ngày rưỡi tới vẫn chưa đi được". Cô ấy nói : "Đúng ! Ông ấy chuẩn bị ngày 20 mới đi". Mọi người có mặt tại đó đều kinh ngạc.

Giải : Cấn là sơn, là thổ, là đình chỉ, là tượng bất động. Cấn là 7, hào đầu là 1 (7 + 7 + 1) : 2 = 7,5 nên trong bảy ngày rưỡi chưa đi được.

2. Đoán mất của


1) Ngày 30 tháng 12 năm 1983, ngài Nhiên Đức Điền mất chiếc xe đạp ngoài chợ, đến hỏi xem có thể tìm lại được không ? Gieo được quẻ "Khảm" . Căn cứ tượng quẻ, rất có khả năng là người khác cưỡi nhầm xe. Tôi nói : "Xe không mất đâu. Trước 9h tối hôm nay sẽ tìm được". Ông ta nghĩ, năm hết tết đến rồi, bảo vệ thì đã nghỉ phép, kẻ cắp đã lấy mất xe, còn ai giúp tìm được nữa. Kết quả trước 9h tối, có người lấy nhầm xe đến trả.

Giải : Khảm là tàu, là xe. Hai khảm trùng nhau là tượng hai xe giống nhau. Nên có sự nhầm, không mất được. Quẻ gặp ngang hòa là không mất. Tối trước 9h là vì : khảm 6, động 2, tức $(6 + 6 + 2) : 2 = 7$ là từ hai giờ chiều đến 9 giờ tối.


2) Giờ mảo ngày 10/11/1987 ông Vương Song Ngân nói xe đạp dựng trước cửa bị mất cắp. Hỏi có thể tìm lại được không ? Gieo được quẻ "Cầu" . Vì quẻ dụng khắc quẻ thể nên tôi nói không tìm được. Quả là đến nay vẫn mất.

Giải : Quẻ dụng là càn kim, quẻ thể là tốn mộc nên "dụng khắc thể, vật bị mất".

3. Đoán bệnh tật


1) Giờ Hợi tháng 7/1984 cô Phạm hỏi mẹ cô bị bệnh gì, lành hay dữ. Được quẻ "Cầu" . Tôi nói với cô ta : "Bệnh ở vùng bụng, khó qua được tháng 8". Về sau đúng là do khối u tử cung nên mất vào tháng 8.

Giải : Tốn là mộc là quẻ thể, là bệnh nên bệnh ở vùng bụng; càn là quẻ dụng là kim, kim vượng ở nguyệt kiến. Mộc ở tử địa còn bị khắc, kim vượng ở tháng 7, tháng 8, nên chết vào tháng 8.

2) Ngày 29/10/1987 Lưu Cúc Hương đến nói : Mẹ cô ấy tuổi đã cao, gần đây lại bị bệnh nặng. Cụ nói gay go lắm rồi, muốn con cháu rửa chân chùi để đi, mấy chị em nghe xong rất lo lắng. Xin nhờ đoán xem sao. Được quẻ "càn" . Tôi xem tượng quẻ xong, nói : "Đừng lo, không những không chết mà hôm sau nữa sẽ khỏi". Quả không sai, sáng ngày thìn bệnh đỡ, còn xuống giường được, tối ăn được một bát mì.


Giải : Quẻ "ngang hòa là có tin vui bất ngờ". Đây ứng quẻ lục xung "Mới bị bệnh mà gặp xung thì khỏi, lại còn "càn" cửu tam nhật... vạn, vô cữu". Vô cữu là không nguy hiểm.

4. Đoán về bị thương, bị tai nạn


1) Quẻ xem cảnh mai : "Giờ thân ngày 17 tháng 12 năm thìn, ngài Thiệu Khang Tiết tình cờ ngắm cảnh mai thấy có hai con chim vì tranh nhau mà rơi xuống đất. Ngài gieo quẻ được quẻ "hàm" của quẻ "cách" . Xem quẻ hồ càn và tốn xong, đoán tối mai sẽ có cô gái bẻ hoa. Vì có người đuổi nên hoảng hốt ngã xuống đất, bị thương ở đùi nhưng không đến nỗi nguy hiểm. Về sau quả có việc ấy xảy ra.

Giải : Đoài là kim là thể, ly là hòa là dụng khắc đoài, quẻ hồ là tốn mộc sinh ly hòa, khắc khí thịnh của quẻ thể. Đoài là thiếu nữ, nên biết là

có cô gái bị thương. Trong quẻ hồ càn là kim là người già, tổn là đùi nên do cụ già đuối mà cô gái ngã bị thương ở đùi. Nhưng may có ly biến thành cấn thổ sinh đoài kim nên không đến nỗi nguy hiểm.

2) Cô Lô Tần ở Đài truyền hình Thiểm Tây là người mà tôi quen trong buổi gặp Đoàn đại biểu Nhật Bản ngày 13 tháng 12 năm 1986. Hôm đó có  , và căn cứ tứ trụ của cô nhiều thổ nên tôi nói : năm 1987 cô có nạn nát thân, thời gian ở nửa đầu năm, đặc biệt là tháng 3 tháng 4 (âm lịch là tháng 3) không được đi về phương tây bắc, nếu không thì hậu quả khôn lường. Về sau tháng 3/1987 cô ấy đi công tác phía tây bắc, bị tai nạn ô tô chết không cứu được.

Giải : Quẻ khôn là thổ, hóa tổn mộc khắc trở lại là chỉ về việc xấu. Lời từ của hào thế sáu trên của quẻ khôn nói : "... huyết huyền hoàng" tức máu chảy nhiều, diêm xấu. Hào thế sáu kim lại lâm mao nhật là nhật phá, lại hóa thành mao mộc, do đó năm 1987 có nạn nát thân. Căn cứ tứ trụ thổ nhiều mà tháng 3 lại là tháng thổ vượng, đi tây bắc là có thể thìn tuất tương xung nên dọc đường bị tai nạn xe mà chết.

3) Ngày 17/3/1986 ông Mã nhà máy tôi nhờ đoán vận hạn, được quẻ "tùy" của quẻ "vô vọng"  . Tôi nói : "Tháng 9 năm nay ông phải đề phòng tai nạn, đặc biệt chú ý đề phòng bị thương". Kết quả tháng 9 do cưỡi xe máy bị lật, bị thương nặng đi nằm viện.


Giải : Quẻ "vô vọng" có nghĩa là phải cẩn thận, nếu manh động sẽ có hại. Ví dụ : "hào chín trên là không nên đi xa, không có lợi". Ông Mã sau khi mua được xe mới, do phấn khởi, hăng đi mà bị thương. Thứ hai là quẻ chủ và quẻ biến đều là quẻ dụng kim khắc quẻ thể chấn mộc. Tháng 9 là tháng kim vượng mộc suy. Thứ ba là theo sáu hào trong quẻ quý hóa quý, huynh hóa huynh nên tất bị thương. Hơn nữa ngộ hỏa tri thế, hỏa mộ ở tuất, nên tháng 9 có chuyện bị thương.

Dùng bát quái để dự đoán về bị thương, thứ nhất phải xem những quẻ trong "chu dịch" bản thể bị thương như quẻ "quải" "hàm", "phong" "trấn", "minh di". Ví dụ quẻ "minh di" nói : đi là bị thương vậy. Hào chín ba của quẻ "phong" nói : ... Gãy đùi phải, vô cữu. Thứ hai là xem có quẻ dụng khắc quẻ thể không và quẻ hóa thành khắc ngược lại không. Thứ ba là xem trong sáu hào nếu có quý hóa quý, quý hóa huynh, huynh hóa huynh, huynh hóa quý thì đều bị thương chân tay. Trong dự đoán tai nạn bị thương tôi đều lấy sáu hào làm chủ.

Dùng bát quái để đoán tin tức phạm vi rất rộng, dùng 6 hào để đoán sự việc rất chi tiết và cụ thể. Ví dụ : đoán về thiên tai thì 6 hào nói rất rộng. Vấn đề này trong bài luận văn "Bát quái và tin tức" báo cáo ở Hội thảo học

thuật Chu dịch quốc tế tháng 2/87 tôi đã đưa ra 10 ví dụ. Trong đó có ví dụ về đoán thiên tai, 6 hào được sắp xếp như sau :

9 giờ 30' sáng ngày 19 tháng 12 năm 1986, phía đông nam thành phố Tây An xuất hiện 5 mặt trời. Lúc đó đoán được quẻ "Khôn" của quẻ

"Sư" 

QUẺ CHỦ "SƯ"	QUẺ ĐỘNG "KHÔN"	LỤC THẦN
Phụ mẫu dậu kim --	Tử tôn dậu kim -- thế	Thanh long
Huynh đệ hợi thủy --	Thê tài hợi thủy --	Huyền vũ
Quan quý Sửu thổ --	Huynh đệ Sửu thổ --	Bạch hổ
Thê tài ngọ hỏa --	Quan quý Mão mộc --, ứng	Phi xà
Quan quý Thìn thổ —	Phụ mẫu Tỵ hỏa --	Câu trăn
Tử tôn dần mộc --	Huynh đệ Mùi thổ --	Chu tước

Lúc đó tôi căn cứ vào tượng quẻ và tượng hào đoán : Năm 1987 Trung Quốc có những tai nạn sau :

1) Quẻ sư : "Dị nhất dương thống ngũ âm, hữu đại tướng soái sư chi tượng" ("Chu dịch tiên thuật") (1 hào dương thống lĩnh 5 hào âm, đó là tượng của tướng soái). Hơn nữa quẻ soái lại chủ về việc chiến tranh. Do đó năm 1987, Trung Quốc sẽ có nạn tranh giành đất đai. Khôn là tây nam, bên ngoài biên giới, ở tây nam còn có cuộc chiến tranh mới. Đúng là năm đó Trung Quốc đánh Việt Nam, nội bộ Ấn Độ cũng có chiến tranh.

2) Hào 5 là huynh đệ hợi thủy. Huynh là thần của kiếp tài, nên năm 1987 có nạn tổn hao của cái, thời gian vào khoảng tháng 4, tháng 5. Đúng năm đó cháy rừng ở phía đông bắc.



3) Hào hai là quan quý là năm có nhiều nạn. Nên năm 1987 Trung Quốc có rất nhiều thiên tai và nhiều tai nạn thiên nhiên khác.

4) Huyền vũ lâm thê tài, năm 1987 tội phạm hình sự tăng lên mà không giảm, đặc biệt nạn cướp giết rất điên cuồng.

5) 5 mặt trời là hỏa nên dương khí quá thịnh, theo thời tiết mà nói e rằng năm nay hạn hán rất nặng. Quả đúng năm ấy diện tích bị hạn hán rất rộng.

6) Quẻ sư biến thành quẻ khôn lại trùng lập. Khôn là âm, là tiểu nhân, nên 1987 xảy ra việc bạo loạn ở phương tây nam hoặc có những sự kiện khác gây ra đổ máu. Về sau quả nhiên ngày 2, 3 tháng 10/1987 vùng dân tộc thiểu số Tây tạng xảy ra bạo loạn đòi tách ra khỏi Trung Quốc. Máy bay rơi ở Trùng Khánh. Ở Quý Châu tàu hỏa bị lật.

Về việc máy bay bị rơi và tàu hỏa lật trong quẻ "sư" đã có dấu hiệu.

Trong quẻ "sư" () biến thành quẻ phục (). Khôn là dự, là xe, là thổ, là

quẻ thể; chấn là mộc, là quẻ dụng nên mộc khắc khôn thổ, do đó có chuyện xe lật. Chấn là long là bay lên trời nên có tượng của phi (bay). Nay quẻ khôn là thổ lại ở trên, quẻ chấn là mộc ở dưới. Nên có tai nạn máy bay rơi xuống đất. Cho nên các sự kiện ở Tây Tạng, máy bay rơi, tàu hỏa lật là những sự kiện lớn, không những đổ máu chết người mà còn liên quan đến các việc kiện tụng.

VI. 18 VIỆC THƯỜNG DỰ ĐOÁN

Phạm vi dự đoán thông tin rất rộng, không thể nói rõ cách giải với từng ví dụ một. Vì vậy, tôi khái quát kinh nghiệm thực tiễn của người xưa vào thành 18 mục dưới đây để bạn đọc tham khảo.

1. Thời tiết

Phạm đoán thời tiết, thì không cần chú ý quẻ thể, quẻ dụng, mà phải quan sát tất cả các quẻ, và liên hệ suy đoán với ngũ hành. Quẻ "Ly" phần nhiều chủ về trời nắng, quẻ Khảm chủ về mưa, quẻ Khôn là u ám, quẻ càn chủ về trời sáng, quẻ Chấn chủ về sấm mùa xuân, mùa hạ, quẻ Tốn về gió mạnh của bốn mùa. Quẻ Cấn thì mưa lâu tất phải tạnh, quẻ Đoài không mưa trời cũng vẫn âm u. Mùa hạ được quẻ Ly mà không có quẻ khảm thì sinh hạn hán kéo dài. Mùa đông được quẻ khảm mà không có quẻ ly thì mưa tuyết liên miên.

Lúc xem các quẻ còn phải chú ý quẻ "hỗ", quẻ "biển". Ngũ hành gọi quẻ Ly thuộc hỏa - chủ về nắng; quẻ Khảm là thủy chủ về mưa; quẻ khôn là khí đất chủ về u ám; quẻ Càn là trời chủ về trong sáng; Chấn là sấm, Tốn là gió. Mùa thu mùa đông Chấn nhiều không chế ngự được thì sẽ có sấm khác thường. Có tống thêm vào thì sấm to gió lớn. Cấn là núi, là mây, nếu mưa lâu mà gặp quẻ Cấn thì mưa sẽ ngừng. Cấn chính là "đỉnh chỉ", cũng có nghĩa là thổ khắc thủy. Đoài là trạch, nếu không mưa thì cũng âm u. Để đoán được các hiện tượng trong vũ trụ là rất khó, song sự thần diệu của các quẻ cũng rất đáng tin cậy. Lấy càn tượng trưng cho trời trong sáng trong các mùa. Chủ khôn là đất, khí âm đạm. Nếu khôn và càn ngang nhau thì nắng mưa xen kẽ nhau biến đổi. Khôn và cấn hai quẻ ngang nhau thì u ám bất thường. Số quả có âm có dương, tượng quẻ có lẻ có chẵn, âm mưa, dương nắng, lẻ chẵn thì u ám. Khôn là cực của lão âm nên nắng lâu tất sẽ mưa, âm khí thì mưa lâu tất nắng. Nếu gặp quẻ trùng khảm hoặc trùng ly, cũng sẽ là lúc mưa, lúc nắng. Khảm là thủy tất mưa, ly là hỏa tất nắng. Kim của càn đoài, mùa thu trời sáng, mùa đông mưa dầm dề. Thổ của khôn đoài, mùa xuân thì mưa lầy, mùa hạ nóng ran. Kinh dịch nói : "mây là từ rồng, gió từ hổ". Lại nói : "Cấn là mây, tống là gió, cấn tống trùng phùng thì gió mây tụ tập làm cho cát

bay đá chạy, mờ núi, mờ trời". Khảm ở trên cần thì trời đầy mây mù, khảm ở trên đòi thì mù sương đọng thành tuyết. Cần đòi là sương tuyết tan. Ly là hòa là ánh cầu vồng. Chấn là sấm, ly là điện, nếu trong quẻ cùng gặp thì mưa dầm gió dập. Hai quẻ chấn chống nhau thì sấm vang trấm dậm. Quẻ khảm chống nhau thì mưa úng rất nhiều.

"Địa thiên thái", "thủy thiên nhu" là tượng mung lung. "Thiên địa phù", "thủy địa tỉ" là u ám. Bát thuần ly mùa hè tất có hạn, bốn mùa trời trong. Bát thuần khảm, mùa đông tất rét, bốn mùa nhiều mưa. Mưa lâu không nắng, chỉ gặp cần mới tạnh mưa. Nắng lâu không mưa, gặp cần mới mưa. Nếu thủy hỏa ký tế hay hỏa thủy vị tế thì bốn mùa không đoán được gió mây. Gặp quẻ "phong trạch trung phù", "trạch phong đại quá" thì mưa suốt mùa đông. Gặp quẻ "Thủy sơn kiến", "Sơn thủy mông" thì đi trăm bước cũng phải che mưa. Gặp quẻ "Địa phong thăng", "Phong địa quan" thì bốn mùa không thể đi thuyền (gió to). Quẻ ly trên cần thì sớm nắng chiều mưa. Ly hổ cần cung thì sớm mưa chiều nắng. Tốn khảm hổ ly thì cầu vồng xuất hiện. Tốn ly hổ khảm thì trời đất như nhau. Muốn đoán bốn mùa thì không thể chỉ theo một nguyên tắc : chấn ly là điện sấm, ứng vào mùa hè. Cần đòi là sương tuyết, ứng vào mùa đông. Lý của trời đất là như vậy. Sự kỳ diệu của lý số là vậy. Người biết được đến thế là đáng kính lắm ru !

Đoán thời tiết phải xem quẻ chủ, quẻ hổ, quẻ biến. Trong 3 quẻ ly nhiều là nắng, khảm nhiều là mưa, tốn nhiều là gió. Nước Trung Quốc đất rộng bao la, trong 1 ngày có nhiều chỗ mưa, nhiều chỗ nắng, nên lấy 1 quẻ để đoán sự mưa nắng trong toàn quốc là không chuẩn. Do đó khi dự báo thời tiết trong tháng, ngày, năm phải thêm vào số nét của tên địa phương mình đoán làm quẻ "thượng", phải thêm giờ đoán làm quẻ "hạ". Địa danh phải viết đầy đủ nét (không được viết tắt) thì đoán mới đúng. Ví dụ : Quảng Châu là số 20, Bắc Kinh là số 13. Như thế thì các địa phương khác nhau mới được quẻ khác nhau, mới có thể đoán đúng cho địa phương đó được.

2. Nhân sự

Khi đoán về nhân sự, phải xem kỹ quẻ thể và quẻ dụng. Quẻ thể là chủ, quẻ dụng là khách (chủ : là người đến xin quẻ, khách : là sự việc hoặc người muốn đoán). Quẻ dụng khắc quẻ thể thì không nên, quẻ thể khắc quẻ dụng thì mới tốt. Quẻ dụng sinh quẻ thể là có tin mừng, có ích; quẻ thể sinh quẻ dụng thì có mất mát. Quẻ thể và quẻ dụng ngang nhau thì việc có lợi, tốt. Cần phải xem kỹ quẻ "hổ" và quẻ "biến" để đoán cát, hung. Phải xem kỹ sự thịnh suy để làm sáng tỏ hư, cửu.

Quẻ về nhân sự thì phải xem toàn thể quẻ thể và quẻ dụng để quyết định mức độ tốt, xấu. Nếu quẻ có sinh thể thì xem bát quái ở chương trước quẻ sinh thể có chỗ nào tốt, lại xem quẻ khác thể có chỗ nào xấu (tức xem

quẻ khắc thể chương trước). Nếu quẻ không có sinh hoặc khắc thì đành căn cứ vào quẻ gốc mà đoán.

3. Đoán nhà cửa

Phạm đoán về nhà cửa phải lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là nhà. Nếu thể khắc dụng thì nhà cửa có nhiều điều tốt. Còn dụng khắc thể thì có nhiều điều xấu. Thể sinh dụng thì thất thoát nhiều, hoặc có nỗi lo đề phòng mất cướp. Nếu dụng sinh thể nhiều điều cơ ích hoặc có tin mừng, được có quà tặng. Nếu thể và dụng ngay nhau, thì nhà cửa yên ổn, nếu quẻ có sinh thể tức là phải xem nhân sự ở chương trước đã nói để đoán quẻ.

4. Nhà ở (mục này nói về việc làm nhà tốt hay xấu)

Phạm đoán về nhà lấy quẻ thể làm chủ, lấy quẻ dụng làm nhà. Thể khắc dụng thì nhà đó ở tốt. Dụng khắc thể thì ở xấu. Thể sinh dụng thì tài sản bị kém sút dần. Dụng sinh thể nhà cửa hưng vượng dần. Thể dụng ngang nhau thì bình thường yên ổn.

5. Đoán hôn nhân

Đoán hôn nhân lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là việc hôn nhân. Dụng sinh thể : hôn nhân dễ thành, được lợi nhờ hôn nhân. Thể sinh dụng : thì hôn nhân khó thành, hoặc vì hôn nhân mà thua thiệt. Thể khắc dụng : hôn nhân không thể thành, nếu thành sẽ có thiệt hại. Thể và dụng ngang nhau thì hôn nhân thuận lợi.

Đoán hôn nhân quẻ thể là nhà đến đoán, quẻ dụng là nhà kia. Quẻ thể vượng thì nhà đó mạnh. Quẻ dụng vượng thì nhà kia giàu có. Dụng sinh thể thì được của nhờ hôn nhân hoặc nhà kia môn đăng hộ đối. thể sinh dụng thì nhà kia nghèo hoặc mình phải chi của nhiều hơn. Nếu thể, dụng ngang nhau thì cuộc hôn nhân đó được.

Quẻ càn : đoan chính và là con trưởng.

- khâm : là người đa tình, đa đen, đố kỵ ghen tuông.
- cấn : là người sắc vàng, khéo léo.
- chấn : là người đẹp.

Quẻ tốn : là người tóc thưa, xấu, tham lam.

- ly : là người thấp, sắc đỏ, tính không bình thường.
- khôn : dung nhan xấu, bụng to, sắc vàng.
- đoài : là người cao, da trắng, ăn nói vui tươi.

6. Đoán về sinh đẻ

Lấy quẻ thể làm mẹ, quẻ dụng làm việc sinh nở. Thể dụng đều nên thừa vượng, hoặc thừa suy, hoặc tương sinh, không nên tương khắc. Thể khắc dụng thì không lợi cho con, dụng khắc thể thì không lợi cho mẹ. Thể khắc dụng mà quẻ dụng suy thì con dễ chết. Dụng khắc thể mà thể yếu thì mẹ khó toàn. Dụng sinh thể thì dễ dàng cho mẹ. Thể sinh dụng thì dễ cho việc sinh nở. Thể dụng ngang nhau thì việc sinh nhanh và thuận lợi. Muốn đoán sinh trai hay gái thì xem quẻ chủ, quẻ dương hào dương nhiều thì sinh con trai; quẻ âm hào âm nhiều thì sinh con gái. Quẻ có hào âm và dương bằng nhau thì xem trong số người ngồi quanh đó, người đến bói là số chẵn hay số lẻ để đoán. Muốn đoán ngày sinh thì xem số của quẻ dụng để đoán.

7. Đoán về ăn uống

Phàm đoán về ăn uống lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm thức ăn. Dụng sinh thể thì thức ăn phong phú. Thể sinh dụng thì ăn uống có trắc trở. Dụng khắc thể thì không có chuyện ăn uống. Thể và dụng ngang nhau thì thức ăn đầy đủ, phong phú. Trong quẻ có khâm là có rượu, có đoài là có thức ăn. Không có khâm không có đoài thì cả hai thức đều không. Khâm, đoài sinh thân : rượu thịt no say. Muốn biết ăn thức gì thì lấy việc ăn uống mà suy ra. Muốn biết trong bàn ăn có những ai thì căn cứ quẻ hổ mà đoán.

Ăn uống, có những người nào, có những loại gì thì trong bát quái đều đã nói rõ.

8. Đoán cầu mưa

Khi đoán cầu mưa lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là việc định mưa cầu. Thể khắc dụng thì mưa có thể thành, nhưng chậm. Dụng khắc thể thì mưa không thành, hoặc thành nhưng có hại. Dụng sinh thể thì cầu mà không được. Thể sinh dụng thì mưa nhiều mà thành công ít. Thể dụng ngang nhau thì đạt được như ý.

9. Đoán cầu danh

Khi đoán cầu danh quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là danh. Thể khắc dụng : danh có thể thành, nhưng chậm. Dụng khắc thể : danh không thành. Thể sinh dụng : danh không thành, hoặc nếu thành thì bị tổn thất. Dụng sinh thể : danh dễ thành, hoặc có lợi nhờ danh. Thể, dụng ngang nhau : công danh như ý. Muốn biết ngày đạt được thì xem kỹ khí quẻ của sinh thể. Muốn biết nhậm chức ở đâu thì xem phương của quẻ "biến" mà đoán. Nếu quẻ không có khắc thể thì danh dễ thành, xem thời gian của quẻ thể để đoán ngày thành đạt. Nếu đoán về quẻ nhậm chức thì tối kỵ nhất là gặp phải quẻ khắc thể. Người có quẻ khắc thể thì do làm quan mà bị tai họa, nhẹ thì bị khiển

trách, nặng thì bị mất chức. Muốn biết ngày giờ của tai họa đó thì phải xem khí thế của khắc quẻ và kết hợp bát quái mà đoán.

10. Đoán cầu tài

Khi đoán cầu tài lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm tài. Thể khắc dụng là được của; dụng khắc thể là không được của. Thể sinh dụng thì có nỗi lo về hao tổn. Dụng sinh thể thì có tin mừng được lợi. Thể dụng ngang nhau thì tài lợi đều nhanh như ý. Muốn biết ngày được của phải xem khí quẻ sinh thể để đoán. Muốn biết ngày mất của phải xem khí quẻ khắc thể để đoán.

Nếu trong quẻ có quẻ thể khắc quẻ dụng và quẻ sinh quẻ thể thì được của. Khí của quẻ này tức là ngày được của. Nếu trong quẻ có quẻ khắc thể và quẻ thể sinh quẻ dụng tức là mất của, khí của quẻ này là ngày mất của.

11. Đoán giao dịch

Đoán giao dịch lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng ứng vào việc giao dịch. Thể khắc dụng thì giao dịch được nhưng chậm. Dụng khắc thể thì việc không thành. Thể sinh dụng thì việc khó thành, nếu giao dịch được cũng bị hao tổn mất mát. Dụng sinh thể tức là thành, tức là có của. Thể dụng ngang hòa nhau là việc giao dịch thuận lợi.

12. Đoán về xuất hành

Đoán xuất hành lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng ứng về việc sắp đi. Thể khắc dụng : có thể đi và kết quả như ý. Dụng khắc thể : đi ra gặp tai họa; thể sinh dụng : đi ra bị hao tổn mất mát. Dụng sinh thể : được của bất ngờ khi đi ra. Thể dụng ngang nhau : xuất hành nhanh, thuận lợi.

Phạm đoán xuất hành, quẻ thể nên thừa vượng, các quẻ nên sinh thể. Quẻ thể là càn là chấn thì chủ động; là khôn, cần là bị động; tốn là đi thuyền; ly là đi đường bộ; khảm là để phòng có sự thất thoát; quẻ đoài : có sự chia rẽ.

13. Đoán người đi xa

Đoán người đi xa lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng chỉ người đi xa. Thể khắc dụng : người đi xa trở về muộn; dụng khắc thể : người đi xa không trở về ; thể sinh dụng : người đi xa chưa quay về; Dụng sinh thể : người đi xa sẽ về ngay; Thể dụng hòa nhau : ngày về chưa rõ. Lại lấy sự doanh vượng của người đi xa là quẻ dụng để đoán, nếu gặp sinh là người đi xa đang thuận lợi; gặp suy bị khắc là người đi xa bị tai nạn. Chấn nhiều thì không yên ổn, Cần nhiều là có trở ngại; Khảm nhiều có nguy hiểm; Đoài là có va chạm chia rẽ.

14. Đoán về mong gặp ai đó

Đoán về mong gặp ai thì lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là người mình định gặp. Thể khắc dụng là có thể gặp; Dụng khắc thể : là không thể gặp; Thể sinh dụng : khó gặp, gặp được cũng vô ích. Dụng sinh thể : có thể gặp, gặp là được. Thể dụng ngang nhau : gặp nhau vui vẻ.

15. Đoán về mất đồ vật

Đoán về mất của cải lấy thể làm chủ, dụng làm vật bị mất. Thể khắc dụng : có thể tìm nhưng thấy muộn; Dụng khắc thể : không thể tìm được; Thể sinh dụng : khó tìm lại được. Dụng sinh thể : vật mất dễ tìm. Thể dụng ngang nhau : vật không mất.

Lại lấy quẻ "biến" làm vật bị mất. Nếu quẻ biến là : càn : tìm thấy ở phía tây bắc, hoặc ở nhà vệ sinh công cộng, hoặc ở các lầu gác, hoặc ở bên cạnh các thứ kim loại, đá; hoặc ở trong những vật hình tròn; hoặc ở những chỗ đất cao. Quẻ biến là khôn : tìm thấy ở phương tây nam, hoặc nơi đồng ruộng; hoặc chỗ nhà kho; hoặc chỗ đồng rơm, đồng rác; hoặc trong hang, trong hốc đất; hoặc trong kho đồ đạc. Quẻ biến là chấn : tìm thấy ở phương đông, hoặc nơi rừng núi, nơi lau lách, hoặc bên cạnh quả chuông, cái trống; hoặc nơi chợ búa ồn ào; hoặc trên đường cái lớn. Quẻ biến là tốn : sẽ tìm thấy ở phương đông nam, hoặc nơi rừng núi, nơi chùa chiền, vườn rau, hoặc giữa các thuyền bè, hoặc trong các thứ đồ bằng gỗ. Nếu quẻ biến là khảm : tìm thấy ở phương bắc, phần nhiều bên mép nước, hoặc nơi khe giếng, nương rãnh, hoặc bên cạnh nơi có rượu, dấm; hoặc chỗ muối, cá. Quẻ biến là ly : tìm thấy ở phương Nam, hoặc : trong bếp, trong lò, cạnh lò, bên cửa sổ, nhà bỏ hoang, bên cạnh bàn giấy, hoặc chỗ có khói lửa. Quẻ biến là cấn : tìm thấy ở phương đông bắc, hoặc : trong rừng núi, hoặc bên đường, hoặc cạnh tảng đá, hoặc chôn dưới đất. Quẻ biến là quẻ đoài : thì tìm thấy ở phương Tây, hoặc : ở trên bờ ao, hoặc ở nơi tường xiêu vách nát, hoặc ở giếng cũ hay ao đầm.

16. Đoán về bệnh tật

Đoán về bệnh tật lấy quẻ thể làm bệnh nhân, quẻ dụng là chứng bệnh. Quẻ thể nên vượng không nên suy. Quẻ thể nên phùng sinh, không nên thấy khắc. Quẻ dụng nên sinh thể, không nên khắc thể. Quẻ thể khắc dụng : bệnh dễ khỏi. Thể sinh dụng : bệnh khó khỏi; Thể khắc dụng : không có thuốc cũng khỏi; Dụng khắc thể : dù có thuốc cũng không khỏi. Nếu thể gặp khắc mà thừa vượng : thì không đáng lo. Thể gặp khắc mà càng suy : khó sống nổi. Muốn biết trong lúc nguy kịch có được cứu giúp hay không thì xem quẻ có sinh thể không ? Thể sinh dụng : là bệnh kéo dài, khó khỏi; Dụng sinh thể : bệnh sẽ khỏi. Thể dụng ngang nhau : bệnh sẽ qua khỏi. Nếu ở thời kỳ

bệnh đang bình thường thì xem quẻ có sinh thể không để đoán; nếu bệnh ở thời kỳ nguy kịch thì xem bệnh có khắc thể không để đoán. Muốn xem bệnh đó nên uống thuốc gì thì phải xem quẻ có sinh thể không. Ví dụ gặp quẻ ly sinh thể thì nên uống thuốc nhiệt, gặp quẻ khảm sinh thể thì nên uống thuốc hàn; gặp quẻ cấn thì uống thuốc ôn bổ; gặp quẻ càn, đoài nên uống thuốc mát.

17. Đoán về kiện tụng

Lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng là đối phương.

Quẻ thể nên vượng, quẻ dụng nên suy. Thể nên được dụng sinh, không nên thể sinh dụng, dụng nên sinh thể, không nên khắc thể. Thể khắc dụng : mình thắng đối phương; dụng khắc thể : đối phương thắng mình. Thể sinh dụng : mình bị đuối lý hoặc bị quan tòa không đồng tình. Dụng sinh thể : mình thắng lý hoặc được kiện. Thể dụng ngang nhau : thì có lợi nhất, không cần có sự hỗ trợ mà vẫn được giải hòa.

18. Đoán về mồ mả

Lấy quẻ thể làm chủ, quẻ dụng làm mồ mả. Thể khắc dụng : là mộ tốt; dụng khắc thể : mộ không tốt. Thể sinh dụng : là xấu. Dụng sinh thể : thì chủ tang sẽ hưng vượng dần, được hưởng âm phúc. Thể dụng ngang nhau : là được nơi đất tốt, nên an táng ở đó, sẽ gặp lành.

Trong cuộc sống hàng ngày, việc cần đoán rất nhiều, ở đây không thể kể hết. Muốn hiểu rõ mục này mời xem thêm "Mai hoa dịch số".

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 6

NẠP GIÁP

I. PHƯƠNG PHÁP GIEO QUÊ

Ở phần trên đã nói dùng phương pháp bát quái để dự đoán thông tin có rất nhiều cách, trong đó phương pháp đoán theo sáu hào là một trường phái lớn của nước ta. Phương pháp gieo quẻ theo sáu hào, chủ yếu nhất là dùng phương pháp lắc quẻ. Dùng 3 đồng tiền bỏ vào lòng bàn tay, úp hai tay lại, lắc tất cả 6 lần thì thành quẻ.

Khi gieo quẻ, đầu tiên lấy 3 đồng tiền (tốt nhất là đồng Cán Long) đặt vào lòng bàn tay, úp hai tay lại để im trong một phút làm cho từ trường của đồng tiền và từ trường của con người liên thông với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ việc gì có liên quan cũng làm ta xúc cảm. Xúc cảm thì sẽ phát ra thông tin, nên chỉ cần ở trong lòng chăm chú nghĩ về việc mình định đoán, đó gọi là tập trung ý niệm, sẽ phát tin tức ra ngoài. Chỉ khi ý niệm của người xin đoán tập trung thì đồng tiền mới thông qua phản hồi thông tin để phản ánh một cách chính xác trung thực qua mặt sấp, mặt ngửa của nó. Lắc tất cả 6 lần và ghi lại hào của từng lần lắc là ta được quẻ.

Phương pháp dùng đồng tiền như sau : mặt có chữ là mặt ngửa, mặt không chữ là mặt sấp. Trong 3 đồng tiền nếu chỉ có 1 đồng sấp thì ta ghi 1 chấm (.) tức là 1 dương; nếu có 2 đồng sấp : ghi hai chấm (..) đó là âm; nếu có 3 đồng sấp : ghi 1 vòng tròn "O" là dương; (3 mặt đều ngửa ta ghi dấu "x" gọi là âm.

Hào có vòng tròn là hào dương động; hào có dấu "x" gọi là hào âm động. Trong quẻ hào có "O" và hào có "x" gọi là hào động. Động thì biến, dương động biến thành âm; âm động biến thành dương. Trong một quẻ sáu hào toàn động thì toàn biến; sáu hào đều không động thì không biến. Một chấm là "thiếu dương, 2 chấm là "thiếu âm", vòng tròn là "lão dương" chủ về việc quá khứ; dấu "x" là "lão âm" chủ về việc tương lai. Vòng tròn là hào động, "x" là hào biến. Dưới đây gieo 1 quẻ làm ví dụ :

Quẻ ngoại	{	X hào thượng 1 dấu x	là vạch đứt là âm --	} Doài vi trạch
		. hào năm 1 chấm	là đơn là dương -	
		○ hào bốn 1 vòng	là 1 chấm là dương -	
Quẻ nội	{	.. hào ba 2 chấm	là vạch đứt là âm --	} Chấn vi lôi
		.. hào hai 2 chấm	là vạch đứt là âm --	
		○ hào đầu 1 vòng	là 1 chấm là dương -	

Lúc xếp hào thì xếp từ dưới lên trên. Lúc xếp tên quẻ thì lại xếp từ trên xuống dưới. Quẻ này có quẻ nội là chấn, quẻ ngoại là doài, là kim trên, mộc dưới, là quẻ "trạch lôi tỳ".

Dưới đây giới thiệu hình tượng quẻ của 8 quẻ đơn :

CÀN ☰ 1 chấm là vạch liền, cả 3 hào là vạch liền

ĐOÀI ☱ hào đầu, hào hai là vạch liền, hào ba là vạch đứt

LY ☲ hào đầu, hào ba là vạch liền; hào hai là vạch đứt

CHẤN ☳ hào đầu là vạch liền; hào hai, hào ba là vạch đứt

TỐN ☴ hào đầu là vạch đứt; hào hai, hào ba là vạch liền

KHẮM ☶ hào đầu và hào ba là vạch đứt; hào hai là vạch liền

CẤN ☷ hào đầu và hào hai đều là vạch đứt; hào ba là vạch liền

KHÔN ☵ cả ba hào đều là vạch đứt

Hai quẻ đơn trên dưới chồng lên nhau thì được một quẻ mới là quẻ kép. Có 64 quẻ này lại chia thành 8 nhóm gọi là "8 cung", mỗi cung có 8 quẻ, mỗi quẻ đều có tên riêng.

Người xưa trong thực tiễn dự đoán đã phát hiện bát quái và ngũ hành có quan hệ mật thiết với nhau. Căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn đã tổng kết ra các thuộc tính của các quẻ trong 8 cung, đồng thời phát hiện ra 6 hào của mỗi quẻ lại có thuộc tính với ngũ hành của nó và hàm chứa một thông tin nào đó, gọi là "tượng hào". Để cung cấp cho độc giả học tập, nghiên cứu dưới đây xin giới thiệu tượng hào của 64 quẻ.

II. TƯỢNG HÀO CỦA 64 QUÊ

1. CUNG CÀN BÁT QUÁI THUỘC KIM

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Phụ mẫu thìn thổ. ứng
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tý thủy.

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa. ứng
Huynh đệ thân kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. thế

THIÊN SƠN ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ
Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngọc hỏa.
Huynh đệ thân kim.
quan quý ngọc hỏa.. thế
Phụ mẫu thìn thổ..

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ. ứng
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Thê tài mao mộc.. thế
Quan quý tý hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc.
Quan quý tý hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tị hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tý thủy.. thế
Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài mao mộc..
Quan quý tị hỏa.. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..

HỎA ĐỊA TẤN

Quan quý tý hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tý hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan quý tý hỏa. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Phụ mẫu thìn thổ. thế
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tý thủy.

2. CUNG ĐOÀI BÁT QUÁI THUỘC KIM

ĐOÀI VI TRẠCH

Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. ứng
Thê tài mao mộc.
Quan quý tị hỏa.

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim
Tử tôn hợi thủy. ứng
Quan quý ngọc hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dẫn mệc.. thế

TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hợi thủy.
Thê tài mao mộc..
Quan quý tý hỏa.. thế
Phụ mẫu thìn thổ..

TRẠCH SƠN HÀM

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng
 Huynh đệ Dậu kim.
 Tử tôn Hợi thủy.
 Huynh đệ Thân kim. thế
 Quan quý Ngọ hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ..

THỦY SƠN KIẾN

Tử tôn Tý thủy..
 Phụ mẫu Tuất thổ.
 Huynh đệ Thân kim.. thế
 Huynh đệ Thân kim.
 Quan quý Ngọ hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

ĐỊA SƠN KHIÊM

Huynh đệ Dậu kim..
 Tử tôn Hợi thủy.. thế
 Huynh đệ Thân kim..
 Huynh đệ Thân kim.
 Quan quý Ngọ hỏa.. ứng
 Phụ mẫu Thìn thổ..

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Phụ mẫu Tuất thổ..
 Huynh đệ Thân kim..
 Quan quý Ngọ hỏa. thế
 Huynh đệ Thân kim.
 Quan quý Ngọ hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

LÔI TRẠCH QUY MUỘI

Phụ mẫu Tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ Thân kim..
 Quan quý Ngọ hỏa.
 Phụ mẫu Sửu thổ.. thế
 Thế tài Mão mộc.
 Quan quý Tý hỏa.

3. CUNG LY BÁT QUÁI THUỘC HỎA**LY VI HỎA**

Huynh đệ Tý hỏa. thế
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thế tài Dậu kim.
 Quan quý Hợi thủy. ứng
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

HỎA SƠN LỮ

Huynh đệ Tý hỏa.
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thế tài Dậu kim. ứng
 Thế tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.. thế

HỎA PHONG ĐỈNH

Huynh đệ Tý hỏa.
 Tử tôn Mùi thổ.. ứng
 Thế tài Dậu kim.
 Thế tài Dậu kim.
 Quan quý Hợi thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..

HỎA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ Tý hỏa. ứng
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thế tài Dậu kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa.. thế
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc..

SƠN THỦY MÔNG

Phụ mẫu Dần mộc.
 Quan quý Tý thủy..
 Tử tôn Tuất thổ.. thế
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc.. ứng

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu Mão mộc.
 Huynh đệ Tý hỏa. thế
 Tử tôn Mùi thổ..
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu Dần mộc..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn Tuất thổ.
 Thế tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa. thế
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc.. ứng

THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn Tuất thổ. ứng
 Thế tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa.
 Quan quý Hợi thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

4. CUNG CHẤN BÁT QUÁI THUỘC MỘC

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ.. thế
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài thìn thổ.. ứng
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy.

LÔI ĐỊA DỰ

Thê tài tuất thổ..
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa. ứng
Huynh đệ mao mộc..
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ.. thế

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thô..
Quan quý thân kim.. ứng
Tử tôn ngộ hỏa.
Tử tôn ngộ hỏa..
Thê tài thìn thổ. thế
Huynh đệ dẫn mộc..

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý Dậu kim. thế
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ..

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quý Dậu kim..
Phụ mẫu Hợi thủy..
Thê tài Sửu thổ.. thế
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ.. ứng

THỦY PHONG TỈNH

Phụ mẫu Tý thủy..
Thê tài tuất thổ. thế
Quan quý thân kim..
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy. ứng
Thê tài Sửu thổ..

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ..
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy. thế
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ.. ứng

TRẠCH LÔI TỪ Y

Thê tài mùi thổ.. ứng
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu Tý thủy.

5. CUNG TỔN BÁT QUÁI THUỘC MỘC

TỔN VI PHONG

Huynh đệ mao mộc. thế
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý Dậu kim. ứng
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ..

PHONG THIÊN

TIỂU SỨC

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. ứng
Thê tài thìn thổ.
Huynh đệ dẫn mộc.
Phụ mẫu Tý thủy. thế

PHONG HỎA

GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa. ứng
Thê tài mùi thổ..
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ.. thế
Huynh đệ mao mộc.

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
 Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim.
 Tư tôn ngộ hỏa. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

HÓA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý Dậu kim.
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc.. ứng
 Phụ mẫu tý thủy.

SƠN LÔI DI

Huynh đệ dẫn mộc.
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ.. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ..
 Quan quý Dậu kim. thế
 Phụ mẫu Hợi thủy.
 Thê tài Sửu thổ..

6. CUNG KHÂM BÁT QUÁI THUỘC THỦY**KHÂM VI THỦY**

Huynh đệ tý thủy.. thế
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Thê tài ngộ hỏa.. ứng
 Quan quý thìn thổ.
 Tử tôn dẫn mộc..

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy..
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim.. ứng
 Quan quý Sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.
 Thê tài ty hỏa. thế

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy..
 Quan quý tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim..
 Quan quý thìn thổ..
 Tử tôn dẫn mộc.. thế
 Huynh đệ tý thủy.

THỦY HỎA KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy.. ứng
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Huynh đệ Hợi thủy. thế
 Quan quý Sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.

TRẠCH HỎA CÁCH

Quan quý mùi thổ..
 Phụ mẫu Dậu kim.
 Huynh đệ Hợi thủy. thế
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý Sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc. ứng

LÔI HỎA PHONG

Quan quý tuất thổ..
 Phụ mẫu thân kim.. thế
 Thê tài ngộ hỏa.
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý Sửu thổ.. ứng
 Tử tôn mao mộc.

ĐỊA HỎA MINH DI

Phụ mẫu Dậu kim..
 Huynh đệ Hợi thủy..
 Quan quý Sửu thổ.. thế
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý Sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc. ứng

ĐỊA THỦY SỬ

Phụ mẫu Dậu kim.. ứng
 Huynh đệ Hợi thủy..
 Quan quý Sửu thổ..
 Thê tài ngộ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ..
 Tử tôn dẫn mộc..

7. CUNG CẤN BÁT QUÁI THUỘC THỔ

CẤN VI SƠN

Quan quý dẫn mộc. thế
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim. ứng
Phụ mẫu ngộ hỏa..
Huynh đệ thìn thổ..

SƠN HỎA BÔN

Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ.. ứng
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc. thế

SƠN THIÊN ĐẠI SỨC

Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dẫn mộc. thế
Thê tài tý thủy.

SƠN TRẠCH TỐN

Quan quý dẫn mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ sừ thổ.. thế
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn dậu kim. thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa. ứng

THIÊN TRẠCH LÝ

Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu ty hỏa.

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa. ứng

PHONG SƠN TIỆM

Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa..
Huynh đệ thìn thổ..

8. CUNG KHÔN BÁT QUÁI THUỘC THỔ

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim.. thế
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.. ứng
Phụ mẫu ty hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

ĐỊA LÔI PHỤC

Tử tôn ~~dậu~~ kim..
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sừ thổ.. ứng
Huynh đệ thìn thổ..
Quan quý dẫn mộc..
Thê tài tý thủy. thế

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy.. ứng
Huynh đệ sừ thổ..
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc. thế
Phụ mẫu ty hỏa.

ĐỊA THIÊN THÁI

Tử tôn dậu kim.. ứng
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sừ thổ..
Huynh đệ thìn thổ. thế
Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy.

LÔI THIÊN ĐẠI TRẮNG

Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn dậu kim..
Phụ mẫu ngộ hỏa. thế
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy. ứng

TRẠCH THIÊN QUÁI

Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn dậu kim. thế
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dẫn mộc. ứng
Thê tài tý thủy.

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim.. thê
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy. ứng

THỦY ĐỊA TỶ

Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc.. thê
Phụ mẫu tỵ hỏa..
Huynh đệ mùi thổ.

III. ĐẠI CỤC HỖN THIÊN GIÁP TỶ

Tiết này chủ yếu nói về quy tắc sắp xếp thiên can địa chi của 8 quẻ : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Năm vững được quy tắc sắp xếp này thì có thể nhanh chóng và chính xác để sắp xếp thứ tự thiên can địa chi của mỗi hào trong các quẻ của 64 quẻ.

1. Phương pháp nạp chi của bát quái

- | | |
|--------------------|--------------------------------|
| Quẻ nội của Càn | : Tý thủy, dần mộc, thìn thổ; |
| Quẻ nội của Khảm | : Dần mộc, thìn thổ, ngọ hỏa; |
| Quẻ nội của Cấn | : Thìn thổ, ngọ hỏa, thân kim; |
| Quẻ nội của Chấn | : Tý thủy, dần mộc, thìn thổ; |
| Quẻ nội của Tốn | : Sửu thổ, hợi thủy, dậu kim; |
| Quẻ nội của Ly | : Mão mộc, sửu thổ, hợi thủy; |
| Quẻ nội của Khôn | : Mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc; |
| Quẻ nội của Đoài | : Tỵ hỏa, mao mộc, sửu thổ; |
| Quẻ ngoại của Càn | : Ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ; |
| Quẻ ngoại của Khảm | : Thân kim, tuất thổ, tý thủy; |
| Quẻ ngoại của Cấn | : Tuất thổ, tý thủy, dần mộc. |
| Quẻ ngoại của Chấn | : Ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ. |
| Quẻ ngoại của Tốn | : Mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc. |
| Quẻ ngoại của Ly | : Dậu kim, mùi thổ, tỵ hỏa. |
| Quẻ ngoại của Khôn | : Sửu thổ, hợi thủy, dậu kim. |
| Quẻ ngoại của Đoài | : Hợi thủy, dậu kim, mùi thổ. |

Trong 8 quẻ trên đây cách sắp xếp địa chi trong 6 hào của 2 quẻ Càn, Chấn giống nhau. cách sắp xếp địa chi trong 6 hào của nó là : sắp cách ngôi từ dưới lên trên. Ví dụ : hào đầu của quẻ càn là tý thủy, hào hai là dần mộc, hào ba là thìn thổ, hào 4 là ngọ hỏa, hào 5 là thân kim, hào 6 là tuất thổ. Những quẻ khác cũng tương tự. Quẻ Càn, Khảm, Cấn, Chấn là các quẻ dương,

địa chi của các quẻ dương thì sắp xếp theo chiều thuận. Các quẻ Tốn, Ly, Khôn, Đoài là quẻ âm, địa chi của các quẻ âm sắp xếp theo chiều ngược, tức là từ hào đầu sắp xếp ngược trở lên. Biết được cách sắp xếp ngũ hành của các hào thì có thể nắm được chính xác quy tắc âm dương ngũ hành, sinh khắc chế hóa, tức là khâu quan trọng nhất để đoán quẻ đúng.

Trong phương pháp nạp chi vì sao quẻ Càn lại nạp : tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất ? Vì sao quẻ Khôn lại nạp : mùi, tỵ, mao, sửu, hợi, dậu ? Người xưa khi bàn về hào đã lấy 12 hào của hai quẻ "Càn, Khôn" ứng với 12 tháng trong 1 năm. Điều này trong các sách đã nói rất rõ : cái gọi là "hào thời" là chỉ 12 hào trong hai quẻ Càn và Khôn tương đương với 12 thời, lại đem 12 thời này chia làm 12 tháng. Tức hào chín đầu của Càn làm "tý" là tháng 11, hào chín hai làm "dần" là tháng giêng; hào chín ba làm "thìn" là tháng 3; hào chín bốn làm "ngọ" là tháng 5; hào chín năm làm "thân" là tháng 7; hào chín trên làm "tuất" là tháng 9. Hào sáu đầu của quẻ Khôn làm "mùi" là tháng 6; hào sáu hai làm "dậu" là tháng 8; hào sáu ba làm "hợi" là tháng 10; hào sáu bốn làm "sửu" là tháng 12; hào sáu năm làm "mao" là tháng 2; hào sáu trên làm "tỵ" là tháng 4. Căn cứ nguyên tắc thời của 12 hào cho nên hào đầu của Càn lấy là Tý, rồi cách ngôi mà định hào tiếp theo; Hào đầu của quẻ Khôn bắt đầu từ Mùi, rồi cách ngôi mà định tiếp hào sau. Nhưng cách sắp xếp các hào tiếp theo hào đầu không phù hợp với các sách trước kia đó là vì quẻ Khôn là quẻ âm, cách sắp xếp hào đầu của nó là đi ngược lên.

Đối với 6 quẻ khác : chấn, khảm, tốn, cấn, ly, đoài, thứ tự địa chi các hào của nó cũng được sắp xếp tuần tự theo một quy luật nhất định. Vì : chấn, khảm, cấn là quẻ dương nên sắp xếp theo chiều thuận. Do đó hào chín đầu của quẻ Chấn bắt đầu từ Tý, hào sáu đầu của quẻ Khảm bắt đầu từ Dần; hào sáu đầu của quẻ Cấn bắt đầu từ Thìn. Theo cách sắp xếp hào đầu của 3 quẻ ấy chính là tý, dần, thìn là của ba hào trong quẻ Càn. Cho nên quẻ Chấn là trưởng nam, lấy hào đầu của Càn làm hào đầu của nó; quẻ Khảm là trung nam lấy hào hai của càn làm hào đầu; Cấn là thiếu nam lấy hào ba của Càn làm hào đầu.

Thứ tự sắp xếp hào đầu của 3 quẻ âm Tốn, Ly, Đoài khá phức tạp. Nó không những đi ngược của các hào thứ mà thứ tự của ngôi hào và quẻ cũng hoàn toàn ngược lại. Hào đầu của các quẻ ấy thứ tự là : Đoài, ly, tốn. Đoài là thiếu nữ, theo quy tắc đếm ngược của quẻ âm thì lấy hào đầu của quẻ Khôn làm hào trên của quẻ Đoài, nên hào sáu trên của quẻ Đoài bắt đầu ở mùi - thổ; Ly là trung nữ lấy hào hai của khôn làm hào sáu trên của Ly là tỵ - hỏa; Tốn là trưởng nữ lấy hào ba của Khôn làm hào sáu trên nên hào trên của Tốn là mao - mộc. Thứ tự của các hào là từ trên xuống dưới sắp xếp cách ngôi.

2. Phương pháp nạp can của bát quái

Trong 6 hào của bát quái không những có cách sắp xếp của địa chi mà còn có sự sắp xếp của thiên can, nên gọi là phương pháp nạp can. Nạp can tức là đem 10 thiên can lần lượt nạp vào bát quái. Trong "Chu dịch khái luận" có nói : Càn nạp Giáp, Nhâm; Khôn nạp Ất, Quý; Cấn nạp Bính; Đoài nạp Đinh; Khảm nạp Mậu, Ly nạp Kỷ; Chấn nạp Canh; Tốn nạp Tân". Càn nạp Giáp, Nhâm nghĩa là : địa chi của 3 hào trong quẻ nội của quẻ Càn phối với giáp của thiên can; địa chi của 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ Càn phối với Nhâm của thiên can. Khôn nạp Ất, Quý : tức là địa chi của 3 hào trong quẻ nội của quẻ Khôn phối với Ất của thiên can; địa chi của 3 hào trong quẻ ngoại của quẻ Khôn phối với quý của thiên can. Sáu quẻ khác, sáu hào trong mỗi quẻ chỉ phối với 1 thiên can. Dưới đây giới thiệu bảng về cách phối thiên can địa chi của 8 quẻ.

QUẺ CÀN	QUẺ KHÔN	QUẺ KHẨM	QUẺ CẤN
Nhâm tuất thổ	Quý dậu kim	Mậu tý thủy	Bính dần mộc
Nhâm thân kim	Quý Hợi thủy	Mậu tuất thổ	Bính tý thủy
Nhâm ngọ hỏa	Quý Sửu thổ	Mậu thân kim	Bính tuất thổ
Giáp Thìn thổ	Ất Mão mộc	Mậu ngọ hỏa	Bính thân kim
Giáp dần mộc	Ất Tỵ hỏa	Mậu Thìn thổ	Bính ngọ hỏa
Giáp tý thủy	Ất Mùi thổ	Mậu dần mộc	Bính Thìn thổ
QUẺ ĐOÀI	QUẺ LY	QUẺ CHẤN	QUẺ TỐN
Đinh Mùi thổ	Kỷ Tỵ hỏa	Canh Tuất thổ	Tân Mão mộc
Đinh dậu kim	Kỷ Mùi thổ	Canh thân kim	Tân Tỵ hỏa
Đinh Hợi thủy	Kỷ dậu kim	Canh ngọ hỏa	Tân Mùi thổ
Đinh Sửu thổ	Kỷ Hợi thủy	Canh Thìn thổ	Tân dậu kim
Đinh Mão mộc	Kỷ Sửu thổ	Canh dần mộc	Tân Hợi thủy
Đinh tý hỏa	Kỷ Mão mộc	Canh tý thủy	Tân Sửu thổ

Cách sắp xếp thiên can địa chi trong 6 hào của bát quái, đặc biệt là sự sắp xếp của địa chi chỉ cần nhớ : địa chi của hào đầu mỗi quẻ, sau đó sắp xếp cách ngôi, quẻ dương thì theo chiều thuận, âm theo chiều ngược là được. Ví dụ : hào đầu của quẻ Càn là tý thủy, hào đầu của quẻ Khôn là mùi thổ; hào đầu của quẻ Khảm là dần mộc; hào đầu của quẻ Cấn là Thìn thổ; hào đầu của quẻ Chấn là tý thủy; hào đầu của quẻ Tốn là Sửu thổ; hào đầu của quẻ Ly là Mão mộc; hào đầu của quẻ Đoài là Tỵ hỏa. Xin xem hình vẽ dưới đây.

Cách phối thiên can địa chi cho 6 hào của 8 quẻ thuận là như thế, vậy 56 quẻ còn lại cách phối là thế nào ? Thực tế thì cũng rất đơn giản. Chỉ cần nhớ phương pháp sắp xếp thiên can địa chi của 6 hào trong 8 quẻ thuận là được, cho dù quẻ nội, quẻ ngoại trong 8 quẻ thuận hay của bất kỳ 1 quẻ nào

khác, thiên can địa chi trong 6 hào của các quẻ ấy vẫn theo sự sắp xếp thiên can địa chi của quẻ ban đầu. Tức là thiên can địa chi trong quẻ ban đầu không thay đổi.

Ví dụ quẻ nội của Càn và quẻ ngoại của Khảm chồng lên nhau hoặc là quẻ ngoại của Càn và quẻ nội của Khảm chồng lên nhau thì vẫn do ba hào quẻ nội của Càn tổ hợp với ba hào quẻ ngoại của Khảm, hoặc do ba hào quẻ ngoại của càn tổ hợp với ba hào quẻ nội của Khảm để hình thành quẻ mới.



IV. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HÀO THỂ, HÀO ỨNG

Trong 6 hào của một quẻ có hào thể và hào ứng. Hào thể là người xin đoán, hào ứng là đối phương hoặc việc cần đoán. Cách xác định hào thể, hào ứng của 1 quẻ có thể lấy cung Càn làm ví dụ :

Càn là trời, hào thể là hào 6; quẻ Thiên phong cấu hào thể là hào đầu; quẻ Thiên sơn độn hào thể là hào 2; quẻ Thiên địa phủ hào thể là hào 3; quẻ Phong địa quan hào thể là hào 4; quẻ Sơn địa bác hào thể là hào 5; quẻ Hỏa địa tấn hào thể lùi về hào 4; quẻ Hỏa thiên đại hữu hào thể trở về hào ba. Cách hào thể hai ngôi là hào ứng. Ví dụ quẻ càn : hào thể là hào 6 thì hào ứng ở hào 3. Những quẻ khác cách xác định hào ứng cũng tương tự như thế (Xem bảng liệt kê ở tiết 2 phía trên).

V. TRÌ THỂ CỦA CÁC HÀO

Hào thế là minh, nếu là người thì đó là thân thế, hưng vượng thì tốt, nếu là công việc thì hanh thông, nếu là cầu mưu thì vừa ý. Hào thế hưng vượng lại được nguyệt, nhật, hào động, dụng thần sinh hợp hoặc được một trong những cái đó sinh hợp thì như vải gấm còn thêu hoa. Hào thế nếu gặp tuần không, nguyệt phá, hưu tù, vô khí thì không tốt. Nếu lại gặp thêm hình, xung, khắc, hại thì đã xấu lại càng xấu thêm.

Hào thế, hào ứng tương sinh thì tốt, tương khắc thì xấu. Thế, ứng ngang hòa thì mưu việc là được. Hào thế động, hào thế tuần không là lòng mình không thật; hào ứng động, hào ứng tuần không là người khác không thành thật. Hào thế bị khắc thì không lợi cho mình. Hào ứng bị khắc thì bất lợi cho người khác hay công việc.

+ *Hào phụ mẫu trì thế*: (hào thế đóng ở hào phụ mẫu). Phụ mẫu là thần của gian khổ, chủ về bận rộn, bôn ba, hôn nhân khó khăn, con cái hiểm muộn. Nếu trong quẻ hào thế tài vượng, hào quan quý động sinh thì lợi về đường văn khoa thi cử. Thế tài động khắc thế thì không có vợ hiền và đoán thọ.

+ *Hào tử tôn trì thế*: tử tôn là thần phúc, nên chủ về không có nỗi lo, tai họa cũng chỉ thoáng qua. Nhưng tử tôn là thần của khắc chế quan quý cho nên tử tôn trì thế thì không lợi cho cầu danh, cầu quan.

+ *Hào quan quý trì thế*: quan quý là thần của hoạn nạn nên khi rơi vào hoàn cảnh, trường hợp đó thì sức khỏe hoặc công việc khó yên, không có bệnh thì cũng gặp tai nạn, thương mất tiền của. Nếu nhập mộ lại càng khó khăn hơn nữa, nếu gặp xung thì dù nguy hiểm cũng vượt qua. Nhưng cầu danh, cầu quan lại rất mong có quan quý trì thế.

+ *Hào thế tài trì thế*: Thế là nội trợ, tài là thần tài, tài là nguồn để dưỡng mệnh, nên không thế không có. Hào tài trì thế thì của cải phần vinh, nếu gặp hào tử tôn, minh, ám, động sinh thì người khỏe của nhiều. Lợi về cầu quan hay kiện tụng. Không lợi về đường văn thư, và khắc phụ mẫu. Thế, tài động biến huynh thì mọi việc đều xấu.

+ *Hào huynh đệ trì thế*: vì hào huynh đệ trong ngũ hành là khắc thế tài nên hào huynh đệ là thần kiếp tài, mất của và làm thương tổn vợ. Gặp huynh đệ trì thế không những không cầu được tài mà còn phải đề phòng khắc vợ, mất của. Nếu quan quý hưng vượng, hoặc huynh đệ hóa quan quý thì càng xấu thêm.

Chương 7

CÁCH ỨNG DỤNG LỤC THÂN

I. CÁCH SẮP XẾP LỤC THÂN

Một quẻ có 6 hào lại chia thành lục thân. Lục thân, phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, quan quý, tử tôn. Lục thân trong quẻ là cái mà quẻ ấy thuộc ngũ hành gì. Từ đó mà xác định thứ tự lục thân địa chi của hào. Cụ thể là : sinh ra tôi là phụ mẫu; tôi sinh ra là con cái; khắc tôi là quan quý, tôi khắc là thê tài; ngang hòa với tôi là huynh đệ. Lục thân của quẻ không những là đối tượng cần dự đoán mà còn là căn cứ để chọn dụng thần, xác định được rõ ràng dụng thần của quẻ thì mới đoán được chính xác.

Các cung Càn, Đoài thuộc Kim : hào kim là huynh đệ, hào thổ là phụ mẫu, hào mộc là thê tài, hào hỏa là quan quý, hào thủy là tử tôn.

Các cung chấn, tốn thuộc mộc : hào mộc là huynh đệ, hào thủy là phụ mẫu, hào thổ là thê tài, hào kim là quan quý, hào hỏa là tử tôn.

Các cung Khôn, Cấn thuộc Thổ : hào thổ là huynh đệ, hào hỏa là phụ mẫu, hào thủy là thê tài, hào mộc là quan quý, hào kim là tử tôn.

Cung ly thuộc hỏa : hào hỏa là huynh đệ, hào mộc là phụ mẫu, hào kim là thê tài, hào thủy là quan quý, hào thổ là tử tôn.

Cung Khảm thuộc thủy : hào thủy là huynh đệ, hào kim là phụ mẫu, hào hỏa là thê tài, hào thổ là quan quý, hào mộc là tử tôn.

II. CÁCH CHỌN DÙNG LỤC THÂN

Hào phụ mẫu : đoán về nhà cửa thì nó là rường cột; đoán về phụ mẫu nó là hào dụng; đoán về anh em nó là tương sinh; đoán thê tài là người ngoài; đoán về tử tôn là sát, kỵ; đoán về hôn nhân nó là lời đề nghị cầu hôn; đoán về bản thân là âm đức tổ tiên; đoán về sĩ quan là tuyên lệnh; đoán về cầu quan nó là giấy tờ trợ giúp; đoán về kiện tụng nó là đơn khởi tố; đoán về giao dịch nó là giao kèo khế ước; đoán về người đi xa nó là thư tín; đoán về buôn bán là phương hướng; đoán về cầu mưu là đầu mối; đoán về xuất trận là tướng, hoặc là cơ.

Hào thê tài : đoán về nhà ở là nhà bếp, bếp núc; đoán về bản thân là nội trợ; đoán về buôn bán là hàng hóa; đoán về hôn nhân là đồ tư trang;

đoán về sĩ quan là lộc tặng; đoán về cầu tài là tài hung; đoán về phụ mẫu là sát kỵ; đoán về vợ là hào dụng; đoán về kho tàng là kho lương thực; đoán về kiện tụng là phát sinh; đoán về trộm cướp là vật tàng trữ; đoán về đi thuyền là thuyền chở; đoán về xuất trận là trọng xa (xe lớn).

Hào huynh đệ : đoán về nhà cửa là cửa ngõ, hành lang; đoán về bản thân là tai nạn; đoán về đi xa là bạn đường; đoán về buôn bán là bất lợi; đoán về mưu sự là cạnh tranh; đoán về vợ là sát kỵ; đoán về huynh đệ là hào dụng; đoán về tử tôn là hào trợ giúp; đoán về cầu tài là thân kiếp; đoán về mất mát là sự trắc trở không tìm thấy; đoán về mở cửa hàng là người nắm quyền.

Hào tử tôn : đoán về nhà cửa là nhà phụ; đoán về bản thân là bình yên; đoán về cát nhấc, để bặt là đơn thư; đoán về buôn bán là đi chợ mua bán; đoán về hôn nhân là khắc chồng; đoán về vợ là nội trợ; đoán về người đi xa là người tùy tùng, phò tá; đoán về bệnh tật là bác sĩ; đoán về mưu vượng là kết quả; đoán về trộm cướp là bắt người; đoán về ra trận là người lính; đoán về kiện tụng là hòa giải; đoán về tử tôn là hào dụng; đoán về đi thuyền là ở sâu dưới nước.

Hào quan quý : đoán về nhà cửa là dinh thự; đoán về bản thân là trở ngại tri trệ; đoán về hôn nhân là mối lái; đoán về sĩ quan là quan chức; đoán về bệnh tật là bệnh khác thường; đoán về kiện tụng là giặc cướp; đoán về ra trận là địch thủ; đoán về quan doanh là hào dụng; đoán về huynh đệ là sát kỵ; đoán về đi thuyền là cột buồm hay mái chèo.

III. LỤC THÂN PHÁT ĐỘNG

Hào phụ mẫu vốn khắc hào tử tôn, nếu phát động thì càng thêm xấu. Đoán hôn nhân, đoán con cái đều không lợi, đoán về buôn bán thì lao tâm, đoán về đi xa là thư tín; đoán về quan cáo trạng là có lý; có lợi cho thi cử, đỗ đạt.

Hào tử tôn khắc việc cầu quan cầu danh, nếu phát động thì càng xấu. Hào này lợi về gặp thầy gặp thuốc, xuất hành buôn bán thì bình yên. Đoán về sinh đẻ thì dễ sinh dễ nuôi; đoán về kiện tụng thì dễ hòa giải. Không lợi về cầu danh, cầu quan, đối với nữ không lợi về đường chồng.

Hào quan quý khắc huynh đệ, bị phát động thì anh em khó tồn tại, không lợi cho cầu hôn, không lợi cho bệnh tật, cày cấy khó thu hoạch; đi ra ngoài thì gặp tai họa; làm quan dễ bị mất chức tù tội; buôn bán thì ít lời; mất của thì khó tìm; hay phát sinh những việc mờ ám.

Hào thế tài vừa khắc phụ mẫu, vừa khắc văn thư, ứng cử cầu danh, gặp phát động thì không đạt được. Kinh doanh cầu tài thì đại cát, lợi về hôn

nhân, lợi về sinh đẻ. Đoán về người đi xa ở ngôi thân động, chưa ra khỏi nhà đã mất cửa; đoán về bệnh tật là bệnh tý, vị.

Huynh đệ là họa của kiếp tài và khắc thê, là sự cứu giúp cầu hôn có lợi; kiêng kỵ nhất là hào huynh đệ phát động nếu đoán về bệnh thì bệnh khó khỏi; về ứng cử cất nhắc thì không có lợi.

IV. LỤC THÂN BIẾN HÓA

Phụ mẫu động hóa ra phụ mẫu, hoặc hóa tiến thân, thì có lợi về văn thư; hóa tử tôn thì không hại gì; hóa quan quý thì sự cất nhắc bị thay đổi; hóa tài thì có nỗi lo cho bậc cao tuổi bề trên.

Hào tử tôn động hóa thoái thân là bị xì hơi, nhân tài không cân xứng. Nếu hào tử tôn động hóa phụ mẫu thì diên sản tan nát; hóa tài thê thì vinh quang bội phần.

Hào quan quý hóa tiến thân : thì có lộc đến, cầu quan nhanh; hóa tài thê : nếu đoán về bệnh thì xấu; hóa phụ mẫu thì tiên đồ về văn thư tốt; hóa tử tôn thì có hại cho việc cầu quan; hóa huynh đệ thì gia đình không hòa thuận.

Hào thê tài hóa tiến thân : thì tiền của mỗi năm một tăng; hóa quan quý thì có nhiều điều lo lắng; hóa tử tôn thì có nhiều điều lo lắng; hóa tử tôn thì có nhiều điều vui; hóa phụ mẫu thì không lợi cho gia trưởng; hóa huynh đệ thì bị phá tài, mất cửa.

Hào huynh đệ động hóa thoái thân : thì không có gì phải kiêng kỵ; hóa phụ mẫu thì vợ bị coi rẻ; hóa thê tài thì của cải không mãn nguyện; hóa quan quý thì anh em có hại; hóa tử tôn thì mọi việc như ý.

V. SÁU HÀO ĐỘNG BIẾN

Sáu hào không động thì không biến; động tất sẽ có biến. Dương động biến thành âm và ngược lại. Hào động thì quẻ biến. Ví dụ quẻ Tốn động biến thành quẻ Khảm.

QUẺ CHỦ : TỐN

Huynh đệ mào mộc O thế

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Quan quý dậu kim O ứng

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài sửu thổ..

QUẺ BIẾN : KHẨM

Phụ mẫu tý thủy.. thế

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngọ hỏa.. ứng

Thê tài thìn thổ.

Huynh đệ dần mộc..

Hào chín ba của quẻ Tốn và hào chín trên là hai hào dương động biến thành quẻ Khảm. Khảm là quẻ biến của Tốn, là biến sinh trở lại, nên Khảm là từ Tốn động biến ra. Nên lục thân của quẻ Khảm vẫn sắp xếp theo lục thân của quẻ Tốn. Phải nhớ rằng lục thân của quẻ "biến" vẫn sắp xếp theo quẻ "chủ". Sáu hào trong quẻ, nếu 1 hào động thì việc đoán chỉ chuyên về một việc, nếu nhiều hào động hoặc 6 hào đều động thì việc đoán không còn chuyên về một việc mà còn là việc không thuận, hoặc việc chính bị đảo ngược trở lại. Lúc 6 hào đều động thì phải chú ý xem dụng thần : dụng thần hư, tù thì bị khắc hại là làm việc gì cũng khó thành.

Gặp quẻ 6 hào yên tĩnh thì phải xem dụng thần và phải xem nhật thìn. Nếu nhật thìn khắc dụng thần hoặc hình hại dụng thần thì hành động phải hết sức cẩn thận. Đồng thời cần phải chú ý đến hào ứng, hào thế. Nếu kỵ thần khắc thế, ứng thì không tốt; Thế, ứng gặp dụng thần và nguyên thần là tốt.

VÍ. THẬP CAN PHỐI LỤC THẦN

Lục thần là : Thanh long, Chu tước, Câu trần, Phi xà, Bạch hổ và Huyền vũ (có sách gọi là lục cầm). Thực chất là tên của các ngôi sao đóng. Ví dụ : phương đông đóng Thanh Long, phương tây đóng Bạch hổ, phương nam đóng Chu tước, phương bắc đóng Huyền vũ... Các hào quẻ phối với lục thần không những có thể dùng nó để phân biệt sự việc mà còn dùng nó để đoán cát hung.

Thập can phối lục thần là : Giáp, Ất bắt đầu ở Thanh long; Bính, Đinh bắt đầu ở Chu tước; ngày Mão là Câu trần; ngày Kỷ là Phi xà; ngày Canh, Tân là Bạch hổ; ngày Nhâm, Quý là Huyền vũ. Thanh long thuộc mộc; Chu tước thuộc hỏa; Câu trần, Phi xà thuộc thổ; Bạch hổ thuộc kim; Huyền vũ thuộc thủy.

Giáp, Ất bắt đầu ở Thanh Long là : khi đoán quẻ vào ngày giáp, ngày ất thì hào đầu là Thanh Long, hào hai là Chu tước, hào ba là Câu trần; hào bốn là Phi xà; hào năm là Bạch hổ; hào trên là Huyền vũ.

Dưới đây giới thiệu bảng Lục thần phối với các hào như sau

Hào QUẺ	Ngày GIÁP, ẤT	Ngày BÍNH, ĐINH	Ngày MẬU
Hào trên	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào năm	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long
Hào bốn	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ
Hào ba	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào hai	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào đầu	Thanh long	Chu tước	Câu trần

Hào QUÊ	Ngày Kỷ	Ngày CANH, TÂN	Ngày NHÂM, QUÝ
Hào trên	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào năm	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào bốn	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào ba	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào hai	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh Long
Hào đầu	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ

Lục thần chủ các việc :

Thanh long chủ về : các việc tốt, vui mừng, nhưng lại khắc thế, khắc dụng thần, cho nên có điều xấu, trong vui sinh ra sự bi thương.

Chu tước chủ về : cãi vã.

Câu trần : chủ về nỗi lo âu điên thổ, lao dịch.

Phi xà : chủ về việc kinh sợ, vu vợ, quái dị.

Bạch hổ : chủ về những việc tổn thương, hiếu phục.

Huyền vũ : là về việc mờ ám, trộm cắp.

Lục thần dùng để tham khảo trong khi đoán. Gặp quẻ cát mà có Thanh long thì càng tốt; quẻ hung mà gặp Phi xà thì càng xấu.

VII. LỤC THẦN PHÁT ĐỘNG

Thanh long phát động lâm dụng thần sẽ tiến tài tiến lộc, phúc vô cùng. Nếu lâm cừu thần hoặc kỵ thần thì đều vô ích, bị tai họa vì tẩu sắc.

Chu tước phát động thì văn án vương, sát thần tướng thì không lập được công danh, hay cãi vã, động xuất sinh thân lợi việc công.

Câu trần phát động lo về điên thổ, xung tuế thì gặp kỵ, sinh dụng thì cát cho việc tình duyên, nếu yên tĩnh thì không mê muội.

Phi xà bị quan quý khắc thì lo lắng liên miên, toàn những việc hồ kinh quái dị không rõ ràng. Phi xà trị thế rơi vào triển không, hưu thì hòa thuận, nếu gặp nhập xung thì không tránh khỏi điều xấu.

Hào bạch hổ động chủ về hình phạt, kiện tụng, bệnh tật; trị đế động sẽ có hại trong gia đình; gặp hóa sinh thân thì mất đoàn kết.

Huyền vũ động thì nhiều ám muội, nếu lâm quan quý cần đề phòng bị cướp; động sinh thế thì tốt; động gặp cừu thần, kỵ thần thì bị trộm cắp.

Chương 8

BÀN VỀ CÁC THẦN

I. DỤNG THẦN

Quẻ có 6 hào, hào có Lục thân. Lục thân lại chia ra các chiêm, mỗi chiêm có dụng thần riêng. Hào thế là bản thân mình. Dụng thần là những hào dùng để đoán sự việc muốn đoán.

Hào phụ mẫu : nếu hỏi về cha mẹ thì hào phụ mẫu trong quẻ là dụng thần. Đối với người ngang với cha mẹ trở lên như chú, bác, thầy giáo, bố mẹ chồng (hoặc vợ), mẹ nuôi, bà vú thì đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Đoán về trời đất, thành trì, nhà cửa, nhà ở, tường quách, thuyền bè, xe cộ, áo quần, vật dụng vải vóc, giấy tờ, văn chương, sách vở, văn khế... lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.

Hào quan quý : đoán về công danh, cầu quan, quan phủ, trưởng quan, quý thân; nữ đoán về hôn nhân, vợ đoán chồng đều lấy hào quan quý làm dụng thần. Đoán về loạn thần, trộm cướp, những việc về tôn giáo, những nỗi nghi ngờ, bệnh tật, thân thể thì lấy hào quan quý làm nguyên thần.

Hào huynh đệ : nếu đoán những việc của anh em, chị em, anh em họ, kết bạn anh em, quan hệ bè bạn đều lấy hào này làm dụng thần.

Hào thê tài : phạm đoán về vợ, anh chị em dâu, đầy tớ gái đều lấy hào thê tài làm dụng thần. Đoán về của cải, tài sản, tiền bạc, lương thực và những vật dụng quý báu khác cũng lấy hào này làm dụng thần.

Hào tử tôn : phạm những việc thuộc về thế hệ con cái đều gọi là tử tôn. Như con dâu, cháu trai nội ngoại, đồ đệ, v.v...; trung thần lương tướng, thầy thuốc, y dược, tăng đạo, binh sĩ đều lấy hào tử tôn làm dụng thần. Hào tử tôn là thần của phúc đức, mọi việc gặp hào này đều tốt. Duy việc cầu quan, cầu danh hoặc nữ đoán hôn nhân thì không lợi.

"Hào dụng phát động ở trong cung thì dù gặp hưu tù vẫn không xấu. Nếu được sinh phù kiêm vượng tướng thì mọi việc đều hanh thông".

"Hào dụng phát động gặp xung thì không gọi là không nữa, tính không mà gặp khác mới là hại, kỵ thần mà gặp không thì tốt".

Dụng thần và nguyên thần không nên không. Xuân thổ, hạ kim, thu mộc, 3 tháng đông gặp hỏa là chân không, tuần không là tượng của chân không.

Dụng thần hóa cát : dụng thần, nguyên thần động hóa sinh trở lại, hóa trường sinh, hóa đế vượng, hóa ngang hòa, hóa nhật nguyệt đều gọi là hóa cát.

Dụng thần hóa hung : phạm dụng thần, nguyên thần động hóa khắc trở lại, hóa mộ, hóa tuyết, hóa không, hóa quý, hóa thoái thì đều gọi là hóa hung.

II. NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN, CỪU THẦN

Nguyên thần là hào sinh dụng thần.

Kỷ thần là hào khắc dụng thần.

Cừu thần là hào khắc nguyên thần và sinh trợ kỷ thần. Ví dụ thổ là dụng thần, hỏa sinh thổ, vậy hỏa là nguyên thần của thổ. Khắc thổ là mộc, nên mộc là kỷ thần của thổ. Thủy khắc hỏa sinh mộc nên thủy là cừu thần của thổ. Cho dù đoán việc gì đầu tiên phải xem dụng thần vượng tương hay hưu tù, có nguyên thần động để sinh trợ hay không, hoặc có kỷ thần động để khắc hại hay không.

Vi dụ : ngày mậu thân, tháng thìn, đoán bố mới bị bệnh được quẻ "càn" là trời biến thành quẻ "Tiểu súc" :

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa ○
Phụ mẫu thìn thổ. ứng
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tý thủy.

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Thê tài mao mộc.
Quan quý tý hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ. ứng
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tý thủy. thế.

Trong quẻ : tuất thổ, mùi thổ, thìn thổ là hào phụ mẫu lập lại 3 lần, vì thìn thổ lâm nguyệt kiến, lấy thìn thổ làm dụng thần. Nay vì thân kim xung dẫn mộc, ám động mà khắc thìn thổ, nên bệnh nặng.

Trong quẻ may nhờ có ngọc hỏa động, có thể sinh thổ, nhưng ngọc hỏa hóa thành mùi thổ, ngọc hợp với mùi, đó là tham hợp vong sinh. Cho nên thổ của thìn bị dẫn mộc khắc, lại không được ngọc hỏa sinh, do đó bệnh nặng. Đợi đến ngày Sửu xung mất mùi thổ, ngọc hỏa không hợp nhau nữa thì sinh thìn thổ, bệnh mới khỏi được. Kết quả là ngày Sửu thì dậy được. Cho nên "nguyên thần phát động chí khí lên, kỷ nhất là hóa khắc và gặp thương tổn".

III. BÀN VỀ NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN

Nguyên thần là hào sinh dụng thần. Nguyên thần sinh trợ dụng thần, quẻ gặp nguyên thần là cát, vì dụng thần mừng có nguyên thần sinh ra. Có 6 cách nguyên thần sinh dụng thần :

1. Nguyên thần lâm trường sinh để vượng, nhật kiến.
2. Nguyên thần động mà hóa tiến thần, hoặc hóa sinh trở lại.
3. Nguyên thần lâm nguyệt kiến, nhật kiến.
4. Nguyên thần lâm nguyệt, nhật lại lâm hào động;
5. Nguyên thần và kỷ thần cùng động (ví dụ thổ là dụng thần, hỏa là nguyên thần, mộc là kỷ thần, mộc động sinh hỏa, hỏa động sinh thổ);
6. Nguyên thần vượng động mà lâm tuần không hóa không.

Lâm tuần không hóa không, không phải là vô dụng, vì động thì không còn là không nữa. Lúc xuất không, đó là lúc không còn là không. Ví dụ :

Ngày mậu thìn, tháng thân, 1 người đoán chồng mới bị bệnh, được quẻ "Ly" của quẻ "Đồng nhân".

THIÊN HÓA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng
Thê tài thân kim O .
Huỳnh đệ ngọ hỏa.
Quan quý hợi thủy. thê
Tử tôn Sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.

LY VI HỎA

Huỳnh đệ tỵ hỏa. thê
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim.
Quan quý hợi thủy. ứng
Tử tôn Sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.

Hào thê hợi thủy là chồng, nguyệt kiến sinh, nhật kiến khắc cho nên không ảnh hưởng. Nay hào thân và nguyên thần lâm nguyệt kiến, hóa tử tôn mùi thổ sinh trợ nguyên thần, nguyên thần vượng lực mạnh sinh dụng thần, tuất thổ lại ám động sinh nguyên thần. Sao chồng thâm căn cố đế, nhưng sao chồng hợi thủy tuần không, không được nó sinh cho nên phải chờ đến ngày tỵ xung mất hợi thủy, thì bệnh mới khỏi. Về sau quả nhiên đúng thế !

Trên đây đã nói có 6 trường hợp nguyên thần sinh dụng thần. Nhưng nguyên thần cũng như thân thể con người, thân vượng thì lực mới mạnh, mới có thể giúp người khác; nếu thân suy, lực yếu nhiều bệnh thì không có sức giúp đỡ. Cho nên nguyên thần cũng có 6 trường hợp không thể sinh được dụng thần :

1. Nguyên thần hưu tù lại gặp tuyết địa; 2. Nguyên thần hưu tù lại gặp tuần không, nguyệt phá; 3. Nguyên thần hưu tù không động, hoặc động mà biến thành tuyết, thành khắc; 4. Nguyên thần động mà hóa thoái; 5. Nguyên thần động mà hóa phá, hóa tán; 6. Nguyên thần lâm tam mộ. Sáu trường hợp trên là nguyên thần có bệnh, không đủ sức để sinh trợ dụng thần, khi đó dù nguyên thần có xuất hiện cũng là vô dụng.

Vi dụ : ngày giáp ngọ, tháng ngọ, 1 người đến đoán quan vận xem có thể thăng chức hay không ? Được quẻ "thái" của quẻ "ly".

LY VI HỎA

Huỳnh đệ tỵ hỏa O thế

Tử tôn mùi thổ..

Thê tài dậu kim O

Quan quý hội thủy. ứng

Tử tôn sửu thổ X

Phụ mẫu mao mộc.

ĐỊA THIÊN THÁI

Thê tài dậu kim.. ứng

Quan quý hội thủy..

Tử tôn sửu thổ.

Tử tôn thìn thổ. thế

Phụ mẫu dấn mộc.

Quan quý tý thủy.

Hội thủy là dụng thần, tuyết địa hóa mộ, là điềm không tốt. Nguyên thần dậu kim hưu tù lại hóa mộ, không có sức sinh trợ hội thủy nên không những không thể thăng quan mà còn dễ phòng mất chức. Về sau, vì lo chạy tội riêng nên đến tháng mùi đã bị cách chức.

Kỵ thần là cừu địch khắc hại dụng thần. Dụng thần nếu bị nhật nguyệt động khắc là thân cô thế cô, việc tất xấu. Kỵ thần khắc hại dụng thần cũng thể hiện bằng 6 trường hợp sau :

1. Kỵ thần vượng tương lâm nguyệt kiến, nhật thìn; 2. Kỵ thần vượng động mà lâm không hóa không; 3. Kỵ thần động mà lâm nguyệt, nhật sinh phù; 4. Kỵ thần động mà hóa sinh trở lại, hóa tiến thân; 5. Kỵ thần và cừu thần cùng động; 6. Kỵ thần lâm đất trường sinh để vượng. Các kỵ thần trên đây như chim tham ăn, xấu lại càng xấu.

Kỵ thần như quân địch, có lúc rất điên cuồng, nhưng có lúc cũng bất lực. Kỵ thần lâm vào đất hưu tù, bại tuyết thì cũng không thể khắc được dụng thần. Có 6 trường hợp sau :

1. Kỵ thần hưu tù lại tuyết; 2. Kỵ thần động mà hóa thoái; 3. Kỵ thần hưu tù lại bị nguyệt kiến, nhật kiến khắc; 4. Kỵ thần động mà hóa thành phá, tán; 5. Kỵ thần tĩnh mà lâm không, phá; 6. Kỵ thần động mà nhập mộ. Sáu trường hợp trên thì tuy gặp kỵ thần mà vẫn không có hại. Nhưng qua thời điểm đó Kỵ thần vượng lên thì lại là xấu.

Vi dụ : ngày tân sửu, tháng mao đoán con bị bệnh, được quẻ "tiệm" của quẻ "ích".

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn tỵ hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài thìn thổ x thế

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tỵ thủy O

PHONG SƠN TIỆM

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn tỵ hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Quan quý thân kim. thế

Tử tôn ngọ hỏa..

Thê tài thìn thổ..

Tử tôn tỵ hỏa lâm nguyệt mà sinh, tỵ thủy kỵ thần tuy động mà khắc dụng thần, nhưng kỵ thần hưu tù vô lực lại hóa mộ cho nên trước mắt bệnh nặng, đến ngày dần mao sẽ nhẹ, ngày thìn sẽ khỏi. Thực tế đúng như thế. Đúng ngày thìn thì kỵ thần lâm mộ nên bệnh khỏi. Trong lời về cổ có nói : "Xem quẻ trước tiên phải xem kỵ thần. Kỵ thần nên tĩnh, không nên hung, kỵ thần cấp nên bị khắc để hạn chế, nếu gặp sinh phù thì dụng thần sẽ bị hình phạt".

IV. TIẾN THẦN, THOÁI THẦN

Mọi việc, mọi vật trong vũ trụ đều vận động không ngừng. Có động thì có tiến, có biến thì có tiến, có thoái. Cho nên "Hệ từ" nói : "Biến hóa là tượng của tiến thoái". Sự động biến của 6 hào chính là bản về quy luật biến hóa, tiến thoái này. Cho nên "tiến thần, thoái thần", là tiêu chí cụ thể của mọi sự việc sau khi biến động biểu hiện thành tiến lên hay lùi lại. Tiến thần, là hào động mà hóa tiến. Hóa tiến tức là dần hóa mao, tỵ hóa ngọ, thân hóa dậu, hợi hóa tý, sừ hóa thìn, thìn hóa mùi, mùi hóa tuất, tuất hóa sừ.

Thoái thần là hào động mà hóa thoái. Hóa thoái tức là mao hóa dần, ngọ hóa tỵ, dậu hóa thân, tỵ hóa hợi, thìn hóa sừ, sừ hóa tuất, tuất hóa mùi, mùi hóa thìn.

Tiến thần là biểu thị sự vật phát triển về phía trước như mùa xuân đến thì thảo mộc đâm chồi, nảy lộc. Thoái thần đương nhiên là biểu hiện sự vật biến ngược lại, như mùa thu thì hoa tàn lá rụng. Hóa tiến, hóa thoái có sự phân biệt : hỷ, kỵ, họa, phúc. Nếu là cát thần nên gặp hóa tiến, hung thần nên gặp hóa thoái mới tốt.

Vi dụ : ngày Canh tuất, tháng dậu đoán năm nào sinh con, được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRẦN

Huynh đệ tý thủy..
Quan quý tuất thổ. ứng
Phụ mẫu thân kim..
Quan quý thìn thổ..
Tử tôn dần mộc.. thế
Huynh đệ tý thủy.

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy..
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim.. ứng
Quan quý Sửu thổ..
Tử tôn mao mộc.
Thê tài tỵ hỏa. thế

Dần mộc tử tôn là dụng thần, hóa tiến thần; dần mộc tuần không, mao mộc tuần không mà phá. Về sau đến tháng mao năm dần vợ sinh liền 2 con. Mộc này tuy là phá, nhưng được nhật thìn hợp là hưu tù, nên phải chờ đến thời điểm của nó mới có tác dụng.

Vi dụ : ngày quý mùi, tháng tuất có người nào đó tự đoán về bệnh mình; được quẻ "quải" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ O thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa.
Phụ mẫu thìn thổ. ứng
Thê tài dần mộc.
Tử tôn tý thủy.

TRẠCH THIÊN QUẢI

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. thế
Tử tôn Hợi thủy.
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dần mộc. ứng
Tử tôn tý thủy.

Càn là quẻ lục xung, nay bệnh đã lâu gặp xung là chứng không trị được, hào phụ mẫu lại tri thế, không có thuốc gì chữa nổi. Phụ hóa thoái thần mùi thổ, bệnh sẽ không lui, mà tinh thần thể lực còn khô héo dần, để phòng tháng Sửu xung phá mùi thổ mà chết. Kết quả là tháng Sửu đã qua đời.

Ông Dạ Hạc nói rằng : "Phép của tiến thần có 4 : động vượng tương mà hóa vượng, thừa thế mà tiến là một. Động hưu tù mà hóa hưu tù, chờ thời mà hóa đó là hai. Hào động hoặc hào biến có 1 cái trực hưu tù và chờ vượng tương mà tiến, đó là ba. Động vượng tương mà hóa vượng tương, hoặc có hào động, nhật, nguyệt sinh phú thì khi đoán việc gần được thời cơ thì không thoái, đó cũng là trường hợp một Động hưu tù mà hóa hưu tù biến thành thoái, thuộc trường hợp thứ hai. Hào động hoặc hào biến có một hào vượng tương, chờ đến lúc hưu tù mà thoái, cũng thuộc trường hợp thứ ba. Hào động hoặc hào biến có một hào gặp tuần không chờ cho đến lúc xuất không mà thoái, đó là trường hợp thứ tư.

V. PHI THẦN, PHỤC THẦN

Những quẻ có hào dụng thần là không thiếu dụng thần. Những quẻ không có hào dụng thần gọi là dụng thần không hiện lên quẻ. Những quẻ như thế, nếu lâm nhật, nguyệt thì dùng nhật, nguyệt làm dụng thần. Nếu nhật, nguyệt không lâm dụng thần thì có thể tìm trong 8 quẻ thuần để mượn dụng thần. Hào dụng thần mượn dùng phải viết đối diện với hào của quẻ chính. Hào dụng thần mượn này gọi là phục thần, hào của quẻ chính gọi là phi thần.

Ví dụ : có người cầu tài được quẻ "cầu"

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ.

Huynh đệ thân kim.

Quan quý ngọc hỏa. ứng

Huynh đệ đậu kim.

Thê tài dẫn mộc : Tử tôn hợi thủy.

Phụ mẫu sửu thổ.. thế

Đoán về cầu tài phải lấy hào tài làm dụng thần, nhưng trong quẻ "cầu" không có hào tài. Như thế gọi là dụng thần không có trong quẻ, hoặc dụng thần không hiện. Nếu ngày hoặc tháng dẫn mào đoán được quẻ "cầu" thì lấy dẫn mào mộc làm hào tài mà không phải đi tìm dụng thần nữa. Quẻ "cầu" không lâm ngày, tháng dẫn mào, nên phải mượn dụng thần trong quẻ thuần cùng cung với quẻ cầu. Vì quẻ "cầu" thuộc cung càn, càn là quẻ đầu của cung càn, trong quẻ các hào phụ mẫu, huynh đệ, thê tài, quan quý, tử tôn đều có. Hào hai của quẻ càn dẫn mộc là thê tài, nên mượn nó và viết bên cạnh hào hai hợi thủy của quẻ cầu. Ta được hợi thủy là phi thần, dẫn mộc là phục thần, hợi thủy sinh dẫn mộc gọi là bay đến sinh cho phục thần được trường sinh. Như thế gọi là dụng thần không hiện, phải mượn phục thần để sinh phù, quẻ vô dụng biến thành hữu dụng và cát vậy. Các trường hợp khác cũng làm tương tự như thế. Nếu phi thần đến lại khắc phục thần thì tức là làm thương tổn mình, phục thần bị khống chế nên có mà cũng như không.

Ví dụ đoán về con cháu được quẻ "cổ"

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng

Tử tôn tị hỏa. Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ..

Quan quý đậu kim. thế

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài sửu thổ..

Đoán về con cháu, nhưng trong quẻ không có hào tử tôn, vì quẻ "cổ" thuộc cung tốn, nên hào năm của quẻ tốn tị hỏa là hào tử tôn. Mượn nó viết bên cạnh hào năm phụ mẫu tý thủy thuộc quẻ "cổ". Tý thủy là phi thần, tỵ hỏa là phục thần, phi thần khắc phục thần gọi là phục thần bị khắc, là quẻ xấu.

Phục thần đến sinh phi thần xuất bạo : xuất bạo là điềm xấu đến nhanh.
Ví dụ : đoán cho bố mẹ được quẻ "đỉnh".

PHONG HỎA ĐỈNH

Huynh đệ tỵ hỏa.
Tử tôn mùi thổ.. ứng
Thê tài Dậu kim.
Thê tài Dậu kim.
Quan quý Hợi thủy. thế

Phụ mẫu Mão mộc : Tử tôn Sửu thổ..

Đoán phụ mẫu mà trong quẻ lại không có hào phụ mẫu, vì quẻ "đỉnh" thuộc cung ly, hào đầu của quẻ ly là phụ mẫu Mão mộc. Mượn hào này viết bên cạnh hào đầu tử tôn Sửu thổ của quẻ "đỉnh". Sửu thổ là phi thần, Mão mộc là phục thần, là phục mộc khắc thổ, gọi là phục thần đến khắc phi thần thành xuất bạo.

Phục thần đi khỏi mới sinh phi thần gọi là xì hơi xẹp xuống, tức là tượng của sự hao tổn. Ví dụ đoán công danh được quẻ "gia nhân"

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huynh đệ Mão mộc.
Tử tôn tỵ hỏa. ứng
Thê tài Mùi thổ..

Quan quý Dậu kim : Phụ mẫu Hợi thủy.

Thê tài Sửu thổ.. thế
Huynh đệ Mão mộc.

Đoán công danh lấy hào quan quý làm dụng thần, nhưng trong quẻ không có hào quan quý, "gia nhân" thuộc cung tốn, hào ba quan quý Dậu kim của quẻ tốn, mượn quẻ này viết bên cạnh hào ba phụ mẫu Hợi thủy của quẻ "gia nhân". Hợi thủy là phi thần, Dậu kim là phục thần. Kim sinh thủy gọi là phục thần đi khỏi sinh phi thần xì hơi.

Có 6 trường hợp phục thần dùng được :

1. Phục thần được nhật nguyệt sinh
2. Phục thần vượng tướng
3. Phục thần được phi thần sinh

4. Phục thần được hào động sinh

5. Phục thần được nhật, nguyệt, hào động xung khắc phi thần

6. Phục thần gặp được phi thần : không, phá, hưu, tù, mộ, tuyệt.

Có 5 trường hợp không nên mượn dụng thần. Một là phục thần hưu tù vô khí; hai là phục thần bị nguyệt xung khắc; ba là phục thần bị phi thần vượng tướng khắc hại; bốn là phục thần bị mộ tuyệt do nhật nguyệt phi thần; năm là phục thần hưu tù trực tuần không. Đó là năm trường hợp tuy mượn được phục thần nhưng vô dụng. "Phục thần ở không địa thì sự việc diễn ra ngược với ý mình".

Ví dụ : ngày bính thìn tháng dậu, đoán con bị bệnh, được quẻ "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quý dậu kim..

Phụ mẫu Hợi thủy..

Tử tôn Ngọ hỏa :

Thê tài Sửu thổ.. thế

Quan quý dậu kim.

Phụ mẫu Hợi thủy.

Thê tài Sửu thổ.. ứng

Đoán tử tôn mà quẻ không có hào tử tôn. Quẻ "thăng" thuộc cung chấn, hào 4 của quẻ chấn là : tử tôn Ngọ hỏa, mượn nó viết bên cạnh hào 4; thê tài Sửu thổ của quẻ thăng. Đó gọi là Sửu thổ tuần không, phục thần biến xuất, ngày Ngọ tử tôn xuất hiện thì bệnh sẽ khỏi. Quả đúng thế.

Phi thần, phục thần sinh khắc cát hung : phục thần đến khắc phi thần là xuất bạo, phi thần khắc phục thần là hại ngược trở lại mình, phục thần đi sinh phi thần là xì hơi, phi thần đến sinh phục thần là được trường sinh. Hào gặp phục thần khắc phi thần thì vô sự; hào dụng thấy phi thần làm tổn thương phục thần thì quẻ không yên, phi thần và phục thần không hòa nhau là không có sự cứu trợ. Phục thần tiềm ẩn không xuất hiện thì phải xem rõ nguyên nhân.

VI. DỤNG THẦN HIỆN 2 LẦN

Tiết trên nói về dụng thần không có trong quẻ, hoặc không hiện thì dùng phương pháp mượn dụng thần để giải. Tiết này sẽ nói dụng thần xuất hiện 2 lần. Dụng thần xuất hiện 2 lần tức là trong quẻ có hai dụng thần. Ví dụ đoán phụ mẫu mà trong quẻ có 2 hào phụ mẫu, đoán huynh đệ, có 2 hào huynh đệ, v.v... Thực tế trong lúc đoán quẻ chỉ dùng 1 dụng thần. Khi có hai hào dụng thần thì cách chọn ra sao ? "Tăng san bốc dịch" có nói : "bỏ hào

hưu tù, dùng hào vượng tướng; bỏ hào tĩnh, dùng hào động; bỏ hào nguyệt phá, lấy hào không bị phá; bỏ hào có tuần không, dùng hào không có tuần không; bỏ hào bị phá thương, dùng hào bất thương tổn. "Cách đoán quẻ như thế, phần nhiều đều thấy ứng nghiệm.

Bỏ tuần không, nguyệt phá, hưu tù; dùng vượng tướng. Ví dụ ngày tân tỵ, tháng mùi đoán cầu tài, được quẻ "đại quá".

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ..
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy. thế
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ.. ứng

Trong quẻ mùi thổ, Sửu thổ là hào tài, hai lần hiện. Nhưng hào tài mùi thổ lâm nhật thìn, Sửu thổ ở đất hưu tù cho nên chọn hào mùi thổ làm dụng thần. Bỏ hào tĩnh, lấy hào động. Ví dụ : ngày kỷ mao, tháng ngọ đoán tử tôn được quẻ "giải" :

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài Tuất thổ..
Quan quý Thân kim.. ứng
Tử tôn Ngọ hỏa ○
Tử tôn Ngọ hỏa..
Thê tài Thìn thổ. thế
Huynh đệ Dần mộc..

Trong quẻ tử tôn hỏa 2 lần xuất hiện, nhưng hào 4 tử tôn hỏa lâm hào động, nên chọn hào 4 tử tôn hỏa làm dụng thần.

Bỏ hào bị thương, dùng hào không bị thương. Ví dụ : ngày đinh mao, tháng dần đoán phụ mẫu, được quẻ "khốn" :

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ Dậu kim.
Tử tôn Hợi thủy. ứng
Quan quý Ngọ hỏa..
Phụ mẫu Thìn thổ.
Thê tài Dần mộc x thế

Trong quẻ, hào phụ mẫu hiện 2 lần, nhưng thìn thổ phụ mẫu lâm nguyệt nhật, hào động khắc thương, nên dùng mùi thổ phụ mẫu làm dụng thần.

Còn có trường hợp dụng thần hiện 2 lần nhưng đều không động, hoặc đều động thì chọn hào nào làm dụng thần ? Các tài liệu cổ tuy không bàn về điều này, nhưng kinh nghiệm thực tế cho thấy chọn hào gần hào thế hơn, hoặc hào mà dụng thần được sinh trợ, hoặc hào mà dụng thần vượng ở nhật nguyệt để làm hào dụng thần thì ứng nghiệm hơn.

Ví dụ : Ngày canh thân, tháng tỵ, đoán anh em, được quẻ "quan" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy x
Quan quý tuất thổ. ứng
Phụ mẫu thân kim..
Quan quý thìn thổ..
Tử tôn dần mộc.. thế
Huynh đệ tỵ thủy O .

Trong quẻ hào chín đầu và hào sáu trên đều là huynh đệ tỵ thủy, lại đều lâm hào động. Hào chín đầu tỵ thủy là hào dụng, vì hào này gần hào thế; còn hào sáu trên tỵ thủy tuy động nhưng cách xa hào thế, là nước xa không giải được cơn khát gần, lại bị hào quan quý tuất thổ khắc chế.

Ví dụ ngày tân dậu tháng ngọ, đoán phụ mẫu, được quẻ "trung phù" :

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa. ứng

Trong quẻ tỵ hỏa phụ mẫu xuất hiện 2 lần, nhưng hào ứng tỵ hỏa lâm phụ mẫu, nên được chọn làm hào dụng.

Chương 9

NGŨ HÀNH SINH KHẮC

Vấn đề ngũ hành sinh khắc và sát thần trước đây đã bàn qua. Bây giờ xin giới thiệu các vấn đề kết hợp với 6 hào trong dự đoán, và ngũ hành sinh khắc, hình xung hóa hợp của 6 hào trong quẻ.

Bát quái có các thuộc tính của ngũ hành và các mối quan hệ sinh khắc của chúng. Trong 6 hào cũng có các mối quan hệ đó, chẳng qua sự sinh khắc ngũ hành của 6 hào là vận dụng cách sắp xếp của thiên can địa chi biểu thị mà thôi.

Thiên can ngũ hành : Giáp, Ất thuộc Mộc; Bính, Đinh thuộc Hỏa; Mậu, Kỷ thuộc Thổ; Canh, Tân thuộc Kim; Nhâm, Quý thuộc Thủy.

Địa chi ngũ hành : dần, mao thuộc mộc; ty, ngọ thuộc hỏa, thân, dậu thuộc kim; hợi, tý thuộc thủy; thìn, tuất, sửu, mùi thuộc thổ.

I. NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH CỦA HÀO

Ngũ hành tương sinh : Kim sinh thủy; thủy sinh mộc; mộc sinh hỏa; hỏa sinh thổ; thổ sinh kim.

Tương sinh nghĩa là : cùng sinh cho nhau, giúp nhau, tốt với nhau, hòa hảo với nhau, cứu trợ lẫn nhau, chung sống với nhau, tồn tại lâu dài. Sinh ra tôi thì tôi được lợi; tôi sinh ra thì tôi bị thiệt, hao tổn. Đối với hào thế, dụng thần thì nên phùng sinh, nếu được nguyệt kiến, nhật thìn, hào động sinh, động hóa sinh trở lại là việc gặp cát, gặp tin mừng.

Ví dụ : Ngày kỷ mao, tháng mao, đoán người phạm tội có được cứu giúp không ? Được quẻ "chấn" của quẻ "phục".

ĐỊA LÔI PHỤC

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sửu thổ. ứng
Huynh đệ thìn thổ ..
Quan quý dần mộc ..
Thê tài tý thủy . thế

CHẤN VI LÔI

Huynh đệ tuất thổ .. thế
Tử tôn thân kim ..
Phụ mẫu ngọ hỏa.
Huynh đệ thìn thổ .. ứng
Quan quý dần mộc ..
Thê tài tý thủy.

Sửu thổ huynh đệ là dụng thần, động mà bị nguyệt, nhật khắc cho nên đại hung đã hiện rõ. May được huynh đệ sửu thổ hóa phụ mẫu ngọ hỏa sinh trở lại nên được khoan hồng tha chết.

Ví dụ : Ngày át Sửu, tháng dần, đoán bệnh cho cha được quẻ "sư" của quẻ "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quý Dậu kim ..
Phụ mẫu Hợi thủy ..
Thê tài Sửu thổ .. thế
Quan quý Dậu kim ○
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ .. ứng

ĐỊA THỦY SƯ

Quan quý Dậu kim .. ứng
Phụ mẫu Hợi thủy ..
Thê tài Sửu thổ ..
Tử tôn Ngọ hỏa .. thế
Thê tài Thìn thổ.
Huỳnh đệ dần mộc ..

Hào hai Hợi thủy phụ mẫu là dụng thần, tuy trực tuần không, có nguyên thần Dậu kim động để sinh, cho nên không nguy hiểm, nhưng không tốt là nguyên thần bị thương, nguyên thần không có gốc. Nên người ấy về sau mất vào ngày Đinh Mão, giờ Mão. Ứng vào ngày Mão, giờ Mão là vì Mão mộc sinh trợ giúp Ngọ hỏa khắc nguyên thần.

II. NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC CỦA HÀO

Kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

Gọi là tương khắc : nghĩa là : làm hại nhau, khống chế nhau, làm tổn thương, xung nhau, lừa dối nhau, gây ra sự bất lợi.

Cái bị khắc sẽ bị lao dịch, bệnh tật, phá tài, mất chức, khắc vợ, khắc chồng, khắc con và những tai họa cho thân thể. Trong bị khắc có cái là tai họa cho bản thân mình, có cái là tai họa cho gia đình, nặng thì thậm chí chết hoặc gây tàn phế, nhẹ thì việc gì cũng trắc trở, lo lắng bồn chồn.

Cái khắc tôi là kỵ thần, cừu thần. Kỵ thần, cừu thần đều là hung sát, thần hại mệnh. Trong quẻ, kỵ thần, cừu thần nên bị khắc. Ví dụ : gặp nguyệt tiết kiến khắc, nhật thìn khắc, hào động khắc, động mà khắc trở lại.

Ví dụ : ngày đinh mùi, tháng thìn, đoán bệnh của con, được quẻ "phù" của quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài Tuất thổ.
Quan quý Thân kim
Tử tôn Ngọ hỏa. thế
Thê tài Thìn thổ ..
Huỳnh đệ dần mộc ..
Phụ mẫu Tý thủy ○ ứng

THIÊN ĐỊA PHỦ

Thê tài Tuất thổ . ứng
Quan quý Thân kim.
Tử tôn Ngọ hỏa.
Huỳnh đệ Mão mộc .. thế
Tử tôn Tý hỏa ..
Thê tài Mùi thổ ..

Tử tôn ngộ hỏa là dụng thần, tý thủy là kỵ thần. Kỵ thần tuy động khắc ngộ hỏa, nhưng tý thủy kỵ thần phùng nguyệt, nhật khắc lại hóa khắc trở lại. Đó là kỵ thần bị khắc, dụng thần được cứu.

Ví dụ : ngày mậu ngộ, tháng thân, 1 người nào đó tự đoán bệnh của mình muốn biết sự phát triển và kết quả của bệnh, được quẻ "cấu" của quẻ "độn".

THIÊN SƠN ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngộ hỏa.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngộ hỏa x thế
Phụ mẫu thìn thổ..

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngộ hỏa. ứng
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn Hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ .. thế

Hào thế ngộ hỏa lâm nhật kiến là vương tướng, nhưng không nên thân nguyệt kiến sinh trợ Hợi thủy khắc trở lại thế. Cho nên người này đến ngày tuất, tháng Hợi thì bệnh nặng lên. Quả đúng thế. Tháng Hợi kỵ thần lâm vượng địa, tuất là mộ của hỏa, cho nên kỵ thần đã không bị chế khắc, lại còn hóa khắc trở lại mà dẫn đến kết quả trên.

Trong ngũ hành tương khắc, đặc biệt là khi dụng thần bị khắc có lúc trong quẻ tự được hóa giải. Ví dụ : kỵ thần bị nhật, nguyệt, hào động không chế chặt nên không có năng lực để khắc dụng thần; có lúc kỵ thần động hóa xuất tương hợp, tức là tham hợp vong khắc, có lúc hóa xuất sinh ra hào là tham sinh vong khắc. Do đó dụng thần không bị nguy hiểm nữa. Dưới đây cử ví dụ để nói rõ trường hợp kỵ thần tham sinh vong khắc (quên mất khắc).

Ví dụ : ngày giáp tuất, tháng dần, đoán bệnh của cha được quẻ "quan" của quẻ "tỷ".

THỦY ĐỊA TỶ

Thê tài tý thủy x ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim ..
Quan quý mao mộc .. thế
Phụ mẫu tỵ hỏa ..
Huynh đệ mùi thổ ..

PHONG ĐỊA QUAN

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ .. thế
Quan quý mao mộc ..
Phụ mẫu tỵ hỏa ..
Huynh đệ mùi thổ .. ứng

Tý thủy này vốn động để khắc tỵ hỏa, nhưng hóa xuất mao mộc mà thủy tham sinh mao mộc không khắc được dụng thần tỵ hỏa.

III. LỤC HỢP CỦA HÀO

Trong "Hệ từ" có nói : "Càn là vật dương, khôn là vật âm. Âm dương hợp đức mà cương nhu thì có hình", "nam nữ cấu tình, vạn vật hóa sinh". Những câu này đều nói về lý lẽ âm dương tương hợp.

Vạn vật, vạn sự trong thế gian đều có hợp và có phân : hợp lâu tất bị phân, phân lâu tất sẽ hợp lại. Trong hợp có sinh, trong hợp cũng có khắc. Có cái ban đầu phân sau hợp, có cái trước hợp sau phân. Có cái hợp với nhau là tốt, có cái hợp với nhau lại xấu. Đó đều là quy luật tất nhiên của sự phát triển vạn vật.

Lục hợp là : Tý hợp với Sửu; Dần hợp với Hợi; Mão hợp với Tuất; Thìn hợp với Dậu; Tỵ hợp với Thân; Ngọ hợp với Mùi. Tương hợp thì hào hợp với hào, hào hợp với hào nguyệt. Tương hợp có nghĩa là tương hòa với nhau. Hào ứng hợp hào thế là người khác hoặc sự việc hợp với tôi. Hào thế hợp hào ứng là tôi đến hợp với cái khác. Hợp có hợp thân hữu sinh, hợp thân hữu khắc. Ví dụ : tý hợp Sửu, Mão hợp Tuất, tỵ hợp Thân là hợp thân hữu khác. Hợp thân hữu sinh là : dần hợp Hợi, Thìn hợp Dậu, Ngọ hợp Mùi. Trong ngũ hành sinh khắc có hợp là cát, lại có hợp là hung; có tham sinh vong khắc, cũng có tham hợp vong sinh.

Quy tắc của tương hợp là : 1 tý hợp 1 Sửu, không thể 2 tý hợp 1 Sửu; cũng không thể 2 Sửu hợp 1 tý, tức đòi hỏi phải hợp thành đôi. Hai hợp một, hay một hợp hai gọi là cấu hợp hoặc tranh hợp, sự tương hợp đó không bền chặt.

Phương pháp lục hợp có :

1. Nhật nguyệt hợp với hào : hào tĩnh, hào động hợp với nhật nguyệt là hào hưu tù được vượng tướng. Ví dụ : tháng Sửu đoán được quẻ "khâm", hào thế tý thủy và nguyệt kiến tương hợp.

2. Hào hợp với hào : sự hợp như thế là tốt. Hào động hóa hợp là hóa sinh phù. Ví dụ : đoán được quẻ "phủ", hào thế vào hào ứng đều động là Mão hợp với Tuất, nếu có 1 hào không động thì không gọi là hợp được.

3. Hào động hóa hợp : hào động hợp với hào động là động mà gặp hợp, hợp mà trời buộc vào nhau thì khó hành động. Ví dụ : đoán được quẻ "cấu", hào thế Sửu thổ động, hóa xuất tý thủy là tý hợp Sửu, là cái khác đến hợp với mình.

4. Quẻ gặp lục hợp : ví dụ đoán được quẻ "phủ" thì sáu hào của quẻ nội và quẻ ngoại tự tương hợp với nhau.

5. Lục xung biến thành lục hợp : là trước xung nhưng sau hợp lại với nhau. Ví dụ : đoán được quẻ "càn" là quẻ lục xung, nếu 3 hào của quẻ ngoại động biến thành quẻ "thái" là quẻ lục hợp.

6. Hợp biến hợp : là trước tốt, sau lại càng tốt hơn. Ví dụ đoán được quẻ "bôn" của quẻ "lữ".

Quẻ được hợp là cát, đoán cầu danh sẽ thành danh, cầu lợi được lợi, cầu hôn thành hôn. Đoán gốc tích bản thân, đoán về nhà ở hưng vượng, đoán về phong thủy, đoán về cầu mưu đều như ý. Nhưng đòi hỏi dụng thần phải có khí. Nếu dụng thần hưu tù tử mộ thì vô ích, không đạt được gì. Sách xưa có nói : "nếu mọi việc được tam lục hợp thì việc đó sẽ lâu dài, có trước có sau. Nếu là việc cát gặp tam lục hợp tất sẽ thành công. Việc hung gặp tam lục hợp thì không kết quả". Đoán xuất hành mà được lục hợp thì khó mà khởi hành. Ví dụ : Ngày bính tý, tháng thân, đoán xuất hành được quẻ "tiểu quá" của quẻ "minh di".

ĐỊA HÓA MINH DI

Phụ mẫu Dậu kim ..
Huynh đệ Hợi thủy ..
Quan quý Sửu thổ X thế
Huynh đệ Hợi thủy.
Quan quý Sửu thổ ..
Tử tôn Mão mộc. ứng

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Quan quý Tuất thổ ..
Phụ mẫu Thân kim ..
Thê tài Ngọ hỏa. thế
Phụ mẫu Thân kim.
Thê tài Ngọ hỏa ..
Quan quý Thìn thổ .. ứng

Hào thế động và hợp chặt với nhật thìn, tất có sự trói chặt không thể xuất hành. Vậy vì sao có cản trở ? Trong quẻ hào tử tôn biến thành hào quan quý nên phải đề phòng sự yên ổn của con cái. Mão mộc tử tôn tuyệt ở tháng thân, bị hình phạt ở ngày tý, lại động mà biến thành quan quý. Về sau chết ở ngày thìn. Ứng vào ngày thìn là vì hào tử tôn mão mộc biến thành hào quan quý.

Lục xung biến thành lục hợp là trước ly sau hợp. Ví dụ : ngày đinh tý tháng mùi, đoán đã ly hôn có nên đoàn kết lại không ? được quẻ "lữ" của quẻ "ly".

LY VI HỎA

Huynh đệ Tý hỏa. thế
Tử tôn Mùi thổ ..
Thê tài Dậu kim.
Quan quý Hợi thủy. ứng
Tử tôn Sửu thổ ..
Phụ mẫu Mão mộc.

HỎA SƠN LỮ

Huynh đệ Tý hỏa.
Tử tôn Mùi thổ ..
Thê tài Dậu kim. ứng
Thê tài Thân kim.
Huynh đệ Ngọ hỏa ..
Tử tôn Thìn thổ .. thế

"Ly" là quẻ lục xung, "lữ" là quẻ lục hợp. Nay lục xung biến thành lục hợp, tất nhiên là ly rồi lại hợp. Quả nhiên tháng ba năm sau phục hôn.

Các loại hợp đều lấy dụng thần vượng tướng làm chủ. Khi gặp quẻ lục xung biến thành lục hợp, không xem dụng thần là sai. Đoán hôn nhân đầu

tiên phải xem sự thương lượng sau đó mới có hợp; đoán công danh đầu tiên phải gặp khó khăn, sau đó sẽ vinh hiển; đoán cầu mưu, trước khó sau dễ. Đoán thân mệnh trước khó sau tốt; đoán gia cảnh, trước nghèo sau giàu, đoán phong thủy (mở má) có thể gặp chỗ tốt. Chỉ khi đoán kiện tụng, tù ngục mới không tốt, nói chung là khó thoát được.

Gặp hợp thì tụ, gặp xung thì tán. Trong xung gặp hợp thì trước tán, sau hợp, trước mất sau được, trước nhạt sau mặn nồng.

Tham hợp quên khắc : Kỳ thần hóa xuất tương hợp với hào cho nên gọi là tham hợp quên khắc.

Ví dụ : Ngày át mùi tháng mao đoán cầu danh được quẻ "cấu" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa.
 Phụ mẫu thìn thổ. ứng
 Thế tài dẫn mộc.
 Tử tôn tý thủy O

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa. ứng
 Huynh đệ dậu kim.
 Tử tôn hợp thủy.
 Phụ mẫu sừu thổ .. thế

Cầu công danh hào bốn ngọc hỏa là dụng thần, tý thủy kỳ thần động lại khắc, nhưng may tý thủy hóa sừu thổ, tý hợp với sừu nên gọi là tham hợp quên khắc.

Tham hợp quên sinh : Ví dụ ngày mậu thìn tháng tỵ đoán bệnh của vợ được quẻ "Ích" của quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim.
 Tử tôn ngọc hỏa O thế
 Thê tài thìn thổ ..
 Huynh đệ dẫn mộc ..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ ..
 Thê tài thìn thổ .. thế
 Huynh đệ dẫn mộc ..
 Phụ mẫu tý thủy.

Thê tài thìn thổ lâm nhật thìn là dụng thần, nay ngọc hỏa hóa thành mùi thổ, ngọc và mùi hợp, không sinh thìn thổ, nguyên thần ngọc nhật lâm nhật kiến nên bệnh có giảm nhẹ nhưng muốn khỏi hẳn phải chờ ngày sừu để xung hết mùi thổ, ngọc hỏa không hợp mà sinh thìn thổ, quả nhiên ngày sừu bệnh khỏi.

IV. LỤC XUNG CỦA HÀO

Tý ngộ tương xung, sữu mùi tương xung, dẫn thân tương xung, mao dậu tương xung, ty hội tương xung, thìn tuất tương xung. Khi bị tương xung là đối xung. Có quẻ với quẻ, hào với hào tương xung nhau.

Quẻ lục xung có : Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, thiên lôi vô vọng, lôi thiên đại tráng. Cộng tất cả mười quẻ. Tám quẻ thuần thì các hào ở quẻ thượng và những hào cùng ngôi ở quẻ hạ đối xung nhau.

Những quẻ tương xung có sáu loại sau đây : thứ nhất nhật nguyệt xung hào; thứ hai gặp quẻ lục xung; thứ ba lục hợp biến thành lục xung; thứ tư lục xung biến thành lục hợp; thứ năm là hào động biến hào xung; thứ sáu hào xung với hào.

Hào xung có 5 loại sau đây : thứ nhất hào gặp nguyệt xung là nguyệt phá; thứ hai hào vượng tương gặp nhật xung là ám động; thứ ba hào hưu tù gặp nhật xung là nhật phá; thứ tư hào động hóa xung trở lại như gặp cừu địch; thứ năm hào xung với hào, gọi là xung kích nhau.

Nhật thìn xung hào động là tán, hào động xung hào động cũng là tán. Người vượng tương xung thì không tán; người có khí xung cũng không tán. Người hưu tù gặp xung thì dễ tán.

Quy tắc của lục xung : Tý ngộ tương xung tức là 1 tý xung 1 ngộ, hoặc 1 ngộ xung 1 tý. Hai ngộ không xung 1 tý, hai tý không xung 1 ngộ. Những cái khác cũng tương tự.

Xung là tán. Phàm kỵ thần, cừu thần thường là xung, hung sự cũng thường là xung, chỉ có cát sự là không xung. Khi gặp xung cần phải xem dụng thần ; dụng thần vượng tương thì tuy xung nhưng không bị phá. Dụng thần hưu tù, thì xấu lại càng thêm xấu. Lục hợp biến thành lục xung mà dụng thần vượng tương thì đầu tiên tốt, sau xấu, hoặc mưu sự tuy thành, nhưng có đầu không có đuôi. Nếu đoán bệnh, người mới bị bệnh gặp xung có thể khỏi, nếu bệnh lâu mà gặp xung thường là chết.

Vi dụ : Ngày bính tý tháng ngộ mở cửa hàng được quẻ "tốn" của quẻ "đại tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ x

Tử tôn thân kim x

Phụ mẫu ngộ hỏa O thế

Huynh đệ thìn thổ.

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tý thủy O ứng

TỐN VI PHONG

Quan quý mao mộc. thế

Phụ mẫu ty hỏa.

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim. ứng

Thê tài hội thủy.

Huynh đệ sữu thổ ..

Mở cửa hàng để cầu tài là việc tốt, nên hợp không nên xung. Nay quẻ gặp lục xung, biến lục xung, hào thế ngộ hỏa lâm nguyệt kiến, lại hóa hợp là nhật xung không tán. Nhưng hào ứng tý thủy lâm nguyệt kiến, sợ rằng mùa đông năm đó thất tán. Về sau quả nhiên cửa hàng đó có khai trương mà không tiếp tục được.

Ví dụ : Ngày giáp ngộ tháng dần đoán con bị bệnh lâu được quẻ "Đại tráng"

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huỳnh đệ tuất thổ ..
Tử tôn thân kim ..
Phụ mẫu ngộ hỏa . thế
Huỳnh đệ thìn thổ .
Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy . ứng

Bệnh lâu ngày gặp xung thì chết. Hào thân tử tôn là dụng thần lâm nguyệt phá, hào thế ngộ hỏa lâm nhật kiến, khắc dụng thần nên ngày đó đáng lẽ phải thấy xấu. Nhưng trong quẻ có tý thủy ám động chế ngự hỏa, nên hôm đó không chết. Ngày hôm sau tý thủy bị chế ngự, kỵ thần gặp hợp, mùi thổ tham hợp quên sinh nên dụng thần tất phải chết. Quả đúng là ngày mùi giờ thìn thì chết.

Khi được lục hợp biến thành lục xung thì đoán không có lợi. Trước hợp sau tán, trước thân sau sơ, trước vinh hoa sau suy yếu, trước giàu sau nghèo, trước tốt sau xấu, được mà lại mất, thành rồi lại bại. Chỉ khi đoán những tai họa do làm quan hoặc bị cướp bóc thì có lợi.

V. SINH KHẮC XUNG HỢP CỦA HÀO

Quẻ và sáu hào có sinh có khắc, có xung có hợp. Điều đó phù hợp với quy luật vận động biến hóa của tự nhiên. Không có sinh thì không có khắc hay không có khắc thì không có sinh. Không có xung thì không có hợp, hoặc ngược lại. Do đó, sinh khắc xung hợp là quy luật phổ biến của thế giới tự nhiên. Dưới đây là quẻ cần làm ví dụ :

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ . thế
Huỳnh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa .
Phụ mẫu thìn thổ . ứng
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy .

Nếu tự đoán cát hung thì lấy hào thế làm dụng thần. Hào thế tuất thổ là bản thân mình nên vượng tướng, sợ nhất là hưu tù xung khắc. Nên được ngộ hỏa tương sinh, kỵ nhất là bị dẫn mộc khắc. Cũng không nên hào thế rơi vào không vong, càng không nên nguyệt phá vì nguyệt phá là thân thể bị phá. Hào thế tuất thổ này có bốn loại sinh khắc không hợp. Theo sách "Tàng san bốc dịch" nói : Một : Nguyệt kiến có thể sinh khắc xung hợp. Hào thế này là tuất thổ nếu ở tháng dần mao thì bị mộc của dần mao khắc làm cho tổn thương tức là không lợi. Nếu ở tháng thìn thì bị thìn thổ xung tuất thổ gọi là nguyệt phá nên trăm thứ đều không có ích gì. Nếu ở tháng tỵ ngộ thì hỏa có thể sinh thành tuất thổ, nên gọi là hỏa vượng thổ tướng, hào thế vượng tướng thì mọi việc sẽ hanh thông thuận lợi. Nếu ở tháng sửu mùi, hai thổ này sẽ cùng vượng tướng để phụ trợ lẫn nhau, điều đó là tốt. Nếu ở tháng tuất gọi là thế lâm nguyệt kiến, đó là vượng tướng, tốt. Nếu ở tháng thân, dậu, Hợi, Tý, tuất thổ là bị xì hơi, hào thế sẽ hưu tù vô lực.

Hai là : Nhật thìn có thể sinh khắc xung hợp, hào thế này là tuất thổ nếu ở ngày dần mao, thì mộc của dần mao có thể khắc tuất thổ nên gọi là hào thế bị tổn thương, không lợi. Nếu ở ngày thìn thì thìn thổ xung tuất thổ của hào thế, gọi là ám động. Nếu ở ngày mùi sửu gặp thổ mà giúp đỡ thì tuất thổ cũng sẽ được phù trợ. Nếu ở ngày tỵ ngộ, tuất thổ lâm bệnh nhật kiến nên được quyền. Nếu ở các ngày thân, dậu, Hợi, Tý thì tuất thổ này sẽ bị xì hơi. Đó gọi là nhật kiến có thể sinh khắc xung hợp.

Ba là : Hào động trong quẻ có thể sinh khắc xung hợp. Hào thế tuất thổ này gặp hào hai dẫn mộc phát động, có thể khắc tuất thổ. Hào bốn ngộ hỏa quan tinh phát động có thể sinh thành tuất thổ. Hào thứ ba là thìn thổ phát động, có thể xung tuất thổ. Đó gọi là có thể sinh khắc xung hợp dụng thần. Bốn là : Hào thế phát động biến thành hào có thể khắc trở lại. Hào thế phát động, động thì tất biến, biến ra ngộ hỏa đó gọi là trở lại sinh thế; biến ra dẫn mộc, gọi là trở lại khắc thế; biến ra thìn thổ, gọi là trở lại xung thế; biến ra mao mộc gọi là hợp thế. Đó gọi là dụng thần tự động biến ra các hào tức là có thể sinh khắc xung hợp dụng thần.

Nếu được 4 chỗ đều là hợp dụng thần thì mọi việc đều tốt. Nếu có 3 chỗ tương sinh, một chỗ tương khắc thì cũng tốt. Nếu có 2 chỗ khắc, hai chỗ sinh thì phải xem nguyên thần vượng hay suy. Nguyên thần mà vượng thì đoán là tốt. Kỵ thần mà vượng có thể đoán là xấu. Nếu gặp 3 chỗ tương khắc, một chỗ tương sinh nhưng chỗ tương sinh đó hào vượng tướng là trong khắc gặp sinh. Nếu 4 chỗ đều khắc thì vô cùng xấu.

VI. TAM HỢP HÓA CỤC CỦA HÀO

Thân tý thìn hợp hóa thủy cục, tỵ dậu Sửu hợp hóa kim cục, dần ngọ tuất hợp hóa hỏa cục, Hợi mao mùi hợp hóa mộc cục.

Hóa cục là các địa chi trong quẻ và hào tương hợp với nhau, quẻ hào hóa hợp với nguyệt kiến, nhật kiến.

Tam hợp hóa cục có một hào động mà hợp cục.

1. Trong một quẻ có một hào động mà hợp cục.

2. Có hai hào động, một hào không động mà hợp cục. Một hào âm động, một hào minh động cũng là hai hào động.

3. Hào sơ của quẻ nội động, hào ba động, động mà biến ra hào hợp cục.

4. Hào 4 hào 6 của quẻ ngoại động mà biến ra hào hợp cục.

Quy tắc của hợp cục là phải có cả 3 chữ : thân, tý, thìn mới có thể hóa cục. Nhiều một chữ hoặc ít một chữ đều không thể hợp cục. Ít một chữ thì phải chờ cho hào do quẻ biến ra, hoặc hào lâm nguyệt, nhật kiến mới có thể hợp cục, đó gọi là cục hư ảo chờ để dùng sau. Nhiều một chữ cũng không thể thành cục, ví dụ trong Hợi, mao, mùi có 2 chữ mao đó là nhiều một chữ. Tất cả phải chờ hào động hoặc nhật nguyệt lâm tuất, mao hợp với tuất để hợp mất một chữ mao, lúc đó mới có thể thành cục. Trong tam hợp cục, có một chữ không phá phải chờ đến ngày tháng điền vào đây mới thành cục. Có một hào nhập mộ thì phải chờ đến ngày xung khai mới thành cục. Tóm lại đầy đủ 3 chữ mới có thể hóa hợp thành cục.

Tam hợp cục khi đoán công danh và cầu quan, nếu hợp thành sinh cho hào thế thì lợi cho mình, hợp cục sinh cho hào ứng thì lợi người khác. Hợp thành tử tôn cục là thần phúc sinh tài, của cải sẽ tăng nhanh. Nhưng cục tử tôn lại làm hại thăng quan tiến chức, cho nên không lợi cho việc cầu danh và cầu quan. Hợp thành huynh đệ cục là thần kiếp tài, sẽ có họa mất của. Khi đoán về mồ mã, nhà cửa, hào phụ mẫu nên hợp thành cục. Khi đoán về hôn nhân vợ chồng, quan tài vượng mà hợp cục là tốt. Khi đoán về người đi xa dụng thần ở trong cục là đi mà không trở về. Khi đoán về xuất hành, dụng thần hợp trong cục là không đi được.

Phàm được tam hợp cục, dụng thần vượng tướng mà đoán về những việc vui mừng thì rất có lợi. Hợp cục, hào thế, dụng thần ở trong cục là tốt. Nếu hào thế, dụng thần không ở trong cục thì cục phải sinh thế, dụng thần mới tốt. Hợp cục mà biến thành kỵ thần, cứu thần để khắc thế, khắc dụng là đã xấu càng thêm xấu. Do đó đoán việc vui gặp hợp cục thì bền lâu. Đoán kiện tụng, việc lo lắng gặp hợp cục thì không có lợi, khó tiêu tan sự lo lắng. Do đó mà nói tam hợp cục có cát có hung.

Vi dụ : Ngày đinh ty tháng mao đoán hai thôn vì tranh giành nước mà đánh nhau, được quẻ "khôn" của quẻ "ly".

LY VI HỎA

Huynh đệ ty hỏa O thế
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim O
Quan quý hợp thủy O ứng
Tử tôn sừ thổ ..
Phụ mẫu mao mộc O

KHÔN VI ĐỊA

Thê tài dậu kim .. thế
Quan quý hợp thủy ..
Tử tôn sừ thổ ..
Phụ mẫu mao mộc .. ứng
Huynh đệ ty hỏa ..
Tử tôn mùi thổ ..

Quẻ nội là thôn mình, quẻ ngoại là thôn khác. Quẻ nội hợp mao mùi hợp thành mộc cục, quẻ ngoại ty dậu sừ hợp thành kim cục, là kim khắc mộc. May mà tử kim không thể khắc vượng mộc, hơn nữa nhật thìn chế ngự kim. Nên không đáng sợ. Quẻ lại còn gặp lục xung biến thành lục xung, không đến nỗi xấu, do đó tai nạn này sẽ rất nhanh trôi qua.

Vi dụ : Ngày đinh dậu tháng ty đoán có được nhận vào chỗ còn thiếu người hay không, được quẻ "nhu" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ O thế
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa O
Phụ mẫu thìn thổ . ứng
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy .

THỦY THIÊN NHU

Tử tôn tý thủy ..
Phụ mẫu tuất thổ .
Huynh đệ thân kim .. thế
Phụ mẫu thìn thổ .
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy . ứng

Quẻ chủ dần ngộ tuất hợp thành quan cục, quan cục sinh thế, khuyết này tất được hợp cục. Quẻ nội hào dần không phát động, phải chờ đến ngày dần mới được việc này. Quả nhiên ứng nghiệm. Đây là hợp cục hư ảo.

Vi dụ : Ngày kỷ ty tháng ngộ đoán vận quan. Được quẻ "đại hữu" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ . thế
Huynh đệ thân kim O
Quan quý ngộ hỏa .
Phụ mẫu thìn thổ . ứng
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy .

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan quý ty hỏa . ứng
Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim.
Phụ mẫu thìn thổ . thế
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tý thủy .

Quan tinh ngộ hỏa là dụng thần, ở trong quẻ thân kim động, thân tý thìn hóa thành thủy. Nhưng thân và nhật thìn tý hỏa tác hợp nên thủy cục không thành. Đó gọi là tham hợp quên khắc.

VII. TAM HÌNH CỦA HÀO

Tý hình phạt mao, mao hình phạt tý, đó là hình phạt do vô lễ. Tý hình phạt thân, thân hình phạt dần, dần phạt tý, đó là hình phạt do có quyền thế. Sửu phạt tuất, tuất phạt mùi, mùi phạt sừ, đó là hình phạt do vô ơn. Thìn ngộ Dậu Hợi là hình phạt tự mình gây ra.

Tương hình là hình phạt do sự việc chủ về xấu, vừa chủ về bị thương, bệnh tật, hoặc tai nạn lao tù. Phạm đoán cho những người mà gặp phải thế, dụng thần gặp hình phạt thì nên khuyên phải tôn trọng pháp luật, làm việc cẩn thận mới mong tránh khỏi hình phạt.

Tương hình không những do hào và quẻ động biến thành, mà hào quẻ với nhật nguyệt cũng có thể tạo thành hình phạt. Tam hình cũng như thế : Dần phạt tý, tý phạt thân, thân phạt dần, cả 3 đều đầy đủ mới gọi là tam hình. Ba tý có thể phạt một mao, một mao có thể phạt ba tý, nhưng hai mao một tý thì không bị phạt, một tý hai mao cũng không bị phạt. Những trường hợp khác nguyên tắc cũng giống như tam hợp hóa cục.

Tam hình tuy chủ về việc xấu, nhưng cũng có sự khác biệt về tham hợp vong hình. Ví dụ ngày canh thân tháng dần đoán bệnh tật được quẻ "ly" của quẻ "gia nhân".

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huỳnh đệ mao mộc .

Tử tôn tý hỏa O ứng

Thê tài mùi thổ x

Phụ mẫu Hợi thủy .

Thê tài sừ thổ .. thế

Huỳnh đệ mao mộc.

LY VI HỎA

Tử tôn tý hỏa . thế

Thê tài mùi thổ ..

Quan quỷ Dậu kim .

Phụ mẫu Hợi thủy . ứng

Thê tài sừ thổ ..

Huỳnh đệ mao mộc.

Tý hỏa là dụng thần, nguyệt kiến sinh, nhật thìn hợp tức là bệnh có thể chữa được. Nhưng không may nguyệt kiến dần, nhật kiến thân và dụng thần tý hỏa tạo thành tam hình nên bệnh trở nên nguy. Về sau kết quả là chết ở giờ dần ngày dần.

Tham sinh vong hình

Ví dụ : Ngày dinh sừ tháng tuất đoán về bệnh của bố được quẻ "mông" của quẻ "khê"

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ ..
 Tử tôn dậu kim O thế
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Quan quý mao mộc .
 Phụ mẫu ty hỏa O ứng

SƠN THỦY MÔNG

Quan quý dẫn mộc.
 Thê tài tý thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ .. thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa ..
 Huynh đệ thìn thổ .
 Quan quý dẫn mộc .. ứng

Quẻ này phụ mẫu động ra dẫn mộc, vốn là tương hình, nay ty hỏa tham sinh mà vong hình.

Tham hợp vong hình

Vi dụ : Ngày kỷ hợi tháng thìn đoán bệnh của vợ được quẻ "khiêm" của quẻ "tì".

THỦY ĐỊA TỬ

Thê tài tý thủy .. ứng
 Huynh đệ tuất thổ O
 Tử tôn thân kim ..
 Quan quý mao mộc O thế
 Phụ mẫu ty hỏa ..
 Huynh đệ mùi thổ ..

ĐỊA SƠN KHIÊM

Tử tôn dậu kim ..
 Thê tài hợi thủy .. thế
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Tử tôn thân kim .
 Phụ mẫu ngộ hỏa .. ứng
 Huynh đệ thìn thổ ..

Tý thủy là vợ, hào thế mao mộc động là khắc vợ, nhưng mao và tuất thổ cùng động mà tương hợp. Do đó mao mộc tham hợp vong hình. Bệnh của vợ sẽ khỏi vào ngày dậu. Đứng vào ngày dậu thê hóa tử tôn sinh trở lại.

Vi dụ : Ngày mậu ngộ tháng thìn đoán bệnh của chồng được quẻ "di" của quẻ "ly".

LY VI HỎA

Huynh đệ ty hỏa . thế
 Tử tôn mùi thổ ..
 Thê tài dậu kim O
 Quan quý hợi thủy O ứng
 Tử tôn sừ thổ ..
 Phụ mẫu mao mộc .

SƠN LÔI DI

Phụ mẫu dẫn mộc .
 Quan quý tý thủy ..
 Tử tôn tuất thổ .. thế
 Tử tôn thìn thổ ..
 Phụ mẫu dẫn mộc ..
 Quan quý tý thủy. ứng

Sao chồng hợi thủy là dụng thần, dậu kim động để sinh, nhưng không nên dụng thần hóa nhập mộ, hỏa nguyệt kiến khắc trở lại, lại là ngày ngộ, thìn ngộ dậu hợi đều đầy đủ là tự bị hình phạt, nên rất nguy hiểm. Về sau chết vào giờ ngộ ngày đó.

Chương 10

ĐỘNG BIẾN

Quẻ có quẻ biến, hào có hào biến. Hào biến thì quẻ biến, hào không động thì không biến, có hào động thì có biến. Động biến còn chia ra biến sinh trở lại, biến khắc trở lại. Biến sinh là tốt, biến khắc là xấu. Cho nên "Tốt xấu sinh ra do ở sự biến động". Hào động là bắt đầu của sự việc, hào biến là sự việc kết thúc.

I. SINH, KHẮC CỦA QUẺ BIẾN

Quẻ biến có ; biến sinh, biến khắc, biến tuyệt, biến mộ và biến ngang nhau. Quẻ đại tượng tốt là tốt càng thêm tốt. Đại tượng mà xấu là xấu hoặc gặp tai ương. Quẻ mà khắc ít sinh nhiều là quẻ đại tượng cát. Quẻ mà sinh ít khắc nhiều là quẻ đại tượng hung. Đại tượng hung thì trong tháng còn có thể chưa can gì, nhưng ra khỏi tháng đó là gặp nạn, nếu hóa khắc trở lại thì nạn càng to hơn. Quẻ hóa khắc trở lại thì bất luận dụng thần suy hay vượng đều là hung cả. Hóa khắc trở lại, ví dụ được quẻ "càn" của quẻ "chấn".

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ x thê
Quan quý thân kim x
Tử tôn ngộ hỏa .
Thê tài thìn thổ x ứng
Huynh đệ dẫn mộc x
Phụ mẫu tý thủy.

CÀN VI LÔI

Thê tài tuất thổ . thê
Quan quý thân kim .
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài thìn thổ . ứng
Huynh đệ dẫn mộc .
Phụ mẫu tý thủy .

Chấn là mộc, càn là kim, nay quẻ biến khắc trở lại là không tốt.

Ví dụ : Tồn mộc biến khâm thủy là sinh trở lại.

TỐN VI PHONG

Huynh đệ mao mộc O thê
Tử tôn ty hỏa .
Thê tài mùi thổ ..
Quan quý dậu kim O ứng
Phụ mẫu hợi thủy .
Thê tài sừ thổ ..

KHÂM VI THỦY

Phụ mẫu tý thủy .. thê
Thê tài tuất thổ .
Quan quý thân kim ..
Tử tôn ngộ hỏa .. ứng
Thê tài thìn thổ .
Huynh đệ dẫn mộc ..

Đó gọi là biến sinh trở lại, là đại cát. Hào biến sinh trở lại, biến khắc trở lại đã có những ví dụ ở trên, ở đây không nói thêm nữa. Còn về tuyệt mộ thì sẽ bàn đến ở phía sau.

II. SINH, KHẮC CỦA ĐỘNG, TĨNH

Hào tĩnh nhưng vượng tướng, như người cường tráng có sức, có thể thắng được hào hưu tù, cũng có thể khắc được điều hại của hào hưu tù.

Ví dụ : Ngày dần mao mùa xuân đoán được quẻ "khôn"

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim .. thế
Thê tài hợi thủy ..
Huỳnh đệ sữu thổ ..
Quan quý mao mộc .. ứng
Phụ mẫu ty hỏa ..
Huỳnh đệ mùi thổ ..

Quẻ này nếu đoán về cha mẹ, hào ty hỏa là dụng thần. Hào sáu ba là mao mộc gặp lệnh của mùa xuân là đất của vượng tướng có thể sinh phụ mẫu ty hỏa, tức phụ mẫu vượng tướng. Nếu là quẻ đoán cho con cháu, tử tôn dậu kim ở tử địa là bị hào phụ mẫu khắc, cho nên không lợi cho con cháu. Nếu đoán cho anh em thì sữu mùi thổ bị mộc xuân khắc, cũng là bất lợi.

Hào động có thể khắc hào tĩnh. Cho dù hào tĩnh vượng tướng cũng không thể khắc được hào động.

Ví dụ : Tháng dần đoán được quẻ "quy muội" của quẻ "đoài".

ĐOÀI VI TRẠCH

Phụ mẫu mùi thổ .. thế
Huỳnh đệ dậu kim O
Tử tôn hợi thủy .
Phụ mẫu sữu thổ .. ứng
Thê tài mao mộc .
Quan quý ty hỏa .

LÔI TRẠCH QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ .. ứng
Huỳnh đệ thân kim ..
Quan quý ngọ hỏa.
Phụ mẫu sữu thổ .. thế
Thê tài mao mộc .
Quan quý ty hỏa .

Dậu kim tuy ở đất hưu tù, nhưng lâm phát động cho nên có thể khắc được vượng tướng của mao mộc. Mao mộc đương lệnh có thể khắc hai thổ của sữu mùi, nhưng mộc tự mình bị thương cho nên không có sức khắc thổ. Những cái khác cũng thế.

Tĩnh giống như ngồi, như nằm, động giống như người đang đi có sức, cho nên động có thể khắc được hung.

III. SINH, KHẮC, XUNG, HỢP CỦA ĐỘNG BIẾN

Phàm quẻ có hào động, động thì tất biến. Hào được biến ra sẽ sinh khắc xung hơn với hào động ban đầu, không thể khắc hào khác. Những hào khác và hào động ban đầu không thể sinh khắc hào vừa biến ra.

Vi dụ : Ngày mao tháng tý đoán được quẻ "tấn" của quẻ "khôn".

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim x thế

Thê tài hợi thủy ..

Huynh đệ sừ thổ x

Quan quý mao mộc .. ứng

Phụ mẫu ty hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

HỎA ĐỊA TẤN

Phụ mẫu ty hỏa .

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim . thế

Quan quý mao mộc ..

Phụ mẫu ty hỏa ..

Huynh đệ mùi thổ ..

Dậu kim phát động, dậu là hào động. Biến ra ty hỏa là hào biến, hào biến ty hỏa có thể khắc trở lại dậu kim của hào gốc, chứ không thể sinh khắc các hào khác. Hào bốn sừ thổ động có thể sinh ra dậu kim của hào thế chứ không sinh khắc các hào khác. Để kim chế hào biến chỉ có : nguyệt, nhật, cái sinh ra, cái khắc, cái chế ngự được, xung hoặc hợp mới kim được nó. Nhật nguyệt như trời, nắm quyền sinh sát, có thể sinh khắc hào động, hào tĩnh, hào phi thân, hào phục thân, hào biến. Ngược lại các hào không thể khắc thương nhật nguyệt được. Trong "Hoàng kim sách" nói : "Hào khắc lại nhật nguyệt chỉ tổn công vô ích". Trong ví dụ này, tý thủy nguyệt kiến có thể khắc hào thế biến ra ty hỏa. Mao là nhật kiến, có thể xung khắc dậu kim vừa biến ra.

IV. ÁM ĐỘNG

Hào tĩnh vượng tương, nhật thìn xung là ám động. Hào tĩnh hưu tù, nhật thìn xung gọi là nhật phá. Ám động thì có thể có vui, hoặc có điều kiêng kỵ. Dụng thần hưu tù, được nguyệt thần ám động tương sinh, kỵ thần ám động sinh nguyên thần, nguyên thần ám động sinh dụng thần, đó gọi là tin vui. Dụng thần hưu tù không có sự giúp đỡ, lại kỵ thần ám động khắc, đó gọi là hung, xấu.

Ám động giống như người làm việc giấu diếm âm thầm, phúc đến mà không biết, họa đến mà không hay. Do đó nếu gặp kỵ thần ám động khắc thế, khắc dụng thì cần đề cao cảnh giác, tăng cường đề phòng, đó là biện pháp tốt nhất.

Vi dụ : Ngày kỷ mùi tháng dần đoán bệnh cho nữ được quẻ "sư" của quẻ "khôn".

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim .. thế
Thê tài hợi thủy ..
Huynh đệ sữu thổ ..
Quan quý mao mộc .. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa x
Huynh đệ mùi thổ ..

ĐỊA THỦY SỬ

Tử tôn dậu kim .. ứng
Thê tài hợi thủy ..
Huynh đệ sữu thổ ..
Phụ mẫu ngọ hỏa .. thế
Huynh đệ thìn thổ .
Quan quý dần mộc ..

Dậu kim tử tôn tuy ở đất hư tù nhưng được nhật thìn mùi thổ sinh. Hào hai là tỵ hỏa động lại khắc kim, may có mùi xung sữu thổ ám động, thổ động sinh kim nên tuy bệnh nặng nhưng không nguy hiểm. Giờ thân ngày mùi hôm nay sẽ được cứu giúp. Quả nhiên đã gặp danh y đến chữa.

V. ĐỘC PHÁT, ĐỘC TÍNH

Trong một quẻ 5 hào không động, chỉ có một hào động gọi là độc phát. 5 hào đều động, chỉ có một hào không động gọi là độc tĩnh. Nếu trong quẻ có một hào minh động, có một hào gặp nhật thìn xung mà ám động thì cũng gọi là độc phát. Độc phát, độc tĩnh chẳng qua là dùng để đoán việc thành bại nhanh hay chậm. Sinh thì việc thành, khắc thì việc hỏng. Tĩnh thì việc ứng chậm, động thì việc ứng nhanh. Còn muốn biết cát hung thì phải xem dụng thần.

Tận tĩnh, tận phát : Trong một quẻ 6 hào yên tĩnh lại không có nhật thìn xung động thì gọi là tận tĩnh. Cả 6 hào đều động thì gọi là tận phát. Tận tĩnh như hoa mùa xuân còn ôm lấy nụ, ta không dễ gì thấy được sự kỳ diệu của nó. Quẻ tận phát thì như trăm hoa đã nở, ta có thể thấy được sự đẹp đẽ của nó nhưng dễ gặp cuồng phong là dễ tàn lụi, tổn thất ngay. Cho nên tĩnh thì đẹp, động thì thường xấu. Cho dù tận tĩnh hay tận phát đều phải lấy dụng thần làm chủ để đoán sự việc.

Chương 11

SINH VƯỢNG CỦA TỬ THỜI

Tượng quẻ, tượng hào, ngũ hành, lục thân đều có sinh, vượng, hưu, tù, mộ, tuyệt. Đó là lấy tiết lệnh 4 mùa của một năm, nguyệt kiến, nhật thìn làm tiêu chí. Tượng quẻ, dụng thân lâm vượng thì tốt, lâm hưu tù mộ tuyệt thì xấu. Do đó tiết lệnh của 4 mùa, nguyệt kiến, nhật thìn trong dự đoán vô cùng quan trọng, nhất định phải nhớ thuộc.

I. VƯỢNG TƯỚNG CỦA TỬ THỜI

Tháng giêng kiến dần, dần mộc lâm nguyệt kiến; tháng hai kiến mao, mao mộc lâm nguyệt kiến. Tháng giêng và tháng hai là mộc vượng, hỏa tướng còn kim thổ đều là hưu tù.

Tháng ba kiến thìn, thìn thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, mộc có dư khí. Những cái khác đều là hưu tù. Tháng tư kiến ty, Ty hỏa lâm nguyệt kiến. Tháng 5 kiến ngọ, ngọ hỏa lâm nguyệt kiến. Tháng 4, tháng 5 hỏa vượng, thổ tướng, những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 6 kiến mùi, mùi thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, hỏa có dư khí. Những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 7 kiến thân, thân kim lâm nguyệt kiến; tháng 8 kiến dậu, dậu kim lâm nguyệt kiến. Tháng 7, tháng 8 kim vượng sinh thủy, thủy là vượng tướng. Những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 9 kiến tuất, tuất thổ lâm nguyệt kiến. Thổ sinh kim, kim là vượng tướng, những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 10 kiến hợi, hợi thủy lâm nguyệt kiến; tháng 11 kiến tý, tý thủy lâm nguyệt kiến. Tháng 10 tháng 11 thủy vượng sinh mộc, mộc là vượng tướng. Những cái khác đều là hưu tù.

Tháng 12 kiến sửu, sửu thổ lâm nguyệt kiến, thổ sinh kim, kim là vượng tướng, thủy có khí. Những cái khác đều là hưu tù.

Dụng thân lâm nguyệt kiến, nhật thìn trường sinh đế vượng là được phúc dày. Dụng thân lâm kỵ thân là họa không ít. Nhưng dụng thân lâm vượng địa mà không có hào nào khắc thường là tốt.

Kỵ thần lâm nguyệt kiến, nhật thìn, trường sinh đế vượng, mà dụng thần hưu tù không có cứu trợ thì quẻ đó là xấu. Cái sinh phù kỵ thần là cái trợ giúp cho cái ác; cái khắc nguyên thần là cái cản đường gây trở ngại. Kỵ thần bị khắc, bị chế ngự thì không xấu nữa.

II. SINH, VƯỢNG, MỘ, TUYỆT

Từ chương II đến chương V có nói đến sinh vượng mộ tuyệt. Dưới đây xin nêu cụ thể như sau :

Kim trường sinh ở tỵ, vượng ở dậu, mộ ở Sửu, tuyệt ở dần.

Mộc trường sinh ở Hợi, vượng ở Mão, mộ ở Mùi, tuyệt ở Thân.

Hỏa trường sinh ở Dần, vượng ở Ngọ, mộ ở Tuất, tuyệt ở Hợi.

Thủy thổ trường sinh ở Thân, vượng ở Tý, mộ ở Thìn, tuyệt ở Tỵ.

Nếu hào dụng thần thuộc mộc là lâm tháng Hợi, hoặc ngày Hợi là dụng thần trường sinh ở Hợi, cũng tức là lâm nguyệt kiến, nhật thìn là dụng thần gặp trường sinh. Nếu lâm tháng Mão, hoặc ngày Mão tức là dụng thần đế vượng ở Mão. Nếu lâm tháng Mùi hoặc ngày Mùi, là dụng thần nhập mộ. Lâm tháng Thân, hoặc ngày Thân là dụng thần tuyệt ở Thân. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Hào dụng thần thuộc mộc, xuất động thành hào Hợi Thủy là dụng thần gặp trường sinh; động xuất thành hào Mùi Thổ là dụng thần nhập mộ; động xuất thành hào Thân Kim là dụng thần gặp tuyệt địa. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Kim tuy trường sinh ở tỵ, nhưng đòi hỏi hào kim vượng tương, hoặc nhật nguyệt, hào động sinh phù. Hào kim gặp ngày tỵ, hoặc trong quẻ động xuất thành hào tỵ Hỏa, hoặc là hào kim động xuất thành tỵ thì đều gọi là kim trường sinh.

Nếu hào kim hưu tù vô khí lại gặp tỵ Ngọ Hỏa thì vẫn gọi là khắc chứ không thể gọi là sinh.

Kim tuy mộ ở Sửu Thổ, nếu được Mùi Thổ xung mất Sửu Thổ, hoặc trong quẻ nhiều Thổ sinh kim thì gọi là sinh, không gọi là khắc. Hào Thổ tuyệt ở tỵ, tất nhiên là hưu tù vô khí là tuyệt. Nếu được hào Thổ vượng tương, hoặc nhật, nguyệt, hào động sinh phù, lại gặp tỵ Hỏa thì gọi là sinh, không gọi là tuyệt. Tỵ Hỏa trường sinh ở dần, nhật, nguyệt, hào động và hào mà nó biến ra lại gặp Thân thì gọi là tam hình, không gọi là sinh.

Ví dụ : Ngày kỷ Mão tháng Ngọ đoán bệnh cho vợ được quẻ "phong" của quẻ "chấn".

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ .. thê
Quan quý thân kim ..
Tử tôn ngộ hỏa .
Thê tài thìn thổ X ứng
Huynh đệ dẫn mộc ..
Phụ mẫu tý thủy .

LÔI HÓA PHONG

Thê tài tuất thổ ..
Quan quý thân kim .. thê
Tử tôn ngộ hỏa .
Phụ mẫu hợi thủy .
Thê tài sữu thổ .. ứng
Huynh đệ mao mộc .

Hào tài thìn thổ là dụng thần, mới mắc bệnh được xung thì sẽ khỏi. Ngày tý sẽ khỏi. Quả đúng như thế, vì thổ vượng ở tý.

Về trường sinh của thổ, có thổ trường sinh ở dẫn, có thổ trường sinh ở thân. Xưa nay những điều đó vẫn chưa được làm sáng tỏ. Căn cứ thực tiễn, can chi thổ trường sinh ở dẫn, còn hào thổ của quẻ thì trường sinh ở thân, trong thực tế thường ứng nghiệm như thế.

Trên đây đã nói đến nguyên tắc vượng tướng của tứ thời, sinh vượng mộ địa. Trong thực tiễn dự đoán, phải dùng đến luôn nên những người mới học cần phải ghi nhớ câu sau : "Trường sinh nắm quyền chính".

Thời gian của trường sinh là từ trường sinh phát triển đến trước sau của dương, điều đó phải nhớ chắc. Quá trình chia như sau : Trường sinh, mộc dục, quan (đái), lâm (quan), đế (vượng), suy, bệnh, tử, mộ, tuyệt, thai, dưỡng. Những cái đó có thể là hàng năm, hàng tháng, hàng ngày, hàng giờ nên phải dùng dụng thần mới biết được suy hoặc vượng.

Trên đây đã nói đến mối quan hệ của vượng suy và cách phối với 12 chi. Mộc trường sinh ở hợi, cho nên trường sinh phối với hợi, mộc dục phối với tý, cứ theo chiều đó mà phối tiếp. Ví dụ mộc là dụng thần, lâm tháng hay ngày là dẫn mao, là lâm quan, đế vượng, lâm ngộ là tử, lâm mùi là nhập mộ. Những cái khác cũng tương tự. Độc giả nếu cảm thấy khó nhớ thì có thể tham khảo bảng "thập thiên can sinh vượng tử tuyệt" ở trang 119.

III. BÀN VỀ NHẬP MỘ

Thủy thổ mộ ở thìn, mộc mộ ở mùi, hỏa mộ ở tuất, kim mộ ở sữu. Nên thổ của thìn, tuất, sữu, mùi, là mộ của vạn vật trong vũ trụ. Người ta sau khi mất cũng sẽ nhập mộ ở thổ.

Mộ nhiều là hung địa, cho nên nói mộ là phần mộ, là phòng giam, là y viện, là động huyết...

Quẻ có mộ, hào cũng có mộ. Kỳ nhất là hào thế, dụng thần cùng với hào quan quý nhập nhập mộ, nhập động mộ hoặc động mà hóa mộ. Cùng với hào quan quý nhập mộ có nghĩa là quan quý tri thế và đã nhập mộ. Nếu

đoán bệnh tật hoặc những việc hung dữ mà hào thế, dụng thần cùng quan quỷ nhập mộ thì biết ngay được cát hung, tai họa. Nếu hào thế, dụng thần hưu tù vô khí mà bị khắc nhập mộ thì quẻ xấu ngay. Nếu hào thế, dụng thần vượng tướng, lại còn có sinh phù thì tức là có cứu.

Hào thế dụng thần vượng tướng, hào mộ trực không phá thì phải chờ cho đến năm, tháng, hoặc ngày hào mộ được điền thực thì mới ứng điều xấu. Hào thế dụng thần hưu tù thì hào thế, dụng thần đến ngày tháng điền lấp đầy, quẻ mới ứng cát.

Người đoán cầu tài, hào thế vượng gặp mộ, phải chờ đến ngày, tháng xung mộ mới thành. Đoán hôn nhân, hào thế vượng đắc địa, lại được hào tài có khí mà sinh thế, hợp thế thì phải chờ đến ngày, tháng xung ra khỏi mộ hôn nhân mới thành. Sách xưa có nói : đoán người đi xa, nếu được dụng thần hóa mộ hoặc nhập mộ, dụng thần vượng tướng thì nhất định sẽ trở về. Tôi trong thực tế, khi gặp hào thế, dụng thần vượng mà nhập mộ, mà đã hơn một năm chưa trở về, có lúc mấy năm mà chưa quay về, đang sống hay đã chết, bật vô âm tín. Đoán về cầu danh, cầu quan, hào thế vượng tướng, chờ đến tháng hay năm xung khai khỏi mộ là thành danh hoặc thành quan. Đoán người xuất hành đi xa, hào thế vượng tướng thì chờ cho đến ngày, tháng xung khỏi mộ là được như ý. Nếu gặp hào thế hưu tù, không phá, phần nhiều đi mà không về. Đoán về bệnh, gặp hào thế vượng tướng, chờ đến ngày, tháng, xung khỏi mộ thì bệnh khỏi. Đoán về quan họa, lao dịch, hào thế vượng tướng là có thể qua được. Hào thế hưu tù, không phá thì sẽ bị trùng ách vào cổ, khó mà thoát được. Tóm lại, nếu quẻ gặp hào thế và dụng thần vượng thì chờ cho đến ngày, tháng, năm xung ra khỏi mộ là sẽ cát ngay. Nếu hào thế, dụng thần hưu tù vô khí, không phá thì đến lúc gặp xung khai khỏi mộ là tai họa ập đến ngay.

Vi dụ : ngày tân mùi, tháng tý đoán bệnh của con được quẻ "trung phù" của quẻ "tiêm".

PHONG SƠN TIÊM

Quan quỷ mảo mộc. ứng

Phụ mẫu ty hỏa.

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn thân kim O thế

Phụ mẫu ngộ hỏa X

Huynh đệ thìn thổ X

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quỷ mảo mộc.

Phụ mẫu ty hỏa.

Huynh đệ mùi thổ .. thế

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quỷ mảo mộc .

Phụ mẫu ty hỏa . ứng

Thân kim dụng thần ở vượng địa, hóa xuất thành sửu thổ ở mộ kho nên là hóa mộ. May được nhất kiến mùi thổ xung khai mộ kho, lại được thìn thổ động để sinh dụng, giờ mùi ngày hôm nay bệnh sẽ khỏi. Quả đúng như thế.

Ví dụ : Ngày mậu thìn, tháng ngộ một bà cụ già đoán vận hạn của chồng được quẻ "vị tế" của quẻ "đỉnh".

HỎA PHONG ĐỈNH

Huynh đệ ty hỏa .
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim .
Thê tài dậu kim O
Quan quý hội thủy .
Tử tôn sửu thổ ..

HỎA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa . ứng
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim .
Huynh đệ ngộ hỏa .. thê
Tử tôn thìn thổ .
Phụ mẫu dần mộc ..

Quan quý hội thủy là dụng thần nhờ được hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, liên tục sinh, thật là của nhiều quan vượng. Nhưng hào tài dậu kim ở tử địa lại hóa thành huynh đệ ngộ hỏa khắc trở lại, hào quan hội thủy vô sinh, lại lâm nhật mộ hóa mộ kèm theo quý nhập mộ nên tất sẽ bị đau khổ vì giam cầm. Bà cụ già nói : Chồng tôi làm chức quan không nhỏ nhưng tháng 3 năm nay bị bắt giam, bây giờ muốn xem kết quả sẽ như thế nào ? Trong quẻ này phu tinh (sao chồng) hưu tù vô khí, lại lâm vượng mộ nên : tội rất to nhất định phải chịu hình phạt nặng. Quả đúng vì ông này ức hiếp dân chúng, lộng hành nên bị phạt tử hình nhưng kéo dài 2 năm.

IV. QUYỀN CỦA NGUYỆT KIẾN

Nguyệt kiến tức là lệnh của tháng, nắm quyền một tháng, chủ trì lệnh của tam tuần. Một tháng có 30 ngày thì nó nắm quyền tất cả, nó quyết định ý chính của mọi quẻ, kiểm soát sự thiện ác của sáu hào, theo đúng quyền sinh quyền sát. Nguyệt kiến có thể trợ giúp các hào suy nhược hoặc làm yếu các hào, chế phục sự động biến của hào, phù trợ phi thần, phục thần. Nguyệt kiến nắm quyền chủ soái, giúp hào suy nhược hoặc sinh hợp với hào để biến suy thành vượng. Sự vượng của hào có thể khắc những cái xung, hoặc hình phạt lại những cái phá. Nguyệt kiến cũng có thể chế phục hào biến, những cái phá. Nguyệt kiến cũng có thể chế phục hào biến, hào động khắc chế hào tĩnh. Đối với những quẻ có ẩn chứa phục thần, phi thần thì nguyệt kiến có thể xung khắc phi thần, trợ giúp phục thần làm cho quẻ trở nên tốt hơn.

Nguyệt kiến hợp với hào thì tốt, hào bị nguyệt kiến xung là hào vô dụng.

Quẻ không có dụng thần có thể lấy nguyệt kiến làm dụng thần, không cần tìm mượn phục thần. Nguyệt kiến nhập quẻ động làm nguyên thần là phúc càng to. Động mà làm kỵ thần là đã xấu càng thêm xấu. Nguyệt kiến không nhập quẻ thì ứng chậm, nhập thì việc ứng nhanh.

Ví dụ : Ngày canh tuất, tháng dần, đoán cầu tài được quẻ "đại hữu".

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan quý tỵ hỏa . ứng
Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim .
Phụ mẫu Thìn thổ . thế
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tỵ thủy.

Hào tài dần mộc là quẻ dụng, lâm nguyệt kiến quẻ thế nên chắc chắn là khắc được. Nhưng tuần này là không, nên phải chờ đến giữa tuần giáp dần để hào dần xuất không thì mới được. Quả đúng là ngày giáp dần thì cầu tài đạt được.

V. NGUYỆT PHÁ

Tháng giêng : thân phá, tháng hai : dậu phá, tháng ba : tuất phá, tháng tư : hợi phá; tháng năm : tỵ phá; tháng 6 : sửu phá; tháng 7 : dần phá; tháng 8 : mao phá; tháng 9 : Thìn phá; tháng 10 : tỵ phá; tháng 11 : ngọ phá; tháng 12 : mùi phá.

Nguyệt kiến xung hào là nguyệt phá. Ví dụ tháng giêng nguyệt kiến dần, xung hào thân ở trong quẻ thì thân gặp nguyệt phá. Những tháng khác cũng giải thích tương tự. Dụng thần lâm nguyệt phá là điềm rủi ro. Nguyệt phá là rễ khô, gỗ mục, gặp nó thì rất khó khăn, nếu bị thương tổn lại càng thương tổn. Nếu quẻ có dụng thần, nhưng gặp nguyệt phá thì có cũng như không. Nếu quẻ có phục thần mà gặp nguyệt phá thì cũng vô dụng. Quẻ có nhật thần sinh, nếu gặp nguyệt phá thì cũng không thể sinh được; quẻ có hào động làm thần, nếu gặp nguyệt phá thì cũng không thể bị hại được. Nếu quẻ có hào biến mà gặp nguyệt phá thì không thể khắc được hào động. Cần chú ý tuy hiện tại bị nguyệt phá nhưng ra khỏi tháng đó thì không bị phá nữa. Hôm nay đang bị phá, nhưng ra khỏi ngày tuần không thì không bị phá nữa. Hoặc đến ngày phù hợp thì cũng không bị phá nữa. Sự ứng nghiệm của quẻ nếu gần thì tính theo ngày, nếu xa thì tính theo tháng, năm.

Vi dụ : Ngày mậu tỵ, tháng Thìn, đoán hôm nào thì cha trở về, được quẻ "quải" của quẻ "càn".

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ O thế
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngọ hỏa .
Phụ mẫu Thìn thổ . ứng
Thê tài dần mộc .
Tử tôn tỵ thủy .

TRẠCH THIÊN QUẢI

Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim . thế
Tử tôn hợi thủy .
Phụ mẫu Thìn thổ .
Thê tài dần mộc . ứng
Tử tôn tỵ thủy .

Phụ mẫu tuất thổ là dụng thần, lâm nguyệt phá, lại không có nhật thần và không có hào động sinh nên thực tế là bị phá. Những hào phụ mẫu tri thế, động, có tượng di động, ngày mao có thư, ngày ngọ mùi tất sẽ trở về. Quả đúng thế ! ngày mao được thư, tức là ngày phá mà gặp hợp; ngày mùi trở về, hào phụ mẫu hóa mùi thổ tuần không, là ngày ra khỏi không (xuất không) nên đã ứng nghiệm.

Ví dụ : Ngày Giáp tuất, tháng thận đoán có được lên chức không, được quẻ "bóc" của quẻ "cấn".

CẤN VI SƠN

Quan quý dẫn mộc . thế

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ ..

Tử tôn thân kim O ứng

Phụ mẫu ngọ hỏa ..

Huynh đệ thìn thổ ..

Dẫn mộc quan quý là quan tinh tri thế mà gặp tuyệt, lại gặp tuyệt phá, hào ứng thân kim lâm nguyệt kiến, động để khắc hào thế, đó là tượng đại hung. Hào ứng khắc hào thế là có người đối địch, không những không được thăng chức mà còn phải đề phòng tai họa. Quả đúng ngày thân tháng đó vì quyền cao tham của, gặp dư luận lên án mà tự sát.

Hào tinh không động lại không có nhật thìn, hào động trợ giúp, lại trực tuần không hưu tù vô khí, đã thế lại còn gặp nguyệt kiến, nhật thìn và hào động khắc làm hại nên đây là phá thật.

VI. LỆNH CỦA NHẬT KIẾN

Một tháng có 30 ngày, trong sự sắp xếp thiên can địa chi có quy luật âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Nhật kiến tức là tý, Sửu, dần mao, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất hợp chu kỳ lặp đi lặp lại của 12 chi. Địa chi là chủ của một ngày, là tiêu chí cụ thể, ngũ hành sinh vượng mộ tuyệt của 6 hào trong quẻ, là căn cứ quan trọng để đoán sự thành bại của sự việc trong dự đoán.

Nguyệt kiến nắm quyền của ba tuần, nhưng lại chia ra xuân hạ thu đông, có sự khác nhau của sinh, vượng, mộ, tuyệt của bốn mùa. Nhật kiến thì không như thế, nhật kiến tứ thời đều vượng, nhật kiến là chủ tử của 6 hào, là lệnh của 1 ngày, nắm quyền sinh sát của ngày đó. Nó ngang quyền, ngang công với nguyệt kiến.

Dụng thần của quẻ mà được nhật kiến sinh, được hào động sinh, hoặc được hợp thì dụng thần đã vượng lại càng vượng; nếu dụng thần hưu tù mà được nhật kiến thì giống như mầm non bị hạn lâu ngày gặp được trời mưa, biến sự nguy khốn thành vô hại. Nhật kiến sinh trợ nguyên thần thì mọi việc càng thêm trôi chảy.

Dụng thần bị nhật kiến khắc, nhật kiến xung, nhật kiến hình phạt là điềm không lợi. Dụng thần vượng mà được nguyệt kiến sinh thì còn có thể đổi dịch được, dụng thần mà hưu tù suy nhược thì như đã tuyết còn thêm sương, đã xấu càng thêm xấu.

Nhật thìn xung vượng tướng của hào tĩnh là ám động, thì càng mạnh thêm. Hào tĩnh hưu tù, suy nhược mà gặp nhật thìn xung khắc là nhật phá, hào phá và trở thành vô dụng.

Hào gặp tuần không lại gặp thêm nhật kiến xung thì lại trở nên có ích, trường hợp như thế gọi là xung mất cái không để trở thành cái thực. Hào gặp hợp bị nhật kiến xung gọi là chỗ hợp bị xung. Hung thần chỗ hợp mừng gặp được xung, còn cát thần chỗ hợp thì không nên xung. Tóm lại, hào hưu tù suy nhược mà gặp lệnh của nhật kiến thì có thể được sinh, được hợp, được phù, được ngang hòa. Hào vượng mà gặp nhật kiến thì có thể khắc, xung, hình phạt. Hào gặp nguyệt kiến, nếu bị nhật xung thì không ly tán, gặp khắc thì không bị hại. Hào gặp nhật kiến thì dù bị nguyệt xung cũng không bị phá, nguyệt khắc không bị tổn thương, nếu bị hào động khắc cũng không bị hại, nếu bị hóa khắc trở lại cũng không bị họa. Nhưng phải chú ý : nguyệt sinh nhật khắc thì phải xem kỹ mức độ xung khắc và phải xem còn có hào nào xung khắc dụng thần không. Nếu gặp nhật sinh nguyệt khắc thì phải xem có hào động sinh phù dụng thần không. Quyền của nguyệt kiến không thể bị xung tan. Nguyệt khắc nhật sinh mà gặp được sự phù trợ thì càng vượng; Nguyệt sinh nhật khắc mà gặp phải sự khắc hại thì càng suy.

Ví dụ : Ngày bính dần, tháng thân, đoán bệnh được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy ..
Quan quý tuất thổ . ứng
Phụ mẫu thân kim ..
Quan quý thìn thổ ..
Tử tôn dần mộc x thế
Huynh đệ tý thủy.

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy ..
Quan quý tuất thổ .
Phụ mẫu thân kim .. ứng
Quan quý sửu thổ ..
Tử tôn mao mộc .
Thê tài tỵ hỏa . thế

Hào thế lâm nhật kiến, tuy lâm nguyệt phá lại tử tôn lâm nhật kiến nên những sự hiểm họa đều lướt qua không đáng kể. Hơn nữa còn được hào

động phù trợ mà hóa tiến thần, nên ngày mao thì bệnh giảm. Quả đúng ngày mao thì dậy được.

Ví dụ : Ngày át dậu, tháng dần, đoán thi có đỗ không, được quẻ "di" của quẻ "bôn".

SƠN HÓA BÔN

Quan quỷ dần mộc.

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .. ứng

Thê tài hợi thủy O

Huynh đệ sừu thổ ..

Quan quỷ mao mộc . thế

SƠN LÔI DI

Quan quỷ dần mộc.

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .. thế

Huynh đệ thìn thổ ..

Quan quỷ dần mộc ..

Thê tài tý thủy . ứng

Hào thế mao mộc có quan tinh trì thế, nhật kiến xung là ám động, lại được hào tài hợi thủy động để sinh thế, hào thế lại hóa sinh trở lại cho nên nhất định thi đỗ. Quả đúng ngày tý thì được tin thi đậu cao.

Nhật kiến khắc hào thì rất tai họa, hào khắc nhật kiến thì uổng công vô ích. Nhật, nguyệt như trời và vua, 6 hào như thần dân. Nhật, nguyệt có thể hình phạt, xung khắc, làm hại các hào còn các hào không thể khắc lại nhật, nguyệt.

VII. TUẦN KHÔNG CỦA HÀO

Giáp tý tuần không ở tuất hợi; Giáp tuất tuần không ở thân, dậu;

Giáp thân tuần không ở ngọ, mùi; Giáp ngọ tuần không ở thìn, tý;

Giáp thìn tuần không ở dần, mao; Giáp dần tuần không ở tý, sừu.

Tháng có ba tuần : thượng tuần, trung tuần, hạ tuần. Tuần không là nhật kiến gặp Giáp tý, tức là tuần giáp tý, nhật kiến gặp giáp tuất là tuần giáp tuất. Cũng tức là nói bắt đầu từ ngày nhật kiến giáp tý này đếm đến át sừu, bính dần, đinh mao, mậu thìn, kỷ tý, canh ngọ, tân mùi, nhâm thân, quý dậu cộng tất cả 10 ngày. 10 ngày này đều nằm trong tuần giáp tý. Nếu gieo quẻ vào 1 trong 10 ngày này, nếu trong quẻ có hai hào tuất hợi thì là tuần không. Tuần không tức là trong tuần giáp tý không có hai ngày tuất hợi. Những trường hợp còn lại cũng hiểu tương tự.

Bàn về tuần không, từ ngày xưa đã có rất nhiều phái khác nhau, như chân không, giả không, động không, xung không, diễn không, vô cơ tự không, mộ không, tuyệt không, hại không, phá không, v.v... làm cho người đời sau không thể nào nắm vững được. Nhà dịch học đại sư bát quái đời nhà Thanh là Thánh Dã Hạc cũng đã từng bàn luận rất kỹ về Tuần không. Qua kinh nghiệm thực tế chứng tỏ lý lẽ của ông rất chính xác. Ông nói : "Vượng không

phải là không, động không phải là không, có nhật kiến hào động sinh phù không phải là không, động mà hóa không, phục mà vượng tương đều không phải là không. Chỉ có nguyệt phá là không, có khí mà không động là không, phục mà bị khắc là không, chân không là không. Chân không nghĩa là xuân thổ, hạ kim, thu mộc, tam đông gặp hỏa là chân không". Ngày tuần không, chân không thì không phải là không, giờ ra khỏi tuần cũng không còn là không nữa.

Ví dụ : Ngày canh tuất, tháng Sửu đoán con đi xa bao giờ trở về, được quẻ "Sư" của quẻ "Tiết".

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy ..
 Quan quý tuất thổ O
 Phụ mẫu thân kim .. ứng
 Quan quý Sửu thổ ..
 Tử tôn mao mộc .
 Thê tài ty hỏa O thế

ĐỊA THỦY SƯ

Phụ mẫu dậu kim .. ứng
 Huynh đệ Hợi thủy ..
 Quan quý Sửu thổ ..
 Thê tài Ngọ hỏa .. thế
 Quan quý Thìn thổ .
 Tử tôn dần mộc ..

Hào tử tôn mao là dụng thần, hào dụng lâm nhật kiến hợp, có việc ràng buộc. Trong tuần giáp Thìn, dần mao tuần không, chờ cho giáp dần xuất không tất sẽ trở về. Quả đúng như thế, ứng ngày giáp dần, dần mộc xuất không nên không phải là không nữa, hào thế lại hóa thành dần mộc sinh thế.

Ví dụ : Ngày giáp tý, tháng tuất, có 1 người đến xin đoán về quan vận, được quẻ "Tụng" của quẻ "Tụng".

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ O
 Thê tài thân kim .
 Huynh đệ Ngọ hỏa . thế
 Huynh đệ Ngọ hỏa ..
 Tử tôn Thìn thổ O
 Phụ mẫu dần mộc .. ứng

TRẠCH ĐỊA TỤNG

Tử tôn Mùi thổ ..
 Thê tài dậu kim . ứng
 Quan quý Hợi thủy.
 Phụ mẫu mao mộc ..
 Quan quý ty hỏa .. thế
 Tử tôn Mùi thổ ..

Trong mệnh không có quan nên khó được quan tinh sinh thế trị thế, nay là thế lâm nguyệt mộ nhật phá, lại hóa khắc trở lại, do đó không những không có quan mà ngược lại còn rất xấu. Nay tuần không xuất nguyệt sẽ gặp nạn, đề phòng tháng Hợi gặp tai họa do việc quan. Người ấy không tin, nói rằng : cấp trên rất tin và có ý định dùng tôi, rất coi trọng tôi làm sao lại có tai họa được ? Kết quả người này đi cửa sau cho nên ngày Hợi bị bắt giam, tống ngục.

Chương 12

PHẢN NGÂM, PHỤC NGÂM, QUY HỒN, DU HỒN VÀ THÂN QUẾ

I. PHẢN NGÂM CỦA HÀO, CỦA CÁC QUẾ

Quế có phản ngâm của quế, hào có phản ngâm của hào. Phản ngâm tức là trong thực tế quế biến thành xung khắc, hào biến thành xung khắc. Phản ngâm của quế là quế nội, ngoại động mà phản ngâm. Có càn biến thành tổn, tổn biến thành càn; khảm biến thành ly, ly biến thành khảm; chấn biến thành đoài, đoài biến thành chấn; khôn biến thành cấn; cấn biến thành khôn. Hai quế khôn và cấn đều là thổ, vì sao lại tương xung? "Bốc phê chính tôn" nói: "Quế cấn tọa ở đông bắc, phía hữu của cấn có sừ, phía tả của cấn có dân; quế khôn tọa ở tây nam, phía hữu của khôn có mùi, phía tả của khôn có thân. Hai quế đối nhau, có sừ mùi tương xung, dân thân tương xung".

Phản ngâm của hào là quế nội và quế ngoại phản ngâm. Ví dụ: tý biến thành ngọ, ngọ biến thành tý... sừ biến thành mùi, mùi biến thành sừ; ty biến thành hợi, hợi biến thành ty; thìn biến thành tuất, tuất biến thành thìn. Phản ngâm của hào khác với phản ngâm của quế ở chỗ: quế biến phản ngâm tức là quế biến tương khắc. Như càn biến tổn là kim khắc mộc. Còn sáu hào trong quế không nhất định biến thành tương xung tương khắc. Phản ngâm của hào tức là quế và hào của quế đều đồng thời biến thành tương xung tương khắc. Ví dụ: Khôn biến thành tổn, tổn biến thành khôn, quan biến thành thăng, thăng biến thành quan, v.v... Các hào trong quế phát sinh cái này xung, cái kia khắc. Dưới đây xin cử ví dụ quế khôn biến thành quế tổn.

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim X thế
Thê tài hợi thủy X
Huynh đệ sừ thổ ..
Quan quý Mão mộc X ứng
Phụ mẫu ty hỏa X
Huynh đệ mùi thổ ..

TỐN VI PHONG

Quan quý Mão mộc . thế
Phụ mẫu ty hỏa .
Huynh đệ mùi thổ ..
Tử tôn dậu kim . ứng
Thê tài hợi thủy .
Huynh đệ sừ thổ ..

Phản các quế biến tương khắc thì ngũ hành của hào đều biến thành tương xung tương khắc gọi là sự phản ngâm của hào. Ngũ hành của các hào trong hai quế khôn và tổn này đều tương xung tương khắc cho nên gọi là phản ngâm.

Quẻ phản ngâm còn chia ra : quẻ ngoại phản ngâm, quẻ nội không biến và quẻ nội phản ngâm, quẻ ngoại không biến.

Ví dụ trường hợp : quẻ ngoại phản ngâm, quẻ nội không biến động. Như quẻ "sư" của quẻ "hoán".

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mao mộc O
Huynh đệ ty hỏa O thế
Tử tôn mùi thổ ..
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ . ứng
Phụ mẫu dần mộc ..

ĐỊA THỦY SƯ

Thê tài dậu kim .. ứng
Quan quý Hợi thủy ..
Tử tôn Sửu thổ ..
Huynh đệ ngộ hỏa .. thế
Tử tôn thìn thổ .
Phụ mẫu dần mộc ..

Đó gọi là quẻ ngoại động, quẻ nội không biến động, nên các hào của quẻ ngoại tương khắc, gọi là quẻ ngoại phản ngâm.

Ví dụ : về trường hợp quẻ nội phản ngâm, quẻ ngoại không biến động. Như quẻ "khôn" biến thành quẻ "thăng".

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim .. thế
Thê tài Hợi thủy .
Huynh đệ Sửu thổ ..
Quan quý mao mộc X ứng
Phụ mẫu ty hỏa X
Huynh đệ mùi thổ ..

ĐỊA PHONG THĂNG

Tử tôn dậu kim ..
Thê tài Hợi thủy ..
Huynh đệ Sửu thổ .. thế
Tử tôn dậu kim.
Thê tài Hợi thủy .
Huynh đệ Sửu thổ .. ứng

Đó gọi là quẻ nội động, quẻ ngoại không biến, nên các hào của quẻ nội xung khắc lẫn nhau, là quẻ nội phản ngâm. Bất kể là quẻ phản ngâm hoặc quẻ nội phản ngâm, hoặc quẻ ngoại phản ngâm chỉ là địa chi của các hào trong quẻ phát sinh xung khắc, còn với lục thân thì không có quan hệ gì. Lúc quẻ biến, lục thân vẫn sắp xếp theo lục thân của quẻ chủ.

Khi gặp quẻ và hào đều phản ngâm thì đó là điểm nội, ngoại không yên. Quẻ ngoại phản ngâm là bên ngoài không yên, quẻ nội phản ngâm là bên trong không yên. Khi đoán quan hệ giữa mình và sự việc quẻ nội phản ngâm là mình loạn, còn người khác hay sự việc ổn định. Quẻ ngoại phản ngâm thì ngược lại. Tóm lại khi gặp quẻ phản ngâm thì mọi việc đều không thuận. Nếu có dụng thần hóa khắc trở lại thì quẻ trở thành khác nên là điểm xấu.

Ví dụ : Ngày nhâm thân, tháng mao, đoán đi nhậm chức được quẻ "tinh" của quẻ "tý".

THỦY ĐỊA TÝ

Thê tài tý thủy .. ứng
Huynh đệ tuất thổ .
Tử tôn thân kim ..
Quan quý mảo mộc x thế
Phụ mẫu ty hỏa x
Huynh đệ mùi thổ ..

THỦY PHONG TỈNH

Thê tài tý thủy ..
Huynh đệ tuất thổ . thế
Tử tôn thân kim ..
Tử tôn dậu kim .
Thê tài hợi thủy . ứng
Huynh đệ sừ thổ ..

Hào thế quan quý mảo mộc lâm nguyệt kiến, không nên hào thế hóa dậu kim khắc trở lại, vì như thế là xấu. Quẻ nội lại phản ngâm đi mà không trở về là điếm dữ, nên không đi là thượng sách. Về sau đi rồi quay trở về cho nên đi cũng như không đi. Nhưng khi biết được chức quan phủ còn rất thiếu người nên đã đến nhậm chức. Đến tháng 7 thành đó bị công phá mà chết.

Ví dụ : Ngày át hợi, tháng mảo đoán thăng chức được quẻ "trung phù" của quẻ "lâm".

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn dậu kim x
Thê tài hợi thủy x ứng
Huynh đệ sừ thổ ..
Huynh đệ sừ thổ ..
Quan quý mảo mộc . thế
Phụ mẫu thị hỏa .

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mảo mộc .
Phụ mẫu ty hỏa .
Huynh đệ mùi thổ .. thế
Huynh đệ sừ thổ ..
Quan quý mảo mộc.
Phụ mẫu ty hỏa . ứng

Hào thế quan quý lâm nguyệt kiến, lại trường sinh ở nhật kiến nên nhất định thăng chức lên cao. Quả đúng tháng đó từ Giang Tây thăng chức sang tỉnh Sơn Đông, chưa đầy 1 năm lại nhậm chức trở lại tỉnh Giang Tây. Như thế là vì quẻ ngoại phản ngâm, nên đi rồi quay trở lại.

II. PHỤC NGÂM CỦA HÀO, CỦA QUẺ

Phục ngâm của quẻ là quẻ biến, địa chi ngũ hành của 6 hào không biến. Quẻ có nội, ngoại phục ngâm. Quẻ ngoại phục ngâm và quẻ nội phục ngâm có 3 loại :

+ *Quẻ nội phục ngâm có :* "càn" và "chấn", "vô vọng" và "đại tráng". Các hào của các quẻ đó bắt đầu từ tý dần thìn ngọ thân tuất biến lập lại tý dần thìn ngọ thân tuất. Dưới đây lấy "càn" biến thành quẻ "chấn" làm ví dụ.

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ O thế
Huynh đệ thân kim O
Quan quý ngọc hỏa .
Phụ mẫu thìn thổ O ứng
Thê tài dân mộc O
Tử tôn tý thủy.

Quẻ ngoại, quẻ nội phục ngâm, tức là địa chi, ngũ hành của 6 hào trong quẻ nội, quẻ ngoại không biến.

Quẻ ngoại phục ngâm có : "hàng" và "cấu", "tiểu quá" và "độn", "quy muội" và "lý", "phong" và "đồng nhân", "tụng" và "giải", "phủ" và "dự". Quẻ ngoại hỗ biến các hào từ ngo thân tuất biến lập lại ngo thân tuất. Ví dụ quẻ "phủ" biến thành quẻ "dự".

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ O ứng
Huynh đệ thân kim O
Quan quý ngọc hỏa.
Thê tài mao mộc .. thế
Quan quý ty hỏa ..
Phụ mẫu mùi thổ ..

Quẻ ngoại phục ngâm tức là quẻ ngoại biến, địa chi ngũ hành các hào của quẻ không biến.

Quẻ nội phục ngâm có : "truân" và "nhu", "thái" và "phục", "đại hữu" và "phê hạp", "tùy" và "quải", "đại súc" và "di", "tiểu súc" và "ích". Các hào trong quẻ nội từ tý dần thìn biến lập lại tý dần thìn. Ví dụ : quẻ "tiểu súc" và quẻ "ích".

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ .. ứng
Thê tài thìn thổ O
Huynh đệ dân mộc O
Phụ mẫu tý thủy . thế

Quẻ nội phục ngâm là quẻ nội biến, địa chi ngũ hành các hào của quẻ không biến.

Quẻ phục ngâm thì sự biến hóa lục thân của nó vẫn sắp xếp theo phương pháp lục thân của quẻ chủ.

CHẤN VI LÔI

Phụ mẫu tuất thổ .. thế
Huynh đệ thân kim ..
Quan quý ngọc hỏa .
Phụ mẫu thìn thổ .. ứng
Thê tài dân mộc ..
Tử tôn tý thủy.

LÔI ĐỊA DỰ

Phụ mẫu tuất thổ ..
Huynh đệ thân kim .. ứng
Quan quý ngọc hỏa.
Thê tài mao mộc ..
Quan quý ty hỏa .. thế
Phụ mẫu mùi thổ ..

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc . ứng
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ ..
Thê tài thìn thổ .. thế
Huynh đệ dân mộc ..
Phụ mẫu tý thủy.

Quẻ phục ngâm đều chủ về tượng lo lắng, âm thầm. Nếu quẻ nội phục ngâm thì sự lo lắng ở quẻ nội; quẻ ngoại phục ngâm thì sự lo lắng ở quẻ ngoại. Nếu cả nội ngoại đều phục ngâm thì cả hai quẻ đều có sự lo lắng, thường gặp những việc không vừa lòng. Đoán những quẻ như thế, nếu quẻ nội phục ngâm là mình không thoả mái, nếu quẻ ngoại phục ngâm là đối tượng không thoả mái. Muốn biết quẻ lành hay dữ thì phải xem dụng thần sinh hay khắc và phải xem kỹ dụng thần, phục thần có phục ngâm không.

Vi dụ : Ngày át mảo, tháng thân, đoán khi quân giặc hành quân đến thì lánh ở chỗ nào, được quẻ "tráng" của quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ O
 Quan quý thân kim O
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài thìn thổ X
 Huynh đệ dần mộc X
 Phụ mẫu tý thủy . ứng

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài thìn thổ.
 Huynh đệ dần mộc.
 Phụ mẫu tý thủy . ứng

Quẻ gặp nội, ngoại đều phục ngâm nên nổi lo chống chọi. Nay nhờ có tử tôn tri thế nên trăm nghìn tai họa đều tan cả. Hào ứng tý thủy là phụ mẫu được nguyệt kiến sinh phụ mẫu, nhật kiến sinh thế, cho nên bản thân mình và phụ mẫu bình yên. Nhưng huynh đệ dần mộc phục ngâm, gặp nguyệt phá nên huynh đệ gặp việc xấu. Về sau mẹ lánh ở phía tây, bản thân lánh ở phía đông, đều nhờ nguyệt, nhật kiến sinh nên vô sự. Còn em trai luôn gọi bố mẹ nên dọc đường bị hại.

Vi dụ : Ngày giáp ngọ, tháng thân, đoán bố ở xa có bình yên không ?
 Được quẻ "hàng" của quẻ "cầu".

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ O
 Huynh đệ thân kim O
 Quan quý ngộ hỏa . ứng
 Huynh đệ dậu kim .
 Tử tôn hợi thủy .
 Phụ mẫu sửu thổ .. thế

LÔI PHONG HÀNG

Phụ mẫu tuất thổ .. ứng
 Huynh đệ thân kim ..
 Quan quý ngộ hỏa .
 Huynh đệ dậu kim . thế
 Tử tôn hợi thủy .
 Phụ mẫu sửu thổ ..

Quẻ ngoại hào tuất thổ phục ngâm, nên bố ở xa không yên. Tuy ở vùng đó đang có biến, nhưng nhật kiến sinh phụ mẫu nên bình an vô sự. Quả đúng như thế !

Vi dụ : Ngày át mảo, tháng dần, người ở xa đoán người ở nhà có bình yên không, được quẻ "càn" của quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ .
 Quan quý thân kim .
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài thìn thổ x
 Huynh đệ dần mộc x
 Phụ mẫu tý thủy . ứng

CÀN VI THIÊN

Thê tài tuất thổ . thế
 Quan quý thân kim .
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Thê tài thìn thổ . ứng
 Huynh đệ dần mộc .
 Phụ mẫu tý thủy .

Quẻ nội phục ngâm, nên ở nhà không yên ổn. Nay thê tài thìn thổ phục ngâm, lâm nhật, nguyệt, hào động khắc, nên vợ gặp tai nạn. Về sau quả thật vợ mất ở tháng thìn, vì tháng thìn là tháng phục ngâm.

III. DU HỒN, QUY HỒN

Du hồn là đi; quy hồn là quay trở về. Trong bát quái có bàn về du hồn và quy hồn, nguồn gốc là quẻ của tám cung biến. Ví dụ quẻ thứ 6 của cung càn là "bốc", cũng tức là hào thứ 5 của quẻ "quan" biến thành quẻ "bốc", hào thế ở ngôi thứ 5 này. Lần biến thứ 6 không biến hướng lên mà lại hướng xuống tức là hào 4 của quẻ "bốc" biến thành quẻ "tấn". Sự biến trở xuống này gọi là "du", tức là quẻ "du hồn". Lần biến thứ 7 này là đem 3 hào quẻ nội của quẻ "tấn" từ âm biến thành dương nên gọi là quy hồn. Quẻ "du hồn" là quẻ thứ 7 của mỗi cung : thủy địa tấn, lôi sơn tiểu quá, thiên thủy tụng, trạch phong đại quá, sơn lôi di, địa hỏa minh di, phong trạch trung phù, thủy thiên nhu.

Quẻ quy hồn là quẻ thứ 8 của mỗi cung. Đó là : hỏa thiên đại hữu, lôi trạch quy muội, thiên hỏa đồng nhân, trạch lôi tùy, sơn phong cổ, địa thủy sư, phong sơn tiệm, thủy địa tỷ.

Các quẻ du hồn và quy hồn trong sách cổ bàn đến không nhiều cho nên lúc đoán rất ít gặp. Trong sách "Tăng san bốc dịch" có nói : "Du hồn là đi ngàn dặm, tôi đi việc này muốn lâu nhưng gặp quẻ du hồn thì không thể được lâu, tâm bất định, thay đổi thất thường".

Quẻ quy hồn là người đi không được xa, nếu đoán cho sự việc thì có thể đoán ngược với quẻ quy hồn. Đoán thân mệnh mà gặp quẻ du hồn là chỗ ở không yên; đoán người đi xa gặp quẻ du hồn là lúc đi dừng lại bất định, đoán về nhà cửa là thay đổi luôn, đoán về mồ mã là mồ mã không yên.

Đã Hạc giải thích quẻ du hồn, quy hồn như sau "Phải lấy dụng thần làm chủ, sau đó mới tham khảo du hồn hay quy hồn. Nếu bỏ qua dụng thần sẽ đoán sai". Điểm đó rất chính xác.

IV. THÂN QUÊ

Phương pháp thân quẻ, các sách nói không giống nhau. Có sách không dùng thân quẻ, mà chỉ coi trọng dụng thần. Cho rằng trong 1 quẻ xem hào thế, hào ứng và dụng thần là được rồi, không cần phải nói đến thân quẻ. Nếu dụng thần không tốt mà thân quẻ tốt, hoặc thân quẻ không tốt mà dụng thần tốt thì lấy cái gì làm chủ ? Khi xuất hiện mâu thuẫn như thế thì khó mà quyết định. Có sách lại nhấn mạnh tính quan trọng của thân quẻ. "Bốc phê chính tôn" cho rằng : "Hào thân quẻ là chủ sự của quẻ. Nếu không có thân quẻ thì sự việc không có đầu mối, mọi việc khó thành". Sách "Chính tôn toàn thư" vừa nói đến dụng thần lại vừa nhấn mạnh sự quan trọng của thân quẻ, nên lúc đoán phải chú ý cả hai. Tôi trong quá trình dự đoán thông tin chỉ dựa vào hào thế, hào ứng và dụng thần, không ứng dụng phương pháp thân quẻ, nhưng tôi cho rằng phương pháp thân quẻ không nên gạt bỏ hoàn toàn mà có thể dùng để tham khảo.

"Âm thế bắt đầu từ tháng ngọ, dương thế bắt đầu từ tháng tỵ, muốn biết được ý của nó, từ đầu đếm đến hào thế là được". Đó gọi là cách xác định thân quẻ ("Bốc phê chính tôn").

"Dương thế bắt đầu từ tháng ngọ, âm thế bắt đầu từ tháng tỵ, muốn biết được ý của nó, từ đầu đếm đến hào thế là được". Đó là cách xác định thân quẻ (theo "Bốc phê chính hoàn").

"Âm thế bắt đầu từ tháng ngọ là phương pháp định thân quẻ đối với quẻ hào âm tri thế. Tức là nói : phạm gặp quẻ hào âm tri thế thì lấy hào đầu của quẻ là ngọ, hào hai là mùi, hào ba là thân, hào bốn là dậu, hào năm là tuất, hào sáu là hợi, đếm mãi đến hào thế thì ngừng. Đó gọi là "đếm đến hào thế là được". Nếu hào đầu vừa đúng là ngọ hòa tri thế vậy thì hào đầu chính là thân quẻ, đếm đến hào thế là hào mùi thổ, mùi thổ tức là thân quẻ; đếm đến hào thế là thân, hào thân là thân quẻ; đếm đến hào thế là tuất, hào tuất là thân quẻ; đếm đến hào thế là hợi, hào hợi là thân quẻ. Nếu địa chi của hào thế không phải là hợi, hoặc không phải là địa chi muốn tìm, thì xem trong quẻ có hào hợi không, nếu có hào hợi thì cho dù nó ở quẻ nội hay quẻ ngoại, thấy hợi tức là thân quẻ. Dưới đây cử ví dụ minh họa :

KHÔN VI ĐỊA

Từ tôn dậu kim .. thế
Thê tài hợi thủy .. thân quẻ
Huynh đệ sừ thổ ..

Quan quý mào mộc .. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa ..
Huynh đệ mùi thổ ..

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngọ hỏa . ứng,
thân quẻ

Huynh đệ dậu kim.
Từ tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sừ thổ .. thế

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huynh đệ mào mộc .
Từ tôn tỵ hỏa . ứng
Thê tài mùi thổ .. thân quẻ

Phụ mẫu hợi thủy .
Thê tài sừ thổ .. thế
Huynh đệ mào mộc.

Quẻ khôn từ hào đầu là mùi thổ bắt đầu ở ngọ, hào hai là tỵ hỏa bắt đầu ở mùi... đếm đến hào thếậu kim là hợi, cho nên hào thứ 5 hợi thủy là thân quẻ.

Quẻ cấu hào đầu sừ thổ là hào thế bắt đầu ở ngọ tức là ngọ lâm hào thế vậ ngọ là thân quẻ. Cho nên hào thứ 4 ngọ hỏa là thân quẻ.

Quẻ gia nhân : hào đầu mao mộc bắt đầu ở ngọ, hào hai sừ thổ bắt đầu ở mùi, hào hai vừa đúng là hào thế nên mùi thổ trong quẻ là thân quẻ. Những quẻ khác cách sắp xếp cũng tương tự.

"Dương thế còn được sinh từ tháng tỵ" là phương pháp để định thân quẻ của quẻ có hào dương trì thế. Phương pháp của nó cũng giống như phương pháp xác định hào âm trì thế. Phạm gặp quẻ nào dương trì thế thì hào của quẻ bắt đầu ở tỵ, hào hai ở sừ, hào ba ở dần, hào 4 ở mao, hào 5 ở thìn, hào 6 ở tỵ, cứ đếm như thế cho đến khi gặp hào thế thì dừng. Nếu hào đầu đúng là tỵ lại là hào thế, thì hào đầu tỵ thủy chính là thân quẻ. Hào hai trì thế sừ thổ tức là thân quẻ. Hào ba trì thế thì dần mộc là thân quẻ; hào 4 trì thế thì mao mộc là thân quẻ; hào 5 trì thế thì thìn thổ là thân quẻ; hào 6 trì thế tỵ hỏa là thân quẻ. Nếu địa chi của hào 6 không phải là tỵ hỏa thì trong quẻ hào có tỵ hỏa là thân quẻ.

Ví dụ :

LY VI HỎA

Huynh đệ tỵ hỏa . thế,
thân quẻ

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tàiậu kim.

Quan quý hợi thủy . ứng

Tử tôn sừ thổ ..

Phụ mẫu mao mộc .

SƠN HỎA BÔN

Quan quý dần mộc .

Thê tài tỵ thủy . thân quẻ

Huynh đệ tuất thổ .. ứng

Thê tài hợi thủy .

Huynh đệ sừ thổ ..

Quan quý mao mộc . thế

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dần mộc . ứng
thân quẻ

Phụ mẫu tỵ thủy ..

Thê tài tuất thổ ..

Quan quýậu kim . thế

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sừ thổ ..

Hào đầu của quẻ Ly bắt đầu ở tỵ đếm đến hào thế tỵ hỏa, tỵ hỏa là thân quẻ. Hào đầu mao mộc của quẻ "bôn" bắt đầu ở tỵ, vừa đúng hào đầu là hào thế nên lấy hào 5 tỵ thủy làm thân quẻ. Hào 3 của quẻ "cổ" trì thế là dần nên hào chín trên trong quẻ là thân quẻ. Cách xác định hai thân quẻ trong 1 quẻ cũng giống như trên. Ví dụ : quẻ "thăng" và quẻ "lâm", v.v... là những quẻ có 2 thân quẻ :

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quýậu kim .. thân quẻ

Phụ mẫu hợi thủy ..

Thê tài sừ thổ .. thế

Quan quýậu kim . thân quẻ

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sừ thổ .. ứng

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tônậu kim ..

Thê tài hợi thủy .. ứng

Huynh đệ sừ thổ .. thân quẻ

Huynh đệ sừ thổ .. thân quẻ

Quan quý mao mộc . thế

Phụ mẫu tỵ hỏa .

Hào đầu của quẻ "thăng" bắt đầu ở ngọ, đếm đến hào 4 là hào thế là dậu, nên hào dậu trong quẻ là thân quẻ.

Hào đầu của quẻ "lâm" bắt đầu ở tý, hào hai là hào thế ở ngôi sừ cho nên sừ thổ là thân quẻ.

Thân quẻ là phục thần : có quẻ không có thân quẻ, không có thân quẻ thì tìm trong các quẻ đầu của các cung giống như phục thần. Sau khi tìm được phục thần ở trên hào thứ mấy thì viết vào bên cạnh hào cùng ngôi đó của quẻ chủ. Ví dụ :

THỦY SƠN KIẾN

Tử tôn tý thủy ..
Phụ mẫu tuất thổ .
Phục, thân quẻ dậu kim
Huỳnh đệ thân kim .. thế
Huỳnh đệ thân kim .
Quan quý ngọ hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huỳnh đệ tuất thổ ..
Tử tôn thân kim ..
Phụ mẫu ngọ hỏa . thế
Huỳnh đệ thìn thổ .
Phục, thân quẻ mao mộc
Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy . ứng

Hào đầu của quẻ "kiến" bắt đầu ở ngọ, đếm đến hào thế thân dậu là thân quẻ. Nhưng trong quẻ không có hào dậu kim nên từ quẻ đòi tra dậu kim ở hào thứ 5 nên phục thần dậu kim viết vào bên cạnh hào thứ 5 tuất thổ của quẻ "kiến", đó tức là thân quẻ. Quẻ "tráng" cũng vậy, đếm từ hào thế thứ 4 là mao mộc, trong quẻ không có mao mộc, nên từ quẻ khôn tra được mao mộc, vậy phục thần ở bên cạnh hào thứ ba của quẻ tráng. Mao mộc là thân quẻ.

Còn có quẻ không những bản thân nó không có hào thân quẻ, lúc đó phải dùng biện pháp mượn phục thần cũng không tra ra thân quẻ, trường hợp như thế gọi là quẻ không có thân quẻ. Ví dụ quẻ "đại quá" là như vậy.

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..
Quan quý dậu kim .
Phụ mẫu hợi thủy . thế
Quan quý dậu kim .
Phụ mẫu hợi thủy .
Thê tài sừ thổ .. ứng

Quẻ "đại quá" hào đầu bắt đầu ở tý đếm đến hào thế là mao nhưng trong quẻ không có mao mộc. Từ quẻ chấn tra phục thần cũng không có hào mao mộc. Do đó quẻ này là quẻ hoàn toàn không có thân quẻ.

Tóm lại phương pháp tìm thân quẻ có 4 trường hợp : thứ 1 có thân quẻ; thứ 2 : một quẻ có 2 thân quẻ; thứ ba : lấy phục thân làm thân quẻ; thứ tư : hoàn toàn không có thân quẻ. Cách đoán cát của thân quẻ cũng giống như dụng thân phải gắn liền với âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Thân quẻ vượng tương sinh thân quẻ thì cát, ngược lại là hung. Nhưng khi vận dụng có thể căn cứ tình hình cụ thể của mình, người dùng tào thì dùng, không quen dùng thì thôi. Lúc đoán phải lấy dụng thân làm chính, đó là phương pháp chính thống.

Chương 13

ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

I. ĐOÁN Ý CỦA NGƯỜI ĐẾN XIN ĐOÁN

Đoán ý của người đến đoán là sau khi đã lập quẻ, căn cứ vào sự làm chủ của 6 hào để biết người ấy đến đoán việc gì. Khi dùng bát quái để đoán người đến cần đoán gì đó là việc rất khó. Trong lịch sử thường sau khi đã lập quẻ người đoán phải hỏi người kia muốn đoán việc gì để chọn dụng thần. Nhưng có lúc người đến đoán lại hỏi ngược lại : "Thầy xem tôi muốn đoán việc gì ?". Nếu kỹ thuật của thầy cao siêu thì có thể nói được, nhưng nói chung là thầy không nói được ! Không nói được cũng là điều bình thường. Bởi vì, người ta có trăm việc, làm sao biết được muốn hỏi việc gì. Nhưng người kia hỏi lại thầy cũng là điều bình thường. Cả hai không ai sai cả.

Đoán ý của người đến xin đoán trong các sách chiêm bốc ngày xưa tuy có bàn đến, nhưng những kinh nghiệm trong đó không hoàn chỉnh. Trừ chương "Muốn biết" trong sách "Bốc phê chính tôn" ra thì ở những sách khác rất ít gặp. Dưới đây xin giới thiệu chương ấy đại thể như sau :

"MUỐN BIẾT"

Muốn biết cha mẹ người ta bị bệnh thì trong quẻ Bạch hổ gặp hào hình, khác.

Muốn biết bố mẹ người ta đang bị họa thì hào thê tài động, bị thần sát gây tổn thương.

Muốn biết người ta có con không thì trong quẻ có gặp hào Thanh long, Phúc đức không ?

Muốn biết người ta không có con thì cả 6 hào không gặp thần phục.

Muốn biết con cháu họ đang ốm thì hào phụ mẫu động, tương khác.

Muốn biết con cháu họ đang gặp tai họa thì Bạch hổ gặp Phúc đức.

Muốn biết con họ chết thì hào tử tôn tuần không, vong lại gặp Bạch hổ.

Muốn biết anh em của họ mất thì dụng thần rơi vào tuần không, vong, gặp bạch hổ làm thương tổn.

Muốn biết vợ họ đang có tai họa thì hào huynh đệ động gập bạch hổ làm tổn thương tài thê.

Muốn biết vợ họ có thai thì hào thê tài gập thanh long, thêm hỉ thần.

Muốn biết họ có vợ lẽ thì hào thê tài của 2 quẻ nội ngoại đều vượng.

Muốn biết vợ họ bị tổn thất thì hào tài và quan quý đều rơi vào tuần không, vong.

Muốn biết họ thua kiện thì hào quan quý tuần không, vong lại hưu tù.

Muốn biết họ đang bị kiện tụng thì hào quan quý tri thế lại phù trợ cho chu tước, bạch hổ.

Muốn biết nhà họ đông con trai thì lục thân có khí lại gập thần cát.

Muốn biết nhà họ có thêm người thì thanh long được ngôi và gập hào tài vượng.

Muốn biết nhà họ rất giàu có thì hào tài vượng lại đóng ở kho.

Muốn biết nhà họ thêm ruộng vườn thì hào tử tôn nhập địa lại gập câu trần.

Muốn biết họ làm ăn tiến tới thì hào tài vượng lại gập thanh long.

Muốn biết nhà họ được cửa thì quẻ ngoại có tài phúc lại gập thanh long.

Muốn biết họ sắp có tin mừng thì thanh long, phúc đức tại môn đình.

Muốn biết nhà họ phú quý, tốt lành thì hào có thanh long vượng phúc.

Muốn biết nhà họ nghèo hèn thì hào tài gập hao tổn, hưu, tù.

Muốn biết họ không có nơi nương tựa thì phúc đức rơi vào tuần không, vong.

Muốn biết bếp nhà họ bị phá thì 2 hào quan quý đã khốn lại gập huyền vũ.

Muốn biết nhà họ nghèo đói thì hào phụ mẫu vượng tướng còn gập thanh long.

Muốn biết nhà họ rách nát thì hào phụ mẫu hưu tù còn gập bạch hổ.

Muốn biết mộ nhà họ có kết không thì bạch hổ, tuần không, vong lại gập hợi tý.

Muốn biết nhà họ có hương hỏa thờ cúng thì 6 hào trong quẻ không có hỏa.

Muốn biết nhà họ ở đất xấu thì sáu hào trong quẻ không thấy thủy.

Muốn biết nhà họ có 2 bếp thì trong quẻ sẽ có hai hỏa ở trong 1 chủ.

Muốn biết nhà họ không thờ cúng thì hào kim quý rơi vào tuần không, vong.

Muốn biết hai gia đình ở chung 1 nhà thì trong quẻ hai hào quan quý đều vượng.

Muốn biết 1 nhà có hai họ thì quẻ gặp hai hào phụ mẫu.

Muốn biết gà của họ lót ở lung tung thì phi xà nhập đậu.

Muốn biết chó của họ sủa lung tung thì bạch xà nhập Tuất lại còn gặp quý.

Muốn biết nhà họ đang cãi vã thì hào quan quý trì thế lại gặp chu tước.

Muốn biết nhà họ sắp có cuộc cãi vã thì trong quẻ chu tước gặp mộc tiếu.

Muốn biết nhà họ hay cạnh tranh thì chu tước gặp hào huynh đệ ứng hay thế.

Muốn biết nhà của họ đẻ con hư thì hào quan quý động gặp huyền vũ.

Muốn biết nhà họ mất gia súc thì hào tài quan quý phù trợ huyền vũ.

Muốn biết họ sắp gặp tai họa thì hào quan quý trì thế lại khắc thế.

Muốn biết nhà họ bị bệnh đậu mùa thì hòa phi xà bị hỏa thiêu.

Muốn biết nhà họ có người ốm sắp chết thì dụng thần vô cứu lại nhập mộ.

Muốn biết nhà họ có người trảm mình thì hào quan quý gặp thủy sát và lâm huyền vũ.

Muốn biết nhà họ có người thất cổ thì hào thế quý mộc gặp kim xà.

Muốn biết nhà họ sắp có tang thì hào quan quý gặp bạch hổ.

Muốn biết nhà họ bị thất thoát thì hào ứng quan quý phát động và gặp huyền vũ.

Muốn biết nhà họ mất quần áo thì câu trần, huyền vũ ở hào thê tài.

Muốn biết nhà họ mất lục súc thì hào quan quý gặp bạch hổ.

Muốn biết nhà họ mất trâu bò thì hào 5 quan quý sừ rơi vào tuần không.

Muốn biết nhà họ mất gà thì hào đầu quan quý gặp huyền vũ.

Muốn biết nhà họ không có lợn bò thì 2 ngôi sừ hợp tuần không, vong hư.

Muốn biết nhà họ không có gà chó thì hào 2 đậu, Tuất tuần không, vong.

Muốn biết nhà họ không có người đến thì hào ứng rơi vào tuần không vong.

Muốn biết nhà ở của họ không yên ổn thì 6 hào đều động.

II. XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

"Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp". Cát hung có nghĩa là được và mất (Hệ từ). Cát hung đối với Nhà nước là liên quan đến sinh tử tồn vong; đối với 1 đơn vị mà nói thì quan hệ đến hưng suy; đối với 1 người mà nói là quan hệ đến tiền đồ và vận mệnh. Cho nên cát hung liên quan mật thiết với từng người, do đó xưa nay rất coi trọng.

Mọi việc đều có cát hung, cát hung là thông tin dựa vào phương pháp đoán quẻ mà xác định. Đối với cát hung của sự việc quan trọng nhất là xác định chuẩn xác thời gian nó đến hay phát sinh. Thời gian này gọi là thời gian ứng nghiệm. Do đó việc xác định thời gian ứng nghiệm là giai đoạn cuối cùng của mọi dự đoán, cũng là bước quan trọng để chứng tỏ đoán đúng hay sai. Xưa kia việc xác định thời kỳ ứng nghiệm rất được coi trọng nên thời đại nào cũng nghiên cứu và không ngừng tổng kết kinh nghiệm về mặt này. Việc xác định đúng hay không còn tùy thuộc vào kỹ thuật dự đoán phát triển đến đâu. Cho nên với tư cách là người dự đoán thông tin, không những phải nhanh và chuẩn nói ra sự việc cát hay hung, mà quan trọng hơn là xác định được sự việc khi nào xảy ra. mục đích để nếu sự việc tốt thì hướng tới, nếu sự việc xấu thì lánh xa, đề phòng. Muốn đoán được chuẩn như thế đòi hỏi kỹ thuật phải rất cao siêu. Vì vậy chúng ta chỉ có cách khổ luyện đào sâu, mạnh dạn đi vào thực tiễn để tổng kết kinh nghiệm.

Có rất nhiều cách xác định thời gian ứng nghiệm theo phương pháp đoán theo 6 hào. Vì vậy cách chọn phương pháp rất phức tạp. hơn nữa mỗi tình huống, mỗi sự việc lại có thời gian ứng nghiệm rất khác nhau. Trong lúc tôi giảng bài ở các nơi, học viên đều yêu cầu tôi giảng phương pháp xác định thời gian ứng nghiệm theo cách đoán 6 hào. Tôi đã căn cứ vào các ví dụ cổ và kinh nghiệm của bản thân ứng dụng trong thực tiễn quy nạp thành các phương pháp sau, xin giới thiệu dưới đây để độc giả tham khảo và nghiên cứu thêm :

1. Thời gian ứng nghiệm của sinh, khắc

Quẻ có 6 hào phối với lục thân, lục thân lại dùng để chọn dụng thần. Hào thể là mình, hào ứng là người khác hay việc định đoán. Sự ứng nghiệm về thời gian của việc định đoán là lấy hào thể và dụng thần làm chủ, tức là phải xem hào nào sinh thể, sinh dụng. Để đoán cát, hung thì dụng thần của hào thể nên gặp sinh, không nên gặp khắc. Gặp sinh là cát, gặp khắc là hung. Nguyên thần gặp đất trường sinh để vượng và sinh hợp dụng thần của hào thể thì phúc lộc gia tăng, kỵ thần gặp đất trường sinh để vượng, khắc hào thể thì tai họa không nhỏ.

1. Thời gian ứng nghiệm của sinh thể, dụng thần

Phàm đoán việc vui mừng thì hào thế và dụng thần nên lâm nhật, nguyệt kiến hoặc hào động, hoặc hóa sinh trở lại. Cách định thời gian ứng nghiệm là : tự đoán bệnh thì lấy hào thế sừ thổ làm dụng thần, tỵ ngọ hỏa làm nguyên thần. Có thể xác định được thời gian tỵ ngọ hỏa sinh ra sừ thổ, đó cũng là thời gian bệnh khỏi. Nếu nguyên thần tỵ ngọ hỏa bị hợp tỵ thủy khắc thì phải chờ cho đến khi xung mất hợp tỵ thủy hoặc hợp tỵ thủy nhập mộ thì bệnh mới khỏi; nếu tỵ ngọ hỏa tuần không, nguyệt phá thì phải chờ cho đến khi xuất không thì bệnh mới khỏi; nếu tỵ ngọ hỏa tham hợp vong sinh thì phải chờ cho đến khi gặp xung mới khỏi bệnh; nếu tỵ ngọ hỏa nhập mộ, hóa mộ thì phải chờ đến khi nó xung hết mộ bệnh mới khỏi; nếu không thấy nguyên thần của tỵ ngọ hỏa xuất hiện, thì phải chờ cho đến khi xuất hiện mới ứng nghiệm được; nếu nguyên thần của tỵ ngọ tịnh mà không động thì phải chờ cho đến khi gặp tỵ ngọ hỏa mới ứng nghiệm.

2. Thời gian ứng nghiệm khi hào thế, hào dụng đều bị khắc.

Đoán sự việc cát hung mà thế và dụng đều bị khắc là hung. Nhưng không thể nhất luật coi rằng khi nào cũng hung mà cần xem kỹ cần đoán việc gì. Nếu đoán người đi xa khi nào trở về, quẻ có dụng thần khắc thế tức là sẽ trở về. Đó là một kinh nghiệm phải nắm chắc. Nếu dụng thần không khắc thế thì người đi xa chưa trở về được. Nếu đoán về kiện tụng lấy hào quan quý làm dụng thần, quan quý là người ta khắc mình, nếu dụng thần quan quý bị khắc thì không những không hung, ngược lại còn tốt cho mình.

Phàm khắc thế, khắc dụng đều là kỵ thần. Thế, dụng là mộc, kỵ thần tất phải là kim của thân Dậu cho nên ở thời điểm thân Dậu sẽ phát sinh ứng nghiệm tai họa. Nếu đoán bệnh tật, hào thế là mao mộc, thân kim là kỵ thần, lâm thân Dậu, nhật, nguyệt thì sẽ ứng nghiệm bị khắc; nếu thân Dậu phối với kỵ thần được cừu thần nhật, nguyệt, hào động sinh, đó gọi là lúc ứng nghiệm của bị khắc, nếu thân Dậu gặp tuần không, nguyệt phá thì phải chờ cho đến lúc xuất không gặp hợp, đó là lúc bị khắc; nếu kỵ thần hóa trường sinh hoặc lâm lúc trường sinh, đó là lúc ứng nghiệm bị khắc; nếu kỵ thần thân kim hóa Dậu kim tất phải đến lúc Dậu kim, đó là lúc ứng nghiệm bị khắc; tức là kỵ thần hóa thoái kỵ xung. Nếu Dậu kim động mà hóa thân, gặp dần xung động mà ứng, cũng có lúc gặp thân mà ứng. Tóm lại đoán sự việc cát hung, kỵ thần nên gặp mộ, nhập mộ, hóa mộ, hoặc gặp hưu tù tử địa, hoặc hóa thoái, hóa tuyệt, hóa tử, hóa hợp mới tốt.

2. Thời gian ứng nghiệm của tuần không

Tuần không có cát, có hung. Phàm đoán cát hung gặp hào thế, dụng thần là tuần không thì phải chờ cho xuất không thì lúc đó sự việc mới thành. Đối với hung sự thì xuất không là lúc tai nạn đến. Ví dụ đoán cầu tài trong

tuần giáp Thìn, được hào tài dân mao mộc làm dụng thần, thì phải chờ cho đến ngày dân mao xuất không mới được của; nếu đoán bệnh tật, dân mao là kỵ thần phải chờ đến ngày xuất không thì tai họa sẽ đến. Dụng thần tuần không phát động phải đến ngày xuất tuần việc mới thành; dụng thần động lại gặp tuần không, hóa thì không phải chờ đến ngày xuất không sự việc mới ứng. Dụng thần tuần không mà gặp hợp thì phải chờ đến thời kỳ xung khai việc mới ứng; dụng thần tuần không mà gặp khắc thì chờ đến khi xuất không hoặc chế sát thì việc mới ứng; dụng thần không mà nhập mộ thì phải chờ đến lúc xung mộ sự việc mới ứng.

3. Thời gian ứng nghiệm của gặp hợp

Gặp hợp chia thành tam hợp và lục hợp. Nếu đoán việc vui thì tốt nhất là gặp tam hợp, lục hợp. Đoán việc lo buồn, xuất hành, người đi xa thì không nên gặp hợp. Lo buồn gặp hợp thì khó giải, khó kết; đoán xuất hành hay người đi xa gặp hợp là bị ràng buộc, muốn động mà không động được, muốn trở về mà bị níu kéo lại. Tam hợp, lục hợp sinh hợp hào thế, hào dụng là cát, khắc xung thế, dụng là hung. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là cát; kỵ thần, cứu thần nhập cục là hung. Cho nên tam hợp, lục hợp có cát có hung.

Tam hợp là thân tý Thìn hợp thủy cục. Khi đoán, nếu hôm đó trong quẻ dụng thần động mà thành tam hợp cục, hoặc lâm nguyệt, nhật thành tam hợp cục thì cát hung ứng ngay ngày hôm đó; nếu tam hợp cục bị một hào xung phá thì phải chờ đến lúc gặp hợp cát hung mới ứng nghiệm; nếu 1 hào tĩnh, 2 hào phát động thì phải chờ hào tĩnh đến ngày trực, cát hung mới ứng; hào tĩnh mà gặp không hoặc hào động hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không sự việc cát hung mới ứng; nếu tuần không mà gặp hợp, tĩnh mà gặp hợp phải chờ đến lúc xung mất thì việc mới ứng; tam hợp, lục hợp hoặc hợp với nhật, nguyệt, thì phải chờ đến lúc xung hợp sự việc mới ứng. Nếu nhập mộ hoặc động mà hóa mộ, thì phải chờ đến lúc xung mộ việc mới ứng; nếu hóa tuyệt hoặc có 1 hào tuyệt phải chờ đến lúc sinh vượng việc mới ứng.

Chú ý : hào thế và hào dụng phải ở trong cục hoặc cục sinh hợp thế, dụng mới tốt, cục khắc thế, dụng là xấu.

Lục hợp là loại tý hợp với Sửu. Nếu dụng thần lâm mao phát động, sau đó gặp giờ mao, tuất thì đó là lúc ứng nghiệm.

4. Thời gian ứng nghiệm của gặp xung

Gặp xung là chỉ lục xung. Trong xung có hỷ, có kỵ. Phạm đoán việc vui không nên xung, xung sẽ ly tán; phạm đoán kiện tụng, lo buồn vì tai họa thì nên xung, xung sẽ ly tán, tán là cát. Đoán người mới mắc bệnh, gặp xung thì khỏi, người bệnh lâu gặp xung thì chết.

Dụng thần gặp xung, ở thời kỳ gặp hợp việc sẽ ứng nghiệm ngay. Dụng thần bị xung, tuần không thì chờ đến lúc xuất không việc sẽ ứng nghiệm. Nếu dụng thần là dần bất động, sau gặp ngày tháng dần, thân việc sẽ ứng.

5. Thời gian ứng nghiệm của tam hình

Tam hình chủ về việc tai họa, khi quẻ gặp nó phải chú ý. Tam hình có hai hào tương hình, cũng có 3 hào tương hình. Ví dụ dần hình phạt ty, ty phạt thân, thân phạt dần, tý phạt mao, mao phạt tý v.v... đó gọi là hai hào tương hình. Dần, ty, thân đều có mặt và 1 tý phạt 3 mao, 3 mao phạt 1 tý gọi là ba hào tương hình.

Hào thế, dụng thần gặp hình thì đến lúc trục nhật việc hung sẽ ứng nghiệm. Ba hào có 1 hào tuần không, lúc xuất không thì việc xấu sẽ ứng. Ba hào có 1 hào nhập mộ, thì lúc xung mộ việc xấu sẽ ứng. Ba hào có 1 hào hưu tù thì lúc gặp sinh vượng việc xấu sẽ ứng.

6. Thời gian ứng nghiệm của nhập mộ

Có 3 cách nhập mộ : hào dụng nhập mộ, động mà nhập mộ, động mà hóa mộ. Dụng thần không nên nhập mộ, kỵ thần nhập mộ thì tốt. Hào dụng trùng lập, mừng có mộ kho thu chứa để khỏi xấu, cho nên nhập mộ có cát có hung. Dụng thần nhập mộ phải chờ đến lúc xung mộ thì việc mới ứng; dụng thần vượng mà tuần không, phá, phải chờ đến lúc xuất mộ việc mới ứng. Dụng thần trùng lập hoặc thái quá nên bị khắc, hoặc bị mộ, thì sự việc có thể thành công. Nếu thổ là dụng thần, lại gặp thổ của thìn, tuất, sửu, mùi, tức là dụng thần trùng lập thái quá, phải chờ cho dần, mao, mộc khắc lúc đó việc mới ứng. Thìn là thổ của mộ kho, lúc gặp thìn việc mới ứng. Đó gọi là dụng thần trùng lập.

Phương pháp đoán thời gian ứng nghiệm rất nhiều, trên đây chỉ liệt kê sáu loại. Tóm lại dụng thần hợp thì đoán việc ứng lúc xung khai; dụng thần hưu tù thì đoán việc ứng vào lúc sinh vượng. Dụng thần vô khí thì đoán việc ứng vào lúc vượng tướng; dụng thần vượng không động đoán việc ứng vào lúc xung động; dụng thần có khí phát động hợp nhật thìn, hoặc nhật thìn lâm động, hoặc nhật thìn sinh thế thì đoán việc ứng vào ngay ngày hôm đó; dụng thần bị chế khắc thì đoán việc ứng vào lúc chế sát; dụng thần đắc thời vượng, động lại gặp sinh phù thì đoán vào lúc sinh phù; dụng thần yên tĩnh thì đoán vào lúc gặp xung; dụng thần không xuất hiện thì đoán việc ứng vào lúc dụng thần xuất hiện; dụng thần tuần không thì đoán việc ứng vào lúc xuất không.

Phạm đoán ứng nghiệm cát hung, có xa có gần. Xa là hàng năm, hàng tháng, gần tính ngày, tính giờ. Cách chọn thời gian ứng nghiệm phải xem việc to hay nhỏ, việc lâu hay mau mà định đoạt không thể nói chung chung.

Chương 14

CÁC THÔNG TIN VỀ THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

"Ngẩng lên bàn đến thiên văn, cúi xuống bàn đến địa lý" (Hệ từ của Chu dịch). Mấy nghìn năm qua vô số sự thật đã chứng minh : Bát quái vừa có thể dự đoán các thông tin trên trời, vừa có thể đoán các thông tin dưới đất, vừa có thể đoán mọi việc của con người. Đồng thời còn có thể dự đoán các thông tin của thế giới tự nhiên. Cho nên ta mới gọi : âm dương bát quái định càn khôn, sáu hào của quẻ đoán như thần.

Thông tin thế giới tự nhiên bao la vạn tượng. Đặc biệt là sự vận động của các thiên thể gây ra sự biến hóa của âm dương, ngũ hành, gây ra cho con người bao nhiêu tai họa. Có những tai họa trực tiếp uy hiếp đến sinh mạng tai sản của nhân loại, vì vậy tổ tiên ta rất sớm dùng bát quái để dự đoán thiên nhiên và đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu. Dưới đây xin giới thiệu những kinh nghiệm đó đăng trong các sách cổ và sự thể hội của bản thân để độc giả tham khảo.

I. DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT

Trên kia đã bàn về phương pháp dùng tượng quẻ để đoán thời tiết. Chương này sẽ nói rõ cách dùng sáu hào để đoán thời tiết.

Dùng sáu hào để đoán nắng, gió, mây mưa, cổ nhân tuy lấy hào ứng làm trời, hào thế làm đất, thế bị khắc tất có thay đổi. Nhưng xem qua các sách khi đoán thời tiết đều lấy lục thân làm chủ để chọn dụng thân và đối với việc mà lục thân làm chủ đều đã có những miêu tả chi tiết và có tổng kết.

1. Hào phụ mẫu chủ về mưa

Càn là dương, là trời; khôn là âm, là đất; càn là phụ, khôn là mẫu. Âm dương tương hợp sẽ hóa sinh vạn vật, cho nên gọi trời đất là mẹ của vạn vật. Cũng tức là nói chỉ có hai khí âm dương tương hợp mới có thể khí hóa thành mưa, tư dưỡng vạn vật, nên phụ mẫu chủ về mưa. Sáu hào của quẻ Khôn có : Sương, tuyết, băng là sự kết tụ của khí, mưa cũng thế. Cho nên hào phụ mẫu cũng chủ về : sương, tuyết, băng đá.

1) Hào phụ mẫu tứ thời chủ về mưa, không có nghĩa là nói trong quẻ chỉ cần thấy hào phụ mẫu là có mưa, hoặc không có hào phụ mẫu thì không mưa.

Hào phụ mẫu chủ về mưa là có điều kiện. Trong các sách "Hoàng kim sách", "Tăng san bốc dịch" đều đã nói rõ vấn đề này.

Hào phụ mẫu động thì mưa : Phụ mẫu là thiên địa, khi yên tĩnh thì chủ về nắng, động thì có biến, biến thì có mây dày, mù nặng, nhật nguyệt bị che khuất, dẫn đến mưa. Hào tử tôn chủ về nắng, hào phụ mẫu khác hào tử tôn, động mà khác tử tôn thì lực càng mạnh. Tử tôn bị khắc tất nhiên chủ về mưa. Hào phụ mẫu động, lại chia ra minh động và ám động. Nhưng minh động và ám động đều chủ về mưa.

Hào phụ mẫu chủ về mưa, có hào phụ mẫu trực tuần không, khi xuất không tất mưa; hào phụ mẫu nhập mộ, khi xung khai thì mưa, hào phụ mẫu và hào quan quý tĩnh mà gặp không, lúc nhật kiến xung thì sẽ mưa. Hào phụ mẫu động, lại gặp nhật, nguyệt, hào động sinh phù thì sẽ có mưa như trút nước. Hào phụ mẫu hóa hào huynh đệ thì có mưa phi thường. Hào phụ mẫu suy nhược, hào quan quý vượng động thì mưa nhỏ hoặc mây mù. Hoặc nếu vừa hững vừa mưa là hào quan quý động xung khai với hào phụ mẫu. Đoán mưa mà gặp : phụ mẫu tuần không, được nhật thìn xung khai thì sẽ không còn là không nữa, đến ngày trực nhật sẽ mưa. Tam hợp thành phụ mẫu cục chủ về mưa, phụ mẫu, huynh đệ đều vượng thì mùa đông có gió và tuyết rơi.

Hào phụ mẫu chủ về mưa nhưng gặp những trường hợp sau lại là không mưa. Ví dụ : hào phụ mẫu hư tù, không động thì không mưa; hào phụ mẫu hóa thoái thì mưa 1 chốc sẽ tạnh; hào phụ mẫu nhập mộ hoặc động mà hóa mộ thì lại nắng; hào phụ mẫu hóa tử tôn thì sau mưa là trời sáng ngay; hào phụ mẫu tĩnh mà không có phù trợ thì thường nắng hạn; hào phụ mẫu bị hào thê tài khắc thì không mưa. Khi đoán mưa gặp hào thê tài và hào tử tôn động thì phải chờ đến ngày tái nhập mộ, hoặc tuyết mới có mưa.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng tỵ, giờ mao đoán ngày nào có mưa, được quẻ "lũ" của quẻ "tiểu quá".

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ x
Huynh đệ thân kim ..
Quan quý ngộ hỏa . thê
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

HỎA SƠN LỮ

Quan quý tỵ hỏa .
Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim . ứng
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ .. thê

Phụ mẫu tuất thổ là dụng thần, phụ mẫu lâm nhật kiến mà động lại hóa nguyệt kiến tỵ hỏa sinh trở lại nên giờ thìn hôm nay không những có mưa mà còn có sấm. Quá đúng giờ thìn mây ùn lên, cuối giờ thìn, đầu giờ tỵ, sấm mưa xen kẽ. Ứng vào giờ thìn vì ngày tuất xung phụ mẫu, thìn thổ ám động;

có sấm vì tuất hóa ty hỏa, đúng là phụ mẫu và quan quý đều vượng nên có cả sấm cả mưa.

+ Ngày 16 tháng 9 năm 1983 (âm lịch : ngày đinh mùi, tháng 8) Đại hội thể thao toàn quốc lần V khai mạc ở Thượng Hải. Ngày 14 tôi đoán thời tiết của Thượng Hải được quẻ "phong" của quẻ "cách" nên khẳng định Thượng Hải ngày 16/9 có mưa, Đại hội không thể khai mạc đúng giờ. Còn Đài TW tối ngày 15 báo trời Thượng Hải nắng. Kết quả ngày 16, Thượng Hải mưa rất to.

TRẠCH HÓA CÁCH

Quan quý mùi thổ ..
Phụ mẫuậu kim O
Huynh đệ hợp thủy . thể
Huynh đệ hợp thủy .
Quan quý sửu thổ ..
Tứ tôn mao mộc . ứng

LÔI HÓA PHONG

Quan quý tuất thổ ..
Phụ mẫu thân kim .. thể
Thê tài ngộ hỏa .
Huynh đệ hợp thủy .
Quan quý sửu thổ .. ứng
Tứ tôn mao mộc.

Phụ mẫu lâm nguyệt kiến mà động, lại được nhật kiến sinh, hóa phụ mẫu thân kim, nên ngày 16 mưa to.

2. Hào tử tôn chủ về nắng

"Hoàng kim sách" nói : "Tứ tôn quản nhật nguyệt". "Tăng san bốc dịch" nói : "Tứ tôn là sao của nhật nguyệt, động thì nắng khắp nơi". Sao của nhật nguyệt là sáng, là nắng, cho nên hào tử tôn chủ về nắng. Hào tử tôn là dương, là nhật, là nguyệt, là sáng. Hào tử tôn vượng thì trời nắng trong, suy thì âm đạm, mộ tuyệt thì âm u, tuần không và phục ngâm thì mờ lung bàng bạc.

Hào tử tôn trị thế phát động thì trời nắng, không một gợn mây. Hào tử tôn hóa tiến thần trời xanh ngắt. Hào tử tôn và hào thê tài động thì chủ về nắng; hào tử tôn tĩnh mà gặp tuần không, nhật kiến xung cũng chủ về nắng; hào tử tôn nằm dưới hào tài chủ về nắng; hào tử tôn là hào ứng, động thì trời không có một gợn mây; tam hợp tử tôn cục chủ về nắng; hào tử tôn hưu tù, không, phá, hoặc hiện mà không động, thì không nắng to mà có thể có mây mỏng như sương mù. Tứ tôn hưu tù, tuần không, phục ngâm thì trời râm; mưa gặp thần phúc là mưa có cầu vồng; nếu tượng quẻ có mưa mà huynh đệ hóa tử tôn thì mây tan mặt trời ló rạng; hào tử tôn và hào huynh đệ đều động đó là tượng sấm rền và ráng đỏ.

Ví dụ cổ : Ngày giáp ngọ, tháng mao đoán được quẻ "quải" của quẻ "tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRẮNG

Huynh đệ tuất thổ ..
 Tử tôn thân kim . X
 Phụ mẫu ngộ hỏa . thế
 Huynh đệ thìn thổ .
 Quan quý dẫn mộc .
 Thê tài tý thủy . ứng

Hào tử tôn động mà hóa tiến thànhậu kim nên ngày thân đậu tất nắng khắp nơi.

Ví dụ cổ : Vì mưa mấy ngày liền, nên ngày át mao tháng ngộ đoán hôm nào tạnh, được quẻ "cấn" của quẻ "minh di".

ĐỊA HÓA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim X
 Huynh đệ hợp thủy ..
 Quan quý sửu thổ .. thế
 Huynh đệ hợp thủy
 Quan quý sửu thổ
 Tử tôn mao mộc O ứng

Hào sáu trên phụ mẫu hóa hào tử tôn, giờ dậu hôm nay thấy mặt trời, hào đầu mao mộc tử tôn động hóa quan quý thìn thổ, ngày mai âm u có mây. Kết quả giờ dậu mặt trời lặn, ngày hôm sau âm u nhưng không mưa.

Ví dụ : Ngày 26 tháng 1 năm 1984, đoán thời tiết ngày 10/2 (là ngày giáp tuất, tháng bình dân) được quẻ "chấn" của quẻ "phệ hạp".

HÓA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn tý hỏa O
 Thê tài mùi thổ .. thế
 Quan quý dậu kim .
 Thê tài thìn thổ ..
 Huynh đệ dẫn mộc .. ứng
 Phụ mẫu tý thủy .

Hào tử tôn động, chủ về nắng mây nhiều, quả đúng như thế. Hào tử tôn hóa thê tài chủ về nắng, tại sao lại nhiều mây ? Vì thê tài suy nên tượng sương mù lớn, cho nên nhiều mây.

3. Hào thê tài chủ về nắng

"Hoàng kim sách" nói : "Thê tài phát động thì tám phương trong sáng". "Tăng san bốc dịch" cũng nói : "Quẻ mưa hào phụ mẫu nên động, quẻ nắng hào thê tài nên động", "thê tài chủ về thời tiết sáng".

TRẠCH THIÊN QUẢI

Huynh đệ mùi thổ ..
 Tử tôn dậu kim . thế
 Thê tài hợp thủy .
 Huynh đệ thìn thổ .
 Quan quý dẫn mộc . ứng
 Thê tài tý thủy .

CẤN VI SƠN

Tử tôn dẫn mộc . thế
 Huynh đệ tý thủy ..
 Quan quý tuất thổ ..
 Phụ mẫu thân kim . ứng
 Thê tài ngộ hỏa ..
 Quan quý thìn thổ ..

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ .. thế
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Thê tài thìn thổ .. ứng
 Huynh đệ dẫn mộc ..
 Phụ mẫu tý thủy .

Nói theo lục thân, hào thê tài khắc hào phụ mẫu, nay phụ mẫu chủ về mưa mà bị khắc, đương nhiên không có mưa mà nắng.

Hào tài động chủ về nắng, minh động hay ám động đều chủ về nắng, thê tài động khắc phụ mẫu sinh ra thê chủ về nắng, thê tài động khắc phụ mẫu sinh ra tử tôn (con) là chủ về trời nắng; tài vượng lại gặp hào động, nhật, nguyệt sinh ra thì trời khô. Tam hợp tài cục có ráng mây nhưng không mưa. Hào tài phát động thuộc cung cần là khô ráo. Tài phát động biến vào cung cần lại gặp hào động, nhật, nguyệt phù giúp tất chủ về tương đại hạn. Tài hưng, tử tôn tuần không, qua ngày tuần không sẽ nắng. Tài hóa quý, nắng không lâu hoặc trời râm mát. Quan vượng tài suy, sương mù đậm như mưa dầm. Quý suy tài vượng, mây mù một ít là hửng ngay. Tài chủ về nắng nhưng khó tránh được không có mây. Hào hợp tài nếu bị hào huynh khắc phá thì không gió, không nắng. Tài hóa thoái nắng sẽ không lâu.

Ví dụ cổ : Ngày ất tỵ, tháng dậu, đoán ngày đó âm u hay hửng nắng, được quẻ "hàng" của quẻ "thăng".

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quý dậu kim ..
Phụ mẫu hội thủy ..
Thê tài sửu thổ x thê
Quan quý dậu kim .
Phụ mẫu hội thủy .
Thê tài sửu thổ .. ứng

LÔI PHONG HÀNG

Thê tài tuất thổ .. ứng
Quan quý thân kim ..
Tử tôn ngộ hỏa .
Quan quý dậu kim . thê
Phụ mẫu hội thủy .
Thê tài sửu thổ ..

Tài động hóa xuất tử tôn ngộ hỏa, buổi sáng nắng, có mây nổi lên, giờ Ngọ đầy nắng, hết mây. Quả nhiên đúng như thế.

Ví dụ cổ : Ngày kỷ mạo, tháng thìn đoán thời tiết hôm đó. Gieo được quẻ "Lâm" của quẻ "Truân".

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy ..
Quan quý tuất thổ O ứng
Phụ mẫu thân kim ..
Quan quý thìn thổ ..
Tử tôn dần mộc x thê
Huynh đệ tỵ thủy .

ĐỊA TRẠCH LÂM

Phụ mẫu dậu kim
Huynh đệ hội thủy .. ứng
Quan quý sửu thổ ..
Quan quý sửu thổ ..
Tử tôn dần mộc . thê
Thê tài tỵ hỏa .

Tử tôn dần mộc tri thê động mà hóa thành tử tôn tiến thân là ngày nắng to. Hào năm tuất thổ quý động hóa ra hội thủy, nên giờ hội ất sẽ có mây đen. Quả nhiên ngày đó nắng to, giờ tuất sao bắc đẩu mờ không sáng, giờ hội mây đen bốn bề ùn lên.

4. Hào huynh đệ chủ về gió, mây

"Hoàng kim sách" nói : "Nếu bàn về gió, mây dựa vào huynh đệ". Huynh đệ tọa trường sinh, nhất định đang chờ ngày bão. "Tăng san bốc dịch" có câu : "Huynh đệ phát động tuy chủ gió mây, nhưng là cảnh mây mỏng, gió nhẹ". Hào huynh đệ vì sao lại chủ về gió mây, ngày xưa không nói rõ. Theo Ngũ hành sinh khắc nói : "Sánh vai là anh em". Ngày xưa gọi anh em là thần kiếp tài, là nạn phá hoại. Sánh vai là anh em, là kiếp tài, là nguồn gốc bất hòa. bất hòa sẽ có đấu tranh, đấu tranh là động, động nên sinh gió. Đấu tranh tất có tiến thoái, tiến thoái là tượng "tốn", tốn là gió. Gió thổi phá hủy trăm vật, anh em là kiếp tài, là thần phá hoại. Lại vì có gió tất có mây, nên có "gió mây tụ hội", nên hào huynh đệ chủ về gió mây.

Huynh đệ phát động chủ về gió mây, vượng thì gió to, suy thì gió yếu; thần hóa tiến thần thì gió to, thần hóa thoái thì gió nhỏ. Mộc lâm huynh đệ, quan quý tinh mà gặp không được nhật kiến xung sẽ có gió; huynh đệ lâm tuần không, được nhật kiến xung chủ về gió nhẹ, sương mù mỏng; tam hợp cục hợp huynh đệ, chủ về gió. Trong quẻ, nếu huynh động, phụ cũng động thì gió mưa xen lẫn, huynh hóa phụ thì gió trước mưa sau.

Ví dụ cổ : Đoán thời tiết ngày đình hợi, tháng ngo, được quẻ "phù" của quẻ "độn".

THIÊN SƠN ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ .
Huynh đệ thân kim . ứng
Quan quý ngộ hỏa .
Huynh đệ thân kim O
Quan quý ngộ hỏa .. thế
Phụ mẫu thìn thổ ..

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ . ứng
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa .
Thê tài mao mộc .. thế
Quan quý tỵ hỏa ..
Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh động là gió mây, hôm ấy là ngày râm, giờ thân sẽ thấy mặt trời, giờ mao ngày hôm sau nắng to. Quả đúng như thế. Vì thân kim hóa mao mộc hào tài, giờ thân thấy mặt trời, ngày hôm sau giờ mao nắng.

5. Hào quan quý chủ về sấm, chớp, sương, mù

"Hoàng kim sách" có nói : "Muốn biết sấm chớp phải xem hào quan quý". "Sấm có chớp, do quan quý phát ly cung". "Tăng san bốc dịch" cũng nói "Quan quý lời đình điện mù". Quan là quan nhân, là vua, có quyền lập pháp và phát lệnh, hiệu lệnh thiên hạ, sấm chớp chói tai. Cho nên hiệu lệnh là tượng của sấm kêu. Có sấm thì có chớp, chớp là hỏa, có hỏa tất có khói, lại có sấm đánh vào vật mà có khói, khói là tượng của mù. Cho nên quan quý là lời đình điện mù.

Hào quan quý chủ về lôi đình điện mù, nếu quan ở cung chấn mà động tất có sấm, gọi là kim trên không tức có tiếng kêu. Kim hóa kim thì rất mau sẽ có sấm. Hỏa quý động chớp sẽ chế ngự kim xà, trời đang nắng mà gặp quan quý sẽ có mây mù. Quý động tất có mây mù đậm, u ám. Mùa hạ u ám mùa đông đại hàn. Quý động lâm hào thế hoặc xung khắc hào ứng, hoặc lâm phát động, đều chủ về mây mù đậm. Nhiều mây khói, là do tài quý cùng động. Quan quý hóa thoái thần thì chớp đầy trời, vùng xa mưa to, vùng gần mưa nhỏ. Quan quý, phụ mẫu cùng động thì trước sấm sau mưa. Tam hợp quý cục thì mù đen đầy trời, chớp lóe sáng. Quan hóa thoái thần mưa sẽ tạnh. Cho nên quan quý là lôi đình điện mù, nên luận theo từng mùa.

Vi dụ cổ : Ngày đình mao, tháng tỵ, đoán ngày nào mưa, được quẻ "đại quá" của quẻ "hằng".

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ .. ứng
 Quan quý thân kim x
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Quan quý dậu kim . thế
 Phụ mẫu hợi thủy .
 Thê tài sửu thổ ..

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..
 Quan quý dậu kim .
 Phụ mẫu hợi thủy . thế
 Quan quý dậu kim .
 Phụ mẫu hợi thủy .
 Thê tài sửu thổ .. ứng

Quẻ này hào thế quý ám động, thân quý mình động hóa thành tiến thân, giờ thân sẽ có sấm. Quả nhiên sấm chớp vang trời.

Đoán thời tiết không những chỉ xem chủ của lục thân, mà còn phải xem phản ngâm, phục ngâm của quẻ để quyết định là âm u hay nắng. Ông già Dã Học nói : "Trong quẻ có phản ngâm thì nắng hay u ám đến cuối sẽ đảo ngược trở lại". "Hào gặp phải phục ngâm thì hạn, ứng tất sẽ chờ đến lúc xung nhau ra".

Vi dụ : Ngày canh dần, tháng thìn, đoán ngày nào sẽ nắng. Gieo được quẻ "thăng" của quẻ "quan".

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc O
 Quan quý tỵ hỏa O
 Phụ mẫu mùi thổ .. thế
 Thê tài mao mộc x
 Quan quý tỵ hỏa x
 Phụ mẫu mùi thổ .. ứng

ĐỊA PHONG THĂNG

Huỳnh đệ dậu kim ..
 Tử tôn hợi thủy ..
 Phụ mẫu sửu thổ .. thế
 Huỳnh đệ dậu kim .
 Tử tôn hợi kim .
 Phụ mẫu sửu thổ .. ứng

Mao mộc tài động, hôm sau có thể nắng, vì quẻ nội, quẻ ngoại có phản ngâm nên nắng mà lại mưa. Quả nhiên đúng, hôm sau nắng lại có mưa.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng thìn đoán mưa, được quẻ "chấn" của quẻ "tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ ..
Tử tôn thân kim ..
Phụ mẫu ngộ hỏa . thế
Huynh đệ thìn thổ O
Quan quý dân mộc O
Thê tài tý thủy . ứng

CHẤN VI LÔI

Huynh đệ tuất thổ .. thế
Tử tôn thân kim ..
Phụ mẫu ngộ hỏa .
Huynh đệ thìn thổ .. ứng
Quan quý dân mộc ..
Thê tài tý thủy .

Quẻ biến có phục ngâm nên động mà như không động, tài động xung khai tất sẽ nắng, phụ động xung khai thì mưa. Muốn được mưa phải chờ đến ngày xung phụ mẫu.

Dùng sáu hào đoán thời tiết nắng mưa tuy rất rõ ràng chi tiết, nhưng khó hơn nhiều so với cách đoán theo tượng quẻ. Còn đối với dùng ngũ hành để đoán thời tiết, người xưa cũng có cách đoán khác nhau. Trong "Động lâm bí quyết" nói : "Phàm đoán thời tiết, thủy động thì mưa, hỏa động thì nắng, mộc động thì gió, thổ động âm u. Nếu gặp kim thủy, mưa to mà chưa ngừng, nếu gặp hỏa thổ thì mưa nhỏ và mau ngừng". Nhưng điều này không giống với quan điểm của "Tăng san bốc dịch". Điều đó đã đưa lại khó khăn cho những người đời sau đoán thời tiết. Cuối cùng nên theo bên nào, rất khó quyết đoán.

Căn cứ vào sự làm chủ của bát quái ngũ hành và kinh nghiệm thực tiễn, tôi cho rằng theo ngũ hành của hào để đoán thời tiết trên nguyên lý là đúng. Như khôn là thổ, là âm, cần là sơn là mây mù, khôn cần là thổ, có nghĩa thổ khắc thủy, nên không mưa mà có mây mù u ám. Ly là nhật, là sáng, chủ về nắng. Khảm là thủy, chủ về mưa. Chấn, tốn là mộc, mộc sinh phong, nên chủ về mưa. Trong "mai hoa dịch số" có câu : "Cần chủ về nắng". "Đoài là trạch, nên không mưa thì u ám". Cần đoài là kim, tuy có nghĩa là sinh thủy, nhưng phải là động để sinh hào phụ mẫu. Do đó, khi tôi đoán thời tiết, vừa phải xem ngũ hành của hào quẻ, vừa phải kết hợp chi ngày đó chủ về gì để định thời tiết. Ví dụ ngày 1 tháng 8 năm 1983, tôi đoán thời tiết ngày 5 tháng 8 trời âm u, có gió, còn đài truyền hình Thiểm Tây ngày 4 tháng 8 liên tục đưa tin bốn lần thông báo khẩn cấp ngày 5 tháng 8 có mưa bão to, yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải đề phòng cấp tốc. Kết quả ngày 5 tháng 8 chỉ âm u và có gió, một giọt mưa cũng không có. Hôm ấy gieo được quẻ "Tụng" của quẻ "Hoán".

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mào mộc .
Huynh đệ ty hỏa . thế
Tử tôn mùi thổ x
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ . ứng
Phụ mẫu mào mộc ..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ .
Thê tài thân kim .
Huynh đệ ngộ hỏa . thế
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ .
Phụ mẫu mào mộc .. ứng

Theo tượng quẻ mà nói, quẻ ngoại là tốn mà động, mộc động sinh phong, nên có gió. Quẻ nội là khảm tuy chủ về mưa nhưng là tháng mùi thổ, nhật kiến sừ thổ nên cả nhật và nguyệt khắc thủy, không có mưa, thổ chủ về u ám, nên hôm đó chỉ u ám và có gió.

Theo sáu hào để bàn, phép ngày xưa nói hào tử tôn động thì nắng vạn dặm, tuy hào tử tôn trong quẻ trùng lặp nhau, động mà hóa sinh trở lại, nhưng hào tử tôn gặp nguyệt kiến mùi thổ, nhật kiến sừ thổ, cả hai đều là thổ, thổ chủ về u ám. Quẻ "hoán" có phong hành thủy thượng", nay thủy bị khắc, chỉ có gió, cho nên theo sáu hào để bàn cũng là trời âm u có gió, quyết không có mưa. về sau quả đúng như đoán. Do đó, khi đoán thời tiết, nhất định phải căn cứ ngũ hành thuộc gì mà suy vượng ra sao và tham khảo thêm nhật kiến, nguyệt kiến để định, như thế độ chính xác sẽ cao hơn.

II. ĐOÁN VỀ THỜI VẬN TRONG NĂM

Một người có vận hội tốt xấu, một quốc gia, một địa phương, một đơn vị cũng đều có vận hội tốt xấu. Gọi là tốt tức là đất nước thái bình, dân cư yên ổn, cả nước từ trên xuống dưới thuận hòa, hằng hái, mùa màng bội thu, cảnh sắc vui tươi. Gọi là xấu tức khó khăn nhiều, thiên tai lớn, làm hao tổn nhân tài vật lực.

1. Đất nước thái bình, dân cư yên ổn

Đất nước thái bình, dân cư yên ổn là tiêu chí quan trọng của năm vận tốt. Đầu tiên phải xem khí quẻ vượng hay không, âm dương tương sinh tương hợp làm gốc. trong "Hoàng kim sách" có câu : "Quẻ hưu tù, nước nhà suy thoái; âm dương tương hợp thì mưa thuận gió hòa". nên khi đoán thời vận trong năm, quẻ nội là nước mình, quẻ ngoại là nước khác. Quẻ nội vượng tương là hình ảnh nước nhà cường thịnh; hưu tù vô khí là hình ảnh suy thoái, gió thu quét lá cây. Âm dương tương hợp thì khí trời đất thông nhau. Trong quẻ giữa thế, ứng và sáu hào tương sinh tương hợp tức âm dương tương sinh tương hợp, tất nhiên là mưa gió thuận hòa, mùa màng tươi tốt; tương xung tương khắc thì nhất định khó khăn, thiên tai hạn, lụt, dịch bệnh... nhiều.

Hào đầu là vận vật : gặp sinh vượng, lâm tài phúc là cát, gặp quan quý là hung.

Hào hai là nhân dân : tử tôn có phúc thân ở thì bốn mùa bình yên; nếu quan quý chiêm thì gặp nhiều trắc trở.

Hào ba là huyện phủ quan lại : nếu sinh ra hợp thời sẽ có lòng yêu dân, tiếc việc; nếu tử tôn ở sẽ chấp chính thanh liêm, chính trực vô tư; nếu là quan quý thì tham ô hủ bại, tàn khốc bất nhân; nếu huynh đệ động, tranh đoạt khắc thế, thì hà khắc, thuế tạp nhiều nuông dân.

Hào bốn là tế tướng : nếu gặp tử tôn sinh hợp hào thế, nhất định là quang minh lỗi lạc, chính trực vô tư, trị quốc có sách, yêu nước thương dân.

Hào năm là thiên tử : rất không nên động vì sẽ hình khắc thời thế, nếu động nhân dân sẽ bị khắc chế. Nếu gặp tài phúc, sinh ra hợp thời sẽ có nghĩa với nước, yêu dân. Không nên gặp "không", "không" là hữu danh vô thực. Hào năm gặp quan quý, gặp thái tuế thì đất nước gặp đại nạn, nhân dân gặp tai ương.

Hào sáu là trời : nên tĩnh, không nên "không". Động mà "không", năm đó sẽ nhiều quái dị, việc biến dị.

"Hào ứng" là trời, "hào thế" là đất. Nếu "ứng" khắc "thế" là năm vận không thuận, "thế không" là nhiều tai họa. "Ứng" khắc "thế" là trời khắc đất, hai khí âm dương bất hòa, nên đương nhiên người và vật nhiều tai họa.

Sách "Hoàng kim sách" nói : "huynh quý đều vong, tất nó chủ về dân yên, nước thịnh trị". Trên kia đã nói, hào huynh đệ là thần kiếp tài, hoạn phá hoại, hào quan quý là nguồn gốc của hiểm họa tai ương. Cho nên khi đoán thời vận của năm, quẻ thượng tốt nhất không nên có hào huynh đệ, quan quý, hoặc gặp đất "lâm vong tử tuyệt". Như vậy sẽ không có tai họa về kiếp tài phá hoại. Nếu "huynh đệ, quan quý" gặp sinh vượng mà loạn động, thì tai họa vô cùng, không lường hết được. Người xưa có câu : "Quốc chính dân tâm thuận, quan thanh liêm dân tự yên". Sách "Đoán dịch thiên cơ" viết : "Hào sáu không động, quẻ sẽ không sát, thiên hạ ca hát thái bình". Tức hào sáu tĩnh trong quẻ là không có "sát", "hại" thì nhân dân an cư lạc nghiệp, đương nhiên đất nước thái hòa.

2. Thiên tai

Hạn hán : quẻ mà gặp "thê tài lâm thái tuế" phát động, hào phụ mẫu đã không có khí lại còn bị khắc thì năm đó tất có hạn hán.

Lũ lụt : hào phụ mẫu "tri thế thái tuế" phát động, hào tử tôn lại suy nhược thì năm đó nhất định có lũ lụt. "Thủy quý" phát động là có lũ lụt. Khi quẻ ngoại động, thì chỗ khác chìm ngập; quẻ nội động thì chỗ mình thành sông. Nếu "thế" không bị khắc thì tuy ngập nhưng vô sự.

Gió bão : hào huynh chủ về gió. Nếu "huynh đệ" gặp thái tuế, năm đó sẽ nhiều gió. Nếu "huynh đệ" khác "thế", tất sẽ có gió lốc. "Xà quý" động, cung tổn hóa "huynh", sẽ có gió khác thường.

Dịch sâu bọ : "quỷ" gặp "chu tước" động mà lại khắc hào thế thì sẽ có nạn đũa, sâu.

Mất mùa : gặp quẻ "câu trần quý trì thế" thì nhất định là năm mất mùa. Tài hóa huynh hoặc cùng động với "quỷ", cũng sẽ mất mùa.

Sấm dầy : Năm thái tuế lâm quý, động sẽ nhiều sấm, nhiều thiên tai. Xà quý động ở cung chấn, nhất định sẽ sấm khác thường, hoặc xuân thu không có mưa mà lại có sấm.

Nóng, rét : "Hào thủy" ở "địa không", mùa đông sẽ ấm; hào thủy đóng ở tử địa, mùa hạ sẽ lạnh. Nếu vượng động khắc thế, mùa hè sẽ nóng, mùa đông sẽ lạnh.

Hỏa hoạn : "Hỏa quý" phát động sẽ có hỏa hoạn, nếu với "hào thế" không có quan hệ gì mà chỉ có quan hệ với "hào ứng" thì chung quanh có hỏa hoạn (tức là quẻ nội là chỉ chỗ mình, quẻ ngoại là chỉ vùng khác).

Sụt lở núi : Cấn là sơn. Nếu xà quý ở cung cấn động, nhất định sẽ có núi lở và đá bùn phun chảy.

Động đất : "Dương phục mà không thể xuất, âm bức mà không thể bốc lên, tức sẽ có động đất". Đó là nguyên nhân động đất. Nhưng dùng bát quái để đoán động đất như thế nào, thật rất khó. Hiện nay chỉ theo những điều viết trong "Hoàng kim sách" : "Xà quý đóng ở cung khôn mà lại động thì chủ về động đất, gặp kim thì có tiếng, có hình thì có nứt lở". Tai nạn động đất thiệt hại thường lớn, cho nên rất được coi trọng. Ta dùng bát quái để đoán động đất, tuy có ít ví dụ, nhưng để nói rằng động đất là có thể đoán được và cần phải nghiên cứu. Tôi cho rằng xà quý ở cung khôn động, không những chỉ quẻ khôn mà là chỉ cả tám quẻ của cung khôn.

Ban ngày bị tối : Xà quý động ở cung ly là ban ngày bị tối, năm đó có những cái khác thường.

Nhật thực, nguyệt thực : Tử tôn hình hóa quan quý, hoặc quan quý động để hình hại, hoặc bị văn thư xà khắc thì sẽ có nhật, nguyệt thực.

Giặc cướp : Quan quý còn thêm "huyền vũ" động và khắc thế, năm ấy tất có giặc cướp. Nếu lâm kim xung khắc tuế quán hoặc hào ngũ là mưu động, sẽ nhiều loạn bốn phương, phạm thượng.

Bệnh tật : Thổ quý phát động, hoặc lâm bạch hổ, sẽ có dịch bệnh. Nếu khắc thế thì có nhiều người chết bệnh, có thể chế ngự được thì không thiệt hại.

Chiến tranh : Kim quý phát động, e có loạn binh đao, xung khắc hào ứng, sinh hợp hào năm là triều đình chinh phạt, thảo trừ. Nếu ở quê ngoại lại thuộc cung khác, khắc thái tuế là có nước ngoài đến xâm phạm. Nếu cả hai quý đều động, thì không phải chỉ có một nơi, hoặc hóa thành khắc trở lại, bị hào động của nhật, nguyệt khắc chế, thì tuy loạn nhưng không khó khăn. Nếu là hưu, tù động thì vẫn chỉ là bọn cướp, bọn giặc cỏ. Nếu cung khác khắc là có nước ngoài đến xâm lăng. Cung khác là chỉ nước ngoài. Khi không có cung khác thì xem quê ngoài, nếu nó khắc cung gốc thì năm đó có nạn xâm lăng. Quê nội có ngoại sinh tức là sẽ có tin mừng.

Được mùa : Nếu tử tôn đắc địa, hào tài có khí và không bị "không", huynh xà suy nhược mà tĩnh, tất sẽ được mùa.

Muốn biết tình hình thiên tai thay đổi ở phương nào thì phải xem địa chi thuộc gì. Ví dụ tý thuộc bắc, mao thuộc đông.

Khi đoán thời vận của năm, thứ nhất có thể căn cứ thời gian gieo quẻ hay lắc quẻ mà đoán; thứ hai có thể căn cứ vào các hiện tượng dị thường phát sinh trong trời đất để đoán, hoặc lắc quẻ để đoán. Sau đó căn cứ vào quẻ để đoán vận năm tốt xấu. Ví dụ : năm 1986, tháng 9, ngày 27 tôi đoán "sấm vang động cả trời đất". Năm 1986, 9 giờ 30 ngày 19 tháng 12 tôi đoán : ở phương đông nam của Tây An xuất hiện "năm cái mặt trời", đều là căn cứ các hiện tượng khác thường để đoán.

3. Đoán động đất

Từ sau trận động đất Đường sơn năm 1976, mọi người vô cùng lo sợ về động đất. Nguyên nhân của động đất vô cùng phức tạp, khó đoán được chính xác. Máy năm lại đây vùng Tây Nam và Tây Bắc là thời kỳ hoạt động của động đất, cho nên vùng Tây An thường nổi lên những tin đồn động đất. Không ít người đã đến hỏi tôi về việc này. Để thăm dò về quy luật động đất và tích lũy kinh nghiệm, nên dù có người hỏi hay không, hoặc khi đưa tin sắp có động đất, hoặc giả thấy những hiện tượng khác thường có liên quan với động đất, tôi đều lập tức gieo quẻ để đoán. Khi đoán lấy động đất làm chủ, đồng thời đoán cả vận năm. Đoán những quẻ không có động đất thường ứng nghiệm nhiều hơn, quẻ có động đất ứng nghiệm 3 quẻ. Dưới góc độ thăm dò và tổng kết kinh nghiệm đoán động đất, tôi xin liệt kê một số quẻ dưới đây để cung cấp bạn đọc tham khảo.

Ví dụ 1 : Giờ Thìn ngày 23/9/1987 (âm lịch là 1/8) thấy nói có động đất, tôi gieo quẻ đoán khoảng thời gian nào sẽ có, được quẻ "hàng" của quẻ "Đại tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRẮNG LÔI PHONG HẰNG LỤC THẦN

Huynh đệ tuất thổ ..	Huynh đệ tuất thổ .. ứng	Huyền vũ
Tử tôn thân kim ..	Tử tôn thân kim ..	Bạch hổ
Phụ mẫu ngộ hỏa . thế	Phụ mẫu ngộ hỏa .	Phi xà
Huynh đệ thìn thổ .	Tử tôn dậu kim . thế	Câu trăn
Quan quý dần mộc .	Thê tài hợi thủy .	Chu tước
Thê tài tý thủy O ứng	Huynh đệ sửu thổ ..	Thanh long

(1) *Động đất* : theo phương pháp cổ "Xà quỷ đóng tại cung khôn động sẽ có địa chấn", quẻ này "xà" không gặp "quỷ", hơn nữa "xà, quỷ" yên tĩnh, nên đoán là không có động đất. Tôi cho rằng, xà là tiêu long, tuy chưa gặp quy ma động, nhưng long là đại xà. Đại xà lực càng to lại gặp thủy ở cung khôn động (quẻ Đại tráng thuộc cung khôn) tất có động đất.

Phương hướng động đất : Chủ yếu ở phía đông Bắc Kinh hoặc Tây An, hoặc phía đông Trung Quốc có động đất. Phía tây nam Bắc Kinh và Tây An có động đất. Nhưng không ngoại trừ Tây An cũng có động đất.

Cấp : Chỗ thứ nhất cấp 5 trở lên, cấp 6 trở xuống, chỗ thứ 2, cấp 6 trở lên, cấp 7 trở xuống.

Thời gian : Thời gian lâu nhất cách giờ gieo quẻ trong vòng 60 ngày, nhanh nhất trên dưới 15 ngày. Trong những ngày gần đây phải chú ý là : ngày 26/9, ngày 2/10, ngày 3/10. Tôi ghi các kết quả này lên lịch.

(2) *Niên vận* : (Từ tháng 9/1987 đến cuối 1988)

a) Quẻ ngoại và quẻ nội tương khắc, quẻ dụng khắc quẻ thể. Hào thế và hào ứng tương khắc. Hào sáu vượng tương xung khắc, lại thêm huynh đệ đều ở quẻ thượng, quan quý lại được hào động sinh, do đó từ lúc gieo quẻ đến năm 1988 Trung Quốc có nhiều thiên tai, gây nhiều tổn thất to lớn về nhân lực, vật lực.

b) Hào phụ mẫu là thần gian khổ, lại hóa phụ mẫu, nên chủ về cảnh nhân dân lao khổ vất vả. Lại huyền vũ vượng lâm tài, nên giặc cướp nhiều và lộng hành.

c) Hào thế là ngộ hỏa lại hóa hỏa, trong quẻ thủy động sinh mộc, mộc sinh hỏa, nên năm 1988 ở phía nam Bắc Kinh và Tây An nhất định nhiều hỏa hoạn.

d) Hào đầu là tý thủy lại lâm nhật vượng, nguyệt kiến sinh nên từ tháng 5 đến tháng 7, 8 năm 1988 nước ta về phía Bắc nhất định có nạn lụt.

e) Kim thổ càn phạt, nay càn động, nên vùng bên ngoài (nước ngoài) ở phương Tây Bắc nước ta nhất định sẽ xảy ra việc càn phá.

g) May là hào năm, hào tử tôn thân kim hóa thân kim, lâm nguyệt kiến vượng, lại được hào sáu tuất thổ sinh, nên tuy tai nạn nhiều nhưng ít thiệt hại.

Căn cứ vào tình hình đoán động đất ở trên, lúc đó tôi đã đến văn phòng của Bộ môn Địa chấn nơi tôi làm việc báo cáo với Dương Hồng Bình, biết ngày giờ và nói phía Tây Nam có thể có động đất, hơn nữa ngay gần đây còn có thể xuất hiện những sự kiện khác bất lợi. Lúc đó ông ta đã ghi chép và báo cáo lên văn phòng địa chấn của thành phố Tây An. Cục trưởng họ La đã hội báo và nói rõ đây là dự đoán theo bát quái của tôi.

(3) Tình hình ứng nghiệm

a) Ngày 26/9/1987 ở Tây Tạng đã động đất 5,3°. Ngày 2 và 3 tháng 10 năm 1987 phía đông Trung Quốc ở Đảo Saway (Mỹ) đã phát sinh động đất 6,2°. Ngày 2 và 3 tháng 10 năm 1987 ở vùng Tây Tạng người thiểu số ra phố biểu tình. Do đó Văn phòng Địa chấn của thành phố rất kinh ngạc trước kết quả dự đoán của tôi. Từ tháng 9 năm 1987 trở về sau nước Mỹ và I-Ran (phương tây Bắc Trung Quốc) đã nổ ra cuộc chiến tranh Địa trung hải.

b) Thiên tai : Năm 1988 ở nhiều vùng trong nước ban đầu hạn hán về sau ngập lụt. Lụt ở phía Bắc tương đối nghiêm trọng. Ngày 6 tháng 11 năm 1988 Vân Nam động đất từ cấp 7 trở lên. Tháng 11 năm 1988 Liễu Châu Quảng Tây bị lụt, tiếp đó là nạn cháy rừng, tàu hỏa đâm nhau, chìm tàu biển, dịch bệnh, sâu phá hoại mùa màng. Tóm lại năm 1988 Trung Quốc thiên tai rất nghiêm trọng, lương thực giảm sút, chết người v.v... Tất cả những sự việc này mọi người đều biết rõ.

(4) Đoán quẻ

a) Quẻ gặp cung khôn, long ở cung khôn động, sẽ có động đất.

b) Phương của vùng động đất : Quẻ thể là chấn mộc, quẻ dụng là càn kim, kim động khắc chấn mộc, nên có động đất ở phía đông. Động đất ở Tây Tạng ứng vào hào hai dân mộc, hào quý được hào động của tý sinh. Ngày 26/9 là ngày Mậu dần, quý lâm nhật kiến, vượng địa, có thể là Dần, là Đông bắc động làm xung động phương khôn, cho nên Tây Tạng có động đất.

c) Cấp động đất : vì chấn mộc ở suy địa, nên cấp động đất không lớn. Chấn bốn, càn một, cả hai cộng lại là năm, năm thêm hào động 1 là sáu. Cho nên cấp sẽ không nhỏ hơn năm và không vượt quá 7.

d) Vì sao ngày 26/9, ngày 2, 3 tháng 10 phải chú ý ? Ngày 26/9 là ngày Mậu dần, vì dần mộc lâm nhật kiến mà vượng, lại được tý thủy của hào động sinh, cho nên vượng thì lực mạnh tất khắc thổ, thổ bị khắc tất động, động tất sinh địa chấn. Ngày 2 tháng 10 là ngày giáp thân, ngày 3 là ngày ất dậu, đúng là càn kim, thân kim, dậu kim lâm nguyệt kiến, nhật kiến vượng

địa, khắc chấn mộc, cho nên phía Đông nước ta phát sinh động đất. Vì số của quẻ chủ và quẻ biến, cả hai quẻ là 15 cho nên trong vòng 15 ngày sẽ phát sinh.

e) Phương Tây nam sắp phát sinh những việc bất lợi, bây giờ được biết ở vùng Tây tạng các nhà Tăng sư đã ra phố làm náo động, là vì tử tôn thân kim là người theo đạo, thân kim hóa thân kim lại lâm nhật nguyệt vương địa, cho nên đã xảy ra sự kiện đổ máu ở ngoài phố giữa những người dân thiểu số và Hòa thượng. Việc này rất mau bình thường trở lại, nguyên nhân là bốn ngộ hỏa hóa hỏa, nên đã khắc chế thân kim.

Vi dụ 2 : Giờ tuất ngày 1/8/1988 có tin truyền ở Tây An có động đất. tôi đã gieo quẻ được quẻ "Minh di" của quẻ "Phục".

1988	Tháng 6	Ngày 19	Giờ Tuất
Mậu thìn	Kỷ mùi	Mậu tý	Nhâm tuất

ĐỊA LÔI PHỤC	ĐỊA HỎA MINH ĐÌNH	LỤC THẦN
Tử tôn dậu kim ..	Tử tôn dậu kim ..	Bạch hổ
Thê tài hợi thủy ..	Thê tài hợi thủy ..	Phi xà
Huynh đệ sừ thổ .. ứng	Huynh đệ sừ thổ .. thế	Câu trăn
Huynh đệ thìn thổ x	Thê tài hợi thủy	Chu tước
Quan quý dần mộc ..	Huynh đệ sừ thổ ..	Thanh long
Thê tài tý thủy . thế	Quan quý Mão mộc . ứng	Huyền vũ

1) *Địa chấn* : "Phục" là quẻ của cung khôn, tuy không có xà quý động ở cung khôn, nhưng quẻ thế là khôn thổ, quẻ dụng là chấn mộc mà khắc khôn, khôn địa ở trên, chấn mộc ở dưới nên dưới đất động mà có chấn. Trong quẻ long xà yên tĩnh, nhưng hào ba huynh đệ Thìn thổ lâm Thái tuế, thìn là rồng, động ở cung khôn, cũng là tượng động đất.

Phương hướng động đất : Quẻ dụng là phương khôn, chấn mộc khắc, nên địa chấn ở phương Tây nam.

Cấp độ : Quẻ lâm nguyệt kiến vương địa, nên cấp cao (1) khôn là 8, trên dưới cấp 8(2) : $8 + 4 + 3 = 15$, 15 chia 2 = 7,5 tức là cấp 7,5.

Thời gian : Thìn là thái tuế, là thìn thổ, động mà xung tuất thổ. Tuất là 9 nên thời gian động đất có khả năng nhiều vào tháng 9. Do đó tôi đã ghi vào sổ là : "Nếu tháng 9 động đất cụ thể là mồng 5, mồng 6, 17, 18, 23, 28 và 29.

2) *Niên vận* :

a) Huynh đệ, quan quý cả hai hào đều ở quẻ thượng, quan quý lâm hào hai là tượng không cát. Huynh đệ chủ về tai họa kiếp tài, cho nên Trung Quốc từ đó trở đi sẽ tổn tài.

b) Huynh đệ chủ về gió, thìn là rồng, nên nhất định có nạn gió bão. Trong quẻ thủy nhiều, là gió mưa xen lẫn.

c) Thìn là phương đông nam, cho nên vùng đông nam của Bắc Kinh hoặc Tây An sẽ có thiên tai mưa gió.

d) Động mà khác thế nên nhanh. Quẻ chủ có số là 12 nên trong vòng 12 ngày sẽ có nạn mưa gió.

3) Ứng nghiệm :

a) Ngày 6/11/1988 tức ngày 27/9 âm lịch vùng núi Côn Lôn xảy ra động đất. Ngày 7/11 tức giờ thìn ngày 28/9 âm lịch, Vân Nam động đất cấp 7 trở lên. Ứng tháng thìn tuất tương xung là ngày 28/9 âm lịch.

b) Ngày 7 đến ngày 10 tháng 8/1988 huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây và thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang đều bị nạn mưa to gió lớn, gây ra những tổn thất về người và của.

Ví dụ 3 : Giờ Hợi ngày 5 tháng 12 năm 1987 ngài Ngô Hán Thu của đơn vị tôi công tác nói : Trước cuối năm có thể có động đất, nhờ anh đoán xem. Tôi đã căn cứ thời gian lấy quẻ, và phương pháp lắc quẻ để đồng thời đoán được quẻ như sau :

QUẺ GIEO "TIỂU SÚC"	LỤC THẦN	QUẺ LẮC "TIỂU QUÁ"
Huynh đệ mao mộc	Thanh long	Phụ mẫu tuất thổ ..
Tử tôn ty hỏa	Huyền vũ	Huynh đệ thân kim ..
Thê tài mùi thổ .. ứng	Bạch hổ	Quan quý ngộ hỏa . thế
Thê tài thân thổ O	Phi xà	Huynh đệ thân kim
Huynh đệ dân mộc .	Câu trăn	Quan quý ngộ hỏa ..
Phụ mẫu tý thủy . thế	Chu tước	Phụ mẫu thìn thổ X ứng

"Quẻ tiểu súc phi xà lâm long thổ mà động, là xà long đều động. Quẻ tiểu quá cũng là thìn thổ long động, nhưng quẻ chưa gặp cung khôn. (Tác giả chú giải : "Phong thiên tiểu súc" ở cung tốn, còn quẻ "Lôi sơn tiểu quá" ở cung Đoài).

Tôi xem cả hai quẻ đều là Thìn thổ động, là xà long cùng động tức là nói : trước khi hết năm không có động đất, năm 1988 là năm Thìn có khả năng động đất. Quả nhiên đúng như thế. Đoán không có động đất phần nhiều là đúng, ở đây không nêu thêm ví dụ nữa.

Quẻ "Đại tráng" và quẻ "Phục" đoán động đất rất ứng nghiệm. Do số ví dụ thực tế không nhiều nên ở đây không đưa ra kết luận, nhưng tối thiểu cũng có thể nói dùng bát quái để đoán địa chấn có giá trị tham khảo đáng được nghiên cứu. Khi quẻ gặp cung khôn, lại gặp xà động thì có động đất. Long xà đóng ở cung khôn động, hoặc long lâm thái tuế ở cung khôn động

thì sẽ chủ về động đất. Tuy có long xà trong quẻ động, nhưng không gặp cung khôn thì không có động đất. Ngày nay dùng bát quái để đoán cấp độ động đất, thời gian và phương vị động đất, có thể tìm ra manh nha, mầm mống. Nhưng làm sao để dự đoán được địa điểm xa hay gần thì rất khó.

Ngoài ra, giờ Tuất ngày 2 tháng 7 năm 1988 tôi đoán động đất được quẻ "Phủ" của quẻ "Quan". Đoán phương Tây nam của Tây An bị khắc, sẽ có việc không ổn, vì tổn mộc khắc khôn thổ là có địa chấn. Lại đoán tháng 12 âm lịch năm 1988 và tháng giêng, tháng 2 năm 1989 ở phương Tây nam, Tây và Tây bắc của thành phố Tây An còn phát sinh động đất. Tháng 12 âm lịch năm 1988 ở vùng tây thành phố Tây An hướng về phía Liên Xô đã phát sinh động đất. Lần động đất này tuy thời gian đoán đúng, phương hướng cũng đúng, nhưng là thuộc về nước ngoài. Tôi cho rằng lần động đất này có khả năng là lần động đất thuộc tháng 12 tôi đã nói.

Bát quái dùng làm công cụ dự đoán thông tin đã có lịch sử mấy nghìn năm. Thực tế đã chứng minh tiết kiệm sức người, sức của lại thuận tiện, không cần phương tiện gì khác, độ chuẩn xác lại nhanh và cao. Nếu chúng ta kết hợp với các thiết bị khoa học hiện đại để cùng dự đoán, từ đó tổng hợp các tin tức lại thì sẽ vô cùng lợi hại, nó sẽ cống hiến to lớn cho công cuộc kiến thiết đất nước, tác dụng của nó sẽ không lường hết được.

VẬN HẠN CUỘC ĐỜI

I. LẤY QUÊ NGÀY GIỜ SINH ĐỂ ĐOÁN CUỘC ĐỜI

Trời đất có âm dương ngũ hành chế hóa, một năm chia làm 4 mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Người có tứ trụ : năm, tháng, ngày, giờ, vận tay, tướng mặt. Mỗi thứ làm chủ một việc để định sự vượng suy của vận hạn. Song cuộc đời của con người sẽ như thế nào trên tượng quẻ ? Từ xưa đến nay lấy đoán vận hạn cuộc đời gọi là "chiêm thân mệnh". Phương pháp có khác nhau, bàn luận rất nhiều, có cái dùng phương pháp lắc quẻ để đoán, có cái dùng phương pháp gieo quẻ để đoán. Trải qua lâu đời tranh luận không ngừng, đến nay vẫn còn tiếp tục tranh luận.

Để giải quyết phương pháp dùng bát quái đoán vận hạn, tôi đã căn cứ vào nguyên lý gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ của Thiệu Khang Tiết để đoán vận hạn. Số của năm tháng ngày giờ đã hàm chứa trong đó thời gian, không gian, phương hướng; trong số đồng thời cũng chứa toàn bộ tin tức lúc ra đời của một con người. Do đó phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh để đoán việc, khi lấy quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh, số năm của nó phải cộng thêm số địa chi của lưu niên, khi đoán vận hạn cuộc đời dùng cách cộng thêm số địa chi của năm sinh thấy không đúng, sau đó qua nghiên cứu, lúc lấy quẻ phải dùng phương pháp cộng thêm số thiên can của năm sinh. Qua nhiều lần thử nghiệm cuối cùng thấy dùng phương pháp gieo quẻ có cộng thêm số thiên can năm tháng ngày giờ sinh thì dự đoán vận hạn sẽ đúng. Điều đó đã bổ sung vào chỗ trống của nước ta, dùng tượng quẻ để đoán vận hạn cuộc đời.

Vì sao cộng thêm số chi của năm đoán không đúng mà chỉ có cộng thêm số can của năm đoán mới đúng ? Tuy nguyên nhân chưa rõ, nhưng tôi cho rằng có thể đó là vì với con người, thiên can tứ trụ được dùng để làm căn cứ đoán vận hạn.

Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Nhiều năm lại đây tôi đã dùng phương pháp gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh để đoán vận hạn cuộc đời. Đã lấy cho hàng nghìn trường hợp, nói chung các việc lớn đều đoán đúng.

Dưới đây cử mấy ví dụ :

Tháng 7/1985 đoán vận hạn cho một nghệ nhân nổi tiếng toàn quốc. Trường hợp này là bạn tôi đưa đến, tôi không quen nghệ nhân ấy.

Năm 1940 Tháng 12 Ngày 26 Giờ Thìn
 Canh Thìn Kỷ Sửu Tân Mùi Nhâm Thìn

7 + 12 + 26 = 45 ; 45 + 5 = 50

Là quẻ "ích" của quẻ "Trung phù"

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ	PHONG LÔI ÍCH	LỤC THẦN
Quan quý mào mộc .	Quan quý mào mộc . ứng	Phi xà
Phụ mẫu ty hỏa .	Phụ mẫu ty hỏa .	Câu trăn
Huynh đệ mùi thổ .. thế	Huynh đệ mùi thổ ..	Chu tước
Huynh đệ Sửu thổ ..	Huynh đệ Thìn thổ .. thế	Thanh long
Quan quý mào mộc O	Quan quý dần mộc ..	Huyền vũ
Phụ mẫu ty hỏa . ứng	Thê tài tý thủy .	Bạch hổ

Quẻ này thuộc thổ của cung坎, lâm thổ của năm, tháng, ngày, giờ nên là quẻ vượng thân vượng. Hào thế là mùi thổ, lâm nhật kiến vượng địa lại được hào ứng ty hỏa sinh, cũng là thân vượng. Phụ mẫu là văn thư, hai hào phụ mẫu lập lại sinh thế, chu tước văn thư lại gặp thế sinh thân, nếu vào văn đồ tất sẽ thanh danh to lớn.

"Hào năm sinh thế, đường thanh văn bằng phẳng" (theo sách "Tăng san bốc dịch"). Năm 1965 là năm Ất Ty nhất định sẽ có tin mừng về mặt văn bằng.

Trong quẻ hào huynh đệ vừa trùng lập lại vừa tri thế, lại là huynh đệ hóa huynh đệ tất sẽ có tai nạn kiếp tài khác thế. Năm 1973 là năm Quý Sửu đã gặp đau khổ ly hôn, nên thê tài tý thủy tác hợp với Sửu.

"Tượng" nói rằng : "Quân tử lấy tù đầy để làm chậm cái chết". Trong quẻ hai lần gặp lại quan quý, động mà khác thế nên không tốt, lại còn chu tước lâm thân, tất có họa kiện nhau do nói năng cãi vã.

Trong quẻ Sửu mùi tương xung tương hình, năm 1970 là năm canh tuất đã mắc phải ba hình phạt, nên năm đó bị sự đau khổ lao dịch.

Năm 1975 là năm Ất Mão, vì quan quý lâm thái tuế khác thế nên từ chỗ chết trong trại giam thoát ra. Năm 1978 là năm Mậu Ngọ, Ngọ hỏa sinh thế hợp thế, cuộc đời lao dịch kết thúc ra khỏi ngục được tự do.

Người bạn đến hỏi đã kinh ngạc vô cùng, nói tôi đoán đúng như người nhà. Ông ta nói người ấy là một nhà văn nổi tiếng toàn quốc, nguyên là một công nhân, ngày 1/5/1965 ở Trung Nam Hải đã được các nhà Lãnh đạo Nhà nước như Chu Ân Lai tiếp kiến. Năm 1970 vì Cách mạng Văn hóa nên bị ghép là phản cách mạng bị bắt giam. Năm 1978 được phóng thích. Năm 1973 vì người này ngồi tù nên vợ đã ly hôn, năm 1975 bị bệnh cấp cứu trong ngục hai lần bị mổ, tý nữa thì chết.

Cách gieo quẻ theo năm tháng ngày giờ để đoán vận hạn cuộc đời thực tiễn đã chứng minh là đúng. Nhưng nó cũng giống như tứ trụ của một người, cũng giống vân tay và tướng mặt đều chưa phải đã hoàn toàn đầy đủ mà còn một số chỗ còn thiếu. Như cuộc đời một người có những sự việc mà tứ trụ, vân tay, tướng mặt không thể hiện ra đầy đủ được. Có những việc trong tứ trụ không có, nhưng trong vân tay, tướng mặt, trong quẻ lại có thể đoán ra và nhìn ra được. Có những cái trên vân tay và tướng mặt không có, nhưng trên quẻ và trong tứ trụ có thể đoán ra. Có những cái trong quẻ không có, nhưng trên tứ trụ, vân tay, tướng mặt lại có thể đoán ra được và nhìn thấy được. Tóm lại mỗi phương pháp đều có sở trường, sở đoán của nó. Mọi người nên dùng các phương pháp này để kiểm nghiệm.

II. ĐOÁN VẬN HẠN CUỘC ĐỜI

Đoán vận hạn cuộc đời, sau khi đã thành quẻ, đầu tiên phải xem tướng quẻ, xem kỹ hào quẻ. Sách "Đoán dịch thiên cơ" nói : "Quẻ vượng không bằng hào vượng". Quẻ là đại tượng, Đại tượng cát thì cát, Đại tượng hung thì hung. Cho nên người có tượng quẻ cát, thì như đế trụ, người có tượng quẻ hung mà gặp khắc thì càng hung. Quẻ vượng được hào cát vượng thì tức là đã tốt càng thêm tốt.

Hào thế là gốc của cả cuộc đời, hào ứng là hào liên kết chặt chẽ với hào thế.

Hào thế là chủ của một quẻ, là cơ bản của một con người, là cái chỗ cát, hung, họa, phúc đóng. Hào thế vượng tướng, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, hào ứng sinh hợp thì như thân thể cường tráng, có thể đề kháng bệnh tật bên ngoài xâm nhập. Nếu gặp được thiên át quý nhân, trạch mã hoặc sự phù trợ của thần cát, lại không bị hung sát hình khắc làm hại thì không những đã cát thêm cát mà tiền đồ rất to lớn. Còn nếu hào thế gặp tuần không, hưu tù, tử tuyệt, bị ác sát hình xung khắc làm hại, lại không có thần cát giải cứu, thì không những hung nhiều, cát ít mà việc nào cũng không thành.

Hào ứng là thê (vợ), nếu gặp quý nhân, thanh long v.v... tức thân cát sinh thế hợp thế tất sẽ được hiền thê giúp đỡ chung sống trăm năm, nếu hào ứng lâm vào hàm trì, huyền vũ v.v... hung sát hình khắc hào thế thì vợ sẽ lẩn át chồng, dâm loạn mà sinh ly biệt.

Hào thế và hào thê tài phúc vượng, tất giàu có và sống lâu. Hào thế như thân con người, hào tài là gốc để nuôi sống, tử tôn là nguồn của cải, là gốc của phúc lộc. Cho nên cả ba hào : hào thế, hào tài, hào tử tôn đều không bị tổn thương thì nhất định người đó giàu và thọ.

Hào thế, hào tài, cả hai đều vượng, mà hào tử tôn không vượng tất sẽ là người giàu trước nghèo sau.

Hào thế không vượng nhưng có khí, còn tài và phúc cả hai đều vượng, lại gặp thời kỳ sinh vượng, tất sẽ phát, tức là nhà đó trước nghèo sau giàu.

Hào thế không vượng, mà hào tử tôn và hào tài cả hai đều vượng là người nghèo nhưng nhiều nhà cửa.

Hào thế, hào tử tôn cả hai đều vượng, mà hào tài không vượng, là người không có cửa nhưng lại có phúc. Người đó phần nhiều gặp may, sự nghiệp thành đạt, không phải phấn đấu mà chỉ biết hưởng thụ, hoặc đem của nhờ người khác quản lý, sáng nay có rượu sáng nay say, cho dù ngày mai uống nước lã.

Tài và phúc cả hai hào đều vượng, mà hào thế vô khí là tượng không tốt, tuy có ăn có mặc, nhưng cũng khó qua ngày, không phải là gốc thì là diếc, câm, luôn luôn bệnh tật, hoặc gian lận thô tục.

Hào thế hưu tù tử tuyệt, mà hai hào tài, phúc đều vượng đó là điềm đại hung, tuy trong nhà có vạn quan nhưng đoản thọ.

Hào thế, hào tài, hào tử tôn cả ba đều vô khí, hoặc gặp tuần không bị mộ tuyệt, động mà biến thành hung là người không có cơm ăn, áo mặc.

Hào thế đắc địa mà hào tài, phúc lại thất tán thì người ấy thân thể khỏe mạnh, có tiểu mưu, khéo léo, cũng có thể sống được qua ngày.

Hào thế, hào tài cả hai có khí, mà hào phúc không có khí, người ấy tuy không tích trữ nhưng trong tay thường không thiếu tiền hoặc là người thay quyền người khác quản lý tiền bạc.

Hào thế ở không địa, thì suốt đời làm việc gì cũng hỏng. Đoán vận của cuộc đời sợ nhất là hào thế rơi vào tuần không, người như thế chỉ có tay không, không làm nổi việc gì. Cho nên xưa có câu: "Hào thế rơi vào tuần không thì suốt đời khó khăn, hào ứng rơi vào tuần không thì về sau luôn gặp tai nạn. Hào thế và hào ứng rơi vào tuần không thì luôn lo lắng do dự, nếu cả hai đều động thì phải xem thêm âm dương. Hào thế động nếu là Nam thì bị thương tổn, hào ứng động nếu là Nữ thì gặp tai ương". Hào thế rơi vào tuần không lại lâm vượng thì không phải là không. Không mà động thì không phải là không nữa, gặp nhật kiến, hào động sinh cũng không phải là không, nhật kiến xung cũng không phải là không.

Hào thế nhập mộ, suốt đời nhiều khó khăn. Hào thế nhập mộ lại hưu tù vô khí, người gặp phải như thế thì không gốc cũng dần, suốt đời tai họa.

Hào thế suy mà gặp phù trợ, là người có phù trợ. Hào thế không có khí mà được nhật, nguyệt, hào động phù thì cả cuộc đời có người giúp đỡ, tất gặp quý nhân để bạt mà được phúc.

Hào thế phùng thái tuế, nguyệt, nhật kiến thì cả đời có người giúp, là người được vua chúa thương yêu hoặc quý nhân đề bạt trọng dụng, được ý lãnh đạo, được quần chúng ủng hộ. Thái tuế lâm hào năm mà sinh thế thì đó là thiên tử. Còn nếu hào thế có khí và đắc địa, nhưng bị nhật, nguyệt một cái xung khắc, thì sẽ bất hòa với đồng nghiệp, thường phỉ báng. Nếu bị hào năm thái tuế xung khắc, người như thế, nhẹ ra thì bị quan trường lãng nhục, thân bằng đổ kỵ, nặng ra thì mang tai họa vì quan, khổ sở khó nói.

Hào mẫu tri thế : Ngày xưa gọi hào phụ mẫu là thần gian khổ, tri thế là cả đời gian khổ vất vả. Nhưng cần phải phân biệt vượng suy sinh phù cho rõ để đoán. Hào phụ mẫu được tri thế, trong quẻ không có người phù trợ, thì đó là người gian khổ bận bịu. Nếu được đất vượng, lại được hào động của nhật nguyệt sinh phù, thì không thể đoán người ấy là gian khổ bận rộn. Hào phụ mẫu là văn thư lại ở vượng địa lại được nhật, nguyệt, hào động sinh hoặc quan vượng tri thế thì người ấy không những thọ mà trên mặt văn thư, nghệ thuật nhất định sẽ có những thành tựu lớn. Hào phụ mẫu vượng không sợ hào tài khắc nhưng không lợi cho hào tử tôn. Còn nếu trong quẻ không có hào tử tôn, hoặc tử tôn vượng lại còn được sinh thì cũng không có gì trắc trở.

Hào tử tôn tri thế : Hào tử tôn là thần phúc, là thần chế ngự quan quý cho nên tri thế thì suốt đời không phạm hình quan, tất cả mọi tai họa đều qua khỏi. Hào tử tôn tri thế nhưng cô, không có phù trợ, không có tài, hoặc hào tài thất tán đó là người nếu không đi ra làm quan thì cũng là hàn sĩ thanh cao. Tử tôn tri thế thì bất lợi cho cầu quan là đúng, nhưng không phải tuyệt đối không có danh tiếng gì. Nếu hào tử tôn được nguyệt kiến sinh, lâm nhật kiến lại được hào năm (quân vương) động sinh ra, động hóa sinh trở lại thì không những có danh mà danh tiếng không nhỏ ngay từ khi chưa làm quan. Người như thế trong thực tế đã có.

Hào quan quý tri thế : Ngày xưa có câu : Trong mệnh không có quan quý thì khó mà được quan tinh tri thế.

"*Sinh thế*" : Quan tri thế vượng mà được nhật, nguyệt, hào động sinh tất việc làm quan sẽ hanh thông. Nếu lại được hào năm (quân vương) sinh thì càng nhẹ nhàng, dễ thành đạt, đó là hình ảnh ung dung bước lên trời. Quan quý tri thế, nếu gặp hưu tù tử tuyệt, lại không có thần cát sinh trợ, thì không những là không được làm quan mà suốt đời không yên ổn, không bệnh tật liên miên thì cũng thân tàn bất lợi. Nhưng quan tinh vượng, tất khắc huynh đệ. Cho nên phạm người đại quan, hầu như anh em không còn hoặc kèm theo tàn tật.

Hào tài tri thế : Tài là nguồn dưỡng mệnh, người không thể không có tài (của). Hào tài tri thế, lại được nhật, nguyệt, hào động vào hào tử tôn sinh, tất là điềm vinh hoa phú quý. Nhưng hào tài vượng quá thì sẽ thương

khắc đến phụ mẫu, hoặc phụ mẫu khó còn. Người hào tài nhiều thường hôn nhân không thuận, đó là cái cố nhiều vợ.

Hào huynh đệ tri thế : Trước đây đã nói qua huynh đệ là thân của kiếp tài, là cái nạn phá tài, khắc vợ, tổn của, người nhiều hôn nhân khó mà giàu có. Nhưng người mà hào huynh đệ vượng thì nghèo nhưng hiếu nghĩa, phần nhiều là khéo tay, khéo chân, nhanh ý, ít bệnh. Nếu được nhật nguyệt làm hào tài hợp thế thì giàu nhưng kiêu ngạo. Huynh đệ vượng lâm bạch hổ, phi xà, huyền vũ là gian ác, lừa đảo, gặp câu trần, huyền vũ là người lung mang, vai vác, thấp hèn, nếu suy mà còn bị khắc thì bệnh nhiều và hay cãi cọ.

Thanh long tri thế : hỷ lâm môn, là người từ bi, hòa nhã. Người thanh long khắc thế là đau khổ vì tửu sắc, đau lưng mỏi gối.

Chu tước tri thế : vượng mà sinh thế thì nhất định về mặt văn thư có tin mừng, nhưng tinh nóng, gặp bệnh tật hay những điều rắc rối là hay lo nghĩ, đau đầu.

Câu trần tri thế : là người chắc chắn, hành động chậm. Câu trần khắc thế là chủ về nạn tù đày, lòng phát buồn.

Phi xà tri thế là người hay nói suông, nhiều mưu kế, hay nghi ngờ, gặp bệnh hàn, nhiệt hay mê sảng.

Bạch hổ tri thế : là người cứng cỏi, dũng mãnh. Bạch hổ khắc thế là chủ về những điều làm sai trái, hay gặp những bệnh về phổi.

Huyền vũ tri thế là trộm cướp mờ ám, là người gian hùng. Khi gặp thân cát thì lành, hay gặp các bệnh thuộc hàn, phong thấp.

Đoán vận khí cuộc đời quẻ nên là lục hợp, không nên lục xung. Gặp quẻ hợp thì cát, là người hòa khí, việc hay thành công, việc nào cũng thông suốt, có chí lập nghiệp. Gặp quẻ lục xung thì xấu, việc có đầu mà không có đuôi, ít thành đạt. Nếu hàm trì mà hung sát lâm thế thì xuất thân tất nhiên yếu kém. Trạch mã quý nhân lâm thế thì nhất định giàu có cao sang. Hào thế mà không gặp nhật thìn, hào động sinh phù mà vẫn vượng thì người đó phần nhiều là tay không dựng cơ đồ. Người ta không có ai hoàn hảo cả. Do đó trong một quẻ không thể nói hết được. Cho nên khi gặp quẻ sáu hào ở mức trung bình là được lắm rồi.

Chương 16

HỌC TẬP SỰ NGHIỆP

I. ĐOÁN VỀ HỌC TẬP, THI CỬ

Văn hóa là chìa khóa để bước vào ngưỡng cửa khoa học. Sự nghiệp văn hóa phát triển là thước đo tiến bộ và văn minh của một đất nước, của một dân tộc. Do đó sự phát triển của sự nghiệp văn hóa và đào tạo là rất khó khăn. Đoán về kết quả học tập lại càng khó khăn hơn. Vì vậy không ít người đã yêu cầu mở rộng việc nghiên cứu dùng bát quái để đoán việc học tập. Kỳ thực tổ tiên ta đã sớm dùng phương pháp bát quái để đoán về thi cử. Thực tiễn chứng minh rằng phương pháp dùng bát quái là sát đúng và có thể làm được. Nội dung chương này có thể gọi là học thuật dự đoán về thăng chức và thi cử.

1. Gặp thuận lợi trong thi cử

Người mà trong văn học nghệ thuật, hoặc khoa học kỹ thuật có những cống hiến to lớn tất phải là người có ba mặt : tài, quan, ấn đặc địa, đặc biệt là ấn không thể thiếu mà còn phải vượng, nếu được thời thì còn tốt hơn nữa. Tôi trong thời kỳ đi dạy đã từng tiếp xúc với hàng chục Giáo sư, trong tứ trụ của họ không những đều có ấn mà ấn tinh còn đặc địa. Đối với những giáo sư mà ấn tinh đang thịnh, tôi nói với họ về mặt văn thư sắp có tin mừng, họ đều kinh ngạc nói rằng : Đúng tác phẩm của tôi sắp được xuất bản.

Dùng bát quái để đoán thi cử luôn luôn phải lấy quan ấn làm chủ. Ấn tinh của nó tức là hào phụ mẫu. Hào phụ mẫu là ấn, là văn thư, hào quan quý là danh, là nguyên thần của hào phụ mẫu, cho nên khi đoán thi cử tất phải được phụ hưng quan vượng, động mà tương sinh, đó là một trong những nhân tố quan trọng để thi đỗ.

Phụ vượng quan hưng bằng vàng có tên : Hào phụ mẫu và hào quan quý vượng mà tri thế, lâm nhật, nguyệt kiến, hoặc được hào động, nhật, nguyệt sinh phù, động sẽ biến thành cát thì nhất định thi đỗ. Được sự phù trợ của nhật nguyệt, thì không sợ ác sát. Phụ mẫu quan tinh, hào thế nếu trong đó có một cái bị hào động khắc, hoặc khắc trở lại, nếu được kỳ thần của nhật, nguyệt chế thì kết quả thi nhất định phải vừa ý.

Nhật, nguyệt trợ phục nhất định sẽ đỗ cao : Hào thế vượng, hào phụ, hào quan một trong hai hào đó là phục tàng không hiện, nếu được nhật,

nguyệt xung chế phi thần đưa ra phục thần thì nhất định bằng vàng phải có tên. Nếu hào quan và hào thế trong đó có một hào không vượng nhưng được nhật, nguyệt sinh phù thì cũng sẽ thi đỗ.

Thái tuế nhập quan tinh, nhất định sẽ được bằng vàng : Thái tuế là hào để vượng, thái tuế nhập quan, động mà sinh thế hoặc trì thế, nhất định sẽ liên tục có tên trong bằng vàng.

Nhật, nguyệt xung phi, nhất định thi đỗ : Nếu trong quẻ thiếu một trong hai hào quan hoặc phụ, thì phải xem thêm phục thần. Nếu phục thần vượng lại được nhật, nguyệt xung mất phi thần, sinh phù phục thần thì cũng nhất định đỗ.

Quan vượng có thể trợ phụ mẫu suy : Quan vượng sinh thế trì thế có thể trợ giúp được hào phụ mẫu, suy, sẽ đỗ.

Ứng hợp nhật nguyệt sinh thế, sẽ có sức mạnh giúp thi đỗ : Phụ mẫu và quan quý đều vượng mà hào thế không vượng, nếu được nhật, nguyệt sinh trợ, lại được hào ứng động mà sinh hợp hào thế tất sẽ có khả năng để bật năng lên.

Hào thế hóa quan quý là đấng khoa : Hào phụ mẫu vượng tương mà hào thế hóa xuất quan tinh sinh trở lại, thì sẽ đỗ khoa giáp.

Tam vượng hóa tiến sẽ đỗ cao : Hào thế hưng, phụ mẫu quan quý cả hai đều vượng trong đó có một hào hóa tiến thì nhất định thi đỗ.

Long động sinh thế, song hỷ lâm môn : Đây là tượng đại cát lại được long động sinh thế, nên không những có danh tiếng mà còn có tin mừng khác. Động không xuất ra khỏi không thì thấy tin mừng.

Hào tài động giúp hào quan, thì sẽ gặp may và thành danh : Hào phụ mẫu gặp không vong, nếu hào tài phát động sinh quan quý, thì có thể gặp may để thành danh. Hào tài và quan quý đều động, phụ mẫu tuần không thì không tốt.

Phúc biến quan quý, sẽ có tên trong danh sách : Quẻ chủ không có quan quý nếu được hào tử tôn biến ra quan quý sinh hợp hào thế, phụ mẫu có khí thì sẽ đỗ.

Quan tinh trạch mã sẽ đỗ cao : Quan quý và trạch mã tương sinh, tên mình sẽ được nêu danh phía trên.

Hào thế, hào ứng tương hợp nhất định sẽ thi đỗ : Hai hào thế, ứng nếu tương sinh tương hợp, tất nhiên đã thi là đỗ.

Long, hổ đều động sẽ dành được khôi nguyên : Hào thế vượng lại được long, hổ động để sinh thế hợp thế tất sẽ giành được bằng vàng. Nếu được hào quan, hào phụ trì thế sinh thế thì càng tốt hơn nữa.

Tử tôn lâm tuế quân (hào năm) : Tất có chí to, văn tài xuất chúng.

Tam hợp vô xung, bảng vàng báo tin mừng : Hào phụ, hào quan, hào thế hợp thành quan cục, phụ cục, lại không bị nhật, nguyệt xung phá, thì nhất định liên tiếp có tin mừng. Nếu hợp thành huynh đệ cục, lại gặp nhật, nguyệt sinh phù quan tinh, thì nhất định thi được như ý.

Quẻ gặp lục xung biến thành lục hợp thì nhất định sẽ đậu : Đoán thi không kỳ nhất là quẻ lục xung, xung có nghĩa là tán. Nên lục xung biến thành lục hợp là sẽ có tên treo trước nhà.

Hào huynh đệ khắc việc thi cử, hào tài là thân sát văn thư : Đoán đường thi cử kỳ nhất là huynh, tài vượng, tri thế. Nếu trong quẻ phụ mẫu và quan quý cả hai đều động lại mừng có hào huynh đệ tri thế để khống chế hào tài và quan, phù (cả hai đều vượng) hoặc quan quý động sinh phụ mẫu, phụ mẫu động sinh thế thì sẽ được khoa danh.

Phụ hưng thế vượng, lại được nhật, nguyệt, hào động sinh phù động mà hóa cát thì nhất định sẽ đỗ cao. Cả phụ và thế đều vượng nhưng không có sinh tương, gặp sinh phù, không bị hình xung khắc, phá thì đỗ thấp hơn. Phụ và thế cả hai đều vượng nhưng lại gặp hình xung thì còn thấp hơn nữa. Hào phụ xuất hiện không vượng, không suy, vô sinh phù cũng vô chế khắc, mà hào thế không bị xung khắc thì ở mức trung bình. Hào phụ và hào thế đều bị khắc thì thi sẽ kém. Quẻ được tiến thân là tốt nhất, quẻ được thoái thân là xấu. Quẻ mà gặp lục xung biến thành lục xung, hoặc sáu hào động lung tung, nhưng hào thế vượng thì còn ở mức trung bình. Nếu hào phụ mẫu bị khắc, hào thế hưu tù, bị khắc thì xấu, thi nhất định sẽ kém.

Ví dụ cổ : Ngày át tý, tháng thân đoán được quẻ "Đỉnh" của quẻ "Đại quá".

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ x
Quan quý Dậu kim O
Phụ mẫu Hợi thủy . thế
Quan quý Dậu kim .
Phụ mẫu Hợi thủy .
Thê tài Sửu thổ .. ứng

HỎA PHONG ĐỈNH

Tử tôn tý hỏa .
Thê tài mùi thổ .. ứng
Quan quý Dậu kim .
Quan quý Dậu kim .
Phụ mẫu Hợi thủy . thế
Thê tài Sửu thổ ..

Quẻ này quan tinh lâm nguyệt kiến, hào thế và hào phụ mẫu được nguyệt kiến sinh, nhật kiến xung là ám động, hóa quan quý sinh trở lại, là thân vượng văn vượng. Tuy tài động khắc hào thế và hào phụ mẫu nhưng thê tài động sinh quan quý. quan động sinh thân, là liên tục tương sinh, cho nên thi đạt loại ưu. Kết quả đúng như thế.

CẤN VI SƠN

Quan quý dần mộc . thế
 Thê tài tý thủy x
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Tử tôn thân kim O ứng
 Phụ mẫu ngộ hỏa ..
 Huynh đệ thìn thổ x

PHONG LÔI ÍCH

Quan quý Mão mộc . ứng
 Phụ mẫu tý hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ ..
 Huynh đệ thìn thổ .. thế
 Quan quý dần mộc ..
 Thê tài tý thủy .

Quan tinh dần mộc tri thế, nhật kiến xung là ám động, hóa tiến thân, lại được nhật thìn hội thành tài cục không những không khắc thế ngược lại còn sinh thế, cho nên nhất định đồ cao. Về sau quả đúng như thế.

Ví dụ ngày nay : Ngày bính tuất, tháng Hợi đoán thi, được quẻ "cách" của quẻ "phong".

LÔI HÓA PHONG

Quan quý tuất thổ ..
 Phụ mẫu thân kim x thế
 Thê tài ngộ hỏa .
 Huynh đệ Hợi thủy .
 Quan quý Sửu thổ .. ứng
 Tử tôn Mão mộc .

TRẠCH HỎA CÁCH

Quan quý mùi thổ ..
 Phụ mẫu Dậu kim .
 Huynh đệ Hợi thủy . thế
 Huynh đệ Hợi thủy .
 Quan quý Sửu thổ ..
 Tử tôn Mão mộc . ứng

Phụ mẫu tri thế hóa tiến thân, nhật kiến lâm quan tinh mà sinh thế, cho nên càng thi càng đồ cao, về sau đúng thứ nhất.

Ví dụ : Bác sĩ Lưu ở Công ty tôi muốn hỏi nửa năm sau con thi vào đại học được hay không, tôi gieo quẻ được quẻ "túy" của quẻ "tĩ".

Năm 1986 Tháng 2 Ngày 25 Giờ Dậu
 Bính dần Tân Mão Đinh Sửu Kỷ Dậu

THỦY ĐỊA TỬ

Thê tài tý thủy .. ứng
 Huynh đệ tuất thổ .
 Tử tôn thân kim x
 Quan quý Mão mộc .. thế
 Phụ mẫu tý hỏa ..
 Huynh đệ mùi thổ ..

TRẠCH ĐỊA TỤY

Huynh đệ mùi thổ ..
 Tử tôn Dậu kim . ứng
 Thê tài Hợi thủy .
 Quan quý Mão mộc ..
 Phụ mẫu tý hỏa .. thế
 Huynh đệ mùi thổ ..

Quan quý Mão mộc lâm nguyệt kiến, vượng mà tri thế, lại hóa quan tinh, phụ mẫu ở vượng địa. Tử tôn kim ở tử địa, động hóa thủy là hình ảnh xả khí, không những không phương hại gì mà ngược lại còn được thủy sinh quan tinh, nên năm nay nhất định thi đỗ. Về sau bác sĩ Lưu nhìn thấu tôi phần khởi nói cảm ơn đoán rất tốt, con tôi thi đỗ đại học rồi.

2. Thi không thuận lợi

Hào thế tài là kỵ thần của hào phụ mẫu, hào tử tôn là kỵ thần của hào quan quý. Đi thi kiêng nhất là hào thế tài và hào tử tôn vượng mà trì thế khắc thế. Cho nên hai hào này không có trong quẻ là tốt nhất. Tử hung tài động là điều cấm : Tử động sẽ khắc quan quý, tài động sẽ làm tổn thương phụ mẫu, nếu là trì thế thì cho dù cố gắng cũng uống công vô ích.

Hào thế rơi vào tuần không, phá, lại mộ tuyệt thì khó mà đạt được trong thi cử. Hào thế không, phá lại gặp đất mộ tuyệt, hoặc nhật, nguyệt, hào động xung, động mà biến hung thì không những khó đỗ mà còn gặp rắc rối khác nữa.

Phụ mẫu gặp thương tổn, đi thi giữa đường bỏ cuộc : Phụ mẫu vượng tương nếu hóa thành hưu tù, tuần không, phá, mộ tuyệt, hoặc khắc trở lại, hoặc bị xung khắc thì giữa đường vì việc gì đó mà bỏ thi.

Tử tài cùng động, thì tên rơi mất : Hào tử tôn và hào tài cùng động, hoặc trì thế, quan quý, phụ mẫu bị khắc tất nhiên sẽ công không thành danh không toại.

Lục hào loạn động, thì phí không giấy mực : Đoán quẻ đi thi không nên lục hào loạn động, loạn xung, nếu không thì khó mà đến được cổng trường.

Khi gặp hóa thoái thì dừng vào thi trường : Quan, thế, hào phụ nên hóa tiến, không nên hóa thoái, hào thế hóa thoái, thì gặp giám khảo không tin. Hào phụ hóa thoái thì học vấn kém cỏi. Hào quan hóa thoái thì dù có năng cao đầu cũng không đỗ.

Hổ lâm hào tài thì khó thi đỗ : Bạch hổ lâm hào thế tài trì thế, hoặc trong quẻ tài động, hào phụ mẫu lại hưu, tù, không, phá, tài vận hóa huynh, phụ động hóa tài thì đừng hy vọng gặp may.

Phụ quan không trì ngược lại còn sinh ứng, thì người khác được danh, mà mình không có lợi : Hào phụ và hào quan cả hai hào không đến để trì thế sinh thế, hoặc lâm ứng, hoặc phát động sinh ứng thì thi cũng vô ích.

Quan quý tuần không, phụ mẫu suy thì hãy chờ đến sang năm : Quan quý vốn là nguyên thần của phụ mẫu, nay phụ suy, quan tuần không thì lấy gì mà sinh phụ, cho nên phải về học sâu thêm chờ sang năm thi tiếp.

Đi thi còn chia ra thi văn thi võ. Người thi văn thì hào quan quý và hào phụ mẫu đều dùng, người thi võ thì chuyên xem quan tinh.

Phàm người có hào thế và quan tinh một trong hai cái bị tuần không hoặc phá thì không có hy vọng gì. Tử tôn phát động thì dù kỹ thuật cao cường cũng không nên thi. Quan quý khắc thế; hào động, nhật, nguyệt khắc thế, thế động hóa quý hay hóa khắc, nếu đến thi trường sẽ gặp tai nạn.

Chương này tuy là dùng để đoán thi cử, nhưng cũng có thể dùng để đoán cho các ngành khoa học kỹ thuật, các ngành các nghề trong thi cử. "Khoa cử kinh nghiệm thông khảo" nói : Trước kia nếu những người ứng cử và thi làm quan đều xem hào quan trong quẻ, hào quý và hào phụ mẫu phải phân chia ra. Huynh, tài, tử động thì nhất định không có lộc. "Sách tạng san bốc dịch" nói : người muốn chiếm được công danh thì phải ứng, nếu trong quẻ không có vượng phụ sinh thân thì nhất định là vượng quan tri thế. Người công danh không thành là người nếu không phải là tử tôn tri thế thì cũng là hào tài, tử tôn phát động hoặc là thế bị khắc, hoặc sáu hào loạn động, danh tất vô thành.

II. ĐOÁN CÔNG DANH

Chương này bàn về đoán công danh, chủ yếu dùng để đoán cầu quan, đề bạt cán bộ. Nhưng những người đang tự nghiệp cũng có thể dùng phương pháp này. Được đề bạt hay thi lên tay nghề đều phải có hào tai và hào quan cả hai đều vượng, lấy quan tinh làm dụng thần, quan tinh vượng mà tri thế, được tài động sinh, hoặc tài vượng động mà hợp hào thế, hoặc tài quan, nhật, nguyệt sinh hợp hào thế là tốt.

Đối với bất cứ người nào, suốt cuộc đời dù có hay không có công danh, quan vận hoặc có thể hay không có thể nổi tiếng đều phải xem trong quẻ có chứa những thông tin về mặt này không. "Tạng san bốc dịch" là những thông tin để dự đoán về mặt này. Nó đã lưu lại những kinh nghiệm vô cùng quý báu cho chúng ta. Những kinh nghiệm đó là : "Người học cao, hào thế và hào phụ mẫu đều vượng, cuối cùng phải biến hóa thành long; hào động, nhật, nguyệt tương sinh thì nhất định người đó là vương giả. Hào thế và hào phụ mẫu của quẻ nên vượng tướng, hoặc động mà biến cát, hoặc phụ mẫu tri thế, hào động, nhật, nguyệt sinh hợp hào thế là những người có thể cười rộng bất phượng". Sách đó còn nói : "Hào quan hào phụ hưng long, thì văn chương sẽ tốt. Phạm được vượng phụ tri thế, quan động sinh, hoặc quan tinh tri thế, hào phụ vượng động, hoặc quan tinh hào phụ vượng động sinh hợp hào thế, hoặc nhật nguyệt làm quan tinh, phụ mẫu sinh hợp hào thế, đều chủ về tượng thành danh, thành văn võ hưng đế vương gia" còn nói : Tuế ngụ sinh thế thì đường thanh vân ung dung, nếu được thoái tuế và hào năm sinh thế, hoặc nhật, nguyệt, nhập hào động mà sinh thế thì đều chủ và che chở cho dân mà hưởng lộc, đường công danh bằng phẳng. Nếu thái tuế lâm hào năm, động mà sinh hào thế thì phú quý cao sang không thể nói, có thể ví là gặp thiên tử".

Trong thực tế dự đoán, khi gặp những trường hợp trên, tôi đều thấy ứng nghiệm như thần, chưa hề sai lầm nào thật là quý báu. Dưới đây xin cử mấy ví dụ :

Ngày 18/12/1985 ngài Nhiễm ở Công ty tôi nói : người bà con ông ta đến nhờ tôi đoán cho một quẻ về vận hạn từ nay về sau. Ông ấy sinh giờ tuất ngày 21 tháng 5 năm 1936 (Tức giờ mậu tuất ngày tân dậu tháng ất mùi năm bính tý), lấy được quẻ "thái" của quẻ "nhu".

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy ..
Huynh đệ tuất thổ O
Tử tôn thân kim .. thế
Huynh đệ thìn thổ .
Phụ mẫu ty hỏa : quan quý dân mộc
Thê tài tý thủy . ứng

ĐỊA THIÊN THÁI

Tử tôn dậu kim .. ứng
Thê tài hợi thủy ..
Huynh đệ sửu thổ ..
Huynh đệ thìn thổ . thế
Quan quý dân mộc .
Thê tài tý thủy .

Hào thế của người đó là thân kim vượng ở nhật kiến, lại được nguyệt kiến sinh, còn được hào năm (quân) tuất thổ động để sinh thế, hào thế lại hóa sinh trở lại. Phụ mẫu văn thư phục tàng mà được trường sinh, đáng là được công thành danh toại, nổi tiếng khắp nơi. Do đó tôi đã đoán :

1) Căn cứ hào năm động để sinh thế đoán là ông ta một bước đến trời, khi mà gặp được tốt thì nhảy vọt mà tiến lên.

2) Thế lâm nhật, nguyệt kiến sinh. Hào phụ tuy phục tàng nhưng được trường sinh nên đoán trên mặt văn thư có thành tựu lớn.

3) Trong quẻ tài hóa tài, tài hóa tử tôn, nên đoán ông ta nhiều tiền.

4) Vì hào huynh động mà kiếp tài, hào ứng thê tài sinh quan quý cho nên đoán hôn nhân không thuận, người vợ đã bỏ đi.

5) Tử tôn vượng mà tri thế cho nên đoán là không làm quan mà chỉ là người dân thường.

6) Tử tôn tri thế, cả đời bình yên nên đoán có người định mượn có để làm hại, nhưng hại không nổi, tức là trong Đại cách mạng văn hóa cũng như thế. Sau khi tôi nói xong, bản thân anh ta và những người có mặt ở đó đều nhìn nhau, kinh ngạc mãi. Lão Nhiễm xúc động nói với tôi "Anh ta chính là diễn viên Dạ kịch nổi tiếng của Trung Quốc. Anh nói anh không biết ông ta, nhưng anh đoán rất đúng". Ông Nhiễm chưa nói hết, diễn viên đó đã cướp lời, nói : "Tôi từ trước vẫn không tin đoán mệnh, hôm nay quả thực mở mắt ra. Ông đoán hoàn toàn đúng. Tôi đã từng được các đồng chí lãnh đạo Nhà nước như Mao Chủ tịch, Chu Ân Lai tiếp kiến, danh tiếng không ít nhưng không có chức tước gì cả, lương tháng khoảng hơn bốn trăm đồng. Vợ đã ly hôn, những vấn đề khác đúng như ông nói".

Theo tử tôn tri thế là vô danh, nhưng người này ngược lại có danh khí. Do đó tử tôn tri thế, với điều kiện có nhiều điều kiện thuận lợi như đã nói ở trên, thì có thể có danh. Hiện tượng này mọi người có thể nghiên cứu sâu thêm.

1. Có lợi cho thăng quan tiến chức

Quan tinh trì thế, tài động tương sinh, hoặc thế lâm quan động hóa tài, hoặc thế tài động hóa quan, hoặc quan tinh động để sinh hợp hào thế, hoặc người có nhật lâm quan tinh sinh hợp hào thế, thì có quan tinh sẽ có chức quan, đi thì nhất định đỗ.

Nếu hào thế hưng, tài tinh và quan tinh cả ba đều đắc địa, không bị thất tán thì quan vận nhất định hanh thông, thi nhất định đỗ. Nếu hào tài, hào quan đều vượng, hào thế thất tán, thì có được làm quan nhưng không có phúc. Nếu hào quan và hào thế cả hai đều vượng, hào tài thất tán thì tiền ít hoặc lương không cao.

Hào năm sinh thế thì đường công danh thênh thang, có tin mừng thăng quan vượt cấp hoặc thăng cấp.

Quan tinh vượng mà trì thế, lại được thái tuế nhập hào thế để sinh thêm, thì nhất định được quyền tả quan (chức phó).

Người mà thái tuế lâm nhật nguyệt để sinh hào thế thì có tin vui thăng quan hoặc có con, hoặc tiến tài.

Nếu quý nhân lâm hào thế, quan phụ sinh phù, hoặc nhật nguyệt kiến để sinh hào thế, tất là tài tướng soái.

Người mà quan tinh lâm tý, ngọ, mão, dậu sẽ làm chức chánh.

Người mà quan tinh lâm dần, thân, tỵ thì sẽ làm chức phó.

Quan tinh lâm thìn, tuất, sửu, mùi thì làm tạp quan (chức nhân viên).

Người mà quan tinh lâm nhật, nguyệt kiến sẽ làm văn thư hành chính, đóng dấu.

Quan tinh vượng tương thì làm quan to, quan tinh hưu tù thì làm quan nhỏ.

Hổ lâm vượng quan trì thế, là quý nhân võ chức.

Người mà nhật nguyệt làm tài tinh để sinh thế, bạch hổ lâm kim quan trì thế, nếu đi vào con đường văn khoa tất đỗ bằng vàng, đi vào con đường võ nghệ, nhất định lập kỳ công.

Quan tinh độc vượng, lập công dựng nghiệp. Hào phụ mẫu không ở vượng địa, mà quan tinh độc vượng, hoặc nhật nguyệt làm quan tinh sinh thế, hổ lâm hào thế động, lâm quý động mà sinh hợp hào thế sẽ lập công thành danh.

Quan tinh trì thế, tài động sinh thế, hoặc hào thế lâm quan động hóa tài, hoặc thế lâm tài động hóa quý, hoặc quan tinh, tài tinh động để sinh hợp hào thế, thì không những thăng quan, thi đỗ mà còn chủ về tượng thành danh tiếng.

Quan tinh động để sinh thế, phù thế, thì người đó có chí tiến thủ.

Phàm được quan tinh phát động, sinh hợp hào thế, không bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc thì làm quan nổi tiếng khắp gần xa.

Nguyệt kiến lâm quan tinh sinh thế, tất sẽ là chức cảnh hiến (cảnh sát, tòa án).

Hào thế lâm nguyệt phủ, nhật kiến, quan tinh động lại sinh tất sẽ có chức quan.

Quan vượng gặp sinh phù, hoặc động mà hóa cát, hào thế vượng, hào tài vượng, hoặc tài động để sinh thế thì quân dân đều ca ngợi công đức.

Quan quý vượng, huynh đệ hưng, cả hai thanh phong, huynh động tuy là điềm hao tài, giảm của, nhưng có quan tinh vượng tướng nên nhất định là quan thanh liêm, chính trực, làm việc chính nghĩa. Trong không tham, ngoài không hối lộ.

Quan tinh lâm thế minh động hay ám động, thêm lâm mã tinh tất sẽ có sự sai phái. Hào động, nhật, nguyệt lâm tài tinh mà sinh phù thì trong việc đi công tác sẽ có lợi lộc; hào động, nhật, nguyệt hình khắc thì đi công tác gặp gian khổ.

Quan vượng, thế vượng, lại gặp quý nhân lộc mã sinh hợp hào thế, thì sau này sẽ có lúc đỗ cao.

Người mà quan tinh vượng, thì làm chức quan vừa cao vừa to; người mà quan tinh hưu tù tử tuyệt thì làm chức quan nhỏ, tầm thường; nếu phát động hợp thế, nhật nguyệt phù trợ, tất sẽ được người khác đề bạt, cất nhắc.

Phụ mẫu là ấn, là biểu tượng của văn thư, trong quẻ không thể không có, nên vượng không nên suy, phù thế là tốt nhất. Nếu lâm thái tuế sinh hợp hào thế thì sẽ có tin mừng tuyên chiếu của triều đình. Nếu lâm nhật kiến là được khen thưởng, nếu có tuần không thì chẳng đạt được gì.

Quan tinh trì thế, hoặc động để sinh thế, không bị nhật nguyệt kiến xung khắc thì tức trí đa mưu, công việc thành đạt.

Hào phụ mẫu vượng tướng, cơ quan làm việc to : hoặc là quốc doanh; hào phụ mẫu hưu tù, tử tuyệt thì cơ quan nhỏ hoặc làm việc nơi không vừa ý. Nếu hào phụ mẫu bị khắc, cơ quan nơi làm việc không hưng vượng. Người trong quẻ không có hào phụ mẫu thì phải xem phụ thần vượng hay suy mà đoán. Nếu quan tinh vượng tướng, hào phụ mẫu hưu tù thì hoặc là cơ quan làm việc nhỏ, hoặc cảnh tượng công ty buồn vắng.

Tuế ngũ sinh hợp hào thế, hoặc thế, quan hợp thành cục là điềm cát, tất có ân tình, hoặc công ty nâng chức, nâng bậc cho mình.

Trong quẻ nếu có hai hào phụ mẫu, hai hào quan thì sẽ nhậm chức ở hai chỗ, hoặc cả hai chỗ đều cần.

Nên nhậm chức ở chỗ nào thì phải xem ngũ hành : Kim quan ứng ở tây, mộc quan ở đông, thủy quan ở bắc, hỏa quan ở nam, thổ quan ở giữa. Mộc quan ở Sơn Đông, Quảng Đông; Kim Quan ở Thiểm tây, Quảng tây, Giang tây. Còn có cách đoán : hào đầu là nội địa; hào sáu, hào năm là biên giới. Ứng vào hào đầu thì hào thế vào hào quan nên ở hào đầu, ứng vào hào năm, hào sáu thì hào thế ở hào năm, hào quan ở hào sáu, hoặc ngược lại. Nếu hào quan tri thế thì cùng ở hào năm, hào sáu. Nếu trên các hào hai, ba bốn, thì theo ngũ hành của hào mà định.

Nếu quan tinh không hiện thì phải xem hào phục vượng hay suy. Nếu quan tinh hữu dụng, thì năm đó sẽ nhậm chức. Hào thân ở chức quan thì hào tài phải vượng mà động. Hào phụ mẫu phù thế mà không tuần không thì tốt. Nếu hào tài lại tuần không tuyệt, hào phụ mẫu bị chế khắc thì sẽ công tác ở nơi dân nghèo. Hào phụ vượng lâm thế, thì tất sẽ ở nơi phần hoa.

Phàm nhậm chức tướng soái, hoặc những chức quan to đi chinh phạt là những người đang sinh sống bình thường đến đoán, còn nếu hào tử tôn phát động thì chủ về những việc điều động đi nơi khác hoặc giáng chức. Nếu gặp việc mới đoán quẻ, có hào tử tôn phát động thì sẽ đi đánh trận và lập công to, nếu tuế quan nguyệt kiến hợp hào thế thì nhất định sẽ có tin mừng thăng quan.

Quan trấn thủ cho dù quan văn hay quan võ đều nên sáu hào yên tĩnh, nhật thìn nguyệt kiến không xung hào thế thì bình an vô sự. Nếu gặp quan quý phát động, hào thế hào ứng xung khắc thì sẽ không yên ổn.

Vi dụ cổ :

Ngày Ất Hợi tháng thân đoán dự bị bổ sung nhậm một chức nào đó được quẻ "tiết" của quẻ "tĩnh".

THỦY PHONG TỈNH

Phụ mẫu tý thủy ..
 Thế tài tuất thổ . thế
 Quan quý thân kim ..
 Quan quý dậu kim O
 Phụ mẫu hợi thủy . ứng
 Thế tài sửu thổ X

THỦY TRẠCH TIẾT

Phụ mẫu tý thủy ..
 Thế tài tuất thổ .
 Quan quý thân kim .. ứng
 Thế tài sửu thổ ..
 Huynh đệ mao mộc .
 Tử tôn tỵ hỏa . thế

Quẻ nội tỵ dậu sửu hợp thành quan cục sinh hào ứng. Do đó chức vị đang khuyết này nhất định sẽ do người khác được. Về sau quả đúng như thế.

Vi dụ cổ :

Ngày kỷ mùi, tháng dần đoán việc thăng chức, được quẻ "quan" của quẻ "tĩ".

THỦY ĐỊA TỬ

Thê tài tý thủy x ứng
Huỳnh đệ tuất thổ .
Tử tôn thân kim ..
Quan quý mao mộc .. thế
Phụ mẫu ty hỏa ..
Huỳnh đệ mùi thổ ..

PHONG ĐỊA QUAN

Quan quý mao mộc .
Phụ mẫu ty hỏa .
Huỳnh đệ mùi thổ .. thế
Quan quý mao mộc ..
Phụ mẫu ty hỏa ..
Huỳnh đệ mùi thổ .. ứng

Quan tinh vượng mà trì thế, thê tài động mà sinh, tuy quan tinh mộ ở mùi nhật, nhưng được vượng và được trợ nên không có hại. Về sau được nhậm chức quan này ở ngày hợi.

Ví dụ ngày nay : Cô Hàn ở Công ty tôi nhờ tôi đoán cho con gái của cô năm nay thi tay nghề xem có được không. Gieo được quẻ "tiểu súc" của quẻ "đại súc". Thời gian đó là ngày kỷ mùi, tháng nhâm tý, năm đinh mao.

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy x ứng
Huỳnh đệ tuất thổ ..
Huỳnh đệ thìn thổ .
Quan quý dần mộc . thế
Thê tài tý thủy

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan quý mao mộc .
Phụ mẫu ty hỏa .
Huỳnh đệ mùi thổ .. ứng
Huỳnh đệ thìn thổ .
Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy . thế

Đây là quẻ được hưởng lộc, lại có quan tinh ở vượng địa, được hào ứng lâm nguyệt kiến động để sinh thế, thế lại hóa ra quan tinh, nhật mộ không ảnh hưởng gì, cho nên nhất định thi được. Về sau thi được thứ nhất.

2. Những điều bất lợi trong cấu quan chức

Hào tử tôn là sao không chế quan lộc, chức. Cấu quan hoặc đi thi sợ nhất là hào tử tôn trì thế, hoặc lâm nhật, nguyệt động lại khắc thế, khắc quan tinh. Nếu hào tử tôn trì thế hoặc động để khắc quan tinh thì không được chức quan gì.

Tài vượng, thế vượng, quan tinh tuần không nguyệt phá, hoặc nhật, nguyệt, hào động xung khắc và động mà hóa hung, là dở tốt nhưng không có gốc, khó sinh trưởng được, cho nên cuối cùng vẫn là người bình thường.

Trong quẻ nếu quan tinh không động, hoặc gặp khắc trì thế, huỳnh đệ phát động; hoặc hào tài trì thế hóa huỳnh, thì sẽ không thành sự, nếu ngẫu nhiên mà thành sự thì việc đó cũng không có lộc.

Hào thế tuần không, hào thế bị phá hoặc hào quan tuần không, hào quan bị phá thì có chức nhưng không giữ được chức lâu.

Hào thế suy động hóa khắc trở lại thì phải đề phòng tai họa đoán thọ.

Hào thế vượng tương hóa xuất quan tinh hình thế khắc thế thì sẽ bị tai vạ vì làm quan.

Nếu hào thế hóa xuất quan tinh lấy khí để khắc hào thế thì vì có quyền mà phải bồi thường.

Đi thi thì phải lấy quan tinh làm hào dụng, hào dụng hi thì hợp, không hi sẽ xung. Nếu hào huynh đệ tương xung thì bất được đề thi đúng chỗ không thuộc bài.

Hào phụ vượng lại được nhật thìn, hào động sinh hợp thì bài làm rất hay. Hào thế tài bị xung khắc thì bài làm sẽ có nhiều lệch lạc. Nguyệt kiến xung khắc thì bài làm sai.

Người mà nguyệt kiến phát động để khắc hào thế tất sẽ gặp phải bị phạt. Hào quan trì thế mà hào tài phát động sinh hợp hào thế tất sẽ có người tiếp cho lương thực thức ăn.

Tử tôn phát động thì phải đề phòng mất quan mất chức.

Hào huynh đệ phát động thì phải đề phòng có thể bị giảm lương, hoặc bị những điều gièm pha phi báng. Nếu tử tôn đều động nhất định sẽ bị giảm lương.

Hào thế lâm vào tuần không không có cứu trợ thì cho dù đã nhậm chức hay chưa nhậm chức cũng sẽ gặp khó khăn lớn, thậm chí chết người.

Hào quý sát động để hình thế khắc thế tất có điều xấu.

Thái tuế nhập hào hoặc động để làm tổn thương hào thế tất sẽ bị giáng cấp; nếu gặp bạch hổ, phi xà hình hại tất sẽ bị nạn bất giam.

Quẻ tinh hào thế tuần không là điềm về nghỉ hưu. Chức quan đang làm nếu hào thế không vong, và sáu hào yên tĩnh thì đó là điềm sẽ về nghỉ hưu. Nếu quý động cùng với nhật, nguyệt, tuế quân làm tổn thương hào thế thì phải mau mau tránh xa.

Huynh đệ là đồng sự, quý động hóa huynh, xung huynh hào thế là bạn đồng hành bất hòa; huynh đệ hình khắc hào thế cũng là đồng nghiệp bất hòa. Hào thế khắc hào huynh đệ là mình chế ngự được họ.

Hào quan quý phục dưới hào thế thì sẽ bị quả trách. Hào quan quý không lâm hào thế hoặc tuần không vong, tất sẽ bị bãi miễn, cách chức.

Hào thế là hào năm và tuần không vong thì phải đề phòng nhật, nguyệt hình khắc, sợ có tai họa không lường hết được.

Phạm được hào quan quý động sinh hợp hào thế, không bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc, nếu hào tài lâm tuần không hoặc phục ở tử tuyệt thì vì ăn hối lộ mà mất thanh danh.

Hào thế tinh lâm tuần không nguyệt phá, hào quan quý gặp nguyệt phá tuần không thì không được danh tiếng.

Trong quẻ nếu quẻ thế bị khắc thì làm quan sẽ gặp tai họa.

Trạch mã tuần không, vong, tuy có nhiều mưu nhưng cũng ổng công vô ích.

Hào phụ mẫu là ẩn, là văn thư, không thể thiếu, càng không nên gặp hưu tù tử tuyệt, nhưng nhiều cũng không hay. Quẻ gặp hai hào quan quý, hai hào phụ mẫu thì văn thư không thực.

Ngày nay được chức, ngày mai mất. Nếu gặp hung, gặp khắc, hào thế cũng gặp khắc thì đó là cảnh hôm nay được chức, ngày mai mất chức.

Ví dụ cổ : Ngày đinh mao, tháng tuất đoán xem có được nhậm chức không, được quẻ "nhu".

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy ..
Huynh đệ tuất thổ .
Tử tôn thân kim .. thế
Huynh đệ thìn thổ .
Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy . ứng

Tử tôn trì thế khắc quan quý, suốt đời không bao giờ được làm quan. Về sau mãi hơn hai mươi năm cho đến già vẫn không được làm quan.

Ví dụ cổ : Ngày át mao, tháng ty đoán công danh cả đời được quẻ "lữ".

HỎA SƠN LỮ

Huynh đệ ty hỏa .
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim . ứng
Thê tài thân kim .
Huynh đệ ngọ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ .. thế

Quẻ tuy lục hợp, nhưng tử tôn trì thế, quan tinh phục mà gặp nguyệt phá, nên suốt đời vô danh. Về sau đúng là vô danh và chết bệnh.

Chương 17

HÔN NHÂN

Trời đất có âm dương, người có nam nữ. Có nam nữ thì tất nhiên sẽ có vấn đề âm dương hòa hợp, nam nữ hôn phối. Cho nên trong "quẻ từ" có câu: "Có trời đất sau đó mới có vạn vật, có vạn vật sau đó mới có nam nữ, có nam nữ sau đó mới có vợ chồng, có vợ chồng sau mới có cha con", "nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh. "Nam nữ", "vợ chồng" ở đây chính là nói về vấn đề hôn phối.

Hôn nhân là khởi điểm của gia đình, là tế bào của xã hội, nên vấn đề hôn nhân là vấn đề mang tính xã hội. Xử lý được tốt sẽ có lợi cho xã hội; xử lý không tốt sẽ đưa lại cho xã hội rất nhiều phiền phức.

Trong cuộc sống thực tế có những cặp vợ chồng ân nghĩa như núi, tình sâu như biển, đầu bạc răng long. Có những cặp vợ chồng trước đầm thắm sau lạnh nhạt, trước hợp sau phân, vô tình vô nghĩa, nhìn nhau như kẻ thù, mỗi người một phương. Có những cặp vợ chồng tương thân tương ái còn hơn cả uyên ương, nhưng nửa đường phát sinh bi kịch. Tất cả những cái này đều là do âm dương ngũ hành tương sinh, tương khắc dẫn đến. Trong "Chu dịch" có rất nhiều tượng quẻ bàn về hôn nhân và sự lựa chọn hôn phối. Đồng thời tổ tiên chúng ta, để cho mọi người được hưởng thụ cuộc sống hôn nhân mỹ mãn và xây dựng gia đình hòa thuận, con cháu đông vui đã phát minh ra dùng phương pháp bát quái để dự đoán cát hung của hôn nhân và dự đoán việc sinh con và nuôi dưỡng.

Doán hôn nhân nếu "thê tài vượng tương" là tốt, nhưng "thê tài vượng tương" lại khắc phụ mẫu. phụ mẫu vượng lại khắc con cái... Ngày xưa để giải quyết mâu thuẫn này, đã dùng cách phân ra để đoán, cân nhắc mối quan hệ lục thân sinh khắc. Tôi cho rằng không cần thiết phải như thế, chỉ cần trong một quẻ là có thể đoán được tất cả. Bởi vì bất cứ việc gì, cũng khó được toàn thiện toàn mỹ, được mặt này mất mặt kia. Nên để phòng sự xung khắc có thể tìm phương pháp hòa giải là được.

I. DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN

Âm dương được ngôi gọi là cát. Nam đoán để tìm nữ, hào thể nên dương, hào ứng nên âm; Nữ đoán tìm nam, hào thể nên âm hào ứng nên dương. Đó là âm dương được ngôi, hợp đạo vợ chồng.

Hào quan, hào tài dụng thần phân : Nam đoán nữ, hào thê tài là dụng thần; nữ đoán nam, lấy hào quan quý làm dụng thần, nên sinh vượng, nên tương sinh, không nên hưu tù tử tuyệt, hình xung phá hại.

Hai hào quan, hai hào tài ứng là chính : Nam đoán nữ khi trong quẻ gặp 2 hào tài, lấy tài của hào ứng làm chính thiếp, hào tài khác làm vợ sau. Nữ đoán nam nếu quẻ gặp hai hào quan, lấy quan của hào ứng làm chính phu, quan của hào khác làm chồng sau. Nếu cả hai quan, hai tài đều không lâm vào hào ứng, thì lấy cái nào vượng làm chính, cái nào suy làm phụ.

Hào thê, hào ứng tương sinh là cát, dễ thành : Phán đoán hôn nhân bất luận là hôn nhân lần đầu hoặc hôn nhân lần sau, nếu gặp được hào thê, hào ứng tương sinh tương hợp, ngang nhau thì hôn nhân dễ thành mà tốt.

Hào tài, hào quan cả hai đều tuần không thì xem cái nào để đoán ?
Nam đoán nữ, hào quan quý tuần không thì không sợ. Nữ đoán nam hào thê tài tuần không cũng không sợ. Nếu thê, ứng, tài, quan rõ ràng thì chồng xứng vợ theo.

Quan vượng sinh thê, thì dầu bạc rặng long : Quan quý trị thê, sinh thê, hợp thê, vượng tương thì hôn nhân đẹp dễ và chung sống mãi với nhau.

Tài vượng tương sinh cũng nhất định chung sống bền lâu : Hào tài vượng tương lại lâm nhật, nguyệt, hào động, sinh hợp hào thê, động mà hóa cát, vợ chồng ân ái suốt đời.

Hào ứng lâm tài sẽ có vợ nội trợ tốt : Nam gặp hào ứng là thê tài không những được người vợ tốt bảo đảm gia đình mà còn làm ra tiền của.

Hào ứng là quan quý tất sẽ vừa lòng : Nữ gặp hào ứng là quan quý tất sẽ vừa lòng như ý. Quan quý sẽ sinh phù tài vượng.

Hào dụng sinh hào thê sẽ tương thân tương ái : Hào dụng sinh hợp hào thê, thê ứng tương hợp, cuộc hôn nhân dễ thành, tình yêu đậm thắm, gia đình hòa thuận.

Quẻ gặp lục hợp là tốt nhất : Phán đoán việc hôn nhân, quẻ gặp lục hợp, như Tý hợp với Sửu, là tượng đại cát. Quẻ nam hợp chủ về tú khí, quẻ nữ hợp sẽ giàu tình cảm.

Tài, quý không tuần không là đại cát : Nam đoán nữ, hào tài không tuần không, nữ đoán nam hào quan không tuần không, đều lâm vượng địa, tất sẽ đại cát.

Muốn biết nam tài nữ sắc, xem dụng thần : Khi làm dụng thần lâm sinh vượng địa thì tất nhiên là nam thanh nữ tú, trọng nghĩa; mộc làm dụng thần lâm sinh vượng địa thì người cao đẹp; Thổ làm dụng thần lâm vượng phần nhiều là người đôn hậu, béo mà không cao; Hỏa làm dụng thần thì khỏe mạnh hồng nhuận, nhưng tóc ít, mặt hơi vàng hoặc đỏ; Thủy làm dụng thần, sinh lâm vượng địa thì thông tuệ và khéo léo.

Tài, quan đều vượng tất người béo : Không kể nam nữ, hai hào tài, quan đều lâm vượng địa thì người béo; suy nhược thì chủ về gầy nhỏ; gặp hào câu trần, phi xà, bạch hổ thì người xấu, song câu trần tuy người xấu đen nhưng thành thực.

Hào ứng tài thê vượng thì được cả đức lẫn dung nhan : Nam gặp hào ứng tài thê lâm vượng địa thì vợ đẹp mà đức độ.

Quẻ dung gặp Thanh long thì đức tính quý và có nhiều đồ trang sức : Phàm nam nữ khi đoán hôn nhân nếu quẻ dụng gặp thanh long là đại cát. Hào quan gặp thanh long nam : quý hiển, hào tài gặp thanh long thì phía nữ của cải nhiều. Quan tinh được ngôi thì nhờ vợ mà giàu. Hào thế sinh ứng thì nam tìm đến phía nữ. Hào ứng sinh thế thì người nữ tham của; vượng khắc hào ứng suy, tất nhiên tham của thích giàu. Tài hóa tiến thì nhà nhiều của.

Thực hay không thực thì xem hào thế, hào ứng : Hào thế mà tuần không thì bản thân mình không thực, hào ứng tuần không thì đối phương không thực. Hóa thoái tất thoái hôn; hóa tiến thì thoái mà lại thành.

Người ta đến hợp với mình phải xem hào động : Hào động của hai tương hợp nhau thì người đến tìm mình và mình hòa hợp.

Phụ mẫu làm nghề văn thư làm chủ hôn : Hào phụ mẫu là văn thư, lại là người chủ hôn; quẻ vô phụ mẫu nhất định sẽ không có đầu mối (rối); hào tài động, phụ mẫu sẽ tham gia thương lượng.

Thời gian kết hôn phải xem phụ mẫu hợp, tài sinh tất sẽ thành gia : Nhật thìn tác hợp với hào phụ mẫu, hoặc nhật thìn lâm hào phụ mẫu thì thời gian kết hôn đã định; tài động sinh thế, tất sẽ ứng vào năm lập gia đình.

Muốn biết chính thê lại phải phân biệt xem trong quẻ : Hào ứng là chính thê, nếu bị hào động, nhật nguyệt xung khắc và động mà hóa hung thì người vợ đó không phải là kết hôn lần đầu. Còn được tài của hào khác vượng tương hoặc động mà hóa cát, hoặc hào khác biến tài thành vượng tương và sinh hợp với hào thế thì sẽ chủ về người vợ tái hôn nhưng có thể chung sống đến bạc đầu.

Nam đoán nữ hào tài cần phải vượng; nữ đoán nam hào quan quý phải hưng. Hào tài và quan quý cả hai đều vượng thì hôn nhân dễ thành mà tốt, nếu là hưu tù tử tuyệt thì bất hạnh.

Hào ứng nên yên tĩnh, nên sinh thế : Đoán hôn nhân hào ứng nên yên tĩnh thì hôn nhân đúng như đính ước.

Thân lại thêm thân cùng một cung : Hào thế, hào ứng ngang nhau, hào quan quý và thê tài lại cùng một cung thì đã thân thiết càng thêm thân thiết.

Hào phụ mẫu mà động là tử tôn, các hào ở giữa động là có mai mối : hào phụ mẫu động, hào tử tôn mộ tuyệt, là con cầu hôn. Hào thế, hào ứng ngang nhau, được nhật thìn hợp thế, các hào giữa động lại sinh hợp hào thế, được người mới giúp sức, cả hai hào giữa đều động thì nhất định hai người mới tranh nhau.

Dụng thân suy vượng để xem giàu nghèo : Hào tài vượng tướng, tất là con gái nhà giàu lương thiện phát phúc. Nếu hào tài hưu tù tất là con nhà nghèo. Hào quan quý nhiều vượng tướng, bên nam nhà giàu, nếu hào quan hưu tù thì đó là con nhà nghèo. Nam hào ứng vượng, nhà con gái giàu; nữ hào ứng hưu tù, bên nam nhà nghèo.

Phi xà lâm, lễ vật ít : Hào thế lâm huynh xà, nhà nam khiếm khuyết, ít lễ vật; hào ứng lâm quan quý, nhà nữ tư trang ít..

Vi dụ 1 : Đoán cầu hôn vào ngày Quý Dậu, tháng Tý được quẻ "đỉnh" của quẻ "hằng".

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ x ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý dậu kim. thế
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ..

HỎA PHONG ĐỈNH

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. ứng.
Quan quý dậu kim.
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.. thế.
Thê tài sửu thổ..

Dậu kim quan tinh lâm nhật thìn mà trì thế, tuất thổ tài động sinh thế, nên được thế ứng tương sinh. Tuất thổ tuy tuần không, động nên không tuần không, ngày mai xuất không cho nên cầu là được. Quả nhiên ngày hôm sau giờ Tý chấp nhận cầu hôn, về sau chung sống đến già.

Vi dụ 2 : Ngày át sửu, tháng mao - đoán cầu hôn được quẻ "ti" của "phê hạp".

HỎA LÔI PHÊ HẠP

Tử tôn ty hỏa ○
Thê tài mùi thổ x thế
Quan quý dậu kim ○
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc.. ứng
Phụ mẫu tý thủy ○

THỦY ĐỊA TÍ

Phụ mẫu tý thủy... ứng
Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim..
Huynh đệ mao mộc.. thế
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ..

Hào tài mùi thổ trì thế hỏa tiến thân, thân phúc ty hỏa động mà sinh, vì ty hỏa hóa thành tý thủy khác trở lại cho nên phải chờ đến ngày ngộ xung mất tý thủy, lại có ngộ hỏa sinh thế hợp thế thì hôn nhân mới thành. Quả

đúng giờ Ngọ thì được chấp nhận cầu hôn. Hào ở giữa hào thế và hào ứng
dậu kim quý động, tuy gây cách trở cho hôn nhân, nhưng có quý nguyệt phá
nhật mộ cho nên lại hóa thành thoái thần, vô lực cản trở.

Vi dụ 3 : Ngày mậu tý, tháng nhâm thìn năm 1986, cô Từ ở công ty tôi
đến xin đoán về hôn nhân, hỏi khi nào sẽ có đối tượng, gieo được quẻ "Tụng".

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ.
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa. thế
Huynh đệ ngộ hỏa..
Tử tôn thìn thổ.
Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

Quẻ này ngộ hỏa tri thế, nhật kiến tý thủy làm quan tinh mà xung khắc
hào thế, nhưng hợp tý thủy mộ ở nguyệt kiến, hào thế hào ứng tương sinh.
Tôi nói với cô Từ : hôn nhân tuy không lý tưởng lắm nhưng có thể thành.
Sau này ngày dẫn thì thành. Cô Từ cười nói : Thưa thầy đừng đùa tôi, bây
giờ ngay bóng dáng đối tượng còn chưa có, thế thì thành hôn với ai được. Về
sau vì ngày sửa cưới nên ngày dẫn ăn hỏi được, và tháng 10 năm đó kết hôn.

Vi dụ 4 : Ngày đinh mao, tháng tý đoán xem vợ chồng có sống với nhau
đến già không. Gieo được quẻ "quan" thuộc quẻ "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa O thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy O ứng.

PHONG ĐỊA QUAN

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn tý hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thế
Huynh đệ mao mộc..
Tử tôn tý hỏa..
Thê tài mùi thổ.. ứng.

Quẻ chủ hai thổ của thìn tuất tài nhiều mà tương sinh với hào thế, lại
động xuất mùi thổ hai thê tài tương sinh tương hợp với hào thế, lại được nhật
kiến, nguyệt kiến sinh trợ, không những vợ chồng sống mãi đến già mà ông
già này còn có hơn 10 người tý thiếp, mà vợ cả lại hiền không ghen tỵ, ông
hưởng thọ hơn 80 tuổi.

II. ĐOÁN VỀ PHƯƠNG KẾT HÔN

1. Phương pháp đoán về phương kết hôn

Gia đình là tế bào của xã hội, vấn đề hôn nhân của nam nữ không những là điều kiện quan trọng để hoàn thành gia đình, mà cũng là cội nguồn để xã hội dựa vào đó mà tồn tại và phát triển. Cho nên trong "Tứ quẻ" có câu : "Có trời đất, sau đó mới có vạn vật, có vạn vật sau đó mới có nam nữ, có nam nữ mới có vợ chồng, có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có quần thần, có quần thần mới có thiên hạ, có thiên hạ mới có lễ nghĩa...". Người là chủ thể quý báu nhất trong thế gian, là chủ thể của xã hội. Mà người lại là sản vật của nam nữ cấu tình mà sinh ra. Cho nên vấn đề hôn nhân không những là việc lớn trong cuộc sống của con người, mà còn là việc lớn mang tính chất xã hội. Xử lý được tốt thì đều có lợi cho cá nhân, cho gia đình, cho xã hội và cho việc giáo dục con cái. Ngược lại thì sẽ tạo ra bất hạnh cho tất cả, đặc biệt là những thương tổn trong tâm linh của con người là không gì có thể bù đắp được, đồng thời cũng đưa lại nhiều phiền phức cho xã hội. Do đó vấn đề hôn nhân cũng là một trong những đề tài trọng yếu mà con người cần nghiên cứu.

Qua kinh dịch ta có thể thấy được tổ tiên ta từ xưa đã rất coi trọng nghiên cứu hôn nhân. Có không ít quẻ đều bàn đến vấn đề hôn nhân. Ví dụ nam nữ chính phối thì trường nam phối trường nữ, trung nam phối trung nữ, thiếu nam phối thiếu nữ. "Hai khí cảm ứng thì sẽ tương hành". Cũng tức là nói một cuộc hôn nhân mỹ mãn hạnh phúc phải là sự tương hợp của hai khí âm dương, thì mới bách niên giai lão được. Như quẻ "hàm" là nam nữ chính phối, tương trưng cho hai khí âm dương tương hợp.

Quẻ "cấu" có nói : "Vật dụng thủ nữ", quẻ "tiểu súc" có câu "Phu thê phán mục" đều là nói : vì lão nam phối trường nữ, vừa không phải chính phối, vừa là hai khí âm dương tương khắc, không tương hợp, cho nên sẽ xảy ra việc xấu.

Trên đây là xuất phát từ hai khí âm dương tương hợp để nói về vấn đề hôn nhân của nam, nữ. Vấn đề hôn nhân là vấn đề vô cùng phức tạp, có sự tương sinh và tương khắc của năm mệnh, có sự tương hòa và bất hòa, có sự tổ hợp sắp xếp của tứ trụ và nhiều nhân tố khác nữa. Nhưng tôi qua nghiên cứu thực tiễn phát hiện thấy nam nữ hôn nhân còn có vấn đề phương hướng, phương vị. Cũng tức là nói trong hôn nhân, mỗi người có một phương cố định để phối hôn. Năm 1984 tôi đã làm thống kê một trăm người, trong đó có 94 người phối hôn đúng phương hướng, 6 người không đúng thì trong đó có 4 người chết, hai người ly hôn.

Trong thời gian hội thảo học thuật kinh dịch Quốc tế tháng 12 năm 1987 có 8 vị chuyên gia bảo tôi làm thí nghiệm ngay tại hội nghị đoán về việc

phối hôn theo phương hướng. Có 7 trường hợp đoán đúng phương hướng, chỉ có một trường hợp đoán sai. Vị chuyên gia mà phương hướng không đúng này đã nêu ra cho tôi : Ngài dùng cách gì để chứng minh là tôi đã tìm phương hướng phối hôn không đúng, hay là ngài đoán không đúng. Tôi trả lời : Nếu anh và vợ anh rất hòa thuận với nhau thì tôi đoán sai, còn nếu không hòa thuận thì tôi đoán đúng, còn phương hướng kết hôn của anh sai : Vị đó vỗ tay nói : Đúng ! chúng tôi từ ngày kết hôn tới nay luôn không hòa thuận, hầu như 3 ngày thì có 2 lần cãi nhau. Ngài đoán rất đúng. Cách này đáng được nghiên cứu và mở rộng.

Đoán phương hướng kết hôn là lấy địa chỉ nguyên quán của mình ở làm trung tâm, đối phương cũng lấy nguyên quán làm trung tâm. Sau căn cứ vào ngày tháng sinh của mình (lấy âm lịch làm chuẩn), căn cứ vào hình vẽ bát quái lấy ngày mồng một trên nguyệt kiến thuận số lấy đến ngày sinh thì thôi. Nếu ngày sinh rơi vào mào thì nguyên quán của cuộc hôn nhân nên ở trên trục đông, tây. Nếu ngày sinh rơi vào thân thì nguyên quán phối hôn nên ở trên trục tây nam - đông bắc. Sau khi đã biết phương hướng thì tìm phương của đối tượng, nếu thấy phương hướng thích hợp thì nói, nếu phương hướng không thích hợp thì đừng nói, vì nói cũng vô ích. Bây giờ cử hai ví dụ :

1) Một người nào đó sinh ngày 23/11/1936 vậy thì phương hướng phối hôn ở đâu ?

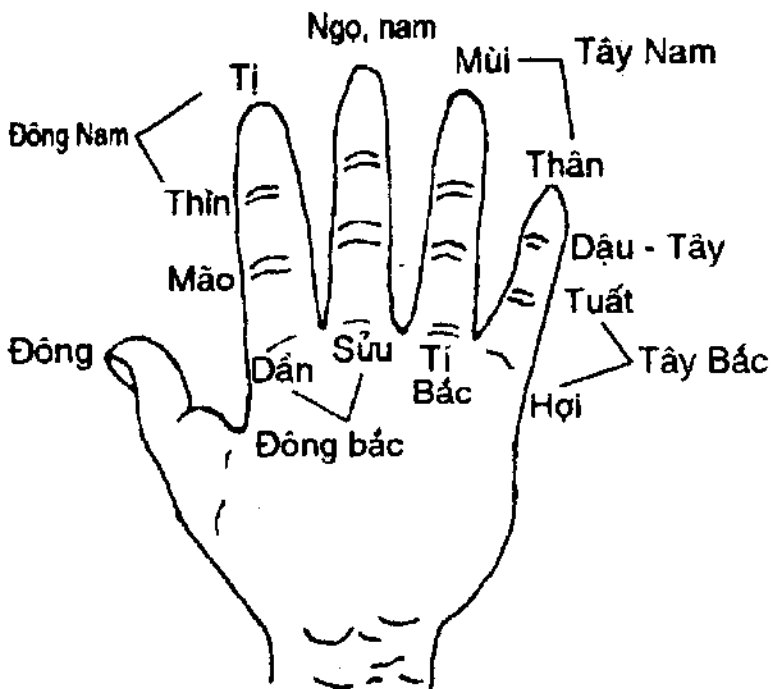
Tháng 11 năm đó là tháng tỵ, ở phương Bắc, từ tỵ tính là 1, sửu là 2, dần 3, mao 4... theo chiều đó đếm đến ngày 23 là tuất thuộc phương tây bắc, đối lập với phương tây bắc là phương đông nam. Cho nên phương của người yêu anh ta trên trục đông nam - tây bắc.

Ví dụ 2 : Một người nào đó sinh ngày 6/6/1920 phương phối hôn là phương nào ?

Tháng 6 năm đó là tháng mùi ở phương tây nam. Lấy mùi là ngày mồng một, thân là mồng 2, dậu là mồng 3, tuất là mồng 4, hợi là mồng 5, tỵ là mồng 6, tỵ thuộc phương bắc, đối lại với phương bắc là phương nam, cho nên anh ta (chị ta) nên kết hôn theo trục nam - bắc.

Khi đoán, nếu không có hình bát quái có thể dựa vào hình bàn tay để tính. Cách tính là lấy tháng sinh làm ngày mồng một, đếm tiếp cho đến ngày sinh thì ngừng (xem hình vẽ trang 268).

Về vấn đề mỗi nguyên quán có một phương vị kết hôn cố định và phương pháp đoán nó, tôi đã tra cứu rất nhiều sách kể cả các sách về "mệnh học" nhưng chưa tìm thấy sách nào bàn đến vấn đề này. Phương pháp giới thiệu ở đây là tôi trong quá trình thực tiễn mày mò ra và đã cung cấp cho rất nhiều thanh niên, thanh nữ và những "người gặp khó khăn" để kết bạn và



Hình bàn tay để xác định phương vị phối hôn.

xây dựng gia đình hạnh phúc và phần lớn đều rất thành công kể cả con cái họ về sau.

Phương pháp này về đại thể theo phương hướng như thế, chỉ cần cho biết chính xác ngày giờ sinh là đoán được chuẩn. Tuy nhiên có một vấn đề đang trong quá trình nghiên cứu là, ví dụ sự kết hôn theo nguyên quán của một người nào đó theo phương hướng đông-tây, nhưng cuối cùng là ở phía đông hay ở phía tây thì chưa thể đoán chính xác được.

Cách tính là : Tý, sừ, dẫn, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, Hợi là mười hai nguyệt kiến. Cho dù anh (chị) sinh ở tháng âm lịch nào lấy ngay tháng đó làm ngày mồng 1, tiếp tục đếm cho đến ngày sinh rồi xem trên bàn tay để biết nó rơi vào phương nào. Nếu rơi vào ngọ thì phương kết hôn của anh nằm trên trục nam-bắc của nguyên quán cha anh ta.

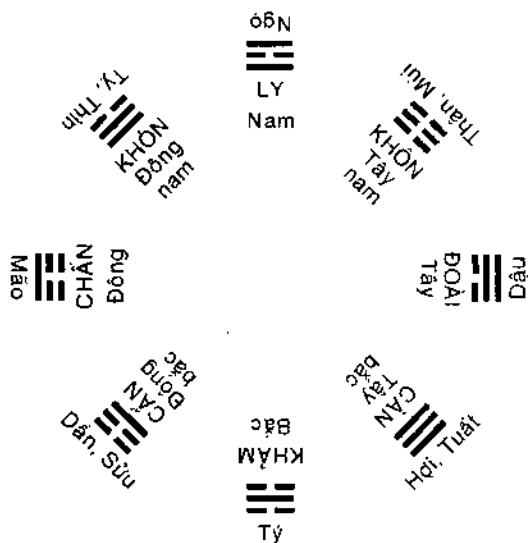
Ví dụ : Anh sinh ngày 17 tháng giêng thì lấy tháng dẫn là mồng 1, đến đến ngày 17 là ngọ. Ngọ là phương nam, vậy người anh kết hôn nên là phương nam hoặc phương bắc, cũng có thể là anh ấy (hay chị ấy) đang cùng cơ quan hay cùng một huyện, một thành phố...

Về vấn đề nguyên quán, ví dụ : nguyên quán cha anh ở Bắc Kinh, anh sinh ở Tây An thì lấy nguyên quán cha anh mà làm chuẩn. Nếu nguyên quán

cha anh là Bắc Kinh, nhưng cả cha anh và anh đều sinh ở Tây An thì lấy Tây An làm chuẩn để định phương hướng.

Cách dùng bình bát quái để tra phương phối hôn tương lai cũng giống như dùng hình bàn tay. Các địa chi trên hình bát quái cũng là nguyệt kiến.

Ví dụ : sinh ngày 23 tháng 6 âm lịch thì bắt đầu tính từ mùi là mồng 1, thân mồng 2, dậu mồng 3... đến mãi đến tỵ là ngày 23. Như vậy, phương phối hôn của người đó là đông nam hoặc tây bắc so với sinh quán của người cha.



Hình bát quái xác định phương phối hôn

Bảng 1. BẢNG ĐỊA CHI ĐỂ TÍNH THÁNG

NGUYỆT KIẾN	Tháng 1 : dần	Tháng 4 : ty	Tháng 7 : thân	Tháng 10 : Hợi
	Tháng 2 : mao	Tháng 5 : ngọ	Tháng 8 : dậu	Tháng 11 : tý
	Tháng 3 : thìn	Tháng 6 : mùi	Tháng 9 : tuất	Tháng 12 : sửu

Bảng 2. BẢNG PHƯƠNG HƯỚNG PHỐI HÔN THEO NGÀY THÁNG ÂM LỊCH

1. Phương đông bắc - tây nam

THÁNG	NGÀY									
	1	6	7	12	13	18	19	24	25	30
1	1	6	7	12	13	18	19	24	25	30
2	5	6	11	12	17	18	23	24	29	30
3	4	5	10	11	16	17	22	23	28	29
4	3	4	9	10	15	16	21	22	27	28
5	2	3	8	9	14	15	20	21	26	27
6	1	2	7	8	13	14	19	20	25	26
7	1	6	7	12	13	18	19	24	25	30
8	5	6	11	12	17	18	23	24	29	30
9	4	5	10	11	16	17	22	23	28	29
10	3	4	9	10	15	16	21	22	27	28
11	2	3	8	9	14	15	20	21	26	27
12	1	2	7	8	13	14	19	20	25	26

2. Phương đông - tây

THÁNG	NGÀY				
	2	8	14	20	26
1	2	8	14	20	26
2	1	7	13	19	25
3	6	12	18	24	30
4	5	11	17	23	29
5	4	10	16	22	28
6	3	9	15	21	27
7	2	8	14	20	26
8	1	7	13	19	25
9	6	12	18	24	30
10	5	11	17	23	29
11	4	10	16	22	28
12	3	9	15	21	27

3. Phương tây bắc - đông nam

THÁNG	NGÀY									
1	3	4	9	10	15	16	21	22	27	28
2	2	3	8	9	14	15	20	21	26	27
3	1	2	7	8	13	14	19	20	25	26
4	1	6	7	12	13	18	19	24	25	30
5	5	6	11	12	17	18	23	24	29	30
6	4	5	10	11	16	17	22	23	28	29
7	3	4	9	10	15	16	21	22	27	28
8	2	3	8	9	14	15	20	21	26	27
9	1	2	7	8	13	14	19	20	25	26
10	1	6	7	12	13	18	19	24	25	30
11	5	6	11	12	17	18	23	24	29	30
12	4	5	10	11	16	17	22	23	28	29

4. Phương nam bắc

THÁNG	NGÀY				
1	5	11	17	23	29
2	4	10	16	22	28
3	3	9	15	21	27
4	2	8	14	20	26
5	1	7	13	19	25
6	6	12	18	24	30
7	5	11	17	23	29
8	4	10	16	22	28
9	3	9	15	21	27
10	2	8	14	20	26
11	1	7	13	19	25
12	6	12	18	24	30

Chương 18

CON CÁI

Con cái là sự kéo dài của nhân loại, là đời sau của đất nước. Việc sinh đẻ và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm của bố mẹ. Con cái khỏe mạnh, có thể trưởng thành thuận lợi hay không là vấn đề bố mẹ rất quan tâm. Dùng bát quái để dự đoán sinh đẻ và nuôi dưỡng không những là vấn đề cát hung, còn là vấn đề sinh đẻ tối ưu, trực tiếp liên quan đến nhân loại, có lợi hay không cho sự hưng vượng của loài người. Có những trẻ em vừa sinh ra đã chết yếu, có những trẻ em thì yếu đuối và ốm bệnh, có những đứa trẻ tàn phế dị dạng... điều đó không những đem lại đau khổ cho gia đình mà còn gây ra cho xã hội một gánh nặng ghê gớm. Ngược lại có những trẻ em sinh ra khỏe mạnh, ít bệnh dễ nuôi, lớn lên xinh đẹp thông minh, trở thành tài sản có ích cho đất nước. Tố chất của con người lúc mới sinh do rất nhiều nguyên nhân. Nhưng tôi cho rằng người ta phải sinh đẻ hợp lý, âm dương ngũ hành sinh khắc, đó là nhân tố rất quan trọng. Không những không nên xem nhẹ mà còn phải hướng giới khoa học chú ý đến nó, nếu không thì vấn đề sinh đẻ hợp lý chỉ là nói suông.

Một người có thể thành nhân tài hay không, đó là vấn đề rất phức tạp, không thể một hay hai câu cắt nghĩa rõ được. Nhưng sức khỏe của một người tốt hay xấu, hoặc con cái của người đó khỏe mạnh hay không, sau này lớn lên có tốt không đều có thể từ tử tinh của tứ trụ người đó và hào tử tôn vượng suy để nhìn ra được. Nếu tử tinh ở vượng địa, lại được sinh phù thì sức khỏe của con cái nhất định tốt và dễ nuôi. Nếu tử tinh ở tử tuyệt, mộ địa lại bị khắc thì không chết yếu cũng bị tàn phế, hoặc nhiều bệnh tật. Do đó khi chúng ta biết được tử tinh ở suy tuyệt, mộ địa thì lúc bắt đầu mang thai phải chọn tháng vượng, sau sinh ra mới có trường sinh. Ví dụ : mệnh thủy có thể sinh ở thân thì nên mang thai vào các tháng tỵ, hợi để đúng năm sau sinh được ở tháng trường sinh. Đứa con được sinh như thế sẽ khỏe mạnh dễ nuôi. Vì thế mà các sách xưa đã bàn rất nhiều đến vấn đề con cái.

I. ĐOÁN CÓ THAI

Phương pháp dùng bát quái để đoán có thai, có người lấy hào thai làm dụng thần, có người lấy hào tử tôn làm dụng thần. Cả hai phương pháp này hiện tại đều dùng, có người thì quen dùng hào thai để đoán, có người quen dùng hào tử tôn làm dụng thần để đoán. Tôi thông thường lấy hào tử tôn làm dụng thần.

"Tăng san bốc dịch" nói : "Phương pháp đoán thai là : Từ tôn hưu tù không phá, tán, thì bào thai chưa có". Tức là nói : Hào tử tôn lâm nhật nguyệt hoặc gặp nhật, nguyệt, hào động, sinh phù, động mà hóa cát thì đều cho phép có thai. Nếu hào tử tôn : không phá, tán, tuyệt, hoặc bị hình xung khắc hại, hoặc động mà biến thành quan quý, hoặc hóa thành tuyệt, phá, hoặc quan quý biến thành tử tôn, hoặc phụ mẫu biến thành tử tôn, hay tử tôn hóa phụ mẫu thì chớm có thai. Nếu hào tử tôn động mà thành tuần không thì không có trở ngại". Sách đó còn nói : "Thần phúc vượng tướng gặp sinh phù là điềm tốt", đều lấy hào tử tôn làm dụng thần.

"Bốc phệ chính tôn" nói : Đoán có thai hay không lấy hào thai làm dụng thần : "phàm đoán có thai hay không nên chọn hào thai làm dụng thần, không nên chọn hào tử tôn. Nếu 6 hào trong quẻ và năm, tháng, ngày, giờ đều không có hào thai thì không có thai. Nếu trong quẻ có hào động hóa thành hào thai thì tuy trước mắt chưa có thai, nhưng sau đó tất có thai. Nếu hào thai đã xuất hiện thì tức là có thai rồi".

Thế nào là hào thai ? Ví dụ ngày nhâm quý gieo quẻ, nhâm quý là thủy, thủy trường sinh ở thân, đếm xuôi cho đến ngộ thì ngộ là hào thai. Nếu trong quẻ có ngộ, thì ngộ là hào thai. Những quẻ khác cách tính tương tự.

"Bốc phệ chính tôn" bàn về cách đoán có thai khá nhiều. Ví dụ : "Phàm hào thai vượng tướng lại có sinh phù, được mệnh phù trợ, không lâm quan quý, phụ mẫu và không vong thì thai tất thành. Nếu lâm hào dương thì sinh con dễ nuôi".

Phúc gặp thanh long, không vong bị chế ngự lại gặp hào thai phát động hoặc bị hào động, nhật thần xung thì chắc chắn bị sẩy thai.

Tử tôn mộ tuyệt, lại bị nhật, nguyệt, hào động hình xung khắc hại đó là điềm rất xấu, hoặc hào thai lâm quan quý, hoặc động mà hóa quan quý là thai chết. Hào thể tài bị tổn thương thì phải đề phòng cả hai mẹ con có nạn.

Người có thai đến đoán quẻ, trong quẻ không có hào quan quý, hoặc hào quan quý chân không, mộ, tuyệt thì chồng người đó đã mất sau khi vợ có thai. Nếu hào quan quý phục ngâm mà vượng tướng là chồng được đề bạt, cất nhắc đi xa.

Huyết phôi tức dương tinh và âm huyết tụ lại để chớm thành thai. Nếu đoán quẻ vào thời điểm đó mà hào thai gặp không vong thì trong đó chớm có thai nhưng không thành được.

Thai lâm hào quan quý hoặc bị nguyệt kiến, nhật thần hình xung khắc hại đều có nghĩa là thai bị thương tổn. Thai lâm bạch hổ tất sẽ sẩy thai. Thai lâm câu trần là thai đã hiện rõ; thai lâm thanh long là thai chưa lộ. Thai gặp tam hợp, lục hợp thì thai đang nhỏ. Thai đóng ở hào quan quý là người mẹ có bệnh; hoặc hào tài hợp phúc thì sinh nở yên ổn.

Bạch hổ là thần huyết. Nếu gặp hào tử tôn hoặc hào thai phát động thì hào thai tất bị phá, gặp hào thể tài động cũng bị như thế.

"Đoán ngày giờ sinh đẻ" có câu "Hào tử tôn tuần không vong là chủ về tổn thai, thanh long không vong là không có tin vui; thanh long ở hào quan quý là sẽ sẩy thai; quẻ nhiều hung sát, không có cát thần giải cứu thì cho dù thai không bị tổn thương nhưng cũng khó mà đẻ được".

Để con trai hay con gái, người xưa đều nghiên cứu cách đoán ra sao. Y học hiện đại tuy có thể phát hiện được, nhưng nghiên cứu dùng bát quái dự đoán vẫn có giá trị. Sự tổng kết của người xưa về mặt này như sau :

"Thiên huyền vũ" nói : "Hào tử tôn vượng tương, nếu gặp hào dương nhất định sinh con trai. Phúc đức hưu tù nếu gặp hào âm là sinh con gái". "Nếu hào tử tôn thuộc dương, hào đầu, hào sáu thuộc dương, tức là dương bao âm thì sinh con trai.

Nếu hào tử tôn thuộc âm, hào đầu, hào sáu thuộc âm, đó là âm bao dương, nhất định sinh con gái.

Sách "Động lâm bí quyết" nói : "Hào dương biến thành âm thì sinh con gái; âm động biến thành dương thì sinh con trai. Khi tĩnh nếu gặp phát động thì sinh con gái, vượng tương nhất định sinh trai". Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Hào tử tôn động hóa thành tử tôn, hoặc trong quẻ hào tử tôn động nhiều hoặc hào tử tôn động lâm vượng tương, hoặc hào khác biến ra tử tôn vượng tương đều chỉ bào thai sinh đôi". Sách "Bốc phê nguyên quy" nói : "Tử tôn cả hai đều vượng là biến thai... Trong đó có một suy, một vượng là một chết, một sống, một âm một dương là một nam một nữ. Cả hai hào tử tôn đều hiện như một tĩnh, một động cũng sẽ là một nữ một nam. Dương biến thành âm là nam biến nữ. Nếu sáu hào đều tĩnh thì xem các hào bao quẻ : Âm bao dương thì sinh nữ, Dương bao âm sinh nam. Âm bao dương có các quẻ : khảm, đại quá, tiểu quá, hàm, hằng; Dương bao âm có các quẻ : ly, trung phù, di, tốn. Quẻ có sáu hào đều tĩnh, nếu không có bao quẻ thì hào tử tôn trực dương là nam, trực âm là nữ. Quẻ có hào động, tuy có bao phủ nhưng không dùng để đoán được mà xem hào động : một hào động, dương động là nữ, âm động là nam, hai hào động thì phải xem hào trên, ba hào động thì phải xem ở giữa, nhiều hào động thì có thể gieo quẻ lại".

Sách "bốc phê chính tôn" nói : "Quẻ có hai hào tử tôn, lại có hai hào thai đều không phát động là chủ về sinh đôi. Nếu tử tôn hóa thành tử tôn và thai hóa thai, nếu hóa ra thoái thần thì sinh đôi hồng. Âm Dương động tĩnh có thể đoán trai, gái : một động một tĩnh, một âm một dương là một trai, một gái. Quẻ không có hào tử tôn, nếu hào thai bị nguyệt kiến, nhật thần hoặc hào động hình khác, thì đó là tượng đại hung".

Hào tử tôn vượng tương, hoặc hưu tù mà động, động hóa cát thì chủ về việc có con. Hào tử tôn hóa tiến thần, hóa sinh trở lại thì có nhiều con. Hào

tử tôn mộ tuyết, động biến thành quan quý, hoặc quan quý biến thành tử tôn, phụ mẫu hóa tử tôn hay tử tôn hóa phụ mẫu, phụ mẫu động khắc tử tôn là quẻ không có con.

Vi dụ cổ : Ngày canh tuất, tháng dậu đoán năm nào sinh con được quẻ "tiết" của quẻ "truân".

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy..
Quan quý tuất thổ. ứng
Phụ mẫu thân kim..
Quan quý thìn thổ..
Tử tôn dần mộc x thế
Huynh đệ tý thủy.

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy..
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim.. ứng
Quan quý sửu thổ..
Tử tôn dần mộc.
Thê tài ty hỏa. thế

Hào tử tôn dần mộc trì thế mà hóa tiến thân là tượng có con nhưng trước mất dần mao mộc tuần không, mao lại gặp nguyệt phá nên phải chờ đến năm dần mới có con. Về sau tháng mao, năm dần cả vợ cả và vợ lẽ sinh liền hai con. Mao mộc này tuy gặp nguyệt phá nhưng hợp nhật thìn, nên phải chờ cho hưu tù mới đắc dụng.

Vi dụ cổ : Ngày quý Hợi, tháng dần đoán có con hay không được quẻ "cấn" của quẻ "khôn".

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim x thế
Thê tài Hợi thủy..
Huynh đệ sửu thổ..
Quan quý mao mộc x ứng
Phụ mẫu ty hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

CẤN VI SƠN

Quan quý dần mộc. thế
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim. ứng
Phụ mẫu ngọ hỏa..
Huynh đệ thìn thổ..

Quẻ này hào tử tôn biến thành hào quan quý, quan quý biến thành tử tôn, đó là điềm không có con. Về sau lấy thêm vợ lẽ mới sinh được 4 con, nhưng sau đó lại mất cả, về già không con.

Vi dụ : Ngày bính Thìn, tháng tân Sửu năm 1986, cô Khoan Hồng ở công ty tôi có thai, đoán được quẻ "khôn" của quẻ "cấn"

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ ○
Huynh đệ thân kim ○
Quan quý ngọ hỏa ○ ứng
Huynh đệ dậu kim ○
Tử tôn Hợi thủy ○
Phụ mẫu sửu thổ.. thế

KHÔN VI ĐỊA

Huynh đệ dậu kim.. thế
Tử tôn Hợi thủy..
Phụ mẫu sửu thổ..
Thê tài mao mộc.. ứng
Quan quý ty hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

1. Trong 1 quẻ có 5 hào đều phát động là sự việc lập đi lập lại không thuận.

2. Hào thế lâm nguyệt kiến còn được hào ứng ngộ hóa sinh, nên vượng lại vượng thêm, khắc hào tử tôn nên rất xấu, là tượng chưa có thai.

3. Hào tử tôn bị phụ mẫu nguyệt kiến khắc, còn mộ ở nhật thìn, câu trần động mà khắc là tượng không tốt.

4. Hào tử tôn hóa quan quý lại hóa tuyệt địa : hào phụ mẫu sủu thổ hóa xung cũng là tượng xấu. Nếu tháng giêng năm 1987 có thai e rằng khó qua khỏi tháng 6 nên đã khuyến cáo, tốt nhất năm 1987 không nên có con. Về sau đúng là tháng giêng có thai và tháng 6 thai chết yếu. Đó gọi là hào tử tôn gặp sát thần hóa thành quan quý, khó mà ra đời được.

Đoán mang thai nếu gặp hào tử tôn vượng tướng, hoặc được nhật, nguyệt, hào động sinh phù mà hóa cát tất đứa con sẽ khỏe mạnh hiền lành. Nếu hào tử tôn suy nhược sẽ sinh con ngu dại, ngớ ngẩn. Nếu hào tử tôn hư, tù, mộ, tuyệt, không phá, lại gặp hình xung khắc hại thì không thể có con hoặc sinh cũng như không. Nếu hào tử tôn gặp tuần không thì không có hại, chờ xung xuất không sau đó sẽ có thai.

II. ĐOÁN VỀ VIỆC SINH ĐẸ

Phụ mẫu trước khi sinh hoặc lúc sắp sinh cũng có thể dùng bát quái để đoán, vẫn lấy hào tử tôn làm dụng thần. Sách "Bốc phệ chính toán" nói: "Nếu người chồng xin đoán quẻ thì hào thê tài là sản phụ, hào thai là đứa con, hào phúc là đứa con. Cả 3 nếu gặp nguyệt kiến, nhật thìn, hào động sinh phù cùng hợp lại trợ giúp thì sản phụ yên, bào thai ổn, dễ sinh con. Nếu gặp hình xung khắc hại thì sản phụ dễ tai nạn, bào thai không yên, sinh con khó nuôi. Nếu gặp không, tuyệt tình trạng cũng tương tự.

Đoán về việc sinh đẻ lấy thanh long làm điểm tốt. Nếu hào tài phúc động thì sắp đến ngày sinh, cần phải chuẩn bị ngay. Được tử tôn hào thai khắc chế thì rất gần ngày sinh, lúc đó chỉ đoán theo ngày giờ nữa thôi.

Thai phúc bất động, lại không có ám xung tất sẽ đẻ muộn, phải chờ đến ngày, tháng xung khắc xong mới đẻ. Hào hai thai phúc phát động thì dễ sinh. Nếu bị hào quan quý, hào phụ mẫu động hợp lại ràng buộc, hoặc nhật thìn hợp lại ràng buộc đều biểu thị khó sinh, chờ đến ngày giờ xung phá mới sinh được.

Nếu hai hào tử tôn và thê tài ở đất mộ tuyệt là xấu, khi có nhật thìn, hào động sinh phù thì mới gọi là có điểm cứu nguy.

Bạch hổ lâm hào quan tài phát động hoặc lâm hào thê tài hóa cung, hoặc lâm hào quan quý động không hóa không, hoặc bị xung tán, nếu đẻ non thì không nuôi được.

Phúc thân phát động, nhật thìn xung thai, thì tức là sinh ngay tức thì hoặc sinh vừa xong.

Quẻ gặp du hôn, hào quan quý trực tuần không, nếu không gặp nguyệt kiến thì không phải con của chồng. Nếu chồng tự đoán quẻ thì đừng bàn đến hào quan quý mà chỉ bàn đến hào thê. Nếu hào thê tuần không lại gặp quẻ du hôn thì cưới xong là sinh.

Hai hào phụ mẫu và huynh đệ đương quyền vượng tướng, động để hình khắc hào tử tôn, hào thê tài thì hào tài phúc không có cứu trợ, cả mẹ và con đều xấu.

Quan quý hóa xuất tử tôn là trước khi có thai mẹ đã có bệnh. Thê tài hóa quan quý thì sau khi sinh nhiều nạn. Khi hào huynh đệ khắc thê tài, hoặc hào huynh đệ tuần không thì vợ an toàn. Hào phụ mẫu độc phát, hào tử tôn lại không hiện thì sinh dễ thuận lợi.

Hào huynh đệ động khắc thê tài, hào phụ mẫu động khắc tử tôn. Nếu chồng xem quẻ cho vợ sinh mà thấy hào huynh đệ động thì sinh dễ không yên, thấy hào phụ mẫu động thì khó cho con.

Hào phụ mẫu phát động là khắc con. Nếu hào phúc có nguyệt kiến nhật thìn sinh phù hoặc gặp tuần không thì không bị khắc, nên không có gì đáng lo.

Sách "Đoán thiên cơ" nói : "Nếu hào tử tôn lâm sát thì tử tôn bị họa, còn hào tử tôn yên thì có thể sinh". Đoán sinh dễ kỵ nhất là gặp sát động. Nếu hào phụ mẫu, hào huynh đệ có sát động thì xấu. Hào quan quý lâm sát thì mẹ có điều lo. Trong quẻ không có hào phụ mẫu lại không có cả hào tử tôn thì vô cùng xấu. Nếu có hào phụ mẫu nhưng hào tử tôn vô khí cũng không tốt. Hào thế hợp tử tôn thì nhất định sinh tốt.

Thanh long là thần sinh dưỡng, rất nên vượng tướng và nắm quyền phát động, tất nhiên được như thế sẽ sinh quý tử.

Người xin đoán quẻ đều lấy bạch hổ làm hung thần. Bạch hổ là thần huyết, phạm đoán sinh hay gặp bạch hổ, nếu được tử tôn rơi vào các hào canh thân, tân dậu thì sẽ sinh rất nhanh, thậm chí sinh ngay trong ngày đó. Vì bạch hổ có thể phá thai nên thôi thúc sinh nhanh.

Hào thai tử tôn lâm quan quý hoặc hóa xuất quan quý, hoặc bị quan quý xung khắc thì sẽ đẻ rơi.

Cần là đầu, ly là mắt, khảm là tai, đoài là miệng, gặp bốn quẻ ấy là dễ đẻ. Khôn là bụng, cấn là tay, chấn là chân, tốn là đùi, nếu gặp bốn quẻ này

thì dễ khó. Gặp sinh vượng càng thêm khó, có giải cứu thì tốt vừa vừa. Hào thế gặp thai dương thì đó là ngày sinh. Hào thế bắt đầu là trường sinh, nếu gặp ngày thai dương là có thể sinh ngay ngày đó.

Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Thời điểm sinh có chia ra xa và gần. Xa ứng theo tháng, gần ứng theo ngày. Hào tử tôn động gặp hợp, gặp trực, tinh gặp trực, gặp xung, tuần không chờ đến ngày xung mất không là dễ. Bạch hổ gặp huynh đệ mà động, gặp ngày trực là dễ. Hào tử tôn lâm tuyệt, chờ ngày sinh vượng là dễ. Hào tử tôn gặp trường sinh chờ ngày thai dương là dễ.

Ví dụ cổ : Ngày át Hợi, tháng tý đoán dễ có tốt không, được quẻ "tiểu quá" của quẻ "phong".

LÔI HỎA PHONG

Quan quý tuất thổ..
Phụ mẫu thân kim.. thế
Thê tài ngộ hỏa.
Huynh đệ Hợi thủy.
Quan quý Sửu thổ.. ứng
Tử tôn Mão mộc O

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Quan quý tuất thổ..
Phụ mẫu thân kim..
Thê tài ngộ hỏa. thế
Phụ mẫu thân kim.
Thê tài ngộ hỏa..
Quan quý Thìn thổ.. ứng

Thê tài ngộ hỏa gặp hưu từ mùa đông, lại nguyệt phá nhật khắc, đều không có lợi cho sinh đẻ, mệnh khó giữ. Hào tử tôn Mão mộc tuy lâm vượng của nhật, nguyệt, nhưng hóa quan quý là điềm không tốt. Về sau cả 2 mẹ con đều chết.

Ví dụ cổ : Ngày mậu tý, tháng dần, đoán sinh con yên ổn hay không, được quẻ "quan" của quẻ "bốc".

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dần mộc.
Tử tôn tý thủy X thế
Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài Mão mộc..
Quan quý tý hỏa.. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài Mão mộc.
Quan quý tý hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Thê tài Mão mộc..
Quan quý tý hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

Hào tử tôn tý thủy biến thành hào quan quý, biến tuyệt, giờ tý hôm nay đẻ rơi mà mất con. Quả ứng như quẻ. Hào tử tôn hóa quan quý, quan quý hóa tử tôn thì sinh 100 lần không được 1 lần.

III. ĐOÁN CON TỐT HAY XẤU

Trẻ em sinh ra tốt hay xấu ? "Bốc phệ chính tôn" có nói : Xem quẻ của nó sẽ biết được,

Hào tử tôn nếu gặp lộc, mã, quý nhân là chủ về đứa con này về sau sẽ gặp quý hiển.

Quẻ khôn là quẻ đầu của bát quái, thuộc kim, là quẻ số 1, là tượng thuận dương, dương chủ về thành đạt, kim chủ về thông minh, số 1 là số bắt đầu, nếu gặp long đức và tử tôn ở cung này tất sẽ có con thông minh như ý muốn.

Quẻ lục hợp âm dương mỗi thứ 1 nửa, sinh con gặp quẻ này thông minh, sáng sủa, sau lớn lên tài văn chương xuất chúng như Lý Bạch.

Thanh long là cát thần, phụ mẫu là văn thơ học tập, nếu thanh long lâm trì thế hoặc sinh hợp thế thì phúc đức, con sinh ra hiếu học.

Tuế là tượng của quân, hào tử tôn lâm tuế thì con cái có chí lớn siêu quần.

Tuế quân trực phúc. Con có chí lớn. Song nếu hào quan quý bị chế hợp, rơi vào tuần không vong thì dù có chí lớn nhưng kết cục vẫn không toại nguyện, nếu quan quý không bị thương tổn thì thành đạt, xuất tướng nhập tướng.

Hào thế có cát thần vượng tương, lại được hào tử tôn sinh phù là chủ về con hiển dễ làm nên nghiệp lớn.

Hào tử tôn nếu vượng, không tuần không và không bị thương hại sẽ sinh ra con hiền lành, tốt.

Quẻ có hào phụ mẫu lại hóa xuất phụ mẫu để sinh hợp thế, tất con sẽ thờ hai cha mẹ.

Quẻ có hào tử tôn lại hóa xuất tử tôn của cung khác và sinh hợp với hào thế là có con nuôi.

Hào tài động hóa xuất tử tôn sinh hợp hào thế là có hiền đức. Hào tử tôn tri thế thì con hiếu thuận.

Hào tử tôn biến động, nguyệt phá, hào quan quý hưng vượng tương hợp với hào huynh đệ hoặc động biến lâm huyền vũ hoặc tương hợp với huyền vũ thì con không giống mình. Huynh đệ là thần phá hại, quan quý nhiều tai vạ; huyền vũ là sao nguy hiểm, bị trộm cướp, nguyệt phá là thần thất bại.

Phàm phụ mẫu động khác tử tôn, nếu được tử tôn trực nhật thìn, nguyệt kiến thì tuy mờ ám nhưng vô hại.

Hào tử tôn hưu tù hoặc hóa quan quý, hóa phụ mẫu đều là điềm chết. Nếu lâm quý nhân lộc mã vượng tương thì còn đỡ.

Chấn là chân, nếu gặp quan quý hung thần hình khắc thì đi sẽ chậm.

Tử tôn vượng tướng không bị thương tổn thì con béo dễ nuôi, tử tôn hưu tù bị khắc thì con gầy yếu khó nuôi.

Tử tôn vượng tướng thì sữa nhiều, hưu tù không phá thì sữa ít. Sợ nhất là hào phụ mẫu động, tinh mà gặp xung thì không thiếu sữa cũng sẽ khắc con.

Phụ mẫu trì thế, con nhiều tai nạn ngầm, nuôi nặng khó khăn vì phụ mẫu là thần lao khổ, là ác sát con cái.

Tử tôn từ cung khác hóa ra là con nuôi, nếu tương hợp với hào tài và đi với hàm trì, huyền vũ là có tình riêng với tì thiếp.

Hào thế vượng, tử tôn khác thế là con ngỗ ngược. Ngày xưa bàn về con cái, phần nhiều bàn đến con trai, ít bàn đến con gái, đặc biệt khi bàn đến có mấy đứa con thường chỉ kể con trai, không kể đến con gái.

Ngày nay đang kêu gọi sinh đẻ có kế hoạch, vì vậy chỉ nên có một hoặc hai con, nên đoán có mấy con không còn có ý nghĩa lắm. Tuy nhiên về mặt học thuật thì cũng nên nghiên cứu.

Chương 19

TÀI VẬN

Tiền của là nguồn dưỡng bệnh của con người, không thể không có. Trong tin tức của tứ trụ : năm, tháng, ngày, giờ sinh của con người đã có tiêu chí tài vận. Có người của nhiều, có người của ít; có người có của, có người không có của, có người của đến tay giữ được, có người của đến không những không giữ nổi mà còn xảy ra vấn đề. Cho nên, khi nào nên cầu tài, khi nào không nên; hướng nào có thể cầu tài, hướng nào không những không được cầu tài, mà còn gây ra mất mát đều có 1 quy luật nhất định. Các thông tin về tài vận đối với một người, một đơn vị tập thể hoặc cơ quan quốc doanh đều rất quan trọng. Có người do không biết thông tin về tài vận, mù quáng mở xí nghiệp, mở cửa hàng, kết quả không lỗ vốn thì cũng đóng cửa. Có người cầu tài không biết dự đoán mà chỉ biết bôn ba khắp nơi, kết quả là vất vả, gió táp mưa sa như Khương Tử Nha vậy. Có người khi gặp vận may, hàng vạn quan ở trong người, nhưng chẳng bao lâu đã xảy ra tai họa, như từ trên trời rơi xuống, trong chốc lát khuynh gia bại sản. Do đó muốn biết các thông tin về tài vận trước tiên phải dự đoán, sau đó mới hành động, đó mới là thượng sách.

Xưa nay, người ta đối với đồng tiền có 2 loại quan điểm đối lập nhau. Phần nhiều đều ý thức một cách rõ ràng không nên tìm đồng tiền bất nghĩa, điều đó phù hợp với đạo lý "không nên kiếm tiền một cách vô nhân đạo". Những người cao thượng, chính trực càng nên tôn trọng nguyên tắc "của là vật không gắn với người, không ai sinh ra đã có của, lúc chết cũng không mang đi được". Của cải là lấy từ trong xã hội ra rồi lại dùng cho xã hội, vì sự tiến bộ của xã hội và nhân loại mà làm phúc. Cho nên không ít người, sau khi giàu có thì đem tiền xây dựng bệnh viện, trường học, sửa đường bắc cầu, tu tạo đền miếu... làm nhiều việc thiện, đưa lại lợi ích cho xã hội, để phúc đức về sau và được mọi người kính trọng, để tiếng thơm mãi mãi.

Nhưng có số ít người hiểu sai rằng "tiền là tất cả". Tôi cho rằng ý nghĩa thực tế của đồng tiền là, nếu một người âm mưu vụ lợi thì lòng đen tối, thậm chí cho dù người khác sống hay chết, cứ thấy của là tham, lòng tham vô đáy, do đó tìm cách kiếm tiền không chính đáng, cuối cùng vì tiền mà sinh họa. Chim tham mỗi không biết chọn miếng ăn, ăn liều, ăn bậy không lường được hậu quả, cuối cùng hoặc bị mắc bẫy, hoặc bị trúng độc. Có người lại quan niệm rằng "nay có rượu thì nay say, cho dù ngày mai uống nước lã". Người như thế thì ý nghĩa cuộc sống cũng chẳng khác gì động vật là bao. Nước ta

xưa có câu : "Cầu tài có phương, được của phải có đạo lý". Tức là nói phương pháp kiếm của phải chính đáng, cách kiếm của phải rõ ràng. Của như thế sẽ giữ được chắc. Nếu dùng thủ đoạn dễ tiện để lừa dối, trộm cắp, cướp đoạt, tham ô, tư túi, đánh bạc... thì bất kể là cá nhân hay đơn vị, là địa phương hay quốc gia đều nhất định sẽ mắc phải những tai họa. Điều này cho dù là cá nhân, dân thường hay quan lại đều không thể tránh khỏi. Tai họa đến sớm hay muộn thì phải xem đều không thể tránh khỏi. Tai họa đến sớm hay muộn thì phải xem tài vận và niên vận của người đó.

I. DỰ ĐOÁN CẦU TÀI

Tài phúc đều phải vượng, không được thương tổn, tài là gốc, phúc là nguồn, cả hai đều nên sinh ở vượng địa, không nên gặp khắc thương, như thế dù cầu tài cho cá nhân hay cơ quan đều được.

Thần phúc sinh tài là nước có nguồn : hào tử tôn là nguyên thần của tài, đoán cầu tài mà được hào tử tôn vượng tướng, động mà sinh tài, hợp tài thì không những được của rất to mà giống như nước có nguồn, của sẽ liên tục ùn ùn kéo đến.

Phúc lâm nguyệt kiến là thần diệu : đoán tài vận gặp hào tử tôn lâm nguyệt kiến nhật thần, động mà tương hợp tương sinh với tài thì cầu tài tất được.

Phúc gặp thanh long là rất tốt : tử tôn là thần phúc, là nguyên thần của tài, thanh long là cát tinh, nếu hào tử tôn gặp thanh long phát động mà sinh tài, hợp tài, hào thế vượng đắc địa thì tài vận hanh thông, thuận lợi.

Hào thế ở vượng địa có thể cầu tài : Hào thế như thân thể con người, thân thể cường tráng có thể gánh hàng trăm cân, thân thể suy nhược, nhiều bệnh thì khó mà gánh nặng, cho nên nhiều tài vượng đòi hỏi hào thế phải sinh vượng mới đáp ứng được.

Phúc biến thành tài thì nguồn lợi sẽ nhiều : Hào tử tôn động để sinh tài, hoặc động để hóa tài, hay tài động hóa tử tôn đều chỉ đó là nguồn tài dồi dào, cầu thì sẽ được.

Phúc tài hợp thế sẽ được tài (của) nhiều : hào thế vào hào tài tử tôn hợp thành tài cục, hoặc tử tôn cục sinh thế thì cho dù cầu tài cho cá nhân hay tập thể đều dễ được và được rất nhiều.

Quan quý hóa tài thì lợi cho cơ quan : hào quan quý hóa tài mà sinh hào thế rất có lợi cho cơ quan cầu tài.

Hào quan quý động sinh thế lợi đủ mọi phía : Cầu tài lấy hào quan quý làm chủ, nếu hào quan quý phát động sinh hợp hào thế thì tất nhiên mãn vô cùng.

Hào huynh đệ động sinh hào tử tôn thì bền vững : đoán cầu tài mà được hào tử tôn phát động, lại không bị thương tổn thì nguồn tài dồi dào. Nếu hào huynh đệ động sinh hào tử tôn thì tài nhiều và vững chắc.

Tài sinh thế thì suốt đời được lợi : tài vô khí, hào thế đắc địa, gặp vượng tất sẽ phát, nhưng hào thế khi đó phải có thần phúc sinh trợ.

Hào thế khắc tài hưu tù thì bất lợi : hào thế khắc hào tài thì đừng nói đến chuyện cầu tài, vì cầu tài không có lợi.

Hào tài khắc hào thế thì cầu tài sẽ được : đoán cầu tài được hào tài khắc hào thế là của tìm đến mình, hễ cầu là được. Nếu tài khắc thế thì đừng cho đó là điềm xấu.

Tài nhiều quá vượng thì phải có kho tàng chứa cất : trong quẻ tài lâm nhật nguyệt lại được hào động sinh tài là tài tinh rất vượng, hoặc hào động biến thành hào tài, nhật kiến làm tinh tài là của chồng chất, cầu là được. Nhưng phải chờ cho đến ngày tài nhập mộ kho thì của mới đến tay. Nếu kim tài là tài tinh thì ngày sừu mới cầu được. Những cái khác cũng tương tự như thế.

Tài, quan tri thế tất tương sinh : hào quan tri thế, hoặc hào tài tri thế là tài quan tương sinh, hễ cầu là được. Hào tài sinh thế là tượng dễ được của.

Hào quan quý hóa tài, hoặc tài hóa quan quý là quẻ có cát có hung : quan quý hóa tài mà khắc thế là được tài tốt. Tài hóa quan quý mà khắc thế là vô cùng xấu.

Hào tài hợp thế là của đến tìm mình : hào tài tri thế, sinh thế, hợp thế, khắc thế đều là của đến tìm mình, cầu là được. Nếu hào tài và hào thế không liên quan với nhau, tức là mình đi tìm của và khó mà tìm được.

Thân nhược mà gặp tài vượng thì có thể cầu tài : hào thế hưu tù, tài lâm vượng địa thì cầu tài sẽ được. Nếu thân vượng càng tốt.

Hào thế tĩnh được tài sinh thì dễ cầu tài : hào thế yên tĩnh, nếu được tài đến sinh thì cầu tài dễ được.

Hào gặp lục hợp thì cầu tài tốt : đoán cầu tài gặp quẻ lục hợp, hào tài vượng tướng, hoặc hào thế tương hợp với tài quan là vượng cát tường.

Hào tài tri thế chủ về tài phần vinh, hào tài hóa tiến thân mà sinh thế là trên gấm còn thêm hoa.

Hào quan quý, huynh đệ đều động là tài không bị tổn thương : huynh đệ là thần khắc tài, cầu tài kiêng kỵ nhất. Nếu trong quẻ hai hào quan quý và huynh đệ đều động thì huynh đệ không làm tổn thương tài, hào quan quý động sẽ kiềm chế hào huynh đệ.

Huynh đệ nhiều, lại nhập mộ là tài đến tay : huynh đệ là thần của kiếp tài. Xưa có câu : "Một huynh đệ động thì kiếp tài, nhưng nhiều huynh đệ

động thì không kiếp tài". Sách "Tăng san bốc dịch" có nói : "Quẻ có nhiều hào huynh đệ, chờ cho đến ngày hào huynh đệ nhập mộ, hay ngày hào huynh đệ bị khắc tổn thương thì sẽ có tài". Kinh nghiệm thực tế là : hào huynh đệ nhiều mà nhập mộ hoặc bị nhốt vào mộ kho, không thể kiếp tài thì ngày đó cầu tài là được. Hào huynh đệ bị quan quỷ khắc chế cũng là như thế.

Phụ mẫu hóa tài thì được tài nhưng gian khổ : phụ mẫu là thần gian khổ, nên phụ mẫu hóa tài thì cầu tài khó được, nếu được cũng phải bôn ba gian khổ nhiều.

Quẻ trước có tài, quẻ sau không có tài là bất lợi về sau, quẻ trước không, quẻ sau có là gian khổ ở phần trước.

Tài hợp nhất thìn, hợp thế, hợp ứng và hào tử tôn, đều chỉ có thể chờ đến ngày hoặc giờ nhập mộ kho thì của mới đến tay.

Quẻ chủ không có tài nhưng nguyệt (tháng) có tài : quẻ chủ không có tài mà nguyệt kiến lâm tài tinh thì có thể phù trợ quẻ chủ phục tài để đến trực nhật là được tài.

Nhật thìn khắc tài, ngày xuất sẽ được tài : hào tài vượng tướng, sinh thế, hợp thế, tri thế là tượng được tài. Nếu bị nhật thìn khắc phá thì ra khỏi ngày đó là được tài.

Hào huynh đệ lâm phá, không khắc biến ra tài : hào huynh đệ động hóa xuất hào tài, nhưng nếu huynh đệ lâm nhật phá, nguyệt phá cũng không khắc sự biến ra tài.

Sự ứng nghiệm ngày được tài : tài động gặp tuyệt, phải chờ đến ngày sinh vượng, gặp xung phải chờ ngày hợp, gặp yên tĩnh phải chờ ngày xung. Hào tài nhập mộ hoặc bị hợp chặt phải chờ đến ngày xung khai. Hào tài động gặp nguyệt phá, phải chờ đến ngày phùng hợp, gặp tuần không phải chờ ngày xuất không, phục tàng phải chờ ngày xuất hiện.

Ví dụ : Ngày mậu tuất tháng ty đoán cầu tài được quẻ "ích".

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài thìn thổ.. thế

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

Hào thê tài thìn thổ tri thế được nguyệt kiến sinh, vì thìn thổ tuần không gặp nhật kiến xung nên xuất không, hôm nay tất được. Quả nhiên hôm đó được của.

Ví dụ : Ngày mậu dần, tháng tỵ đoán ngày nào được của, được quẻ "phong" của quẻ "ly".

LY VI HÓA

Huynh đệ tỵ hỏa O thế
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài Dậu kim.
Quan quý Hợi thủy. ứng
Tử tôn Sửu thổ..
Phụ mẫu Mão mộc.

LÔI HỎA PHONG

Tử tôn Tuất thổ..
Thê tài Thân kim.. thế
Huynh đệ Ngọ hỏa.
Quan quý Hợi thủy.
Tử tôn Sửu thổ.. ứng
Phụ mẫu Mão mộc.

Hào thê tài Dậu kim yên tĩnh, gặp ngày xung tất sẽ được. Ngày mai là ngày Mão của sẽ đến tay. Quả đúng như thế. Quẻ này hào huynh đệ tỵ hỏa tri thế mà động, nên là kiếp tài, nhưng huynh đệ động nhập mộ nên không kiếp tài được.

Ví dụ : Ngày canh thân tháng Mão năm 1987, Vương Trúc đoán tài vận được quẻ "ly" của quẻ "lữ".

HỎA SƠN LỮ

Huynh đệ tỵ hỏa.
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài Dậu kim. ứng
Thê tài Thân kim.
Huynh đệ Ngọ hỏa..
Tử tôn Thìn thổ X thế

LY VI HỎA

Huynh đệ tỵ hỏa. thế
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài Dậu kim
Quan quý Hợi thủy. ứng
Tử tôn Sửu thổ..
Phụ mẫu Mão mộc.

LỤC THẦN

Phi xà
Cầu trần
Chu tước
Thanh long
Huyền vũ
Bạch hổ

Quẻ gặp lục hợp biến thành lục xung, hào thê tài Dậu kim lại lâm nguyệt kiến xung phá là điểm không được của. Hào thế tử tôn Mão mộc lâm thái tuế khắc trở lại, 1 năm khó xin, lại lâm hổ động chủ táng, nên không những không có của mà còn phải đề phòng tai nạn. Hào tử tôn tri thế, bản thân mình bình yên nhưng đề phòng người nhà gặp họa. Tháng 9 năm đó chồng bà ta bị bệnh nhồi máu cơ tim mà chết.

Ví dụ : Ngày canh tỵ, tháng mùi đoán tài vận được quẻ "tiểu súc".

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Huynh đệ Mão mộc.
Tử tôn tỵ hỏa.
Thê tài Mùi thổ.. ứng
Thê tài Thìn thổ.
Huynh đệ Dần mộc.
Phụ mẫu Tý thủy. thế

Hào thê tài mùi thổ lâm nguyệt kiến mà khắc hào thế là tượng được của. Ngày mai sừ thổ lâm tài là ngày tài vượng lại trùng lặp, thìn là kho, là thu tàng, nên ngày thìn sẽ được. Quả đúng thế.

Ví dụ : Ngày giáp tuất, tháng kỷ mùi, năm 1988, Cô Thường Lan ở công ty tôi hỏi gần đây tài vận có tốt không. Được quẻ "trung phù" của quẻ "tôn".

SƠN TRẠCH TÔN

Quan quý dần mộc. ứng
Thê tài tý thủy x
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ sừ thủy.. thế
Quan quý Mão mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý Mão mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý Mão mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa. ứng

Hào huynh đệ sừ thổ tri thế lại hóa huynh đệ vốn là không thể được của. Nhưng hào thê tài tý thủy động lại hợp vào hào thế là của đến tìm mình nên là tượng được của. Vì trong quẻ hào huynh đệ lâm nhật, nguyệt kiến, vượng và thái quá, phải chờ đến ngày canh thìn là ngày 11/6, mộ kho thu tàng mới có thể tiến tài. Về sau đúng ngày canh thìn quả có tiến tài.

Quẻ không có tài phúc thì uổng công vô ích : đoán quẻ cầu tài mà không có hào tài, không có hào tử tôn thì cầu tài vô ích.

Tài hưu tử tuyệt thì nên ở nhà : Trong quẻ hào tài, hào tử tôn hưu tù, tuần không, phá, tử tuyệt, hoặc hình xung khắc hại là biểu hiện không có tài, đừng cầu vô ích.

Phụ, huynh đều động thì như "vớt trăng đáy ao" : hào phụ mẫu động khắc hào tử tôn, hào huynh đệ động khắc hào tài, cầu tài mà gặp hai hào này động thì chẳng khác gì "vớt trăng đáy nước" !

Huynh động không có hào quan quý tất sẽ hao tài : huynh đệ là thân của cách trở, tiêu hao. Đoán cầu tài kỳ nhất là hào huynh đệ động, nếu không có hào quan quý động để chế ngự hào huynh đệ thì sẽ làm hao tổn tài là chắc chắn.

Có phúc mà không có tài thì kỳ nhất là hào huynh đệ động : hào tài tri thế, hào huynh đệ phát động thì không những có tai họa về kiếp tài, mà còn cần đề phòng cãi vã. Nếu hào quan quý động khắc hào thế thì càng xấu hơn nữa.

Hào huynh đệ lâm tuế quân là suốt năm hao phá tài : đoán cầu tài gặp hào huynh đệ lâm tuế quân mà quẻ động thì suốt năm sẽ hao phá của. Ví dụ năm 1988 tôi đoán về thiên tai của nước nhà, gặp hào huynh đệ lâm tuế quân mà động cho nên năm đó Trung Quốc thiên tai nhiều. Cầu tài gặp quẻ như thế thì nên ở nhà không nên đi ra cửa.

Quẻ gặp lục xung, tuần không mà lại không bị không : quẻ gặp lục xung, dụng thần bị khắc, không những không có của để cầu mà còn phải đề phòng tai nạn.

Phúc đức bị thương sẽ bị lỗ vốn : hào tử tôn là nguyên thần của tài, nếu hào tử tôn bị thương tổn thì không những không có của để cầu mà ngược lại còn lỗ vốn.

Nhật hợp động thì của khó đến tay : hào tài bị nhật thìn hợp chặt thì của bị người khác nắm chặt, không thể đến tay mình được. Phải chờ cho đến ngày xung mất mới cầu tài được. Khi nhật thìn hợp tài sinh thế là của đến ngay.

Hào thế, hào ứng đều tuần không thì cầu tài nhưng không được : hào thế tuần không là có của nhưng khó cầu được, hào ứng tuần không là khó dựa nhờ vào người khác. Hào thế, hào ứng đều tuần không thì cầu nhưng không được.

Trên đường đi có quan hưu xuất môn : năm hào là đường đi, nếu gặp quan quỷ phát động thì dọc đường có nhiều nguy hiểm, không nên ra đi. Nếu lâm bạch hổ là có phong ba, lâm huyền vũ là gặp bọn cướp giết.

Hào phụ mẫu, huynh đệ có khí, tài gặp tuyệt địa, an phận thu thường là thượng sách.

Hào quan quỷ hóa thế tài khắc hào thế là cát, tài hóa quan quỷ khắc thế là tượng đại hung.

Hào thế tài lâm ác hung thì phải đề phòng nguy hiểm : hung thần xung tán hào tài tất sẽ có phong ba hiểm trở. Kiếp hung lâm hào tài là không tốt, nếu lâm hào huynh đệ động thì phải đề phòng bị cướp.

Hào quan quỷ khắc thế lại làm tổn thương thân, thì cầu tài cho công và tư đều bất lợi, lúc đó không hao của thì cũng sẽ vì của mà dẫn đến tai họa.

Ví dụ : Ngày mậu ngọ, tháng dậu đoán cầu tài, được quẻ "cách".

TRẠCH HÓA CÁCH

Quan quỷ mùi thổ..

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ Hợi thủy. thế

Huynh đệ Hợi thủy.

Quan quỷ Sửu thổ..

Tử tôn Mão mộc. ứng

Hào phụ mẫu lâm nguyệt kiến sinh trợ cho hào thế huynh đệ Hợi thủy, trong quẻ lại không thấy hào tài cho nên không có của để mà cầu.

Ví dụ : Ngày Ất Mão, tháng Mão, đoán cầu tài, được quẻ "lữ".

HÓA SƠN LỮ

Huynh đệ tỵ hỏa.
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài Dậu kim. ứng
Thê tài Thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa..
Tử tôn Thìn thổ.. thê

Quê gặp lục hợp, hào thê và hào ứng tương sinh lại tương hợp, là tượng có cửa nhưng vì hào ứng thê tài gặp nhật nguyệt xung mà phá thành ra không có cửa. Về sau đúng là người khác được cửa. Đó gọi là chỗ hợp gặp xung, trước hợp sau tan.

II. DỰ ĐOÁN VỀ BUÔN BÁN, KINH DOANH

Dù là quốc doanh, tập thể hay tư nhân, hoặc công ty cũ hoặc mới, hoặc nhà máy, cửa hàng đang chuẩn bị xây dựng khai trương đều có thể dự đoán các thông tin về tài vận và nguồn tài.

Phàm là xí nghiệp quốc doanh, tập thể, cơ quan doanh nghiệp hay tư nhân, lúc đoán tài vận tốt nhất là người phụ trách tự mình đến đoán. Như vậy mới có thể phản hồi được thông tin chính xác nhất.

Hào thê là mình, hào ứng là người khác : phàm đoán tài vận, hào thê là mình, hào ứng là người khác, là kế toán, là khách hàng, nên tương sinh tương hợp, hoặc ngang hòa mới tốt.

Hào thê, hào ứng tương sinh là đồng tâm hiệp lực : hào thê là mình, hào ứng là người khác, hào thê và hào ứng vượng mà tương sinh là chủ, khách đồng tâm hiệp lực, càng làm càng mạnh.

Hào thê, hào ứng tương khắc tất có biến : hào ứng sinh hào thê là người khác có lợi cho mình; hào thê sinh hào ứng là mình có lợi cho người khác. Thê, ứng tương khắc tương hình thì cả 2 bên đều có biến. Hào thê khắc hào ứng là người khác làm theo ý mình, hào ứng khắc hào thê là mình bị lừa dối.

Hào huynh đệ gặp huyền vũ là bị cướp : hào ứng lâm hào huynh đệ huyền vũ là sẽ bị mất trộm. Hào ứng lâm hào thê quan quý khác nhất định sẽ có tai họa.

Hào thê thê tài và hào ứng huynh đệ thì sẽ gặp trộm cướp : hào thê thê tài, hào ứng là huynh đệ hoặc phụ mẫu tất sẽ bị trộm hoặc bị người khác lừa. Hào thê thê tài, hào ứng là tử tôn sẽ bị người khác hà hiếp; hào thê, hào ứng đều là tuần không thì giữa mình và khách sẽ nghi ngờ giá đối lẫn nhau.

Hào thế hào ứng tương khắc cuối cùng sẽ trở thành thù nhau : hào ứng sinh thế, hợp thế thì giao dịch dễ dàng; hào thế, hào ứng tương xung tương khắc thì dù là bạn cũ cũng sẽ thành thù.

Hào thế, hào ứng đều tuân không thì đừng mở cửa hàng : hào thế hào ứng nên vượng không nên không, hào thế không tất nhiên là lỗ, hào ứng không thì không có cửa để kiếm lời.

Hào tài tri thế là chủ về của cải phồn vinh, hào tài khác thế tất sẽ được lời.

Hào thế bị hào ứng gây tổn thương thì có hại : hào thế nên sinh vượng, nếu bị hào ứng tương khắc tức là có hại, sổ sách không rõ ràng, hào tài bị khắc là bị man trá lừa dối, hào huynh đệ khác tài thì sổ sách rơi vào vòng lẩn quẩn.

Tài là nguồn của bản phúc, nên sinh vượng : hào tài là vốn, hào tử tôn là nguồn của. Nguồn vốn sinh vượng thì tài vận hưng thịnh, nền tảng vững vàng.

Giá lên cao, giá xuống thấp thì phải xem tiến thoái : mua hàng vào gặp hào tài hóa tiến thân là giá sẽ lên cao; hóa thoái thân là giá sẽ xuống thấp, nên đừng mua vào, và nên bán nhanh ra.

Giá cao thấp phải xem vượng suy : hào tài suy sẽ biến thành vượng thì trước mắt giá tuy rẻ nhưng tương lai sẽ lên; tài vượng biến thành suy tuyệt thì phải bán hàng mau và ngừng mua vào là tốt nhất.

Bán và mua phải xem hào tài vượng hay suy : hào tài vượng phải bán thật mau; hào tài suy nên mua vào chậm lại. Hào tài quẻ nội suy thì nên bán ra, hào thế tài vượng thì có thể bán ở vùng gần. Hào tài hóa tiến thì nên bán hàng nơi xa; hào thế hóa thoái thì phải quay về ngay vùng mình mà bán.

Hào tài quẻ nội suy, hào tài quẻ ngoại vượng thì phải đi nơi khác : hào tài quẻ ngoại vượng sinh thế, hợp thế, tri thế nên đi vùng khác cầu tài. Còn nếu hào tài không sinh hợp thế và hào thế động biến hung thì đi vùng khác mới tốt.

Muốn biết tài vận hưng hay suy thì phải xem hợp xung : quẻ gặp lục hợp hoặc hào thế hợp với hào tài, hào tử tôn thành hợp cục là cánh cửa hàng hưng vượng; Lục hợp biến thành lục xung thì trước mắt tuy hưng vượng nhưng về sau là tiêu điều.

Hào thế, hào ứng lâm huynh đệ là không tốt : hào thế, hào ứng lâm huynh đệ phát động là không tốt. Nếu hào thế, hào ứng lâm huynh đệ, hoặc nhật nguyệt lâm tài tinh để xung khắc hào thế thì ngược lại là tốt.

Muốn biết hàng nhiều hàng ít phải xem suy hay vượng : bán hàng cần phải hào ứng sinh hợp hào thế thì mới dễ bán, còn nếu hào ứng hình khắc

xung hào thế thì sẽ khó bán. Hào tài thái quá là hàng nhiều, hào tài ít là hàng ít. Hào tài tuần không, phục ngâm là không có hàng.

Muốn tích trữ hàng thì nên tĩnh không nên động : hào tài nên tĩnh không nên động, động mà có biến là tai họa, đừng đoán, hào tài không nên tuần không vì tuần không là gặp quan quý.

Bán hàng nên động thì dễ bán : hào thế, hào tài mà động thì dễ bán, hào tài ở quê ngoại động thì nên bán hàng di chỗ khác, hào tài ở quê nội động thì nên bán ở vùng mình.

Hào quan quý khắc hào thế thì không tránh khỏi hiểm họa : hào quan quý động thì hay gặp cãi cọ, hào quan quý khắc hào thế thì tai họa liên tiếp.

Hào tài đã suy còn bị khắc là việc không thành : tài là vốn, tài suy, mộ, không, phá, động mà biến hung, hoặc bị nhật nguyệt hình xung khắc hại, lại thêm hào thế và tài đều tuần không thì không thể mở cửa hàng.

Làm hay không làm phải xem phản ngâm : quẻ phản ngâm chủ về việc lập đi lập lại, làm hay không làm, mở hay đóng cửa hàng, nếu gặp quẻ phản ngâm thì cửa hàng cũ cũng phải đóng cửa.

Cầu tài giao dịch sợ nhất hào huynh đệ động : huynh đệ là thân cách trở hao tổn, mua hàng mà gặp hào huynh đệ động thì sẽ không trôi chảy. Cầu tài hào huynh đệ động tất sẽ bị thua thiệt.

Hào huynh đệ lâm hung thân thì phải đề phòng : hào huynh đệ lâm chu tước động phải đề phòng cãi vã, hào huynh đệ lâm huyền vũ, phải đề phòng bị trộm cướp.

Giữ hàng lại hay bán hàng ra phải xem vượng suy : giữ hàng hay bán hàng đều không nên tài suy, tuần không, phá, động mà bị khắc. Tài suy nên giữ lại hàng; tài vượng nên bán hàng ra.

Hào huynh đệ mà dương thì không được lâu, hào ứng tuần không thì không tốt : hào huynh đệ dương thì cửa hàng không thể duy trì đến cuối năm. Hào ứng tuần không thì mở cửa hàng không tốt.

Buôn bán sợ nhất là hào quan quý khắc hào thế : phạm buôn bán kinh doanh sợ nhất là hào quan quý lâm huyền vũ lại khắc hào thế, vì không tránh khỏi nhà cầm quyền bắt bớ hoặc bị trộm cướp.

Tài vượng hay tài suy là do thời cơ định sẵn : tài lượng vượng quá thì lợi ở tháng mộ kho; tài hưu tù tất phải chờ đến lúc xung khỏi mộ kho, lúc nguyệt phá, bị khắc để xung mất thân khắc thì mới qua khỏi.

Hào thế, hào sáu đều yên tĩnh thì buôn bán được bền lâu : hào sáu loạn động thì việc không thuận. Loạn xung, loạn khắc thì tốt nhất đừng đoán nữa. Dưới đây cử mấy ví dụ thật đoán về sự thành bại trong buôn bán để độc giả tham khảo.

Vi dụ : Ngày tân sừ, tháng ngộ đoán 1 năm buôn bán ra sao, được quẻ "ích" của quẻ "vô vọng".

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ x
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy.

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy. ứng

Người buôn bán lấy hào tài làm trọng. Nay hào tài vượng lại trì thế, tài của mùi thổ lại hóa ngộ hỏa sinh hợp trở lại, đó là tượng phát tài.

Vi dụ : Ngày tân dậu, tháng dần được quẻ "minh di" của quẻ "cấn".

CẤN VI SƠN

Quan quý dần mộc O thế
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim. ứng
Phụ mẫu ngộ hỏa..
Huynh đệ thìn thổ x

ĐỊA HỎA MINH DI

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sừ thổ.. thế
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc. ứng

Dần mộc nắm lệnh trì thế, cửa hàng có thể khai trương. Đáng tiếc nhật thìn khắc thế, thế biến khắc trở lại, hào quan quý lâm thế nên phải đề phòng bị bệnh. Tháng 6 thế nhập mộ phải đề phòng. Kết quả là tháng 6 bị bệnh, tháng 8 bị kế toán cướp mất của.

Vi dụ : Ngày bính thìn, tháng ngộ đoán đi ra ngoài buôn bán được quẻ "dự" của quẻ "hàng".

PHONG LÔI HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý dậu kim O thế
Phụ mẫu hợi thủy O
Thê tài sừ thổ..

LÔI ĐỊA DỰ

Thê tài tuất thổ..
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa. ứng
Huynh đệ mao mộc..
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ.. thế

Dậu kim trì thế hóa xung mao mộc, là quẻ phản ngâm. Mao mộc có năng lực xung nhưng không có lực khắc. Nhật kiến thìn thổ sinh hợp với hào thế dậu kim, đó là trong xung có sự phù hợp, quẻ lại biến thành lục hợp. Hào 6 là hào tài tuất thổ ám động sinh thế điều đó chủ về việc lập đi lập lại về sau được của. Quả đúng thế !

Vi dụ : Ngày canh tý, tháng tuất, đoán mùa đông buôn bán thế nào, được quẻ "gia nhân" của quẻ "bôn".

SƠN HỎA BÔN

Quan quỷ dần mộc.
Thê tài tý thủy x
Huynh đệ tuất thổ.. ứng
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quỷ mao mộc. thế

PHONG HỎA GIA NHÂN

Quan quỷ mao mộc.
Phụ mẫu tý hỏa. ứng
Huynh đệ mùi thổ..
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ.. thế
Quan quỷ mao mộc.

Mao mộc tri thế lại hợp nguyệt kiến, hào tài lâm nhật kiến động để sinh, nên mùa đông này tất thu được lợi nhiều. Quả đúng thế !

Vi dụ : Sáng ngày mùng 9 tháng 2 năm 1993, 1 người phụ trách 1 công ty nào đó ở Thẩm Quyến nói có 1 người nước ngoài đến Trung Quốc đầu tư. Người đó có 1 ngân phiếu 50 triệu đôla quyết định 3 giờ chiều sẽ đổi thành 5 tỷ nhân dân tệ. Nhờ tôi đoán phiếu đó thật hay giả ? Tôi đến công ty ông ta, gieo quẻ được quẻ "khâm" của quẻ "lữ" (ngày Tân Tỵ, tháng giáp dần).

QUÉ CHỦ : LỮ

Huynh đệ tý hỏa.
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim. ứng
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngọ hỏa..
Tử tôn thìn thổ.. thế

QUÉ BIẾN : KHÂM

Quan quỷ tý thủy.. thế
Tử tôn tuất thổ.
Thê tài thân kim..
Huynh đệ ngọ hỏa.. ứng
Tử tôn thìn thổ.
Phụ mẫu dần mộc..

Tôi xem quẻ, thê tài dậu kim là đối phương ở đất hưu tù, tuần không mà hóa thoát thân, quẻ biến thành lục xung. Nên đoán : ngân phiếu chắc chắn là giả. Tuyệt đối không nên đổi. Về sau qua nhiều lần kiểm tra, khẳng định ngân phiếu là giả. Nhờ đó làm cho quốc gia đỡ mất 5 tỷ nhân dân tệ.

Về việc nước ta có thể đăng ký thế vận hội năm 2000 hay không, tôi và thầy Trương Chí Xuân đều phân biệt đoán, sau đó tháng 7/1993 2 người đồng thời viết thư báo kết quả không được cho Trương Chấn Hoàn biết. Sự việc về sau đúng thế.

Chương 20

ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA

Trong "Hệ từ Chu dịch" có câu : "Cát hung sinh ra do ở sự hoạt động", tức là nói trong hoạt động của con người có cát, có hung. Thuận quy luật âm dương mà hành động thì cát, hành động ngược lại quy luật là hung. Do đó người đi xa là hành động trong sự vận động nên tiềm tàng sự cát hung.

Có người đi xa gặp những việc không may, thậm chí bị tai nạn xe cộ, máy bay rơi, thuyền đắm mà thiệt mạng. Một trong những nguyên nhân quan trọng là vì những người này không biết rõ mình đang ở vào vận khí nào, không biết khi nào nên đi xa, hướng nào cấm không nên đi. Tóm lại một câu là người ấy không biết được các thông tin cát hung về mình.

Kinh nghiệm thực tế chứng minh rằng : người ta vì công việc mà đi xa, hoặc vì một nguyên nhân nào đó phải đi xa (bao gồm cả trẻ em bị bắt trộm), có người là do tứ trụ gặp xung, xung cát thì cát, xung hung thì hung. Có người là do bại vận của mình dẫn đến.

I. ĐOÁN HƯỚNG NGƯỜI ĐI XA (PHẦN 1)

Các trường hợp mất người rất nhiều, ngoài 6 nguyên nhân như tôi đã nói trong "Bát quái và thông tin" ra còn có 1 điều, đó là : có người coi tiền trên hết, tất cả vì tiền, nên dù việc phi đạo lý cũng làm, ví dụ bắt trẻ em bán. Do đó mấy năm lại đây người đến đoán trẻ em bị bắt cóc rất nhiều. Đoán người bị mất, chỉ cần kỹ thuật cao siêu, người đến đoán nói giờ cho chuẩn xác thì có thể đoán bách phát bách trúng. Mục này là để đoán những người bị mất như thế.

Đoán hướng đi người bị mất chọn cái gì làm dụng thần cần xem ở chương "Dụng thần". Nếu trong quẻ không có lục thân thì phải xem hào ứng.

Người đi xa có cát có hung. Lúc nào thì trở về, thời gian sớm thì đoán theo ngày, giờ; thời gian muộn thì đoán theo năm, tháng. Người ấy đang đi động hay ở một chỗ thì phải xem động, tĩnh : Đoán người đi xa khi nào trở về hào dụng thần nên động. Tốc độ đi động nhanh thì ngày về cũng muộn ; dụng thần động để khắc thế thì trở về nhanh; dụng thần động để sinh thế thì về hơi muộn.

Dụng thần ở hào 3 hoặc hào 4 thì phải chờ nhưng nhất định sẽ về. Ngày xưa có nói : hào 3, hào 4 là cửa ngõ, nếu dụng thần ở 2 hào đó mà không bị chế phục, hoặc không động để sinh hợp với hào thế thì có thể chờ ngày về.

Dụng thần ở hào 3 hoặc hào 4 thì phải chờ nhưng nhất định sẽ về. Ngày xưa có nói : hào 3, hào 4 là cửa ngõ, nếu dụng thần ở 2 hào đó mà không bị chế phục, hoặc không động để sinh hợp với hào thế thì có thể chờ ngày về.

Dụng thần phục ngâm, không tuần không, phi thần hạ thì phải chờ đến ngày xung mất phi thần thì người sẽ về : phục ngâm, tuần không, phi hạ thì phải chờ nhật thìn hợp, người sẽ về.

Quẻ ngoại phản ngâm, dụng thần vượng tương, thì người sẽ về hoặc đang dời đi chỗ khác.

Tình gặp xung là người có thể về : dụng thần yên tĩnh không động, gặp nhật thìn xung, người tất sẽ về. Nếu dụng thần là tỵ hỏa, gặp hợp thủy xung là người sẽ về.

Hào thế, hào ứng đều động là đã gần ngày về : xưa có câu : hào thế là thân người, hào ứng là chân, hào thế hào ứng đều phát động, tức là thân mình và chân đều động, là sắp về.

Dụng thần tuần không, phục tàng là người sắp về : đoán người đi xa nếu dụng thần tuần không thì chờ đến ngày ra khỏi tuần không là người về; nếu dụng thần phục tàng thì ngày xuất hiện phục thần là ngày người về.

Dụng thần hợp thì phải chờ xung, phá thì phải chờ hợp : dụng thần nếu bị nhật, nguyệt, hào động, hào thế hợp chặt thì phải chờ ngày xung khai mới về. Dụng thần lâm nguyệt phá đó vốn là ngày về, nếu chưa về thì phải chờ ngày hợp thì người về. Dụng thần nhập mộ, phải chờ đến ngày xung khai; dụng thần hưu tù thì phải chờ đến lúc sinh vượng, hoặc chờ đến ngày dụng thần được nguyên thần sinh trợ thì người sẽ về.

Người đi theo hướng nào thì phải xem ngũ hành : muốn đoán người đi theo hướng nào thì phải xem dụng thần thuộc phương của ngũ hành gì. Nếu hào dụng thần yên tĩnh thì phải xem phương vị ngũ hành của nó. Nếu dụng thần là tỵ thủy phát động, biến thành hào thân kim thì đầu tiên là đi theo hướng Bắc, sau đó chuyển hướng Tây Nam, hoặc hướng Đông Bắc, vì khôn, cấn là hai quẻ đối xung nhau.

Ví dụ cổ : Ngày canh ngọ, tháng sửu đoán cha ngày nào đến, được quẻ "lý" :

THIÊN TRẠCH LÝ

Huynh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim. thế

Phụ mẫu ngọ hỏa.

Huynh đệ sửu thổ..

Quan quý mao mộc. ứng

Phụ mẫu tỵ hỏa.

Hào phụ mẫu ngộ hỏa là dụng thần, lâm nhật kiến khắc hào thể cho nên hôm nay tất sẽ đến. Đứng giờ thân ngày hôm đó đến.

Vi dụ cổ : Ngày canh Thìn, tháng ngộ đoán người làm thuê ngày nào trở về, được quẻ "ly" :

LY VI HỎA

Huynh đệ ty hỏa.thế
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài Dậu kim.
Quan quý Hợi thủy.ứng
Tử tôn Sửu thổ..
Phụ mẫu Mão mộc.

Người làm thuê là người tôi khắc cho nên lấy hào thê tài làm dụng thần, hợp nhật kiến lại gặp tuần không nên ngày tân Mão có thể đến. Quả đúng như thế. Quẻ này có hào ứng tinh mà không, chờ ngày xung khởi tuần không là về.

Vi dụ cổ : Ngày quý Hợi, tháng dần đoán ông chủ khi nào về, được quẻ "tiểu súc" của quẻ "đại súc".

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy x ứng
Huynh đệ Tuất thổ..
Huynh đệ Thìn thổ.
Phụ ngộ : Quan quý dần mộc. thế
Thê tài tý thủy.

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan quý Mão mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. ứng
Huynh đệ Thìn thổ.
Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy.thế

Hào phụ mẫu ngộ hỏa phục dưới dần mộc là phi thần đến sinh phục được trường sinh, là tượng trở về. Về sau đến ngày ty thì về. Ứng vào ngày ty vì ty, ngộ đều là hỏa, lại đều là hào phụ mẫu.

Vi dụ : Ngày tân mùi, tháng tân Hợi năm 1987, ngài Dương Thiên Nhân là đại sư thư pháp nổi tiếng toàn quốc nói với tôi : con đi đã 2 ngày, nhờ đoán xem hôm nào về, được quẻ "giải" của quẻ "sư" :

ĐỊA THỦY SƯ

Phụ mẫu Dậu kim.. ứng
Huynh đệ Hợi thủy..
Quan quý Sửu thổ x
Thê tài Ngọ hỏa..thế
Quan quý Thìn thổ.
Tử tôn dần mộc..

LÔI THỦY GIẢI

Quan quý Tuất thổ..
Phụ mẫu Thân kim.. ứng
Thê tài Ngọ hỏa.
Thê tài Ngọ hỏa..
Quan quý Thìn thổ. thế
Tử tôn dần mộc..

Tử tôn dân mộc trường sinh ở nguyệt kiến, bình yên. Mộ ở nhật kiến là cháu bé bị giữ dưới nhà hầm hoặc nhà kho, ngày mai (ngày nhâm thân) sẽ trở về. Đùng như đoán. Ở đây dụng thần yên tĩnh gặp ngày xung tất sẽ về, gặp trường hợp thế thì đoán vậy chắc chắn đúng.

Ví dụ : Ngày kỷ mao, tháng đinh tỵ, năm 1988, ông Lưu Thái công ty tôi nói : sáng mai con giận bỏ đi tìm mãi mà không thấy đâu cả, lo đến phát khóc, nhờ đoán xem nó có trở về không ? Được quẻ "phủ" của quẻ "tụy" :

TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ x
Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hợi thủy.
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa..thế
Phụ mẫu mùi thổ..

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ. ứng
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa.
Thê tài mao mộc..thế
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

Tôi xem hào phụ mẫu động khắc hào tử tôn nên nói : "Cháu bé bị bố mắng mà đi". "Đúng, cháu bị bố cháu buổi sáng mắng mấy câu, cơm cũng không ăn mà bỏ đi". Không nên lo lắng, sẽ chẳng có việc gì cả, giờ Dậu hôm nay sẽ về. Quả đúng 6h30 chiều hôm đó cháu về. Về nhà ngày hôm đó là vì : dụng thần khắc thế, giờ dậu : tử tôn hợi thủy được sinh mà vượng.

Ví dụ : Ngày tân hợi, tháng tân sửu, năm 1996 cô Hải ở đơn vị tôi lo lắng nói : trước tết cãi nhau với chồng mấy câu, ông ta tức bỏ đi đã hai ngày không về, đoán xem ngày nào trở về. Được quẻ "tiểu súc" của quẻ "đại súc".

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy x ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dân mộc. thế
Thê tài tý thủy

PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. ứng
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy. thế

Quan quý dân mộc là dụng thần, động mà hóa tiến thần, lại được thê tài tý thủy động để sinh cho nên bình yên. Người đi về phía Đông Nam, có người lưu ở lại. Hôm nay (ngày hợi), dân và hợi hợp, hai người sẽ sum họp. Giờ thân hôm nay có thể về nhà, bà đừng lo. 4 giờ chiều hôm đó, cô Hải tìm tôi báo tin mừng 3 giờ chiều ông đã về. Ông ta đi về phía đông nam, gặp học sinh mời giữ lại. Ngày hợi về là vì : dụng thần được trường sinh. Có người giữ lại là vì : quẻ "súc".

Ví dụ : Ngày 23 tháng 6, 1988, tôi đột nhiên nhận được thư của thầy Trương Thiệu Văn ở Ban liên lạc Văn hóa thành phố Trịnh Châu gửi đến và nhận được tin : báo "Tin tức buổi chiều" Trịnh Châu có đăng hai bài : "Con ơi con ở đâu ?", "Những ngày đi tìm con" biết là lại đoán việc mất con. Trong toàn quốc gửi thư nhờ đoán mất con rất nhiều, lúc đó tôi lại đang rất bận, nên thực tình không lưu tâm đến việc này. Nhưng cảm thấy giữa thầy Trương và tôi vốn không quen biết, tôi cũng không quen biết người mất con, nhưng biết được Hội Liên hiệp Phụ nữ toàn quốc, tỉnh Hà Nam, Sở Công an tỉnh Giang Tây và rất nhiều người trong nước đều quan tâm đến việc này, nên tôi rất xúc động, gác mọi việc lại, căn cứ các thông tin đăng trên báo "9 giờ 30 sáng ngày 27/4", tức ngày nhâm tý, tháng bính thìn (khi cô mẫu giáo phát hiện không thấy em bé nữa) để gieo quẻ, được quẻ "hàng" của quẻ "đại tráng" :

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim..
 Phụ mẫu ngộ hỏa. thế
 Huynh đệ thìn thổ.
 Quan quý dần mộc.
 Thế tài tý thủy O ứng

LÔI PHONG HẰNG

Huynh đệ tuất thổ.. ứng
 Tử tôn thân kim..
 Phụ mẫu ngộ hỏa.
 Tử tôn dậu kim. thế
 Thế tài hợi thủy.
 Huynh đệ sửu thổ..

Hào tử tôn thân kim là dụng thần, được nguyệt kiến sinh nên dụng lại hóa dụng là người chưa chết. Hào thế ngộ hỏa lại hóa ngộ hỏa khắc dụng thần nên tạm thời chưa về. Thân kim hóa thân kim là người ở phương khôn. Dụng thần tử tôn, tử ở nhật kiến, là dụng thần hưu tù, tạm thời chưa về. Quan quý hóa thế tài là bị người khác bắt trộm, bọn trộm từ phương đông bắc đến. Căn cứ dụng thần hưu tù nên phải chờ đến lúc sinh vượng mới về và dần mộc quan quý hóa xung khắc, do đó tôi đoán : trước ngày 20 tháng 7 âm lịch chắc chắn sẽ về, và phải đi tìm cháu ở các phương tây nam .đông nam, phương đông, đông bắc.

Thầy Trương báo cho bố cháu biết lời đoán của tôi. Cả nhà nghe nói con đang sống và sẽ trở về, từ tuyệt vọng trở nên rất phấn khởi. Ngày 7/9/1988, bố của cháu gửi thư đến cảm ơn và nói rõ ngày 30/8 tìm thấy con ở huyện Sơn Đông gia, tức đúng ngày 20/7 âm lịch. Dụng thần của quẻ này cũng hưu tù cho nên phải chờ đến ngày sinh vượng mới trở về được.

Ví dụ : Ngày 1/11/1988, lúc đó tôi đang giảng bài ở Nam Kinh, học viên Chu Liên nói là con bị bệnh. Lúc đoán quẻ thì phát hiện ra con của cô ấy hay chạy ra ngoài chơi, khuyên cô ta phải chú ý trông nom con cẩn thận. Kết quả là giờ thân ngày 6/11 (tức ngày ất sửu, tháng nhâm tuất) cháu đã đi mất. Giờ hợi đến đoán được quẻ "tỷ".

THỦY ĐỊA TÝ

Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc.. thế
Phụ mẫu ty hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

Hào tử tôn thân kim là dụng thần, người ở phía tây nam, dụng thần khắc thế là người sắp về. Ngày mai là ngày bình dần vừa đúng nhật thìn xung dụng thần. Do đó tôi khuyên cô ta yên tâm, con bình an, sáng mai sẽ về. Sau khi con về nên chăm sóc chu đáo, nếu không cháu lại đi nữa. Trưa hôm sau Chu Liên gọi điện thoại cho tôi báo là con đã về nhà.

Ví dụ : Ngày 12/11/1988 (tức ngày tân mùi, tháng quý Hợi), buổi sáng Chu Liên nói với tôi sáng ngày 7 con về, buổi chiều lại đi (không biết nó đi cụ thể giờ nào). Gia đình đã tìm mấy ngày mà không thấy. Gieo quẻ được quẻ "lữ" của quẻ "phệ hạp".

HỎA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thế
Quan quý Dậu kim.
Thê tài thìn thổ X
Huynh đệ dần mộc.. ứng
Phụ mẫu tý thủy O

HỎA SƠN LỮ

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý Dậu kim. ứng
Quan quý thân kim.
Tử tôn Ngọ hỏa..
Thê tài thìn thổ.. thế

Tử tôn ty hỏa hóa ty hỏa là người ở phương đông nam. Tử tôn sinh thế là trở về muộn. Tử tôn yên tĩnh gặp ngày xung mới có thể tìm được. Nên tôi nói : Đi về phía đông nam tìm cháu, trước ngày 6/11 (ngày ất Hợi) sẽ tìm được, ngày 18 về đến nhà. Chiều ngày 17/11 Chu Liên phấn khởi nói : Đúng ngày 15 tìm thấy con ở phía đông nam, ngày 18 đưa cháu về đến nhà. Ngày 18 về đến nhà là vì ty Dậu sinh hợp thành tử tôn cục, tử tôn vượng tướng nên nhất định về được.

II. ĐOÁN HƯỚNG NGƯỜI ĐI XA (PHẦN 2)

Người đi xa, có người trở về sớm, có người về muộn; có người trở về, có người không trở về, thậm chí còn chết. Muốn biết rõ tình hình, thì dùng bát quái mà đoán.

Dụng thần không bị xung là không muốn trở về : dụng thần yên tĩnh, không bị nhật thìn hay hào động xung thì đã an cư ở nơi khác không muốn quay về nữa.

Có sinh hợp thì trở về muộn, dụng thân không bị khắc thì không trở về : dụng thân sinh thế hợp thế là trở về muộn hơn dự định. Hào thế khắc dụng thân là chưa thể trở về.

Quẻ gặp lục xung là người đi ra không ở một chỗ nhất định : đoán người đi xa khi nào trở về, kỵ nhất là gặp lục xung. Nếu gặp lục xung là người ấy bốn ba khắp nơi, không ở một chỗ nhất định.

Đi mà còn quay về là phải xem dụng thân hóa tiến hay hóa thoái : dụng thân hóa tiến là người có quay về; dụng thân hóa thoái là đến rồi quay về.

Sáu hào yên tĩnh là không muốn quay về : quẻ gặp 6 hào yên tĩnh là người đi ra không muốn quay trở về. Nếu sinh thế, hợp thế thì tuy chưa quay về, nhưng vẫn có ý muốn quay về.

Nhìn thấy vật xưa, nhớ đến tình quê hương nên muốn về : Dụng thân yên tĩnh là thấy vật cũ, nhớ tình xưa, sắp quay về. Nếu bị nguyệt kiến khắc dụng thân thì khó quay về sớm được.

Nhật kiến tương hợp là có sự ràng buộc giữ lại : dụng thân gặp nhật kiến hay hào động hợp chặt là vì công việc ràng buộc, chưa quay về được, gặp ngày xung khai mới về được.

Dụng thân yên tĩnh mà bị khắc là người chưa quay về được : hào thế khắc dụng thân là tạm thời chưa quay về. Nếu dụng thân yên tĩnh mà bị khắc là người đang ở nguyên chỗ cũ, chưa lên đường quay về. Hào thế động khắc dụng thân là người còn tiếp tục đi nơi khác, nếu bị nhật thìn khắc cũng là chưa quay về.

Dụng thân phục ngâm là quay về chậm. Dụng thân bị khắc là chưa đến nơi : dụng thân phục tàng là vì công việc mà trở về muộn, chờ đến ngày xuất hiện dụng thân thì sẽ về. Nếu dụng thân phục tàng mà bị khắc là chưa đến nơi.

Hào thế tuần không, dụng thân tuần không là người không về, hào thế và dụng thân đều tuần không là người không đến.

Dụng thân phục tàng dưới hào huynh đệ là đang sa vào cờ bạc : dụng thân phục tàng dưới hào huynh đệ là đánh bạc ở bên ngoài, nếu lâm chu tước là cãi vã, lâm bạch hổ là gặp khó khăn cách trở.

Hào dụng thân phục tàng, hào tử tôn vui là quên mất ngày về : hào dụng thân phục dưới hào tử tôn thì không vì vui rượu chè thì cũng do ham chơi mà quên về, hoặc bị tặng đạo, u mê giữ lại không về.

Dụng thân phục dưới hào phụ mẫu là bận việc văn thư : hào dụng thân phục dưới hào phụ mẫu nếu không bị việc văn thư giữ lại thì cũng do người bề trên hoặc nghề nhân giữ lại.

Hào dụng thần phục dưới hào thê tài là thêm hàm trì luân quán : hào dụng thần dưới hào thê tài vì buôn bán được lời mà quên trở về. Nếu gặp không vong hoặc huynh đệ động, phần nhiều do lỗ vốn, thêm hàm trì thì nhất định vì tham sắc mà quên ngày về.

Hào dụng thần phục dưới hào ứng thê tài là rơi vào bẫy mỹ nhân kế : dụng thần phục dưới hào ứng là hào âm thê tài thì chắc chắn bị người khác dùng kế mỹ nhân; hào dụng thần phục dưới hào ứng là hào dương thê tài sinh thế hợp thế thì nhất định bị người khác cầm tiền của mình.

Dụng thần vượng mà phục hoặc hưu tù : dụng thần vượng mà phục dưới kho tài là nắm giữ tiền của của người giàu hoặc của quan lại. Dụng thần hưu tù mộ tuyệt là sống ở ngoài một cách qua ngày đoạn tháng.

Dụng thần phục dưới hào quan quý là có cát có hung : dụng thần phục dưới hào quan quý nếu gặp trường sinh là cát, hoặc được người quyền quý giữ lại. Nếu dụng thần phục dưới hào quan quý suy mà còn bị khắc thì không bệnh cũng gặp tai họa về việc quan.

Dụng thần gặp mộ nhất định là xấu : dụng thần trì mộ, hóa mộ, nhập mộ, hoặc phục ở dưới quan quý mộ, là đang bị bệnh chưa thể quay về. Nếu quan quý lâm bạch hổ là đang bị giam trong ngục.

Không tham hoa sắc thì cũng là giặc : dụng thần lâm huyền vũ động mà gặp hào tài tương hợp, hoặc dụng thần phục dưới hào thê tài lâm huyền vũ là tham hoa mê sắc chưa quay về. Dụng thần phục dưới hào quan quý lâm huyền vũ và không hợp với hào thê tài là ở ngoài làm giặc.

Quê gặp du hồn là sắp trở về : quê gặp du hồn, dụng thần phát động là đã bốn ba khắp nơi, sắp trở về, hoặc hóa thành quy hồn là cũng sắp trở về.

Dụng thần phục tàng hung thần là việc xấu : phục thần gặp câu trần là ngã bị thương, phục thần gặp phi xà là gặp điều kinh khủng, phục thần gặp bạch hổ là bệnh ốm không về được; phục thần gặp huyền vũ nếu không gặp trộm cướp thì cũng bị sa vào tứ sắc. Phục thần gặp thanh long phát động là tốt.

Trong quê không có hào thê tài là không mất tiền lộ phí : quê biến động, nhật nguyệt đều không có hào thê tài xuất hiện là do không có tiền lộ phí nên bị trắc trở.

Tam hợp bất quy, xung thì sẽ về : dụng thần gặp tam hợp, bất quy, chờ đến ngày xung hợp thì sẽ về. Dụng thần phục ngâm, quy là không trở về.

Dụng thần mộ tuyệt không phá là bật vô âm tín : dụng thần hóa hợp là có trắc trở, dụng thần hóa quý là có tai họa, dụng thần hóa khắc là xấu. Quê

biến thành tuyết và phản ngâm, dụng thần bị xung khắc là khó định được ngày về.

Quê ở cung chấn là người ở kinh thành : quê gặp cung chấn là người ở kinh thành; ở cung Đoài là người ở miếu chùa; ở cung càn cũng là ở kinh thành.

Dụng thần ở quê nội là người đang ở ngay vùng quanh đó : ở quê ngoại là người đang ở nơi khác. Dụng thần ở quê nội của cung khác thì là người đang ở huyện khác, hoặc ở vùng giáp huyện mình; dụng thần ở quê ngoại của cung khác là người đã đi sang huyện khác.

Dụng thần gặp tứ kho thì phải xem xét ngũ hành : thìn là kho, thủy thổ là ở vùng mép nước (bờ sông, biển...); tuất là hòa kho là ở đền miếu; sừu là kim kho là ở chỗ lò luyện hay lò rèn; mùi là mộc kho là ở vùng vườn cây hoặc vùng đồi núi, lâm trường.

Hào phụ mẫu động là có tin thư đến, hào thê tài hưng vượng là không có thư từ : hào phụ mẫu là thư từ, hào phụ mẫu động là có thư về. Nếu hào thê tài vượng và trì thế, động mà khắc hào phụ mẫu là không có thư tín.

Hào phụ mẫu vượng là có thư về, hưu tù là không có : hào phụ mẫu sinh thế, hoặc hào phụ mẫu lâm vượng địa là chỉ người đi xa gửi thư về. Hào phụ mẫu hưu tù, mộ tuyết là không có tin tức.

Hào phụ mẫu tuần không, vong là biệt vô âm tín : hào phụ mẫu chủ về văn thư, nếu gặp không vong là không có thư về; nếu động để sinh thế hợp thế là có thư.

Ví dụ : Ngày đình hội, tháng ty đoán ngày nào về, được quê "lý" của quê "quải".

TRẠCH THIÊN QUẢI

Huynh đệ mùi thổ x
Tử tôn dậu kim. thế
Thê tài hội thủy.
Huynh đệ thìn thổ O
Quan quý dẫn mộc. ứng
Thê tài tý thủy.

THIÊN TRẠCH LÝ

Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ sừu thổ..
Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu ty hỏa.

Hào thê tài hội thủy là dụng thần, tuy lâm nhật kiến nhưng gặp nguyệt phá, lại được 2 thổ trùng lập động để khắc, hội thủy lại hóa thành cừu thân ngộ hỏa, là tượng có khắc vô sinh. Sau đến tháng ngộ trên đường bị hại.

Ví dụ : Ngày quý sừu, tháng thân đoán con khi nào về, được quê "đi" của quê "vô vọng".

THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim O
 Tử tôn ngộ hỏa O thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

SƠN LÔI DI

Huynh đệ dẫn mộc.
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ.. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

Hào tử tôn ngộ hỏa là dụng thần, động mà hóa mộ, nguyên thần dẫn mộc gặp tuyệt mà không, là điềm không rõ ràng. Về sau được biết do đi thuyền qua sông bị đắm mà chết.

Ví dụ : Ngày mậu thân, tháng dậu, đoán bác khi nào về được quê "cần" của quê "lữ".

HÓA SƠN LỮ

Huynh đệ ty hỏa.
 Tử tôn mùi thổ..
 Thê tài dậu kim O ứng
 Thê tài thân kim.
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Phụ mẫu : Tử tôn thìn thổ.. thế

CẦN VI SƠN

Phụ mẫu dẫn mộc. thế
 Quan quý tý thủy..
 Tử tôn thân kim. ứng
 Thê tài thân kim. ứng
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ..

Mão mộc phụ mẫu làm dụng thần phục tàng mà hưu tù, lại gặp nhật, nguyệt, hào động khắc, tất người ở ngoài đi xa không yên ổn. Dụng thần phục tàng bị khắc là người không đến. Về sau đúng là chưa về.

Ví dụ : Ngày át ty, tháng bính tuất năm 1985 lão Vương ở xưởng tôi đoán cháu ngoại của ông đi khi nào về, được quê "phê hạp" của quê "di" :

SƠN LÔI DI

Huynh đệ dẫn mộc.
 Tử tôn ty hỏa : Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ x thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

HÓA LÔI PHÊ HẠP

Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý dậu kim.
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc.. ứng
 Phụ mẫu tý thủy

Tử tôn ty hỏa tuy lâm nhật thìn, nhưng phục mà bị khắc, mộ nguyệt kiến mà lên núi, tuất là hỏa kho, là chùa miếu, là tượng không trở về. Về sau nghe nói lên núi Nga Mi ở Tứ Xuyên, đến nay vẫn chưa về.

Ví dụ : Ngày tân hợi, tháng bính thìn năm 1988, cô Trang ở nhà máy tôi có 1 đồng sự đi xa. Lãnh đạo nhà máy đã cử nhiều người đi tìm, tìm hơn 1 tháng mà vẫn biệt vô âm tín. Nay đoán xem có quay về không, được quê "giải" của quê "vị tế".

HỎA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa O ứng
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài đậu kim.
Huynh đệ ngọ hỏa..thế
Tử tôn thìn thổ.
Phụ mẫu dần mộc

LÔI THỦY GIẢI

Tử tôn tuất thổ..
Thê tài thân kim..ứng
Huynh đệ ngọ hỏa.
Huynh đệ ngọ hỏa..
Tử tôn thìn thổ.thế
Phụ mẫu dần mộc..

Hào ứng ty hỏa là dụng thần, lâm nhật xung là sẽ quay về. Nhưng động mà hóa mộ là khó về. Dụng thần ở đất quan đái, lâm vượng nên người không đến nổi, tuất là chùa miếu, hào sáu là vùng ngoài, là cho phép ra khỏi nhà, là tượng không quay về, cho nên đến nay vẫn chưa về.

III. ĐOÁN XUẤT HÀNH

Trời có gió mây biến đổi, đất có núi có ao hồ, người có điều tốt, điều xấu tiềm ẩn. Người ta đi ra ngoài, đường trường vạn dặm, lên tàu xuống thuyền... khí hậu thay đổi, khó mà bảo đảm được không xảy ra chuyện gì. Vì vậy muốn phấn khởi xuất hành thì việc đoán trước tin lành dữ là rất quan trọng.

Hào thế là mình, hào ứng là tha hương : đoán xuất hành hào thế là mình hào ứng là tha hương. Hào thế vượng tương thì nên xuất hành, hào thế sinh vượng có khí là tốt, động mà hóa cát, hóa tử tôn càng tốt. Hào ứng nên vượng mà sinh thế, hoặc không tuần không là việc dễ thành.

Hào thế gặp kỵ thần thì phải xem sinh khắc : hào thế thuộc thủy, là vui mừng; kiêng gặp khôn, cần; hào thế thuộc mộc thì gặp khảm là tốt, kỵ phương đoài; hào thế thuộc hỏa gặp chấn là tốt, kỵ phương khảm; hào thế thuộc kim gặp khôn, cần là tốt, kỵ cung Ly; hào thế thuộc thổ gặp tứ kho thì tuyệt đối không nên đi.

Hào phụ mẫu là hành lý, thê tài là lộ phí : đoán xuất hành lấy hào phụ mẫu là hành lý, vượng tương là hành lý nhiều, hưu tù là hành lý ít, vượng mà không là hành lý có nhưng không nhiều. Hào thê tài là tiền vốn, là lộ phí, vượng tương là nhiều, hưu tù là ít.

Phúc thần tri thế thì mọi tai ương đều qua : xuất hành được hào tử tôn tri thế, hào thế hóa tử tôn, tử tôn phát động là trên đường đi mọi tai ương đều vượt qua.

Đi hay ở lại phải xem xung hợp, hào thế tuần không là lợi nghề khác : hào thế yên tĩnh gặp nhật thìn, hào động ám xung là chắc chắn sẽ đi; hào thế vượng tĩnh chờ đến ngày xung sẽ đi. Hào thế động mà hóa hợp hoặc bị

nhật thìn, hào động hợp chặt là có việc trắc trở không đi được. Hào thế tuần không là lợi cho nghề khác hay đường nghệ thuật, hoặc ngược lại được lợi mặt khác.

Hào thế tuần không là đi không thành, hào ứng tuần không là việc không thành : hào thế tuần không là đi không thành, nếu cứ cố tình đi thì gian lao vất vả, mà việc không vừa ý. Hào ứng là chỗ ở, rất sợ không vong chủ về việc buồn, mưu việc không thành.

Hai hào giữa hào thế và hào ứng là bạn bè, có sinh có khắc : Hai hào giữa hào thế và hào ứng là bạn bè, sinh thế thì tốt, khắc thế là bị nó làm hại. Hai hào đó động mà lâm hào huynh đệ là mình hao tài. Hai hào đó đều không là giữa đường không trắc trở thì cũng là không có bạn đồng hành.

Hai hào giữa hào thế và hào ứng động hay tĩnh là có tin vui hoặc điều kiện kị. Hai hào ấy còn là đường đi và về. Nếu động thì ở dọc đường trắc trở, nếu tĩnh là đi về yên ổn. Nếu hai hào lâm vào hào thế tài phúc động là trên đường thuận lợi.

Nên hào thế khắc hào ứng, không nên hào ứng làm tổn thương hào thế : hào thế khắc hào ứng thì cho dù xa hay gần đều có thể đi, phương nào cũng không cản trở mình; hào ứng làm tổn thương hào thế là không nên đi.

Hào thế và hào ứng đều động là đi nhanh : hào thế không động là thời gian xuất hành không chuẩn, hào thế động là thời gian xuất hành đã định. Hào thế và hào ứng đều động thì xuất hành được nhanh.

Quê khôn là nên đi đường bộ, quê khâm là sẽ đi bằng thuyền : mã tinh ở cung khôn là đi đường bộ; hào mộc tri thế là cho phép đi bằng thuyền, nếu lâm bạch hổ động là có sóng gió nguy hiểm.

Hào quan quý tri thế là không yên ổn : xuất hành sợ nhất là hào quan quý tri thế, hoặc hào thế động biến thành hào quan quý đều là không lợi, nếu khắc hào thế thì càng xấu.

Hào quan quý ở mộ địa là không đi được : hào quan quý tri thế, nếu quan quý ở mộ địa là khắc hào thế không thể đi được. Xuất hành mà gặp tài phúc ở hào thế là tốt.

Hào phụ mẫu khắc hào quan quý là mưa gió cản trở : hào phụ mẫu tri thế, hoặc phụ mẫu động xung hào thế, nếu không do tàu thuyền, hành lý cản trở thì cũng là do mưa gió mà không đi được.

Hào quan quý khắc hào huynh đệ thì mất cửa, bị lừa : hào huynh đệ tri thế, quan quý động để xung khắc hào thế, nếu không mất cửa là cũng bị người khác lừa dối dẫn đến tai vạ.

Phản ngâm, phục ngâm là đi dọc đường phải quay về : quẻ gặp phục ngâm, hào thể phát động thì phải chờ đến ngày xung khai mới đi được. Quẻ gặp phản ngâm là dọc đường sẽ trở về, hào thể bị khắc là rất xấu.

Quẻ hợp biến thành xung phải đề phòng việc xấu : quẻ lục xung tri thể tĩnh, hào quan quý tuần không là đều không thể xuất hành. Hào thể nhập mộ là điềm không rõ. Lục hợp biến thành lục xung và quẻ biến thành khác tuyệt thì ngôi ở nhà cũng phải đề phòng việc xấu.

Hào thể tài khắc thể thì phải đề phòng tài sắc : xuất hành mà hào tài động để hình khắc hào thể là vì tiền của mà sinh tai vạ. Còn nếu hào thể tương hợp với hào tài, hào tài biến thành quan quý để khắc hào thể thì không do tham của thì cũng do tham sắc mắc tai vạ.

Từ trong quẻ có thể biết được trên đường đi gặp hổ, sói hay không :

Cấn là núi, dân là hổ, Cung cấn mà gặp hào dân quan quý thì dân đó là đất của hổ báo. Nếu hào thể không bị khắc tổn thương thì không can gì, nếu bị khắc tổn thương thì chờ đi.

Trong quẻ không có thần phúc là không may mắn : trong quẻ không có hào tử tôn, hào quan quý lại không bị kim chế tất sẽ lộng hành, xuất hành dễ gặp nạn.

Hào quan quý ở quẻ thượng là yên ổn : quẻ xuất hành không có hào quan quý, hoặc hào quan quý bị chế phục là vô hại. Hào quan quý ở giữa hào động nếu không bất hòa với bạn bè thì cũng là bạn bè bị bệnh. Hào quan quý khắc hào thể thì không lợi cho mình.

Lục thân lâm quan quý là không tốt : thanh long động lâm quan quý là hiếu sắc hoặc cờ bạc; chu tước động lâm quan quý là cãi vã kiện tụng; câu trăn động lâm quan quý là việc bị liên lụy; phi xà động lâm quan quý là phong ba hiểm trở; bạch hổ động lâm quan quý là bệnh tật liên miên không dứt; huyền vũ động lâm quan quý là do bị trộm cướp.

Hào quan quý động ở cung càn, cung chấn thì phải đề phòng tai nạn xe, ngựa : hào quan quý động ở quẻ khảm, quẻ đoài phải đề phòng sóng gió; hào quan quý động ở quẻ khôn, quẻ cấn, phải đề phòng tai họa nơi đồng không mông quạnh; hào quan quý động ở cung tốn phải đề phòng bị hại bởi chuyện trai gái; hào quan quý động ở cung ly phải đề phòng hỏa hoạn.

Thái tuế sinh khốc thì phúc lớn, vạ lớn : xuất hành gặp thái tuế sinh hợp thể thì phúc lớn mà lành; gặp thái tuế hình khắc hào thể thì tai vạ rất lớn. Thái tuế lâm bạch hổ thì xấu càng thêm xấu; hào thể động mà xung khắc thái tuế cũng là xấu.

Ví dụ : Ngày nhâm thân, tháng mao đoán xuất hành ra sao được quẻ "tĩnh" của quẻ "tỷ".

THỦY ĐỊA TỬ

Thê tài tý thủy.. ứng
Huỳnh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc x thế
Phụ mẫu ty hỏa x
Huỳnh đệ mùi thổ..

THỦY PHONG TÍNH

Thê tài tý thủy..
Huỳnh đệ tuất thổ. thế
Tử tôn thân kim..
Tử tôn dậu kim.
Thê tài hợi thủy. ứng
Huỳnh đệ sửu thổ..

Hào quan quý trì thế là thân không yên ổn, tuyệt ở nhật thìn lại hóa xung khắc trở lại, quả nội phản ngâm như thế xuất hành không tốt, về sau tháng 7 bị hại.

Chương 21

KIỆN TỤNG

Tôi đã từng nói qua ở bài "Bát quái và tin tức" là trong Chu dịch có rất nhiều quẻ bàn về nội dung hình phạt, tội phạm và việc quan. Tôi cũng đã từng nói : thông qua nghiên cứu thực tiễn đã phát hiện rằng : có người nguyên nhân phạm tội là do năm, tháng, ngày, giờ sinh của mình dẫn đến và điều này đã thể hiện rõ trong tứ trụ. Những thông tin này khi thời gian đến thì nó sẽ bộc phát xảy ra.

Thời gian sinh của người ta đã chứa đựng những thông tin về phạm tội, điều đó là có lý lẽ khoa học. Sinh vật học, di truyền học cho rằng : thân thể của sinh vật là do gien quyết định, ví dụ tổ chất, khí chất, tâm lý, tính cách, hành vi... của con người là như thế. Tức là nói : gien quyết định tất cả thân thể của sinh vật, quả trứng gà có thể nở ra gà con là nhờ ở sự thụ tinh của gà trống. Sự thụ tinh của quả trứng đã chứa đựng những thông tin của gà con. Vì vậy khi ấp ở nhiệt độ nhất định là có thể nở gà con. Do đó có người trong giờ sinh đã chứa đựng những thông tin phạm tội, tức là những nguyên nhân bên trong đã có sẵn, nhưng giới pháp lý hiện nay chưa chú ý điểm đó.

Bát quái là để dự đoán thông tin, tất nhiên cũng có thể đoán được những thông tin về phạm tội, cho dù tội đó đã xảy ra, hay sau này mới có, dùng bát quái đoán phạm tội để đề phòng và giảm thấp tội phạm, có một giá trị rất lớn, không thể lường hết được.

I. DỰ ĐOÁN VỀ KIỆN TỤNG

Hào thế vượng, hào ứng suy thì nhất định mạnh thống yếu : phạm việc kiện tụng hào thế là mình, hào ứng là đối phương, hào thế hùng sinh vượng là mình mạnh, hào ứng hùng suy là đối phương yếu. Ngược lại là đối phương mạnh, mình yếu.

Hào thế, hào ứng, tọa ở hào quan quý là gặp hai lần xấu : hào thế là mình hùng vượng, hào quan quý mộ địa là mình gặp xấu. Hào ứng lâm hào quan quý nhập mộ là đối phương không gặp may.

Hào thế, hào ứng tương khắc thì sẽ có thắng, bại : hào thế khác hào ứng là mình thắng, hào ứng khác hào thế là mình thua. Nếu hào ứng khác hào thế, nhưng hào thế ở vượng địa thì không thể khác nổi mình. Hào thế khác

hào ứng, hào ứng phát động là đối phương có âm mưu mới, cuối cùng không bị khác.

Hào thế, hào ứng đều vượng thì phải xem nhật thin; hào thế hào ứng đều ở vượng địa là cả hai bên đều mạnh, thắng, bại khó biết.

Gặp trường hợp này phải xem nhật thin sinh hợp cho ai : sinh hợp hào thế thì mình thắng; sinh hợp hào ứng là đối phương thắng. Ngoài ra còn phải xem lục thân phù hợp ai, khắc ai.

Hào quan quý sinh hoặc khắc là có nỗi lo hay niềm vui : quan quý sinh hào ứng mà khắc hào thế là mình lo vì đối phương mình; hào quan quý sinh hào thế khắc hào ứng là mình vui, đối phương lo.

Hào thế và hào ứng tương tình là bị lừa dối : hào thế hình khắc hào ứng là mình thắng hoặc lừa được; hào ứng hình khắc hào thế là đối phương không thắng thì cũng đã lừa được mình.

Thái tuế lâm quan quý là sự việc đang tăng lên : phạm kiện tụng gặp thái tuế lâm quan quý là việc kiện đang tăng lên. Nếu thái tuế khắc hào thế thì hào thế vào ngục, nếu khắc hào ứng thì hào ứng vào ngục.

Có quý nhân phù trợ nhất định thắng : hào thế nếu suy nhược nhưng gặp được nhật, nguyệt, hào động sinh hợp tức là có sức giúp của quý nhân tài nhất định thắng. Hào ứng gặp như thế cũng sẽ thắng.

Hào thế, hào ứng động tinh là có mưu kế mới : hào thế động là mình có mưu kế, nếu hóa khắc trở lại là mưu kế thất bại. Hào ứng động cũng như thế. Hào thế hào ứng đều động là hai bên thi thố mưu kế của mình.

Hào thế tài là lý, nếu tri thế thì sợ nhất là bị hào quan quý khắc : hào tài tri thế là mình có lý; hào ứng tri thế ở thế tài là đối phương có lý. Hào quan quý khắc hào thế thì tuy có lý nhưng quan tòa không nghe, hào huỳnh đệ động là không cho phép phân giải trình bày.

Hào thế, hào ứng đều tuần không là quan tòa nghỉ (tạm ngừng); hào thế biến thành quan quý là mình muốn tạm ngừng; hào ứng tuần không là đối phương không tố cáo nữa; hào thế, hào ứng đều tuần không là tượng tạm ngừng.

Hào thế, hào ứng biến thành quan quý là bị chết : hào thế biến thành quan quý là vì việc kiện mà hai bên đều chết. Hào ứng biến quan quý cũng kết quả như thế.

Hào thế, hào ứng nhập mộ là sợ nhất : cho dù hào thế hay hào ứng, phạm gặp nhập mộ, hóa mộ, lâm mộ đều là điểm xấu.

Tương sinh tương hợp thì cuối cùng được hòa giải : hào ứng sinh hợp hào thế là đối phương cầu hòa; hào thế sinh hợp hào ứng mình cầu hòa. Hào thế, hào ứng động, tuần không, hóa không là giải hòa.

Hào thế, hào ứng ngang hòa, hào quan quý động là không cho phép : hào thế, hào ứng ngang hòa là hình tượng hòa giải. Nếu hào quan quý động là quan tòa không cho phép xử hòa.

Thân quẻ suy hay vượng là việc to hay nhỏ : thân quẻ là căn nguyên của việc kiện tụng, vượng tức là việc to, suy là việc nhỏ, động là sự việc gấp, tĩnh là sự việc chậm. Nếu tuần không là sự việc bịa đặt, nếu phi thần, phục thần đều tuần không là hoàn toàn không có sự thật.

Hào ứng vượng không hợp là cô độc không có viện trợ : hào ứng vượng tương nhưng không có trợ giúp, không đáng sợ. Hào thế và hào ứng sinh hợp lại gặp nhất, nguyệt, hào động hình khắc thì tạm thời phải nhẫn nại.

Hào thế suy yếu bị nhật khắc, tử tuyệt là không tốt : hào thế phải vượng, nếu quẻ bị khắc là không tốt. Hào thế gặp đất tử tuyệt còn bị khắc lại càng không tốt.

Hào phụ mẫu là văn thư, đơn kiện : Hào phụ mẫu là văn thư, đơn kiện, nếu suy hoặc không có hào phụ mẫu thì việc kiện vừa không có đầu mối, không có cáo trạng. Hào phụ mẫu bị hình khắc lại còn lâm tử tuyệt là bản cáo trạng có nhiều chỗ mâu thuẫn, không chặt chẽ, giống như phụ mẫu hóa phụ mẫu. Phụ mẫu hóa huynh đệ là có sự phản bác, nguyệt kiến tác hợp là tòa án cấp trên gác việc lại, không thể dựa vào nhật kiến ung để giải thoát.

Hào phụ mẫu và hào quan quý đều có là có khí : phạm việc muốn tố cáo lên trên trong quẻ phải có cả hai hào : quan quý và phụ mẫu. Hai hào này không được tuần không thì mới làm chủ được. Nếu hào thế tài động làm tổn thương hào phụ mẫu thì việc kiện không thành. Hào phụ mẫu vượng, hào quan quý suy thì lời tố cáo to nhưng sự việc nhỏ.

Muốn biết ai là nguyên cáo, bị cáo phải xem hào phụ mẫu : hào phụ mẫu là hào thế thì mình tố cáo đối phương; hào phụ mẫu là hào ứng là đối phương tố cáo mình hoặc mình bị thẩm vấn.

Hai hào phụ mẫu và quan quý đều động thì việc tất thành : phạm khởi đơn kiện gặp hai hào quan quý và phụ mẫu đều động thì việc tất thành. Nếu hào phụ mẫu tuần không, vong, mộ tuyệt, hào phụ mẫu lại hình khắc hào thế, hoặc bị nhật nguyệt xung khắc thì không những khó tố cáo đối phương mà còn bị tố cáo lại.

Hai hào quan quý và phụ mẫu không nên trùng lặp trở lại : trong 1 quẻ nếu hai quẻ nội, ngoại đều có hào quan quý và phụ mẫu là chỉ sự việc có sự biến đổi, chuyển đổi đi nơi khác, tố cáo trở lại thì sẽ được.

Hai quẻ nội, ngoại đều có hào quan quý là quyền xử không quy về một mối : trong quẻ không có hào quan quý, thì chưa có người làm chủ xét xử việc đó; nếu quẻ nội, quẻ ngoại đều có hào quan quý là sự việc thuộc hai chỗ : quyền xử không quy về một mối, sự việc xử án sẽ lập đi, lập lại. Quan quý hóa quan quý cũng biểu hiện như thế.

Hào huynh đệ ở giữa hai hào ứng vào hào thế là sự việc liên quan đến nhiều người : Hào huynh đệ ở giữa hai hào là việc kiện liên quan đến nhiều người. Hào huynh đệ động xung khắc hào thế là người làm chứng uy hiếp đòi hối lộ, hào huynh đệ khắc hào ứng là người làm chứng đòi đối phương rút tiền.

Hào ở giữa hai hào thế và ứng là người làm chứng, nên sinh thế : hào ở giữa nên sinh hợp với hào thế thì có lợi cho mình, sinh hợp với hào ứng là lợi cho đối phương. Xung hào thế là thù của mình; xung khắc hào ứng tức người làm chứng là thù của đối phương. Nếu những hào ở giữa đó khắc hào thế, sinh hào ứng thì phải đề phòng người làm chứng cùng đối phương hợp lực hại mình.

Hào huynh đệ tri thế thì khuynh gia bại sản : hào huynh đệ tri thế, động mà khắc thế, hoặc huynh đệ hóa huynh đệ tất phải hao tài tổn của, vì kiện mà khuynh gia bại sản.

Trước suy sau vượng là việc lập đi lập lại : quẻ trước suy quẻ sau vượng (hoặc trùng quẻ) thì việc nhỏ biến thành án lớn, quẻ trước vượng, quẻ sau suy là việc trước to sau nhỏ.

Hào quan quý vượng hay suy quyết định mức độ nhẹ hay nặng : phạm tội nặng, nhẹ lấy hào quan quý làm chủ. Hào quan quý vượng tương thì tội nặng, hào quan quý suy là tội nhẹ. Hào quan quý khắc hào thế, hoặc hào quan quý tri thế bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc hoặc hào thế động hóa hung thì tuy tội nhẹ nhưng phải đề phòng hình phạt nặng.

Thần phúc lâm hào thế là có cứu giúp : đoán phạm nhân gặp hào tử tôn tri thế, hoặc hào tử tôn phát động thì dù đã ra pháp trường cũng sẽ thoát chết.

Thái tuế sinh hào thế là gặp ơn trời : hào thế mộ, quý, mộ động, nhập mộ là hình tượng bị bắt giam, nếu được nhật thìn hình khắc xung phá thì sẽ được ra ngục. Nếu gặp tuế quân sinh hợp hào thế thì bất ngờ gặp may mà xóa tội.

Ví dụ : Ngày giáp dần, tháng nhâm ngọ năm 1985 ông Mãn ở xưởng của tôi đến hỏi về việc kiện tụng được quẻ "khâm" của quẻ "khốn".

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợp thủy O ứng
Quan quý ngọ hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dần mộc.. thế

KHÂM VI THỦY

Tử tôn tý thủy.. thế
Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim..
Quan quý ngọ hỏa.. ứng
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dần mộc..

LỤC THÂN

Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long

Hào thế lâm nhật kiến gặp thanh long, lại được hào ứng tử tôn hội thủy động để sinh hợp hào thế. Đối phương tuy vượng nhưng vẫn không áp đảo được uy lực của tử tôn nên việc tất sẽ hóa nhỏ. Quả đúng thế ! vì căn bản không liên quan đến pháp luật.

Ví dụ : Ngày kỷ hội, tháng thìn, năm 1986, ông Ma ở xưởng tôi hỏi về việc kiện được quẻ "khê" của quẻ "tôn" :

SƠN TRẠCH TÔN

Quan quý dân mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ x
Huynh đệ sừ thổ.. thế
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn dậu kim.thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.ứng

Hào huynh đệ trì thế lại huynh đệ động tất là vì tranh giành tiền của mà sinh kiện. Hào ứng được nhật kiến khắc hào thế mà bị thiệt, quẻ gặp hai hào quan quý là hai chỗ không quản lý, nên án này sẽ lập đi lập lại. Hào huynh đệ động kiếp tài, quẻ nội phục ngâm đều là tượng không vừa ý. Nhưng sau tháng 4 thì sẽ có lợi cho ông. Ông Ma sau khi nghe nói thì ngạc nhiên nói rằng : "Hoàn toàn đúng vì chuyện buôn bán mà đánh nhau đã tố cáo mấy tháng nhưng đơn bị đẩy đi đẩy lại không có ai giải quyết, tôi đành tố cáo lại. Về sau đúng như thế.

Ví dụ : Ngày kỷ tỵ, tháng tỵ năm 1988 ngài Quốc ở thành phố Tây An nhiều lần cáo trạng nhưng không được xử lý, đoán được quẻ "tiệm" của quẻ "gia nhân".

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn tỵ hỏa.ứng
Thê tài mùi thổ.
Phụ mẫu hội thủy.
Thê tài sừ thổ.. thế
Huynh đệ mao mộc O

PHONG SƠN TIỆM

Huynh đệ mao mộc. ứng
Tử tôn tỵ hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý thân kim. thế
Tử tôn ngọ hỏa..
Thê tài thìn thổ..

Hào huynh đệ mao mộc động là gặp việc phá tài, thời gian là tháng 2 âm lịch. Hào thế sừ thổ lâm nhật, nguyệt và hào ứng tử tôn thân phúc sinh, là tượng đại thắng, tố cáo lại tháng 5 tất sẽ toàn thắng. Ông Quốc phấn khởi nói : "Bát quái rất chuẩn, giống như mắt nhìn thấy". Về sau ông báo cho biết tháng 5 thắng lợi hoàn toàn. Tháng 5 là vì hào thế hỏa sinh trở lại.

Ví dụ : Tháng giêng năm 1984, 1 người bạn ở tỉnh Hồ Bắc gửi cho tôi biết giờ sinh (năm kỷ sừ, tháng quý dậu, ngày át sừ, giờ canh thìn) nhờ tôi đoán vận hạn. Gieo được quẻ "khốn" của quẻ "tụng".

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ O
 Thê tài thân kim..
 Huynh đệ ngộ hỏa. thế
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

TRẠCH THỦY KHỐN

Tử tôn mùi thổ..
 Thê tài dậu kim.
 Quan quý hợp thủy. ứng
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dẫn mộc.. thế

Tôi căn cứ quẻ "tụng" chủ về việc kiện, hào huynh đệ ngộ hỏa tri thế hóa thành quan quý hợp thủy khắc trở lại. Năm nay quan quý lâm thái tuế khắc trở lại hào thế, cảnh cáo anh ta không nên tham sắc, nếu không thì tháng 10 sẽ bị bắt giam. Về sau đến tháng 10/1984 vì quan hệ nam nữ mà bị bắt giam.

Vi dụ : Ngày 14/7/1985 ông Lưu Nhiễm ở công ty tôi dẫn một người phụ nữ đến đoán vận hạn cho con. Căn cứ vào ngày sinh của con bà ấy là giờ thân, ngày 29/7/1959, gieo được quẻ "tùy" của quẻ "cách".

TRẠCH HỎA CÁCH

Quan quý mùi thổ..
 Phụ mẫu dậu kim.
 Huynh đệ hợp thủy. thế
 Huynh đệ hợp thủy O
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc. ứng

TRẠCH LÔI TÙY

Quan quý mùi thổ.. ứng
 Phụ mẫu dậu kim.
 Huynh đệ hợp thủy.
 Quan quý thìn thổ.. thế
 Tử tôn dẫn mộc..
 Huynh đệ tý thủy.

Quẻ "cách" là bàn về việc tù ngục nên tôi nói với chị phụ nữ đó : "con của chị vì cướp bóc mà đã bị bắt giam. Thời gian là năm 1979, năm nay nên ra được". "Đúng tháng 8 năm nay là hết hạn tù". Cậu này vì cướp bóc hành hung nên bị phạt 6 năm tù. Đối với người bị bắt giam (trước khi đoán quẻ), lời từ của hào ba nói : "Chứng hung, trình lệ. Cách ngôn tam tỵ hữu phù". "Cách ngôn" tức là kẻ phạm tội đã sửa đổi lời khai. "Phù" tức là trước khi đoán quẻ đã bị xử phạt nặng. Năm 1985 thái tuế sửu thổ xung khai kho mùi nên là lúc hết hạn tù.

II. ĐOÁN VỀ MẮT CỦA

Cửa cái có khi được, có khi mất. Có khi mất cửa do mình không cẩn thận, cũng có lúc bị mất vì trộm cắp. Cả hai trường hợp của công, của tư đều có. Mất cửa rồi có thể tìm lại được không; bị mất trộm có thể phá án không? Dùng bát quái đều có thể đoán được.

Đoán mất của lấy vật bị mất làm dụng thân : phạm đoán mất của không để bị quên mà mất, hoặc bị trộm, bị cướp đều phải xem mất vật gì để chọn dụng thân. Nếu chọn dụng thân sai tất nhiên sẽ đoán không chuẩn. Nói chung dụng thân được phân làm 3 loại :

1. Xe, đồ, y phục, vải vóc, văn kiện, bản đồ v.v... đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thân.

2. Gia cầm, gia súc, lục súc lấy hào tử tôn là dụng thân.

3. Tiền của... đều lấy hào tài làm dụng thân.

Ngày nay các loại đồ dùng rất nhiều khó mà phân chi tiết được cho nên khi vận dụng phải linh hoạt.

Lấy vật bị mất làm hào thê tài, hào thế là chủ : ngày xưa đều lấy hào thê tài là vật bị mất làm dụng thân. Còn ai là chủ nhân ? Có thể gọi vật bị cướp mất là chủ nhân bị cướp đi không ? Không phải. Thê tài mới là vật bị mất, còn hào thế là chủ của vật đó.

Của mất nhiều hay ít phải xem số của quẻ : số tiền bị mất ít có thể gọi là 1, nhiều là vô hạn. Cho nên xưa nay mất bao nhiêu tiền của chỉ nói đại khái chung chung, không thể nói chính xác số lượng được. Kinh nghiệm của tôi là : thứ nhất phải xem số quẻ vượng hay suy; thứ hai phải xem của công hay của cá nhân; thứ ba phải xem tài và vận của tứ trụ. Quẻ số là tổng số của số quẻ chủ và quẻ động, nếu suy thì ít, vượng thì nhiều. Tứ trụ của cá nhân nếu tài vượng gặp tài vận thì nhiều, nếu tài suy thì ít.

Hào tử tôn tri thế là tự mình đánh mất : quẻ gặp 6 hào yên tĩnh, trong đó hào tử tôn tri thế, nếu không bị mất cắp cũng là tự mình làm mất.

Nếu quẻ không có hào quan quý, hoặc hào quan quý tuần không là tự mình bỏ quên mà mất : trong quẻ nếu không có hào quan quý, hoặc hào quan quý rơi vào không vong, hào thế động là tự mình làm mất, không phải mất trộm.

Hào tử tôn động phi xà ở hào thế là tự mình quên : hào tử tôn động là của chưa mất; phi xà lâm hào thế là bị quên dấu đó.

Hào thê tài ở dưới hào ứng là người khác mượn : trong quẻ hào quan quý gặp tuần không, hoặc phục tàng, hoặc tử tuyệt mà hào thê tài là hào ứng hoặc ở dưới hào ứng là mình cho người khác mượn mà quên, căn cứ lục thân sẽ đoán biết được.

Dụng tài phục mà gặp xung là chưa bị ai trộm : trong quẻ hào tài phục tàng, nếu gặp nhật thìn, hào động ám xung, hào quan quý yên tĩnh là vật đang bị ai đó đưa đi chỗ khác, chứ không phải mất trộm hoặc bị trộm, có thể tìm lại được.

Trong quẻ không có hào quan quý, hoặc hào quan quý du hồn là bị quên : hào quan quý không xuất hiện, hoặc hào quan quý tuần không vong, hoặc tử tuyệt không phát động là không bị trộm. Quẻ gặp du hồn là phần nhiều do mình quên.

Hào thế, hào ứng tương sinh là mất giả tạo : Phàm gặp hào thế, hào ứng tương sinh, đặc biệt là hào ứng sinh hào thế thì đó là mất giả tạo.

Hào tài ở quẻ nội là mất ở trong nhà, ở quẻ ngoại là mất ở chỗ khác : xưa nói quẻ nội có hào tài là của mất trong nhà; quẻ ngoại có hào tài là của mất ở chỗ khác. Hoặc là nói hào tài ở quẻ nội là của đang ở trong nhà; hào tài ở quẻ ngoại là của để ngoài nhà. Nhưng thực tế không hoàn toàn như thế. Nên khi đoán không thể nói chung chung.

Tài phúc biến hóa lẫn nhau thì phải xem tăng hay giảm : Trong quẻ hào tài hóa hào tử tôn hoặc tử tôn hóa tài là không phải bị ăn trộm hoặc liên quan đến thất lạc. Nếu thần phúc gặp hào tử tôn là bị chuột tha đi, hào đầu là hang hốc. Nếu là sừ thì tìm ở chuồng trâu; nếu là dấn là mèo tha; ngộ là ở chuồng ngựa; mùi, hợi là ở cạnh chuồng dê, chuồng lợn; dậu là cạnh cuồng gà. Gặp hợp là ở trong, không hợp là ở ngoài. Độc giả có thể tham khảo.

Quẻ không có dụng thần thì phải xem phục thần : nếu dụng thần không hiện trong quẻ thì phải xem phục thần ở hào nào. Phục thần ở hào phụ mẫu là vật ở bậc bề trên, ở gian chính của nhà; không hợp là vật ở trong quần áo hoặc giấy tờ; có hợp là trong hòm quần áo hoặc hòm sách. Nếu phục tàng dưới hào huynh đệ là vật ở chỗ anh chị em hoặc bạn bè; phi thần sinh phục thần khác hào thế là vật mất có thể tìm lại được.

Huyền vũ ở hào quan quý là bị trộm : phàm là việc trộm cắp hoặc cướp giật thì hào quan quý, huyền vũ là dụng thần của kẻ trộm.

Hào tài ở quẻ nội là vật đang ở trong nhà hoặc bị người nhà lấy, quẻ gặp quy hồn là người thân thích chiếm : hào tài ở quẻ nội lại hóa thành hào tài của quẻ nội cung đó là của ở trong nhà hoặc do người nhà lấy. Quẻ gặp quy hồn có thể là người thân thích lấy.

Quẻ có hai hào quan quý thì kẻ trộm không chỉ có 1 người : quẻ có 1 hào quan quý là chỉ có 1 người trộm, nếu trong quẻ có 2 hào quan quý là 2 người cùng gây án.

Hai quẻ nội, ngoại đều động : quẻ nội động, quẻ ngoại yên tĩnh là người trong nhà hoặc người gần đó lấy trộm cho người ngoài. Quẻ ngoại động, quẻ nội yên tĩnh là người nhà làm nội gián, người trong nhà và người ngoài cùng cấu kết.

Hào thế bị hình xung khác là kẻ địch gây nên : hào quan quý hình xung hào thế thì kẻ ăn trộm là kẻ tư thù. Câu trần hợp hào thế là người ăn trộm có liên quan với người thân.

Căn cứ hào âm, hào dương để phân biệt nam hay nữ : hào quan quý là hào dương thì kẻ trộm là nam; nếu là hào âm thì kẻ trộm là nữ. Âm hóa dương là nữ âm trộm cho nam; dương hóa âm là nam ăn trộm cho nữ. Lúc lấy âm dương để định kẻ trộm là nam hay nữ cần phải chú ý : nếu quẻ gặp âm, hào quan quý âm thì thiên về kẻ trộm là nữ; quẻ thuộc dương thì thiên về kẻ trộm là nam, như thế sát với thực tế hơn.

Căn cứ quẻ nội, quẻ ngoại để đoán xa hay gần : hào quan quý ở quẻ nội phát động là người nhà hoặc thân thích lấy trộm, hoặc kẻ trộm ở gần; hào quan quý ở quẻ ngoại động là kẻ trộm từ ngoài đến.

Quẻ gặp vương tướng thì không phải là mất trộm : quẻ gặp vương tướng, hào quan quý phát động thì vật tuy mất, nhưng không phải mất trộm mà có thể do người nhà dùng gây nên.

Hào quan quý lâm nguyệt kiến thì đừng cho là mất trộm : hào quan quý lâm nhật, nguyệt kiến, dụng thần không rơi vào tuần không hào quan quý thì thế đều không phải là kẻ trộm mà phần nhiều là người nhà gây nên. Nếu hào quan quý tương sinh với hào thế hoặc hào quan quý ở cung đó động thì cũng do người thân hoặc bạn bè gây nên.

Hào quan quý hóa thành các hào khác là có ý nghĩa khác nhau : hào tài hóa hào quan quý là bị người trộm, hào quan quý hóa hào tài là vật đó chưa đi xa, nếu tìm nhanh thì được.

Hào thế, hào ứng xung hào quan quý thì chủ nhân sẽ có linh tính báo : hào thế xung hào quan quý thì chủ nhân cảm giác được; hào ứng xung hào quan quý thì người khác biết. Hào bên cạnh xung hào quan quý thì người bên cạnh biết được ai lấy.

Nhật thìn khắc hào quan quý thì kẻ trộm bị kinh động : nhật thìn, hào động hình khắc, hào quan quý thì kẻ trộm hốt hoảng để bắt được.

Căn cứ các hào của quẻ nội, quẻ ngoại để tìm : dụng thần lâm hợi tý thủy, lại ở hào đầu thì có thể tìm bên cạnh giếng hoặc ở chỗ có nước, ở hào hai thì tìm ở cạnh lò bếp; ở hào 3 thì tìm trong nhà; nếu dụng thần phục tàng dưới hào 3 thì có thể tìm ở nhà thờ; nếu ở hào 4 thì tìm phía trong hoặc ngoài cửa; ở hào 5 thì tìm cạnh đường đi; ở hào 6 tìm ở trên dầm xà nhà. Độc giả lúc vận dụng phải xem mất vật gì để kết hợp thực tế mà vận dụng cho thích hợp.

Căn cứ ngũ hành trong hào để biết chỗ chôn giấu : dụng thần lâm thủy thì tìm bên bờ ao, mép nước; lâm mộc : tìm ở chỗ rừng cây, vườn cây, bụi rậm, đồng củi, cỏ; lâm hỏa : tìm cạnh các lò bếp; lâm kim : tìm ở những chỗ có đồ đồng, đồ sắt; lâm thổ : tìm ở chỗ đồ gốm, sành sứ; lâm hưu tù : tìm ở đồng ngói.

Sợ nhất hào thê tài kiếp sát hoặc tuần không, vong : Quẻ gặp hào huỳnh động thì vật thất tán khó tìm; hào tài tuần không, vong thì không tìm lại được.

Hào tài hưu tù thì tìm uổng công vô ích : Quẻ nội hào tài hưu tù không có khí thì tìm vô ích. Quẻ ngoại hào tài hưu tù là của đã đi xa, khó mà tìm được.

Dụng thần nên tĩnh không nên động : hào tài yên tĩnh là vật nằm im, hào tài không tuần không, sinh thế hợp thế là vật dễ tìm. Hào tài phát động tất có biến đổi, vật không bị chuyển dời thì cũng đã bị phân tán. Nếu sáu hào đều loạn động thì tình hình rất phức tạp.

Hào dụng khắc hào thế là vật dễ tìm, hào thế khắc hào dụng là vật khó tìm : dụng thần gặp tuần không, hóa không thì khó tìm lại vật; hào tài gặp nguyệt lệnh hoặc nhật thìn sinh vượng thì vật chưa bị phân tán có thể tìm được.

Hào tài nhập mộ thì phải chờ đến khi xung khai : hào tài nhập mộ, phục mộ là vật bị giấu trong kho hoặc dưới hầm ngầm hay lẫn trong các vật khác, chờ cho đến ngày xung mất mộ kho mới tìm được. Nếu hào tài lâm quý mộ là vật dấu trong đền chùa, hào tài không có khí là ở trong mộ, hào tài có phi xà thì vật ở chỗ bàn thờ hoặc tượng phật.

Hào tài động, bị nhật thìn hợp chặt là vật bị dấu dưới sâu : hào tài động mà hóa thành phụ mẫu thì vật ở trong nhà.

Hào quan quý vượng hay suy, để xác định tuổi của kẻ trộm : hào quan quý sinh vượng là kẻ trộm ở tuổi trung niên, hoặc thanh niên, quan quý mộ tuyệt thì kẻ trộm là người già; hào quan quý là thai dương thì kẻ trộm là trẻ con; hào quan quý bị hình khắc hại thì kẻ trộm là người có bệnh. Quẻ nội ở bản cung thì kẻ trộm ở gần hoặc là người nhà; quẻ nội ở cung khác thì kẻ trộm là người ở nhờ hoặc người khác họ ăn trộm.

Căn cứ bát quái để định phương hướng, lục thần để định kẻ trộm : Quẻ cần là ở phương tây bắc; phi xà lâm hào quan quý là kẻ trộm người cao gầy; lâm bạch hổ vượng tướng thì kẻ trộm là to béo; lâm hưu tù thì kẻ trộm người gầy nhỏ.

Căn cứ vào ngũ hành của hào quan quý để biết thủ đoạn : mộc ở quan quý khắc thổ là đào tường khoét vách; kim khắc mộc là vượt tường, luồn cửa; hỏa khắc kim là bẻ khóa; thủy khắc hỏa là trộm ban đêm; thổ khắc thủy là trộm lúc mưa; mộc hỏa biến hóa lẫn nhau là cướp ngầm, cướp đêm; mộc khắc hào sáu là chui tường mà vào; khắc hào đầu : là vào từ cửa sau.

Hào tử tôn trì thế là có thể bắt được kẻ trộm để lập án : phạm đoán phá án bắt trộm hào tử tôn là nhân viên công an, hào quan quý là kẻ trộm. Hào tử tôn vượng tướng mà động, hào tử tôn trì thế lâm nhật, nguyệt thì phá án sẽ nhanh, kẻ trộm dễ bị bắt.

Hào quan quý lâm mộ là kẻ trộm đã lánh xa : hào quan quý lâm mộ là kẻ trộm nấp ở trong đền miếu, nếu hươu tù tử tuyệt kẻ trộm nhất định nấp dưới hầm.

Hào quan quý gặp tứ kho, cung chấn, cung kim thì tham khảo ở Chương người đi xa. Quẻ không có hào quan quý thì phải xem phục thân : hào quan quý là phục thân của hào phụ mẫu thì kẻ trộm là bề trên, nếu không cùng là người làm thủ công mỹ nghệ; phục thân ở hào huynh đệ thì kẻ trộm là người cùng thế hệ hoặc bạn bè; phục thân ở hào thê tài thì kẻ trộm ở nhà bạn gái; phục thân ở hào tử tôn thì của ở trong đền miếu, hoặc kẻ bạc dưới mình, phục thân mộ thì vật mất ở kho tàng hoặc nhà giàu.

Hào quan quý động hợp hào thê tài thì do nữ giới lấy đi : hào quan quý động hợp với hào tài là bị phụ nữ lừa lấy đi.

Hào quan quý tĩnh là dễ tìm, động là khó tìm, tuần không là không tìm được : hào quan quý yên tĩnh là dễ bắt; động thì thường thay đổi địa điểm khó bắt; hào quan quý không vong là khó dò ra tông tích.

Hào quan quý gặp hợp là có nơi tàng chứa : hào quan quý động mà gặp hợp hoặc được nhật thìn hào động hợp chặt là có người tàng chứa. Muốn biết người nào thì phải xem lục thân của hào. Nếu gặp xung động, xung khai là có người chỉ điểm cho chạy trốn.

Hào thế hào ứng tương xung thì sẽ bắt được : hào thế, hào ứng đều động mà tương xung là dọc đường sẽ có người bắt gặp. Hào quan quý hưng vượng, hào thế động cũng như trên. Hào thế động khắc hào quan quý, hào thế vượng, hào ứng suy thì kẻ trộm sẽ bị bắt; hào ứng vượng, hào thế suy, hào quan quý khắc hào thế thì tuy gặp kẻ trộm mà không bắt được.

Hào quan quý gặp sinh phù là kẻ trộm được cứu thoát : hào quan quý gặp xung là bị người ta khám phá ra; hào quan quý bị khắc là kẻ trộm bị bắt; nếu hào quan quý được nhật, nguyệt, hào động sinh phù là được người cứu thoát cùng chạy trốn. Nếu hào khác có tình với hào thế tất sẽ có người đến báo cho biết. Hào thế bị xung khắc là bị người khác dấu chuyện đi.

Hào thế nên khắc hào quan quý, không nên hào quan quý khắc hào thế : hào thế khắc hào quan quý là mình chế ngự được nó, chưa đi được xa dễ tìm thấy. Hào quan quý khắc hào thế là mình không lợi, khó tìm.

Hào thế suy, hào quan quý vượng là không lợi cho mình : phá án bắt trộm, hào thế phải vượng hào quan quý phải suy nhược thì án mới dễ phá, kẻ trộm mới bị bắt. Nếu hào quan quý vượng, hào thế suy hoặc động biến, nhật nguyệt hình khắc hào thế thì không những khó bắt mà còn phải đề phòng kẻ trộm hại lại mình.

Hào thế mộ vượng thì không nên đi ra ngoài : bắt kẻ trộm hào thế nhập mộ, lâm mộ, động mà hóa mộ, hào quan quý lâm vượng địa thì phải đề phòng kẻ trộm bắt mình.

Mộc ở cung khâm là kẻ trộm đi thuyền chạy trốn; : hào quan quý lâm hào mộc ở cung khâm là chạy trốn bằng đường thủy; mộc hóa thủy, thủy hóa mộc, hoặc thủy động ở cung mộc đều là như thế.

Hào huynh đệ động trì thế là hao tài tốn của : phá án bắt trộm gặp hào huynh đệ động, hoặc hào huynh đệ trì thế thì phải mất của mới có thể tìm được. Nếu lâm huyền vũ vượng mà khác thế thì phải đề phòng bị lừa.

Hào thế, hào ứng ngang nhau là vật ở ngay chỗ đó : hào thế, hào ứng đều tuần không thì không cần phải tìm.

Bản cung hóa bản cung là vật chưa đi xa : nếu hào quan quý ở quẻ "càn" hóa nhập vào quẻ "câu" là cùng cung thì kẻ trộm đang ở vùng đó; hóa nhập cung khác là kẻ trộm đã đi xa.

Hào quan quý hóa thoái là dễ bắt, hóa tiến là khó bắt : hào quan quý hóa tiến, hóa sinh là khó bắt; hóa thoái, hóa suy là dễ bắt. Hào thế động khác hào quan quý tất nhiên sẽ bắt được để truy án.

Quẻ quy hôn là bắt được; quẻ du hôn là chạy mất : quẻ gặp quy hôn là kẻ trộm có ý quay về, nếu sinh thế hợp thế là kẻ trộm sẽ tự thú; nếu hóa du hôn là nhất định sẽ chạy đi.

Thăm dò tình hình phải xem hào động : quẻ gặp hào tý động thì phải tìm đến đàn ông hay người đánh cá; hào sừ động thì phải hỏi kẻ chăn trâu; dân động thì hỏi thợ mộc, thợ rừng; mào động thì hỏi thương nhân hoặc người buôn bán; thìn động thì hỏi người đào giếng, đào đất, khai hoang; ty động thì hỏi người phụ nữ (con gái) mặc áo hồng hoặc người nuôi rắn; ngọ động thì hỏi người đốt lò hay người chăn ngựa; mùi động thì hỏi người chăn dê; thân động thì hỏi người thợ rèn, đúc đồng, người nuôi khỉ; dậu động thì hỏi người bán rượu, thợ may; tuất động thì hỏi người đào đất, đào bùn, người đất chớ; hợi động thì hỏi người gánh nước, đạp xe, giặt quần áo, đi tắm.

Ví dụ : Ngày canh thân, tháng mao, năm 1985, Triệu Thế Lan ở công ty tôi nói, buổi trưa lúc tan tầm để xe đạp trước cửa, 1g30 đi làm thì không thấy nữa. Tìm khắp nơi mà không có kết quả, xin xem giúp có thể tìm được không ?

Được quẻ "tý" của quẻ "khâm".

KHÂM VI THỦY

Huynh đệ tý thủy.. thế

Quan quý tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim..

Thê tài ngọ hỏa.. ứng

Quan quý thìn thổ O

Tử tôn dần mộc..

THỦY ĐỊA TÝ

Huynh đệ tý thủy.. ứng

Quan quý tuất thổ.

Phụ mẫu thân kim..

Tử tôn mao mộc.. thế

Thê tài ty hỏa..

Quan quý mùi thổ..

Khảm là xe, phụ mẫu thân kim là dụng thần lâm nhật kiến mà sinh thế. Thê tài ngộ hỏa hóa tử tôn mao mộc sinh trở lại, quan quý tuy là trộm đi nhưng đồ vật có thể tìm lại được. Tôi nói với anh ta đừng lo, giờ thân chiều mai là có thể tìm được xe. 4 giờ chiều ngày hôm sau tìm thấy xe bên cạnh đường. Ứng vào giờ thân ngày hôm sau là vì ngày thứ hai là ngày thân Dậu thuộc kim vừa sinh quẻ khảm vừa hào dụng thần thân kim lâm đất để vượng mà sinh hào thế.

Ví dụ : Ngày bính tý, tháng sửu, năm 1987 cô Lưu ở Công ty tôi nhờ đoán xe đạp bị mất trộm có thể tìm được không, được quẻ "truân" của quẻ "ký tế".

THỦY HỎA KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy.. ứng
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Huynh đệ Hợi thủy O thế
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy..
 Quan quý tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim..
 Quan quý Thìn thổ..
 Tử tôn dần mộc.. thế
 Huynh đệ tý thủy.

Phụ mẫu thân kim là dụng thần, không vong gặp tử lại mộ ở nguyệt kiến là tượng không tìm lại được. Hào huynh đệ tri thế lâm nhật kiến phá tài cũng là điềm không trở về. Tôi nói với cô Lưu : Mới gần đây cô vừa mất xe, lần mất xe này cũng không tìm lại được. Đúng ! Tháng trước tôi mới bị trộm mất xe không tìm được, vừa mua xe mới này lại bị trộm, thật rủi ro ! Kết quả là không tìm được. Chuyện mất xe lần trước là hào huynh đệ tri thế động, tức là chỉ việc đã qua.

Ví dụ : Ngày át Hợi, tháng tỵ, năm 1986 anh Vu ở công ty tôi bị mất xe máy đã tìm 1 thời gian khá dài mà vẫn không thấy, nhờ đoán xem có tìm được không. Được quẻ "tiết" của quẻ "nhu" :

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim.. thế
 Huynh đệ Thìn thổ O
 Phụ tử hỏa : quan quý dần mộc.
 Thê tài tý thủy. ứng

THỦY TRẠCH TIẾT

Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim.. ứng
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu tỵ hỏa. thế

Phụ mẫu tỵ hỏa ứng làm dụng thần nay dùng phục thần quan quý dần mộc là phi thần đến để sinh trợ phục thần được trường sinh, vật không mất. Hào tử tôn tri thế cũng là vật không mất; hào huynh đệ động kiếp tài nhưng sinh hào thế, hào thê tài lâm nhật kiến cũng là tượng không mất của. Do

đó tôi nói với anh ta trong vòng 7 ngày sẽ tìm được. Ngày thứ 4 anh Vũ nói với tôi : đúng hôm đoán quẻ thì tìm được. Ứng vào ngày át Hợi là vì thế tài lâm nhật kiến, nhật kiến xung mất phúc thần tỵ hỏa là hào dụng thần là ngày xe hiện ra nên tìm được.

Vi dụ : Ngày 3-11-1988, (ngày đình mùi, tháng tuất) lúc tôi đang giảng bài ở Nam kinh, 1 người trong hội nghiên cứu Kinh dịch của tỉnh đến nói với tôi : lúc 1 giờ 30 trưa hôm nay nhà bị mất hơn 1.000 đồng, nhờ đoán xem có thể tìm lại được không ? Được quẻ "khốn" của quẻ Khảm" :

KHẨM LY THỦY

Huynh đệ tỵ thủy..
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim x
Thê tài ngộ hỏa.. ứng
Quan quý thìn thổ.
Tử tôn dẫn mộc..

TRẠCH THỦY KHỐN

Quan quý mùi thổ..
Phụ mẫu dậu kim.
Huynh đệ Hợi thủy. ứng
Thê tài ngộ hỏa..
Quan quý thìn thổ.
Tử tôn dẫn mộc.. thê

Tôi xem quẻ nói với vợ chồng anh ta : đừng vội, không cần phải đi báo công an, tiền không phải người ngoài lấy trộm mà là trẻ con trong nhà. Trong hàng anh chị em là người thứ hai, trong con trai là thằng cả, nên nói nhẹ nhàng với cháu là được. Ngày hôm sau anh ta phấn khởi cho tôi biết : may mà đoán, không thì sẽ sai to.

Không phải người ngoài lấy trộm vì quan quý tuất thổ lâm nguyệt, nhật kiến là không phải bị mất trộm, hào thê tài ở quẻ nội lại hóa ra hào thê tài ở quẻ nội là vật ở trong nhà, cũng là người của mình gây ra. Hào đầu tử tôn dẫn mộc là nữ, là giáp mộc, là đứa lớn nhất, tử tôn thần phúc nên không phải là trộm. Khảm là trung nam là trộm cùng với chấn là trưởng nam, nếu con trai là con cả.

Vi dụ : Chiều ngày 16/4/1986, Trương Hồng Bảo ở Công ty tôi nói : ngày 18 tháng 2 âm lịch (ngày canh Ngọ, tháng Mão) giờ thân năm nay nhà tôi bị mất trộm. Nhờ xem có thể phá án được không ? Nếu phá án thì có tìm lại được đồ vật không. Được quẻ "mông" của quẻ "bốc".

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tỵ thủy.. thê
Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài Mão mộc..
Quan quý tỵ hỏa x ứng
Phụ mẫu mùi thổ..

SƠN THỦY MÔNG

Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tỵ thủy..
Phụ mẫu tuất thổ.. thê
Quan quý Ngọ hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dẫn thổ.. ứng


Tôi đem kết quả dự đoán nói với ông Trương : 1) Những đồ vật đắt tiền của ông để ở nơi cao nhất trong nhà mà bị trộm. 2) Sở công an không tìm thấy một manh mối nào, cũng không lần ra đường dây nào. Ông Trương nói : hai điều đó hoàn toàn đúng. Tôi lại nói 3) Kẻ trộm từ phương đông nam đến, trộm xong lại đi theo hướng đông nam. 4) Bọn trộm có 3 người : 2 nam + 1 nữ. Tháng 3 âm lịch năm nay có thể phá án, đồ vật có thể lấy lại được 1 số.

Về sau ông Trương báo cho biết : Tháng 3 đã phá án, những điều khác giống như đã đoán, nhưng bọn chúng chỉ thừa nhận có 2 nam, không có nữ.

Đồ vật đắt tiền đặt ở chỗ cao vì hào chính trên dẫn mộc là hào thể tài, hào thể có thần phúc sinh. Sở CA không lần ra đầu mối vì hào tử tôn là người bắt trộm làm nhật phá nên vô lực; đi từ phương đông nam đến vì ty hỏa hóa thìn thổ. Tháng 3 phá án, vì thìn thổ làm nguyệt kiến, xung mất tuất thổ, tuất là hóa kho nên bọn trộm bị bắt. Cửa cải thu 1 phần vì hào tử tôn trì thế là không mất, nay tử tôn gặp nhật phá vô lực nên không thể thu về toàn bộ.

Vi dụ : Ngày 10/11/1988, khi tôi đang giảng bài ở Nam kinh ngài Tế Dũng – phóng viên Nhật báo Nam kinh – cầm đến 1 bản án về mất trộm nói là Sở CA Giang Tô nhờ tôi đoán. Thời gian phá án là 10 giờ sáng ngày 28/10/1988 (âm lịch là : giờ ty, ngày 18/9) tôi gieo được quẻ "khôn" của quẻ "sư". Đoán được kết quả là :

Giờ ty ngày 18 tháng 9 năm 1988

Quý ty bình thìn nhâm tuất mậu thìn 

(1) Sau khi phá án Cục công an đã triển khai 1 lực lượng rất mạnh.

(2) Trong vòng 10 ngày phá án, bọn trộm bị bắt vào khoảng ngày 3 tháng 11.

(3) Bọn trộm ít nhất có 2 người, vóc người không cao lắm (khoảng 1m60 đến 1m66) trong đó có 1 tên mặt lẩn sắc đen.

(4) Người phụ trách phá án này có năng lực tổ chức rất mạnh.

Sở CA rất kinh ngạc khi thấy tôi phân tích kết quả, ngay lúc đó đã viết kết luận lên bản ghi kết quả đoán quẻ của tôi : "Phân đội đã triển khai nhanh, phá án nhanh, ngày 29 tháng 10 đã phá án. Bọn trộm có hai người (nữ), 1 người cao 1m60, người kia cao 1m62, có 1 người trên mặt có những vết sạm đen. Hạ lệnh cho ông Lý... của phân cục CA Nam kinh thi hành. 10-11-1988. Tế Dũng còn nói với tôi : người phá án rất có công, đã 3 lần lập công và được thưởng.

Chương 22

ĐOÁN VỀ BỆNH TẬT, BỊ THƯƠNG

Mọi việc trên đời đều chịu âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa, con người cũng không ngoại lệ. Cho nên "Hoàng đế nội kinh - Chương âm dương ứng tượng đại luận" có nói : âm dương là đạo của trời đất, là kỷ cương của vạn vật, là cha mẹ của biến hóa, là nguồn gốc của sinh sát. "Sự hợp của trời đất không thoát khỏi ngũ hành", tức là nói : âm dương ngũ hành sinh khắc là quyền chủ tể sinh hóa của vạn vật.

"Hệ từ của Chu dịch" nói : "Âm dương giao hợp là sự bắt đầu của vật, âm dương phân ly và sự kết thúc của vật. Hợp thì sinh, ly thì tử". Chương "Ngọc bản ký yếu" của nội kinh nói : "Trùng dương là chết, trùng âm là chết". Y học hiện đại cũng cho rằng con người sở dĩ sinh bệnh, thậm chí chết, hoặc phát sinh những tổn thương khác đều là âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa quyết định. Bát quái chính là căn cứ vào quy luật âm dương ngũ hành sinh khắc biến hóa để đoán bệnh của người và thời gian chết của người.

I. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT (Phần I)

Vũ trụ là đại thiên thể, con người là tiểu thiên thể. Tiểu thiên thể này cũng giống như đại thiên thể không ngừng vận động, chẳng qua sự vận động của nó diễn ra dưới ảnh hưởng của đại thiên thể. Quả "hàm" đã tổng kết ảnh hưởng của đại thiên thể đối với tiểu thiên thể là : hai khí thiên, địa tương cảm. Rất nhiều sự thật lịch sử cũng chứng minh hoặc cảm ứng giữa người và trời đất là tồn tại thật.

Đã từ lâu âm dương ngũ hành luôn luôn được mọi người thừa nhận là 1 danh từ triết học trừu tượng, thực tế ra khí của âm dương ngũ hành cũng giống như vật chất, cũng có chất lượng. Tuy rằng khoa học hiện đại chưa có cách gì đo được nó, nhưng y học hiện đại đã thừa nhận rằng nó là 1 loại vật chất cô cùng tinh vi, có tác dụng quyết định sự sinh tử, tồn vong của con người.

Loại vật chất tinh vi này tuy nhìn không thấy, sờ không được, nhưng dùng bát quái - dùng thiên can địa chi - để sắp xếp và làm tiêu chí cho cơ thể con người thì rất dễ dàng thấy được những thông tin âm dương ngũ hành của cơ thể suy biến và phát sinh, sinh khắc chế hóa ra sao. Cho nên bát quái đã căn cứ nguyên lý âm dương biến hóa, các quy tắc ngũ hành sinh khắc để

dự đoán bệnh tật. Để chứng minh vấn đề này, chúng ta một lần nữa xem lại ngũ hành bát quái có liên quan với các tiêu chí trong cơ thể con người ra sao.

Ngoại ngũ hành : Càn là đầu; đoài là miệng; ly là mắt; chấn là chân; tốn là đùi; khảm là tai; cấn là tay; khôn là bụng.

Nội ngũ hành : Càn, đoài là phổi; ly là tim; chấn là gan; tốn là mật; cấn là lá lách; khôn là dạ dày; khảm là thận.

Ngũ hành : - Thủy là thận - mộc là gan, - hỏa là tim, - thổ là lá lách, dạ dày, - kim là phổi.

Quý là bệnh hoạn, là chứng bệnh : hào quan quý là thủy là thận có bệnh, chứng của nó là ác hàn, đổ mồ hôi trộm, di tinh. Hào quý là mộc là bệnh gan, chứng của nó : cảm phong hàn, chưa đau hoặc tứ chi khó cử động; hào quý là hỏa : bệnh tim, chứng của nó là phát nhiệt, miệng khô tựa lưỡi, hoặc phát nhọt độc. Hào quan quý là thổ : là bệnh thần kinh, chứng của nó là vàng da và phù thũng, là cái độc của ôn dịch. Hào quan quý là kim : là kinh tỳ có bệnh, chứng của nó là ho, run lạnh hoặc thở suyễn đờm nhiều, hoặc bệnh về răng.

Hào quan quý ở cung khâm thì đại tiện không thông : hào quan quý là thủy ở cung khâm, nếu hóa thổ khắc trở lại hào đầu của cung đó là tiểu tiện không thông, hào âm thì đại tiện không thông. Cung dương tượng âm, hoặc cung âm tượng dương thì đại tiện đều không thông. Nếu bạch hổ lâm hào dương là đi đại tiện tiểu lẫn máu; bạch hổ lâm hào âm là đi ngoài có máu. Bạch hổ có hình khắc là bệnh trĩ.

Hào quan quý ở cung đoài sát phạt thì phải cẩn thận : phạm đoán bệnh gặp hào quan quý kim vượng tương mà khắc hào thế là bị những vết thương dao đâm, nếu nhẹ cũng là bệnh đau răng.

Hào quan quý ở cung chấn : phải đề phòng bị thương gãy xương. Quan quý ở cung Chấn là chủ về bệnh ở chân. Nếu lâm phi xà là chân phù thũng; lâm bạch hổ là tai nạn gãy chân; mộc ở hào quan quý là chân bị mối, tê; thổ ở quan quý hóa mộc là chân bị phát cước; thủy ở quan quý là bệnh phong thấp; hỏa ở quan quý là bị mụn nhọt; kim ở quan quý là gãy xương hoặc chân bị dao đâm.

Quan quý ở cung Ly mắt bị đau : ly là mắt nếu hỏa ở quý là mắt có bệnh. Ly là tim, phải đề phòng bệnh tim, bệnh cao huyết áp. Hỏa quý hóa khắc trở lại không thở suyễn thì cũng hôn mê.

Quan quý ở cung Càn, đề phòng bệnh đau đầu : Càn là đầu cho nên quý ở cung Càn hóa mộc là bệnh đau đầu, vầng đầu; mộc động biến thành quan quý cũng như thế.

Quan quý ở cung Cấn, thì sẽ sinh bệnh mụn nhọt : hỏa của cấn là quý nhất định sinh nhọt độc; nếu biến thành thổ quý là bệnh phù thũng cổ trướng.

Quan quý ở cung Tốn - là bệnh ở đùi : Tốn là âm mộc, nếu mộc quý biến thành kim khắc trở lại thì dễ phòng bị thương ở đùi hoặc bệnh đau mắt.

Quan quý ở cung Khôn - là bệnh ở bụng : hỏa quý là bệnh đau bụng, thủy quý là đau bụng đi tả hoặc kiết lỵ; thổ quý là bệnh ăn bị đầy chướng; mộc quý là bệnh ruột đau xoắn; kim quý là bệnh đau ở vùng ngực liên sườn.

Sáu hào của bát quái trong cơ thể được sắp xếp là : (theo sách "Bốc phê nguyên qui") : "Hào đầu chỉ về sự bị thương; hào hai là bệnh ở 2 chân nặng; hào ba là bệnh ở vùng thất lung, thường nhẹ; hào bốn là bệnh ở bụng, dạ dày, ruột; hào năm là bệnh thận yếu, nhiều chướng khí; hào sáu là bệnh ở đầu".

Lục thân chủ về các bệnh : thanh long lâm quan quý chủ về các chứng bệnh do tử sắc, quan hệ vợ chồng quá độ mà làm cho hư nhược, mất sức; chu tước lâm quan quý chủ về bệnh thân nhiệt, mặt đỏ, nói năng huyền thuyên; câu trăn lâm quan quý là ngực đầy chướng khí, tỳ vị không điều hòa; phi xà lâm quan quý là chủ về bệnh tim hốt hoảng, nằm ngồi không yên; bạch hổ lâm quan quý là bị đánh hay bị ngã gãy xương, phụ nữ băng huyết, huyết xung vãng đầu, sản hậu hư nhược; huyền vũ lâm quan quý là sắc dục quá độ tim rối loạn, âm hư vì huyền vũ chỉ về nguyên nhân sự ám muội.

II. DỰ ĐOÁN BỆNH TẬT (Phần 2)

Dùng lục thân đoán bệnh tật có phương pháp sau :

- *Tự đoán bệnh cho mình thì lấy hào thể làm dụng thân*. Hào thể phải vượng tướng hoặc được nhật, nguyệt, hào động sinh thể hợp thể, hoặc hào tử tôn tri thể, hoặc hào tử tôn trong quẻ động. Nếu như thế thì cho dù bệnh đã lâu hay mới bị uống thuốc là đều khỏi.

- *Đoán bệnh của cha mẹ* : lấy hào phụ mẫu làm dụng thân. Nếu được nhật, nguyệt, hào động sinh phù thì có bệnh cũng không đáng ngại. Phạm đoán bệnh hào quan quý là hung thần, có khác với hào phụ mẫu : quan quý là nguyên thần của hào phụ mẫu, bệnh nhẹ nên quan quý hưng vượng, phụ mẫu hóa quan quý gọi là sinh hóa trở lại, bệnh dễ khỏi. Bệnh lâu hoặc bệnh nặng, nếu hào quan quý hóa phụ mẫu, hoặc phụ mẫu hóa quan quý đều là điềm xấu. Hào huynh đệ làm cho hào phụ mẫu xep hơi, do đó hào huynh đệ không nên động, vì động thì bệnh sẽ khó chữa. Nếu gặp hào tử tôn vượng, hào tài phát động, dụng thân lại suy nhược thì chắc khó tránh khỏi cái chết.

- *Đoán bệnh cho con cái, lấy hào tử tôn làm dụng thần.* Hào tử tôn vượng mà lâm nhật, nguyệt, hào động sinh hợp với hào tử tôn, hoặc hào tử tôn hóa sinh trở lại thì cho dù mới bị ốm hay ốm đã lâu uống thuốc sẽ khỏi. Nếu trong quẻ hào huynh đệ sinh vượng, hào tử tôn phát động thì chết mà sống lại được. Nhưng kiêng nhất là hào thể tài động làm xep hơi là bệnh khó dứt. Nếu bệnh lâu hào quan quý phát động thì khó mà thoát khỏi.

- *Đoán bệnh cho anh em lấy hào huynh đệ làm dụng thần.* Hào huynh đệ vượng tướng lại lâm nhật, nguyệt, hào động hoặc gặp hào động sinh phù, hoặc hào huynh đệ động hóa sinh trở lại thì bệnh tật dễ qua. Nếu được hào phụ mẫu vượng, động để sinh là gặp nạn có sự trợ cứu. Gặp hào thể tài, quan quý động là thoát khỏi cái chết. Tử tôn tuy khắc quan quý, nhưng có nỗi lo lắng về tổn hao sức lực.

- *Đoán bệnh cho vợ, lấy hào thể tài làm dụng thần.* Nếu hào thể tài lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù hoặc hào thể tài động hóa tử tôn, hóa để vượng thì có bệnh cũng không đáng lo. Nếu hào thể tài vượng, hào quan quý tĩnh cũng sẽ yên tâm. Nếu hào phụ mẫu động thì bệnh khó khỏi. Nếu hào huynh đệ, tử tôn giao nhau trùng chéo, hoặc hào thể tài động hóa huynh đệ thì khó tránh khỏi cái chết.

- *Đoán bệnh cho chồng, lấy hào quan quý làm dụng thần.* Hào quan quý nên vượng, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, hào tử tôn tĩnh, hào thể tài động là gặp thần phúc. Hào phụ mẫu động làm tổn thương khí lực, sợ nhất là nhập mộ, hóa mộ, gặp mộ đều xấu.

Phàm đoán về bệnh tình, cho dù là tự đoán hay là đoán cho người quen, người ốm, nếu dụng thần tuần không (tự đoán thì hào thể là dụng thần) hoặc động mà hóa không, quẻ gặp lục xung biến thành lục xung thì uống thuốc là khỏi. Bệnh lâu ngày dụng thần gặp tuần không, nguyệt phá, động mà hóa không, hóa phá, hóa khắc trở lại, hay gặp nhật, nguyệt, hào động khắc, dụng thần hóa quý, hoặc quan quý hóa dụng thần, quẻ gặp lục xung bệnh thành lục xung, hoặc đại tượng hóa khắc trở lại thì phải lo chữa chạy ngay, cấp tốc trị liệu may ra còn cứu được.

Phàm đoán bệnh gặp hào quan quý tri thể là bất lợi. Người bị bệnh khó yên, khó khỏi, thậm chí nguy hiểm. Nếu là hóa mộ, thì đã xấu lại càng xấu hơn. Nếu là nam bị bệnh thì sợ ngày bệnh lâm trường sinh, nếu nữ thì sợ ngày bệnh lâm mộc đục, người già có bệnh sợ ngày bệnh lâm để vượng, người trẻ sợ ngày lâm hưu tù, tử mộ. Phương pháp của nó là hào thể bắt đầu từ trường sinh, nếu mộc trường sinh ở Hợi thì ngày đó là ngày kiêng.

Muốn biết bệnh nhẹ hay bệnh nặng phải xem phương vị của quan quý : hào quan quý ở quẻ nội thì bệnh nặng về ban đêm; quan quý ở quẻ ngoại thì bệnh nặng về ban ngày. Quẻ có hai hào quan quý, 1 vượng 1 không, hoặc 1 động, 1 tĩnh thì nhất định ngày nhẹ đêm nặng.

Nếu hào động sinh phù hào dụng thân, mà hào quan quý hình khắc hào dụng thần thì bệnh nhân sáng lạnh chiều nóng, ngày nhẹ đêm nặng.

Hỏa quý khắc thê tài là bệnh nôn mửa : hào thê tài là lộc, là ăn uống. Nếu hỏa quý động mà khắc hào thê tài thì bệnh nhân nhất định nôn mửa, nặng và không ăn được.

Trong quẻ hào quan quý không hiện thì phải xem phục thân : hào quan quý phục dưới hào thê tài tất là bị bệnh do ăn uống, hoặc vì tiền của mà bị bệnh, hoặc "quan hệ vợ chồng" mà bị bệnh. Hào quan quý phục dưới hào huynh đệ là vì nhan sắc hoặc tiền của mà cãi nhau, nhịn ăn đến sinh bệnh. Hào quan quý phục dưới hào phụ mẫu thì vì lao tâm khổ tứ, tổn hại tinh thần mà bị bệnh. Hào quan quý phục dưới hào tử tôn thì không do say rượu cũng là vì "quan hệ vợ chồng" quá độ mà gây nên, hoặc uống thuốc bổ quá nhiều mà gây ra bệnh.

Quan quý biến thành quan quý là vừa có bệnh cũ lại thêm bệnh mới : trong quẻ có hào quan quý lại biến ra hào quan quý là một lúc vừa có bệnh cũ lại bị bệnh mới. Quan quý hóa tiến là bệnh nặng thêm; hóa thoái là bệnh giảm dần.

Hai quẻ nội, ngoại đều có quan quý là nhiễm bệnh ở 2 chỗ : hai hào quan quý đều động, hoặc đều tĩnh là nhiễm bệnh cùng một lúc. Hai hào quan quý tự xung là dễ mắc bệnh mà cũng dễ khỏi.

Hào quan quý tại cung đó là mắc bệnh ở nhà : quan quý ở bản cung là ở nhà mắc bệnh chứng nội thương; quan quý ở quẻ ngoại là nhiễm bệnh từ chỗ khác. Hai quẻ nội ngoại đều có quan quý là nội thương, ngoại cảm.

Hào quan quý tri thể là sẵn có bệnh cũ : quan quý tri thể phần nhiều đã có mầm bệnh cũ. Nếu dụng thần bị thương tổn là bệnh cũ tái phát, nếu không thì bệnh rất khó khỏi.

Hào ba trực tuần không thì bệnh ở vùng thất lưng : hào ba trực tuần không, vượng tương mà không là lưng yếu. Nếu hào ba không tuần không mà gặp hào động, quan quý lâm nhật thin, hoặc quan quý xung khắc hào thể là bệnh trật cột sống ở thất lưng. Hào ba động và nếu đó là hào quan quý thì cũng thế.

Hào sáu bị hình khắc là chủ về bệnh đau đầu : hào sáu là đầu, nếu quan quý khắc thương tổn hào sáu tất nhiên là bệnh ở đầu, còn phải đề phòng bị thương tổn ở đầu.

Giữa hào thể, hào ứng mà có hào quan quý là lồng ngực bị tức đau : hào giữa là chỉ vùng lồng ngực, hào quan quý ở giữa là ngực bị tắc trở không thông. Kim quý là xương ngực đau, thổ quý là ngực bị căng tức; mộc quý là ngực bị ngứa bên trong, thủy quý là đường thực quản bị viêm tắc; hỏa quý là

bệnh tim. Nếu thể tài biến ra quan quý là do ăn uống khó tiêu mà gây ra bệnh.

Hai quẻ nội ngoại có hào thể tài là thượng thổ hạ tả : hào thể tài ở quẻ ngoại là chủ về thượng thổ; động mà ở quẻ hạ là chủ về hạ tả, quẻ nội có hào thể tài động là miệng nôn thốc nôn tháo. Nếu hào thể tài bị hợp chặt là nôn mà nôn không ra, đi chảy mà không đi được.

Trong quẻ không có hào thể tài là không muốn ăn uống : Hào thể tài chủ về ăn uống, nếu gặp tuần không, vong là ăn uống không vào. Nếu không có hào thể tài là không muốn ăn uống.

Hào huynh đệ tri thể là vì ăn mà bị bệnh : hào huynh đệ tri thể tất nhiên ăn uống giảm, hoặc vì ăn nhiều mà sinh bệnh.

Hào ứng gặp hào quan quý hoặc hợp dụng thân là người khác truyền bệnh cho mình : hào ứng lâm hào quan quý, hoặc bị hình khắc, hoặc khắc, hoặc hợp dụng thân là do thăm hỏi bạn bè mà bị nhiễm bệnh. Dụng thân lâm hào ứng là ốm nằm ở nhà người khác.

Dụng thân hóa thành hào khác là bị bệnh có nguyên nhân : dụng thân hóa phụ mẫu là bị bệnh nơi công trường xây dựng hoặc lao lực mà ốm. Nếu ở hào 5 gặp thủy là bị bệnh do dọc đường gặp mưa. Dụng thân hóa huynh đệ nếu không do cãi nhau tức khí thì cũng do ăn uống gây nên. Nếu ở hào ba thì do cởi áo bị lạnh. Nếu dụng thân hóa tử tôn là vì rượu chè, đi chơi, hoặc vì "quan hệ vợ chồng" mà bị bệnh.

Hào tử tôn tri thể là gặp nguy nhưng không đáng sợ : tử tôn là thần phúc đức chế ngự quan quý. Hào tử tôn tri thể hoặc động là bệnh tuy nguy hiểm nhưng chắc chắn sẽ qua khỏi. Tử tôn lâm không, phá thì đến ngày thực phá (ra khỏi) bệnh sẽ khỏi.

Tử tôn tri thể, phải đề phòng hào phụ mẫu gây tổn thương : hào tử tôn là thần giải ưu tư, hào thể, hào dụng gặp hào tử tôn, hoặc hào tử tôn phát động là tượng đại cát. Nhưng nếu gặp hào phụ mẫu động khắc trở lại, thì sẽ bất lợi, nếu hào phụ mẫu bị chế ngự thì không đáng lo.

Chỗ tuyệt gặp sinh là trong nguy cơ có sự cứu giúp : dụng thân gặp tuyệt địa nếu trong quẻ được hào động sinh phù thì tuy nguy nhưng có sự cứu giúp.

Phúc thân lâm nhật kiến là tượng không có thuốc cũng khỏi : hào tử tôn lâm nhật thìn, sinh phù dụng thân là tượng không cần dùng thuốc cũng khỏi.

Quan quý lâm nguyệt phá là xấu nhưng không chết : đoán bệnh hào quan quý nên yên tĩnh, không nên phát động vì động sẽ có biến. Nếu hào quan quý được nhật thìn, hào động xung tán là đại cát.

Hào tử tôn động hóa khắc thì bệnh sẽ khỏi, hoặc mắc trở lại : tử tôn động mà chế ngự quan quý thì bệnh sẽ khỏi. Nếu tử tôn động hóa phụ mẫu khắc trở lại thì bệnh khỏi rồi mắc lại.

Dụng thần trực tuần không, nếu mới mắc bệnh thì không đáng lo : dụng thần động, tinh gặp không, hóa không, nếu không có nhật thìn động hóa xung khắc thì chờ đến ngày xung mất không, bệnh sẽ khỏi. Nếu gặp xung khắc, tuy bệnh nặng nhưng không đến nỗi chết. Nếu dụng thần trực nguyệt phá, thì phải xem dụng thần suy hay vượng. Nếu dụng thần suy chờ đến ngày xung phá thì bệnh sẽ khỏi; suy mà bị khắc là bệnh nguy.

Kỵ thần động khắc, nguyên thần động là có cứu trợ : quẻ gặp kỵ thần động để khắc dụng thần là nguy; nếu được nguyên thần phát động tức là có cứu giúp.

Hào quan quý trì thế, nhập mộ nhất định là xấu : phạm đoán bệnh, hào quan quý lâm thế, mộ ở nhật thìn, hoặc hóa nhập mộ là tượng không tốt. Hào quan quý trì thế, phát động mà nhập mộ là cũng xấu.

Quan quý hóa trường sinh, bệnh tình sẽ nặng thêm : hào quan quý phát động, bệnh tình tất sẽ nặng. Nếu quan quý hóa trường sinh bệnh tình ngày càng nặng thêm.

Dụng thần lâm quý sát là điềm xấu ngay : Dụng thần suy nhược lại hóa khắc trở lại, nếu không có nhật, nguyệt, hào động giải cứu thì nhất định khó mà sống nổi.

Tán phá vô trợ là cát ít hung nhiều : dụng thần lâm đất phá tán lại hoàn toàn không có sinh phù thì phần nhiều là nguy hiểm.

Quan quý phục không vong là phải đề phòng sớm những chuyện bất ngờ : ở đây chỉ cha mẹ, chồng bị bệnh nặng mà gặp hào quan quý phục không vong thì phải đề phòng những tai họa không lường được.

Hai hào quan quý kẹp dụng thần nếu không chết thì cũng hôn mê : đoán bệnh nếu gặp hai hào quan quý kẹp dụng thần hoặc kẹp hào thế đều là điềm không tốt. Nếu là quan quý động khắc dụng thần thì đã xấu lại càng thêm xấu.

Hào quan quý kẹp hào thế là nguy khốn : quẻ gặp hào quan quý nhập mộ, hào thế mộ, dụng thần mộ không chết thì cũng nguy khốn. Nếu hào thế, dụng thần bị hào quan quý kẹp hai đầu, hoặc hai hào quan quý kẹp mộ thì nhất định sẽ chết. Còn nhật, thìn, hào động xung phá mộ kho là trong nguy có sự cứu giúp.

Dụng thần động hóa mộ đều chủ việc hôn mê : đoán bệnh, dụng thần động mà hóa mộ thì cho dù bệnh đã lâu nay mới bị, đều là tượng hôn mê.

Dụng thần vượng chờ đến ngày xung khai mộ kho mới yên; dụng thần hưu tù lại bị hình khắc hại thì khó mà qua khỏi; gặp tuần không nếu bệnh mới mắc thì khỏi, bệnh mắc lâu rất nguy hiểm.

Hào thế không, mộ, tuyệt là có cứu không đáng sợ, không có cứu thì sẽ chết.

Dụng thần biến quan quý, hóa khắc trở lại mà không có nhật, nguyệt, hào động giải cứu thì nhất định sẽ chết.

Bệnh lâu dụng thần trực tuần không nguyệt phá, dụng thần vượng tướng là khó chữa khỏi ngay được. Bệnh mới mắc mà dụng thần trực tuần không, nếu gặp tam hợp, lục hợp thì nhất định sẽ lâu khỏi.

Kỵ thần hóa dụng thần, dụng thần hoá kỵ thần thì bệnh rất khó chữa : dụng thần hóa quan quý, quan quý hóa dụng thần thì phải đề phòng bất trắc.

Hào thế lâm hào quan quý gặp trường sinh nếu không chết thì cũng bị thành tàn tật, lâu dài.

Dụng thần lâm nhật, nguyệt kiến sinh phù lại gặp hào động sinh phù gọi là thái quá, cứng mà dễ gãy nên sợ nhất là dụng thần gặp tháng xấu.

Đoán bệnh lấy hào thế nhập mộ thì sẽ biết cát, hung.

Bệnh lâu gặp xung thì chết, bệnh mới gặp xung thì khỏi, bệnh mới gặp hợp thì chết. Bệnh mới gặp quẻ biến, tử tuyệt là nguy khốn.

Quẻ lục hợp biến thành lục xung thực tế là hóa khắc trở lại, như loại chấn biến thành càn. Không cần biết dụng thần suy vong cũng thấy ngay sự nguy kịch. Quả ngang hòa hóa khắc, hóa tương sinh là tốt.

Dụng thần gặp tam hình, chắc chắn là sẽ chết : dụng thần bị nhật, nguyệt, hào động cấu thành tam hình để hình phạt dụng thần là chắc chắn chết. Nếu nguyệt nhật, nguyệt, hào động 1 cái trong đó hợp mất một nhánh thì còn có sự cứu giúp.

Mộc lâm quẻ xà, là tượng của sự chết : hào quẻ thuộc mộc, lâm phi xà mà khắc hào thế, tất sẽ chết.

Hào thế vượng tướng có nhật, nguyệt, hào động sinh phù, động mà hóa cát, người già không có bệnh mà chết.

Hào thế vượng tướng bị khắc chế hình xung thì tật bệnh cho đến chết.

Hào thế vượng tướng bị khắc chế, lục thần lại khắc hào thế là tai họa bất ngờ mà chết.

Hào thế vượng tướng là sống lâu; dụng thần hưu tù phải đề phòng đột tử. Hào thế là gốc, lâm nhật, nguyệt, hào động sinh phù, động mà hóa cát, hóa vượng, hóa sinh trở lại vẫn là tượng sống lâu.

Tử tôn là thầy thuốc, là thuốc, nên vượng tướng không nên hưu tù, tử tuyệt. Tử tôn vượng tướng là gặp thầy thuốc giỏi, gặp thuốc hay, dùng là kiến hiệu. Tử tôn suy thì không lợi.

Dưới đây giới thiệu mấy ví dụ để nói rõ vài cách dự đoán của tiết này. Độc giả nên nghiên cứu kỹ để nắm vững.

Vi dụ 1 : Ngày canh dần, tháng thân đoán người con mới mắc bệnh, được quẻ "giải" thuộc quẻ "hàng".

PHONG LÔI HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý Dậu kim O thế
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ..

LÔI THỦY GIẢI

Tử tôn tuất thổ..
Quan quý thân kim.. ứng
Tử tôn ngộ hỏa.
Tử tôn ngộ hỏa..
Thê tài Thìn thổ. thế
Huynh đệ dần mộc..

Tử tôn là dụng thần được nhật kiến sinh là tượng bệnh khỏi. Nhưng hào quý trì thế lại hóa tử tôn là điềm khắc trắc trở. May được tử tôn tuần không cho nên : "Bệnh mới gặp tuần không, ra khỏi tuần không là khỏi". Quả đúng ngày xuất không là khỏe.

Dụng thần gặp đất mộ tuyệt, và động mà hóa mộ, hóa tuyệt thì phải xem dụng thần suy hay vượng. Dụng thần vượng thì không đáng lo. Dụng thần suy, kỵ nhất là bị nhật, nguyệt, hào động khắc. Ngày khắc mất kỵ thần là bệnh khỏi. Dụng thần suy, ngày sinh trở kỵ thần là bệnh nguy.

Vi dụ 2 : Ngày bính thân, tháng Thìn đoán em trai bị bệnh được quẻ "cách" của quẻ "kỷ tế".

THỦY HÓA KỶ TẾ

Huynh đệ Tý thủy.. ứng
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim X
Huynh đệ Hợi thủy. thế
Quan quý Sửu thổ..
Tử tôn Mão mộc.

TRẠCH HÓA CÁCH

Quan quý Mùi thổ..
Phụ mẫu Dậu kim.
Huynh đệ Hợi thủy. thế
Huynh đệ Hợi thủy.
Quan quý Sửu thổ..
Tử tôn Mão mộc. ứng

Huynh đệ Hợi thủy là dụng thần, bị nguyệt khắc, nhưng có nhật sinh, lại được hào động sinh, là chỗ khắc gặp sinh, tức lâm nguy có cứu. Quả đúng giờ Dậu hôm đó được danh y cứu sống.

Vi dụ 3 : Ngày Mậu Thìn, tháng thân đoán chồng mới mắc bệnh được quẻ "ly" của quẻ "đồng nhân".

THIÊN HÓA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng
 Thê tài thân kim ○
 Huynh đệ ngộ hỏa.
 Quan quý hợp thủy. thế
 Tử tôn sừ thổ..
 Phụ mẫu mào mộc.

Quan quý là dụng thần mà trì thế, quan quý hóa quan quý, lại mộ nhật kiến, theo hào thế trì quỹ hóa quý mà nhập mộ thì không còn nói gì được nữa. Nhưng may tử tôn tuất thổ ám động xung mộ mà sinh nguyên thần là tượng phá mộ. Trong quẻ lại được nguyên thần lâm nguyệt kiến, hóa xuất mùi thổ để sinh trợ nguyên thần, nguyên thần sinh thế, thực là sao của người chồng rất vững. Hơn nữa nguyệt sinh nhật khắc là không đáng sợ, đều là tượng đại cát. Kiềm hợp thủy tuần không, không bị nó sinh, chờ đến ngày tự xung mất hợp thủy thì bệnh sẽ khỏi. Về sau đúng ngày tự bệnh khỏi.

Vi dụ 4 : Ngày mao, tháng sừ, đoán bệnh của cha, được quẻ "bôn" của quẻ "càn" :

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
 Huynh đệ thân kim ○
 Quan quý ngộ hỏa ○
 Phụ mẫu thìn thổ. ứng
 Thê tài dẫn mộc ○
 Tử tôn tý thủy.

LY VI HỎA

Huynh đệ ty hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Thê tài dậu kim.
 Quan quý hợp thủy. ứng
 Tử tôn sừ thổ..
 Phụ mẫu mào mộc.

SƠN HÓA BÔN

Thê tài dẫn mộc.
 Tử tôn tý thủy..
 Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Tử tôn hợp thủy.
 Phụ mẫu sừ thổ..
 Thê tài mào mộc. thế

Hào thế tuất thổ, phụ mẫu là dụng thần, bệnh mới mắc gặp hợp thì xấu. Nhưng may có dẫn ngộ tuất hợp thành hỏa cục mà sinh dụng thần, chờ ngày mai thìn thổ xung mất tuất thổ thì bệnh khỏi. Khỏi là do chỗ hợp gặp xung nên ứng nghiệm.

Vi dụ 5 : Ngày đinh ty, tháng mùi đoán chị dâu bị bệnh, được quẻ "khôn" của quẻ "bốc".

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc ○
 Tử tôn tý thủy.. thế
 Phụ mẫu tuất thổ..
 Thê tài mào mộc..
 Quan quý ty hỏa.. ứng
 Phụ mẫu mùi thổ..

KHÔN VI ĐỊA

Huynh đệ dậu kim.. thế
 Tử tôn hợp thủy..
 Phụ mẫu sừ thổ..
 Thê tài mào mộc.. ứng
 Quan quý ty hỏa..
 Phụ mẫu mùi thổ..

Thê tài dân mộc là dụng thần, động mà hóa khắc trở lại, lại mộ ở nguyệt kiến, bị nhật kiến hình phạt. Dụng thần biến khắc vẫn là quẻ phản ngâm là bệnh cũ tái phát. Bệnh này phải đề phòng những ngày thân, vì ngày đó nguy hiểm. Đứng ngày thân là cơ để hợp thành tam hình.

Ví dụ 6 : Ngày nhâm thìn, tháng dậu đoán con bị bệnh, được quẻ "đại quá" :

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý dậu kim .

Tử tôn ngộ hỏa : Phụ mẫu hợi thủy . thế

Quan quý dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ .. ứng

Ngộ hỏa tử tôn phục dưới hợi thủy, tử ở nguyệt kiến. Mà hợi thủy lâm nguyệt kiến sinh khắc dụng thần, trước mắt dụng thần tuần không, không bị nó khắc, ngày ra khỏi tuần không nhất định bị nó khắc, khó qua khỏi ngày ngộ. Về sau chết đúng ngày ngộ.

Ví dụ 7 : Ngày nhâm tuất, tháng tỵ, năm 1985 thấy ông già Chu thổ huyết đoán xem cát hung ra sao, được quẻ "khê" của quẻ "phệ hạp" :

HÓA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn tỵ hỏa .

Thê tài mùi thổ .. thế

Quan quý dậu kim .

Thê tài thìn thổ ..

Huynh đệ dân mộc X ứng

Phụ mẫu tý thủy .

HÓA TRẠCH KHUÊ

Tử tôn tỵ hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý dậu kim . thế

Thê tài sửu thổ ..

Huynh đệ mao mộc .

Tử tôn tỵ hỏa . ứng

Nguyên thân tỵ hỏa lâm nhật kiến vốn là điềm tốt, nhưng tỵ hỏa mộ ở nhật thìn là không có sức sinh trợ. Lại thêm kỵ thần huynh đệ dân mộc động, hóa tiến thần khắc hào thế, ngày bính thìn là đất kỵ thần vượng cho nên lão Chu khó qua được giờ dậu, ngày dân. Về sau đứng chết ở ngày giờ đó.

Như thế gọi là kỵ thần động mà hóa tiến, lâm vượng mà khắc thê nên nhất định chết.

Ví dụ 8 : Ngày mùi, tháng mùi, năm 1987 Thích Thường Lan ở đơn vị tôi nhận được điện báo ông bị bệnh nặng mà mất. Thử đoán xem có chết không ? Được quẻ "minh di" của quẻ "liêm" :

ĐỊA SƠN LIÊM

Huynh đệ dậu kim ..
 Tử tôn hội thủy .. thế
 Phụ mẫu sữu thổ ..
 Huynh đệ thân kim .
 Quan quý ngọc hỏa .. ứng
 Phụ mẫu thìn thổ x

ĐỊA HỎA MINH DI

Huynh đệ dậu kim ..
 Tử tôn hội thủy ..
 Phụ mẫu sữu thổ .. thế
 Tử tôn hội thủy .
 Phụ mẫu sữu thổ ..
 Thê tài mao mộc . ứng

Phụ mẫu thìn thổ là dụng thần, tuy hóa kỵ thần mao mộc khắc trở lại, nhưng mộc mộ ở nhật, nguyệt kiến, không có lực khắc là tượng nguy hiểm nhưng không chết. Sữu thổ phụ mẫu lại lâm nhật kiến xung, bệnh mới mắc gặp xung cũng là tượng không chết. Có Thích nói : Điện báo rõ ràng nói chết, tại sao lại đoán chưa chết ? Tôi nói : Cứ về quê xem cho rõ rồi hãy nói. Quả đúng bệnh rất nguy kịch nhưng đã sống trở lại.

Vi dụ 9 : Ngày 22-7-1987 (ngày mậu dần, tháng mùi), Cô Đình Anh ở công ty tôi hỏi chồng bị bệnh có khỏi được không. Được quẻ "hằng" của quẻ "tráng".

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim ..
 Phụ mẫu ngọc hỏa . thế
 Huynh đệ thìn thổ .
 Quan quý dần mộc .
 Thê tài tý thủy O ứng

LÔI PHONG HẰNG

Huynh đệ tuất thổ .. ứng
 Tử tôn thân kim ..
 Phụ mẫu ngọc hỏa .
 Tử tôn dậu kim . thế
 Thê tài hội thủy .
 Huynh đệ sữu thổ ..

Dần mộc quan quý là dụng thần, tuy có tý thủy nguyên thần động, biến hợp mà không sinh. Dụng thần lại mộ nguyệt kiến là diêm hung. Quẻ gặp lục xung, bệnh lâu gặp xung là chết. Ngày thìn là ngày mộ kho của thủy, nguyên thần nhập mộ, vô sinh là tất phải chết. Thầy thuốc Triệu hỏi tôi : Thế nào ? - Tôi đáp : lâu nhất cũng không qua nổi tháng 7 âm lịch, nhanh ra thì trong vòng 3 ngày sẽ chết. Về sau chết vào ngày canh thìn, tức là chưa quá 3 ngày.

III. DỰ ĐOÁN TAI NẠN, BỊ THƯƠNG

Dự đoán tai nạn bị thương trong công nghiệp, hoặc những tai nạn do sự cố bất thường gây ra, ngày xưa đã có sách chuyên bàn đến, nhưng không có phương pháp dự đoán cụ thể. Tôi trong quá trình dự đoán chỉ căn cứ vào những quẻ có liên quan trong Chu dịch, như các quẻ : quải, hàm, phong, tiêu quá, v.v... và những hào từ có liên quan đến cơ thể bị thương, lại căn cứ vào

các sách chiêm bốc xưa có nói : "Huynh đệ hóa huynh đệ, quan quý hóa quan quý, huynh đệ hóa quan quý, quan quý hóa huynh đệ" và những lời bàn có liên quan đến bị thương trong dự đoán bệnh tật, qua nghiên cứu thử nghiệm đã tích lũy được 1 số kinh nghiệm quý báu. Nay vì đang trong quá trình chỉnh lý, nên để nói rõ vấn đề chỉ đơn cử 1 số ví dụ sau.

1) Năm 1983, ông Trương ở công ty tôi nhờ tôi đoán vận hạn cho con gái ông. Tôi căn cứ vào tứ trụ, : sinh giờ tuất, ngày 16-8-1960 lấy được quẻ "liêm" của quẻ "minh di" :

ĐỊA HỎA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim ..
 Huynh đệ hợi thủy ..
 Quan quý sửu thổ .. thế
 Huynh đệ hợi thủy ..
 Quan quý sửu thổ ..
 Tử tôn mao mộc . ứng

ĐỊA SƠN LIÊM

Phụ mẫu dậu kim ..
 Huynh đệ hợi thủy .. thế
 Quan quý sửu thổ ..
 Phụ mẫu thân kim ..
 Thế tài ngọ hỏa .. ứng
 Quan quý thìn thổ ..

Quẻ thượng huynh đệ hóa huynh đệ, quan quý hóa quan quý tức hiện rõ sẽ bị thương ở chân tay. Trong quẻ sửu thổ trì thế 3 lần trùng lặp, nếu gặp năm sửu thì gặp 4 sửu thổ là thái quá mà thái quá thì dễ gãy. Quẻ ngoại lại phục ngâm là tượng rên rỉ. Cho nên tôi nói : năm 1985 là năm ất sửu, chân bị ô tô cán nát.

2) Tháng 7/1985 cha của Hứa sư phụ ở nhà máy tôi từ quê ra nhờ tôi đoán vận. Căn cứ vào tứ trụ, gieo được quẻ "khuê" của quẻ "tổn".

SƠN THẠCH TỔN

Quan quý dẫn mộc . ứng
 Thế tài tý thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ X
 Huynh đệ sửu thổ .. thế
 Quan quý mao mộc .
 Phụ mẫu ty hỏa .

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ ..
 Tử tôn dậu kim . thế
 Huynh đệ sửu thổ ..
 Quan quý mao mộc .
 Phụ mẫu ty hỏa . ứng

Quẻ này huynh đệ, quan quý trùng lặp, hào thế lâm huynh đệ hóa huynh đệ, lại có quan quý hóa quan quý là nhất định bị thương về chân tay. Do đó tôi đoán : năm ất mao (1975) đã từng bị thương ở chân tay. Hai cha con đều ngạc nhiên nói : Rất đúng ! năm 1975 ngã gãy chân. Ứng năm 1975 vì : quan quý mao mộc lâm thái tuế khắc hào thế.

3) Ngày kỷ hợi, tháng thìn, năm 1986, ông Mã xưởng tôi nhờ đoán vận, được quẻ "tỳ" của quẻ "vô vọng" :

THIÊN LÔI VÔ VONG

Thê tài tuất thổ O
Quan quý thân kim .
Tử tôn ngộ hỏa . thê
Thê tài thìn thổ ..
Huynh đệ dần mộc ..
Phụ mẫu tý thủy . ứng

TRẠCH LÔI TÙY

Thê tài mùi thổ .. ứng
Quan quý dậu kim .
Phụ mẫu Hợi thủy .
Thê tài thìn thổ .. thê
Huynh đệ dần mộc ..
Phụ mẫu tý thủy .

Quê nội huynh đệ hóa huynh đệ, quê ngoại quan quý hóa quan quý là diêm bị thương. Hào thế ngộ hỏa hóa thành Hợi thủy là khác trở lại, tuất mộ động được xung khai. Do đó tôi nói với ông Mã tháng 9 năm nay phải đề phòng tai nạn. Về sau đến tháng 9 do đi xe máy ngã bị thương đi viện.

Trên đây đều là nói về làm thế nào để vận dụng bát quái và phương pháp dùng nó để dự đoán các thông tin; cát, hung, phúc họa cho con người. Nhưng đoán ra những tin tức xấu thì có thể tránh được không? Theo tôi không những có thể tránh được mà còn có thể nêu ra những ví dụ để chứng minh điều đó.

Chúng ta học tập và nắm vững phương pháp vận dụng bát quái để dự đoán tin tức, trong đó mục đích là để mọi người biết trước những thông tin xấu để có biện pháp đề phòng, tránh khỏi. Mấu chốt của sự đề phòng là phải dự đoán trước được những thông tin xấu. Khi dự đoán được những tai họa thì việc không thể làm được nên tránh đừng làm. Nói không nên ra khỏi cửa tức là ý muốn nói đừng làm. Xin nhớ cho đừng vì tâm lý may rủi hoặc mang tư tưởng cầu may để cố mà làm, như thế rất dễ gặp rủi ro. Ngoài ra đối với những thông tin xấu, thái độ của chúng ta là đành chấp nhận là có còn hơn bác bỏ cho là không. Điểm này rất quan trọng, vì có đề phòng thì có đỡ, chắc chắn là có ích chứ không có hại.

Chương 23

ĐOÁN VỀ NHÀ CỬA

Ăn ở là vấn đề hàng đầu sinh tồn của nhân loại. Trong chương này tôi sẽ tập trung nói về vận dụng bát quái như thế nào để đoán về nhà ở tốt hay xấu.

Phong thủy của nhà cửa tốt hay xấu không những không liên quan trực tiếp đến vận mệnh tốt xấu của mình, mà còn đến sự vượng suy của con cháu đời sau. Do đó tổ tiên chúng ta đã phát minh ra phong thủy âm dương, môn khoa học này. Khoa học hiện đại gọi nó là "tham dự học".

"Phong thủy âm dương", âm là chỉ âm trạch tức phong thủy tốt xấu của phần mộ; dương là chỉ dương trạch - tức phong thủy tốt xấu của nhà ở. Bất kể là âm trạch hay dương trạch phạm ở chỗ đồi núi sông nước bao bọc đều là chỗ tốt. Cho nên tổ tiên nước ta đã thành lập những thành phố trên lưu vực Trường Giang và Hoàng Hà. Đó đều là những nơi sơn thanh thủy tú.

Sông núi bao bọc đó là điều kiện địa lý phong thủy âm dương tốt, ngoài ra còn cần đến phương vị của : khí, quang, sơn, thủy, phải sáng sủa, thoáng đãng. Khí không âm dương phong thủy học là 1 nhân tố rất quan trọng. Vì sự hưng vượng của sự vật đều do khí đóng vai trò tác dụng chủ đạo.

Khí là môi trường tốt, là nơi nước lưu thông, là nơi tiềm tàng, hội tụ một môi trường tốt. Người sống ở đó, mệnh vận sẽ hanh thông. Quang là sáng sủa, là hướng dương. Người sống ở đó thì sẽ hưng vượng. Sơn là cốt nhục, thủy là huyết dịch. Sơn là hổ, thủy là rồng, mà rồng hổ là chỉ địa thế được trấn ngự. Sơn là báu vật, thủy là long tức báu vật có rồng bảo hộ. Sơn là võ, thủy là văn, tức là văn võ song toàn. Sơn là chỗ dựa, thủy là lưu thông, nhà ở dựa vào núi mà yên ổn, dựa vào nước mà lưu thông bốn phương tám hướng, người ở đó sẽ phú quý vinh hoa. Phương vị là hướng cửa chính (cũng gọi là hướng nhà), thứ nhất phải nhìn ra chỗ rộng rãi, thoáng đãng, nhưng không được phân tán quá, thứ hai là phải phù hợp với hướng tốt trong mệnh quẻ của chủ nhân; thứ ba là cần phải có thế, chỗ cao ráo, nhưng không được quá cao, càng không thể trước cửa cao hơn nền nhà; thứ tư là các vật như đồi núi trước nhà không thể gần cửa quá; thứ năm là môi trường xung quanh phải sạch, người ở đó sức khỏe mới tốt. Do đó, lúc xây nhà mới nên nhờ người xem phong thủy âm dương để chọn được thế đất có phong thủy tốt. Lúc xây nhà mới, ngoài việc chọn chỗ tốt, ngày giờ khởi công, (ở nông thôn là lúc cất nóc) cũng rất quan trọng. Nếu ngày giờ khởi công không tốt thì trong quá trình xây dựng hoặc thậm chí đã xây dựng xong cũng thường gặp phải việc xấu.

I. CÁC HÀO LUẬN VỀ CÁT HUNG CỦA NHÀ CỬA

Hào trên	Cột chính, nóc	Tường vách
Hào năm	Đường đi	Người
Hào bốn	Cửa chính (Phòng chính)	Cổng ngõ
Hào ba	Cửa	Giường
Hào hai	Gian ở chính	Bếp
Hào đầu	Nền nhà	Giếng nước

Nhà ở tốt xấu không thể chỉ dựa vào hình thức bên ngoài mà phải biết được phòng ở trong cát hay hung. Muốn biết được sự cát hung, tốt xấu của nhà ở chỉ có dùng bát quái để dự đoán, giống như bác sĩ chiếu X quang hay chụp CT để kiểm tra thân thể, xác định bệnh tật. Tổ tiên ta trong các sách "Đoán dịch thiên cơ" sách "Hỏa chu lâm", "Động lâm bí quyết", "Hải đế nhàn", "Tăng san bốc dịch", "Bốc dịch đại toàn" v.v... đã tổng kết ra những kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm này tuy đã trải qua lịch sử hàng ngàn năm, nhưng đến nay vẫn còn lấp lánh những kết tinh khoa học trong đó.

"Đoán dịch thiên cơ" trong phối ghép các tiêu chỉ của nhà cửa với sáu hào của quẻ có nói: "Hào đầu là giếng, hào hai là bếp, hào ba giường, hào bốn là cửa, hào năm người, hào sáu là nóc nhà, tường vách". Hào đầu là giếng vì trong quẻ nói giếng ở tầng sáu nhất. Trong quẻ nội bếp ở phía trên giếng nên là hào hai. Trong quẻ nội giường ở trên cùng, nên là hào ba. Cửa bên ngoài giường nên là hào bốn, thuộc quẻ ngoại. Người là hào giữa của quẻ ngoại là hào năm, là chủ của nhà. Cột, nóc, tường vách ở chỗ cao nhất là hào sáu.

Đoán nhà cửa điều cần nhất là quẻ vượng, tài phúc (là tử tôn) quan quý, phụ mẫu, huynh đệ ở quẻ thượng là tốt. Quẻ hạ là nhà cửa, quẻ ngoại là người, nhà khác người là không tốt, người khác nhà là tốt. Hào hai là nhà, hào năm là người, hào hai và hào năm tương sinh là tốt, nếu hào năm lâm tài phúc giáp thìn lại được hào hai sinh trợ thì càng tốt. Hào hai khắc hào năm là xấu, hào năm khắc hào hai là tốt. Hào thế hào ứng lâm tài phúc, thanh long, thiên át quý nhân, vượng ở nhật nguyệt kiến là tốt. Sáu hào trong quẻ đều yên tĩnh là người và nhà cửa yên ổn. Quẻ gặp tam hình, lục xung là không tốt, gặp lục hợp là tốt.

Hào đầu vượng tương là vùng đất ở tốt, hào hai vượng tương là chỗ đất ở tốt, hào ba vượng tương là chỗ ở gần chợ, hào bốn vượng là ở thị trấn, thành phố, hào năm vượng là nơi kinh thành, hào sáu vượng là nơi rừng núi

trung du hoặc thôn dã. Các ngôi của hào bản tỉ mỉ về sự cát hung của nhà ở :

- Hào đầu là nền nhà, là giếng nước, là người làm thuê trong nhà. Hào đầu lâm thê, tài tử tôn là hào cát, lâm quan quý, kỵ thần là hung. Hào đầu lâm thủy thì nước trong và đầy; lâm thổ thì nước giếng đục; lâm mộc : cạnh giếng có cây; lâm hỏa : nước giếng thường khô; lâm kim : thì nước trong mà tinh khiết; lâm quý tuần không là giếng đã bỏ đi.

Hào đầu nếu lâm thìn thành thổ cửa sổ mùi bị nhật nguyệt xung phá thì nền nhà không phải là nền mới mà nhất định đã bị phá nham nhở. Nếu thổ kim phát động, thổ hỏa kim hay kim hỏa thổ là nền đất mới. Thổ hỏa thổ là dưới nền nhà có mộ.

Hào đầu lâm quan quý, phụ mẫu phát động lâm bạch hổ là nền nhà sẽ đem lại sự tổn thương cho người làm thuê hoặc con cái.

Hào đầu lâm mộ của quan quý, ví dụ hỏa quý mộ ở tuất, tuất ở hào đầu thì dưới nền nhà có mộ cổ.

Hào đầu là hợp tý thủy lâm bạch hổ là gần nhà có cầu; lâm tài phúc là cầu tốt, gặp xung là cầu sắp hỏng.

Hào đầu lâm dần mộc cát thần, dần là hổ, hổ là tượng con mèo hoặc thuộc họ mèo, nhà đó sẽ có mèo tốt. Hào đầu mộc quan quý là phía bên trái nhà đó có rễ cây xuyên phá nền nhà.

- Hào hai là không gian nhà, chỗ ở, nhà bếp, lâm bạch hổ động, hưu tù tử tuyệt là xây dựng đã lâu không phá bỏ hết chỗ cũ. Hưu tù gặp sinh vượng là phá hết chỗ cũ xây mới. Hào hai lâm huynh đệ là đi theo cổng cũ, lâm tử tôn là tường vách cũ, lâm quan quý là nhà rách nát, lâm phụ mẫu là nhà cũ kỹ, lâm thê tài là nhà bếp cũ hoặc ở chỗ đất thấp. Nếu hào hai là huynh đệ, tử tôn gặp hưu tù tử tuyệt là nhà cũ rách nát, nếu ở vượng địa là nhà mới. Hào hai lâm phụ mẫu tri thế, vượng tướng thì yên tĩnh, hưu tù khắc phá là nhà cửa rách nát. Mộc quan quý đóng ở hào hai là nhà bếp to.

Hào hai có hỏa quý và chu tước là chủ về hỏa hoạn; hào hai tri thế và quan quý đóng ở đó thì nhà này không phải do ông cha để lại; hưu tù khắc phá là nhà rách nát, thổ hỏa kim, kim hỏa thổ là xây dựng mới, nếu lâm tài phúc, vượng tướng có khí là nhà yên và đầy đủ.

Hào hai lâm mộc bị nhật thìn, hào kim xung khắc là nghèo xác xơ, nếu gặp kim cục mà bị xung cũng là nhà nghèo xơ xác. Hào hai lâm thổ và huyền vũ, bị nhật, nguyệt, hào động xung khắc là trước nhà bếp bẩn thỉu.

Hào hai gặp không vong lại lâm hào thân tuần không là ngôi nhà hoang hoặc người chủ đã bỏ đi vì ở không yên ổn. Nếu là bạch hổ thêm tinh khác thì ngôi nhà đó đại hung.

Hào hai vượng, lâm thanh long thì chủ nhân là quan chức.

Hào hai lâm hào ứng là có người ngoài cùng ở trong nhà, hoặc ở nhờ, dương là nam, âm là nữ. Nếu đào hoa huyền vũ ở hào hai phải đề phòng quan hệ nam nữ. Hào hai là hào ứng tri thê tài, tương sinh với hào thân của mệnh vợ là biểu hiện vợ lấn át chồng.

Hào hai là lòng nhà, sinh vượng thì thâm trầm, rộng rãi, lâm thanh long quý nhân là nhà mới nghiêm chỉnh. Không có khí là nhà chật hẹp. Lâm bạch hổ hình xung, khắc hại là nhà rách nát. Hào hai lâm thủy là lấp ao làm nền nhà.

Hào hai lâm kim động là gặp việc công lời thôi, mộc động là phong thủy xấu, thổ động là ổn định, thủy động là ở bên sông chỗ không tốt, hỏa động là nơi đường chợ ồn ào, cãi vã.

Hào hai lâm nguyệt phá, động khắc hào thế và hào thân là tai vạ liên miên. Nếu hào hai lâm nhật thìn động mà sinh hào thế hoặc hào thân là nơi ở tốt. Hào thế lâm nhật thìn khắc hào hai là chỗ ở không yên.

Hào hai lâm hào thế và nhật thìn, hoặc quan quý ở hào hai là mình ở nhà người khác hoặc nhà thuê. Quan quý hào hai nên tĩnh, động thì ở không được lâu.

Hào hai là thê tài, hoặc quan quý gặp thanh long quý nhân thì sinh vượng, sinh hợp hào thế, gia đình làm ăn thịnh vượng.

Hào hai là thê tài, quan quý thanh long, quý nhân lâm sinh vượng lại sinh hợp hào thế là trong nhà rộn rịp.

Hào hai không bị phá, gặp sinh thê tài có khí là tài vượng. Hào hai và hào thế tương đồng, động thì sống xa quê hương đất tổ, hoặc ở nhà phụ, nhà dưới. Nếu tài phúc ở ngôi sinh vượng, sinh hợp hào thân hào thế thì gia đạo bền vững.

Hào hai bị xung phá thì vợ chồng không thắm thiết, mỗi người một ý.

– Hào ba lâm mao mộc huynh đệ là giường đặt trước bàn thờ hoặc nhà ở tầng trên. Hào ba là kim quý thì bàn thờ ít hương khói, là mộc quý, thanh long vượng tương tức bàn thờ mới làm.

Hào ba và hào bốn đều là huynh đệ tức nhà bé cửa nhiều, hao của. Nếu nhật, nguyệt, hào động xung khắc hào ba là đi cửa xép, cửa bên chứ không đi cửa chính. Nếu hào bốn khắc hào ba là các cửa trong nhà đối diện nhau, gọi là xuyên tâm bất lợi.

Hào ba lâm mao mộc tài phúc là giường chắc mới, lâm phi xà là vợ chồng đồng sàng dị mộng.

Hào ba là cửa chính, nếu sinh hợp với nhật thìn thái tuế là hướng nhà có lợi, nếu hình khắc là hướng nhà không tốt. Lâm tài phúc, thanh long là

có cát thần phù trợ, trước cửa sạch sẽ, người nhà mạnh khỏe. Hào ba là quan quý lại lâm bạch hổ là xấu, hay gặp điều cãi vã, thị phi. Lâm huỳnh đệ thì hao tán, tiền tài không tụ. Nếu hào ba lâm phụ hóa phụ là nhà có hai cửa sổ.

Hào ba và hào bốn tương xung là hai cửa thông thống với nhau, ít sinh tài. Hào ba là cửa chính, nếu gặp niên nguyệt, nhật xung phá là cửa bị phá; lâm phụ mẫu là nhà rách nát, lâm huỳnh đệ là tường xiêu vách đổ, lâm thế tài là nhà bếp đổ.

- Hào bốn quan quý lâm huyền vũ là cửa nhà rách nát. Gặp tài phúc thanh long là tốt. Nếu hào bốn sinh hợp với hào hai là nhà cửa mới. Nếu hào bốn quan quý lâm chu tước là có việc kiện tụng.

Hào bốn lâm huỳnh đệ, tý thủy, huyền vũ là nền nhà bị nước ngấm vào. Huỳnh đệ lâm phi xà là cạnh nhà có hố tiêu bẩn thỉu.

Hào bốn bị tuần không, nhật phá là nhà không có cửa chính hoặc cửa rách nát. Hào bốn là cửa giữa, lâm cát thần động thì tốt, hung sát động thì xấu. Hào bốn lâm thanh long, không tuần không, được trường sinh đế vượng là nhà mới làm. Sinh vượng trong hưu tù là cửa cũ sửa lại. Lâm huỳnh đệ là nhà sửa mới.

Hào bốn lâm quan quý là nhà không yên, nếu không dính đến kiện tụng thì cũng cãi nhau. Hào bốn gặp phi xà động là nhà không yên.

- Hào năm lâm quan quý vợ chồng dễ sinh ly, tử tôn ở hào năm thì yên ổn.

Hào năm là người, hào năm khắc hào hai là người yên ổn, động mà khắc hào hai thì không yên. Hào năm còn là con trai cả, nếu lâm quan quý, phi xà, bạch hổ là con cả có việc hối tiếc. Bạch hổ động khắc hào năm là bị bệnh nan y khó chữa.

Hào năm lâm tử tôn, tương khắc với hào thân phụ mẫu là con cái ngỗ ngược, bất hiếu, không theo nghiệp tổ tiên. Hào năm lâm âm tài trì thế là phụ mẫu nắm quyền ở trong nhà, lấn át quyền chồng.

Hào năm lâm thủy là cạnh nhà có nước. Nếu sinh hợp với hào hai là có nước bắn chảy quanh nhà. Nếu lâm huỳnh đệ là tường có lỗ hốc. Hào năm hợp hào thế là nhà gần đường uốn lượn hữu tình, hào năm khắc hào thế là ngõ thẳng cua dài.

Hào năm là hào thế tài tương hợp với quan quý là nhà có vợ nội trợ tốt. Nếu thế tài vượng thì dường quan chức yếu, thậm chí vợ còn lấn át chồng.

- Hào sáu lâm quẻ thân hoặc hợp hào thế là sống xa đất tổ. Nếu gặp kim quy hoặc bị nhật nguyệt xung là nhà không yên hoặc đói rách.

Hào sáu lâm thê tài, gặp tuần không (vượng không phải là tuần không, nguyệt kiến không phải là tuần không, nhật thìn sinh cũng không phải là tuần không) là vợ yếu đuối. Nếu gặp nhật xung là vợ có thể bị mất.

Hào sáu lâm mộc là cha, hào dương là rường nóc, hào âm là cột trụ. Hào sáu là tường vách, nếu vượng tướng hoặc lâm thanh long là nhà mới làm. Hữu tử tuyệt lâm bạch hổ là nhà bại nát. Hào sáu được nguyệt kiến, nhật thìn, sinh lâm bạch hổ là nhà mới.

II. LỤC THÂN BÀN VỀ CÁT HUNG CỦA NHÀ Ở

Trong nhà, từ lớn đến bé đều đã định vị trong sáu hào, duy quan tinh thì không có. Do đó phải lấy quan quý để xác định mối quan hệ với lục thân. Hào hai là vợ, vì vậy ở đây lấy nam làm chủ nhà để định lục thân.

Quê có hào phụ mẫu không có hào tử tôn là nhà đó hư hao và có nhiều điều phiền não.

Hào phụ mẫu là văn thư, nếu vô khí lại lâm hào ứng, nhật thìn, hào động hóa văn thư và hào gia trạch tương sinh tương hợp là nhà của ông cha để lại.

Hào phụ mẫu tuần không, vong là nhà ở không tốt. Phụ mẫu, tử tôn, hào tài đều vượng tướng là cảnh của cái đầy nhà, nếu gặp thiên hỷ, thanh long là nhà đó phú quý khang ninh. Phụ mẫu gặp tuần không là dễ đi đến bán nhà.

Hào thượng	Tổ tiên
Hào năm	Cha
Hào bốn	Mẹ
Hào ba	Huynh đệ
Hào hai	Vợ
Hào đầu	Con cái, người làm thuê

Hào phụ mẫu nên tĩnh, không nên động, động thì trong nhà nhiều việc phiền não.

Phụ mẫu là xà, dầm nhà, đường đi, phần mộ. Phụ mẫu hưng vượng là đất có hồn khí. Hào khác biến thành hào phụ mẫu là nhà chia làm hai nơi, trong quê không có hào phụ mẫu là người buôn bán, du lịch.

Hào phụ mẫu lâm hào ứng, động sinh thân hoặc tuổi của người chủ lâm hào ứng, hoặc hào ứng là năm mệnh của người chủ là người chủ có lòng thờ kính cha mẹ.

Phụ mẫu tri thế là thừa kế chỗ ở của ông bà, phụ mẫu hóa tài thế là của cải nhiều. Phụ mẫu tuần không hoặc thân quẻ động là khó kế nghiệp của tổ tiên.

Phụ mẫu là gốc của nhà, hào thế tài động khác phụ mẫu là nhà không yên ổn. Phụ mẫu ở hào đầu là nhà tầng một, ở hào hai hào ba là nhà rộng rãi, ở hào bốn hào năm là nhà ở tầng trên, ở hào sáu là tầng cao hơn.

Phụ mẫu ở trên là nhà chưa ở, ở dưới là đã ở rồi. Hào thân tuần không cũng là chưa ở. Quẻ có hào phụ mẫu không có hào tử tôn là nhà hư hao, có tử tôn không có hào phụ mẫu là nhà cô đơn.

Huynh đệ nằm giữa hào thế và hào ứng phần nhiều ngụ ý hai anh em khác họ. Ví dụ quẻ tấn hào thế làậu kim, hào ứng là mùi thổ, hào thân nằm giữa là như thế.

Huynh đệ cách nhau mà cùng cung là anh em ruột. Ví dụ quẻ độn, hào hai ngũ hỏa tri thế, hào năm thân kim là hào ứng, hào bốn ngũ hỏa tuy giữa hai thân kim, nhưng thân kim đều thuộc cung cần cho nên là anh em ruột.

Quan quý có trợ giúp mà không bị kiềm chế là âm thịnh đại suy. Ví dụ ngũ là quan mộc sinh hỏa mà trong quẻ không có thủy để chế hỏa tức là nhà đó âm thịnh, đại suy, không tốt.

Quẻ có quan quý, không có thế tài thì tai họa liên miên, có thế tài mà không có quan quý thì hao tán. Quan quý lâm bạch hổ phát động thì nhà đó hay gặp tai ương. Nếu có hào tử tôn để kiềm chế quan quý thì quan quý động cũng không có hại.

Quan tinh có quý nhân, phúc lộc và có thái tuế sinh thế là nhà ở bên trên có người thi cử đỗ cao.

Hào quan quý tri thế, có hào thế tài sinh trợ là nhà ở tốt. Thế tài hóa thân phúc thì của cải ngày càng nhiều.

Hào quan quý nhập mộ, hào thân bị khắc chế thì nhà đó không tốt.

Bốn quý tri thế lại âm hào thân là chủ về các tai họa. Bốn quý là : năm, tháng, ngày, giờ gặp quan quý tri thế là chủ về tai nạn.

Hào quan quý giao trùng nhau thì không nên rời chỗ ở, hào thế gặp tuần không thì kiêng kỵ mạnh động.

Hào quan quý gặp hào thân là dưới nền nhà có mộ. Hào quan quý động lại không bị kiềm chế thì gặp việc kiện tụng. Hào huynh đệ nhiều thì con ngõ ngược, nếu hào huynh đệ khác hào thế thì quẻ rất xấu.

Quan vượng lại gặp thanh long, lâm trạch là tượng đại cát. Hào quan quý ở trong cung khôn, cung cần là mồ mả tổ tiên không yên, hay gặp tai họa.

Quan quý có nghĩa là giang hồ, là kỹ thuật, nghệ thuật. Những người làm nghề đánh cá hoặc săn bắn nếu gặp quan quý phát động là trong hung có cát. Có hào quan quý mà không có thể tài thì người trong nhà nhiều bệnh.

Tài phúc ở quẻ thượng là tài phúc trọn vẹn, của cải hưng vượng.

Hào thể tài có hợp lại gặp hào quan quý là chỉ việc kết hôn không rõ ràng. Hào thân chỗ hợp gặp thể tài là lấy vợ sớm, hào thân chỗ hợp gặp quan quý là lấy chồng sớm. Nếu hai hào thể tài và quan quý tương hợp là hai người trước đó ở cùng 1 nhà sau lấy nhau.

Hào thể tài là hào thể hoặc hào ứng mà gặp xung hoặc hào thể tài tương xung với hào thể, hào ứng, hào động là người vợ chủ động ly hôn.

Hào thể tài và quan quý cùng ở 1 cung là vợ chồng què gần nhau, nếu có hào tử tôn trong quẻ là vì quen biết nhau mà đi đến lấy nhau.

Hào tài nên tĩnh không nên động, động thì hao tổn và vợ có bệnh tật, hoặc có những việc ân hận. Hào tài không bị tổn thương, hào tử tôn xuất hiện thì nhà đó giàu có, vinh hoa. Hào tài hưng vượng lại còn được sinh phù thì nhà đó giàu và có thế lực. Hào tài có kho lại phát thì giàu được lâu.

Thể tài được tử tôn sinh trợ, động để khắc phụ mẫu thì sẽ làm hại cha mẹ. Hào phụ mẫu là dương thì bố bị khắc, hào lâm âm mẹ bị khắc. Thể tài động thì khắc phụ mẫu, nhưng không khắc được hào năm.

Tử tôn là thần phúc, quẻ không có hào tử tôn là của không có nguồn tất sẽ bị hao tán. Quan quý không bị chế ngự thì việc rắc rối nhiều.

Phúc lộc ở đất trường sinh lại sinh hào thể, hào thân là chủ về gia đình nề nếp, bền vững. Hào tử tôn gặp tuần không, vong là không có đời sau, hoặc muộn con, hoặc đời sau không hưng vượng.

Hào tử tôn lâm nhật thìn động thì mất quan, mất chức. Thể tài hóa tử tôn thì không lợi cho việc thăng quan tiến chức.

Hào tử tôn ở hào 5 lại tương hợp với hào phụ mẫu là nhà con nối được nghiệp cha. Nếu hào tử tôn hình khắc hào phụ mẫu thì con ngỗ ngược, bất hiếu, không nối dõi được cha ông.

III. CĂN CỨ VÀO TƯỢNG CỦA HÀO THỂ, HÀO ỨNG ĐỂ BÀN VỀ CÁT, HUNG CỦA NHÀ Ở

Ngày xưa có câu : "Hào 1, hào 2 là hào thể, thì đại cát; hào 3 hoặc hào 4 là hào thể là trung bình; hào 5 hoặc hào 6 là thể thì bất lợi. Cách nói đó không đúng".

Phong thủy tốt xấu của 1 ngôi nhà chủ yếu là xem sự sinh khắc của 6 hào trong quẻ, quý thần phù trợ, hung thần phá hoại để định cát hung.

Hào thế ở quê du hôn là ý nói chỗ ở không cố định. Du hôn hóa quy hôn là dời đi rồi lại trở về là tốt.

Hào thế gặp tuần không thì không lợi; hào thế nhập mộ thì khó chuyển dời. Quê nội hưng tù, quê ngoại vượng thì dời đi là tốt; quê nội vượng, quê ngoại hưng tù là xấu. Nếu cả hai quê nội ngoại đều có khê thì tùy, đi đâu cũng được.

Hào thế, hào ứng ngang hòa nhau, hoặc hào huynh đệ, hoặc hào thế hào ứng hóa huynh đệ, hoặc lâm hào trạch (hào hai) hoặc hợp với hào trạch là nhà có 2 chủ cùng sống.

Hào thế lâm quan quý ở hào 2 là nhà đó không phải tổ tiên để lại, nếu không phải nhà thuê thì cũng là nhà của người khác.

Hào thế hào ứng nên tương sinh tương hợp thì tốt, không nên tương khắc, tương xung, không lợi.

Đoán nhà cửa trong quê không có thủy là hào rãnh không thông, không có thổ là xây nhà cao giữa đất bằng; không có hỏa là việc thờ cúng đơn sơ; không có kim là gia tư ít; không có mộc là giường chiếu, bàn ghế cũ kỹ.

Trong quê hỏa nhiều thì gặp nhiều điều phiền não; mộc nhiều là người thanh tú; thủy nhiều thì phụ nữ vượng; kim nhiều thì phụ nữ đông; thổ nhiều thì tiền của, vai vóc nhiều.

Sáu hào đều tinh thì nhà ở yên, sáu hào động nhiều lại có thổ mộc thì không phải là nhà mới xây mà là nhà sửa lại. Sáu hào động nhiều lại có thủy, hỏa là chủ tai nạn về nước lửa.

Trong quê có mộc là chỗ ở có nước, gặp cấn là có núi, gặp chấn là có đường đi. Ba hào ở quê nội là nhà, ba hào ở quê ngoại là người. Nhà khác người thì bệnh liên miên. Người khác nhà thì chủ về việc xây nhà mới, sửa nhà cũ. Quê nội vượng là nhà rộng, nhiều nhà, quê ngoại vượng là người đông.

Phạm đoán về nhà ở quan trọng nhất là hào trạch và hào nhân khẩu, hào thế tài, quan quý, phụ mẫu có khí, hào tử tôn, hào thế, hào ứng gặp nhật thìn, nguyệt kiến, tuế quân, tất cả đều xuất hiện là tốt nhất.

Hợp là cửa, xung là đường, cho dù trong quê có hay không... Hợp với hào 2 là cửa, xung với hào 2 là đường. Những hào xung hợp đó bất luận có ở trong quê hay không đều được quan niệm như thế. Ví dụ quê "thiên (hong cấu)" hào 2 hợp thủy là nhà, dẫn hợp với hợp nên lấy dẫn làm cửa. Tỵ xung với hợp nên lấy tỵ làm đường. Trong quê tuy không có hai hào dẫn tỵ, chỉ cần hợp hoặc xung với hào 2 thì đều quan niệm nó là đường hoặc ngõ.

Năm, tháng, ngày lâm hào khác hào thế thì gia quyến nguy hại. Thái tuế khác hào thế thì quanh năm tai họa. Nguyệt kiến khác hào thế thì tai họa mấy tháng liền.

Hào thân, hào thế gặp tuyệt lại ở tuần không vong, gặp hào quan quý khác là chủ về nỗi lo có sự chết chóc.

Trong quẻ có mao mộc xuất hiện thì cho dù ở hào âm hay hào dương nếu mao mộc ở tuần không thì quanh nhà có bờ rào sắt hoặc tường bao bọc.

Bình khí thêm tam hình lại lâm quý nhân, trong hào lại có mã được thái tuế sinh thì đó là nhà của tướng soái. Hào đầu là lảng giềng bên trái và phía sau, hào 4 là lảng giềng bên phải và phía trước. Nếu những hào đó có tài phúc giáp thì lảng giềng tốt; lâm quý sát hung thân thì lảng giềng xấu.

Hào mộc vượng và phát động thì nhà đó to đẹp, hùng vĩ.

Nhà khắc người thì ở không yên ổn, người khắc nhà thì ở bình thường. Đoán nhà cửa được quẻ "du hồn" và quẻ "bát thuần" là gặp tai họa liên miên.

Âm hóa dương là vợ nhiều bệnh tật; dương hóa âm là chồng hay bị tai họa.

Trong quẻ phải xem hào thượng động hay tĩnh, huynh đệ động thì vợ chồng không đoàn tụ, phụ mẫu động ở hào 6 thì con cái có nỗi lo. Hào tử tôn vượng động thì luôn có niềm vui; hào quan quý động thì nhiều tai họa.

IV. CĂN CỨ LỤC THẦN ĐỂ BÀN VỀ CÁT HUNG NHÀ Ở

Đoán nhà cửa vận dụng lục thần như thanh long, chu tước, câu trăn, phi xà, bạch hổ, huyền vũ để tham khảo đoán cát hung, trong các sách cách nói rất khác nhau và rất khó nhớ. Tôi căn cứ kinh nghiệm thực tiễn, cho rằng dùng phương pháp thập can phối với lục thần là tốt nhất. Cách đó xin xem ở tiết 6 của Chương 7 sách này.

Thanh long, thiên ất, quý nhân, quan quý lâm nhật, nguyệt kiến, lâm hào trạch, lâm hào thế, hào thân là chủ về việc có quan chức.

Thanh long lâm thủy mộc hào tài là chủ về việc vợ tốt, của nhiều.

Thanh long quý nhân lâm hào trạch là nhà đó đại cát.

Thanh long lâm nguyệt kiến là báo hiệu có tin mừng về hôn nhân hoặc thai nghén. Nếu chỗ hợp lâm thanh long phát động là tin mừng liên tiếp, hoặc thăng quan tiến chức, hoặc được lộc, hoặc hôn nhân, hoặc sinh đẻ thuận lợi. Thanh long phát động thì nên dời chuyển, thanh long lâm thế tài tử tôn là tốt.

Thanh long gặp quẻ hạ không có hào thế tài là trước giàu sau nghèo; gặp quẻ thượng không có hào thế tài là trước nghèo sau giàu.

Chu tước lâm quan quý động thì trong tuần sẽ có việc cãi vã, kiện tụng. Chu tước gặp tuần không, tử tuyệt là có tai họa về việc quan.

Chu tước lâm nguyệt kiến đồng thời gặp nhật thìn, hào động thì phải đề phòng hỏa hoạn.

Chu tước lâm môn đình là có việc về văn thư giấy tờ nhưng phải đề phòng cãi vã.

Chu tước nội động là có thị phi, ngoại động lâm quý nhân là có tin mừng về thư từ, giấy tờ.

Câu trần, huyền vũ lâm thê tài phần nhiều chỉ phụ nữ gặp điều xấu.

Câu trần lâm nguyệt kiến, gặp quan quý, nội động là thổ thần không yên, ngoại động thì mưu làm việc gì cũng trì trệ... Nếu lâm thê tài động khác thế, thì trong tháng đó sẽ tiến tài. Nếu câu trần lâm thê tài thêm nhật kiến thanh long là nhà vườn rộng, ruộng nhiều, tiền tài đại phát.

Câu trần lâm nhật kiến ở vượng địa là chủ về tăng điền nghiệp.

Phi xà chủ về những việc quái dị, nếu ở hào 4 và động thì ở trong nhà hay thấy việc quái dị.

Phi xà nội động là ám chỉ người làm thuê hoặc trẻ con đi mất; ngoại động lâm quan quý thì phải đề phòng bọn trộm khoét tường đột nhập.

Phi xà lâm nguyệt kiến là ám chỉ liên lụy đến những việc không hay. Phi xà khác hào thế hoặc lâm hào thế thì chủ nhà đêm ngủ mộng寐 không yên; khác hào ứng thì bà mẹ đêm ngủ không yên.

Bạch hổ lâm tử tôn là chủ nhà khó an toàn. Bạch hổ lâm hào 3 là nhà đó có người xuất gia làm tăng đạo hoặc ni sư.

Bạch hổ hưu tù, tuần không, tuyệt, lâm hào trạch mà động là nhà đã được tu sửa từ lâu.

Bạch hổ và năm, tháng, ngày, giờ lâm hào quẻ là chủ về việc bi tang. Nếu trong quẻ phúc đức động thì vừa có tin buồn, vừa có tin vui.

Bạch hổ lâm tổn thương thanh long là chồng mất.

Bạch hổ ở hào 6 thì không nên làm việc một cách mạnh động. Bạch hổ ở quẻ ngoại nên tĩnh, nên ở nguyên chỗ cũ.

Bạch hổ lâm quan quý phát động thì phải đề phòng tai họa cho người nhà.

Bạch hổ lâm quan quý, huynh đệ thì nhà đó xấu.

Huyền vũ lâm huynh đệ là nước ao đầm ngấm vào nền nhà.

Huyền vũ lâm phụ mẫu thì chủ nhà xuất thân nghèo khó. Sinh vượng thì công việc làm ăn dễ dàng, nếu hưu tù là sự việc hay trắc trở. Huyền vũ chủ về việc thất thoát.

Đông thanh long, tây bạch hổ, nam chu tước, bắc huyền vũ; câu trần, phi xà ở giữa. Còn có cách nói khác : tả thanh long, hữu bạch hổ, tiền chu tước, hậu huyền vũ, trung câu trần, phi xà.

V. VÍ DỤ THỰC TẾ

Âm dương phong thủy ngày nay gọi là môn "tham dự học". Có người nói âm dương phong thủy là phong kiến mê tín, nhưng gọi "tham dự học" là khoa học, nói như thế cũng chẳng khác nào nói : Đoán vận mệnh là mê tín phong kiến, còn dự đoán học là khoa học. Dù thế nào đi chăng nữa ở thời cổ đại nước ta khoa học dự đoán thông tin đã có một vị trí chính thức trong lâu đài khoa học. Điều đó là xu thế lớn mà văn hóa cổ đại Trung Quốc đã gặp được cái may mắn đó.

Âm dương phong thủy là nền tảng và hạt nhân của kiến trúc học. Lúc xây dựng nhà cửa nếu không quan tâm đến phong thủy thì nhất định sẽ gây ra tổn thất to lớn cho tài sản của nhân dân và đất nước. Để nói rõ tầm quan trọng của phong thủy trong việc xây dựng nhà cửa, xin nêu lên mấy ví dụ dưới đây.

Vi dụ 1 : Nguyên nhân của hỏa hoạn và tai họa khác

Xây dựng 1 ngôi nhà không những phong thủy âm dương phải tốt, mà ngoại hình của nó cũng rất quan trọng. Nếu không chú ý đầy đủ về mặt này thì tức là cũng không có được một công trình kiến trúc tốt.

Phàm những người đã đi qua cửa chính phía nam của thành Tây An đều nhìn thấy ở đó có 1 công trình kiến trúc hùng vĩ - cung thể thao tỉnh Thiểm Tây. Công trình này bắt đầu xây dựng vào khoảng trước sau năm 1984. Năm 1986 tôi và mấy người bạn đi qua đó, trong đó có 1 vị rất am hiểu về âm dương phong thủy hỏi tôi : Về phương diện âm dương phong thủy mà nói, anh thử xem ở bên ngoài cung thể thao này có điều gì không tốt ? - Tôi xem xong và nói : Tuy tôi chưa nghiên cứu sâu vào âm dương phong thủy nên chưa nhìn thấy vấn đề gì, duy có 1 điểm là cửa chính của Cung thể thao thiết kế hình dạng không tốt, giống như 1 con hổ nằm đang há mồm to, những bậc thềm trước cửa giống như hàm răng con hổ. Miệng con hổ há ra hướng về phía tây, phương tây là phương của Bạch hổ, là phương hổ thức, cho nên tượng hổ của Cung thể thao này nhất định không thắng nổi bạch hổ của phương tây. Năm nay lại là năm hổ, tức là hổ lâm thái tuế, nhất định cung thể thao năm nay sẽ gặp tai nạn.

Vào 1 đêm mùa hè năm 1986 Cung thể thao sắp khánh thành bỗng nhiên phát sinh hỏa hoạn rất to, hầu như bị thiêu hủy hoàn toàn. Sau đó Cung được xây lại, khi các đội quốc gia đến đây thi đấu, các cổ động viên đã

gây rối loạn làm chết và bị thương rất nhiều người, tạo ra 1 vụ trọng án làm náo động Tây An. Điều đó đối với những người không hiểu phong thủy mà nói thì chỉ đành quy cho 2 sự cố to lớn này là chưa làm tốt công tác an toàn và công tác trật tự trị an xã hội. Nhưng nếu biết được phong thủy không tốt gặp năm hổ sẽ có tai họa để mà đề phòng trước thì chắc là sẽ đỡ đi nhiều.

Ví dụ 2 : Căn hộ này vì sao không có ai dám ở ?

Tháng 10/1988 tôi lần đầu dạy học ở Tây An có 1 học viên dẫn đến 1 thanh nữ nhờ tôi đoán. Tôi xem qua tướng, thấy sau lưng cô ấy có 1 quầng khí đen. Tôi hỏi : "Có phải chồng cô vừa mới mất cách đây không lâu không ?". Cô ta liền khóc rất thương tâm. Mọi người quanh đó rất ngạc nhiên.

Nguyên là cô ấy ở trong căn nhà mới xây dựng được 6, 7 năm nay. Trước đó 1 ít có một gia đình gồm 7 nhân khẩu đã vào ở. Trong 5 năm gia đình đó chết mất 5 người. Từ đó về sau, người ta nói ngôi nhà đó khác thường, không ai dám ở. Sau có mấy thanh niên không tin dọn đến ở, chưa được 1 tuần thì đã vội vàng dọn đi, họ nói ở trong đó rất sợ. Cô này sau khi kết hôn vì không có nhà đành phải dọn đến căn hộ đó. Không ngờ chỉ chưa đầy 3 tháng thì người chồng đã chết. Để làm rõ chân tướng của căn hộ này, tôi đã tìm đến 1 vị khí công đại sư, mời ông đến để coi xem căn hộ đó ra sao. Ông ta nói : đơn nguyên đó ở phía trước có 1 ngôi mộ cổ, lúc xây nhà đã lấy xương cốt ra nhưng chưa an táng mà vung vãi lung tung. Âm khí của xương cốt còn lưu lại khiến cho ngôi nhà không được yên ổn, đặc biệt táng 1 nguy hại nhiều nhất. Sau đó tôi đã kiểm chứng lại mới biết lời của khí công đại sư là đúng.

Ví dụ 3 : Thủy hỏa tuy có tác dụng to lớn đối với đời sống con người nhưng cũng gây ra tai họa không kém.

Ngày 5/8/1993 đã xảy ra sự cố chấn động toàn quốc là kho chất nổ hóa học ở Thẩm Quyến bị cháy. Tuy nguyên nhân của sự việc là do nhiều mặt, nhưng có một nguyên nhân quan trọng không nên xem nhẹ. Đó là về phương diện phong thủy mà nói, nước trong của sông là thủy địa, mà kho chứa chất nổ hóa học như bồn chứa xăng, trạm khí đốt thuộc hỏa, thủy hỏa không dung hòa nhau. Do đó đem những chất thuộc hỏa xây dựng trên mảnh đất thuộc thủy là một sai lầm không thể cho phép.

Ví dụ 4 : Dự đoán cát hung của căn nhà thuê ở.

Mùa đông 1991, tôi quyết định thuê 1 căn phòng ở Quảng Châu để viết tập thứ 3 của bộ sách này. Lúc đã nắm được chìa khóa căn hộ trong tay, tôi theo thời gian đó gieo quẻ muốn biết nhà đó tốt hay xấu. Được quẻ "lý" của quẻ "trung phù" :

Năm 1991	tháng 9	ngày 12	giờ thìn
Tân mùi	Mậu tuất	Nhâm tuất	Giáp thìn

QUÊ CHỦ : TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.
 Huynh đệ mùi thổ O thế
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa. ứng

QUÊ BIÊN : LÝ

Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim.
 Phụ mẫu ngọ hỏa..
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.

LỤC THẦN

Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ

Đoán nhà cửa cát hung tốt nhất là phụ mẫu, huynh đệ, quan quý, thế tài, tử tôn đều hiện trong quê, tốt hơn nữa là tài phúc hiện ra trong quê. Nay tài phúc chưa hiện lên là không tốt.

Quê nội là nhà, quê ngoại là người, nhà nếu bị khắc là không tốt, nay nhà được nhật nguyệt sinh.

Trong quê hào phụ mẫu là văn thư xuất hiện 2 lần tức là lợi về việc biên soạn viết sách, nhưng hỏa nhập mộ ở nhật nguyệt là không lợi, may nhờ mao tuất tương hợp hóa thành hỏa trợ giúp cho việc văn thư nên lợi cho việc biên soạn. Nên khoảng tháng 4 - tháng 5/1992 có tin mừng sách được xuất bản. Về sau đúng tháng Tỵ năm 1992 nhà xuất bản của Hương Cảng báo cho tôi biết cuốn : "Chu dịch dự trắc lệ để giải" được xuất bản, và cũng quyết định xuất bản cuốn sách thứ 3 của tôi.

Điều không lợi là hào đầu phụ mẫu là phần mộ lại hóa phụ mẫu, hào 2 và hào 6 mao mộc là thân quê lâm quan quý tức dưới nhà có 1 ngôi mộ to. Hào 6 mao mộc lâm phi xà là có việc quái dị. Hơn 1 tháng sau đồng chí quản lý cho thuê nhà đến tìm hiểu tình hình ăn ở, tôi hỏi anh ta : dưới nền ngôi nhà này nguyên là một hầm mộ lớn, có rất nhiều người chết phải không ? Anh ta ngạc nhiên trả lời : "Đúng đấy, chỗ này trước đây lúc đánh nhau với người Anh là chiến trận, trước đó nữa là nghĩa địa của dân tộc thiểu số".

Câu trả lời của anh ta chứng tỏ rằng từ khi tôi dọn đến đây ở, đã xuất hiện nhiều việc kỳ quái có liên quan với hầm mộ đó. Qua cách hóa giải của tôi, đã làm cho việc ăn ở trở nên bình thường.

Quê gặp du hồn là chỗ ở không nhất định, nhà khác người thì ở không yên ổn. Vì tôi vốn không định ở lâu dài nên không thay đổi phòng ở nữa. Viết xong sách thì dọn đi Thẩm Quyến ngay.

Ví dụ 5 : Trung tuần tháng 11 năm 1991, 1 học giả âm dương phong thủy của Đài Loan biết tôi đang viết sách ở Quảng Châu đã đem bạn đến để thăm hỏi. Vừa nhìn thấy nhau anh ta đã ca ngợi về cuốn sách "Chu dịch và dự đoán học" của tôi, còn cảm ơn là nhận được rất nhiều điều gợi ý trong đó. Anh ta nói, tuy anh ta nghiên cứu về phong thủy nhưng qua sách của tôi đã học được những tri thức về bát quái và đã thử kết hợp phong thủy với 6 hào để đoán sự việc, độ chính xác rất cao. Vừa nói chuyện anh ta vừa giới thiệu

mấy ví dụ thực tế mà anh đã ứng dụng. Dưới đây xin cử 1 ví dụ anh ta đã đoán cát hung của nhà ở cho người khác. Đó là ngày kỷ ty, tháng mậu tuất đoán được quẻ "gia nhân" của quẻ "kiến".

QUẺ CHỦ : KIẾN

Tử tôn tý thủy..
 Phụ mẫu tuất thổ.
 Huynh đệ thân kim.. thể
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngũ hỏa.
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

LỤC THẦN

Câu trần
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà

Ông Hồng xem xong quẻ nói 3 điều sau : thứ nhất dưới nền nhà có mộ, không sạch sẽ; thứ hai : trong phòng thường có chuyện kỳ quái; thứ ba : người trong nhà không yên ổn. Người đến xem quẻ nghe xong rất ngạc nhiên, xin hỏi cách giải như thế nào ? Ông Hồng bảo : Ở phía Tây Bắc của nhà hãy xây 1 cái phòng nhỏ giống hệt như ngôi mộ là được. Chủ nhà về làm theo, quả nhiên mọi việc trở lại bình thường.

Giải thích : Hào đầu là nền nhà, phụ mẫu là mộ địa lại lâm phi xà động, phi xà chủ về quái dị cho nên dưới nền nhà có mồ mả.

Hào đầu là nền nhà, Thìn thổ động, xung hào 5 là nhân khẩu tuất thổ động, nên người ở không yên.

Hào hai là nhà lâm hào quan quý lại ở quẻ nội là cán tức là quý môn. Do đó trong nhà thường có việc kinh dị. Hào quan quý ngũ hỏa, mộ ở tuất cho nên phương tây bắc nên xây 1 phòng nhỏ để được yên ổn.

Ví dụ 6 : Đoán cát hung của nhà ở

Tháng 3/1993 có 1 vị ở Thẩm Quyển đến xin đoán dọn đến nhà mới tốt hay xấu. Căn cứ vào ngày nhâm tý, tháng kỷ mao là ngày dọn nhà gieo được quẻ "mông" của quẻ "bốc".

CHỦ QUẺ : BỐC

Thê tài dần mộc.
 Tử tôn tý thủy.. thể
 Phụ mẫu tuất thổ..
 Thê tài mao mộc..
 Quan quý tý hỏa.. ứng
 Phụ mẫu mùi thổ..

LỤC THẦN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trần
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ

Tôi xem quẻ xong nói với ông ta : đây là ngôi nhà rất tốt, mới xây. Phòng này không những đại cát mà còn có tượng phú quý hào môn. Tôi nói tiếp : hướng chính của ngôi nhà là cát lợi nhưng còn có chỗ chưa hoàn hảo. Tôi nói cụ thể cả hai mặt như sau :

Mặt tốt : Theo trong quẻ thể hiện tài vượng cho nên người thanh tú vinh hoa, tức là nhà giàu có. Chủ nhân lại lợi về đường quan chức. Nhà ở nơi đông vui dỏ hội, gia đình rộn rịp. Quanh nhà có hàng rào sắt, phía trước nhà có hồ nước, đồ nội thất đều mới, quý đất. Hướng cửa ra là đối diện với cửa của nhà khác, khi đi vào cũng có 1 cửa đối diện với cửa chính nhưng không bị ảnh hưởng gì lớn. Nhưng đây là nhà thuê hoặc nhà mượn để ở nên chắc không ở lâu. Ông Chu nghe tôi nói rất mừng và gật đầu nói : Bát quái thật thú vị, không những đúng mà rất thần kỳ.

Tôi nói với ông ta : nhìn sự vật phải thấy cả 2 mặt. Nhà nào cũng không được toàn diện, giống như vận mệnh mỗi con người có lúc lên lúc xuống. Nếu ngôi nhà hoàn toàn tốt thì sợ rằng anh cũng không ở được. Chỗ không tốt là : đời sau không vượng, mộ tổ tiên không yên, anh em không nhờ cậy được nhau; còn phải đề phòng hỏa hoạn; còn 1 điểm nữa là âm khí rất nặng, cần phải hóa giải, nếu không sẽ sinh bệnh hoặc bị phụ nữ lừa.

Giải thích : Thanh long động là không tuần không, gặp sinh vượng, mộ cửa hào sáu lại lâm nguyệt kiến vượng địa là nhà mới xây. Tài phúc ở quẻ thượng, thanh long lâm trạch là đại cát. Thế tài nhiều lại lâm nguyệt kiến, lại được nhật kiến tử tôn sinh tài cho nên nhà giàu hào kiệt. Trong quẻ mộ nhiều, mộ vượng là chủ nhân thanh tú. Thanh long lâm quan quý, mào mộ thiên ất quý nhân lâm nguyệt kiến là quan quý được nguyệt sinh nên chủ nhà lợi về quan chức. Tài thế tương sinh là được người vợ nội trợ tốt. Tài quý thanh long quý nhân được sinh vượng hoặc lâm hào trạch là quanh nhà có bờ rào bảo vệ. Hào 5 có thủy là gần nhà có nước, cho nên trước nhà có 1 ao to. Trong quẻ mào mộ lâm thế tài mà vượng, nên đồ nội thất mới và quý. Mào hợp với tuất cho nên phía trước và sau cửa chính đều có cửa. Chu tước gặp tuần không là xấu. Hào 4 tuất thổ là thân quẻ, mào tuất hóa hỏa sinh thân. Trong quẻ có hai hào phụ mẫu được hào quan quý sinh là vượng về mặt văn thư. Quan quý lâm hào trạch, sinh thân quẻ là nhà hưng vượng. Hào quan quý nhập hào trạch là hàm ý nhà của người khác nên không phải nhà thuê cũng là nhà mượn, ở không được lâu. Quẻ gặp du hồn, hào trạch động nên không ở lâu, tức là nhà không thuộc quyền sở hữu của mình.

Hào tử tôn ở tử địa lại không có hào huynh đệ sinh trợ nên đời sau không vượng. Hào quan quý ở cung khôn, cần là mộ mả tổ tiên không yên. Trong quẻ không có hào huynh đệ để sinh trợ hào thế là anh em không nhờ được nhau. Hào quan quý lâm hỏa mà động là phải đề phòng hỏa hoạn. Quẻ "bốc" là quẻ 5 âm 1 dương, tức âm nhiều dương ít là âm khí nặng. Âm là đàn bà, nếu không giải cái họa của nó thì sẽ vì đàn bà mà gặp nạn. Do đó tôi đã bảo ông ta hóa giải để bảo đảm nhà ở được bình yên vô sự.

Đại sư dịch học THIÊU VĨ HOA thẩm định
và TRẦN VIÊN biên soạn

NHẬP MÔN CHU DỊCH DỰ ĐOÁN HỌC

..

LỜI TỰA

Tháng 5 và tháng 12 năm 1990 cuốn "Chu dịch dự đoán học" lần lượt được xuất bản ở Trung Quốc và Hồng Kong. Từ đó đến nay chúng tôi luôn nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của rộng rãi các chuyên gia, học giả, độc giả trong và ngoài nước và một con số "Chu dịch" dấy lên xưa nay chưa từng có. Tháng 9 năm 1990 cuốn sách được bình chọn là sách ưu tú và tham gia cuộc triển lãm sách toàn quốc lần thứ ba.

Trong nước, cuốn sách đã được bày nhà in ấn hành và không ngừng có mặt trên thị trường. Căn cứ diện phủ sách trên thị trường, các chuyên gia phát hành ước tính sách đã phát hành trên một triệu bản. Tuy vậy có nơi độc giả vẫn chưa tìm mua được sách. Thực tiễn ba năm lại đây chứng tỏ "Chu dịch và dự đoán học" đã đi sâu vào lòng người và mở ra cho độc giả một cánh cửa khoa học chưa từng biết đến.

Tuy nhiên, từ lúc sách được xuất bản đến nay, tôi (tác giả) và Nhà xuất bản luôn nhận được thư của độc giả trong và ngoài nước phản ánh nội dung sách rất sâu, khó đọc, hy vọng tôi sẽ viết một cuốn sách nhập môn. Vì bận nghiên cứu và đang tập trung viết hai cuốn "Giải các ví dụ dự đoán theo Chu dịch" và "Dự đoán theo tứ trụ" nên tôi không thể nào đáp ứng được lòng mong mỏi của độc giả. Vì vậy tôi xin lỗi độc giả và cảm ơn sự tin cậy của độc giả đối với tôi.

Để thỏa mãn nhu cầu của độc giả, đệ tử của tôi là cô Trần Viên đem những điều đã học được trong "Chu dịch dự đoán học" để viết cuốn "Nhập môn chu dịch dự đoán học" này.

Trần Viên là trợ thủ của tôi. Mấy năm lại đây không những cô đã cố gắng học tập mệnh lý học mà còn mạnh dạn vận dụng. Hơn nữa cô đã giúp đỡ tôi hoàn thành hai cuốn sách "Giải các ví dụ dự đoán theo Chu dịch" và cuốn "Dự đoán theo tứ trụ". Qua đó cô đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn và tự mình viết nên cuốn "Giải đáp dự đoán theo tứ trụ". Do đó cô Trần Viên đã trở thành tác giả lý tưởng cho cuốn "Nhập môn Chu dịch dự đoán học".

Cuốn "Nhập môn Chu dịch dự đoán học" không những đi từ dễ đến khó, các khái niệm cơ bản rất rõ ràng mà còn bằng lý luận và thực tiễn trả lời cho những thắc mắc của rộng rãi độc giả. Trong đó tác giả đã cống hiến hết những kinh nghiệm của mình cho độc giả.

Mong rằng cuốn sách này sẽ giải đáp hầu hết những khái niệm mà độc giả cho là khó hiểu trong cuốn "Chu dịch dự đoán học". Sách tuy tôi đã đọc thẩm định, nhưng e rằng vẫn có chỗ còn sai sót. Mong rộng rãi độc giả góp ý cho.

THIỆU VĨ HOA

Thâm Quyển, 8/9/1993

Lời nói đầu

Trong vũ trụ có quá nhiều bí ẩn đang chờ được khám phá. Nhiều sự vật giống như bị thần thánh hóa song người đời nay không thể không thừa nhận. Trong vũ trụ mênh mông, con người thật là bé nhỏ, những điều biết được lại còn rất ít. Nền khoa học kỹ thuật của thế giới ngày nay dù có tiến bộ đến mấy cũng chưa thể biết hết bộ mặt của vũ trụ.

Biết trước, dự đoán trước để làm được điều tốt, tránh xa điều xấu là lòng mong muốn chính đáng của con người trong thế giới tự nhiên rất khó lường trước này. Con người là tiểu vũ trụ, tiểu thiên thể, tất nhiên sẽ nằm trong guồng máy vận động không ngừng của đại vũ trụ, điều này đã sớm có trong chiêm tinh học - có mối quan hệ mật thiết với thiên văn học của phương Tây. Điều đáng nói ở đây là chiêm tinh học của phương Tây đã may mắn được phát triển theo đường thẳng, còn "Chu dịch", di sản văn hóa ưu tú của một trong bốn phát minh vĩ đại nhất của cổ đại Trung Quốc lại có lịch trình phát triển rất thăng trầm. Nhưng với sức sống mãnh liệt, nó đã được kéo dài đến tận ngày nay. Đúng như một chuyên gia dịch học đã nói: "Cùng với sự phát triển của khoa học, khả năng dự kiến của con người để thoát khỏi nguy hiểm cũng sẽ được nâng cao. Tổ tiên loài người cổ xưa biết từ trên cây xuống đất rồi dần dần ra khỏi rừng sâu, vượt qua biết bao của ải khó khăn nguy hiểm để dần dần trở thành con người thì chắc chắn phải có một bản năng dự đoán nào đó". Song bản năng đó ngày nay đã bị thoái hóa hoặc chìm lắng đi. Lịch sử loài người, đồng thời với quá trình tiến hóa thì có cả quá trình thoái hóa. Làm sống lại và kích thích phát triển những bản năng này không những không phải là lịch sử thụt lùi mà ngược lại chính là nhu cầu phát triển của nhân loại, là sự đột phá khoa học về sinh mệnh của con người.

Qua tướng mặt, tướng tay để quan sát sự biến đổi nhân thể và đoán biết sự phát sinh, phát triển của bệnh tật gọi là chẩn đoán bằng nhìn. Qua những huyết vị đặc biệt để biết được khí huyết trong cơ thể có thông thương hay không, âm dương có cân bằng không, đó là sự tổng kết trình độ nhận thức khoa học về nhân thể của loài người từ xưa tới nay. Điều này đã được y học hiện đại chấp nhận và đồng ý loài người thừa nhận. Từ xưa đến nay, y - dịch tương thông với nhau. Tương tự, sự nhận thức về quan hệ giữa con người - tiểu vũ trụ trong sự vận động chung của đại vũ trụ cũng là kết tinh trí tuệ lâu đời của loài người. Vì nó uyên thâm bí ẩn, không phải ai cũng nắm vững được nên phạm vi ảnh hưởng của nó không thể rộng rãi, song trong lịch sử nó luôn là pháp bảo giúp cho "trị quốc an dân". Một số nhân tố lưu truyền trong dân gian và thường bị lẫn lộn với những thủ đoạn thần hóa để một số người nào đó lợi dụng làm kế mưu cầu sinh nhai đã làm cho giá trị đích thực to lớn của "Chu dịch" không được phát huy đúng mức, làm cho con người không ứng dụng và phát triển được nó.

"Chu dịch dự đoán học" là cuốn sách đầu tiên trong vòng hơn 40 năm nay ở Trung Quốc lấy những khái niệm của khoa học hiện đại để tuyên truyền chính diện giá trị ứng dụng của "Chu dịch". Nó là sản phẩm tất yếu được ra đời do nhu cầu mãnh liệt của con người mong nắm vững vận mệnh của mình. Nó hé lên một phần bức màn bí ẩn của "Chu dịch" và góp phần dẫn đường đi vào "Chu dịch".

Cuốn sách "Nhập môn Chu dịch dự đoán học" này được viết theo nhu cầu rộng rãi của độc giả. Nó có những đặc điểm sau :

1. Căn cứ từng bước của dự đoán mà tổng kết thành quy luật các yếu lĩnh cơ bản của dự đoán. Đồng thời giới thiệu với độc giả cách ghi nhớ qua hình bàn tay.
2. Cung cấp cho độc giả các bảng biểu, hình vẽ giúp để nhớ và tra các tượng quẻ để có lời giải nhanh gọn khi đoán quẻ.
3. Đối với các thắc mắc của độc giả thường thông qua ví dụ để giải thích, giúp cho những người mới học dễ hiểu.
4. Quy nạp phương pháp gieo quẻ, yếu lĩnh đoán quẻ, dễ học dễ làm.
5. Các ví dụ đưa ra vừa có linh điển hình vừa rút ra từ thực tế, có giá trị hướng dẫn cho cách dự đoán.

Vì trình độ có hạn, chắc cuốn sách không tránh khỏi sai sót, mong được độc giả góp ý, phê bình. Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn thầy Thiệu Vĩ Hoa đã giúp đỡ tôi trong quá trình hoàn thành cuốn sách.

TRẦN VIÊN

Thâm Quyển, 9/1993

MỤC LỤC

Trang

Lời tựa	359
Lời nói đầu	360

Phần một

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO TƯỢNG QUÊ

Chương 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN	365
I. Chu dịch với dự đoán	365
1. Vài nét về Chu dịch	365
2. Chu dịch và dự đoán học	366
3. "Chu dịch" và âm dương, ngũ hành	367
II. Kiến thức về sắp xếp lịch	369
1. Tiết khí	370
2. Thiên can, địa chi	371
3. Âm dương, ngũ hành của can, chi	372
4. Phương vị của can chi	373
5. Mười hai địa chi với giờ	374
III. Cách tính can, chi của năm tháng ngày giờ	375
1. Cách tính can, chi của năm	375
2. Cách tính can, chi của tháng	375
3. Cách tính can, chi của ngày	379
4. Cách tính can, chi của giờ	380
Chương 2. NHẬP MÔN TƯỢNG QUÊ	382
I. Hình tam giác của Chu dịch	382
1. Hình thái cực	383
2. Âm dương lưỡng nghi	383
3. Tứ tượng	384
4. Bát quái	384
II. Bát quái và tượng loại của vạn vật	387
1. Tượng vật làm quẻ	387
2. 64 quẻ với tượng loại của vạn vật	390
Chương 3. GIEO QUÊ	401
I. Cách gieo quẻ	402
1. Gieo quẻ theo thời gian	402
2. Vai trò của hào động với quẻ thể và quẻ dụng	404
3. Quẻ chủ, quẻ hỗ và quẻ biến	405
II. Ngũ hành sinh khắc của tám cung	408
III. Vương, tướng, hưu, tù của ngũ hành các tượng quẻ	410

Chương 4. ĐOÁN TƯỢNG QUẺ	413
I. Sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng	413
1. Khái niệm về sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng	413
2. Tượng quẻ sinh khắc chủ các việc	415
3. Phân biệt các quẻ thể, dụng sinh khắc	418
II. Dự đoán thời gian ứng nghiệm của quẻ	419
1. Căn cứ ngũ hành của quẻ sinh, quẻ thể hay khắc quẻ thể để dự đoán thời gian ứng nghiệm	419
2. Căn cứ ngũ hành của quẻ thể để dự đoán thời gian ứng nghiệm	420
3. Căn cứ số của tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm	420
4. Căn cứ vào động, tĩnh của số quẻ để đoán thời gian ứng nghiệm	421

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 5. BỐN YẾU TỐ ĐỂ THÀNH QUẺ SÁU HÀO	423
I. Cách biến đổi sáu hào và xác định hào thể, hào ứng	423
II. Phép gieo quẻ theo 6 hào	431
1. Phép gieo quẻ	431
2. Phương pháp lập quẻ đặc biệt cho cả cuộc đời	432
III. Cách phối xếp địa chỉ của 6 hào	434
1. Giới thiệu tóm tắt phương pháp nạp giáp	434
2. Nạp địa chỉ cho bát quái	434
3. Nạp địa chỉ cho 56 quẻ còn lại	435
4. Bàn quay nạp địa chỉ cho 6 hào và cách nhớ	436
IV. Cách phối xếp lục thân	438
V. Cách phối xếp lục thần	446
Chương 6. CÁC KIẾN THỨC DỰ ĐOÁN THEO SÁU HÀO	449
I. Dụng thần, nguyên thần, kỵ thần, cừu thần	449
1. Dụng thần	449
2. Nguyên thần	450
3. Kỵ thần	450
4. Cừu thần	450
II. Lục hợp, lục xung, lục hại, tam hợp cục, tam hình	451
1. Lục hợp	451
2. Lục xung	454
3. Lục hại	456
4. Tam hợp cục	457
5. Tam hình	459
III. Sinh, vượng, mộ, kho của ngũ hành, không vong của lục giáp	460
1. Sinh, vượng, mộ, kho của ngũ hành	460
2. Không vong của lục giáp	463
IV. Nhật thin, nguyệt kiến, hào tĩnh, hào động, hào biến	465

1. Nhật thần, nguyệt kiến	465
2. Hào tĩnh, hào động, hào biến	467
V. Tiến thần, thoái thần, phi thần, phục thần	469
1. Tiến thần, thoái thần	469
2. Phi thần, phục thần	470
VI. Thần và sát thường dùng của sáu hào	472
1. Thiên át quý nhân	472
2. Mã tinh	473
3. Đào hoa	473
4. Hoa cái	473

<i>Chương 7. ĐOÁN HÀO</i>	475
I. Các quy tắc đoán quẻ	475
1. Quy tắc xác định dụng thần	475
2. Quy tắc xác định dụng thần không vong	476
3. Điều kiện của sinh khắc	476
4. Lục hợp	477
5. Điều kiện tam hợp thành cục	477
II. Bàn về sinh khắc giữa lục thần và các hào động	478
1. Sự sinh khắc của lục thần	478
2. Sinh khắc của lục thần và hào động	478
III. Xác định thời gian ứng nghiệm	481
1. Thời gian ứng nghiệm của sự sinh khắc	481
2. Thời gian ứng nghiệm khi hào thế và dụng thần được sinh	481
3. Thời gian ứng nghiệm của tuần không	482
4. Thời gian ứng nghiệm của gặp hợp	482
5. Thời gian ứng nghiệm của gặp xung	483
6. Thời gian ứng nghiệm của tam hình	483
IV. Học dự đoán và các ví dụ cụ thể	484
1. Chọn phương pháp lập quẻ	487
2. Khi nào thì chọn dụng thần, hay chọn hào thế ?	489
3. Cách chọn các hào trong quẻ	491
4. Cách chọn hào từ	493

Phần III

CÁC VÍ DỤ MỚI VỀ ĐOÁN QUẺ CỦA THIỆU VĨ HOA

<i>Phụ lục.</i>	BẢNG CĂN CỨ NGÀY GIÁP TÝ	
	SUY RA CÁN CHI CÁC NGÀY KHÁC (1890 - 2020)	511
1. Giải thích cách tạo bảng		511
2. Giải thích cách sử dụng bảng		512
3. Bảng		514 - 528

Phần 1

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO TƯỢNG QUÊ

Chương 1

KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CHU DỊCH VỚI DỰ ĐOÁN

1. Vài nét về Chu dịch

Vũ trụ là một hệ thống lớn của vạn vật. Vì mối liên quan lẫn nhau giữa các vật, nên thế giới tự nhiên có tính quy luật rất mạnh mẽ. Tính quy luật này đã được người xưa chú ý và khảo sát, khám phá qua thời gian dài, đã tổng kết ra những trạng thái biểu hiện vi mô và vi mô ở những trường hợp và thời điểm khác nhau, đồng thời từ màu sắc, vị trí, không gian, sự chuyển động, phương hướng của các vật và mùi vị của chúng và quá trình chuyển biến của chúng, nên đã quy nạp thành cái gọi là "tượng". "Kinh dịch" là bộ sách khoa học tự nhiên rất lâu từ cuối thời Tây Chu của Trung Quốc. Nó dùng hình thức phê chiêm để viết thành sách, thông qua tượng quẻ và từ hào để nói rõ sự cát hung của con người và sự việc. Những lời dự đoán của phê chiêm chính là thực tiễn xã hội, thực tiễn sản xuất và những kinh nghiệm tích lũy được thông qua quan sát các hiện tượng trong tự nhiên của thời bấy giờ.

Kinh dịch thành sách vào thời kỳ thịnh vượng của chế độ xã hội nô lệ, và xã hội thời đó tương đối ổn định, cho nên các mặt như thiên văn, lịch pháp, nông nghiệp, thủ công nghiệp đều phát triển mạnh mẽ. Ví dụ về thiên văn và cách làm lịch trong giáp cốt văn của thời nhà Thương đã dùng can chi để ghi ngày, dùng khắc lậu để ghi giờ hoặc đã biết tính tháng nhuận, hoặc phát hiện nhật thực. Vì sản xuất được phát triển nên trình độ khoa học cũng phát triển theo. Điều đó đã cung cấp điều kiện khách quan để hình thành những mầm mống tư duy khoa học của Kinh dịch.

Kinh dịch là sách kinh điển của các nho gia, nên gọi là kinh. Đó là bộ sách đứng đầu của năm kinh. Kinh dịch còn gọi là bản kinh, nó là tác phẩm thống nhất thiên văn, địa lý, nhạc luật, binh pháp, luật làm thơ, thuật toán, tôn giáo vào làm một. Nó còn là tác phẩm lấy số lý tượng chiêm để dự đoán các bí mật bao la trong vũ trụ.

Dịch truyện là tác phẩm cuối cùng xán lạn nhất của Kinh dịch. Nó chú giải và phát huy đầy đủ nhất bộ sách của Kinh dịch. Dịch truyện gồm "Thoán, tượng, hệ từ, thuyết quái và tự quái", tất cả gồm 10 thiên hợp thành. Dịch truyện ra đời vào giữa thời kỳ từ Xuân Thu đến Chiến quốc. Nó là tuyển tập triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên trước thời Xuân Thu. Dịch truyện đã phát huy đầy đủ tư duy khoa học và triết học thời bấy giờ của Kinh dịch. Sự phát triển quan trọng này của dịch truyện lại một lần nữa làm cho Kinh dịch được thăng hoa. Kinh dịch và dịch truyện chiếu rọi vào nhau đã làm nên sự phôi thai cơ bản của triết học và khoa học tự nhiên của Trung Quốc. Hàng nghìn năm nay, bộ sách Chu dịch đã đóng một vai trò to lớn trong sự thúc đẩy phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật của Trung Quốc. Ba dòng học phái lớn của tư tưởng văn hóa Trung Quốc là : nho gia, đạo gia, mặc gia đều lấy Chu dịch làm căn cứ lý luận cơ bản. Từ xưa đến nay số người nghiên cứu Kinh dịch rất nhiều. Từ thời nhà Tần đến cận đại đã có hơn 3 nghìn bộ sách chú giải về Chu dịch, điều đó hình thành hệ thống dịch học sử của Trung Quốc. Với ảnh hưởng chưa từng có của Chu dịch đối với khoa học và văn hóa của Trung Quốc, nó là bộ sách đứng đầu trong tất cả các sách kinh điển.

2. Chu dịch và dự đoán học

Dự đoán học là môn khoa học dự đoán tương lai, là sự suy đoán xu thế phát triển hoặc kết cục tương lai của sự vật, bao gồm : cả tương lai gần, tương lai vừa và tương lai xa. Chu dịch là bộ sách dự đoán chuyên môn sớm nhất trên thế giới. Chiêm bốc là một trong bốn bộ phận : tượng, số, lý, chiêm hợp thành chu dịch, chiêm bốc thực chất là đoán. Quẻ và hào từ của Kinh dịch chính là lời từ của phê chiêm. Chu dịch là môn học văn lấy chiêm bốc làm hình thức thể hiện, tức là chiêm bốc là nội dung không thể xem nhẹ của Chu dịch. Bản thân quẻ và hào từ của chu dịch chính là kho chứa đựng tin tức, tức là những tin tức được quy nạp từ trong thực tiễn xã hội và thực tiễn sản xuất. Chiêm bốc có vai trò nối thông các loại tin tức, giúp đỡ con người thích ứng với sự biến đổi của hoàn cảnh để hướng đến cái tốt, tránh cái xấu; thông qua dự đoán chiêm bốc giúp ta có sự chuẩn bị về mặt tâm lý. Sở dĩ Chu dịch được gọi là bộ sách bậc thầy của dự đoán học là vì trong đó chứa đựng những nguyên lý dự đoán rất bí ảo và có rất nhiều ví dụ thực chứa đựng giá trị dự đoán rất cao. Nhiều thời đại dùng chiêm bốc bát quái để dự đoán chính xác các hiện tượng thời tiết, phong thủy và cát hung họa phúc, bệnh tật, sự việc. Qua đó có thể thấy được "Chu dịch dự đoán" có thể ứng dụng rộng rãi cho mọi ngành, mọi lĩnh vực.

Phương pháp dự đoán của "Chu dịch" rất rộng. Ngoài những phương pháp như "dự đoán theo tượng quẻ", "dự đoán theo sáu hào" đã có trong sách, còn có "Kỳ môn độn giáp", "Lục nhân thần toán", "Tứ trụ tử bình", "Thiết bản

thần số", v.v... đều là những trường phái khác nhau của Chiêm phệ. Tóm lại "Chu dịch" chứa đựng những nguyên lý và phương pháp dự đoán rất đa dạng. Qua sự phát huy và sáng tạo của dân gian, nó tiềm tàng rất nhiều thuật dự đoán đáng được quan tâm khai thác và khám phá.

Cuốn "Chu dịch dự đoán học" là tác phẩm tiêu biểu cho sự nghiên cứu ứng dụng "Chu dịch" mấy năm gần đây đã bước sang một giai đoạn phát triển mới. Đã một thời gian dài, việc nghiên cứu "Chu dịch" của Trung Quốc chỉ đóng khung trong dịch lý và cũng rơi vào tình trạng đóng kín, làm cho mọi người rất khó hiểu. Do đó dự đoán theo bát quái của "Chu dịch" bị xem là mê tín cấm kỵ, phương pháp Chiêm phệ trong dân gian rất khó khăn phân biệt thật, giả, làm cho hòn ngọc sáng "Chu dịch" bị chìm vào bóng tối. Tác giả Thiệu Vi Hoa đã giáng đột phá vòng cấm, tuyên truyền cho khoa học ứng dụng của Chu dịch. Dự đoán học là thành tựu nghiên cứu nhiều năm và là sự tổng kết kinh nghiệm được thực tiễn kiểm chứng của Thiệu Vi Hoa. Nó được xã hội coi trọng nghiên cứu ứng dụng và kết hợp với các biện pháp dự đoán của khoa học hiện đại, nó đã khai phá ra một lĩnh vực rộng lớn cho sự kết hợp giữa phát triển khoa học dự đoán cổ điển với các tiến bộ của khoa học dự đoán hiện đại.

Ngoài ra, ông còn mạnh dạn khám phá, phát triển ứng dụng dự đoán theo "Chu dịch". Ông đã phát minh ra Thẻ dự đoán thông tin của "Chu dịch" (gọi là "thẻ dự đoán theo sáu hào"). Xem "Chu dịch dự đoán học" và quẻ dự đoán cuộc đời, dự đoán động đất (trong cuốn "Các ví dụ và cách giải dự đoán theo Chu dịch"), phát hiện quy luật đồng bộ thông tin về vận mệnh của những người cùng gia đình, v.v... của ông ta thấy rõ giá trị học thuật và giá trị ứng dụng rất cao. Vì vậy tác phẩm của ông được rộng rãi độc giả trong và ngoài nước hoan nghênh, đó cũng là điều chứng minh đầy sức thuyết phục. Quyển sách này của tôi, là lấy cuốn sách "Chu dịch dự đoán học" của ông làm gốc để viết những điều cơ sở cần thiết.

3. "Chu dịch" và âm dương, ngũ hành

Kinh dịch của Chu dịch tuy trực tiếp nói về âm dương nhưng mầm mống âm dương của Kinh dịch là thể hiện sự biến hóa của quẻ và tượng hào, tức là thông qua tượng quẻ để thể hiện. Quan niệm về âm dương đã bao hàm ở trong sự cương nhu và hào của quẻ. Nó lấy "—" và "——" để làm hào âm và hào dương. Sự đối lập, thống nhất, tiêu giảm và tăng trưởng, chuyển hóa của âm dương đều quyết định bởi sự biến hóa của hai ký hiệu cơ bản đó. Trang Tử trong thiên "Thiên hà" có nói: "Dịch lấy âm dương làm đạo". Tức là nói, học thuyết âm dương là hạt nhân tư tưởng của Chu dịch. Trong dịch truyện quan niệm âm dương rất rõ ràng. Hệ từ của dịch nói: "1 âm, 1 dương gọi là đạo", tức là nói mâu thuẫn vận động của âm dương là động lực phát triển của sự vật. Quan điểm triết học của Chu dịch cho rằng: mâu thuẫn vận động

của âm dương tồn tại trong vạn vật giữa trời đất, bao gồm cả các hiện tượng xã hội, tức là mở rộng ý nghĩa phổ biến của âm dương. Tức là nói sự đối lập thống nhất, vận động biến hóa của âm dương quyết định sự ra đời, phát triển và biến hóa của vạn vật.

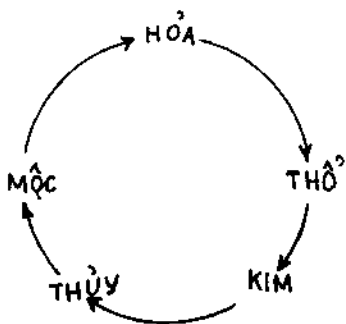
Quan niệm về ngũ hành bắt nguồn từ đời nhà Ân, nhà Thương nhưng trong Chu dịch đã sớm có mầm mống chính của ngũ hành là thủy và hỏa. Người xưa chia vạn vật ra thành hai loại lớn là âm và dương, còn, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là những vật chất cơ bản để tạo thành thế giới. Do đó người ta đã tổng hợp và phân tích kết quả quan sát các hiện tượng trong tự nhiên, đem những hiện tượng và sự vật cần nói rõ phân ra một cách đơn giản thành 5 loại, đem những sự vật có thuộc tính tương tự nhau xếp vào một trong 5 loại ngũ hành. Trong sách "Hà lạc nguyên lý" nói : "Thái cực sản sinh ra âm dương, âm dương hóa hợp sinh ra ngũ hành, ngũ hành vừa là mầm mống vừa được bao hàm trong vạn vật". Gốc của ngũ hành là âm dương, âm dương hợp lại thành thái cực. Học thuyết ngũ hành lấy lý luận âm dương làm hạt nhân. Quan hệ sinh khắc, chế hóa giữa các ngũ hành thực chất là sự thể hiện và ứng dụng của lý luận âm dương. Cho nên nói : Chu dịch dự đoán gắn chặt với ngũ hành, ngũ hành lại gắn chặt với âm dương. Bát quái của Chu dịch chính là sự vận dụng quy luật ngũ hành, giải thích và nói rõ mối quan hệ và sự biến hóa của các sự vật và hiện tượng.

Giữa các ngũ hành tồn tại quy luật tương sinh, tương khắc. Tương sinh, tương khắc cũng giống như âm dương, là hai mặt không thể tách rời của sự vật. Không có sinh thì không có sự ra đời và phát triển của sự vật; không có khắc thì không thể duy trì sự cân bằng và điều hòa trong quá trình phát triển và biến hóa của sự việc. Mối quan hệ trong sinh có khắc, trong khắc có sinh, tương phản tương thành, dựa vào nhau này đã thúc đẩy và duy trì cho vạn vật sinh trưởng, phát triển và biến hóa bình thường.

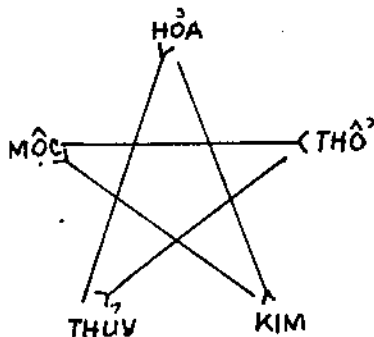
Ngũ hành tương sinh : mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Sách "Mệnh lý thám nguyên" nói : mộc sinh hỏa, tính mộc ấm áp hỏa phục trong đó xuyên qua mà sinh ra nên gọi là mộc sinh hỏa. Hỏa sinh thổ vì hỏa nóng nên có thể đốt cháy mộc, mộc cháy thành tro tức thành đất nên nói hỏa sinh thổ. Thổ sinh kim, kim ẩn tàng trong đá, dựa vào núi, đất bồi đắp thành núi, có núi tất có đá, nên thổ sinh kim. Kim sinh thủy vì khí của thiếu âm ôn nhuận chảy ngầm, kim loại chảy thành nước nên gọi là kim sinh thủy. Thủy sinh mộc vì nước nhuận mà sinh cây nên thủy sinh mộc.

Trong quan hệ tương sinh có sinh ra tôi và tôi sinh ra. Ví như trong dự đoán 6 hào theo lý thuyết lục thân : sinh ra tôi là cha mẹ, tôi sinh ra là con cái. Lấy lý luận của ngũ hành thì thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa. Tương sinh của ngũ hành là mối quan hệ tương sinh tuần hoàn liên tục.



Vòng tương sinh của ngũ hành



Tương khắc cách ngôi của ngũ hành.

Ngũ hành tương khắc : mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Sách "Bách hổ thông nghĩa" nói : "Ngũ hành có thể tương hại lẫn nhau (tức tương khắc), đó là thuộc tính của trời đất. Nhiều tháng ... nên gọi là thủy thắng hỏa, tinh thắng cứng nên gọi là hỏa thắng kim; cương thắng nhu nên kim thắng mộc; kết chắc thắng tán rời nên mộc thắng thổ; thực thắng hư nên thổ thắng thủy.

Trong quan hệ tương khắc có hai mặt : khắc tôi và tôi khắc. Theo lục thân, cái khắc tôi là quan quý, cái tôi khắc là thế tài, theo ngũ hành cái khắc mộc là kim, cái mộc khắc là thổ. Quy luật ngũ hành tương khắc là quan hệ tương khắc cách ngôi.

Sách Tố Vấn nói : "Ngũ hành đó là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, vừa cao quý, vừa thấp hèn, nó quyết định sự sống chết và thành bại". Mọi vật trong vũ trụ đều thống nhất ở âm dương ngũ hành. Con người là một vật trong đó, nên cũng theo luật ngũ hành. Khi người ta vừa thoát thai từ mẹ, nếu được khí tốt đầy đủ thì thân khí sung túc mà thọ; được khí mạnh thì thân thể cường tráng. Ngược lại nếu khó khăn trắc trở thì nghèo hèn hoặc chết yếu. Từ trong ngũ hành sinh khắc có thể thông qua can, chi, của năm, tháng, ngày, giờ, sinh của con người - như một tiểu vũ trụ - nó đã bao hàm âm dương ngũ hành khắc nhau, nên từ đó có thể đoán biết cát hung, phúc họa của cả đời người.

II. KIẾN THỨC VỀ SẮP XẾP LỊCH

Thông qua tượng quẻ để dự đoán cát hung, họa phúc của sự vật, đó là mục đích của chúng ta. Muốn đạt được mục đích đó, đầu tiên phải học biết cách gieo quẻ. Gieo quẻ chính xác là khâu then chốt để đoán đúng sự việc. Gieo quẻ sai thì tất cả sẽ sai, cho dù bản lĩnh đoán quẻ rất cao cường. Ngược

lại bản lĩnh đoán quẻ cao cường, là bắt nguồn từ nắm vững và chính xác các kiến thức cơ sở, từ đó mà đạt được hiệu quả cao, chiếm được uy tín của mọi người. Do đó trước khi học gieo quẻ, phải tìm hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản có liên quan với gieo quẻ.

Học viên tất nhiên phải có lịch vạn niên. Cho dù là đoán tượng quẻ hay đoán theo 6 hào, hoặc dự đoán tử trụ về vận mệnh đều cần đến lịch vạn niên. Lịch vạn niên còn gọi là lịch âm dương.

Lịch âm dương dùng biện pháp tháng nhuận, tức là lấy mặt trăng quay một vòng xung quanh quả đất làm một tháng, đồng thời phối hợp với quả đất quay một vòng quanh mặt trời làm một năm. Hợp cả hai lại thành lịch âm dương. Muốn nói rõ sự ra đời và cách tính toán lập lịch âm dương thì phải nói rất dài. Trong dự đoán chúng ta chỉ cần biết ở thời điểm nào các tiết khí giao nhau là đủ. Để bạn đọc nhập môn được nhanh, ở đây chỉ giới thiệu những tri thức cần thiết.

1. Tiết khí

24 tiết khí của âm dương là để tiện cho việc sắp đặt công việc của nhà nông. Chúng có tên gọi là : lập xuân, vũ thủy, kinh trập, xuân phân, thanh minh, cốc vũ, lập hạ, tiểu mãn, mang chủng, hạ chí, tiểu thử, đại thử, lập thu, xử thử, bạch lộ, thu phân, hàn lộ, sương giáng, lập đông, tiểu tuyết, đại tuyết, đông chí, tiểu hàn, đại hàn.

Chia 24 tiết khí thành 12 tiết khí và 12 trung khí. Những tiết khí trong bảng giới thiệu trên ở số lẻ gọi là tiết khí, những cái ở số chẵn là trung khí. Trong lịch vạn niên ta thấy rõ những tháng âm lịch có trung khí thì trung khí rơi vào cuối tháng và tháng sau liền đó không có trung khí. Nói chung trong hai đến ba năm chỉ có một tháng không có trung khí. Âm lịch quy định tháng không có trung khí là tháng nhuận. Phía trước tháng nhuận là tháng gì thì tháng nhuận cũng mang tên tháng đó. Trong dự đoán thì 12 trung khí và tháng nhuận không có tác dụng trực tiếp.

Trong dự đoán, dùng 12 tiết khí để phân chia ranh giới lệnh tháng giữa các tháng. Lập xuân là lệnh tháng thứ nhất trong 12 tiết khí của mỗi năm nên đó cũng là ngày đầu tiên của 1 năm. Cho nên nó cũng là ngày phân chia ranh giới giữa năm trước và năm sau. Lệnh tháng là một trong những tiêu chuẩn để đo lường mức độ vượng suy trong dự đoán theo bát quái hoặc sáu hào. Nó cũng quan trọng như lệnh ngày. Muốn đếm 12 tiết khí được thuận chiều và lưu loát thì ta cần phải học thuộc, nhớ kỹ như sau :

Xuân	Kinh	Thanh minh	Hạ	Chủng	Thử	Thu	Lộ	Hàn	Đông	Đại tuyết	Hàn
(Lập xuân)	(Kinh trập)	(Thanh minh)	(Lập hạ)	(Mang chủng)	(Tiểu thử)	(Lập thu)	(Bạch lộ)	(Hàn lộ)	(Lập đông)	(Đại tuyết)	(Tiểu hàn)

2. Thiên can, địa chi

10 thiên can : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

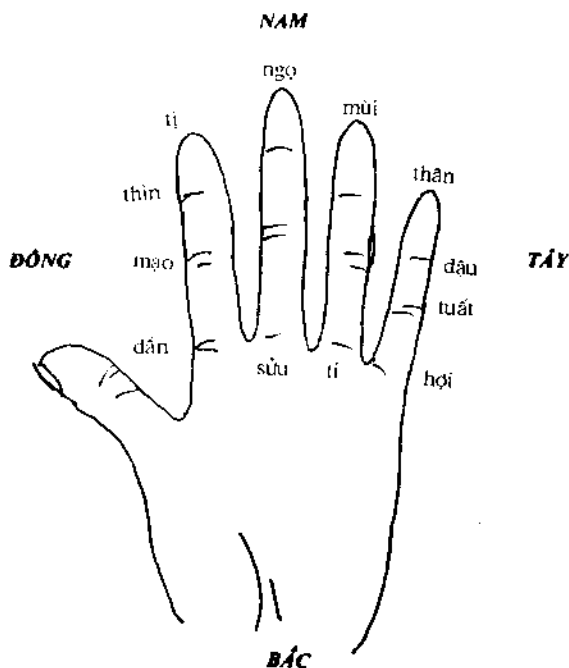
12 địa chi : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Trong sách "Ngũ hành đại nghĩa" nói : can chi là do Đại Náo sáng tác ra. Đại Náo ban đầu lấy Giáp, Ất làm tên ngày, gọi là can; lấy Tý, Sửu làm tên tháng gọi là chi. Việc liên quan với trời thì dùng can, việc liên quan với đất thì dùng chi. Có sự khác biệt giữa âm dương nên có tên can, chi vậy.

Trong sách "Quần thư khảo dị" nói : Giáp có nghĩa là tách ra, tức là chi vật đó tách ra khỏi vạn vật. Ất có nghĩa là bật ra, tức là chi vật đó vừa sơ sinh, vừa tách ra khỏi. Bính có nghĩa là tỏ rõ, tức là chi vật đó bắt đầu rõ ràng. Đinh có nghĩa là mạnh, tức chi vật đó trưởng thành mạnh mẽ. Mậu có nghĩa là rậm, tức chi sự vật đã rậm rạp. Kỷ có nghĩa là ghi nhớ, tức chi vật đó đã thành hình, phân biệt được với vật khác. Canh có nghĩa là cứng rắn, tức chi vật đó đã có cốt lõi. Tân có nghĩa là mới, tức chi mọi vật mới sinh đều có kết quả. Nhâm có nghĩa là gánh chịu, tức chi dương khí chịu sự nuôi dưỡng vạn vật. Quý có nghĩa là vỡ nát, tức chi vạn vật đã chín cứng, vỡ nát. Do đó có thể thấy 10 thiên can không liên can

đến mặt trời mọc mà chi có sự tuần hoàn lặp đi lặp lại của mặt trời mới ảnh hưởng trực tiếp đến sự ra đời của vạn vật.

12 địa chi là để miêu tả chu kỳ vận hành của mặt trăng. Trong sách "Quần thư khảo dị" có nói : Tý có ý là nảy nở tức chi mầm phôi của vạn vật nảy nở trong dương khí. Sửu là chi phôi đó tiếp tục lớn lên. Dần là chi phôi đã nở ra. Mão là chi mầm đã đội đất mà lên. Thìn là chi vật đó vận động trưởng thành. Tỵ có nghĩa là bắt đầu, tức chi vật đó đã bắt đầu lớn



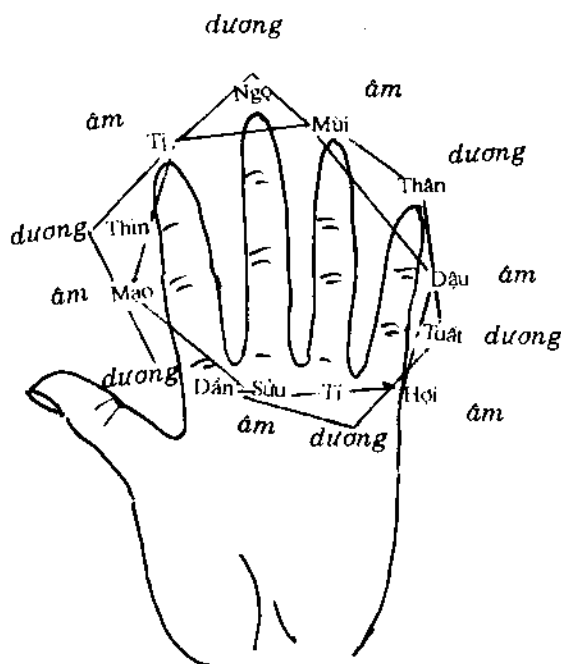
Hình 12 Địa chi trên tay.

lên. Ngọ là chỉ vật đó đã có cành lá rậm rạp. Mùi là chỉ âm khí đã đầy đủ, trưởng thành, vật đã hơi suy, thế đã hơi yếu. Thân là chỉ vật đó đã sung mãn. Dậu là chỉ vật đó đã già, đã thành thực. Tuất là diệt là chỉ mọi vật đều suy diệt. Hợi là chỉ vật đã thu về hạt cứng. Do đó có thể thấy 12 địa chi có liên quan với sáng, tối, khuyết, tròn của mặt trăng và chu kỳ tuần hoàn của mặt trăng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ra đời và lớn lên của vạn vật.

Như vậy 10 thiên can và 12 địa chi liên quan đến nhận thức về đặc điểm vận động của mặt trời và mặt trăng. Mặt trời, mặt trăng một là thái dương, một là thái âm. Người xưa lấy trời làm dương, lấy đất làm âm. Do đó cũng rất tự nhiên lấy 10 thiên can phối với trời, 12 chi phối với đất nên gọi là thiên can, địa chi.

Trong dự đoán theo bát quái công dụng của 12 địa chi rất lớn. Mười thiên can phối hợp với các tháng thường là không cố định, còn 12 địa chi phối với các tháng thì cố định, không đổi. Do đó có thể định vị được trên bàn tay.

Khi nhớ 12 địa chi có thể chia chúng thành hai nửa để đọc được nhanh. Sự phân bố của chúng trên bàn tay liên quan với các phương vị. Khi đếm chúng nên hướng từ bắc đến nam, đưa bàn tay trái ra, gốc ngón tay đeo nhẫn là tý, thuận chiều kim đồng hồ đếm đến hợi (xem hình vẽ trang 371).



Hình âm dương cách ngọ của 12 địa chi.

3. Âm dương, ngũ hành của can, chi

Giáp, bính, mậu, canh, nhâm là can dương.

Ất, đinh, kỷ, tân, quý là can âm.

Tý, dần, thìn, ngọ, thân, tuất là chi dương.

Sửu, mao, tỵ, mùi, hợi là chi âm.

Phân thành can, chi âm dương là theo Dịch truyện nói : thái cực sinh lưỡng nghi. Ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là vật chất cơ bản tạo thành vạn vật. Nguyên thủy của chúng cũng có thái cực. Cho nên, giáp, ất thuộc mộc, tiếp đó sinh lưỡng nghi : giáp

là dương, ất là âm. Bính, đinh cùng thuộc hỏa, bính là dương, đinh là âm. Mậu, kỷ cùng thuộc thổ, mậu là dương, kỷ là âm... Mặt khác dần, mao cùng thuộc mộc, dần là dương, mao là âm. Tỵ, ngọ cùng thuộc hỏa, ngọ là dương, tỵ là âm. Thân, dậu thuộc kim, thân dương, dậu âm. Tý, hợi thuộc thủy, tý dương, hợi âm. Thìn, tuất, sửu, mùi, đều thuộc thổ, Thìn, tuất là dương, sửu, mùi là âm.

Ngoài ra theo lý số mà nói số lẻ 1, 3, 5, 7, 9 là dương. Số chẵn : 2, 4, 6, 8, 10 là âm. Những cái thuộc dương là cứng.

Trong dự đoán : can dương của thiên can và chi dương của địa chi phối thành đôi, can âm của thiên can, và chi âm của địa chi cũng phối thành đôi, tạo thành can chi (lệnh tháng) của tháng và can chi (nhật thin) của ngày. Mười thiên can âm dương trong tượng quẻ không trực tiếp tham gia vào việc dự đoán nhưng phải phối hợp dùng nó trong tuần không, vượng tướng của thiên can, trong xác định thời gian ứng nghiệm và trong lục thân. (Điều này sẽ được bàn kỹ trong dự đoán theo 6 hào). Mười hai địa chi có vị trí cố định theo lòng bàn tay (xem hình vẽ trang 371).

4. Phương vị của can chi

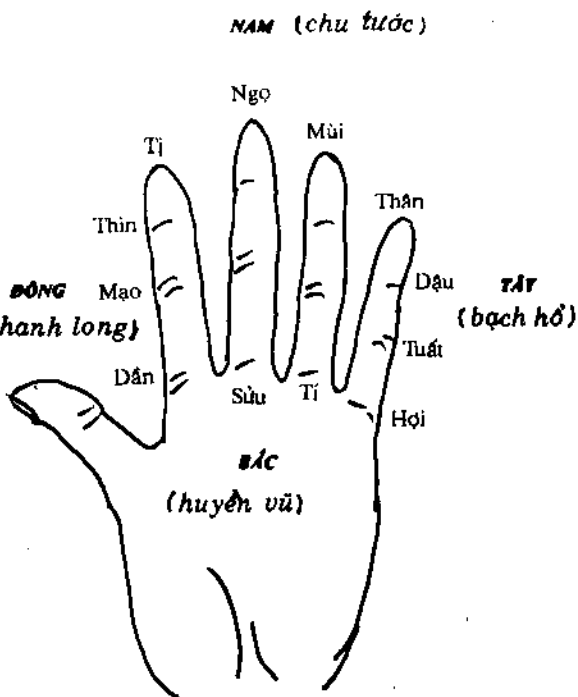
Phương vị của 10 can :

giáp, ất phương đông mộc; bính, đinh phương nam hỏa; mậu, kỷ ở giữa thổ; canh tân phương tây kim, nhâm, quý phương bắc thủy.

Phương vị của 12 chi :

Dần, mao, phương đông (thanh long) mộc; tỵ, ngọ phương nam hỏa; thân, dậu phương tây kim; hợi, tý phương bắc thủy; Thìn, tuất, sửu, mùi là thổ của bốn mùa.

Sách "Tổ vấn - khí giao biến Đại luận" có ghi việc quan sát sao để đoán phúc, họa. Tức là quan sát ánh sáng, đường đi, khoảng cách xa gần và tốc độ của các sao : sao mộc, sao hỏa, sao thổ, sao kim, sao thủy để biết tai nạn và đức. Các nhà thiên văn cổ của Trung



Hình 12 địa chi quy thuộc 4 phương.

Quốc để quan sát thiên tượng và sự chuyển động của mặt trời, mặt trăng, năm ngôi sao trên trời quay một vòng trong một ngày hay trên đường hoàng đạo và xích đạo mà đã chọn ra 28 ngôi sao, gọi là "28 tú" để làm tiêu chí quan trắc. Họ còn chia 28 sao này thành bốn nhóm, mỗi nhóm 7 sao có liên quan với bốn phương : đông, tây, nam, bắc và phối với tượng của 4 loại động vật là : Thanh long, bạch hổ, chu tước, huyền vũ, gọi là "tứ tượng" "tứ phương".

Tên cầm tinh của 28 ngôi sao sau khi đơn giản hóa và đem ghép với Tứ tượng thì được : Phương đông - dần, mao, thìn; phương nam - ty, ngọ, mùi; phương tây - thân, dậu, tuất; phương bắc - hợi, tý, sửu.

Phương đông mộc khí lấy dần làm sự thăng phát khởi đầu, mao mộc là dương ở giữa, thìn là dư khí của mộc. Phương nam lấy ty làm dương mới đến, ngọ hỏa là dương thịnh, mùi là dư khí của hỏa. Phương tây kim khí lấy thân làm sự giáng xuống ban đầu, dậu kim âm ở giữa, tuất là dư khí của kim. Phương bắc lấy hợi làm âm mới đến, tý thủy lâm âm đến cực, sửu là dư khí của thủy. Trong dự đoán, sự thịnh suy của "khí" 12 địa chi có liên quan mật thiết với vượng tướng hưu tù của lệnh tháng - tức là điều rất then chốt trong đoán quẻ. Lệnh tháng của 12 địa chi tương ứng với phương vị của bát quái là cái quyết định vượng, suy, cát, hung của tượng quẻ và cũng là cái quyết định vượng, suy, cát, hung của dụng thần và hào thế.

5. Mười hai địa chi với giờ

Tý (23 - 1); Sửu (1 - 3); Dần (3 - 5); Mão (5 - 7); Thìn (7 - 9); Tỵ (9 - 11); Ngọ (11 - 13); Mùi (13 - 15); Thân (15 - 17); Dậu (17 - 19); Tuất (19 - 21); Hợi (21 - 23).

Cách ghi 12 giờ của Trung Quốc lấy giờ Tý làm đầu, trước 11 giờ đêm thuộc về ngày hôm trước, từ 11 giờ đêm bắt đầu tính cho ngày hôm sau. Cho nên 11 giờ đêm là điểm phân chia hôm trước và hôm sau. Sau 11 giờ đêm là sáng ngày hôm sau, đến trước 1 giờ là giờ Tý. Trong dự đoán theo bát quái đều dùng cách tính ngày như thế. Theo mối quan hệ của 12 địa chi với các giờ ta có thể thấy rõ : Cứ cách 6 ngôi thì số giờ của địa chi lại lặp lại. Ví dụ giờ Tý là từ 11 giờ đến trước 1 giờ, giờ ngọ là từ 11 giờ trưa đến trước 1 giờ chiều, chỉ có điều 1 bên là ban ngày, 1 bên là ban đêm, cả hai cái là 1 cặp giờ đối lập lẫn nhau. Từ phương vị của ngũ hành cũng thấy rõ : Tý là thủy ở bắc, ngọ là hỏa ở nam, phương vị và thuộc tính ngũ hành của chúng cũng đối lập lẫn nhau... Sự đối lập này gọi là đối xung. Đối xung tức là tương xung tương khắc trực diện. Các kiến thức về lục xung sẽ nói rõ khi bàn về dự đoán theo sáu hào. Ở đây chỉ đề cập sơ qua để độc giả nhớ được các giờ tương ứng với 12 địa chi.

III. CÁCH TÍNH CAN, CHI CỦA NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ

1. Cách tính can, chi của năm

Mười can và mười hai chi lần lượt từng cặp phối với nhau, phối 60 lần thì đủ một vòng, ví dụ : giáp tý, ất Sửu, bính dần, đinh Mão,... mãi cho đến quý Hợi. Vì lấy can giáp và chi tý phối với nhau làm năm thứ nhất, nên phối kết một lượt toàn bộ can chi là 60 năm, gọi là 60 giáp tý. Sáu mươi năm âm lịch cũng gọi là một hoa giáp. Sau một hoa giáp thì can chi lại phối lại từ đầu, cứ thế lập đi, lập lại mãi.

Dưới đây giới thiệu bảng giáp tý 60 năm

1. Giáp tý	11. Giáp tuất	21. Giáp thân	31. Giáp ngọ	41. Giáp Thìn	51. Giáp dần
2. Ất Sửu	12. Ất Hợi	22. Ất Dậu	32. Ất Mùi	42. Ất tý	52. Ất Mão
3. Bính dần	13. Bính tý	23. Bính tuất	33. Bính thân	43. Bính ngọ	53. Bính Thìn
4. Đinh Mão	14. Đinh Sửu	24. Đinh Hợi	34. Đinh Dậu	44. Đinh Mùi	54. Đinh tý
5. Mậu Thìn	15. Mậu dần	25. Mậu tý	35. Mậu tuất	45. Mậu thân	55. Mậu ngọ
6. Kỷ tý	16. Kỷ Mão	26. Kỷ Sửu	36. Kỷ Hợi	46. Kỷ Dậu	56. Kỷ Mùi
7. Canh ngọ	17. Canh Thìn	27. Canh dần	37. Canh tý	47. Canh tuất	57. Canh thân
8. Tân Mùi	18. Tân tý	28. Tân Mão	38. Tân Sửu	48. Tân Hợi	58. Tân Dậu
9. Nhâm thân	19. Nhâm ngọ	29. Nhâm Thìn	39. Nhâm dần	49. Nhâm tý	59. Nhâm tuất
10. Quý Dậu	20. Quý Mùi	30. Quý tý	40. Quý Mão	50. Quý Sửu	60. Quý Hợi

Trong kỷ niên can chi hiện đại, 60 năm trước năm 1924 gọi là thượng nguyên, 60 năm từ 1924 đến 1984 gọi là trung nguyên, 60 năm từ sau 1984 gọi là hạ nguyên. Như vậy là đã làm rõ can chi năm của nguyên nào. Dưới đây giới thiệu can chi 120 năm cuối của thế kỷ 20 tương ứng với các năm dương lịch và cầm tinh từng năm để tham khảo (xem trang 376 - 377).

2. Cách tính can, chi của tháng

Tháng giêng kiến Dần (Từ lập xuân đến kinh trập)	Tháng hai kiến Mão (Từ trập đến thanh minh)	Tháng ba kiến Thìn (Thanh minh đến lập hạ)	Tháng tư kiến Tỵ (Từ lập hạ đến mang chủng)
Tháng 5 kiến Ngọ (Mang chủng đến tiểu thử)	Tháng 6 kiến Mùi (Tiểu thử đến lập thu)	Tháng 7 kiến Thân (Lập thu đến bạch lộ)	Tháng 8 kiến Dậu (Bạch lộ đến hàn lộ)
Tháng 9 kiến Tuất (Hàn lộ đến lập đông)	Tháng 10 kiến Hợi (Lập đông đến đại tuyết)	Tháng 11 kiến Tý (Đại tuyết đến tiểu hàn)	Tháng 12 kiến Sửu (Tiểu hàn đến lập xuân)

BẢNG ĐỐI CHIẾU ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH VÀ CẨM TINH TỪ NĂM 1881 - 2000

Dương lịch. Âm lịch. Cẩm tinh.		Dương lịch. Âm lịch. Cẩm tinh.		Dương lịch. Âm lịch. Cẩm tinh.		Dương lịch. Âm lịch. Cẩm tinh.		Dương lịch. Âm lịch. Cẩm tinh.			
1		2		3		4		5		6	
1924	Giáp Tý - Chuột	1934	Giáp Tuất - Chó	1884	Giáp Thân - Khỉ	1894	Giáp Ngọ - Ngựa	1904	Giáp Thìn - Rồng	1914	Giáp Dần - Hổ
1984		1994		1944		1954		1964			
1925	Ất Sửu - Trâu	1935	Ất Hợi - Lợn	1885	Ất Dậu - Gà	1895	Ất Mùi - Dê	1905	Ất Tỵ - Rắn	1915	Ất Mão - Mèo
1985		1995		1945		1955		1965		1975	
1926	Bính Dần - Hổ	1936	Bính Tý - Chuột	1886	Bính Tuất - Chó	1896	Bính Thân - Khỉ	1906	Bính Ngọ - Ngựa	1016	Bính Thìn - Rồng
1986		1996		1946		1956		1966		1876	
1927	Đinh Mão - Mèo	1937	Đinh Sửu - Trâu	1887	Đinh Hợi - Lợn	1897	Đinh Dậu - Gà	1907	Đinh Mùi - Dê	1917	Đinh Tỵ - Rắn
1987		1997		1947		1957		1967			
1928	Mậu Thìn - Rồng	1938	Mậu Dần - Hổ	1888	Mậu Tý - Chuột	1898	Mậu Tuất - Chó	1908	Mậu Thân - Khỉ	1918	Mậu Ngọ - Ngựa
1988		1998		1948		1958		1968		1978	

1	2	3	4	5	6
1929 Kỷ Ty - Rắn ; 1989	1939 Kỷ Mão - Mèo 1999	1889 Kỷ Sửu - Trâu 1949	1899 Kỷ Hợi - Lợn 1959	1909 Kỷ Dậu - Gà 1969	1919 Kỷ Mùi - Dê 1979
1930 Canh Ngọ - Ngựa	1940 Canh Thìn - Rồng 2000	1890 Canh Dần - Hổ 1950	1900 Canh Tý - Chuột 1960	1910 Canh Tuất - Chó 1970	1920 Canh Thân - Khỉ 1980
1931 Tân Mùi - Dê 1991	1881 Tân Ty - Rắn 1941	1891 Tân Mão - Mèo 1951	1901 Tân Sửu - Trâu 1961	1911 Tân Hợi - Lợn 1971	1921 Tân Dậu - Gà 1981
1932 Nhâm Thân - Khỉ 1992	1882 Nhâm Ngọ - Ngựa 1942	1892 Nhâm Thìn - Rồng 1952	1902 Nhâm Dần - Hổ 1962	1912 Nhâm Tý - Chuột 1972	1922 Nhâm Tuất - Chó 1982
1933 Quý Dậu - Gà 1993	1883 Quý Mùi - Dê 1943	1893 Quý Ty - Rắn 1953	1903 Quý Mão - Mèo 1963	1913 Quý Sửu - Trâu 1973	1923 Quý Hợi - Lợn 1983

Tính tháng theo can chi tức lấy bắc cực làm trung tâm. Lấy tên giờ của chuôi sao Bắc Đẩu chỉ hàng tháng (tức 12 địa chi) làm tên gọi của tháng đó. Như thế gọi là "Nguyệt kiến". Một năm 12 tháng, năm năm vừa đúng một vòng hoa giáp, trong đó không tính can chi tháng nhuận.

Chi tháng hàng năm cố định không đổi, lấy tháng Dần bắt đầu làm tháng giêng, tháng Sửu làm tháng 12 kết thúc. Giờ giao tiết lập xuân là kiến Dần. Thiên can của tháng phải qua tính toán mới tìm được. Nó tuy không cố định nhưng có quy luật tuần hoàn. Có thể nhớ theo câu thơ sau :

Giáp, kỷ lấy bính làm đầu; Ất, canh lấy mậu để làm tháng giêng.

Bính, tân tìm đến canh Dần; Đinh, Nhâm phải kể nhâm dần trở đi.

Gặp năm mậu, quý mỗi khi; giáp dần ghi nhớ tháng giêng mở đầu.

"Giáp, kỷ lấy bính làm đầu" nghĩa là : gặp năm can giáp, can kỷ, can chi tháng giêng là bính dần, tháng hai đinh mao... Ví dụ năm 1994 là giáp tuất, năm 1989 là kỷ tỵ thì tháng giêng của hai năm này đều là bính dần.

"Ất, canh lấy mậu để làm tháng giêng" là : gặp năm ất, hoặc năm canh thì tháng giêng đều là mậu dần, tháng hai là kỷ mao... Ví dụ : Năm 1990 là canh ngọ, 1995 là ất hợi, nên tháng giêng của hai năm này đều là mậu dần.

"Bính, tân tìm đến canh dần" nghĩa là : gặp năm bính hoặc năm tân thì tháng giêng là canh dần, tháng hai là tân mao...

"Đinh, nhâm phải kể nhâm dần trở đi" là năm đinh hoặc năm nhâm, thì tháng giêng là nhâm dần, sau đó tính tiếp.

"Gặp năm mậu, quý mỗi khi, giáp dần ghi nhớ tháng giêng mở đầu" là đối với năm mậu hoặc năm quý, tháng giêng đều là giáp dần.

Cách tính được giới thiệu theo bảng trang bên.

Muốn tính can chi của tháng có thể tra lịch vạn niên và bảng "tính tháng theo năm". Nếu thuộc các câu thơ trên thì sẽ tính rất nhanh theo hình bàn tay.

Ví dụ : Muốn tìm can chi tháng 3 năm Tân Mùi tức năm 1991 ? Vì vị trí 12 chi trên bàn tay đã cố định, nên chỉ cần tìm ra can tháng, sau đó phối hợp với địa chi là được. Theo câu : Bính, Tân tìm đến Canh Dần" ta biết được tháng giêng là Canh. Địa chi tháng giêng là Dần, nằm ở góc ngón tay trỏ, do đó tính được tháng 3 là Nhâm Thìn.

Trong dự đoán, nguyệt kiến là lấy giới hạn từ kết thúc của tiết khí tháng trước đến bắt đầu tiết khí của tháng sau. Thời điểm giao tiết của mỗi tháng hàng năm khác nhau, do đó phải tra trong lịch vạn niên có giao tiết. Ví dụ : muốn tìm can chi của nguyệt lệnh ngày 15 tháng 3 năm 1990. Đầu tiên đối dương lịch thành âm lịch, tra lịch vạn niên ngày 15 tháng 3 dương lịch được ngày 15 tháng 2 âm lịch, ngày đó là ngày kinh trập, qua đối chiếu với giao

tiết của nguyệt lệnh thấy từ kinh trập đến trước giao tiết thanh minh của tháng sau là tháng 2 kiến Mão, qua tính toán biết được ngày đó thuộc tháng Kỷ Mão.

Ví dụ : Muốn biết nguyệt lệnh ngày 20 tháng 12 âm lịch năm 1990 ?

Từ lịch vạn niên tra thấy ngày này đúng ngày lập xuân năm 1991, cũng tức là ngày nối năm cũ và năm mới. Căn cứ thời gian của giao tiết thì lập xuân lúc 16 giờ 09 phút. Nếu việc hay người muốn đoán phát sinh sau 16 giờ 09 phút thì phải lấy nguyệt lệnh của năm mới, tức nguyệt lệnh tháng giêng năm 1991, đó là : ngày át ty tháng canh dần năm tân mùi. Nếu sự việc phát sinh trước 16 giờ 09 phút thì phải lấy nguyệt lệnh tháng 12 năm cũ, tức ngày át ty, tháng kỷ sữu năm canh ngọ.

Chú ý là khi gieo quẻ theo thời gian, nếu gặp phải nguyệt lệnh giáp nhau giữa năm cũ và năm mới thì đoán quẻ và gieo quẻ phải cẩn thận. Vì vậy cần lưu ý đến ví dụ cuối ở phần trên.

BẢNG TÍNH THÁNG THEO NĂM

Tháng Can năm	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng	Tháng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Giáp, Kỷ	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tý	Đinh Sửu
Ất, Canh	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu
Bính, Tân	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi	Canh Tý	Tân Sửu
Đinh, Nhâm	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi	Nhâm Tý	Quý Sửu
Mậu, Quý	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi	Giáp Tý	Ất Sửu

Cách tính can, chi của ngày

Can, chi của ngày cũng giống can, chi năm, tháng, cho nên cách tính can chi ngày là lấy 60 ngày làm một chu kỳ tuần hoàn để tính. Vì tháng có tháng đủ, tháng thiếu, năm có năm nhuận nên can, chi của ngày phải tra lịch vạn niên mới biết được. Trong dân gian có một số người mù đoán mệnh theo tứ trụ, họ dựa vào bài về để tính can, chi ngày. Ở đây tác giả xin giới thiệu bảng tính tóm tắt can, chi ngày ở bảng phụ lục cuối sách để bạn đọc mới học tham khảo. Cũng có những cách tính dùng được cho cả năm nhuận, đối với các bạn học mới nhập môn thì không nên hao phí tâm lực nhiều vào đó.

4. Cách tính can, chi của giờ

Can, chi của giờ là phối can, chi lại rồi phối tương ứng với 60 giờ thành một chu kỳ.

Sau khi biết được can, chi của ngày, muốn tính ra can, chi của giờ có thể dùng bài về sau :

Giáp, kỷ	:	tý là giáp
Ất, canh	:	bính làm đầu
Bính, thân	:	tý từ mậu
Đinh, nhâm	:	tý là canh
Mậu, quý	:	nhâm là tý.

"Giáp, kỷ : tý là giáp" nghĩa là : khi can ngày là giáp hoặc kỷ thì giờ tý là giáp tý. Biết được thiên can của giờ tý là giáp, thì giờ Sửu tất nhiên sẽ là ất Sửu... Ví dụ giờ tý ngày 5 tháng 2 âm lịch năm 1991, trong tứ trụ sẽ là : năm tân mùi, tháng tân mao, ngày kỷ Sửu, giờ giáp tý.

"Ất, canh : bính làm đầu" là, ngày ất hoặc ngày canh thì giờ tý là bính tý, giờ Sửu sẽ là đinh Sửu...

BẢNG TÍNH GIỜ THEO NGÀY

Chi giờ Can ngày	Giờ tý	Giờ Sửu	Giờ Dần	Giờ Mão	Giờ Thìn	Giờ Tỵ	Giờ Ngọ	Giờ Mùi	Giờ Thân	Giờ Dậu	Giờ Tuất	Giờ Hợi
	Giáp, kỷ	Giáp tý	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Giáp Tuất
Ất, canh	Bính tý	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
Bính, thân	Mậu tý	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
Đinh, nhâm	Canh tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quý Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ	Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
Mậu, quý	Nhâm tý	Quý Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi

"Bính, tân : tý từ mậu" là ngày đinh hoặc ngày tân, giờ tý là mậu tý.
 "Đinh, nhâm : tý là canh" là ngày đinh hoặc ngày nhâm, giờ tý là canh tý.
 "Mậu, Quý : nhâm là tý" là ngày mậu hoặc ngày quý, giờ tý là nhâm tý.

Tính can chi của giờ theo đốt ngón tay, nếu thuộc bài về trên thì sẽ rất thuận tiện.

Khi học thuộc bài về tính can chi của giờ có thể dựa theo thứ tự giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý để nhớ. Thứ tự của giờ là "giáp tý", "bính tý", "mậu tý", "canh tý", "nhâm tý" tức là các can dương trong thập can.

Như vậy ta đã sơ bộ nắm và phân biệt được :

- Nguyệt kiến lấy dần làm tháng giêng âm lịch..., sữu là tháng 12.
- Năm và giờ thì lấy tý bắt đầu, tý là 1, sữu là 2,..., hợi là 12.

Khi gieo quẻ phải phân biệt rõ, phải hiểu kỹ để khi dùng không lẫn lộn.

Như lấy tháng dậu, năm tân mùi làm ví dụ : số mùi của chi năm bắt đầu tính từ tý : tý là 1, sữu là 2... đến mùi là 8. Tháng dậu là tháng 8, tức tính từ dần là tháng giêng, mao tháng hai,... đến dậu tháng 8. Số quẻ là 8 nhưng có khác với địa chi.

Sau khi đã nắm được cách tính can chi của năm, tháng, ngày, giờ là đã có thể sắp xếp tứ trụ được chính xác. Trong dự đoán theo tượng quẻ và sáu hào, thì can, chi là tiêu chí để đo vượng, suy của quẻ và hào, từ đó có thể phán đoán được sự thay đổi, phát triển, cát, hung, thành, bại của sự vật. Trong đó nguyệt kiến là cái vô cùng quan trọng.

Dưới đây cử hai ví dụ về sắp xếp tứ trụ.

1) Chiều ngày 1 tháng 10 năm 1949 "Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa" tuyên bố thành lập. Hôm đó là ngày hoàng đạo, giờ thân ngày đó là giờ tốt. Làm sao để tính tứ trụ ? Đầu tiên chuyển dương lịch thành âm lịch, đó là giờ thân ngày 10 tháng 8 năm 1949. Theo cách tính đã giới thiệu trên kia, ta có thể tìm ra được các can, chi. Đó là : Giờ nhâm thân, ngày giáp tý, tháng quý dậu, năm kỷ sữu.

2) Dưới đây nêu một ví dụ khó hơn. Cách sắp xếp tứ trụ của người sinh trước và sau lập xuân năm 1991.

a) Lập xuân năm 1991 bắt đầu từ 16 giờ 09 phút ngày 20 tháng 12 âm lịch của năm 1990. Người sinh trước giờ này thuộc về tháng và cầm tinh của năm trước tức tháng sữu năm ngựa, ngày giờ không thay đổi. Tức là giờ giáp thân - ngày ất tý - tháng kỷ sữu - năm canh ngọ. Số quẻ của nó lấy theo giờ thân ngày 20 tháng 12 năm âm lịch 1990, theo tháng kỷ sữu để đoán.

Người sinh sau 16 giờ 09 phút lập xuân của 1991 sẽ được tính là sinh vào năm đó, nên can chi năm, tháng đều tính theo năm 1991. Tức : Giờ thân - ngày ất tý - tháng canh dần - năm tân mùi. Số quẻ vẫn tính theo giờ giáp thân - ngày 20 tháng 12 năm 1990, nhưng khi đoán quẻ, sự vượng suy của lệnh tháng phải lấy tháng canh dần năm tân mùi làm chuẩn.

Chương 2

NHẬP MÔN TƯỢNG QUÊ

Trên kia ta đã dùng hình bàn tay để ghi nhớ cách tính can, chi cho năm, tháng, ngày, giờ. Dưới đây ta tìm hiểu và tìm cách nhớ các tượng quẻ, nếu nắm vững được nó thì sau này khi học dự đoán theo sáu hào sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, không có gì đến nỗi bí hiểm nữa.

Trong số thư gửi đến, rất nhiều độc giả chỉ hỏi đến cách dự đoán theo sáu hào chứ ít ai hỏi đến tượng quẻ, làm như là sáu hào mới dự đoán được và do đó xem thường việc học tập và ứng dụng cách đoán theo tượng quẻ. Nếu xét các câu hỏi của họ về giải quẻ thì thấy rõ vấn đề cơ bản của họ là chưa nắm vững cách suy nghĩ về tượng quẻ và sự biến đổi của nó. Vấn đề mấu chốt là chưa quen dùng tượng quẻ để đoán sự việc. Luồng suy nghĩ chưa thông suốt đã muốn thành công ngay, thật là "dục tốc bất đạt" vậy. Rất nhiều trường hợp nữa là muốn học nhưng lại không chịu đọc "Chu dịch", chỉ xem lướt qua. Có một ít độc giả ngay tỵ, sửu, dần, mão... còn chưa thuộc nên học tập càng khó khăn. Cuốn sách này viết ra cũng chủ yếu là giúp những độc giả như thế, vượt qua một số trở ngại trong bước đầu học "Chu dịch".

Về dự đoán theo tượng quẻ, trình tự học tập là :

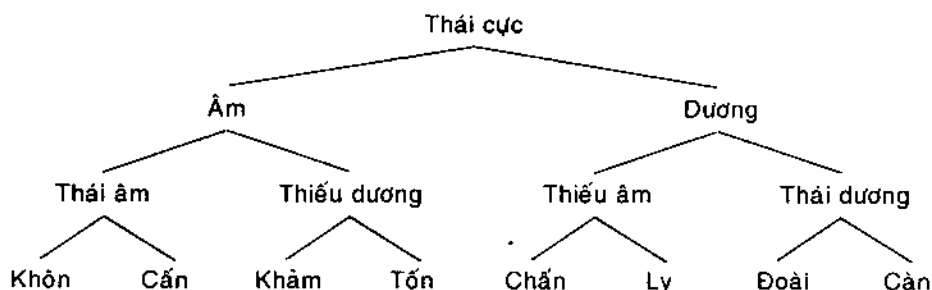
- Thứ nhất phải hiểu và nhớ được tám quẻ thuần và 64 quẻ biệt.

- Thứ hai, trên cơ sở nắm được sự sinh, khắc giữa quẻ dụng và quẻ thể theo tượng quẻ, còn biết vận dụng linh hoạt vào các tượng vật, sự việc cụ thể và trường tượng.

- Thứ ba, căn cứ tượng quẻ xác định được thời gian ứng nghiệm của cát, hung.

I. HÌNH TAM GIÁC CỦA CHU DỊCH

Muốn tìm hiểu vũ trụ quan của "Chu dịch" thì phải tìm hiểu bát quái đã sinh ra như thế nào ? Muốn tìm hiểu quá trình diễn biến từ thái cực đến 64 quẻ thì phải hiểu được nguyên lý số học hình tam giác nổi tiếng của Chu dịch (thái cực → lưỡng nghi → tứ tượng → bát quái). Đó là tinh túy của vũ trụ quan "Chu dịch", thể hiện tư tưởng chói lọi "một phân làm hai", "hợp hai làm một".

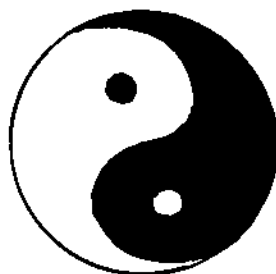


Hình tam giác của Chu dịch

1. Hình thái cực

Hình thái cực là hạt nhân bát quái, cũng là tinh túy của "Chu dịch". "Hệ từ của dịch" có nói : "Dịch có thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái".

Đầu tiên thái cực hình tròn, biểu thị nhất nguyên khí của vũ trụ ban đầu hỗn độn. Thái cực phân thành âm, dương tức chỉ hình thái cực có quy luật âm dương tiêu giảm và tăng trưởng. Đường cong thái cực chứa đựng quy luật biến hóa phát triển của sự vật, đồng thời cũng thể hiện quy luật lượng biến, chất biến của sự vật. Mỗi nửa âm dương của thái cực từ nhỏ đến to, từ to đến nhỏ, nói rõ sự vật không phải đứng yên mà không ngừng vận động, phát triển, chuyển hóa. Cực dương, cực âm chứng tỏ sự vật đến cực tất sẽ quay lại.



Thứ hai, hình thái cực còn biểu thị trong dương có âm, trong âm có dương, âm dương liên quan lẫn nhau, khống chế nhau, là vật thể thống nhất : một chia làm hai, hợp hai làm một.

Song trong dương lại còn có dương cực, trong âm còn có âm cực; âm cực thì dương sinh, dương cực thì âm tăng trưởng, cuối cùng tạo nên hình thái cực tương trưng rõ nhất cho quan hệ đối lập, thống nhất của âm dương một cách hoàn chỉnh.

2. Âm dương lưỡng nghi

Thái cực chứa âm dương, âm dương là một phân làm hai, gọi là thái cực sinh lưỡng nghi.

Cơ sở vật chất của bát quái là âm dương. Bát quái lấy ký hiệu âm dương phản ánh hiện tượng khách quan. Vạch của bát quái gọi là "hào". Hào thứ nhất là chỉ ánh sáng mặt trời, thứ hai chỉ ánh sáng mặt trăng, thứ ba là chỉ

giao thoa, "Hào" đại diện cho âm dương khí hóa, vì sự động của hào mà có biến quẻ, cho nên hào là thủy tổ của khí hóa.

"— —" là hào dương, tính cương thuộc dương; "⚋" là hào âm, tính nhu thuộc âm.

Lưỡng nghi tức trời đất, trời là dương, đất là âm. Trong sự hỗn độn ban đầu của nguyên khí thái cực, cái nhẹ và xanh ở bên trên làm trời, cái đục mà nặng ở dưới làm đất. Hai hào âm, dương là các ký hiệu cơ bản nhất để tạo thành bát quái. Tính năng của vạn vật diễn biến thay đổi từ hai khí âm, dương này.

3. Tứ tượng









Thái cực sinh âm dương. Âm dương lại tiếp tục phân hóa, tức lưỡng nghi sinh tứ tượng.

Lưỡng nghi phân thành thái âm ☷, thiếu dương ☱, thiếu âm ☵ và thái dương ☰. Tứ tượng là một lẻ, một chẵn của lưỡng nghi chồng lên nhau mà tạo thành. Nó tượng trưng cho bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Con cá âm dương trong thái cực, đầu cá đen là lão âm (thái âm), tượng trưng cho mùa đông; đuôi cá trắng là thiếu dương, đại biểu cho mùa xuân; đầu cá trắng là lão dương (thái dương) đại biểu cho mùa hạ; đuôi cá đen là thiếu âm, tượng trưng cho mùa thu. Vòng âm dương thái cực quay một vòng là một năm bốn mùa nóng, lạnh giao nhau, tượng trưng cho quả đất quay quanh mặt trời một vòng, cũng tượng trưng cho quả đất một ngày đêm tự quay một vòng, tương tự như sự thu nhỏ chu kỳ sinh mệnh : sinh, trưởng, tráng, lão, tử của con người.

4. Bát quái

Âm dương vận động vô cùng, tứ tượng sinh bát quái. Bát quái hình thành là tượng đã có trong đó.

Để nhớ thuộc lâu hình bát quái, ta nhớ qua câu vè sau :

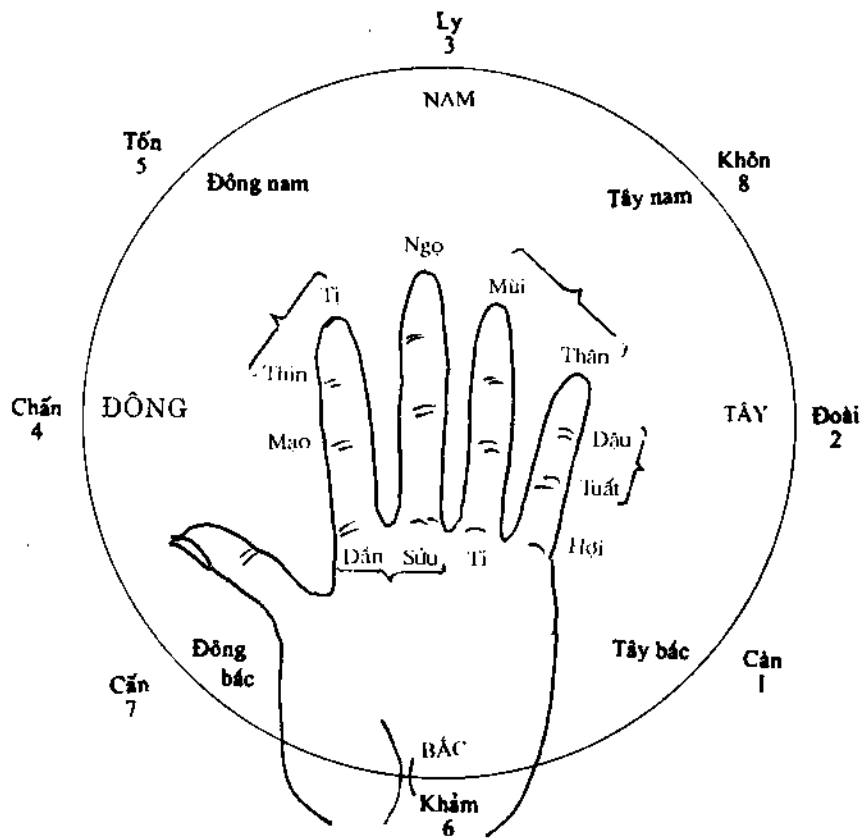
Càn ba liến	Khôn sáu đoạn	Chấn cốc ngựa	Cấn úp xuôi
			
Ly giữa rỗng	Khảm giữa đầy	Đoài khuyết trên	Tốn khuyết dưới
			

"Chu dịch" lấy tám loại vật tự nhiên để đại biểu và tượng trưng cho sự cấu thành và vận động biến hóa của vũ trụ. Đặc điểm của tượng quẻ là lấy tám quẻ kinh làm cơ sở của tượng quẻ, lần lượt tượng hình cho tám loại sự vật lớn : trời đất, sấm gió, nước lửa, núi đầm là tượng trưng cho tám quẻ. "Tứ quái của dịch" nói : "Có trời đất sau đó mới có vạn vật". Hai quẻ càn

khôn thiên địa là tổ của vạn tượng, vạn vật sinh ra ở trong trời đất. Thủy hỏa là nguồn của vạn vật, là cơ sở của âm dương, sấm gió là sức cổ động, sơn trạch là cuối cùng hình thành. Có sơn trạch, sinh vật bắt đầu được nuôi sống, sự sống bắt đầu thai nghén, nhân loại từ đó mà phát triển lên.

Bát quái của "Chu dịch" chia ra hai loại : tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái. Tiên thiên bát quái tương truyền do Phục Hy phát minh, nên còn gọi là "Bát quái Phục Hy". Hậu thiên bát quái do Chu Văn Vương sáng tạo, nên còn gọi là "Bát quái Văn Vương". Cuối cùng do ai phát minh, sáng tạo đến nay vẫn chưa khẳng định. Cho dù thế nào đi nữa thì bát quái vẫn có cơ sở vật chất của nó. Sự ra đời của nó nói lên người xưa đã có chủ nghĩa duy vật và biện chứng pháp giản đơn. Bát quái là nhân dân Trung Quốc từ thực tiễn xã hội và cuộc sống tổng kết phát triển lên.

Tiên thiên bát quái và hậu thiên bát quái đều có hình và tượng que giống nhau, chỉ khác nhau về thứ tự sắp xếp và phương vị. Dùng số của tiên thiên bát quái và phương vị của hậu thiên bát quái để dự đoán sự việc là nhà thiên văn học và là bát quái đại sư Thiệu Khang Tiết đời Tống sáng tạo ra. Ngày nay dùng bát quái để dự đoán đều theo đó.



Hình bát quái bàn tay dùng trong thực tế.

Quẻ lại chia ra quẻ âm, quẻ dương, tượng trưng cho sự vật có tính cương và tính nhu. Tiêu chuẩn để phân chia quẻ âm và quẻ dương là ở số vạch hào chẵn hay lẻ. Ví dụ quẻ càn ☰, khảm ☵, cấn ☶, chấn ☳ số vạch hào đều lẻ nên đều thuộc quẻ dương, tượng trưng cho các sự vật có tính cương; còn các quẻ : tốn ☶, ly ☲, khôn ☴, đoài ☱ số vạch đều chẵn nên là các quẻ âm, tượng trưng cho các vật nhu, mềm.

Trong học tập, chắc các bạn sẽ nảy ra thắc mắc về mâu thuẫn giữa hai địa chi âm dương tý Ngọ với hai quẻ âm dương ly khảm. Thực ra là trong tiên thiên bát quái, các quẻ càn, đoài, ly, chấn là dương; khôn, khảm, tốn, cấn là âm. "Chu dịch - Thuyết quái truyện" viết : thiên địa định vị, ly khảm sắp ở bên trái bên phải cửa; chấn đoài, tốn càn đối nhau. Quẻ ly của tiên thiên bát quái là quẻ dương, chi tý thủy (của 12 chi) ở ngôi âm cực của quẻ khảm, cho nên âm dương của tý Ngọ khớp với âm dương ly khảm của tiên thiên bát quái mà không hề mâu thuẫn. Hậu thiên bát quái ra đời thời Tây Chu. Triều Chu nổi lên ở tây bắc, nên lấy tây bắc làm trên, do đó đời càn, khôn lên phía tây. Trong chiêm bói, phạm đoán đến phương tây đều lấy là tốt, ngược lại thì đều cho là không lợi. Những người đoán quẻ đời nhà Chu còn cho rằng quẻ ly là hỏa, tượng trưng cho nóng, nên lấy ly tượng trưng cho phương nam; khảm là thủy, tượng trưng cho hàn lạnh, đại biểu và phương bắc. Vì vậy hậu thiên bát quái đông ở chấn, tây là đoài, trên ly dưới khảm, nó lấy càn, khảm, cấn, chấn là bốn cung dương, tốn, ly, khôn, đoài làm bốn cung âm.

Trong dự đoán cũng không hề có mâu thuẫn : trong dự đoán theo tượng quẻ ta lấy âm dương của hậu thiên bát quái để đoán quẻ, còn trong dự đoán theo sáu hào thì lấy âm dương ngũ hành theo 12 địa chi của sáu hào để đoán. Nhân tiện, ở đây xin nói thêm vài lời như thế, nếu giải đáp được phần nào thắc mắc cho độc giả thì tốt biết bao.

Khi cần nhớ phương vị của hậu thiên bát quái thì nhớ theo thứ tự bốn cung dương (càn, khảm, cấn, chấn) và thứ tự bốn cung âm (tốn, ly, khôn, đoài). Bắt đầu từ càn thuận chiều kim đồng hồ tính : tây bắc → bắc → đông bắc → đông → đông nam → nam → tây nam → tây, đến đoài tây là kết thúc. Phương vị của hậu thiên bát quái thực ra rất dễ nhớ.

Ta lại nhớ số của tiên thiên bát quái như sau : càn 1, đoài 2, ly 3, chấn 4, tốn 5, khảm 6, cấn 7, khôn 8 (số của tiên thiên bát quái là dương thuận, âm ngược tức đường lượn sóng âm dương tăng giảm ngược nhau).

Nhà toán học nổi tiếng của Đức - Gaoơ nói : "toán học là ông hoàng của mọi khoa học". Đặc điểm của dịch số là làm nổi rõ tính triết học của số học. Nguyên lý số học xuất hiện sớm nhất là tam giác của "Chu dịch". Sách "Hán thư - luật lịch chí" viết : "Từ khi Phục Hy vẽ ra bát quái cũng là lúc toán học bắt đầu".

Qua quá trình hình thành bát quái ta thấy rõ, trong đó chứa đựng rất nhiều kiến thức toán học dù các mặt. Chỉ riêng "tam giác Chu dịch" đã thấy rõ bát quái của Chu dịch gắn chặt với toán học.





II. BÁT QUÁI VÀ TƯỢNG LOẠI CỦA VẠN VẬT





Tượng quẻ bao gồm ý nghĩa cả hai mặt : một là một vật cụ thể; hai là tượng vật khái quát trừu tượng. Vật cụ thể như càn là trời, là cha; khôn là đất, là mẹ; chấn là trưởng nam, tốn là trưởng nữ v.v... Vật khái quát trừu tượng thuộc loại cấp cao hơn tức âm và dương. Căn cứ sự giải thích của "Dịch truyện", càn, khảm, cấn, chấn là quẻ dương; tốn, ly, khôn, đoài là quẻ âm. Hai quẻ hợp với nhau sẽ sản sinh ra sự đối kháng nhau giữa hai lực lượng âm, dương.

Dưới đây lần lượt giới thiệu tượng vật của tám quẻ và tượng vật khái quát, tức tượng loại của 64 quẻ.

1. Tượng vật tám quẻ

Tượng vật là lấy tượng quẻ của 8 quẻ kinh là cơ sở để phân biệt 8 loại sự vật lớn :

Quẻ càn  tượng trời,
 Quẻ chấn  tượng sấm,
 Quẻ khảm  tượng nước,
 Quẻ cấn  tượng núi,

quẻ khôn  tượng đất
 quẻ tốn  tượng gió
 quẻ ly  tượng lửa
 quẻ đoài  tượng sông hồ

Trong bát quái Văn Vương, "Chấn" tượng trưng cho mùa xuân, phương đông. Mặt trời mọc từ phương đông chiếu lên vạn vật, chúa tể ra vạn vật bắt đầu từ quẻ chấn.

"Tốn" tượng trưng cho ranh giới giữa xuân và hạ, phương đông nam. Quẻ tốn làm cho vạn vật sinh trưởng đầy đủ, làm cho vạn vật phân biệt rõ ràng.

"Ly" tượng trưng cho mùa hạ, đại biểu phương nam. Chừng tỏ ngày đang ban trưa, phương nam chiếu rọi làm cho vạn vật hiện rõ.

"Khôn" tượng trưng cho mùa cuối hạ sang thu, đại biểu phương tây nam. Nó tượng trưng cho quả đất nuôi dưỡng vạn vật.

"Đoài" tượng trưng cho mùa thu, đại biểu cho phương tây, khiến cho vạn vật ra hoa kết quả, vui mừng.

"Càn" tượng trưng ranh giới giữa thu và đông, đại biểu cho phương bắc. Vì sự cạnh tranh xen nhau giữa sáng và tối, âm và dương mà có hiện tượng đấu tranh.

"Khảm" tượng trưng mùa đông, đại biểu cho phương bắc và nước. Lấy hình tượng nước chảy không ngừng để biểu hiện sự lao khổ, vất vả. Mặt trời lúc đó cũng chìm ẩn, mặt đất u ám, vạn vật mệt nhọc, nên nghỉ ngơi.

"Cấn" tượng trưng ranh giới mùa đông và mùa xuân, đại biểu cho quẻ cấn xuất hiện phương đông bắc, mặt trời vừa ló rạng, u ám sắp qua, ánh sáng sắp đến, vạn vật sinh thành, kết thúc một vòng, đồng thời vòng mới sắp bắt đầu. Cho nên nói, quẻ cấn kết thúc tất cả. Đúng như thuyết quái của Dịch nói : "Quẻ cấn ở đông bắc, vạn vật kết thúc mà cũng là bắt đầu".

Các tượng của bát quái, căn cứ đặc tính cơ bản của chúng lại có thể phân thành vật thuộc tượng đó. Như quẻ càn do ba hào dương tạo thành, nên tính tượng thuần dương, chất cứng, lại vì càn là trời nên ngôi tượng ở cao, cho nên bất kể là sự vật trong tự nhiên hay xã hội, phạm thuộc dương tính và chất cứng và những vật ở cao đều thuộc tượng của quẻ càn. Lại ví dụ như quẻ khôn là do ba hào âm đạo thành, tính tượng thuần âm, chất nhu, khôn là đất, ngôi tượng ở dưới, cho nên phạm những vật thuộc tính âm, chất mềm, ở dưới thì đều thuộc tượng của quẻ khôn. Vì vậy hai quẻ càn, khôn là hình tượng tổng quát về dương âm, cương nhu. Những quẻ còn lại như quẻ chấn là sấm, thuộc dương, chất cương tính động, cho nên tượng quẻ chấn là những vật tính động, tính dương và cứng.

Quẻ tốn là gió, thuộc quẻ âm, chất mềm, tính động. Do đó phạm những vật âm, mềm, trong mềm có cứng, trong tĩnh có động thì đều thuộc tượng quẻ tốn.

Quẻ khảm là nước, thuộc quẻ dương, dương cứng. Phạm nước mưa, mây, dân chúng đều thuộc tượng nước. Quẻ khảm còn là quẻ hiểm, gọi là gồ ghề hiểm trở, đó là vì nước sông to tạo nên hiểm trở.

Quẻ ly là lửa, là quẻ âm, quẻ nhu, tượng sáng, đức sáng, vì "ly là mặt trời", ý là đức chiếu sáng, là trong dương có âm, trong nhu có cương.

Quẻ cấn là núi, quẻ dương, vật chất cứng, tượng ở trên cao, cao quý, cao đức. Cấn còn có nghĩa là "ngừng", nên còn có nghĩa là vững như núi, như bàn thạch.

Quẻ đoài là sông hồ, quẻ âm, chất mềm yếu, chỉ những vật ở phía dưới, âm, nhu.

Nội dung tượng vật bát quái rộng, phức tạp mà bí ảo, trong đó cái cơ bản nhất là tượng của bát quái. Không rõ tượng bát quái thì không hiểu được học thuyết bát quái. Cho nên nói làm rõ và nhớ được tượng loại của bát quái là phần cơ bản nhất để học cách dự đoán theo bát quái.

"Tượng" đại biểu cho những sự vật có công năng giống nhau chứ không phải là những vật chất có các yếu tố giống nhau. Căn cứ sự phân chia của tượng bát quái quy thể giới thành tám loại lớn.

Tượng cần

Cần là trời, là vua, là cha, là thiên tử, là đế vương, tiên vương, là đại quân, quốc quân, đại tộc nhân, thánh nhân, thiện nhân, quân tử, võ nhân, hành nhân, kim phu, cao tôn, tổ khảo, là thần, là người, là tôn, tộc là rỗng, ngựa, ngựa tốt, là vật, là vạn vật, là vàng, ngọc, là băng hàn, là cái đầu, áo, ngoại vi, là dã ngoại, là cửa, là đỉnh, là đầu, là sườn, là thẳng, là mạnh, là dễ, là kính nể, là sợ, là uy, là nghiêm, là cứng rắn, là đạo, là đức, là đức thịnh, là tốt, là hiền, là sinh động, là điều tốt, là khánh chúc, là vui mừng, là vinh dự, là phúc, là lộc, là trước, là bắt đầu, là lớn, là được, là đầy, là trị yên, là cao, là già, là xa, là mưu lớn, là không nghi, là trinh, là nguyên, là xoáy tròn, là hoang sơ, là bao lấy.

Tượng khôn

Khôn là đất, là sau, là thần, là vợ, là dân, là bầy đàn, là số đông, là tiểu nhân, là thị dân, là bọn trộm cướp, là mẹ, là phụ nữ, là dì, là thành trì, là ruộng, là một bang, là nhà cửa, là gia trách, là trên bộ, là bùn, là bế quan, là bờ, là ngựa con, là xe lớn, là hông, là bình đựng, là đức dày, là ngọt, là béo, là thân thể, là cái cung, là mình, là tự mình, là vương (vua nước chư hầu), là yên, là trinh, là lợi, là giàu, là tích tụ, là đến, là dùng, là quy về, là nội dung, là kinh doanh, là đối lộn, là mê, là muốn, là cú, là hại, là chết, là tang, là loạn, là chiều tối, là mười năm, là bạn, là tiền tài hàng hóa, là vương vức, là quang minh chính đại, là thuận theo, là được về sau, là có kết thúc, là vô biên cương, là sự nghiệp.

Tượng chấn

Chấn là sấm, là đế vương, là con trai cả, là chủ, là tổ, là tông, là ông, là chư hầu, là bách quan, là kẻ sĩ, là chồng, là hành nhân, là đồ vật chính, là vương thần, là quân tử, là trăm thứ ngũ cốc, là tiền đồ rộng lớn, là đường bằng phẳng, là sống, là ban đầu, là bên trái, là dần dần, là đi, là làm cỏ dại, là cây thấp, là lảng, là ngựa, là hươu lộc, là cái làn, là gót chân, là ngón cái, là dày, là đâm vào, là trống, là ra, là khởi đầu, là bốn ba, là sống lại, là phẫn chấn, là dơ lên, là kính trọng, là cấm, là đầu, là uy, là nhân nghĩa, là kính sợ, là nói, là cười, là kêu, là âm thanh, là lời cáo, là vui, là kẻ giữ, là xuất chinh.

Tượng tổn

Tổn là gió, là sương, là trưởng nữ, là trinh nữ, là phụ nữ, là vợ, là người trong cung, là người đi buôn, là trưởng mộc, là cỏ tranh, là thuốc, là gà, là cá, là súc vật, là giường, là cây cước, là dây, là liên hệ, là bấp đùi, là cánh tay, là tay, là nhìn xuống, là múa, là hát, là giải thoát, là trắng, là cao, là nhập vào, là phục ẩn, là tiến thoái, là không quyết, là mệnh, là hành sự, là hiệu lệnh, là phong tục, là nhìn thấy, là của cải.

Tượng khảm

Khảm là nước, là mặt trăng, là gương rãnh, là hồng hà, là sông lớn, là khe sâu, là giếng, là suối lạnh, là mây, là mưa, là thánh, là trung nam, là khách, là giặc phi, là kẻ cướp, là kẻ trộm, là ba tuổi, là ba trăm, là hưng thịnh, là ngựa, là lợn, là cô độc, là gỗ tạp, là cung đàn, là ách cày, là hình cung, là phép tắc, là luật, là hình phạt, là cái tai, là thuận theo, là mông đít, là chết, là máu, là lao khổ, là tâm, là ý chí, là cảnh giác, là lo buồn, là hối hận, là nghi ngờ, là lo lắng, là bệnh tim, là hiểm trở, là ẩn phục, là hung sự, là ham muốn, là độc, là học tập, là tụ lại, là quy về, là nhọn nhọn, là thường thường, là đến, là nhuận ướt, là điện, là gian khó, là rượu chè ăn uống, là kem.

Tượng ly

Ly là hóa, là mặt trời, là điện, là đại nhân, là trung nữ, là mẹ, là phụ nữ, là em gái, là chủ nhân, là người ác, là bụng trên, là thán, là cửa, là hộ gia đình, là quý, là góc, là hình phạt, là lao ngục, là vó lưới, là bình lọ, là bếp núc, là dao, là rìu, là mũi tên, là bay, là gia cầm chim chóc, là con bò, là văn chương, là màu vàng, là nhìn thấy, là đi lại, là trí khôn, là đại cát, là lông vũ, là thiêu cháy, là chói sáng, là lỗ mũi, là đấng.

Tượng cấn

Cấn là núi, là đá, là cát, là miếu thờ, là môn đình, là cung thất, là thành trì, là nhà trọ, là ngõ hẻm, là đường tắt, là huyết, là gò đồi, là thung lũng, là khô, là thiếu nam, là quân tử, là hiền nhân, là người thâm trầm, là đệ tử, là tiểu nhân, là cô đơn, là trẻ thơ ngây, là chúa, là lỗ mũi, là tay, là ngón tay, là lưng, là ngày cuối tháng, là đêm, là đuôi, là da, là hổ, là báo, là chuột, là ngôi sao nhỏ, là ngày kết thúc, là gỗ nhỏ, là quả to, là ngô, là hoa lệ, là ngừng, là thận trọng, là tiết lễ, là chấp chính, là dẫn dắt, là chọn lấy, là cầu tìm, là đưa đất, là nặn vào, là nắm lấy, là nhiều, là dày, là trung thành, thật thà, là tích đức, là biết nhiều, là tin, là nhớ đến, là nhỏ, là xấu hổ, là nghĩ, là nhân, là ở, là thôi, là đề phòng, là ngôi thứ.

Tượng đoài

Đoài là sông hồ, là thiếu nữ, là em dâu, là em gái, là vợ, là thiếp, là bạn, là cãi vã, là nói năng, là miệng, là nhìn thấy, là giảng dạy, là dạy dỗ, là người tù, là chuốc lấy, là hưởng thụ, là hổ, là dê, là gia súc, là bên phải, là phía tây, là phía dưới, là nó, là mỹ dung, là vàng, là góc.

2. 64 quẻ với tượng loại của vạn vật

1) 64 quẻ. "Chu dịch" có 64 quẻ, mỗi quẻ đều có tên riêng. Đó là : Càn, khôn, trún, mông, nhu, tụng, sư, tỉ, tiểu súc, lý, thái, phủ, đồng nhân, đại

hữu, khiêm, dự, tùy, cố, lâm, quan, phệ hạp, bôn, bóc, phục, vô vọng, đại súc, dị, đại quá, khảm, ly, hàm, hằng, độn, đại tráng, tấn, minh di, gia nhân, khuê, kiến, giải, tổn, ích, phu, cấu, tụy, thăng, khốn, tinh, cách, đình, chấn, cấn, tiệm, quy muội, phong, lữ, tổn, đoài, hoán, tiết, trung phù, tiểu quá, ký tế, vị tế.

Sự sắp xếp của 64 quẻ "Chu dịch" khởi đầu ở hai quẻ : càn, khôn, tức từ càn là trời, khôn là đất, có trời đất sau đó mới có vạn vật. Đó là tư tưởng chỉ đạo cho sự sắp xếp tiếp theo. Sách "Từ quái truyện" khi giải thích 64 quẻ, đã chia 64 quẻ thành "Thượng kinh" và "Hạ kinh". "Thượng kinh" bắt đầu từ đạo trời, "Hạ kinh" bắt đầu từ quan hệ giữa con người với nhau.

"Thượng kinh" nói : tượng quẻ càn tượng trưng cho trời, tượng quẻ khôn tượng trưng cho đất. Giữa trời đất là vạn vật, cho nên tiếp theo là quẻ "Truân". Truân là đầy đủ, là vạn vật bắt đầu. Vạn vật khi mới bắt đầu. Khi mới bắt đầu, tất nhiên vạn vật còn chìm đắm, cho nên tiếp theo là quẻ "Mông". Mông là còn trong bóng tối, trong manh nha. Vạn vật manh nha thì không thể không nuôi dưỡng, cho nên tiếp theo là quẻ "Nhu". Nhu có nghĩa là phải được ăn uống. Ăn uống tất sẽ kết thành bầy, nên tiếp theo là quẻ "Tụng". Tranh giành tất sẽ kết thành bầy, nên tiếp theo là quẻ "Sư". Sư có nghĩa là theo nhau. Bầy đông tất sẽ dựa vào nhau, nên tiếp theo là quẻ "Tĩ". Tĩ nghĩa là thân cận với nhau. Thân ái giúp đỡ nhau tất sẽ có sự xúm tụ lại, nên tiếp theo là quẻ "Tiểu súc". Súc có nghĩa là tích tụ lại. Khi vạn vật đã có sự tích tụ thì phải là lễ nghĩa, tiết chế, cho nên tiếp theo là quẻ "Lý". Lý có nghĩa là lễ nghĩa, âm nhạc. Có lễ nghĩa rồi sẽ yên bình, nên tiếp theo là quẻ "Thái". Thái có nghĩa là thông thương. Nhưng vạn vật không thể thông thương từ đầu đến cuối, nên tiếp theo là quẻ "Phủ". Phủ nghĩa là hồng, là trắc trở. Vạn vật lại không thể trắc trở từ đầu chí cuối, nên tiếp theo là quẻ "Đông nhân". Có thể chung sống hài hòa với con người, nên vạn vật phải qui thuận, do đó tiếp theo là quẻ "Đại hữu". Người có sự nghiệp lớn không được tự mãn, nên tiếp theo là quẻ "Khiêm". Người có sự nghiệp lớn mà còn khiêm tốn thì việc gì cũng làm được, do đó rất yên vui, nên tiếp theo là quẻ "Dự". Người có thể khiến dân yên vui, tất nhiên ai cũng tìm đến, nên tiếp theo là quẻ "Tùy". Niềm vui cũng lung lạc con người làm cho họ "chìm đắm" trong yên vui, tất nhiên phát sinh sự chia rẽ, nên tiếp theo là quẻ "Cổ". Cổ có nghĩa là hủ bại, phát sinh sự chia rẽ. Phát sinh chia rẽ, sau đó lại mới có thể sáng tạo ra sự nghiệp lớn, nên tiếp theo là quẻ "Lâm". Lâm có nghĩa là lấy lớn thống trị nhỏ, ý là lớn. Sau khi lớn, có đầy đủ điều kiện để so sánh, trao đổi với nhau, nên tiếp theo là quẻ "Quan". Đủ điều kiện để trao đổi học tập lẫn nhau nên khiến cho mọi người ngưỡng mộ, nên tiếp theo là quẻ "Phệ hạp". Hạp nghĩa là hợp. Những vạn vật không thể tùy tiện kết hợp với nhau, nên tiếp theo là quẻ "Bôn". Bôn có nghĩa là vãn vễ, trau chuốt. Nhưng vãn vễ, trau chuốt quá sẽ mất tính chân thực, gây ra tổn hại cho cái chung, tức sự hanh thông

đã đến chỗ tận cùng, do đó tiếp theo là quẻ "Bóc". Bóc có nghĩa là tróc rụng từng mảng. Rụng đến tận cùng lại trở thành từ trên quay về xuống tận dưới, nên tiếp theo là quẻ "Phục", lần nữa trở lại cái thực, tức không phải là điều hư vọng nữa, nên tiếp theo là quẻ "Vô vọng". Vật chất sau khi đã tích tụ lại có thể nuôi dưỡng, nên tiếp theo là quẻ "Di". Di có nghĩa là nuôi. Không nuôi dưỡng thì không thể lớn lên, nhưng ngược lại có thể bị nuôi dưỡng quá mức, nên tiếp theo là quẻ "Đại quá". Vạn vật không thể khi nào cũng bị nuôi dưỡng quá, nên tiếp theo là quẻ "Khảm". Khảm có nghĩa là trúng vào, rơi vào. Vật bị trúng lôm tất nhiên phải được bù đắp, nên tiếp theo là quẻ "Ly". Ly nghĩa là đẹp, là phụ đắp vào cho đẹp để vươn lên.

"Hạ kinh" nói : Sau khi có trời đất mới có vạn vật, có vạn vật mới chia thành đực, cái, với con người gọi là nam, nữ. Có nam, nữ sau đó mới có vợ chồng. Tượng quẻ "Hàm" tượng trưng cho vợ chồng. Có vợ chồng sau đó mới có cha con. Có cha con xã hội mới có quan hệ cha con, xây dựng thể chế quân thân. Có thể chế quân thân, xã hội mới chia đẳng cấp trên dưới. Có đẳng cấp trên dưới sau đó mới xây dựng và thực thi lễ nghĩa.

Quan hệ vợ chồng không thể không lâu dài, cho nên sau quẻ "Hàm" là quẻ "Hàng". Hàng nghĩa là lâu. Nhưng vạn vật không thể giữ mãi nguyên trạng mà không biến hóa, cho nên tiếp sau đó là quẻ "Độn". Độn nghĩa là lùi tránh. Nhưng vạn vật không thể lúc nào cũng lùi tránh, nên tiếp theo là quẻ "Đại tráng". Tráng là hưng thịnh, đại tráng có nghĩa là hưng thịnh, lớn mạnh. Tiếp sau "đại tráng" là quẻ "Tấn", tấn là tiến lên. Tiến lên có lúc bị thương tổn nên tiếp theo là quẻ "Minh di", di có nghĩa là sáng tạo. Đi ra bị thương tất phải quay về nhà, nên sau đó là quẻ "Gia nhân". Khi đã đi vào con đường cùng, hành vi tất nhiên sẽ có hiện tượng phản ngược lại, nên tiếp theo là quẻ "Khuê". Khuê nghĩa là phản nghịch lại. Phản nghịch tất nhiên gặp tai nạn, nên sau đó là quẻ "Kiến", kiến có nghĩa là tai nạn. Vạn vật không thể luôn gặp tai nạn, nên tiếp theo là quẻ "Giải", giải là giải trừ, hòa hoãn. Hòa hoãn tất nhiên có tổn thất, nên tiếp theo là quẻ "Tốn". Không ngừng tăng lên tất nhiên sẽ có chỗ xung vỡ, nên tiếp theo là quẻ "Phù". Phù có nghĩa là xung vỡ. Sau sự xung vỡ tất nhiên sẽ có sự gặp gỡ nên tiếp theo là quẻ "Cấu". Cấu có ý là không hẹn mà gặp. Vạn vật sau khi gặp gỡ, sẽ tụ tập lại, nên tiếp theo là quẻ "Tụ". Tụ là nhóm lại, tụ lại. Tụ tập lại sẽ dần dần lên cao, nên tiếp sau là quẻ "Thăng". Không ngừng lên cao sẽ rơi vào tình trạng tiến thoái khó khăn, nên tiếp theo là quẻ "Khốn". Lên cao gặp khó khăn tất sẽ đi xuống, nên tiếp theo là quẻ "Tinh". Tinh là giếng. Nguyên tắc sử dụng giếng là nếu không cho thau luôn sạch, nước sẽ đục, nên cần đổi mới luôn, do đó tiếp theo là quẻ "Cách". Khiến cho vật đổi mới, không gì bằng đình (vạc), đình dùng để nấu thức ăn, nó có thể thay đổi mùi vị thức ăn, nên tiếp theo là quẻ "Đỉnh". Đỉnh là đồ tế khí, tế lễ tổ tiên là trách nhiệm của con trai trưởng, nên tiếp theo là quẻ "Chấn". Quẻ "Chấn" tượng trưng con trai

trường, chấn nghĩa là động. Vạn vật không thể luôn luôn động, phải làm cho nó ngừng nghỉ, nên tiếp theo là quẻ "Cấn". Cấn có nghĩa là dừng. Nhưng vạn vật cũng không thể ngừng mãi, nên tiếp theo là quẻ "Tiệm". Tiệm là tiệm tiến. Tiến lên tất phải có thu về, nên tiếp theo là quẻ "Qui muội". Được sự thu về tốt tất sẽ mạnh lên, nên tiếp theo là quẻ "Phong", phong là lớn mạnh. Lớn mạnh đến cực điểm, tất nhiên sẽ không yên vị ở vị trí cũ, nên tiếp theo là quẻ "Lữ". Lữ hành không tìm thấy chỗ dung thân, thì phải tìm cách vào đâu đó, nên tiếp theo là quẻ "Tốn". Tốn có nghĩa là đi vào. Sau khi tiến vào sẽ vui mừng, nên tiếp theo là quẻ "Đoài". Đoài nghĩa là vui mừng. Vui mừng sẽ xua tan buồn bực, nên tiếp theo là quẻ "Hoán". Hoán nghĩa là ly tán. Vạn vật không thể ly tán mãi, nên tiếp theo là quẻ "Tiết". Tiết chế sẽ khiến người ta tin tưởng lẫn nhau, nên tiếp theo là quẻ "Tiểu quá". Quá tức là vượt qua. Có thể vượt qua điều thường tình mới đủ sức làm việc lớn, nên tiếp theo là quẻ "Kí tể". Nhưng vạn vật không thể cùng tận được, nên tiếp theo là quẻ "Vị tể". "Kinh dịch" đến đây là kết thúc, tượng trưng cho đạo trời tuần hoàn mãi, việc ở đời cũng vô cùng vô tận.

Từ tượng của "Kinh dịch" mà xét, ta thấy ngoài sự chú trọng đến tượng trời, tượng của vật, còn chú trọng đến tượng người (hiện tượng xã hội). Phản ánh đạo trời vì sự vận hành của mặt trời, mặt trăng và quả đất thể hiện chu kỳ tuần hoàn quay vòng tròn. Do đó khí hậu của tự nhiên sản sinh ra sự tăng trưởng và tiêu giảm của âm dương, tính tuần hoàn chu kỳ của ngày đêm, nóng lạnh. Phản ánh trong tượng vật là sự quay vòng : sinh, trưởng, tốt tươi, khô héo, chết. Phản ánh trong tượng người là động thái : sinh, trưởng, lớn mạnh, già, chết, lặp đi lặp lại. Cho nên nói tượng quẻ của "Kinh dịch" có thể được xem là hình ảnh thu nhỏ của mối quan hệ giữa ba tượng : trời, người, vật.

2) Tượng loại của vạn vật

Tám quẻ kinh của "Chu dịch" chồng lên nhau được 64 quẻ, từ đó tượng quẻ phát sinh thay đổi, đổi đến bao la vạn tượng, đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ lẫn nhau giữa các sự vật. Qua thứ tự phát triển có thể từ tương lai hiểu được quá khứ hoặc từ quá khứ mà tính được tương lai. Cho nên nói "Dịch" là "số ngược" cũng tức là nói có thể truy tìm quá khứ hoặc suy tính được tương lai.

Người đời thường nói : "Vật tự theo bày, người tự theo nhóm". Vạn vật khác biệt nhau, nếu phân chia chúng theo những đặc tính chung, đó là đặc điểm hoạt động tư duy của con người. Bất quá muốn nói lên quy luật của : thiên, địa, nhân, đương nhiên phải gắn liền với cách phân loại theo qui nạp đối với các sự vật. Nhưng sự qui nạp đó rất đặc sắc, tóm lại có thể nói là : qui loại của bái quái là "qui loại theo tượng". Tức căn cứ đặc tính công năng và mối liên hệ giữa các động thái hành vi của sự vật để phân loại. Xin xem bảng "Tượng loại các vật" dưới đây.

TƯỢNG LOẠI VĂN VẬT

	CÁN	KHON	CHẤN	TỐN	KHẨM	LY	CÁN	ĐOÀI
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số quẻ	1	8	4	5	6	3	7	2
Ngũ hành	Kim	Thổ	Mộc	Mộc	Thủy	Hỏa	Thổ	Kim
Hệ thống	Thiên phong cầu, Thiên sơn độn, Thiên địa phủ, Phong địa quan, Sơn địa bóc, Hỏa địa tấn, Hỏa thiên đại hữu.	Địa lôi phục, Địa trạch lâm, Địa thiên thái, Lôi thiên đại trảng, Trạch thiên phủ, Thủy thiên nhu, Thủy địa tĩ.	Lôi địa dự, Lôi thủy giải, Lôi phong hằng, Địa phong trảng, Thủy phong tĩnh, Trạch phong đại quá, Trạch lôi tùy.	Phong thiên tiểu súc, Phong hỏa gia nhân, Phong lôi ích, Thiên lôi vô vọng, Hỏa lôi phệ hạp, Sơn lôi đi, Sơn phong cổ.	Thủy trạch tiết, Thủy lôi truân, Thủy hỏa kỳ tế, Trạch hỏa cách, Lôi hỏa phong, địa hỏa minh đi, Địa thủy sư.	Hỏa sơn lữ, Hỏa phong đỉnh, Thủy hỏa vị tế, Sơn thủy mộng, Phong thủy hoán, Thiên thủy tụng, Thiên hỏa đồng nhân.	Sơn hỏa bồn, Sơn thiên đại súc, Sơn trạch ổn, Hỏa trạch khuê, Thiên trạch lý, Phong trạch trung phú, Phong sơn tiệm.	Trạch thủy khốn, Trạch địa tùy, Trạch sơn hám, Thủy sơn kiến, Địa sơn khiêm, Lôi sơn tiểu quá, Lôi trạch qui muội.
Tượng trưng	Trời	Đất	Sấm	Gió	Nước	Lửa	Núi	Ao đầm
Thời tiết	Băng, đá, ráng mây, mặt trời	Máy, âm, u, sương mù	Sấm	Gió	Mưa, trảng, tuyết, sương, mù	Mặt trời, điện, ráng đỏ, cầu vồng	Mây, mù	Mưa, tuyết, sao, trảng non
Địa lý	Phương tây bắc, Kinh đô, Quần lơn, Danh lam thắng địa, Nơi cao ráo.	Phương tây nam, Ngoài đồng ruộng, Nông thôn, Bình địa.	Phương đông, Cây cối, Chợ búa, Xa cuộc đi xa, Tre pheo, lau cỏ, Chỗ rậm rạp.	Vùng đông nam, Nơi cỏ cây rậm rạp, Vườn cây ăn quả.	Phương bắc, Sông hồ, Khe suối, Giếng sâu, Nơi ẩm ướt.	Phương nam, Chỗ khô ráo, Chỗ lo luyến, Chỗ khô cứng, Chỗ nắng ráo.	Phương đông bắc, Đường tắt qua núi, Cạnh núi đối, Lãng mộ.	Phương tây, Ao đầm, Chỗ nước nhiều, Chỗ trảng, Chỗ giếng cũ, hào rãnh.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nhân vật	Vua, cha, đại nhân, người già, bậc trưởng giả, danh nhân, người nhà nước.	Cụ bà; mẹ kế, vợ, người thân quen, nhiều người, người bụng to bệ vệ.	Trưởng nam.	Trưởng nữ Tu sĩ Quả phụ Người ăn giết trên núi.	Trung nam Người giang hồ, thuyền nhân. Bọn trộm cướp.	Trung nữ Ván nhân Người bụng to, mắt có tật.	Thiếu nam Người nhân rồi Người ở trong núi.	Thiếu nữ, ti thiếp, ca kỹ nữ, thầy bói.
Nhân sự	Cứng, khỏe; võ; thông; quá quyết; động nhiều; tinh ít; cao, trên	Tiểu; nhu; thuận; nhu nhược; nhiều người	Khởi động; gian; lo vô cơ; nhậy căng; hay động	Nhu hòa; không nhất định; cổ vũ; tiến thoái ngập ngừng	Rơi vào chỗ thấp kém; yếu đuối bề ngoài; trôi dạt bất định; nước chảy bèo trôi	Có sở trường về văn học; thông minh học giỏi; khám tớn; việc sách vở	Cách trở; khoan tay ngồi chờ; tiến thoái chần chừ; quay lưng; ngừng lại; không gặp	Vui mừng; miệng lưỡi; đêm pha; nói phỉ báng người khác; ăn uống.
Thân thể	Đầu; xương phổi	Bụng, lá lách, dạ dày, thịt	Chân, gan, tóc, thanh âm	Cánh tay, đùi, khí, bệnh phong	Tai, máu, thận	Mắt, tim, thượng tiêu	Tay, xương, lỗ mũi, lưng	Lưỡi, miệng, phổi, đờm dãi
Thời gian	Mùa thu, giao thời giữa tháng 9 và tháng 10, năm tháng ngày giờ tuất hợi, năm tháng ngày giờ ngũ kim	Tháng thin tuất Sửu Mùi, năm tháng ngày giờ Mùi Thân, tháng ngày 5, 8, 10	Tháng 3, mùa xuân; năm tháng ngày giờ Mão; tháng 3, 4; tháng ngày 8	Giao thời giữa xuân và hạ; tháng ngày giờ 3, 5, 8; tháng 3, tháng 4, năm tháng ngày giờ thin tý	Tháng 11 mùa đông; năm tháng ngày giờ tý; tháng ngày 1, 6	Tháng 5 mùa hạ; năm tháng ngày giờ ngũ hỏa; ngày 2, 3, 7	Tháng 12 của đông xuân; năm tháng ngày giờ Sửu dần; tháng ngày 5, 7, 10	Tháng 8 mùa thu; năm tháng ngày giờ ngũ kim; tháng ngày 2, 4, 9.
Động vật	Ngựa, thiên nga, sư tử, voi	Trâu, cầy thú, ngựa con	Rồng, rắn	Gà, cầy thú, sấu bọ trong rừng sâu	Cá, các con vật trong nước	Chim trĩ, rùa, ốc, cua	Hổ, chó, cầy thú	Đê, các con vật trong đầm lầy.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tính vật	Vàng ngọc, vật quý, vòng chuỗi, vật cứng, vòng kính	Vật vuông, vật miếng, vật vóc, tơ gấm, lụa gạo, đồ sứ, bùa rùa	Tre nứa, nhạc cụ bằng gỗ, vật loài cây có tuổi	Mộc hương, dây thừng, vật bằng tre gỗ dài, các vật dụng bằng đồ gỗ chạm khắc	Quả có nước, quả có hạt, vật hình cung, bình đựng rượu, bình đựng nước	Sách, tài liệu, áo bọc, vật khô héo, vật màu đỏ	Đất, đá, quả dưa, vật màu vàng, vật vùi trong đất	Nhân vàng, vật bằng vàng, nhạc khí, vật phế thải.
Nhà cửa	Công sở, nhà lầu, cao ốc, nhà ở hướng tây bắc	Thôn xóm, nhà thấp bé, nhà ở phía tây nam	Chỗ trong rừng sâu, nhà gác	Chùa, lầu quan sát, nhà trong rừng, nhà hướng đông nam	Gắn nước, lầu trên nước, quán trà, tủu lẩu, chỗ ẩm ướt trong nhà, nhà hướng bắc	Nhà ở chỗ sáng sủa, cửa sổ lấy ánh sáng, nhà hướng nam	Nhà trong núi đá, nhà gần đường đi, nhà hướng đông bắc	Nhà gần ao đầm, nhà tường vách đồ nát, nhà rách nát, nhà hướng tây.
Gia trạch	Được nhà vào mùa thu thì hưng thịnh, được nhà mùa hạ thì không tốt, được vào mùa đông nhà có vắng, được mùa xuân thì tốt	Yên ổn, nhiều âm khí, được nhà vào mùa xuân ở không yên ổn	Ở trong nhà có lúc kinh sợ; được nhà vào mùa xuân, đông thì tốt; được nhà vào mùa thu thì không lợi	Yên ổn, lợi, được nhà mùa xuân tốt, mùa thu không tốt	Không yên ổn, ám muội, để phòng trộm cắp	Yên ổn, được nhà vào mùa đông phải để phòng hỏa hoạn	Ở yên ổn, công việc hay trắc trở, người nhà không hòa thuận, được nhà vào mùa xuân không yên ổn	Không yên ổn, để phòng cãi nhau, được nhà vào mùa thu thì vui mừng, mùa hạ để có tại vạ.
Hôn nhân	Nhà quan quý, nhà có thanh danh	Gia đình đó có đông thuế, gia đình nông thôn, nhà quả phụ	Nhà khá giả, có danh tiếng, trưởng nam thì hôn nhân có lợi	Lợi cho trưởng nam, lợi về phương bắc, không được kết hôn các tháng Thìn Tuất Sửu Mùi	Không thành, lợi cho trưởng nữ	Trắc trở khó thành, thành được thì đã muộn, lợi cho con trai út		Không lợi, gián đôi hại cho thai, sinh con gái.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Ăn uống	Thịt ngựa, thức ăn quý, nhiều xương, gan phổi, thịt khô, hoa hòe, đầu các con vật, vật hình tròn, vật cay	Thịt dê, vật sống trong đất, vị ngọt, thức ăn dân dã, ngũ cốc, vật ở vùng bụng.	Thịt ở bản chân, đồ nướng thịt rừng, thịt tươi, quả chua, rau	Thịt gà, thịt loài vật ở rừng, rau, thức ăn chua	Thịt lợn, đồ lạnh, hải sản, canh chua cá, lươn huyết, các loại rau tươi, vật có hạt, có nhân	Thịt gà, thức ăn quạt nướng, thịt khô	Vật vùi trong đất, thịt các loài thú, trúc măng ở cồn bãi	Thịt dê, thịt các vật trong đầm, có vị cay
Sinh đẻ	Đẻ sinh, ngồi nên ngoài phía tây bắc, mùa thu để sinh quý tử, mùa hạ để tổn thương	Mùa xuân khó đẻ hoặc không lợi cho mẹ, để ngồi, nên ngồi theo hướng tây nam	Hay kinh sợ, thai động không yên, thai, có thai lần đầu thường là con trai, nên ngồi hướng đông	Thai lần đầu sinh con gái, gieo quẻ vào mùa thu hại thai, nên ngồi hướng đông nam	Khó đẻ nguy hiểm, nên la con thú, sinh vào các tháng thin tuất xấu mùa thì không lợi	Đẻ sinh, đẻ con gái thú, nên ngồi hướng nam	Khó sinh, có nguy hiểm, nên ngồi hướng đông bắc	E là thai có bị tổn hại, hoặc sinh con gái.
Cấu danh	Có danh, để nhiệm chức tòa án, nắm quyền quan võ, hợp hướng tây bắc, quan Trạch mã (liên lạc), quan thiên sư	Có danh, hợp hướng tây nam, để làm chức dạy học, chức trông coi đất đai	Hợp với nhiệm chức ở phương đông, chức ra mệnh lệnh, chức cai ngục, chức thu thuế hàng lâm nghiệp	Hợp với nhiệm chức phương đông nam, chức văn thư, chức thu thuế các hàng tre và gỗ	Gian nan, dễ rơi vào tai vạ, dễ nhiệm chức phía bắc, để làm nghề quản lý cá, muối...	Đễ nhiệm chức phía nam, chức quan văn, chức lộ luyện, hãm hào	Trắc trở, không có danh, nhiệm chức ở phía bắc, đồng bác, chức quản lý công nghiệp, chức vùng núi	Khó thành, vì danh mà bị tổn thất, dễ là quan tòa, võ chức, người phiên dịch.
Mưu lợi	Có thành, lợi cho việc công, thu được tiền của trong hoạt động, mùa hè đoán quẻ thì không lợi, mùa đông đoán quẻ thì nhiều mưu nhưng thành đạt ít.	Nên cầu lợi ở nông thôn, trong tình thu được lợi, hoặc được lợi ở phụ nữ.	Nên hy vọng, nên cầu lợi, mưu mẹo linh hoạt	Có mưu lợi, có được của, có thể thành	Không nên cầu mưu, thành công thì không có lợi; mùa thu, đồng cầu mưu có hy vọng	Có thể mưu lợi, nên làm chức văn thư	Cách trở khó thành, tiến thoái chần chừ	Khó thành, khi cầu mưu bị tổn thất, mùa thu xem quẻ thì có tin mừng, mùa hạ không toại nguyện.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giao dịch	Thích hợp với giao dịch về vàng ngọc châu báu, để thành, mùa hạ chiếm có lợi	Thích hợp với giao dịch về điền thổ, để có lợi về ngũ cốc	Lợi về giao dịch, động có thể thành, lợi về các hàng làm thổ sản	Có thể thành, tiền thoái bất nhất, lợi trong giao dịch, lợi về hàng làm nghiệp như gỗ, tre, nứa, chè	Sợ sa lầy, nên giao dịch ở nơi gần nước hoặc người ở gần nước	Có sự giao dịch về văn thư	Khó thành, có sự giao dịch về núi rừng ruộng vườn	Khó thu lợi để phòng cãi vã, có cạnh tranh.
Xuất hành	Lợi về xuất hành, nên vào kinh đô, đi phía đông bắc có lợi, què mùa hè không lợi	Có thể đi, nên đi phía tây nam, đi về nông thôn, đi bộ, què mùa xuân không nên đi	Lợi về phương đông, lợi với người miền núi	Có cả lợi cả hại, nên đi hướng đông nam	Không nên đi xa, nên đi thuyên, nên đi phía bắc, để phòng cướp, có thể gặp việc nguy hiểm	Nên đi về hướng nam, đi vì việc văn thư, không nên đi thuyên	Không nên đi xa, có trở ngại, nên đi bộ, đi gần	Không nên đi xa, để phòng cãi vã, nên đi phía tây, què mùa thu nên đi có lợi.
Mong gặp	Để gặp đại nhân, người có đức hạnh sẽ gặp được người giàu sang	Có thể gặp, để gặp người nông thôn, bạn quen, người đã mất, mùa xuân không nên gặp	Để gặp người miền núi, để gặp người có danh tiếng	Để gặp người miền núi, để gặp văn nhân, tài sĩ	Khó gặp, để gặp người giang hồ hoặc người họ tên có chữ thùy bên cạnh	Để gặp người phương nam, què mùa đông không thuận, mùa thu gặp người văn nhân, tài sĩ	Không gặp được, có trở ngại, gặp người miền núi	Để gặp người ở phía tây, có chữ rùa nhau.
Bệnh tật	Bệnh ở đầu, mắt, bệnh về phổi, gân, xương, ở thượng tiêu	Bệnh về bụng, dạ dày do ăn uống ngưng trệ; bệnh ăn không tiêu	Bệnh ở chân, ở gan, lo sợ vu vơ	Bệnh tê, phong thấp, ở cánh tay, bắp đùi, trúng phong, cảm hàn	Đau tai, đau tim, cảm hàn, bệnh thận, dạ dày lạnh đi ngoài	Bệnh đau mắt, đau tim, bệnh ở thượng tiêu, bệnh nhiệt, bệnh dịch	Bệnh ở ngón tay, dạ dày	Bệnh ở cổ họng, miệng, nôn ngược, ăn uống không điều hòa.
Phương hướng	Tây bắc	Tây nam	Đông	Đông nam	Bắc	Nam	Đông bắc	Tây

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Màu sắc	Màu đỏ, màu hồng huyền	Vàng đen	Xanh da trời, màu lục, ngọc bích	Xanh lục ngọc bích sáng	Đen	Đỏ, tím	Vàng	Trắng
Họ tên	Có chữ kim bên cạnh, hàng thứ 1, 4, 9	Âm thổ bên cạnh, hàng thứ 8, 5, 10	Tên họ có chữ mộc, hàng thứ 4, 8, 3	Tên họ có chữ mộc hàng thứ 5, 3, 8	Hàng thứ 1, 6	Trong tên họ có chữ thứ hoặc chữ nhân đứng, hàng thứ 3, 2, 7	Tên họ có chữ thổ bên cạnh, hàng thứ 5, 7	Tên họ có chữ khấn, chữ kim, chữ hệ bên cạnh hàng thứ 4, 2, 9
Chữ số	1, 4, 9	8, 5, 10	4, 8, 3	5, 3, 8	1, 6	3, 2, 7	5, 7	2, 4, 9

Nắm vững tượng loại các vật càng nhiều thì thao tác vận dụng càng điều luyện và đoán việc càng chính xác. Quan sát tượng quẻ đòi hỏi sự nhạy cảm cao và sức tưởng tượng phong phú. Qua quan sát những tượng quẻ vốn có, cộng thêm với phát huy nhạy cảm cao độ và sức tưởng tượng dồi dào, chắc chắn sẽ dự đoán sự việc càng sâu và mới mẻ.

Như thầy Thiệu Vi Hoa trước tết dương lịch năm 1992 dự đoán cho một phóng viên "Báo Dương thành buổi chiều", qua quẻ phê hạp thấy được rất nhiều thông tin. Khi nói đến phóng viên đó gần đây được nhận một khoản tiền lớn, phóng viên đó không nhận ra đó là tiền từ đâu tới. Thiệu Vi Hoa căn cứ tượng quẻ nói thêm đó là tiền của mẹ vợ. Căn cứ mùi thổ thể tài, mùi ở cung khôn, khôn là mẹ, là người già, lại ở quẻ thượng, tức cũng là quẻ ngoại, ngoại là xa, tổng hợp lại đoán là mẹ vợ. Phóng viên đó bỗng nhiên nhớ lại gần đây mẹ nhạc ở Mỹ nhắn tin sẽ gửi cho khoản tiền để con gái, con rể, cháu ngoại ăn tết cho đầy đủ. Ngay tại trận, phóng viên đó đã ồ lên khen đúng. Rõ ràng là trong tượng loại của quẻ không trực tiếp có gì là "mẹ vợ".

Khi tôi đang miệt mài viết sách này, có một đoàn học viên đến thăm thầy Thiệu. Họ gồm sáu người, trong đó có kiến trúc sư cao cấp, có giáo viên, đều là những học viên lớp học đầu tiên năm 1990 thầy Thiệu dạy ở Thâm Quyến.

Sau khi thăm hỏi sức khỏe thầy xong, họ đưa quẻ gieo trước khi đến thăm thầy để chứng thực. Đó là quẻ "Quan" của quẻ "Tiệm" và giải thích : quẻ hạ và cần, là quẻ dụng, quẻ thể khác quẻ dụng, tượng quẻ thể là tốt, là thầy ở nhà. Quẻ dụng là thầy giáo, nhưng "Cấn" còn có tượng là giường, "Cấn" là ngừng, hào ba động, chúng tỏ thầy giáo đang ốm nằm trên giường. Quẻ "biến" là quẻ "Khôn", mộc của quẻ thượng "Tốn" khác "Khôn" thổ, thổ là tì vị, là đau dạ dày ! Khi họ đến, thầy Thiệu đã ngồi dậy và thấy học viên đoán quẻ tiến bộ nhiều như thế nên bệnh bớt đi rất nhiều.

Qua ví dụ trên có thể thấy : vốn trong sách không ghi tượng quẻ cần là giường, nhưng hình quẻ cần như cái giường, hào thể vừa động lại vừa bị khắc, nên họ linh cảm thấy thầy ốm nằm trên giường. Ngoài ra, vì có người rèn luyện khí công nên sự cảm ứng của người đó càng nổi bật. Cho nên như nghệ nhân Trương Lực đã nói : nếu có thể kết hợp giữa khí công với trình tự dự đoán theo phương vị của bát quái, phát huy quan hệ cảm ứng giữa người dự đoán với người được đoán thì hiệu quả đoán càng cao.

Chương 3

GIEO QUÊ

Quê "Dịch" từ quê đầu là quê càn đến quê cuối là quê "vị tế" đều trong quá trình biến hóa, nên biến là tinh túy của "Chu dịch".

Trong "Chu dịch", sự biến hóa của tượng quẻ, ngôi quẻ cũng như sự biến hóa của số hào, ngôi hào đều gọi là biến dịch. Từ thái cực biến đến 64 quẻ chúng tỏ tượng quẻ và ngôi quẻ, tượng hào và ngôi hào đều biến động không ngừng, luôn trong sự biến hóa và chuyển đổi.

Người xưa gieo quẻ, xem sự biến đổi của nó. Cả bộ "Chu dịch" lấy tượng quẻ và tượng hào bao gồm cả ký hiệu và hình vẽ làm cơ sở, dùng số của tư duy trừu tượng để thuyết minh các tượng quẻ, cả hai cái bổ sung cho nhau để cấu tạo thành khung tư duy của dịch học và trở thành công cụ để nhận thức và nói rõ sự vật.

Sức chứa đựng thông tin phong phú của "Chu dịch", hệ thống bát quái bao la vạn tượng, mỗi quẻ là một tiểu vũ trụ về thông tin, cả 64 quẻ là một đại vũ trụ thông tin, bao gồm các vấn đề về triết học, tự nhiên và xã hội, cho nên có thể nói 64 tượng quẻ là bức tranh toàn cảnh về thông tin của tự nhiên, xã hội và con người.

Về vấn đề 64 quẻ làm sao đã nối thông được các thông tin của con người và vũ trụ thì từ các kết quả nghiên cứu về y dịch, công nghiệp, kiến trúc mà nói, điều đang tích cực nghiên cứu để từng bước khám phá bí ảo của "Chu dịch". Ngày nay có học giả từ quy luật chuyển động của mặt trăng đã tìm ra bối cảnh thiên văn của hà đồ và bát quái. Còn trong y học thì chỉ rõ quy luật ngũ hành sinh khắc chính là nguồn lực duy trì sự cân bằng giữa cơ thể con người với môi trường chung quanh. Trời đất là đại vũ trụ, là hệ lớn, là toàn bộ thông tin, cơ thể con người là tiểu vũ trụ, là hệ thống nhỏ, là thế giới nhỏ về thông tin. Khái niệm này đã được nhận thức và thừa nhận. Sự liên thông thông tin giữa người và vũ trụ, từ nguyên lý hai quẻ đơn của bát quái kết hợp lại với nhau mà xét có thể giống như quy luật hai loại nguyên tử khác nhau tổ hợp lại trong một kết cấu, đã được lý luận số chứng minh. Ngày nay khi mà thông qua làn sóng điện kỹ thuật truyền tin viễn thông đã phát triển khắp toàn cầu ở trình độ cao thì mối quan hệ tương ứng giữa người và trời đất đã phát triển đến cao độ. Điều đó chứng tỏ khoa học càng phát triển thì mối quan hệ vĩ mô và vi mô giữa con người và trời đất do cổ nhân nói đến trong "Chu dịch" càng được chứng minh cụ thể hơn.

Chương này sẽ giới thiệu một phần phương pháp gieo quẻ thường dùng của ngày xưa. Phương pháp này ra đời sau các phương pháp quy bốc và cỏ thi, bao gồm phương pháp gieo quẻ dùng đồng tiền thay cỏ thi trong dự đoán theo sáu hào.

Phương pháp gieo quẻ theo cỏ thi của ngày xưa là dùng cây cỏ thi (còn gọi là răng cưa) sau mười tám lần biến đổi để lập tượng quẻ. Loại cỏ thi này chỉ thấy mọc ở trước mộ Phục Hi ở huyện Hoài Dương tỉnh Nam Hà, diện tích khoảng nửa mẫu, hàng nghìn năm nay chỉ phải cắt đi, không cần trồng lại, trồng chỗ khác thì chết, dùng theo quẻ rất linh nghiệm, cho nên là loại cỏ hiếm quý.

Ngày nay có hai cách lập quẻ chính : cách lập theo thời gian, cách khác là dùng ba đồng tiền cỏ lắc gieo sáu lần để lập tượng quẻ.

Đồng thời với giới thiệu phương pháp gieo quẻ, sách này còn giải thích cách lập quẻ biến và quẻ hố.

Cuối cùng sẽ giới thiệu làm thế nào để quy quẻ gieo được thuộc về tám cung và xét vượng tướng hưu tù ngũ hành của tượng quẻ. Thực hiện gieo quẻ đến bước này là đã đầy đủ, chỉ còn đoán quẻ nữa mà thôi.

I. CÁCH GIEO QUẺ

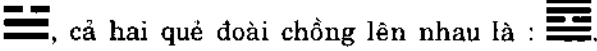

Phép gieo quẻ thường dùng nhất là gieo quẻ theo thời gian, tức là dựa theo giờ âm lịch của sự việc cần đoán để lấy tượng quẻ. Như vậy, tức là sẽ dùng đến các kiến thức ở trong Chương I nói về cách ghi can chi năm tháng ngày giờ. Ở đây còn giới thiệu thêm mấy cách gieo quẻ khác.

1. Gieo quẻ theo thời gian

Các quẻ đều do hào âm và hào dương tạo thành, 8 quẻ kinh có 3 hào là tượng quẻ cơ bản của 8 quẻ, nó tượng trưng cho 8 loại sự vật chính. Trong dự đoán thường lấy 64 quẻ làm thành tượng để dự đoán vạn vật. 64 quẻ này là do 8 quẻ chính, cứ hai quẻ một tổ hợp lại mà thành, quẻ nằm trên gọi là quẻ thượng, quẻ dưới là quẻ hạ. Trong dự đoán, khi vận dụng quẻ thượng cũng gọi là quẻ ngoại, hoặc quẻ trước, hoặc quẻ xa; quẻ hạ gọi là quẻ nội, quẻ sau, quẻ gần.

Quẻ thượng trong phép gieo quẻ theo thời gian là số chi của năm âm lịch cộng thêm số tháng, số ngày, sau đó lấy tổng số chia 8, số dư là số của quẻ thượng. Quẻ hạ là từ tổng của quẻ thượng cộng thêm số giờ, chia cho 8, được số dư là số của quẻ hạ. Ngoài ra còn phải tìm hào động để xác định quẻ thể, quẻ dụng dùng đoán quẻ. Cách tìm hào động là lấy tổng số của năm, tháng, ngày, giờ chia cho 6, số dư là số hào của hào động. Đến đây mới gọi

là 1 quẻ được gieo hoàn chỉnh. Tượng quẻ được gieo như thế có thể là quẻ thượng và quẻ hạ giống nhau, ví dụ quẻ thượng và quẻ hạ đều là quẻ đoài.

 , cả hai quẻ đoài chồng lên nhau là :  . Cũng có thể là được một tổ hợp khác, ví dụ : quẻ thượng là quẻ đoài, quẻ hạ là quẻ càn. Trước hết đọc quẻ thượng, sau đó đọc quẻ hạ. Quẻ thượng là đoài vi trạch, quẻ hạ là càn vi thiên, cả hai quẻ đọc là : trạch thiên quái.

Nếu hào động là hào hai, thì ở bên cạnh quẻ thuận đánh dấu để nhớ.


Bất kể là gieo quẻ hay tìm quẻ động đều phải dùng số quẻ để vẽ các quẻ. Số quẻ là lấy số quẻ tiên thiên bát quái để định ra quẻ thượng và quẻ hạ. Dư 1 là càn, dư 2 là đoài, dư 3 là ly, dư 4 là chấn, dư 5 là tốn, dư 6 là khảm, dư 7 là cấn, dư 8 là khôn.

Dưới đây, ta thao tác 1 ví dụ thực tế để nói rõ vấn đề : Ví dụ : gieo quẻ vào giờ Sửu, ngày 3 tháng 3 nhuận âm lịch năm 1993. Năm 1993 là năm Quý dậu, năm dậu lấy số 10, tháng 3 nhuận là số 3, ngày 3 là số 3, giờ sừu số 2 (chú ý về mặt xác định số nên ôn kỹ đoạn cuối của Tiết 3, Chương I).

Tìm quẻ thượng : năm + tháng + ngày = 10 + 3 + 3 = 16; 16 chia 8 không có số dư nên lấy 8 làm số quẻ, tức quẻ khôn.

Tìm quẻ hạ : năm + tháng + ngày + giờ = 10 + 3 + 3 + 2 = 18; 18 chia 8 dư 2, số 2 là quẻ đoài, vậy quẻ hạ là quẻ đoài.

Tim hào động : Tổng số quẻ hạ là 18, chia 6 vừa hết, nên số hào động là 6, tức hào sáu là hào động.

Gieo quẻ theo thời gian là quẻ gốc, ở quẻ này quẻ thượng là khôn, là địa, quẻ hạ là đoài, là trạch. Quẻ thượng và quẻ hạ chồng lên nhau được quẻ địa trạch lâm, thêm hào 6 động lấy quẻ khảm (ứng với số 6) để biểu thị hào động, nên tượng quẻ của quẻ gốc, biểu thị thành :  .

Dưới đây giới thiệu những phương pháp gieo quẻ khác.

- **Căn cứ số vật đếm được để gieo quẻ.** Đối với những vật có thể đếm được, thì số đếm được là quẻ thượng, lấy giờ đếm đó phối thành quẻ hạ. Lấy số quẻ thượng cộng thêm với số giờ chia cho 6 để tìm hào động.

- **Căn cứ số tiếng đếm được để gieo quẻ.** Phàm những tiếng nghe được như tiếng động vật kêu, tiếng gõ cửa... làm số của quẻ thượng. Số tiếng kêu đó cộng với số giờ lúc gieo quẻ chia cho 8, lấy số dư làm quẻ hạ. Lấy số quẻ thượng cộng số giờ chia cho 6, lấy số dư làm hào động.

- **Căn cứ chữ số để gieo quẻ :** phàm gặp trường hợp viết chữ lấy tổng số chữ chia đôi làm quẻ thượng, 1 nửa làm quẻ hạ. Nếu số chữ là lẻ thì lấy nửa

ít làm quẻ thượng, nửa nhiều thêm 1 chữ làm quẻ hạ, (ví dụ 7 chữ : số 3 làm quẻ thượng, số 4 làm quẻ hạ. Quẻ thượng là ly, quẻ hạ là chấn, tức quẻ hỏa lôi phệ hạ). Nếu chỉ 1 chữ thì lấy số nét nửa trái làm quẻ thượng, số nét nửa phải làm quẻ hạ. Nếu số chữ nhiều thì xem cách lập quẻ trong sách "Chu dịch và dự đoán học".

– **Gieo quẻ theo chiều dài thước, tắc.** Đối với vật có thể đo được, lấy số thước làm quẻ thượng, số thước làm quẻ hạ, số tắc có thể bỏ qua. Hoặc lấy số thước làm quẻ thượng, số tắc làm quẻ hạ, số phân có thể bỏ qua. Thêm số giờ lúc đo để tìm hào động.

– **Căn cứ người để gieo quẻ.** Gieo quẻ căn cứ theo người rất linh hoạt, đều phải nắm được những sự việc tức thời xảy ra. Ví dụ : nghe tiếng nói, lấy câu đầu hoặc câu cuối, căn cứ số tiếng để xác định quẻ. Hoặc ví dụ người đó già là càn, thiếu nữ là đoài, v.v... Hoặc ví dụ xem động tác, đầu động là càn, chân động là chấn, mắt động là ly. Lại ví dụ : xem màu da hoặc màu quần áo, xanh là chấn, đỏ là ly...

– **Căn cứ bầy động vật để gieo quẻ.** Nhìn thấy cả bầy thì không thể gieo quẻ, nhưng có thể căn cứ nhìn thấy 1 hoặc mấy con trong đó xác định quẻ thượng, phương vị các con vật đó đến để làm quẻ hạ. Cộng số quẻ thượng cộng thêm số quẻ hạ, cộng thêm số giờ lúc gieo quẻ chia cho 6 để tìm hào động. Phương pháp gieo quẻ theo bầy động vật cũng rất linh hoạt.

Ngoài cách gieo như trên, cũng có thể gieo theo tiếng kêu. Nếu là gia cầm cũng có thể gieo quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nếu là vật đó mua về cũng có thể gieo theo thời điểm mua về.

– **Gieo quẻ theo tĩnh vật.** Sông, núi, đất, đá không thể gieo quẻ được, hoặc các loại như : nhà, cửa, cây cối, bàn, ghế... có thể căn cứ ngay giờ làm ra chúng, hoặc giờ trồng cây, hoặc giờ đánh cây trồng để gieo quẻ. Thiệu Ung cho rằng : đối với tĩnh vật không thể đoán quẻ được.

2. Vai trò của hào động với quẻ thể và quẻ dụng

Hào động là tiêu chí chủ yếu để phân biệt và xác định quẻ thể, quẻ dụng.

Số hào động không bao giờ quá số 6. Ở quẻ chủ ta đếm từ dưới lên trên để lấy hào động. Nếu số dư là 1 tức hào động là hào đầu ở dưới nhất. Nếu số dư không có thì hào động là hào 6 trên cùng, như thế gọi là hào trên động, hoặc hào 6 động.

Một quẻ có 6 hào, ba hào dưới là quẻ hạ, ba hào trên là quẻ thượng. Nếu hào động ở quẻ thượng, thì quẻ thượng là quẻ dụng. Nếu hào động ở quẻ

hạ, thì quẻ hạ là quẻ dụng. Quẻ không có hào động là quẻ thể. Quẻ thể là quẻ mình, quẻ dụng là người khác hoặc sự việc. Lấy hào động để xác định quẻ thể, quẻ dụng là tiêu chí để đoán việc hoặc đoán cát hung. Khi cần tham khảo quẻ biến, hào động còn là tiêu chí để sự việc biến thành tốt hoặc biến thành xấu, tức là biến sinh, hoặc biến khác, biến ngang hòa, biến xì hơi.

Hào động ngoài vai trò chính để biến thành tốt, hoặc xấu nó còn là dấu hiệu chỉ thị loại vật. Nó có thể nói lên phương vị (ví dụ phương hoặc hướng đi có liên quan đến quẻ). Đối với lục thân thì nó là người có liên quan đến quẻ, đối với sự vật là sự việc có liên quan đến quẻ, đối với số thì đó là số người hay số vật, hay là những màu sắc có liên quan đến quẻ. Và có tác dụng gợi ý hoặc truyền tin tức.

Trong dự đoán thông tin, tuy các phương pháp gieo quẻ khác nhau nhưng kết quả đều có xu hướng thống nhất. 64 quẻ của Chu dịch, mỗi hào đều có hào từ nói về cát, hung, hối, lận của hào đó. Hào động ở đây là căn cứ để tìm tra hào từ.

Trong 1 quẻ có thể có mấy hào động, cũng có thể không có hào động nào. Đối với người mới học, nếu gặp hào động nhiều tức sự việc biến hóa phức tạp rất khó khăn. Như trên đây đã giới thiệu cách gieo quẻ theo thời gian, thì trong quẻ chỉ có 1 hào động, nên sự việc được nổi rõ để đoán. Vì vậy đối với những việc phức tạp khó đoán nên chờ khi kỹ thuật đoán đã thành thạo thì sẽ đoán được dễ dàng hơn.

3. Quẻ chủ, quẻ hỗ và quẻ biến

Phương pháp gieo quẻ theo thời gian và những cách gieo quẻ khác tìm ra quẻ đầu tiên gọi là quẻ gốc. Nếu muốn biết quá trình phát triển của sự việc để tham khảo trong lúc đoán thì cần phải thông qua biến dịch. Trong trường hợp đó, quẻ gốc trở thành quẻ chủ. Khi phán đoán cát, hung, hối, lận, quẻ chủ là tượng quẻ chính có tác dụng chủ đạo, tác dụng quyết định. Quẻ chủ có thể căn cứ nhu cầu của sự việc để quyết định cần hay không cần đến quẻ hỗ hay quẻ biến. Quẻ chủ, chủ về đầu sự việc, quẻ hỗ ứng với thời gian giữa, quẻ biến ứng với thời gian cuối của sự việc dự đoán.

1) Quẻ biến

quẻ biến là thông qua tổng số của quẻ chủ chia cho 6, lấy số dư làm hào động, sau khi hào động biến ta có được quẻ biến. Thông thường giá trị tham khảo của quẻ biến cao hơn quẻ hỗ. Khi hào động nằm ở ngôi hào dương của quẻ chủ, động thì biến thành âm; hào âm của quẻ chủ động thì biến dương, còn các hào khác không thay đổi. Lúc đó ta sẽ biết được quẻ biến. Ví dụ : quẻ gốc của quẻ Địa trạch lâm có hào 6 động, lúc đó thì hào thứ 6 âm biến thành dương, tức quẻ thượng từ quẻ khôn biến thành cần, quẻ hạ vẫn là quẻ đoài. Và bây giờ quẻ biến là Sơn trạch tổn.

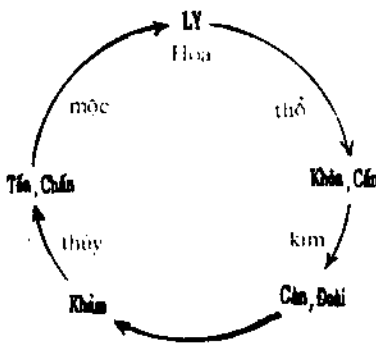
2) Quẻ hồ

Trong gieo quẻ, vì mỗi quẻ phải có 1 hào động nên ngoài gieo quẻ gốc ra ta còn có thêm được quẻ biến. Ngoài ra trong dự đoán còn có loại quẻ hồ cũng giúp đỡ cho việc dự đoán. Quẻ chủ là tiền đề quyết định sự cát, hung, thành, bại của sự việc, còn quẻ hồ biểu thị các thông tin trong quá trình phát triển của sự vật. Quẻ hồ là dùng các hào của quẻ thượng và quẻ hạ, tức là bỏ hào đầu của quẻ hạ và hào thượng của quẻ thượng, còn lại là 4 hào ở giữa dùng để tạo thành quẻ hồ. Cụ thể là lấy hào hai, ba, bốn của quẻ chủ làm quẻ hạ của quẻ hồ, hào 3, 4, 5 của quẻ chủ làm quẻ thượng của quẻ hồ. Ví dụ : quẻ hồ của quẻ chủ Địa trạch lâm là quẻ Địa lôi phục. Quá trình biến đổi như sau :

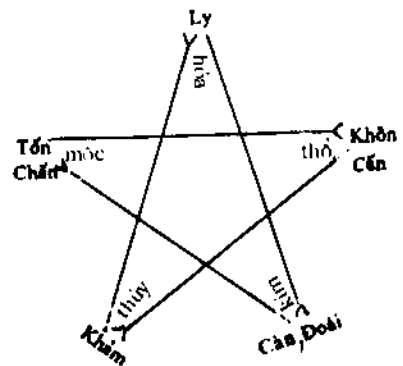
	Quẻ chủ (lâm)		Quẻ hồ (phục)
Hào thượng	--	động	--
Hào năm	--		--
Hào bốn	--		--
Hào ba	--		--
Hào hai	—		—
Hào đầu	—		—

3) Quẻ thể, quẻ dụng của quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến

Hào động là then chốt quyết định quẻ thể, quẻ dụng của quẻ chủ, cát hung của quẻ phải thông qua sinh khắc, chế hóa của ngũ hành giữa quẻ thể và quẻ dụng để quyết định (sẽ nói tỉ mỉ trong chương "Đoán quẻ"). Ở ví dụ trên sau khi đã xác định được quẻ thể và quẻ dụng ta sẽ căn cứ quan hệ sinh khắc của quẻ chủ và sinh khắc của quẻ biến để nhìn ra sự mở đầu và kết cục của sự việc cần đoán, như thế tức là quẻ cát hay hung cũng đã rõ. Dưới đây ta xét xem nó biến hóa ra sao.



Ngũ hành tương sinh









Ngũ hành tương khắc

Quy luật sinh khắc, chế hóa của ngũ hành, bát quái có một vai trò vô cùng quan trọng trong dự đoán theo tượng quẻ. Nó trực tiếp ảnh hưởng đến sự phán đoán đúng hay sai của sự việc. Ngoài ra còn phải nắm chắc và vận dụng linh hoạt quy luật "Ngũ hành thái quá" và quy luật "khắc ngược của ngũ hành" để phán đoán một cách tổng hợp thì mới đoán đúng sự vật.

Sáu mươi tư quẻ theo ngũ hành thuộc tám cung, quẻ thứ nhất của mỗi cung là một trong tám quẻ đầu, bảy quẻ còn lại đều do quẻ đầu biến mà ra. Cách biến cụ thể sẽ nói rõ trong phương pháp dự đoán theo sáu hào. Ở đây liệt kê tên của 64 quẻ thuộc 8 cung và sắp xếp tượng quẻ theo ngũ hành của bát quái để chuẩn bị cho việc tìm hiểu ở bước sau.







Tên và tượng của 64 quẻ.

8 quẻ cung cần thuộc kim :

Cần vi thiên , thiên phong cấu , thiên sơn độn , thiên địa phủ , phong địa quan , sơn địa bác 

Quẻ chủ "Địa trạch lâm"

Quẻ biến "Sơn trạch tổn"

Quẻ thượng :	Hào sáu -- động	} Quẻ dụng		} Quẻ dụng
	Hào năm --			
	Hào bốn --			
Quẻ hạ	Hào ba --	} Quẻ thể		} Quẻ thể
	Hào hai --			
	Hào đầu --			

Hào động của quẻ chủ ở quẻ thượng tức quẻ thượng là quẻ dụng. Quẻ thượng là quẻ khôn, ngũ hành thuộc thổ. Hào sáu âm động biến thành dương, vì vậy quẻ thượng của quẻ biến là khôn biến thành quẻ cần, ngũ hành của quẻ cần cũng thuộc thổ. Quẻ hạ của quẻ chủ không có hào động, là quẻ thể, nên quẻ hạ của quẻ biến vẫn là quẻ đoài, ngũ hành thuộc kim. Quẻ thượng của quẻ chủ là quẻ dụng, do đó quẻ thượng của quẻ biến cũng là quẻ dụng. Nếu quẻ thượng của quẻ chủ là quẻ thể thì quẻ thượng của quẻ biến cũng là quẻ thể. Tương tự, nếu quẻ hạ của quẻ chủ là quẻ gì thì quẻ hạ của quẻ biến vẫn thế.

Đoán quẻ : tức là dùng ngũ hành, sinh khắc của quẻ thượng và quẻ hạ của quẻ chủ, đồng thời căn cứ sự sinh khắc giữa quẻ hạ và quẻ thượng của biến để phán đoán.

Khi ta gặp quẻ chủ là cần hoặc khôn, vì tất cả các hào đều dương hoặc âm nên không có quẻ hổ.

Thông thường sau khi gieo được quẻ chủ thì tất nhiên sẽ lập được quẻ biến. Nhưng nếu căn cứ theo quy luật phát triển của sự vật để sắp xếp trình tự các quẻ thì nên sắp : quẻ chủ - quẻ hỗ - quẻ biến. Cho nên khi cần dùng đến quẻ hỗ, ta nên viết nó vào giữa. Ví dụ ở quẻ trên ta được như sau :

Quẻ chủ (âm)



Quẻ hỗ (phục)



Quẻ biến (tồn)



II. NGŨ HÀNH SINH KHẮC CỦA TÁM CUNG

Trong Chu dịch và âm dương ngũ hành của Chương I, thông qua giới thiệu ngũ hành tương khắc để chỉ rõ bát quái tức là vận dụng quy luật ngũ hành để giải thích và nói rõ mối liên hệ cũng như sự biến hóa giữa các sự vật hoặc hiện tượng.



Mối quan hệ sinh khắc, chế ước giữa các ngũ hành thực chất là mối quan hệ đối lập thống nhất, vừa dựa vào nhau vừa khống chế lẫn nhau của âm dương. Trong đó hỏa, kim, thủy thuộc tính dương, mộc và thổ thuộc tính âm. Cho nên nói ngũ hành là sự thể hiện và ứng dụng cụ thể của thuyết âm dương.

Việc chia ra âm dương trong bát quái như sau :









Quẻ khảm là mùa đông thịnh, tức âm cực thịnh; mâm dương bắt đầu xuất hiện; quẻ chấn là phương đông là mùa xuân, âm đã giảm dần, dương tăng lên, dương khí thịnh dần; quẻ ly là tháng 5, hạ chí, dương cực thịnh, dương cực thì âm bắt đầu xuất hiện; quẻ đoài là tháng 7 là mùa thu, dương giảm dần, âm phát triển; quẻ khảm âm nhiều, tất nhiên dương lại bắt đầu phục sinh. Sách Thượng thư hồng phạm có ghi đầy đủ về ngũ hành như sau : "Thủy nhuận ở dưới, hỏa nóng ở trên, mộc là cong, thẳng; kim là sự đối mới, thổ là mùa màng.

Qua đó có thể thấy quẻ ly tính thuộc nóng, nhiệt; quẻ khảm tính thuộc hàn thủy; tồn, chấn thuộc gió, mộc; khôn, cần tính thuộc thấp, thổ; cần, đoài tính thuộc táo, kim.









Căn cứ quy luật sinh khắc ngũ hành kết hợp với sự tương quan giữa 8 quẻ, ta có hình vẽ thể hiện quy luật tương sinh, tương khắc dưới đây.

Hỏa địa tấn , hỏa thiên đại hữu 









8 quẻ cung đoài thuộc kim :

Đoài vi trạch , trạch thủy khốn , trạch địa tụy , trạch sơn hàm , thủy sơn kiến , địa sơn khiêm , lôi sơn tiểu quá , lôi trạch quy muội .









8 quẻ cung ly thuộc hỏa :

Ly vi hỏa , hỏa sơn lữ , hỏa sơn đỉnh , hỏa thủy vị tế , sơn thủy mộng , phong thủy hoán , thiên thủy tụng , thiên hỏa đồng nhân .









8 quẻ cung chấn thuộc mộc :

Chấn vi lôi , lôi địa dự , lôi thủy giải , lôi phong hằng , địa phong thăng , thủy phong tinh , trạch phong đại quá , trạch lôi tùy .









8 quẻ cung tốn thuộc mộc :

Tốn vi phong , phong thiên tiểu súc , phong hỏa giai nhân , phong lôi ích , thiên lôi vô vọng , hỏa lôi phê hạp , sơn lôi di , sơn phong cổ .









8 quẻ cung khảm thuộc thủy :

Khảm vi thủy , thủy trạch tiết , thủy lôi truân , thủy hỏa ký tế , trạch hỏa cách , lôi hỏa phong , địa hỏa minh di , địa hỏa sư .

8 quẻ cung cấn thuộc thổ :

Cấn vi sơn , sơn hỏa bản , sơn thiên đại súc , sơn trạch tổn , hỏa trạch khuê , thiên trạch lý , phong trạch trung phù , phong sơn tiệm .

8 quẻ cung khôn thuộc thổ :

Khôn vi địa , địa lôi phục , địa trạch lâm , địa thiên thái , lôi thiên đại tráng , trạch thiên quái , thủy thiên nhu , thủy địa tỉ .

III. VƯỢNG, TƯỚNG, HƯU, TÙ CỦA NGŨ HÀNH CÁC TƯỢNG QUÊ

Nguyên lý sinh khắc chế hóa âm dương, ngũ hành là dùng để đoán quẻ đã có lịch sử hơn ba nghìn năm. Thực tiễn chứng minh là chính xác, lý luận khoa học của nó rất sâu sắc. Căn cứ sinh khắc âm dương, ngũ hành để đoán quẻ đối với 64 quẻ mà nói căn bản không có quẻ nào là quẻ tốt hoặc quẻ xấu, mà là căn cứ vào sự vượng, suy ngũ hành của tượng hào và khí quẻ làm chính để phán đoán cát, hung.

Vượng, tướng, hưu, tù của ngũ hành, của tượng quẻ là căn cứ vào các mùa để phân chia cho nên cũng gọi là vượng tướng của 4 mùa.

Sách Tam mệnh thông hội khi giải thích về hưu, vượng có nói : Xuân mộc vượng, vượng thì sinh hỏa, nên hỏa là con của mộc, con thừa kế nghiệp cha, nên gọi là hỏa tướng. Mộc nhờ nước mà được sinh trưởng, cái sinh tôi là cha mẹ. Nay mộc đã trưởng thành, nên thủy là cha mẹ đã hết sứ mệnh và rút lui do đó thủy là hưu. Kim khắc mộc, nhưng mộc mùa xuân đang vượng, kim không khắc được mộc, do đó mùa xuân, kim là tù. Hỏa sinh thổ, thổ là tài của mộc mùa xuân, tài là vật ẩn tàng. Thảo mộc đã phát sinh thì thổ khí sẽ phân tán, nên mộc mùa xuân khắc thổ thì thổ chết.

Mùa hạ hỏa vượng, hỏa sinh thổ nên thổ là thổ tướng, mộc sinh hỏa thì mộc hưu, thủy khắc hỏa thì thủy tù, hỏa khắc kim thì kim chết.

Mùa thổ vượng, thổ sinh kim thì kim tướng; hỏa sinh thổ thì hỏa hưu; mộc khắc thổ thì mộc tù; thổ khắc thủy thì thủy chết.

Thu kim vượng, kim sinh thủy thì thủy tướng; thổ sinh kim thì thổ hưu; hỏa khắc kim thì hỏa tù; kim khắc mộc thì mộc chết.

Đông thủy vượng, thủy sinh mộc thì mộc tướng; kim sinh thủy thì kim hưu; thổ khắc thủy thì thổ tù; thủy khắc hỏa thì hỏa chết.

Căn cứ trên kia đã nói, ta có thể khái quát, vượng tướng hưu tù của ngũ hành bốn mùa như sau :

Xuân mộc vượng, hỏa tướng, thổ tù, kim hưu, thủy hưu.

Hạ hỏa vượng, thổ tướng, kim tử, thủy tù, mộc hưu.

Thu kim vượng, thủy tướng, mộc tử, hỏa tù, thổ hưu.

Đông thủy vượng, mộc tướng, hỏa tử, thổ tù, kim hưu.

Tháng giêng kiến dần, tháng hai kiến mao, đều là những tháng mộc vượng, hỏa được mộc sinh nên quẻ Ly gặp các tháng dần, mao là được sinh vượng, gặp tháng tỵ, ngọ là lâm nguyệt kiến đều là vượng tướng. Gặp tháng thổ, kim, thủy vượng thì mộc hưu tù.

Tháng tư kiến tỵ, ngũ hành kiến ngọ là tháng hỏa vượng, thổ được hỏa sinh cho nên quẻ khôn, quẻ cấn gặp tỵ, ngọ là được sinh vượng. Nếu gặp các tháng tuất, sữu, mùi là gặp nguyệt kiến đều là vượng tướng. Nếu gặp các tháng kim, thủy, mộc vượng thì hỏa bị hưu tù.

Tháng 7 kiến thân, tháng 8 kiến dậu đều là các tháng kim vượng. Mộc được thủy sinh cho nên quẻ tốn, quẻ chấn gặp tháng Hợi tháng Tý đều được sinh vượng. Nếu gặp tháng dần, mao là gặp nguyệt kiến đều là vượng tướng. Nếu gặp các tháng hỏa, thổ, kim vượng thì mộc hưu tù.

Căn cứ vào bí quyết đoán vượng, suy của quẻ vừa tổng kết ở trên, ta thấy : Phạm quẻ được khí, gặp tháng sinh thì như cá gặp nước, gặp tháng vượng thì như cây khô gặp mùa xuân.

Trong dự đoán theo tượng quẻ, ngoài việc căn cứ vào tượng quẻ để tìm ra những thông tin về loại tượng của nó, còn phải xem xét đến sự vượng suy của những thông tin này. Sự vượng suy thứ nhất là định đoạt mức độ cát hung của quẻ thể, quẻ dụng, thứ hai là : định rõ mức độ sinh khắc của tượng quẻ.

Ví dụ đoán trẻ con bị bắt cóc : ngoài việc căn cứ vào nội dung mà tượng loại của vạn vật gợi ý để xem con thuộc loại quẻ gì, bọn bắt cóc ở phương nào, cự ly xa hay gần, có liên quan với những chỗ như gần núi, gần nước, gần cây hay gần kim loại, gần lửa ra sao, còn phải xem quẻ của con bị khắc hay được sinh, sau đó căn cứ quan hệ sinh khắc giữa quẻ thể và quẻ dụng để rút ra kết luận. Đồng thời còn phải căn cứ vào khí quẻ vượng hay suy để phán đoán mức độ cát hung của quẻ thể và quẻ dụng.

Cùng là bị khắc, nhưng trong đó có hai loại : bị khắc không sinh và trong khắc có cứu. Điều đó quan hệ đến thành bại của kết luận. Hay cùng là được cứu, nhưng còn phải căn cứ tượng quẻ để đoán định có được trở về hay không.

Về mức độ sinh khắc của các tượng loại cũng phải lấy sự vượng suy của quẻ để quyết định. Ví dụ quẻ thể vượng thì không những con được cứu mà thân thể còn toàn vẹn, vượng tướng còn có nghĩa là dễ tìm thấy, dễ trở về, hoặc có thể là tháng vượng tướng thì sẽ trở về. Nếu quẻ thể vượng cũng có

thể là ngày vượng tướng thì trở về. Khi đoán về mặt tin tức cũng có thể nói tháng vượng tướng thì sẽ có tin, quẻ thể vượng cũng có thể nói đến ngày vượng tướng thì có tin và là tin tức tốt. Từ vượng, suy của quẻ còn có thể thấy được hoàn cảnh xung quanh chỗ trẻ đang ở : chỉ đơn thuần căn cứ vào tượng loại của vật, tuy có thể thấy được quẻ liên quan đến ngũ hành nào, ví dụ như có quan hệ với nước, nhưng là ở sông nhỏ hay sông lớn, hoặc ở biển ? Vượng thì đương nhiên là chỗ nước lớn, ngược lại là chỗ nước nhỏ. Tất cả những tin tức này cộng thêm với sự đánh giá chính xác mức độ vượng suy của quẻ sẽ đưa ra được những đường dây rõ ràng, phạm vi tương đối nhỏ và do đó đạt được mục đích dự đoán.

Qua thí dụ trên, độc giả có thể lấy đó tham khảo để vận dụng vào những việc cần phán đoán trong cuộc sống.

Chương 4

ĐOÁN TƯỢNG QUÊ

Người xưa khi đoán quẻ, có người dùng từ quẻ để đoán cát hung, có người căn cứ tượng quẻ để đoán; có người theo lý của quẻ để đoán; lại có người lấy sự biến đổi của hào từ của quẻ để đoán; có người dùng ý nghĩa lời văn hai quẻ (thượng, hạ) để đoán; lại cũng có người căn cứ tình hình thực tế để đoán.

Ông Kinh Phòng đời Hán thì dùng cách chọn dụng thần (đó là phương pháp đoán theo 6 hào), căn cứ vào ngũ hành sinh khắc của các hào để đoán cát hung. Ông Thiệu Khang Tiết đời Tống lại căn cứ vào ngũ hành sinh khắc của tượng quẻ để đoán cát hung. Vì càng ngày phương pháp gieo quẻ càng cải tiến, nên phương pháp đoán quẻ cũng cải tiến theo. Đó là vì xã hội không ngừng phát triển, khoa học kỹ thuật không ngừng tiến bộ, nên năng lực tư duy của con người ngày càng được nâng cao.

I. SINH KHẮC CỦA QUÊ THỂ VÀ QUÊ DỤNG

1. Khái quát về sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng

Sau khi lập quẻ xong đầu tiên phải xem đó là quẻ gì, tức xem mối quan hệ ngũ hành của quẻ thượng và quẻ hạ là tương sinh hay tương khắc, hay ngang hòa.

Phàm quẻ thể khắc quẻ dụng thì tốt. Ví dụ : quẻ động là quẻ dụng, là quẻ chấn, ngũ hành của nó thuộc mộc; quẻ thể là càn, ngũ hành thuộc kim. Càn kim khắc chấn mộc, tức quẻ thể khắc quẻ dụng, giống như mình thắng đối thủ là tốt.

Quẻ dụng khắc quẻ thể là sự việc xấu. Ví dụ : Quẻ dụng là quẻ Ly, ngũ hành thuộc hỏa. quẻ thể là càn kim. Ly hỏa khắc càn kim, tức quẻ dụng khắc quẻ thể, giống như đối thủ thắng mình, là xấu.

Quẻ thể sinh quẻ dụng là có sự hao tổn. Ví dụ quẻ dụng là quẻ khảm, ngũ hành thuộc thủy. Quẻ thể là càn - kim. Càn kim sinh khảm - thủy, tức quẻ thể sinh quẻ dụng, giống như mình xỉ hơi cho người ta, là bị hao tổn.

Quẻ dụng sinh quẻ thể là có điều mừng, có lợi. Ví dụ : quẻ dụng là quẻ khôn, ngũ hành thuộc thổ. Quẻ thể là càn - kim. Khôn thổ sinh càn - kim, tức quẻ dụng sinh quẻ thể, giống như mình được lợi nhờ đối thủ, nên gọi là có ích.

Quẻ thể và dụng ngang hòa thì mọi việc đều thuận lợi. Ví dụ quẻ dụng là càn - kim hoặc đoài - kim, quẻ thể là càn - kim, ngũ hành giống nhau là ngang hòa. Do đó mọi việc đều thuận lợi như ý.

Quẻ ngang hòa gồm có. Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài, lý, quải, khiêm, bóc, hằng, ích, gồm tất cả 14 quẻ.

Quẻ thể được sinh càng nhiều thì càng tốt, khắc nhiều thì càng hại. Đây là nói về khi quẻ hồ và quẻ biến tổng hợp cân bằng thì khi quẻ thể được sinh nhiều là tốt, hoặc quẻ thể có thể mạnh; ngược lại thì càng xấu. Ví dụ quẻ thể là càn - kim. Cái sinh kim là thổ, mà còn được thổ của khôn, cấn trong quẻ hồ và quẻ biến giúp đỡ nữa thì chẳng khác gì đã tốt càng thêm tốt. Nếu quẻ thể đã không tốt lại gặp phải ly - hỏa của quẻ biến và quẻ hồ đến xâm phạm thì chẳng khác gì thêm dầu vào lửa, xấu càng xấu thêm.

Quẻ dụng cát biến thành hung là ban đầu tốt, sau xấu. Ở đây nói quẻ chủ có quẻ dụng sinh quẻ thể, hoặc quẻ thể khắc quẻ dụng đều chủ về tốt, nhưng trong quẻ biến quẻ dụng khắc quẻ thể đương nhiên là ban đầu tốt, sau xấu. Ví dụ quẻ dụng của quẻ chủ là quẻ cấn, quẻ thể là quẻ càn. Cấn - thổ sinh càn - kim là dụng sinh thể, đương nhiên là tốt. Nhưng vì hào 4 của quẻ chủ động, hào âm biến thành hào dương cho nên quẻ biến thành dụng khắc thể. Như thế gọi là trước tốt sau xấu.

Quẻ dụng hung biến thành cát là trước xấu sau tốt.

Ở đây chỉ quẻ chủ là hung, quẻ biến là cát. Quẻ dụng của quẻ chủ khắc, quẻ thể, quẻ biến lại là dụng sinh thể, hoặc thể khắc dụng. Ví dụ : quẻ dụng là Ly - hỏa, hào trên động, quẻ thể biến thành càn - kim, dụng khắc thể, đó là điều chắc chắn. Nhưng quẻ chủ biến thành thổ sinh kim, tức là dụng sinh thể, nên cuối cùng biến sự nguy hiểm thành yên lành tức là gặp hung hóa cát.

Bị khắc chỗ này, nhưng chỗ kia được sinh là trong khắc có sinh. Trường hợp này cũng giống như "quẻ dụng hung biến thành cát, trước hung sau cát". Tức là tuy sự việc cần đoán khác nhau nên cách nói khác nhau mà thôi. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ có cứu hay không có cứu. Bị khắc mà gặp sinh là có cứu; bị khắc mà không có sinh là không có cứu.

Quẻ dụng mạnh thì quẻ thể tất suy, quẻ thể mạnh thì dụng tất suy : Ở đây có nghĩa nói cái sinh thể mà nhiều thì tốt. Cái khắc thể nhiều thì xấu. Sự phân biệt sinh thể hay khắc thể là quẻ thể được trợ giúp hay không được trợ giúp. Quẻ thể mạnh gọi là thể của nó mạnh, quẻ dụng mạnh là thể của nó thịnh. Nếu quẻ dụng nhiều người, thể đông thì tất nhiên quẻ thể thể cô không địch nổi; nếu quẻ thể thanh thể to lớn thì quẻ dụng tất phải cam chịu thể yếu.

2. Tượng quẻ sinh, khắc chủ các việc

Những người mới học, sau khi lập được tượng quẻ thường rất lúng túng không biết bắt đầu nói từ đâu. Mục tượng quẻ sinh, khắc làm chủ các việc có thể gợi ý cho các bạn trong muôn vàn sự việc sẽ được quy nạp lại thành hai trường hợp : sinh thể và khắc thể. Do đó có thể so sánh để tham khảo sử dụng.

Sự sinh, khắc của tượng quẻ chủ các việc sau :

- *Quẻ can sinh thể* : Chủ về việc có lợi cho mình trong việc công, hoặc có tin mừng về mặt công danh, hoặc lợi của nhờ việc quan, hoặc thăng lý trong kiện tụng, hoặc có lợi được của quý, hoặc được bạn tặng quà, hoặc có tin mừng lên chức.

- *Quẻ can khắc thể* : Chủ về các việc có nỗi lo trong công việc, hoặc lo về nhà cửa, hoặc mất của cải, hoặc bị tổn thất về tiền bạc, ngũ cốc, hoặc danh dự bị xúc phạm, hoặc bị phạm tội với người trên.

- *Quẻ khôn sinh quẻ thể* : Chủ về các việc có tin mừng về ruộng đất, hoặc được của nhờ ruộng đất, hoặc được lợi nhờ người thân, hoặc lợi nhờ âm nhân (người quá cố), hoặc được thóc gạo, vải vóc do có người tặng.

- *Quẻ khôn khắc quẻ thể* : Chủ về các việc lo lắng vì ruộng đất, hoặc hao tổn vì ruộng đất, hoặc bị tiểu nhân làm hại, hoặc bị âm nhân (người quá cố) gây hại, hoặc mất vải vóc, thóc gạo.

- *Quẻ chấn sinh quẻ thể* : Chủ các việc được lợi nhuận hoặc được của nhờ những việc sơn lâm, hoặc được của từ phương đông đến, hoặc có tin mừng trong việc di chuyển, hoặc được lợi trong việc giao dịch về đồ gỗ.

- *Quẻ chấn khắc quẻ thể* : Chủ về lo lắng vu vơ, thường vì quá lo sợ, hoặc bản thân không thể yên tĩnh, hoặc tai nạn nhà cửa, hoặc bị những người làm nghề sơn lâm xâm phạm hoặc bị mất các thứ của về sơn lâm.

- *Quẻ tốn sinh quẻ thể* : Chủ về những lợi ích do sơn lâm hoặc nhờ những việc sơn lâm mà được của, hoặc được của từ phía đông nam đến, hoặc được lợi nhờ những mặt hàng thảo mộc.

- *Quẻ tốn khắc quẻ thể* : Là bị những người trong tên họ có chữ thảo, mộc làm hại, hoặc lo lắng vì những việc sơn lâm hoặc bị người ở phía nam làm lo lắng, phải cấm kỵ những điều hại vì vợ hoặc những tai ách vì trẻ con, hoặc người xấu đưa đến.

- *Quẻ khâm sinh quẻ thể* : Chủ về các tin mừng từ phương bắc đến, hoặc được của từ phương bắc hoặc được người ở gần nước tặng quà, hoặc được lợi nhờ những việc giao dịch qua các mặt hàng : cá, muối, rượu hoặc văn thư, hoặc được tặng những loại sản vật trên.

BẢNG PHÂN BIỆT THỂ, DỤNG SINH KHÁC NHAU

	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Quê thể	Quê dụng	Dụng khác thể	Thể khác dụng	Dụng sinh thể	Thể sinh dụng	Thử dụng ngang hòa	Ghi chú	
Nhân sự	Chủ	Khách	Không nên	Tốt	Có lợi	Có tổn thất	Đạt kết quả	Phải xem thêm ở quê biến	
Gia trạch	Chủ	Nhà cửa	Xấu	Tốt	Có lợi nhiều	Tổn đất, để phòng hòa hoạn trộm cắp	Yên ổn		
Chỗ ở	Chủ	Chỗ ở	Xấu	Tốt	Nhà hưng vượng	Của cải mất dần	Tự nhiên, yên ổn		
Hôn nhân	Chủ	Việc hôn nhân	Không thành, thành nhưng tổn tất	Có thể thành, thành muộn	Để thành, nhờ hôn nhân có lợi	Khó thành vì hôn nhân mà hao tổn	Tốt, lợi		
Sinh đẻ	Mẹ	Việc sinh	Không lợi cho mẹ	Không lợi cho con	Lợi cho mẹ	Lợi cho việc sinh	Thuận lợi, nhanh	Quê thể khắc dụng thì hại cho con, quẻ dụng khác thể thì hại cho mẹ.	
Ăn uống	Chủ	Thức ăn	Không có việc ăn uống	Có trở ngại	Thức ăn dồi dào	Khó có mặt ở đó	Đầy đủ		
Cầu mưu	Chủ	Việc cầu đến	Không thành, thành nhưng có hại	Có thể thành, thành nhưng muộn	Không cầu cũng thành	Mưu nhiều nhưng kết quả ít	Vừa ý		
Cầu danh	Chủ	Danh	Không thể thành	Có thể thành, thành muộn	Vì danh mà có lợi	Vì danh mà mất mát	Vừa ý	Quẻ thể không khắc thì dễ thành danh, quẻ thể khắc thì xấu	

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Cầu tài	Chủ	Của cái tiền tài	Không được	Có được	Có được lợi	Bị tổn thất	Lợi tài, vui vẻ	Quê thế được sinh thi lợi tài, quê thế bị khắt thì phá tài
Giao dịch	Chủ	Việc giao dịch	Không thành	Thành nhưng muộn	Thành nhanh, thành là được tài	Khó thành, mất mát vì giao dịch	Đễ thành	
Xuất hành	Chủ	Đi	Có trắc trở, có hại	Có thể đi, vừa ý	Còn được của bất ngờ	Có mất mát	Nhanh, thuận lợi	Quê thế không vong thì vượng
Người đi xa	Chủ	Người đi xa	Không trở về	Trở về muộn	Rất nhanh sẽ trở về	Chưa quay về	Sắp trở về	Quê dụng sinh vượng thì xuất hành thuận lợi, nhanh.
Mong gặp ai	Chủ	Đôi phương	Không gặp	Có thể gặp	Có thể gặp, gặp có lợi	Khó gặp, gặp cũng vô ích	Tự nhiên mà gặp	
Mất cửa	Chủ	Vật bị mất	Không thể tìm được	Có thể tìm được nhưng muộn	Đễ tìm	Khó tìm	Vật không bị mất	
Bệnh tật	Người ốm	Chứng bệnh	Uống thuốc cũng khó chữa	Không có thuốc cũng khỏi	Sắp khỏi	Khó khỏi	Không can gì	
Kiện tụng	Minh	Đôi phương	Đôi phương mạnh hơn mình	Minh mạnh hơn đôi phương	Minh thắng lý, nhờ kiện mà được lợi	Thua về lý, vì kiện mà mất mát	Hòa nhau	
Phần mộ	Chủ	Phần mộ	Hung táng	Cát táng	Tốt, được âm đức, lợi cho con cháu	Tảng chỗ không tốt, lạnh lẽo	Được chỗ đất tốt bền lâu	

– *Quẻ khảm khắc quẻ thể* : Là có việc lo về việc âm hoặc bị trộm cướp, hoặc làm mất lòng người ở gần sông biển, hoặc bị thiệt hại ở quán rượu, hoặc tai ách do người từ phương bắc đến.

– *Quẻ ly sinh quẻ thể* : Chủ về được của từ phương nam hoặc có tin mừng về việc văn thư hoặc được lợi nhờ các lò nung, lò luyện, hoặc được của nhờ có người trong tên họ có chữ hỏa.

– *Quẻ ly khắc quẻ thể* : Chủ nổi lo về văn thư, hoặc vì người từ phương nam đến, hoặc vì người trong tên họ có chữ hỏa làm hại.

– *Quẻ cấn sinh thể* : Chủ về được của ở phương đông bắc, hoặc có tin mừng về ruộng vườn, nương rẫy, sơn điền, hoặc được của nhờ nương rẫy, của cải yên ổn, mọi việc có thủy chung.

– *Quẻ cấn khắc quẻ thể* : Là chủ về việc không thuận lợi, việc gì cũng trắc trở, hoặc bị mất mát ruộng vườn, nương rẫy. Hoặc bị người họ có chữ Thổ xâm phạm, phải đề phòng tai họa đối với người đông bắc, hoặc lo lắng phần mộ không yên ổn.

– *Quẻ đoài sinh quẻ thể* : Chủ về việc được của từ phương tây, hoặc có tin mừng, hoặc có nguồn lợi nhờ các hàng thực phẩm, hoặc nhờ người tên họ có chữ Kim, hoặc gặp được người tên họ có chữ Khẩu, hoặc có niềm vui giữa chủ và khách, giữa bạn bè với nhau.

– *Quẻ đoài khắc thể* : Không có lợi về phương tây, dễ bị tranh cãi chia rẽ, hoặc bị người trong tên họ có chữ Khẩu lừa gạt, hoặc gặp tai họa đổ nát, hoặc vì ăn uống mà sinh lo.

3. Phân biệt các quẻ thể, dụng sinh khắc

Trong cuộc sống thường ngày những việc cần đoán rất nhiều và rất phức tạp. Ông Thiệu Khang Tiết đời Tống đã quy nạp thành các quẻ thể, dụng sinh khắc để cho người đời sau tham khảo được thuận tiện. Dưới đây giới thiệu bảng phân biệt đoán các quẻ thể, dụng sinh khắc để học viên tra cứu. Trong đó mục đoán về thời tiết sẽ được thuyết minh cụ thể như sau :

Phàm đoán về thời tiết thì không phân quẻ thể và quẻ dụng mà phải xem toàn quẻ, phán đoán theo ngũ hành. Quẻ ly là chủ về trời sáng, quẻ khảm nhiều chủ về mưa, quẻ khôn chủ về u ám, quẻ cấn chủ về thanh minh. Chấn nhiều thì sấm to, tốn nhiều thì gió mạnh, cấn nhiều thì mưa lâu tất sẽ tạnh, đoài nhiều không mưa cũng âm u. Mùa hạ quẻ ly nhiều mà không có khảm thì hạn nặng; mùa đông quẻ khảm nhiều lẫn với quẻ ly thì mưa tuyết liên miên. Phải tổng hợp quẻ thượng và quẻ hạ của tượng quẻ để xem, chấn có tổn bên trái thì gió xen nhau, mưa lâu được quẻ cấn thì sẽ tạnh; cấn là mây, tổn là gió, nếu gặp cả hai thì mây gió ùn ùn, đất trời bụi mù mịt. Cụ thể hơn thì cần xem các ví dụ thực tế trong chương 5, tiết 6 của sách Chu dịch và dự đoán học của Thiệu Vĩ Hoa.

II. DỰ ĐOÁN THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM CỦA QUÊ

Phạm đã gieo quẻ là muốn dự đoán sự vật tốt hay xấu, hơn nữa càng muốn biết việc tốt xấu đó ứng nghiệm vào khi nào. Bản lĩnh đoán quẻ cao hay thấp không những biết tổng hợp cân bằng quẻ thể, quẻ dụng của quẻ chủ sinh khắc ra sao mà còn phải biết cả quẻ hồ, quẻ biến, đồng thời cũng phải căn cứ quẻ thể có được nguyệt kiến sinh vượng hay không để đoán định cát hung. Ngoài ra còn phải thành thạo nắm vững thời gian ứng nghiệm của quẻ.

Muốn nắm vững thời gian ứng nghiệm của quẻ, phải nắm vững 3 nạt sau : thứ nhất căn cứ ngũ hành của quẻ chủ là sinh thể hay khắc thể để đoán thời gian ứng nghiệm; thứ hai căn cứ ngũ hành được quẻ thể sinh hay quẻ thể khắc để đoán thời gian ứng nghiệm; thứ ba căn cứ vào số của tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm.

1. Căn cứ ngũ hành của quẻ sinh quẻ thể hay khắc quẻ thể để đoán thời gian ứng nghiệm

a) Quẻ có sinh thể là quẻ tốt. Quẻ có sinh thể chủ yếu là quẻ dụng sinh quẻ thể, ngoài ra còn có sau khi hào động biến được quẻ biến tốt, tức là quẻ có cứu. Muốn biết thời gian ứng nghiệm thì phải xác định rõ quẻ nào sinh cho quẻ thể. Ví dụ : quẻ khôn là quẻ dụng, ngũ hành của nó thuộc thổ. Một khi đã lập xong tượng quẻ, nói rõ sự việc cần đoán, sự vượng, suy của quẻ thể, quẻ dụng, quẻ biến đã rõ ràng thì tự khắc sẽ biết được quẻ tốt hay xấu. Nếu việc cần đoán là việc trong thời gian ngắn thì căn cứ ngũ hành của quẻ sinh ra quẻ thể sẽ lâm vượng vào ngày, giờ nào tức là ngày, giờ đó sẽ ứng nghiệm. Nếu việc cần đoán là việc thời gian vừa phải thì phải chờ cho ngũ hành của quẻ sinh quẻ thể lâm vượng vào tháng hay ngày nào thì đó là thời gian ứng nghiệm. Nếu việc cần đoán thuộc thời gian dài thì cách tính cũng như thế.

Vi dụ : quẻ dụng sinh cho quẻ thể là đoài hoặc kim thì phải chờ đến lúc kim vượng của năm hoặc tháng, hoặc ngày, hoặc giờ có thiên can là canh, tân và địa chi là thân, dậu mới ứng nghiệm. Vì phương vị của quẻ cần còn là tuất, hợi, phương tây bắc cho nên cũng có thể phải chờ đến năm, tháng, ngày, giờ tuất, hợi sự việc mới ứng nghiệm.

Nếu quẻ dụng sinh quẻ thể là chấn, tốn thì phải chờ đến lúc mộc vượng, tức là năm, tháng, ngày, giờ có thiên can là giáp, ất và địa chi là dần, mão thì quẻ sẽ ứng. Vì phương vị quẻ tổn là đông nam cho nên còn có thể phải chờ đến năm, tháng, ngày, giờ ứng với thìn thì quẻ mới ứng.

Nếu quẻ dụng sinh quẻ thể là khôn, cần thì phải chờ đến lúc thổ vượng, tức là đến năm, tháng, ngày, giờ có thiên can là mậu, kỷ và địa chi là thìn, tuất, sừu, mùi thì quẻ mới ứng nghiệm.

Nếu quẻ dụng sinh quẻ thể là khảm, thì phải chờ cho đến lúc thủy vượng, tức năm, tháng, ngày, giờ ứng với thiên can : nhâm, quý, và địa chi hợi, tý thì quẻ sẽ ứng nghiệm.

Nếu quẻ dụng sinh quẻ thể là quẻ ly, thì phải chờ đến lúc hỏa vượng tức ứng với năm, tháng, ngày, giờ có thiên can là bính, đinh và địa chi là tỵ, Ngọ thì quẻ mới ứng.

Ví dụ : đoán hợp đồng về buôn bán khi nào thì ký được ? tức là đoán sự việc trong thời gian ngắn. Nếu quẻ dụng sinh quẻ thể là khôn, tức đến ngày, giờ thổ - khôn mới hy vọng đàm phán xong. Ví dụ, ngày đoán quẻ là ngày canh dần, thì ngày thổ vượng gần nhất là ngày nhâm thìn. Ngày nhâm thìn là ngày thời cơ có lợi nên phải nắm chắc thời cơ để thúc đẩy sự việc, nếu không chú ý bỏ qua thời cơ thì sự việc sẽ khó khăn hơn. Nói chung nếu để cho tháng vượng trôi qua thì việc đàm phán, buôn bán khó thành, nếu là việc tìm người thì cũng khó trở về.

b) Quẻ thể bị khắc là quẻ không tốt. Ở đây chủ yếu là quẻ dụng khắc quẻ thể, nhưng ngoài ra còn bao gồm quẻ biến xấu, hoặc là quẻ có khắc mà không có sinh, hoặc không có cứu. Thời gian ứng nghiệm là lúc quẻ dụng khắc quẻ thể đi vào năm, tháng, ngày, giờ vượng tương. Nguyên lý của nó cũng giống như ở trên.

2. Căn cứ ngũ hành của quẻ thể để dự đoán thời gian ứng nghiệm

Cho dù là quẻ tốt hay quẻ xấu đều có mối quan hệ trực tiếp rất mạnh mẽ đến quẻ thể. Trên kia đã bàn đến thời gian ứng nghiệm của loại quẻ sinh thể hay khắc thể. Dưới đây sẽ bàn về thời gian ứng nghiệm của loại quẻ thể sinh dụng hoặc thể khắc dụng.

Thời gian ứng nghiệm của loại quẻ thể sinh dụng hoặc thể khắc dụng là chỉ loại quẻ tốt hay xấu đã được định sẵn. Khi ngũ hành của quẻ thể lâm vào năm, tháng, ngày, giờ vượng tương thì đó là thời gian ứng nghiệm cát hay hung. Ở đây chủ yếu là quẻ thể sinh dụng và thể khắc dụng. Ngoài ra còn bao gồm cát, hung của quẻ biến và quẻ nguyệt kiến có cứu hay không có cứu.

Căn cứ ngũ hành của quẻ thể để xác định thời gian ứng nghiệm về nguyên lý cũng giống như trên, mời độc giả tự đọc kỹ tìm hiểu.

3. Căn cứ số của tượng quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm

Trên kia là chỉ lấy thời điểm vượng của quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm cát, hung. Còn ở đây là muốn nói lấy số của quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm. Có hai loại trường hợp :

a) *Lấy số của quẻ thể cộng với số của quẻ dụng, cộng thêm số hào động để xác định thời gian ứng nghiệm.* Ví dụ đoán người đi xa khi nào trở về thì lấy số quẻ thượng + với số quẻ hạ rồi cộng thêm số hào động để xác định số ngày sẽ trở về. Ví dụ : hào hai động của quẻ lý, quẻ thượng là càn là số 1, quẻ hạ là đoài là số 2, hào động số 2, cộng cả ba số lại là 5, tức trong vòng 5 ngày sẽ trở về.

b) *Lấy số của ba quẻ :* quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến để xác định thời gian ứng nghiệm. Ví dụ đoán : người ốm sống hay chết. Quẻ chủ là quẻ cách, quẻ hỗ là quẻ cấu, quẻ biến là quẻ phong. Quẻ chủ đoài trên là số 2, ly dưới là số 3, quẻ hỗ : càn trên là số 1, tốn dưới là số 5; quẻ biến : chấn trên là 5, ly dưới là 3. Tổng số là 18.

4. Căn cứ vào động, tĩnh của số quẻ để đoán thời gian ứng nghiệm

Phạm đoán thời gian ứng nghiệm của cát hung, nếu theo như đã nói ở trên thì tựa hồ như số đó đã được thiên định, nhưng trong dự đoán thường không phải chính xác như thế, mà số thiên định này phải thông qua sự tính toán biến đổi của con người cho nên thời gian ứng nghiệm mới được chính xác và khiến cho người ta phải kinh ngạc. Do đó một khi đã dự đoán đúng lại thường bị một số người ngoài cho rằng đó là sự ngẫu nhiên, gặp may. Cho nên những người yêu thích Chu dịch cần phải cố gắng gấp bội để nghiên cứu và nắm vững phương pháp dự đoán theo Chu dịch để có kỹ năng đoán quẻ cao siêu, đó cũng là điều thể hiện tính khoa học của chu dịch, đồng thời cũng để giải thích rõ cho những người hay coi thường, biết được vì sao lại có thể tính toán được chính xác, khiến cho họ không còn cách gì bác bỏ được.

Dưới đây căn cứ quy luật phổ biến trong đoán quẻ để giới thiệu như sau : Sau khi đã gieo được quẻ, sơ bộ biết được quẻ tốt hay xấu, đồng thời phải xem thái độ của người cần đoán để xác định thời gian ứng nghiệm nhanh hay chậm.

a) *Nếu người đến đoán quẻ đi lại thì thời gian ứng nghiệm nhanh.* Lấy số của quẻ chia đôi để xác định, tức là lấy tổng số của quẻ chia đôi, đó là số thời gian ứng nghiệm cát, hung. Nếu số của quẻ là 15, chia 2 tức việc sẽ ứng nghiệm trong 7 ngày rưỡi.

b) *Người đến đoán đùng yên, thì thời gian ứng nghiệm nửa nhanh nửa chậm.* Thời gian ứng nghiệm = số quẻ $\pm \frac{1}{2}$ của số quẻ. Ví dụ quẻ tốn, quẻ thượng, số 5, cộng thêm quẻ hạ 5 là 10, một nửa là 5; 5 chia 2 được 2,5, vậy thời gian ứng nghiệm là $10 + 2,5 = 12,5$ ngày. Hoặc $10 - 2,5 = 7,5$ ngày.

c) *Người đến đoán việc nằm thì thời gian ứng nghiệm chậm, nên phải lấy số quẻ gấp đôi lên.* Ví dụ lấy quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến, số của 3 quẻ cộng lại để xác định thời gian ứng nghiệm.

d) *Ứng nghiệm nhanh, chậm của cát, hung.* Gieo quẻ xong, cát, hung đã định sẵn, khi xác định thời gian ứng nghiệm của việc cát, nếu người được đoán động, đi lại, cười nói thì việc cát ứng rất nhanh, nếu người được đoán động nhưng vẻ đau khổ, bứt rứt, việc đoán lại là việc hung thì ứng nghiệm cũng nhanh. Người được đoán không tỏ ra vui mừng hay buồn giận thì phải căn cứ cát, hung của quẻ để xác định thời gian ứng nghiệm.

Đoán thời gian ứng nghiệm, ngoài mấy trường hợp kể trên, trong thực tế nói chung là phức tạp, thậm chí có lúc không thể dựa vào tượng quẻ được, vì vậy phải có kinh nghiệm dày dặn và kỹ thuật điều luyện mới ứng phó được các trường hợp.

Phần hai

PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN THEO SÁU HÀO

Chương 5

BỐN YẾU TỐ ĐỂ THÀNH QUÊ SÁU HÀO

Chu dịch là bộ sách thể hiện sự biến dịch. Sự biến dịch của nó thể hiện ở quẻ biến, mà căn nguyên của nó là hào biến, vì có hào biến mà khí âm, dương sinh ra biến động. Sáu hào của Chu dịch là hệ thống tổ hợp của âm dương, phản ánh sự thịnh, suy, tiêu giảm, tăng trưởng và chuyển hóa của âm dương. Mỗi quẻ của chu dịch có sáu hào, kể từ dưới lên trên ngôi hào được tính là : hào đầu, hào hai, hào ba, hào bốn, hào năm và hào thượng, tất cả có 6 ngôi. Trong 1 quẻ cho dù là quẻ thuần dương, hay thuần âm đều tồn tại sự thịnh, suy của âm, dương thông qua số hào và sự biến dịch của ngôi hào để phản ánh quy luật âm dương, tiêu giảm hay tăng trưởng.

Khi dự đoán theo sáu hào, phải giới thiệu cách biến đổi của sáu hào để nắm vững quy luật biến hóa của nó, như thế sẽ rất nhanh dự đoán được mà không cần dùng đến một công cụ nào khác. Qua việc nắm vững phương pháp biến đổi của sáu hào sẽ còn hiểu được rất nhanh 4 yếu tố cần thiết để thành quẻ, đó là : sự phối hợp giữa các hào thể và hào ứng, sự phối hợp giữa địa chi sáu hào, sự phối hợp lục thân và sự phối hợp lục thân. Đối với những người mới học, nắm vững những cái đó sẽ không cảm thấy khó khăn lắm nữa.

I. CÁCH BIẾN ĐỔI SÁU HÀO VÀ XÁC ĐỊNH HÀO THỂ, HÀO ỨNG

Trong dự đoán theo tượng quẻ, ta đã biết có 8 quẻ kinh. Cứ 2 quẻ kinh chồng lên nhau tạo thành 64 quẻ biệt, 64 quẻ biệt này thuộc 8 quẻ thuần, đó là : càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Những quẻ này theo một quy luật nhất định được sắp xếp thành 8 cung. Muốn nắm vững cách phối xếp tương ứng của 4 yếu tố là ngũ hành, lục thân của sáu hào, hào thể, hào ứng, và lục thân thì cần phải có 1 quá trình làm quen. Ở đây, đầu tiên phải nắm được quẻ vừa lập là quẻ gì (điều này đã được học về tên của tượng quẻ của 64 quẻ thuộc 8 cung). Ví dụ : quẻ thượng là càn, là thiên; quẻ hạ là khôn, là địa, tức quẻ đó là quẻ Thiên địa phủ. Tiếp theo cần nhanh chóng nhìn ra

quẻ Thiên địa phủ ở trong cung nào và nó là quẻ thứ mấy của cung đó. Sau đó phối xếp hào thể, hào ứng và địa chi, ngũ hành của các hào, rồi căn cứ vào phương pháp giới thiệu dưới đây để phối xếp lục thân của cung thuộc quẻ đó và lục thân của ngày dự đoán sự việc. Như vậy là ta đã có thể căn cứ vào sự vượng suy, nhật thin, nguyệt kiến quan hệ với sáu hào để tiến hành dự đoán.

Người mới học, sau khi lập được tượng quẻ không dễ gì thấy ngay được quẻ đó thuộc cung nào. Vì vậy không thể dự đoán theo sáu hào được. Nhà đại dịch học Kinh Phòng đời Hán đã phát minh ra phương pháp biến đổi 8 quẻ, phương pháp đó nói lên rằng, quá trình biến đổi của 8 quẻ là có quy luật. Điều này giúp ích rất nhiều cho sự học tập nắm vững của chúng ta. Dưới đây lấy ví dụ cách biến đổi 8 quẻ của cung càn :



Quẻ 1 2 3 4 5 6 7 8

Đó là 8 quẻ của cung càn. Tức trong cung càn tượng quẻ của 7 quẻ khác là lần lượt từ quẻ càn biến đổi mà ra. Cách biến đổi như sau : âm biến thành dương, dương biến thành âm. Ví dụ : sáu hào của quẻ càn đều là hào dương, khi biến đổi ta đi từ hào dưới lần lượt lên trên. Hào đầu của quẻ càn là hào dương biến thành hào âm, sau khi biến quẻ thượng vẫn là quẻ càn, nhưng quẻ hạ trở thành quẻ tổn là phong. Vì vậy ta được quẻ thiên phong cấu, đó là quẻ thứ hai của cung càn. Hào hai của quẻ cấu lại biến từ hào dương thành hào âm, tức quẻ hạ tổn biến thành cần là sơn, ta được quẻ thiên độn. Đó là quẻ thứ 3 của cung càn. Hào thứ ba của quẻ độn từ dương biến thành âm, như vậy quẻ hạ thành quẻ khôn là địa, quẻ thượng vẫn càn là thiên, ta được quẻ thiên địa phủ, tức quẻ thứ 4 của cung càn. Hào thứ 4 của quẻ phủ từ dương biến thành âm, làm cho quẻ thượng là càn biến thành quẻ tổn là gió, còn quẻ hạ vẫn khôn là địa, ta được quẻ Phong địa quan, là quẻ thứ 5 của cung càn. Hào 5 của quẻ quan từ dương biến thành âm làm cho quẻ thượng biến thành quẻ cần là sơn, quẻ hạ vẫn khôn là địa, ta được quẻ Sơn địa bác, tức quẻ thứ 6 của cung càn. Đến đây không tiếp tục biến đổi hào từ dưới lên trên nữa mà phải quay biến trở về, tức biến hào thứ 4 của quẻ bác từ âm trở về dương làm cho quẻ thượng thành quẻ ly là hỏa, quẻ hạ vẫn khôn là địa, ta được quẻ hỏa địa tấn, tức quẻ thứ 7 của cung càn. Quẻ cuối cùng của cung càn là quẻ 8, là biến đổi cả ba hào của quẻ hạ từ âm biến thành dương, tức trở thành quẻ càn là thiên, quẻ thượng vẫn là quẻ ly là hỏa. Ta được quẻ hỏa thiên đại hữu. Đến đây 8 quẻ của cung càn đã đầy đủ. Quy luật biến đổi của những cung còn lại cũng lần lượt như thế.

Cách biến đổi 8 cung đều có một quy luật chung là đầu tiên biến đổi hào đầu dương thành âm, âm thành dương. Mỗi lần biến đổi như thế thì quẻ hạ sẽ thành 1 quẻ mới. Cứ thế tiếp tục biến đến hào thứ 5 thì ngừng, quẻ thứ 7 bắt đầu từ trên biến đổi xuống, tức biến đổi hào thứ 4 thì sẽ được quẻ thứ 7. Quẻ đó là quẻ du hồn. Quẻ thứ 8 là biến đổi toàn bộ ba hào của quẻ hạ của quẻ thứ 7, còn có tên là quẻ quy hồn, tức có nghĩa là hoàn nguyên về quẻ hạ của quẻ thứ nhất của cung.



Từ cách biến đổi của 8 cung trên, ta sẽ được 56 quẻ còn lại của 8 cung. Những người mới học rất khó nhanh chóng nhận ra ngay 56 quẻ đó, mỗi quẻ ở cung nào và là quẻ thứ mấy, vì vậy không có cách gì sắp xếp được hào thế, hào ứng (đặc biệt khi quẻ chủ có hào động, thì khi đổi thành quẻ biến rất khó khăn, vì vậy lục thân của quẻ biến được xác định theo lục thân của quẻ chủ, chứ không phải là lấy lục thân của quẻ biến vốn thuộc cung nào. Về điều này phía dưới sẽ còn cử ví dụ để nói rõ thêm).

Để giúp mọi người giải quyết vấn đề này, tôi xin giới thiệu cho độc giả phương pháp phân biến.

Phép phân biến là lấy quẻ vừa lập được, căn cứ phương pháp biến đổi vừa nói ở trên để hoàn nguyên nó về quẻ đầu của cung, tức được thuận, từ đó không những biết được quẻ đó thuộc cung nào mà còn biết được nó là quẻ thứ mấy của cung. Đồng thời có thể suy ra hào thế, hào ứng là hào thứ mấy của quẻ. Ví dụ muốn biết quẻ thiên phong cấu ở cung nào, đầu tiên ta bắt đầu từ dưới lên trên, đem hào đầu là hào âm biến thành hào dương, như vậy quẻ hạ của nó từ quẻ tổn biến thành quẻ cần. Đối chiếu với quẻ thượng trên dưới như nhau, tức biết được quẻ thiên phong cấu thuộc cung cần. Bởi vì mới biến 1 lần nó đã trở về quẻ đầu của cung, nên quẻ thiên phong cấu là quẻ thứ 2.

Vị trí hào thế của 8 quẻ trong cung có một quy luật tuần hoàn nhất định. Hào thế quẻ thứ nhất ở hào thượng, hào thế quẻ thứ hai ở hào đầu, hào thế quẻ thứ ba ở hào 2,... hào thế quẻ thứ 7 tức quẻ du hồn ở hào 4, hào thế quẻ thứ 8 là hào 3 (vị trí của hào thế theo thứ tự của các quẻ là : hào thượng, hào đầu, hào 2, hào 3, hào 4, hào 5, hào 4, hào 3). Do đó khi biết được quẻ đó là quẻ thứ mấy ở trong cung thì cũng lập tức xác định được vị trí hào thế. Cách hào thế 2 ngời là hào ứng.

Phép phân biến không những là cơ sở để phối xếp ngũ hành, lục thân, lục thân của 6 hào mà còn là căn cứ hào biến đổi cuối cùng để xác định hào thế, hào ứng. Dưới đây lấy phép biến đổi 7 quẻ của cung cần để nói rõ phép phân biến.

Các bước phân biến quẻ Thiên sơn độn  như sau : biến đổi hào đầu thành  quẻ hạ và quẻ thượng khác nhau, lại biến đổi hào hai

thành . Như vậy qua hai lần phản biến, quẻ thượng và quẻ hạ đã giống nhau và hoàn nguyên về quẻ gốc của cung càn, do đó ta biết được : quẻ thiên sơn độn là quẻ thứ ba của cung càn, hào thể là hào 2.


Các bước phản biến của quẻ Thiên địa phủ như sau : biến hào đầu thành , biến hào hai thành , biến hào 3 thành . Khi biến đổi 3 lần thì quẻ thượng và quẻ hạ giống nhau, tức biết được quẻ thiên địa phủ là quẻ thứ 4 của cung càn, hào thể ở hào 3.

Các bước phản biến quẻ Phong địa quan như sau : biến hào đầu thành , biến hào hai thành , biến hào 3 thành , sau khi biến quẻ hạ vẫn chưa giống quẻ thượng chứng tỏ quẻ này nằm sau quẻ thứ 5. Lại dùng cách phản biến quẻ thượng để đối chiếu với quẻ hạ, tức biến hào 4 thành . Lúc đó mới hoàn nguyên về quẻ thượng và quẻ hạ giống nhau, tức quẻ càn của cung càn. Qua đó ta biết được, quẻ Phong địa quan là quẻ thứ 5 của cung càn, hào thể ở hào 4.

Các bước phản biến của quẻ Sơn địa bác như sau : biến hào đầu thành , biến hào 2 thành , biến hào 3 thành , biến hào 4 thành , biến hào 5 thành . Phản biến đến đây đã là 5 lần, quẻ hoàn nguyên về quẻ càn của cung gốc. Qua đó biết được quẻ Sơn địa bác là quẻ thứ 6 của cung càn, hào thể ở hào 5.

Các bước phản biến quẻ Hỏa địa tấn như sau : hào đầu biến thành , biến hào 2 thành , biến hào 3 thành , biến hào 4 thành , biến hào 5 thành . Biến đến đây quẻ thượng và quẻ hạ vẫn còn khác nhau, vì vậy phải biến trở lại, tức biến hào 4 thành . Đến đây đã hoàn nguyên thành quẻ càn của cung gốc. Qua đó biết được hỏa địa tấn là quẻ du hỗn (tức là quẻ thứ 7), hào thể là hào 4.






Các bước phản biến quẻ Hỏa thiên đại hữu như sau : biến hào đầu thành , biến hào hai thành , biến hào 3 thành , biến hào 4 thành , biến hào 5 thành . Rồi quay trở lại biến hào 4 thành . Qua 6 lần biến vẫn chưa hoàn nguyên. Lại lấy quẻ hạ làm chuẩn, đồng thời biến cả 3

hào thành . Đến đây đã hoàn nguyên thành quẻ cần là quẻ đầu của cung gốc. Quẻ này là quẻ thứ 8, tức quẻ quý hỗn. Hào thế là hào 3.

Qua đó ta thấy rõ thứ tự của phép phản biến là từ hào đầu đến hào hai, hào 3, hào 4, hào 5, hào 4, quẻ hạ biến toàn bộ thì nó sẽ hoàn nguyên quẻ đầu. Nếu không sẽ rất khó phối xếp hào thế, hào ứng.

Phép phản biến của 7 cung khác cũng tương tự. Để thuận tiện cho độc giả, chúng tôi xin giới thiệu cách biến đổi 8 cung như dưới đây : (xem trang : 427 - 429).

Trong vận dụng thực tế, muốn phản biến được chính xác thì phải chú ý phản biến tuần tự, nếu không sẽ rất dễ lẫn lộn.

Ví dụ : quẻ thứ 7 của cung Đoài, phía trước nó là các quẻ : Trạch thủy khôn , trạch địa tụy , trạch sơn hàm , chỉ cần đối chiếu quẻ thượng với quẻ hạ hào cuối cùng sau khi biến đổi để quẻ hạ giống quẻ thượng, tức là hào đó là hào thế của quẻ. Từ sau quẻ thủy sơn kiến, cả 3 hào của quẻ hạ sau khi biến đổi vẫn chưa giống quẻ thượng, ta tiếp tục biến đổi đồng thời 3 hào của quẻ hạ để quẻ thượng của quẻ thủy sơn kiến là khảm, quẻ hạ từ cần biến thành đoài, lấy quẻ thượng khảm so sánh với quẻ hạ đoài ta thấy chỉ cần biến đổi hào 4 quẻ thượng là sẽ được hai quẻ giống nhau, do đó biết được quẻ kiến là quẻ thuộc cung đoài, hào 4 tri thế. Quẻ sơn địa khiêm  quẻ thượng khôn, quẻ hạ từ cần biến thành đoài, đối chiếu quẻ hạ và quẻ thượng, sau khi đã biến đổi hào 4, tiếp tục biến đổi hào 5 ta sẽ được hai quẻ thượng, hạ giống nhau, tức biết được quẻ thuộc cung đoài, hào 5 tri thế. Quẻ Lôi sơn tiểu quá sau khi theo cách biến đổi trên hai quẻ thượng hạ vẫn khác nhau : quẻ hạ từ cần biến thành đoài, quẻ thượng hào 4, hào 5 sau khi biến là khảm. Nhưng có thể đem quẻ thượng khảm du về 1 ngôi ở phía dưới, biến quẻ hạ giống với quẻ thượng, tức là quẻ du hỗn của cung đoài, hào 4 tri thế. Quẻ Lôi trạch quy muội , sau khi biến đổi theo cách trên, quẻ hạ biến thành đoài, vừa đúng ngược với hào âm dương của quẻ cần, qua đó ta biết được đó là quẻ quý hỗn. Biến đổi toàn bộ 3 hào của quẻ cần sẽ trở về hoàn nguyên, tức quẻ quy muội là quẻ thuộc cung đoài, hào 3 tri thế.

Phép phản biến vừa giới thiệu ở trên là rất cần thiết, nhưng nếu ngay một lúc chưa hiểu lắm hoặc chưa nắm vững thì cũng không hề gì, có thể luyện tập dần trong thực tiễn là được. Vì ngày nay đã có bộ thể dự toán theo 6 hào do thầy Thiệu Vi Hoa phát minh, dùng rất thuận tiện, cho nên không cần phải nhớ nữa.

CÁCH PHÂN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG CÀN

Thiên phong cầu		(hào đầu trì thế)
Thiên sơn độn		(hào hai trì thế)
Thiên địa phủ		(hào ba trì thế)
Phong địa quan		(hào bốn trì thế)
Sơn địa bóc		(hào năm trì thế)
Hỏa địa tấn		(hào bốn trì thế)
Hỏa thiên đại hữu		(hào ba trì thế)

CÁCH PHÂN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG ĐOÀI

Trạch thủy khốn		(hào đầu trì thế)
Trạch địa tụy		(hào hai trì thế)
Trạch sơn hàm		(hào ba trì thế)
Thủy sơn kiến		(hào bốn trì thế)
Địa sơn khiêm		(hào năm trì thế)
Lôi sơn tiểu quá		(hào bốn trì thế)
Lôi trạch qui muội		(hào ba trì thế)

CÁCH PHÂN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG LY

Hỏa sơn lữ		(hào đầu trì thế)
Hỏa phong đỉnh		(hào hai trì thế)
Thủy hỏa vị tề		(hào ba trì thế)

Sơn thủy mông		(hào bốn tri thể)
Phong thủy hoán		(hào năm tri thể)
Thiên thủy tụng		(hào bốn tri thể)
Thiên hỏa đồng nhân		(hào ba tri thể)

CÁCH PHẢN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG CHẤN

Lôi địa dự		(hào đầu tri thể)
Lôi thủy giải		(hào hai tri thể)
Lôi phong hằng		(hào ba tri thể)
Địa phong thăng		(hào bốn tri thể)
Thủy phong tinh		(hào năm tri thể)
Trạch phong đại quá		(hào bốn tri thể)
Trạch lôi tùy		(hào ba tri thể)

CÁCH PHẢN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG TỐN

Phong thiên tiểu súc		(hào đầu tri thể)
Phong hỏa gia nhân		(hào hai tri thể)
Phong lôi ích		(hào ba tri thể)
Thiên lôi vô vọng		(hào bốn tri thể)
Hỏa lôi phệ hạp		(hào năm tri thể)
Sơn lôi di		(hào bốn tri thể)
Sơn phong cổ		(hào ba tri thể)

CÁCH PHẢN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG KHẨM





Thủy trạch tiết		(hào đầu trì thế)
Thủy lôi truân		(hào hai trì thế)
Thủy hỏa ký tể		(hào ba trì thế)
Trạch hỏa cách		(hào bốn trì thế)
Lôi hỏa phong		(hào năm trì thế)
Địa hỏa minh di		(hào bốn trì thế)
Địa thủy sư		(hào ba trì thế)

CÁCH PHẢN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG CẤN

Sơn hỏa bôn		(hào đầu trì thế)
Sơn thiên đại súc		(hào hai trì thế)
Sơn trạch tồn		(hào ba trì thế)
Hỏa trạch khuê		(hào bốn trì thế)
Thiên trạch lý		(hào năm trì thế)
Phong trạch trung phù		(hào bốn trì thế)
Phong sơn tiệm		(hào ba trì thế)

CÁCH PHẢN BIẾN 7 QUÊ CỦA CUNG KHÔN

Địa lôi phục		(hào đầu trì thế)
Địa trạch lâm		(hào hai trì thế)
Địa thiên thái		(hào ba trì thế)

Lôi thiên địa tráng		(hào bốn tri thể)
Trạch thiên quái		(hào năm tri thể)
Thủy thiên nhu		(hào bốn tri thể)
Thủy địa tỉ		(hào ba tri thể)

II. PHÉP GIEO QUÊ THEO 6 HÀO

1. Phép gieo quẻ

Gieo quẻ là dùng 3 đồng tiền cổ (tiền Càn Long thông báo càng tốt) chia làm 6 lần, gieo được 6 hào. Sau đó qua sinh khắc vượng suy, dụng thần để dự đoán cát hung.

Khi lắc quẻ, đầu tiên đặt 3 đồng tiền nằm phẳng trong lòng bàn tay, sau đó úp hai bàn tay lại để yên độ 1 phút, chờ cho từ trường của đồng tiền và từ trường của người thông lẫn nhau. Mọi việc cần đoán trên đời đều tác động đến lòng mình, lòng mình rung động thì phát ra tin tức. Cho nên, người gieo quẻ trong đầu chỉ được nghĩ đến việc cần đoán thì đồng tiền mới phản hồi tin tức đó được chính xác, chân thực và phản ánh ra sự sắp xếp âm dương. Mỗi lần lắc đồng tiền được kết quả như thế nào thì ghi từ dưới lên trên, mỗi lần là 1 tượng hào. Tất cả gieo 6 lần thì thành quẻ.

Phương pháp gieo đồng tiền ghi như sau :

Mặt có chữ là mặt ngựa, mặt không có chữ là mặt sấp. Trong 3 đồng chỉ có một đồng sấp thì ghi dấu chấm (.), gọi là dương có hai đồng sấp ghi hai dấu chấm (..), gọi là âm; có 3 đồng sấp ghi vòng tròn O. 3 đồng đều là ngựa ghi dấu nhân (x).

- Dấu O (3 đồng sấp) gọi là lão dương, dương cực thì biến âm; dấu (x) gọi là lão âm, âm cực sẽ biến dương. Hào có O gọi là hào dương động; hào có x gọi là hào âm động. Động thì tất biến, dương động biến thành âm, ngược lại âm động biến thành dương. Do đó hào động O trong quẻ gốc sẽ từ hào dương biến thành hào âm của quẻ biến; hào động x trong quẻ gốc là âm sẽ biến thành hào dương trong quẻ biến. Sáu hào trong quẻ có thể chỉ có 1 hào động, hoặc 2 hào động..., thậm chí cả 6 hào đều động. Sáu hào không động thì không biến, lúc đó gọi là quẻ tĩnh. Cho nên nói quẻ gốc có hào động thì mới có quẻ biến, trường hợp quẻ gốc là quẻ tĩnh thì không có quẻ biến.

Dưới đây lác 1 quẻ làm ví dụ. Khi ghi, điều đầu tiên phải chú ý là ghi từ hào đầu lần lượt lên đến hào 6. Ví dụ quẻ Trạch lôi tùy, quẻ hạ là chấn, quẻ thượng là đoài, lần lượt các hào như sau :

Ngôi hào	Gieo được	Đánh dấu	Âm, dương	Cách biến	Quẻ biến
Hào thượng	3 sấp	X	hào âm	âm động biến thành dương	.
Hào 5	1 sấp	.	hào dương	không động	..
Hào 4	3 sấp	○	hào dương	dương động biến âm	..
Hào 3	2 sấp	..	hào âm	không động	..
Hào 2	2 sấp	..	hào âm	không động	..
Hào đầu	3 sấp	○	hào dương	dương động biến âm	..

Khi lập quẻ :

Ngôi hào	Quẻ chủ (Tùy)	Quẻ biến (Quan)	
Hào thượng	Trạch lôi tùy	động	
Hào 5		Phong địa quan	
Hào 4			động
Hào 3			
Hào 2			
Hào đầu			động

2. Phương pháp lập quẻ đặc biệt cho cả cuộc đời

Lấy năm, tháng, giờ sinh để lập quẻ cho cả cuộc đời, đó là nhà dự đoán học nổi tiếng. Thiệu Vi Hoa ngày nay căn cứ theo nguyên lý lập quẻ theo năm, tháng, ngày, giờ sinh của Thiệu Khang Tiết đời Tống. Cách lập quẻ này đã trải qua kiểm nghiệm rất nhiều trong thực tế và tổng kết thành kinh nghiệm quý báu. Số của 4 ngôi năm, tháng, ngày, giờ sinh chứa đựng thời gian, không gian và phương vị của lúc sinh, nhưng đồng thời cũng chứa đựng toàn bộ tin tức về vận khí của cả đời người. Do đó lập quẻ theo giờ sinh là một phương pháp xác định vận khí cuộc đời rất có căn cứ lý luận. Phương pháp này của Thiệu Vi Hoa đã bổ sung chỗ trống cho cách dự đoán vận khí cuộc đời theo bát quái của Trung Quốc. Đối với những người không biết dự đoán theo phương pháp tứ trụ thì có thể dùng phương pháp lập quẻ này để dự đoán cho cả cuộc đời.

Cách lập quẻ theo ngày giờ sinh như sau :

Lấy số can của năm cộng thêm số tháng, số ngày (theo âm lịch) chia cho 8, số dư là số quẻ thượng; lấy số quẻ thượng cộng thêm số giờ, đem tổng số chia 8, số dư là số quẻ hạ. Lấy tổng số này chia 6, số dư là số hào động.

Chỗ đặc biệt của cách lập quẻ này so với cách gieo quẻ bình thường là ở chỗ : dùng số can của năm chứ không dùng số chi của năm. Ngoài ra, trong dự đoán theo 6 hào đã giới thiệu cách lập quẻ này là để tiện cho việc lấy lục thân và chọn dụng thần trong khi đoán. Nếu muốn biết ở năm nào có tin mừng, hoặc có công danh thì có thể lấy hào phụ mẫu làm dụng thần để đoán biết. Muốn biết năm nào lấy vợ thì lấy hào thê tài làm dụng thần để đoán (nữ lấy chồng thì phải lấy hào quan quý để đoán hôn nhân). Muốn biết khi nào thăng quan tiến chức hoặc có con cái đều có thể chọn lục thân tương ứng làm dụng thần để đoán. Ngược lại, năm nào bị bãi chức hoặc kiếp tài, hoặc có tin buồn về cha mẹ đều có thấy rõ trong quẻ đó.

Dưới đây lấy ví dụ đoán vận khí cuộc đời như thế nào.

Sinh giờ thìn ngày 26 tháng 12 (âm lịch) năm 1940.

Tức : giờ Nhâm thìn, ngày Tân mùi, tháng Kỷ Sửu, năm Canh thìn

Quẻ thượng : $7 + 12 + 26 = 45$; $45 : 8 = 5$ dư 5

Quẻ hạ : $45 + 5 = 50$; $50 : 8 = 6$ dư 2

Hào động : $50 : 6 = 8$ dư 2.

Quẻ thượng của quẻ chủ là tổn là phong, quẻ hạ số 2 là quái là trạch. Quẻ thượng của quẻ biến là quẻ phong, quẻ hạ là Lôi, là quẻ Ích của quẻ Trung phù.

Quẻ chủ : Phong trạch trung phù

Quẻ biến : Phong lôi ích

Quan quý mào mộc -

Quan quý mào mộc -

Phụ mẫu ty hỏa -

Phụ mẫu ty hỏa -

Huynh đệ mùi thổ (thế) - -

Huynh đệ mùi thổ - -

Huynh đệ Sửu thổ - -

Huynh đệ thìn thổ - -

Quan quý mào mộc, động -

Quan quý dần mộc - -

Phụ mẫu ty hỏa (ứng) -

Thê tài tý thủy - -

Quẻ này rõ nhất là hào huynh đệ tri thế, lâm nguyệt kiến nhật thìn, quẻ vượng thân vượng, hào phụ mẫu hai lần xuất hiện sinh thế, hơn nữa lại có 1 hào phụ mẫu ở ngôi 5 là ngôi vua. "Ngôi 5 sinh thế thì đường thanh vân bằng phẳng". Phụ mẫu chủ về việc văn thư, là tượng người nổi tiếng đương thời. Nhưng về hôn nhân thì không thuận : Huynh đệ vượng mà tri thế, lại xuất hiện nhiều lần, nhiều anh em thì kiếp tài (của cải khó khăn) lại không có tử tôn sinh tài, hào thê tài không có trên quẻ thượng tức là vô tài vô thê, nếu có vợ thì cũng là tượng khó giữ. Những việc cụ thể khác trong cuộc đời qua tính toán về hình xung, khắc hại và sinh khắc, chế hóa đều có

thể đoán ra được. Muốn biết rõ hơn xin xem ở sách (Chu dịch và dự đoán học), tiết 1 Chương 5.

III. CÁCH PHỐI XẾP ĐỊA CHỈ CỦA 6 HÀO

1. Giới thiệu tóm tắt phương pháp nạp giáp

Ở đầu tiết này chúng ta hãy tìm hiểu sơ bộ về phương pháp nạp giáp (Nạp Giáp) tức là đưa 10 thiên can theo một quy luật nhất định nạp vào bát quái. Giáp nhâm nạp vào quẻ càn; ất quý nạp vào quẻ khôn; bính nạp vào quẻ cấn; đinh vào quẻ đoài; mậu vào quẻ khảm; kỷ vào quẻ ly, canh vào quẻ chấn; tân vào quẻ tốn. Vì giáp là đầu của thập can cho nên lấy tên giáp thay cho 10 can và gọi là nạp giáp. Nguyên lý nạp giáp bắt nguồn từ hệ từ. Chiêm phệ ở thời Xuân Thu (tức là cách đoán quẻ) chủ yếu là dùng hào quẻ, hào từ của 64 quẻ trong Chu dịch và dùng tượng quẻ để dự đoán cát hung. Phép nạp giáp là do nhà dịch học Kinh Phòng thời Tây Hán sáng tạo ra. Ông đã đưa ngũ hành vào trong quẻ, lấy bát quái chia thành 8 cung, mỗi cung 1 quẻ thuần và 7 quẻ biến, tức là lần lượt lấy 8 quẻ đơn chồng lên nhau để tạo thành 8 quẻ xếp vào 1 cung. Tất cả tạo thành 8 loại quẻ - (8 cung). Sau đó phối hợp với 6 hào và hào thế, hào ứng để tiến hành đoán quẻ. Phép nạp giáp đối với thuộc tính của sự vật và mối tương quan của chúng ở trong quẻ đoán so với cách dùng mai rùa lập quẻ thời cổ đại và thời Xuân Thu thì nội dung đã được chi tiết và cụ thể hơn nhiều. Tính linh hoạt rất rộng rãi và các căn cứ tin cậy hơn. Cho nên phép nạp giáp mới có thể phát triển liên tục trở thành cơ sở cho sự dự đoán ngày nay. Ngày nay lấy phương pháp gieo quẻ theo đồng tiền thay phương pháp cổ thi là như thế.

Nhưng nếu chỉ đem 10 thiên can nạp vào bát quái thì chưa thể tiến hành dự đoán được, mà còn phải cho mỗi hào của mỗi quẻ trong 64 quẻ ghép với địa chỉ. Trong dự đoán lấy địa chỉ ngũ hành làm chính để suy đoán, nên phép nạp giáp trên thực tế đã bị phép nạp chi thay thế và gọi chung lại là cách dự đoán theo 6 hào. Cho nên để tránh cho độc giả khỏi đi sâu vào mất thì giờ ở đây chỉ giới thiệu về phép nạp giáp như thế.

2. Nạp địa chỉ cho bát quái

Ở tiết trước ta đã tìm hiểu thông qua tượng quẻ để tìm ra quẻ đó ở cung nào và cách phối với lục thân ra sao, đồng thời cũng đã đặt cơ sở cho việc phối địa chỉ vào 6 hào. Dưới đây chúng ta sẽ nạp địa chỉ cho 64 quẻ.

Trước khi nạp địa chỉ cho 64 quẻ, cần phải biết cách nạp địa chỉ cho 8 quẻ thuần (càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài). Nắm được kỹ xảo nạp địa chỉ cho 8 quẻ thuần thì ta sẽ rất dễ dàng nạp địa chỉ cho 56 quẻ còn lại.

Tám quẻ thuần là dựa theo 4 cung dương và 4 cung âm của bát quái Văn Vương. Bốn cung dương là : can, khâm, cần, chấn, nó được phối hợp với các chi dương của 12 địa chi. Bốn cung âm : tốn, ly, khôn, đoài, các hào của nó được phối hợp các chi âm của 12 địa chi.

Nạp địa chi cho 6 hào của 8 quẻ thuần là bắt đầu từ hào đầu tức từ dưới lên trên đến hào 6. Cách phối xếp các hào của các quẻ trong 4 cung dương là dựa theo hình 12 địa chi trên bàn tay, sắp xếp cách ngôi, chi dương thuận theo chiều kim đồng hồ, phối từ dưới lên trên, cụ thể như sau :

Quẻ Cần	{ Tuất — Thân — Ngọ — Khâm Thìn — Dần — Tý —	{ Tý — Tuất — Thân — Cần Ngọ — Thìn — Dần —	{ Dần — Tý — Tuất — Chấn Thân — Ngọ — Thìn —	{ Tuất — Thân — Ngọ — Thìn — Dần — Tý —
------------	--	---	--	---

Cách phối xếp hào quẻ của 4 cung âm là theo 12 địa chi trên hình bàn tay, cách ngôi, ngược chiều kim đồng hồ, từ dưới lên trên. Cụ thể như sau :

Quẻ Tốn	{ Mão — Ty — Mùi — Ly Dậu — Hợi — Sửu —	{ Ty — Mùi — Dậu — Khôn Hợi — Sửu — Mão —	{ Dậu — Hợi — Sửu — Đoài Mão — Ty — Mùi —	{ Mùi — Dậu — Hợi — Sửu — Mão — Ty —
------------	---	---	---	--

Qua cách sắp xếp trên ta thấy rõ, trừ quẻ cần và quẻ chấn địa chi giống nhau ra, còn sáu quẻ thuần khác địa chi nạp khác nhau. Nhưng chỉ cần biết 8 quẻ thuần đều là quẻ lục xung, tức quẻ thượng và quẻ hạ, hào đầu và hào 4, hào 2 và hào 5, hào 3 và hào 6 địa chi đều xung nhau thì sẽ dễ dàng nhớ được địa chi của các hào. Dưới đây sẽ liệt kê các quẻ thượng và quẻ hạ :

Cần	{ Ngọ Tý	Khâm	{ Thân Dần	Cần	{ Tuất Thìn	Chấn	{ Ngọ Tý
Tốn	{ Mùi Sửu	Ly	{ Dậu Mão	Khôn	{ Sửu Mùi	Đoài	{ Hợi Tý

3. Nạp địa chi cho 56 quẻ còn lại

Việc nạp địa chi cho 6 hào của 8 quẻ thuần là cố định, 56 quẻ còn lại thì căn cứ quẻ thượng và quẻ hạ của 8 quẻ thuần cứ 2 cái chống lên nhau

mà thành, cho nên khi nạp địa chi ngũ hành của 56 quẻ còn lại là dựa nguyên tắc địa chi của quẻ thượng thì dùng cho quẻ thượng, quẻ hạ thì dùng cho quẻ hạ. Vì vậy việc nạp địa chi cho 56 quẻ còn lại là dựa theo nguyên tắc đã giới thiệu ở 8 quẻ thuần trên.

Vi dụ : Địa chi của quẻ Thiên phong cấu :

Thiên phong cấu	{	Tuất	}	(Nạp địa chi quẻ thượng của quẻ Càn)
		Thân		
		Ngọ		
	{	Dậu	}	(Địa chi quẻ hạ của quẻ Tốn)
		Hợi		
		Sửu		

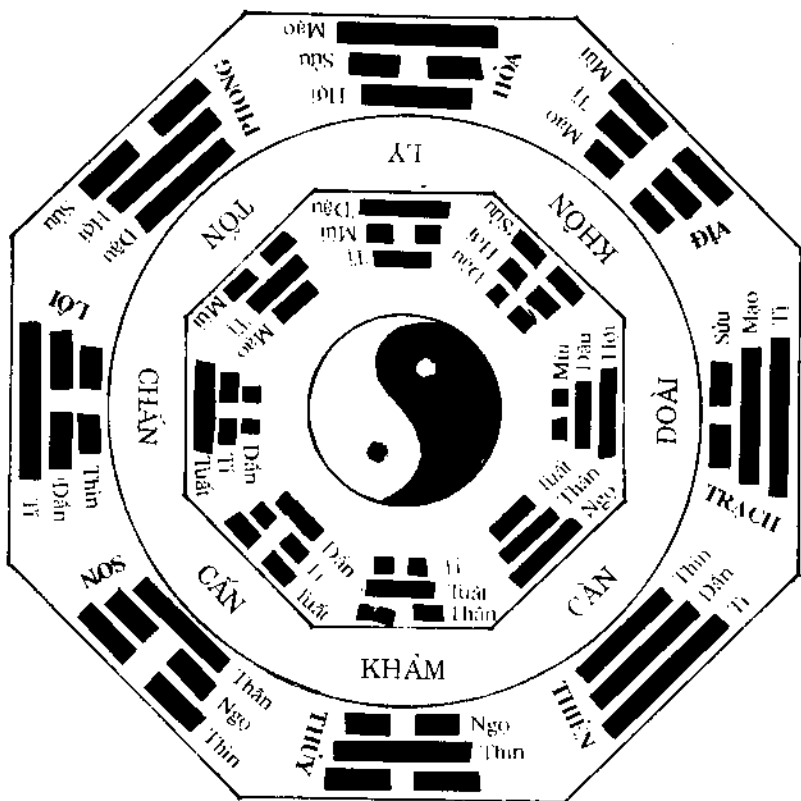
Vi dụ : Địa chi của quẻ Hỏa thiên đại hữu :

Hỏa thiên đại hữu	{	Ty	}	(địa chi quẻ thượng của quẻ Ly)
		Mùi		
		Dậu		
	{	Thìn	}	(địa chi quẻ hạ quẻ Càn)
		Dần		
		Tý		

4. Bàn quay nạp địa chi cho 6 hào và cách nhớ

Vì những người mới học không dễ mà nhớ được địa chi của quẻ thượng và quẻ hạ, cho nên chúng tôi giới thiệu bàn quay nạp địa chi cho 6 hào để mọi người tham khảo. Phần trên và phần dưới của bàn này, mỗi phần có 8 quẻ kinh đã được nạp địa chi. Khi quay nửa bàn ngoài để cho hai quẻ chồng lên nhau thì ta sẽ được 1 quẻ mới trong đó sáu hào của quẻ đã có đầy đủ địa chi. Ví dụ : muốn tra địa chi của quẻ Thiên sơn độn, đầu tiên ta quay quẻ cấu của bàn ngoài (quẻ hạ) trùng với quẻ càn của bàn trong là quẻ thượng, như vậy ta sẽ được quẻ Thiên sơn độn, có hào đầu là thìn thổ, hào hai là ngọ hỏa, hào ba thân kim, hào bốn ngọ hỏa, hào năm thân kim, hào thượng tuất thổ. Trong ứng dụng thực tế, căn cứ vào tượng quẻ gieo được để quay bàn này, rất nhanh, ta sẽ được quẻ đã có sẵn địa chi của 6 hào mà không cần phải nhớ.

Còn về lục thân, vì 64 quẻ thay đổi khác nhau nên bàn quay này không thể biểu thị được, mà phải căn cứ vào 8 cung để xác định.



Bàn quay nạp địa chi sáu hào.

Lúc bắt đầu viết sách này, điều mong muốn lớn nhất của tôi là để độc giả sau khi đọc, trên cơ sở nắm được tượng quẻ và cách dự đoán của 6 hào, từ đó dùng hình bàn tay để nhớ, tức sau khi gieo quẻ, nhìn vào hình bàn tay là có thể dự đoán được.

Cách nạp chi sáu hào của 4 cung dương là thuận chiều kim đồng hồ và cách ngôi. Vì các chi được nạp đều là chi dương cho nên khi vận dụng phải nhảy qua chi âm. Hào đầu của 4 quẻ dương có các hào đối xung là hào 4, ví dụ hào đầu của quẻ càn, quẻ chấn đều là tý thủy, hào đối xung là ngọ hỏa. Vì vậy cho dù quẻ được tổ hợp như thế nào, khi quẻ càn hoặc quẻ chấn là quẻ hạ thì hào đầu đều bắt đầu từ tý, hào 12 là dần, hào 3 thìn. Hào 4 của quẻ thượng là ngọ, hào 5 - thân, hào 6 - tuất. Quẻ hạ của quẻ khảm là : dần, thìn, ngọ, quẻ thượng là thân, tuất, tý. Quẻ hạ là quẻ cần là thìn, ngọ, thân, quẻ thượng là tuất, tý, dần. Khi nhớ chỉ cần nhớ được hào đầu là có thể căn cứ hình bàn tay để tính ra được.

Sáu hào của 4 cung âm cách nạp chi là ngược chiều kim đồng hồ, cách ngôi. Vì các chi được nạp đều là chi âm, cho nên khi tính phải vượt qua chi dương. Hào đầu của 4 quẻ âm đối xứng với hào thứ 4. Ví dụ : hào đầu quẻ tốn là sừ thổ, hào đối xứng là mùi thổ. Quẻ hạ của quẻ tốn là sừ, hợi, dậu; quẻ thượng là mùi, ty, mao. Quẻ hạ của quẻ ly là mao, sừ, hợi; quẻ thượng là dậu, mùi, ty. Quẻ hạ của quẻ đoài là ty, mao, sừ; quẻ thượng là hợi, dậu, mùi. Quẻ hạ của quẻ khôn là mùi, ty, mao; quẻ thượng là sừ, hợi, dậu.

Sau khi nắm vững yếu lĩnh thì không cần học thuộc mà hoàn toàn có thể tính được trên lòng bàn tay.

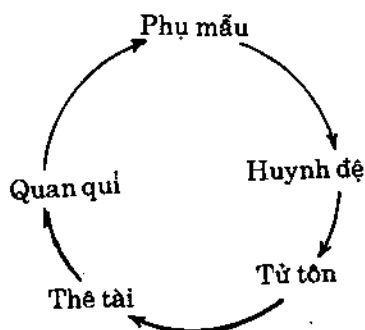
IV. CÁCH PHỐI XẾP LỤC THÂN

Hai tiết trước đã đặt cơ sở cho việc phối xếp lục thân ở tiết này. Ở đây ta hãy làm quen với lục thân của sáu hào là : phụ mẫu, tử tôn, thê tài, huynh đệ và quan quý cụ thể là gì ?

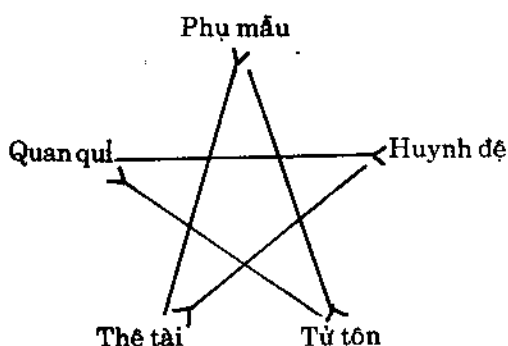
Trong dự đoán, lục thân của 6 hào chủ yếu có tác dụng để chọn dụng thần. Thông qua lục thân để xác định dụng thần, sau đó kết hợp với quy tắc sinh khắc, chế hóa của nhật thìn, nguyệt kiến, hào thế và hào ứng, hào động để đoán ra cát, hung của quẻ.

Lục thân tức là phụ mẫu, huynh đệ, quan quý, thê tài, tử tôn. Sự xuất hiện nhiều hay ít của nó trong 6 hào và cùng với địa chi của 6 hào có một vai trò rất quan trọng đối với cát, hung.

Trong 8 quẻ thuần, 6 hào rất đầy đủ. Vì là 6 hào cho nên sẽ có 1 hào sẽ lặp lại lục thân. Trong 56 quẻ còn lại có 1 số quẻ không có dụng thần của việc cần đoán, khi đó có thể mượn dùng quẻ đầu (quẻ thân) của cung mà ta gieo được quẻ thuộc cung ấy. Đó gọi là phục thân mà phần sau sẽ nói rõ.



Lục thân tương sinh



Lục thân tương khắc

Lục thân là căn cứ vào ngũ hành thuộc về cung đó, lấy địa chi nạp cho quẻ chủ để xác định. Cũng tức là lấy ngũ hành của cung có quẻ chủ là tôi, địa chi trong quẻ chủ tương ứng xác định mối quan hệ của lục thân. Mối quan hệ sinh khắc đó như sau :

Ví dụ : Cung càn, quẻ càn là quẻ đầu có các địa chi phối từ dưới lên trên lần lượt là : hào đầu tý thủy, hào 2 dần mộc, hào 3 thìn thổ, hào 4 ngọ hỏa, hào 5 thân kim, hào 6 tuất thổ. Quẻ càn là kim là tôi, trong đó hào 5 thân kim với kim của cung gốc đều thuộc kim. Vì thân kim giống tôi nên nó là huynh đệ. Hào đầu tý thủy được kim sinh nên đó là hào tử tôn. Hào 2 dần mộc bị kim khắc nên đó là hào thê tài. Đối với chồng mà nói thì dần mộc là hào thê tài. Hào 3 thìn thổ sinh kim nên nó là hào phụ mẫu. Hào 4 ngọ hỏa khắc kim, đối với vợ mà nói trong nhà đó là người chồng, ngoài xã hội đó là quan quý. Hào 6 tuất thổ cùng ngũ hành với thìn thổ, thổ sinh kim nên cũng gọi là hào phụ mẫu. Đến đây lục thân của 6 hào đã được xác định :

Phụ mẫu tuất thổ - thê

Huynh đệ thân kim -

Quan quý ngọ hỏa -

Phụ mẫu thìn thổ - ứng

Thê tài dần mộc -

Tử tôn tý thủy -

Cách viết 6 hào của quẻ là : bên trái viết địa chi và lục thân, bên phải địa chi ngũ hành là phối với hào thê, hào ứng. Ở đây cần nói rõ cách ghi 6 hào xưa và nay có khác, điều đó là căn cứ vào thói quen từng người. Trong sách này vì để thống nhất với cuốn Chu dịch và dự đoán học của thầy Thiệu Vi Hoa nên giới thiệu cách ghi như trên.

Khi gặp trường hợp có quẻ hổ, quẻ biến thì cách sắp xếp lục thân ra sao ? Rất nhiều độc giả không hiểu vì sao trong các ví dụ dự đoán có quẻ biến lại không căn cứ theo cách sắp xếp tượng hào của 64 quẻ. Đó là vì khi đoán quẻ lấy quẻ chủ làm chính, quẻ biến làm phụ. Trong trường hợp có quẻ biến thì lục thân của quẻ biến phải căn cứ vào ngũ hành của cung có quẻ chủ để sắp xếp. Tức quẻ chủ thuộc cung nào thì lục thân quẻ biến cũng biến theo quẻ chủ, quẻ biến của nó vẫn lấy địa chi của quẻ chủ. Hào thê và hào ứng trong quẻ biến vị trí vẫn không đổi. Còn lục thân thì phải căn cứ vào quẻ chủ. Tóm lại, lục thân của quẻ chủ là căn cứ cung có quẻ chủ để xác định.

Ví dụ : Quẻ Đồng nhân của quẻ Càn, quẻ càn ở cung càn, quẻ đồng nhân ở cung Ly. Lục thân của quẻ đồng nhân trong cung Ly hào đầu là phụ mẫu mao mộc, hào hai là tử tôn sữu thổ, hào 3 là quan quý hợi thủy, hào 4 là huynh đệ ngọ hỏa, hào 5 là thê tài thân kim, hào thượng là tử tôn tuất thổ. Nhưng trong quẻ biến, lục thân của cung đó không dùng nữa :

Quẻ chủ (Càn)

Phụ mẫu tuất thổ - thế
 Huynh đệ thân kim -
 Quan quý ngộ hỏa -
 Phụ mẫu thìn thổ - ứng
 Thê tài dẫn mộc - động
 Tử tôn tỵ thủy -

Quẻ biến (đồng nhân)

Phụ mẫu tuất thổ - ứng
 Huynh đệ thân kim -
 Quan quý ngộ hỏa -
 Tử tôn hợi thủy - thế
 Phụ mẫu sừu thổ—
 Thê tài mao mộc -

Trong quẻ thượng của quẻ biến : Hào 4 ngộ hỏa, hào 5 thân kim, hào 6 tuất thổ, địa chi nạp giống với quẻ thượng của quẻ chủ, cho nên đời lục thân sang là được. Khi xác định lục thân của quẻ hạ, vì hào 2 quẻ hạ của quẻ chủ động, nên cả quẻ hạ của quẻ biến từ quẻ càn của quẻ chủ có các chi tỵ, dẫn, thìn biến thành quẻ ly là mao, sừu, hợi. Cả 3 hào đều tùy theo lục thân của cung có quẻ chủ mà biến ra. Hào đầu mao mộc là cái mà kim của cung có quẻ chủ khắc, tức là cái mà tôi khắc gọi là hào thê tài. Hào hai sừu thổ là cái sinh tôi là kim nên là hào phụ mẫu. Hào 3 hợi thủy là các tôi sinh nên là hào tử tôn. Lục thân của toàn quẻ biến như vậy là đã được xác định. Ta lấy tiếp ví dụ : quẻ càn của quẻ đồng nhân để so sánh sự khác biệt với ví dụ trên :

Quẻ chủ (đồng nhân)

Tử tôn tuất thổ -- ứng
 Thê tài thân kim -
 Huynh đệ ngộ hỏa -
 Quan quý hợi thủy - thế
 Tử tôn sừu thổ -- động
 Phụ mẫu mao mộc -

Quẻ biến (càn)

Tử tôn tuất thổ - thế
 Thê tài thân kim -
 Huynh đệ ngộ hỏa -
 Tử tôn thìn thổ - ứng
 Phụ mẫu dẫn mộc -
 Quan quý tỵ thủy -

Quẻ đồng nhân của quẻ chủ thuộc cung ly, ly là hỏa, hào tỵ, ngộ hỏa đều thuộc hỏa cùng ngũ hành, cho nên hào ngộ hỏa là hào huynh đệ. Các hào còn lại địa chi dựa theo nguyên tắc sinh khắc, chế hóa của ngũ hành để nạp và từ đó suy ra lục thân mao mộc sinh ngộ hỏa, sinh tôi nên là hào phụ mẫu. Sừu thổ và tuất thổ là cái tôi sinh nên là hào tử tôn. Tỵ thủy là cái khắc tôi, nên là hào quan quý. Thân kim là cái tôi khắc nên là hào thê tài. Quẻ biến phải dựa theo ngũ hành và lục thân của quẻ chủ mà xác định. Công dụng lục thân của quẻ biến là căn cứ vào nội dung của việc cần đoán để xác định. Ví dụ tử tôn là dụng thần, con cái bị lạc thì hào phụ mẫu của quẻ biến có thể đoán là bậc trên hoặc thầy giáo,... Lục thân của quẻ biến là dùng để tham khảo trong dự đoán. Quẻ biến chủ yếu vẫn phải xem từ hào động của quẻ chủ biến ra là hóa sinh trở lại hay háo khắc trở lại. Khi dự đoán, phải lấy địa chi để đoán sự sinh khắc của ngũ hành thì mới dễ thấy rõ. Để giúp

độc giả dễ kiểm tra lục thân của quẻ chủ, dưới đây ghi lại toàn bộ tượng hào của 64 quẻ.

1. TÁM QUẺ CUNG CÀN THUỘC KIM

CÀN VỊ THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Phụ mẫu thìn thổ. ứng
Thê tài dân mộc.
Tử tôn tỵ thủy.

THIÊN PHONG CẤU

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa. ứng
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. thế

THIÊN SƠN ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngọc hỏa.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.. thế
Phụ mẫu thìn thổ..

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ. ứng
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Thê tài mao mộc.. thế
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc.
Quan quý tỵ hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dân mộc.
Tử tôn tỵ thủy.. thế
Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa.. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..

HỎA ĐỊA TẤN

Quan quý tỵ hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan quý tỵ hỏa. ứng
Phụ mẫu mùi thổ.
Huynh đệ dậu kim.
Phụ mẫu thìn thổ. thế
Thê tài dân mộc.
Tử tôn tỵ thủy.

2. TÁM QUẺ CUNG ĐOÀI THUỘC KIM

ĐOÀI VI TRẠCH

Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. ứng
Thê tài mao mộc.
Quan quý tỵ hỏa.

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy. ứng
Quan quý ngọc hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dân mộc.. thế

TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hợi thủy.
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa.. thế
Phụ mẫu mùi thổ..

TRẠCH SƠN HÀM

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng
 Huynh đệ đậu kim.
 Tử tôn hợi thủy.
 Huynh đệ thân kim. thế
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ..

THỦY SƠN KIẾN

Tử tôn tý thủy..
 Phụ mẫu tuất thổ.
 Huynh đệ thân kim. thế
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

ĐỊA SƠN KHIÊM

Huynh đệ đậu kim
 Tử tôn hợi thủy.. thế
 Phụ mẫu Sửu thổ
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa.. ứng
 Phụ mẫu Thìn thổ..

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa. thế
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

LÔI TRẠCH QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa.
 Phụ mẫu Sửu thổ.. thế
 Thê tài Mão mộc.
 Quan quý Tý hỏa.

3. TÁM QUÊ CUNG LY THUỘC HỎA**LY VI HỎA**

Huynh đệ Tý hỏa. thế
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thê tài Đậu kim.
 Quan quý Hợi thủy. ứng
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

HỎA SƠN LỮ

Huynh đệ Tý hỏa.
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thê tài Đậu kim. ứng
 Thê tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.. thế

HỎA PHONG ĐỈNH

Huynh đệ Tý hỏa.
 Tử tôn Mùi thổ.. ứng
 Thê tài Đậu kim.
 Thê tài Đậu kim.
 Quan quý Hợi thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..

HỎA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ Tý hỏa. ứng
 Tử tôn Mùi thổ..
 Thê tài Đậu kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa.. thế
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc..

SƠN THỦY MÔNG

Phụ mẫu Dần mộc.
 Quan quý Tý thủy..
 Tử tôn tuất thổ.. thế
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc.. ứng

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu Mão mộc
 Huynh đệ Tý hỏa. thế
 Tử tôn Mùi thổ..
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu Dần mộc..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ.
 Thê tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa. thế
 Huynh đệ Ngọ hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc.. ứng

THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng
 Thê tài Thân kim.
 Huynh đệ Ngọ hỏa.
 Quan quý Hợi thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

4. TÁM QUÊ CUNG CHẤN THUỘC MỘC

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ.. thế
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài thìn thổ.. ứng
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy.

LÔI ĐỊA DŨ

Thê tài tuất thổ..
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.. ứng
Huynh đệ mao mộc..
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ.. thế

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thổ..
Quan quý thân kim.. ứng
Tử tôn ngộ hỏa.
Tử tôn ngộ hỏa..
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dẫn mộc..

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý dậu kim.. thế
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ..

ĐỊA PHONG THĂNG

Quan quý dậu kim..
Phụ mẫu hợi thủy..
Thê tài sửu thổ.. thế
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ.. ứng

THỦY PHONG TỈNH

Phụ mẫu tý thủy..
Thê tài tuất thổ.. thế
Quan quý thân kim..
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.. ứng
Thê tài sửu thổ..

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ..
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.. thế
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ... ứng

TRẠCH LÔI TÙY

Thê tài mùi thổ.. ứng
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tí thủy.

5. TÁM QUÊ CUNG TỐN THUỘC MỘC

TỐN VI PHONG

Huynh đệ mao mộc.. thế
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý dậu kim.. ứng
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ..

PHONG THIÊN TIỂU SỨC

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. ứng
Thê tài thìn thổ.
Huynh đệ dẫn mộc.
Phụ mẫu tý thủy.. thế

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa.. ứng
Thê tài mùi thổ..
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ.. thế
Huynh đệ mao mộc.

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mào mộc. ứng
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tỵ thủy.

THIỆN LÔI VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim.
 Tử tôn ngộ hỏa. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tỵ thủy. ứng

HÓA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý Dậu kim.
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc.. ứng
 Phụ mẫu tỵ thủy.

SƠN LÔI DI

Huynh đệ dẫn mộc.
 Phụ mẫu tỵ thủy..
 Thê tài tuất thổ.. thế
 Thê tài thìn thổ
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tỵ thủy. ứng

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng
 Phụ mẫu tỵ thủy..
 Thê tài tuất thổ..
 Quan quý Dậu kim. thế
 Phụ mẫu Hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ..

6. TÁM QUÊ CUNG KHẨM THUỘC THỦY**KHẨM VI THỦY**

Huynh đệ tỵ thủy.. thế
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim.
 Thê tài ngộ hỏa.. ứng
 Quan quý thìn thổ.
 Tử tôn dẫn mộc..

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tỵ thủy..
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim.. ứng
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mào mộc.
 Thê tài tỵ hỏa. thế

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy..
 Quan quý tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim..
 Quan quý thìn thổ..
 Tử tôn dẫn mộc.. thế
 Huynh đệ tỵ thủy.

THỦY HÓA KÝ TẾ

Huynh đệ tỵ thủy.. ứng
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Huynh đệ Hợi thủy. thế
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mào mộc.

TRẠCH HÓA CÁCH

Quan quý mùi thổ..
 Phụ mẫu Dậu kim.
 Huynh đệ Hợi thủy. thế
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mào mộc. ứng

LÔI HÓA PHONG

Quan quý tuất thổ..
 Phụ mẫu thân kim.. thế
 Thê tài ngộ hỏa.
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ. ứng
 Tử tôn mào mộc.

ĐỊA HÓA MINH DI

Phụ mẫu Dậu kim..
 Huynh đệ Hợi thủy..
 Quan quý sửu thổ.. thế
 Huynh đệ Hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mào mộc. ứng

ĐỊA THỦY SỬ

Phụ mẫu Dậu kim.. ứng
 Huynh đệ Hợi thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Thê tài ngộ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ.
 Thê tài dẫn mộc..

7. TÁM QUÊ CUNG CẤN THUỘC THỔ

CẤN VI SƠN

Quan quý dẫn mộc. thế
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim. ứng
Phụ mẫu ngộ hỏa..
Huynh đệ thìn thổ..

SƠN HỎA BÔN

Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ.. ứng
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. thế

SƠN THIÊN ĐẠI SỨC

Quan quý dẫn mộc.
Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dẫn mộc. thế
Thê tài tý thủy.

SƠN TRẠCH TỐN

Quan quý dẫn mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ sữu thổ.. thế
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu tỵ hỏa
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn dậu kim. thế
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa. ứng

THIÊN TRẠCH LÝ

Huynh đệ tuất thổ
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa.

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. thế
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa. ứng

PHONG SƠN TIỆM

Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ thìn thổ..

8. TÁM QUÊ CUNG KHÔN THUỘC THỔ

KHÔN VI ĐỊA

Tử tôn dậu kim.. thế
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc.. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

ĐỊA LÔI PHỤC

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sữu thổ.. ứng
Huynh đệ thìn thổ..
Quan quý dẫn mộc..
Thê tài tý thủy. thế

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy.. ứng
Huynh đệ sữu thổ..
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. thế
Phụ mẫu tỵ hỏa.

ĐỊA THIÊN THÁI LÔI THIÊN ĐẠI TRẮNG TRẠCH THIÊN QUẢI

Tử tôn dậu kim.. ứng	Huynh đệ tuất thổ..	Huynh đệ mùi thổ..
Thê tài hợi thủy..	Tử tôn thân kim..	Tử tôn dậu kim. thế
Huynh đệ sửu thổ..	Phụ mẫu ngọ hỏa. thế	Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ thìn thổ. thế	Huynh đệ thìn thổ.	Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc.	Quan quý dần mộc.	Quan quý dần mộc. ứng
Thê tài tý thủy.	Thê tài tý thủy. ứng	Thê tài tý thủy.

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim.. thế
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy. ứng

THỦY ĐỊA TÍ

Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc.. thế
Phụ mẫu ty hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

V. CÁCH PHỐI XẾP LỤC THẦN

Lục thần là mượn tên gọi : thanh long, chu tước, câu trần, phi xà, bạch hổ, huyền vũ của 6 ngôi sao để phân biệt các sự vật. Trong dự đoán theo 6 hào lục thần có thể bổ trợ sáu hào để tham khảo phán đoán cát, hung. Vậy lục thần phối xếp tương ứng với các ngôi hào ra sao ?

Căn cứ thanh long đóng ở phương đông, nên thanh long phối với giáp ất; chu tước đóng ở phương nam nên phối với bình đinh; bạch hổ đóng ở phương tây nên phối với canh tân; huyền vũ đóng ở phương bắc nên phối nhâm quý. Câu trần, phi xà ở giữa nên lần lượt phối với mậu và kỷ. Độc giả cần phải thuộc các ngôi sao tương ứng với các ngày.

Cách dùng là : Lấy thiên can của ngày phối với các ngôi sao tương ứng để phối vào hào đầu của quẻ. Ví dụ việc đoán thuộc ngày giáp, ngày ất, thì tên sao đóng tương ứng là thanh long, do đó hào đầu của quẻ đoán phối với thanh long, nhưng ngôi sao còn lại lần lượt theo thứ tự để phối với các hào theo bảng giới thiệu dưới đây :

Vi dụ : Ngày canh hoặc ngày tân thì lục thần của bất cứ quẻ nào đều được phối là : Hào đầu phối bạch hổ, hào 2 - huyền vũ, hào 3 - thanh long, hào 4 - chu tước, hào 5 - câu trần, hào 6 - phi xà.

Dùng lục thần để bổ trợ cho đoán quẻ theo 6 hào, ngày xưa dùng khá nhiều, bây giờ cũng dùng vào đoán các sự việc như đoán động đất, v.v... Quẻ

đã tốt nếu gặp Thanh long càng tốt, người gặp quẻ xấu, gặp bạch hổ hay phi xà càng xấu. Nếu lục thần không tốt mà khắc hào thế, hoặc khắc dụng thần thì không tốt; Lục thần tốt mà khắc dụng thần hoặc khắc hào thế cũng không tốt, tức là trong vui có buồn. Ngược lại lục thần tốt gặp dụng thần hay gặp hào thế thì tốt. Ví dụ : dụng thần hoặc hào thế là dẫn mộc hoặc mao mộc, gặp được thanh long là sẽ có tin vui.

BẢNG PHỐI XẾP LỤC THẦN

Hào của quẻ	Ngày Giáp, Ất	Ngày Bình, Đinh	Ngày Mậu	Ngày Kỷ	Ngày Canh, Tân	Ngày Nhâm, Quý
Hào Thượng	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Phi Xà	Bạch Hổ
Hào Năm	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Phi Xà
Hào Bốn	Phi Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần
Hào Ba	Câu Trần	Phi Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước
Hào Hai	Chu Tước	Câu Trần	Phi Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long
Hào Đầu	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Phi Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ

Lục thần chủ về các việc : Thanh long chủ về các tin vui hoặc các việc tài lộc; chu tước chủ về việc cãi cọ, hoặc phải đến cửa quan; câu trần là có nỗi lo về đất đai hoặc tù ngục; phi xà chủ về những nỗi lo vu vơ; quái dị; bạch hổ chủ về những việc hiểu hay bị thương tổn; huyền vũ chủ về các việc bị trộm cắp hoặc ám muội.

Lục thần phát động :

Thanh long phát động gặp được dụng thần thì tiến tài tiến lộc, phúc vô vùng. Gặp cừu thần là điều xấu, không được ích lợi gì hoặc gặp tai nạn trong ham mê tửu sắc.

Chu tước phát động, văn thư lại vướng, lại gặp cả sát thần thì không có công tích gì hoặc vì thế mà có chuyện cãi cọ. Nếu chu tước phát động xuất sinh cho thân thì lại có lợi cho việc công.

Câu trần phát động là có nỗi lo về ruộng đất, nếu xung tuế quân thì đó là điều xấu không nên gặp. Nếu câu trần phát động sinh dụng thần mà đoán về việc hôn nhân thì càng tốt. Nếu câu trần yên tĩnh là người được đoán tình táo bình thường.

Phi xà gặp phải thì có nhiều nỗi ưu tư lo lắng hoặc việc lo sợ vu vơ không rõ ràng. Nếu nó nằm ở hào thế mà rơi vào tuần không, hưu tù thì lại tốt, nếu gặp ngày xung thì khó mà tránh được điều xấu.

Bạch hổ phát động là chủ gặp phải những việc bị hình phạt hoặc kiện tụng, hoặc bệnh tật. Hào bạch hổ trì thế, động là khác phải đề phòng cãi cọ nhau.

Huyền vũ phát động là có việc ám muội, nếu gặp quan quý phải đề phòng bị trộm cắp.

Nếu đoán cho bạn xuất hành, hào huỳnh đệ trong quẻ động thì không tốt, nếu hào đó lại có lục thần là huyền vũ thì phải đề phòng bị mất cắp về tiền tài. Vì vậy, tốt nhất là chờ đến thời gian có lợi mới xuất hành.

Trước khi kết thúc chương này, xin giới thiệu với độc giả là nhà dự đoán học nổi tiếng Thiệu Vi Hoa đã căn cứ ngũ hành để chế ra bộ thẻ dự đoán thông tin theo 6 hào. Nếu những người mới học có trí nhớ kém, hoặc những người trung niên chưa thành thạo mà dùng bộ thẻ này thì sẽ tránh được sự bối rối và sắp xếp quẻ đỡ sai lầm.

Chương 6

CÁC KIẾN THỨC DỰ ĐOÁN THEO SÁU HÀO

I. DỤNG THẦN, NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN, CỪU THẦN

1. Dụng thần :

Trong dự đoán theo 6 hào, dụng thần đại diện cho người hoặc việc cần dự đoán, nó là đối tượng được rút từ lục thần ra để đoán. Sự mạnh, yếu, thịnh, suy của dụng thần là mấu chốt quyết định quẻ xấu hay tốt, sự việc thành hay bại. Chọn đúng dụng thần là mấu chốt để chọn đúng người hay sự việc cần đoán. Chỉ có chọn đúng dụng thần mới có thể lấy đó làm cơ sở, đồng thời tham khảo thêm mối quan hệ sinh khắc của những hào còn lại với dụng thần và mối quan hệ mạnh, yếu giữa chúng để rút ra kết luận, sự vật cát hay hung, sự việc thành hay bại.

Dụng thần được phân loại như sau :

Hào phụ mẫu : vì sinh tôi là phụ mẫu, cho nên phạm đoán về bậc trên của tôi như cha mẹ, tổ tiên hoặc những người ngang hàng với cha mẹ như : thầy giáo, chú bác, cô dì, v.v... đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Ngoài ra khi đoán về thành trì, nhà cửa, chỗ ở, tàu thuyền, quần áo, áo dù đi mưa, vải vóc và những đồ vật để che thân và những văn bản, văn khế, đơn từ, tác phẩm có liên quan đến văn tự đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thần.

Hào quan quý : phạm đoán về tiền đồ, học hành, thi cử, công danh, thăng quan tiến chức, những việc liên quan đến tế lễ : đoán về chồng, anh em chồng, những người ngang vai mình và bạn hữu đều lấy hào quan quý làm dụng thần. Ngoài ra khi đoán về người làm phẩn, giặc dã trộm cướp, bệnh tật, lo lắng nghi ngờ, những việc lo lắng nguy hại đến bản thân đều lấy hào quan quý làm dụng thần.

Hào huynh đệ : khi đoán những người ngang hàng như anh, chị, em ruột, anh, chị, em họ, anh, chị, em chồng hay vợ, bạn tri kỷ đều lấy hào huynh đệ làm dụng thần.

Hào thê tài : phạm đoán về vợ, người yêu, chị dâu, em dâu và vợ bạn, hoặc những tài sản bị mình dùng làm vật hưởng lạc, như tiền tài, châu báu, vàng bạc, hàng hóa, những vật dụng thường ngày thì đều lấy hào thê tài làm dụng thần.

Hào tử tôn : phạm những người thuộc thế hệ con cái, cháu, cháu dâu, cháu họ, học sinh, môn đệ đều lấy hào tử tôn làm dụng thần. Ngoài ra khi đoán về cấp trung thần, tướng giúp mình, thầy thuốc, các nhà sư, binh lính, lục súc, gia cầm, việc có trôi chảy hay không, giải sầu, ty nạn và hỏi về thời tiết, về mặt trời, trăng, sao... đều lấy hào tử tôn làm dụng thần.

Ngoài ra khi tự đoán cho mình thì lấy hào thế làm dụng thần, hào ứng là việc hay người cần đoán. Như đoán cầu tài thì hào thế là người đoán, hào ứng là người khác. Hào tài trì thế, sinh thế, hợp thế, khắc thế là tiền tài đến tìm mình, là dễ được của. Nếu hào tài không thể hiện trên quẻ, thì mình cầu tài nhưng khó được. Hào ứng động mà hợp thế, là đối phương hợp với mình, là được người khác đồng tâm hiệp lực. Khi đoán những việc không có trong lục thân thì lấy hào ứng làm dụng thần.

2. Nguyên thần

Là hào sinh trợ cho dụng thần. Ví dụ đoán cầu tài, dụng thần là thế tài dẫn mộc, sinh trợ cho hào thế tài là hào tử tôn tý thủy. Hào tử tôn chính là nguyên thần sinh trợ cho hào thế tài. Nguyên thần vượng, sinh trợ cho dụng thần thì dụng thần mạnh. Ngược lại, nguyên thần suy yếu hoặc không có, hoặc bị khắc hại, không sinh trợ được cho dụng thần thì dụng thần như nước không có nguồn, cây không có gốc, khi gặp hung thần khắc hại, dụng thần sẽ không được cứu.

3. Kỵ thần

Kỵ thần là hào khắc dụng thần. Ví dụ : dụng thần là thế tài dẫn mộc, thì kỵ thần là hào huynh đệ thân kim hoặc dậu kim khắc mộc.

Nguyên thần là kỵ thần là những cái quyết định vận mệnh của dụng thần tốt hay xấu theo mối quan hệ địa chi ngũ hành sinh khắc lẫn nhau. Nguyên thần và kỵ thần là 1 cặp mâu thuẫn đối lập. Cái nào càng mạnh, càng có sức thì cái đó sẽ có tác dụng quyết định tốt hay xấu đối với dụng thần. Nhưng khi nguyên thần và kỵ thần đồng thời động thì kỵ thần có thể sinh trợ nguyên thần, nguyên thần sinh trợ dụng thần, tức là liên tục tăng thêm điều tốt.

4. Cừu thần

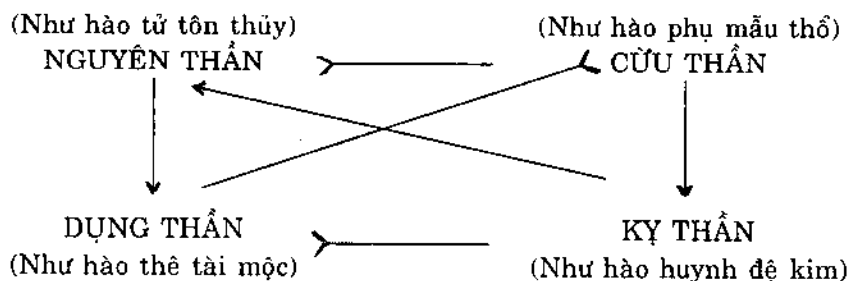
Cầu thần là hào bị dụng thần khắc. Ví dụ : dụng thần là thế tài dẫn mộc, tức cừu thần là hào phụ mẫu thổ.

Nếu kỵ thần là cái khắc dụng thần, thì cừu thần là cái giúp đỡ cho kỵ thần.

Thổ khắc thủy, khi thủy là nguyên thần sinh dụng thần, nguyên thần bị thương thì dụng thần không có gốc, không có nguồn sinh nên không được cứu.

Trong quẻ nếu cứu thần phát động, nguyên thần sẽ bị thương vì cứu thần phát động sinh kỵ thần.

Dưới đây dùng hình vẽ để nói rõ mối quan hệ giữa 4 thần. Trong hình vẽ lấy hào thể tài mộc làm ví dụ (→ là sinh; ← là khắc).



Thực ra ngoài dụng thần ra, kỵ thần, cầu thần, nguyên thần chỉ là dùng để giải thích nói rõ mối quan hệ sinh khắc giữa ngũ hành địa chi của 6 hào với dụng thần. Nếu vận dụng sự sinh khắc của địa chi và ngũ hành thành thạo để đoán quẻ thì kỵ thần, cầu thần, nguyên thần không cần vận dụng đến nữa.

II. LỤC HỢP, LỤC XUNG, LỤC HẠI, TAM HỢP CỤC, TAM HÌNH

1. Lục hợp

Tý hợp Sửu thành thổ; dần hợp với Hợi thành mộc; mão hợp với Tuất thành hỏa; thìn hợp với Dậu thành kim; tỵ hợp với Thân thành thủy; ngọ hợp với Mùi thành thổ. Ngọ là thái dương, mùi là thái âm.

Sách "Hợp kỵ biện phương" nói : "Trời là chỉ mặt trời, mặt trăng; sao là phần dư thừa của mặt trời, mặt trăng. Ngọ, mùi thuộc ly, tỵ, Sửu thuộc khâm, ly tức là mặt trời, khâm chính là mặt trăng. Ngọ là mặt trời vì tỵ là hỏa, tỵ không phải là mặt trăng là vì sao ? Mặt trăng sáng là tinh khí của thủy, treo lơ lửng trong không trung được mặt trời chiếu sáng, vì vị trí của tỵ ở phương bắc, nên tỵ không phải là mặt trăng. Tinh khí của tỵ, Sửu xung lên phía trên cùng nhập với mặt trời nên vị trí của nó nhất định phải ở phía trên mùi, do đó mùi là thái âm, là mặt trăng. Đất chính là thủy và thổ, tỵ thủy Sửu thổ, Sửu thổ lại chính là thổ của thủy này, nó là một bộ phận của đất, đó là điều chắc chắn. Đất tức là thổ, cho nên tỵ, Sửu hợp với thổ thành thổ.

Trời ở trên, đất ở dưới, ở giữa là mộc, hỏa, kim, thủy. Tý, Sửu là thủy thổ, chỗ có thủy, thổ nhất định có mộc sinh trưởng, cho nên hợp dẫn hợp lại thành mộc. Mộc lớn lên sẽ sinh hỏa, cho nên Mão, Tuất hợp lại thành hỏa. Tuất là khí của trời, Mậu là nơi ở của nó, nên khí của trời bắt đầu ở Thìn, cho nên Thìn cũng là Mậu. Thổ vượng tất sẽ sinh kim, do đó Dậu hợp lại làm thành kim. Dậu là đất đế vượng của kim, Dậu đứng ở vị trí cao nhất của kim. Khi nó chưa đạt đến cực điểm thì thủy tự được sinh ra từ trong thân, cung đối lại là Tý, tức Tý là mẹ của kim, thủy nhất định được sinh ra từ thân, Tý. Thân, Tý ở vào chỗ cao nhất của Ngọ, mùi cho nên không có thủy. Lấy mẹ đi thì con phải theo. Thủy lại không thể đứng độc lập mà phải gắn liền với thổ, nó phải phụ thuộc vào thổ, cho nên thổ quyết định vị trí của Tý, Sửu cho nên Tý, Sửu gọi là thổ chứ không gọi là thủy. Nếu bàn về thủy mà không gắn liền với mộc thì thủy đó tàng ẩn trong khí mẹ, cho nên thân, Tý hợp lại mà thành thủy. Nguồn gốc của ngũ hành lục hợp này nói gọn lại là : mộc mà do thủy thổ sinh ra đi lên nữa là hỏa thổ, lên nữa là kim, lên nữa là thủy, cũng giống như sáu hào của quẻ phải thuận theo thứ tự từ dưới lên.

Những cái tương hợp có hào hợp với hào, hào hợp với ngày tháng. Hợp thì vượng, hợp mà sinh dụng hoặc sinh hào thế là tốt, hợp mà sinh kỵ là xấu. Dự đoán cho xuất hành mà bị hợp là khó mà xuất hành. Hợp mà không khớp đôi là hợp không bền vững.

Lục hợp nói chung là tốt, trong tượng quẻ, lục hợp biến ra lục hợp là tốt. Trong sáu hào, những trường hợp lục hợp sau là tốt :

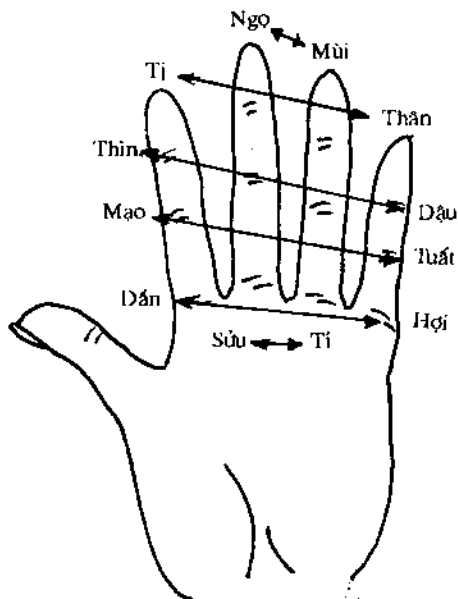
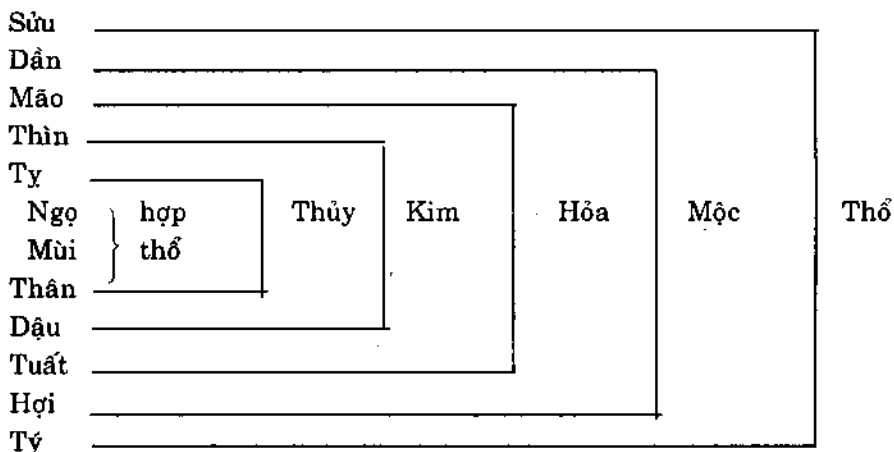
1. Hào tĩnh, hào động đang ở đất hưu tù, nhưng sau khi hợp với nhật Thìn hoặc nguyệt kiến thì được sinh vượng, do đó không sợ bị những hào khắc. Hào thế hoặc dụng thần đều là hào vượng lại còn được hợp thì có thể đối địch được với hào kỵ thần vượng tương. Ví dụ ngày Tý tháng Dậu, dụng thần thân kim lâm nguyệt kiến mà vượng lại được hợp với ngày thì tuy trong hợp có khắc, nhưng nhờ dụng thần vượng tương lại còn được hợp nên cuối cùng vẫn là tốt.

2. Hào động hợp với nhật Thìn, nguyệt kiến hoặc với một hào động khác gọi là trói chắc. Trường hợp này chưa chắc đã là xấu. Hào động tương hợp với hào nó biến ra gọi là sự hợp của động hóa quay đầu, tuy là hợp chặt nhưng là loại hợp thêm sức phù trợ. Ví dụ hào động thân kim của quẻ chủ hóa thành hào Tý hỏa, đó gọi là sự hóa hợp. Cũng chỉ có thân kim hóa Tý hỏa thì khi đó cho dù không được nhật Thìn, nguyệt kiến, hào động tương sinh, sự hóa hợp đó vẫn được gọi là trường sinh. Nếu gieo quẻ vào ngày dần hoặc tháng dần là quẻ tam hình đều có, khi đó thân bị dần xung nên không thể gọi là tốt được.

3. Khi địa chi của hào thế và hào ứng tương hợp thì nhất thiết cả hai hào thế, ứng đều động mới gọi là hợp. Nếu chỉ có một hào động thì không

gọi là hợp. Ví dụ hào thế động là dẫn, hào ứng động là hợi, như thế mới gọi là thế, ứng động hợp.

4. Trong quẻ thượng và quẻ hạ, hào đầu và hào bốn, hào hai với hào năm, hào ba với hào sáu cùng ngôi. Những hào cùng ngôi từng đôi một hợp với nhau, đó gọi là quẻ lục hợp. Quẻ gặp lục hợp gọi là quẻ tự tương hợp, ví dụ các quẻ : thiên địa phủ, địa thiên thái, hỏa sơn lý, sơn hỏa bốn, thủy trạch tiết, lôi địa dự, địa lôi phục. Trong dự đoán theo sáu hào, tám quẻ thuận bàn về xung, không bàn về hợp. "Quẻ gặp lục hợp, hợp với người bốn ba, động hoặc hợp với khi đoán cho kết bạn, mưu sự việc" (theo sách "Thiên nguyên phú").



Hình bàn tay địa chi lục hợp

Lục hợp là hợp của âm dương, trong thứ tự mười hai địa chi, sự tương hợp âm dương có một quy luật nhất định.

Vì lục hợp, lục xung, lục hại, tam hình, tam hợp cục của địa chi trong dự đoán sáu hào là những yếu lĩnh cơ bản phải nắm vững và dùng luôn nên phải tìm ra những phương pháp nhớ đơn giản nhất và dễ vận dụng.

2. Lục xung

Tý, ngọ xung nhau, sữu, mùi xung nhau, dần, thân xung nhau, mao, dậu xung nhau, thìn, tuất xung nhau, tỵ, hợi xung nhau.

Nhìn kỹ một tý, độc giả sẽ phát hiện được : sáu cặp địa chi tương xung này là sự đối xung của các địa chi cách nhau bảy ngôi một của 12 địa chi. Người xưa giải thích số bảy này là số tận cùng của trời đất, là khí cực âm dương.

Lục xung chính là sự đối địch giữa các ngôi của 12 địa chi, cũng tức là sự tương khắc của ngũ hành.

Tý - ngọ tương xung : vì quý thủy ẩn tàng trong tý, khắc dinh hỏa ẩn tàng trong ngọ. Kỷ thổ ẩn tàng trong ngọ phản khắc lại quý thủy ẩn tàng trong tý, cho nên nói tý - ngọ tương xung.

Sữu - mùi tương xung : vì kỷ thổ, dinh hỏa ẩn tàng trong mùi phản khắc lại quý thủy, tân kim ẩn tàng trong sữu, cho nên nói sữu - mùi tương xung.

Dần - thân tương xung : vì giáp mộc ẩn tàng trong dần khắc mậu thổ ẩn tàng trong thân. Canh kim ẩn tàng trong thân khắc giáp mộc ẩn tàng trong dần, nhâm thủy trong thân kim khắc bính hỏa ẩn tàng trong dần, cho nên nói dần - thân tương xung.

Mao - dậu tương xung : vì tân kim ẩn tàng trong dậu khắc ất mộc ẩn tàng trong mao, nhưng "đông xung tây mà không xung được", tức là nói mao mộc chỉ có thể xung dậu kim chứ không thể khắc dậu kim.

Thìn - tuất tương xung : vì quý thủy ẩn tàng trong thìn khắc dinh hỏa ẩn tàng trong tuất, tân kim trong tuất phản khắc lại ất mộc trong thìn, cho nên nói thìn - tuất tương xung.

Tỵ - hợi tương xung : và canh kim ẩn tàng trong tỵ khắc giáp mộc ẩn tàng trong hợi, nhâm thủy trong hợi phản khắc lại bính hỏa trong tỵ, cho nên nói tỵ - hợi tương xung.

Quẻ thượng và quẻ hạ cùng ngôi tương xung gọi là quẻ lục xung. Trong 64 quẻ, trừ tám quẻ thuần ra, còn có các quẻ : thiên lôi vô vọng và lôi thiên đại tráng cộng tất cả 10 quẻ đều là quẻ lục xung. Các quẻ có lục hợp biến thành quẻ lục xung thì cho dù dụng thần vượng tương cũng đều là những quẻ ban đầu tốt về sau xấu. Nếu đoán cho mưu sự việc thì đó là việc có đầu mà

không có đuôi, nếu đoán cho bệnh tật thì bệnh mới mắc gặp quẻ xung sẽ khỏi, bệnh lâu ngày quẻ gặp xung sẽ chết. Các quẻ gặp hợp xung đều có thể căn cứ vào lý lẽ trước tốt sau xấu mà đoán.

Trong dự đoán 6 hào, phạm kỵ thần, cừu thần thì nên xung, gặp việc xấu cũng nên xung, việc tốt không nên xung. Dụng thần vượng tương nếu gặp xung cũng không đến nỗi bị phá; dụng thần hưu tù nếu gặp xung thì đã xấu càng thêm xấu.

Các hào xung bao gồm các trường hợp : nguyệt phá, ám động, nhật phá, hào động hóa xung khác trở lại, hào xung hào.

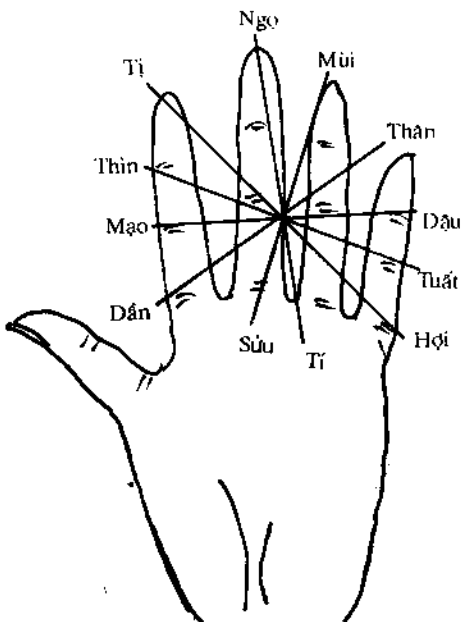
Nguyệt phá : ví dụ như dụng thần hoặc hào thế là thìn, nguyệt kiến là tuất.

Ám động : ví dụ như dụng thần hoặc hào thế là hào thìn vượng tương, còn địa chi của ngày là tuất.

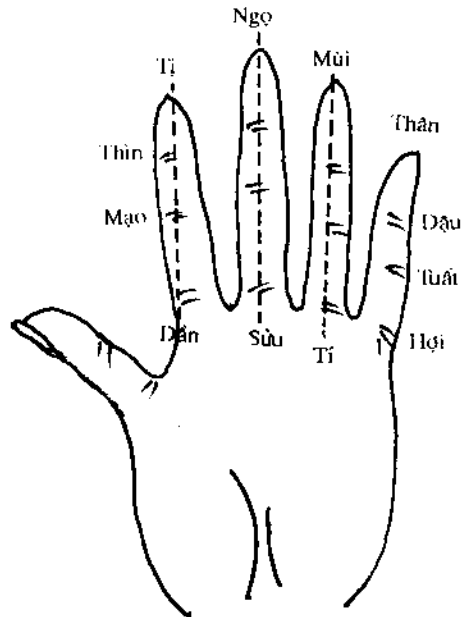
Nhật phá : ví dụ như dụng thần hoặc hào thế là hào thìn thổ hưu tù, còn ngày là tuất.

Hào động hóa xung khác trở lại : ví dụ như hào dậu là thìn thổ hóa thành tuất thổ khác trở lại.

Hào xung hào : ví dụ như dụng thần hoặc hào thế là thìn thổ, hào ứng tuất thổ phát động, nên có thể xung thìn thổ. (Ở mục 4 dưới đây sẽ nói đến các trường hợp nguyệt phá và nhật phá v.v...).



Hình lực xung của địa chi



Hình lực hại của địa chi

Mức độ xung khắc đến đâu cần phải căn cứ vào sự cân bằng giữa 4 cái : nhật, thìn, nguyệt, kiến, hào động, hào thế mà đánh giá. Khắc ít sinh nhiều là tốt; khắc nhiều sinh ít là chỗ tuyệt địa gặp được sinh, có khắc không có sinh thì hoàn toàn xấu.

Trong thứ tự của 12 địa chi lục xung cũng có quy luật sắp xếp nhất định.

3. Lục hại

Tý, mùi tương hại, Sửu, Ngọ tương hại, Dần, Tỵ tương hại, Mão, Thìn tương hại, Thân, Hợi tương hại, Dậu, Tuất tương hại.

Trong sách "Khảo nguyên" giải thích sự tương hại của các địa chi như sau : phạm bất cứ việc gì cũng tốt nhất là gặp hợp, kỵ gặp xung.

Tý hợp với Sửu, bị Mùi xung; Sửu bị Xung, Tý không còn gì để hợp cho nên gọi là Tý, Mùi tương hại.

Sửu hợp với Tý, còn Ngọ xung, Tý bị Xung, Sửu không còn gì để hợp nên gọi là Sửu, Ngọ tương hại.

Dần hợp với Hợi, bị Tỵ xung, Hợi bị Xung, Dần không có để hợp nên gọi là Dần, Tỵ tương hại.

Mão hợp với Tuất bị Thìn xung, Tuất bị Xung, Mão không có hợp nên gọi là Mão, Thìn tương hại.

Thìn hợp với Dậu bị Mão xung, Dậu bị Xung, Thìn không có hợp nên gọi là Thìn, Mão tương hại.

Tỵ hợp với Thân bị Dần xung, Thân bị Xung, Tỵ không có hợp nên gọi là Tỵ, Dần tương hại.

Ngọ hợp với Mùi, bị Sửu xung, Mùi bị Xung, Ngọ không có hợp, nên gọi là Ngọ, Sửu tương hại.

Thân hợp với Tỵ bị Hợi xung, Tỵ bị Xung, Thân không có để hợp nên gọi là Thân, Hợi tương hại.

Dậu hợp với Thìn bị Tuất xung, Thìn bị Xung, Dậu không có để hợp nên gọi là Dậu, Tuất tương hại.

Tuất hợp với Mão bị Dậu xung, Mão bị Xung, Tuất không có để hợp, nên gọi là Tuất, Dậu tương hại.

Hợi hợp với Dần bị Thân xung, Dần bị Xung, Hợi không có để hợp nên gọi là Hợi, Thân tương hại.

Trong dự đoán, lục hại của địa chi có thể nhắc nhở người được đoán phải đề phòng phát sinh rơi vào tình thế xấu.

4. Tam hợp cục

Thân, tý, thìn hợp thành thủy cục;

Hợi, mão, mùi hợp thành mộc cục;

Dần, ngọ, tuất hợp thành hỏa cục;

Ty, dậu, sừu hợp thành kim cục;

Tam hợp cục là lấy ba cái : sinh, vượng, mộ để hợp thành cục.

Thủy trường sinh ở thân, đế vượng ở tý, mộ ở thìn, nên gọi thân, tý, thìn hợp thành thủy cục.

Mộc trường sinh ở hợi, đế vượng ở mão, mộ ở mùi, nên gọi hợi, mão, mùi hợp thành mộc cục.

Hỏa trường sinh ở dần, đế vượng ở ngọ, mộ ở tuất, nên gọi dần, ngọ, tuất hợp thành hỏa cục.

Kim trường sinh ở ty, đế vượng ở dậu, mộ ở sừu, nên gọi ty, dậu, sừu hợp thành kim cục.

Hợp cục là chỉ trong quẻ có 1 hoặc 2 hào động (bao gồm cả ám động) hoặc hào đầu, hào ba động của quẻ nội hợp cục với các hào do nó động biến ra hoặc hợp cục với hào động 4, 6, hoặc hợp cục với các hào nó biến ra, hoặc hào động trong quẻ hợp cục với hào nó biến ra cùng với nhật thìn, nguyệt kiến.

Ví dụ : quẻ khôn có 1 hào động mà hợp cục. Đó là trong quẻ có 1 hào động mà hợp thành hợi, mão, mùi mộc cục.

Quan quý mão mộc -- thế động

Phụ mẫu ty hỏa --

Huynh đệ mùi thổ --

Tử tôn dậu kim -- ứng

Thê tài hợi thủy --

Huynh đệ sừu thổ --

Ví dụ hào Huynh đệ mùi thổ của quẻ khôn động tức có hai hào động mà hợp thành cục. Đó gọi là hai hào động trong quẻ chờ để hợp thành mộc cục hợi, mão, mùi.

Ví dụ quẻ ngoại của quẻ khôn không những có mão mộc, mùi thổ động mà mão mộc động hóa ra hợi thủy, hoặc mùi thổ động hóa ra hào hợi thủy. Đó là hào 4 và hào thượng của quẻ ngoại động, hợp với hào biến ra để thành mộc cục.

Ví dụ : hào đầu sừu thổ và hào ba dậu kim của quẻ nội quẻ khôn động mà hóa ra ty hỏa, đó gọi là quẻ nội hợp thành kim cục ty, dậu, sừu.

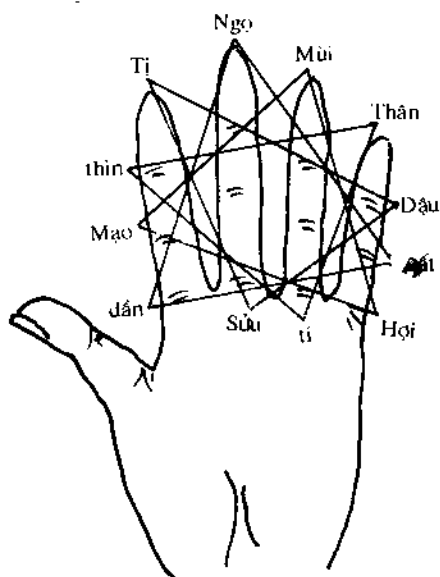
Ví dụ : quẻ ngoại của quẻ khôn có mao mộc động và mùi thổ động, nhật thìn hoặc nguyệt kiến là hợp thủy, đó gọi là hợp với nhật thìn hoặc nguyệt kiến để thành mộc cục.

Hợp cục có cát có hung. Hợp với hung thì thành hung, hợp với cát thì thành cát. Ví dụ đoán bệnh tật lấy quan quý làm dụng thần, dụng thần bị hợp ở trong cục là quý vượng, bệnh sẽ nặng và nguy hiểm. Dụng thần là việc kiện tụng, dụng thần bị hợp thì cuối cùng là không có lợi. Nói chung dụng thần hoặc hào thể hoặc nguyên thần hợp thành cục là đã tốt càng thêm tốt. Kỳ thần, cừu thần hợp thành cục, đối với dụng thần mà nói là xấu càng thêm xấu.

Đối với dụng thần hoặc hào thể, cục được hợp thành sinh lợi cho thể hay sinh lợi dụng thần là lợi cho mình, cục được hợp thành sinh cho hào ứng là lợi đối phương. Hợp thành tài cục là tài vượng, hợp thành tử tôn cục là của cải tăng gấp bội, nhưng không có lợi cho cầu danh, cầu quan. Hợp thành quan cục là quan vượng, hợp thành huynh đệ cục là có nguy cơ của cải bị mất mát. Hợp thành phụ mẫu cục là lợi cho gia trạch tổ tông. Tóm lại là căn cứ vào nguyên lý sinh khắc của ngũ hành và lục thân để suy đoán ra cát hung của quẻ.

Hợp cục của quẻ ứng vào sự việc có rất nhiều dạng : nếu hợp cục thiếu 1 chữ gọi là hư cục, chờ cho đến khi nó hợp với hào biến ra hoặc gặp nhật, nguyệt kiến thì mới trở thành hợp cục đầy đủ và mới ứng vào sự việc. Trong

hợp cục có không, phá chờ cho đến ngày, tháng diễn đầy thì mới thành cục và mới ứng vào sự việc. Trong cục có 1 hào nhật kho thì phải chờ đến ngày được xung khai cục mới thành, việc mới ứng. Tam hợp cục theo thứ tự của các địa chi là cách 4 ngôi thì hợp thành cục.



Hình tam hợp cục trên bàn tay của địa chi

Cách nhớ trên hình bàn tay chỉ cần nhớ ngũ hành trường sinh của 4 góc là được. Ví dụ : tý, ngo, mào, dậu mỗi cái cách 4 ngôi đó là 4 chỗ để vượng, thìn, tuất, Sửu, mùi là mộ kho của đế vượng. Đế vượng là tý, thìn thổ tức là mộ kho của thủy; đế vượng là

ngọ thì tuất thổ là mộ kho của hỏa; đế vượng là mao thì thổ là mộ kho của mộc; đế vượng là dậu thì sừ thổ là mộ kho của kim.

Tam hợp cục... thân tý thìn, hợi mao mùi, dần ngọ tuất, ty dậu sừ trong sinh, vượng, mộ kho của ngũ hành, chúng chính là : trường sinh, đế vượng và mộ kho. Cho nên cách nhớ chúng không khó lắm. Nếu dùng hình bàn tay thì nhớ chỗ của 4 trường sinh là nhớ được tất cả.

5. Tam hình

Tý hình mao, mao hình tý là hình do vô lễ.

Dần hình ty, ty hình thân, thân hình ty là hình do vong ơn.

Sừ hình tuất, tuất hình mùi, mùi hình sừ là hình do đặc quyền đặc thế.

Thìn, ngọ, dậu, hợi : thìn với thìn, ngọ với ngọ, dậu với dậu, hợi với hợi là tự hình.

Sách "Âm phù kinh" nói : ân sinh ở hại, hại sinh ở ân, tam hình sinh ở tam hợp, điều đó cũng giống như lục hại sinh ở lục hợp. Đối với người mà nói cũng giống như vợ chồng tương hợp. Theo đạo trời mà nói tam hình là số cực, tức tội ác đã đầy rẫy khắp nơi nên phải dẫn đến sự đổ sập.

Thân, tý, thìn tam hợp, thêm ba ngôi dần, mao, thìn thì thân hình khác dần, tý hình khác mao, thìn tự hình thìn.

Dần, ngọ, tuất tam hợp, thêm ba ngôi ty, ngọ, mùi thì dần hình ty, ngọ tự hình ngọ, tuất hình mùi.

Ty, dậu, sừ tam hợp thêm ba ngôi thân, dậu, tuất thì ty hình thân, dậu tự hình dậu, sừ hình tuất.

Hợi, mao, mùi tam hợp thêm ba ngôi hợi, tý, sừ thì hợi tự hình hợi, mao hình tý, mùi hình sừ.

Tương hình là chủ về hung, chủ về các việc như bị tổn hại, bệnh tật, lao tù.

Nguyên tắc của tương hình giống như tam hợp cục. Chỗ khác nhau là ba tý có thể hình một mao, một mao có thể hình ba tý, còn hai mao không hình được một tý, hoặc một tý không hình được hai mao. Ngoài ra, có trường hợp tham hợp vong hình, tham sinh vong hình đều là những trường hợp có cứu.

III. SINH, VƯỢNG, MỘ, KHO CỦA NGŨ HÀNH, KHÔNG VONG CỦA LỤC GIÁP

Mục này được đặt trước nhật thìn và nguyệt kiến sẽ giúp độc giả dễ dàng hiểu được bốn thời vượng tướng, hưu tù có vai trò đối với nhật thìn, nguyệt kiến, nhật phá và nguyệt phá như thế nào. Kết hợp với không vong của lục giáp để dự đoán về sự vượng, suy của các hào là điều rất cần thiết.

1. Sinh, vượng, mộ, kho của ngũ hành

Vấn đề sinh, vượng, mộ, kho của ngũ hành trong mục 2 của tiết 3 khi bàn về vượng tướng, hưu tù của ngũ hành theo tượng quẻ đã nói đến. Nay sẽ bàn thêm về vai trò vượng, suy của nó trong sáu hào và sự khác biệt của nó so với dự đoán theo tượng quẻ.

Một năm có 4 mùa. Mỗi mùa có 3 tháng : mạnh, trọng, quý hợp thành. Trong âm lịch tháng mạnh là tháng sinh sôi nảy nở của một quý, tháng trọng là tháng thịnh vượng, tháng quý là tháng đi vào suy yếu, song hãy còn là tháng có dư khí. Ví dụ tháng giêng kiến dần, là thời tiết mạnh xuân, đúng là lúc cây cối đâm chồi nảy lộc. Tháng hai kiến mao là thời tiết trọng xuân, đúng là lúc cây cối xum xuê. Tháng ba kiến thìn, là thời tiết quý xuân, khi mùa xuân sắp hết, mùa hạ sắp sang, cho nên gọi là tháng còn có dư khí của cây mùa xuân.

Trong dự đoán theo bát quái, vượng tướng, hưu tù và sinh vượng, mộ tuyệt của ngũ hành không những dùng vào nguyệt kiến mà còn được dùng vào nhật thìn. Trong tượng quẻ, thổ được hỏa sinh vượng vào mùa hạ; trong sáu hào, thổ thuộc bốn mùa, khi dần mộc hoặc mao mộc làm dụng thần, nếu gặp tháng dần, mao tức là lâm nguyệt kiến mà vượng, thìn là dư khí của mộc mùa xuân. Khi ty hỏa hoặc ngọ hỏa làm dụng thần, gặp tháng ty, ngọ là lâm nguyệt kiến mà vượng, mùi là dư khí của hỏa mùa hạ. Khi thân kim hoặc dậu kim làm dụng thần gặp tháng thân, tháng dậu là lâm nguyệt kiến mà vượng, tuất là dư khí của kim mùa thu. Khi hợi thủy hoặc tý thủy làm dụng thần gặp tháng hợi, tháng tý là lâm nguyệt kiến mà vượng, sửu là dư khí của thủy mùa đông. Nếu đoán quẻ vào tháng thìn, dụng thần hoặc hào thể là dần mao mộc, vì thìn là dư khí của mộc cho nên dần, mao là vượng. Nếu không phải đoán quẻ vào tháng thìn mà là vào tháng sửu hoặc tháng tuất thì đều là các tháng hưu tù, các hào dần, mao, mộc sẽ không vượng lại gặp tháng mùi là mộ địa nên càng không có khí lực.

Trong tượng quẻ, các quẻ kim, thủy, mộc gặp tháng thổ tức đều là đất hưu tù, tử tuyệt, quẻ gặp thìn là mộ. Đối với đoán quẻ theo sáu hào cũng có mộ. Mộ nhiều là hung, vì vậy cho nên người ta gọi mộ là phần mộ, là nhà tù, bệnh viện hoặc động huyết.

Thìn là kho địa của thủy, tuất là kho địa của hỏa, sừu là kho địa của kim, mùi là kho địa của mộc. Nếu dụng thần là hợp thủy hoặc hào tý thủy lại gặp thảng thìn là lâm mộ kho của nguyệt kiến; dụng thần là các hào dần mộc, mão mộc, gặp thảng mùi là lâm mộ kho của nguyệt kiến. Dụng thần là các hào tý hỏa, ngọ hỏa, gặp thảng tuất là lâm mộ kho của nguyệt kiến; dụng thần là các hào thân kim, dậu kim, gặp thảng sừu là lâm mộ kho của nguyệt kiến. Trừ hào thế và dụng thần nhập mộ kho của thảng ra, sợ nhất là hào thế, dụng thần cùng với quan quý nhập mộ kho của nhật thìn, hoặc nhập mộ động, hoặc động mà hóa mộ. Cùng với quan quý nhập mộ tức là nói hào quan quý trị thế nhập nhật mộ. Ví dụ : đoán về bệnh tật hoặc các việc xấu, nếu quẻ gặp cùng quan quý nhập mộ thì sẽ biết ngay sự việc cát hay hung. Nếu là hào thế, dụng thần hưu tù vô khí, bị khắc mà nhập mộ thì sẽ thấy ngay điều xấu. Nếu hào thế, dụng thần vượng tương lại được sinh phù là sẽ thấy ngay điều tốt.

Qua trình bày ở trên ta có thể thấy : ngũ hành của các địa chi vượng ở cuối bốn mùa, và mộ kho ở thìn, tuất, sừu, mùi. Tức là sự thịnh suy, tươi tốt hay khô héo, được mất, tiến thoái đều là trật tự của bốn mùa và thuộc tính của ngũ hành quyết định, cũng như mùa xuân đi thì mùa hạ đến; mùa hạ đi thì mùa thu đến... Tức thể hiện quy luật dương đến cùng cực thì bắt đầu giáng xuống, âm đến cùng cực thì bắt đầu đi lên, như mặt trời có mọc có lặn, mặt trăng có đầy có khuyết, đó là lẽ của trời đất. Trong xã hội loài người thì thể lực đã phát triển đến cao sẽ bắt đầu đi xuống, của cải tích tụ nhiều tất bắt đầu lưu tán, tuổi già tất phải suy dần, vui đến cực điểm thì bắt đầu có nỗi buồn lo, đó là thường tình của nhân thế.

Dưới đây lập bảng sinh, vượng, mộ, tuyệt của ngũ hành các địa chi và giới thiệu tóm tắt phương pháp nhớ để độc giả tham khảo :

Sinh, vượng, mộ, tuyệt của ngũ hành là 12 giai đoạn phát triển của ngũ hành, chúng thuộc 12 ngôi địa chi. Hàm nghĩa của nó có thể hiểu như sau :

1. Trường sinh : là vạn vật phôi thai, manh nha như người lúc sơ sinh.
2. Mộc dục : là vạn vật mới sinh ra được tắm mình trong tự nhiên, như người sau khi sinh 3 ngày được tắm rửa cho sạch sẽ.
3. Quan đới : là vạn vật đã phát triển như người ta lúc 20 tuổi, phải thêm áo khăn, mũ miện.
4. Lâm quan : là vạn vật đã trưởng thành, như người ta xuất sĩ làm quan.
5. Đế vượng : là vạn vật đã thành thuộc như người ta tuổi trung niên tráng kiện, có thể lập công, trợ giúp đất nước.
6. Suy : vạn vật đã có mầm mống suy yếu như người ta đã qua tuổi cực thịnh.

7. Bệnh : vạn vật đã khốn đốn, như người ta suy nhược nhiều, bắt đầu có bệnh.

8. Tử : vạn vật chết như người ta khí đã tan hết, chỉ còn thể xác không hồn.

9. Mộ : vạn vật tàng ẩn trong kho, như người ta chôn trong mộ.

10. Tuyệt : vạn vật ở trong đất, không còn hình hài, như người ta khí trước đã tuyệt để hình thành khí sau.

11. Thai : đó là sự giao khí trong trời đất để hun đúc thành vật, bắt đầu hình thành khí, như người ta bắt đầu hình thành khí phôi thai trong cha mẹ.

12. Dương : vạn vật bắt đầu hình thành trong đất như người ta bắt đầu hình thành thai trong mẹ. Cứ thế lại tiếp tục vòng trường sinh tuần hoàn trên.

BẢNG : SINH, VƯỢNG, MỘ, TUYỆT CỦA NGŨ HÀNH CÁC ĐỊA CHI

Bốn mùa	Xuân	Hạ		Thu	Đông
Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Trạng thái	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Trường sinh	Hợi	Dần	Dần	Tỵ	Thân
Mộc dục	Tý	Mão	Mão	Ngọ	Dậu
Quan đới	Sửu	Thìn	Thìn	Mùi	Tuất
Lâm quan	Dần	Tỵ	Tỵ	Thân	Hợi
Đế vượng	Mão	Ngọ	Ngọ	Dậu	Tý
Suy	Thìn	Mùi	Mùi	Tuất	Sửu
Bệnh	Tỵ	Thân	Thân	Hợi	Dần
Tử	Ngọ	Dậu	Dậu	Tý	Mão
Mộ	Mùi	Tuất	Tuất	Sửu	Thìn
Tuyệt	Thân	Hợi	Hợi	Dần	Tỵ
Thai	Dậu	Tý	Tý	Mão	Ngọ
Dương	Tuất	Sửu	Sửu	Thìn	Mùi

Trong trường sinh đế vượng của ngũ hành, hỏa trường sinh ở dần, hỏa được mộc sinh, quẻ là ly hỏa, nhờ được tháng hay ngày dần, mao sinh mà vượng. Kim trường sinh ở tỵ, đó là mối quan hệ tương khắc, vì sao lại lâm trường sinh ? Nó mâu thuẫn với vượng tướng, hư tù thì làm sao ?

Trong dự đoán theo tượng quẻ và theo sáu hào, cả hai cái đại thể không mâu thuẫn nhau, chỉ khác nhau ở chỗ : các quẻ càn, đoài ngũ hành thuộc kim

và các hào thân, dậu ngũ hành thuộc kim, khi gặp tháng tỵ hay ngày tỵ thì không thể hiểu một cách đơn giản.

Khi đoán theo sáu hào, nếu dụng thần là hào thân kim lại đoán sự việc vào tháng tỵ, căn cứ kim trường sinh ở thủy, tra bảng sinh, vượng, mộ, tuyệt của ngũ hành ta thấy nếu kim tử ở tỵ tức hào thân kim rơi vào tử địa hưu tù, như thế đủ biết tốt hay không tốt. Ví dụ : dụng thần là hào thân kim và đoán sự việc vào tháng dậu, căn cứ kim trường sinh ở tỵ, tra bảng ta thấy kim đế vượng ở dậu, tức hào dậu kim ở vượng địa như thế đủ rõ xấu hay không xấu.

2. Không vong của lục giáp

Không vong của lục giáp là : trong tuần giáp tỵ, tuất và Hợi không vong; tuần giáp tuất, thân và dậu không vong; tuần giáp ngọ, thìn và tỵ không vong; tuần giáp thìn, dần và Mão không vong; tuần giáp dần, tỵ và Sửu không vong.

Qua bảng bên ta thấy rõ bảng 60 giáp tỵ gồm có sáu tuần, cứ 10 thiên can một tuần, tức là từ ngày giáp tỵ đến ngày quý dậu, các thiên can đầy 1 tuần, cho nên trong mười hai địa chi, tuất và Hợi không có trong tuần đó, do đó tuất và Hợi là không vong. Tuất và Hợi trong tuần sau, tức tuần giáp tuất thì nó xuất hiện, từ ngày giáp tuất đến ngày quý mùi, thiên can lại đầy 1 tuần, thân và dậu trong mười hai địa chi không rơi vào tuần đó nên gọi là không vong. Cứ lần lượt sắp xếp như thế mãi cho đến đủ 60 giáp tỵ là đầy một vòng. Mười hai địa chi trong sáu tuần giáp đều có không vong, nên gọi là lục giáp không vong.

BẢNG : "KHÔNG VONG" CỦA LỤC GIÁP

Ngũ can	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Không vong
Tuần thứ nhất	Giáp tỵ	Ất Sửu	Bính dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quý Dậu	Tuất Hợi
Tuần thứ hai	Giáp tuất	Ất Hợi	Bính tỵ	Đinh Sửu	Mậu dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi	Thân dậu
Tuần thứ ba	Giáp thân	Ất dậu	Bính tuất	Đinh Hợi	Mậu tỵ	Kỷ Sửu	Canh dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ	Ngọ mùi
Tuần thứ tư	Giáp ngọ	Ất mùi	Bính thân	Đinh dậu	Mậu tuất	Kỷ Hợi	Canh tỵ	Tân Sửu	Nhâm dần	Quý Mão	Thìn tỵ
Tuần thứ năm	Giáp thìn	Ất tỵ	Bính ngọ	Đinh mùi	Mậu thân	Kỷ dậu	Canh tuất	Tân Hợi	Nhâm tỵ	Quý Sửu	Dần Mão
Tuần thứ sáu	Giáp dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ	Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quý Hợi	Tỵ Sửu

Nếu đoán quẻ vào ngày ất sữu, ất sữu thuộc ngày thứ hai của tuần giáp tý, nhưng hào tuất hoặc hào hợi trong quẻ ở trong tuần giáp tý là không vong. Cho nên hào tuất hoặc hào hợi là hào không vong, nếu hào tuất trong quẻ là người xuất hành hay là người mà mình muốn gặp, ngày đoán lại chính là can chi của ngày không vong trong tuần giáp tý. Gặp trường hợp như thế có thể đoán là người đó chưa đến ngay, mà phải chờ đến ngày giờ xuất không thì mới đến.

Chân không : vì việc cần đoán có cát, có hung, nếu hào không vong không được nhật thìn hay nguyệt kiến sinh vượng, hoặc hào đó hưu tù không được trợ giúp thì gọi là chân không. Khi đoán việc, nếu hào không vong là dụng thần thì ứng vào việc xấu, ngược lại nếu hào chân không gặp nhật thìn hoặc nguyệt kiến hoặc được nhật, nguyệt sinh trợ, hoặc là hào động tức là hào không vong vượng tướng thì không còn là chân không nữa, giờ, ngày, tháng, năm xuất khỏi không vong thì dụng thần xuất không sẽ gặp tốt.

Ví dụ : chân không ứng vào việc hung : tuần giáp tý, tuất, hợi là không vong, ngày đinh mao tháng dần, đoán việc cho mình gieo được quẻ huynh đệ tuất thổ tri thế, ngày đinh mao gặp tuất, hợi không vong, nay hào thế là không vong lại bị ngày mao khắc, tháng dần khắc (nếu là tháng thân, dậu hoặc tháng hợi, tý đều là hưu tù), như thế gọi là chân không. Huynh đệ là thần kiếp tài, nếu hào huynh đệ không bị chế ngự thì hiện tại vẫn chưa có việc gì nhưng đến ngày, giờ, tháng, năm xuất không thì điều xấu sẽ ứng nghiệm.

Ví dụ : chân không ứng vào việc cát : nếu việc cần đoán có hào tài tri thế, tuy là chân không, nhưng không bị khắc lại có sinh thì đến ngày, giờ, tháng, năm xuất không sẽ ứng nghiệm điều tốt.

Muốn nhớ tuần không vong không khó, ví dụ tuần giáp ngọ thì thìn, tý là không vong. Chỉ cần biết được hai ngôi ở phía trước của tuần đó là được. Khi đoán việc vào một ngày nào đó nhưng lại không biết ngày đó tuần nào thì có thể tính theo hình bàn tay.

Dưới đây giới thiệu hình bàn tay để bất cứ lúc nào cũng có thể tìm được hào không vong. Ví dụ : đoán vào ngày đinh tý, nếu không biết nó thuộc tuần nào, thì chỉ cần đặt đầu ngón cái tay trái vào ngôi tý, từ tý đếm ngược đến đỉnh : ngôi thìn đọc là "bính", ngôi mao đọc là "ất", ngôi dần đọc là "giáp". Ngừng ở đó, hai ngôi tý, sữu ở sau theo chiều ngược chiều kim đồng hồ sẽ là hai ngôi không vong.

Khi đã biết được tý sữu là không vong thì tự nhiên cũng sẽ biết đinh tý thuộc can chi của ngày trong tuần giáp dần.

IV. NHẬT THÌN, NGUYỆT KIẾN, HÀO TĨNH, HÀO ĐỘNG, HÀO BIẾN

1. Nhật thìn, nguyệt kiến

1) *Nhật thìn* : trong dự đoán trong tượng quẻ nhật thìn là lấy vượng tướng, hưu tù của ngũ hành để quyết định vượng, suy của quẻ thượng và quẻ hạ. Trong dự đoán theo 6 hào nhật thìn quyết định sự vượng, suy của mỗi hào. Sự vượng, suy đó là căn cứ theo sinh, vượng, mộ, tuyệt của ngũ hành để đánh giá.

Đối với đối tượng dự đoán tức dụng thần mà nói, nhật thìn và dụng thần tương sinh, tương hợp thì sự việc dự đoán sẽ vừa ý. Nhật thìn khắc dụng thần thì sự việc dự đoán trắc trở, không thuận lợi. Ví dụ, ngày giáp tuất, tháng nào đó gieo quẻ, ngày tuất chính là nhật thìn. Nguyên thần, dụng thần, kỵ thần, cứu thần trong nhật thìn ở vào trạng thái như thế nào thì chính là sự vượng, suy của chúng cũng đã được quyết định. Như dụng thần là hào thìn thổ, là lâm nhật thìn mà vượng. Phàm ngũ hành thuộc thổ (thìn, tuất, Sửu, Mùi) đều vượng. Nguyên thần là ngộ hỏa hoặc ty hỏa là hỏa ở đất hưu. Kỵ thần là dần, mao mộc là ở đất hưu. Cứu thần là hợi hoặc tý thủy là ở tử địa. Đó là lấy nhật thìn làm chuẩn. Phàm sinh cho nhật thìn, khắc nhật thìn hoặc bị nhật thìn khắc đều là ở đất hưu tù, tử tuyệt, những hào đó không có lực. Nếu dụng thần là hào thìn thổ, nhật thìn là ngộ hỏa thì dụng thần nhờ có nhật thìn sinh mà vượng. Vì hào hỏa trong quẻ là nguyên thần, nguyên thần lâm nhật thìn mà vượng để sinh dụng thần, cho nên dụng thần nhất định có lực. Kỵ thần là hào mộc, nhật thìn là ngộ hỏa thì kỵ thần ở đất hưu. Cứu thần là hào thủy, nhật thìn là ngộ hỏa nên cứu thần ở đất tù. Kỵ thần, cứu thần đều rơi vào hưu tù, không có lực để khắc dụng thần.

Tóm lại phàm dụng thần lâm nhật thìn hoặc được nhật thìn sinh vượng là dụng thần có lực, các thần khắc hại khác không có lực. Ngược lại thì dụng thần sẽ rơi vào hưu tù, tử tuyệt, không có lực nên bị khắc.

2) Nhật phá và ám động

Nhật phá là chỉ dụng thần hoặc các hào khác hưu tù hoặc tuần không hoặc hào tĩnh lại tương xung với nhật thìn. Sự tương xung đó lại đúng theo từng cặp địa chi như tý với ngộ, Sửu với Mùi, dần thân, mao dậu, thìn tuất, ty hợi. Trong sáu hào, nếu hào nào đó cùng với nhật thìn làm thành cặp đối xung lại ở hưu tù hoặc tuần không, hoặc hào tĩnh thì gọi là nhật phá. Ví dụ, tháng dậu, dụng thần là dần mộc gặp ngày mậu thân tức vừa hưu tù còn gặp tuần không, dần mộc và thân kim đối xung nhau, như thế gọi là nhật phá.

Ám động : là chỉ hào tĩnh vượng tướng đối xung với nhật thìn, đã xung thì động. Nhật phá là hưu tù gặp xung nhưng không động được, còn ám động

là gặp xung thì động. Khi đoán quẻ hào âm động gặp xung cũng coi như hào động. Ví dụ, tháng thân ngày mao, hào tinh là dậu kim, dậu kim lâm nguyệt kiến mà vượng, lại đối xung với mao, nên hào dậu kim này không còn là hào tinh nữa mà trở thành hào âm động. Thông thường khi đoán quẻ hào âm động ở trong quẻ chủ, còn ở trong quẻ biến thì không có sự biến động nào.

3) Nguyệt kiến và nguyệt phá

Nguyệt kiến tức là lệnh tháng. Trong dự đoán theo tượng quẻ ta đã biết gieo quẻ lấy tháng âm lịch là chuẩn, đoán quẻ là lấy lệnh tháng của ngày đoán quẻ làm chuẩn. Ở đây cần nhấn mạnh rằng nguyệt kiến đối với đoán quẻ theo sáu hào và xác định độ chuẩn của thời gian ứng nghiệm có một vai trò quan trọng. Trong dự đoán theo sáu hào, sự vượng suy, mạnh yếu của dụng thần và các hào khác không những dùng nhật thìn làm tiêu chuẩn để đánh giá mà còn dùng lệnh tháng để đánh giá. Hơn nữa so với nhật thìn thì lệnh tháng còn là đề cương của hào nắm quyền sinh sát.

Trong các hào, quan hệ tương quan giữa lệnh tháng và nhật thìn thường là vừa thống nhất lại vừa mâu thuẫn. Điều này làm cho nhiều độc giả rất khó khăn lúc đoán quẻ. Dưới đây nói rõ mối quan hệ tương quan cơ bản nhất giữa lệnh tháng và nhật thìn.

Thứ nhất là :

Hào gặp nguyệt kiến thì dù có bị nhật xung cũng không tan, gặp khắc cũng không bị tổn hại.

Hào gặp nhật kiến nếu bị nguyệt xung cũng không bị phá, nguyệt khắc cũng không bị thương, gặp hào động, khắc không bị hại, gặp quay đầu lại khắc cũng không nguy hiểm.

Hào gặp nguyệt kiến bị nhật thìn xung, đáng lẽ bị tan nhưng thực tế không tan. Đó là vì nhật xung hào hưu tù tức là nhật phá nhưng nhờ được nguyệt kiến mà vượng nên là hào âm động, cho nên không bị tan, không bị khắc. Hào gặp nhật kiến bị nguyệt kiến xung, đáng lẽ bị phá nhưng thực ra không bị phá. Đó là vì nguyệt kiến xung hào hưu tù gọi là nguyệt phá, nhưng hào đó nhờ nhật kiến mà sinh vượng cho nên thực tế bị phá mà có cứu.

Nguyệt phá : Nguyệt kiến tương xung với hào gọi là phá. Tháng giêng kiến dần, hào thân gặp phải gọi là phá; tháng hai kiến mao, hào dậu gặp phải là phá; tháng ba kiến thìn, hào tuất gặp phải là phá; tháng tư kiến tỵ, hào hợi gặp phải là phá; tháng 5 kiến ngọ, hào tỵ gặp phải là phá; tháng 6 kiến mùi, hào sừ gặp phải là phá; tháng 7 kiến thân, hào dần gặp phải là phá; tháng 8 kiến dậu, hào mao gặp phải là phá; tháng 9 kiến tuất, hào thìn gặp phải là phá; tháng 10 kiến hợi, hào tỵ gặp phải là phá; tháng 11 kiến tỵ, hào ngọ gặp phải là phá; tháng 12 kiến sừ, hào mùi gặp phải là phá.

Dụng thần lâm nguyệt phá thì trong tháng đó vừa không được sinh lại phải đề phòng bị hại. Nếu gặp nhật thìn tương trợ thì cũng chỉ là có cứu. Tuy trước mắt đang bị phá nhưng ra khỏi tháng là hết phá. Nhật phá cũng tương tự, hôm nay bị phá ra khỏi tuần không là hết phá, hoặc nói cách khác gặp ngày hợp là hết phá. Chỉ khi hào đó tĩnh lại không có nhật thìn hay hào động sinh trợ lại rơi vào tuần không hưu tù vô khí, còn gặp phải nguyệt kiến hoặc nhật thìn hoặc hào động khắc hại thì nhất định bị phá.

Thứ hai là : nguyệt sinh nhật khắc thì phải xem sự xung khắc đó ra sao, ngoài ra còn phải xem có hào xung khắc dụng thần không, nếu có thì đã hại càng suy.

Nhật sinh nguyệt khắc thì phải xem có hào động sinh phù dụng thần không. Nếu có thì càng vượng.

2. Hào tĩnh, hào động, hào biến

Phương pháp dùng cỏ thi để gieo quẻ của Chu dịch đã dùng hơn 3.000 năm. Sau đó đến đời Đường mới giản hóa thành dùng 3 đồng tiền gieo quẻ.

Gieo quẻ bằng đồng tiền, nếu có một đồng sấp là thiếu dương, hai đồng sấp là thiếu âm. Hào thiếu dương, thiếu âm sẽ không biến nên gọi là hào tĩnh. Nếu có 3 đồng ngửa gọi là hào x là lão âm; có 3 đồng sấp là hào O là lão dương. Hào x và hào O đều có thể biến thành hào khác của quẻ biến. Các hào lão âm, lão dương này gọi là hào động. Hào động là cầu nối của quẻ chủ và quẻ biến.

Khi gieo quẻ, quẻ có hào động gọi là quẻ chủ. Hào động này từ âm biến thành dương, từ dương biến thành âm có cùng ngôi và cùng với hào tĩnh làm thành quẻ biến. Trong quẻ chủ có mấy hào động thì các hào tương ứng trong quẻ biến có từng ấy hào thay đổi. Cho nên, các hào biến ra được gọi là hào biến.

Hào tĩnh, hào động, hào biến cấu tạo thành quẻ chủ và quẻ biến. Vậy quan hệ lực lượng giữa ba loại hào đó ra sao ?

Nếu quẻ gieo được không có hào lão âm, lão dương tức không có hào động, quẻ đó gọi là quẻ sáu hào tĩnh. Sáu hào đều tĩnh thì lâm nhật thìn, nguyệt kiến hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến sinh, hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến hợp mà trở thành hào có lực gọi là hào vượng. Hào vượng có thể sinh, có thể khắc những hào khác. Nếu dụng thần là hào vượng là việc tốt, ngược lại là xấu. Đó là quan hệ lực lượng giữa hào tĩnh với hào tĩnh.

Ví dụ : ngày bính ngọ, tháng hạ gieo được quẻ "Địa thủy sư"

Phụ mẫu dậu kim -- ứng
 Huynh đệ hội thủy --
 Quan quý sừ thổ --
 Thê tài ngộ hỏa -- thê
 Quan quý thìn thổ -
 Tử tôn dẫn mộc --

Khi dụng thần là quan quý sừ thổ, thê tài ngộ hỏa là nguyên thần, nguyên thần được nhật, nguyệt kiến sinh vượng, dụng thần đã lâm nhật nguyệt kiến lại còn được nguyên thần sinh là hào vượng tương, việc cầu tài hay cầu quan đều dễ được. Nếu đoán việc khác lấy hào tử tôn hoặc hào phụ mẫu làm dụng thần thì đều bị nhật, nguyệt khắc làm xì hơi, rơi vào đất hưu tù cho nên bất lợi.

Nếu trong quẻ có hào động thì hào động sẽ chế phục bất kỳ hào tĩnh nào cho dù hào tĩnh đó vượng hay không vượng. Song như phần trên đã nói, nếu hào tĩnh là hào có lực lại gặp nhật thìn xung để trở thành hào ám động thì tính chất của nó cũng như hào động. Hào ám động và hào động cùng ngang lực nhau. Đó là mối quan hệ giữa hào động và hào tĩnh, hào động và hào động. Trong ví dụ trên hào đầu của quẻ "Địa thủy sư" là động, tức hào tử tôn dẫn mộc tuy ở đất hưu tù nhưng động mà có lực nên có thể khắc sự vượng tương của hào tĩnh quan quý. Hào quan quý sừ thổ tuy nắm lệnh có thể chế phục được thần kiếp tài huynh đệ, nhưng hào quan quý sừ thổ đã bị hào động khắc cho thương tổn nên không còn lực để chế ngự thủy.

Cho dù giữa hai hào động khắc nhau có một hào chiếm ưu thế nhưng nó vẫn bị sự chế ngự của nhật thìn và nguyệt kiến. Nếu như hào động bị hào động chiếm ưu thế hơn khắc nhưng lâm được nhật thìn nguyệt kiến hoặc khắc nổi hào động đó. Đó là mối quan hệ lực lượng giữa hào động với nhật thìn và nguyệt kiến, là do nhật thìn, nguyệt kiến quyết định.

Trong ví dụ trên, hào tử tôn dẫn mộc không những động mà hào quan quý sừ thổ cũng động. Trong quan hệ sinh khắc giữa hai hào động, sừ thổ tuy bị dẫn mộc khắc, lực lượng chiếm ưu thế, nhưng sừ thổ được nhật thìn, nguyệt kiến sinh cho nên dẫn mộc không khắc nổi sừ thổ.

Nếu hào biến của quẻ biến có thể giúp đỡ dụng thần sự giúp đỡ có ích là tốt, ngược lại là có hại. Đó cũng gọi là sự hóa sinh trở lại hoặc hóa khắc trở lại. Hóa sinh trở lại hoặc hóa khắc trở lại cũng có vai trò quyết định trong việc đoán cát hung của quẻ.

Ví dụ : ngày mậu ngộ, tháng thân có người đoán về bệnh tật được quẻ "Cấu" của quẻ "Thiên sơn độn" (hào thế và hào ứng của quẻ biến khi đoán quẻ không cần tham khảo nên ở đây không ghi).

QUÊ CHỦ (DỘNG)

Phụ mẫu tuất thổ -
Huynh đệ thân kim - ứng
Quan quý ngộ hỏa -
Huynh đệ thân kim -
Quan quý ngộ hỏa -- thế, động
Phụ mẫu thìn thổ --

QUÊ BIẾN (CẤU)

Phụ mẫu tuất thổ -
Huynh đệ thân kim -
Quan quý ngộ hỏa -
Huynh đệ đệ kim -
Tử tôn hội thủy -
Phụ mẫu Sửu thổ --

Hào quan quý tri thế là thân bất an, vượng động hóa thành hào tử tôn hội thủy khắc trở lại cho nên bệnh càng xấu.

Còn có một trường hợp, ví dụ hào quan quý không phải là hào thế, khi đoán bệnh dụng thân là quan quý, động hóa khắc trở lại tức là khắc mất quý bên cạnh mình, cho nên ngược lại, lại là tốt.

Phương pháp đoán quẻ phức tạp như trường hợp trên đây ta gặp rất nhiều. Đối với những người mới học, nếu chưa nắm vững các yếu linh cơ bản để đoán quẻ thì ngay một lúc không thể nào linh hội ngay được.

V. TIẾN THẦN, THOÁI THẦN, PHI THẦN, PHỤC THẦN

1. Tiến thần, thoái thần

Tiến thần là chỉ hào động của quẻ và hào biến ra có cùng địa chi ngũ hành. Như dần hóa mao, tỵ hóa ngọ, thân hóa dậu, hội hóa tý, Sửu hóa thìn, thìn hóa mùi, mùi hóa tuất, tuất hóa Sửu.

Tiến thần đại biểu cho xu hướng phát triển thêm một bước mà gặp được cát thần là sự việc sẽ có tiến triển và kết quả. Gặp phải hung thần thì không lợi cho dụng thần hoặc hào thế.

Căn cứ vào sự vượng suy của nó, tiến thần có 3 trường hợp dưới đây :

1) Hào động và hào hóa tiến là hào vượng tương thì sẽ hóa vượng. Ví dụ : đoán quẻ vào tháng dần, hào động của quẻ chủ là dần, hào biến hóa tiến của quẻ biến là mao, vì dần mộc trường sinh ở tháng hội, còn ở tháng dần thì rơi vào đất lâm quan, mao ở tháng dần là đất vượng địa. Như thế gọi là hào vượng tương hóa vượng.

2) Hào động và hào hóa tiến đều ở đất hưu tù, tuy là hóa tiến nhưng phải chờ đến lúc vượng tương thì mới là hóa tiến chân chính. Ví dụ : tháng thân đoán quẻ, hào động là dần, hào hóa tiến là mao. Kim trường sinh ở tỵ, dần mao ở tháng thân là ở đất tuyệt, thai, tức là hưu tù, vì vậy phải chờ đến tháng mộc vượng, tức tháng 12 và tháng dần, mao thì hào dần, mao mới lâm vượng và khi đó hào hóa tiến mới vượng.

3) Hào động, hào tiến trong đó có một hào gặp tuần không bị phá, tuy là hóa tiến, nhưng phải chờ đến lúc hào đó xuất không thì mới biến thành hóa tiến chân chính. Ví dụ hào động của quẻ chủ là dần mộc, hào biến là mao mộc, đoán việc vào ngày mậu thân. Trong tuần giáp thìn, mậu thân gặp dần, mao là tuần không, đối với mậu thân mà nói, dần, mao là tuần không, dần phá thân gọi là bị tuần không phá, cho nên phải chờ đến mao xuất không thì mới được.

Thoái thần : thoái thần là chỉ hào động của quẻ chủ biến ra hào biến làm thành hào thoái có cùng ngũ hành của địa chi. Như mao hóa dần, ngộ hóa tỵ, dậu hóa thân, tỵ hóa hợi, thìn hóa sừ, sừ hóa tuất, tuất hóa mùi, mùi hóa thìn. Thoái thần là nói sự vật mà nó đại diện có sự tụt lùi hoặc xu thế đi xuống. Phán đoán thoái thần ngược với tiến thần. Trong thoái thần, nếu cát thần hóa thoái thì cát thần bị xấu đi; hung thần hóa thoái thì hung thần không xấu nữa.

Ví dụ : gặp hào thìn thổ động hóa thành hào tuất thổ, lúc đó xem như hóa tiến, vì thực chất là đã cách ngôi mùi thổ hoặc sừ thổ nên sự hóa đó không còn là tiến hay lùi nữa mà là hóa xung. Nếu tuất thổ lâm nhật thìn hoặc nguyệt thìn thì không những là hóa xung mà còn là hóa phá.

2. Phi thần, phục thần

Trong phần phối trí lục thân đã từng nói đến lục thân của tám quẻ thuận là đầy đủ. Tuy nhiên nếu lục thân của một quẻ nào đó thuộc cung nào đó không đầy đủ thì khi chọn dụng thần sẽ không có. Do đó có thể tìm trong quẻ đầu của cung đó để mượn dụng thần. Ghi hào mượn đó bên cạnh hào cùng ngôi thiếu dụng thần. Dụng thần vay mượn này gọi là phục thần, còn hào của quẻ chủ thiếu dụng thần gọi là phi thần.

Dụng thần hữu dụng là tốt, điều kiện của nó phải thỏa mãn một trong 6 trường hợp sau : Dưới đây nêu ví dụ để nói rõ.

PHONG THIÊN TIỂU SỨC

Huỳnh đệ mao mộc -

Tử tôn tỵ hỏa -

Thê tài mùi thổ — ứng

Quan quý dậu kim : Thê tài thìn thổ -

Huỳnh đệ dần mộc -

Phụ mẫu tỵ thủy - thế

Ví dụ đoán về công danh, lấy hào quan quý làm dụng thần. Nhưng trong quẻ tiểu sức không có hào quan quý, nên phải mượn dụng thần. Tiểu sức là quẻ thuộc cung Tốn. Ta có thể tìm ở hào thứ ba của quẻ đầu cung tốn để mượn

hào quan quý dậu kim làm dụng thần. Ta viết quan quý dậu kim vào bên trái hào ba của quẻ chủ. Phục dưới hào thê tài thìn thổ phi thần, nên hào quan quý dậu kim là phục thần.

1) Phục thần được nhật thìn, nguyệt thìn sinh, ví dụ nhật thìn hoặc nguyệt kiến là thổ, lúc đó phục thần dậu kim được thổ của nhật thìn hoặc nguyệt kiến sinh nên phục thần hữu dụng.

2) Phục thần vượng tương, ví dụ nhật thìn hoặc nguyệt kiến là thổ hoặc kim. Ngoài ra phục thần hợp với nhật thìn hoặc nguyệt kiến cũng gọi là vượng và hữu dụng.

3) Phục thần được phi thần sinh, ví dụ trong quẻ "Tiểu súc" thê tài thìn thổ là phi thần, tài sinh quan là phi thần sinh phục thần. Như thế gọi là phục thần được phi thần sinh mà hữu dụng.

4) Phục thần được hào động sinh, ví dụ hào động là thê tài mùi thổ, thổ sinh kim. Như thế gọi là phục thần nhờ hào động mà có sức nên trở thành hữu dụng.

5) Phục thần được nhật thìn, nguyệt kiến, hào động xung khắc phi thần, ví dụ phi thần không phải là thê tài thìn thổ mà là tử tôn ngộ hỏa. Lúc đó nhật thìn, hoặc nguyệt kiến, hoặc hào động là tý thủy. Rõ ràng là phi thần bị xung khắc. Phi thần bị xung khai, do đó phục thần dậu kim không bị phi thần ngộ hỏa khắc hại nữa nên trở thành hữu dụng.

6) Phi thần bị tuần không, phá, hưu tù, nhập kho, ví dụ phi thần là tử tôn ngộ hỏa gặp ngày bình tuất là vừa bị hưu tù không vong, lại nhập mộ kho, như thế là thực không, thực phá nên không có lực để khắc hại phục thần nữa, phục thần đương nhiên là hữu dụng.

Phục thần vô dụng là không tốt. Dưới đây cử ví dụ về năm mặt để giải thích vấn đề, độc giả căn cứ lý luận như trên mà tự hiểu.

1) Phục thần hưu tù vô khí.

2) Phục thần bị nhật thìn hoặc nguyệt kiến xung khắc.

3) Phục thần bị phi thần vượng tương khắc hại.

4) Phục thần bị mộ tuyệt ở nhật thìn hoặc nguyệt kiến hoặc phi thần.

5) Phục thần hư tù tuần không.

Năm trường hợp trên phục thần đều là vô dụng, tức là dụng thần vừa không hiện trong quẻ lại vừa vô dụng, cho nên việc cần đoán không có hy vọng gì.

VI. THẦN VÀ SÁT THƯỜNG DÙNG CỦA SÁU HÀO

Thần, sát là một cặp thần sát hung. Trong quẻ gặp được cát thần, thông thường là chỉ thiên ất quý nhân, tức là được quý nhân phù trợ. Trong quẻ có hung thần ác sát, tất nhiên là không tốt. Vì sát thần trong đoán quẻ ứng dụng không nhiều cho nên ở đây chỉ giới thiệu cát thần.

1. Thiên ất quý nhân

Giáp, mậu đi với trâu, dê; Ất, kỷ đi với chuột, khí;

Bính, đinh đi với lợn, gà; Nhâm, quý đi với thỏ, rắn;

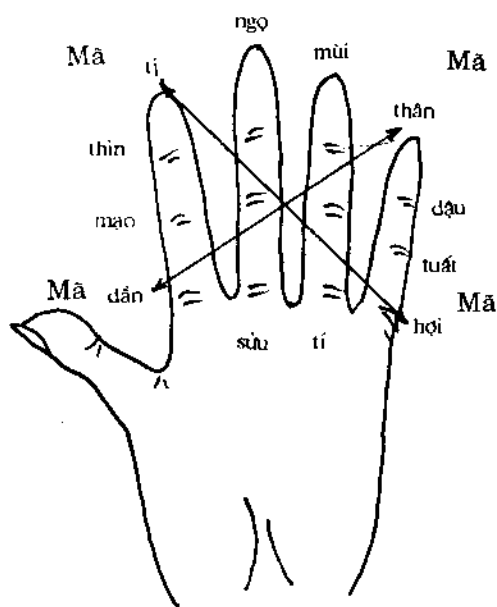
Canh, tân đi với hổ, ngựa;

Đó là các quý nhân.

Trong dự đoán theo sáu hào giáp, mậu đi với trâu, dê là chỉ ngày giáp hoặc ngày mậu là thiên can dụng thần lâm sừ thổ hoặc mùi thổ hoặc nguyên thần để sinh trợ dụng thần, hoặc có trong hào biến, như thế đều gọi là quý nhân giúp đỡ. Nếu quẻ đã tốt thì càng tốt, nếu gặp hung cũng sẽ hóa thành tốt. Kỳ nhất là quý nhân gặp phải kỵ thần giúp đỡ đối phương để khắc lại dụng thần, nếu gặp phải như thế thì đã xấu càng xấu.

2. Mã tinh

Thân, tý, thìn : mã ở dân; dần, ngo, tuất : mã ở thân;



Hình bàn tay tam hợp cục mã tinh.

Ty, dậu, sửu : mã ở hội;
hợi, mao, mùi : mã ở ty.

Mã tinh như là ngựa chủ về chạy khỏe, tượng về động. Trong dự đoán theo sáu hào mã tinh chủ yếu dùng để dự đoán sự động tĩnh của người đi xa. Nhất là ngày nay đất nước đang mở cửa, thầy Thiệu Vi Hoa đã dùng mã tinh để đoán cho những người ra nước ngoài dạy học, tham quan đã rút được rất nhiều kinh nghiệm, đoán rất thành công.

Thân, tý, thìn : mã ở dân
là nói khi đoán vào các ngày thân, tý, thìn mà dụng thần

là dẫn, tức là quẻ có mã tinh. Nếu mã tinh gặp hào động lại có lợi cho dụng thần thì mã tinh là tốt. Những trường hợp khác cũng suy luận như thế.

Cách nhớ là : chỉ cần nhớ trong thân, tý, thìn hào đối xung của thân là dẫn, thì dẫn là mã tinh; trong dẫn, ngọ, tuất hào đối xung của dẫn là thân, thân là mã tinh; trong tý, dậu, sừ hào đối xung của tý là hợi, hợi là mã tinh; trong hợi, mao, mùi, hào đối xung của hợi là tý, tý là mã tinh. Về tam hợp cục của thân, tý, thìn trước đây đã có giới thiệu, nay giới thiệu thêm hình bàn tay biểu thị mã tinh.

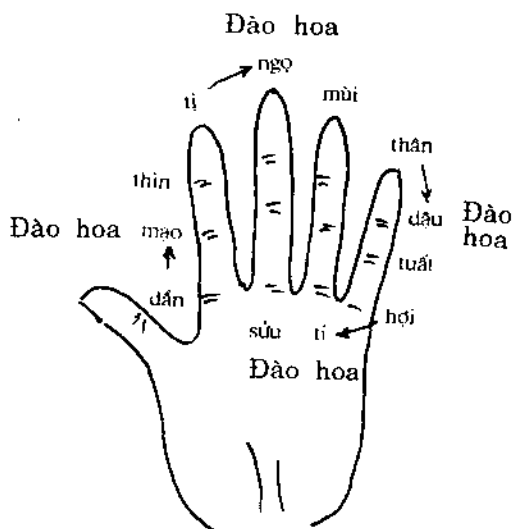
3. Đào hoa

Dẫn, ngọ, tuất kiến mao; Tý, dậu, sừ kiến ngọ;

Thân, tý, thìn kiến dậu; Hợi, mao, mùi kiến tý.

Trong dự đoán theo sáu hào, đào hoa chủ yếu dùng để đoán hôn nhân và tài vận.

Dẫn, ngọ, tuất kiến mao là nói khi đoán việc nào các ngày dẫn hoặc ngọ, tuất nếu dụng thần là mao tài thì dụng thần gặp đào hoa. Đoán khi nào có người yêu, khi dụng thần vượng thì đó là lúc có người yêu hoặc là lúc thành hôn. Những trường hợp khác cũng tương tự. Cách nhớ là chỉ cần nhớ trong dẫn, ngọ, tuất ngôi sau dẫn là mao, tức là đào hoa. Trong tý, dậu, sừ, ngôi sau tý là ngọ, ngọ là đào hoa. Trong thân, tý, thìn ngôi sau thân là dậu, tức dậu là đào hoa. Trong hợi, mao, mùi, ngôi sau hợi là tý, tức tý là đào hoa. Xem hình bàn tay.



Hình bàn tay tam hợp cục đào hoa.

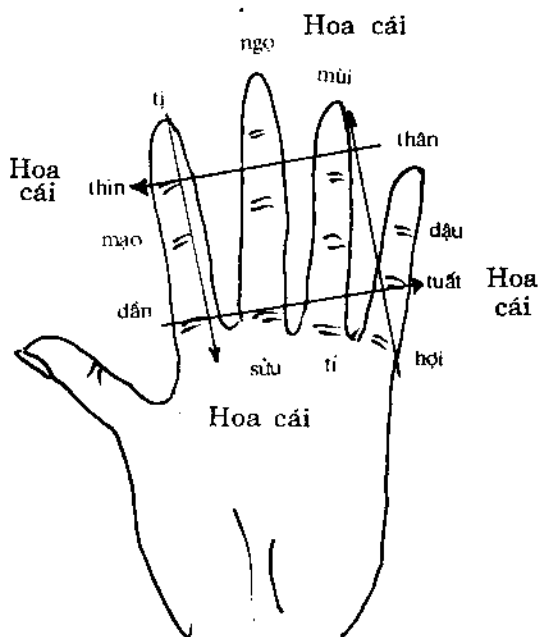
4. Hoa cái

Dẫn, ngọ, tuất kiến tuất; tý, dậu, sừ kiến sừ; thân, tý, thìn kiến thìn; hợi, mao, mùi kiến mùi.

Sao Hoa cái trong dự đoán theo sáu hào thường dùng để chỉ người xuất gia. Nếu quẻ gặp hoa cái thì trong mười người phải có đến 8, 9 người xuất gia tu hành.

Dần, ngo, tuất kiến tuất là nói đoán việc vào các ngày dần, ngo, tuất, dụng thân có tuất, tức quẻ gặp sao Hoa cái. Những trường hợp khác cũng được hiểu tương tự.

Cách nhớ là : trong dần, ngo, tuất : tuất là cuối cùng, trong thân, tý, thìn là thìn...



Hình bàn tay tam hợp cục hoa cái.

Chương 7

ĐOÁN HÀO

Cuối đời Đường, đầu đời Tống tương truyền có thầy Trần Chuyên giỏi về tướng thuật, là danh nhân thuật số trong lịch sử Trung Quốc. Cách đoán quẻ Hỏa Chu Lâm của ông đã nêu ra "căn cứ để quyết định quẻ là lấy lục thân làm chủ". Ông chủ trương dùng sinh khắc hình hại, hợp mộ vượng không của ngũ hành để đoán quẻ. Lý luận đó là kế thừa lý luận của nhà dịch học Kinh Phòng. Nó đã đặt nền tảng vững chắc cho việc truyền bá đoán quẻ về sau này. Phương pháp đó cũng là tiền thân cho phương pháp đoán quẻ theo sáu hào hiện nay.

Phương pháp của sách "Hỏa Chu Lâm" thiên về khảo sát mối quan hệ giữa các yếu tố hợp thành quẻ, nguyên tắc cơ bản của nó là căn cứ vào sinh, khắc, chế, hóa của ngũ hành. Nói một cách khái quát là phương pháp đoán quẻ của sách Hỏa Chu Lâm là căn cứ vào sự xuất hiện của các nhân tố như dụng thân, nguyên thân, kỵ thân, tiến thân, thoái thân, phi thân, phục thân, hào động, hào biến ở trong quẻ, đồng thời khảo sát vị trí các ngôi và thời gian xuất hiện của chúng, cũng như mối quan hệ sinh phù tương hợp, hình xung khắc hại giữa chúng để xác định so sánh lực lượng giữa các yếu tố, lấy đó làm xu thế phát triển của sự việc cần đoán.

Trong chương này chúng ta ngoài việc giới thiệu các kiến thức về sáu hào và quy luật để nắm vững và ghi nhớ chúng còn giới thiệu công dụng của chúng. Dưới đây sẽ quy nạp thành hệ thống hoàn chỉnh để tiện cho đọc giả dễ hiểu.

I. CÁC QUY TẮC ĐOÁN QUẺ

1. Quy tắc xác định dụng thân

Dụng thân là hào chủ sự, là nhân tố quan trọng nhất trong các nhân tố. Xác định không đúng dụng thân sẽ đoán quẻ không chính xác.

1) Dự đoán cát hung thì lấy hào thế làm dụng thân, dụng thân là mình, hào ứng là người khác.

2) Phàm đoán những vật hay người che chở cho mình đều lấy hào phụ mẫu làm dụng thân.

3) Phàm những vật hoặc người gò bó mình đều lấy quan quý làm dụng thân.

4) Những người cùng thế hệ với mình thì lấy hào huynh đệ làm dụng thần.

5) Đoán những vật hoặc những người bị mình sai khiến bao gồm cả đoán cho vợ và những người phụ nữ ngang vai vợ thì lấy hào thê tài làm dụng thần.

6) Đoán về con cháu, lấy hào tử tôn làm dụng thần.

7) Khi quẻ xuất hiện hai dụng thần nói chung là chọn hào vượng tướng làm dụng thần, bỏ hào suy nhược hoặc không có lực.

2. Quy tắc xác định dụng thần không vong

Khi việc cần đoán gặp không vong thì khó được cứu. Nếu những việc cần tránh hoặc xấu gặp không vong thì tốt. Ngoài dụng thần không vong ra thì các hào khác gặp không vong đều có thể dùng được, lúc đó không thể đoán là không có gì. Vì vậy quy định dụng thần gặp không vong gồm có các trường hợp sau :

1) Hào gặp hào tuần không lại bị nguyệt kiến xung.

2) Hào không vong là hào tĩnh.

3) Phục thần không vong lại còn bị khắc.

Đối với hào đích thực là không vong quy định như sau :

1) Thổ của mùa xuân là chân không.

2) Kim của mùa hạ là chân không.

3) Mộc của mùa thu là chân không.

4) Hỏa của mùa đông là chân không.

5) Các tháng Thìn Tuất Sửu Mùi thì thủy là chân không.

3. Điều kiện của sinh khắc

Giữa các ngũ hành đều có mối liên hệ tác dụng lẫn nhau. Tuy nhiên khi đoán quẻ không thể sử dụng hết các mối quan hệ giữa các ngũ hành, vì như thế sẽ tuần hoàn mãi và không phân biệt được cái chính cái phụ, tức là không xác định được đầu mối. Do đó khi đoán quẻ cần phải nắm vững các mối quan hệ chủ yếu và bỏ qua các mối quan hệ thứ yếu. Đối với nguyên thần sinh dụng, hoặc kỵ thần khắc dụng thần, cũng như mối sinh khắc giữa các hào trong quẻ và sự sinh khắc của nhật thìn, nguyệt kiến đều là có điều kiện. Cụ thể như sau :

1) Nguyệt kiến, nhật thìn có thể sinh khắc các hào trong quẻ, còn các hào thì không thể sinh khắc nguyệt kiến, nhật thìn.

2) Hào động có thể sinh khắc hào tĩnh, còn hào tĩnh thì không thể sinh khắc hào động.

3) Hào được biến ra trong quẻ biến có thể quay đầu sinh khắc hào động trong quẻ chủ đã biến ra nó. Hào biến trong quẻ biến không thể sinh khắc các hào khác trong quẻ biến.

4) Hào vượng tương có thể sinh khắc hào suy nhược, còn hào suy nhược không thể sinh khắc hào vượng tương.

4. Lục hợp :

Phải có đầy đủ các điều kiện sau :

Ở phần trên đã nói, có lục hợp là tam hợp thành cục. Đầu tiên ta bàn về lục hợp. Nói chung quẻ được hợp thì mọi việc được bền vững, có đầu có đuôi. Nhưng cần phải chú ý : đối với việc tốt nên gặp hợp, hợp thì sự việc dễ thành; đối với việc xấu không nên gặp hợp, gặp phải hợp việc càng khó giải quyết. Cho nên lục hợp phải có đầy đủ các điều kiện sau mới có thể phán đoán là tốt hay xấu.

1) Nhật thìn, nguyệt kiến có thể hợp với các hào trong quẻ. Khi nhật nguyệt hợp với hào tĩnh của quẻ gọi là sự hợp lại. Hào tĩnh bị hợp có nghĩa là vượng tương. Khi nhật nguyệt hợp với hào động trong quẻ thì gọi là hợp chặt, nó khiến cho hào động không thể phát động để gây tác dụng.

2) Trong quẻ hào hợp với hào thì cả hai hào phải đều động. Nếu trong đó có một hào không động thì không thể gọi là hợp được, cả hai hào đều tĩnh càng không thể thành hợp. Hai hào đều động để thành hợp thì gọi là sự hợp tốt, làm cho dụng thần càng vượng tương, có sức.

3) Hào do hào động hóa xuất ra có thể hợp với hào động đó, ví dụ hào sừ động hóa xuất thành hào tý, tý sừ tương hợp với nhau gọi là sự hóa xuất sinh phù, tức là hào hóa xuất sự tương phù.

4) Sáu quẻ trong hào, 3 hào quẻ nội hợp với 3 hào quẻ ngoại gọi là quẻ gặp lục hợp, cho dù các hào đó động hay tĩnh.

5) Quẻ lục xung biến thành quẻ lục hợp cho dù hào động hay hào tĩnh đều được cả.

6) Quẻ lục hợp biến thành lục hợp được gọi là hợp từ đầu đến cuối.

5. Điều kiện tam hợp thành cục

Tam hợp thành cục có cát có hung, không thể chỉ nói một cách đại khái là trường hợp nào cũng tốt. Ví dụ đoán quẻ cầu mưu thì việc đang bán khoản lo lắng nên hợp thành cục, như thế có nghĩa là sự việc được lâu dài bền bỉ. Nếu đoán về kiện tụng mà việc đương bán khoản lo lắng lại hợp thành cục

thì sự việc sẽ rất khó khăn. Khi đoán công danh hợp thành quan cục gọi là quan vượng; hợp thành tài cục thì có thể đoán sự việc được phát triển, đó đều là những điểm tốt. Nhưng nếu hợp thành tử tôn cục, vì tử tôn làm thương hại quan, nên sự việc sẽ không thành.

II. BÀN VỀ SINH KHẮC GIỮA LỤC THÂN VÀ CÁC HÀO ĐỘNG

Trong phần bàn về sự phối xếp lục thân, chúng ta đã có hiểu biết sơ bộ về quan hệ đối với lục thân. Trong phần bàn về nguyên thần, dụng thần, kỵ thần, cứu thần chúng ta cũng đã có nhận thức bước đầu. Nay bước sang phần đoán quẻ hào chúng ta phải kết hợp chúng lại để độc giả nắm vững được toàn diện hơn và dễ thực hiện.

1. Sự sinh khắc của lục thân

Trong tiết này trước khi bàn về sự sinh khắc của hào động, để tiện đối chiếu, ta lấy lục thân làm dụng thần và tổng kết mối quan hệ của nó với nguyên thần, kỵ thần, cứu thần như sau :

DỤNG THẦN	NGUYÊN THẦN	KỶ THẦN	CỨU THẦN
Hào phụ mẫu	Quan quý	Thê tài	Tử tôn
Hào huynh đệ	Phụ mẫu	Quan quý	Thê tài
Hào tử tôn	Huynh đệ	Phụ mẫu	Quan quý
Hào thê tài	Tử tôn	Huynh đệ	Phụ mẫu
Hào quan quý	Thê tài	Tử tôn	Huynh đệ

Lục thân tương sinh : Phụ mẫu → Huynh đệ → Tử tôn → Thê tài → Quan quý → Phụ mẫu.

Đó là mối quan hệ tương sinh tuần hoàn.

Lục thân tương khắc : Phụ mẫu → Tử tôn → Quan quý → Huynh đệ → Thê tài → Phụ mẫu. Đó là mối quan hệ tương khắc cách ngôi.

Cái sinh ra dụng thần là nguyên thần, khắc dụng thần là kỵ thần, bị dụng thần khắc là cứu thần.

2. Sinh khắc của lục thân và hào động

Quẻ có sáu hào lại phân ra hào động và hào tĩnh, có hào động ít có hào động nhiều. Trong các sách "Bốc phệ chính tôn - Túy Kim Phú" và "Chu dịch dự đoán học" đã bàn khá kỹ về sự có lợi và bất lợi, cũng như cát hung của hào động. Sau khi đọc phần đó chắc độc giả đã có khái niệm sơ bộ về cát hung của các hào, đồng thời biết được mối quan hệ sinh khắc của lục

thần. Ở đây xin giới thiệu rõ hơn mối quan hệ sinh khắc giữa hào động với các hào ở những mức nặng nhẹ khác nhau như sau :

"Tử động sinh tài, không nên bị phụ mẫu kiềm chế". Hào tử tôn là phúc thần, là nguyên thần của tài. Do đó hào tử tôn phát động là lợi lớn cho hào tài, cầu tài gặp được là đại cát. Hào phụ mẫu là kỵ thần của hào tử tôn. Cho nên khi hào tử tôn phát động thì hào phụ mẫu không nên động, vì động tất sẽ khắc hào tử tôn.

"Huynh động khắc tài, tử động có thể giải cứu". Hào huynh đệ là họa kiếp tài, cho nên khi hào huynh đệ phát động thì không lợi cho cầu tài, cầu hôn. Nhưng nếu hào huynh đệ và hào tử tôn đồng thời phát động thì hào huynh đệ không những không kiếp tài khắc thế mà còn có lợi cho hào thế tài. Như thế là vì huynh đệ động sinh tử tôn, tử tôn động sinh thế tài tức là liên tục tương sinh. Cho nên người ta nói thế tài mừng được hào huynh đệ và hào tử tôn đều động để tương sinh.

"Tài động sinh quý, kỵ nhất huynh đệ động". Hào tài là nguyên thần của hào quan quý. Đoán cầu danh hoặc quan vận nên gặp hào thế tài phát động để sinh quan. Hào huynh đệ là thần kiếp tài, là họa phá tài, cho nên khi hào tài động, thì hào huynh đệ tĩnh mới là tốt.

"Tử tôn khắc quan quý, nếu hào tài động thì có thể khắc phục được". Hào tử tôn là kỵ thần của quan quý. Do đó khi đoán cầu danh hoặc quan vận, kỵ nhất là hào tử tôn phát động. Nhưng nếu hai hào tử tôn và thế tài đều động thì tử tôn động sinh tài, tài động lại sinh quan, tức là liên tục tương sinh.

"Phụ động sinh huynh, kỵ nhất bị tài tương khắc". Hào phụ mẫu là nguyên thần của hào huynh đệ, hào tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Do đó hào phụ mẫu phát động, hào tài cũng động thì nhờ tài động khắc phụ mẫu nên phụ mẫu không thể sinh trợ được hào huynh đệ.

"Quý động khắc huynh đệ, phụ mẫu động có thể làm xi hơi". Hào quan quý là kỵ thần của hào huynh đệ. Khi đoán về việc anh em thì kỵ nhất là hào quan quý phát động. Còn nếu hào quan quý và phụ mẫu đều động thì nhờ có quý động sinh phụ, phụ động lại sinh huynh nên có lợi cho việc của anh em.

"Quý động sinh phụ, kỵ nhất là xuất hiện hào tử tôn trùng lập". Hào quan quý là nguyên thần của hào phụ mẫu. Đoán các việc về phụ mẫu hoặc văn thư, tốt nhất là gặp hào quan quý động để sinh trợ. Hào tử tôn là kỵ thần của quan quý. Do đó hào tử tôn phát động sẽ khắc chế hào quan quý để không thể sinh trợ hào phụ mẫu. Cho nên quan quý động có thể sinh phụ mẫu, lúc đó nên kỵ hào tử tôn phát động.

"Tài động khắc phụ, quý động có thể sinh trợ phụ". Hào thế tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Tài động tất sẽ khắc phụ mẫu. Nếu hào tài và quan

quý đều động, thì nhờ có tài sinh quan, quan sinh quý tức là mừng gặp được sự tương sinh liên tục.

"Huynh động sinh tử, kỵ nhất là quan quý cũng động". Hào huynh đệ là nguyên thần của hào tử tôn. Cho nên huynh đệ động thì sẽ sinh tử tôn. Hào quan quý là kỵ thần của hào huynh đệ, cho nên khi hào huynh đệ động thì hào quan quý nên yên tĩnh là tốt.

"Phụ động khắc tử, huynh đệ động không đáng ngại". Phụ mẫu là nguyên thần của hào huynh đệ. Khi nào phụ mẫu phát động thì hào huynh đệ cũng nên động. Vì phụ mẫu động sinh huynh đệ, huynh đệ động lại sinh tử tôn. Đó gọi là trong khắc có cứu nên không đáng ngại.

"Tử hưng khắc quý, phụ động sẽ kiềm chế; nếu huynh đệ động thì quan quý tất sẽ bị tổn thương". Hào tử tôn là kỵ thần của hào quan quý, tử tôn phát động tất sẽ khắc hại quan quý. Nhưng nếu được hào phụ mẫu cũng động thì sẽ chế ngự được hào tử tôn, nên hào quan quý không bị phương hại. Nếu cả ba hào : phụ mẫu, huynh đệ, tử tôn đều động thì quan quý tất nhiên sẽ bị khắc hại tổn thương.

"Tài động khắc phụ, có huynh đệ động thì không đáng lo nữa. Nếu tử tôn cũng động thì khó mà bảo đảm được an toàn cho hào phụ mẫu". Hào thê tài là kỵ thần của hào phụ mẫu. Hào tài phát động sẽ khắc hào phụ mẫu. Nếu có hào huynh đệ phát động để kiềm chế hào thê tài là tốt nhất. Vì vậy mà nói : huynh đệ động khắc tài là phụ mẫu có cứu. Nếu trong quẻ cả 3 hào : thê tài, huynh đệ, tử tôn đều phát động ta sẽ có huynh đệ động sinh tử tôn, tử tôn động sinh thê tài. Hào tài được sinh lại động khắc hào phụ mẫu, khi đó khó mà bảo đảm an toàn cho phụ mẫu.

"Phụ động khắc tử, nếu có tài động thì vô sự; nếu hào quan quý hưng vượng thì hào tử tôn tất sẽ bị tổn thương". Hào phụ mẫu là kỵ thần của tử tôn, hào tài là kỵ thần của phụ mẫu. Hào phụ mẫu động, lại có cả hào tài động, nhờ hào tài động mà chế khắc phụ mẫu, nên có thể cứu được tử tôn. Quan quý là nguyên thần của phụ mẫu, là cầu thần của tử tôn. Cho nên quan quý vượng và phát động sẽ sinh hào phụ mẫu. Phụ mẫu được sinh lại càng khắc tử tôn mạnh, nên tử tôn bị tổn thương khắc hại.

"Quý hưng khắc huynh, nhờ tử tôn động để cứu; nếu thê tài xuất hiện trùng lập thì hào huynh đệ không được lâu bền". Hào quan quý phát động sẽ khắc hào huynh đệ, lúc đó nếu hào tử tôn cũng động thì nó sẽ khắc hào quan quý, tức là trong khắc có cứu. Nếu cả ba hào tử tôn, thê tài, quan quý đều phát động, tức nhờ tử tôn động sinh tài, tài động sinh quý, quý nhờ được tài giúp đỡ nên hào huynh đệ tất sẽ bị khắc hại.

"Huynh hưng khắc tài, nhờ có quý hưng thì không đáng lo nữa; nếu hào phụ mẫu hưng thì hào thê tài tất bị khắc hại" Huynh đệ hưng vượng sẽ khắc

thê tài. Nếu có hào quan quý hung vượng để khắc chế hào huynh đệ thì hào thê tài bình an vô sự. Nhưng nếu cả ba hào quan quý, phụ mẫu, huynh đệ đều động, tức là quẻ động sinh phụ mẫu, phụ mẫu động sinh huynh đệ, huynh đệ được sinh vượng tất nhiên thê tài bị khắc hại.

III. XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

1. Thời gian ứng nghiệm của sự sinh khắc

Sáu hào của quẻ phối với lục thân, lục thân lại có quan hệ với dụng thân. Hào thế là mình, hào ứng là người khác, dụng thân là việc cần đoán. Xác định thời gian ứng nghiệm của việc cần đoán chủ yếu lấy hào thế và dụng thân làm chủ, xem hào nào sinh cho hào thế và sinh cho dụng thân. Đối với việc là cát hay hung mà nói, hào thế và dụng thân nên được tương sinh, không nên bị khắc, được tương sinh là tốt, bị khắc là xấu. Nguyên thân lâm trường sinh để vượng để sinh hợp với hào thế hay dụng thân là phúc lộc được bội tăng; kỵ thân lâm trường sinh để vượng để khắc hào thế và dụng thân thì tai họa rất lớn.

2. Thời gian ứng nghiệm khi hào thế và dụng thân được sinh

1) Thời gian ứng nghiệm khi hào thế và dụng thân được sinh

Phạm đoán các việc vui mừng, hào thế và dụng thân nên gặp nhật thìn, nguyệt kiến, hào động và hóa sinh trở lại. Cách xác định thời gian ứng nghiệm của chúng như sau :

- Khi dự đoán bệnh cho mình, nếu lấy hào thế sừ thổ làm dụng thân, hào ty, ngộ hỏa là nguyên thân thì thời gian ứng nghiệm là lúc ty, ngộ hỏa sinh sừ thổ, lúc đó bệnh sẽ khỏi.

- Nếu nguyên thân ty, ngộ hỏa không xuất hiện thì phải chờ đến lúc xuất hiện mới ứng nghiệm.

- Nếu nguyên thân ty, ngộ hỏa là hào tĩnh thì phải chờ sau lúc gặp lại ty, ngộ hỏa mới ứng nghiệm.

- Nếu nguyên thân ty, ngộ hỏa bị hào hợp thủy khắc thì phải chờ xung mất hào hợp thủy, hoặc lúc hợp, ty thủy nhập kho, đó là lúc bệnh khỏi.

- Nếu ty, ngộ hỏa là tuần không nguyệt phá thì phải chờ lúc xuất không gặp hợp, bệnh mới khỏi.

- Nếu ty, ngộ hỏa tham hợp quên sinh thì phải chờ đến lúc gặp xung, bệnh mới khỏi.

- Nếu ty, ngộ hỏa nhập hóa kho mộ thì phải chờ đến lúc xung mất kho, thời gian mới ứng nghiệm.

2) Thời gian ứng nghiệm của hào thế bị khắc và dụng thần bị khắc :

Đoán cát hung, hào thế và dụng thần bị khắc là xấu. Nhưng không thể nhất loạt cho rằng cứ hào thế, dụng thần bị khắc đều là xấu, mà muốn biết xấu hay tốt thì phải xem việc cần đoán là gì. Ví dụ đoán người đi xa khi nào trở về thì phải xem "dụng thần khắc hào thế là người sẽ về". Đó là một kinh nghiệm rất quý báu. Trường hợp dụng thần không khắc hào thế, là người chưa quay về. Nếu đoán về việc kiện tụng, lấy hào quan quý làm dụng thần. Quan quý là người ta khắc mình, nếu dụng thần quan quý bị khắc, thì không những không xấu mà ngược lại là tốt.

Cái khắc hào thế, dụng thần là kỵ thần. Hào thế, dụng thần là mộc thì kỵ thần tất phải là kim của thân Dậu. Cho nên đúng lúc thân Dậu xuất hiện tất sẽ ứng nghiệm phát sinh điều xấu. Ví dụ đoán về bệnh tật, hào thế là mao mộc, thân kim là kỵ thần thì tất nhiên khi lâm ngày, tháng thân, Dậu thì sẽ bị khắc. Nếu thân, Dậu là kỵ thần được cừu thần ngày, tháng, hào động sinh, như thế gọi là lúc ứng nghiệm bị khắc. Nếu kỵ thần hóa trường sinh hoặc lúc lâm trường sinh thì việc bị khắc cũng sẽ ứng nghiệm. Nếu kỵ thần hóa Dậu kim, thì khi gặp Dậu kim chính là lúc bị khắc. Kỵ thần hóa kỵ xung, Dậu kim động hóa thành thân, thì lúc gặp Dần xung động là lúc ứng nghiệm, hoặc thân xung cũng là lúc ứng nghiệm. Tóm lại, đoán việc xấu kỵ thần nên gặp kho, nhập kho, hóa kho hoặc lâm vào đất hưu tù tử tuyệt, hoặc hóa thoái, hóa tuyệt, hóa tử, hóa hợp là tốt nhất.

3. Thời gian ứng nghiệm của tuần không

Tuần không có cát có hung. Phạm đoán cát hung, gặp trường hợp hào thế, dụng thần là tuần không, thì đến năm, tháng, ngày giờ xuất không sự việc sẽ ứng nghiệm. Nếu là việc xấu, đúng năm, tháng, ngày, giờ xuất không tai họa sẽ đến. Ví dụ đoán cầu tài ở trong tuần giáp Thìn, được hào dẫn, mao mộc tài là dụng thần, tất phải chờ đến ngày xuất không thì mới được của; nếu đoán bệnh tật, dẫn, mao là kỵ thần, chờ đến lúc dẫn, mao xuất không thì tai họa sẽ đến.

Dụng thần tuần không phát động thì phải chờ ra khỏi tuần trực nhật thì sự việc sẽ ứng nghiệm. Dụng thần động mà gặp không, hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không sự việc sẽ ứng cát hoặc hung. Dụng thần tuần không lại gặp hợp thì phải chờ đến lúc xung khai cát hung mới ứng nghiệm. Dụng thần tuần không mà gặp khắc thì phải chờ đến lúc xuất không hoặc chế sát được thì sự việc mới ứng nghiệm. Dụng thần tuần không mà nhập kho thì phải chờ đến lúc xung mất kho mới ứng nghiệm.

4. Thời gian ứng nghiệm của gặp hợp

Khi gặp hợp thì phải phân biệt tam hợp với lục hợp. Phạm đoán việc vui mừng, gặp tam hợp hay lục hợp là tốt. Phạm đoán việc lo lắng không

may, xuất hành, người đi xa thì không nên gặp hợp. Đoán điều lo mà gặp hợp thì khó giải, khó kết quả. Đối với người xuất hành hoặc đi xa nếu gặp hợp là bị trói chặt, không động được, hoặc muốn trở về nhưng còn bị ràng buộc. Tam hợp, lục hợp mà sinh hay hợp cho hào thế, cho dụng thần là tốt, nếu xung khắc hào thế hay dụng thần là xấu. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là tốt; kỵ thần, cứu thần nhập cục là xấu. Cho nên nói tam hợp, lục hợp có cát có hung.

Tam hợp, ví dụ thân, tỵ, thìn hợp thành thủy cục. Khi dự đoán nếu quẻ trong ngày đó mà dụng thần động để thành tam hợp cục, hoặc lâm nguyệt kiến, nhật thìn để thành tam hợp cục, thì sự cát hung sẽ ứng nghiệm ngay trong ngày đó. Nếu tam hợp cục có một hào bị phá thì phải chờ đến lúc hào đó gặp hợp, cát hung mới ứng nghiệm. Nếu hào tĩnh gặp tuần không hoặc bào động hóa không thì phải chờ đến lúc xuất không cát hung mới ứng nghiệm. Ví dụ một hào tĩnh, 2 hào động thì phải chờ hào tĩnh lâm nhật thìn hoặc nguyệt kiến cát hung mới ứng nghiệm. Nếu hào tuần không gặp hợp, hào tĩnh mà gặp hợp thì phải chờ đến lúc xung khai sự việc mới ứng nghiệm. Có tam hợp tự hợp, mộ và nhật, nguyệt hợp thì phải chờ đến lúc xung khai sự hợp đó thì việc mới ứng nghiệm. Nếu nhập kho hoặc động mà kho thì phải chờ đến lúc xung khai khỏi kho sự việc mới ứng nghiệm. Nếu hóa tuyệt hoặc có một hào rơi vào tuyệt thì phải chờ đến lúc sinh vượng, sự việc mới ứng nghiệm.

Chú ý : Hào thế và dụng thần ở trong cục hoặc cục sinh hợp với hào thế; dụng thần là tốt. Cục khắc hào thế, dụng thần là xấu.

Lục hợp đại loại như tỵ hợp với sửu. Ví dụ dụng thần lâm mao mộ phát động, sau đó lúc gặp mao tuất là lúc sự việc ứng nghiệm.

5. Thời gian ứng nghiệm của gặp xung

Xung ở đây là chỉ lục xung, lục xung có điều tốt, có điều kiêng kỵ. Phàm đoán việc vui thì không nên gặp xung, xung tất sẽ làm tan vỡ. Phàm đoán việc kiện tụng, lo buồn thì nên gặp xung, xung thì sẽ tiêu tan do đó là tốt. Đoán bệnh tật nếu mới mắc bệnh mà gặp xung thì sẽ khỏi; mắc bệnh lâu gặp xung sẽ chết.

Dụng thần gặp xung, lúc gặp trở lại hợp việc sẽ ứng nghiệm. Dụng thần bị xung tuần không, lúc xuất không sự việc sẽ ứng nghiệm. Ví dụ : dụng thần là dẫn bất động, sau lại gặp ngày, tháng dẫn, thân chính là lúc sự việc ứng nghiệm.

6. Thời gian ứng nghiệm của tam hình

Tam hình chủ về các việc xấu, tai họa. Quẻ gặp phải thì họa không nhỏ. Tam hình có loại hai hào tương hình nhau, có loại 3 hào tương hình nhau.

Ví dụ : dẫn hình ty, ty hình thân, thân hình dẫn; tý hình mao, mao hình tý... Đó gọi là hai hào hình nhau. Nếu trong quẻ có dẫn, ty, thân và 1 tý hình 3 mao, 3 mao hình 1 tý gọi là ba hào tương hình nhau.

Hào thế, dụng thần gặp hình thì đúng ngày tháng trực nhật việc xấu sẽ ứng nghiệm. Trong ba hào có 1 hào tuần không, lúc hào đó xuất không việc xấu sẽ ứng nghiệm. Khi ba hào có một hào nhập kho, lúc xung kho việc xấu sẽ ứng nghiệm. Khi ba hào có một hào hưu tù, lúc hào đó sinh vượng thì việc xấu sẽ ứng nghiệm.

IV. HỌC DỰ ĐOÁN VÀ CÁC VÍ DỤ CỤ THỂ

Trong dự đoán theo sáu hào, đối với những người mới học thường sau khi lập quẻ xong không biết nên bắt đầu từ đâu. Ở tiết trên ta đã nghiên cứu các trường hợp hào động sinh khác nhau, ở tiết này ta sẽ sắp xếp các bước dự đoán thành hệ thống trước sau, độc giả có thể đi theo từng bước để dự đoán khỏi lúng túng.

Bước 1 :

1. Xem sự vượng suy, sinh khắc của dụng thần.

Trong 1 quẻ ngoài việc đoán cát hung theo hào thế và hào ứng, đó là cách đoán theo phương pháp dụng thần, vì bát quái lấy việc đoán sự việc làm chủ, cho nên khi chọn dụng thần xuất phát từ lục thân có rất nhiều cách, còn đoán theo hào thế và hào ứng thì phần nhiều là đoán cho những việc có liên quan với mình.

Dụng thần nên vượng, không nên tuần không, không nên bị không phá, mộ tuyệt; nên gặp nhật nguyệt ở vượng địa hoặc được nhật nguyệt sinh, không nên bị nhật nguyệt xung khắc; nên được hào động sinh, không nên bị hào động xung khắc hình hại.

Khi chọn dụng thần, nếu gặp trường hợp quẻ có hai dụng thần, thì rút bỏ dụng thần hưu tù, chọn dụng thần vượng tương bỏ tính lấy động, bỏ dụng thần bị nguyệt phá, bỏ dụng thần tuần không, hoặc dụng thần bị khắc phá thương tổn. Khi xuất hiện 2 dụng thần đều tính hoặc đều động, căn cứ kinh nghiệm thực tiễn nên lấy dụng thần ở gần hào thế, hoặc dụng thần được sinh trợ, hoặc dụng thần lâm nhật, nguyệt kiến.

2. Hoặc xem sự vượng suy, sinh khắc của hào thế và hào ứng.

Mức độ cát hung của tượng quẻ là lấy sự sinh khắc của quẻ thượng và quẻ hạ, quẻ thế và quẻ dụng làm tiêu chí. Còn đối với 6 hào thì lấy sự vượng suy của hào thế, hào ứng làm tiêu chí sinh khắc, trong đó hào thế là mình, còn hào ứng là đối phương hay sự việc. Hào thế như thân thể của người, nên

sinh vượng, nên được hào ứng sinh, kỵ nhất là hào thế rơi vào tử mộ bị khắc hại. Hào ứng như là đối phương hay sự việc cần đoán. Hào ứng vượng để sinh hào thế là tốt, vượng mà khắc hào thế là rất xấu. Hào thế khắc hào ứng là lợi cho mình, hào ứng khắc hào thế là lợi cho đối phương. Hai hào thế, ứng ngang hòa thì việc gì cũng có thể thành công.

Hào thế tuần không là mình không có thực lực, hào ứng tuần không là đối phương không thành thật. Hào thế động là mình biến đổi, hào ứng động là đối phương biến đổi, biến thành tốt hay thành xấu thì phải xem ngũ hành sinh khắc có lợi cho ai.

3. Hoặc xem sự vượng suy, sinh khắc của phi thần, phục thần.

Khi quẻ không có dụng thần, phải mượn dụng thần trong quẻ dẫu của cung đó. Dụng thần mượn gọi là phục thần, hào cùng ngôi trong quẻ chủ ở bên cạnh phục thần gọi là phi thần.

Phục thần khắc phi thần thì sự việc xuất hiện nhanh, (sự việc xấu mà đến nhanh); phi thần khắc phục thần là bản thân bị tổn hại. Phục thần sinh phi thần là mình bị xi hơi, phi thần sinh phục thần là mình được trường sinh. Phục thần khắc phi thần là bình an vô sự, phi thần làm hại phục thần là không yên ổn. Tóm lại : phục thần nên vượng không nên suy, nên được phi thần sinh, không nên bị phi thần khắc.

Bước 2 : Xem dụng thần có bị tuần không hay không.

Trong quẻ có lúc không những hào thế, hào ứng bị tuần không mà dụng thần cũng có thể bị tuần không. Tuần không mà vượng thì không phải là tuần không. Động cũng không phải là tuần không, hoặc được nhật thìn, nguyệt kiến sinh trợ, được hào động hóa không, phục thần vượng tương, hoặc đến ngày xuất không thì đều không còn là tuần không nữa.

Tuần không là : bị nhật phá, bị hưu tù vô động, phục thần bị khắc, bị chân không. Chân không tức là : hào thổ của mùa xuân, hào kim của mùa hạ, hào mộc của mùa thu, hào hỏa của mùa đông.

Dụng thần, nguyên thần không nên tuần không; kỵ thần, cầu thần tuần không là tốt nhất.

Bước 3 : Xem nguyên thần.

Sau khi lập được 6 hào, muốn biết việc sẽ tốt hay xấu, thành hay bại thì còn phải xem sự vượng suy của nguyên thần và nguyên thần phát động hay không. Nguyên thần nên vượng không nên suy, nên động không nên tĩnh, nên gặp nhật thìn, nguyệt kiến, không nên bị tuần không phá hại. Nếu nguyên thần sinh vượng và phát động để sinh trợ dụng thần thì mọi việc đều rất tốt.

Bước 4 : Xem ky thần.

Ky thần là cái khắc chế dụng thần. Do đó ky thần nên bị không phá, tử mộ tuyệt, không nên sinh vượng, nên tinh không nên động, nên bị khắc chế không nên bị sinh phù.

Bước 5 : Xem nhật thìn.

Nhật thìn tức là lệnh ngày, tức nhật kiến. Nhật thìn không những là tiêu chí cụ thể của sinh vượng tử tuyệt của sáu hào, mà còn là căn cứ quan trọng để dự đoán sự thành bại của sự việc.

Trong quẻ, dụng thần vượng lại được nhật kiến sinh thì càng vượng, dụng thần hưu tù nếu gặp nhật kiến sinh thì như cây khô được tưới, gặp hung hóa cát. Nguyên thần được nhật lệnh sinh để sinh trợ dụng thần thì vạn sự như ý.

Dụng thần bị nhật lệnh xung khắc hình hại là xấu. Nếu dụng thần được nguyệt kiến vượng tương thì còn vô sự, nếu dụng thần bị hưu tù vô lực thì như đã tuyết lại còn thêm sương tuyết, đã xấu lại càng xấu thêm. Tóm lại, hào tuy vượng nhưng nhật kiến có thể khắc xung, hình hại. Hào vượng tương gặp nguyệt xung không phá, nhật khắc không bị thương, gặp hào động khắc thì cũng không bị hại, gặp hào hóa khắc trở lại cũng không đến nỗi xấu.

Tác dụng của nguyệt kiến cũng giống như nhật kiến.

Bước 6 : Xem sự động, tinh của sáu hào.

Ngoài mối quan hệ sinh khắc của các hào động đã bàn đến ở trên, khi tất cả 6 hào đều tinh thì phải xem nhật thìn. Nếu nhật thìn khắc hoặc hình hại dụng thần thì tiến hành công việc phải thận trọng. Nếu được nguyên thần lâm nhật thìn để sinh trợ dụng thần là tốt.

Sáu hào đều động là loạn động, có nghĩa là việc sẽ lập đi lập lại, không rõ, không thuận. Nếu dụng thần vượng tương lại được nguyên thần sinh trợ, hoặc được ky thần và nguyên thần đều động để sinh trợ là tốt. Ngược lại dụng thần đã suy lại còn bị khắc là xấu.

Bước 7 : Xem lục hợp và tam hợp cục.

Nếu cùng dụng thần để hợp thành cục là rất tốt. Hợp thành nguyên thần cục để có thể sinh trợ dụng thần là tốt. Kỳ nhất là cùng với ky thần hợp thành cục để khắc dụng thần hoặc khắc hào thế, vì như thế là xấu.

Dưới đây sẽ phân tích một số ví dụ cụ thể, bao gồm cả sự dự đoán tổng hợp theo tượng quẻ để bạn đọc tham khảo. Trong đó có cả những ví dụ trước khi đoán còn chưa biết được dụng thần, để so sánh sự khó khăn khi phải chọn dụng thần, đồng thời đó cũng là các trường hợp thường hay gặp trong thực tế. Cho nên chúng ta vừa đoán vừa suy luận, để qua đó nêu lên một số điểm cần chú ý trong dự đoán.

1. Chọn phương pháp lập quẻ

Để đoán quẻ, phần nhiều dùng hai hình thức : lập quẻ theo thời gian và lập quẻ theo gieo đồng tiền. Phương pháp lập quẻ theo thời gian tiện lợi ở chỗ khi trong người không sẵn có 3 đồng tiền, hoặc lúc gặp việc vội vàng cần đoán ngay sự cát hung qua tượng quẻ. Lúc đó chỉ cần biết ngày tháng âm lịch là có thể lập được quẻ dễ dàng.

Nói chung phương pháp gieo đồng tiền để lập quẻ, có khi hào động nhiều hoặc ít. Đối với những người trình độ phán đoán còn có hạn, yếu lĩnh còn non thì khó đoán được chuẩn. Cho nên đối với người mới học dùng phương pháp lập quẻ theo thời gian là thích hợp nhất. Có lúc vừa nhận được tin nhưng dương sự lại không có mặt ở đó để gieo quẻ, mà lại muốn biết ngay việc đó đại thể tốt hay xấu thì dùng phương pháp lập quẻ theo thời gian, kết quả đoán sẽ khá chính xác.

Lập quẻ theo thời gian có thể căn cứ vào thời gian nhận được thông tin hoặc thời gian sự việc phát sinh. Ví dụ, mất nhẫn có mặt đá quý có thể tìm lại được không, ở đây là trường hợp như thế.

Ngày 6 tháng 12 âm lịch năm 1992 tôi nhận được một cú điện thoại đường dài của một người bạn gái họ Vương từ đảo Hải Nam gọi tới. Cô ấy bảo vì không cẩn thận nên đánh mất chiếc nhẫn có mặt đá quý trong nhà ăn khách sạn, hỏi có khả năng tìm lại được không.

Lập quẻ được quẻ "Tồn" của quẻ "Khuê". Giờ canh ngọ, ngày kỷ mao, tháng quý sửu, năm nhâm thân.

HỎA TRẠCH KHUÊ

LỤC THẦN

	Phụ mẫu tỵ hỏa -	Câu trăn
Thê tài tỵ thủy :	Huynh đệ mùi thổ - -	Chu tước
	Tử tôn dậu kim - thế, động	Thanh long
	Huynh đệ sửu thổ - -	Huyền vũ
	Quan quý mao mộc -	Bạch hổ
	Phụ mẫu tỵ hỏa - ứng	Phi xà

Vì nhẫn quý là hào thê tài, dụng thần không hiện trong quẻ nên không xem quẻ biến, mà mượn phục thần ở cung gốc của quẻ chủ. Hào thê tài tỵ thủy phục dưới hào huynh đệ mùi thổ. Trước hết hào tài không hiện trong quẻ đã là điều không hay, nguyên nhân tử tôn dậu kim lại bị nhật phá, tuy nhiên hào đó động nên không còn bị phá nữa. Nhưng dậu kim lại rơi vào hưu tù, còn gặp tuần không nên không có lực để sinh trợ phục thần, còn kỵ thần huynh đệ mùi thổ là phi thần, đúng vào giờ ngọ là lúc hào thê tài tỵ thủy gặp xung, nhưng ngược lại là lúc hào huynh đệ mùi thổ nhờ hợp mà vượng. Đó lại là hào 5 là đường đi nên có thể đoán như sau : nhẫn mất vào

giờ ngo ở trên lối đi của nhà ăn, tức bị người khác nhặt mất, là tượng khó tìm lại được.

Nếu xem tượng quẻ ta còn biết được : quẻ thượng là quẻ ly là quẻ dụng, quẻ hạ là quẻ đoài là quẻ thể, hỏa khắc kim tức dụng khắc thể, nên chắc chắn là bị tổn hao.

Qua hai ngày sau, người bạn đó báo lại vật đáng giá trị trên nghìn đồng, nhưng không tìm lại được. Lúc quay lại tìm thì có người nói : nhìn thấy có kẻ nhặt được trên lối đi.

Quẻ này phi thần khắc phục thần, hào thể tài lại không hiện trên quẻ, đó đều là tượng không tốt. Tuy nhiên về mặt tượng quẻ là vượng tướng nên có thể tìm lại được, nhưng vì nguyên thần gặp nhật phá lại hư tù không vong nên không thể ngay ngày giờ đó tìm được. Hào tý thủy lại gặp ngo xung, lúc mất vừa đúng hào huynh đệ kiếp tài nên chắc chắn là khó tìm lại được. Như thế đại thể là quẻ tổn tài, lại khó tìm được, cho nên dù hào thể tài vượng thì sự vượng đó cũng chỉ là biểu thị vật bị mất có giá trị cao mà thôi. Còn quẻ trước xung sau hợp, hay trước hợp sau xung muốn biết vật mất có tìm lại được hay không còn cần kết hợp với xem lục thần để phán đoán. Ví dụ : đoán về hôn nhân, tình yêu thì trước hợp sau xung là quy luật tự nhiên. Tóm lại là phải xem sự việc cụ thể để đoán.

Còn phương pháp lập quẻ theo gieo quẻ nói chung dùng khi người muốn đoán việc có mặt. Khi gieo quẻ, phải đặt ba đồng tiền nằm phẳng trong lòng bàn tay, hai bàn tay úp vào nhau để yên độ 1 phút, đồng thời tập trung ý niệm vào sự việc mình muốn đoán. Ví dụ đoán cho một vụ buôn bán thì ý niệm tập trung vào đạt kết quả hay không ? Cho nên việc lập quẻ theo phương pháp gieo đồng tiền thường dùng cho trường hợp người đoán quẻ có mặt. Gặp khi người đó vắng mặt thì phải tìm người ruột thịt. Ví dụ đoán mất con thì tốt nhất là người mẹ gieo quẻ, vì như thế thông tin sẽ chuẩn hơn so với bất kỳ người nào khác. Hay muốn đoán người nhà thất lạc, hoặc trẻ con bị bắt cắp hiện ở đâu, có thể tìm về được không thì người nhà phải tập trung toàn bộ ý niệm vào đó để có thể phát ra thông tin trong quẻ. Mỗi quẻ đoán cho một việc. Lúc gieo quẻ tính cả đồng tiền rơi xuống đất. Kỳ nhất là một người liên tục gieo nhiều quẻ đoán nhiều sự việc. Chúng ta có thể qua ví dụ dưới đây để thấy được cách đoán quẻ độc đáo của thầy Thiệu Vi Hoa.

Sáng ngày mậu thìn, tháng canh thân, tôi (Trần Viên) ra phố mua hàng, không may lúc đẩy cửa, cửa bị đồ kính vỡ nát, còn bị thương vào chân. Lúc trở về tôi nói với thầy Thiệu : "Hôm nay tôi thật không may..."

Thầy Thiệu liền bảo : "Đừng nói, đừng nói, để tôi rút quẻ xem sự việc ra sao" :

Vừa nói thầy Thiệu vừa rút quẻ trong bộ thẻ dự đoán theo sáu hào và nói : "Khi cô đi ra ngoài, tôi thấy trong lòng "nhảy" nhót một cái và có cảm

giác bất an, muốn biết kết cục có gặp gì không. Vì lúc đó chỉ một mình cô đi ra ngoài, nên quẻ này đương nhiên là có liên quan đến cô. Thấy Thiệu rút thẻ được quẻ như sau :

ĐIÀ HỎA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim — động
Huynh đệ hợi thủy --
Quan quý sửu thổ -- thế
Huynh đệ hợi thủy -
Quan quý sửu thổ --
Tử tôn mao mộc - ứng

LỤC THẦN

Chu tước
Thanh long
Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn

Trước hết hào quan quý trì thế là thân bất an, điều đó chứng tỏ lòng tôi nhảy thót là rất có lý. Quẻ "Minh di" vừa lập xong tức biết được cô sẽ bị thương, hơn nữa dụng thần là hào tử tôn mao mộc là cô bị hào phụ mẫu động khắc. Hào đầu là chân, nên cái bị khắc là chân. Phụ mẫu dậu kim ở quẻ Khôn động, khôn là âm khí nặng, là tượng không tốt. Cụ thể cái gì làm chân bị thương ? Quẻ Khôn có ba hào âm giống như một hàng cửa trên mặt đất, điều đó chỉ có thể là những cánh cửa kính ở tầng hầm của cửa hàng. Hào thượng ở quẻ ngoại động, tức là khi cửa bị đẩy ra ngoài đổ vỡ làm cho chân bị thương. Hào thượng là dậu kim chứng tỏ không phải cửa làm bằng gỗ mà là cửa khung kim loại lắp kính. Còn bị thương nặng hay nhẹ thì có thể xem quẻ thế sinh quẻ dụng nên biết được bị thương không đáng kể.

Ngoài ra, từ hào thượng phụ mẫu động còn có thể biết thêm lá đơn tôi nộp để xin thành lập "Trung tâm Dự đoán Thiệu Vi Hoa" đã được phê chuẩn. Đến ngày thân dậu phụ mẫu vận thư động thì sẽ có kết quả. Quả nhiên ngày thân tôi nhận được một bức thư gửi nhanh báo tin đã được phê chuẩn.

Theo thông lệ, dự đoán thì phải đoán cho từng việc một. Thấy Thiệu Vi Hoa chủ yếu mỗi quẻ đoán cho một việc nên thông tin rất tập trung, đặc biệt là khi lập quẻ bằng gieo quẻ thì lại càng như thế. Song, sau khi lập được quẻ trong quá trình đoán còn có thể thấy thêm được một số thông tin khác, nên không những thỏa mãn được vấn đề cần hỏi cho người đoán, mà còn có thể dự báo cho họ một vài thông tin khác. Quẻ lập theo thời gian thường thể hiện được thông tin nhiều mặt. Chỉ cần tìm đúng dụng thần là có thể đoán được cho một số việc. Tuy nhiên người đoán phải trên cơ sở tổng kết rất nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn thì mới có thể vừa đoán trọng tâm cho một việc, đồng thời kết hợp nói thêm vài việc khác.

2. Khi nào thì chọn dụng thần, hay chọn hào thế ?

Trong dự đoán theo sáu hào, nhiều độc giả viết thư đến hỏi khi nào thì trực tiếp lấy dụng thần trong lục thân, khi nào thì dùng hào thế, hào ứng ?

Thông thường bí quyết chọn như sau : nếu đoán một sự việc cụ thể nào đó thì có thể chọn dụng thần trong lục thân. Ví dụ dự đoán những thông tin có liên quan đến cha mẹ, tài liệu, sách vở, văn thư, thư từ, điện báo, hợp đồng, v.v... thì lấy dụng thần là hào phụ mẫu. Tóm lại là đoán cho việc cụ thể hay người cụ thể thì lấy dụng thần trong lục thân.

Khi đoán những việc có liên quan với mình thì dùng hào thế, hào ứng để đoán. Hào thế là mình, hào ứng là đối phương. Đối phương có thể là người đại diện cho đơn vị hợp tác, cũng có thể là một vụ buôn bán. Tóm lại đối phương có thể là đối tượng chưa biết. Ta có thể thông qua quan hệ sinh khắc chế hóa giữa hào thế và hào ứng để biết đối phương thật hay giả và xu thế phát triển của sự việc.

Có một số độc giả cảm thấy cùng một quẻ nhưng kết quả xem theo cách lấy dụng thần và xem theo cách hào thế, hào ứng lại không giống nhau. Nói chung không thể như thế. Mấu chốt là ở chỗ kỹ thuật chọn dụng thần có chính xác hay không. Dưới đây qua ví dụ (qua tín hiệu từ Ngạc Châu truyền đến) là trường hợp chưa biết nên chọn dụng thần ra sao, nhưng qua phán đoán tổng hợp đối với các hào nên đã tìm ra được dụng thần cần chọn và cuối cùng đã dự đoán chính xác.

Giờ Thìn, ngày kỷ Sửu, tháng Mậu Ngọ, tức là 2 giờ trước lệnh tháng 6 ngày 18 tháng 5 âm lịch, thầy Thiệu Vi Hoa nghe máy điện thoại tút tút và đoán biết là điện thoại đường dài từ quê gọi đến. Thấy Thiệu e rằng bà mẹ tuổi cao, sợ có việc gì đó, nên bảo tôi gieo quẻ để đoán. Tôi căn cứ theo thời gian lập được quẻ "Phủ" của quẻ "Tụng".

QUẺ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ -
Thê tài thân kim -
Huynh đệ ngộ hỏa - thế
Huynh đệ ngộ hỏa --
Tử tôn thìn thổ -
Phụ mẫu dẫn mộc -- ứng

QUẺ BIẾN : PHỦ

Tử tôn tuất thổ -
Thê tài thân kim -
Huynh đệ ngộ hỏa -
Phụ mẫu mao mộc --
Huynh đệ ty hỏa --
Tử tôn mùi thổ --

Đầu tiên thử lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Phụ mẫu dẫn mộc tuy không có nguyên thần sinh trợ, lại còn ở đất hưu tù hóa thành xỉ hơi, nhưng không có dấu vết gì là bị khắc (thê tài là hào khắc phụ mẫu, đòi hỏi thê tài thân kim phải lâm lệnh tháng 7 tức là lúc kim vượng thì mới có tượng khắc phụ mẫu). Do đó bỏ cách xem theo dụng thần, xem theo cách hào thế, hào ứng : huynh đệ trì thế, tôi đoán là việc cần tiền hay việc tiêu tiền. Hào thế hào ứng tương sinh là tượng khi nào cũng tốt. Thấy Thiệu gọi điện đường dài hỏi ngay quả nhiên là cô em út gọi điện hỏi về tin có nhà tư bản nước ngoài nào đầu tư cho quê hương không. Khi hỏi tin về cha mẹ thì được biết

điều bình thường, riêng bà mẹ áp huyết hơi cao một tý đang uống thuốc. Ngày 7 tháng 7 tháng thân ở quê lại gọi điện nhắn tin đến. Thấy Thiệu gieo quẻ, quả nhiên là có những tin không lợi cho mẹ :

QUẺ CHỦ : TIẾT

Huỳnh đệ tý thủy -- động
 Quan quý tuất thổ --
 Phụ mẫu thân kim -- ứng
 Quan quý sừu thổ --
 Tử tôn mao mộc --
 Thê tài ty hỏa -- thế

QUẺ BIẾN : TRUNG PHÙ

Tử tôn mao mộc --
 Thê tài ty hỏa --
 Quan quý mùi thổ --
 Quan quý sừu thổ --
 Tử tôn mao mộc --
 Thê tài ty hỏa --

Dụng thần là phụ mẫu thân kim mộ ở nhật thin, quan quý bốn lần xuất hiện, bủa vây phụ mẫu nhiều lớp, đó là tượng bệnh tật nhiều. Quan quý sừu mùi tuất là tam hình đều có. Thổ quý là bệnh tý vị. Khi đoán bệnh, quan quý là bệnh, hiện nay thổ nhiều vùi lấp kim là tượng không có quan quý để sinh phụ mẫu, là tình hình nguy kịch. Nhưng may phụ mẫu thân kim lâm nguyệt kiến, lại có bạch hổ lâm dụng thần nên được giúp đỡ, ngày dần có thể xung động hào phụ mẫu, ngày mùi xung khai hào sừu, tức tam hình mộ kho bị phá, ngày mùi thổ vượng có thể sinh thân là bệnh sẽ tốt dần. Qua điện thoại quả nhiên mẹ thấy Thiệu vì bệnh dạ dày nên đi ỉa chảy hôn mê. Thấy Thiệu yêu cầu cô em lập tức đưa bà mẹ vào bệnh viện cấp cứu, nếu tình hình biến xấu phải gọi điện ngay.

Gần một tuần lễ sau, em trai gọi điện báo : ngày hôm sau đã đưa mẹ vào viện (ngày dần xung động hào phụ mẫu thân kim). Sau đó bà mẹ đã ngừng ỉa chảy và bệnh đỡ dần, hôm nay ra viện. Hôm nay đúng ngày mùi, quẻ Trung phù của quẻ Tiết đã sớm lộ rõ thông tin đó.

3. Cách chọn các hào trong quẻ

Trong dự đoán theo sáu hào có những hào có mối quan hệ tốt hoặc xấu với dụng thần, hào thế, như nguyên thần sinh trợ dụng thần, hào thế; kỵ thần khắc chế dụng thần, hào thế, đối với cứu thần thì phải xem nó động để giúp ích hay có hại cho dụng thần hay hào thế. Những mối quan hệ sinh khắc này ở phần trên đã giới thiệu, nhưng trong thực tế ứng dụng có một số hào dù là hào động nhưng vì nó không có quan hệ lợi ích thiết thân với dụng thần và hào thế, có một số hào động như cứu thần không có nguyên thần hoặc kỵ thần cùng động nên cũng không có tác dụng gì. Đối với dự đoán theo tượng quẻ thì việc chọn tượng loại của vạn vật cũng tương tự như thế, then chốt là phải thành thạo, điều luyện, sau đó mới có thể linh hoạt vận dụng. Dưới đây đề cử một số ví dụ để nói rõ : làm thế nào để chọn được dụng thần hoặc tượng loại của quẻ một cách hợp lý để đoán đúng sự việc cần đoán

Cuối cùng là cách tổng hợp các thông tin như thế nào để đi đến những kết luận một cách khoa học, đầy sức thuyết phục.

Sáng ngày tân mùi, tháng canh thân, dưới tầng một báo tin lên có điện báo. Thấy Thiệu xuống lấy đồng thời bảo tôi, gieo quẻ xem việc gì. Tôi theo thời gian lập được quẻ Tụy, sáu hào động.

QUẺ CHỦ : TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ -- động

Huynh đệ dậu kim - ứng

Tử tôn Hợi thủy -

Thê tài Mão mộc - -

Quan quý Tỵ hỏa -- thế

Phụ mẫu mùi thổ --

QUẺ BIẾN : THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu Tuất thổ -

Huynh đệ thân kim -

Quan quý Ngọ hỏa -

Thê tài Mão mộc --

Quan quý Tỵ hỏa - -

Phụ mẫu mùi thổ --

Vì là hỏi sự việc, chưa rõ cát hung nên tạm thời chưa nói đến thời gian ứng nghiệm. Đầu tiên chưa xem đến quẻ biến để tránh đoán quẻ bị nhiễu.

Nếu là chưa có tin điện báo đến, từ hào phụ mẫu động cũng có thể thấy rõ là việc văn thư. Từ toàn quẻ mà nói chứng tỏ thông tin của quẻ rất rõ ràng. Ta bắt đầu xem từ tượng quẻ.

1) Qua tượng quẻ thấy rõ : quẻ dụng là Đoài, quẻ thể là Khôn. Quẻ thể sinh quẻ dụng là chủ về việc hao tổn. Đoài là tranh cãi, Khôn là không có gì. Thể sinh dụng là vì một việc không đâu mà có tranh cãi cho nên là việc hao tổn.

2) Xét theo 6 hào mà nói, hào quan quý trì thể tương sinh hào phụ mẫu động tất nhiên là chuyện văn thư của phía đối phương. Phân tích đến đây thì đại thể việc cần hỏi đã rõ ràng.

Ta lại xét đến quẻ biến :

1) Theo tượng quẻ mà xét : quẻ biến vẫn là thổ sinh kim tức có thể dự đoán không có điều gì xấu, yên tâm.

2) Theo sáu hào mà xét : hào phụ mẫu động hóa tiến, vì tượng quẻ của quẻ biến vẫn là sự hao tổn nhưng không có điều gì xấu cho nên sự hóa tiến ở đây không có ý nghĩa gì nhiều trong thực tế, mà thực chất chỉ có ý hóa thành không (ngày tân mùi gặp Tuất hợp là không vong).

Nếu xét đến hào từ của Chu dịch thì ta thấy : hào từ của hào thượng quẻ Tụy nói : không gặp tai họa gì.

Thấy Thiệu vừa lên đến nhà tôi lập tức nói : là việc của Bưu điện phải không ? Thấy Thiệu nói : Cô đã đoán như thế nào ? Để đánh giá sự phán đoán của tôi, nên thầy Thiệu vẫn giữ nguyên sắc mặt không biểu lộ ý gì. Cho đến khi tôi thuật lại toàn bộ quá trình, thầy mới nói là tôi đoán đúng. Nguyên

là sự việc như sau : hai hôm trước thầy Thiệu có đánh một bức điện về nhà, không hiểu vì nguyên nhân gì mà Bưu điện không tìm được địa chỉ, nên phía Bưu điện trả lời thầy Thiệu bằng một lá thư : địa chỉ thất lạc không gửi được.

Theo lệ thường mà nói, khi nghe tin có điện báo thì phần nhiều là ở quê có việc. Ở đây hào phụ mẫu trong quẻ lại động, nên rất dễ liên tưởng đến bức điện có liên quan với cha mẹ. Nhưng theo tượng quẻ hào phụ mẫu ở quẻ Đoài động, (đó là dấu hiệu hào phụ mẫu không phải là cha mẹ mà là văn thư). Quẻ Đoài trong tượng loại là tranh cãi, tức là trên thư tín có việc tranh cãi, Như thế tức là căn cứ vào tượng loại của quẻ để bàn đến sự việc chứ không bàn đến con người. Quẻ thể không nên được hiểu theo tượng loại quẻ Khôn là mẹ, mà phải hiểu Khôn là không. Quẻ thể Khôn sinh cho quẻ dụng Đoài tức là thư tín có liên quan đến không có địa chỉ. Thể sinh dụng tức là có hao tổn. Hào thể ở trong sáu hào là dụng thần của sự việc, quan quý là phía Bưu điện, hào phụ mẫu động được hào quan quý sinh cho nên đoán là thư tín của Bưu điện. Hào phụ mẫu động hóa không chứng tỏ đó là thông tin và tượng quẻ đã chỉ ra. Lại theo hào từ chứng tỏ là việc không có hại, tức là phí mất một bức điện đánh đi mà không đạt kết quả gì.

4. Cách chọn hào từ

Nói đến hào từ, trong Chu dịch có 64 quẻ, gồm 386 hào. Mỗi hào đều có hào từ nói rõ cát hung. Thông thường cách chọn hào từ là : khi đã có tên quẻ thì ý nghĩa sự việc cát hung cơ bản đã được xác định. Đối với người mới học mà nói thường rất khó xác định cách chọn hào từ thích hợp, đặc biệt là khi kết quả dự đoán theo tượng quẻ và theo sáu hào mâu thuẫn nhau thì càng khó định đoạt. Cho nên đối với những người chưa thành thạo không nên dùng hào từ để đoán.

Phần ba

CÁC VÍ DỤ MỚI VỀ ĐOÁN QUÊ CỦA THIỆU VĨ HOA

Ở Phần Ba của sách này tôi chọn ra 20 quẻ trong số các quẻ của thầy Thiệu Vĩ Hoa đoán trong hơn một năm nay. Trong số thí dụ đó có quẻ đoán theo tượng quẻ, có quẻ đoán theo sáu hào. Để giúp những bạn mới học tham khảo, bao gồm cả những quẻ lấy lục thân làm dụng thân. Ví dụ, hào phụ mẫu là dụng thân, có quẻ đoán về cha mẹ, nhưng lại cũng có quẻ đoán về việc văn thư. Ngoài ra còn có các quẻ lấy thê tài, quan quý hoặc tử tôn, hay huynh đệ làm dụng thân. Có những quẻ rất bình thường, nhưng cũng có những quẻ ý nghĩa rất điển hình; có những quẻ rất giản đơn, nhưng ngược lại có những quẻ rất thần kỳ. Trong các ví dụ cố gắng phân tích, chú giải cách phán đoán từ đơn giản đến phức tạp.

Từ góc độ người và sự việc được đoán mà nói thì đủ các màu sắc, các tầng lớp, các địa phương. Qua đó ta càng có dịp để kiểm nghiệm và so sánh đoán người và sự việc hiện tại so với các thí dụ cổ, tức cũng là một dịp để hoàn thiện và phát triển kinh nghiệm dự đoán cho cuộc sống hiện đại ngày nay. Mong rằng qua các ví dụ này sẽ là một gợi ý cho những học giả mới nhập môn.

Ví dụ 1. Đêm nay nhất định có điện thoại.

Có một vị công chức cao cấp ở một Cục nào đó của Bắc Kinh, ngày 23 tháng 5 âm lịch năm 1993, con gái bỏ nhà đi. Đã hơn nửa tháng vẫn bật vô âm tín. Ông bố rất nóng ruột xin nhờ đoán quẻ. Vì đã trải qua nhiều người đoán, cuối cùng mới tìm được thầy Thiệu Vĩ Hoa để nhờ đoán con gái hiện ở đâu ? và có quay về không ? Ngày giáp dần, tháng kỷ mùi, gieo được quẻ Cấn.

QUẺ CẤN :

Quan quý dân mộc - thê

Thê tài tý thủy --

Huynh đệ tuất thổ --

Tử tôn thân kim - ứng

Phụ mẫu ngộ hỏa --

Huynh đệ thìn thổ --

Dầu tiên thấy Thiệu Vì Hoa nhờ tôi lập tứ trụ của cô gái ấy. Sau khi cân bằng các thông tin trong tứ trụ, thầy Thiệu nói với người đó : cháu gái bỏ đi với một bạn trai. Người bố nguyên chỉ nói là vì thi đại học không đỗ, bị gia đình phê bình nên bỏ đi. Nhưng khi nghe thầy Thiệu nói đúng sự thật thì đã thừa nhận đúng thế.

Thầy Thiệu tiếp tục xem quẻ, rồi nói : Không nên nóng ruột. Nếu muốn về ngay thì cô ấy cũng chưa về, nhưng nếu không nhắc gì thì cô ấy cũng vẫn quay về. Theo quẻ ở đây thì rất tốt, cháu gái nhất định sẽ trở về, vì dụng thần khắc thế, tức là phải chờ. Trong vòng 2 ngày sẽ quay về. Người đến đoán tuy ngưỡng mộ thầy Thiệu mà đến, nhưng thấy con gái đi đã lâu, mà nay theo quẻ lại ứng nghiệm nhanh đến thế thì có vẻ lưỡng lự nghi ngờ. Thầy Thiệu nói tiếp : tối nay, trước 11 giờ bác nên gọi điện thoại dài về quê, sẽ có tin tức của cháu gái. Khi nào cháu về thì nhớ báo lại cho tôi biết. Người đó ra về vẫn còn bán tín, bán nghi. Hai ngày sau, thầy Thiệu nhận được điện thoại qua giọng nói rất xúc động được biết : cô gái đó hôm qua đã về thành phố, nhưng không dám về nhà ngay, mà chỉ gọi điện thoại về, tỏ ra rất hối hận về hành động của mình.

Từ góc độ quẻ lục xung mà nói, là người đi ra ngoài đang đi rất nhiều nơi, chưa có hiện tượng quay trở về. Nhưng quẻ này tốt ở chỗ, dụng thần tử tôn thân kim ám động khắc hào thế chúng tỏ là con đã sắp trở về. Sở dĩ dặn gọi điện trước 11 giờ là vì sau 11 giờ thì không còn là ngày dần nữa, cho nên phải đúng trong ngày dần mới có tin.

Quẻ này là quẻ sáu hào tĩnh. Phàm quẻ sáu tĩnh thì tin tức khá ổn định, chứ không thay đổi bất thường như quẻ sáu hào động, vì thế việc đoán được dễ dàng.

Ví dụ 2. Đã đi qua nhiều sông núi, dền miếu.

Có một đồng chí công an thành phố có con gái 17 tuổi, ngày mồng 6 tháng 3 nhuận âm lịch năm 1993, vì tức giận mà bỏ đi. Bố mẹ đã nhờ rất nhiều người tìm kiếm, cũng nhờ nhiều người dự đoán nhưng tin tức rất lung tung vì vậy việc tìm kiếm không có phương hướng. Cuối cùng tìm đến thầy Thiệu, hy vọng sẽ biết được con còn sống hay chết.

Thầy Thiệu sau khi xem qua tứ trụ nói : cháu bé này rất hiếu thắng, năm sinh lại là mã tinh, đại vận là mã vận, năm nay tiểu vận lại gặp mã tinh. Trong mệnh có mã tinh lại gặp xung nên việc đi là tất nhiên dễ hiểu. Cho dù có trở về thì vẫn còn đi, cho nên phải quản lý giáo dục tốt, nếu không dễ có chuyện. Sau đó, lại căn cứ vào quẻ gieo được là quẻ Bôn của quẻ Ly (ngày quý mao, tháng đinh ty).

QUÊ CHỦ : LY

Huỳnh đệ ty hỏa - thế
 Tử tôn mùi thổ —
 Thê tài dậu kim —
 Quan quý hợp thủy - ứng
 Tử tôn sừ thổ —
 Phụ mẫu mao mộc -

QUẢ BIẾN : BÔN

Phụ mẫu dân mộc -
 Quan quý tý thủy —
 Tử tôn tuất thổ —
 Quan quý hợp thủy -
 Tử tôn sừ thổ —
 Phụ mẫu mao mộc -

Hào tử tôn xuất hiện hai lần tức có hai dụng thần. Chọn tử tôn mùi thổ hào năm gần hào thế làm dụng thần. Dụng thần được nguyệt kiến sinh vượng nên người đang sống. Hào thế lâm nguyệt kiến, vượng để sinh dụng thần là sẽ quay về.

Thầy Thiệu nói rất rõ ràng và có căn cứ nên bố mẹ cháu gái rất phấn khởi vì được biết con còn sống và có khả năng trở về.

Theo tượng quẻ mà nói trong quẻ Ly có tượng quẻ đại khâm (☶). Khâm là thủy, sau khi động biến thành cấn là núi, là đền miếu. Cho nên đoán cô này đã vượt qua nhiều núi sông và qua những chỗ có đền miếu.

Xác định ngày về : là lấy ngày dụng thần được sinh. Trong quẻ thời điểm dụng thần được sinh là ngày hỏa vượng, nên đoán thời gian quay về có thể vào lúc giao thời tiết lệnh của tháng 4 và tháng 5, muộn nhất không quá tháng 6 tức tháng mùi là lúc hỏa đang còn hư khí. Ngày về gần đây nhất có thể là từ mồng 4 đến mồng 6 tháng tư, hoặc 16 đến 18 tháng tư.

Tâm thành nên rất ứng nghiệm. Quả nhiên ngày 16 tháng tư thì tìm được và ngày 18 tháng tư thì lên đường, ngày 19 về tới nhà. Qua mấy ngày sau gia đình đã báo lại cho thầy Thiệu biết. Thầy Thiệu còn căn dặn : cô gái không nên đi nữa. Cô ấy hầu như cũng rất hiểu đạo lý, chẳng qua vì không biết mệnh của mình nên không tự kiểm chế mà thôi.

Trong ví dụ này, hào động thê tài dậu kim động hóa sinh trở lại. Khi đoán quẻ này mỗi quẻ sinh khác đối với dụng thần không có ảnh hưởng trực tiếp gì, nên không lấy đó làm cơ sở để đoán. Độc giả trong cách chọn dụng thần để đoán theo hào cần phải chú ý phán đoán hợp lý sự việc để tìm được cách chọn dụng thần chính xác.

Ví dụ 3. Trước phá sau hợp thì mới đoán bỏ nhà đi.

Ngày mồng 1 tháng mười năm 1992 có một người ở Quảng Đông nhờ bạn đón thầy Thiệu về để đoán việc. Nguyên là người yêu của anh ấy sau khi cãi vã nhau, giận hờn mà bỏ đi. Đến nay đã hơn 20 ngày, anh ta sợ người yêu nông nổi làm điều dại dột nên vội vàng muốn tìm được cô ấy ở đâu để đưa về và để dễ bề ăn nói với bố mẹ cô ấy.

Ngày canh tuất, tháng kỷ dậu đoán được quẻ Phủ của quẻ Tụy.

QUÊ CHỦ : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ ---
 Huynh đệ dậu kim - ứng
 Tử tôn hợi thủy -
 Thê tài mao mộc ---
 Quan quý ty hỏa -- thê
 Phụ mẫu mùi thổ ---

QUÊ BIẾN : PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ -
 Huynh đệ thân kim -
 Quan quý ngọ hỏa -
 Thê tài mao' mộc ---
 Quan quý ty hỏa --
 Phụ mẫu mùi thổ ---

Trước hết quẻ Tụy là tượng cát, như vậy quẻ tốt đã rõ. Lại xem sáu hào : căn cứ thê tài làm dụng thần, dụng thần thê tài mao mộc gặp không, chứng tỏ người nữ trẻ tuổi này chưa kết hôn. Thê tài là hư là không. Người nữ này đi ra chưa trở về cũng có nghĩa là không, hào của quẻ lại gặp nguyệt phá nên đối với cô này rất bất lợi. Nhưng may nhờ dụng thần hợp nhật thin, đáng lẽ là phá thân nhưng vì người đã bỏ đi xa cho nên không còn là nạn phá thân nữa. Hợp là hợp chặt, hợp thì vượng, hợp sẽ không bị phá tức là phá có cứu. Do đó người đang sống, đi về phía đông. Mấy ngày nữa hào thê tài được sinh vượng, nhất định sẽ trở về. Ngày mồng 7 tháng 7 xuất không, lại gặp hợp, ngày đó nhất định sẽ về.

Sau khi đoán được ba ngày thì người bạn nhận được điện báo cô ấy đã về tối hôm qua, đúng vào ngày hợi. Nguyên thần tử tôn hợi thủy vượng nên sinh lợi cho hào thê tài mao mộc.

Thông thường đoán người đang đi xa, vì đầu tiên ra đi nên sau đó mới có chuyện quay trở về, cho nên trước tiên quẻ phải ứng gặp xung hoặc phá, sau đó mới bàn đến hợp. Nếu đoán cho hôn nhân có bền chặt hay không, nếu đã kết hôn thì trước tiên là hợp, sau đó mới xem có bị xung hoặc phá không (đương nhiên cũng có trường hợp đã ly hôn sau đó lại hỏi có quay trở lại với nhau không, gặp trường hợp đặc biệt như thế thì phải xem quẻ có xu hướng hợp hay không). Trong ví dụ này có vấn đề mệnh lý, và vấn đề trước xung sau hợp vì vậy khá phức tạp. Mong rằng đây là ví dụ có nhiều gợi ý để độc giả tham khảo mà phán đoán cho linh hoạt và sát với thực tế hơn.

Ví dụ 4. Có một công chức, ông bố lần đầu đến Thâm Quyến. Có một hôm đi bách bộ quanh nhà, vì thành phố đông người nên đã lạc đường về. Ông cụ tuổi đã ngoài 80, sức nhớ kém nên không nói rõ được địa chỉ nhà mình. Gia đình rất hoảng hốt nhờ bạn tìm đến thầy Thiệu nhờ đoán. Thầy Thiệu gieo quẻ xong, liền an ủi nói : Không can gì. Ngày 9 tháng 2 cụ sẽ trở về, muộn nhất là ngày 26 tháng hai âm lịch, tức trước ngày 8/1 dương lịch sẽ tìm thấy cụ. Còn dặn thêm nên dán những tờ thông báo tìm người về phía tây bắc và đông bắc. Người con rất mừng, vội về làm ngay. Hai hôm sau quả nhiên có người dẫn ông cụ tới tận nhà, hỏi đầu đuôi mới biết nguyên cụ nhìn thấy tờ thông báo tìm mình liền ngồi ngay dưới đó chờ đợi. Có người tốt

bụng nhìn thấy cụ giống ảnh dán ở thông báo liền hỏi rõ đầu đuôi và giúp dẫn về nhà.

Quẻ này ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch năm 1994, (tức ngày mậu dần, tháng giáp dần) là ngày bị mất cụ già liền đến gieo quẻ. Tượng quẻ là quẻ Phong hỏa gia nhân.

QUẺ : GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc -
Tử tôn ty hỏa - ứng
Thê tài mùi thổ --
Phụ mẫu hợi thủy -
Thê tài sừ thổ -- thê
Huynh đệ mao mộc -

Dụng thân là hào phụ mẫu hợi thủy, hợp với nhật thìn nguyệt kiến mà vượng, là tượng có thể quay về. Đoán ngày mồng 9 tháng hai âm lịch là vì ngày ty vượng xung mất hợi thủy. Kết quả đã về trước đó một ngày vì đã bỏ qua ngày thứ ba là ngày canh thìn có hợi thủy nhập kho là tượng về nhà.

Đoán thời gian quay về muộn nhất là trước ngày mồng 8, đó là ngày hào phụ mẫu lâm vượng. Giấy thông báo tìm người nên dán ở phía tây bắc vì đó là phương hợi thủy vượng, hợp với dân phương đó là đông bắc cũng vượng.

Ví dụ 5. Người đến được chỉ vì nguyên thân xuất không.

Ngài Sài Đôn Kỳ là biên tập viên ở Hồng Kông đã hẹn trước với tôi sẽ đến Thâm Quyến để bàn về bản thảo. Sau giờ cơm trưa vẫn chưa thấy đến, không biết còn có thể đến không, nên theo ngày mậu tý, tháng canh thân gieo được quẻ "Dự" của quẻ "Tấn".

QUẺ CHỦ : TẤN

Quan quý ty hỏa - động
Phụ mẫu mùi thổ --
Huynh đệ dậu kim - thê
Thê tài mao mộc --
Quan quý ty hỏa --
Phụ mẫu mùi thổ -- ứng

QUẺ BIẾN : DỰ

Phụ mẫu tuất thổ --
Huynh đệ thân kim --
Quan quý ngộ hỏa -
Thê tài mao mộc --
Quan quý ty hỏa --
Phụ mẫu mùi thổ --

Ông Sài là bạn nên lấy hào huynh đệ dậu kim làm dụng thân. Dụng thân lâm nguyệt kiến vượng để tri thế, thì đáng lẽ người phải đến. Nhưng quan quý ty hỏa động nên cùng với hào phụ mẫu mùi thổ liên tục tương sinh để sinh hào thê, nhưng ty hỏa động mà hóa kho nên giờ ty vẫn chưa ra khỏi nhà được. Ngày mậu tý gặp ngộ mùi tuấn không, giờ ngộ xuất không, nhưng hào quan quý ngộ hỏa trong quẻ biến đang lúc lâm vượng nên khắc hào thê

huynh đệ cho nên giờ đó vẫn không đi nổi, phải chờ đến giờ mùi hào phụ mẫu mùi thổ xuất không lâm vượng thì mới có thể sinh cho hào thế. Cho nên giờ mùi xuất không người sẽ đến.

Thầy Thiệu lại lập quẻ, theo gieo quẻ thấy cũng ăn khớp với quẻ lập theo thời gian, đều là giờ mùi thì người đến. Quả nhiên ông Sài đến đúng giờ mùi và nói : do ở nhà khởi hành muộn. Sau khi nghe kể lại, ông Sài nói : thầy Thiệu gieo quẻ thật thần kỳ. Thầy đoán tôi 1 giờ rưỡi chiều thì đến. Tôi đến trước cửa là lúc 1 giờ 35 phút. Cô Trần mở cửa liền reo lên : lần này thầy Thiệu đoán sai giờ. Thực tế thì tôi đến lúc 1 giờ 30, chẳng qua còn đứng trước cửa nói chuyện với khách nên chưa ấn chuông mà thôi. Quẻ này gọi là nguyên thần xuất không sinh dụng thần.

Ví dụ 6. Hào huynh đệ hóa thoái là dấu hiệu em gái quay về.

Ngày mồng 5 tháng 7 (tức ngày át hợi, tháng canh thân), năm 1993, em gái tôi sống ở Hồng Kông hẹn sẽ đến thăm tôi. Trời đã chiều mà người vẫn chưa đến. Tôi liền gieo một quẻ được quẻ "Tiểu quá" của quẻ "Hàm".

QUẺ CHỦ : HÀM

Phụ mẫu mùi thổ — ứng
Huynh đệ dậu kim — động
Tử tôn hợi thủy —
Huynh đệ thân kim — thế
Quan quý ngọc hỏa —
Phụ mẫu Thìn thổ —

QUẺ BIẾN : TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ —
Huynh đệ thân kim —
Quan quý ngọc hỏa —
Huynh đệ thân kim —
Quan quý ngọc hỏa —
Phụ mẫu Thìn thổ —

Lấy hào huynh đệ dậu kim làm dụng thần, động mà hóa thoái nhất định là ngày chủ nhật người đông quá không qua được hải quan nên quay trở về. Thầy Thiệu Vi Hoa ngồi bên cạnh bổ sung thêm : hào huynh đệ dậu kim gặp không hóa thoái, chắc chắn là không đến. Quả nhiên đúng thế, về sau tôi nhận được điện báo xin lỗi thất hẹn, vì qua cửa khẩu người đông quá, hẹn ngày khác sẽ đến thăm.

Quẻ này hào huynh đệ xuất hiện hai lần, tức có hai lần dụng thần. Chọn hào dậu kim động bỏ hào thế thân kim vì huynh đệ dậu kim ở hào năm là đường đi động mà hóa thoái, tức là chọn hào động, nên chọn hào này làm dụng thần là phù hợp với thực tế.

Ví dụ 7. Đang xa nhà, nếu quẻ gặp lục xung là không thuận.

Ngày 1 tháng 11 (tức ngày giáp dần, tháng tân hợi) năm 1992 có 1 học viên đưa đến một quẻ vừa gieo ngày hôm đó để nhờ thầy Thiệu đoán. Ông ấy nói là : vợ hôm qua đã lên tàu đáng lẽ sáng nay đến nhà, nhưng người ở nhà nói hiện nay vẫn chưa về, không hiểu trên đường có xảy ra điều gì không. Ông ấy gieo được quẻ "Bôn" của quẻ "Ly".

QUÊ CHỦ : LY

Huynh đệ tỵ hỏa - thế
 Tử tôn mùi thổ -
 Thê tài dậu kim -
 Quan quý hợi thủy - ứng
 Tử tôn sừ thổ -
 Phụ mẫu mao mộc -

QUÊ BIẾN : BÔN

Phụ mẫu dấn mộc -
 Quan quý tỵ thủy -
 Tử tôn tuất thổ -
 Quan quý hợi thủy -
 Tử tôn sừ thổ -
 Phụ mẫu mao mộc -

Căn cứ quẻ gieo hôm nay mà nói thì buổi sáng nên về đến nhà, nhưng quẻ Ly là ngộ hỏa, giờ ngộ tàu hỏa vẫn còn đang chạy. Quẻ Ly là quẻ lục xung, chúng tôi giờ ngộ còn chưa đến ga cuối cùng, tức tàu chạy đến chậm giờ. Người đi xa, quẻ gặp lục xung là không thuận. Song yên tâm, hào thê tài động hóa sinh trở lại, giờ tuất nhất định sẽ đến nhà.

Ngày hôm sau, học viên đó báo lại vợ đã về đến nhà vào giờ tuất. Về chậm vì trên đường có một chuyến tàu hàng đến gần Thiều Quan của Quảng Châu bị hỏa hoạn, cho nên các chuyến tàu trên tuyến đó đều chậm giờ.

Thời gian ứng nghiệm của ví dụ này là giờ dụng thần động hóa sinh trở lại.

Ví dụ 8. Hào tài không hiện trên quẻ là vật mất không thể tìm lại được. Ngày 21 tháng 1 năm 1993, có một thanh niên vì không cẩn thận đánh rơi dây chuyền vàng trị giá hơn 5 nghìn nhân dân tệ. Muốn đoán xem có tìm lại được không. Theo ngày giáp tý, tháng giáp dần, lập được quẻ "Càn" của quẻ "Tiệm".

QUÊ CHỦ : TIỆM

Quan quý mao mộc - ứng
 Phụ mẫu tỵ hỏa -
 Huynh đệ mùi thổ - động
 Tử tôn thân kim - thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa - động
 Huynh đệ thìn thổ - động

QUÊ BIẾN : CÀN

Huynh đệ tuất thổ -
 Tử tôn thân kim -
 Phụ mẫu ngộ hỏa -
 Huynh đệ thìn thổ -
 Quan quý dấn mộc -
 Thê tài tỵ thủy -

Hào tài không hiện trên quẻ thì đoán vật mất không tìm lại được, nếu là cầu mưu thì việc cũng chẳng thành. Trong quẻ biến có hào thê tài tỵ thủy bị hào huynh đệ của quẻ chủ động kiếp tài nhập thìn kho, hào hai phụ mẫu của quẻ chủ cũng động hóa sinh trở lại cho hào huynh đệ nên kiếp tài càng hung. Hào tài bị hào huynh đệ thìn thổ cướp đi và giấu mất. Hào tài là tỵ thủy cũng là mất vào giờ tý. Từ tượng quẻ mà xét, tổn mộc khắc căn thổ, tổn là trưởng nữ, là bị người phụ nữ lấy mất. Cậu Lâm nói : xét sự việc diễn biến đúng là như thế. Buổi tối quay về hơi muộn, lúc rửa mặt đã bỏ dây chuyền trên bồn rửa, lúc quay vào nhà quên mất. Gia đình bên cạnh cũng

dùng chung bốn nước với tôi có một người phụ nữ bình thường vẫn hay cấp vật, lần này mười phần thì có đến tám chín phần là bà ta nhặt được, nhưng vì không có chứng cứ gì, nên đành chịu mất.

Ví dụ 9. Mất chứng minh thư, biết tìm ở đâu ?

Ngày 4 tháng 4 (tức ngày nhâm ngọ, tháng ất tỵ) năm 1992 Vương Văn Vinh là người bạn láng giềng hôm sau sẽ lên máy bay mà chứng minh thư bị mất đâu chưa tìm thấy. Vội quá không biết làm cách nào tôi liền bảo anh ta lắc một quẻ để xem có mất thật không. Được quẻ "Sư" :

QUẺ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim — ứng
Huynh đệ hợi thủy —
Quan quý sừ thổ —
Thê tài ngọ hỏa — thê
Quan quý thìn thổ —
Tử tôn dần mộc —

Thấy Thiệu bước đến xem quẻ thấy trong quẻ dụng thần phụ mẫu gặp không, nhưng quẻ không có hào động chứng tỏ sự việc chưa có gì thay đổi. Phụ mẫu dậu kim tuy tuần không nhưng được nguyệt kiến và hào quan quý sừ thổ hợp thành kim cục vượng. Ngày hôm nay tuần không, xuất không thì có. Cho nên đến ngày hoặc giờ thân, dậu thì sẽ tìm được. Trong quẻ, quẻ thượng là khôn là vật mềm, hào sáu là dụng thần cho nên chứng minh thư nên ở trong vật mềm chỗ cao. Vương Văn Vinh nghe xong liền quay về tìm, quả nhiên chứng minh thư kẹp trong một cái túi để trên nóc nhà.

Ví dụ 10. Hợp lâu tất sẽ phân, vật phát triển đến cực điểm tất sẽ quay lại.

Ngày 21 tháng 11 năm 1992 (tức ngày quý hợi, tháng nhâm tỵ) có một anh họ Đỗ được người bạn dẫn đến nhờ đoán xem bản hợp đồng làm biển quảng cáo ở nhà ga Thâm Quyển có hoàn thành được hay không. Thấy Thiệu gieo được quẻ "Ích" của quẻ "Hàng".

QUẺ CHỦ : HÀNG

Thê tài tuất thổ — ứng
Quan quý thân kim —
Tử tôn ngọ hỏa —
Quan quý dậu kim — thê
Phụ mẫu hợi thủy —
Thê tài sừ thổ —

QUẺ BIẾN : ÍCH

Huynh đệ mao mộc —
Tử tôn tỵ hỏa —
Thê tài mùi thổ —
Thê tài thìn thổ —
Huynh đệ dần mộc —
Phụ mẫu tỵ thủy —

Quẻ này sáu hào đều động. Khi gieo quẻ đã làm cho người ta có cảm giác sự việc không rõ ràng. Nhưng quẻ ngang hòa là tượng việc dễ thành,

hào thế, hào ứng tuy tương sinh cho nhau, nhưng trong sinh có hại, cho nên là việc tương hại. Hào thế là mình có dấu kim hóa thìn thổ, hào bốn ngũ hỏa và hào hai hợp thủy đều động, hình thành sự tự hình, tức sự tương hại đó là phía mình tạo nên. Thìn dấu hợp với kim, hào thế dấu kim động hóa sinh trở lại, hợp với thìn thổ là phía mình tự hợp chặt lấy thế tài. Lục hợp hóa lục hợp, hợp lâu tất sẽ phân, vật phát triển đến cực đỉnh tất sẽ quay lại, cho nên nói quẻ này đại cục là tương hại đã rõ ràng.

Việc này kết quả cụ thể như sau : khi bên B xây dựng xong biển quảng cáo thì phía ông Đỗ không cần cứ hợp đồng trả khoản tiền còn lại đúng thời gian cho bên B. Bên B không chịu và đã phản đối bằng cách gỡ đi bảng quảng cáo, chỉ để lại giá khung. Đối phương nói : khi nào chi khoản tiền cuối cùng thì mới lắp lại biển.

Người bạn mang ông Đỗ đến khi nhìn thấy chúng tôi đoán quẻ như thế thì rất hối hận và nói rằng, nếu biết sớm sự việc như thế này thì trả quách tiền cho xong để khỏi chuốc lấy hậu quả rắc rối. Bản thân tôi thâm nghĩ : chính anh cũng đã biết được hậu quả sẽ như thế rồi sao !

Ví dụ 11. Ngày được tài là ngày có thể đòi nợ.

Ngày đình hợp, tháng quý mao năm 1992, có một người họ Nguyễn đến thăm và xin đoán quẻ xem có đòi nợ được không. Lập được quẻ "Vô vọng" của quẻ "Phệ hạp".

QUẺ CHỦ : PHỆ HẠP

Tử tôn ty hỏa -

Thê tài mùi thổ — ứng

Quan quý dấu kim -

Thê tài thìn thổ —

Huỳnh đệ dần mộc — thế

Phụ mẫu tý thủy -

QUẺ BIẾN : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ -

Quan quý thân kim -

Tử tôn ngũ hỏa -

Thê tài thìn thổ —

Huỳnh đệ dần mộc —

Phụ mẫu tý thủy -

Thê tài mùi thổ là hào ứng, gặp tuần không lại hóa xì hơi, cho nên món tiền đó hiện tại chưa có. Thìn thổ của hào tài lại ở tử địa là có tiền nhưng không nhiều. Hào thế khắc hào tài là mình đi đòi tiền nhưng hôm nay tiền chưa có, phải chờ đến ngày sừ mới có và lúc đó mới đòi được. Số tiền của món nợ này cụ thể là bao nhiêu, ta có thể đoán như sau : Hào tài mùi thổ là số 5 cho nên có thể đoán 5 nghìn đồng. Quả nhiên ngày sừ đòi được món nợ 5.000 đôla Hồng Kông.

Ví dụ 12. Đồng Mác tăng giá tự hiện trong quẻ.

Ngày 11 tháng 2 năm 1992, ông Diệu giám đốc công ty tập đoàn quốc tế của Hồng Kông muốn giữ lại số tiền đồng Mác (của Tây Đức) nhưng không yên tâm nên muốn đoán để biết đồng Mác Tây Đức bao giờ thì lên giá ? Ngày kỷ sừ, tháng quý mao gieo được quẻ "Tụng" của quẻ "Gia nhân".

QUÊ CHỦ : GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc -
 Tử tôn tỵ hỏa - ứng
 Thê tài mùi thổ --
 Phụ mẫu hợi thủy -
 Thê tài sữu thổ -- thế
 Huynh đệ mao mộc -

QUÊ BIẾN : TỤNG

Thê tài tuất thổ -
 Quan quý thân kim -
 Tử tôn ngộ hỏa -
 Tử tôn ngộ hỏa --
 Thê tài thìn thổ -
 Huynh đệ dần mộc --

Quê được hào tài sữu thổ trì thế lại lâm nhật kiến hóa thành tiến thần thìn thổ. Mùi thổ tuy lâm nhật phá, nhưng động hóa thành ngộ hỏa, sinh trở lại để hợp, thành hào vượng tướng. Vì động nên không còn bị phá, vượng cũng là không bị phá, hợp lại với nhau càng vượng, đó là vượng cát, là tượng đồng Mác lên giá. Trong quê này hào động rất nhiều, động tức là không có lợi, tức là tượng không thuận. Quê này xuất hiện hai dụng thần vì là cầu tài nên có thể đoán có thể làm hai vụ buôn trở lên. Từ hôm nay đến trước cuối tháng 6 âm lịch thì sự việc sẽ thành.

Sau khi đoán quê, thấy Thiệu hỏi ông đó có định giữ lại đồng Mác chờ tăng giá không. Ông ấy nói, khi chưa đoán đã định làm thế rồi, nay đoán xong lại càng quyết tâm làm. Đến tháng 6 âm lịch đồng tiền châu Âu giảm giá rất nhiều, trực tiếp ảnh hưởng đến kinh tế châu Âu, duy có đồng Mác Đức là vẫn đứng vững, nên ông Diệu đã thu được một món lớn.

Ví dụ 13. Huynh đệ nhiều là kiếp tài, chỉ vì máy mất.

Ngày 27 tháng 3 nhuận năm 1993, có một học viên đã máy mất nhiều hôm mà không làm sao ngừng được. Do đó ông ta tự gieo một quê và đưa đến nhờ thầy Thiệu đoán (ngày kỷ hợi, tháng đinh tỵ).

QUÊ CHỦ : THÁI

Tử tôn dậu kim -- ứng
 Thê tài hợi thủy --
 Huynh đệ sữu thổ --
 Huynh đệ thìn thổ - thế
 Quan quý dần mộc -
 Thê tài tỵ thủy -

QUÊ BIẾN : TỈNH

Thê tài tỵ thủy --
 Huynh đệ tuất thổ -
 Tử tôn thân kim --
 Tử tôn dậu kim -
 Thê tài hợi thủy -
 Huynh đệ sữu thổ --

Hào huynh đệ trì thế là chủ về việc kiếp tài, hao phí. Hào tài hai lần xuất hiện lại đều động là chủ về tài không thuận. Hào huynh đệ cũng hai lần xuất hiện, được nguyệt kiến sinh vượng, lại gặp hào thê tài hợi thủy, động hóa thành hào huynh đệ khắc trở lại, anh em đông là tượng kiếp tài. Hào huynh đệ thìn thổ tuy gặp tuần không nhưng vượng nên không còn là không, xuất không thì sẽ kiếp tài. Nhưng quê này tốt ở chỗ nhờ được hóa hợp nên mất của ít. Quả nhiên ngày thìn đúng là lúc xuất không và ngày tỵ

hào thê tài hội thủy gặp lúc nguyệt phá nên đã mất hai món tiền nhưng không lớn lắm.

Ví dụ 14. 50 triệu đôla thật hay giả ?

Ngày 9 tháng 2 (tức ngày tân tỵ, tháng giáp dần) năm 1993 một bà giám đốc rất linh lợi tháo vát ở Thâm Quyển suýt bị lừa, vì một ngân phiếu trị giá 50 triệu đôla muốn đổi thành ND tệ, có nên đổi hay không ? Vì thấy Thiệu thấy bà giám đốc này gây dựng cơ nghiệp rất vất vả nên đã đáp ứng lời mời của bà nhận làm cố vấn. Khi thấy Thiệu đoán về việc này, qua quẻ phát hiện thấy có thông tin giả liền kịp thời cảnh báo khuyên bà. Ban đầu bà không tin là giả và nói chiều hôm nay sẽ quyết định trả lời. Thấy Thiệu lại khẳng định một lần nữa, nếu không tin thì bà chờ xem.

QUÊ CHỦ : LŨ

Huynh đệ tỵ hỏa -
Tử tôn mùi thổ --
Thê tài Dậu kim - ứng
Thê tài thân kim -
Huynh đệ ngọ hỏa --
Tử tôn thìn thổ -- thế

QUÊ BIẾN : KHẨM

Quan quý tỵ thủy --
Tử tôn tuất thổ -
Thê tài thân kim --
Huynh đệ ngọ hỏa --
Tử tôn thìn thổ -
Phụ mẫu dần mộc --

Trong trường hợp không rõ thực chất của đối phương, tốt nhất lấy phía mình làm hào thế, đối phương làm hào ứng để đoán việc. Trong ngày tân tỵ thì thân Dậu là tuần không, hào ứng là đối phương là hào thê tài hưu tù gặp không lại hóa thoái cho nên dù thực chất đối phương ra sao, có thành ý hay không thì kết quả đều là giả, là không.

Sau đó bà giám đốc với tình cảm rất xúc động báo lại cho thấy Thiệu biết, nhờ lời cảnh tỉnh của ông, qua kiểm tra phát hiện thấy ngân phiếu giả. May không thì sẽ mắc lừa, tổn thất không bao giờ bù nổi.

Ví dụ 15. Đoán xem có mượn được 50 triệu đồng không.

Ngày 22 tháng 5 bà giám đốc ở ví dụ trên lại nhờ thầy Thiệu đoán xem, định mượn ngân hàng một khoản tiền lớn không biết có kết quả không. Ngày giáp ngọ, tháng kỷ mùi, gieo được quẻ Lâm của quẻ Đoài.

QUÊ CHỦ : ĐOÀI

Phụ mẫu mùi thổ -- thế
Huynh đệ Dậu kim -
Tử tôn hội thủy --
Phụ mẫu Sửu thổ -- ứng
Thê tài Mão mộc -
Quan quý tỵ hỏa -

QUÊ BIẾN : LÂM

Huynh đệ Dậu kim --
Tử tôn hội thủy --
Phụ mẫu Sửu thổ --
Phụ mẫu Sửu thổ
Thê tài Mão mộc -
Quan quý tỵ hỏa -

Quẻ lục xung là tượng không thành, nhưng xem kỹ ra thấy hào huynh đệ vượng động, sinh hào tử tôn hợi thủy, hợi thủy lại động, sinh thê tài mao mộc, lại là tượng có thể thành. Như thế gọi là kỳ thần sinh nguyên thần, nguyên thần lại sinh dụng thần, động liên tục, sinh liên tục nên đoán là vượng và việc sẽ thành. Thời gian được tài là : thứ nhất lúc kỳ thần sinh vượng; thứ hai lúc nguyên thần động hóa khắc trở lại không lợi cho việc sinh trợ dụng thần, nên cần phải chờ đến lúc hào biến sũu thổ bị xung khai; thứ ba là lúc nguyên thần sinh vượng, hơn nữa bản thân phải nỗ lực.

Sau đó bà giám đốc thông báo lại khoản tiền này đã mượn được của tỉnh Hà Bắc và tỏ lời cảm ơn thầy Thiệu. Bà nói : Máy lần thầy đoán đều ứng nghiệm, nói việc sẽ thành là sau đó có kết quả, việc không thành là không thành. Bây giờ nếu gặp việc lớn không đoán thì cảm thấy không an tâm, không dám hành động mù quáng. Đoán xong nếu được liền tìm thời cơ quyết tâm làm, nếu biết việc không được thì không tiếc rẻ, và không hao tâm tổn lực vào đó. Kỳ thực thì đây là tâm lý chung và cũng là bài học của các nhà tư bản ở hải ngoại và vùng ven biển lục địa. Vì đó là sự nghiệp của họ, của cái của họ, đồng tiền kiếm được không dễ, nên khi mất rất đau lòng. Họ hiểu được rằng, giá trị của dự đoán là giữ được của cái và để phòng khỏi bị mất.

Dưới đây là một ví dụ : Giám đốc công ty đã được khuyên nhiều lần nhưng không chịu nghe đã gặp phải thất bại.

Ví dụ 16. Nhiều lần không thành, muốn biết lần này có thành không.

Ngày 27 tháng 3 năm 1993 có một giám đốc công ty muốn đi Hà Nam để ký một hợp đồng, hỏi xem có đạt kết quả không. Ngày kỷ ty, tháng bình thìn gieo được quẻ Chấn của quẻ Qui muội :

QUẺ CHỦ : QUI MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ -- ứng

Huynh đệ thân kim --

Quan quý ngọc hỏa -

Phụ mẫu sũu thổ -- thế

Thê tài mao mộc -

Quan quý ty hỏa -

QUẺ BIẾN : CHẤN

Phụ mẫu tuất thổ --

Huynh đệ thân kim --

Quan quý ngọc hỏa -

Phụ mẫu thìn thổ --

Thê tài dần mộc --

Tử tôn tý thủy -

Vị giám đốc này là bạn của thầy Thiệu đã từng nhiều lần thấy giá nhà lên cao nhưng thầy Thiệu khuyên ngăn nói : sốt nhà đất rồi sẽ xuống, hơn nữa còn bảo ông trong mệnh không nên buôn bán về bất động sản. Nhưng ông ấy vẫn thiết tha nhờ đoán mấy lần, thầy Thiệu đều nói không được, kết quả đi khắp duyên hải và nội địa vẫn tay không trở về. Cũng may mà việc không thành, nếu không chẳng khác gì một công ty bao bì, khi trung ương bắt đầu chấn chỉnh ngành ngân hàng, số tài khoản bị thu hồi lăm vào tình trạng không trả được nợ nên bị ngổ tù.

Lần này ông lại quyết tâm và tin tưởng rằng chẳng ai tính toán được bằng trời, may là được (chú thích : khi trong quẻ chỉ có một hào động thì có thể căn cứ theo sự sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng để đoán cát hung). Hào hai động, quẻ hạ là Đoài kim khắc quẻ thượng là Chấn mộc. Dụng khắc thể là việc không thành, nếu thành thì có hại.

Theo sáu hào mà xét, hào thể là mình, hào phụ mẫu tri thể hóa tiến, nếu làm thì nhất định sẽ gian khổ. Hào thể tài mao mộc khắc hào thể là tài tìm đến mình. Thấy Thiệu nói với ông ta : Tuy là đối phương chủ động đến để tìm ông hợp tác, nhưng thể tài động mà hóa thoái là tài không phát, là tượng hao tâm tổn lực mà tài bị thương. Quẻ biến là Chấn là xung, là tán còn là tượng việc không thành. Vị giám đốc đó vẫn quyết tâm ra đi, kết quả tay không trở về.

Ví dụ 17. Việc bán đấu giá không thuận chỉ hòa vốn.

Ngày 12 tháng 8 năm 1992 (tức ngày bính thìn, tháng kỷ dậu có một công ty ở Thâm Quyển chuẩn bị đi Bắc Kinh để tổ chức một cuộc bán đấu giá, muốn đoán xem kết quả ra sao. Gieo được quẻ Gia nhân của quẻ Ly.

QUẺ CHỦ : LY

Huynh đệ ty hỏa - thể
Tử tôn mùi thổ --
Thê tài dậu kim -
Quan quý hợi thủy - ứng
Tử tôn Sửu thổ --
Phụ mẫu mao mộc -

QUẺ BIẾN : GIA NHÂN

Phụ mẫu mao mộc -
Huynh đệ ty hỏa -
Tử tôn mùi thổ --
Quan quý hợi thủy -
Tử tôn Sửu thổ --
Phụ mẫu mao mộc -

Hào tài dậu kim là dụng thân, hào thể khắc hào tài là mình đi cầu tài. Tài vượng động hóa sinh trở lại, tài bị hợp tài động lại sinh hào ứng, hào ứng là quan quý là đối phương được tài và giữ chặt. Hào thể huynh đệ là tượng tổn hao. Quẻ gặp lục xung là việc không thuận nên cuộc đấu giá này không nên đầu tư nhiều vào đó.

Việc xong được báo lại kết quả không thuận mà chỉ hòa vốn. Nguyên nhân là vì lúc đó gặp phải lúc đông tiền châu Âu hạ giá, kinh tế suy thoái, gây ra một số lớn bức họa của các danh nhân bị bán tháo, ở trong nước cũng rất nhiều bức họa được đưa sang Hồng Kông. Hồng Kông từ thị trường bán trở thành thị trường mua. Vì có nhiều tranh nhập vào nên giá không lên, do đó cuộc đấu giá không thuận lợi. Ông ta cho rằng đó là nguyên nhân chính làm cho cuộc đấu giá không thành công.

Ví dụ 18. Bệnh tạp chứng nan y, bệnh lạ mà quẻ cũng lạ.

Cha cậu Tống gặp phải chứng nan y, thuốc đông, tây y đều đã dùng đủ, nhưng vẫn không biến chuyển. Đúng lúc đó cậu Tống có duyên gặp được thầy

Thiệu, kể lại sự việc và muốn nhờ thầy đoán xem bệnh gì, có thể chữa khỏi không. Ngày kỷ mùi, tháng bính thìn gieo được quẻ Truân của quẻ Ích.

QUẺ CHỦ : ÍCH	QUẺ BIẾN : TRUÂN	LỤC THẦN
Huynh đệ mao mộc - ứng	Phụ mẫu tý thủy --	Câu trăn
Tử tôn ty hỏa -	Thê tài tuất thổ -	Chu tước
Thê tài mùi thổ --	Quan quý thân kim --	Thanh long
Thê tài thìn thổ -- thê	Thê tài thìn thổ --	Huyền vũ
Huynh đệ dần mộc --	Huynh đệ dần mộc --	Bạch hổ
Phụ mẫu tý thủy -	Phụ mẫu tý thủy -	Phi xà

Tượng quẻ vừa lập xong, cậu Tống liền hỏi : "Có thể biết được bệnh gì không?". Thầy Thiệu thấy trong quẻ không có hào quan quý, nhưng trên hào dụng thần phụ mẫu tý thủy tìm thấy lục thần là phi xà nên nói : "Bệnh của bố anh có phải có liên quan với rắn không, có phải có hình rắn quấn trên người?". Cậu Tống kinh ngạc gật đầu nói : "Bệnh của bố tôi đông, tây y đều nói là bệnh "rắn quấn người", tức ở vùng thắt lưng có một đường hằn giống rắn, từ thân thắt lưng chạy quanh ra phía rốn, một đầu giống đầu rắn, đầu kia giống đuôi rắn". Thầy Thiệu nói : Cậu nên lo liệu chữa cho bố ngay, vì bệnh phát triển đến mức đó là rất nguy hiểm, chỉ cần đầu và đuôi rắn nối nhau thì người sẽ chết. Thầy Thiệu đương nhiên là đọc nhiều, biết rộng, còn nói : Còn có một loại bệnh gọi là "rắn quấn cổ" rất nguy hiểm. Còn có một loại nữa gọi là "rắn quấn ngón tay" tức ngón tay loét thành quầng như rắn quấn, thuốc gì cũng không chữa được. Duy có cách này có thể cứu được : dùng lông nhím đâm vào hai điểm đen giống hai mắt rắn trên đầu ngón tay, lúc đó nó sẽ chảy ra chất mũ, song lại nhúng ngón tay đó vào nước luộc lông nhím đã để nguội thì sẽ lấy được chất độc ra ngoài. Cậu Tống hỏi : cách này có chữa được cho bệnh của bố cháu không? Thầy Thiệu nói : Tôi không dám chắc, nhưng cứ thử xem sao. Vì trên quẻ này là quẻ ngang hòa nên may ra có thể được.

Trong ví dụ này đã căn cứ vào lục thần để đoán bệnh. Thông thường sau khi gieo quẻ thường phối thêm cả lục thần để tham khảo trong khi đoán, dùng đến lục thần hay không là tùy cơ ứng biến, phải căn cứ vào thực tiễn để rút ra kinh nghiệm, càng vận dụng nhiều thì kỹ thuật càng nâng cao. Ví dụ lấy phương pháp đoán quẻ của thầy Thiệu mà nói, thấy phi xà lâm dụng thần để đoán là bệnh rắn quấn, nhưng nếu lâm bạch hổ thì lại đoán là bị hổ vồ thì thật buồn cười, và dễ bị người khác lợi dụng cho là trò cười mê tín. Vì vậy khi đoán phải thận trọng khiêm tốn, phải hợp tình hợp lý, đó lại là nghệ thuật cách diễn đạt ngôn từ sao cho thích hợp.

Kỳ thực thì tượng xà trong quẻ này đã có dấu hiệu là : quẻ Tốn ở quẻ thượng chính là có ý ấy. Tục ngữ có câu : "Một lần bị rắn cắn, mười năm sau còn sợ dây thừng". Trong tượng quẻ Tốn là dây thừng, là tượng xà.

Ví dụ 19. Tuy đã được rông, chó cứu chữa nhưng còn phải tôn trọng pháp luật.

Ngày 13 tháng 7 âm lịch, năm 1993, giờ dần, cháu của giám đốc Trương bị Sở công an bắt. Chú của ông Trương nhờ người tìm đến thầy Thiệu nói là bị bắt do bị liên đới, bị oan. Tôi theo ngày giờ bị bắt lập quẻ, thấy quẻ tốt nên đoán là sự việc không đến nỗi rắc rối. Sau đó tôi lại sắp tứ trụ và lấy vận trình thì thấy kết quả cũng thế.

Lúc đó giám đốc Lâm là người cùng đến liền nói : chúng tôi có cần kể lại sự việc không. Tôi nói không cần. Ông ta hỏi thầy Thiệu : Có thể biết được việc phạm án là do liên quan với việc gì không. Thầy Thiệu căn cứ vào bảng tứ trụ của tôi sắp xếp khẳng định nói : "nếu không liên quan với phụ nữ thì là việc tiền tài", sau đó lại khẳng định luôn : "đây là việc liên quan đến tiền tài". Ông Lâm lại hỏi thầy có thể cho biết được tiền tài về việc gì không ? Thầy Thiệu nói : Là việc buôn bán gỗ. Lần này nói đúng việc nên ông Lâm gật đầu ngay. Thầy Thiệu lại nói tiếp : cậu này còn đánh người nữa. Ông chú thừa nhận : người khác bị mất gỗ, khi phát hiện lại còn bị đánh, cậu này đánh người chủ bị mất, rồi lại bị người ta đánh cho thừa sống thiếu chết, sau đó bị công an bắt. Thầy Thiệu còn nói thêm : cậu này sau khi được ra còn phải giải cứu và phải tuân thủ pháp luật, nếu không từ nay đến trước 42 tuổi sẽ còn phạm pháp. Ông chú đã tiếp thu lời khuyến cáo đó rất thành khẩn. Sau đó ông chú lại hỏi, làm sao để cứu được cháu ra ? Thầy Thiệu xem lại quẻ rồi nói : cậu này sẽ được một người thuộc tuổi rông, một người thuộc tuổi chó giúp đỡ. Giám đốc Lâm nói ngay : Tôi chính là tuổi rông, như vậy là còn thiếu một người thuộc tuổi chó.

Qua mấy hôm sau giám đốc Lâm gọi điện thoại báo : cháu ông được sự giúp đỡ bảo lãnh của một người bạn thuộc tuổi chó nên đã được thả ra và đang chữa vết thương ở nhà.

Dưới đây ta sẽ xem xét vì sao trong quẻ lại chứa đựng những thông tin đó. Theo thời gian bị bắt gieo được quẻ Tiết thuộc quẻ Nhu (ngày quý mùi, tháng canh thân).

QUẺ CHỦ : NHU

Thê tài tý thủy —

Huynh đệ tuất thổ —

Tử tôn thân kim — thế

Huynh đệ thìn thổ — động

Quan quý dần mộc —

Thê tài tý thủy — ứng

QUẺ BIẾN : TIẾT

Thê tài tý thủy —

Huynh đệ tuất thổ —

Tử tôn thân kim —

Huynh đệ sửu thổ —

Quan quý Mão mộc —

Phụ mẫu tý hỏa —

Tôi đoán sự việc không can gì vì đại tượng quẻ cát và trong sáu hào tử tôn thân kim vừa là dụng thần, lại lâm nguyệt kiến vượng mà trì thế. Tử

tôn trì thế thì tai họa gì cũng đều không đáng kể. Huống hồ hào huynh đệ ở quê thượng và quê hạ đều sinh cho hào thế nên nếu gặp nạn mà gặp được quê này là không gì tốt bằng, tức là quê có cứu. Còn vì sao thầy Thiệu lại nói hai người giúp đỡ thuộc tuổi chó và tuổi rồng là vì cái sinh cho hào tử tôn thân kim là thìn và tuất. Như vậy đủ thấy các thông tin của bát quái vừa rất bí ảo, nhưng lại cũng rất rõ ràng. Ví dụ trên đây ta thấy rõ nếu người đoán quê thành thạo thì chẳng khác gì trong tay có chìa khóa và mở ổ khóa một cách đơn giản nhẹ nhàng.

Ví dụ 20. Vừa phải hiểu rõ mình, vừa phải thuận theo lẽ tự nhiên.

Đêm 27 tháng 9 năm 1991, Đài truyền hình trung ương phát đi bản tin sách của thầy Thiệu Vi Hoa là sách xấu. Như vậy sách thầy Thiệu bỗng nhiên rơi từ trên cao xuống đất. Bạn bè và độc giả đều lo lắng cho thầy Thiệu.

Các sách Chu dịch ứng dụng tuy đứng trước 1 tình thế khó khăn, nhưng không phải là điều gì bị bất ngờ chưa lường trước. Đối với thầy Thiệu, người đã nắm vững vận mệnh của mình và biết được các mặt khác như phong thủy, thuật số, y bốc... tuy hơi cảm thấy có một số khó khăn trở ngại, gập gềnh, nhưng cũng tin tưởng rồi sẽ qua đi và tin trong những năm trước mắt là năm vận mình đang vượng.

Với thái độ phụ trách về mặt nhận thức đối với khoa học này, thầy Thiệu đã đoán quê mong biết rõ viễn cảnh của sự việc. Ngày canh tý, tháng đinh dậu gieo được quê Khiêm của quê Tiết.

QUÊ CHỦ : TIẾT

Huynh đệ tý thủy --
 Quan quý tuất thổ - động
 Phụ mẫu thân kim -- ứng
 Quan quý sửu thổ -- động
 Tử tôn mao mộc - động
 Thê tài tỵ hỏa - thế, động

QUÊ BIẾN : KHIÊM

Phụ mẫu dậu kim --
 Huynh đệ hợi thủy --
 Quan quý sửu thổ --
 Phụ mẫu thân kim -
 Thê tài ngọ hỏa --
 Quan quý thìn thổ --

LỤC THẦN

Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ.

Quê có nhiều hào động là tượng không thuận. Hào phụ mẫu là văn chương thư tịch, chu tước chủ về việc cãi vã thị phi, chu tước gặp hào phụ mẫu là dấu hiệu có sự cãi nhau về văn thư. Hào quan quý xuất hiện ba lần làm cho ta liên tưởng đến ví dụ trước, tuy đều là hào phụ mẫu bị hào quan quý trùng điệp vây chặt, nhưng ở ví dụ trước là đoán bệnh, quan quý là bệnh tật, quan quý nhiều là bệnh bám chặt lấy thân, là tượng không tốt, nên cần phải xem quê có cứu hay không. Còn ở ví dụ này, tuy cũng bị quan quý trùng vây, nhưng dụng thần phụ mẫu hóa mộ kho, cũng là tượng sách bị cấm, song đây không phải là đoán bệnh. Nếu thổ nhiều vùi lấp kim, kim lại yếu thì tai vạ khôn lường. Nhưng hào phụ mẫu thân kim lâm nguyệt kiến mà vượng và hóa sinh trở lại (dụng thần thân kim hóa sửu thổ tức là hóa mộ kho, nhưng

trong Thìn, Tuất, Sửu, Mùi chỉ có kim mộ kho, tức trong mộ có sinh, các ngũ hành còn lại : như mộc mộ là mùi, là hóa khắc; thủy mộ là Thìn là nhập kho; hỏa mộ là Tuất là xỉ hơi; thổ gặp thổ là hóa hình xung tiến thoái) do đó, quan quý ba lần xuất hiện là nhiều sao bên trăng. Thân kim như trăng vàng vặc giữa trời, chiếu rọi khắp nơi. Năm 1992 là năm thân kim, năm 1993 là năm dậu kim vượng, năm 1994 hào năm tuất thổ sinh kim, "Chu dịch dự đoán" không những từ đáy sâu nẩy lên mà còn được sự hưởng ứng rộng rãi.

Quả nhiên, sách vừa được xuất bản thì độc giả đón đọc khắp nơi. Về sau sách được bình là bộ sách văn hóa ưu tú, không những không bị xem là mê tín mà được xem là một lĩnh vực vừa cổ, vừa mới.

Nhân dịp này quay nhìn lại quê gieo năm 1991, càng làm cho người ta thấy được công năng dự đoán thần kì của Chu dịch, tuy về mặt khoa học còn là điều bí ẩn nhưng nó đã thực sự phục vụ tốt cho cuộc sống ngày nay.

PHỤ LỤC

BẢNG CĂN CỨ NGÀY GIÁP TÝ SUY RA CAN CHI CÁC NGÀY KHÁC

1. Giải thích cấu tạo bảng

Hàng trên cùng của bảng là từ tháng giêng đến tháng 12 âm lịch.

Cột đầu tiên bên trái là can chi của các năm từ 1890 - 2020. Ta lấy năm 1993 làm ví dụ để giải thích.

Hàng trên là ngày âm lịch của tháng đúng với ngày giáp tý (mỗi vòng giáp tý cách nhau 60 ngày). Ví dụ năm Quý Dậu - 1993, ngày 21 tháng giêng âm lịch là ngày giáp tý.

Hàng dưới của ngày giáp tý là ngày âm lịch giao tiết của lệnh tháng, tất cả có mười hai lệnh tháng, bao gồm cả tháng nhuận.

Ngày lập xuân tháng giêng là ngày giao tiết thứ nhất. Năm Quý Dậu 1993, ngày đó là ngày 13 tháng giêng.

Tháng hai âm lịch không có ngày giáp tý nên hàng trên bỏ trống. Hàng dưới chỉ tiết kinh trập là ngày 13 tháng 2 âm lịch.

Tháng ba âm lịch ngày giáp tý là ngày 22, hàng dưới chỉ tiết thanh minh vào ngày 14 tháng ba. Vì năm 1993 nhuận tháng ba, nên lập hạ tháng tư, tuy là giao tiết thứ tư nhưng rơi vào ngày 14 tháng ba nhuận, do đó vẫn ghi vào cột tháng ba. Tháng ba chỉ có 29 ngày nên là tháng thiếu.

Vì tháng ba âm lịch nhuận nên ngày giáp tý là ngày 23 tháng 4 âm lịch và tiết mang chủng tháng năm rơi vào ngày 17 tháng 4 âm lịch.

Tháng năm âm lịch không có ngày giáp tý, ngày 18 của tháng năm là ngày tiểu thử - giao tiết của tháng 6.

Tháng sáu ngày 24 là giáp tý. Ngày 20 tháng 6 lập thu.

Tháng bảy âm lịch không có ngày giáp tý. Ngày 21 là tiết bạch lộ - giao tiết với tháng 8.

Ngày 25 tháng 8 âm lịch là ngày giáp tý, ngày 23 là tiết hàn lộ, giao tiết của tháng 9.

Tháng 9 không có ngày giáp tý. Ngày 23 tháng 9 là lập đông - giao tiết của tháng 10.

Ngày 26 tháng 10 là ngày giáp tý. Ngày 24 là tiết đại tuyết, giao tiết của tháng 11.

Tháng 11 không có ngày giáp tý. Ngày 24 là tiết tiểu hàn, giao tiết tháng 12.

Ngày 27 tháng 12 là ngày giáp tý. Ngày 24 là ngày lập xuân năm giáp tuất, tức ngày 4 tháng 2 năm 1994.

Qua bảng năm 1993 ta có thể thấy : tiết lệnh của âm lịch (tức lệnh tháng) không phải cố định xuất hiện ở từng tháng, đó là do có tháng nhuận tạo nên. Tỏi lấy xuân, hạ, thu, đông để biểu thị lập xuân lệnh của tháng giêng, lập hạ lệnh của tháng tư, lập thu lệnh của tháng bảy, lập đông lệnh của tháng mười thì cho dù có tháng nhuận cũng không đến nỗi sai lệch. Dấu "." ở trong bảng này để biểu thị tháng đó không có tiết lệnh, nguyên nhân vì trong âm lịch, tháng trước sắp kết thúc nhưng tháng sau vẫn chưa bắt đầu, nên dùng chấm nhỏ để biểu thị những ngày âm lịch không có tiết lệnh thì tiết lệnh vẫn được tính trong đó.

Chữ "thiếu" là để chỉ tháng đó thiếu, tức chỉ có 29 ngày. Tháng đủ 30 ngày không cần ghi nữa. Tác dụng của nó là : khi một tháng nào đó không có ngày giáp tý thì phải đếm từ ngày giáp tý tháng trước đến tháng sau, và phải chú ý số ngày của tháng thiếu không phải là bội số của 10, nên lúc tính ngày phải thêm vào một can chi ngày (phần dưới có ví dụ để nói rõ hơn).

2. Giải thích cách sử dụng bảng

1. Căn cứ ngày giáp tý để tính can chi ngày sinh của một người nào đó là căn cứ vào quy luật khoảng giữa hai ngày giáp tý có chứa ngày sinh của người đó. Vì địa chỉ trên hình bàn tay cố định, nên chỉ cần tính ra thiên can, sau suy ra chi rồi hợp can chi lại là được.

Cách suy cụ thể như sau : Bắt đầu từ ngày giáp tý đếm cách ngò ngược chiều kim đồng hồ (tức sau ngày giáp tý mười ngày là ngày giáp tuất, sau giáp tuất 10 ngày là ngày giáp thân, ví dụ ngày mồng một là giáp tý, sau 10 ngày, ngày thứ 11 là giáp tuất; qua 10 ngày nữa, ngày thứ hai mươi một là ngày giáp thân. Mỗi tháng không thể quá 30 ngày, nên trong bảng tháng nào mà có ngày giáp tý thì tính đến ngày giáp thân là đã đủ lắm rồi, số dư thì thuận chiều kim đồng hồ đếm đến ngày sinh hoặc đếm đến ngày dự đoán theo âm lịch.

Lấy tháng 9 âm lịch năm 1994 làm ví dụ.

Nếu muốn biết trụ ngày của ngày mồng 4 tháng 9 âm lịch năm 1994 thì trong bảng : tháng 9 âm lịch của năm 1994 tra ra ngày giáp tý là mồng 1, từ bàn tay trái, lấy ngón cái đếm : "ngôi tý làm mồng một giáp tý, ngôi sừ là mồng hai át sừ, ngôi dần mồng ba bình dần, mào là mồng bốn đỉnh mào". Như vậy sẽ biết được mồng 4 là đỉnh mào.

Muốn biết can chi ngày mười lăm tháng 9 : từ ngôi tý tính ngày giáp tý là mồng 1, cách ngòi đếm ngược đến tuất suy ra ngày giáp tuất là ngày

11, sau đó đếm thuận theo : "hợi là ngày 12 át Hợi, tý là 13 bính Tý, Sửu là 14 đinh Sửu, dần là 15 Mậu Dần". Như vậy là biết được người sinh ngày 15 tháng 9 âm lịch năm 1994 có can chi ngày là Mậu Dần.

Muốn biết can chi ngày 25 thì tính như sau : từ tý đến giáp tý mồng 1, cách ngòai đếm ngược lên tuất, tính giáp tuất ngày 11, lại cách ngòai đếm người lên thân tính giáp thân ngày 21, sau đó đếm thuận : Dậu ngày 22 là át Dậu, 23 bính Tuất, 24 là đinh Hợi, 25 là Mậu Tý". Như vậy can chi của ngày sinh hay ngày đoán việc của 25-9 âm lịch năm 1994 là Mậu Tý.

2. Tháng 12 năm 1994 không có ngày giáp tý thì làm sao ? Nhìn vào bảng ta đã biết ngày mồng 2 tháng 11 năm 1994 là ngày giáp tý, từ đó để lấy căn cứ mà suy. Ví dụ muốn biết can chi ngày mồng 7 tháng 12 năm 1994 là gì, ta bắt đầu tính ngày 2 tháng 11 là giáp tý, suy ra ngày 12 tháng 11 là giáp tuất, ngày 22 tháng 11 là giáp thân. Trong bảng đã cho biết tháng 11 năm 1994 là tháng thiếu, tức chỉ có 29 ngày, nên suy ra ngày 3 tháng 12 là giáp ngọ. Bây giờ ta đếm xuôi : ngày 4 là át Mùi, ngày 5 là bính Thân, ngày 6 là đinh Dậu, ngày 7 là Mậu Tuất. Vậy can chi ngày 7 tháng 12 âm lịch năm 1994 là Mậu Tuất.

3. Trước khi muốn xác định số tuổi để lấy vận cho một người nào đó thì đầu tiên phải kê ra 12 lệnh tháng theo thứ tự để dễ tra : tháng giêng lập xuân, tháng hai kinh trập, tháng ba thanh minh, tháng tư lập hạ, tháng năm mang chủng, tháng sáu tiểu thử, tháng bảy lập thu, tháng tám bạch lộ, tháng chín hàn lộ, tháng mười lập đông, tháng mười một đại tuyết, tháng mười hai tiểu hàn.

Bảng đơn giản giới thiệu từ năm 1890 - 2020 này chủ yếu dùng cho dự đoán tứ trụ. Tứ trụ là từ gọi tổng quát cho năm, tháng, ngày, giờ sinh, còn gọi là "Tám chữ".

Lấy vận số để dự đoán theo tứ trụ là chỉ đại vận được bắt đầu từ mấy tuổi.

Dấu "." ở trong bảng là ký hiệu để chỉ rõ ngày cuối cùng tháng đó chưa vượt qua lệnh tháng. Ví dụ tháng sáu âm lịch năm 1994, ngày cuối cùng của nó vẫn thuộc tiết lệnh tiểu thử, nhưng vì tiểu thử là ngày 29 tháng 5 nên lập thu rơi vào ngày 2 tháng 7.

BẢNG CÁN CỨ NGÀY GIÁP TÝ SUY RA CÁN CHI CÁC NGÀY KHÁC

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Canh dần 1890	23 15 xuân, thiếu	Nhượn 24 Nhượn 15 thiếu	17 hạ	25 19 thiếu	21	26 22 thu	25 thiếu	27 25	25 đồng thiếu	28 26	25 thiếu	29 26 xuân
Tân mão 1891	26 thiếu	30 27	28 hạ thiếu	30	1 thiếu	2	2 4 thu thiếu	6	3 6	7 đồng, thiếu	4 7	7
Nhâm thìn 1892	4 6 xuân, thiếu	7 thiếu	6 8	9 hạ thiếu	7 11 thiếu	Nhượn 8 14 nhượn 15 thu	17	9 18	18 đồng thiếu	10 18	18	10 17 xuân
Quý tý 1893	17 thiếu	11 18 thiếu	20 hạ	12 21 thiếu	24 thiếu	14 26 thu	27 thiếu	15 29	29 đồng, thiếu	16 30	29	16 29 xuân
Giáp ngọ 1894	28 thiếu	17 30	thiếu	18 1 hạ	3 thiếu	19 5 thiếu	7 thu	20 9 thiếu	10	21 10 đồng, thiếu	11	22 10
Ất mùi 1895	10 xuân	22 10 thiếu	11	23 12 hạ thiếu	nhượn 24 14 thiếu nhượn 15	18 thu thiếu	20 20	27 22 đồng	21 thiếu	28 22	28 22	21 xuân thiếu
Bính thân 1896	29 22	22	29 23 hạ	24 thiếu	30 27	28 thu thiếu	thiếu	2 1	3	3 đồng	2 thiếu	4 3
Đinh dậu 1897	2 xuân, thiếu	5 3	3	5 4 hạ thiếu	6	6 8 thiếu	10 thu	7 11 thiếu	13	8 13 đồng, thiếu	14	9 13 thiếu
Mậu tuất 1898	14 xuân	10 13 thiếu	nhượn 11 15, 15 hạ thiếu	18	12 19	20 thu thiếu	13 23	23 thiếu	14 24 đồng	24 thiếu	15 24	24 xuân, thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Kỷ hội 1899	16 25	25 thiếu	17 27 hạ thiếu	28 thiếu	18 30	thiếu	19 3 thu	4	19 4 thiếu	5 đồng	20 5 thiếu	6
Canh tý 1900	21 5 xuân thiếu	6 thiếu	22 6 thiếu	8 hạ	24 10	12 thiếu	25 14 thu	Nhượn 25 15 nhượn 16 thiếu	17 đồng	26 16	16 thiếu	27 16 xuân
Tân Sửu 1901	16 thiếu	28 17	18 hạ, thiếu	29 20 thiếu	13	24 thu, thiếu	1 26	27 thiếu	2 28 đồng	28	2 27	27 xuân thiếu
Nhâm dần 1902	3 27	28 thiếu	4 29 hạ	thiếu	5 2 thiếu	4	6 5 thu thiếu	7	8 thiếu	9 đồng	8 9	8
Quý Mão 1903	8 8 xuân, thiếu	9	9 9 thiếu	11 hạ	10 12 thiếu nhượn 14	12 17 thu	18 thiếu	13 19 thiếu	20 đồng	14 20	20 thiếu	15 20 xuân
Giáp Thìn 1904	20	15 20	21 hạ thiếu	16 13	24 thiếu	17 27 thu thiếu	29	18 thiếu	1 thiếu	20 2 đồng	1	20 1 thiếu
Ất tý 1905	1 xuân	21 1	1 thiếu	22 3 hạ	5	22 7 thiếu	8 thu thiếu	24 10	11 thiếu	25 12 đồng	12 thiếu	26 12
Bính Ngọ 1906	12 xuân, thiếu	27 12	13	27 13 hạ thiếu nhượn 15	28 17 thiếu	19 thu	29 20 thiếu	22	22 đồng thiếu	1 23	22 thiếu	2 23 xuân
Đinh mùi 1907	23 thiếu	3 24	25 hạ thiếu	4 27	28 thiếu	5	1 thu	5 2 thiếu	3	6 3 đồng thiếu	4	7 4 thiếu
Mậu thân 1908	4 xuân	8 4 thiếu	5 thiếu	10 7 hạ	8	10 9 thiếu	12 thu	11 13 thiếu	15	12 15 đồng	14 thiếu	13 15

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Kỷ dậu 1909	14 xuân, 15 thiếu	14 15 nhuận, 15 thiếu	15 17 hạ thiếu	19	16 21 thiếu	23 thu	17 24 thiếu	26	18 26 đông	26	18 25 thiếu	26 xuân
Canh Tuất 1910	19 25 thiếu	27	20 27 hạ thiếu	29 thiếu	22	2 thiếu	23 4 thu	5 thiếu	24 7	7 đông	24 7	6 thiếu
Tân hợi 1911	25 7 xuân	7 thiếu	26 8	9 hạ thiếu	27 11 thiếu	Nhận 29 13 nhuận 15 thu thiếu	17 thiếu	30 18	18 đông	18 thiếu	1 19	18 xuân
Nhâm tý 1912	1 18	18 thiếu	2 20 hạ	21 thiếu	3 23 thiếu	26 thu	4 27 thiếu	29 thiếu	6 30 đông	29	6 29 thiếu	29 xuân
Quý sùu 1913	7 29	29	7 thiếu	1 hạ	8 2 thiếu	5 thiếu	10 7 thu	8 thiếu	11 10 thiếu	11 đông	12 11 thiếu	11
Giáp dần 1914	13 10 xuân	10	13 9 thiếu	12 hạ	14 13 thiếu nhận 16	15 17 thiếu	19	16 20 thiếu	21 đông thiếu	18 22	21 thiếu	19 22 xuân
Ất mào 1915	21	19 22 thiếu	23 hạ	20 25	26 thiếu	21 28 thu	thiếu	22 1	1 thiếu	23 2 đông	2 thiếu	24 2 thiếu
Bính thìn 1916	3 xuân	25 3	3 thiếu	26 5 hạ	6 thiếu	27 8	10 thu	28 11 thiếu	12	28 13 đông thiếu	13	29 13 thiếu
Đinh tỵ 1917	13 xuân	nhận 1 13 thiếu nhận 14 thiếu	16 hạ	2 17 thiếu	19	2 21 thu	23 thiếu	4 24	24 đông	4 23 thiếu	24	5 23 xuân thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Mậu ngọ 1918	24	6 24 thiếu	26 hạ thiếu	8 28	thiếu	9 1	2 thu thiếu	10 4	5	10 5 đông thiếu	5	11 5
Kỷ mùi 1919	5 xuân thiếu	12 5	6 thiếu	13 7 hạ thiếu	10	14 11 thiếu	Nhượn 16 13 thu thiếu Nhượn 16	16 16 đông thiếu	17 16	17		16 xuân
Canh thân 1920	17 16 thiếu	17	18 18 hạ thiếu	20 thiếu	20 22	24 thu thiếu	21 26 thiếu	27	22 28 đông thiếu	28	23 28	27 xuân
Tân dậu 1921	23 27	27 thiếu	24 29 hạ	thiếu	25 1 thiếu	4	26 5 thu thiếu	7 thiếu	28 9	9 đông thiếu	29 9	9
Nhâm tuất 1922	29 8 xuân	8 thiếu	30 9	10 hạ	Nhượn 1 11 thiếu nhượn 14 thiếu	16 thu	2 17 thiếu	19 thiếu	4 20 đông	20 thiếu	5 20	20 xuân
Quý Hợi 1923	5 19 thiếu	21	6 21 hạ	22 thiếu	7 25	26 thu thiếu	8 29	29	9 thiếu	1 đông	10 1	1
Giáp Tý 1924	11 1 xuân thiếu	2	12 2	3 hạ thiếu	13 5	6	13 8 thu thiếu	10	14 10 thiếu	12 đông	15 11 thiếu	12 thiếu
Ất Sửu 1925	17 12 xuân	12	18 13	nhượn 19 14 thiếu nhượn 16	18	19 19 thiếu thu	21	20 22	22 đông thiếu	21 22	22 thiếu	22 12 xuân
Bính dần 1926	22 thiếu	23 23 thiếu	25 hạ	24 26 thiếu	29	25 thiếu	25 1 thu	26 2	3 thiếu	27 4 đông	4	27 3 thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Đinh mão 1927	4 xuân	28 3 thiếu	5 thiếu	30 6 hạ	8 thiếu	10	1 11 thu thiếu	13	2 14 thiếu	15 đồng	3 15	14
Mậu thìn 1928	3 14 xuân thiếu	nhuận 4 15 nhuận 15	17 hạ thiếu	6 19	20 thiếu	7 23 thiếu thu	25	8 25 thiếu	26 đồng	9 26	26	9 25 xuân
Kỷ tỵ 1929	25 thiếu	10 26	27 hạ thiếu	11 29 thiếu		12 1 thiếu	4 thu thiếu	14 6	7 thiếu	15 8 đồng	7	15 7
Canh ngọ 1930	6 xuân thiếu	16 7	7	16 7 hạ thiếu	10 thiếu	18 13 nhuận 14 thiếu	19 16 thiếu	18	20 18 đồng thiếu	19	21 18	18 xuân thiếu
Tân mùi 1931	22 18	19	22 19 hạ thiếu	22	23 23 thiếu	25 thu	24 26 thiếu	28 thiếu	26 29 đồng	29 thiếu	27 29	29 xuân thiếu
Nhâm thân 1932	28 30	30	28	1 hạ thiếu	29 3	4 thiếu	30 7 thu	8 thiếu	2 9	10 đồng	3 10 thiếu	11
Quý dậu 1933	10 xuân thiếu	4 11	11	4 12 hạ thiếu	nhuận 5 14 nhuận 15	17 thu thiếu	6 19	20 thiếu	7 21 đồng	20 thiếu	8 21 thiếu	21 xuân
Giáp tuất 1934	9 21 thiếu	22	10 23 hạ thiếu	25	11 27	28 thu thiếu	12 30	thiếu	13 2	2 đồng	13 2 thiếu	2
Ất Hợi 1935	14 2 xuân thiếu	2 thiếu	16 4	4 hạ thiếu	17 6	8 thiếu	18 10 thu	11	18 12 thiếu	13 đồng	19 13	12 thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Bính tý 1936	20 13 xuân	13 thiếu	21 14 nhuận 16 hạ	22 17 thiếu	19 thiếu	24 22 thu	23	24 23 thiếu	24 đông	25 24	24	25 23 xuân thiếu
Đinh sửu 1937	24	26 24 thiếu	26 hạ thiếu	28 28	29 thiếu	29 thiếu	3 thu	4 thiếu	1 6	6 đông	1 5	5 thiếu
Mậu dần 1938	2 5 xuân	5	2 5 thiếu	7 hạ thiếu	4 9	11 thiếu	5 13 thu thiếu nhuận 15	6 16 thiếu	17 đông	7 17	16 thiếu	8 17 xuân
Kỷ mao 1939	16	8 17	17 hạ thiếu	9 19 thiếu	22	10 23 thu thiếu	25 thiếu	12 27	27 đông thiếu	13 28	27 thiếu	14 28 xuân
Canh thìn 1940	28	14 28	29 hạ thiếu	15	1 thiếu	16 3	5 thu thiếu	17 7 thiếu	8	18 8 đông thiếu	9	19 9 thiếu
Tân tỵ 1941	9 xuân	20 9	9 thiếu	21 11 hạ	12	21 13 nhuận 16 thu	22 17 thiếu	19 thiếu	24 20 đông	19 thiếu	25 20	19 xuân thiếu
Nhâm ngọ 1942	26 20	20 thiếu	27 22 hạ	23	27 25 thiếu	27 thu	28 28 thiếu	30	29 thiếu	1 đông	1 thiếu	1 1
Quý mùi 1943	1 xuân thiếu	1 1	2 thiếu	3 3 hạ	4 thiếu	4 7	8 thiếu	4 9 thiếu	11	5 11 đông thiếu	12	6 11 thiếu
Giáp thân 1944	12 xuân	7 12 thiếu	13	8 13 hạ thiếu nhuận 16	9 17 thiếu	20 thu	10 21 thiếu	22	11 22 đông	22 thiếu	12 23	22 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Ất dậu 1945	12 22 thiếu	23 thiếu	14 25 hạ	26 thiếu	15 28 thiếu	16 1 thu thiếu	3	17 3	4 đông	17 3 thiếu	4	
Bính Tuất 1946	18 3 xuân	3 thiếu	19 4 thiếu	6 hạ	20 7 thiếu	10 thiếu	22 12 thu	23 13 thiếu	23 15	15 đông	23 5 thiếu	15
Đinh Hợi 1947	24 14 xuân	nhuận 24 14 nhuận 14 thiếu	16 hạ thiếu	26 18	20 thiếu	27 22 thu thiếu	24	28 25 thiếu	26 đông	26 thiếu	30 26	26 xuân
Mậu Tý 1948	25	26 thiếu	1 27 hạ	29 thiếu	2	1 thiếu	3 3 thu thiếu	6	4 6 thiếu	7 đông	5 7 thiếu	7
Kỷ Sửu 1949	6 7 xuân	7 thiếu	7 8	9 hạ	7 10 thiếu	12	8 14 thu th. nhuận 16 th.	10 17	18 đông thiếu	11 18	18 thiếu	12 18 xuân
Canh Dần 1950	18 thiếu	13 19	20 hạ	13 21 thiếu	24	14 25 thu	26 thiếu	15 28 thiếu	29 đông	16 29 thiếu	29	17 28 xuân thiếu
Tân Mão 1951	29	18 29 thiếu		19 1 hạ	2 thiếu	20 5	6 thu thiếu	21 8	9 thiếu	22 10 đông	22 10 thiếu	23 10
Nhâm Thìn 1952	10 xuân thiếu	24 10	11 thiếu	25 12 hạ	nhuận 26 14 thiếu nhuận 16 thiếu	17 thu thiếu	27 20	20	27 20 đông thiếu	21	28 20 thiếu	21 xuân
Quý Tỵ 1953	29 21 thiếu	22	23 hạ thiếu	1 25 thiếu	27	2 29 thu	thiếu	3 1	1	3 2 đông thiếu	2	4 2 thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Giáp Ngọ 1954	2 xuân	5 2 thiếu	3	6 4 hạ thiếu	6 thiếu	8 9	10 thu thiếu	9 12	13	9 13 đông thiếu	13	10 13
Ất Mùi 1955	12 xuân thiếu	11 13	nhuận 12 13 th. nhuận 15 hạ	16 thiếu	13 19 thiếu	21 thu	14 22 thiếu	24	15 24 đông thiếu	25	16 24	24 xuân
Bính Thân 1956	16 23 thiếu	25	17 25 hạ thiếu	28	18 19 thiếu	thiếu	20 2 thu	4 thiếu	21 5	5 đông thiếu	22 6	5
Đinh Dậu 1957	22 5 xuân	5 thiếu	23 6	7 hạ thiếu	24 9	10 thiếu	25 13 thu thiếu	nhuận 26 15 nhuận 15 thiếu	17 đông	27 16 thiếu	17	28 16 xuân thiếu
Mậu Tuất 1958	17	29 17	18 hạ	29 19 thiếu	21	23 thu	1 25 thiếu	27	2 27 đông thiếu	27	3 27 thiếu	27 xuân
Kỷ Hợi 1959	4 27 thiếu	28	5 29 hạ	thiếu	6 1	3 thiếu	7 5 thu	6 thiếu	8 8	8 đông thiếu	9 9	8 thiếu
Canh Tý 1960	10 9 xuân	8 thiếu	11 10	10 hạ thiếu	12 13	nhuận 12 14 nhuận 15 thu thiếu	17	13 18 thiếu	19 đông	14 19 thiếu	19	15 19 xuân thiếu
Tân Sửu 1961	20	16 29 thiếu	22 hạ	17 23 thiếu	25	18 17 thu thiếu	29	19 29	29 đông thiếu	20 30	thiếu	21 30 xuân
Nhâm Dần 1962	thiếu	22 1	1 thiếu	23 3 hạ thiếu	5	24 6 thiếu	9 thu	25 10	11 thiếu	26 12 đông	11	28 11 thiếu

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Quý mão 1963	11 xuân	27 11 thiếu	13	28 13 hạ nhuận 15 thiếu	30 18	19 thu thiếu	21	1 22 thiếu	23 đông	2 23	22	2 22 xuân thiếu
Giáp thìn 1964	22	3 23 thiếu	24 hạ	4 26 thiếu	28 thiếu	6 30 thu	thiếu	7 2	3 thiếu	8 4 đông	4	8 3
Ất tỵ 1965	3 xuân thiếu	9 4	4 thiếu	10 6 hạ	7 thiếu	11 9 thiếu	12 thu	12 13 thiếu	14 thiếu	14 15 đông	15	14 15 thiếu
Bính ngọ 1966	15 xuân	15 15	nhuận 16 15 nhuận 16 thiếu	18	16 19 thiếu	22 thu thiếu	18 24	25 thiếu	19 26 đông thiếu	8 26	20 26	25 xuân thiếu
Đinh mùi 1976	21 26	26	21 27 hạ thiếu	29	22	1 thiếu	23 3 thu thiếu	5	24 6 thiếu	7 đông	25 7 thiếu	7
Mậu thân 1968	26 7 xuân thiếu	7	27 8 thiếu	9 hạ	29 10	12 thiếu	29 14 thu nhuận 15 thiếu	30 17	17 đông thiếu	18	1 17 thiếu	18 xuân
Kỷ dậu 1969	2 18 thiếu	19	3 20 hạ thiếu	22	4 23 thiếu	26 thu	5 27	27 thiếu	6 28 đông	28 thiếu	7 29	28 xuân thiếu
Canh tuất 1970	8 29	29 thiếu	9 thiếu	2 hạ	10 3 thiếu	5	11 7 thu	8 thiếu	12 10	10 đông	12 9 thiếu	10
Tân hợi 1971	15 9 xuân thiếu	10	14 10 thiếu	12 hạ thiếu	16 14 nhuận 16 thiếu	17 18 thu	19 thiếu	18 21	21 đông	18 21	2 20 thiếu	19 21 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Nhâm tý 1972	20 thiếu	20 22	22 hạ thiếu	21 24 thiếu	27	22 28 thiếu	30	23 thiếu	2	24 2 đồng	2 thiếu	25 2
Quý sữu 1973	2 xuân	25 2 thiếu	3	26 3 hạ thiếu	6 thiếu	28 8	10 thu thiếu	29 12 thiếu	13	30 13 đồng	13	14
Giáp dần 1974	1 13 xuân	13	1 13 thiếu	nhuận 2 15 hạ nhuận 16 thiếu	18 thiếu	4 21 thu	22 thiếu	5 24	6 25 đồng	24	7 24 thiếu	24 xuân
Ất mào 1975	24	7 24	25 hạ thiếu	8 27	29 thiếu	9 thiếu	2 thu	10 13 thiếu	5 thiếu	12 6 đồng	6 thiếu	12 6
Bính thìn 1976	6 xuân	13 5	5 thiếu	14 7 hạ	8 thiếu	15 11	12 thu thiếu	16 14 nhuận 15	17 16 đồng thiếu	17	18 16 thiếu	17 xuân thiếu
Đinh ty 1977	19 17	17 thiếu	20 17 hạ	20	20 21 thiếu	23 thu	21 25 thiếu	26	22 26 đồng thiếu	27	23 27 thiếu	27 xuân thiếu
Mậu ngọ 1978	25 28	28 thiếu	26 30 hạ		26 1 thiếu	3	27 5 thu	6 thiếu	28 7	7 đồng thiếu	29 8	8 thiếu
Kỷ mùi 1979	30 8 xuân	8 thiếu	9 thiếu	2 11 hạ	12 thiếu	3 5 nhuận 16 thu	3 17 thiếu	19	4 19 đồng	19 thiếu	5 19	19 xuân thiếu
Canh thân 1980	6 18	19 thiếu	7 21 hạ thiếu	23	8 25 thiếu	27 thu	9 28 thiếu	30	10 30 đồng	thiếu	11 30	30 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Tân dậu 1981	11 thiếu	1	12 1 thiếu	2 thiếu hạ	14 5	6 thiếu	15 8 thu thiếu	11	16 11	11 đông thiếu	17 12	12
Nhâm tuất 1982	17 11 xuân	11 thiếu	18 12	nhuận 19 thiếu 13 hạ thiếu nhuận 15	17	20 19 thu thiếu	21 thiếu	22 22	23 đông thiếu	23 23	23	23 22 xuân
Quý Hợi 1983	22	23 22 thiếu	24 hạ	24 25 thiếu	28 thiếu	26 30 thu	thiếu	27 2 thiếu	4	28 4 đông thiếu	5	29 4
Giáp tý 1984	3 xuân	29 3 thiếu	4	30 5 hạ	6 thiếu	9 thiếu	2 11 thu	12 thiếu	3 14 thiếu	15 thiếu nhuận 15 thiếu	15	15 xuân
Ất Sửu 1985	14 thiếu	6 16	16 hạ	6 18 thiếu	20	7 21 thu thiếu	24	8 24 thiếu	25 đông thiếu	10 26	25 thiếu	11 26 xuân
Bính dần 1986	26 thiếu	12 17	28 hạ	12 29 thiếu		13 1	3 thu thiếu	14 5	15 7 đông	15	6 thiếu	16 7 thiếu
Đinh Mão 1987	7 xuân	17 7 thiếu	8	18 9 hạ thiếu	11	19 12 hạ nhuận 14 thu thiếu	20 16	17	20 17 đông thiếu	17	21 17 thiếu	17 xuân thiếu
Mậu Thìn 1988	23 18	18 thiếu	24 20 hạ thiếu	21 thiếu	25 24	25 thu thiếu	26 27	28	26 28 đông thiếu	29	27 28	28 thiếu xuân
Kỷ tý 1989	28 28	29 thiếu	29 thiếu	1 hạ	3 thiếu	1 5	6 thu thiếu	2 8	9 thiếu	3 10 đông	10	3 9

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Canh ngọ 1990	9 xuân thiếu	4 10	10 thiếu	12 hạ thiếu	nhuận 6 14 nhuận 15 thiếu	18 thu thiếu	8 20	20 thiếu	9 22 đông	21	9 21	20 xuân
Tân mùi 1991	9 20 thiếu	21	10 22 hạ thiếu	24	12 26	28 thu thiếu	13 thiếu	1	14 2 thiếu	3 đông	15 2	2
Nhâm thân 1992	15 1 xuân thiếu	2	16 2	3 hạ thiếu	17 5 thiếu	8	18 9 thu thiếu	11 thiếu	20 13	13 đông thiếu	21 14	13
Quý dậu 1993	21 13 xuân thiếu	13	22 14 nhuận 14 hạ thiếu	23 17	18 thiếu	24 20 thu	21 thiếu	25 23 thiếu	24 đông	26 24 thiếu	24	27 24 xuân thiếu
Giáp Tuất 1994	25	28 25	26 hạ	28 27 thiếu	29	29 thiếu	2 thu	3 thiếu	1 4 thiếu	5 đông	2 5 thiếu	6
Ất Hợi 1995	3 5 xuân thiếu	6	4 6	7 hạ thiếu	5 9	10 thiếu	6 13 thu	nhuận 6 14 nhuận 15 thiếu	16 đông thiếu	8 16	16 thiếu	9 16 xuân
Bính Tý 1996	16 thiếu	10 17	18 hạ thiếu	11 20	22	11 23 thu thiếu	25	12 26 thiếu	27 đông	13 27	26 thiếu	14 27 xuân thiếu
Đinh Sửu 1997	27	15 28 thiếu	29 hạ	16 thiếu	1	17 3 thiếu	5 thu	18 6	7 thiếu	19 8 đông	8	19 7 thiếu
Mậu Dần 1998	8 xuân	20 8 thiếu	9 thiếu	22 11 hạ	23 12 thiếu nhuận 14 thiếu	17 thu	24 18	18 thiếu	25 19 đông	19	25 19 thiếu	19 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Kỷ mao 1999	26 19	19 thiếu	27 21 thu thiếu	23	28 24 thiếu	27 thu thiếu	30 29	thiếu	1	1 1 đông	30 thiếu	1 29 xuân
Canh thìn 2000	30 kinh	2 30	thiếu	3 2 hạ	4	4 6	8 thiếu thu	6 10	11 thiếu	7 12 đông	12	7 11
Tân tỵ 2001	12 xuân	8 11	12 thiếu	9 13 hạ nhuận 14 thiếu	10 17	18 thu thiếu	11 20 thiếu	22	12 22 đông thiếu	23	13 22 thiếu	23 xuân
Nhâm ngọ 2002	14 23	23	14 24 hạ thiếu	26	15 27 thiếu	30 thu	16 thiếu	2 thiếu	18 3	3 đông thiếu	15 4	4 thiếu
Quý mùi 2003	20 4 xuân	4	20 4 thiếu	6 hạ	21 7	8 thiếu	22 11 thu	12 thiếu	23 14 thiếu	15 đông	24 14 thiếu	15
Giáp thân 2004	15 14 xuân	nhuận 26 15 nhuận 15 thiếu	17 hạ	27 18	20 thiếu	28 22 thu	23 thiếu	29 25	25 đông thiếu	30 26	25 thiếu	26 xuân
Ất dậu 2005	1 25 thiếu	27	2 27 hạ thiếu	29	3 thiếu	2	4 3 thu	4 thiếu	5 6	6 đông thiếu	6 7	6 thiếu
Bính Tuất 2006	7 7 xuân	7 thiếu	8 8	8 hạ thiếu	9 11	12 thiếu	10 14 thu 16 thiếu	11 17	17 đông	11 17 thiếu	18	12 17 xuân
Đinh Hợi 2007	17 thiếu	13 18 thiếu	20 hạ	14 12 thiếu	23 thiếu	16 26 thu	27 thiếu	17 29	29 đông	17 28	28 thiếu	18 28 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Mậu tý 2008	28	18 28 thiếu	thiếu	20 1 hạ	2 thiếu	21 5 thiếu	7 thu	22 8 thiếu	10	23 10 đông	10 thiếu	24 10
Kỷ sừu 2009	10 xuân	24 9	9 thiếu	25 11 hạ thiếu	nhuận 26 13 nhuận 15 thiếu	17 thu thiếu	28 19	20 thiếu	29 21 đông	21 thiếu	30 21	21 xuân
Canh dần 2010	30 21	21 thiếu	22 hạ	1 24 thiếu	26	2 27 thu thiếu	thiếu	4 1	1 thiếu	5 2 đông	2 thiếu	6 3
Tân mào 2011	2 xuân	6 2 thiếu	3	7 4 hạ	5 thiếu	8 7	9 thu thiếu	9 11 thiếu	12	10 13 đông thiếu	13	11 13 thiếu
Nhâm thìn 2012	13 xuân	12 13 thiếu	14	13 15 hạ nhuận 16 thiếu	14 19	20 thu thiếu	15 22	23 thiếu	16 24 đông	24 thiếu	17 24	24 xuân thiếu
Quý tỵ 2013	18 24	24 thiếu	19 26 hạ	27 thiếu	20 30	1 thu thiếu	20 1 thu thiếu	3	21 4 thiếu	5 đông	22 5 thiếu	5
Giáp Ngọ 2014	23 5 xuân thiếu	6	24 6 thiếu	7 hạ	25 9 thiếu	11	26 12 thu thiếu	15	27 15 nhuận 15 đông thiếu	28 16	16 thiếu	29 16 xuân
Ất mùi 2015	16 thiếu	30 17	18 hạ thiếu	20 thiếu	2 22	24 thu thiếu	3 26	26	3 27 đông	26 thiếu	4 27	26 xuân thiếu
Bính thân 2016	5 27	27 thiếu	6 29 hạ	thiếu	7 1 thiếu	4	8 5 thu thiếu	7	9 8	8 đông thiếu	10 9	8
Đinh dậu 2017	10 7 xuân thiếu	8	11 8 thiếu	10 hạ	12 11 thiếu	Nhuận 14 14 thiếu nhuận 16 thu	17 thiếu	15 19	19 đông thiếu	16 20	19	16 19 xuân

Năm Âm lịch	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Mậu tuất 2018	18 thiếu 18 thiếu	17 20	20 hạ thiếu	18 23	24 thiếu	19 25 thu thiếu	29	20 29 thiếu	30 đông	21 thiếu	1	22 30 xuân
Kỷ Hợi 2019	30 12 xuân thiếu	22 thiếu	1	23 2 thiếu	4	24 5 thiếu	8 thu thiếu	26 10	10 thiếu	27 12 đông thiếu	12	28 12
Canh tý 2020	12 xuân thiếu	29 12	12	29 13 hạ	30 16	18 thu thiếu	20 thiếu	2 22	22 đông	3 23		

THIỆU VĨ HOA

CHU DỊCH DỰ ĐOÁN **Các ví dụ có giải**

...

Người dịch : NGUYỄN VĂN MẬU

Lời nói đầu

I

"Chu dịch" là nguồn gốc và cơ sở của Dự đoán học, khoa học thông tin của Trung Quốc. Các phù hiệu âm dương, bát quái và tượng quẻ, tượng hào trong "Chu dịch" không những là tiêu chí mật mã mọi vật, mọi việc trong vũ trụ mà còn là một cái kho tàng trữ thông tin rất lớn. Có thể nói "Chu dịch" là cái máy dự đoán vạn năng vô hình rất đơn giản.

Bát quái có công năng dự đoán vượt qua thời gian, không gian vô cùng thần kỳ độc đáo. Trên đoán thiên văn, dưới đoán địa lý, giữa đoán nhân sự; vừa dự đoán các thông tin vĩ mô, vừa dự đoán cả vi mô; vừa dự đoán các thông tin ngắn hạn, trung hạn, vừa dự đoán cả thông tin dài hạn; vừa dự đoán toàn cục, vừa dự đoán cục bộ, từng mặt. Cho nên nói mọi vật, mọi việc trong vũ trụ, không có cái gì, không có chỗ nào nó không đoán được. Cái độc đáo, thần kỳ của bát quái là dự đoán vượt thời gian, vượt không gian, tốc độ nhanh, độ chính xác cao, không tổn sức người, sức của, đó là đặc điểm lớn nhất mà không một máy đo hiện đại nào có thể sánh nổi.

Có người thấy rất ngạc nhiên, thần bí trước việc bát quái dự đoán rất chính xác, đó là vì họ thiếu hiểu biết về bát quái. Bát quái sở dĩ dự đoán được chính xác là vì nó dựa trên nguyên lý âm dương biến đổi, căn cứ theo quy tắc ngũ hành sinh khắc chế hóa để tiên đoán. Cụ thể là :

1. Nguyên lý âm dương : "Hệ từ" nói : "Thái cực sinh lưỡng nghi". Lưỡng nghi chính là hào âm và hào dương trong phù hiệu bát quái. Bát quái chính là hai tượng hào cơ bản này cấu thành, tức là nói : người xưa đã đem vạn vật, vạn sự vô cùng phức tạp trong vũ trụ phân thành hai loại chính : âm, dương.

Âm dương, bản chất của nó là khí, là nguồn gốc, thể hiện sự tồn tại và phát triển của vũ trụ. Nguyên lý của âm dương là trong động có biến, trong biến có động, âm động biến thành dương, dương động biến thành âm, quy luật vừa đối lập vừa đồng nhất, dựa vào nhau tồn tại. Do đó chỉ có hiểu rõ nguyên lý âm dương biến đổi thì mới có thể phân định chính xác thuộc tính âm dương của sự vật, mới nắm được quy luật tự nhiên về sự vận động và biến đổi của vạn vật.

2. Số quẻ, số hào : Quẻ có số quẻ, hào có số hào. Trong "Hệ từ" có nói : "số đại diện là 50, nó dùng 49" và "số đó dùng để gieo quẻ". Do đó, số là căn cứ của gieo quẻ. Có quẻ thì có số, có số thì có quẻ. Quẻ là biểu hiện của số, số là ứng dụng cụ thể của quẻ.

3. Tượng quẻ, tượng hào : "Hệ từ" nói : "Bát quái được lập, tượng của nó đã có trong đó. Do đó hào cũng đã có trong đó". Bát quái gồm 64 quẻ, 384 hào, không những là tiêu chí mật mã của vạn vật, vạn sự trong vũ trụ mà còn là tượng của vạn vật, vạn sự. Cho nên tượng quẻ, tượng hào đều tượng trưng cho sự vật và sự việc. Khi dự đoán, căn cứ vào tượng quẻ và tiêu chí là có thể dự đoán được các thông tin cát, hung.

4. Ngũ hành sinh khắc chế hóa : Sách "Thiên nhiên kỉ đại luận" nói : "Trời có ngũ hành ngũ ở năm ngôi để sinh ra : hàn, thủ, táo, phong, thấp; người có năm tạng hòa năm khí để sinh ra : mừng, giận, yêu, ghét, sợ". Học thuyết ngũ hành đem vạn vật, vạn sự và các hiện tượng (bao gồm cả con người) trong vũ trụ theo các thuộc tính khác nhau của ngũ hành chia thành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Sự biến đổi và phát triển của các sự vật trong vũ trụ cho đến sự hưng suy của xã hội loài người đều gắn chặt với quy tắc ngũ hành sinh khắc chế hóa, đều là kết quả của ngũ hành không ngừng vận động và phát sinh biến đổi. Do đó nếu nắm được quy luật cơ bản sinh khắc chế hóa của ngũ hành thì có thể biết được sự vượng, suy của sự vật, đạt được mục đích hướng đến cái tốt, tránh xa cái xấu.

Sách "Hoàng đế nội kinh" nói : "Giữa trời đất, trong có lục hợp, khí của nó có chín khiếu, năm tạng, mười hai tiết đều thông với khí trời". Nhân thể là một tiểu thiên thể, là một hệ thống tổ chức sống vừa đối lập vừa thống nhất vô cùng phức tạp. Nhân thể có công năng thông tin thông qua trường điện từ, trường sinh vật, tia hồng ngoại, sóng hồng ngoại v.v... Cho nên nhân thể vừa là thiết bị phát tin, vừa là thiết bị thu tin. Khi dùng bát quái để dự đoán thông tin, căn cứ vào nguyên lý âm dương ngũ hành biến đổi, tiêu chí tượng vật của tượng quẻ, tượng hào và quy tắc ngũ hành sinh khắc chế hóa ta có thể dự đoán được chính xác những thông tin cần thiết. Còn về vấn đề vì sao những thông tin dự đoán lại có thời gian ứng nghiệm chính xác, thì từ xưa đến nay đều được xem là "câu đố thiên cổ". Tôi cho rằng "Câu đố" này nhất định có liên quan với cảm ứng và sự phản hồi do điện, khí trường phát ra.

2

"Chu dịch" là khoa học dự đoán, là khoa học quyết sách". Dùng bát quái để dự đoán thông tin về trời, đất, con người, độ chính xác đạt đến không ngờ và một lượng lớn các sử liệu đều đã được ghi chép tỉ mỉ rõ ràng trong các sách "Tả truyện", "Quốc ngữ, Luận ngữ", "Ân khư khế tiền biên", "Chu dịch tập vấn phụ phệ tông", "Luận hàng - Chiêm bốc biên", "Quản lộ truyện", "Quách phác truyện", "Chu dịch cổ phệ khảo" và cả trong giáp cốt văn. Nó không những là viên ngọc sáng trong kho báu ứng dụng dịch học mà còn là các chứng vật để làm rõ những sự kiện lịch sử trọng đại trong xã hội cổ đại của Trung Quốc. Do đó nó là tư liệu lịch sử chân thật nhất, quý giá nhất của Trung Quốc.

Mao Trạch Đông nói : "Chúng ta phải tôn trọng lịch sử mình, quyết không được cắt đứt lịch sử. Nhưng sự tôn trọng đó phải có tính khoa học, phải dựa trên sự phát triển biện chứng của lịch sử" ("Mao Trạch Đông tuyển tập" trang 758 tập 2). Ngài Lý Kinh tri, nhà dịch học cận đại nổi tiếng của Trung Quốc năm 1963 khi viết cuốn "Chu dịch thám nguyên", với thái độ khoa học, đã thực sự cầu thị theo chủ nghĩa duy vật chỉ ra rằng : "'Chu dịch' vốn là bộ sách đoán quẻ, đó là điều không nghi ngờ gì nữa, "Tả truyện, Quốc ngữ" chứng tỏ điều đó". "Đoán về hôn nhân, về chiến tranh, về mọi việc đời thường, về mệnh vận tương lai, cát hung, không đoán quẻ thì không linh nghiệm". Ông còn viết : "Điều đáng chú ý ở đây là : đối với "Chu dịch"... chúng ta không thể tùy tiện đem những điều ghi trong "Luận ngữ" và "Tả truyện" ra thỏa mãn, hợp với mình thì dùng, không hợp với mình thì nói đó là giả dối, mặc dù không có một chứng cứ xác thực nào". "Đối với lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, muốn tinh thông nó thì phải ứng dụng nó, mục đích của tinh thông là ứng dụng". Cũng giống như thế, chúng ta nghiên cứu "Chu dịch" phải coi trọng ứng dụng, nghiên cứu kết hợp với khoa học hiện đại, phát huy giá trị thực tiễn của nó, tạo ra của cải và vật chất cho xã hội, chỉ có thế mới xứng đáng là có giá trị khoa học.

Từ sau Hội thảo quốc tế học thuật "Chu dịch 1987" đến nay, ở Trung Quốc đã xuất hiện một trào lưu nghiên cứu "Chu dịch" mang tính quần chúng. Tinh thần chúng đó thể hiện trên hai bình diện :

Thứ nhất, một số cán bộ cấp cao đã quan tâm tham gia học tập và nghiên cứu "Chu dịch". Đối tượng học và nghiên cứu dịch học ban đầu chỉ là những quần chúng bình thường và các trí thức cao cấp trong giới học thuật khoa học kỹ thuật, nay phát triển sang những cán bộ cao cấp trong Nhà nước cũng quan tâm tham gia nghiên cứu "Chu dịch". Họ không những mua sách đọc mà còn học theo lớp, tham gia các hoạt động học thuật. Có một số cán bộ còn đảm nhận chức lãnh đạo Hội nghiên cứu "Chu dịch" của tỉnh, tự mình nắm khâu nghiên cứu ứng dụng.

Thứ hai, việc nghiên cứu "Chu dịch" ở Trung Quốc từ nghiên cứu lý luận đang từng bước chuyển sang nghiên cứu ứng dụng. Ngày nay số người nghiên cứu kết hợp "Chu dịch" với khoa học hiện đại ngày càng nhiều, thành quả đạt được cũng ngày càng phong phú. Ví dụ trên các mặt : khí tượng, động đất, thể dục, y học, phá án, sinh đẻ tối ưu, khí công, kinh doanh, quản lý, v.v... đều đạt được những thành tựu mới mẻ, đột phá và đáng mừng. Có thể khẳng định, ứng dụng "Chu dịch" sẽ đẩy mạnh sự nghiệp khoa học của Trung Quốc và đem lại những hệ quả to lớn.

3

Cuốn "Chu dịch dự đoán học" của tôi xuất bản và phát hành tháng 5 năm 1990 đã nhận được sự yêu thích của rộng rãi độc giả, được các chuyên gia coi trọng và được Nhà xuất bản, giới thiệu, chọn vào loại sách ưu tú, tham gia Triển lãm sách tốt toàn quốc lần thứ ba, được độc giả trong và ngoài nước hoan nghênh và bình phẩm

tốt. Một nhà văn nổi tiếng, là nhân sĩ được nhiều người trong và ngoài nước biết đến đã nói : Sách "Chu dịch dự đoán học" có bốn đặc điểm :

1. Đã kết hợp chặt chẽ dự đoán học với khoa học hiện đại.
2. Sách được trình bày bằng những kiến thức cơ bản, hệ thống và hoàn chỉnh nhất, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao nên giản dị và dễ hiểu.
3. Sách giới thiệu nhiều kinh nghiệm thực tiễn của tác giả.
4. Có sự phát minh sáng tạo của tác giả.

Ngoài ra tháng 11 âm lịch năm đó cuốn "Chu dịch dự đoán học" lại được xuất bản ở Hồng Kông, phát hành ở các nước Đông Nam Á.

Đoán quẻ là khâu quan trọng nhất trong dự đoán. Nó quan hệ đến kết quả dự đoán và sự thành bại của công việc, sự nghiệp. Do đó, các nhà nghiên cứu và rộng rãi độc giả đều viết thư đến yêu cầu tôi viết một cuốn chuyên về đoán và giải quẻ, giúp họ học tập nâng cao kỹ thuật dự đoán. Để đáp ứng nguyện vọng của mọi người, tôi chọn lại những ví dụ điển hình trong cuốn "Chu dịch dự đoán học" và những ví dụ chưa được công bố viết thành cuốn sách này.

Sách chủ yếu giới thiệu các ví dụ dự đoán quẻ tích lũy được trong thực tế của tôi. Trong sách có phương pháp đoán theo tượng quẻ, đoán theo tượng hào và phương pháp đoán kết hợp. Ngoài ra có một số quẻ được chọn lựa từ tinh hoa của các học viên, một số nữa là chọn những quẻ hay, điển hình trong sách cổ. Mục đích là gợi mở tư duy của mọi người, nâng cao bản lĩnh dự đoán.

Trong lời giải quẻ, luôn thể hiện nhất quán các phương pháp đoán quẻ cơ bản là : "một hào động", "tượng quẻ", "dịch lý", "số lý", "ngũ hành sinh khắc" và "ngoại ứng".

Ngài Trương Chấn Hoàn, nguyên Phó chủ nhiệm Bộ Công nghiệp Quốc phòng Trung Quốc, Tổng thư ký Hội nghiên cứu khoa học khí công Trung Quốc rất quan tâm đến nghiên cứu ứng dụng Chu dịch của tôi. Cổ vũ tôi khắc phục khó khăn, vượt lên mọi trở ngại, dùng thái độ khoa học thực sự cầu thị, kết hợp nghiên cứu ứng dụng Chu dịch với khoa học hiện đại dùng vào công cuộc kiến thiết đất nước và đưa lại hạnh phúc cho nhân dân. Khi viết cuốn sách này, tôi lại nhận được sự quan tâm cụ thể của Ngài, đặt tên và đề từ cho cuốn sách.

Cuốn sách được soạn thảo trong điều kiện thời gian eo hẹp, công việc bề bộn và được sự giúp đỡ to lớn của đệ tử Trần Viên. Vì trình độ tư tưởng và văn hóa có hạn, hơn nữa bản thân việc giải quẻ vô cùng phức tạp, biến hóa vô cùng, độ khó lớn, mặt khác có nhiều của ải mà hiện nay tôi chưa thể vượt qua, nên cuốn sách chỉ là tư liệu tham khảo cho mọi người. Mong các chuyên gia, nhà nghiên cứu và rộng rãi độc giả chỉ giáo cho những chỗ còn sai sót.

Tây An, ngày 30-12-1990

THIỆU VĨ HOA

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	531
Chương 1. DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT	537
I – Phương pháp gieo quẻ có kết hợp với tên địa phương	539
II – Dự đoán thời tiết (1)	540
III – Dự đoán thời tiết (2)	542
IV – Kết hợp dự đoán theo tượng quẻ và sáu hào	547
V – Tượng quẻ giống nhau nhưng thời tiết khác nhau	550
Chương 2. DỰ ĐOÁN THIÊN TAI	553
I – Dự đoán động đất	553
II – Dự đoán về lũ lụt	565
III – Dự đoán về hỏa hoạn	568
Chương 3. ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA	571
I – Đoán người đi xa (1)	571
II – Đoán người đi xa (2)	577
III – Đoán người đi xa (3)	593
IV – Đoán người đi xa (4)	603
V – Đoán người có đến không	614
VI – Đoán về xuất hành	617
Chương 4. ĐOÁN VỀ HỌC TẬP	621
I – Đoán về quá trình học tập	621
II – Đoán về thi đỗ	624
III – Đoán thi hỏng	629
IV – Đoán về du học	632
Chương 5. DỰ ĐOÁN VỀ SỰ NGHIỆP	637
I – Dự đoán về công danh	637
II – Dự đoán về tiền đồ	641
II – Dự đoán về tiền đồ	646
Chương 6. DỰ ĐOÁN VỀ KINH DOANH	650
I – Dự đoán về kinh doanh	650
II – Dự đoán về tài vận	657
Chương 7. DỰ ĐOÁN VỀ KIẾN TỤNG	664
I – Dự đoán về kiện tụng	664
II – Dự đoán về tai họa bị tù	668

<i>Chương 8. DỰ ĐOÁN VỀ MẮT CỦA</i>	677
I – Đoán về mắt của	677
II – Dự đoán về phá án	688
<i>Chương 9. DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN</i>	700
I – Dự đoán về hôn nhân (1)	700
II – Dự đoán về hôn nhân (2)	707
III – Dự đoán về hôn nhân (3)	718
<i>Chương 10. DỰ ĐOÁN VỀ ỐM ĐAU, THƯƠNG TẬT</i>	723
I – Dự đoán ốm đau	724
II – Dự đoán về thương tật	739
<i>Chương 11. DỰ ĐOÁN VỀ ĐẤU BÓNG</i>	748
I – Dự đoán về đấu bóng chuyền	748
II – Dự đoán về đấu bóng đá	753
<i>Chương 12. DỰ ĐOÁN CÁC VIỆC KHÁC</i>	758
I – Dự đoán các thông tin về thư từ	758
II – Dự đoán việc linh tinh	767
<i>Chương 13. NGOẠI ỨNG</i>	776
I – Các ví dụ về ngoại ứng	777
II – Bổ sung về ngoại ứng	781
<i>Phụ lục 1. Phương pháp nạp chi cho bát quái</i>	784
<i>Phụ lục 2. Phương pháp gieo quẻ</i>	786
<i>Phụ lục 3. Tượng hào của 64 quẻ</i>	787
<i>Phụ lục 4. Thiên can phối với lục thân</i>	792
<i>Phụ lục 5. Xác định thời gian ứng nghiệm</i>	794
<i>Phụ lục 6. Cách sử dụng bộ thẻ sáu hào để dự đoán</i>	798

Chương 1

DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT

"Nhìn lên xem thiên văn, nhìn xuống xem địa lý" ("Hệ từ" của "Chu dịch"). Xem thiên văn là xem sự biến đổi của các thiên thể; xem địa lý là xem động tĩnh của quả đất. Từ xa xưa, trong điều kiện khoa học không phát triển, muốn xem thiên văn và xem địa lý thì phải dựa vào gì? Dựa vào âm dương, bát quái. Cho nên bát quái có công dụng trên xem thiên văn, dưới xem địa lý.

Trong "Chu dịch", bàn rất nhiều về dùng bát quái để xem thời tiết. Ở Trung Quốc, dùng bát quái để dự báo thời tiết, từ đời xưa trong "Giáp cốt văn" đã ghi lại rất nhiều tư liệu. Trong "Điện hư khế tiền biên" có nói: "Quẻ Kỳ sừ là giờ Canh mưa, quẻ Ất mao giờ Bính mưa". Các nhà dịch học đời sau như Quý Cốc Tử, Viên Thiên Khôi, Gia Cát Lượng, Thiệu Khang Tiết, Lưu Bá Ôn, Trần Mộng Lô, v.v... đều để lại những kinh nghiệm quý báu về dự đoán thời tiết cho ngày nay. Những người đó đã có cống hiến to lớn trong nghiên cứu khí tượng của Trung Quốc.

Dùng tượng quẻ để đoán việc, đó là một trong những phương pháp dự đoán sớm nhất của Trung Quốc, còn kéo dài mãi đến ngày nay, đồng thời đó cũng là phương pháp quan trọng không thể thiếu được trong dự đoán thông tin.

Tôi, trong dạy học và qua thư của một số độc giả, phát hiện thấy rằng: nhiều học viên hoặc nhiều người mới bắt đầu nghiên cứu thường không coi trọng dự đoán theo tượng quẻ. Họ cho rằng, dùng tượng quẻ để đoán việc, nội dung đoán vừa ít vừa đơn giản. Do đó họ thường yêu cầu học cách dự đoán theo sáu hào, học tứ trụ và kỳ môn độn giáp. Thực ra, nghĩ như thế là sai. Dự đoán theo tượng quẻ có đặc điểm không những đơn giản, dễ nắm vững, tượng vật rõ ràng, quẻ thể, quẻ dụng phân minh mà tốc độ đoán nhanh, hơn nữa, còn chứa rất nhiều thông tin cần thiết cho dự đoán. Tượng quẻ là phương pháp dự đoán cơ bản nhất, chỉ có nắm vững kỹ thuật dự đoán theo tượng quẻ mới có thể nắm vững phương pháp dự đoán theo sáu hào. Tôi, trong dự đoán thông tin, rất nhiều vấn đề chỉ dùng tượng quẻ đã đoán chính xác. Tượng quẻ trong dự đoán thời tiết thường chủ về các hiện tượng như trong "Mai hoa dịch số" đã bàn đến. Ví dụ: "Phạm đoán thời tiết, không cần phân biệt quẻ thể, quẻ dụng mà phải xem toàn quẻ kết hợp với ngũ hành. Quẻ Ly nhiều chủ về nắng; Chấn nhiều vào mùa xuân, mùa hạ thì có s

rền; Tốn nhiều là mùa nào cũng có gió mạnh. Cấn nhiều là mưa lâu tất tạnh; Đoài nhiều không mưa thì cũng âm u. Mùa hạ đoán được quẻ Ly nhiều mà không có Khảm là hạn hán, nóng nực. Mùa đông Khảm nhiều mà không có Ly là gió tuyết đầy trời.

Xem toàn quẻ là xem cả quẻ hồ và quẻ biển. Ngũ hành gọi Ly thuộc hỏa, chủ về nắng; Khảm là thủy chủ về mưa; Khôn là khí đất chủ về u ám; Càn là trời chủ về nắng sáng; Chấn là sấm; Tốn là gió. Mùa đông chấn nhiều mà không bị chế ngự là có sấm bất thường; có tốn kèm theo là sấm gió dùng dùng; Cấn là khí của mây núi, nếu mưa lâu gặp quẻ Cấn thì tạnh; Cấn có nghĩa là dùng, cũng có nghĩa là thổ khắc thủy; Đoài là đầm dề, không mưa thì cũng âm u, ướt át.

Càn là tượng trời nắng, mùa nào gặp Càn trời cũng nắng. Khôn là đất. Nếu trong quẻ có cả Càn, Khôn là nắng mưa xen kẽ. Nếu quẻ có Khôn và Cấn là trời âm u bất thường. Số quẻ có dương, có âm, tượng quẻ có lẽ có chấn. Âm là mưa, dương là nắng, chấn lẻ là u ám liên miên. Khôn là cực của lão âm, nếu nắng lâu tất sẽ mưa; âm khí mà mưa lâu tất sẽ nắng. Nếu gặp Khảm trùng với Ly cũng tức là trời lúc nắng, lúc mưa. Khảm là thủy, tức là mưa, Ly là hỏa, tức là nắng. Kim của Càn và Đoài là mùa thu thì nắng sáng, mùa đông thì mưa to. Thổ của Khôn, Cấn mùa xuân là mưa dầm dề, mùa hạ thì nắng to, nóng bức. Trong Kinh dịch nói rằng "mây từ rồng, gió từ hổ". Lại còn nói : "Cấn là mây, Tốn là gió". Cho nên quẻ có Cấn, Tốn là mây gió xen nhau, Cát bụi mù mịt. Khảm ở trên Cấn, là sương mù thành mây, nếu Khảm ở trên Đoài thì sương đọng lại thành tuyết. Quẻ gặp Càn - Đoài là sương tuyết tiêu tan, Ly là hỏa, là nắng, là rãng mây. Chấn là sấm, Ly là điện, quẻ gặp Chấn - Ly thì sẽ có sấm chớp. Khảm là mưa, Tốn là gió. Quẻ gặp Khảm - Tốn là mưa gió âm âm. Quẻ hai Chấn trùng nhau thì sấm rền trăm dặm... Khi gặp quẻ thuận thì căn cứ vào tượng hào để đoán.

Các quẻ Địa thiên thái, Thủy thiên nhu là tượng mông lung. Quẻ thuận Ly, mùa hạ thì hạn, các mùa khác thì nắng. Quẻ thuận Khảm mùa đông thì giá rét, các mùa khác thì mưa nhiều. Mưa lâu không ráo gặp quẻ Cấn thì tạnh. Nắng lâu không mưa, gặp quẻ Cấn sẽ mưa. Nếu trong quẻ Thủy hỏa đều có thì dù mùa nào cũng không có gió mây. Quẻ Phong trạch trung phù, Trạch phong đại quá mùa đông là mưa tuyết. Quẻ Thủy sơn kiến, Sơn thủy mông, dù đi bách bộ cũng phải mang theo nón, mũ che mưa. Quẻ Địa phong thăng, Phong địa quan thì mùa nào cũng không nên đi thuyền. Quẻ Ly trên Cấn sáng mưa chiều nắng, trong cung Cấn quẻ có Ly là sớm nắng chiều mưa. Trong cung Ly có Tốn, Ly, Khảm là có rãng mây màu. Trong cung Khảm có Tốn thì thời tiết cũng có mây màu. Khi dự đoán còn phải căn cứ vào từng mùa, không thể không chú ý kết hợp. Ví dụ : chấn, ly là sấm là điện chỉ ứng vào mùa hạ; càn, đoài là sương tuyết, chỉ ứng vào mùa đông.

I- PHƯƠNG PHÁP GIEO QUÊ CÓ KẾT HỢP VỚI TÊN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Trong sách Chu dịch dự đoán học, khi bàn về phương pháp dự đoán thời tiết chủ yếu chỉ giới thiệu phương pháp gieo quẻ theo thời gian và phương pháp dự đoán theo sáu hào. Tôi trong dự đoán thời tiết thường gieo quẻ vào giờ Tý hàng ngày. Vì giờ Tý là bắt đầu của một ngày, do đó mọi thông tin của ngày này đều tàng trữ ở trong quẻ. Dùng phương pháp này để dự đoán thời tiết, có thể đoán trước cho cả tháng, thậm chí trước mấy tháng, mấy năm. Khi dự đoán thời tiết bằng phương pháp gieo quẻ theo thời gian, ví dụ dự đoán ở Tây An, thì phương pháp này chỉ thích hợp cho Tây An (tức chỗ gieo quẻ), không thích hợp cho nơi khác. Vì cả nước có nhiều vùng, do đó tượng quẻ ở Tây An không thể đại diện cho khí hậu ở các vùng khác.

Tôi khi dự đoán thời tiết cho các thành phố khác, để đoán được chính xác tượng quẻ cho những thành phố đó, thường phải tiến hành theo hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là thêm số quẻ theo phương vị vào năm, tháng, ngày rồi chia cho 8, dùng số dư làm quẻ thượng, cộng thêm số giờ chia cho 8 dùng số dư làm quẻ hạ, chia cho 6 lấy số dư làm hào động, sau đó căn cứ tượng quẻ mà dự báo. Qua một thời gian thử nghiệm, độ chính xác đều đạt trên 60%, thậm chí có lúc trên 70%. Giai đoạn thứ hai, là cộng thêm số nét bút của tên thành phố đó vào năm, tháng, ngày, chia cho 8, số dư là quẻ thượng; cộng thêm giờ chia cho 8 lấy số dư làm quẻ hạ; chia cho 6 lấy số dư làm hào động. Như thế sẽ tìm được tượng quẻ. Dù là đoán thời tiết cho bất cứ thành phố hay quận huyện nào tượng quẻ đều khác nhau. Qua một thời gian thử nghiệm khá lâu, độ chính xác của phương pháp này (tức tính thêm phương vị) có thể đạt 79%. So với Đài phát thanh Trung ương dự báo thì cao hơn, so với Đài Thiểm Tây dự báo thì thấp hơn vì Đài Thiểm Tây dự báo cho hôm sau liền đó. Song nó có thể dự báo cho bất kỳ thời gian nào, bất kỳ địa phương nào, đó là tính ưu việt của phương pháp dự đoán này.

Đương nhiên ngoài gieo quẻ chính xác, còn cần phải nắm vững kỹ thuật đoán quẻ, không thể đoán quẻ một cách cứng nhắc. Cho nên nói dự đoán đúng nhiều hay ít phụ thuộc chính vào khả năng của người dự đoán.

Khi gieo quẻ kết hợp với số nét của tên địa phương, nhất định phải lấy chữ phần thể mới chuẩn. Ngoài ra, chú ý tất cả mọi tháng, ngày, giờ đưa ra trong sách này đều là theo âm lịch.

II - DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT (1)


Ví dụ 1.

Năm 1984
Giáp Tý

tháng 9
Giáp Tuất

ngày 7
Mậu Thìn

giờ Tý
Nhâm Tý

được quẻ "khôn" của quẻ "Bốc" 

Tôi đoán : thời tiết ngày 1 tháng 10 là nhiều mây chuyển nắng, buổi sáng u ám có sương mù, giờ Ngọ có mặt trời.

Ở đây quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến đều là thổ, lâm nhật, nguyệt kiến, là quẻ vượng. Thổ có lực khắc thủy, cho nên không mưa. Cấu trúc về khí của mây mù, nên sáng sớm sương mù, khôn là u ám nên trời âm u có sương. Nguyệt kiến tuất là hỏa kho, bị nhật kiến thìn thổ xung tan hỏa kho làm lộ ra ngọc hỏa, cho nên giờ ngọ thấy mặt trời.

Ví dụ 2. Muốn biết thời tiết tết năm 1985 như thế nào ?

Mấy ngày trước tết âm lịch năm 1985, có một người vì muốn mừng 1 tết đi Hàm Dương, Bảo Kế để thăm bà con và bạn bè nên hỏi tôi : thời tiết mừng 1 tết ra sao ? Tôi đem bảng dự báo thời tiết đã lập hôm 26 tháng 12 cho ông ta xem và nói rõ thời tiết ngày mồng một.

Tượng quẻ là 

Năm 1985
Ất Sửu

tháng giêng
Mậu Dần

mồng một
Canh Dần

giờ Tý
Bính Tý

Hạng là quẻ chủ, quẻ hồ là Quải, quẻ biến là Đại quá. Kim càn trong quẻ trùng lặp nhau, càn chủ về nắng, đòi nhiều không mưa thì âm u, đòi là tượng của mây mù. Mộc tốn trong quẻ lâm lệnh tháng, tốn chủ về gió, nhưng có kim của càn đòi trong quẻ chế ngự mộc, cho nên gió không to. Kết quả thời tiết ngày mồng một như tôi đã ghi trong bảng : sáng có sương mù, nhiều mây, nhưng trời vẫn sáng, gió nhẹ.

Ví dụ 3. Đoán trời có mưa không ?

Tháng 4/1990, khi tôi đang dạy học ở Quảng Châu. Vì ngày 12/4 tập thể học viên muốn đi Đài tưởng niệm Trung Sơn để chụp ảnh kỷ niệm tập thể, nên hỏi tôi về thời tiết xem có mưa không ? Tôi gieo quẻ dự đoán :

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 4
Tân Ty

ngày 12
Tân Mùi

giờ Tý
Mậu Tý

Được quẻ Khuê của quẻ Phệ Hạp (thêm số nét của chữ Quảng Châu)



Đoán : sáng có mây mù, trời sáng. Kết quả hoàn toàn đúng.

Giải : Quẻ chủ là Phệ hạp, quẻ thượng là quẻ thể, là hỏa lâm nguyệt kiến; quẻ dụng là mộc, do động mà sinh cho quẻ thể, đó là tượng hỏa mộc thông nhau rõ ràng. Quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến có ly trùng điệp. Ly nhiều là chủ về nắng, quẻ hồ tuy có khảm thủy nhưng có坎 thổ chế ngự,坎 là mây mù nên sáng sớm có mây mù.


Các thành phố vùng duyên hải như Quảng Châu, Thâm Quyến thời tiết thường hay thay đổi thất thường nhất là mùa xuân. Vì vậy, muốn dự báo chính xác thời tiết là rất khó. Do đó khi dùng bát quái để dự đoán thời tiết, có thể lập tượng quẻ cho từng giờ. Một ngày lập 12 tượng quẻ, rồi xem sự biến đổi của thời tiết theo từng giờ. Phương pháp này cũng có thể dự báo thời tiết chính xác hơn bình thường.

Ví dụ 4. Xem thời tiết Tây An ngày mồng 4 tháng 12 như thế nào ?

Tháng 11/1983, tôi muốn biết tình hình thời tiết ngày 4 tháng 12 của Tây An ra sao. Sau khi gieo quẻ đoán là : hừng sáng, có sương nặng, có gió.

Năm 1983	tháng 12	ngày 4	giờ Tý
Quý Hợi	Ất Sửu	Kỷ Mão	Giáp Tý


Quẻ chủ là "Hàng", quẻ hỗ là "Quải",

quẻ biến là "Đại quá" 

Cần kim trong quẻ trùng lặp. Cần nhiều là chủ về trời sáng, Kim của Cần, đoài vào mùa đông là sương tuyết. Vì trời sáng nên không có tuyết mà chỉ có sương. Mộc tổn trong quẻ gặp hai lần, tổn là gió lại lâm nhật kiến mao mộc nên có gió. Trong quẻ cần, đoài kim tuy nhiều nhưng ở đất hưu tù, không đủ sức để chế ngự mộc, do đó, tuy có gió nhưng không to. Thời tiết hôm đó quả như dự đoán.

Ví dụ 5. Tháng 7 dự đoán thời tiết ngày 19/8 của Tây An sẽ ra sao ?


Năm 1984	tháng 7	ngày 19	Giờ Tý
Giáp Tý	Nhâm thân	Tân Hợi	Canh Tý

Được quẻ Đại quá của quẻ Hàng, quẻ hỗ là Quải. 

Kim của cần đoài trong quẻ rất vượng. Cần chủ về nắng, kim của cần đoài mùa thu chủ về nắng sáng, cho nên trời nắng. Tổn mộc trong quẻ trùng lặp xuất hiện, tổn là gió, tuy kim vượng khắc mộc, nhưng mộc trường sinh ở nhật kiến. Do đó nhất định có gió. Về sau quả đúng thế.

Ví dụ 6. Tháng 4 năm 1985, dự đoán thời tiết Tây An ngày 13 tháng 5 là trời nắng chuyển thành âm u, trước là gió tuyết, sau là mưa.

Năm 1885	tháng 5	ngày 13	giờ Tý
Ất Sửu	Nhâm Ngọ	Canh Tý	Bính Tý

Được quẻ Giải của quẻ hằng, quẻ hồ là Quải. 

Càn, đoài, kim chủ về nắng, đoài là tượng có mây mù, lại lâm nhật kiến tý thủy làm xì hơi khí của kim cho nên từ nắng chuyển thành âm u. Trong quẻ, chấn, tốn là sấm, là gió, được nguyệt kiến khảm thủy sinh, tức là sấm gió kinh động và có tượng mưa. Cho nên ngày đó quả đúng từ nắng chuyển thành âm u, trước là sấm gió, sau chuyển thành mưa.

Ví dụ 7. Quẻ về ngày rơi tuyết.

Năm 1983	tháng 12	ngày 15	giờ Tý
Quý Hợi	Ất Sửu	Canh Tuất	Bính Tý

Đó là tháng 11 năm 1983 đoán thời tiết Tây An ngày 15 tháng 12 sẽ ra sao ? Quẻ chủ là Thái, quẻ hồ là Quy muội, quẻ biến là Nhu.



Quẻ địa thiên thái là quẻ chủ. Đất ở trên, trời ở dưới là khí đất bốc lên, khí trời giáng xuống, là tượng âm dương tương hợp. Khôn thổ trong quẻ chủ về âm u, lại lâm thổ của nhật, nguyệt kiến cho nên trời âm u âm đạm. Kim của càn đoài vào mùa đông là sương tuyết, khảm là thủy là mưa, cho nên ngày đó trời âm u và rơi tuyết là chắc chắn.

Mùa đông ở phương bắc gặp quẻ này phần nhiều là rơi tuyết.

III – DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT (2)

Dùng sáu hào để dự đoán thời tiết đã có lịch sử lâu đời ở Trung Quốc. Sự dự đoán của nó rất phong phú nhiều mặt, độ chính xác cao, nội dung cụ thể. Song phương pháp dự đoán theo sáu hào khá phức tạp, kỹ thuật khó.

Dùng sáu hào để dự đoán thời tiết nhất thiết phải hiểu rõ và nắm vững tượng thời tiết mà các lục thân làm chủ. Về điều này trong sách "Chu dịch dự đoán học" tôi đã thảo luận chi tiết. Ở đây để tiện cho độc giả nắm vững, trước hết xin giới thiệu tóm tắt những điều lục thân làm chủ như sau :

Hào phụ mẫu chủ về mưa

Càn là dương, là trời; khôn là âm là đất. Càn là cha, khôn là mẹ, âm dương tương hợp thì hóa sinh thành vạn vật, cho nên gọi trời đất là cha mẹ

của vạn vật. Trời là dương, đất là âm cho nên hai khí âm, dương của trời đất tương hợp với nhau mới khí hóa thành mưa, tư dưỡng vạn vật. Do đó mà nói hào phụ mẫu chủ về mưa.

Càn là khí thuần dương, là trời, là tượng mặt trời sáng sủa. Khôn là khí thuần âm, là đất là tượng u ám. Cho nên hào sáu đầu khôn có nghĩa là sương phủ, băng cứng. Sương tuyết, băng do chất khí sinh ra. Khí có thể ngưng kết được để làm thành mưa. Cho nên hào phụ mẫu còn có nghĩa là sương, băng, tuyết.

Hào tử tôn chủ về nắng

Hào tử tôn là thần phúc, là "tinh đầu - ngôi sao" tức là "mặt trời và trăng sao, động thì sáng khắp nơi", nó quản về mặt trời, mặt trăng. Mặt trời và trăng, sao là tượng của ánh sáng, là sáng sủa. Hào tử tôn là dương, là mặt trời, là mặt trăng, là ánh sáng. Cho nên nói hào tử tôn chủ về nắng. Hào tử tôn vượng là trời nắng không có gợn mây, suy thì trời âm đạm, mộ tuyết thì âm u, tuần không thì mông lung, tăm tối.

Hào thê tài chủ về nắng

Trong "Hoàng kim sách" có nói : "Thê tài phát động thì nắng khắp bốn phương". Sách "Tăng san bốc dịch" cũng nói : "Quê đoán mưa nên hào phụ mẫu động, quê đoán nắng nên hào thê tài động". Sách đó còn nói : "Hào thê tài thì thời tiết thanh minh". Hào thê tài chủ về nắng. Theo ngũ hành lục thân mà nói, hào thê tài khắc chế hào phụ mẫu. Hào phụ mẫu chủ về mưa bị hào thê tài khắc đương nhiên là không có mưa, chỉ có nắng.

Hào huynh đệ chủ về mây, gió

Sách "Hoàng kim sách" nói : "Nếu bàn về mây gió phải dựa vào hào huynh đệ". "Hào huynh đệ ở trường sinh thì nhất định gặp cuồng phong". Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Hào huynh đệ phát động tuy chủ về mây gió, nhưng mưa thưa gió nhẹ". Huynh đệ là thần kiếp tài, là ngang vai, là tranh đấu, là nguồn gốc của sự không yên ổn bất hòa. Bất hòa tức là có đấu tranh, có động, động mới sinh gió. Đấu tranh tất phải có tiến thoái, tiến thoái là tượng của tổn. Tổn là gió, gió thổi thì hủy hoại vạn vật. Hơn nữa đã có gió tất có mây, cho nên nói : "gió mây xen nhau thì cát bụi đầy trời". Do đó hào huynh đệ chủ về mây gió.

Hào quan quý chủ về sấm, chớp

Sách "Hoàng kim sách" nói : "Muốn biết có sấm chớp thì xem hào quan quý". Sách "Tăng san bốc dịch" cũng nói : "Hào quan quý là có sấm chớp". Quan là người quản người khác, nắm quyền lập pháp và pháp lệnh, là uy ra

lệnh cho thiên hạ. Hiệu lệnh có tượng như sấm sét. Có sấm thì có chớp, có chớp, có lửa tất có khói, sét đánh vào vạn vật mà sinh ra khói, khói là tượng sương mù. Cho nên hào quan quý là sấm chớp, sương mù. Tượng mà lục thân làm chủ thời tiết đã được bàn kỹ trong mục "Dự đoán về thời tiết" của cuốn "Chu dịch dự đoán học".

Ví dụ 1. Ngày mai có tuyết không ?

Ngày mồng 1 tháng giêng năm Canh Ngọ, rất nhiều bạn đến chúc tết tôi hỏi, thời tiết có thay đổi, ông thử xem ngày mai có tuyết không ? Tôi gieo quẻ ngay để đoán, được quẻ Sư của quẻ Lâm. Ngày mồng 1 tháng giêng (âm lịch) năm 1990 thuộc tháng 12 năm 1989, tức tháng Sửu, ngày nhâm Thìn).

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn Dậu kim..
Thê tài Hợi thủy .. ứng
Huynh đệ Sửu thổ ..
Huynh đệ Sửu thổ ..
Quan quý Mão mộc . thê
Phụ mẫu Tý hỏa O

ĐỊA THỦY SƯ

Tử tôn Dậu kim .. ứng
Thê tài Hợi thủy ..
Huynh đệ Sửu thổ ..
Phụ mẫu Ngọ hỏa .. thê
Huynh đệ Thìn thổ ..
Quan quý Dần mộc ..

Tôi căn cứ vào tượng hào nói với mọi người : "Ngày mai nhất định không rơi tuyết, trời sáng, chúng ta chờ xem". Hôm sau đúng thế.

Xưa có câu "Hào phụ mẫu bốn mùa đều chủ về mưa", "động thì bốn phương mưa dầm dề". Nay hào phụ mẫu động sao lại không mưa mà trời sáng ?

Hào phụ mẫu chủ về mưa, hào phụ mẫu động sẽ có mưa là đúng. Nhưng phải phân tích hào phụ mẫu thuộc về gì trong ngũ hành. Tôi, trong thực tiễn, phát hiện thấy hào phụ mẫu thuộc về hỏa của tý, Ngọ, động nên hóa sinh trở lại, không những không mưa mà phần nhiều còn là trời nắng, vì hỏa là tượng của ánh sáng lại hóa thành mộc sinh trở lại, đúng là mộc giúp uy cho hỏa, quả là tượng mộc hỏa thông nhau, do đó trời nắng. Ở đây hào phụ mẫu là tý hỏa, ngày mồng 2 là ngày Tý, là phụ mẫu được lệnh ngày, động mà hóa thành trường sinh, do đó đoán ngày mồng 2 không có tuyết mà trời nắng.

Ví dụ 2. Lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao lần thứ 5 vào ngày âm u hay nắng ?

Ngày 14/9/1983, ở đơn vị tôi không ít người chờ đợi ngày khai mạc Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ 5 đang tới gần. Lễ khai mạc ấn định vào ngày 16 tháng 9 tại Thượng Hải, nhưng không rõ thời tiết ngày đó thế nào, mọi người yêu cầu tôi dự đoán. Lúc đó gieo được quẻ Phong của quẻ Cách. Tôi đoán ngày 16 Thượng Hải có mưa, lễ khai mạc không thể đúng giờ được. Về sau lễ khai mạc đã phải lùi chậm lại, chứng tỏ quẻ đoán đúng.

Ngày 4/8/1983, là tháng dậu, ngày Đinh mùi :

TRẠCH HỎA CÁCH

Quan quý mùi thổ ..
Phụ mẫu dậu kim O
Huynh đệ hợi thủy . thế
Huynh đệ hợi thủy .
Quan quý Sửu thổ ..
Tử tôn mao mộc . ứng

LÔI HỎA PHONG

Quan quý tuất thổ ..
Phụ mẫu thân kim .. thế
Thê tài ngọ hỏa.
Huynh đệ hợi thủy .
Quan quý Sửu thổ .. ứng
Tử tôn mao mộc.

Hào phụ mẫu chủ về mưa. Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Hào phụ mẫu vượng động tất có mưa", "Hào phụ mẫu động thì tám phương ướt át". Nay trong quẻ phụ mẫu dậu kim, được lệnh ngày sinh. Phụ mẫu dậu kim động tất sẽ sinh ra thủy, trong quẻ hợi thủy trùng điệp, cho nên ngày 16 có mưa to. Nhưng phụ mẫu dậu kim hóa thành thoái thân thân kim, do đó có mưa nhưng không lâu.

Ví dụ 3. Nắng sáng muôn dặm vì sao lại có nhiều mây ?

Ngày 26/01/1984, tôi dự đoán thời tiết ngày 10 tháng 2 (tức ngày giáp tuất, tháng dần) được quẻ Chấn của quẻ Phệ hạp.

HỎA LÔI PHỆ HẠP

Tử tôn ty hỏa O
Thê tài mùi thổ .. thế
Quan quý dậu kim .
Thê tài Thìn thổ ..
Huynh đệ dần mộc .. ứng
Phụ mẫu tý thủy .

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ .. thế
Quan quý thân kim ..
Tử tôn ngọ hỏa .
Thê tài Thìn thổ .. ứng
Huynh đệ dần mộc ..
Phụ mẫu tý thủy .

Căn cứ tượng hào tôi đoán là nắng nhưng trời nhiều mây. Quả nhiên không sai.

Hào tử tôn là ty hỏa được nguyệt kiến sinh cho, lại gặp hào động cho nên trời nắng. Sách "tăng san bốc dịch" có nói : "Tử tôn là mặt trời, trăng, sao, động thì nắng khắp nơi", vì sao lại có tượng nhiều mây ? Thứ nhất, tử tôn ty hỏa mộ ở lệnh ngày, lại động mà hóa thành mộ; Thứ hai, trong quẻ hào thê tài là thổ, thổ tử ở mùa xuân, cho nên hào thê tài suy, đó là tượng sương mù lớn.

Ví dụ 4. Đoán hôm nào thì trời mưa ?

Vì trời nắng đã lâu, nên có người đến hỏi hôm nào trời sẽ mưa ? Ngày 20 tháng 7 (tức ngày Tân Tỵ, tháng Mùi) năm 1989 gieo được quẻ Tụng của quẻ Sư.

ĐỊA THỦ SƯ

Phụ mẫu Dậu kim x ứng
 Huynh đệ Hợi thủy x
 Quan quý Sửu thổ x
 Thê tài Ngọ hỏa .. thế
 Quan quý Thìn thổ .
 Tử tôn Dần mộc ..

THIÊN THỦY TỤNG

Quan quý Tuất thổ .
 Phụ mẫu Thân kim .
 Thê tài Ngọ hỏa . thế
 Thê tài Ngọ hỏa ..
 Quan quý Thìn thổ ..
 Tử tôn Dần mộc .. ứng

Căn cứ tượng quẻ tôi đoán ngày 22 hoặc 23 tháng đó sẽ có gió lớn, mưa sấm dưng dưng, đồng thời nhắc nhở người nhà hai ngày đó không nên đi vào thành phố. Giờ Mùi ngày 22, thời tiết bắt đầu thay đổi, gió mạnh dần, bụi cát đầy trời, sấm vang chớp giạt, mưa bão ập đến.

Trong quẻ cả ba hào phụ mẫu, huynh đệ, quan quý đều động, đều hóa sinh trở lại. Hào phụ mẫu và quan quý lại gặp lệnh ngày tỵ hỏa hợp thành phụ mẫu cục cho nên nhất định có mưa to. Hào huynh đệ Hợi thủy được hào phụ mẫu Dậu kim động sinh cho hóa thành phụ mẫu thân kim sinh trở lại, nhất định đó là tượng gió lớn. Trong quẻ hào quan quý động là chủ về sấm. Trong quẻ Sư có Chấn ở quẻ hổ, chấn là sấm. Trong quẻ Chấn lại có hai quan quý cho nên sấm động trăm dặm.

Đoán ngày Quý Mùi 22 hoặc ngày Giáp Thân 23 có mưa, là vì hào phụ mẫu kim cục được nhật, nguyệt kiến sinh cho. Hào tử tôn dần mộc suy và bị khắc, lại mộ ở nhật và nguyệt kiến. Do đó ngày giáp thân 23 là ngày kim vượng, nhưng chưa mưa mà vẫn còn nắng. Điều đó có thể là do mùi thổ xung mất Sửu thổ của quan quý, tức cục phụ mẫu bị phá mà dẫn đến kết quả này.

Ví dụ 5. Trong vòng 20 ngày tới có bị hạn không?

Tối ngày 3 tháng 8 (tức ngày Canh Tý, tháng Mùi) năm 1990 nghe nói còn tiếp tục 20 ngày nắng hạn. Tôi liền gieo quẻ để đoán xem có bị hạn không, được quẻ Khôn của quẻ Khốn.

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu Mùi thổ ..
 Huynh đệ Dậu kim O
 Tử tôn Hợi thủy O ứng
 Quan quý Ngọ hỏa ..
 Phụ mẫu Thìn thổ O
 Thê tài Dần mộc .. thế

KHÔN

Huynh đệ Dậu kim .. thế
 Tử tôn Hợi thủy ..
 Phụ mẫu Sửu thổ ..
 Thê tài Mão mộc .. ứng
 Quan quý Tỵ hỏa ..
 Phụ mẫu Mùi thổ ..

Sau khi xem động tình của các hào trong quẻ, tôi nói với người nhà rằng, căn bản không có nạn hạn hán, lại còn viết trên lịch để bàn rằng : Ngày 9, 10, 11, 12 của tháng 8 nhất định có mưa. Kết quả là 3 ngày 9, 10, 11 liên tiếp mưa nhỏ, có lúc mưa vừa.

Trong quẻ các hào phụ mẫu, huynh đệ, tử tôn đều động. Phụ mẫu thìn thổ động hóa thành ty hỏa sinh trở lại, nhưng trong tuần giáp ngộ thìn ty tuần không, không khắc được tử tôn, cho nên trong bốn ngày liền đó không có mưa. Đến ngày 9 tháng 8 thìn ty xuất không, hào tử tôn bị khắc nên nhất định có mưa, không có hạn. Ngày 10 có mưa là vì lâm nhật, nguyệt kiến vương địa, ngày 11, 12 có mưa, hào huynh đệ dậu kim lâm nguyệt kiến động nên sinh thủy. Nhưng ngày 12 lại không mưa.

IV – KẾT HỢP DỰ ĐOÁN THEO TƯỢNG QUẺ VÀ SÁU HÀO

Nhà thiên văn, đại sư dịch học đời Tống là Thiệu Khang Tiết trong "Mai hoa dịch số" đã dùng tượng quẻ để đoán thời tiết. Quý Cốc Tử và đại sư dịch học đời Thanh là Trần Mộng Lôi v.v... lại thiên về dùng sáu hào để dự báo thời tiết. Họ đều là những người có cống hiến to lớn cho thiên văn học, khí tượng học của Trung Quốc, để lại cho hậu thế những kinh nghiệm khoa học phong phú và quý báu.

Tôi, khi dự đoán thời tiết, có lúc dùng tượng quẻ, có lúc dùng sáu hào. Có lúc gặp phải những vấn đề quan trọng, hoặc việc dự báo thời tiết đó rất quan trọng thì dùng phương pháp tượng quẻ và sáu hào kết hợp, như thế sẽ quyết định được một cách chính xác. Không ít chuyên gia và học giả đối với việc tôi đoán quẻ bằng phương pháp kết hợp tượng quẻ và sáu hào gọi là "hệ thống Thiệu Vi Hoa" sáng tạo độc đáo trong cách đoán quẻ hiện đại. Phương pháp kết hợp trong thực tế luôn đưa lại những hiệu quả tốt đẹp. Dùng phương pháp đoán quẻ kết hợp không những có thể bổ trợ cho những mặt yếu của từng loại phương pháp, mà còn có thể đoán được nội dung nhiều hơn, chi tiết hơn, cụ thể hơn và chính xác hơn. Khi mà hai phương pháp tượng quẻ và sáu hào phát sinh mâu thuẫn thì lấy tượng quẻ làm chủ, vì tượng quẻ là hình ảnh tổng thể. Ví dụ : quẻ chủ là tổn mộc hóa thành quẻ càn kim khắc trở lại, còn tượng hào tuy là tốt nhưng rốt cuộc chưa chắc đã tốt. Ngược lại, khi tượng hào không được tốt, nhưng tượng quẻ tốt, ví dụ : quẻ chủ là tổn mộc hóa thành khảm thủy sinh trở lại, thì đó vẫn là tượng tốt. Tượng quẻ mà tốt thì tùy theo sáu hào tượng là xấu nhưng thực ra vẫn tốt. Tượng quẻ tốt thì chắc chắn như núi thái sơn, trong sách "Tăng san bốc dịch" đều đã bàn đến, ở đây không bàn chi tiết nữa.

Ví dụ 1. Ngày 5 tháng 8 trời âm u có gió, nhưng không thể có mưa to.

Ngày 1 tháng 8 năm 1983 Đài truyền hình Tây An nói : bốn ngày sau sẽ có mưa bão, còn tôi đã đoán trước thời tiết ngày mồng 5 là âm u là có gió. kết quả ngày mồng 5 không có một giọt mưa.

Năm 1983	tháng 6	ngày 27	giờ Tý
Quý Hợi	Kỳ Mùi	Ất Sửu	Bính Tý

Hôm đó gieo quẻ được quẻ Tụng của quẻ Hoán.

PHONG THỦY HOÁN

Phụ mẫu mao mộc .
Huynh đệ tỵ hỏa . thế
Tử tôn mùi thổ X
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ . ứng
Phụ mẫu dần mộc ..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ .
Thê tài thân kim .
Huynh đệ ngộ hỏa . thế
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ .
Phụ mẫu dần mộc .. ứng

Trước hết bàn về tượng quẻ. Quẻ ngoại tổn mộc là gió, động cho nên có gió. Quẻ nội là khảm thủy tuy chủ về mưa nhưng gặp nguyệt kiến mùi thổ, nhật kiến sừu thổ khắc, do đó không có mưa. Trong quẻ thổ vượng, thổ chủ về âm u, cho nên hôm đó trời âm u và có gió.

Nếu luận theo sáu hào, sách xưa nói "hào tử tôn động là nắng khắp nơi". Trong quẻ tử tôn mùi thổ động lại hóa thành ngộ hỏa sinh trở lại. Nhưng tử tôn mùi thổ gặp nhật phá, nên không có lực, hơn nữa nguyệt kiến, nhật kiến đều là vượng thổ, thổ nhiều là chủ về u ám. Quẻ Hoán là tượng của "gió đi trên nước". Nay thủy bị khắc thì làm sao có mưa bão được. Duy nhất chỉ có gió thôi ! Như vậy nếu bàn theo sáu hào cho thật chi tiết thì cũng là trời âm u có gió, quyết không có mưa. Kết quả đúng như dự đoán.

Ví dụ 2. Đoán trước 40 ngày để biết thời tiết lễ khai mạc Á vận hội lần thứ 11 sẽ ra sao ?

Ngày 22-9-1990 sẽ cử hành khai mạc Á vận hội lần thứ 11 ở Bắc Kinh một cách long trọng chưa từng thấy. Ngày 12 tháng 8 khi mọi người vây quanh ti vi xem tiết mục về tin tức chuẩn bị cho Đại hội Á vận đều đề nghị tôi dự đoán thời tiết vào giờ khai mạc ở Bắc Kinh sẽ như thế nào. Tôi nói với Trần Viên và những người xung quanh : Vâng để ta cùng đoán mỗi người một quẻ cuối cùng xem ai đoán đúng. Tôi cũng muốn nhân đây để kiểm tra kỹ thuật dự đoán của họ ra sao.

Năm 1990	tháng 8	ngày 12	giờ Tý
Canh Ngọ	Át Dậu	Canh Dần	Bính Tý

Được quẻ Lâm của quẻ Thái.

ĐỊA THIÊN THÁI

Tử tôn dậu kim .. ứng
Thê tài hội thủy ..
Huynh đệ sừu thổ ..
Huynh đệ thìn thổ O thế
Quan quý dần mộc .
Thê tài tỵ thủy .

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn dậu kim ..
Thê tài hội thủy .. ứng
Huynh đệ sừu thổ ..
Huynh đệ sừu thổ ..
Quan quý mao mộc . thế
Phụ mẫu tỵ hỏa .

Á vận hội sẽ khai mạc đúng dự định. Bốc lịch xem ngày đó có người đoán trời nắng, có người đoán trời mưa, tôi và Trần Viên đều đoán trời âm u nhưng không có mưa. Kết quả về sau là trời râm, nhiều mây, căn bản phù hợp với dự đoán.

Quẻ Thái theo tượng quẻ mà nói là đi ít về nhiều. Đất ở trên, trời ở dưới là địa khí bốc lên, thiên khí giáng xuống, là tượng âm dương thông nhau. Trong quẻ thổ nhiều, thổ lại động hóa thành thổ, thổ chủ về u ám. Khôn chủ về u ám, càn chủ về trời nắng. Nay khôn thổ ở trên che lấp càn kim thì sao lại có nắng được ! Trong "Mai hoa dịch số" chương thời tiết có nói : "Địa thiên thái là tượng của u ám mờ lung", cũng tức là nói trời không nắng mà âm u.

Nếu dự đoán theo sáu hào, trong quẻ hào tử tôn, thể tài đều yên tĩnh là tượng không nắng. Hào phụ mẫu của quẻ chủ không xuất hiện để hóa ra phụ mẫu tỵ hỏa, bị hào thể tài tỵ thủy khắc, hào tử tôn không bị khắc là điềm không có mưa. Trong quẻ hào huynh đệ thì thổ động lại hóa thành huynh đệ sửu thổ, huynh đệ động chủ về gió, nhưng huynh đệ lâm nhật kiến bị dẫn mộc khắc, sách "Tăng san bốc dịch" có nói : "Huynh đệ phát động tuy chủ về mây gió, nhưng vẫn là cánh mây mỏng gió nhỏ". Cho nên ngày đó có gió nhưng không to. Sách "Hoàng kim sách" nói : "Nếu muốn biết có mây gió hay không thì phải dựa vào hào huynh đệ". Trong quẻ hào huynh đệ trùng lặp bốn lần, thổ nhiều mà động thì đó là tượng mây nhiều, che lấp mặt trời nên trời u ám.

Từ kết quả dự đoán cơ bản phù hợp với thực tế để muốn nói rằng, khi đoán kết hợp xem tượng quẻ và sáu hào là điều rất có giá trị để bảo đảm kết quả dự đoán chính xác.

Ví dụ 3. Quả nhiên mưa sấm âm âm.

Những học viên và những người đã đọc sách "Chu dịch dự đoán học" của tôi trong toàn quốc, không ít người đã bước đầu nắm được và vận dụng nguyên lý bát quái để đoán việc, đoán thời tiết. Từ trong các thư từ gửi đến, tôi được biết, có nhiều người đoán khá chính xác. Ví dụ một thầy giáo ở trường trung học của thành phố Đỗ Khẩu tỉnh Tứ Xuyên trong dự đoán thời tiết đã đạt được những thành quả rõ ràng. Ông gieo được quẻ Tỵ của quẻ Khốn và ghi lại như sau :

Năm 1990	tháng 6	ngày 13	giờ Tỵ
Giáp Tý	Canh Ngọ	Quý Mùi	Canh Tỵ

QUẺ CHỦ : KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim .

Tử tôn hợi thủy O ứng

QUẺ BIẾN : TỶ

Tử tôn tỵ thủy .. ứng

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim ..

Quan quý ngọc hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ O
Thê tài dần mộc .. thê

Thê tài mao mộc .. thê
Quan quý ty hỏa ..
Phụ mẫu mùi thổ ..

Khốn : đoài kim ở trên là quẻ dụng, khảm thủy ở dưới là quẻ thể. Vì trong quẻ kim nhiều lại được nguyệt kiến mùi thổ sinh, kim vượng sinh thủy nên chắc chắn có mưa. Trong quẻ hồ có quẻ Ly. Ly là điện, có điện tất có sấm. Đó gọi là tượng sấm rền, chớp giạt.

Nếu đoán theo sáu hào, hào tử tôn hợi thủy lâm nhật kiến mà động, động thì chủ về nắng. Thìn thổ động khắc tử tôn hợi thủy, nhưng vì thìn thổ tuần không nên không khắc được, do đó trời nắng. Hào phụ mẫu thìn thổ động hóa thành quan quý ty hỏa sinh trở lại. Phụ mẫu động là mưa, quan quý là sấm chớp, cho nên mưa sấm giao nhau. Hào phụ mẫu thìn thổ phía dưới lâm nguyệt kiến vượng địa mà tuần không, hào quan quý ty hỏa cũng tuần không. Xuất không là sẽ mưa. Do đó hai ngày 17, 18 nhất định có mưa sấm. Quả nhiên hai ngày đó sấm động khắp nơi, mưa to như trút nước.

V - TƯỢNG QUẺ GIỐNG NHAU, NHƯNG THỜI TIẾT LẠI KHÁC NHAU

Trong ứng dụng bát quái để dự đoán thông tin, không ít độc giả gửi thư đến hỏi : vì sao tượng quẻ giống nhau, khi đoán việc kết quả lại khác nhau, đoán về thời tiết cũng thế ?

Phù hiệu bát quái là mật mã của vạn vật trong vũ trụ, nó hàm chứa đủ mọi vật. Một tượng quẻ cũng có ý nghĩa như thế. Tượng quẻ bản thân nó thuộc các ngũ hành, sáu hào trong quẻ cũng có ngũ hành riêng, vì vậy dụng thần cũng khác. Ngoài ra quẻ lâm nhật, nguyệt kiến khác nhau, hào động không giống nhau.

Ví dụ, giờ Tý ngày 1 tháng 8 năm 1984, gieo được quẻ Trạch hòa cách có ba hào động, đến giờ Tý ngày 1-8-2044 cũng gieo được quẻ đó, hào động như nhau, nhưng lệnh ngày khác nhau cho nên đoán việc, đoán thời tiết sẽ khác nhau, thậm chí kết quả hoàn toàn ngược lại. Cho nên cùng tượng quẻ nhưng thời tiết đoán được lại khác nhau. Để nói rõ vấn đề này, ở đây xin trích lại sự ứng nghiệm của hai quẻ Thiên trạch lý và Sơn địa bác để độc giả tham khảo.

Ví dụ 1. Quẻ chủ về nắng vì sao lại đoán là mây nhiều ?

Năm 1984	tháng giêng	ngày 15	giờ Tý
Giáp Tý	Bính Dần	Canh Thìn	Bính Tý

được quẻ chủ : Lý, quẻ hồ : Gia nhân, quẻ biến : Đoài.



Trong quẻ, kim của càn đoài trùng lập xuất hiện tuy chủ về nắng, nhưng mùa xuân lại rơi vào đất hưu tù, gặp thìn thổ hàn thấp không có lực sinh kim. Trong quẻ, đoài lại nhiều là không có tượng nắng. Sách "Mai hoa dịch số" nói : "Đoài nhiều không mưa thì âm u". Cho nên ngày 15 tháng giêng thời tiết mây nhiều, quá đúng như dự đoán.

Ví dụ 2. Lâm nhật nguyệt kiến tất nắng.

Năm 1984	tháng 8	ngày 5	giờ Tý
Giáp Tý	Quý Dậu	Mậu Thân	Nhâm Tý

được quẻ Vô vọng của quẻ Lý



Quẻ lâm nhật, nguyệt kiến là kim vượng. Sách "Mai hoa dịch số" nói : "Kim của càn đoài mùa thu chủ về nắng", do đó trung thu 15 tháng 8 sẽ là ngày trăng tròn sáng tỏ, là ngày tốt để gia đình đoàn tụ.

Ví dụ 3. Thủy lạnh kim hàn thì khó mà nắng sáng.

Năm 1984	tháng 10	ngày 21	giờ Tý
Giáp Tý	Ất Hợi	Nhâm Tuất	Canh Tý

được quẻ Trung phù của quẻ Lý



Quẻ gặp đất hưu tù, thực là thủy lạnh kim hàn nên trời không sáng sủa. Đoài là ao đầm, là tượng sương mù. Kim của càn đoài là sương, là tuyết, ứng vào mùa đông. Cho nên thời tiết ngày 21 sẽ có sương tuyết.

Ví dụ 4. Vì sao quẻ ứng là mưa lẫn tuyết ?

Năm 1984	tháng 12	ngày 28	giờ Tý
Giáp Tý	Đinh Sửu	Đinh Sửu	Canh Tý

được quẻ Đoài của quẻ Lý



Quẻ tuy gặp thời kỳ thổ đóng băng, kim hàn lạnh nhưng lâm nhật, nguyệt kiến ở vượng địa, được thổ sinh cho. Quẻ hồ là Gia nhân, quẻ biến là Đoài, cả hai đều có khâm thủy. Thủy lạnh là tuyết, hóa thành mưa. "Càn đoài là sương tuyết che phủ đầy trời", "mùa đông thì mưa mãnh liệt". Cho nên đoán thời tiết ngày 21 là mưa lẫn tuyết.

Ví dụ 5. Thế nào là trời âm u chuyển thành sáng ?

Năm 1984
Giáp Tý

tháng giêng
Bính Dần

ngày 5
Canh Ngọ

giờ Tý
Bính Tý

được quẻ Mông của quẻ Bốc.

Trong quẻ thổ của khôn và cần trùng trùng, lại được nhật nguyệt dần ngộ bán hợp thành hỏa cục sinh cho, khắc thủy rất mạnh cho nên không có mưa. Thổ của khôn cần là khí của mây mù cho nên là tượng âm u, dần ngộ bán hợp thành hỏa cục là tượng ứng sáng. Do đó thời tiết ngày 5 tháng giêng tất nhiên từ âm u chuyển thành ứng sáng.


Ví dụ 6. Vì sao trời âm u có tuyết nhỏ lại chuyển thành trời sáng ?

Năm 1984
Giáp Tý

tháng giêng
Bính Dần

ngày 21
Bính Tuất

giờ Tý
Mậu Tý

được quẻ Khôn của quẻ Bốc. 

Trong quẻ "khôn cần cùng xuất hiện là trời u ám bất thường". Khôn tháng giêng là sương dày, băng cứng. Khôn là địa khí, khí gặp hàn lạnh là sương chuyển thành băng, mưa hóa thành tuyết. Cho nên ngày 1 trời âm u có tuyết nhỏ. Vì dần tuất bán hợp thành hỏa cục nên sau chuyển thành trời sáng.

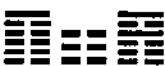
Ví dụ 7. Vì sao từ mưa chuyển thành nhiều mây ?

Năm 1984
Giáp Tý

tháng 7
Nhâm Thân

ngày 7
Kỷ Ty

giờ Tý
Giáp Tý

được quẻ Tấn của quẻ Bốc. 

Trong quẻ cần là sơn, là mây; khôn là cực của lão âm gặp phải nắng lâu tất sẽ mưa. Hơn nữa cả năm tháng ngày giờ đều thuộc thủy nên nhất định có mưa, may mà thổ của khôn cần gặp trường sinh vượng địa, lại được hỏa của Ly sinh cho nên lực khắc thủy rất mạnh, nên thủy bị chế ngự, chuyển thành trời âm u.

Căn cứ thực tiễn, quẻ Thiên trạch lý vào mùa xuân phần lớn là nhiều mây; vào mùa hạ, mùa thu phần lớn là trời sáng, vào mùa đông là trời sương mù, mưa tuyết xen nhau hoặc trời ráo nhưng sương mù đậm đặc. Quẻ Bốc phần nhiều là âm u, nếu nắng ráo thì nhiều mây, cho dù là mưa mùa hạ hay tuyết mùa đông cũng là mưa nhỏ và chóng tan. Song phải nhớ rằng : khôn là cực của lão âm, cần là mây mù, nắng lâu gặp phải tất sẽ mưa, mưa lâu gặp phải tất sẽ nắng. Đó là kinh nghiệm rất quý, phải nhớ rõ và nắm vững thì mới dự đoán đúng.

Chương 2

DỰ ĐOÁN THIÊN TAI

Bát quái dự đoán các thông tin cát, hung của con người, đó mới chỉ là một trong những công năng của bát quái. Ở chương trên đã nói đến bát quái có công năng trên xem trời, dưới xem đất. Do đó dùng bát quái để dự đoán thông tin cát, hung trong trời đất cũng là một nhiệm vụ quan trọng của nó.

Các loại thiên tai phát sinh trong tự nhiên (bao gồm các dạng thiên tai của con người) đều là do âm dương biến hóa và ngũ hành sinh khắc trong vũ trụ gây ra. Nhân dân Trung Quốc trong công cuộc đấu tranh chống lại thiên tai không những đã lập được những kỳ tích vĩ đại mà còn vô cùng coi trọng việc dự đoán các thông tin về thiên tai, đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm quý báu.

Các dạng thiên tai trong tự nhiên vô cùng phức tạp và đa dạng, thường gặp có lũ lụt, hạn hán, sáu bọ, gió bão, động đất, sạt núi, sét đánh, hỏa hoạn... Dự đoán về các dạng thiên tai trong các sách "Ất tỵ chiêm", "Võ bị khí", v.v... và trong nhiều tư liệu lịch sử đều đã ghi lại và bàn luận chi tiết. Đó là những tài liệu vô giá của khoa học dự đoán thông tin.

I. DỰ ĐOÁN ĐỘNG ĐẤT

Động đất là một trong những tai họa tự nhiên có tính phá hoại rất lớn, uy hiếp nghiêm trọng đến an toàn tính mạng và tài sản của loài người. Do đó nhiều nước trên thế giới rất coi trọng nghiên cứu dự đoán động đất, thành lập những cơ quan nghiên cứu chuyên môn to lớn, đầu tư vào đó rất nhiều nhân lực, vật lực, tài lực. Song vì sự vận động của địa khí vô cùng phức tạp và biến hóa, cho nên mãi đến ngày nay những thiết bị khoa học hiện đại nhất cũng chưa thể hoàn toàn phát hiện đúng thời gian xảy ra động đất. Vì vậy động đất không những đã tạo nên những tổn thất khôn lường về tính mệnh và tài sản cho con người mà còn gây nên một tâm lý lo sợ, bất an đối với mọi người.

Trong "Chu dịch" chưa thấy bàn đến dự đoán động đất một cách rõ ràng, trong nhiều tư liệu lịch sử cũng chưa tìm thấy những thí dụ dùng bát quái để dự đoán động đất được ghi lại. Nhưng tôi cho rằng, tượng của quẻ Phục trong Chu dịch chính là người xưa đã nói về dự đoán động đất, là điềm chứng tỏ địa chấn rõ ràng nhất.

Quẻ Phục là trên khôn, dưới chấn. Chấn là sấm, là động; khôn là đất, là tĩnh. Tượng quẻ nói rằng "sấm trong đất là quẻ Phục". Chữ Phục theo nghĩa về động đất có ý là trời rung đất sập.

"Động đất tức là dương phục dưới đất không thoát ra được, âm bị bức áp không bốc lên được, âm dương xung kích lẫn nhau nên tạo ra sấm". (Xem quyển 168 của bộ sách "Võ bị chí"). Đó chính là người xưa ghi lại nguyên nhân sinh ra động đất. Quẻ Phục là 1 hào dương nằm dưới 5 hào âm, tức là sấm trong đất. Sấm là khí của tảo dương, khôn là khí của âm nhu, do đó dương tàng phục không thoát ra được, âm thịnh phản trở lại. Hơn nữa chấn dưới khôn trên, chấn là mộc, khôn là thổ, mộc khắc thổ. Thổ bị mộc khắc là có tượng chấn động, đúng là động đất là do phản ứng sinh khắc của thổ mộc.

"Xà (rắn) quý trong cung khôn động là chủ về động đất, gặp kim thì thành tiếng nổ, đất nứt nở" (sách Hoàng kim sách). Điều đó chứng tỏ ngày xưa người Trung Quốc không những đã sớm dùng phương pháp bát quái để dự đoán động đất mà còn là tiêu chí thông tin duy nhất về động đất.

Mấy năm lại đây, các vùng tây bắc, tây nam của Trung Quốc đang ở trong thời kỳ địa chấn hoạt động, cho nên ở thành phố Tây An thường dấy lên những dư luận về động đất, làm cho mọi người vô cùng lo sợ. Tôi nghiên cứu tìm hiểu về quy luật động đất đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm về mặt này. Từ năm 1987 bắt đầu thử nghiệm dùng bát quái để dự đoán động đất. Ở đây xin giới thiệu về kết quả ban đầu sự nghiên cứu đó.

Tôi gieo quẻ dự đoán động đất dựa vào các căn cứ sau : Thứ nhất là có cán bộ hoặc có người nhà đến hỏi thời gian tới có khả năng xảy ra động đất hay không ? Thứ hai : là khi nghe thấy trong thành phố có dư luận về động đất. Thứ ba : là khi thấy có những hiện tượng bất thường có liên quan đến động đất.

Ví dụ 1. Giờ Thìn, ngày 23 tháng 9 năm 1987, trên bầu trời xuất hiện đám mây có liên quan đến động đất theo hướng bắc nam, tôi liền gieo được quẻ Hằng của quẻ Đại tráng. Dự đoán như sau :

Năm 1987	tháng 8	ngày 1	giờ Thìn
Đinh Mão	Kỷ Dậu	Ất Hợi	Canh Thìn

QUẺ CHỦ : ĐẠI TRÁNG QUẺ BIẾN : HẰNG LỤC THẦN

Huỳnh đệ tuất thổ ..	Huỳnh đệ tuất thổ .. ứng	Huyền vũ
Tử tôn thân kim ..	Tử tôn thân kim..	Bạch hổ
Phụ mẫu ngộ hỏa . thế	Phụ mẫu ngộ hỏa.	Phi xà
Huỳnh đệ thìn thổ .	Tử tôn dậu kim. thế	Câu trăn
Quan quý dân mộc.	Thê tài hợp thủy.	Chu tước
Thê tài tý thủy O ứng	Huỳnh đệ sửu thổ ..	Thanh long

Đại trảng là quẻ thuộc cung Khôn. Theo cách nói cổ "Xà quỹ động trong cung khôn là có động đất". Nay trong quẻ xà quỹ đều yên tĩnh. đáng lẽ không có động đất. Nhưng tôi cho rằng : long là đại xà (rắn to). Đại xà động lực càng mạnh, nên quẻ lâm thanh long động tất phải có động đất.

1. *Phương vị động đất* : một lần ở phía tây nam Tây An, còn một lần ở phía đông Tây An hoặc phía đông Trung Quốc.

2. *Cấp động đất* : một lần trên cấp 5 dưới cấp 6, một lần trên cấp 6 dưới cấp 7.

3. *Thời điểm động đất* : lâu thì trong vòng hai tháng, nhanh thì trong vòng 15 ngày. Gần đây phải chú ý đến các ngày : 26 tháng 9; ngày 2, ngày 3 tháng 10. Tôi dựa theo tình hình dự đoán, đến gặp đơn vị nghiên cứu về động đất, báo cáo với ngài Dương Hồng Võ là người trực ban, nói rõ phương vị, cấp và thời điểm động đất, đồng thời nhắc nhở ông ta ở vùng tây nam thành phố Tây An ngoài động đất ra còn có những sự kiện khác phát sinh. Ngài Võ không những đã ghi chép lại mà sau đó còn gọi điện thoại báo cáo với Biện La - Giám đốc Sở địa chấn.

Thực tế ứng nghiệm : Ngày 26-9-1987 vùng Tây tạng Trung Quốc phát sinh động đất cấp 5,3. Ngày 2, ngày 3 tháng 10 năm 1987, đảo Ha-oai của nước Mỹ đã phát sinh động đất cấp 6,2 độ rích-te. Ngày mồng 2, mồng 3 tháng 10 người thiếu số ở Tây Tạng ra phố biểu tình.

Cách đoán quẻ : 1) Quẻ Đại trảng, quẻ nội là càn kim lâm nguyệt kiến vượng địa, động khắc quẻ chấn mộc. Chấn mộc bị khắc mà động nên có địa chấn. Chấn là phương đông. Đảo Ha-oai ở phía đông Trung Quốc. Động đất ở Tây Tạng là vì thanh long ở trong cung khôn gây nên.

2) Ngày 26 tháng 9 là ngày mậu dần, là chấn mộc lâm nhật kiến, thanh long được tý thủy động sinh cho nên mộc vượng, lực càng mạnh, thổ bị khắc, do đó có địa chấn. Ngày 2, ngày 3 tháng 10 là ngày thân và ngày dậu, đúng là càn kim lâm nguyệt kiến, lệnh ngày lại ở vượng địa, dậu kim khắc chấn mộc cho nên động đất ở phương đông.

3) Về cấp động đất : chấn là 4, càn là 1, cộng thành 5, thêm hào động 1 thành 6. Cho nên cấp động đất không nhỏ hơn 5 nhưng cũng không vượt quá 7.

Ví dụ 2. Ông Ngô Hán Thu ở cơ quan tôi nghe người khác đồn rằng cuối năm có động đất, đến nhờ tôi đoán. Lúc đó tôi căn cứ thời gian để gieo quẻ và dự đoán như sau :

Năm 1987	tháng 12	ngày 5	giờ Hợi
Đinh Mão	Quý Sửu	Đinh Sửu	Tân Hợi

QUÊ GIO : TIỂU SÚC

Huynh đệ mảo mộc.
 Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. ứng
 Thê tài thìn thổ . động
 Huynh đệ dẫn mộc.
 Phụ mẫu tý thủy. thể

QUÊ LẮC : TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa. thể
 Huynh đệ thân kim .
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu thìn thổ.. ứng/động

LỤC THẦN

Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước

Hai quẻ này đều không thuộc cung khôn. Tuy ở quẻ Tiểu súc phi xà động, nhưng không có động đất. Hai quẻ Tiểu súc và Tiểu quá thìn thổ đều động, thìn là chi năm của năm 1988. Do đó, tôi nói : "Trước tết quyết không có động đất, năm 1988 sẽ có động đất". Về sau thực tế diễn ra như thế. Trong thực tế những quẻ đoán không có động đất thường ứng nghiệm rất nhiều, ở đây không giới thiệu nữa.

Ví dụ 3.

Năm 1988	tháng 6	ngày 19
Mậu Thìn	Kỷ Mùi	Nhâm Tuất

Hồi đó trong thành phố Tây An lại nổi lên dư luận động đất. Tôi lắc quẻ, được quẻ Minh di của quẻ Phục.

QUÊ CHỦ : PHỤC

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ.. ứng
 Huynh đệ thìn thổ x
 Quan quý dẫn mộc..
 Thê tài tý thủy. thể

QUÊ BIẾN : MINH DI

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ.. thể
 Huynh đệ hợi thủy.
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc. ứng

LỤC THẦN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh Long
 Huyền vũ

1) *Có động đất* : Phục là quẻ trong cung khôn, khôn trên chấn dưới. Chấn là mộc, là sấm, khôn là thổ. Chấn lại gặp hào động nên là điềm động đất. Đó là lẽ thứ nhất. Lẽ thứ hai là : tuy trong quẻ hào quan quý yên tĩnh, vốn là không có động đất, nhưng hào ba thìn thổ lâm thái tuế. Thái tuế nên tĩnh mà không nên động, động tức là có họa chấn động. Thìn thuộc long, long là đại xà, long động trong cung khôn mà gặp quẻ chấn, thì đó là tượng động đất.

2) *Phương vị động đất* : Khôn thổ là quẻ thể, chấn mộc là quẻ dụng, mộc khắc thổ là quẻ dụng khắc thể. Khôn là tây nam cho nên động đất ở tây nam thành phố Tây An.

3) *Cấp động đất* : quẻ gặp nhật, nguyệt vượng địa nên cấp tất phải lớn. Số của quẻ chủ là 23 nhưng chắc chắn không phải là cấp 23, quẻ khôn là 8 cho nên lấy số của quẻ khôn. Do đó động đất trên dưới cấp 8.

4) *Thời điểm động đất* : Thìn thổ là hào thái tuế. Hào này động xung nhật kiến tuất thổ, tuất là nguyệt kiến của tháng 9, do đó thời điểm động đất là tháng 9 âm lịch năm 1988. Cuối cùng tôi ghi lại dự đoán trên như sau : ngày 5 tháng 6, các ngày 17, 18, 23, 28, 29 tháng 9 âm lịch đều có khả năng xảy ra động đất.

Thực tế ứng nghiệm : ngày 7, ngày 8 tháng 11 (dương lịch) năm 1988 cũng là ngày 28, 29 tháng 9 âm lịch ở tỉnh Vân Nam phát sinh động đất trên cấp 7. Ngày 28 tháng 9 chưa phải là thời điểm nguyệt lệnh của tháng 10 nên động đất phát sinh vào giờ Thìn, trước giờ giao nhau của nguyệt lệnh, đúng là ứng vào tháng 9 Thìn tuất tương xung. Sở dĩ ứng vào 28, 29 là vì chấn mộc gặp lệnh ngày dần mao ở vượng địa.

Ví dụ 4. Vì năm 1988 Trung Quốc ngoài động đất còn gặp nhiều thiên tai khác, do đó mọi người rất quan tâm đến tình hình động đất năm 1989. Ngày mồng 4 tháng 2 năm 1989 (tức là ngày Ất mùi, tháng Ất Sửu, cụ thể là ngày 28 tháng 12 âm lịch) tôi đã gieo được quẻ Tì của quẻ Quan để dự đoán năm 1989 có động đất hay không ?

QUẾ CHỦ : QUAN

Thê tài mao mộc O

Quan quý ty hỏa.

Phụ mẫu mùi thổ .. thế

Thê tài mao mộc..

Quan quý ty hỏa..

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

QUẾ BIẾN : TỶ

Tử tôn tý thủy.. ứng

Phụ mẫu tuất thổ.

Huỳnh đệ thân kim..

Thê tài mao mộc.. thế

Quan quý ty hỏa..

Phụ mẫu mùi thổ..

LỤC THẦN

Huyền vũ

Bạch hổ

Phi xà

Câu trăn

Chu tước

Thanh long

1) *Có động đất* : quan là quẻ thuộc cung càn, xà quý thanh long đều yên tĩnh, vốn là không có động đất. Nhưng quan là trên tổn dưới khôn, tổn là mộc là quẻ dụng, khôn là thổ là quẻ thế. Tổn mộc gặp động khắc khôn thổ là tượng có động đất. Do đó năm 1989 Trung Quốc có nạn động đất.

2) *Phương vị động đất* : khôn địa bị khắc nên động đất ở Bắc Kinh hoặc phía tây nam thành phố Tây An.

3) *Cấp* : quan là quẻ kim thuộc cung càn, tuy tổn mộc được lệnh mà vượng nhưng lục khắc thổ vẫn chưa mạnh bằng chấn mộc, cho nên đoán ở trên cấp 5 dưới cấp 6, còn lần động đất khác ở trên dưới cấp 6, không vượt qua cấp 7.

4) *Thời điểm động đất* : lần động đất thứ nhất ứng vào tháng 2, tháng 3. Tháng 2 tổn mộc gặp vượng địa nên có nguy cơ khắc thổ. Tháng 3 theo "Mai hoa dịch số" mà nói : Tổn mộc khắc Thìn thổ, tức là tổn mộc có thể ứng vào năm, tháng, ngày, giờ Thìn. Lần động đất này cấp 5 trở lên, dưới cấp 6, tức là lấy theo số của quẻ tổn.

Lần động đất thứ hai vẫn ở Bắc Kinh hoặc phía tây nam thành phố Tây An, thời gian là tháng 9 âm lịch. Ứng vào tháng 9 là vì : thứ nhất tổn mộc ứng vào thìn. Thứ hai là vì hào 5 của quẻ Quan Ty hóa kỵ với hào 5 tuất thổ. Hơn nữa tổn mộc hóa thành khảm thủy sinh trở lại, cho nên còn có động đất lần thứ hai. Cấp độ lần này còn to hơn lần tháng 3 hoặc tháng 2 tức là trên dưới cấp 6, không vượt qua cấp 7.

Thực tế ứng nghiệm :

1) Tháng 3 âm lịch năm 1989 vùng tây nam Tứ Xuyên liên tục xảy ra hai lần động đất từ cấp 5 trở lên.

2) Trung tuần tháng 9 âm lịch năm 1989 phía tây nam Bắc Kinh, tức là ở tỉnh Sơn Tây phát sinh động đất trên cấp 6 dưới cấp 7. Lúc đó tôi đang giảng bài ở Đại học Giao thông Thượng Hải, khi nghe tin báo công bố về động đất ở Sơn Tây, tôi liền giữ sổ tay đã ghi chép dự báo về động đất cho học viên và lớp trưởng cùng xem. Họ nhìn thấy tôi nghi vào tháng 9 âm lịch phía tây nam Bắc Kinh có động đất và dự kiến cấp độ động đất, họ vô cùng kinh ngạc về độ chính xác dùng bát quái dự đoán động đất.

Tháng 10/1989 ở thành phố Trùng Khánh tỉnh Tứ Xuyên đã phát sinh động đất trên cấp 5 dưới cấp 6. Trong quẻ Tỷ của quẻ Quan đã hàm chứa thông tin của lần động đất này, nhưng tôi không đoán ra. Nguyên nhân của lần động đất này là tổn mộc hóa thành khảm thủy sinh trở lại. Tháng 10 là tháng hội thủy, chính là lúc mộc trường sinh ở hội. Mộc vượng tất sẽ khắc thổ mạnh nên có lần động đất này.

Căn cứ nguyên lý tổn mộc trong quẻ Quan hóa thành khảm thủy sinh trở lại, khảm là tỷ thủy, phương chính ngôi, cũng là lúc mộc vượng. Do đó ngày 7 tháng 12, khi tôi đang giảng bài ở Đại học Tây bắc Tây An, tôi nói với toàn thể học viên rằng : tháng 11 âm lịch năm nay còn có một lần động đất, cấp không lớn. Kết quả là ngày 29 tháng 11 âm lịch (tức ngày 26 tháng 12 dương lịch) vào lúc 1 giờ 40 phút trưa ở vùng Ninh Hạ - Thạch Diêm Tỉnh đã xảy ra động đất. Vì cấp nhỏ hơn 5 nên Đài trung ương không công bố.

Lần này thì quẻ Tỷ của quẻ Quan chỉ đoán tai họa động đất năm 1989, còn những tai họa khác cũng đã hàm chứa trong tượng quẻ.

Dự đoán của bốn ví dụ trên đều lần lượt được đăng trên tờ Tạp chí "Phát huy cổ học" của Hồng Kông số tháng 1/1990.

Ví dụ 5. Tháng 2/1990 khi học trò Trương Thành và người em họ đến chơi có hỏi tôi : năm nay Trung Quốc và vùng Tây An có động đất không. Tôi gieo được quẻ Giải của quẻ Phệ hạp.

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 2
Kỷ Mão

ngày 20
Nhâm Ngọ

QUÊ CHỦ : PHỆ HẠP

Từ tôn ty hòa O
 Thê tài mùi thổ .. thê
 Quan quý đậu kim.
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc x ứng
 Phụ mẫu tý thủy O

QUÊ BIẾN : GIẢI

Thê tài tuất thổ..
 Quan quý thân kim.. ứng
 Từ tôn ngộ hỏa.
 Từ tôn ngộ hỏa..
 Thê tài thìn thổ. thê
 Huynh đệ dẫn mộc..

LỤC THẦN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ

1) *Có tượng động đất* : quẻ Phệ hạp thuộc cung tốn, lại xà quý đều yên tĩnh, theo sách cổ là không có tượng động đất. Nhưng quẻ nội chấn là sấm, quẻ ngoại ly là điện, có sấm chớp là có tượng chấn động. Hơn nữa chấn mộc gặp nguyệt kiến vượng địa, hào đầu, hào hai đều động hoá thành khảm thủy sinh trở lại, quẻ ngoại cũng hóa thành chấn mộc, rõ hơn nữa thanh long gặp chấn mộc mà động, mộc vượng mà động, thổ suy bị khắc, đó là điềm động đất.

2) Hào sơ cửu tý thủy của quẻ Phệ hạp động hóa thành dẫn mộc, hào sáu hai dẫn mộc động biến thành thìn thổ, là dẫn mộc vượng, gặp nguyệt kiến vây khắc thìn thổ. Thổ bị khắc tất có chấn động, đó là tượng động đất.

3) *Cấp độ* : chấn là 4, ly là 3, cộng lại thành 7, cho nên cấp độ trên dưới 7 độ.

4) *Phương vị động đất* : lấy Tây An làm trung tâm, trong quẻ dẫn mộc khắc thìn thổ, tức ứng vào phương đông nam. Nhưng theo kinh nghiệm tổng kết được ba năm lại đây thì thấy động đất xảy ra theo phương ngược lại. Cụ thể là : phía đông đã động đất, qua 1 thời gian sẽ động phía tây; phía nam đã động đất, qua 1 thời gian sẽ động ở phía bắc. Tháng 1/1990 vùng Thượng Hải đã phát sinh động đất cấp độ 5,5, vậy năm đó phía tây Tây An sẽ không tránh khỏi được động đất. Ngôi của chấn là ở mao, lâm tháng mao, chấn là đông, mao cũng là đông, mao mộc động tất phải xung động đậu kim. Đậu là tây, cho nên phía tây sẽ có động đất.

5) *Thời điểm phát sinh* : trong quẻ thanh long động khắc thìn thổ. Thìn là tháng 3 cho nên đoán lần này động đất tất sẽ xảy vào tháng 3 âm lịch. Nó có thể phát sinh vào thời gian trước ngày 10 tháng 4, đó là vì trước mồng 10 tháng 4 còn thuộc tiết lệnh tháng 3.

6) *Mức độ tổn thất* : huynh đệ là họa kiếp tài, nay huynh đệ dẫn mộc vượng động lại được tý thủy động sinh cho, chứng tỏ lần động đất này sẽ gây ra tổn thất nặng nề.

Thực tế ứng nghiệm : ngày 3 tháng 4 năm đó (tức ngày nhâm tuất, tháng canh thìn) khoảng 5 giờ sáng, ở Thanh Hải đã phát sinh động đất cấp 6,9 độ. Quả nhiên khớp với dự đoán.

Tin tức động đất toàn quốc năm 1990, tôi đã dự đoán từ năm 1989, vào tháng 2/1990 trong thời gian nghỉ chân lại Thượng Hải tôi đã thông báo với những nhân sĩ có liên quan. Lần động đất tháng 3 ở Thanh Hải cũng đã có tiêu chí ở trong quẻ.

Ví dụ 6. Chiều ngày 12 tháng 4/1990, khi tôi đang dạy học ở Quảng Châu, bỗng nhiên phát hiện trên bầu trời xuất hiện một đám mây dài và đậm có liên quan với động đất. Đám mây đó nằm theo hướng bắc nam. Đoạn cuối phía nam đi xuống biển, phần cuối ở phía bắc mờ mờ kéo dài. Đám mây thành hình cung vát ngang qua bầu trời. Lúc đó tôi nói với học viên Thiệu Yến rằng, sắp có một trận động đất lớn, nếu không phải ở phía nam thì sẽ ở phía bắc Quảng Châu. Theo quy luật đối ứng của động đất, phía nam đã động đất, phía bắc tất cũng sẽ động đất. Để dự đoán được chi tiết, tôi đã căn cứ vào thời điểm nhìn thấy đám mây gieo quẻ, được quẻ Tốn của quẻ Đại súc.

Năm 1990	tháng 4	ngày 12	giờ dậu
Canh Ngọ	Tân Tỵ	Tân Hợi	Đinh Dậu

QUẺ CHỦ : ĐẠI SÚC

Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ O
Quan quý dân mộc. thê
Thê tài tý thủy.

QUẺ BIẾN : TỐN

Quan quý dân mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ sừu thổ.. thê
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu tỵ hỏa.

LỤC THẦN

Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long
Huyền vũ
Bạch hổ

1) *Có động đất* : quẻ Đại súc có mâu thuẫn là một bên tiến lên và một bên ngăn trở đồng thời tồn tại. Quẻ nội càn là quẻ thuần dương, trường sinh ở lệnh thảng, dương khí cực thịnh mà táo; quẻ ngoại坎 là âm nhiều dương ít. Càn là trời ở dưới,坎 là núi ở trên. Càn là khí dương cương, khí thịnh muốn tiến lên, lại động, nhưng ngược lại bị chấn núi ở trên đè chặt và cản trở. Sức tiến lên lớn, lực cản trở cũng lớn.

Hào chín ba động là điểm cực dương của quẻ hạ, cũng tức là hào dương cương, còn quẻ thượng là坎, là cực điểm của sự đình chỉ, là tượng ngăn cản rất lớn. Khí của thuần dương muốn vượt lên nhưng bị ngăn lại, do đó hình thành sự đối kháng trực diện, như thế gọi là "dương phục không thể xuất, âm bức không thể bốc lên được, tạo thành âm dương xung kích nhau". Quẻ Đại súc là tượng của địa chấn đó là lẽ thứ nhất. Lẽ thứ hai là quẻ Đại súc này tuy xà quý yên tĩnh chưa động như hào chín, ba thìn thổ lâm thanh long lại động. Thìn là long, lại lâm thanh long phát động là hai long tương tranh lẫn nhau. Đó cũng là nguyên nhân tạo ra xu thế động đất. Quẻ biến Tốn có quẻ hạ là đoài, là núi đất sạt lở, đó là vì địa chấn gây ra, chứng tỏ hậu quả rất nghiêm trọng.

2) *Phương vị động đất* : thứ nhất mây động đất có hướng bắc nam, lấy Quảng Châu làm trung tâm nên bắc nam Quảng Châu đều có khả năng phát sinh động đất. Theo chân đám mây ở phía nam hướng xuống biển thì nên ở phía nam thành phố Quảng Châu. Theo hào ba thìn thổ của quẻ Đại súc động, thìn là đông nam nên ở phía đông nam hoặc phía nam Quảng Châu nhất định có động đất. Thứ hai quẻ Đại súc biến thành quẻ Tốn là quẻ ngoại phục ngâm. Quẻ ngoại phục ngâm là tượng không lợi, không yên. Quẻ nội là trong nước, quẻ ngoại là ngoài nước (vì Quảng Châu ở vùng biên Trung Quốc) cho nên lần động đất này có thể phát sinh ở phương nam hoặc đông nam của Philippin hoặc Malaixia, Indônêxia, Autralia. Hơn nữa động đất sẽ xảy ra ở thủ đô hoặc thành phố lớn của nước đó.

Thứ ba thìn thổ động sẽ xung động tuất thổ. Tuất là tây bắc, thìn động biến thành sừ thổ, sừ là đông bắc. Vì quẻ nội là trong nước, giống như động đất ở phía bắc Trung Quốc thường xảy ra ở vùng tây bắc hoặc đông bắc (lấy thành phố Quảng Châu làm trung tâm dự đoán). Theo quy luật đối ứng của động đất thì khả năng xảy ra động đất ở tây bắc hoặc đông bắc là rất lớn.

3) *Cấp độ động đất* : vì quẻ Đại súc là trên cần dưới càn, Càn là 1, cần là 7, cấp độ thành 8. Do đó cấp độ lần này khoảng trên dưới 8 độ.

4) *Thời điểm động đất* :

1. Quẻ ngoại phục ngâm; nên phía nam hoặc đông nam động đất trước. Vì hào thìn thổ động, thìn là đông nam. Tuy thìn là nguyệt kiến của tháng ba, nhưng nay đã thuộc lệnh tháng tư hơn nữa thìn biến thành sừ thổ, sừ lâm nhật phá mà ám động, sừ ám động xung mùi thổ. Cho nên lần này động đất sẽ phát sinh vào tháng 6 âm lịch năm 1990.

2. Ở phương tây bắc hoặc đông bắc thời điểm động đất có thể là tháng 9 hoặc tháng 12 âm lịch năm 1990. Vì thìn động xung tuất, tuất là nguyệt kiến của tháng 9, thìn động biến thành sừ, sừ gặp nhật phá mà ám động, sừ là nguyệt kiến của tháng 12. Nếu sau khi phía nam hoặc đông nam đã xảy ra động đất mà ở Quảng Châu hoặc từ Quảng Châu trở lên phía bắc không có động đất nữa thì nhất định sẽ xảy ra những tai họa hoặc những sự kiện chấn động khác. Vì đám mây động đất xuất hiện trên bầu trời Quảng Châu nên phải bao gồm cả thành phố Quảng Châu trong đó.

Căn cứ vào quẻ Đại súc để dự đoán tình hình động đất như trên. Sang ngày thứ hai và thứ ba khi nhìn thấy đám mây xuất hiện, trong lúc lên lớp tôi đã thông báo với toàn thể học viên về sự kiện xuất hiện đám mây và toàn bộ những kết luận dự đoán về động đất để mọi người kiểm chứng.

Kết quả ứng nghiệm như sau :

1) Ngày 24 tháng 5 nhuận âm lịch (tức thuộc tiết lệnh tháng 6) năm 1990 ở Manila - thủ đô Philippin đã phát sinh động đất trên 7 độ. Lần động

đất đó đúng rơi vào nguyệt lệnh tháng 6, phương vị phía đông nam Quảng Châu, lại là thủ đô và cấp độ tương đối đúng.

2) Ngày 3 tháng 10 năm 1990 xảy ra sự kiện nổ ở sân bay Bạch Vân của thành phố Quảng Châu làm ba chiếc máy bay bị thiêu hủy, chết tại chỗ hơn 120 người. Đó cũng là sự kiện gây chấn động lớn.

3) Khi tôi đang viết sách này, ngày mồng 5 tháng 9 âm lịch ở tỉnh Cam Túc đã xảy ra động đất cấp 6 độ 2. Trận động đất này so với Quảng Châu phương vị đối ứng với Philippin.

Ví dụ 7. Dự đoán nhanh xem Tây An, Bắc Kinh có động đất không ?

Chiều ngày 13 tháng 7 dương lịch năm 1990, ông Trần ở Tây An đến nhà tôi hỏi : "Có người từ Bắc Kinh gọi điện thoại đến nói rằng : Bắc Kinh và Tây An vào khoảng 20 tháng này sẽ có động đất lớn". Vị vàng yêu cầu tôi đoán xem sao ? Lúc đó tôi gieo quẻ theo thời gian thấy quẻ không có tượng động đất. Sáng ngày hôm sau tôi lại lắc thẻ gieo quẻ được quẻ Thái của quẻ Nhu.

Năm 1990	tháng 5 nhuận (lệnh tháng 6)	ngày 22
Canh Ngọ	Quý Mùi	Canh Thìn

QUẺ CHỦ : NHU	QUẺ BIẾN : THÁI	LỤC THẦN
Thê tài tý thủy..	Tử tôn dậu kim.. ứng	Phi xà
Huynh đệ tuất thổ O	Thê tài hợi thủy..	Câu trăn
Tử tôn thân kim.. thê	Huynh đệ sửu thổ..	Chu tước
Huynh đệ thìn thổ.	Huynh đệ thìn thổ. thê	Thanh Long
Quan quý dần mộc.	Quan quý dần mộc.	Huyền vũ
Thê tài tý thủy. ứng	Thê tài tý thủy.	Bạch hổ

Hai quẻ Nhu, Thái đều thuộc cung khôn. Long xà quý đều yên tĩnh, vì vậy ngày 20 Bắc Kinh và Tây An không thể có động đất. Trong nước cũng tạm thời chưa có động đất. Nhưng hào chín, năm của quẻ Nhu đóng huynh đệ lại gặp minh động và ám động. Tuất là nguyệt kiến của tháng 9, huynh đệ là họa kiếp tài, cho nên tháng 9 âm lịch năm nay Trung Quốc nếu không có động đất thì e rằng cũng bị tổn thất do kiếp tài.

Căn cứ quẻ ngoại của quẻ Nhu động và tham khảo quẻ Đại súc tháng 4/1990 xuất hiện đám mây, nên dự đoán trước ngày 20 tháng 7 ở Tây An tuyệt đối không có động đất, Bắc Kinh cũng thế. Nhưng trước ngày 20 tháng đó ở bên ngoài Trung Quốc có tượng động đất. Do đó đêm hôm ấy tôi liền gọi điện thoại cho ông Trần và một số người khác thông báo cho họ biết tình hình dự đoán để họ yên tâm. Kết quả là Tây An và Bắc Kinh đều không có động đất, còn ở Philippin ngày 16 tháng 7 dương lịch đã xảy ra động đất lớn.

Ví dụ 8. Ngày 28 tháng 5 quyết không có động đất.

Trung tuần tháng 5/1990 ở huyện Hạ Lan vùng Ninh Hạ dấy lên dư luận đột ngột là ngày 28 tháng 5 (tức ngày 20 tháng 6 dương lịch) ở huyện Hạ Lan và vùng lân cận sẽ xảy ra động đất lớn mang tính hủy diệt. Nhân tâm hỗn loạn, nông dân bỏ sản xuất, có người dẫn vợ diu con vượt qua sông Hoàng Hà để lánh nạn. Tình hình đó ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và cuộc sống bình thường của xã hội, sự việc rất nghiêm trọng. Một thầy giáo trung học là Mã Thụy Thành ở huyện Hạ Lan, trước đó một năm đã tham dự lớp học "Chu dịch dự đoán học" của tôi, đồng thời thông qua đọc sách "Chu dịch dự đoán học", đã gieo quẻ. Dưới đây là kết quả gieo quẻ theo thời gian của ông.

Năm 1990	tháng 5	ngày 27	giờ Sửu
Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Ất Mão	Đinh Sửu

QUẺ CHỦ : ĐẠI SỨC

Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy X ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dân mộc, thê
Thê tài tý thủy.

QUẺ BIẾN : TIỂU SỨC

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. ứng
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy. thê

LỤC THẦN

Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long

Mã Thụy Thành căn cứ tượng quẻ đoán huyện Hạ Lan và vùng lân cận ngày 28 tháng 5 tuyệt đối không có động đất và thông báo kết quả dự đoán này với mọi người, yêu cầu mọi người không nên nghe tin đồn nhảm. Sau khi công bố, dự đoán này đã có tác dụng ổn định nhân tâm, phục hồi sản xuất. Có nhiều người qua lần dự đoán này đã nhận thức thêm một bước tính khoa học của bát quái.

Giải : quẻ Đại sức có quẻ thượng cần là sơn, là thổ, là quẻ dụng; quẻ hạ cần là kim, là thê, là dụng sinh thê, là tượng đại cát. Quẻ biến Tiểu sức, quẻ thượng tổn là mộc, là quẻ dụng; quẻ hạ cần là kim là quẻ thê, là thê khắc dụng, cũng là tượng tốt. Theo sáu hào mà nói : trong quẻ Đại sức các hào huynh đệ thìn thổ, quan quý, xà, thanh long đều yên tĩnh, cũng là tượng không có động đất. Kết quả đúng như thực tế.

Ví dụ 9. Ngày mồng 2, mồng 3 tháng 12 năm 1990 ở Nhật Bản quyết không có động đất.

Ngày 1/12/1990 ngài Hoàng Quán Vi người Singapo từ Hồng Kông đánh điện thoại đường dài đến báo với tôi : các nhà khoa học Mỹ dự đoán ngày 2, 3 tháng 12 ở Nhật Bản sẽ có động đất lớn. Báo Hồng Kông công bố tin này, và yêu cầu tôi đoán xem có động đất không ? Tôi gieo được quẻ Khôn của quẻ Sư.

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 10
Đinh Hợi

ngày 15
Canh Tý

giờ Tý
Tân Tý

QUÊ CHỦ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng
Huynh đệ hợi thủy..
Quan quý sừ thổ..
Thê tài ngộ hỏa.. thê
Quan quý thìn thổ O
Tử tôn dần mộc..

QUÊ BIẾN : KHÔN

Phụ mẫu dậu kim.. thê
Huynh đệ hợi thủy..
Quan quý sừ thổ..
Tử tôn mao mộc.. ứng
Thê tài ty hỏa..
Quan quý mùi thổ..

LỤC THẦN

Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh Long
Huyền vũ
Bạch hổ

Tôi lập tượng quẻ, tượng hào rồi thông báo cho ngài Hoàng Quán Vi ngày 2, tháng 12 ở Nhật Bản không có động đất, nhưng ngày 5 hoặc ngày 6 tháng 12 ở các nước khác có thể phát sinh động đất và những sự kiện lớn. Ông Hoàng liền lập tức thông báo dự đoán trên cho các cơ quan hữu quan của Nhật Bản. Về sau Nhật Bản quả không có động đất. Ngày 5 tháng 12 ở Đài Loan xảy ra động đất trên cấp 5, ngày 6 tháng 12 ở Panama phát sinh đảo chính quân sự. Các nhân sĩ Nhật Bản rất khâm phục về sự ứng nghiệm của dự báo này.

Giải : Quẻ Sư, quẻ thượng khôn là thổ, là quẻ thê; quẻ hạ khảm là thủy, là quẻ dụng. Quẻ thê khắc quẻ dụng. Trong quẻ phi xà, quan quý, thanh long đều yên tĩnh, thìn thổ thuộc long tuy động nhưng ở đất hư tù. Hơn nữa hào tử tôn dần mộc vượng ở nhật nguyệt kiến, khắc chế thìn thổ, đó là tượng không có động đất.

Vì sao ở nước khác lại phát sinh sự kiện lớn ? Quẻ Sư chủ yếu là quẻ bàn về quân sự. Hào chín, hai dương của quẻ Sư là người đứng đầu của 1 sư thống lĩnh 5 hào âm, âm là tốt binh. Là tượng xuất tướng, động binh đao. Cho nên ở Panama và ở 1 nước khác nữa đã phát sinh đảo chính quân sự và binh biến.

Sự kiện xảy ra vào ngày 5 hoặc ngày 6 là vì : quan quý thìn thổ tuần không mà động, ra khỏi tuần không thì ứng nghiệm. Ngày 5 tháng 12 là ngày giáp thìn, là lúc thìn thổ xuất không, cho nên ngày 5 động đất ở Đài Loan; ngày 6 ở Panama phát sinh đảo chính quân sự.

Qua các ví dụ ở trên chứng tỏ phương vị, thời gian, cấp độ của động đất đều có thể dự báo chính xác. Nếu nắm vững kỹ thuật dự đoán tượng quẻ, tượng hào thì đều có thể đưa ra những thông tin về các dạng động đất. Song về địa điểm cụ thể của động đất thì cho đến nay còn cần phải nghiên cứu thêm mới xác định được. Về điểm này ngoài việc tiếp tục khám phá trong nghiên cứu còn có thể kết hợp với các máy móc đo địa chấn hiện đại để dự

đoán. Như vậy mới có thể dự đoán nhanh chóng và chính xác hơn về thông tin động đất.

Dùng bát quái dự đoán động đất, đặc biệt là khi đoán quẻ, thứ nhất phải nghiêm chỉnh tuân theo "nghĩa lý", tức là liên hệ lý luận với thực tế. Từng trường hợp cụ thể phải có sự phân tích cụ thể. Nếu theo sách cổ : "Xà quẻ ở cung khôn động là có động đất" và quẻ cung khôn chủ về động đất, còn các quẻ không thuộc cung khôn thì không có động đất, như thế sẽ không thể thông qua tượng quẻ để rút ra kết luận chính xác. Các quẻ thí dụ ở trên, xà quẻ đều yên tĩnh, có quẻ không thuộc cung khôn, đáng lẽ là không có động đất, nhưng nghĩ thế là sai lầm. Trong quẻ tuy xà quẻ chưa động, nhưng chấn mộc, tổn mộc khắc khôn thổ, thái tuế làm thìn thổ động, thìn là long, so với xà càng lớn hơn, mạnh hơn, đó cũng là những dấu hiệu chủ về động đất. Song cự ly vùng động đất cách bao xa, cách xác định địa điểm cụ thể ra sao đều đang từng bước nghiên cứu.

Dự đoán động đất là một trong những chuyên mục nghiên cứu quan trọng của Trung Quốc. Tuy đến nay số dẫn chứng còn ít, những ví dụ trên đây còn chưa đủ để làm căn cứ, thậm chí chưa phải là những kết luận cuối cùng đáng tin cậy, song có một điều khẳng định là có thể dùng bát quái để dự đoán động đất. Đó là điều chắc chắn. Tôi nghĩ rằng nếu dùng bát quái là khoa học cổ đại, kết hợp chặt chẽ với các máy móc hiện đại thì độ chính xác của dự đoán động đất sẽ càng cao hơn.

Tổ tiên ta đã phát minh ra bát quái, đó là công lao to lớn, Tần Thủy Hoàng biết Kinh dịch là sách quý nên không đốt đó cũng là điều đáng khâm phục. Chúng ta là còn cháu nhất định phải kế thừa, phát huy những di sản văn hóa ưu tú của tổ tiên làm nên những cống hiến to lớn hơn nữa trong lĩnh vực ứng dụng Chu dịch và khoa học hiện đại.

II. DỰ ĐOÁN VỀ LŨ LỤT

Nước là nguồn của cuộc sống, nuôi dưỡng vạn vật. Tính hàn lạnh của nước hướng xuống, chảy mãi không ngừng. Nếu có chế ngự, điều khiển thì sẽ đem lại hạnh phúc cho con người, ngược lại nếu không chế ngự nổi thì tai họa vô cùng. Mưa thuận 'gió hòa là điều quý trong tự nhiên, nếu quá mức thì sẽ trở thành tai họa. Do đó, nước đối với con người mà nói, vừa tạo ra hạnh phúc, vừa giáng xuống tai họa. Cho nên dự đoán thông tin về lũ lụt không những là điều bảo đảm quan trọng để đề phòng lũ lụt kháng hạn, mà còn là sự nghiệp to lớn muôn đời trong công cuộc kiến thiết XHCN, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

Dự đoán lũ lụt không những liên quan mật thiết với dự đoán thời tiết mà phương pháp cũng giống nhau. Nếu dự đoán được mưa to gió lớn, thời tiết mưa lâu tức là dự đoán được lũ lụt. Ngược lại dự đoán nắng lâu không mưa tức là đã dự báo được hạn hán.

Lũ lụt : hào phụ mâu tri thể, thái tuế phát động, hào tử tôn suy nhược là năm đó tất có lũ lụt. Hào thủy quỷ phát động, thủy quỷ làm vương cùng phát động cũng chủ về lũ lụt. Quẻ ngoại động là lụt ở vùng ngoài; Quẻ nội động là lụt tại vùng mình. Nếu hào thể không bị khắc thì tuy lũ lụt nhưng tổn thất không đáng kể.

Tôi có nghiên cứu về lũ lụt, song không có những ví dụ chuyên về vấn đề này, chỉ là trong dự đoán thời tiết và cho từng năm mà rút ra mục này. Để gây nên sự chú ý và nghiên cứu về các thông tin lũ lụt, ở đây tôi xin giới thiệu các thông tin ở trong những quẻ mà trên đây đã dự đoán.

Ví dụ 1. Đoán thành phố Bắc Kinh năm 1987 có lũ lụt không ?

Ngày 4 tháng 5 năm 1987 khi tôi ở Bắc Kinh, học viên Đinh Tiêu Tiêu và bà mẹ cầm một tờ báo đến nói với tôi : "Trên báo nói cuối mùa hạ đầu thu năm nay, ở Bắc Kinh có lụt to, yêu cầu phòng lũ. Thầy Thiệu thử đoán cho xem thực hư thế nào ?"

Năm 1987

tháng 4

ngày 7

Đinh Mão

Ất Ty

Quý Sửu

Lúc đó lắc thẻ được quẻ khôn của quẻ cần.



Trong quẻ : khôn, cần đều là thổ, vừa được nguyệt kiến sinh lại lâm nhật kiến là vương thổ khắc thủy. Tôi nói : "Năm nay Bắc Kinh quyết không có lụt". Thực tế về sau đúng như dự đoán.

Ví dụ 2. Dự đoán tình hình lũ lụt năm 1988.

Ngày 1-8-1987, tôi thấy xuất hiện đám mây động đất, khi lắc thẻ để lập quẻ dự đoán về động đất, vừa dự đoán có động đất lại còn đoán được năm 1988 có lũ lụt. Đó là quẻ Hằng của quẻ Đại tráng.

Năm 1987

tháng 8

ngày 1

Đinh Mão

Kỷ Dậu

Ất Hợi

QUẺ CHỦ : ĐẠI TRÁNG

QUẺ BIẾN : HẰNG

LỤC THẦN

Huỳnh đệ tuất thổ..

Huỳnh đệ tuất thổ.. ứng

Huyền vũ

Tử tôn thân kim..

Tử tôn thân kim..

bạch hổ

Phụ mẫu ngộ hỏa. thể

Phụ mẫu ngộ hỏa.

Phi xà

Huỳnh đệ thìn thổ O

Tử tôn dậu kim.. thể

Câu trăn

Quan quỷ dẫn mộc.

Thê tài Hợi thủy.

Chu tước

Thê tài tý thủy O ứng

Huỳnh đệ Sửu thổ..

Thanh Long

1) Quẻ Đại tráng, quẻ thượng là chấn, là sấm, quẻ hạ là càn, là trời. Càn là thuận dương cứng mạnh, chấn là chấn động, dương nhiều âm ít là khí dương cương thịnh. Cho nên trên trời sấm chớp đều có, là điềm mưa bão. Quẻ biến Hằng càng là tượng chấn động khắp nơi, mây mưa vẫn vũ. Mưa to gió lớn tất sẽ có lũ lụt.

2) Trong quẻ kim nhiều, kim có nghĩa là sinh thủy. Hơn nữa hào đầu tý thủy của quẻ Đại tráng gặp thanh long mà động là tý thủy vượng động, long là thần là mưa, cũng là tượng có lũ lụt.

3) Thìn là thổ khắc thủy, là kho chứa nước. Trong quẻ thìn thổ hóa thànhậu kim là tượng hóa hợp, thìn hợp với Dậu thành kim, tức không những hợp mất kho nước, không có kho chứa nước, ngược lại kim sinh thủy. Thủy nhiều mà không bị chế ngự tất nhiên có họa lũ lụt.

4) Trong quẻ ngộ hòa hóa thành ngộ hỏa, là phương nam trước có hạn hán, sau đó bị lụt.

Căn cứ vào dự đoán trên tôi nói : Trung Quốc vào giao thời giữa mùa hạ và mùa thu có lũ lụt, phương bắc sẽ bị lụt khá nhiều và khá lớn.

Nghiệm chứng : qua kiểm chứng năm 1988, diện bị lụt ở Trung Quốc rất rộng, đặc biệt ở phương bắc nước rất lớn, phương nam trước hạn sau lụt. Cơ bản đúng như dự đoán.

Năm 1988 nạn lũ lụt nhiều, điều đó thể hiện trong quẻ thìn thổ là chi năm của năm 1988. Thìn Dậu hóa hợp với nhau thành kim, không có thổ để khắc thủy, tức là không có kho chứa nước. Ở phương bắc lụt lớn vì hào tý thủy là bắc. Ở phương nam trước hạn sau lụt thể hiện trong quẻ là ngộ hòa hóa thành ngộ hỏa, mùa hạ hỏa vượng, kim bị khắc nên không sinh được thủy, cho nên hạn hán. Mùa thu hỏa bị tù, nên khó chế được vượng kim, kim sinh thủy hay thủy vượng ở kim, do đó mà nạn lụt lớn.

Ví dụ 3. Trong vòng 12 ngày nhất định có mưa to gió lớn.

Giờ tuất, ngày 1 tháng 8 năm 1988, khi đoán động đất tôi thấy trong quẻ rõ ràng có tượng mưa to gió lớn. Đó là quẻ Minh di của quẻ Phục.

Năm 1988	tháng 6	ngày 19	giờ tuất
Mậu Thìn	Kỷ Mùi	Mậu Tý	Nhâm Tuất

QUẺ CHỦ : PHỤC

Tử tôn Dậu kim..
 Thê tài hợp thủy..
 Huynh đệ sũ thổ.. ứng
 Huynh đệ thìn thổ x
 Quan quý dẫn mộc..
 Thê tài tý thủy. thế

QUẺ BIẾN : MINH DI

Tử tôn Dậu kim..
 Thê tài hợp thủy..
 Huynh đệ sũ thổ.. thế
 Thê tài hợp thủy.
 Huynh đệ sũ thổ..
 Quan quý mao mộc. ứng

LỤC THẦN

Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn.

1) *Có mưa bão* : Quẻ Phục là tượng diễn hình về động đất. Trong quẻ hào huỳnh đệ thìn thổ lâm nguyệt kiến vương địa. Hào huỳnh đệ động là chủ về gió, vương thì gió to. Thìn là long, long động thì bay lên trời, long đi nghĩa là gió nhanh mạnh, có thể xô đổ mọi vật. Khôn là u ám, trong quẻ âm nhiều dương ít, mây mù đậm đặc ảm đạm đen tối. Trong quẻ khôn thổ nhiều lại gặp được lệnh thảng, còn được ly hỏa động sinh cho nên vì vậy thổ nóng khí quần bức, hơi bốc lên vùn vụt, mây dày thành mưa to, mưa gió xen lẫn. Do đó không những gió to mà còn có giông bão.

2) *Phương vị* : hào huỳnh đệ thìn thổ ở quẻ nội động, là động ngay tại vùng đó. Thìn là đông nam, cho nên ở phía đông nam của Bắc Kinh và Tây An có mưa bão.

3) *Thời gian* : Hào động khác hào thế cho nên ứng nghiệm nhanh. Số quẻ chủ là 12, do đó lần mưa bão này trong vòng 12 ngày.

Thực tế ứng nghiệm : từ ngày 7 đến ngày 10/8/1988 ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây và thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang đều bị mưa gió đặc biệt lớn, gây nên tổn thất về của cải rất nhiều. Qua đó thấy rõ quẻ trên đã được dự đoán chính xác.

Trung Quốc đất rộng, hàng năm lũ lụt nhiều mà diện rộng. Chỉ tính riêng hai năm 1988, 1989 trong toàn quốc phát sinh 34 lần lũ lụt lớn. Nếu dùng bát quái để dự đoán trước thì chắc chắn sẽ giảm được không ít tổn thất.

III – DỰ ĐOÁN VỀ HỎA HOẠN

Hỏa hoạn có rất nhiều dạng. Hỏa hoạn mà tôi đoán ở đây phần nhiều là nói đến những tai nạn hỏa hoạn lớn tự nhiên, hoặc do một nguyên nhân nào đó như bị nổ, bị sét v.v... gây nên.

Hỏa hoạn : hỏa quý phát động, hào hỏa bị phát động, hỏa vương lại hóa ra hỏa, chu tước gặp hào hỏa phát động, hào hỏa được nguyên thần là dẫn mộc hay mao mộc động để sinh cho... Tất cả những điều đó đều chủ về hỏa hoạn. Nếu không liên quan gì đến hào thế, mà chỉ liên quan với hào ứng là vùng chung quanh có hỏa hoạn. Quẻ nội hỏa quý phát động, hào hỏa phát động là bản thân vùng đó có hỏa hoạn; quẻ ngoại có hỏa quý phát động, hào hỏa phát động là vùng chung quanh có hỏa hoạn.

Ví dụ 1. Đoán trước hơn 4 tháng có nạn cháy rừng.

Giờ Tỵ, ngày 18 tháng 11 năm 1986 trên bầu trời đông nam thành phố Tây An xuất hiện 5 mặt trời, tôi gieo được quẻ Khôn của quẻ Sư.

Năm 1986	tháng 11	ngày 18	giờ Tỵ
Bính Dần	Canh Tỵ	Đinh Dậu	Ất Tỵ

QUÊ CHỦ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Thê tài ngộ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ O
 Tử tôn dần mộc..

QUÊ BIẾN : KHÔN

Phụ mẫu dậu kim.. thế
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.. ứng
 Thê tài ty hỏa..
 Quan quý mùi thổ..

LỤC THẦN

Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước

1) Quê Sư là 1 dương thống linh 5 âm, là tượng của đại tướng soái". Sư là quân đội. Năm 1987 sẽ có việc điều binh khiển tướng.

2) Trên trời xuất hiện 5 mặt trời là dương khí quá thịnh hào ngộ hỏa trong quê chủ hóa thành hào tử tôn mao mộc sinh trở lại là tượng hỏa hoạn.

3) Thời gian hỏa hoạn : là năm đinh mao (1987), khoảng từ tháng 4 đến tháng 5 là thời gian hào mao mộc trong quê sinh ngộ hỏa. Tháng 4, tháng 5 là hào ty và ngộ hỏa trong quê làm vượng địa.

4) Phương vị : quê khảm là bắc, ngộ hỏa là nam. Do đó hỏa hoạn xảy ra ở phía bắc hoặc phía nam.

Thực tế kiểm nghiệm : từ tháng 4 đến tháng 5 năm 1987 miền núi Đại Hưng - An Lĩnh ở đông bắc phát sinh nạn cháy rừng tổn thất rất nghiêm trọng. Thời gian đó Trung Quốc không những điều binh đánh Việt Nam mà còn điều rất nhiều quân đội để dập tắt nạn cháy rừng đó.

Ví dụ 2. Dự đoán nạn cháy rừng ở Đông bắc khi nào thì được dập tắt ? Giờ dậu ngày 17 tháng 5 năm 1987, hai ngài Chu Thống Ân và Giang Tố, cũng giống như nhân dân cả nước đều rất quan tâm đến nạn cháy rừng ở đông bắc, hỏi tôi bao giờ thì dập tắt được nạn cháy đó. Yêu cầu tôi gieo quẻ để đoán, gieo được quẻ Phục của quẻ Lâm.

Năm 1987

Đinh Mão

tháng 4

Ất Ty

ngày 20

Bính Dần

QUÊ CHỦ : LÂM

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợp thủy.. ứng
 Huynh đệ sửu thổ..
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc O thế
 Phụ mẫu ty hỏa.

QUÊ BIẾN : PHỤC

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợp thủy..
 Huynh đệ sửu thổ.. ứng
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dần mộc..
 Thê tài ty thủy. thế

1) Quẻ Lâm là quẻ có lợi. Nay cả quân đội và nhân dân cùng tham gia cứu hỏa là bảo vệ quyền lợi của đất nước và nhân dân.

2) Khôn là thổ là quẻ thể, đoài là kim là quẻ dụng. Nay thổ sinh kim, là quẻ thể sinh quẻ dụng nên nhà nước có sự tồn thất.

3) Trong quẻ tỵ hỏa là dụng thần lâm nguyệt kiến vượng địa, nhưng may là tỵ hỏa hóa thành tỵ thủy khắc trở lại là gặp họa nhưng có cứu. Mão mộc là nguyên thần, động sinh cho dụng thần tỵ hỏa. Ngày 18 tháng 5 là ngày đinh mão, mộc trợ giúp cho uy của hỏa, ngày hôm đó thể của hỏa còn tăng lên. Đến ngày 20, 21 là hỏa nhật nên thể của hỏa vượng nhất.

4) Ở trong tuần giáp tỵ, tuất Hợi là tuần không. Nay trong quẻ hào 5 Hợi thủy tụy hóa thành Hợi thủy, là có tác dụng khắc hỏa. Nhưng Hợi thủy bị tuần không nên hỏa nhất thời còn khó bị dập tắt. Chờ đến tuần giáp tỵ, Hợi thủy xuất không, đó cũng là lúc nạn cháy bị dập tắt. Ngày 26 tháng 5 là ngày ất Hợi xuất không, nạn cháy nhất định sẽ được dập tắt.

Thực tế ứng nghiệm :

1) Ngày 18 tháng 5 là ngày Mão, Mão mộc sinh trợ cho tỵ hỏa, đó là lúc nạn cháy đang tăng lên.

2) Ngày 20, 21 tháng 5 là tỵ hỏa, Ngọ hỏa nhật kiến, tức là hỏa gặp nhật kiến ở vượng địa, thể lửa đang rất mạnh.

3) Ngày 26 (ngày ất Hợi) tháng 5 là Hợi thủy xuất không Hợi thủy sẽ xung khắc dụng thần của tỵ hỏa, đó là dấu hiệu nạn cháy bị dập tắt.

4) Ngày 26 tháng 5 tin nạn cháy bị dập tắt được công bố.

Ngày xưa khi đoán về thiên tai thường lấy hào quan quý làm dụng thần. Tôi cho rằng phải căn cứ vào tình hình thực tế mà chọn dụng thần. Ví dụ đoán về hỏa hoạn thì chọn hào hỏa làm dụng thần, qua thực tế kiểm nghiệm thấy đúng. Ví dụ : đoán khi nào nạn cháy rừng bị dập tắt, nếu lấy quan quý Mão mộc làm dụng thần, Mão mộc và Hợi thủy đang ở đất trường sinh, mộc vượng sinh ra hỏa thì không những hỏa không bị dập tắt mà ngược lại càng mạnh.

Chương 3

ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA

Chương này chủ yếu là dự đoán thông tin về các mặt : người đi xa tốt hay xấu, khi nào trở về. Người đi xa, có người đi công tác, có người buôn bán, kinh doanh, cũng có người vì phạm tội mà phải xa nhà, lại cũng có người do bị lừa gạt, bắt cóc, v.v... Trong những người đi xa, có người là công nhân, nông dân, sinh viên, học sinh, thậm chí là học sinh tiểu học, có cán bộ, giáo sư, nam, nữ già, trẻ đều có. Đặc biệt mấy năm lại đây có người làm những việc ngược với đạo lý, bắt cóc trẻ em, lừa gạt, buôn bán phụ nữ, gây ra những tội ác khôn lường. Làm cho một số gia đình cốt nhục chia lìa, cha mẹ vì thương con mà tuyệt vọng, dẫn đến khuyh gia bại sản, tan cửa nát nhà...


Người đi xa có người muốn quay về, cũng có người không muốn; có người có thể tìm được, có người không thể tìm nổi; có người có thể trở về, có người không thể về nổi, thậm chí có người chết nơi đất khách quê người, trong đó có rất nhiều nguyên nhân phức tạp. Có một số cô gái sau khi xa nhà, vì bản lĩnh tự lập hoặc tự vệ yếu nên rất khó quay trở về. Tóm lại, người đi xa may hay rủi, có trở về được hay không đều có thể đoán được chính xác. Sự dự đoán đó không những có thể gợi ra phương hướng và thời cơ tốt nhất cho người thân đi tìm, mà còn an ủi và cứu vớt cho người có người thân bị mất.

I. DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA (1)

Mục này chủ yếu bàn về dự đoán theo tượng quẻ.

Ví dụ 1. Đoán khi nào con trở về ?

Năm 1983	tháng 12	Ngày 18	giờ mùi
Quý Hợi	Ất Sửu	Quý Sửu	Kỷ Mùi

Vợ của ông Thuận Phố ở cơ quan tôi đến gấp gấp nói với tôi rằng : "Con tôi chiều hôm qua đi ra ngoài, không biết đi đâu mà mãi hôm nay chưa thấy trở về". Nhờ tôi đoán xem có nguy hiểm gì không và bao giờ thì trở về ? Tôi gieo được quẻ Tỳ của quẻ Đoài. 

Để đoán được chính xác cô bé ở bên ngoài tốt hay xấu tôi lập thêm tứ trụ. Tôi nói : "Cháu gái này là con cả, hồi bé bị ốm nặng, còn để lại di chứng". "Đúng !" Bà mẹ thừa nhận. Tôi thấy quẻ ngang hòa liền an ủi nói : "Không

nên lo lắng, cháu bé đi về phía nam hoặc tây nam, vẫn bình yên vô sự. Bảy giờ là 2 giờ rưỡi chiều, trước 8 giờ rưỡi tối nay nhất định sẽ trở về".


Buổi chiều tan tằm hai vợ chồng lại đến nhà tôi, bảo con chưa về, xin đoán lại. Tôi thấy chưa đến 8 giờ tối liền nói : "Nếu 8 giờ 30 mà cháu chưa về thì ta sẽ tính sau". Cả hai vợ chồng ngồi lại nói chuyện thêm một chốc. Đến 8 giờ 15, tôi bảo họ nên về nhà xem sao. Nếu con gái chưa về thì mời hai ông bà lại đây đoán quẻ khác cũng chưa muộn. Cả hai vợ chồng vừa ra khỏi nhà hơn 100 m thì gặp đứa em bảo : chị nó vừa về. Cả hai vợ chồng vô cùng mừng rỡ, thấy bát quái dự đoán thần kỳ quá, liền quay trở lại cảm ơn.

Giải quẻ : Quẻ gặp ngang hòa là bình an vô sự; đi về phương nam hay tây nam là vì quẻ hồ có quẻ ly là phương nam, đoán là tây. Trước 8 giờ 30 tối sẽ về là vì : ba đoán cộng lại thành 6, vì vậy 2 giờ 30 + 6 = 8 giờ 30. Nguyệt kiến nhật kiến là sùu, sùu là kho của kim, vốn là tượng không tốt. Nhưng kim được thổ sinh, lại là con gái có bệnh nên sẽ không làm việc gì phạm pháp. Kim nhập kho là tượng trở về.

Ví dụ 2. Đoán vợ khi nào trở về ?

Năm 1983	tháng 10	ngày 19	giờ thân
Quý Hợi	Quý Hợi	Ất Mão	Giáp thân

Ông Mạnh ở cơ quan tôi nói : vợ đi ra ngoài buôn bán đã hơn 1 tháng, bắt vô âm tín. Nhờ thầy Thiệu đoán xem tốt hay xấu và khi nào trở về. Tôi

gieo được quẻ Vô vọng của quẻ Lý 

Căn cứ tượng quẻ "quẻ thể của quẻ dụng ngang hòa là ngày trở về chưa định". Tôi nói với ông Mạnh : "Vợ của ông đi về phương tây nam. Ở bên ngoài có sinh cãi cọ, nhưng bình an vô sự. Nếu năm ngày nữa chưa về thì cũng sẽ có thư, nếu không có thư thì chắc chắn sẽ về".

2g30 chiều năm ngày sau đó, ông Mạnh lại đến tìm tôi, nói vợ chưa về, mà cũng không có thư. Tôi nói ông cứ bình tĩnh, trở về chờ tin. Khoảng hơn 3 giờ chiều thì gia đình nhận được điện của vợ từ Thành Đô đánh về, báo ngày hôm sau ra ga tàu để đón. Về sau, người vợ về nói vì gặp chuyện cãi nhau nên về muộn mất một hôm.

Quẻ Lý là trên càn dưới đoài, ngũ hành đều thuộc kim, là quẻ ngang hòa. Người đi về tây nam là vì quẻ dụng đoài là tây, trong quẻ hồ có quẻ ly, ly là phương nam, cho nên đi về phía tây nam. Gặp chuyện cãi vã là vì : đoài là cãi cọ, nay là quẻ dụng, hào động cũng ở quẻ đoài. Bình an vô sự là vì quẻ ngang hòa. Năm ngày nữa trở về là tính như sau : càn 1, đoài 2, hào động là 2, tức $1 + 2 + 2 = 5$. Dự đoán có thư là vì : ly là văn, là điện, cho nên sau đó 5 ngày có thể nhận được thư.

Ví dụ 3. Con đi đâu rồi ?

Năm 1984

tháng 2

ngày 24

giờ Ngọ

Giáp Tý

Đinh Mão

Kỷ Mùi

Mậu Ngọ

8 giờ tối ngày 24/2, ông Dương ở cơ quan tôi cùng với vợ đến nhà tôi nói : "Thầy Thiệu, cháu thứ ba của tôi buổi trưa sau khi tan học không thấy về nhà, không biết vì sao. Gia đình đã tìm khắp nơi mà không thấy. Chúng tôi rất lo lắng, muốn nhờ thầy đoán xem cháu đi đâu để chúng tôi biết phương hướng mà tìm". Căn cứ giờ Ngọ đi tôi lập được quẻ Tồn của quẻ Khuê.



Quẻ gặp quẻ dụng khắc quẻ thể là người không về. Nhưng quẻ biến là dụng sinh thể tức người sẽ về. Tôi tự tin nói với hai vợ chồng rằng : "Đừng lo lắng, nhất định sẽ tìm được cháu".

- 1) Ban đầu cháu đi về phía đông, sau đó chuyển sang đông nam.
- 2) Trong quẻ chủ, quẻ hổ, quẻ biến đều có tượng xe là ngôi xe đi.
- 3) Quẻ dụng là ly hỏa, được nguyệt kiến mao mộc sinh cho, đoàn là ăn uống, là trên đường có người chiếu cố giúp đỡ.
- 4) Buổi tối 9 giờ cháu bé sẽ từ phương bắc đi về phương nam, phải qua vùng có nước (sông, hồ), sau đó đi đến chân núi thì dừng lại.
- 5) Quẻ chủ và quẻ hổ cộng lại thành 14, tôi nói : khoảng trên dưới 14 giờ nữa sẽ trở về.

Vợ chồng ông Dương trước đây đã mấy lần nhờ tôi đoán việc đều chuẩn. Lần này sau khi nghe tôi nói thì nói rằng : căn cứ tình hình thầy Thiệu đoán thì có lẽ con tôi đã về nhà bà ngoại rồi. Nhà tôi đứng ở dưới chân núi Hoa Sơn phía đông nam, xuống tàu là từ Bắc đi về phía nam, phải qua hồ nước. Biết được về phương hướng của cháu như thế là tốt rồi. Sáng mai sẽ bảo mẹ cháu đi đón cháu.

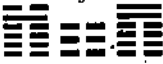
Chiều ngày hôm sau cả hai vợ chồng vui mừng đến báo cho tôi : thầy Thiệu, thầy đoán hoàn toàn đúng, giống như mắt thấy thấy được cháu. Cháu trên đường về quê, trên tàu hỏa quả thật có người giúp đỡ. Người ta thấy cháu bé không có gì ăn, nên đã mua cho cháu một suất cơm. Nếu tính từ tối hôm qua cho đến lúc cháu về là 16 tiếng đồng hồ. Vốn đáng lẽ là 14 tiếng thì trở về, nhưng vì không lên kịp chuyến tàu thứ nhất, nên phải chờ lại 2 tiếng đi chuyến tàu thứ hai.

Em bé đi về hướng đông nam là : chân là đông, quẻ hổ ly là nam. Từ phía bắc đi về phía nam là : trong quẻ hổ có khảm có ly, khảm là bắc, ly là nam. Đi qua vùng nước vì : trong quẻ có khảm, khảm là nước. Đi đến chân núi thì ngừng vì : cấn là sơn, cấn cũng là ngừng.

Ví dụ 4. Đoán người còn sống hay không ?

Năm 1984	tháng 12	ngày 1	giờ Dậu
Giáp Tý	Đinh Sửu	Canh Thân	Ất Dậu

Qua ông Vương giới thiệu, bạn của ông nhờ tôi đoán xem người nhà đi ra đã mấy mươi năm, xem nay còn hay mất. Nếu còn thì khi nào trở về. Tôi

gieo được quẻ Quan của quẻ Tý  .


Trong quẻ chủ, quẻ thể khắc quẻ dụng; trong quẻ biến lại quẻ dụng khắc quẻ thể, đó là tượng người không về. Quẻ Tý âm nhiều dương ít, 1 dương chìm trong 5 âm. Âm là tiểu nhân, khôn là có hại, lại vượng ở nguyệt kiến khắc khảm thủy, là tượng có bọn tiểu nhân bao vây sát hại. Do đó tôi dự đoán : "người này là người thứ hai trong số anh em, người đó đi về phương bắc. Hào dương động chủ về việc quá khứ, cho nên đã chết ở phương bắc từ lâu".

Bạn ông Vương sau khi nghe dự đoán kinh ngạc đứng dậy nói : "Thầy Thiệu nói chuẩn quá. Người này là chú thứ hai của tôi, chú ấy là Bát lộ quân. Năm 1942 tham gia đánh Nhật ở Sơn Tây, đã hy sinh khi bị địch bao vây". Ông Vương kinh ngạc hỏi : "ông đã biết chú mình hy sinh rồi, sao còn hỏi thầy Thiệu cho phiền phức" ? Ông bạn nói : Tôi chưa tin lắm vào bát quái, nên nhờ thầy Thiệu đoán để xem dùng bát quái có đoán đúng không. Nay được nghe cụ thể rất kinh ngạc và càng tin tưởng hơn.

Ví dụ 5. Vì sao vợ chưa đến ?

Ngày 28/2/1985, ông Thái Ngọc Quý đến tìm tôi nói : cơ quan ông có 1 người ngày 24 nhận được điện của vợ báo ngày 26 sẽ đến Tây An. Hôm nay đã là 28 mà chưa thấy đến. Không rõ trên đường gặp trở ngại gì, rất lo lắng. Tôi theo thời gian nhận được điện báo để lập quẻ.

Năm 1985	tháng giêng	ngày 5	giờ Mùi
Ất Sửu	Mậu Dần	Giáp Ngọ	Tân Mùi

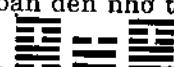
Được quẻ Phục của quẻ Khôn. 

Khôn tuy là quẻ ngang hòa, nhưng khi đoán người đi xa gặp phải quẻ đó là người chưa đến, nếu đoán xuất hành gặp quẻ đó là người chưa đi. Vì khôn là thổ là tĩnh, chủ về tượng bất động. Tôi nói : "cùng đi với bà ấy có 3 người, hai nữ một nam. Xe ít người nhiều, thời tiết lại xấu, nên không chen được lên xe. Người vẫn bình an vô sự. Mồng 5 tháng giêng (tức ngày 1 tháng 3) nhất định sẽ đến. Về sau quả đúng người vợ đến vào ngày 5 tháng giêng.

Đoàn có ba người (2 nữ, 1 nam) là vì : hai khôn là hai nữ, chấn là trường nam, đúng là vợ mang theo con gái và con trai. Xe ít người nhiều là : khôn

là xe lớn, khôn cũng là nhiều, cho nên đoán xe ít người nhiều không lên nổi. Thời tiết xấu là : khôn nhiều là tượng âm u, khôn có hào đầu là sương mù, băng cứng. Đúng là ngày rơi tuyết. Quẻ ngạnh hòa là người bình an vô sự. Ngày 5 tháng giêng người đến là vì quẻ dụng khôn biến thành quẻ chấn, chấn là chân, chủ về đi bộ. Ngày 5 là ngày hội, là đất trường sinh của chấn mộc, cho nên ngày hội thì đến.

Ví dụ 6. Con chạy đi đâu ?

Ngày 31/5/1985, ông Mã đưa ông Cao là người bạn đến nhờ tôi đoán con ông Cao chạy đi đâu. Được quẻ Đại súc của quẻ Cổ. 

Năm 1984	tháng 5	ngày 1	giờ Tỵ
	(lệnh tháng 4)		
Giáp Tý	Kỷ Tỵ	Ất Sửu	Tân tỵ

Quẻ Cổ, quẻ thể là thổ, quẻ dụng là mộc, là dụng khắc thể, là tượng người không về. Quẻ Đại súc, quẻ thể sinh quẻ dụng là người chưa về. Cho nên tôi dự đoán : "người đi về phía đông nam tạm thời chưa về". Căn cứ vào tứ trụ của em đó, thì quẻ dụng tổn mộc hóa thành càn kim, càn kim trường sinh ở nguyệt kiến hóa khắc trở lại. Trong quẻ Cổ có tượng "phản bại", tức là phát sinh việc vô cùng xấu. Nên tôi nói : con ông làm việc gì đó đã bị công an bắt. Về sau quả đúng con ông vì việc riêng mà bị công an bắt, phải đi bảo lãnh mới được thả về. Phương vị nơi xảy ra sự việc cũng đúng như tôi dự đoán.

Ví dụ 7. Hỡi anh cả có thể trở về không ?

Sáng ngày 24-7-1985 ông Triệu ở cơ quan tôi đến hỏi : ông anh cả có bệnh não, trưa ngày 8/7 không thấy ở nhà, đã cho người đi tìm khắp nơi, còn đăng tin tìm người nhà trên báo nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Gia đình đã nhờ nhiều người đoán, có người nói : sắp sửa trở về, nhưng có người bảo đã chết, cho đến nay nếu còn sống thì chưa gặp, nếu đã chết cũng chưa thấy mồ. Bà mẹ ở nhà không ăn, không uống khóc suốt ngày, chết đi sống lại. Nay đặc biệt nhờ thấy đoán giúp. Tôi gieo được quẻ Vô vọng của

quẻ Lý. 

Quẻ ngạnh hòa, quẻ dụng lại lâm nguyệt kiến vượng địa. Tôi đoán : "chắc chắn người còn sống, không những thế còn được quý nhân giúp đỡ. Trước ngày 30 tháng 7 nhất định sẽ trở về". Ông Triệu nghe xong còn rất hoài nghi, bởi vì nhiều người đoán đã chết. Tôi nói : "không đúng, để cứ chờ xem" ! Đầu tháng 8 ông Triệu gặp tôi vui vẻ nói : anh ông chiều ngày 30 tháng 7 đã được một người dẫn về, quả là có quý nhân giúp đỡ.

Giải : ngày 30 là ngày bình thin, là ngày thổ trong cát, thổ sinh kim nên có thể trở về. Có quý nhân giúp đỡ là vì ở trong tứ trụ ngày giáp gặp

sử là quý nhân. Những vấn đề khác phương pháp dự đoán độc giả đã quen biết.

Ví dụ 8. Đoán cháu ngoại đi đâu ?


Ông Vương giờ Tý ngày 16-10-1985, đến tìm tôi nói : cháu ông nhà ở Diên An, đã đi hơn 1 tháng nay, bố cháu là cán bộ Sở Công an đã hỏi tìm khắp nơi nhưng vẫn không có tin gì. Bố cháu đành nhờ ông đến xin tôi đoán. Thời điểm cháu ngoại đi :

năm 1985
Ất Sửu

tháng 9
Bính Tuất

ngày 12
Đinh Dậu

giờ Thìn
Giáp Thìn

được quẻ Phệ hạp của quẻ Di. 

Quẻ Di nói : "Di là trình cát. Di là tự tìm lấy miếng ăn". Căn cứ tượng quẻ : tôi đoán :

- 1) Cùng đi có 3 cháu.
- 2) Vừa ra khỏi nhà đi về phía đông, sau đó hướng nam rồi đi lên núi phía đông bắc.
- 3) Cuối cùng từ đông bắc đi về tây nam rồi lại lên núi.
- 4) Lần này các cháu đi là có ý nghị tự lập sinh sống, nên cứ tìm cách lên núi không muốn về nhà.
- 5) Trên đường các cháu đi về phía đông nam bị công an tạm giữ, hoặc bắt.
- 6) Cháu ngoại của ông tuổi khoảng 15 đến 22.

Ông Vương sau khi nghe sáu điều trên cảm động nói : "Thầy Thiệu đoán rất đúng. Chúng có 3 đứa trẻ, hai đứa đã quay về, riêng cháu ông năm nay 15 tuổi, khi chúng ở Lạc Dương và Trịnh Châu đã bị tạm giữ, về sau đều trốn thoát, đã đến núi Ngũ Đài xin tu hành, nhưng không được thu nhận, sau lại đến núi Nga Mi nói là nhất định xuất gia". Năm sau ông Vương báo lại cho tôi biết cháu ngoại của ông ở núi Nga Mi chưa về, có lẽ lần này xuất gia thật.

Giải : Có 3 đứa bé vì quẻ chủ có坎, chấn, hào động cũng ở quẻ chấn, ban đầu đi về hướng đông, sau đó chuyển hướng nam là vì hào động chấn là phương đông. Quẻ chủ có tượng của ly, ly là phương nam. Về sau đi lên núi đông bắc là : quẻ dụng坎 là đông bắc, là núi. Từ đông bắc lại chuyển sang tây nam vì quẻ hồ có quẻ khôn. Đi lên núi là vì quẻ hồ trong quẻ Phệ hạp là坎. Muốn xuất gia làm hòa thượng là vì坎 là núi, cũng là chùa. Không muốn trở về là vì : khôn,坎 đều là ngừng lại. Bị công an tạm giữ vì quẻ Phệ hạp chủ về các việc bị hình phạt. Tuổi từ 15 đến 22 là căn cứ vào số của quẻ chủ và quẻ biến.

II. DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA (2)

Ví dụ 1. Trốn chạy tập thể.

Tháng 4/1985, ở cơ quan tôi có 6 học sinh, vì bị thầy giáo phê bình nên cả tập thể bỏ trốn. Liên trong 3 ngày cả gia đình, nhà trường, cơ quan đều cử người tìm khắp nơi vẫn không tìm thấy. Ai cũng lo lắng, đặc biệt là các ông bà già. Có người cuối cùng đã tìm đến tôi nhờ đoán về tin tức các cháu. Tôi căn cứ giờ các cháu bỏ đi, gieo được quẻ Bốc của quẻ Khôn.

Năm 1986	tháng 4	ngày 9	giờ mùi
Bính Dần	Quý Tỵ	Tân Dậu	Ất Mùi

QUẺ CHỦ : KHÔN

Tử tôn dậu kim x thế
Thê tài hợi thủy..
Huỳnh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc.. ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa..
Huỳnh đệ mùi thổ..

QUẺ BIẾN : BỐC

Quan quý dần mộc.
Thê tài tỵ thủy.. thế
Huỳnh đệ tuất thổ..
Quan quý mao mộc..
Phụ mẫu tỵ hỏa.. ứng
Huỳnh đệ mùi thổ..

Sau khi xem quẻ tôi nói : ngày hôm đó đến tìm tôi ngay thì tốt.

- 1) Các cháu ngày hôm đó, còn ở trong nhà máy, hoạt động ở phía đông bắc. Ngày thứ hai thì đi theo hướng tây nam.
- 2) Các cháu vẫn bình an, có người giúp đỡ, không bị đói khát.
- 3) Chiều hôm nay (ngày quý hợi) từ 3 giờ đến 7 giờ, nếu các cháu không quay về thì cũng sẽ có tin.
- 4) Trước ngày 23 tháng 5 dương lịch nhất định sẽ về.

Hơn 6 giờ chiều ngày hôm đó có người đến nhà báo cho tôi biết, nói : có người thấy các cháu ở lầu chuông Tây An (tức phía tây nam cơ quan tôi), nhưng hiện nay các cháu đã đi mất rồi. Ngày 22 các cháu đều đã trở về. Về sau hỏi lại thì các cháu bảo : ngày hôm đó chưa đi mà còn chơi ở phía đông bắc. Các chi tiết khác cơ bản như dự đoán.

Giải : Khôn là thổ, là tĩnh, cho nên hôm đó chưa đi. Quẻ dụng khôn biến thành quẻ cần, cần là đông bắc. Hào tử tôn dậu kim biến thành dần mộc cũng là đông bắc, khôn là tây nam. Dậu kim là dụng thần, nguyên thần đóng ở khôn, quẻ cần thổ ở trên là có người giúp đỡ. Khôn là ngũ cốc, tức là có ăn không bị đói và vẫn bình an. Ngày 11 là ngày Quý hợi, hợi thủy xung mất phụ mẫu tỵ hỏa, phụ mẫu là thư tín. 3 đến 7 giờ chiều là giờ thân, giờ dậu, kim vượng sinh thủy, thủy vượng sẽ xung phụ mẫu tỵ hỏa. Đã xung tất phải động. Hào phụ mẫu động là tượng có thư đến. Ngày 20 tháng 5

dương lịch (tức ngày giáp tý - 12 tháng 4 âm lịch) sẽ về, vì trong quẻ tỵ dậu sử hợp thành tử tôn cục. Ngày 11 hội thủy xung tỵ hỏa, ngày 12 tý thủy hợp mất sêu thổ, nên dậu kim không hợp được, giờ mao xung động dậu kim tất sẽ trở về.

Ví dụ 2. Con ơi, con ở đâu ?

Buổi tối ông Vương đến nhà tôi lo lắng nói : "Thấy Thiệu, thấy xem nên làm sao, giúp tôi với. Con tôi đã 3 ngày không về, tìm khắp nơi mà không thấy bóng dáng. Cháu năm nay mới 10 tuổi, trời lại lạnh thế này, băng tuyết khắp nơi, ở ngoài mấy ngày liền không chết rét thì cũng chết đói...". Tôi nói, không nên vội vàng, từ từ nói rõ. Cháu đi lúc nào, tôi sẽ đoán cho. Tôi căn cứ thời gian cháu đi lập được quẻ Truân của quẻ Tỳ.

Năm 1986	tháng 10	ngày 29	giờ dậu
Bính Dần	Kỷ Hợi	Mậu Dần	Tân Dậu

QUẾ CHỦ : TỖY

Thê tài mùi thổ.. ứng
 Quan quý dậu kim.
 Tử tôn ngộ : Phụ mẫu hội thủy 〇
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dần mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

QUẾ BIẾN : TRUÂN

Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ.. ứng
 Quan quý thân kim..
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dần mộc.. thế
 Phụ mẫu tý thủy.

Quẻ Tỳ trên đoài dưới chấn. Đoài là nói, là vui mừng; chấn là động, động thì tất đi. Quẻ Tỳ là có tùy tùng. Do đó tôi căn cứ tượng hào, tượng quẻ nói rõ tình hình ra đi và dự đoán như sau :

- 1) Con ông không phải đi một mình, mà tối thiểu có 3 cháu. Ông ta nói : "Đúng, tất cả 3 đứa, bố mẹ hai cháu kia nhờ tôi đến gặp thầy nhờ đoán".
- 2) Con ông là theo cháu khác mà đi. Ông ta nói : "Đúng cháu khác lớn hơn hai cháu ấy thường rủ nó đi chơi. Lần này đi không thấy trở về".
- 3) Ba cháu chơi rất hồ hởi, ra đi trong tâm trạng cười nói vui vẻ. "Điều này tôi không rõ".
- 4) Ba cháu này vì không nghe lời thầy giáo, hoặc làm điều nghịch trong giờ học, bị thầy giáo phê bình nên bỏ đi. "Con tôi vốn học cũng khá, về sau vì nhập bạn với hai cháu kia, nên suốt ngày ham chơi, không làm bài đầy đủ, thầy giáo đã từng phê bình nhắc nhở".
- 5) Các cháu đang ở phía tây nam, ở trong một cái hang hoặc nấp trong một cái mộ huyết cũ. "Những chỗ này tôi chưa tìm đến".
- 6) Bọn trẻ vẫn bình an vô sự, sẽ không xảy ra vấn đề gì đâu.
- 7) Không nên buồn. Ngày 2 hoặc ngày 3 tháng 11 có thể chúng trở về. Bác nên tìm kỹ hơn vùng tây nam.

Sáng ngày 3 tháng 11, khi cha cháu bé đó thấy tôi, phấn khởi nói :
 "May quá nhờ theo lời của thầy mà tôi đã tìm kỹ vùng tây nam đó. Sau 11 giờ
 tối hôm qua thì tìm thấy 3 cháu đang ngủ trong một cái hốc mộ cũ. Sáng
 mồng 3 thì đưa các cháu về nhà".

Giới : Đoán 3 cháu là vì : quẻ hạ trong quẻ chủ, hào động, và quẻ biến
 có 3 quẻ chấn. Quẻ quái biến thành quẻ khảm là trung nam, hai chấn và
 1 khảm cho nên có 2 cháu lớn hơn, một cháu bé hơn. Đoán cháu bé đi theo
 hai cháu khác là vì : quẻ tùy có nghĩa là tùy tùng, đi theo. Đoán 3 cháu cười
 nói, vui vẻ trốn đi là vì quái có nghĩa là nói, là vui vẻ. Đoán các cháu bị thầy
 phê bình bỏ trốn là vì ; trong quẻ hào chín bốn là hào dương, dương là cương
 nghị, lại nằm sát dưới hào năm là hào ở ngôi tôn quý. Đoán các cháu nghịch
 trong lớp là vì : trong quẻ có tượng hào bốn động không tôn trọng hào 5.
 Đoán bị phê bình lúc lên lớp vì hào chín năm trong lớp có nghĩa là thầy
 giáo. Đoán các cháu ở trong mộ huyết cũ vì trong quẻ Tùy quẻ quái là quẻ
 dụng, là người đi xa. Quái còn có tượng là động huyết, hoặc hang động trong
 núi nên mới có thể chứa nước thành hồ nước. Trong "Mai hoa dịch số" có
 viết : "đoài là những nơi mộ huyết gần vũng nước, hoặc hốc mộ cũ". Cho nên
 trẻ con nấp trong đó. Các cháu vẫn bình an vì lời từ của quẻ Tùy nói : "Tùy
 là nguyên hanh lợi trinh". Đoán các cháu ngày 3 tháng 11 trở về là vì : dụng
 thần phục tàng, ngày xuất hiện dụng thần tất sẽ trở về. Hào tử tôn ngộ hỏa
 phục dưới hào hợi thủy vốn là tượng phục mà bị khắc, may mà phục thần
 ngộ hỏa trường sinh ở nhật biến dần mộc. Ngày 3 là ngày ngộ, tức ngày phục
 thần xuất hiện, nên nhất định sẽ về.

Ví dụ 3. Đoán hướng con đi.

Đã 10g30 đêm, còn có người đến gõ cửa. Vừa mở cửa xem thì đúng là
 chị Trịnh người cơ quan tôi. Chị kêu lên : "Thầy Thiệu, con tôi đã đi mấy
 hôm nay, cả cơ quan không ai biết cháu đi đâu, chúng tôi tìm khắp nơi mà
 không thấy. Nhờ thầy đoán giúp cho". Vì không biết cụ thể thời gian đi, nên
 tôi đành căn cứ thời gian chị Trịnh đến để gieo quẻ. Được quẻ Khôn của quẻ
 Dự.

Năm 1986
 Bính Dần

tháng 12
 Tân Sửu

ngày 13
 Tân Dậu

giờ hợi
 Kỷ Hợi

QUẺ CHỦ : DỰ

Thê tài tuất thổ..
 Quan quý thân kim..
 Tử tôn ngộ hỏa O ứng
 Huynh đệ mao mộc..
 Tử tôn ty hỏa..
 Thê tài mùi thổ.. thế

QUẺ BIẾN : KHÔN

Quan quý dậu kim.. thế
 Phụ mẫu hợi thủy..
 Thê tài sửu thổ..
 Huynh đệ mao mộc.. ứng
 Tử tôn ty hỏa..
 Thê tài mùi thổ..

Quẻ Dự trên chấn là mộc, là quẻ dụng; dưới khôn là thổ là quẻ thể. Quẻ dụng khắc quẻ thể nên tạm thời chưa về.

2) "Có phải con chị đi giờ Ngọ trưa ngày mồng 10 không?" "Đúng, lãnh đạo cơ quan nói, sau khi tan tầm buổi sáng thì buổi chiều không thấy đến".

3) Con chị đi theo hướng đông bắc hoặc tây nam, nhưng khả năng hướng tây nam nhiều hơn. Chị Trịnh nói: "Hướng đông bắc không có bà con quen biết, tôi nghĩ có lẽ cháu đi phía tây nam để về quê. Nếu đúng thế thì tôi sẽ đánh điện để báo cháu về".

4) Con chị do tức người yêu hoặc một người nữ nào đó mà bỏ đi. "Con tôi ít nói, việc gì cũng giấu kín trong lòng. Vì sao mà nó tức ai thì tôi chưa rõ".

5) Chị cứ yên tâm, tính từ ngày cháu ra đi, khoảng trên dưới 12 ngày thì sẽ trở về. Tức ngày 21 hoặc 22 tháng này thì sẽ về. "Chắc con tôi đã bình tĩnh lại rồi, mong sẽ bình an chứ?" - "Sẽ bình an trở về!".

Ngày 22 tháng 12, khi tôi đi qua nhà chị Trịnh, chị nắm tay tôi vui mừng nói: "Con tôi đi về quê, hôm qua (ngày 21) đã về nhà. Rất cảm ơn thầy Thiệu, mời thầy vào nhà chơi". Tôi nghe được tin này rất mừng cho chị, nhưng vì bận quá nên nói với chị: "Cháu về là tốt rồi, tôi đang bận quá, xin để dịp khác".

Giải: Đi vào giờ Ngọ ngày 10 là vì: ngày 10 là ngày Mậu Ngọ, hào tử tôn Ngọ hỏa là dụng thần, lại là hào động, cho nên đi vào ngày Ngọ. Trong hai phương đông bắc và tây nam thì khả năng đi về phía tây nam nhiều hơn là vì: theo hào động Ngọ hỏa hóa thành sừ thổ là đông bắc, theo quẻ chấn hóa thành quẻ khôn là tây nam, vì khôn lâm nguyệt kiến vượng địa nên khả năng phía tây nam nhiều hơn. Đoán cháu bỏ đi vì tức là vì: trong quẻ 5 âm, 1 dương, dương là tượng cương cứng; Ngọ hỏa hóa thành sừ thổ, sừ là đối tượng, là nữ. Vì sừ, Ngọ tương hại lẫn nhau nên đoán tức con gái mà bỏ đi. Khoảng 12 ngày thì quay về vì ngày thứ 12 là ngày kỷ tỵ, tức 21 tháng 12, ngày 22 là ngày canh Ngọ, tử tôn Ngọ hỏa là dụng thần, mùa đông hỏa gặp tử địa. Do đó dụng thần hưu tù, khi được sinh vượng là lúc có thể quay về. Ngày Tỵ, ngày Ngọ là ngày hỏa vượng, nên sẽ quay về trong hai ngày đó.

Ví dụ 4. Con đi mất rồi.

Sáng sớm vừa mới dậy thì ông Hàn đến tìm tôi. Xem dáng của ông vừa lo lắng vừa bức tức, tôi biết ông đến nhờ đoán việc. "Thầy Thiệu, xin lỗi tìm thầy sớm quá. Con tôi chẳng nói chẳng rằng mà bỏ ra đi. Vợ tôi khóc suốt suốt, bắt tôi đến nhờ thầy xem khi nào nó sẽ quay về". Căn cứ thời gian bỏ đi tôi gieo được quẻ Tỳ của quẻ Vô vọng.

Năm 1987	tháng 9	ngày 20	giờ Dần
	(lệnh tháng 10)		
Đinh Mão	Tân Hợi	Giáp Tý	Bính Dần

QUÊ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ O

Quan quý thân kim.

Tử tôn ngộ hỏa. thê

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUÊ BIÊN : TÙY

Thê tài mùi thổ.. ứng

Quan quý Dậu kim.

Phụ mẫu Hợi thủy.

Thê tài thìn thổ.. thê

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

Quê Vô vọng là đi một cách không chính đáng thì rủi ro, đi chính đáng thì bình yên vô sự.

1) Tử tôn ngộ hỏa là dụng thần. "Cháu bé vì sức khỏe không tốt nên tâm thần không tốt, khí không thuận". Bố cháu thừa nhận : "Đúng thế, cháu thần kinh hơi bất thường".

2) Chính cháu bị ông quở mắng mà bỏ đi. "Nó quấy một đêm làm cả nhà đảo lộn, 3 giờ sáng tôi mắng nó mấy câu : vì sao mày không chết đi... thế rồi một chốc nó bỏ đi".

3) Sau khi ra khỏi nhà, đầu tiên đi hướng tây bắc, sau chuyển sang tây nam. Cháu ở bên ngoài đi lung tung không định hướng.

4) Lần này cháu đi rủi nhiều hơn, nếu đi tìm ngay thì có thể đỡ rủi ro.

5) Nó đi chưa xa, nên tìm kỹ vùng tây nam thành phố.

6) Nếu để lâu có thể gặp rủi ro, nên tìm ở những nhà hẻm, hẻm phòng không, bệnh viện, trạm cảnh sát.

7) Thời gian quay về sẽ rơi vào sáu ngày trong tháng này là 22, 23, 24, 25, 26, 27.

8) Cháu ở ngoài gặp rất nhiều khó khăn. Do đó nên cử nhiều người đi tìm gặp, nếu không hậu quả khôn lường. Cháu ra đi trong người không có tiền, quần áo cũng không đầy đủ, nên chắc chắn vừa đói vừa rét.

Giờ Ngọ ngày 25 tháng 12, ông Hàn đến nhà tôi cảm ơn nói : "Thầy Thiệu, may nhờ thầy dự đoán chính xác, tôi đã tìm thấy con ở ngoại ô phía tây (tức ở phía tây nam cơ quan tôi). Cháu vì bị đói quá nên bán quần áo để mua ăn, rất thương tâm. Như thầy dự đoán, trưa ngày 24 thì tìm thấy và đã đưa cháu trở về".

Giải : Đoán sức khỏe cháu không tốt là vì : tử tôn ngộ hỏa là dụng thần bị ngày tháng của hào ứng khắc, hóa thành Hợi thủy khắc trở lại. Bị khắc nhiều nếu không phải là người có bệnh thì là người khí không thuận. Tý thủy xung khắc Ngọ hỏa, hỏa gặp thủy là có tượng bốc hơi, nên nói khí không thuận. Đoán bị bố mắng mà bỏ đi là vì hào ứng Tý thủy là dương, dương là phụ mẫu, phụ mẫu lâm nhật nguyệt kiến, vượng khắc tử tôn cho nên bị cha

mãng bỏ đi. Ban đầu đi phía tây bắc, sau chuyển tây nam là vì ngộ hỏa hóa hợp thủy là tây bắc, vì hào trên cùng là tuất thổ động hóa mùi thổ, mùi ở ngôi khôn, khôn là tây nam. Đoán ở ngoài đi lung tung là vì quẻ gặp lục xung là người bất định. Đoán xấu nhiều, tốt ít là vì trong quẻ hai cục thủy hỏa tương khắc. Dần ngộ tuất hóa thành hỏa cục, thân tý thìn hóa thành thủy cục, hỏa cục lâm tuyết địa, thủy cục lâm nhật nguyệt kiến vượng địa, xung khắc hỏa cục, đó là điều hung thứ nhất. Ngộ hỏa là dụng thần, bị hào ứng tý thủy lâm nhật, nguyệt kiến khắc, hóa thành hợp thủy khắc trở lại, đó là hung thứ hai. Dụng thần ngộ hỏa nhập mộ của hào động tuất thổ, đó là điều hung thứ ba. Còn tốt ít là vì tứ tôn tri thế thì muôn vạn tai họa đều tan thành bụi, hơn nữa vì tìm khắp nơi cho nên tuy tốt ít nhưng cũng có thể hóa hung thành cát. Đoán đang ở thành phố là vì các quẻ cần, chấn là kinh thành, kinh đô. Đoán cháu rất khó khăn vì hào trên cùng là hào động, lại ở dương cục, vật đến cực điểm tất sẽ quay trở lại. Vì theo tượng quẻ nói : "Ra đi gặp quẻ vô vọng là nhất định gặp tai họa khó khăn". Đoán phải tìm trong bệnh viện, trạm cảnh sát vì : hào trên tuất thổ là mộ khoa của hỏa, mộ là hang động, y viện, nhà giam. Tuất hóa thành mùi, mùi lại hình phạt tuất, cho nên bị tạm giữ ở công an. Đoán ngày 24 về là vì : thứ nhất dụng thần ngộ hỏa nhập mộ động, ngày thìn xung khai tuất mộ, giải phóng ngộ hỏa; thứ hai : vì thìn là kho nước, thân tý thìn hợp thành thủy cục, thủy ở trong quẻ đều nhập vào thìn kho, cho nên ngộ hỏa không bị thủy khắc, do đó có thể trở về.

Ví dụ 5. Đoán con đi hướng nào ?

Một hôm ông Vương đến nhà tôi nói : "Nghe nói thầy Thiệu mấy năm lại đây nghiên cứu bát quái dự đoán tốt lắm, rất nhiều người nhờ cậy. Lần này con tôi bỏ học trốn đi, đã tìm 2 ngày mà không thấy bóng dáng. Vợ tôi rất đau khổ. Tôi muốn nhờ thầy đoán giúp". Tôi gieo được quẻ Thăng của quẻ Thái.

Năm 1988	tháng 2	ngày 9	giờ Thân
Mậu Thìn	Ất Mão	Canh Thìn	Canh Thân

QUẺ CHỦ : THÁI

Tứ tôn dậu kim.. ứng
 Thê tài hợp thủy..
 Huynh đệ sừ thổ..
 Huynh đệ thìn thổ. thế
 Phụ ty : Quan quý dẫn mộc.
 Thê tài tý thủy O

QUẺ BIẾN : THĂNG

Tứ tôn dậu kim..
 Thê tài hợp thủy..
 Huynh đệ sừ thổ.. thế
 Tứ tôn dậu kim.
 Thê tài hợp thủy.
 Huynh đệ sừ thổ.. ứng

Quẻ Thái là khí trời giáng xuống, khí đất bốc lên, âm dương tương hợp hóa sinh ra vạn vật, tức là tượng yên ổn.

- 1) Cháu đi về phía tây.
- 2) Cháu gặp xung động mà đi, sau đó đi về phía đông.
- 3) Cháu không muốn quay về, tối thiểu là trong vòng 10 ngày sẽ chưa về.
- 4) Ngày 19, 20 tháng 2, nhất định có thư về. Cháu vẫn bình an, không nên lo lắng.

Ngày 25 tháng 2, ông Vương gặp tôi cảm động nói : Ngày 20 người nhà ở Đại Liên đã gửi điện về nói : "Cháu đang về quê. Ở mấy hôm rồi sẽ trở về".

Giải : Ban đầu cháu đi về phía tây, sau đó chuyển phía đông : tức là dậu hóa dậu. Dậu là tây, mao là đông, dậu kim xung mao mộc là hướng phía đông. Đi về phía Đại Liên đông bắc là hào đầu tý thủy hóa thành sừ thổ, sừ là đông bắc. Cháu không muốn trở về là vì dụng thần yên tĩnh, tức không muốn trở về, hơn nữa dụng thần hóa không nên tạm thời chưa về. Ngày 19, 20 tháng 2 nhất định sẽ có thư là vì 19 là ngày dần, là mộc, 20 là ngày mao, cũng là mộc. Mộc sinh phục thần tý hỏa, phụ mẫu là thư, nên dự đoán ngày 20 có điện báo. Ngày 19 chưa có điện báo là vì dẫn tý tương hình.

Ví dụ 6. Vợ tôi bỏ đi mất rồi.

Buổi tối tôi đang viết bài thì ông Dương cơ quan tôi đến nhà bảo : "Hôm qua tôi định tìm thấy, nhưng biết thấy rất bận, hôm nay thế không đến không được. Vợ tôi bị thần kinh đã đi mất 3 hôm. Tôi và con gái tìm kiếm khắp nơi nhưng không thấy. Hôm nay đến nhờ thầy đoán cho xem vợ tôi ở đâu". Căn cứ thời gian vợ ông bỏ đi tôi gieo được quẻ Phong của quẻ Đại tráng.

Năm 1988	tháng 5	ngày 2	giờ Thìn
Mậu Thìn	Mậu Ngọ	Tân Sửu	Nhâm Thìn

QUÉ CHỦ : ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ..

Tử tôn thân kim..

Phụ mẫu ngộ hỏa. thế

Huynh đệ thìn thổ.

Quan quý dần mộc O

Thê tài tý thủy. ứng

QUÉ BIẾN : PHONG

Huynh đệ tuất thổ..

Tử tôn thân kim.. thế

Phụ mẫu ngộ hỏa.

Thê tài hợi thủy.

Huynh đệ sừ thổ.. ứng

Quan quý mao mộc.

Quẻ Đại tráng dương nhiều, âm ít, dương thịnh âm suy, là tượng hai khí không cân bằng. Nhưng thân thể tráng kiện.

- 1) Tâm tình không thoải mái, buồn bực nên nhất định là vì tức mà bỏ đi.

2) Ban đầu đi về phía nam, sau chuyển phía đông, đó là tượng đi lung tung, nhưng vẫn còn trong nội thành.

3) Có nhiều khả năng đi về phía nam, nên cho con đi về phía tây nam tìm.

4) Người tuy vẫn bình yên, hiện nay cũng chưa xảy ra điều gì xấu, nhưng phải gấp rút tìm, nếu không sẽ có chuyện. Trước mắt sức khỏe sa sút nhiều.

5) Trong vòng 10 ngày sẽ về. Từ ngày 17 đến 19 tháng 5 âm lịch nếu không về thì trước ngày 22 nhất định sẽ về".

Trưa ngày 22 tháng 5 tôi thấy ông Dương mặt mày hơn hờ, liền biết vợ ông đã trở về. Khi tôi còn chưa kịp hỏi ông đã hân hoan nói : "Thầy Thiệu, vợ tôi tìm về rồi. Ban đầu tôi cho rằng cô ấy không đi về phía tây nam, nên tôi và con tìm khắp phía đông và nam, tìm mấy ngày không được. Đến ngày 17 tôi bảo con tìm phía tây nam, còn tôi tìm phía nam. Kết quả con tôi tìm thấy. Nhưng bà ấy gầy quá mức. Dù sao đi nữa thì cũng đã tìm được về. Rất cảm ơn thầy".

Giải : Dự đoán vì tức mà đi là vì, hào thế và hào ứng xung khắc nhau. Ban đầu đi phía nam vì hào thế ngộ hỏa lâm nguyệt kiến xung khắc tý thủy, tức đi về phía nam, hơn nữa còn biến thành ly là tý thủy hóa mao mộc là phía đông. Quẻ lục xung là tượng người không ở một chỗ nhất định, đi lung tung. Bảo con đi tìm phía tây nam là vì : tử tôn thân kim là phương tây nam. Thân kim sinh thê tài hợi, tý thủy cho nên người hiện tại đang bình an vô sự. Hào đầu của quẻ đại tráng là thê tài, hào từ nói : "Gót chân tráng kiện, vượt qua mọi trở ngại". Tuy chân mạnh có thể đi được, nhưng thời gian lâu sức khỏe bị hao mòn, thì không đi nổi nữa, dễ phát sinh điều xấu, cho nên yêu cầu cần tìm gấp. Trong vòng 10 ngày sẽ về là vì căn cứ vào số của quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến và hào động. Nếu ngày 17, 19 chưa về thì trước ngày 22 nhất định sẽ tìm thấy, đó là vì 17 là ngày bình thìn, thìn là thủy kho, hào ba thìn thổ hóa thành hợi thủy là thủy nhập kho, tức tượng quay về. 19 là ngày mậu ngộ, dụng thần thê tài tý thủy yên tĩnh, gặp xung tất phải quay về. Các ngày 21, 22 là thân, dậu nhật kiến có kim sinh thủy, tý thủy được sinh nên vượng, cũng là tượng quay về.

Ví dụ 7. Con tôi bị bệnh, bỏ đi mất rồi !

Ngày 22 tháng 9 âm lịch năm 1988, khi tôi đang giảng bài ở Nam Kinh, học viên Chu Liên có con bị bệnh, đến nhờ tôi dự đoán. Qua tứ trụ tôi phát hiện thấy cháu bé sắp bỏ đi, tôi liền nhắc nhở phải chú ý trông coi cháu. Kết quả chiều ngày 27 tháng đó cháu bé bỏ đi. Giờ hợi đến đoán, gieo được quẻ Tỷ.

Năm 1988
Mậu Thìn

tháng 9
Nhâm Tuất

ngày 27
Ất Sửu

QUẾ : THỦY ĐỊA TÝ

Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc.. thế
Phụ mẫu ty hỏa..
Huynh đệ mùi thổ..

- 1) Người đi về phía tây nam, bình yên.
- 2) Ngày mai sẽ về.
- 3) Sau khi về phải trông coi cẩn thận, nếu không sẽ còn đi nữa.

Trưa hôm sau Chu Liên gọi điện thoại đến phần khởi báo con chị đã trở về bình yên.

Giải : Tử tôn thân kim là dụng thần. Thân ở cung khôn, khôn là tây nam. Ngày hôm sau là ngày bình dân, dân xung dụng thần thân kim nên tất trở về. Điều này ứng với câu : "Dụng thần khắc hào thế là người nhất định trở về", "dụng thần yên tinh gặp ngày xung cũng nhất định trở về". Sau khi trở về còn đi nữa là vì : dụng thần thân kim ở ngày dần vẫn là dân thân tương xung, xung thì động, động thì đi, cho nên phải trông coi cẩn thận. Về sau quả nhiên buổi sáng về, buổi chiều lại đi.

Ví dụ 8. Con lại đi mất rồi.

Sáng ngày 4 tháng 10, Chu Liên lại vội vàng đến tìm tôi nói : "Con tôi sáng hôm đó về, chiều lại đi ngay. Cả nhà tìm đã 5 ngày, đánh điện đi nhiều nơi mà vẫn bật vô âm tín". Tôi nói : tại sao chị không đến tìm tôi ngay. Chị ta ngại ngùng nói : "Đã làm phiền thầy hai lần rồi, nên không dám làm phiền nữa. Tôi định cố gắng tự tìm lấy, nhưng đã hết cách mà vẫn không tìm được, nên đành đến nhờ thầy lần nữa". Tôi lắc được quẻ Lữ của quẻ Phệ Hạp.

Năm 1988

tháng 10

ngày 4

Mậu Thìn

Quý Hợi

Tân Mùi

QUẾ CHỦ : PHỆ HẠP

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thế
Quan quý dậu kim.
Thê tài thìn thổ X
Huynh đệ dần mộc.. ứng
Phụ mẫu tý thủy O

QUẾ BIẾN : LỮ

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ
Quan quý dậu kim. ứng
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài thìn thổ.. thế

- 1) Cháu đi về phía đông nam, bình yên vô sự.

2) Trước ngày 8 (ngày át Hợi) nhất định sẽ tìm thấy, ngày 11 sẽ về đến nhà.

Chiều ngày 7 tháng 10 Chu Liên phấn khởi báo cho tôi biết : ngày mồng 7 đã tìm thấy con ở phía đông nam, cháu bình yên, ngày 10 về đến nhà.

Giải : Tỵ hỏa tỵ là đông nam. Dụng thần tỵ hỏa tuy có phụ mẫu tỵ thủy động để khắc, nhưng tỵ thủy hóa thìn thổ bị chế ngự nên bình yên. Trước ngày 8 là ngày át Hợi sẽ về là vì : ngày giáp Tuất, trong quẻ thìn thổ động đến xung khai tuất thổ hóa kho, giải phóng tử tôn tỵ hỏa nên tìm thấy. Nếu ngày giáp tuất không tìm được thì Hợi thủy của át Hợi sẽ xung dụng thần tỵ hỏa, cũng là tượng nhất định tìm thấy. Ngày 10 về đến nhà là vì tỵ Dậu sùu hợp thành tử tôn cục, đó là tượng về nhà.

Ví dụ 9. Đêm đã khuya vẫn đến gõ cửa để nhờ tìm con gái.

Đêm đã khuya, lại giữa mùa đông băng giá, ông Diêm ở xưởng dệt huyện Trường An đến nhà tôi nói : "Con gái đi mất 8 ngày rồi, tìm khắp nơi không thấy. Cô con gái đó là con cưng lại đang năm hết tết đến nên cả nhà vô cùng đau khổ. Vì vậy tôi phải lặn lội đến làm phiền thầy nhờ chỉ giáo cho cháu ở đâu và khi nào có thể tìm được". Tôi lắc thể được quẻ Ích của quẻ Truân.

Năm 1988

tháng 12

ngày 8

Mậu Thìn

Át Sửu

Canh Thìn

QUẺ CHỦ : TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy X

Quan quý tuất thổ. ứng

Phụ mẫu thân kim..

Quan quý thìn thổ..

Tử tôn dẫn mộc.. thế

Huynh đệ tỵ thủy.

QUẺ BIẾN : ÍCH

Tử tôn mao mộc. ứng

Thê tài tỵ hỏa.

Quan quý mùi thổ..

Quan quý thìn thổ.. thế

Tử tôn dẫn mộc..

Huynh đệ tỵ thủy.

Quẻ truân là tượng vạn vật lớn lên, gặp khó khăn vô cùng ví dụ như con người tồn tại, xuất hành đều gặp những hoàn cảnh trắc trở, nhưng cuối cùng vẫn đạt được như ý muốn.

1) Cháu bị bố mẹ phê bình và trong sự xung đột đó mà buồn bực bỏ đi. "Đúng ! ông nhà tôi buổi sáng mắng cháu mấy câu bắt nó phải chăm học. Vì thế cháu giận bỏ đi".

2) Cháu đi về hướng đông, sau đó đi về hướng đông bắc.

3) Cháu đi đã khá xa, đến thành phố lớn hoặc thủ đô. Cháu có thể gặp được bậc chú bác giúp đỡ. "Đúng rồi, ở Bắc Kinh cháu có chú".

4) Cháu tuy đi đã 8 ngày, nhưng bình an vô sự.

5) Ngày 12 tháng 12, tức ngày 30 tháng giêng dương lịch sẽ gửi thư về.

6) Ngày 18 tháng 12 (tức ngày 5 tháng 2) 10 giờ tối là trở về nhà.

Ngày 9 tháng 3 năm 1989, bố cháu viết thư đến cảm ơn và kể lại rằng :
"Ngày 30 tháng giêng thì gia đình nhận được thư cháu. 10 giờ tối ngày 5 tháng 2 cháu về đến nhà. Bất quáí thật thần tình. Tôi thay mặt toàn gia đình rất chân thành cảm ơn thầy Thiệu".

Giải : Sở dĩ đoán cháu bị bố mẹ mắng mà bỏ đi là vì : phụ mẫu thân kim xung khắc tử tôn dần mộc. Ban đầu đi về hướng đông, sau đó theo hướng đông bắc là căn cứ vào hào 6 động biến thành mao mộc, mao là đông. Hào tử tôn dần biến thành mao là đông bắc. Đoán cháu đi khá xa là vì dụng thần tử tôn dần mộc lâm mã tinh, lại biến ra mã tinh. Có hai mã là tượng chạy đi xa. Chấn là kinh thành, kinh đô, nên cháu lên nhà ông chú ở Bắc Kinh. Hào tử tôn trì thế là mọi tai nạn đều tan thành cát bụi, nên đoán cháu bình yên. Ngày 30 tháng giêng có thư là vì phụ mẫu thân kim là thư tín, nay đang rơi vào tuần không, ngày 30 là ngày giáp thân, thân kim xuất không lại gặp nhật kiến nên sẽ có thư. Đoán 10 giờ tối ngày 5 tháng 2 về nhà là căn cứ nhật kiến, cũng là lúc tam mã cùng hội ngộ, mười giờ tối là giờ hội, là dần hợp với hội.

Ví dụ 10. Đoán cháu ngoại bao giờ trở về.

Tháng 3/1989 khi tôi đang giảng bài ở Quảng Châu, nhận được thư của một người bà con từ quê gửi đến báo. Cháu ngoại của bà đã bỏ đi, có thể đến Quảng Châu, nhờ tôi tìm giúp; Tôi lập được quẻ Trung phù.

Năm 1989

tháng 3

ngày 14

Kỷ Ty

Mậu Thìn

Kỷ Dậu

QUẾ TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu ty hỏa.

Huynh đệ mùi thổ.. thế

Tử tôn thân : Huynh đệ sửu thổ..

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu ty hỏa. ứng

Quẻ trung phù có tượng ly biệt. Cháu ngoại của bà đến phía nam. Tử tôn thân kim phục dưới phi thần sửu thổ là cháu ngoại của bà ở phía đông bắc phố Hoàng Hoa thành phố Quảng Châu (nơi tôi đang ở). Trung phù là quẻ du hồn, nên cháu bé sau khi bỏ đi, bắt đầu đi lung tung không định hướng. Sửu là mộ của kim. Tượng quẻ nói : "trên ao đầm có gió là quẻ Trung phù", còn có nghĩa "người quân tử lấy điều nghĩa tha cho cái chết". Nên đoán

cháu này bị công an tạm giữ, đã biết được tông tích. Tháng 4 âm lịch là thân kim trường sinh ở ty nên có thể trở về nhà.

Cuối tháng 5 năm lịch năm 1989, tôi trở về Tây An thì nhận được thư của bà con ở quê báo. Cháu ngoại của bà bị công an Quảng Châu tạm bắt giữ, bắt lao động cải tạo. Ngày mồng 2 tháng 4 đã được tha cho về.

Ví dụ 11. Con bỏ việc đi đâu.

Ông Mã cơ quan tôi nói : Con gái ông ngày 4 tháng 6 đã bỏ đi, đến nay đã nửa tháng chưa thấy về. Đầu tiên ông cho rằng cô ấy đi làm trong thành phố, về sau mới biết nó đã âm thầm bỏ việc ra đi, không biết đi đâu. Nên đành đến nhờ thầy đoán. Tôi gieo được quẻ Tiểu quá của quẻ Phong.

Năm 1989	tháng 5	ngày 1	giờ Ngọ
Kỷ Ty	Canh Ngọ	Ất Mùi	Nhâm Ngọ

QUẾ CHỦ : PHONG

Quan quý tuất thổ..

Phụ mẫu thân kim.. thế

Thê tài ngộ hỏa.

Huynh đệ hợp thủy.

Quan quý sừu thổ.. ứng

Tử tôn mao mộc O

QUẾ BIẾN : TIỂU QUÁ

Quan quý tuất thổ..

Phụ mẫu thân kim..

Thê tài ngộ hỏa. thế

Phụ mẫu thân kim.

Thê tài ngộ hỏa..

Quan quý thìn thổ.. ứng

Quẻ Phong có quẻ thượng chấn mộc, quẻ hạ ly hỏa. Chấn là đông, ly là sáng. Quẻ Phong có tượng "mâm cao cổ đầy, vui vẻ rầm rộ, tươi sáng mà động". Lời từ của quẻ nói : "Phong là hanh, là vương giả, là không lo lắng", tôi nói với ông Mã : "Có phải con ông ra ngoài để đi chơi không ? Không can gì, đừng lo lắng".

1) Ban đầu cháu đi hướng đông nam, về sau chuyển hướng đông bắc hoặc tây nam, lên núi. Có nhiều khả năng đi về phía tây nam, nhưng không đi xa lắm.

2) Lần này đi lâu nhất là 18 ngày sẽ trở về.

3) Hôm nay là ngày 15 tháng 5 cũng là ngày thứ 15. Giờ Dậu tối nay sẽ trở về. Có thể từ phía tây về. Gia đình phải chú ý quan tâm cháu, sau khi về không nên phê bình.

Khi tôi đoán tin cho con ông Mã có một người bạn cũng thành thạo bát quái đang ở chỗ tôi, tôi đoán : cháu đó đi về phía núi tây nam, còn ở ông bạn lại đoán đi về phía có nước tức đông nam; tôi nói hôm nay có thể quay về, còn ông ta nói không thể nào về được. Mỗi người chúng tôi đều bảo lưu ý kiến của mình. Ông Mã nói : "Cả hai thầy nói đều có lý, qua ngày hôm nay sẽ biết ai đúng ai sai".

Sáng ngày hôm sau, ông Mã vừa gặp tôi đã cười từ xa gọi : "Thầy Thiệu, con gái tôi đã về từ hôm qua". Ông còn phấn khởi kể tiếp : "Giờ Dậu tối hôm qua cháu từ phía tây trở về. Cháu và mấy bạn thanh niên khác đã đi chơi ở lâu tháp phía tây nam. Thấy đoán rất chuẩn. Cháu biết thầy đã đoán cho tôi, nên gửi lời cảm ơn đến thầy".

Giải : Ban đầu đi phía đông nam là vì tử tôn mao mộc hóa thành thìn thổ. Về sau có nhiều khả năng chuyển sang phía tây nam vì quẻ dụng lý của quẻ phong biến thành quẻ cấn, cấn là đông bắc, là núi, ngược lại phương đông bắc là tây nam. Cháu đi không xa là vì ở phía đông bắc của nhà máy tôi không có núi, còn phía tây nam thì nhiều núi. Cháu đi lên núi vì quẻ cấn cũng có nghĩa là chùa. Điều đó phù hợp với câu trong sách "Chu dịch đại truyện kim chú" : "Khi đoán gặp quẻ này thì mọi việc hanh thông, không có gì phải lo lắng". Đi nhiều nhất 18 ngày là vì căn cứ theo số của quẻ chủ, quẻ hổ mà tính. Giờ Dậu hôm nay về là vì : ngày 15 tháng 5 là ngày kỷ Dậu, là Dậu gặp nhật kiến xung động dụng thần mao mộc, Dậu là tây, ngày Dậu giờ Dậu cho nên kim vượng nhất. Nhắc nhở không nên phê bình cháu là vì phụ mẫu thân kim gặp lúc nhật kiến, thời kiến vượng địa, nếu không chú ý thì phê bình là khắc, mao Dậu xung khắc lẫn nhau, xung thì động, khắc thì bị thương, ở đây kim vượng mộc suy nếu khắc quá mạnh thì sẽ hỏng việc.

Ví dụ 12. Con bỏ đi mất rồi.

Ông Trương ở thành phố Tây An có con bỏ đi. Bà vợ không ăn uống, đêm ngày tưởng nhớ. Để có phương hướng tìm còn đưa về, ông phải qua nhiều người mới tìm được đến tôi nhờ đoán giúp. Vì không rõ giờ cháu bỏ đi, nên lắc thế được quẻ Đoài của quẻ Lâm.

Năm 1989	tháng 7	ngày 12
Kỷ Tỵ	Nhâm Thân	Ất Tỵ
QUẺ CHỦ : LÂM	QUẺ BIẾN : ĐOÀI	LỤC THẦN
Tử tôn Dậu kim..	Huỳnh đệ mùi thổ.. thế	Huyền vũ
Thê tài hợp thủy x ứng	Tử tôn Dậu kim.	Bạch hổ
Huỳnh đệ sừ thổ x	Thê tài hợp thủy.	Phi xà
Huỳnh đệ sừ thổ..	Huỳnh đệ sừ thổ.. ứng	Câu trăn
Quan quý mao mộc. thế	Quan quý mao mộc.	Chu tước
Phụ mẫu tỵ hỏa.	Phụ mẫu tỵ hỏa.	Thanh Long

Quẻ lâm, quẻ thượng là khôn, quẻ hạ là đoài. Khôn là thuận, đoài là vui vẻ, cho nên là tượng vui vẻ thuận lợi.

1) Cháu đi về phía tây nam, nên cứ người tìm phía ấy.

2) Cháu có lỗi, bị bố mắng nên bỏ đi. "Đúng ! Cháu không làm việc chăm chỉ, lại còn cờ bạc, do đó bị bố mắng, nên cháu bỏ đi".

3) Sức khỏe cháu rất tốt, bình yên vô sự, lại còn có người giúp đỡ.

4) Ngày 16 tháng này cháu có thể trở về, nhờ một người cảm tình con khi tìm được cháu đưa về.

Ngày 17 tháng 7, ông bố gửi thư cho tôi vui mừng báo : "Cháu đã về đêm ngày 16 tháng 7 âm lịch, cả nhà vô cùng ngạc nhiên và vui mừng, vì đúng như thầy dự đoán. Có một người đưa cháu về cũng có tuổi thuộc cảm tình con khi".

Giải : Đoán ở phía tây nam vì hào tử tôn dậu kim là dụng thần ở quẻ khôn, biến thành hào huỳnh đệ mùi thổ, mùi ở cung khôn. Cháu bé có lỗi vì huyền vũ là chủ về trộm cắp, những việc ám muội. Trong quẻ hào phụ mẫu tự hỏa lâm nhật kiến khắc dụng thần, cho nên đoán vì cha quở mắng mà bỏ đi. Đoán sức khỏe tốt, lại có người giúp đỡ là vì hào tử tôn dậu kim lâm nhật kiến vượng địa, bị nhật khắc nhưng không có hại, hơn nữa còn biến thành huỳnh đệ mùi thổ sinh trở lại là tượng bình yên vô sự. Đoán ngày 16 tháng đó trở về là vì dụng thần khắc hào thế. Ngày 16 là kỷ dậu, cho nên dụng thần lâm nguyệt nhật kiến vượng địa, nhất định sẽ trở về.

Ví dụ 13. Hai cô tự dưng bỏ đi.

Tháng giêng năm 1990, khi tôi đang họp ban thư ký để mở Hội thảo Chu dịch ở Đại học Tây bắc, tan họp ông Vương - Tổng thư ký hội, báo cho biết : "Trường tôi có hai vị chờ thấy suốt cả buổi sáng. Con họ đi đã mấy ngày, đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không thấy, muốn nhờ thầy đoán giúp xem các cháu ở đâu và có thể trở về không ?"

Hai vị đó gặp được tôi rất mừng. Vì không nhớ rõ thời gian con bỏ đi, nên tôi đành lắc thế gieo được quẻ Đại súc.

Năm 1989
Kỷ Tỵ

tháng 12 (lệnh tháng 11)
Bính Tỵ

ngày 7
Mậu Thìn

ĐẠI SÚC :

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tý thủy.. ứng

Huỳnh đệ tuất thổ..

Tử tôn thân : Huỳnh đệ thìn thổ.

Quan quý dẫn mộc. thế

Thê tài tý thủy.

- 1) Cháu ở bên ngoài được người khác giữ lại.
- 2) Cháu ở phía đông nam hoặc tây bắc.
- 3) Cháu ở trong thành có người giúp đỡ, vẫn bình yên.

4) Ngày 11 hoặc 13 tháng 12 (tức ngày 7 hoặc ngày 9 tháng giêng) cháu có thể trở về.

Tóm lại : trước ngày 9 tháng giêng nhất định trở về. Ngày 23 tháng giêng, tôi nhận được thư bố cháu gửi đến cảm ơn nói : "Thầy đoán rất đúng, cháu đã về ngày 7 tháng 1. Cháu được người ta giữ lại, có đi chơi ở Hoa Sơn phía đông nam, sau đó đi lên Đại học tây bắc. May có người tốt đưa về".

Đoán cháu được người ta giữ lại là vì : quẻ đại súc là núi ở trên, trời ở dưới. Càn là trời, là tiến lên; cần là núi là ngừng lại, là ngăn lại không cho tiến lên. Đại súc, súc là lưu lại. Do đó nói cháu được người ta giữ lại. Đi về phía đông nam hoặc tây bắc là vì hào tử tôn thân kim phục dưới thìn thổ, thìn là đông nam, tử tôn phục ở quẻ nội Càn, càn là tây bắc. Đoán cháu còn ở trong thành có người giúp đỡ là vì : càn là kinh thành, phục thần thân kim, phi thần thìn thổ, là phi thần sinh phục thần, tức là có người giúp đỡ nên bình yên. Ngày 11 tháng 12 là ngày nhâm thân, cũng là ngày phục thần xuất hiện nên có thể trở về. Ngày 13 là ngày giáp tuất, tuất thổ nhật kiến xung mất phi thần thìn thổ làm cho phục thần xuất hiện, nên cũng là tượng trở về.

Tôi đoán người đi xa gặp quẻ đại súc rất nhiều, kết quả đều có người giữ lại, nên quẻ đại súc là tượng bị lưu lại. Đó là một kinh nghiệm đã được thực tiễn kiểm chứng, rất đáng ghi nhớ.

Ví dụ 14. Đoán khi nào con về.

Ngày 20 tháng 7 (âm lịch) năm 1990, Phó chủ nhiệm văn phòng của cơ quan tôi đưa một người từ thôn Long Thủ thành phố Tây An đến nói với tôi : con bỏ đi mất, đã 9 ngày chưa về, tìm không được nên muốn nhờ thầy đoán. Được quẻ Khốn của quẻ Tụy.

Năm 1990	tháng 7	ngày 12	giờ Ty
Canh Ngọ	Giáp Thân	Mậu Thìn	Kỷ Ty

QUẺ CHỦ : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. ứng
Từ ~~con~~ hợi thủy.
Thê tài mao mộc..
Quan quý ty hỏa x thế
Phụ mẫu mùi thổ..

QUẺ BIẾN : KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Từ tôn hợi thủy. ứng
Quan quý ngọ hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dần mộc.. thế

Quẻ Tụy, quẻ thượng là đoàn, là nói cười vui vẻ. Quẻ Hạ là khôn là thuận, tức cùng nghĩa với quẻ Đoàn. Quẻ Tụy còn có tượng tụ tập.

1) Cháu bị bố mắng, sau đó mới bỏ đi. "Vì thi không tốt nên bố cháu mắng cháu không chăm học ngày hôm sau cháu bỏ đi".

2) Cháu đi về phía tây bắc, vẫn bình yên vô sự.

3) Cháu sẽ trở về trong vòng 10 ngày, nếu ngày 16 tháng 9 chưa về thì ngày 17 (tức ngày 28, 29 tháng 7 âm lịch) nhất định sẽ trở về.

Ngày 5 tháng 10 năm 1990, ông Viên ở văn phòng gọi điện thoại cho tôi biết : ngày 16 tháng 9 con ông Từ đã về nhà đúng như thầy dự đoán.

Giải : Trong quẻ hào quan quý động sinh ra hào phụ mẫu mùi thổ, mùi thổ khắc tử tôn hội thủy, cho nên cháu tức, lại gặp quan quý ty hỏa, ty hội tương xung, do đó mà bỏ đi. Hào tử tôn hội thủy hóa thành hào hội thủy, hội ở cung càn, càn là tây bắc, cho nên đoán đi về hướng tây bắc. Tử tôn hội thủy trường sinh ở nguyệt kiến, vượng địa cho nên tuy bị nhật khắc nhưng không phải là xấu. Lời của hào 4 nói : "Đại cát, không trắc trở", cho nên bình yên vô sự. Đến ngày 28, ngày 29 tháng 7 nhất định trở về, là vì quẻ chủ và quẻ hồ có số cộng lại bằng 18. Cháu đã đi được 8 ngày, nên còn lại 10 ngày. Ngày thứ 9 là ngày giáp thân 28, ngày thứ 10 là ngày ất dậu 29, là tử tôn hội thủy, dụng thần lâm nguyệt, nhật vượng địa sinh cho. Sách cũ có câu : "Dụng thần khắc hào thế là người sẽ trở về". Cho nên đoán ngày 28, 29 sẽ về.

Ví dụ 15. Quả nhiên người ở trong miếu.

Khi tôi đang tuyển chọn tư liệu để viết chương Dự đoán người đi xa của cuốn sách này thì ông Vương ở phân cục... thành phố Tây An báo qua điện thoại cho biết : nhờ tôi dự đoán nên ông đã tìm được cháu mình ở trong miếu phía đông nam.

Quẻ đoán lúc đó là quẻ Quan của quẻ Ích.

Năm 1990

tháng 8

ngày 17

Canh Ngọ

Ất Dậu

Quý Mão

QUẺ CHỦ : ÍCH

Huynh đệ mào mộc. ứng

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài mùi thổ.. thế

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu ty thủy O

QUẺ BIẾN : QUAN

Huynh đệ mào mộc.

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ.. thế

Huynh đệ mào mộc..

Tử tôn ty hỏa..

Thê tài mùi thổ.. ứng

Giải : Tử tôn ty hỏa là dụng thần. Ty hỏa thành ty là phương đông nam. Trong quẻ hồ có quẻ cấn, trong quẻ quan cũng có quẻ cấn. Cấn là núi, là chùa; chấn, tổn là mộc là cây cối, là rừng trúc nên chùa này ở chân núi hoặc ở trên núi, chung quanh có cây cối hoặc rừng trúc. Dụng thần bất động là người không muốn quay về. Hào sáu mào mộc tuy lâm nguyệt phá mà ám

động, nhưng lâm nhật kiến nên vương, sinh trợ cho dụng thần, cho nên đoán : người ở ngoài bình an vô sự, còn được giúp đỡ. Nay dụng thần tuần không, xuất không thì tìm được. Về sau thực tế đúng như dự đoán. Khi tìm thấy trong miếu thì cháu đó không muốn về, muốn ở lại học khí công.

III - ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA (3)

Mấy năm gần đây, trong nghiên cứu Chu dịch ứng dụng, tôi từ thực tiễn, qua điều tra, thu thập các tự liệu chuyển sang giai đoạn nghiên cứu tổng kết, không tiếp đón bất cứ người nào đến nhờ đoán. Song, chỉ cần tôi ở nhà thì cho dù là đêm khuya, thậm chí ngày 30, mồng 1 tết cũng có người tìm đến nhà nhờ đoán. Phạm những cháu bé từ 5 tuổi trở xuống bị mất, bố mẹ đến là tôi liền tiếp đãi, cố hết sức mình cùng góp sức để giúp gia đình thoát nạn. Vì trẻ em còn thơ dại, thậm chí chưa biết nói, đi chưa vững đã bị bọn trộm bắt cóc. Bố mẹ chạy xuôi, chạy ngược rất vất vả, gia đình trong tình trạng sống dở, chết dở, từng giờ, từng phút mong tin tức của con. Mỗi lần được tôi dự đoán biết con mình đang sống, có thể trở về thì những người bố mẹ đã tuyệt vọng, bỗng nhiên như được cứu vớt giải thoát. Đối với những cháu bé tuy không tìm được, nhưng biết vẫn còn sống, thậm chí còn bình yên dễ chịu thì bố mẹ cũng cảm thấy được an ủi rất nhiều.

Trẻ bị bắt cóc thường dễ tìm hơn người lớn trốn đi, vì trẻ em tương đối ổn định, còn người lớn phạm vi hoạt động rộng, tính lưu động nhiều, cho nên khó tìm kiếm.

Ví dụ 1. Cháu Thượng Hồ hiện ở đâu ?

Sự kiện Thượng Hồ bị bắt cóc đã làm chấn động lòng thương của nhân dân toàn quốc.

Ngày 23 tháng 6 năm 1988, tôi bỗng nhiên nhận được thư của thầy Trương Thiệu Văn từ thành phố Trịnh Châu gửi đến và hai bài báo đăng trên báo "Trịnh Châu buổi chiều" với nhan đề : "Bé Hồ, bây giờ cháu ở đâu ?", "Những ngày đi tìm bé Hồ". Vì thư nhờ đoán tìm trẻ em bị mất trong toàn quốc rất nhiều hơn nữa khi đó tôi lại rất bận nên quả thực không có thời gian để quan tâm đến những việc này. Song, khi nhận được thư của thầy Trương là người không hề quen biết tôi, cũng không hề biết bố của cháu Hồ, tôi lại được biết Hội Liên hiệp phụ nữ toàn quốc, các đồng chí lãnh đạo Sở Công an thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam và nhân dân toàn quốc đều rất quan tâm đến sự kiện này, nên tôi rất cảm động, đành ngừng công việc lại, căn cứ vào thời gian đăng tin mất cháu trên báo để gieo quẻ.

Việc tôi dự đoán tìm được cháu Thượng Hồ đã có rất nhiều báo dựa tin. Thí dụ này được đưa vào cuốn "Chu dịch dự đoán học". Sau khi sách xuất

bản, không ít độc giả đã gửi thư đến yêu cầu giải thích chi tiết về sự dự đoán đó. Nay giới thiệu căn cứ vào thời gian cháu bị bắt, gieo được quẻ Hằng của quẻ Đại tráng và cách giải như sau :

Năm 1988	tháng 3	ngày 12	giờ Thìn
Mậu Thìn	Bính Thìn	Nhâm Tý	Giáp Thìn

QUẺ CHỦ : ĐẠI TRÁNG	QUẺ BIẾN : HẰNG	LỤC THẦN
Huynh đệ tuất thổ..	Huynh đệ tuất thổ.. ứng	Bạch hổ
Tử tôn thân kim..	Tử tôn thân kim..	Phi xà
Phụ mẫu ngộ hỏa. thế	Phụ mẫu ngộ hỏa.	Câu trăn
Huynh đệ thìn thổ.	Tử tôn dậu kim. thế	Chu tước
Quan quý dẫn mộc.	Thê tài hợi thủy.	Thanh long
Thê tài tý thủy O ứng	Huynh đệ sửu thổ..	Huyền vũ

- 1) Cháu đi hướng tây nam, người đang sống.
- 2) Cháu đang bình an vô sự.
- 3) Cháu bị bắt trộm, kẻ trộm là người vùng đông bắc.
- 4) Cháu đang bị đưa đi lung tung, tạm thời chưa thể quay về.
- 5) Nên đi tìm theo các hướng : tây nam, đông nam, phía đông đến đông bắc.
- 6) Trước ngày 30 tháng 7 âm lịch nhất định sẽ tìm được cháu về.

Khi gia đình cháu Thượng Hồ biết được kết quả tôi dự đoán, biết cháu đang sống, lại có hy vọng trở về thì gia đình như từ tuyệt địa được sống trở lại. Ngày 7/9/1988, ông Thượng Thông là bố cháu Hồ viết thư cảm ơn và báo cho tôi biết : ngày 30 tháng 8 đã tìm thấy cháu ở huyện Gia Tĩnh - Sơn Đông, đúng ngày 20 tháng 7 âm lịch.

Giải : Đoán cháu đi về phía tây nam và đang sống là vì tử tôn thân kim là dụng thần, biến thành thân kim. Thân kim ở cung khôn, khôn là tây nam. Quẻ dụng biến thành quẻ dụng là người đương còn. Đoán cháu bình yên vô sự : vì hào tử tôn thân kim biến thành thân kim, lại được nguyệt kiến thìn thổ sinh cho, hơn nữa thìn thổ trong quẻ có thể xung tuất thổ ở hào 6. Thổ động sẽ sinh cho tử tôn thân kim, tức là có người chăm sóc. Đoán cháu bị bắt trộm, kẻ trộm người phương đông bắc là căn cứ vào : quan quý dẫn mộc thuộc cung坎,坎 là đông bắc. Quan quý hóa thê tài là cháu bị bắt trộm, trong quẻ huyền vũ ở hào thê tài cũng là tượng bị bắt trộm. Đoán cháu đang bị đưa đi lung tung, tạm thời chưa về là vì đại tráng là quẻ lục xung. Người đi ra gặp quẻ lục xung là không ở một chỗ ổn định. Hào thế phụ mẫu ngộ hỏa lại hóa thành ngộ hỏa khắc thẳng vào hào tử tôn thân kim. Trong sách

"Tăng san bốc dịch" nói : "Hào thế khắc dụng thần là người không quay về", cho nên tạm thời chưa về. Nên tìm ở các phía tây nam, đông nam, đông và đông bắc là vì : bọn trộm không đi lập lại những đường cũ, mà đi ngược lại với phương tây nam (thân biến thành thân). Dụng thần thân kim ở quẻ ngoại là chấn. Chấn hóa thành chấn là phía đông, tức bọn trộm từ tây nam đến phía đông tất sẽ đi qua vùng đông nam. Bọn trộm người vùng đông bắc nên cuối cùng phải trở về đông bắc. Hơn nữa hào đầu tý thủy của quẻ Đại tráng động hóa thành sữu thổ, sữu và dần cùng cung là đông bắc. Tý hợp với sữu tuy hợp nhưng không động, cho nên tìm thấy cháu ở huyện Gia Tĩnh Sơn Đông là phía đông bắc của thành phố Trịnh Châu.

Trước ngày 30 tháng 7 nhất định cháu sẽ được tìm về là vì ngày 12 tháng 3 âm lịch bị bắt trộm, ngày 20 tháng 3 là lập hạ, tức là ngày thứ 9 sau khi cháu bị bắt cóc lúc đó đã rơi vào tiết lệnh tháng 4, là tháng tỵ hỏa, tháng 5 là tháng ngọ hỏa, tháng 6 tuy thuộc thổ nhưng vẫn thuộc mùa hỏa. Tháng 6 là tháng hỏa có dư khí, nên tử tôn thân kim vẫn đang bị khắc, do đó chưa thể về được. Hào tử tôn thân kim tuy được lệnh tháng thìn thổ sinh, nhưng một quý có 3 tháng, kim ở đất hưu tù cũng tức là dụng thần bị hưu tù, nên tạm thời chưa trở về. Tháng 7 là mùa kim vượng, tức tử tôn thân kim gặp nguyệt kiến vượng địa, quan quý dân mộc ở tử địa bị xung khắc, rơi vào thế bất lợi. Ví dụ này ứng với câu : "Dụng thần hưu tù tất phải chờ đến ngày sinh vượng mới trở về". Vì vậy đoán trước 30 tháng 7 tất sẽ trở về.

Ví dụ 2. Đó là bản tin do phóng viên Liêu Đại Lâm viết trên "Khai Phong Nhật báo", tin lấy từ số báo 101 tờ "Pháp chế thế giới" năm 1989. Bài báo tả lại sự việc tôi dự đoán về cháu gái Thiên Kim, con Phùng Bát Cân và qua tinh thần nỗ lực của cán bộ công an mà tìm được cháu.

Ngày 19/1/1989, Phùng Bát Cân ở Khai Phong đã lặn lội đến Tây An tìm tôi nói : "Con tôi bị bắt cóc, gia đình rất đau khổ. Để tìm cháu, cả gia đình đã phải tìm kiếm khắp nơi". Ông nói : "Cháu đã bị bắt cóc gần hai tháng nay, gia đình tôi không những khuynh gia bại sản, mà cháu cũng bật vô âm tín. Quả thực đã hết cách, gần đây nghe bạn bè giới thiệu nên tôi mới chịu trăm cay nghìn đắng, lặn mò đến Tây An để tìm thấy mong thấy giúp đỡ". Tôi, lúc đó mặc dù đang rất bận để hoàn thành cuốn "Chu dịch dự đoán học", nhưng nghe ông nói lòng rất cảm động, nên lập tức theo thời gian cháu bị bắt để gieo quẻ. Được quẻ Truân của quẻ Ích.

Năm 1988	tháng 10	ngày 14	giờ Ngọ
Mậu Thìn	Quý Hợi	Tân Tỵ	Giáp Ngọ

QUÊ CHỦ : ÍCH

Huynh đệ mao mộc O ứng
 Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Quan dậu : Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

QUÊ BIÊN : TRUÂN

Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ. ứng
 Quan quý thân kim..
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc.. thế
 Phụ mẫu tý thủy.

Để biết được tình trạng của cháu hiện nay, tôi lại căn cứ vào thời gian ông đến xin đoán, gieo được quẻ Tiểu súc của quẻ Tốn. Lấy quẻ Ích làm chủ, tham khảo thêm quẻ Tốn để đoán.

1) Cháu bị đưa đến phương đông nam, trước mắt vẫn bình yên. Chủ yếu nên tìm theo phương đông nam.

2) Cháu bị bắt đi hoặc cưỡng bức đi.

3) Có thể tìm được cháu. Gia đình sẽ được người tuổi cầm tinh con thỏ (tức ít hơn bác 1 tuổi) giúp đỡ tìm thấy. Tôi còn dặn, nếu là người nhỏ hơn bác 1 tuổi gửi thư đến thì phải tin ông ta, còn những người khác không nên tin. Như thế sẽ không bị lừa và không mất tiền oan.

4) Vào tháng hai âm lịch tức tháng 3 dương lịch nhất định sẽ tìm được cháu.

Ông Phùng Bát Căn sau khi nghe tin có thể tìm lại được con thì vô cùng phấn khởi. Trung tuần tháng 3 năm 1989, ông gửi thư cho tôi, trong thư nói rõ : "Sau khi tôi về đến Khai Phong đã theo lời dặn của thầy để tìm cháu. Ngày 6 tháng 3 tìm được cháu ở huyện Ninh Lăng (tức phương đông nam của Khai Phong). Người đưa thư cho tôi đúng như thầy nói có tuổi cầm tinh con thỏ, ít hơn tôi 1 tuổi. Tôi xin lấy danh nghĩa toàn gia đình và bạn bè, bà con thân thuộc vô cùng cảm tạ thầy. "Kính chúc cho thầy phúc như đông hải, thọ tựa Nam Sơn. Tôi sẽ nói với mọi người biết, thầy Thiệu Vi Hoa là thần nhân trong thiên hạ".

Giải : Đoán cháu bé bị đưa đi theo phía đông nam là có 2 căn cứ : thứ nhất : trong quẻ Ích, hào tử tôn ty hỏa là dụng thần, hóa thành thê tài tuất thổ, ứng với phía tây bắc, nhưng căn cứ tượng quẻ đến tìm tôi là tốn, hào tử tôn ty hỏa hóa thành ty hỏa, ty thuộc cung tốn phía đông nam. Thứ hai : trong quẻ Ích, hào quan quý dậu kim phục dưới thìn thổ, thìn thuộc cung tốn, cũng là đông nam. Đoán cháu bình an là vì huynh đệ mao mộc động sinh cho dụng thần tử tôn ty hỏa. Đoán cháu bị bắt trộm hoặc cưỡng bức là vì : huynh đệ mao mộc động mà khác hào thế. Huynh đệ động là kiếp tài, tức là tượng bức hiếp, hơn nữa ở quẻ tốn huyền vũ lâm quan quý. Đoán người giúp tìm cháu ít hơn 1 tuổi là vì : hào sáu của quẻ Ích là huynh đệ mao mộc động sinh cho dụng thần, hào hai huynh đệ dậu mộc chưa động, dẫn là lớn,

mão là nhỏ. Ông Phùng Bát Cân sinh năm 1950 là người tuổi Canh Dần, năm 1951 là Tân Mão, mão động sinh dụng thần. Do đó người giúp tìm thấy cháu thuộc tuổi mão.

Đoán tháng hai âm lịch tức tháng 3 dương lịch nhất định tìm được cháu là vì quẻ Ích có hào sáu mão mộc động để sinh cho hào thể; mão là lệnh của tháng 2, tháng hai mão mộc vượng, động để sinh cho dụng thần tỵ hỏa. Do đó tháng 2 nhất định tìm thấy cháu.

Điều thần kỳ là ngày canh thân, tức ngày 19 tháng giêng tìm thấy cháu, còn ngày 28 tháng giêng là tiết kinh trập, tức chuyển sang lệnh tháng hai là tháng mão. Ngày thân cháu về đến nhà ứng với ngày Tỵ hợp với ngày thân. Ví dụ này chứng tỏ câu nói : "Dụng thần hưu tù, chờ đến ngày sinh vượng là sẽ quay về".

Cháu bị bắt từ ngày 10 tháng 10 năm 1988, tức ngày tân tỵ tháng quý Hợi, nhưng vì sao mãi đến tháng mão năm 1989 mới tìm thấy ? Đó là vì trong quẻ Ích, hào tử tôn tỵ hỏa là dụng thần, rơi vào tuyệt địa, lại hóa thành tuất thổ là mộ của hỏa, tạm thời chưa thể ra khỏi mộ kho. Tháng 2 là dương lệnh của tháng mão, mão hợp với tuất hóa thành hỏa, tức là không những hợp mất hỏa kho mà còn hợp thành dụng thần làm cho hỏa vượng và sáng, đó cũng là tượng tìm được con.

Ngày 17 tháng 12 nhà báo Liêu Đại Lâm trong thư gửi cho tôi nói rõ qua sự kiện tôi dự đoán về con ông Phùng Bát Cân chứng tỏ trong hàng nghìn hàng vạn người đã đoán về việc đi tìm cháu thì thấy Thiệu là người có trình độ khoa học cao cường nhất. Bài báo này trong nước đã gây một tiếng vang rất rộng rãi. Rất nhiều độc giả gửi thư đến biểu thị sự cảm phục về tinh khoa học của bát quái cũng như giá trị thực tiễn của nó. Và mọi người đều tán thành nhất định phải cố gắng nghiên cứu để phát huy việc khai thác kho báu này.

Ví dụ 3. Em bé bị lừa.

Tháng 2/1989, khi tôi còn giảng bài ở Quảng Châu, có một ký giả của tờ Nam Phương nhật báo đưa đến một bài viết về em bé bị lừa được đăng trên báo. Sự việc như sau : Có một cháu bé chưa đầy hai tuổi, bị ốm, bố mẹ từ nông thôn đưa cháu ra bệnh viện nhi ở Quảng Châu để khám bệnh. Cháu bé không may bị bọn lừa bắt đi, cả bố mẹ vô cùng đau khổ, không biết bám dựa vào ai. Ông ký giả đó và bà hiệu trưởng Hoàng Bình Phương của trường khí công nhờ tôi đoán giúp, để cung cấp cho trạm công an có manh mối đường dây tìm cách phá án. Tôi gieo được quẻ Giải của quẻ Hằng.

Năm 1989
Kỷ Tỵ

tháng 2
Đinh Mão

ngày 4
Canh Ngọ

giờ Thân
Giáp Thân

QUÊ CHỦ : HÀNG

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngộ hỏa.

Quan quý Dậu kim O thể

Phụ mẫu hợp thủy.

Thê tài Sửu thổ..

QUÊ BIẾN : GIẢI

Thê tài tuất thổ..

Quan quý thân kim.. ứng

Tử tôn ngộ hỏa.

Tử tôn ngộ hỏa..

Thê tài Thìn thổ. thể

Huỳnh đệ dần mộc..

1) Cháu bị lừa bắt ngờ.

2) Bọn lừa gồm 1 nam 1 nữ, nam mặt hình chữ thân, nữ mặt vuông và trắng, hoặc mặc áo trắng, người không cao, tóc nhiều nhiều, mắt lòng trắng nhiều.

3) Cháu bị bắt đi về phía nam, trước mắt cháu rất tốt.

4) Tử tôn ngộ hỏa lại là nhân viên công an, hỏa được nguyệt kiến sinh cho nên vượng, quan quý rơi vào đất hưu tù lại bị khắc cho nên tháng hai nhất định sẽ phá án, tìm được cháu về.

Đầu tháng 3/1989, ông ký giả đến báo với tôi : trạm cảnh sát ở đó đã tìm thấy cháu bé ở vùng phía nam. Thầy thiệu đoán rất chuẩn, quả thực cuối tháng hai thì tìm được cháu.

Giải : Đoán cháu bị lừa bắt ngờ là vì : quê hằng có quê thượng là chấn, là sấm, quê hạ là tổn là gió. Sấm gió có nghĩa là việc xảy ra rất nhanh. Trong quê hai hào quan quý và thân quý đều ở quê chấn là nam, chấn là trưởng nam, hào Dậu quý ở quê tổn, tổn là trưởng nữ. Nam mặt hình chữ thân, nữ mặt hình chữ điền, mặt trắng hoặc mặc quần áo trắng. Người nữ mặc áo trắng bệnh viện. Kim la thấp lùn, tổn là tóc thưa, mắt nhiều lòng trắng. Cháu bé được đưa đến phía nam là vì tử tôn ngộ hỏa hóa thành ngộ hỏa, quan quý Dậu kim hóa thành ngộ hỏa. Trong tháng hai nhất định tìm thấy là vì quê thể và quê dụng ngang hòa, hơn nữa, dụng thân khắc hào thể. Tháng 2 hào quan quý rơi vào hưu tù, hào ngộ hỏa là công an vượng, khắc hào quan quý hưu tù cho nên sẽ phá được án.

Ví dụ 4. Khi nào thì có thể tìm được con.

Bác sĩ Hàn ở đại học Quán y số 4 thành phố Tây An có con 2 tuổi theo mẹ đi cửa hàng, chỉ trong nháy mắt bị mất con. Bố mẹ và ông bà cháu ruột đau như dao cắt, gia đình đã tìm 10 ngày mà không thấy tông tích. Đành tìm đến tôi nhờ đoán. Tôi lắc được quê Dự của quê Di.

1989
Kỷ Ty

tháng 10
Ất Hợi

ngày 24
Ất Dậu

QUÊ CHỦ : DI

Huynh đệ dẫn mộc
Tôn ty : Phụ mẫu tý thủy..
Thê tài tuất thổ x thê
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy O ứng

QUÊ BIẾN : DỤ

O Thê tài tuất thổ..
Quan quý thân kim..
Tử tân ngộ hỏa. ứng
Huynh đệ mào mộc..
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ.. thê

1) Trong hoàn cảnh đông người cháu bị lạc. "Đúng, lúc đó ở cửa hàng rất nhiều người, cháu bị mất sau khi lạc mẹ".

2) Cháu bị mất ở phương đông nam (lấy chỗ đoán làm trung tâm), hiện nay đang ở phía nam. Các giấy cáo thị tìm người nên dán nhiều ở phía đông nam và tây nam.

3) Hào tử tôn ty hỏa phục dưới hào phụ mẫu tý thủy là cháu đang ở nhà bậc trên hoặc cha mẹ. Ngày 25, 26 (tức ngày 22, 23 tháng 11 dương lịch), tăng cường tìm kiếm, trước ngày 23 sẽ tìm thấy.

Ngày 22 tháng 11 khi tôi còn giảng bài ở đại học Tây Bắc bác sĩ Hàn (là học viên lớp học Chu dịch, buổi tối khi lên lớp phấn khởi nói với tôi rằng : "Sau khi dán các cáo thị tìm con, trưa hôm nay tôi đã nhận được thư báo tin con, buổi chiều đã đến đón cháu về. Sự việc vốn như sau : có một cặp vợ chồng không có con, cũng không có nghề nghiệp, nhìn thấy cháu bị lạc thì đưa cháu về. Láng giềng thấy vợ chồng này bế một cháu bé về so sánh cháu giống như thông báo tìm con, liền báo với trạm công an. Trạm công an điều tra sự thực, sau đó liền thông báo cho gia đình.

Giải : Cháu bị lạc trong hoàn cảnh đông người là vì hào tử tôn ty hỏa bị nguyệt kiến khắc, hợp thủy xung, xung là bị ly tán. Quê Di âm nhiều, dương ít, âm là nhiều người. Đoán cháu bị đưa về phía đông nam vì ty là đông nam. Quê Di có tượng là quê ly, là phương nam. Phụ mẫu tý thủy biến thành thân kim, thân là phương tây nam.

Hào ty hỏa phục dưới hào phụ mẫu, cũng tức là ở trong nhà các bậc trên hoặc bậc cha mẹ.

Trước ngày 25, 26 nhất định sẽ tìm thấy là vì : tử tôn ty hỏa phục dưới tý thủy, là phục mà bị khắc, cho nên phải chờ đến ngày xung mất tý thủy thì dụng thần mới hiện. Ngày 25 tháng 10 là ngày bính tuất, tức cấu thành dẫn ngộ tuất hợp thành hỏa cục xung mất tý thủy của phi thần, dụng thần ty hỏa nhờ sự giúp đỡ đó mà xuất hiện. Vì vậy đoán trước ngày 26 nhất định tìm thấy.

Ví dụ 5. Đi xa hàng ngàn cây số nhờ đoán tìm cháu.

Bà Đàm ở trạm xe du lịch thị xã Khai Phong có em trai vì lái xe cán chết người mà bị ngồi tù. Cậu em đó có con 3 tuổi bị bọn trộm bắt mất, hai

vợ chồng cậu ta đau khổ phát cuồng, đúng là "họa vô đơn chí". Vì chồng bị ngồi tù, người vợ cảm thấy không có nơi nương tựa nên đành bám vào bà chị. Bà Đàm đã hai lần đến thành phố Tây An để tìm tôi. Lần thứ nhất do Phùng Bát Cân đưa đến, vì tôi không ở nhà, đã viết thư để lại ghi rõ ngày tháng cháu bị mất, nhưng lại ghi sai. Do đó ngày 7 tháng giêng năm 1990 lại tìm đến lần thứ hai. Vì ngày giờ mất cháu nhớ không chính xác nên tôi đành lác thê được quẻ Tụng của quẻ Cấu.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 12
Đinh Sửu

ngày 11
Nhâm Thân

QUẺ CHỦ : CẤU

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngộ hỏa. ứng
Huynh đệ dậu kim O
Tử tôn hội thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. thê

QUẺ BIẾN : TỤNG

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngộ hỏa. thê
Quan quý ngộ hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dần mộc.. ứng

LỤC THÂN

Bạch hổ
Phi xà
Câu trăn
Chu tước
Thanh Long
Huyền vũ

1) Cháu bé có thể tìm được.

2) Cháu đi về phương đông nam, vì vậy nên dán giấy cáo thị theo tuyến đông nam tây bắc, trọng tâm là phương đông nam.

3) Cháu bình an, có người chăm sóc.

4) Cháu cách nhà khoảng 18 đến 180 cây số. Ngày 14 tháng 12, (tức ngày 10 tháng 1 dương lịch) nếu cháu chưa về thì sẽ có thư. Chậm nhất là trước ngày 30 tháng 12 cháu phải trở về.

5) Người giúp đưa thư hoặc tìm được cháu nếu không phải cầm tinh con gà thì là con khi.

Khi bà chị và người em dâu biết được tin có thể tìm được cháu thì vô cùng phấn khởi. Ngày 15 tháng 2 bà Đàm gửi thư đến báo cho tôi biết : "Sau khi tôi về đến Khai Phong, theo lời dự đoán của thầy đã dán rất nhiều cáo thị tìm người. Ngày mồng 10 tháng giêng có người đưa thư đến nói thấy cháu ở vùng nông thôn huyện Khai Phong, phía đông nam thị trấn, cách nhà khoảng gần 70 cây số. Được sự giúp đỡ của công an, ngày 13 tháng giêng đã tìm thấy cháu và đưa về. Những người đưa thư thuộc cầm tinh con gì thì chưa hỏi rõ. Thấy Thiệu, thấy vô cùng bận rộn nhưng đã dành thời gian quý báu giúp đỡ chúng tôi tìm lại được cháu. Gia đình vô cùng cảm ơn".

Giải : Đoán cháu có thể tìm được là vì : quẻ Cấu, quẻ hạ là tốn, là phong, là có tượng gió đi khắp nơi. Quẻ cấu 5 dương, 1 âm là có nghĩa như gặp cương, cấu có nghĩa là gặp. Cấu là quẻ nói về tin tức tháng 12 cho nên sau

khí dân các thị tìm người thì tin đó giống như ngọn gió lan tỏa khắp nơi, mọi người đều biết. Quê dụng là tổn lại hóa thành khảm thủy sinh trở lại, thanh long gặp hào tử tôn là chủ về tin mừng, cũng tức là tượng có thể trở về. Trọng điểm tìm ở phương đông nam là vì : tử tôn hội thủy là tây bắc, hóa thành thìn thổ là đông nam; quan quý ngộ hỏa hóa thành ngộ hỏa là phương nam, nhưng vì hội thủy hóa thìn, thìn là kho của thủy cho nên cháu bé sau khi đến đông nam thì không đi nổi nữa, do đó trọng tâm tìm ở phía đông nam. Hào huỳnh đệ đậu kim động sinh cho dụng thần tử tôn hội thủy là chủ về bình yên vô sự. Đoán cự ly khoảng 18 đến 180 km là vì : căn cứ tổng số của quê chủ, quê hồ, quê biển và hào động để tính toán. Ngày 14/12 sẽ có tin và trước ngày 30 có thể trở về là căn cứ vào dụng thần hội thủy bị hào thế sừ thổ khắc, nên người tạm thời chưa về, hơn nữa dụng thần hội thủy đang ở đất tuần không, phải chờ xuất không mới tìm thấy cháu. Ngày 10 tháng giêng là ngày át hội, nếu người chữa về thì sẽ có tin là vì dụng thần hội thủy hóa thìn thổ nhập mộ. Ngày 9 tháng giêng là ngày giáp tuất, thìn tuất tương xung. Xung thì sẽ mở kho mộ, giải phóng hội thủy. Thìn thổ lại là phụ mẫu, phụ mẫu chủ về thư tín, nên ngày 10 tháng giêng người chưa về thì sẽ có thư. Cháu bé ngày mậu dần 13 tháng giêng sẽ trở về, là ứng vào dân hợp với hội.

Ví dụ 6. Tìm được con rồi !

Ông Vương Tường ở thôn Chu Tiên Chấn, thị xã Khai Phong có con trư ngày 8 tháng 2 (âm lịch) năm 1990 bị bắt cóc. Cả nhà hoảng hốt lên, bà con trong thôn sau khi biết tin đều rất lo lắng và thông cảm với nỗi rui ro của gia đình, cùng nhau đi khắp nơi tìm giúp. Đã tìm 10 ngày mà vẫn không được. Về sau có người khuyên ông nên đến Tây An tìm tôi nhờ đoán giúp. Vì giờ bị bắt cóc không rõ, nên tôi lắc được quê Đĩnh.

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 2
Kỷ Mão

ngày 13
Quý Dậu

QUÊ : ĐỈNH

Huỳnh đệ ty hỏa.

Tử tôn mùi thổ.. ứng

Thê tài đậu kim.

Thê tài đậu kim.

Quan quý hội thủy. thế

Tử tôn sừ thổ..

- 1) Rất nhanh sẽ tìm được cháu.
- 2) Cháu đang ở phía tây nam
- 3) Cự ly từ 8 đến 110 km.

4) Trong vòng 4, 5 ngày tới có triển vọng tìm được, đặc biệt là ngày 15, 17 tháng 2. Nên tranh thủ thời gian tìm gấp, nếu bỏ lỡ cơ hội thì sự việc sẽ rắc rối hơn.

Vương Tường vì đánh mất địa chỉ của tôi, nên mãi đến ngày 4 tháng tư mới viết thư báo cho tôi biết. Trong thư kể lại : "Sau khi về nhà, tôi đã căn cứ lời dự đoán của thầy, ngày 11 tháng ba (tức ngày 15 tháng 2 âm lịch), tìm thấy cháu ở thôn Tân Trang, cách nhà về phía tây nam khoảng 40 cây số. Cả gia đình tôi và bà con bạn bè đều vô cùng phấn khởi, ai cũng gọi thầy là ông tiên sống".

Giải : Trong quẻ dụng thần hiện hai lần, nhưng chọn hào tử tôn mùi thổ làm dụng thần. Mùi ở cung khôn, khôn là tây nam. Về tính khoảng cách là căn cứ vào số quẻ chủ và quẻ hồ. Dự đoán rất nhanh có thể tìm được cháu là vì : hào thế xuất không là người đi xa tất sẽ trở về, hơn nữa dụng thần khắc hào thế là tượng trở về. Hy vọng vào ngày 15 và 17 tháng hai là vì 15 là ngày át hội, hào thế xuất không; 17 là ngày đinh Sửu, dụng thần yên tĩnh lại gặp xung là tượng trở về. Đoán ngày 15 tháng hai tìm thấy cháu là ứng vào câu : hào thế xuất không, quan quý sẽ bị khắc.

Ví dụ 7. Cháu gái mất đi đâu ?

Ông Hồ ở nhà máy ngoại ô phía đông thành phố Tây An có người cháu gái, ngày 6 tháng 3 bị lạc mất ngoài chợ. Cả nhà tìm 3 ngày liền không thấy, do đó đến tìm tôi nhờ đoán. Tôi lắc được quẻ Phục của quẻ Tiết.

Năm 1990

tháng 3 (lệnh tháng hai)

ngày 9

Canh Ngọ

Kỷ Mão

Kỷ Hợi

QUẺ CHỦ : TIẾT

Huỳnh đệ tý thủy..

Quan quý tuất thổ ○

Phụ mẫu thân kim.. ứng

Quan quý Sửu thổ..

Tử tôn Mão mộc ○

Thê tài tý hỏa. thế

QUẺ BIẾN : PHỤC

Phụ mẫu Dậu kim..

Huỳnh đệ Hợi thủy..

Quan quý Sửu thổ.. ứng

Quan quý Thìn thổ..

Tử tôn Dần mộc..

Huỳnh đệ tý thủy. thế

- 1) Cháu chưa đi xa, vẫn trong nội thành.
- 2) Tìm về phía đông, hơi chệch về đông bắc.
- 3) Cháu mọi việc đều bình thường, có người giúp đỡ, cháu người khá đẹp.
- 4) Thời gian quay về là ngày 10, ngày 12, ngày 13 tháng 3 (tức ngày 5, 7, và ngày 8 tháng tư dương lịch).
- 5) Cháu có khả năng do hai người dẫn đi 1 nam, 1 nữ.

Tôi dự đoán xong cho ông Hồ thì liền đi Quảng Châu, Thâm Quyển giảng bài. Sau khi trở về Tây An, nhận được thư ông Hồ mới biết được đã tìm thấy cháu, gia đình đoàn tụ. Trong thư có đoạn nói : "Toàn gia đình tôi kể cả cháu xin chân thành cảm ơn thầy. Đúng là chúng tôi đã nghe lời dặn của thầy, 3 giờ chiều ngày hôm sau thì quả nhiên có 1 nam, 1 nữ đưa cháu về nhà".

Giải : Đoán cháu đi chưa xa mà còn ở trong thành là vì : quẻ tiết là quẻ lục hợp, cũng có nghĩa là còn bị ràng buộc, đi chưa xa và có tượng quay về. Hơn nữa, hào tử tôn mao mộc hóa dần là hóa thoái, cũng là tượng trở về. Tìm cháu lệch về phía đông bắc là vì quẻ đoài hóa quẻ chấn là phía đông, dần là đông bắc. Hào tử tôn mao mộc lâm nguyệt, nhật kiến, sinh cho vượng cho nên hiện tại cháu rất tốt, có người giúp đỡ. Đoán ngày 10, ngày 12, ngày 13 tháng ba sẽ trở về là căn cứ vào hôm nay là ngày kỷ Hợi tháng 3, mao mộc gặp trường sinh, là tượng cháu còn di động. Ngày 10 là ngày canh tý, tý thủy sinh mao mộc, được sinh tức là quay về. Ngày 12, ngày 13 là ngày dần, mao, dụng thần lâm vượng địa. Ngày canh tý cháu về là ứng vào câu dụng thần được sinh mà quay về.

IV - DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI XA (4)

Người xa nhà, xa quê, thứ nhất có thể là vì trong tứ trụ đã ẩn chứa những thông tin phải đi xa và khi vận khí đến thì bỏ nhà ra đi. Đó là loại thông tin thuộc về tiên thiên. Nhưng về hậu thiên có thể là vì trong cuộc sống, công tác gặp phải những việc không hài lòng, ví dụ như có người vì trặc trở dằn vặt, hoặc có bệnh tâm thần mà bỏ đi. Ra đi có người trở về, có người vì hoàn cảnh khó khăn hoặc gặp những việc không may nên không trở về được, thậm chí có người không muốn trở về. Đối với những người không quay về, dù là người lớn hay trẻ em, nếu đã chết ở bên ngoài thì người dự đoán cũng không nên nói thẳng, mà phải lựa lời nói cho hợp, nếu không thì bố mẹ hoặc người thân sẽ không chịu đựng nổi sự đau đớn, có thể lại dẫn đến những hậu họa khác. Dưới đây xin giới thiệu một số quẻ điển hình để độc giả tham khảo nghiên cứu.

Ví dụ 1. Tìm người khắp nơi mà không thấy.

Ông Trương, đồng sự ở cơ quan tôi cãi nhau với lãnh đạo bỏ đi đã hơn 1 tháng. Cơ quan đã cử người đi tìm khắp nước, nhưng vẫn không có tin tức gì. Người nhà luôn luôn đến lãnh đạo cãi vã đòi đền người. Có người trong cơ quan nhờ tôi đoán xem có thể tìm được không. Vì không nhớ rõ thời gian bỏ đi, nên đành căn cứ thời gian hỏi để lập quẻ. Được quẻ Giải của quẻ Vị tế.

Năm 1988
Mậu Thìn

tháng 3
Bính Thìn

ngày 11
Tân Hợi

giờ Tuất
Mậu Tuất

QUÊ CHỦ : VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa O ứng
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài đậu kim.
 Huynh đệ ngộ hỏa.. thế
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dân mộc..

QUÊ BIẾN : GIẢI

Tử tôn tuất thổ..
 Thế tài thân kim.. ứng
 Huynh đệ ngộ hỏa.
 Huynh đệ ngộ hỏa.
 Tử tôn thìn thổ. thế
 Phụ mẫu dân mộc..

Quê Vị tế là nói về sự biến hóa trong vũ trụ bao la vạn tượng, vận động không ngừng. Người xưa dùng quẻ này khi đoán về sự việc phần nhiều là chỉ các việc khó thành.

- 1) Người đi hướng đông, sau chuyển hướng tây bắc.
- 2) Sau khi bỏ đi, không có tin tức gì, từ nay về sau có tìm nữa cũng không thấy.
- 3) Nên tìm ở các nơi hang núi, bệnh viện, các lò gạch, chùa, trạm giữ người thất lạc.

Về sau qua tìm kiếm một thời gian dài nhưng vẫn bật vô âm tín.

Giải : Láy hào ứng làm dụng thần, nay dụng thần ty hỏa động hóa thành tuất thổ, chấn là đông, tuất là tây bắc, cho nên ban đầu đi về phía đông, sau đó chuyển hướng tây bắc. Tìm mãi vẫn không có tin tức là vì phụ mẫu chủ về văn thư, thư điện, nay phụ mẫu dân mộc tuần không, đương nhiên là không có tin. Tuất là mộ kho của hỏa, mộ chủ về hang núi, bệnh viện, nhà giam... Tuất cũng là những nơi có lò luyện, chùa chiền, miếu mạo. Trong quẻ hung nhiều cát ít. Ty là dụng thần bị nhật kiến khắc động mà hóa thành nhập mộ. Sách "Hoàng kim sách" nói : Đi xa sợ nhất hào dụng thần bị thương tổn, đặc biệt là nhập mộ. Nếu gặp mộ tuyệt là chết. Dụng thần động bị khắc là rất xấu. Nay dụng thần bị lệnh ngày khắc, lại hóa thành mộ là tượng rất xấu. Tháng 4, tháng 5 là đất hỏa vượng, nếu không trở về thì đương nhiên không trở về nữa. Câu này là để an ủi gia đình, khiến cho họ về mặt tinh thần còn le lối tia hy vọng.

Ví dụ 2. Bôn ba khắp nơi tìm con mà không được.

Ông Trần ở thị trấn Phật Sơn tỉnh Quảng Đông, có đứa con duy nhất đã lớn 15, 16 tuổi, một hôm vô cớ bỏ đi. Bà, mẹ, bố đều kêu khóc vô cùng đau khổ, tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin gì. Nghe nói tôi đang dạy học ở Quảng Châu, đêm khuya tìm đến nhà tôi nhờ đoán. Được quẻ Phục của quẻ Lâm.

Năm 1989
 Kỷ Ty

tháng 2
 Đinh Mão

ngày 8
 Giáp Tuất

giờ Dậu
 Quý Dậu

QUÊ CHỦ : LÂM

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy.. ứng
 Huynh đệ sừ thổ..
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mao mộc O thê
 Phụ mẫu ty hỏa.

QUÊ BIẾN : PHỤC

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ.. ứng
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dần mộc..
 Thê tài tý thủy. thê

1) Sức khỏe của cháu không tốt lắm, hoặc có bệnh thần kinh. "Đúng, sức khỏe còn tạm được, chủ yếu là đầu óc không bình thường, có bệnh".

2) Cháu đi về phía tây. "Đúng, lúc đó có người nhìn thấy cháu đi về phía tây".

3) Cháu đi ra xấu nhiều tốt ít. Nếu trước ngày 30 tháng 8 năm nay trở về được thì về, chưa trở về thì rắc rối lắm.

Quá nhiên đến nay chưa về.

Giải : Đoán sức khỏe yếu hoặc có bệnh não là vì hào tử tôn dậu kim dụng thần tù ở mùa xuân, hào sáu là dậu, dụng thần gặp nguyệt phá và gặp hào động xung. Dụng thần dậu kim biến thành dậu, dậu là phía tây. Đoán cháu ra đi xấu nhiều tốt ít là vì tử tôn dậu kim dụng thần ở đất hưu tù, tuần không, lại còn gặp nguyệt phá, hào động xung khác, cho nên đã suy càng thêm suy. Nguyệt phá là xấu. Theo sách cổ nói : "Dụng thần khắc hào thê là có thể về". Nay dụng thần suy lại còn bị xung khắc tức là bản thân vô lực, lại còn bị hào thê khắc. Như thế sao có thể về được. Tháng sáu, tháng 7, tháng 8 là thời gian kim vượng đã không thể quay về, thì các thời gian khác lại càng không thể trở về.

Ví dụ 3. Cháu gái bỏ đi mãi tới nay vẫn chưa về.

Ông Âu ở đường Huệ Phúc thành phố Quảng Châu có cô cháu gái đã thành người lớn, từ nông thôn ra thành phố thăm cô ở trong nhà một thời gian, một hôm ra ngoài đi chơi rồi không thấy trở về. Đến nay đã gần 3 năm, song với tư cách là người cô vẫn mong tin cháu nên nhờ tôi đoán.

Năm 1989
 Kỷ Ty

tháng 3
 Mậu Thìn

ngày 14
 Kỷ Dậu

QUÊ CHỦ : ĐỈNH

Huynh đệ ty hỏa.
 Tử tôn mùi thổ.. ứng
 Thê tài dậu kim.
 Thê tài dậu kim.
 Quan quý hợi thủy. thê
 Tử tôn sừ thổ X

QUÊ BIẾN : ĐẠI HỮU

Huynh đệ ty hỏa. ứng
 Tử tôn mùi thổ..
 Thê tài dậu kim.
 Tử tôn thìn thổ. thê
 Phụ mẫu dần mộc.
 Quan quý tý thủy.

1) Ban đầu người đi về phía tây nam, về sau đi lên hướng bắc. "Đúng, cháu đi với bạn học".

2) Người ở bên ngoài bình thường, vô sự.

3) Có thể cô gái đã kết hôn, chồng là người có chức vụ nhỏ.

4) Năm nay không thể về được. Sang năm 1990 và 1991 cũng không về, nếu không về thì không quay về nữa.

Giải : Hào ứng tử tôn mùi thổ biến thành mùi thổ là đi phía tây nam. Hào đầu tử tôn sừ thổ biến thành quan quý tý thủy là đi về phía bắc, nên đoán ban đầu đi hướng tây nam, về sau chuyển hướng bắc. Trong quẻ hào tử tôn hiện 2 lần, chọn hào động tử tôn sừ thổ làm dụng thần, nay sừ thổ lâm nguyệt kiến, được thìn thổ giúp đỡ, còn được thái tuệ ty hỏa sinh cho tức vừa vượng vừa được sinh, cho nên bình yên vô sự. Đã kết hôn ở ngoài là vì tử tôn sừ thổ tương hợp với quan quý tý thủy vừa có tượng ràng buộc, cũng là tượng thành hôn. Đó cũng là vì hôn nhân ràng buộc, cũng là tượng thành hôn. Đó cũng là vì hôn nhân ràng buộc nên không trở về. Người chồng có chức vụ là vì : quan quý tý thủy bị nguyệt kiến khắc, nhưng được nhật kiến sinh cho. Năm 1990, 1991 không thể về vì năm 90 là canh ngọ, ngọ hỏa xung mất tý thủy là không có hợp; năm 1991 là tân mùi, mùi thổ xung mất sừ thổ nên tý thủy cũng không có hợp. Năm xung mất hợp là tượng không trở về.

Ví dụ 4. Con sẽ không bao giờ trở về.

Có người nhờ đoán hướng con đi là tốt hay xấu, được quẻ Đồng nhân của quẻ Độn.

Năm 1985	tháng 7	ngày 16	giờ Ty
Ất Sửu	Giáp Thân	Nhâm Dần	Ất Ty

QUẺ CHỦ : ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngọ hỏa.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa.. thế
Tôn ty : Phụ mẫu thìn thổ x

QUẺ BIẾN : ĐỒNG NHÂN

Phụ mẫu tuất thổ. ứng
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọ hỏa.
Tử tôn hợi thủy. thế
Phụ mẫu sừ thổ..
Thê tài mao mộc.

1) Cháu trốn đi theo hướng đông nam.

2) Cháu đến chân núi, hoặc ao hồ, hoặc chùa miếu.

3) Nếu cháu không vì ốm thì cũng là rơi xuống nước mà sinh sự.

Cho đến nay quả đúng cháu vẫn chưa về.

Giải : Đoán cháu trốn bỏ đi là vì quê độn là tượng chạy trốn. Hào tử tôn tý thủy là dụng thần, trong quê quan quý ngọc hỏa xuất hiện hai lần xung động dụng thần, xung thì động, động thì đi. Cho nên đoán cháu có thể vì có lỗi mà trốn đi. Hào tử tôn tý thủy là dụng thần phục dưới hào phụ mẫu thìn thổ, thìn là đông nam. Quê dụng của quê độn là cán, cán là núi, hoặc chùa miếu, thìn là kho mộ của thủy, tức ao hồ. Nếu không ốm thì cũng là rơi xuống nước là vì : tý thủy dụng thần tuy lâm nguyệt kiến, nhưng không nên phục dưới thìn thổ. Hơn nữa tý thủy dụng thần bệnh ở ngày dần, cho nên nói có thể vì bệnh mà sinh sự. Cán là núi, thìn là mộ, cho nên có khả năng đã chết và mộ ở chân núi. Vì vậy phi thần thìn thổ khi đã xung mất tuần không cũng không có ích gì.

Ví dụ 5. Gửi thư cho cha mẹ bảo đừng tìm.

Anh Khương ở thị trấn Nang Sở tỉnh Hồ Bắc bỏ nhà ra đi. Cả nhà tìm khắp nơi đã hơn 4 tháng mà không có tin gì. Ông chủ đến Tây An nhờ đoán, được quê Tấn của quê Bóc.

Năm 1989	tháng 4	Ngày 29	giờ Tý
Kỷ Ty	Kỷ Ty	Quý Ty	Nhâm Tý

QUÊ CHỦ : BÓC

Thê tài dần mộc.
 Tử tôn tý thủy.. thê
 Phụ mẫu tuất thổ X
 Thê tài mao mộc..
 Quan quý ty hỏa.. ứng
 Phụ mẫu mùi thổ..

QUÊ BIẾN : TẤN

Quan quý ty hỏa.
 Phụ mẫu mùi thổ..
 Huynh đệ dậu kim, thê
 Thê tài mao mộc..
 Quan quý ty hỏa..
 Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

- 1) Cháu đi về phía tây nam, trong rừng sâu hoặc trong thành phố.
- 2) Cháu bị bố mẹ đổ trách mà bỏ đi. "Đúng, trước khi ngủ bố dặn cháu phải chăm chỉ học hành, thi vào đại học. Tưởng là lời căn dặn bình thường, không ngờ cháu tức giận, đêm đó bỏ đi".
- 3) Cháu ra đi có để lại thư, đặt dưới gối đầu giường. "Đúng, cháu để lại hai thư, một thư cho cha mẹ, một thư cho em gái, nội dung đều dặn đừng tìm".
- 4) Cháu đi không muốn quay về, ở bên ngoài xấu nhiều tốt ít, là tượng không quay về.

Giải : Hào tử tôn tý thủy biến thành mùi thổ, là phương tây nam, chân là rừng rậm hoặc kinh thành. Hào phụ mẫu tuất thổ động khắc dụng thần tý thủy, dụng thần hỏa khắc trở lại là chủ về tức giận. Đoán cháu để thư lại vì : phụ mẫu là thư tín, phụ mẫu vượng động là có thư. Thư đặt dưới gối là

vì trong quẻ, khôn là vãi vóc, là vật mềm. Đoán xấu nhiều, tốt ít, không trở về là vì : hào tử tôn dụng thần yên tĩnh là không muốn về. Dụng thần tý thủy lại rơi vào tuyệt địa của nguyệt, nhật kiến lại còn bị hào động khắc hóa khắc trở lại. Quẻ bóc là quẻ 5 âm, 1 dương, là tượng bị rơi rụng. Lời từ của hào bốn nói : "Bóc giường làm đệm là xấu".

Ví dụ 6. Người và xe bị cướp.

Cô em gái ông Vương ở thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam là tài xế xe tắc xi. Một hôm đi làm không thấy trở về, sau đó tìm thấy ghế xe ở cách xa thành phố 90 dặm, nhưng không thấy người. Được quẻ Quải của quẻ Đại tráng.

Thời gian xe xuất hành :

Năm 1989 Kỷ Ty	tháng 2 Đinh Mão	ngày 4 Canh Ngọ	giờ Thìn Canh Thìn
QUẾ CHỦ : ĐẠI TRÁNG	QUẾ BIẾN : QUẢI	LỤC THẦN	
Huynh đệ tuất thổ..	Huynh đệ mùi thổ..	Phi xà	
Tử tôn dậu kim x	Tử tôn dậu kim. thế	Câu trăn	
Phụ mẫu ngộ hỏa. thế	Thê tài hợi thủy.	Chu tước	
Huynh đệ thìn thổ.	Huynh đệ thìn thổ.	Thanh Long	
Quan quý dần mộc.	Quan quý dần mộc. ứng	Huyền vũ	
Thê tài tý thủy. ứng	Thê tài tý thủy.	Bạch hổ	

- 1) Người đi về hướng đông nam, chưa rời khỏi thành phố.
- 2) Đi lung tung bất định.
- 3) Xấu nhiều hơn tốt, bị hại nên khó quay về.

Giải : Đến nay người vẫn chưa về. Trong quẻ dụng thần hiện hai lần, bỏ hào tuất thổ không vong, lấy dụng thần là thìn thổ. Thìn hóa thìn là đông nam. Quẻ còn có nghĩa là kinh thành. Dụng thần ở quẻ nội, nên đoán còn ở trong thành. Đại tráng là quẻ lục xung nên đoán người không ở một chỗ ổn định. Dụng thần yên tĩnh là tượng không nghĩ đến quay về. Trong quẻ quan quý dần mộc lâm huyền vũ, huyền vũ là bọn trộm, bọn phi cho nên người và xe đã bị cướp mất. Dụng thần thìn thổ ở tử địa, quan quý lâm lệnh tháng mà vượng, cho nên thìn thổ bị quan quý, lệnh tháng khắc. Bị khắc mà không được sinh, hơn nữa dụng thần thìn thổ còn bị nguyệt kiến tương hại. Cho nên nói xấu nhiều, tốt ít, có tượng bị hại.

Ví dụ 7. Dụng thần nhập mộ là người khó trở về.

Em ông Trương ở thành phố Lan Châu, tỉnh Cam Túc vì không hài lòng về hôn nhân mà bỏ đi. Gia đình đã tìm hơn 2 tháng mà không thấy, đến nhờ đoán được quẻ Phục của quẻ Minh di.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 7
Nhâm Thân

ngày 11
Giáp Thìn

giờ Dần
Bính Dần

QUÊ CHỦ : MINH DI

Phụ mẫuậu kim..
Huynh đệ hợp thủy..
Quan quý sùu thổ.. thế
Huynh đệ hợp thủy O
Quan quý sùu thổ..
Tử tôn mào mộc. ứng

QUÊ BIẾN : PHỤC

Phụ mẫuậu kim..
Huynh đệ hợp thủy..
Quan quý sùu thổ.. ứng
Quan quý thìn thổ..
Tử tôn dần mộc..
Huynh đệ tý thủy. thế

LỤC THẦN

Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long

- 1) Người đang sống, ở phía đông nam.
- 2) Ở bên ngoài bị bắt giam, xấu nhiều tốt ít, khó trở về.
- 3) Hiện nay chưa trở về.

Giải : Trong quẻ dụng thần hiện 2 lần, nên lấy hào huynh đệ hợp thủy ở quẻ nội làm dụng thần. Dụng thần tuy mộ ở thìn thổ nhật kiến, nhưng được lệnh tháng sinh cho, tức là bị khắc nhưng có sinh, cho nên nói người còn sống. Thìn là phương đông nam. Huynh đệ là kiếp tài, động nên đi ăn cướp. Trong hai quẻ quan quý hiện 4 lần, huynh đệ hợp thủy động mà nhập mộ, cầu trăn là chủ về lao dịch, tức là người đã bị bắt giam. Hào thế khắc dụng thần là người không quay về, cho nên nói khó về. Muốn biết khi nào ra ngục thì phải chờ đến năm giáp tuất xung khai mộ kho mới có khả năng.

Ví dụ 8. Đã bị bắt giam, khó trở về

Ông Lâm ở quận Vị Ương của thành phố Tây An, có người anh năm 1987 đi xa vì có công việc. Đã hơn 3 năm nay chưa thấy về, đến nhờ đoán xem người còn sống hay không. Được quẻ Tấn của quẻ Vô Vọng.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 10
Ất Hợi

ngày 24
Ất Dậu

QUÊ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim O
Tử tôn ngọ hỏa. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy O ứng

QUÊ BIẾN : TẤN

Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý dậu kim.thế
Huynh đệ mào mộc..
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ.. ứng

LỤC THẦN

Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh Long

- 1) Người đang sống, ở phía đông nam
- 2) Đang bị hình phạt khó trở về.

Giải : Huynh đệ dẫn mộc là dụng thần, biến thành tử tôn ty hỏa là ở phía đông nam. Dụng thần dẫn mộc tuy bị quan quý thân kim và nhật kiến khắc, nhưng được nguyệt kiến sinh tức là trong khắc có cứu, nên đoán là người đang sống. Quẻ chủ Vô vọng có nghĩa là bị hình phạt giam giữ, vọng có nghĩa là chuốc lấy tai họa. Huynh đệ dẫn mộc bị hào thân kim và nhật kiến khắc là tượng xấu, trong quẻ lại cấu thành tam hình là dẫn hình ty, ty hình thân, thân hình dẫn, cho nên bị hình phạt khó quay về. Hào thế ngộ hỏa tuần không, chờ đến xuất không mới có hy vọng trở về, nhưng vì hào thế ngộ hỏa bị nguyệt kiến và hào ứng khắc tức là đã tuần không lại còn bị khắc, như thế gọi là chân không, cho nên có thể khẳng định xuất không cũng vẫn không được về. Người này đến nay vẫn chưa về, năm 1991 hào 5 lâm thái tuế khắc hào thế là đã xấu càng thêm xấu, cho nên không hy vọng trở về.

Ví dụ 9. Khó còn tồn tại trên thế gian.

Ông Triệu ở đường Long Hải thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam có con 3 tuổi, tháng 10/1987 bị bắt trộm. Vì việc tìm con mà nhà ông khuyhnh gia bại sản. Đã hai năm qua vẫn tìm không thấy. Năm 1990 đến Tây An tìm tôi để hỏi con còn sống hay không, để nếu đã chết rồi thì cũng cố mà quên đi. Gieo được quẻ Đoài.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 10
Ất Hợi

ngày 26
Đinh Hợi

QUẾ : ĐOÀI

Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn Hợi thủy.
Phụ mẫu Sửu thổ.. ứng
Thê tài Mão mộc.
Quan quý Tý hỏa.

LỤC THẦN

Thanh long
Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước.

Đoài là kim, mùa đông thủy vượng, kim hưu. Đoài ở tháng Hợi là rơi vào đất bệnh, lại hưu tù, hơn nữa nguyệt kiến, nhật kiến đều là thủy, thủy nhiều thì kim chìm, là tượng xấu. Hào thế khắc dụng thần là tượng người không về, nay cả hào thế và hào ứng đều khắc dụng thần Hợi thủy, tức là không những người không về mà còn là điềm xấu. Tử tôn Hợi thủy lâm nhật nguyệt kiến là vượng địa, tuy vậy không nên dụng thần Hợi thủy cùng với nhật, nguyệt cấu thành ba Hợi xung khắc thái tuế, vì như thế là đại hung, tức người không còn sống nữa. Trường hợp này có tìm cũng vô ích. Người vợ nghe xong liền nói : tôi đã nhờ nhiều người đoán, họ đều nói người không còn nữa. Nay đặc biệt nhờ thầy Thiệu kết quả cũng giống nhau cho nên từ nay trở đi không tìm con nữa.

Ví dụ 10. Tham của mà bỏ mệnh.

Tài xế của Cục du lịch thành phố Tây An là con em của một người ở đơn vị tôi. Nhân một chuyến lái xe cho khách nước ngoài, anh ta muốn phát tài nhanh, nên đã liều mạng buôn bán đồ cổ. Tuy được món tiền mười mấy vạn là rất lớn nhưng vẫn chưa tỉnh ngộ. Trên đường đi bị bạn sát hại, chết cả người, mất cả xe xuống vực thẳm. Người nhà thấy hơn một tháng mà chưa trở về nên tìm kiếm khắp nơi. Ngày 15 tháng 11 năm 1989, ông bố nhờ người tìm đến tôi để xin đoán. Được quẻ Ích của quẻ Gia nhân.

Năm 1989 tháng 10 (lệnh tháng 9) ngày 5 giờ Ty

QUẺ CHỦ : GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.

Tử tôn ty hỏa. ứng

Thê tài mùi thổ..

Quan dậu :

Phụ mẫu hợi thủy O

Thê tài sửu thổ.. thế

Huynh đệ mao mộc.

QUẺ BIẾN : ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài thìn thổ.. thế

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

LỤC THẦN

Thanh long

Huyền vũ

Bạch hổ

Phi xà

Câu trăn

Chu tước

- 1) Người đi về phương đông nam, có tượng bị cướp giết.
- 2) Nếu không chết vì tiền thì cũng là vì đâm xe (lúc đó vì sợ người nhà bị sốc, cho nên tạm nói là xấu nhiều tốt ít).
- 3) Nội trung tuần tháng 11 âm lịch nhất định sẽ có tin xấu.

Ngày 18 tháng 11 gia đình nhận được thông báo của công an, theo các chứng cứ về cái chết thì lái xe bị bạn giết chết để cướp các đồ cổ và tiền. Thi thể bị vứt xuống rãnh nước sâu, mãi một tháng sau mới phát hiện. Công an đã thông báo cho người nhà đến nhận.

Giải : Hào ứng tử tôn ty hỏa là dụng thân, lâm huyền vũ là tượng bị cướp giết. Tử tôn ty hỏa bị hào động phụ mẫu hợi thủy khắc, lại nhập mộ ở nguyệt kiến. Hợi thủy tuy tuần không nhưng xuất không là gặp nạn, vì bị tháng hợi khắc. Hào thê tài sửu thổ trì thế, trong quẻ hào huynh đệ mao mộc hai lần xuất hiện, sửu thổ lại hóa thành dần mộc khắc trở lại. Tháng 10 là tháng hợi thủy, mộc trường sinh ở hợi là kỵ thần gặp đất trường sinh đến khắc hào thế, đó là tượng chết. Ở trong quẻ hợi mao mùi hợp thành cục huynh đệ khắc hào thế, hào thế sửu thổ bị khắc mà không được sinh, cũng là tượng chết. Hào thê tài sửu thổ trì thế, bị huynh đệ kiếp tài tức là chết vì tiền của. Hợi mao mùi hợp thành cục huynh đệ là một người khó dịch lại 6 tay, có nghĩa là bị đồng bọn sát hại. Quẻ gia nhân trong quẻ hồ có quẻ khâm, khâm là thủy, cũng là xe. Quẻ ích trong đó có quẻ khôn, khôn là thổ cũng là xe, tức là có tai họa thổ khắc thủy, là tượng đổ xe.

Trung tuần tháng 11 âm lịch có tin xấu là vì : ngày 15 tháng 11 đến nhờ đoán quẻ, ngày 17, 18 là ngày thân, dậu kim, ngày 20 là hội thủy, đúng là phụ mẫu hội thủy gặp vượng địa, phụ mẫu chủ về thư tín, lại động tức là tượng có tin. Vì hội thủy khắc hại dụng thần ty hỏa, cho nên là tin xấu. Ngày 18 là ngày nhật kiến kỷ dậu, tiếp được thông báo của công an chính ứng vào ngày quan quý dậu kim sinh cho phụ mẫu hội thủy, do đó hội thủy lâm vượng tức là có tin đến.

Ngày giáp tý, tháng bính tý năm 1989, có em bé 3 tuổi bị bắt cóc, đòi giá hai vạn mới cho chuộc lại. Lúc đó tôi cũng gieo được quẻ ích của quẻ gia nhân, nhưng đáng tiếc là gia đình nghèo quá, không có tiền, về sau đoán là hào tử tôn bị khắc nhưng không được sinh, cho nên em bé khó trở về. Thực tế đúng như dự đoán.

Ví dụ 11. Buôn bán đã không thành lại còn bị bắt mất con.

Ông Lý là nhân viên một công ty ở thành phố Tây An. Sau cơm tối, dẫn đứa con 3 tuổi đi chơi phố. Trong lúc đang nói chuyện buôn bán với người khác thì con bị kẻ gian bắt mất. Vợ đau khổ khóc chết đi sống lại, cả nhà tìm không được, đến tôi nhờ đoán. Được quẻ Đoài của quẻ Lý.

Năm 1988
Mậu Thìn

Tháng 11
Giáp Tý

ngày 17
Giáp Dần

QUẺ CHỦ : LY

Huynh đệ tuất thổ O
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. ứng
Phụ mẫu ty hỏa.

QUẺ BIẾN : ĐOÀI

Huynh đệ mùi thổ.. thế
Tử tôn dậu kim.
Thê tài hội thủy.
Huynh đệ sữu thổ.. ứng
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.

LỤC THẦN

Huyền vũ
Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long

Giải : Huyền vũ lâm huynh đệ động nhất định là bị cướp. Hào tử tôn thân kim là dụng thần, là đi về phía tây. Dụng thần tử ở nguyệt kiến, tuyệt ở nhật kiến là điềm rất xấu. Nhưng may nhờ hào huynh đệ tuất thổ động sinh cho, lại hóa tiến thần là trong hung có cứu, tuy vậy người vẫn khó trở về. Tháng 12 là sữu thổ, dụng thần thân kim gặp mộ, cũng là tượng xấu. Năm 1989 là năm kỷ ty, hào phụ mẫu lâm thái tuế nên ở vượng địa. Thái tuế khắc dụng thần là đã xấu càng thêm xấu, đó là tượng không hy vọng trở về.

Ví dụ 12. Bị cướp giữa ban ngày.

Ông Dụ ở thị xã Thái An, tỉnh Sơn Đông có con trai 12 tuổi, tháng 12/1988, một buổi trưa đi chơi, bị bọn gian cường bắt. Đã tìm hơn một tháng

mà không thấy. Ngày 16 tháng giêng năm 1989, tìm đến Tây An nhờ tôi đoán, được quẻ Phủ của quẻ Tụy.

Năm 1988	tháng 12	ngày 1	giờ Ty
Mậu Thìn	Ất Sửu	Mậu Thìn	Định Ty
QUẾ CHỦ : TỤY		QUẾ BIẾN : PHỦ	LỤC THẦN
Phụ mẫu mùi thổ x		Phụ mẫu tuất thổ. ứng	Chu tước
Huynh đệ dậu kim. ứng		Huynh đệ thân kim.	Thanh long
Tử tôn hợi thủy.		Quan quý ngọ hỏa.	Huyền vũ.
Thê tài mao mộc..		Thê tài mao mộc.. thê	Bạch hổ
Quan quý tỵ hỏa.. thê		Quan quý tỵ hỏa..	Phi xà
Phụ mẫu mùi thổ..		Phụ mẫu mùi thổ..	Câu trăn

1) Cháu đi về phía nam. Nếu bản thân cháu không có lỗi thì đã xảy ra việc không may. "Bản thân cháu không có lỗi gì, chẳng qua bị bọn xấu bắt. Quả thực đã xảy ra việc hệ trọng".

2) Cháu ở ngoài xấu nhiều tốt ít.

3) Trong 3 tháng 7, 8, 9 năm 1989 chờ xem có tin tức gì không. Tóm lại là khó trở về.

Tháng 10/1989, ông Dụ gửi thư báo : sau khi bọn gian bị bắt, tháng 9 chúng đã tự sát trong ngục, như thế là mất mối không thể lần ra được, cho nên vẫn không biết cháu ở đâu.

Giải : Hào tử tôn hợi thủy dụng thần lâm huyền vũ là tượng cháu bị bắt cóc. Đoán cháu xấu nhiều tốt ít là vì dụng thần hợi thủy bị nguyệt kiến hào động khắc, lại còn nhập mộ ở nhật kiến. Trước mắt dụng thần hợi thủy tuy đang tuần không, nhưng ngày xuất không lại cũng bị khắc hại. Trong quẻ nguyên thần dậu kim là thủy lạnh kim hàn, nhập mộ ở đất băng giá, cho nên không thể nào sinh cho dụng thần hợi thủy. Dụng thần có khắc, không có sinh, lại hóa thành quan quý, đó là tượng đại hung. Năm 1989 là năm kỷ tỵ, quan quý lâm vượng địa, tử tôn hợi thủy lâm tuyệt địa vẫn là tượng rất xấu. Bọn gian tháng 9 tự sát là ứng vào câu "hỏa quý nhập mộ". Mấy năm lại đây, sự kiện trẻ con bị bắt rất nhiều. Tôi trong tay có hàng trăm ví dụ, có trường hợp theo dự đoán tìm ra được, có trường hợp không thể tìm được. Nói chung số không tìm được rất nhiều. Do đó mong rằng các bậc bố mẹ, trông coi con cái cẩn thận, nếu không sẽ sa vào cảnh cốt nhục chia lìa, suốt đời đau khổ.

V – ĐOÁN NGƯỜI CÓ ĐẾN KHÔNG

Đoán người có đến không là đoán cho các trường hợp trước khi mình đi ra, hoặc trước khi làm việc gì muốn biết người mình cần gặp có đến không.

Ví dụ 1. Thầy Trương hôm nay có trở về không ?

Tháng 3/1987, ở lớp học Chu dịch toàn quốc, vì có người đến tìm thầy Trương Viên Sinh có việc, trong lúc đó thầy Trương còn đi Bắc Kinh, không biết khi nào về. Cho nên thầy Lý ở văn phòng trường yêu cầu tôi đoán xem hôm nay thầy Trương có về không ? Được quẻ Phệ hạp của quẻ Di.

Năm 1987
Đinh Mão

tháng 3
Giáp Thìn

ngày 16
Nhâm Thìn

QUẺ CHỦ : DI

Huynh đệ dẫn mộc.
Phụ mẫu tý thủy..
Thê tài tuất thổ x thê
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUẺ BIẾN : PHỆ HẠP

Phụ mẫu tý hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thê
Quan quý dậu kim.
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc.. ứng
Phụ mẫu tý thủy.

Sau khi xem quẻ, tôi nói với thầy Lý : Có phải có người tìm thầy Trương có việc phải không ? Đúng ! Họ đang chờ. Cứ yên tâm, trưa hôm nay nhất định thầy Trương sẽ về. Về sau quả nhiên 12g20' thì thầy Trương về. Thầy Lý suyt soa : Bất quái thật thần kỳ.

Giải : Quẻ Di có tượng như người đang mở miệng, cũng tức là có việc đang chờ đến người đó. Đoán trưa hôm nay nhất định sẽ về là vì hào ứng tý thủy là dụng thần, hào thể tuất thổ động xung khai thủy kho của thìn thổ, giải phóng ra tý thủy, hơn nữa giờ ngọ là tý ngọ tương xung, xung thì động, động tất phải trở về.

Ví dụ 2. Đoán ông Triệu hôm nào đến ?

Ông Đỗ ở cơ quan tôi nói : "Hôm trước ông Triệu ở tỉnh Hà Bắc gửi thư đến báo, ngày 15 tháng 8 sẽ đến Tây An. Hôm nay đã là ngày 19 vẫn còn chưa đến. Nhờ thầy Thiệu đoán xem hôm nào thì đến. Được quẻ Hoán của quẻ Tụng.

Năm 1987
Đinh Mão

tháng 8
Kỷ Dậu

ngày 29
Quý Mão

giờ Thìn
Bính Thìn

QUÊ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ.
 Thê tài thân kim.
 Huynh đệ ngộ hỏa O thế
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

QUÊ BIẾN : HOÁN

Phụ mẫu mảo mộc.
 Huynh đệ Ty hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu dẫn mộc..

- 1) Người đã đi ra ngoài không ở nhà.
- 2) Đi về phương đông bắc, bây giờ bắt đầu trở về.
- 3) Ngày 3 tháng 9 thì khởi hành đến Tây An, ngày 4 nhất định đến.

Ngày 4 tháng 9 ông Triệu cùng với một người bạn đến. Lúc đó tôi đưa kết quả dự đoán ngày 29 tháng 8 cho họ xem, họ đều kinh ngạc về sự chính xác của bát quái. Ông Triệu nói : hôm 29 ông còn đi công tác ở vùng đông bắc, ngày hôm qua mộng 3 mới khởi hành đi Tây An.

Giải : Quê Tụng là quê du hồn, du có nghĩa là người đang đi xa. Lấy hào ứng dẫn mộc làm dụng thân. dẫn hóa dẫn, dẫn ở cung坎,坎 là đông bắc. Đoán ngày 3 khởi hành đi Tây An là vì hào thế ngộ hỏa động hóa thành mùi thổ, ngày 3 là ngày đình mùi, mùi ở cung khôn, khôn là tây nam. Ngộ hợp với mùi đáng lẽ có nghĩa là bị ràng buộc chặt, nhưng cũng có nghĩa là hợp với tây nam, dụng thân là hào ứng yên tĩnh, gặp ngày xung tất sẽ đến. Ngày 4 là ngày mậu thân, ngày thân xung động hào ứng dẫn mộc, cho nên đoán ngày 4 đến.

Ví dụ 3. Đoán ngày mai chủ nhật, ông Hồ Nhân Tuấn có đến không.

Ông Hồ ở Tây An là bạn đồng nghiệp với tôi. Ông chủ yếu nghiên cứu đoán chữ và tướng học, thường đến tôi để nghiên cứu tướng học. Hôm trước ông ta bảo 1 tuần nữa sẽ đến, nhưng cuối cùng không thấy đến. Ngày mai là chủ nhật tôi thử đoán xem có đến không. Được quê Hoán của quê Tụng.

Năm 1988	tháng 5	ngày 5	giờ Dậu
Mậu Thìn	Mậu Ngọ	Giáp Thìn	Tân Dậu

QUÊ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ.
 Thê tài thân kim.
 Huynh đệ ngộ hỏa O thế
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ.
 Phụ mẫu dẫn mộc.. ứng

QUÊ BIẾN : HOÁN

Phụ mẫu mảo mộc.
 Huynh đệ ty hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Huynh đệ ngộ hỏa..
 Tử tôn thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu dẫn mộc..

Tôi xem quẻ xong nói với người nhà : theo quẻ mà nói, ông Hồ đang đi xa có việc, ngày mai không đến. Ngày mai tôi đi xa làm việc của tôi. Tối ngày hôm sau khi trở về nhà, người nhà báo cho biết : không thấy ông Hồ đến.

Trong ví dụ 2, quẻ Tụng biến thành quẻ Hoán thì có người đến, nhưng ở ví dụ này quẻ Tụng cũng biến thành quẻ Hoán, nhưng tại sao người lại không đến ? Ở ví dụ 2, hào ứng dẫn mộc của quẻ tụng không phải tuần không, còn ở ví dụ này, dụng thần dẫn mộc tuần không hóa thành dẫn tuần không, cho nên người chưa đến. Chờ sau khi dẫn mộc xuất không thì sẽ đến. Khi gặp ông Hồ tôi hỏi vì sao chủ nhật không đến. Ông xin lỗi nói là đang đi công tác.

Ví dụ 4. Đoán học trò Trần Viên hôm nào đến Tây An.

Trần Viên từ Bắc Kinh gửi thư đến nói : trong một ngày gần đây sẽ đi Tây An công tác. Nay gieo quẻ đoán xem lúc nào đến, được quẻ Khảm của quẻ Tỳ.

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 2
Kỷ Mão

ngày 13
Quý Dậu

QUẺ CHỦ : TỶ

Thê tài tỳ thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý mao mộc.. thế
Phụ mẫu tỵ hỏa x
Huynh đệ mùi thổ..

QUẺ BIẾN : KHẢM

Thê tài tỳ thủy.. thế
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Phụ mẫu ngọ hỏa.. ứng
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dẫn mộc..

- 1) Người sẽ đến. Ngày 18 tháng 2 khởi hành, ngày 19 sẽ đến.
- 2) Ngày dẫn 18 sẽ có điện báo.


Ngày 19 Trần Viên đến Tây An. Ngày 18 trước lúc khởi hành đã đánh điện báo. Cô ấy sau khi xem những ghi chép về dự đoán của tôi càng tăng thêm quyết tâm phải học tốt Chu dịch.

Giải : Hào tử tôn thân kim là dụng thần, dụng thần khắc hào thế là người nhất định đến. Thân hóa thân, thân là tây nam chính là Tây An ở phía tây nam của Bắc Kinh. Ngày 18 là mậu dẫn, ngày dẫn xung dụng thần thân kim, xung thì động, động là tượng khởi hành. Cho nên ngày kỷ mao 19 đến. Đoán ngày 18 có điện báo là vì : hào phụ mẫu tỵ hỏa chủ về thư tín, lại động là tượng có thư. Ngày 18 là mậu dẫn, dẫn mộc sinh tỵ hỏa cho nên có điện báo.

VI – ĐOÁN VỀ XUẤT HÀNH

Xuất hành tức là vì có việc phải đi xa, như đi công tác, thăm hỏi bạn bè, ra ngoài buôn bán. Muốn biết ngày đã định có xuất hành được hay không, việc có thành công không, tốt xấu như thế nào đều có thể dự đoán được. Dự đoán về những vấn đề này như thế nào, trong cuốn Chu dịch dự đoán học tôi đã bàn khá kỹ mi.

Ví dụ 1. Đi không nổi.


Tháng 3 năm 1985, chú Vương ở cơ quan tôi nói ngày mai sẽ đi Sơn Tây, muốn nhờ tôi đoán xem tình hình ra sao. Tôi đoán được quẻ Cấn của quẻ Khôn (tháng kỷ mao, ngày kỷ hợi) .

Sau khi xem xong tượng quẻ, tôi nói : ngày mai chú đi không nổi. Anh ta nói : mọi thứ tôi chuẩn bị cả rồi, sáng mai chỉ cần mua vé là đi, chắc không có gì mà đi không nổi. Tôi nói : chờ ngày mai ta xem. Kết quả nửa đêm con bị sốt cao nên đi không được.

Quẻ khôn biến thành quẻ cấn là ngang hòa biến thành ngang hòa. Ngang hòa bình thường là thuận lợi, nhưng khi đoán về người đi xa lại là tạm thời chưa về được; đoán về xuất hành là tạm thời chưa đi được. Vì hai quẻ khôn và cấn đều là thổ, là tĩnh, là ngừng. Cuối cùng là do cơn sốt cao nên không đi được.

Ví dụ 2. Trong vòng 7 ngày rưỡi chưa đi được.


Tháng 4/1987, khi tôi còn giảng bài ở lớp nghiên cứu học tập Kinh dịch đợt thứ 4 cho toàn quốc ở Bắc Kinh, lúc nghỉ giữa giờ buổi chiều ngày 13 tháng 4, học viên Trương nói : Thầy Thiệu, đơn vị tôi có một đồng nghiệp sắp đi công tác, nhờ thầy đoán xem khi nào có thể đi được ? Được quẻ Bôn của quẻ Cấn.

Năm 1987	tháng 3	ngày 16	giờ Mùi	
Đinh Mão	Giáp Thìn	Giáp Thìn	Tân Mùi	

Sau khi lập được tượng quẻ, tôi nói với đồng đảo mọi người rằng : trong vòng 7 ngày rưỡi chưa thể đi được. Sau đó, chị ta liền chứng thực quẻ đoán của tôi là đúng. Chị nói : mãi tới ngày 20 anh ấy mới đi công tác. Mọi người nghe xong đều rất thán phục.

Giải : Cấn là thổ, là ngừng, là tượng bất động. Đoán 7 ngày rưỡi là vì cấn là 7, càn là 1. Quẻ thượng cộng với quẻ hạ, cộng hào động chia 2 được 7,5, tức 7 ngày rưỡi. Vì lúc nhờ đoán quẻ chị ta trong trạng thái đi lại, nên lấy một nửa.

Ví dụ 3. Ngày thứ sáu thì trở về.

Ngày mao, tháng mao, năm 1990 chị Trần Trác Anh là học viên người Quảng Châu nhờ tôi đoán có người đi xa ngày nào trở về. Được quẻ Phục của quẻ Chấn 

Sau khi lập quẻ và xem tượng quẻ tôi nói : 6 ngày nữa nhất định sẽ trở về. Về sau 4 ngày thì trở về.

Giải : Quẻ chấn lâm nguyệt, nhật vượng địa, lại là quẻ ngang hòa là người nhất định trở về. Chấn là 4, tức 4×3 chia cho $2 = 6$, cho nên đoán 6 ngày (chia cho 2 là vì, trong lúc đoán quẻ, người hỏi quẻ đang đi lại).

Chị Trần hỏi tôi : thầy Thiệu, theo số quẻ để tính thì ngày thứ 6 mới về, vì sao ngày thứ 4 đã về ? Ở đây chấn lâm nguyệt, nhật kiến vượng địa. Chấn là chân, nay chân động là thân vượng nên đi khỏe. Sách cổ có câu : "chấn là xe, khôn là mã". Ngày xưa, xe ngựa là phương tiện giao thông đi nhanh nhất, có lẽ vì thế nên về sớm.

Theo tượng quẻ mà nói : chấn biến thành khôn, khôn là xe lớn. Ngày nay khôn cũng có nghĩa như tàu hỏa, nên đó là tượng về nhanh. Ở quẻ này đoán 6 ngày sau sẽ về, về nguyên tắc không sai là vì chấn vượng có thể đoán 4 ngày, chấn không vượng có thể đoán 6 ngày, thậm chí có thể còn nhiều ngày hơn nữa. Như vậy có nghĩa là đoán thời gian về sớm hay muộn còn cần phải căn cứ tượng quẻ vượng hay suy, cũng tức là thể hiện trình độ đoán cao hay thấp.

Ví dụ 4. Điện báo cho Thượng Hải ngày khai giảng lớp học chậm.

Ban đầu dự kiến ngày 2/6/1989 lớp học về Chu dịch của Thượng Hải sẽ khai mạc, do tôi chủ trì. Tôi quyết định ngày 29 tháng 5 lên đường, ngày 30 sẽ đến. Nhưng ngày 25 tháng 5 khi Trần Toàn Nhân đi đặt vé cho tôi, là lúc trên toàn quốc đang ở thời kỳ thay đổi giờ tàu, cho nên đoán xem lần xuất hành này sẽ ra sao. Lắc được quẻ Lữ của quẻ Tấn.

Năm 1989 Kỷ Ty	tháng 4 Kỷ Ty	Ngày 21 Át Dậu
QUẺ CHỦ : TẤN	QUẺ BIẾN : LỮ	LỤC THẢN
Quan quý ty hỏa.	Quan quý ty hỏa.	Huyền vũ
Phụ mẫu mùi thổ..	Phụ mẫu mùi thổ..	Bạch hổ
Huynh đệ dậu kim. thể	Huynh đệ dậu kim. ứng	Phi xà
Thê tài mao mộc x	Huynh đệ thân kim.	Câu trăn
Quan quý ty hỏa..	Quan quý ngọ hỏa..	Chu tước
Tôn tý :		
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng	Phụ mẫu thìn thổ.. thể	Thanh long

Tôi xem kỹ tượng quẻ, tượng hào, sau đó đoán quẻ này chủ về sẽ phát sinh một sự kiện lớn. Cho nên chuyến đi này không thuận buồm xuôi gió. Do đó, chiều ngày 25 tôi đánh một bức điện báo cho Thượng Hải : giờ khai giảng sẽ chậm hơn. Ngày 1/6 phía Thượng Hải lại đánh điện giục tôi sớm khởi hành hy vọng có thể khai giảng đúng dự định. Tôi vẫn giữ ý kiến đi muộn.

Giải : Theo tượng quẻ mà nói : phạm lập quẻ do lặc quẻ, nên lấy quẻ có hào động là quẻ dụng, quẻ không có hào động là quẻ thể. Khi hai quẻ thượng, hạ đều có hào động, hoặc đều không có hào động thì lấy hào thể làm quẻ thể, hào ứng làm quẻ dụng. Nay quẻ ly hòa là quẻ thể, khôn thổ là quẻ dụng. Tuy quẻ thể lâm nguyệt kiến vượng địa, nhưng ở quẻ chủ thể sinh cho dụng. Thể sinh cho dụng là tượng hao tổn, cho nên chuyến đi này không lợi.

Quẻ hồ là kiến. Kiến là khó. Quẻ thượng của kiến là khảm là thủy, là quẻ thể, quẻ hạ là cần, là thổ, là quẻ dụng, tức là vì dụng khắc thể nên không tốt. hơn nữa khảm là sa vào, cần là ngừng, là tượng trên đường đi giao thông bị tắc trở. Nếu ngày 29 tháng 5 tôi khởi hành thì ngày 30 ở Trịnh Châu, Từ Châu, Nam Kinh không thông xe, nên tôi đi không nổi, quay về không nổi tức là bị mắc kẹt giữa đường.

Quẻ biến là Lữ, quẻ thượng ly là hỏa, quẻ hạ cần là núi tức có nạn cháy rừng, có khả năng gặp tai nạn hỏa hoạn. Hơn nữa quẻ lữ có tượng đi ra gặp điều không yên ổn, cho nên chuyến đi Thượng Hải này dọc đường tắc trở, đó là chưa nói đến có thể bị tổn thất về những tai họa khác.

Theo sáu hào mà nói, khi đoán xuất hành, hào quan quý không nên hiện trên quẻ, hào huynh đệ không tri thể, hào huynh đệ không nên động, hào ứng không tuần không là tốt. Nay trong quẻ quan quý xuất hiện 4 lần, mà quan quý còn gặp thái tuế lâm nguyệt kiến vượng địa, còn hào huynh đệ tuy chưa động, nhưng huynh đệ tri thể, huynh hóa huynh là nhiều người kết bạn lại gặp phi xà là chủ về tượng có sự kinh dị khác thường, có thể gặp nạn phá tài, kiếp tài. Quẻ ngoại phục ngâm là chủ về diêm lo sợ, hào ứng lại tuần không là ứng với câu ? : "Hào ứng tuần không là việc không thành". Như vậy qua tượng hào cũng chứng tỏ dù có đi cũng không đến lớp đúng hẹn. Sự thực đã diễn ra như thế.

Ví dụ 5. Điện báo cho Quảng Châu, ngày khởi hành chậm lại.

Tôi dự kiến ngày 4 tháng 4 năm 1990 khởi hành đi Quảng Châu giảng bài. Trước khi đi 3 hôm, 1 võ sư khí công báo cho tôi biết : ngày 6 tháng 4 ở Quảng Châu có động đất. nếu ngày 6 thấy đến Quảng Châu thì vừa dịp đó, nên đề nghị tôi chậm lại. Để chứng thực tin động đất có đúng hay không, ngày 1 tháng 4 tôi đã lặc được quẻ Phục của quẻ Khôn.

Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 3 (lệnh tháng 2)
Kỷ Mão

ngày 6
Bính Thân

QUÊ CHỦ : KHÔN	QUÊ BIẾN : PHỤC	LỤC THẦN
Tử tôn dậu kim.. thế	Tử tôn dậu kim..	Thanh long
Thê tài hợi thủy..	Thê tài hợi thủy..	Huyền vũ
Huynh đệ sữu thổ..	Huynh đệ sữu thổ.. ứng	Bạch hổ
Quan quý mao mộc.. ứng	Huynh đệ thìn thổ..	Phi xà
Phụ mẫu ty hỏa..	Quan quý dần mộc..	Câu trăn
Huynh đệ mùi thổ x	Thê tài tý thủy. thế	Chu tước

1) Quê chủ và quê biến tuy đều thuộc cung khôn, nhưng thanh long, xà quý, thìn thổ đều yên tĩnh, là tượng không có động đất. Do đó trước ngày 7 tháng 4 Quảng Châu quyết không có động đất.

2) Hào dậu huynh đệ mùi thổ của quê khôn động biến thành quê phục. Cả hai quê âm nhiều dương ít, là tượng người đông. Quê phục, quê hạ có chấn mộc, lâm lệnh tháng vượng địa mà khắc khôn thổ, nên e rằng ngày 6 tháng 4 ở Quảng Châu có sự kiện chấn động, vì đó mà hỗn loạn. Hơn nữa chu tước lâm hào huynh đệ là phát sinh các việc về kiếp tài, kiện tụng, cãi vã.

3) Đoán về xuất hành mà gặp quê khôn là tượng không động. Tuy hào tử tôn dậu kim trị thế, nhưng hào thế lâm nguyệt phá nên không tốt, hơn nữa khôn là quê lục xung, là có loạn động, điềm không an ninh. Huynh đệ động biến thành hào thê tài là có hỏa kiếp tài. Ngày 4 xuất hành không lợi. Do đó tôi liền điện cho Hiệu trưởng Hoàng Bình Phương của Trường khí công Báo Lâm - Quảng Châu rằng : "Xin đổi lại ngày 11 sẽ khởi hành và ngày 13 đến".

Ngày 13 tháng 4 tôi vừa xuống tàu thì Hoàng hiệu trưởng nói với tôi : "Thầy Thiệu thật thần tiên. Khi tôi nhận được điện thầy khởi hành chậm thì tôi rất lạ, hơn nữa thầy lại còn chúc gia đình tôi bình an. Tôi đoán rằng có thể thầy đã dự đoán được Quảng Châu sẽ phát sinh sự kiện gì đó. Quả nhiên ngày 6 tháng 4 ở cửa khẩu ga tàu hỏa Quảng Châu đã xảy ra vụ nổ lớn, làm chết và bị thương mấy chục người". Về sau không ít học viên, khi biết được việc này đều vô cùng khâm phục bản linh dự đoán cao siêu của thầy. Nghe nói hôm nay thầy đến, họ rất vui mừng.

Đoán ngày 6 (ngày tân sữu) tháng 4 Quảng Châu có sự kiện chấn động là vì : hào dậu của quê khôn mùi thổ động, nhất-định sẽ tương xung với nhật kiến sữu thổ. Thực tế chứng minh biết được sự xấu tốt của xuất hành là việc rất hệ trọng để giữ gìn tính mạng.

Chương 4

DỰ ĐOÁN VỀ HỌC TẬP

Dự đoán về học tập là dự đoán xem có thi đỗ đại học, hoặc đi nghiên cứu sinh, hoặc ra nước ngoài du học, hoặc có đạt được những học vị trong khoa học, kỹ thuật hay không, cũng có thể dự đoán lên lớp hay không. Về tất cả những vấn đề này, tôi đã bàn tỉ mỉ trong sách "Chu dịch dự đoán học".

I. ĐOÁN VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Dùng bát quái để dự đoán kết quả thi vừa có thể đoán được sau này anh có thể thi vào đại học không, hoặc biết được anh đã tốt nghiệp đại học, hoặc đã thi vào đại học hay chưa. Có người tuy mới đoán lần đầu, nhưng thông qua quẻ đoán là có thể biết được trình độ văn hóa của người đó.

Ví dụ 1. Anh đang học đại học.

Ông Triệu bạn tôi, năm 1985 khi ở trong phố đến thăm tôi đã đưa đến một quẻ đoán của cháu Đàm trong cơ quan của ông. Đó là quẻ Quy muội của quẻ Chấn (ngày giáp dần, tháng giáp thân).

QUẺ CHỦ : CHẤN

Thê tài tuất thổ.. thê
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài thìn thổ.. ứng
Huynh đệ dần mộc x
Phụ mẫu tý thủy.

QUẺ BIẾN : QUY MUỘI

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim..
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài sũu thổ.. thê
Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn tý hỏa.

Tôi, sau khi xem quẻ, liền dự đoán : cháu này đang học đại học, có phải năm 1982 thi đỗ không ? "Đúng !" ông Triệu vô cùng kinh ngạc nói. "Vì sao trong bát quái cái gì cũng có. Ngay khi lên đại học cũng có thể đoán được, thật đáng khâm phục".

Giải : Trong quẻ ba hào : tài, quan, phụ lâm nguyệt kiến vượng địa. Tuy hào phụ mẫu tý thủy tuần không, nhưng quan quý thân kim lâm nguyệt kiến, quan hỏa quan mà ám động sinh ra văn tinh phụ mẫu tý thủy. Phụ mẫu tý thủy gặp vượng địa nên không còn là tuần không, lại được hào động sinh cho càng là không tuần không. Ví dụ này ứng với câu : "Phụ mẫu hưng vượng, là có tên trong bảng vàng". Đoán năm 1982 thi đỗ đại học là vì hào thê tài tuất thổ lâm thái tuế, thái tuế sinh quan, quan sinh phụ mẫu.

Ví dụ 2. Nguyên là 1 vị kỹ sư nổi tiếng.

Thầy Tào ở Tây An đến nhà tìm tôi nói : "Anh bạn của tôi từ thành phố khác đến Tây An công tác, nhất định yêu cầu tôi tìm đến gặp thầy, nhờ thầy đoán cho xem. Được quẻ Tỹ của quẻ Tụy (ngày quý mùi, tháng tân mùi).

QUẾ CHỦ : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim. ứng

Tử tôn Hợi thủy O

Thê tài Mão mộc..

Quan quý Tỵ hỏa.. thế

Phụ mẫu mùi thổ..

QUẾ BIẾN : TỶ

Tử tôn Tý thủy.. ứng

Phụ mẫu Tuất thổ.

Huynh đệ Thân kim..

Thê tài Mão mộc.. thế

Quan quý Tỵ hỏa..

Phụ mẫu mùi thổ..

LỤC THẦN

Bạch hổ

Phi xà

Câu trần

Chu tước

Thanh long

Huyền vũ

Tôi nói với người đến đoán : "Anh không những là một kỹ sư mà hồi còn đang học, từ phổ thông đến đại học, thành tích học tập luôn đứng đầu, tài học xuất chúng. Văn chương của anh không những viết hay, viết nhanh mà còn nổi tiếng". Anh ta phấn khởi hỏi tôi : có phải bác có công năng đặc biệt ? Tôi nói : tôi không có năng lực gì đặc biệt về mặt đó, xưa nay chưa hề luyện khí công. Anh ta nói với mọi người xung quanh rằng : "Tôi vốn không tin đoán mệnh. Hôm nay đến thăm bác cũng là muốn để thử xem, không ngờ bát quái lại có thể đoán được nhiều việc và đoán đúng như thế, thật là khó hiểu". Lúc đó, anh ta mới đưa các văn bằng ra. Người này không những đã đi khắp Trung Quốc mà còn nổi tiếng trong và ngoài nước. Những bản tham luận phát biểu của anh ta có tiếng vang rất lớn, là nhà lý luận nổi tiếng ở Trung Quốc.

Giải : Trong quẻ Tụy quan vượng, phụ mẫu vượng, quan quý lại trì thế. Hào phụ mẫu âm nhật, nguyệt kiến lại còn được hào quan quý sinh cho. Trong quẻ quan biến thành quan, phụ mẫu biến thành phụ mẫu là tượng có tên trong bảng vàng, cũng là tượng người học trò có tài văn chương xuất chúng.

Quan tinh và mã tinh đều xuất hiện là đi thi đứng đầu. Hai hào quan quý, phụ mẫu đều hưng thịnh là văn chương đặc dụng. Thanh long âm hào thế, sinh cho hào thế không những có nhiều tin vui mà văn chương đứng đầu, nổi tiếng khắp nơi.

Trong quẻ tụy có tử tôn Hợi thủy động để khắc hào thế quan quý, nhưng có nhật nguyệt kiến mùi thổ chế ngự cho nên không bị cản trở gì.

Ví dụ 3. Đúng, đã tốt nghiệp đại học, công tác được 1 năm.

Chồng của cô Lý y tá cơ quan tôi, nhờ tôi đoán cho con. Được quẻ Dự của quẻ Giải (ngày giáp tý, tháng bính thân).

QUÊ CHỦ : GIẢI

Thê tài tuất thổ..

Quan quý thân kim.. ứng

Tử tôn ngộ hỏa.

Tử tôn ngộ hỏa..

Thê tài thìn thổ O thế

Phụ tý : Huynh đệ dẫn mộc..

QUÊ BIÊN : DỰ

Thê tài tuất thổ..

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngộ hỏa. ứng

Huynh đệ mao mộc..

Tử tôn ty hỏa..

Thê tài mùi thổ.. thế

Tôi xem tượng hào xong nói : con anh rất khá, năm 1983 đã đỗ vào đại học. "Đúng, nay đã tốt nghiệp đại học và công tác được 1 năm rồi".

Giải : Hào quan và hào thế tương sinh. Phụ mẫu tý thủy tuy phục dưới hào huynh đệ dẫn mộc, là bị xi hơi, nhưng phụ mẫu tý thủy lâm nhật, nguyệt kiến sinh cho nên ở vượng địa. Thân kim xung mất phi thân dẫn mộc làm hiện phục thân và được sinh thì đương nhiên là lên lớp. Thí dụ này đổ vào đại học là ứng với câu : "Hào thế vượng tương, có một trong hai hào phụ mẫu hay quan quý là phục thân không hiện, nếu được nhật nguyệt xung mất phi thân thì nhất định bằng vàng nêu tên". Năm 1983 là năm Quý Hợi, hào phụ mẫu lâm thái tuế là lúc thi đỗ.

Ví dụ 4. Nhất định tốt nghiệp đại học rồi.

Cậu Sài ở đơn vị tôi đưa bạn đến đoán, được quẻ Thăng của quẻ Tỉnh (ngày kỷ hợi, tháng tân mùi).

QUÊ CHỦ : TỈNH

Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ O thế

Quan quý thân kim..

Quan quý dậu kim.

Phụ mẫu hợi thủy. ứng

Thê tài sửu thổ..

QUÊ BIÊN : THĂNG

Quan quý dậu kim..

Phụ mẫu hợi thủy..

Thê tài sửu thổ.. thế

Quan quý dậu kim.

Phụ mẫu hợi thủy.

Thê tài sửu thổ.. ứng

LỤC THẦN

Câu trần

Chu tước

Thanh long

Huyền vũ

Bạch hổ

Phi xà

Căn cứ các thông tin hiện ra trong tượng quẻ, tôi nói : "Anh nhất định đã tốt nghiệp đại học mấy năm, năm 1989 là thời cơ tốt để kết hôn". Anh ta ngạc nhiên nói : "Thầy Thiệu, làm sao thầy biết được tôi đã tốt nghiệp đại học được mấy năm?". Tôi nói : Là vì trong quẻ chứa đựng thông tin anh học đại học.

Giải : Hào tài tri thế lại lâm nguyệt kiến vượng địa, hào quan quý xuất hiện 2 lần, được nguyệt kiến sinh cho là tài và quan tương sinh cho nhau. Hai hào phụ mẫu hợi, tý thủy tuy ở đất hưu tù nhưng được hào năm tuất thổ động để sinh quan, quan lại tiếp tục sinh phụ mẫu, tức là liên tục tương sinh, lục thần chu tước lại vượng, lâm hào thế là lợi về học hành thi cử. Cho nên nói người đó đã tốt nghiệp đại học. Ví dụ này ứng với câu : "Quan vượng có thể trợ giúp phụ mẫu suy, nên chắc chắn thi đỗ".

Ví dụ 5. Thi là nổi tiếng.

Năm 1988, khi giảng bài ở Khai Phong, có một đồng chí ở trong Ban lãnh đạo nhà trường đưa một người đến nhờ tôi đoán vận. Sau khi lập giờ sinh tháng để thành quẻ, được quẻ Phong của quẻ Tiểu quá (ngày mậu thìn, tháng đinh mão).

QUẺ CHỦ : TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..
Huynh đệ thân kim..
Quan quý ngọc hỏa. thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ X ứng

QUẺ BIẾN : PHONG

Phụ mẫu tuất thổ..
Huynh đệ thân kim.. thế
Quan quý ngọc hỏa.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. ứng
Thê tài mão mộc.

Sau khi xem qua tượng hào, tôi nói : năm 1963 anh đã tốt nghiệp đại học. Mọi người xung quanh đều đồng thanh nói : Đúng ! Tôi lại nói tiếp : Anh là người rất nổi tiếng. Mấy vị giáo sư đều kinh ngạc giơ ngón tay cái lên nói : Bất quáí thật thần kỳ. Thầy Thiệu, thầy đoán đúng quá, anh ấy là nhà văn nổi tiếng toàn quốc, đồng thời còn là nhà lãnh đạo xí nghiệp, người anh hùng lao động. Được các sách báo, điện ảnh đưa tin nhiều lần.

Giải : Trong quẻ hào quan quý lâm vượng địa lại trì thế quan quý hóa quan quý, còn được nguyệt kiến sinh là quan vượng, thế vượng. Trong quẻ hai hào phụ mẫu thìn, tuất 1 vượng, 1 tuần không, hào ứng phụ mẫu thìn thổ lâm nhật kiến, tuy động hóa thành mão mộc khắc trở lại, nhưng may có hào quan quý xuất hiện hai lần, hào thế, hào ứng tương sinh cho nhau, như thế gọi là vượng quan trì thế, sinh thế thì có thể trợ giúp cho hào phụ mẫu suy, đó là tiêu chí vào đại học. Hào thế quan quý, hào ứng phụ mẫu là quan án tương sinh, tất nhiên nhất định nổi tiếng.

II. ĐOÁN VỀ THI ĐỖ

Hàng năm, sau mỗi kỳ thi đại học, có người thi đậu, cả nhà phấn khởi, cũng có người thi hỏng, không những bản thân buồn bã thất vọng, mà cả nhà cũng rất nuối tiếc. Thậm chí có những bậc cha mẹ quá mong mỏi cho sự thành đạt của con, nên trách mắng con thường ngày không có gắng, thậm chí có người đánh chửi con quá mức, khiến cho con cái đau khổ, có cháu nhất thời không chịu đựng được sinh bệnh thần kinh, có cháu bỏ nhà ra đi. Những hiện tượng này đáng để cho mọi người và cả xã hội chú ý.

Đối với việc dự đoán thi vào đại học, nên dự đoán chính xác để những người có khả năng thi được thì nỗ lực hơn trong học tập, tranh thủ thành tích đạt được cao hơn; đối với những người năm nay gặp vận khí chưa tốt,

sang năm thi lại, hoặc đang trong bại vận, không thể thi đỗ thì bản thân và gia đình phải chuẩn bị tư tưởng, có thái độ đúng đắn, để sớm có sự lựa chọn thích hợp, tránh được cảnh học ôn mấy năm, hao phí nhiều thời gian và tiền của, còn bỏ lỡ thời cơ học nghề mà chỉ biết một mục đích là cố thi cho được. Như vậy đối với các cháu và gia đình đều không có lợi. Do đó dự đoán trước khi thi là điều vô cùng cần thiết, vì không những đưa lại sự tin tưởng, cố gắng mà còn đề phòng được những hậu quả không hay có thể phát sinh.

Ví dụ 1. Quả nhiên thi đỗ.

Con ông Lưu cơ quan tôi đã thi đỗ đại học, sau đó còn trở thành nghiên cứu sinh. Nhưng con gái của ông có thể đỗ đại học hay không thì ông không dám chắc. Vì vậy, trước khi thi 1 năm đã tìm tôi nhờ đoán. Được quê Đại Súc của quê Tồn (ngày mậu thìn, tháng mậu tý).

QUÊ CHỦ : TỒN

Quan quý dẫn mộc. ứng

Thê tài tý thủy..

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ sữu thổ x thế

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu ty hỏa.

QUÊ BIÊN : ĐẠI SÚC

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tý thủy.. ứng

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ thìn thổ.

Quan quý dẫn mộc. thế

Thê tài tý thủy.

Sau khi xem các thông tin lộ ra trong các hào, tôi nói : con gái ông có thể đỗ, có thể không. Vì vậy ngay từ bây giờ phải hết sức cố gắng học tập mới mong thi đỗ, vì khả năng rất mong manh. Về sau ông Lưu nói : may nhờ lời khuyên đó nên con ông rất tranh thủ học tập và quả nhiên điểm thi vừa đủ đỗ.

Giải : Dự đoán về thi cử, trong quê không nên gặp hào huynh đệ trì thế, vì huynh đệ trì thế là chủ về sự tranh chấp. Quê này, tuy hào huynh đệ trì thế, nhưng hào quan quý xuất hiện 2 lần lại gặp vượng địa, còn được nguyệt kiến sinh cho. Cho nên nếu bản thân nỗ lực học tập thì có thể chế ngự được huynh đệ.

Trong quê hào quan quý dẫn mộc vượng, còn được nguyệt kiến sinh cho; hào phụ mẫu ty hỏa tuy ở tứ địa, lại hóa thành tý thủy khác trở lại là không tốt, nhưng tý thủy nhập mộ của nhật kiến thìn thổ nên không có lực để khắc ty hỏa. Ty hỏa lại còn được quan vượng sinh cho. Vì vậy tuy thi đậu, nhưng đậu không cao.

Ví dụ 2. Anh ấy đã thi đỗ nghiên cứu sinh.

Có người con em ở cơ quan tôi thi nghiên cứu sinh. Năm 1986 thi hỏng, lần này chuẩn bị thi lần thứ hai, nhưng cũng không dám chắc, ông bố đến nhờ tôi dự đoán, được quê Khôn của quê Tý (ngày bính ngọ, tháng bính thân).

QUÊ CHỦ : TỶ

Thê tài tỷ thủy.. ứng
 Huynh đệ tuất thổ O
 Tử tôn thân kim..
 Quan quý mao mộc.. thế
 Phụ mẫu ty hỏa..
 Huynh đệ mùi thổ..

QUÊ BIẾN : KHÔN

Tử tôn dậu kim.. thế
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc.. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa..
 Huynh đệ mùi thổ..

Tôi nói với cha mẹ anh ta : Tranh thủ thời gian học tập, sang năm nhất định thi được. Năm 1987, quả nhiên thi đỗ.

Giải : Hào quan quý mao mộc tri thế, hào phụ mẫu ty hỏa lâm ngộ hòa của nhật kiến, hào quan quý biến thành quan quý, phụ mẫu biến thành phụ mẫu là quan và phụ tương sinh cho nhau. Huynh đệ tuất thổ động để tương hợp với mao mộc hóa thành hỏa trợ giúp cho vận tinh của phụ mẫu, trước mắt quan tinh mao mộc tuy ở tử địa, nhưng sang năm gặp thái tuế tri thế, tức là gặp chính diện quan tinh của thái tuế nên nhất định thi đỗ. Cuối cùng đúng như dự đoán.

Ví dụ 3. Có thể thi đậu đại học, nhưng ngành nghề không lý tưởng.

Con gái ông Đỗ ở cơ quan tôi năm 1986 thi vào đại học, đến nhờ tôi đoán, được quẻ Hằng của quẻ Quy muội (ngày ất ty, tháng ất mùi).

QUÊ CHỦ : QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngộ hỏa.
 Phụ mẫu sửu thổ X thế
 Thê tài mao mộc.
 Quan quý ty hỏa O

QUÊ BIẾN : HẰNG

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngộ hỏa.
 Huynh đệ dậu kim. thế
 Tử tôn hợi thủy.
 Phụ mẫu sửu thổ..

Căn cứ vào các hào, tôi nói với ông Đỗ : Con ông năm nay nhất định vào đại học, nhưng ngành nghề có biến động, không lý tưởng lắm.

Ngày 1-8-1986, ông Đỗ gặp tôi nói : Thấy đoán cho con gái tôi rất đúng. Lúc đó thầy nói cháu có thể thi đậu, thì nay đã đậu, vào khoa tiếng Trung của đại học Tây bắc thành phố Tây An. Ban đầu không bị đổi khoa nên rất phấn khởi, cứ nghĩ là thầy đoán lắm, không ngờ khi cháu đến trường thì lại bị đổi sang khoa quản lý, học về quản lý công nghiệp. Quả thực dự đoán như thần.

Giải : Trong quẻ hào phụ mẫu sửu thổ vượng mà tri thế lại được quan quý ty hỏa gặp nhật kiến động sinh cho hào thế tức là sinh cho vận tinh. Đó là dấu hiệu có thể thi đậu, hơn nữa ngành nghề tốt. Nhưng hào phụ mẫu sửu thổ bị nguyệt phá mà ám động biến thành hào huynh đệ dậu kim làm

cho xì hơi, hoặc nói cách khác sừ dậu bán hợp nhau thành cục huynh đệ. Vì huynh đệ chủ về tranh chấp, nên ban đầu tuy được báo học khoa Trung văn, nhưng về sau bị người khác giành mất, dành rơi vào khoa quản lý.

Ví dụ 4. Sang năm thi lại.

Ông Lý đưa con đến hỏi tôi năm 1987 cháu có thể thi đậu không ? Được quẻ Di của quẻ Hoán (ngày kỷ hợi, tháng bính thân)

QUẺ CHỦ : HOÁN

Phụ mẫu mao mộc.

Huynh đệ ty hỏa ○ thế

Tử tôn mùi thổ..

Huynh đệ ngộ hỏa..

Tử tôn thìn thổ ○ ứng

Phụ mẫu dần mộc X

QUẺ BIẾN : DI

Phụ mẫu dần mộc.

Quan quý tý thủy..

Tử tôn tuất thổ.. thế

Tử tôn thìn thổ..

Phụ mẫu dần mộc..

Quan quý tý thủy. ứng

Quẻ này tương đối phức tạp. Tôi xem tượng quẻ, tượng hào rồi nói : Con ông năm nay thi đậu, nhưng vì gặp trắc trở nên không được lấy vào. "Đúng, năm nay cháu đã thi đậu, sau khi đến trường vì đánh nhau, bị nhà trường bắt giữ hơn nửa tháng, sau đó bị đuổi. Nhờ thầy xem có thể tìm trường khác để xin vào học được không, hoặc sang năm thi lại có đậu được không ?" "Sang năm nhất định thi đậu". Tôi lại nói với con ông : "Cháu không nên đánh nhau nữa, nhất định phải tôn trọng nội quy nhà trường, nếu không thì không những thi hỏng mà còn gặp những bất trắc khác". Về sau nhờ cháu nghe lời, cố gắng học tập, nên năm 1987 lại thi đậu.

Giải : Hào phụ mẫu mao mộc tuy bị tuyệt ở nhật kiến, nhưng hào quan quý tý thủy được nguyệt kiến sinh cho, lại lâm nhật kiến nên vượng, do đó có thể sinh trợ cho hào phụ mẫu mao mộc. Điều này ứng với câu : "Vượng quan có thể trợ giúp cho suy phụ".

Đoán con ông xảy ra sự việc vì trong quẻ cùng với nguyệt kiến cấu tạo thành ty hình thân, thân hình dần, dần hình ty, tức tam hình đều có. Hào thế là hào dương, dương động là chủ về việc quá khứ, huynh đệ tri thế mà động là chủ về việc đấu tranh, hơn nữa hào thế lại hóa thành quan quý khắc trở lại là nhất định có việc kiện tụng, việc quan, do đó đã xảy ra việc đánh nhau bị nhà trường bắt giam và khai trừ. Đoán năm 1987 lại thi đậu là vì hào phụ mẫu mao mộc làm thái tuế, cho nên văn tinh rất vượng.

Ví dụ 5. Cảm ơn thầy Thiệu.

Bác sĩ Lưu đến hỏi tôi : con gái bà cuối năm có thi đỗ đại học không ? Được quẻ Tỳ của quẻ Tỳ.

Năm 1986

tháng 2

ngày 25

giờ Dậu

Bính Dần

Tân Mão

Đinh Sửu

Kỷ Dậu

QUÊ CHỦ : TÝ

Thê tài tý thủy.. ứng
 Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim x
 Quan quý mao mộc.. thế
 Phụ mẫu ty hỏa..
 Huynh đệ mùi thổ..

QUÊ BIẾN : TỬ

Huynh đệ mùi thổ..
 Tử tôn dậu kim. ứng
 Thê tài hợi thủy.
 Quan quý mao mộc..
 Phụ mẫu ty hỏa.. thế
 Huynh đệ mùi thổ..

Sau khi lập tượng quê, thấy rõ quan-tinh, văn tinh, tôi chúc mừng bà :
 Xin chúc mừng bác sĩ, năm nay cháu nhất định đỗ vào đại học. Về sau bác sĩ gặp tôi phần khởi thông báo cháu đã thi đỗ. Rất cảm ơn thầy.

Giải : Quan quý mao mộc lâm nguyệt kiến, còn trì thế, lại biến thành quan tinh mao mộc; phụ mẫu ty hỏa vốn đã ở vượng địa lại còn được quan tinh của nguyệt kiến sinh cho, như vậy gọi là quan quý tương sinh, đó là tượng treo bảng vàng. trong quê hào tử tôn thân kim tuy động khắc hào quan quý mao mộc, nhưng thân kim ở đất hưu tù, hơn nữa còn biến thành hợi thủy làm xi hợi, do đó không những không khắc nổi quan tinh, ngược lại còn sinh ra hợi thủy để trợ giúp quan tinh mao mộc.

Ví dụ 6. Vào trường đại học.

Tháng 3/1990 một đốc công ở nhà máy của thành phố Tây An nhờ tôi đoán cho con của họ hàng thân thích xem năm nay có đỗ đại học không ? Được quê Lâm của quê Tốn.

Năm 1990
 Canh Ngọ

tháng 3 (lệnh tháng 2)
 Kỷ Mão

ngày 3
 Quý Ty

QUÊ CHỦ : TỐN

Quan quý dần mộc O ứng
 Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ..
 Huynh đệ sừu thổ.. thế
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.

QUÊ BIẾN : LÂM

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy.. ứng
 Huynh đệ sừu thổ..
 Huynh đệ sừu thổ..
 Quan quý mao mộc. thế
 Phụ mẫu ty hỏa.

Tôi nói với ông Chương : năm nay cháu thi vào đại học, đó là dịp tốt, nhưng có điểm tranh chấp. Vì vậy nếu cố gắng hết sức thì mới có thể thi đậu. Về sau ông Chương báo lại cho biết cháu đã thi đậu.

Giải : Quan tinh mao mộc lâm nguyệt kiến, còn phụ mẫu ty hỏa lâm vượng địa, lại được lệnh tháng sinh cho, quan tinh và văn tinh không những tương sinh cho nhau mà đều gặp thiên át quý nhân. Đáng mừng hơn là phụ tinh lâm thái tuế ở vượng địa. Như thế gọi là quan tinh và phụ tinh cả hai

đều vượng, còn hào thế không vượng. Nếu gặp nhật nguyệt sinh cho ở vượng địa, lại được quý nhân giúp sức thì nhất định sẽ thi đỗ.

Trong quẻ hào huynh đệ xuất hiện 4 lần, hơn nữa huynh đệ tri thế lại biến thành huynh đệ, huynh đệ là sự tranh chấp rất đáng kiêng kỵ. Trước mắt, huynh đệ tuy còn ở tử địa, bị quan quý chế ngự, nhưng đến lúc thi quan quý gặp suy địa, còn huynh đệ lâm vượng địa thì sẽ xảy ra sự tranh chấp. Do đó phải tranh thủ thời gian học tập, giành được điểm cao, mới tránh được thất bại trong tranh chấp.

III. ĐOÁN THI HỒNG

Phàm những người thi đậu, trong tứ trụ đều tàng chứa những thông tin về thi đại học, vận trình lại tốt, nhưng cũng cần phải cộng thêm sự nỗ lực của hậu thiên. Còn những người thi hỏng, tuy có người trong tứ trụ có tàng chứa thông tin đỗ đại học, nhưng vì nhất thời đang hành vận xấu không thi đỗ nên đành phải kiên trì chờ đợi đến dịp tốt. Cũng có người trong tứ trụ không có phụ tinh, hoặc thiên tư yếu kém, tuy hàng ngày học hành vất vả nhưng kết quả thi vẫn không đậu. Cũng có người tuy quan và phụ cả hai đều vượng, nhưng do bản thân không cố gắng, học được chẳng hay chớ, ham chơi bời, hoặc sớm yêu đương thì kết quả cũng không thi đỗ.

Ví dụ 1. Hai lần thi hỏng.

Cô Lý ở thành phố Tây An, tháng 7/1986 nhờ tôi đoán xem con gái năm 1987 có thi đậu đại học không? Được quẻ Tiểu súc của quẻ Đại súc.

Năm 1986

tháng 7

ngày 6

Canh Ngọ

Bính Thân

Đinh Hợi

QUẺ CHỦ : ĐẠI SÚC

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tý thủy X ứng

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ thìn thổ.

Phụ ngọc :

Quan quý dẫn mộc. thế

Thê tài tý thủy.

QUẺ BIẾN : TIỂU SÚC

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tý hỏa.

Huynh đệ mùi thổ.. ứng

Huynh đệ thìn thổ.

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tý thủy. thế

Tôi nói cho cô Lý biết : con cô rất hiếu động, không yên tâm học. Cô Lý nói : "Thầy nói rất đúng, cháu là gái mà giống như trai, luôn luôn hiếu động". Tôi lại nói : nếu không tranh thủ thời gian học thì thi rất khó đậu. Về sau quả nhiên 2 lần thi đều hỏng.

Giải : Cả quẻ chủ và quẻ biến đều dương nhiều âm ít, dương là động, âm là tĩnh, nên nói cháu hiếu động. Trong quẻ hào quan quý dẫn mộc tri thế, tuy có nhật kiến hơi thủy động sinh cho, nhưng quan tinh dẫn mộc ở tử địa, lại còn bị nguyệt kiến thân kim xung khắc, tức là nước ít khó cứu được cây mất rễ. Mặt khác văn tinh phụ mẫu không xuất hiện, vừa phục vừa bị hào động nhật kiến khắc. Như thế gọi là quan tinh, văn tinh vừa suy vừa bị khắc, nên hai lần thi đều trượt.

Ví dụ 2. Thi hỏng.

Cô Trì ở cơ quan tôi, hỏi năm 1989 con thi đại học có thể đậu không ? Được quẻ Tụy của quẻ Hàm.

Năm 1988

tháng 7

ngày 14

Mậu Thìn

Canh Thân

Nhâm Tý

QUẺ CHỦ : HÀM

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng
 Huynh đệ đậu kim.
 Tử tôn hơi thủy.
 Huynh đệ thân kim O thế
 Quan quý ngộ hỏa..
 Phụ mẫu thìn thổ..

QUẺ BIẾN : TUY

Phụ mẫu mùi thổ..
 Huynh đệ đậu kim. ứng
 Tử tôn hơi thủy.
 Thê tài mao mộc..
 Quan quý ty hỏa.. thế
 Phụ mẫu mùi thổ..

Căn cứ thông tin hàm chứa trong các hào, tôi an ủi cô ta : Con cô sang năm thi có khó khăn, phải chuẩn bị tốt tư tưởng, đồng thời nên thi trung cấp để chắc hơn. Quy luật là con người muốn vươn cao hơn, còn nước thì chảy về chỗ thấp. Cô ấy nghĩ sức học con mình tương đối, nếu thi trung cấp thì sợ phí, nên cho thi đại học. Kết quả đại học không đậu, trung cấp cũng không vào được.

Giải : Hào huynh đệ lâm nguyệt kiến mà trì thế là chủ về tượng tranh chấp. Hào quan quý ngộ hỏa ở bệnh địa, hóa thành thoái thân, lại gặp nhật kiến tý thủy xung khắc, là bệnh nặng còn uống sai thuốc. Quan quý là nguyên thần của phụ mẫu, nguyên thần bị khắc, văn tinh lại không có trợ giúp thì làm sao mà thi không trượt ? Trong quẻ biến, hào quan quý tri thế được thê tài mao mộc sinh cho, là tài sinh quan, quan sinh văn, nên nếu thi trung cấp thì không có vấn đề gì trắc trở.

Ví dụ 3. Khó mà đậu được.

Ông Lục ở cơ quan tôi đã tốn rất nhiều công sức lo cho con thi vào đại học. Nghe nói trường nào dạy tốt thì liền tìm cách chuyển con đến đó học. Năm 1989 con ông sẽ thi, liền tìm đến tôi nhờ đoán. Được quẻ Ích của quẻ Vô vọng.

Năm 1989

tháng 6

ngày 5

giờ Tuất

Kỷ Ty

Tân Mùi

Mậu Thìn

Nhâm Tuất

QUÊ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.

Quan quý thân kim.

Tử tôn ngộ hỏa O thê

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUÊ BIẾN : ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng

Tử tôn ty hỏa.

Thê tài mùi thổ..

Thê tài thìn thổ.. thê

Huynh đệ dần mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

Tôi lập quê xong, đặt bút xuống một hồi lâu không nói nên lời. Ông Lục qua vẻ mặt của tôi cũng cảm thấy không ổn. Một chốc ông hỏi : Thầy Thiệu, thế nào ? Vì tôi cảm thấy có những điều trước mắt chưa nói thẳng được, vì vậy ngập ngừng nói : Ông và cháu nên chuẩn bị tư tưởng, vạn nhất nếu thi không đậu thì đừng nên trách cháu, cháu cũng không nên bi quan mà cần cố gắng tiếp tục học tập, sang năm thi lại. Thi xong, quả nhiên con ông tuy học khá nhưng không đậu.

Giải : Hào thê tài là kỵ thần của hào phụ mẫu, hào tử tôn là kỵ thần của quan quý. Đoán đi thi kiêng nhất là hào thê tài, hào tử tôn vượng lại trì thê. (Xin đọc mục này ở cuốn "Chu dịch dự đoán học" của tôi). Nay trong quê hào tử tôn trì thê khắc quan quý, quan quý thân kim tuy được nguyệt kiến mùi thổ sinh cho, nhưng bị tử tôn ngộ hỏa động đến khắc, hào quan quý lại hóa thành ty hỏa khắc trở lại nên quan tinh tuy có nhưng cũng như không. Hào phụ mẫu tý thủy bị nguyệt kiến tuất thổ khắc, lại mộ ở nhật kiến thìn thổ nên quan quý và phụ mẫu tuy đều có nhưng cũng như không, như vậy làm sao mà đậu được.

Ví dụ 4. Thi hỏng.

Có một đốc công ở nhà máy thành phố Tây An, nghe bà con bảo rằng nhờ thầy Thiệu đoán mới biết được con mình có thể thi đậu đại học hay không, nên ông ấy cũng nhờ tôi đoán xem kết quả sẽ ra sao. Được quê Tỳ của quê Truân.

Năm 1990

tháng 3 (lệnh tháng 2)

ngày 3

Canh Ngọ

Kỷ Mão

Quý Tỵ

QUÊ CHỦ : TRUÂN

Huynh đệ tý thủy..

Quan quý tuất thổ. ứng

Phụ mẫu thân kim x

Quan quý thìn thổ..

Tử tôn dần mộc.. thê

Huynh đệ tý thủy.

QUÊ BIẾN : TỖY

Quan quý mùi thổ.. ứng

Phụ mẫu dậu kim.

Huynh đệ hợi thủy.

Quan quý thìn thổ.. thê

Tử tôn dần mộc..

Huynh đệ tý thủy.

Tôi nói thật với đốc công rằng : Năm nay khó đậu, sang năm cố gắng học để thi lại. Đúng như dự đoán, năm đó thi hỏng.

Giải : Hào tử tôn dân mộc trì thế lâm nguyệt kiến vượng địa, còn hào quan quý tuất thổ ở tử địa, còn bị khắc. Phụ mẫu thân kim đã hưu tù còn bị nhật kiến ty hỏa hình hại. Ví dụ này thuộc trường hợp quan tinh và phụ tinh đều ở tử địa lại còn bị khắc, nên chắc chắn là thi hỏng.

IV. ĐOÁN VỀ DU HỌC

Mấy năm lại đây ngày càng nhiều người ra nước ngoài học tập, hoặc thăm hỏi bà con, buôn bán, định cư hoặc đi công tác. Đặc biệt là các thành phố duyên hải, người đi ra nước ngoài càng nhiều. Do đó yêu cầu dự đoán có đi được không, khi nào thì đi được đã trở thành điểm nóng trong dự đoán thông tin.

Đối với dự đoán đi ra nước ngoài, trước đây tôi chưa gặp mấy, nên sự nghiên cứu về mặt này chưa nhiều. Từ năm 1987 lại đây, khi dạy học hoặc tham gia hội thảo ở các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, hàng Châu, Thẩm Quyến, v.v... thường gặp người đến nhờ dự đoán về mặt này. Nên đoán như thế nào, hỏi đó quả thực chưa rõ phương pháp, chưa tích lũy được kinh nghiệm, nên đành căn cứ vào những người đã đi để dò thử tìm phương pháp. bắt đầu từ năm 1987, tôi đã đoán được hơn 200 trường hợp, độ chính xác ngày càng cao, kết quả khá mỹ mãn. Từ kết quả dự đoán ta có thể thấy rõ, trong tứ trụ hoặc trong quẻ của người đi ra nước ngoài không những tàng chứa thông tin xuất ngoại và có vận khí mà còn có thể thấy rõ việc đi ra nước ngoài cũng thể hiện theo một quy luật nhất định.

Có người vì không biết trong tứ trụ của mình có tàng chứa thông tin đi ra nước ngoài hay không, nên cứ mù quáng viết đơn xin, kết quả làm thủ tục mấy năm, tốn nhiều công sức, nhiều tiền, mà cuối cùng vẫn ôm lấy thất vọng. Có người vốn trong vận của mình, hoặc trong quẻ có tàng chứa thông tin đi ra nước ngoài, nhưng vì không biết nên đã bỏ lỡ mất cơ hội. Lại có người, vốn việc xuất ngoại đối với cá nhân không có lợi, nhưng vẫn tìm cách đi bằng được, kết cục khi ở nước ngoài gặp việc xấu, hoặc bị bệnh nặng mà chết nơi đất khách quê người. Cũng có người vì không tìm được công tác ổn định, nên cố tìm cách xuất ngoại, mong lập nghiệp ở nước ngoài, nên đã hao phí nhiều tiền của chạy chọt, kết quả bị lừa... Từ các trường hợp kể trên ta thấy, việc dự đoán thông tin xuất ngoại là vô cùng cần thiết và quan trọng đối với người cần xuất ngoại. Căn cứ kinh nghiệm tích lũy được của mấy năm gần đây, ta thấy rõ : tiêu chí thông tin xuất ngoại rất đa dạng. Dưới đây xin giới thiệu phương pháp dự đoán để đọc giả tham khảo. Phương pháp này cũng là lần đầu tiên được công bố.

Ví dụ 1. Có tin mừng sẽ xuất dương đi xa.

Tháng 11/1987 tôi nhận được một bức thư của sinh viên họ Tạ ở một trường đại học Bắc Kinh gửi đến, vì thất tình nên nảy ra ý định tự tử. Lúc đó sau khi đoán theo tứ trụ mà anh ta gửi đến, đồng thời thấy lời văn trong thư, tôi liền căn cứ thời gian nhận thư gieo quẻ. Sau đó tôi viết thư trả lời rằng : Tiên đồ của anh rất rộng lớn, trên con đường học tập sẽ có công danh, học vị. Năm 1988 anh sẽ có chuyến đi xa, có khả năng xuất dương du học.

Ngày 22/11/1988 trong thư gửi cho tôi, cậu Tạ phần khởi viết : Tôi đã từ vực thẳm ngoi lên được. Năm 1988 sau khi tốt nghiệp đại học, lãnh đạo đã quyết định gửi tôi sang Nhật Bản du học. Kết quả từ mùa thu 1988 đến nay cậu Tạ vẫn còn học ở Nhật Bản. Hồi đó gieo được quẻ Tỷ của quẻ Kiến.

Năm 1987
Đinh Mão

tháng 11
Nhâm Tý

ngày 15
Mậu Ngọ

giờ Thân
Canh Thân

QUẺ CHỦ : KIẾN

Tử tôn tý thủy..
Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.. thế
Huynh đệ thân kim O
Quan quý ngọc hỏa..
Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

QUẺ BIẾN : TỶ

Tử tôn tý thủy.. ứng
Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim..
Thê tài mao mộc.. thế
Quan quý ty hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

Giải : Căn cứ kinh nghiệm trước đây, phàm những người xuất ngoại, hoặc đi lại biến động nhiều, thì đều có mã tinh hoặc mã tinh động, mã tinh bị xung. Tôi nghĩ những người đi ra nước ngoài thì càng thế. Ở ví dụ này, quẻ lập vào ngày ngọc "dần ngọc tuất mã ở thân". Trong quẻ không những thân kim mã tinh động, hào thế lâm mã tinh mà có 3 mã tinh xuất hiện, quả thực là tượng nhiều ngựa chạy, phóng đi. Quẻ thượng của kiến là khâm, quẻ hạ là cần nên có tượng vượt sông vượt núi đi xa. Do đó tôi đoán có tin mừng có thể đi nước ngoài. Vì sao lại đoán "có thế" ? Vì ở đây là lần thứ hai tôi đoán đi nước ngoài nên chưa dám chắc. Người này đi học ở Nhật, chính ứng với câu "hào ba thân kim mã tinh hóa thành mao mộc".

Ví dụ 2. Nguyện vọng du học cuối cùng thành sự thật.

Bà Hoàng Bình Phương, Hiệu trưởng Trường khí công Bảo Lâm ở thành phố Quảng Châu viết đơn xin ra nước ngoài học tập, đã mấy năm vẫn chưa đạt được. Tháng 8 năm ngoái khi bà đến Tây An tham gia Hội thảo quốc tế khí công lần thứ hai, lại tìm tôi nhờ đoán năm 1990 có hy vọng gì không. Nếu có thì sẽ cố gắng thêm, nếu không thì cũng không đeo đuổi nữa. Lúc đó lắc thẻ được quẻ Tiết của quẻ Lâm.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 8
Quý Dậu

ngày 13
Át Hợi

QUÊ CHỦ : LÂM

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy x ứng
Huynh đệ sữu thổ..
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. thế
Phụ mẫu ty hỏa.

QUÊ BIẾN : TIẾT

Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim.. ứng
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa. thế

Xem xong quê, tôi phấn khởi nói với bà : năm ngoái và năm nay khi tôi ở Quảng Châu, đoán bà tháng 4/1990 nhất định xuất ngoại. Bà vẫn hoài nghi, lần này lại đoán tháng 4/1990 hoặc muộn nhất trước tháng 5 nhất định sẽ xuất ngoại. Lần này thì yên tâm rồi chứ. Về sau quả nhiên tháng 4/1990 đi du học ở Ôxtrâylia.

Giải : Ngày át hợi đoán được quê Lâm ứng với câu "hợi mao mùi mã ở ty". trong quê hào năm hợi thủy vượng lại lâm nhật kiến, xung động mã tinh ty hỏa, mã tinh lại hóa thành mã tinh. Quả thực là tượng xuất ngoại. Vì ty là tháng 4, mã gặp vượng địa, nên đoán tháng 4.

Ví dụ 3. Chu du thế giới.

Năm 1987, có một học giả người Pháp đến Tây An nhờ tôi đoán vận, được quê Gia nhân của quê Bôn (ngày át hợi, tháng tân hợi).

QUÊ CHỦ : BÔN

Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy x
Huynh đệ tuất thổ.. ứng
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ..
Quan quý mao mộc. thế

QUÊ BIẾN : GIA NHÂN

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa. ứng
Huynh đệ mùi thổ..
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ.. thế
Quan quý mao mộc.

Tôi xem tượng quê nói với bà : Bà đi rất nhiều, có tượng đi khắp thế giới". "Thầy Thiệu, ngài nói rất đúng, tôi đã từng đi nhiều nước. Thầy xem về sau tôi còn có dịp ra nước ngoài nữa không?". Tôi nói : "Năm 1988 sẽ không đi nữa, năm 1989 lại sẽ xuất ngoại".

Cuối năm 1989 bà gửi thư sang kể : cả năm 1988 ở nhà. Tháng 10/1989 vừa cùng với con đi sang Mỹ và mấy nước khác du lịch, nay mới trở về.

Giải : Căn cứ câu "hợi mao mùi mã ở ty", trong quê chủ Bôn không có mã tinh, trong quê biến Gia nhân hào năm ty hỏa là mã tinh, trong quê hào hợi hai lần xuất hiện, mà hợi thủy lại gặp nhật kiến, nguyệt kiến vượng địa,

trực xung mã tinh. Mã bị xung tất sẽ động, đó là tượng xuất ngoại. Năm 1988 là năm mậu thìn, thìn là thủy kho, hợi thủy nhập kho nên không xung mã tinh ty hỏa, do đó năm 1988 nằm im. Đến năm 1989 là năm kỷ ty, mã tinh lâm thái tuế vượng địa, mã vượng thì thân khỏe, đó là tượng đi xa.

Ví dụ 4. Sang Nhật du học.

Hứa Tiểu Bình là đệ tử của tôi, là thạc sĩ y học của Viện nghiên cứu y học Hàng Châu. Tháng 9/1989 khi tôi đang giảng bài ở đại học giao thông Thượng Hải, cô đã từ Hàng Châu đến thăm tôi. Lúc đó cô nói với tôi Nhật Bản mời cô sang dùng khí công để chữa bệnh, không biết nên đi hay không. Được quê Hoán của quê Khốn (ngày kỷ dậu, tháng giáp tuất).

QUÊ CHỦ : KHỐN	QUÊ BIẾN : HOÁN	LỤC THẦN
Phụ mẫu mùi thổ x	Thê tài mao mộc. thê	Câu trăn
Huynh đệ dậu kim.	Quan quý ty hỏa.	Chu tước
Tử tôn hợi thủy O ứng	Phụ mẫu mùi thổ..	Thanh Long
Quan quý ngọ hỏa..	Quan quý ngọ hỏa.. ứng	Huyền vũ
Phụ mẫu thìn thổ.	Phụ mẫu thìn thổ.	Bạch hổ
Thê tài dần mộc.. thê	Thê tài dần mộc..	Phi xà

Tôi vừa giải quẻ vừa nói với cô : "Long động là chủ về tin mừng, gặp mã mà động nhất định xuất ngoại". Nguyên tháng 10 năm nay cô có dịp xuất ngoại nhưng vì việc khác ràng buộc nên đi không nổi. Tháng 11, tháng 12 năm nay lại có cơ hội nữa, chậm nhất đến tháng 4 năm 1990 là chắc chắn sẽ đi". về sau ngày 6-1-1990 (tức trước lập xuân, là lệnh tháng 12 của năm trước) thì lên đường.

Ngày dậu đoán được quẻ Khốn theo câu "Ty dậu sửu, mã ở hợi". Trong quẻ hào bốn hợi thủy là mã tinh động, động là tượng tốt, nhưng hợi thủy động tương hợp với dần mộc, hợp là ràng buộc nên tháng 10 đi không nổi. Tháng 11 mã tinh hợi thủy ở vượng địa, tháng 12 là mùa đông thủy vẫn vượng nên mã tinh cũng vượng. Trong quẻ hào sáu mùi thổ động xung mất nguyệt kiến sửu thổ tạo thành ty dậu sửu hợp với hào năm thành cục huynh đệ, sinh cho mã tinh hợi thủy, mã vượng là tượng lên đường.

Ví dụ 5. Năm 1990 xuất ngoại.

Tháng 8/1989, ngài Lý Lập Vinh ở Viện nghiên cứu của thành phố Thượng Hải đến Tây An tham gia hội nghị khí công quốc tế lần thứ hai, muốn biết khi nào thì xuất ngoại. Nhờ tôi đoán được quẻ mông của quẻ Bốc.

Năm 1989	tháng 8	ngày 9	giờ thân
Kỷ Ty	Quý Dậu	Tân Mùi	Bính Thân

QUÊ CHỦ : BÓC

Thê tài dẫn mộc.

Tử tôn tý thủy.. thế

Phụ mẫu tuất thổ..

Thê tài mao mộc..

Quan quý tỵ hỏa x ứng

Phụ mẫu mùi thổ..

QUÊ BIẾN : MÔNG

Thê tài dẫn mộc.

Tử tôn tý thủy..

Phụ mẫu tuất thổ.. thế

Quan quý ngọ hỏa..

Phụ mẫu thìn thổ.

Thê tài dẫn mộc.. ứng

Tôi lập quẻ xong liền hỏi : "Ngài dụ học hay chuyển sang nước ngoài sinh sống ?" Ông nói : "Tôi chuyển ra sống ở nước ngoài đã bắt đầu làm thủ tục". Tôi báo cho ông ta biết : Nếu là chuyển chỗ ở thì nên tranh thủ làm thủ tục, tháng 4, 5 hoặc tháng 10, 11 năm 1990 là có thể đi được.

Ngày 28-9-1990 từ Thượng Hải ông gọi điện báo cho tôi biết thủ tục đã làm xong, ngày 16 tháng 10 sẽ khởi hành.

Giải : "Hợi mao mùi, mã ở tỵ". Trong quẻ hào tử tôn, quý thủy là hào thế, lâm nguyệt kiến vượng địa; hào ứng quan quý tỵ hỏa là mã tinh, lâm thái tuế mà động là tượng đi lại. Xuất ngoại du học thuộc về phương diện học hành, cầu danh, cho nên hào tử tôn tri thế không có lợi, còn để thay đổi chỗ ở thì không tác hại gì. Đoán năm 1990 đi là vì : 1990 là năm canh ngọ, ngọ hỏa xung mất tý thủy của hào thế, là tượng động thân. Tháng 10 Hợi thủy xung mã tinh, đó là tượng đi xa.

Chương 5

DỰ ĐOÁN VỀ SỰ NGHIỆP

Công danh, tiền đồ, sự nghiệp đó là điều ai cũng quan tâm. Đối với một người mà nói, tiền đồ sự nghiệp của anh ta như thế nào, trong cuốn "Chu dịch dự đoán học" tôi đã dẫn ra câu nói trong "Tăng san bốc dịch" như sau : Người mà hào phụ mẫu và hào thế cùng vượng thì cuối cùng nhất định sẽ thành đạt; nhật kiến, nguyệt kiến và hào động tương sinh cho nhau thì sẽ phú quý. Trong đoán quẻ, hào thế và hào phụ mẫu nên đều vượng hoặc động để biến thành tốt, hoặc hào phụ mẫu tri thế, còn nhật kiến, nguyệt kiến, hào động sinh hợp với hào thế thì nhất định sẽ thành công. Phạm gặp quẻ hào phụ mẫu vượng tri thế, còn được hào quan quý động sinh cho; hoặc quan tinh tri thế, hào phụ mẫu lại vượng động; hoặc cả quan sinh và phụ mẫu đều vượng động sinh hợp cho hào thế; hoặc có nhật kiến, nguyệt kiến làm quan tinh, hào phụ mẫu sinh hợp cho hào thế đều là chủ về tượng công thành danh toại. Nếu đoán vào các đại vận ở cuối đời, trong quẻ gặp được như thế thì nhất định nổi tiếng xa gần, là người có sự nghiệp, về mặt quan sự nhất định là bậc tướng soái.

Sách Tăng san bốc dịch nói : "Đoán công danh nếu hào phụ mẫu không vượng để sinh thân thì phải có vượng quan tri thế. Người mà cuộc đời không thành đạt, nếu không phải hào tử tôn tri thế thì cũng là hào thê tài, tử tôn phát động hoặc hào thế bị khắc, hoặc cả sáu hào động loạn. Người như thế việc gì cũng thất bại.

I - DỰ ĐOÁN VỀ CÔNG DANH

Từ xưa đến nay khi đoán về mệnh vận cả cuộc đời đều dùng phương pháp đoán quẻ riêng biệt. Ví dụ : đoán về quan vận thì lập quẻ quan vận, đoán hôn nhân lập riêng quẻ hôn nhân, hỏi về cha mẹ phải lập quẻ đoán về cha mẹ. Đoán riêng từng quẻ vừa phiền phức vừa không khoa học. Vì bất cứ sự vật nào cũng không thể hoàn toàn trọn vẹn. Ví dụ, muốn phụ mẫu vượng tương thì nhất định không lợi tử tôn, muốn tử tôn vượng thì không lợi cho công danh quan vận; muốn huynh đệ vượng thì khắc thê kiếp tài; muốn thê tài vượng tương thì phụ mẫu bị khắc; muốn quan quý vượng tương thì huynh đệ khó tròn. Do đó mặt này tốt thì mặt kia phải xấu. Điều này phù hợp với quan điểm duy vật biện chứng là mọi sự vật đều có hai mặt.

Để giải quyết phương pháp dùng bát quái dự đoán mệnh vận cả cuộc đời, tôi căn cứ vào nguyên lý lập quẻ theo năm tháng ngày giờ của Thiệu Khang Tiết trước đây nghiên cứu ra cách lập quẻ theo năm tháng ngày giờ sinh để đoán mệnh vận cả đời. Sự khác nhau giữa phương pháp lập quẻ để đoán mệnh vận cuộc đời với lập quẻ theo năm tháng ngày giờ để đoán sự việc là ở chỗ : khi đoán sự việc thì phải cộng thêm số chỉ năm, còn đoán mệnh vận cuộc đời thì phải cộng thêm số can năm sinh. Phương pháp này trong những thành tựu nghiên cứu quan trọng nhất của công tác nghiên cứu và khảo chứng của tôi. Phương pháp này đã được bàn chi tiết trong cuốn Chu dịch dự đoán học xuất bản ở Hương Cảng.

Ví dụ 1. Nguyên là một nghệ nhân nổi tiếng.

Tháng 7/1985, một người bạn thân biết tôi nghiên cứu dịch học, ứng dụng dự đoán nên đã đưa năm tháng ngày giờ sinh của một người khác đến nhờ tôi đoán. Tôi liền theo năm tháng ngày giờ sinh lập quẻ, được quẻ Ích của quẻ trung phù.

Năm 1940	tháng 12	ngày 26	giờ
Canh Thìn	Kỷ Sửu	Tân Mùi	Nhâm Thìn

Số thành quẻ : $7 + 12 + 26 = 45$; $45 + 5 = 50$

QUẺ CHỦ : TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu tỵ hỏa.

Huynh đệ mùi thổ.. thế

Huynh đệ sửu thổ..

Quan quý mao mộc O

Phụ mẫu tỵ hỏa. ứng

QUẺ BIẾN : ÍCH

Quan quý mao mộc. ứng

Phụ mẫu tỵ hỏa.

Huynh đệ mùi thổ..

Huynh đệ thìn thổ.. thế

Quan quý dần mộc..

Thê tài tỵ thủy.

Trung phù là quẻ thuộc cung Cấn, lâm niên, nguyệt, nhật kiến cho nên quẻ vượng, thân vượng. Đầu tiên tôi nói về mặt văn nghiệp : thứ nhất người này văn tài xuất chúng, nếu làm nghề văn thì nhất định nổi tiếng; thứ hai : người này năm 1965 nhất định có tin mừng, một bước lên mây... Ông bạn nghe xong liền nén không nổi xúc động và cảm kích nói rằng : "Mấy năm nay không gặp nhau, không ngờ anh Thiệu tính toán như thần. Những điều anh vừa nói rất chính xác như mắt anh được nhìn thấy, sự việc rõ như lòng bàn tay. Người này chắc anh không quen biết, đó là nghệ nhân họ Vương nổi tiếng toàn quốc. Anh ta vốn là công nhân ngày 1/5/1965 được thủ tướng Chu Ân Lai và các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước tiếp kiến ở Trung Nam Hải, đích thực là một bước lên mây".

Giải : Hào thế mùi thổ lâm nguyệt, nhật kiến vượng địa, tuy bị trực tuần nguyệt phá, nhưng được hào năm quân vương tỵ hỏa sinh cho, nên thân rất vượng. Trong quẻ hào quan quý mao mộc lân vượng địa sinh cho hào phụ mẫu tỵ hỏa. Phụ mẫu là văn thư xuất hiện trong quẻ hai lần, chu tước lại lâm hào thế sinh thân nên người này văn tài xuất chúng. Năm 1965, có tin mừng một bước lên mây là vì 1965 là năm át tỵ, là hào năm trực thái tuế. Hào năm thái tuế lại sinh cho hào thế cho nên đoán một bước gặp được thiên tử.

Ví dụ 2. Người ấy là nghệ sĩ nổi tiếng.

Tháng 12/1985, ông Nhiễm ở cơ quan tôi nói : có người bà con đến chơi, muốn nhờ tôi đoán xem hậu vận của người đó như thế nào. Tôi lấy ngày giờ sinh lập quẻ, được quẻ Thái của quẻ Nhu.

Năm 1936	tháng 6	ngày 21	giờ Tuất
Bính Tý	Ất Mùi	Tân Dậu	Mậu Tuất

Số của thành quẻ là : $3 + 6 + 21 = 30$; $30 + 11 = 41$

QUẺ CHỦ : NHU

Thê tài tỵ thủy..

Huynh đệ tuất thổ O

Tử tôn thân kim.. thế

Huynh đệ thìn thổ.

Phụ tỵ : Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tỵ thủy. ứng

QUẺ BIẾN : THÁI

Tử tôn dậu kim.. ứng

Thê tài hợi thủy..

Huynh đệ sửu thổ..

Huynh đệ thìn thổ. thế

Quan quý dẫn mộc.

Thê tài tỵ thủy.

Căn cứ tượng quẻ, tượng hào tôi nói sáu điều với ông Nhiễm và bà con thân thích rằng : thứ nhất, trong văn nghiệp, ông là người nổi tiếng, có thu nhập nhiều, đã từng được lãnh đạo Trung ương tiếp kiến... Nói xong, bản thân người đó rất kinh ngạc. Ông Nhiễm xúc động giới thiệu với tôi rằng người mà thầy đoán đang ngồi đây, đó là một nghệ sĩ ca kịch nổi tiếng của Trung Quốc. Ông Nhiễm chưa dứt lời, người kia đã tranh nói tiếp : Rất là may mắn, tôi xưa nay vốn không tin đoán mệnh, hôm nay được mắt thấy tai nghe thầy Thiệu đoán rất chuẩn. Tôi đã từng được Mao chủ tịch, Chu Ân Lai và nhiều vị lãnh đạo khác gặp mặt nhiều lần. Quả thật tiếng tăm không nhỏ, lương cũng rất cao...

Giải : hào thế thân kim vượng ở nhật kiến, còn được nguyệt kiến mùi thổ sinh cho, lại được hào năm quân vương tuất thổ động để sinh thân, hào thế lại biến sinh trở lại. Phụ mẫu là văn tinh tuy phục nhưng được trường sinh, quả thực là tượng công thành danh toại, nổi tiếng bốn phương. Được cấp trên gặp nhiều lần là vì hào năm động sinh cho hào thế. Hơn nữa, trong quẻ hào tài nhiều cho nên thu nhập nhiều.

Sách xưa có câu : "Tử tôn là thần khác quan lộc. Phàm người mà tử tôn tri thế thì thường không có quan chức, không nổi tiếng, điều này hoàn toàn chính xác. Người này tiếng tăm to, nhưng không có quan chức là phù hợp với vận kiếp này. Nhưng tại sao người này lại có tiếng tăm ? Sở dĩ như vậy là vì hào tử tôn vượng mà tri thế, lại còn được hào quan quý sinh cho hào phụ mẫu, hào phụ mẫu lại sinh cho hào năm, hào năm sinh tiếp cho hào thế, như thế gọi là liên tục tương sinh. Hơn nữa hào 5 động sinh cho hào thế là tượng có danh mà không có quan. Tương tự với ví dụ này, trong thực tế tôi gặp rất nhiều.

Ví dụ 3. Vận đến là được thăng cấp.

Tôi có người bạn cũ công tác ở Bắc Kinh. Mùa xuân năm 1989 gửi thư cho tôi tự trách năm 1988 không được đề bạt là Công trình sư cao cấp. Tôi rất đồng tình với bạn, đồng thời theo năm tháng ngày giờ sinh lập được quẻ Khuê của quẻ Phê hạp.

Năm 1937	tháng 6	ngày 1	giờ Thân
Đinh Sửu	Đinh Mùi	Bính Thân	Bính Thân

Sổ thành quẻ là : $4 + 6 + 1 = 11$; $11 + 9 = 20$

QUẺ CHỦ : PHÊ HẠP

Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý Dậu kim.
 Thê tài Thìn thổ..
 Huynh đệ dần mộc X ứng
 Phụ mẫu tý thủy.

QUẺ BIẾN : KHUÊ

Tử tôn ty hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Quan quý Dậu kim. thế
 Thê tài Sửu thổ..
 Huynh đệ Mão mộc.
 Tử tôn ty hỏa. ứng

Tôi viết thư cố hết sức mình để giải nỗi buồn cho bạn : không nên vì vận khí năm 1988 chưa tốt mà bực tức, năm 1989 nhất định sẽ gặp hồng vận, sẽ được thăng cấp như ý muốn. Về sau bạn viết thư trả lời nói : năm 1989 đã được lên cấp là công trình sư cao cấp.

Giải : Trong quẻ hào quan quý Dậu kim lâm nhật kiến vượng địa, lại còn được nguyệt kiến sinh cho, cho nên quan vượng. Hào phụ mẫu tý thủy ở đất hưu tù lại còn bị nguyệt kiến khắc, tuy được nhật kiến sinh cho nhưng vẫn là phụ mẫu suy. Phụ mẫu là văn thư, ở đây chính là việc cất nhắc chức vụ. năm 1988 là năm Mậu Thìn văn tinh phụ mẫu bị thái tuế khắc, hơn nữa nhập kho cho nên tuy có vượng quan nhưng khó sinh được cho phụ mẫu tý thủy. Do đó năm 1988 không lên cấp.

1989 là năm ty hỏa, đúng là hào sáu tử tôn ty hỏa lâm thái tuế để sinh cho hào thế mùi thổ, do đó mà được lên cấp. Quẻ này tuy cùng với thân của tứ trụ năm 1989 tạo thành dẫn hình ty, ty hình thân, thân hình dẫn là tam

hình, là tượng không lợi, nhưng thái tuế ty hỏa được hào động dẫn mộc sinh cho để sinh cho hào thế, cho nên đây là trường hợp tham sinh vong hình nên không có hại.

II - DỰ ĐOÁN THI TAY NGHỀ

Trung Quốc người đông, tuổi thanh niên tìm việc khó khăn, do đó nhiều bậc cha mẹ vì lo tìm việc cho con cái mà lắm lúc rất đau đầu. Hàng năm khi các cơ quan nhà nước tuyển ngành nghề, người ghi tên rất nhiều, nhưng số lượng lấy vào lại có hạn. Nhiều bậc cha mẹ vì thế phải bôn ba xuôi ngược, tìm người tặng lễ vật làm tăng thêm không khí tiêu cực, nhưng cuối cùng mất vẫn hoàn mất. Cho nên con cái có thể thi được tay nghề hay không là việc cha mẹ rất muốn biết sớm, vì vậy việc dự đoán về mặt này là rất cần thiết đối với các bậc bố mẹ.

Ví dụ 1. Thi đậu như ý nguyện.

Ông Trương ở cơ quan tôi có cháu ngoại đã tốt nghiệp trung cấp 2 năm mà chưa được nhận công tác. Năm 1987, cháu từ Đông bắc lên thành phố Tây An chơi. Ở nhà gửi thư đến báo tin cuối năm sẽ tuyển tay nghề, nên cần về gấp. Cháu tìm đến tôi nhờ đoán, để nếu biết có khả năng thi được thì về, còn không thì tạm ở lại chưa về. Được quẻ Ly của quẻ Đông nhân (ngày đình hợi, tháng kỷ dậu).

QUẺ CHỦ : ĐÔNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng
Thê tài thân kim O
Huynh đệ ngọ hỏa.
Quan quý hợi thủy. thế
Tử tôn sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.

QUẺ BIẾN : LY

Huynh đệ ty hỏa. thế
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim.
Quan quý hợi thủy. ứng
Tử tôn sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.

Quẻ lập xong thì sự việc cũng rõ ràng. Tôi bảo cháu : năm nay nhất định thi đậu, nhưng cơ quan đó không lớn, nên nhanh chóng trở về chuẩn bị. Tháng 12 năm đó, cháu gửi thư đến báo tin mừng : cháu đã được tuyển chọn, được phân vào một công ty dịch vụ.

Giải : Hào quan quý hợi thủy trì thế lại lâm nhật kiến còn được thê tài nguyệt kiến động sinh thân. Điều này ứng với câu trong sách Chu dịch dự đoán học : "thi tay nghề hào ứng cần có tài sinh cho..." Người như thế nhất định thi tay nghề sẽ đạt. Hào phụ mẫu là tượng trưng cho đơn vị công tác, nếu phụ mẫu vượng là cơ quan to. Trong quẻ vì hào phụ mẫu bị nguyệt kiến khắc nên cơ quan không lớn.

Ví dụ 2. Dự đoán về tuyển quân.

Ông Thường ở cơ quan tôi có con năm 1986 tuyển quân chưa được, nay thử đoán năm 1987 xem có trúng tuyển không. Được quẻ Đại quá của quẻ Hằng. Ngày giáp dần, tháng canh tuất.

QUẺ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
Quan quý thân kim x
Tử tôn ngộ hỏa.
Quan quý dậu kim. thể
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ..

QUẺ BIẾN : ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ..
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy. thể
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài sửu thổ.. ứng

Tuyển quân cũng được xem xét như thi tay nghề, chỗ khác nhau là mã tinh động thì tốt. Do đó tôi nói với ông Thường : năm nay nhất định trúng tuyển, đóng quân ở phía tây. Về sau quả nhiên con ông phục vụ trong đơn vị quân đội ở phía tây.

Giải : Quẻ này quan tinh trì thế, quan hóa quan lại được nguyệt kiến sinh cho. Rõ hơn nữa là trạch mã lâm quan tinh, nhật kiến xung, động mà hóa thành tiến thân quả là tượng cưới ngựa rong ruổi. Đoán đóng ở phía tây là vì : hào thế có mã tinh hóa thành dậu kim.

Ví dụ 3. Trở thành y sĩ như nguyện vọng.

Bà Hàn ở cơ quan tôi nhờ đoán con gái năm nay thi tuyển tay nghề có được không. Được quẻ Tiểu súc của quẻ Đại súc (ngày kỷ mùi, tháng nhâm tý).

QUẺ CHỦ : ĐẠI SÚC

Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy x ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc. thể
Thê tài tý thủy.

QUẺ BIẾN : TIỂU SÚC

Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ.. ứng
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc.
Thê tài tý thủy. thể

Tôi xem quẻ nói với bà : "Xin chúc mừng chị, con gái chị năm nay nhất định được chọn vào, yên tâm đi !". về sau, cháu được đậu đầu. Vì thành tích ưu tú nên được phân về bệnh viện thành phố.

Giải : Đây là quẻ được hưởng lộc, hưởng lộc có nghĩa là ăn lương. Trong quẻ quan vượng, tài vượng lâm nguyệt kiến ở vượng địa, hào thê tài lại gặp hào ứng động để sinh cho hào thế cho nên được hưởng lộc.

Ví dụ 4. Có công việc là có hạnh phúc.

Ngày 10-6-1988, ông Nhiễm ở cơ quan tôi nhờ đoán cho con ông thi tay nghề ở thành phố Tây An xem có được không. Được quẻ Di của quẻ Phệ hạp (ngày bính thân, tháng đinh tỵ).

QUẺ CHỦ : PHỆ HẠP

Tử tôn tỵ hỏa.
Thê tài mùi thổ.. thế
Quan quý dậu kim O
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc.. ứng
Phụ mẫu tỵ thủy.

QUẺ BIẾN : DI

Huynh đệ dần mộc.
Phụ mẫu tỵ thủy.
Thê tài tuất thổ.. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tỵ thủy. ứng

Con ông lần này thi không có vấn đề gì, nhất định đậu. Ông Nhiễm nghe xong vô cùng phấn khởi. Về sau ông đến báo tin mừng : Thầy đoán rất chuẩn, con tôi đã được chọn vào.

Giải : Quẻ này dụng thần quan tinh dậu kim trường sinh ở nguyệt kiến, vượng ở nhật lệnh, động hóa tiến thành, lại còn được tuất thổ cứu hào tài sinh trở lại. Hào tài mùi thổ trị thế được nguyệt kiến sinh cho, tức là quan và hào thế tương sinh cho nhau. Đó là tượng vừa tốt có tin mừng, cho nên nhất định thi đậu.

Ví dụ 5. Nhất định thi đậu.

Nửa cuối năm 1989 là kỳ thi tuyển hàng năm của công ty. Anh Dư ở cơ quan tôi có con gái sợ thi hỏng, lại còn sợ mất việc đang hợp đồng nên không dám cho con thi, còn vợ kiên quyết yêu cầu con phải thi. Hai vợ chồng không làm sao quyết định được, không ai chịu nhường ai. Cuối cùng đến nhờ tôi đoán quẻ. Được quẻ Khảm của quẻ Tỳ (ngày nhâm tỵ, tháng bính tỵ).

QUẺ CHỦ : TỶ

Thê tài tỵ thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Quan quý Mão mộc.. thế
Phụ mẫu tỵ hỏa X
Huynh đệ mùi thổ..

QUẺ BIẾN : KHẢM

Thê tài tỵ thủy.. thế
Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim..
Phụ mẫu Ngọ hỏa.. ứng
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dần mộc..

Gặp quẻ Thủy địa tỵ dự đoán về thi cử có nghĩa là : nói về thứ bậc đồ cao hay thấp. Tôi nói với mẹ cháu : "Cho cháu tham gia là đúng, có thể thi đậu". Về sau đúng là thi đậu và được phân công công tác.

Giải : Quẻ này quan tinh là dụng thần tỵ thủy lại được nhật, nguyệt lệnh sinh cho. Hào thê tài tỵ thủy lâm nhật nguyệt vượng địa sinh cho hào thế, tức là tài quan tương sinh. Ở đây tuy hào thế quan tinh tuần không nhưng vượng nên không thể gọi là không, hơn nữa còn được nhật nguyệt lệnh sinh

cho nên cũng thế gọi là không, mà đó là tượng thì đậu. Xuất không thì nhất định là tốt.

Ví dụ 6. Liên tục 3 năm thi hỏng.

Một viên chức trong cơ quan tôi có con thi vào cấp 3 hỏng. Cháu bèn nghĩ ghi tên tòng quân. Bà mẹ trách cháu nói : Hết nghĩa vụ thì phải thi tay nghề để mong được vào nhà máy. Kết quả hai năm 1986, 1987 đều thi trượt. Mùa thi năm 1988 lại bắt đầu, bà mẹ tìm tôi nhờ đoán. Được quẻ Vô vọng của quẻ Lý (ngày đình mùi, tháng canh thân).

QUẾ CHỦ : LÝ

Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim. thế
Phụ mẫu ngộ hỏa.
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc O ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa.

QUẾ BIẾN : VÔ VỌNG

Huynh đệ tuất thổ.
Tử tôn thân kim.
Phụ mẫu ngộ hỏa. thế
Huynh đệ thìn thổ..
Quan quý dần mộc..
Thê tài tỵ thủy. ứng

Lập quẻ xong, mẹ cháu thấy tôi hỏi lâu không nói, liền nói : Thấy Thiệu, năm nay ra sao, cháu có hy vọng không ? Tôi thờ dài nói với chị : "Chị hãy cho con tham gia quân đội. Nếu chị muốn giữ cháu bên mình, thi vào nhà máy thì không những không được, mà còn làm cho cháu mắc sai lầm. Kỳ thi năm nay cháu không có hy vọng". Nghe xong, chị chưa tin lắm, nói : Năm nay chưa chắc cháu đã hỏng". Cuối cùng kết quả như dự đoán, cả 3 năm liên cháu đều trượt.

Giải : Hào tử tôn thân kim lâm nguyệt kiến, lại được nhật lệnh sinh cho, vượng mà tri thế. Quan tinh ở tử địa, hóa thành thoái thần lại còn bị nguyệt kiến khắc, nhập mộ ở nhật kiến, còn gặp tuần không. Dụng thần bị khắc, nhập mộ mà tuần không là chắc chắn chân không. Hào tài không hiện trên quẻ. Đoán về thi tay nghề, cầu quan, cầu danh mà gặp quẻ như thế thì cũng chẳng khác nào mùa đông uống nước lã, đã lạnh càng lạnh thêm.

Ví dụ 7. Năm nay không được thì sang năm thi lại.

Con của ông Kim ở cơ quan tôi năm 1989 chuẩn bị thi tay nghề. Trước khi thi đến nhờ tôi đoán được quẻ Đại hữu của quẻ Đỉnh (ngày canh tuất, tháng tân mùi).

QUẾ CHỦ : ĐỈNH

Huynh đệ tỵ hỏa.
Tử tôn mùi thổ.. ứng
Thê tài dậu kim.
Thê tài dậu kim.
Quan quý hợi thủy. thế
Tử tôn sừ thổ x

QUẾ BIẾN : ĐẠI HỮU

Huynh đệ tỵ hỏa. ứng
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim.
Tử tôn thìn thổ. thế
Phụ mẫu dần mộc.
Quan quý tỵ thủy.

Vì là chỗ bạn cũ với nhau nên tôi nói thẳng với ông Kim : Lần này thi không được, rất khó khăn. Quả nhiên về sau trượt. Tôi an ủi ông : Lần này không được, sang năm cố thi lại.

Giải : Quẻ này quan tinh hợp thủy trì thế, rơi vào hưu tù, hào tử tôn sừ thổ lâm nhật, nguyệt vượng địa, động mà khắc. Trong quẻ tuy hào tài dậu kim 2 lần xuất hiện, nhưng dụng thần suy mà bị khắc chẳng khác nào có nước nhưng không cứu được mạ héo, chò nên thi khó đậu.

Ví dụ 8. Con ông tháng 4 lên đường tòng quân.

Ngày 26-1-1989, ông Vương nhờ Trương Thành đoán xem con trai có tòng quân được không, được quẻ Phục của quẻ Tỳ (ngày nhâm tuất, tháng bình dân).

QUẺ CHỦ : TỖY

Thê tài mùi thổ.. ứng

Quan quý dậu kim O

Tôn ngộ : Phụ mẫu hợp thủy O

Thê tài Thìn thổ.. thế

Huỳnh đệ dân mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

QUẺ BIẾN : PHỤC

Quan quý dậu kim..

Phụ mẫu hợp thủy..

Thê tài sừ thổ.. ứng

Thê tài Thìn thổ..

Huỳnh đệ dân mộc..

Phụ mẫu tý thủy. thế

Trương Thành nói với ông Vương : con ông có thể trúng tuyển, nhưng tháng 4 mới lên đường. Ông Vương nói : tháng 2 đã kết thúc tuyển quân, tại sao tháng 4 mới lên đường, chắc không đúng chẳng ? Trương Thành cảm thấy rất lạ, song trên quẻ thông tin hiện ra như thế. Về sau quả đúng con ông tháng 4 lên đường, vì đó là đợt gọi bổ sung.

Giải : Quẻ này chọn tử tôn ngộ hỏa phục thần làm dụng thần. Ngộ hỏa hợp với dân ngộ tuất của tháng và ngày làm thành hỏa cục, là tử tôn thân vượng. Thân vượng là thế vượng, là tượng tòng quân. nhưng vì phi thần hợp thủy áp chặt tử tôn ngộ hỏa nên phải chờ đến tháng 4 để ty hỏa xung mát hợp thủy thì ngộ hỏa mới vượng và lộ ra được, cho nên đoán tháng 4 mới lên đường. Về sau ông Vương nói với Trương Thành : "Thầy dùng bát quái đoán chuẩn quá. Quả thực lúc đó tôi không tin, vì đợt tuyển quân tháng 2 kết thúc không có tên con tôi, nên cho rằng đã hết hy vọng. Nhưng cuối cùng vẫn ứng như dự đoán, tháng 4 lại đi được".

III – DỰ ĐOÁN VỀ TIỀN ĐỒ

Con người là tiểu thiên thể, bản thân cơ thể là bộ máy tàng chứa toàn bộ tin tức. Nó vừa có công năng phát ra thông tin, lại vừa tiếp thu thông tin. Những thông tin tàng chứa trong nhân thể, có cái mang tính vĩ mô, có cái mang tính vi mô, lại có cái là sự vĩ mô và vi mô cùng kết hợp. Ví dụ tướng mặt và vân bàn tay là những thông tin vĩ mô, mắt thường có thể nhìn thấy được, còn những thông tin tàng chứa trong ngày sinh tháng đẻ mang tính vi mô, mắt thường không thấy được. Còn cốt tướng lại hàm chứa những thông tin giữa vĩ mô kết hợp với vi mô. Có những cái của cốt tướng mắt thường nhìn thấy được, cũng có những cái không thể nhìn thấy mà phải dùng tay sờ thấy, v.v...

Các loại thông tin của nhân thể cho dù là vĩ mô hay vi mô đều là những tổ hợp được sắp xếp một cách chặt chẽ, khoa học, hiện rõ dưới dạng sơ đồ trình tự không chế đường vận khí được chứa đựng trong nhân thể. Sau đó dựa vào các tiêu chí của trình tự không chế đường vận khí, mà từng bước, từng giai đoạn tùy theo sự thay đổi không gian và thời gian mà tuần tự hiện ra. Cho nên đến lúc nào nên có việc gì thì việc đó sẽ phát sinh, nên tránh qua vận nào thì đều sẽ đi qua vận đó. Ví dụ : người trong cuộc đời có hay không có quan vận, quan vận hanh thông hay không, lúc nào nên phấn đấu tiến lên, lúc nào gặp tai họa mất quan mất chức, những điều đó chỉ có thể thông qua dự đoán mới biết được.

Sách "Tàng san bốc dịch" nói : "Trong mệnh không có quan thì khó được quan tinh trì thế, hoặc quan tinh sinh cho hào thế". Quan vượng trì thế mà còn được nhật kiến, nguyệt kiến hoặc hào động sinh cho thì quan vận tất hanh thông, nếu được hào 5 quan vượng sinh cho hào thế thì thành công càng nhanh, con đường công danh mở rộng.

Ví dụ 1. "Tôi có thể thăng chức không ?"

Đó là câu hỏi của một bác công nhân lâu năm ở nhà máy tôi. Ông vừa không tin dùng bát quái để dự đoán, nhưng lại muốn tôi đoán vận cho. Được quẻ Truân của quẻ Ích.

Năm 1982	tháng 12	ngày 6	giờ Ngọ
Nhâm Tuất	Quý Sửu	Đinh Mùi	Bính Ngọ

QUẾ CHỦ : ÍCH

Huynh đệ mao mộc O ứng
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..

QUẾ BIẾN : TRUÂN

Phụ mẫu ty thủy..
Thê tài tuất thổ. ứng
Quan quý thân kim..

Quan dậu :

Thê tài thìn thổ.. thế

Huynh đệ dẫn mộc..

Phụ mẫu tý thủy.

Thê tài thìn thổ..

Huynh đệ dẫn mộc.. thế

Phụ mẫu tý thủy.

Bác công nhân nghe xong những lời tôi đoán cảm thấy rất kinh ngạc, nhưng ông không tin tôi đoán năm 1983 bác được nâng cấp, và còn nói tôi đùa ông. Về sau quả nhiên đến tháng 9/1983 được lên cấp, năm 1988 về hưu.

Giải : Trong quẻ hào tài 4 lần xuất hiện mà trì thế, lại lâm nhật, nguyệt kiến. Hào huynh đệ mao mộc động sinh cho hào tử tôn ty hỏa, ty hỏa lại sinh cho hào tài cho nên tài rất vượng. Tài là nguyên thần của quan tinh, nên tài vượng là có thể sinh quan. Nay quan tinh dậu kim phục dưới tài tinh thìn thổ, tuy có tin mừng tài sinh quan nhưng thìn hợp với dậu hợp mất quan tinh, hơn nữa thìn thổ còn áp chặt quan tinh, cho nên chỉ có xung mất thìn thổ thì quan tinh mới lộ ra được. Năm 1983 là năm nhâm tuất, tuất sẽ xung mất thìn thổ, quan tinh dậu kim không bị hợp cho nên sẽ thăng cấp. Năm 1988 về hưu vì đó là năm mậu thìn, thái tuế thìn thổ sẽ tương hợp với quan quý dậu kim tức là hợp mất quan tinh.

Ví dụ 2. Tôi mơ cũng không thấy mình làm lãnh đạo.

Ông Lý ở Tập đoàn công ty của thành phố Thẩm Quyến, tháng 4/1983 đến Tây An công tác, nhờ tôi đoán vận. Được quẻ Giải của quẻ Hằng (ngày kỷ dậu, tháng đinh ty).

QUẾ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngọ hỏa.

Quan quý dậu kim O thế

Phụ mẫu hợp thủy.

Thê tài sửu thổ..

QUẾ BIẾN : GIẢI

Thê tài tuất thổ.. ứng

Quan quý thân kim..

Tử tôn ngọ hỏa.

Tử tôn ngọ hỏa.. thế

Thê tài thìn thổ.

Huynh đệ dẫn mộc..

Sau khi tôi nói về vận khí cho ông Lý, tôi đã nhấn mạnh nhắc nhở ông đặc biệt phải đề phòng tháng 5 dễ gặp bệnh tật. Về quan vận thì đã nói cho ông biết rất rõ năm 1984 có vận làm lãnh đạo, không những thế mà còn là chức trưởng, nhưng đến năm 1990 sẽ bị bãi nhiệm.

Gidi : Trong quẻ quan tinh dậu kim trì thế lại lâm nhật kiến, được hào ứng vượng tài tuất thổ sinh cho là có tượng thăng quan tiến chức. Nhưng điều không tốt ở đây là quan động hóa thành tử tôn ngọ hỏa khác trở lại quan tinh. 1984 là năm giáp tý, thái tuế tý thủy xung mất ngọ hỏa cho nên thăng quan. Đoán là chức trưởng vì tý, ngọ, mao, dậu là chính thức. Năm 1990 ngọ hỏa lâm thái tuế nên khắc quan tinh dậu kim của hào thế, do đó

bị bãi nhiệm. Về sau khi được tin ông mất chức, tôi bảo với ông : Mất chức là việc tốt, vì thái tuế khắc hào thế là tai nạn nặng, nếu không mất chức thì sẽ có những rủi ro khác.

Ví dụ 3. Hy vọng ông là một người quan thanh liêm như Bao công.

Năm 1988 khi tôi giảng bài ở Hà Nam, ông Trương là giám đốc xí nghiệp nổi tiếng trong cả nước nhờ tôi đoán xem vận khí sau này sẽ ra sao. Căn cứ vào ngày sinh của ông lập được quẻ Phong của quẻ Tiểu quá (ngày mậu thìn, tháng kỷ mao).

QUẺ CHỦ : TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..

Huynh đệ thân kim..

Quan quý ngọc hỏa. thế

Huynh đệ thân kim.

Quan quý ngọc hỏa..

Tài mao :

Phụ mẫu thìn thổ.. ứng

QUẺ BIẾN : PHONG

Phụ mẫu tuất thổ..

Huynh đệ thân kim.. thế

Quan quý ngọc hỏa.

Từ tôn hợi thủy.

Phụ mẫu sửu thổ.. ứng

Thê tài mao mộc.

Tôi đoán là : vị giám đốc đó văn tài xuất chúng, tiếng tăm nhiều. Vì vừa mới được giới thiệu làm quen, nên tôi không biết trước. Có những điều tôi đoán thì hợp với quan điểm của ông, cho nên ngay tại đó mọi người rất kinh ngạc. Khi đoán về hậu vận, tôi chúc mừng nói : năm 1989 ông sẽ được lên chức, đồng thời với sự chúc mừng, tôi còn nói thêm mong ông là một quan chức thanh liêm như bao công. Ngay trước mặt mọi người ông ta nói : Nếu quả thật tôi được thăng chức nhất định tôi sẽ làm theo như lời thầy Thiệu đã chúc mừng. Năm 1989 quả nhiên ông được đề bạt làm Quận trưởng của một quận trong thành phố.

Giải : "Trong mệnh có quan nên được quan tinh trị thế". Ở đây trong quẻ quan quý ngọc hỏa trị thế, lại hóa thành quan quý, còn được nguyệt lệnh và vượng tài sinh cho, thực là quan vượng, tài vượng, quan tài tương sinh, là tượng thăng quan. 1989 là năm kỷ tỵ, đúng là năm quan tinh lâm vượng địa cho nên nhất định thăng quan tiến chức.

Ví dụ 4. Ngài nhất định làm quan đứng đầu ở một vùng biên giới.

Đối với việc dự đoán mệnh vận, tiền đồ của con người, thực tiễn chứng minh rằng, càng là cán bộ cao cấp, trình độ văn hóa càng cao thì họ lại càng tin tưởng vào dự đoán. Mấy năm lại đây tôi đã đoán cho rất nhiều cán bộ có vận khí như trên. Trong số những người này có người là cán bộ cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố; có người là cán bộ công an... Mỗi lần đoán cho vị nào họ cũng đều thừa nhận dự đoán rất khoa học, bất quá không những phán ánh được quá khứ mà còn dự đoán những thông tin tương lai chính xác

đến nhạc nhiên. Dưới đây là lời dự đoán của tôi cho một người mới đến Tây An công tác do bạn tôi nhờ đoán. Được quẻ Khôn của quẻ Sư (ngày quý tỵ, tháng kỷ sửu).

QUẾ CHỦ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Thê tài ngộ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ 〇
 Tử tôn dẫn mộc..

QUẾ BIẾN : KHÔN

Phụ mẫu dậu kim.. thế
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.. ứng
 Thê tài tỵ hỏa..
 Quan quý mùi thổ..

LỤC THẦN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ

Người được đoán bề ngoài có vẻ rất bình thường, thoạt nhìn không có dáng là cán bộ. Hơn 50 tuổi, khí sắc tương đối tốt, hòa nhã, khiêm tốn, có lẫn vẻ uy nghiêm. Tôi xem tượng quẻ rồi nói với mọi người : Đây là anh hùng thống lĩnh hàng vạn người. Ông nếu ở trong quân đội chắc chắn là tướng lĩnh trấn thủ một vùng biên cương, nếu là trong cơ quan thì đứng đầu một cơ quan lớn, là cán bộ cao cấp và là một vị quan thanh liêm. Những năm gần đây chức vụ có một lần biến động lớn, được lên cán bộ cấp cao, sau này còn lên nữa. Người được dự đoán cảm kích nói : "Thầy đoán rất đúng, tôi làm cán bộ chuyên viên đã 20 năm ở vùng biên giới..." Bạn của ông nói với tôi : ông bạn này là cán bộ Phó chủ tịch tỉnh, chuyên quản lý về công tác cán bộ và nội chính.

Giải : Quẻ sư là quân đội, cũng là cấp tướng soái, vì có hào 2 dương. Sư cũng có nghĩa là đông người, một hào dương thống soái 5 hào âm cho nên gọi là đứng trên hàng vạn người.

Trong quẻ quan tinh lâm nguyệt kiến nên được giúp đỡ, lại được tài tinh nhật lệnh sinh cho, hóa thành tài tinh sinh cho nên quả thực là quan tinh được tài tinh sinh cho mà vượng. Thê tài ngộ hỏa trì thế, tuy ở tử địa nhưng lại gặp đất tuần không, lâm nhật kiến tỵ hỏa biến thành tử tôn mao mộc sinh trở lại. Hơn nữa hào thế ngày hôm sau xuất không là từ không lợi biến thành có lợi. Tức quan đã vượng còn được tài sinh nên càng thêm vượng.

Trong quẻ hợp thủy là mã tinh lại biến thành mã tinh. Mã ở quẻ ngoại là vùng ngoài, là chốn biên trại. Người là quan thanh liêm thì quẻ có quan vượng, huynh đệ vượng.

Chương 6

DỰ ĐOÁN VỀ KINH DOANH

Trong sách Chu dịch dự đoán học, đã có một chuyên mục bàn về dự đoán cầu tài. Muốn cầu tài, hoặc muốn làm cho việc kinh doanh của nhà máy, cửa hàng được may mắn, thu lợi được nhiều, khi tài vận đến biết nỗ lực phấn đấu thì của cải đó thu được là chính đáng. Nhưng đối với một người, muốn biết có tài vận hay không, khi nào thì tài vận đến, đi phương nào sẽ cầu được tài, sau khi đã được của làm thế nào bảo vệ cho bản thân tránh khỏi những tai họa khác, v.v..., tất cả những điều đó chỉ có thể thông qua dự đoán mới biết được.

Tài là nguồn dưỡng mệnh của con người, không thể không có. Trong thông tin chung về giờ sinh tháng đẻ của tử trụ mỗi người đều có tiêu chí về tài. Có người tài nhiều, có người tài ít; có người có của, có người suốt đời nghèo đói; có người giữ được của, cũng có người khi của đến không những không giữ nổi mà còn xảy ra tai họa. Đi phương nào thì cầu được tài, còn phương nào không những không cầu được tài mà còn bị lỗ là đều có quy luật nhất định. Những thông tin về tài vận đối với một công ty hay một cá nhân đều vô cùng quan trọng. Có người không nắm được tài vận của mình, mù quáng mở xí nghiệp, khai trương cửa hàng, kết cục không lỗ vốn thì cũng thất bại. Có người khi cầu tài, không dựa vào dự đoán mà chạy khắp bốn phương, kết quả là như Khương Tử Nha phơi mặt cho mưa sa gió táp, ngã ngựa bị thương. Có người tuy gặp được vận may, giàu lên rất nhanh nhưng rất đáng tiếc là không bền, nếu không phải là liên tục gặp khó khăn thì tai họa bỗng nhiên cũng từ đâu giáng xuống, thậm chí có người lập tức khuyh gia bại sản, thoát chết còn là may... Do đó muốn biết về tài vận của mình trước tiên nên dự đoán, sau đó mới hành động.

I - DỰ ĐOÁN VỀ KINH DOANH

Cho dù là một cơ quan nhà nước xây nhà máy hoặc tư nhân tiến hành kinh doanh buôn bán thì điều thứ nhất cần có phúc vượng, tài vượng, thân vượng; thứ hai : hào thế và hào ứng đều vượng tương, tương sinh tương hợp cho nhau là tốt. Hào tử tôn là phúc thân, hào tài là nguyên thân, tử tôn vượng mà sinh tài thì không những nguồn của cải không cạn, ùn ùn mà đến,

mà còn có thể trở thành đại phú. Tài vượng, nguồn tài nhiều là tiêu chí buôn bán hưng thịnh, nguồn lãi lớn. Thân vượng có thể thắng tài, có thể gánh nổi tài sản lớn mà không gặp điều gì xấu. Hào thế là bản thân, hào ứng là người khác, bạn bè, khách hàng, đối phương. Hai hào ứng và thế vượng mà tương sinh tương hợp cho nhau, cùng nhau hợp lực thì hai bên đều lợi. Nếu không thì không những cầu tài khó được mà ngược lại còn xảy ra rủi ro.

Ví dụ 1. Một kỹ thuật viên nghèo sau trở thành giám đốc.

Ông Thuận là bạn cũ của tôi, sau khi tốt nghiệp đại học, làm mãi công tác kỹ thuật. Năm 1986, ông đi Tây An để thăm tôi và hỏi xem mở nhà máy có được không. Ý định nếu phát tài sẽ làm, còn không thì bỏ. Tôi đoán được quẻ Tụy của quẻ Phú (ngày nhâm ngọ, tháng canh tý).

QUẺ CHỦ : PHÚ

Phụ mẫu tuất thổ O ứng

Huynh đệ thân kim.

Quan quý ngọ hỏa.

Thê tài mao mộc.. thế

Quan quý tý hỏa..

Phụ mẫu mùi thổ..

QUẺ BIẾN : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ dậu kim. ứng

Tử tôn hợi thủy.

Thê tài mao mộc..

Quan quý tý hỏa.. thế

Phụ mẫu mùi thổ..

Đúng là lập xong quẻ bát quái thì thông tin đã có sẵn trong đó "Hệ từ của Chu dịch". Tôi nói với bạn : "Mạnh dạn mà làm đi, tài vận của anh rất hanh thông, nhất định thành công". Về sau bạn tôi trở về Phúc Kiến mở nhà máy, làm giám đốc, trở thành giám đốc xí nghiệp nổi tiếng ở vùng đó.

Giải : Hào tài mao mộc tri thế lại được nguyệt kiến tý thủy sinh cho, tài biến thành tài như thế đích thực là hào tài tri thế chủ về của cải phần vinh. Nguyệt kiến tý thủy ở đất đế vượng sinh cho tài là nguồn tài hùng hậu, tượng nguồn của không cạn. Hào ứng tuất thổ động đến tương hợp với hào thế mao mộc là tượng người khác đến hợp với mình, tức là được khách hàng đồng tâm hiệp lực. Hào quan và hào tài tương sinh cho nhau là tượng dễ cầu tài. Quẻ này là quẻ phúc vượng tài vượng, thân vượng nên nếu mở công xưởng là gặp vận may.

Ví dụ 2. Hợp đồng ký không thành.

Ông Triệu ở Hà Bắc là người do bạn tôi giới thiệu đến, ông Triệu đồng thời cũng là người đã từng cố vũ tôi nhiều trong quá trình nghiên cứu Chu dịch. Năm 1987 ông đến Tây An để ký hợp đồng kinh doanh với một nhà máy. Trước khi ký ông hỏi tôi xem có thành công được không. Ngày canh dần, tháng kỷ dậu tôi gieo được quẻ Chấn của quẻ Quy muội.

QUÊ CHỦ : QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa.
 Phụ mẫu sừ thổ.. thế
 Thê tài mao mộc O
 Quan quý ty hỏa.

QUÊ BIẾN : CHẤN

Phụ mẫu tuất thổ.. thế
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa.
 Phụ mẫu thìn thổ.. ứng
 Thê tài dân mộc..
 Tử tôn ty thủy.

Tôi thấy hào tài mao mộc động đến khắc hào thế, bèn nói với ông Triệu : chuyến buôn bán này là đối phương đến tìm ông, không phải ông tìm họ. Ông Triệu nói : "Đúng, họ chủ động tìm tôi". Tôi lại nói : Đối phương đã không chế chặt tiền, không có tài để cầu, nên hợp đồng không nên ký. Về sau ông Triệu báo cho tôi biết : xem ra muốn buôn bán, trước tiên không thể không dự đoán. Hôm nay nếu không dự đoán thì chúng tôi đã mắc lừa họ. Ban đầu đã ước định với nhau lãi chia 10, họ 4 tôi 6. Nay họ nhất định đòi chia đôi, nên hợp đồng không ký được.

Giải : Hào phụ mẫu sừ thổ tri thế là cầu tài vất vả, hào tài mao mộc động đến khắc hào thế là của đến tìm mình, là tượng có thể được của. Nhưng hào tài ở tử địa lại lâm nguyệt phá, lại hóa thành thoái thần là tượng không có tài; hào ứng tuất thổ là đối phương, hào tài mao mộc động hợp với hào ứng cho nên đối phương đòi thay đổi cách chia lợi nhuận, đó là tượng thứ hai không có của. Trong quẻ chủ hào tử tôn không hiện, lại phục ở tuyệt địa là tượng thứ ba không có nguồn của. Hào thế sừ thổ, hào ứng tuất thổ lâm nguyệt kiến mà xỉ hơi lại tương hình, nhật kiến dân mộc là tài cũng ở tử địa do đó mà hợp đồng không ký được.

Ví dụ 3. Dù đi việc cũng không thành.

Tháng 3/1987, có một người bạn nói với tôi họ định mở một công ty lớn ở tỉnh Hải Nam, anh ta làm Phó tổng giám đốc. Hỏi sự việc sẽ ra sao. Được quẻ Tụy của quẻ Khốn (ngày quý ty, tháng giáp thìn).

QUÊ CHỦ : KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
 Huynh đệ dậu kim.
 Tử tôn hợi thủy. ứng
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu thìn thổ O
 Thê tài dân mộc.. thế

QUÊ BIẾN : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
 Huynh đệ dậu kim. ứng
 Tử tôn hợi thủy.
 Thê tài mao mộc..
 Quan quý ty hỏa.. thế
 Phụ mẫu mùi thổ..

Tôi nói với ông bạn : Tuy anh đã hạ quyết tâm, lại sắp bắt tay vào việc, nhưng tôi khuyên anh việc này khó thành. Nhẹ ra là mất của cải, nặng ra thì còn đến cửa quan kiện tụng. Hơn nữa của cải của anh không ở phía nam

mà ở phía đông hoặc phía bắc. Kết quả về sau sự việc không những đã không thành hao phí hơn một vạn đồng, mà còn bị một trận ốm nặng.

Giải : Hào tài dẫn mộc tuy trì thế nhưng mộc khí sắp bước vào bại địa, lại hóa mộ. Tử tôn tý thủy là phúc thần gặp nhật phá, gặp tuyết địa lại bị nguyệt kiến, hào động khắc mà nhập mộ. Thật là tượng phúc tinh, tài tinh, hào thế nhập mộ, vô cùng bất lợi. Lần đi này, nếu không hao tổn hàng vạn đồng trở lên và bị bệnh thì nhất định cũng sẽ gặp những tai họa chưa lường được, cho nên đúng với câu "của đi thay người".

Ví dụ 4. Chuyển lỗ thành lãi hàng chục vạn đồng.

Tháng 4/1990, khi tôi còn giảng bài ở Quảng Châu, hai vị là ông Hà và ông Sa ở tỉnh Hồ Nam nói với tôi : cơ quan của hai ông làm ăn đều thua lỗ, nay định hợp tác làm một chuyến buôn chung, tìm đến tôi nhờ đoán xem có kết quả không. Được Đại súc của quẻ Cồ.

Năm 1990	tháng 3	ngày 21	giờ Ty
Canh Ngọ	Mậu Thìn	Tân Hợi	Quý Ty

QUẺ CHỦ : CỒ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng
Phụ mẫu tý thủy..
Thê tài tuất thổ..
Quan quý Dậu kim. thế
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ X

QUẺ BIẾN : ĐẠI SÚC

Huynh đệ dẫn mộc.
Phụ mẫu tý thủy.. ứng
Thê tài tuất thổ..
Thê tài Thìn thổ.
Huynh đệ dẫn mộc. thế
Phụ mẫu tý thủy.

Quẻ lập xong, tài khí lộ rõ. Tôi nói với 2 ông : Các ông tài vận hanh thông, chuyến buôn bán này nhất định thành công. Bảy giờ trở về tranh thủ làm, đến trước tháng 5, tháng 6 năm nay làm xong, không những cơ quan phát tài lớn mà hai ông cũng phát tài to. Họ căn cứ vào thông tin tôi dự đoán để làm, kết quả không những hai cơ quan từ lỗ chuyển thành lãi, mà mỗi người còn kiếm được từ 30 đến 40 vạn đồng. Xong việc họ nói với tôi thấy Thiệu đoán thật thần tình. Làm ăn có dự đoán là vô cùng quan trọng.

Giải : Trong quẻ hào tài 4 lần xuất hiện, lại lâm nguyệt kiến vượng địa, hào quan quý Dậu kim trì thế được nguyệt kiến hào tài sinh cho, lại hóa thành tài sinh trở lại. Cả quan và tài đều vượng, lại tương sinh cho nhau là tượng dễ cầu tài. Trong quẻ tuy không có tử tôn phúc thần, tử tôn phúc thần lâm thái tuế, lại sắp gặp nguyệt kiến mà sinh tài như thế là tượng phúc vượng, tài vượng, thân vượng, sẽ phát đại tài. Trong quẻ tuy huynh đệ dẫn mộc kiếp tài, nhưng có quan quý Dậu kim khống chế nên không bị phương hại.

Ví dụ 5. Sau tháng 7 việc buôn bán nhất định sẽ chuyển tốt.

Tháng 5/1990, khi tôi đang giảng bài ở Thâm Quyến, ông Tôn giám đốc một công ty nói với tôi : công ty họ gần đây có một số mặt hàng bán rất khó khăn, do đó thu nhập không tốt, nhờ tôi đoán xem khi nào thì tình hình được cải thiện. Ngày canh thân, tháng nhâm ngọ gieo được quẻ Cổ của quẻ Đại súc.

QUẺ CHỦ : ĐẠI SÚC

Quan quý dân mộc.
Thê tài tý thủy.. ứng
Huynh đệ tuất thổ..
Huynh đệ thìn thổ.
Quan quý dân mộc. thế
Thê tài tý thủy O

QUẺ BIẾN : CỔ

Quan quý dân mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ..
Tử tôn dậu kim. thế
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sừu thổ..

Tôi nói với giám đốc Tôn : không nên lo lắng, tháng 7 năm nay bắt đầu chuyển tốt. Bây giờ phải tranh thủ thời gian chuẩn bị mọi mặt. Về sau từ tháng 7 trở đi, loạt hàng này bắt đầu tiêu thụ được, doanh số tăng dần.

Giải : Quan quý trì thế, tuy ở đất hưu tù và bị nhật phá là tượng không lợi, nhưng được tài của hào ứng, hào dậu tý thủy là hào tài động sinh cho, lại hóa trở lại sinh cho hào thế, là trong bất lợi có cứu. Hào tài tý thủy tuy tạm thời ở đất hưu tù, nhưng trường sinh ở phúc thần nhật kiến, trong quẻ hào thìn thổ lại hóa ra phúc thần dậu kim để sinh tài. Bây giờ tuy đang ở thế bất lợi, nhưng đến tháng 7, tháng 8 tài gặp đất trường sinh của phúc thần, mùa đông tài gặp vượng địa cho nên bắt đầu từ tháng 7 tình hình chuyển tốt, tài khí ngày càng tăng.

Ví dụ 6. May mà gặp được thầy.

Tháng 6/1990, trong thời gian tôi giảng bài ở Thâm Quyến, được ngài Dương ở Hồng Kông rất nhiệt tình và hậu đãi. Trong thời gian lưu lại, tôi đã đoán vận cho ông Dương. Trước khi đoán nghe ông nói muốn được hưởng sự an nhàn vào những năm cuối đời, không vì việc kinh doanh mà bôn ba như trước nữa. Tôi căn cứ ngày giờ sinh lập được quẻ Chấn của quẻ Phục (ngày mậu thìn, tháng ngọ).

QUẺ CHỦ : PHỤC

Tử tôn dậu kim..
Thê tài hợi thủy..
Huynh đệ sừu thổ x ứng
Huynh đệ thìn thổ..
Quan quý dân mộc..
Thê tài tý thủy. thế

QUẺ BIẾN : CHẤN

Huynh đệ tuất thổ.. thế
Tử tôn thân kim..
Phụ mẫu ngọ hỏa.
Huynh đệ thìn thổ.. ứng
Quan quý dân mộc..
Thê tài tý thủy.

Tôi xem xong quẻ nói với ông Dương : tài khí của ông mấy năm nay không lý tưởng lắm. Ông nói : Đúng, tôi sợ dĩ vì thế không muốn buôn bán nữa, chuẩn bị nghỉ ngơi cuối đời. Tôi lại nói : theo tứ trụ và tượng quẻ của ông mà nói thì vận đại tài của ông còn ở phía sau. Sau năm 1992 sẽ là thời cơ phát tài mạnh. Vì vậy ông không nên đánh trống thu binh, mà nên làm tiếp mười năm nữa. Ông ta theo kiến nghị của tôi, lại hăng hái chuẩn bị mọi mặt, quay trở lại kinh doanh lớn hơn.

Giải : Quẻ phục cũng có nghĩa là phục hưng, nên ông chuẩn bị mọi mặt làm tiếp là phù hợp với ý nghĩa của quẻ. Trong quẻ hào tài trí thế là chủ về của cải phần vinh, hào thế, hào ứng lại tương hợp với nhau, hào tài tuy hưu tù ở nguyệt kiến, mộ ở nhật kiến, nhưng đây là quẻ cuối đời, là có cơ gặp vượng mà phát, hưởng hồ trong quẻ hào tài ba lần xuất hiện lại có phúc thần tử tôn thân đậu kim sinh tài. Trong quẻ ngũ hành đều đầy đủ, có sự tương sinh tuần hoàn. Năm 1992, 1993 là năm thân, năm đậu, là phúc thần lâm thái tuế nên nhất định là tượng phát tài mạnh. Tiếp theo các năm hợi, tỵ, sửu đều là quẻ hưng của thủy, nên tài gặp vượng địa, lại còn phát nữa là điều chắc chắn.

Ví dụ 7. Tiết lệnh vừa đến là việc sẽ thành công.

Tháng 7/1990, ông Hoàng ở Singapo dự định tháng 8 cùng với người anh đi Nhật Bản để đàm phán buôn bán. Còn do dự không biết kết quả sẽ ra sao, nên tìm tôi nhờ dự đoán. Ngày quý tỵ, tháng quý mùi được quẻ Đỉnh của quẻ Đại hữu.

QUẺ CHỦ : ĐẠI HỮU

Quan quý tỵ hỏa. ứng

Phụ mẫu mùi thổ..

Huynh đệ đậu kim.

Phụ mẫu thìn thổ. thế

Thê tài dần mộc.

Tử tôn tỵ thủy ○

QUẺ BIẾN : ĐỈNH

Quan quý tỵ hỏa.

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

Huynh đệ đậu kim.

Huynh đệ đậu kim.

Tử tôn hợi thủy. thế

Phụ mẫu sửu thổ..

Tôi xem các tiêu chí thông tin của quẻ rồi nói với ông Hoàng : Việc có thể đàm phán thành công. Thời gian đàm phán là từ sau ngày 8 tháng 8 trở đi mới được. Song khi đó tiền chưa vào tay, phải sau ngày 8 tháng 11 mới có hy vọng. Sau đó tôi lại căn cứ vào thời gian sinh của ông còn dặn thêm khi đàm phán hai anh em ông phải ngồi về phía đông của bàn. Về sau vì phía Nhật Bản giục sang đàm phán nên ngày 1 tháng 8 hai anh em ông Hoàng đã sang Nhật. Họ nghĩ đến lời tôi dặn phải từ ngày mồng 8 trở đi bắt đầu đàm phán mới có lợi, mà nay phía Nhật yêu cầu đàm phán ngay, cho nên đành phải chuẩn bị. Từ hôm đó trở đi sự việc lại phát sinh đầy kịch tính. Tháng 9 ông Hoàng đến Tây An nói với tôi : Thầy Thiệu thấy đoán rất

chuẩn. Trước ngày 8 tháng 8 phía Nhật nóng lòng muốn đàm phán, chúng tôi cũng chuẩn bị sẵn sàng, nhưng có điều rất lạ là lúc đó thiếu phiên dịch, tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không tìm ra nên không đàm phán được. Đến ngày 8 thì tìm được phiên dịch, đàm phán mới chính thức bắt đầu. Ông Hoàng còn nói phía Nhật Bản vốn đã quyết định nếu đàm phán thành công thì xuất tiền ngay, nhưng vì tình thế vùng Vịnh căng thẳng nên phía Nhật Bản quyết định 3 tháng sau mới xuất tiền. Chúng tôi trước khi đàm phán nghĩ rằng thấy Thiệu nói lúc đàm phán chúng tôi chưa nhận được tiền mà mãi đến ngày 8 tháng 11 mới nhận được tiền là điều không hiện thực. Nhưng kết quả phía Nhật Bản đã lùi thời gian 3 tháng vì lý do khách quan. Thế mới biết bát quái thật thần diệu vô cùng. Bây giờ chúng tôi chỉ biết chờ đến tháng 11 mới nhận được khoản tiền này.

Giải : Quẻ đại hữu có nghĩa là : có nhiều, hanh thông. Đại hữu là có ý sự nghiệp vĩ đại. Còn hanh thông có ý là có thu hoạch, có thành công. Quẻ đại hữu, quẻ thượng là ly, là hỏa, là quẻ thể; quẻ hạ là càn là kim, là quẻ dụng. Thể khắc dụng là sự việc có thể thành, nhưng muộn kéo dài.

Phụ mẫu thìn thổ trì thế vượng ở nguyệt kiến, lại được nhật lệnh ty hỏa, và hào ứng ty hỏa sinh cho, là người khác sinh cho mình, là tượng có lợi cho công việc. Nhưng phụ mẫu là thân vất vả lao碌, phải thông qua vất vả gian lao mới giành được thành công, cho nên ngay lập tức chưa nhận được tiền ngay.

Trong quẻ hào tài dần mộc nhập mộ ở nguyệt kiến, bệnh ở nhật lệnh, là tượng của ít hoặc không có của. Hào tử tôn tý thủy động đến sinh cho hào tài lại bị biến ra hào sửu thổ hợp chặt lại, nhưng may nhờ hào tài dần mộc được hào tử tôn Hợi thủy sinh trở lại, tức là phúc thần động đến để sinh tài cho nên tài vượng. Do đó khi tiết lệnh tháng 6 mùi thổ ở vượng địa thì thủy hưu tù nhất thời khó mà sinh được tài của mộ kho dần mộc. Do đó của ở trong kho không lấy ra được.

Ngày 8 tháng 11 sang tiết lập đông, thời lệnh đã sang tháng Hợi. Dần mộc trường sinh ở Hợi lại được phúc thần tử tôn sinh cho tức là tài vượng. Giờ dần ngày 8 tháng 8 là tiết lập thu, là lúc thân kim nắm lệnh, tuy đối với tài tinh không có lợi, nhưng phúc thần tử tôn Hợi thủy gặp đất trường sinh, nên có thể sinh cho tài tinh. Cho nên từ ngày 8 tháng 8 trở đi bắt đầu đàm phán mới có lợi.

Ví dụ 8. Buôn bán có cơ chuyển hướng tốt.

Nhà máy thịt thực phẩm thành phố Tây An vì tiêu thụ hàng không tốt, chuẩn bị đóng cửa, về sau nhờ dự đoán cho nên công việc buôn bán chuyển biến tốt. Năm nay nhà máy để mở rộng sản xuất các mặt hàng, nên giám đốc nhà máy lại đến nhờ tôi đoán vận. Ngày canh tý, tháng giáp thân đoán được quẻ Cổ.

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng

Phụ mẫu tý thủy..

Thê tài tuất thổ..

Quan quý Dậu kim. thế

Phụ mẫu Hợi thủy.

Thê tài Sửu thổ..

Tôi xem quẻ xong nói với giám đốc : năm nay tài vận của nhà máy có chiều chuyển hướng. Hào tài sinh hào thế là vốn ít lãi nhiều. Trong quẻ hào tài xuất hiện 2 lần, tài vượng, quan vượng, tài quan tương sinh cho nhau là tượng có của. Duy có một điều không tốt là phúc thần tử tôn không hiện lên quẻ, nhưng năm nay phúc thần tử tôn lâm thái tuế là năm thái tuế sinh tài, năm nay việc buôn bán sẽ cung không đủ cầu. Sang năm là năm tân mùi, là tài lâm thái tuế, cho nên cả hai năm tài vận đều vượng. Về sau sẽ kém hơn.

II - DỰ ĐOÁN VỀ TÀI VẬN

Trong mục I đã bàn đến dự đoán tài vận của cơ quan hay tư nhân trong kinh doanh xí nghiệp. Còn ở mục này chủ yếu bàn về cá nhân cầu tài. Các ví dụ thực tế đoán về cá nhân cầu tài rất nhiều, nhưng những thông tin phản hồi lại tương đối ít. Phạm những người cầu tài không thành, có người bốn ba một vòng thấy không được thì thường trở về thông tin lại cho tôi biết việc không thành. Nhưng cũng có người rõ ràng việc buôn bán thành công, tiền phát rất nhiều, song không những họ không nói lại với tôi mà ngay đến một câu cảm ơn cũng không có. Thậm chí có người gặp tôi là lánh mặt, vì sợ tôi qua tương mặt phát hiện ra những bí mật phát tài của họ. Đương nhiên tôi cũng hiểu được tâm lý của những người này. Họ hiểu nhầm rằng nếu đến cảm ơn là phải tặng tiền hoặc nhiều lễ vật, thứ hai là để giữ bí mật, thứ ba điều đó chứng tỏ những người này cũng hẹp hòi. Song kinh nghiệm cho thấy thường những người hẹp hòi rất khó giữ của được lâu, thường không phải bồi thường thì cũng mất mát vào những việc vô cơ.

Ví dụ 1. Từ nghèo rớt mồng tơi, bỗng phát tài hàng vạn.

Tháng 5/1987, qua một người bạn giới thiệu, có một thanh niên khoảng 30 tuổi, người gầy, đen đến nhờ tôi đoán vận. Được quẻ Phù của quẻ Sư (ngày tân mão, tháng bính ngọ).

QUÊ CHỦ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim x ứng
 Huynh đệ hợp thủy x
 Quan quý sừ thổ x
 Thê tài ngọ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ O
 Tử tôn dần mộc..

QUÊ BIẾN : PHỦ

Quan quý tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim.
 Thê tài ngọ hỏa.
 Tử tôn mao mộc.. thế
 Thê tài ty hỏa..
 Quan quý mùi thổ..

Sau khi xem quẻ xong tôi nói : Anh từ năm 1986 bắt đầu phát tài, năm nay phát mạnh hơn, như thế còn đoán vận làm gì nữa. Anh ta nói : Đúng, thầy nói rất chính xác. Thầy có thể xem tôi hiện có bao nhiêu tiền và còn phát được bao lâu nữa ? Tôi nói : theo số quẻ, thì anh trong tay không phải là 30 vạn thì phải 300 vạn trở lên. Mọi người quanh đó đều rất kinh ngạc nói : Bát quái thật thần kỳ, có thể đoán ra số tiền hiện có. Bạn anh ta còn nói thêm : Anh ta hiện nay đã có hơn 300 vạn. Mục đích lần này đến xin đoán là để muốn rút lui nhanh, ở ẩn chứ không làm tiếp nữa. Người này về sau quả nhiên đã ở ẩn nghỉ ngơi.

Giải : Hào tài ngọ hỏa tri thế lâm nguyệt kiến vượng địa, lại được phúc thần hóa sinh trở lại cho tài. Trong quẻ dần ngọ tuất hợp thành tài cục là điều mừng. 1986 là năm dần, 1987 là năm mao, đều là những năm phúc thần tử tôn lâm thái tuế mà sinh tài, thực là phúc vượng, tài vượng, thân vượng, lại còn được phúc thần thái tuế cho sinh, cho nên từ nghèo khó bỗng chốc có của hàng trăm vạn.

Ví dụ 2. Người phụ nữ giàu có.

Tháng 8/1987, có người bạn đến Tây An công tác, đến thăm tôi. Họ nhờ tôi đoán vận khí cho ông Trương là người đồng nghiệp của họ. Tôi căn cứ ngày sinh lập được quẻ Đại hữu của quẻ Đỉnh (ngày canh dần, tháng dậu).

QUÊ CHỦ : ĐỈNH

Huynh đệ ty hỏa.
 Tử tôn mùi thổ.. ứng
 Thê tài dậu kim.
 Thê tài dậu kim.
 Quan quý hợp thủy. thế
 Tử tôn sừ thổ x

QUÊ BIẾN : ĐẠI HỮU

Huynh đệ ty hỏa. ứng
 Tử tôn mùi thổ..
 Thê tài dậu kim.
 Tử tôn thìn thổ. thế
 Phụ mẫu dần mộc.
 Quan quý ty thủy.

Tôi xem quẻ xong, câu thứ nhất nói : Năm 1984, cô ấy phát đại tài. Hai người trong số những người ngồi đó ngạc nhiên đứng dậy nói : Kỳ lạ quá, bát quái sao lại đúng đến thế ! Trong quẻ thấy có thể biết được cô ấy có bao nhiêu tiền không ? Tôi nói : khoảng 18 vạn. Họ đều đồng thanh trả lời : Khá là sát đấy !

Giải : Hai quẻ đĩnh và đại hữu hào tài dậu kim hiện ba lần, lại lâm nguyệt kiến đế vượng. Hào đầu sừ thổ tử tôn động xung mất hào năm quân vương mùi thổ đế sinh tài. Hào ba lại hóa thành tử tôn thìn thổ hợp sinh trở lại. Trong quẻ Ty, dậu, sừ hợp thành tài cục, quan tinh hợp thủy vượng ở nguyệt lệnh mà tri thế, nên quẻ này đúng là phúc vượng, tài vượng, thân vượng, do đó phát tài lớn. Năm 1985 là năm sừ, là tử tôn lâm thái tuế mà sinh tài. Đoán khoảng 18 vạn vì số của quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến cộng lại là 18.

Ví dụ 3. Đến mùa đông tất sẽ kiến tài.

Tháng 6/1987, khi tôi về thăm quê ở Hồ Bắc, có người biết tôi nghiên cứu chu dịch, đã dẫn một người bạn họ Vương làm nghề buôn bán đến nhờ tôi đoán vận. Được quẻ Tỷ của quẻ Tụy (ngày canh thân, tháng đĩnh mùi).

QUẺ CHỦ : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hợp thủy O
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa.. thế
Phụ mẫu mùi thổ..

QUẺ BIẾN : TỶ

Tử tôn tỵ thủy.. ứng
Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim..
Thê tài mao mộc.. thế
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

Tôi nói với ông Vương : trước tháng 3 năm nay tài khí của ông rất tốt, có thu nhập, nhưng từ tháng tư đến nay tài vận không bằng trước nữa. Sau tháng 10 lại thu nhập tăng dần. Ông Vương nói : thầy nói rất đúng, trước tháng 4 tôi có một chuyến buôn thành công, lãi được một số tiền. Nhưng bắt đầu từ tháng 4 đến nay, làm chuyến buôn thứ hai không đạt ý muốn, tiền không đến tay. Về sau, năm 1988, ông Vương đến Tây An công tác báo cho tôi biết : bắt đầu từ tháng 10/1987, việc buôn bán rất thuận lợi, thu nhập cũng tăng dần.

Giải : Mão mộc thái tuế lâm hào tài là dụng thần. Trước tháng 4, mộc vượng, tài vượng, do đó buôn bán có lãi, thu nhập tăng. Còn hiện nay, dụng thần tuyệt ở nhật kiến, mộ ở nguyệt kiến, tuy có hào tử tôn hợp thủy động đến sinh cho, nhưng tử tôn hợp thủy ở đất hưu tù nên lực yếu. Tháng 10, tử tôn hợp thủy nắm lệnh, hào tài mao mộc gặp đất trường sinh, do đó tài vượng sinh cho hào thế, là tượng phát tài.

Ví dụ này, tuy hào tài lâm thái tuế, mà sinh cho hào thế lại còn được phúc thần động để sinh cho hào tài, nhưng phúc thần của tài tinh tạm thời ở bại địa, cho nên phải chờ đến thời gian thích hợp tài vận mới phát.

Ví dụ 4. Đi về phương nam cầu tài.

Tháng 11/1986, ký giả họ Diệp của một tờ báo định từ chức, bỏ đi buôn bán, đến hỏi tôi, tài vận ra sao. Tôi đoán được quẻ Ích của quẻ Vô vọng.

Năm 1986
Bính Dần

tháng 11
Canh Tý

ngày 3
Nhâm Ngọ

giờ Tuất
Canh Tuất

QUÊ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa O thể
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUÊ BIẾN : ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Thê tài thìn thổ.. thể
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy.

Ký giả Diệp thấy tôi lập quẻ xong thì hỏi : Tôi không có tài vận phải không ? Thời gian nào, ở phương nào cầu tài thì có lợi ? Tôi nói : năm 1988 bắt đầu có của, phát tài ở phương nam. Cô này năm 1988 sau khi đi về phương nam buôn bán, quả nhiên thu được số tiền hàng chục vạn đồng, đến nỗi trở thành bà chủ mà người thân không nhận ra được.

Giải : Lấy hào ba thìn thổ làm dụng thần, trong quẻ tài tinh 4 lần xuất hiện, được phúc thần tử tôn ngộ hỏa đến sinh cho nên là tượng có của nhiều. Trước mắt phúc thần còn bị hào ứng tý thủy lâm nguyệt kiến xung phá nên không lợi cho sinh tài. 1988 là năm thìn, tý thủy nhập mộ, phúc thần không bị khắc nên có thể sinh tài. Năm 1988 lại là năm tài tinh lâm thái tuế phương nam là đất của phúc thần. Do đó, nếu đi về phương nam thì đại phát. Cho nên trong hai năm 1988, 1989 người phụ nữ này đại phát và trở thành người giàu, có trong tay hàng chục vạn.

Ví dụ 5. Gửi điện đến cảm ơn về lời dự đoán.

Tháng 3/1988, tỉnh cho xe về đón tôi lên trụ sở Ủy ban thành phố Tây An, nói là nữ sĩ Kim ở Đài Loan muốn gặp tôi và nhờ tôi đoán mệnh cho bà. Được quẻ Cấn của quẻ Lữ.

Năm 1988
Mậu Thìn

tháng 3
Bính Thìn

ngày 19
Kỷ Mùi

giờ Hợi
Ất Hợi

QUÊ CHỦ : LỮ

Huynh đệ ty hỏa
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim O ứng
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa..
Tử tôn thìn thổ.. thể

QUÊ BIẾN : CẤN

Phụ mẫu dần mộc. thể
Quan quý tý thủy..
Tử tôn tuất thổ..
Thê tài thân kim. ứng
Huynh đệ ngộ hỏa..
Tử tôn thìn thổ..

Sau khi tôi đoán vận cho bà, chúc mừng bà năm nay tài vận hanh thông, sẽ phát tài lớn. Bà nói : thấy đoán những việc khác đều đúng, tôi rất tin.

nhưng năm nay tôi phát tài, mà còn là phát lớn thì không thể được. Tháng giêng năm 1989, nữ sĩ đó gọi điện thoại từ Đài Loan về tỉnh báo cho cơ quan hữu quan, nhờ chuyển lời đến tôi là : Thầy Thiệu Vĩ Hoa năm ngoái khi đoán tài vận cho tôi, nói tôi năm 1988 sẽ thu được món tiền lớn. Hồi đó tôi không tin, nhưng nay thực tế đúng như dự đoán. Vì vậy xin chuyển lời cảm ơn đặc biệt của tôi đến thầy Thiệu.

Giải : Hào ứng dậu kim là dụng thận, được nhật, nguyệt kiến sinh cho, động mà tương hợp, tương sinh với hào thế, lại hóa thành tử tôn tuất thổ sinh trở lại. Hào thế tử tôn thìn thổ không những lâm nhật, nguyệt kiến vượng địa, mà còn lâm thái tuế, là thái tuế nhập hào thế để sinh tài. Quẻ như thế thực là tài vượng, phúc vượng, thế vượng, rất tốt. Điều này phù hợp với câu : phúc, tài hợp với hào thế thì sẽ được lợi vạn lần.

Ví dụ 6. Hào huynh đệ nhập mộ thì không kiếp tài.

Tháng 6/1988, ông Thường ở cơ quan tôi hỏi : những ngày tới tài khí của ông ra sao ? Được quẻ trung phù của quẻ Tốn.

Năm 1988

tháng 6

ngày 5

Mậu Thìn

Kỷ Mùi

Giáp Tuất

QUẾ CHỦ : TỐN

Quan quý dân mộc. ứng

Thê tài tý thủy x

Huynh đệ tuất thổ..

Huynh đệ sừu thổ.. thế

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu ty hỏa.

QUẾ BIẾN : TRUNG PHÙ

Quan quý mao mộc. ứng

Phụ mẫu ty hỏa.

Huynh đệ mùi thổ..

Huynh đệ sừu thổ.. thế

Quan quý mao mộc.

Phụ mẫu ty hỏa.

Tôi xem quẻ xong, nói với ông Thường : ngày 11 tháng 6 sẽ có của đến, nhưng không nhiều. Về sau đúng ngày đó, ông được mấy trăm đồng.

Giải : Quẻ này, trong đoán về cầu tài là quẻ rất ít gặp. Theo cách bàn của cổ nhân : huynh đệ tri thế thì không cầu được tài. Quẻ này hào huynh đệ sừu thổ tri thế, hào tài tý thủy động tương hợp với hào thế là của đến tìm mình, là tượng mình được của. Trong quẻ tuy hào huynh đệ 2 lần xuất hiện, lâm nhật nguyệt kiến vượng địa, nhưng đều yên tĩnh. Ngày 11 tháng 6 là ngày canh thìn, là lúc huynh đệ nhập mộ. Huynh đệ nhập mộ tức là bị chốt chặt, không kiếp tài được, cho nên nhất định có tiền.

Ví dụ 7. Không những không được tiền mà còn có hại.

Tháng mao năm 1987, ông Vượng ở cơ quan tôi nhờ đoán tài vận. Được quẻ Ly của quẻ Lữ.

Năm 1987
Đinh Mão

tháng 2
Quý Mão

ngày 13
Canh Thân

QUÊ CHỦ : LỮ

Huynh đệ ty hỏa.
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài đậu kim. ứng
Thê tài thân kim.
Huynh đệ ngộ hỏa..
Tử tôn thìn thổ x thế

QUÊ BIẾN : LY

Huynh đệ ty hỏa. thế
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài đậu kim.
Quan quý hợp thủy. ứng
Tử tôn sửu thổ..
Phụ mẫu mao mộc.

LỤC THẦN

Phi xà
Cầu trần
Chu tước
Thanh long
Huyền vũ
Bạch hổ.

Vì là người quen, lại hiểu rất rõ nhau, nên tôi nói thẳng : Cô không nên cầu tài, năm nay còn có tai họa, trong nhà sẽ xảy ra việc lớn. Về sau không những cầu tài không thành mà tháng 9 người chồng bị nhồi máu cơ tim mà chết.

Giải : Quê gặp lục hợp biến thành lục xung là cầu tài không lợi. Hào tử tôn thìn thổ tri thế, bị nguyệt kiến mao mộc khắc. Hào thế động, lại hóa thành mao mộc thái tuế khắc trở lại. Thái tuế khắc hào thế là năm đó khó mà phát triển được, đã thế hào thế lại lâm bạch hổ, động là chủ về có tang, đó là tượng đại hung. Hào ứng thê tài đậu kim tuy là dụng thần lâm nhật kiến, nhưng tài tinh ở đất hưu tù. Như thế gọi là thần phúc chết, hào thế chết, hào tài hưu tù nên làm gì có tài mà cầu. Người chồng mất vào tháng 9 là vì hào thế thìn thổ động xung mất mùi thổ, khắc phu tinh hợp thủy dẫn đến tai họa này.

Ví dụ 8. Người khác đã nắm chặt nên tiền khó vào.

Tháng 6/1989 học trò Dương Thành cầm quẻ lập từ tháng 3 đến nhờ đoán. Đó là quẻ Phù của quẻ Ích.

Năm 1989
Kỷ Ty

tháng 3
Mậu Thìn

ngày 2
Đinh Dậu

QUÊ CHỦ : ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ x
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu tý thủy O

QUÊ BIẾN : PHỦ

Thê tài tuất thổ. ứng
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa.
Huynh đệ mao mộc.. thế
Tử tôn ty hỏa..
Thê tài mùi thổ..

Trương Thành vừa đưa quẻ ra, tôi xem xong lập tức dứt khoát trả lời : không được một cái gì hết. Anh ta nói : Quả thực món tiền này cầu không được.

Giải : Món tiền này đã bị người khác nắm chặt, nên mình khó được. Hào tài thìn thổ tri thế, nhưng tuần không, lại tương hợp với nhật kiến quan quý Dậu kim, là tài hợp với người khác, hơn nữa còn hóa thành huỳnh đệ mảo mộc khác trở lại. Hào tài mùi thổ động biến thành ngộ hỏa, ngộ lại hợp với mùi. Hào sáu huỳnh đệ mảo mộc hóa thành tuất tài, mảo tuất tương hợp là tượng kiếp tài. Do đó tài ở trong quẻ nếu không phải là bị người khác hợp mất thì cũng là bị kiếp tài, cho nên không thể đến tay mình. Vì vậy cố câu nói : hào thế tuần không thì có tài cũng khó cầu được.

Ví dụ 9. Vụ buôn bán này nhất định thành.

Ngày 3 tháng 9/1990, ông Lâm là giám đốc một cửa hàng ở Tây An, vì cảm thấy không nắm chắc vấn đề, nên hỏi Trần Viên là đệ tử của tôi xem lần này ông đi Thượng Hải để mua một số thực phẩm có thành công không. Trần Viên gieo được quẻ Bôn của quẻ Gia nhân.

Năm 1990	tháng 7	ngày 15	giờ Ty
Canh Ngọ	Giáp Thân	Tân Mùi	Quý Ty

QUẺ CHỦ : GIA NHÂN

Huỳnh đệ mảo mộc.
 Tử tôn ty hỏa O ứng
 Thê tài mùi thổ..
 Phụ mẫu hợp thủy.
 Thê tài sửu thổ.. thế
 Huỳnh đệ mảo mộc.

QUẺ BIẾN : BÔN

Huỳnh đệ dần mộc.
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ.. ứng
 Phụ mẫu hợp thủy.
 Thê tài sửu thổ.
 Huỳnh đệ mảo mộc. thế

Sai khi Trần Viên lập tượng quẻ, cô nói với ông Lâm : chuyến đi này nhất định thành công, nhất định có lãi. Về sau quả nhiên việc buôn bán thuận lợi, đưa được tiền về cho cơ quan. Điều kỳ lạ ở đây là, những người khác làm những vụ buôn bán như thế vì tiết lệnh đã qua nên thực phẩm bán không được, phải giảm giá, duy riêng ông Lâm thì lại bán được, do đó ông rất cảm kích về lời dự đoán.

Giải : Hào tài hai lần xuất hiện, tức là hai món buôn, duy có điều là hào tài sửu thổ gặp nhật phá, cho nên chỉ có mùi thổ gặp hào thê tài của nhật kiến là món buôn thành công. Đã thế, lại còn được nguyên thần ty hỏa động đến để sinh tài, là tượng được tài. Vì tử tôn ty hỏa hóa khác trở lại cho nên tiền lời bị giảm bớt, nhưng nhờ hào ứng ty hỏa lâm thái tuế, lại vượng để sinh hào thê tài mùi thổ, cho nên vẫn lời, kết cục vẫn là tượng được tài. Cho nên chuyến mua thực phẩm này vẫn thành công.

Chương 7

DỰ ĐOÁN VỀ KIỆN TỤNG

Dự đoán về kiện tụng là một trong những nội dung quan trọng của bát quái dự đoán thông tin. Kiện tụng ở đây là muốn nói, thứ nhất là vì việc công hoặc việc dân sự mà phát sinh kiện tụng; thứ hai là vì phạm hình pháp mà dẫn đến tai họa ngồi tù. Kiện tụng là một loại hiện tượng của xã hội, song cũng là sản vật tất yếu trong quá trình phát triển của xã hội. Mục đích chủ yếu của chúng tôi nghiên cứu dùng bát quái để dự đoán kiện tụng hoàn toàn là để đề phòng, hoặc giảm bớt sự phát sinh kiện tụng. Điều đó đối với cá nhân, với nhà nước đều có lợi. Bàn về kiện tụng, tôi đã viết rõ trong cuốn *Chu dịch dự đoán học*.

I – DỰ ĐOÁN VỀ KIỆN TỤNG

Kiện tụng là vì việc công hoặc việc tư mà dẫn đến sự tranh chấp, dùng biện pháp hành chính không giải quyết được, nên phải mượn đến pháp luật để xét xử mới đạt được sự giải quyết thỏa đáng. Có người kiện người khác vì không biết rõ thời gian nào có lợi, nên đã kéo dài thời gian, làm cho sự việc rối lên, cũng có người không biết được thời gian nào kiện có lợi, cho nên bỏ mất thời cơ, đúng lúc bất lợi thì lại đi kiện, kết quả sự việc không thành. Lại có người không quản kết quả ra sao, hoặc bản thân vô lý vẫn đưa đơn kiện khắp nơi, kết quả không những gây ra nhiều rắc rối không cần thiết cho các cơ quan hành pháp mà bản thân cũng tốn sức, tốn của. Vì vậy, nếu trước khi kiện biết dùng bát quái để dự đoán thì thứ nhất có thể nắm bắt được thời cơ, thứ hai có thể giảm được sự phiền hà, tốn kém.

Ví dụ 1. Sẽ không có chuyện đuổi ra khỏi nhà máy.

Tháng 10/1984, ông Võ ở cơ quan tôi vì sinh thêm một cháu sợ bị đuổi ra khỏi nhà máy nên có ý định tự sát. Ông nghĩ nếu bị đuổi khỏi nhà máy thì cả gia đình sẽ mất nguồn lương nuôi sống bấy lâu nay, vậy làm sao mà sống được. Cho nên chết đi còn hơn. Với ý niệm đó, ông đến hỏi tôi xem có bị nhà máy xử lý không. Được quẻ Hằng của quẻ Đại quá.

Năm 1984
Giáp Tý

tháng 10
Ất Hợi

ngày 7
Đinh Dậu

giờ Tuất
Canh Tuất

QUÊ CHỦ : ĐẠI QUÁ

Thê tài mùi thổ ..
Quan quý Dậu kim O
Phụ mẫu Hợi thủy . thế
Quan quý Dậu kim .
Phụ mẫu Hợi thủy .
Thê tài Sửu thổ .. ứng

QUÊ BIẾN : HẰNG

Thê tài Tuất thổ .. ứng
Quan quý Thân kim ..
Tử tôn Ngọ hỏa .
Quan quý Dậu kim . thế
Phụ mẫu Hợi thủy .
Thê tài Sửu thổ ..

Người đến đoán chỉ nói là có việc, nhưng không nói rõ việc gì. Tôi xem xong quẻ nói : anh đã phạm một việc gì đó rất đau đầu, hoặc là việc về phụ nữ, hoặc về trẻ con mà phát sinh cãi vã kiện tụng. Anh ta nói : Thấy nói đúng, tôi trước đây đã sinh 2 cháu gái, muốn sinh thêm một cháu trai, nhưng kết cục lại vẫn là cháu gái. Nhà máy đang yêu cầu sinh đẻ có kế hoạch. Vì có người tư thù nên kiên quyết đề nghị nhà máy đuổi tôi về quê. Nhà máy cho rằng không thỏa đáng, đang thương lượng với địa phương, không rõ kết quả ra sao. Nếu bị đuổi thì tôi chết mất. Anh không nên buồn. Việc này lãnh đạo nhà máy sẽ giúp anh hết sức, nên tuy có bị tổn thất, nhưng không đến nỗi bị đuổi về quê. Về sau kết quả là bị giáng cấp và việc tranh chấp giữa hai bên kết thúc.

Giải : Đoán sự việc thái quá sinh ra đau đầu là vì : đây là quẻ Đại quá. Việc do phụ nữ hay do con trẻ gây ra là vì quẻ Đại quá là quẻ hai nữ cùng 1 cung, là tượng nữ nhiều. Hoặc về việc trẻ em là vì hào thế phụ mẫu khắc hào tử tôn ngộ hỏa. Đoài là cãi vã, lại lâm động.

"Phạm những việc về kiện tụng, hào thế là mình, hào ứng là đối phương. Hào thế gặp sinh vượng là mình mạnh, hào ứng gặp suy địa là đối phương yếu". (Chương Kiện tụng trong sách Chu dịch dự đoán học).

Ở quẻ này hào thế phụ mẫu lâm nguyệt kiến vượng địa, lại được hào năm quan quý lâm nhật kiến mà sinh cho hào thế, là mình vượng. Hào quan quý động sinh cho hào thế là được lãnh đạo giúp đỡ, có thể gặp hung hóa cát. Nói có tổn thất là vì hào ứng thê tài Sửu thổ khắc hào thế, nhưng may mà hào ứng không vượng, vì vậy cho nên chỉ bị giáng cấp.

Ví dụ 2. Việc lớn biến thành bình thường.

Tháng 5/1985, ông Mẫn ở cơ quan tôi đến hỏi về việc kiện tụng, được quẻ Khảm của quẻ Khốn.

Năm 1985
Ất Sửu

tháng 5
Nhâm Ngọ

ngày 27
Giáp Dần

giờ Hợi
Ất Hợi

QUÊ CHỦ : KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ ..
 Huynh đệ dậu kim .
 Tử tôn Hợi thủy O ứng
 Quan quý ngọ hỏa ..
 Phụ mẫu Thìn thổ .
 Thế tài dần mộc .. thế

QUÊ BIẾN : KHẨM

Tử tôn tý thủy .. thế
 Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim ..
 Quan quý ngọ hỏa .. ứng
 Phụ mẫu Thìn thổ .
 Thế tài dần mộc ..

LỤC THẦN

Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long

"Việc tuy không thuận nhưng từ chỗ lớn trở thành nhỏ, rồi tan dần".

Ông Mẫn hỏi : sẽ không có tai họa gì lớn chứ ? Quyết không có !

Giải : Hào thế dần mộc tử ở nguyệt lệnh là tượng không thuận, nhưng hào thế lâm thanh long, được hào tử tôn Hợi thủy động đến sinh cho. Tuy trước mất Hợi thủy còn đang tuần không, chờ đến xuất không là được giúp.

Trong sách Chu dịch và dự đoán học có nói : "Tương sinh tương hợp thì cuối cùng sẽ tốt". Nay hào thế, hào ứng đều tương sinh tương hợp, trước mất là tuần không, là có hiện tượng giả hoặc không thực chất, nhưng khi xuất không thì sẽ ngang hòa. Dự đoán việc không thuận là vì quê Khốn có nghĩa là khó khăn. trong quê quan quý tuy vượng, nhưng không sánh được với uy lực của hào tử tôn, cho nên nói là việc to trở thành nhỏ, việc nhỏ thì tan đi.

Ví dụ 3. Nộp lại đơn sẽ được.

Tháng 3/1985, ông Ma hỏi về việc kiện tụng. Được quê Khuê của quê Tổn (ngày Kỷ Hợi, tháng Bình Thìn).

QUÊ CHỦ : TỔN

Quan quý dần mộc . ứng
 Thế tài tý thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ x
 Huynh đệ Sửu thổ .. thế
 Quan quý Mão mộc .
 Phụ mẫu tý hỏa .

QUÊ BIẾN : KHUÊ

Phụ mẫu tý hỏa .
 huynh đệ mùi thổ ..
 Tử tôn dậu kim . thế
 Huynh đệ Sửu thổ ..
 Quan quý Mão mộc .
 Phụ mẫu tý hỏa . ứng

Tôi nói : Có phải ông vì tranh chấp tiền tài mà sinh kiện tụng bị thua thiệt không ? Hiện nay cả hai cơ quan đều không quan tâm đến. Việc này phải bắt đầu kiện lại. Sau tháng 4 có lợi cho ông, kiện lại mới đạt kết quả. Ông Ma nghe xong kinh ngạc nói : Đúng, vì buồn bán mà tranh chấp nhau, tôi đã nộp đơn mấy tháng, trạm kiểm soát đẩy đơn lên quận, quận lại trả đơn về trạm, không ai quản việc này. Có lẽ tôi đành nộp đơn lại. Về sau quả nhiên việc được giải quyết.

Giải : Hào thế Sửu thổ lâm nguyệt kiến là quê thế vượng nhưng hào huynh đệ tri thế lại động tất nhiên là vì việc tranh chấp tiền tài mà sinh ra kiện tụng. Quan quý dần mộc có khí, lại được nhật kiến sinh cho mà khác

hào thế là do kiện mà bị tổn thất. Đoán hai cơ quan không ai quản là vì quẻ nội, quẻ ngoại đều có quan quý là việc có 2 chỗ quản, nhưng quyền không tập trung một mối, do đó phải nộp đơn lại. Quẻ nội phục ngâm là mọi việc không như ý.

Đoán sau tháng 4 có lợi cho mình là vì quan quý dần mọc đến tháng 4 sẽ rơi vào bệnh địa và còn kéo dài, còn hào thế sữu thổ lại được ty hỏa sinh cho nên việc kiện sẽ thắng.

Ví dụ 4. Tháng 5 thì toàn thắng.

Tháng 4/1988, ông Thái ở thành phố Tây An, đã nhiều lần gửi đơn kiện nhưng chưa được thụ lý. Hỏi việc kiện này về sau sẽ ra sao ? Ngày Kỷ Ty, tháng Đinh ty, được quẻ Tiêm của quẻ Gia nhân.

QUẺ CHỦ : GIA NHÂN

Huynh đệ mảo mộc .

Tử tôn ty hỏa . ứng

Thê tài mùi thổ ..

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sữu thổ .. thế

Huynh đệ mảo mộc O

QUẺ BIẾN : TIÊM

Huynh đệ mảo mộc . ứng

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý thân kim . thế

Tử tôn ngộ hỏa ..

Thê tài thìn thổ ..

Tôi nói : "Vì bị kiếp phá tài mà thua thiệt, sự việc xảy ra vào tháng hai âm lịch. Vụ kiện này tố cáo trở lại sẽ đạt kết quả, tháng 5 sẽ toàn thắng". Ông Thái phấn khởi nói : Bất quáí thật tuyệt diệu, thấy như tận mắt nhìn thấy. Về sau ông cảm ơn nói : Tháng 5 thì đã giành được thắng kiện.

Giải : Huynh đệ là họa kiếp tài, lâm nguyệt kiến động khắc hào thế, hào thế rơi vào tử địa mà biến thành khắc, tức là vừa bị kiếp tài vừa bị phá tài, việc xảy ra vào tháng 2. Trong quẻ không có hào quan quý, là không có người làm chủ sự việc, do đó nhiều lần kiện mà không được xử lý. Hào thế sữu thổ ở tháng 2 tuy rơi vào tử địa, nhưng lâm nhật lệnh và hào ứng tử tôn ty hỏa sinh cho. Hào năm là hào quân vương, cho nên nhất định sẽ có người lãnh đạo sự việc. Hơn nữa trong quẻ biến có hào quan quý thân kim, có quan tức có người quản việc, hào quan khắc hào huynh đệ. Dự đoán nộp đơn kiện lại tháng 5 sẽ thắng lợi là vì : tháng 5 huynh đệ mảo mộc ở tử địa, còn tử tôn ty hỏa càng vượng đến sinh cho hào thế.

II – DỰ ĐOÁN VỀ TAI HỌA BỊ TÙ

Dùng bát quái để dự đoán thông tin đối với người có tai họa tù ngục hay không, chính là để đề phòng hoặc giảm thấp sự phát sinh tai họa đó. Nếu bản thân có chứa đựng thông tin về tù ngục, thì thứ nhất tự mình phải tôn trọng pháp luật, làm một người trung thực, không làm việc xấu; thứ hai là : có thể giải hạn trước khi chưa phạm pháp để tránh khỏi tai họa. Như thế gọi là biết trước để đề phòng, có đề phòng thì sẽ tránh được. Nếu không biết được những thông tin và tai họa tù ngục của mình thì làm sao mà đề phòng, đương nhiên cũng khó mà tránh khỏi được tai họa. Một người trong thời gian sinh hoặc trong quẻ có chứa đựng thông tin về tai họa tù ngục thực ra chưa phải là điều đáng sợ. Cái đáng sợ hơn là có người biết rõ việc làm phạm pháp, nhưng không tuân thủ pháp luật, hoặc không tiếp thu sự giáo dục, kết quả phải vào tù, hối hận suốt đời không kịp, thậm chí từ biệt cả cõi đời.

Ví dụ 1. Biết mà vẫn phạm thì đáng chịu sự đau khổ trong tù ngục.

Trong thực tiễn không ít người qua dự đoán của tôi thấy có thông tin đau khổ vì tù ngục, đã nghe theo lời khuyên giữ mình đúng pháp luật nên đã tránh khỏi điều đó. Có ba cậu bé vì không nghe lời khuyên nên cuối cùng đều bị bắt giam đúng như tôi dự đoán. Dưới đây là một trong số đó.

Tháng 10/1983, có 1 người nhờ tôi đoán vận một lần nữa cho con trai của ông. Căn cứ vào ngày giờ sinh, tôi lập được quẻ Hàm của quẻ Tiểu quá (ngày Quý Tỵ, tháng Mão).

QUẺ CHỦ : TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ ..
Huynh đệ thân kim x
Quan quý ngọc hỏa . thế
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngọc hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ .. ứng

QUẺ BIẾN : HÀM

Phụ mẫu mùi thổ .. ứng
Huynh đệ dậu kim .
Tử tôn hợi thủy .
Huynh đệ thân kim . thế
Quan quý ngọc hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ ..

Tháng 8/1983 tôi đã đoán cho cháu này mùa đông năm 1983 hoặc 1/1984 sẽ có tai họa ngồi tù. Về sau tôi gọi cháu vào trong nhà căn dặn rất kỹ phải tôn trọng pháp luật, sống thật thà. Nhưng cháu không nghe theo lời khuyên, quả nhiên tháng 1/1984 bị bắt giam. Năm 1985 mãn hạn tù, cháu được tha nhưng vẫn không thành thực. Tháng 7/1990 mẹ cháu lại nhờ tôi đoán lại. Tôi nói : Đoán làm gì, tôi đã sớm báo cho bà biết, con bà trong vòng 10 năm nay, nếu không thật thà thì sẽ còn bị tù. Về sau vì tội ăn cắp nặng nên lại bị ngồi tù.

Giải : Quẻ Tiểu quá thuộc cung đoài, là thuộc kim. Tháng 2 kim ở đất tù, là tượng không lợi. Quẻ thượng của tiểu quá là chấn lâm nguyệt kiến

vượng địa, là quẻ dụng; quẻ hạ là căn thổ tử ở nguyệt kiến, là quẻ thể. Quẻ dụng khắc quẻ thể là điềm đại hung. Trong dự đoán về quan vận có câu : "Trong quẻ nếu không có quan thì khó được quan tinh trì thế". Có nghĩa là người có hào quan quý trì thế là có tin mừng thăng quan tiến chức. Song bất cứ sự vật gì cũng đều có hai mặt. Nếu người có hào quan quý trì thế, nhưng tự mình không tôn trọng pháp luật thì không những không thể làm quan, mà hơn nữa còn phạm pháp. Sách "Tăng san bốc dịch" có câu : "Quan quý trì thế là thân không yên, nếu không có tai họa thì cũng có kiện tụng". Cháu này hào quan quý ngọ hỏa xuất hiện hai lần, lại còn trì thế, hào thế còn được nguyệt kiến sinh cho đáng lẽ là vượng là tốt. Nhưng không nên hóa phúc thân hại thủy để khắc trở lại. Vì vậy, cháu này nếu không tôn trọng pháp luật thì nhất định khó tránh khỏi tai ách.

Trong quẻ không có hào tài, hào năm thân kim lại động mà hóa thành tiến thân, huynh đệ là tượng kiếp tài, cho nên cháu này vừa ăn cướp lại vừa ăn trộm, tức là tai họa xảy ra vì tiền của.

Đoán cuối năm 1983 có tai họa tù ngục vì năm 1983 là năm quý Hợi. mùa đông thủy vượng, đúng là phúc thân hại thủy nhiều quá mà khắc hào thế. Tháng 1/1984 cũng có họa lao tù vì năm 1984 là năm giáp tý, tháng giêng là phúc thân tử tôn lâm thái tuế mà xung khắc hào thế, đó là mối xung khắc do tý ngọ tương xung. Bị bắt giam vào tháng giêng năm 1984 là vì vụ cướp mùa đông năm 1983 được phá án, nên bị bắt. Năm nay lại tái phạm là vì hào thế ngọ hỏa lâm thái tuế đưa đến hậu quả này. Xưa có câu : "Thái quá tất đại hung". Phạm đã thái quá thì sự vật sẽ quay ngược trở lại, điều đó phù hợp với quẻ Tiểu quá cũng đồng nghĩa với Đại quá.

Ví dụ 2. Vì tội cưỡng hiếp mà bị bỏ tù.

Tháng giêng năm 1984, một người bạn ở Hồ Bắc gửi đến cho tôi một tú trụ, nhờ đoán vận hạn. Được quẻ khôn của quẻ Tụng (ngày át Sửu, tháng quý Dậu).

QUẺ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ O

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngọ hỏa . thế

Huynh đệ ngọ hỏa ..

Tử tôn thìn thổ .

Phụ mẫu dần mộc .. ứng

QUẺ BIẾN : KHỐN

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim .

Quan quý Hợi thủy . ứng

Huynh đệ ngọ hỏa ..

Tử tôn thìn thổ .

Phụ mẫu dần mộc .. thế

Tôi viết thư và cảnh cáo ông ta : "Không nên tham sắc, nếu không thì tháng 10 năm nay khó mà thoát khỏi tù ngục". Về sau quả nhiên tháng 10/1984, người đó vì cưỡng hiếp phụ nữ mà bị bỏ tù.

Giải : Quẻ Tụng chủ về kiện tụng, lại biến thành quẻ Khốn là vì kiện tụng mà nguy khốn. Đoán kiện tụng gặp như thế là tượng không tốt.

Trong quẻ hào huynh đệ xuất hiện 3 lần, hơn thế nữa huynh đệ lại tri thể. Hào thế ngộ hỏa tử ở nguyệt kiến, và bị nhật kiến tương hại, lại hóa thành quan quý hội thủy khắc trở lại, đó quả thực là nỗi đau khổ của việc kiện tụng. Huynh đệ tri thể chủ về kiếp tài hoặc về việc phụ nữ. Cho nên khuyên không được ham tài, ham sắc. Năm 1984, có tai họa lao tù là vì đó là năm giáp tý, là năm quan quý lâm thái tuế. Tháng 10 hội thủy quan quý lâm thái tuế vượng địa, cho nên bị bắt giam vì tội cưỡng hiếp phụ nữ.

Ví dụ 3. Phán đoán được hoãn tử hình.

Ngày 1-6-1984, khi tôi lên phố nhìn thấy một bác công nhân già, trong tay cầm 5 đồng, vừa đi vừa hô : Tôi nhờ đoán. Ai đoán được sẽ trả tiền. Lúc đó có hai người lên định đoán cho cụ già. Gần 2 giờ sau, tôi làm xong việc trở về, thấy cụ già trong tay vẫn cầm 5 đồng, biết là chưa ai đoán đúng cho cụ. Tôi đang định bước đi thì Viên Đôn Kiệt và Trương Thu Bình nói với cụ già : cụ nhờ thấy Thiệu này đoán cho một quẻ bát quái. Cụ nghe xong liền cố kêu nài tôi. Tôi nói : cụ ạ, họ đã đoán cho cụ rồi mà, vì sao cụ lại không vừa ý. Cụ nói : cả hai người đều đoán tốt, nhưng việc chủ yếu hôm nay tôi muốn đoán thì họ đoán không ra. Tôi nói : vậy tôi sẽ đoán thử xem sao. Cần cứ thời gian hỏi quẻ, tôi lập được quẻ Khôn của quẻ Khiêm.

Năm 1984	tháng 6	ngày 1	giờ Ngọ
Giáp Tý	Tân Mùi	Giáp Ngọ	Canh Ngọ
QUẺ CHỦ : KHIÊM	QUẺ BIẾN : KHÔN	LỤC THẦN	
Huynh đệ Dậu kim ..	Huynh đệ Dậu kim .. thế	Huyền vũ	
Tử tôn hội thủy .. thế	Tử tôn hội thủy ..	Bạch hổ	
Phụ mẫu Sửu thổ ..	Phụ mẫu Sửu thổ ..	Phi xà	
Huynh đệ Thân kim O	Thê tài Mão mộc .. ứng	Câu trăn	
Quan quý Ngọ hỏa .. ứng	Quan quý Tý hỏa ..	Chu tước	
Phụ mẫu Thìn thổ ..	Phụ mẫu Thìn thổ ..	Thanh long	

Tôi sau khi xem quẻ, trong lòng rất kinh ngạc. Tôi nói : Cụ ơi, con cụ phạm pháp, bị bắt giam là diễm tội chết. Cụ đã vì việc này mà tốn khoảng 1 nghìn đồng. "Thầy Thiệu ơi, thầy đoán đúng rồi. Con tôi vì kẹt chết bà cụ lảng giềng, riêng an táng phí đã mất hơn 960 đồng rồi. Bây giờ cả nhà rất lo nó bị tử hình nên muốn đoán xem". Cụ đừng lo, cháu có anh em giúp đỡ, không chết nỗi đâu. "Thầy đoán nó không chết, có người cứu là tôi yên tâm rồi. Hai người anh của nó đang vì nó mà kêu kiện việc này. Tôi đã mời anh Vương là người ở thành phố này đến nhà ăn cơm và bày tỏ sự việc". Ông cụ nói xong liền dúi 5 đồng vào tay tôi. Tôi nói : Cụ ơi, tôi không phải đoán để

lấy tiền, cụ cầm lấy tiền đi. Tôi nhét tiền trở lại tay cụ rồi trở về. Về sau báo Pháp luật Tây An đăng về vụ án này và hoãn tử hình 2 năm.

Giải : Hào thế hợp thủy tương khắc với hào ứng ngộ hỏa quan quý là không tốt. Quan quý ngộ hỏa đắc địa lại lâm nhật kiến vượng địa, còn hào thế hợp thủy ở đất hưu tù không có lực, lại còn bị quan quý ngộ hỏa khắc, nên là tai họa về việc quan hoặc lao tù. Điều này gọi là thủy suy hỏa vượng, nên thủy bị hỏa khắc ngược trở lại.

Trong sách có câu : "Thủy tù ở các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi". Nay hào thế tù ở nguyệt kiến mùi thổ, hào thế là thủy, tý là lớn, hợp là nhỏ cho nên con trai út bị ngồi tù. Lại còn gặp câu trần khắc hào thế, tức là chủ về việc lao tù.

Hào thế tử tôn hợp thủy lâm cung khôn, cả hai quẻ đều là thổ, thổ lâm nguyệt kiến vượng địa mà khắc hào thế hợp thủy tức là điềm chết. Nhưng huynh đệ thân kim ở vượng địa lại gặp hào động, tức là kim động để sinh cho hào thế hợp thủy, đó là tượng có anh em cứu, là trong khắc có sinh, trong tử có cứu. Cho nên cuối cùng được hoãn chết 2 năm, nhưng không có cách nào tránh được tội lao tù.

Ví dụ 4. Năm nay ra tù.

Tháng 5/1985, ông Lưu ở cơ quan tôi dẫn một người phụ nữ đến nhờ tôi đoán vận cho con bà. Căn cứ ngày, giờ sinh, lập được quẻ Tỳ của quẻ Cách (ngày bình tuất, tháng nhâm thân).

QUẺ CHỦ : CÁCH

Quan quý mùi thổ ..

Phụ mẫu dậu kim .

Huynh đệ hợp thủy . thế

Huynh đệ hợp thủy O

Quan quý Sửu thổ..

Tử tôn Mão mộc . ứng

QUẺ BIẾN : TỖY

Quan quý mùi thổ .. ứng

Phụ mẫu dậu kim .

Huynh đệ hợp thủy .

Quan quý Thìn thổ .. thế

Tử tôn Dần mộc ..

Huynh đệ tý thủy .

Quẻ cách có nghĩa là : đổi cũ tìm cái mới, cũng chủ về việc tù ngục. Tôi nói với bà : Con bà vì ăn cướp mà bị bắt giam. Bà hỏi : năm nào ? Tôi nói : năm 1979. Bà lại hỏi : Khi nào thì có thể ra tù. Tôi nói : năm nay ra tù. Bà nói : Đúng, tháng 8 năm nay nó hết hạn tù.

Giải : Trong quẻ hào quan quý 4 lần xuất hiện, khắc hào thế hợp thủy là nhất định có tai họa về lao tù. Đoán bị bắt giam năm 1979 là vì : trong quẻ hai hào quan quý Sửu mùi khắc hào thế. Năm 1979 là năm kỷ mùi, tức quan quý lâm thái tuế, vì hành động cướp giết mà bị bắt giam là vì trong quẻ không có hào tài, hào huynh đệ hai lần xuất hiện, lại động. Huynh đệ là chủ về việc kiếp tài. Đoán đã bị bắt từ lâu là vì lời từ của hào ba nói :

"Đây là chứng hung, là kẻ có tội thay đổi khẩu cung", tức là trước khi đoán, người đó đã phạm tội nặng. Trong thực tế cậu này năm 1979, ban đêm vào nhà dân cướp của giết người nên bị bắt giam. Năm 1985 là năm ất sùu, sùu thổ xung mất mùi thổ, nên được ra tù.

Ví dụ 5. Hai lần vào tù.

Tháng 7/1986, ông Ngô ở cơ quan tôi dẫn một người đứng tuổi họ Hầu đến tôi nói là sắp đi công tác, nhờ đoán xem đi ra có an toàn không. Tôi đoán được quẻ Tiệm của quẻ Gia nhân (ngày mậu thân, tháng bình thân).

QUẾ CHỦ : GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc .

Tử tôn ty hỏa . ứng

Thê tài mùi thổ ..

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sùu thổ .. thế

Huynh đệ mao mộc O

QUẾ BIẾN : TIỆM

Huynh đệ mao mộc . ứng

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý thân kim . thế

Tử tôn ngọ hỏa ..

Thê tài thìn thổ ..

Tôi xem xong tượng quẻ, khẳng định nói với ông ta : ông căn bản không phải là đi công tác mà muốn đoán về án con trai phạm tội trộm cắp. "Đúng, con trai tôi vì trộm cắp mà bị bắt giam. Nhờ thầy xem có biện pháp gì để giải cứu không?". Tôi nói : Con anh có 2 lần bị giam, nên thà chịu giam chứ đừng chịu phạt. Lần này nhiều nhất bị giam 1 năm. Để cho cháu nếm mùi đau khổ để mà giáo dục thì mới mong tránh được lần giam thứ hai, nếu không lại phạm nữa.

Rất đáng thương là bậc cha mẹ nào cũng thương con, ông này đã chịu phạt để cứu con ra. Nhưng năm 1987 con ông lại phạm tội trộm cắp lần nữa, lần này bị giam 7 năm. Ông Hầu khóc lóc, hối hận trước đã không nghe lời tôi, nên nay rơi vào cảnh cả nhà khánh kiệt thế này.

Giải : Hào đầu của quẻ gia nhân lời từ nói : "Bế hữu gia, hối chi". Bế có nghĩa là đề phòng việc trộm cắp. Quẻ gia nhân của Chu dịch nói : "lấy sáu hào mà đoán thì thấy : hào thượng là phụ mẫu, hào đầu là tử tôn, hào năm, ba là chồng, hào hai, bốn là vợ. Đoán con phạm tội là vì : quẻ gia nhân hào đầu lấy làm hào tử tôn nạp âm vào là mao mộc, mao động mà khắc hào thế là việc về con cái.

Trong quẻ hào tài sùu thổ tri thế, tuy được hào ứng tử tôn ty hỏa sinh cho, nhưng hào huynh đệ mao mộc xuất hiện 2 lần khắc hào thế, phạm quẻ hào thế bị khắc là tượng không tốt. Hào huynh đệ mao mộc động khắc hào thế thê tài sùu thổ là chủ về việc kiếp tài trộm cắp, rõ ràng là con cái tham gia trộm cắp. Hào đầu huynh đệ mao mộc, mộc tử ở nguyệt kiến, nhật kiến thân kim, nhưng thân kim tương hình với hào năm tử tôn ty hỏa. Hình là chủ về việc hình sự, thêm nữa mao mộc và dần mộc thái tuế là cùng một

khí, tức là mao mộc vì lâm thái tuế mà khắc hào thế. Thái tuế khắc hào thế là tai họa nặng.

Đoán bị tù hai lần là vì : năm 1986 là năm dần, tức huynh đệ dần mộc lâm thái tuế, động mà khắc hào thế, đó là lần thứ nhất. Năm 1987 là năm mao, huynh đệ mao mộc lại lâm thái tuế mà khắc hào thế, đó là lần thứ hai. Cho nên năm 1987 vì tội trộm cắp mà đoán trong 7 năm hai lần vào tù.

Ví dụ 6. Không những không lên chức mà ngược lại bị cách chức.

Tháng 5/1987, vợ một ông lãnh đạo ở thành phố nhờ tôi đoán vận cho chồng, hỏi : xem còn lên chức nữa không. Ngày giáp ngọ, tháng bính ngọ, đoán được quẻ Thái của quẻ Ly.

QUẺ CHỦ : LY

Huynh đệ ty hỏa O thế
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim O
Quan quý hội thủy . ứng
Tử tôn sừ thổ X
Phụ mẫu mao mộc .

QUẺ BIẾN : THÁI

Thê tài dậu kim .. ứng
Quan quý hội thủy ..
Tử tôn sừ thổ ..
Tử tôn thìn thổ . thế
Phụ mẫu dần mộc .
Quan quý tý thủy .

Tôi nói với người xin đoán : theo quẻ mà nói, chồng bà không những không thăng chức, mà còn cần đề phòng mất chức. Về sau vì tội dút lót, nên tháng đình mùi bị thanh tra cách chức.

Giải : Quan tinh hội thủy là dụng thần, ở đất hưu tù lại bị hào tử tôn sừ thổ vượng động mà khắc. Dụng thần lại hóa thành tử tôn thìn thổ khắc trở lại, là hóa khắc, hóa mộ, là tượng đại hung. Trong quẻ hào sáu huynh đệ ty hỏa động mà sinh cho hào tử tôn mùi thổ, mùi thổ lại sinh cho thê tài dậu kim, song vì dậu kim ở tử địa, động mà hóa thành nhập mộ, nên không có sức để sinh trợ quan tinh hội thủy, do đó quan tinh hội thủy chết vì bị khắc, không có sinh. Tháng mùi thổ vượng, mộ vượng cho nên bị cách chức.

Ví dụ 7. Vì đặc quyền tham tài, bị quần chúng phẫn nộ mà chết.

Lý cục trưởng là 1 người bạn, tháng 7/1987, nhân dịp đến Tây An công tác, gặp tôi nhờ đoán vận. Ngày giáp tuất, tháng kỷ dậu, đoán được quẻ Bốc của quẻ Cấn.

QUẺ CHỦ : CẤN

Quan quý dần mộc . thế
Thê tài tý thủy ..
Huynh đệ tuất thổ ..
Tử tôn thân kim O ứng
Phụ mẫu ngọ hỏa ..
Huynh đệ thìn thổ ..

QUẺ BIẾN : BỐC

Quan quý dần mộc .
Thê tài tý thủy .. thế
Huynh đệ tuất thổ ..
Quan quý mao mộc ..
Phụ mẫu ty hỏa .. ứng
Huynh đệ mùi thổ ..

Tôi nói với vị cục trưởng đó rằng : bây giờ không phải là lúc ông cầu quan, mà ngược lại phải đề phòng tai họa. Về sau người bạn ông ta viết thư nói với tôi : Thấy đoán rất chuẩn, ông cục trưởng đó vì đặc quyền, tham tài nên đã bị tử hình.

Giải : Quan tinh dần mộc là dụng thần trì thế, ở tử địa lại còn bị nguyệt kiến dậu kim và hào tử tôn thân kim động khắc. Quẻ cần biến thành quẻ bóc là 5 hào âm áp bức 1 hào dương, âm là quần chúng, đó là tượng đại hung. Về sau phá án nên bị tử hình.

Ví dụ 8. Vì mê muội mà rơi vào pháp luật.

Có một người vì quá ham mê địa vị, quan chức mà đã đầu cơ tiền bạc, chạy chọt. Đến lúc cảm thấy thời cơ đã đến, nên tìm đến tôi nhờ đoán vận. Ngày giáp tý, tháng tuất được quẻ Tụng của quẻ Tụng.

QUẺ CHỦ : TỤNG

Tử tôn tuất thổ O

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngộ hỏa . thế

Huynh đệ ngộ hỏa ..

Tử tôn thìn thổ O

Phụ mẫu dần mộc .. ứng

QUẺ BIẾN : TỤNG

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim . ứng

Quan quý hợp thủy .

Phụ mẫu mao mộc ..

Huynh đệ tỵ hỏa .. thế

Tử tôn mùi thổ ..

Quẻ chứa cơ may của trời. Tôi nói với ông ta : ông không những không có chức vụ, mà ngược lại còn có tai họa, đại thể "ăn quá nhiều", nên cần đề phòng tháng 10 có tai họa về quan chức. Người ấy không phục nói : cấp trên rất quan tâm đến tôi, vì sao lại bị tai họa được. Về sau quả nhiên vì người này vừa ăn hối lộ, vừa dút lót nên tháng Hợi đã rơi vào pháp luật.

Giải : Trong mệnh không có quan, thì trong quẻ khó mà được quan tinh trì thế. Nay quẻ này ngộ hỏa huynh đệ trì thế lại lâm nhật phá, lại hóa thành khắc trở lại. Hào thế ngộ hỏa gặp nhật phá bị khắc, lại nhập mộ của nguyệt kiến, là mộ của hào động. mộ tức là vào tù. Nay hào quan quý hợp thủy đang tuần không, ra khỏi tháng tuần không là gặp tai ách, cho nên tháng Hợi bị bắt giam (tức là ra khỏi tháng Hợi bị bắt giam).

Ví dụ 9. Tháng 12 năm nay có thể ra tù.

Ngày 19 tháng 11 năm 1985, vợ ông Tường ở Tây An nhờ đệ tử của tôi là Trương Thành đoán xem lúc nào thì con bà ra ngục. Ngày mậu tuất, tháng canh tý đoán được quẻ Tốn của quẻ Khảm.

QUÊ CHỦ : KHẨM

Huynh đệ tý thủy x thế
 Quan quý tuất thổ .
 Phụ mẫu thân kim ..
 Thế tài ngộ hỏa x ứng
 Quan quý Thìn thổ .
 Tử tôn dẫn mộc ..

QUÊ BIẾN : TỐN

Tử tôn mao mộc . thế
 Thế tài ty hỏa .
 Quan quý mùi thổ ..
 Phụ mẫu dậu kim . ứng
 Huynh đệ Hợi thủy .
 Quan quý Sửu thổ

Trương Thành nói với vợ ông Tường rằng : đừng lo, tháng 12 năm nay, con bà nhất định sẽ ra tù. Về sau đúng như lời dự đoán.

Giải : Đoán về lao tù, hay các việc về quan họa, mừng nhất là gặp quẻ lục xung. Xung có nghĩa là tan, cũng tức là sổ lồng. Nay quẻ gặp lục xung biến thành lục xung là tượng ra tù. Hào tử tôn dẫn mộc lâm thái tuế, lại được nguyệt kiến tý thủy sinh cho. Tử tôn dẫn mộc biến thành quan quý Sửu thổ là khắc mất quý tinh trên mình, là tượng ra ngục. Sửu là tháng 12 nên đoán tháng 12 ra ngục.

Ví dụ 10. Tôn trọng pháp luật thì sẽ tránh được tai họa lao tù.

Tháng 3/1988, ông Lưu cùng cơ quan nói với tôi : con ông năm nay làm việc gì cũng không thuận, mà tính khí rất thất thường, nên nhờ tôi đoán vận cho con. Ngày nhâm tuất, tháng bính Thìn tôi lắc được quẻ Truân của quẻ Ký tế.

QUÊ CHỦ : KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy .. ứng
 Quan quý tuất thổ .
 Phụ mẫu thân kim ..
 Huynh đệ Hợi thủy O thế
 Quan quý Sửu thổ ..
 Tử tôn mao mộc .

QUÊ BIẾN : TRUÂN

Huynh đệ tý thủy ..
 Quan quý tuất thổ . ứng
 Phụ mẫu thân kim ..
 Quan quý Thìn thổ ..
 Tử tôn dẫn mộc .. thế
 Huynh đệ tý thủy .

Tôi xem xong tượng quẻ, nói với bà Lưu : con bà năm nay phải cẩn thận. Theo quẻ mà nói, chắc chắn có tai họa lao tù. Bà Lưu nghe xong vô cùng lo lắng, hỏi làm sao giúp và nhờ giải. Tôi nói : ngoài cách giải ra, bà còn phải yêu cầu con tôn trọng pháp luật, không được làm việc gì xấu, gặp việc gì không thuận lợi thì phải bình tĩnh kiên nhẫn. Tháng 9 năm nay không nên đi về phương tây bắc. Nếu làm được như tôi yêu cầu thì tháng 9 chỉ bị thương nhẹ, hoặc ốm nhẹ.

Về sau quả thật con bà đã làm theo cách giải và yêu cầu của tôi nên tháng 9 chỉ 1 lần bị thương nhẹ, còn cả năm bình yên vô sự.

Giải : Hào huynh đệ Hợi thủy trì thế, mộ ở nguyệt kiến, lại bị nhật kiến khắc, lại hóa thành quan quý Thìn thổ khắc trở lại mà nhập mộ. Mộ Thìn

thổ lâm thái tuế, tất nhiên là tượng vào tù. Tháng 9 là tháng tuất thổ vượng địa, tây bắc là vượng địa của tuất thổ, cho nên kỵ thìn tuất tương xung. Tháng 9 tuất thổ xung khai mộ kho thìn thổ, tức là tượng vào tù, cho nên tháng 9 kiêng đi phương tây bắc.

Mục đích của dự đoán là để tránh tai họa. Do đó không sợ đoán có tai họa ngục tù, mà chỉ sợ sau khi đoán ra, biết rồi vẫn cố tình vi phạm. Mười năm lại đây, tôi đã đoán cho rất nhiều người, hề thấy tượng có tù ngục, thì thứ nhất khuyên tôn trọng pháp luật, thứ hai là giúp đỡ hóa giải. Kết quả là những người cẩn thận đều tránh được, bình yên vượt qua cửa ải. Ví dụ này là một trong những trường hợp đó. Song cũng có lúc có người không tin hoặc không nghe lời khuyên, kết quả ba lần vào tù mà vẫn chưa thoát khỏi.

Ví dụ 11. Đoán bị tù khoảng 10 năm.

Tháng 9/1986, một phụ nữ ở thành phố Tây An nhờ tôi đoán vận cho con. Căn cứ ngày sinh, tôi đoán được quê Phong của quê Cách (ngày nhâm ngọ, tháng bính ngọ).

QUÊ CHỦ : CÁCH

Quan quý mùi thổ ..

Phụ mẫu dậu kim O

Huynh đệ Hợi thủy . thế

Huynh đệ Hợi thủy .

Quan quý Sửu thổ ..

Tử tôn Mão mộc . ứng

QUÊ BIẾN : PHONG

Quan quý tuất thổ ..

Phụ mẫu thân kim .. thế

Thê tài Ngọ hỏa .

Huynh đệ Hợi thủy .

Quan quý Sửu thổ .. ứng

Tử tôn Mão mộc .

Tôi nói với bà đó : Con bà phạm tội đã bị bắt giam. Hai người cùng đến với bà đều xen vào nói : Thầy Thiệu, nhờ thầy xem kỹ cho, cháu ngoan lắm, tại sao lại bị bắt giam ? Tôi thấy họ có ý nghi ngờ, nên nói thẳng ra rằng : con bà vì quan hệ nam nữ và trộm cắp, tức vì hai tội mà bị bắt giam, án khoảng 10 năm. Bà đó đành phải nói thật : Con bà đã bị giam, tòa xử 11 năm tù.

Giải : Hào huynh đệ Hợi thủy lâm thái tuế lại trì thế, lại được hào 5 dậu kim động đến sinh cho nên đã vượng càng thêm vượng. Huynh đệ trì thế là chủ về phạm tội kiếp tài, lại hóa thành Ngọ hỏa thê tài, cho nên năm Mậu Ngọ 1978 và năm Quý Hợi 1983 phạm tội trộm cắp và tội cưỡng hiếp phụ nữ, nên năm 1983 bị bắt giam.

Đoán đã phạm tội là vì, lời từ của hào năm quê Cách nói : "đại nhân hổ biến, vị chiêm hữu phù". "Vị chiêm hữu phù" có nghĩa là trước khi đoán quê người này đã bị tội.

Đoán khoảng 10 năm là vì hào huynh đệ Hợi thủy trì thế đòi hỏi phải đến năm dậu kim sinh cho thì mới có thể ra tù được. Từ năm 1983 đến 1993 vừa đúng là 11 năm.

Chương 8

DỰ ĐOÁN VỀ MẤT CỦA

Của cái có vào có ra, vào là được, ra là mất. Được thì khó, mất thì dễ. Được thì vui mừng, mất thì buồn khổ. Sự được mất này không phải là ngẫu nhiên, mà là do thông tin tài sản của bản thân quyết định. Cái đáng mất thì mất rồi khó tìm lại được, cái không đáng mất, mất rồi có thể tìm lại.


Chương này nói về dự đoán mất của, là mất do bản thân không cẩn thận, nhưng cũng có lúc mất do bị trộm cắp, bàn về cả của công và của tư. Cho dù là bản thân không cẩn thận mà mất hay bị mất trộm đều có thể dùng bát quái dự đoán để tìm lại, hoặc cung cấp cho việc phá án những thông tin cần thiết.

I - ĐOÁN VỀ MẤT CỦA

Tiền của và các vật phẩm bản thân nó ở bên ngoài bản thân ta, vì khi ta ra đời không mang chúng đến hoặc khi chết cũng không mang đi. Tiền của có được, có mất, đó là hiện tượng bình thường. Nhưng vì nhiều người thu nhập thấp, chẳng qua khéo ăn khéo tiêu mới dành dụm được ít tiền, nay mất đi không những kinh tế gia đình bị tổn thất, mà tinh thần bản thân người đó cũng có những buồn khổ nhất định. Thậm chí có người vì mất của dẫn đến vợ chồng bất hòa, hoặc vì buồn khổ quá mà bị bệnh...

Những năm gần đây tôi dùng bát quái để dự đoán mất của có thể tìm lại được hay không, nếu dự đoán tìm được thì có khả năng tìm được, còn không tìm được thì hầu như khó mà tìm lại. Điều này không những giúp cho các cơ quan và tư nhân về mặt kinh tế tránh được những tổn thất to lớn, mà về mặt tinh thần cũng giải trừ được mối lo và đau khổ cho nhiều người.

Ví dụ 1. Nhận nhầm xe, rồi trả lại.

Ngày 30-12-1983, mọi người đều bận rộn chuẩn bị hàng tết. Đúng lúc đó ông Nhiệm ở nhà máy tôi, sau khi mua được thực phẩm ở chợ thì phát hiện xe đạp mình đã mất. Chiếc xe đạp đối với gia đình bình dân mà nói là một tài sản tương đối, hướng hồ trước thêm năm mới mất của thì người ta cho rằng đó là điều không tốt. Do đó ông Nhiệm đến tôi nhờ đoán xem có tìm được xe không. Đối với tôi đây là lần đầu dùng bát quái để đoán về mất của. Tôi theo thời gian mất xe lập được quẻ Tỷ của quẻ Khảm 

Năm 1983
Quý Hợi

tháng 12
Ất Sửu

Ngày 30
Ất Sửu

giờ Mùi
Quý Mùi

Tôi thấy quẻ chủ là khảm thì nói với ông : Xe không mất đâu, có thể là người khác lấy nhầm. Trước 9 giờ tối nay, nhất định tìm được. Ông Nhiệm cho rằng giờ này trạm công an và bảo vệ đều nghỉ cả, còn ai quan tâm đến việc mất xe này. Hơn nữa kẻ trộm đã lấy đi rồi thì không thể trả lại nữa. Về sau quả nhiên trước 9 giờ tối, có người vì lấy nhầm xe nên mang trả lại.

Giải : Quẻ gặp ngang hòa là vật không mất. Chu dịch có câu : "Mất xe đừng truy tìm, 7 ngày sẽ hoàn trả lại". Đoán là người khác lấy nhầm xe vì : khảm là vòng cung, hai quẻ nội ngoại đều là khảm, có nghĩa là nhầm lẫn giữa hai xe. Đoán trước 9 giờ tối nhất định tìm được là vì : số quẻ chủ là 12. Lúc đến đoán, ông Nhiệm trong trạng thái đi lại, cho nên lấy 1 nửa là 6. Hơn nữa quẻ nội là quẻ dụng khảm cũng là 6, mất xe lúc hai giờ chiều cộng với 6 giờ thành 8 giờ tối. Vì vậy đoán trước 9 giờ thì tìm được.

Ví dụ 2. Ngày mai nhất định tìm được.

Tháng 2/1985, ông Triệu ở cơ quan tôi nói, buổi trưa sau lúc tan tầm, ông dựng xe trước nhà, 1 giờ chiều đi làm thì không thấy xe nữa. Đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả, nhờ tôi đoán xem có tìm lại được không ? Được quẻ Tỳ của quẻ Khảm.

Năm 1985
Ất Sửu

tháng 2
Kỷ Mão

ngày 2
Canh Thân

giờ Mùi
Quý Mùi

QUẺ CHỦ : KHẨM

Huynh đệ tỳ thủy .. thế
Quan quý tuất thổ .
Phụ mẫu thân kim ..
Thê tài ngộ hỏa .. ứng
Quan quý thìn thổ O
Tử tôn dần mộc ..

QUẺ BIẾN : TỶ

Huynh đệ tỳ thủy .. ứng
Quan quý tuất thổ .
Phụ mẫu thân kim ..
Tử tôn mão mộc .. thế
Thê tài tỵ hỏa ..
Quan quý mùi thổ ..

Tôi nói : Đừng lo ! Giờ thân chiều mai nhất định sẽ tìm được. Ông Triệu nghe xong rất phấn khởi rồi đi làm. 4 giờ chiều ngày hôm sau, quả nhiên tìm thấy xe bên lề đường.

Giải : Khảm là xe. Hào phụ mẫu thân kim là dụng thần, dụng thần lâm nhật kiến mà sinh cho hào thế. Thê tài ngộ hỏa lại hóa thành tử tôn mão mộc sinh trở lại là tượng không mất. Trong quẻ quan quý thìn thổ động là người ăn trộm, hôm sau là ngày dậu kim, thìn và dậu hợp hóa thành kim, lâm dụng thần sinh cho hào thế tỳ thủy cũng là tượng không mất.

Đoán giờ thân ngày hôm sau tìm lại được, là vì : hôm sau là ngày dậu kim, là dậu kim sinh cho quẻ khảm, hơn nữa, dụng thần để vượng mà sinh cho hào thế. Như thế gọi là tượng quẻ được sinh, hào thế được sinh, đó là lẽ thứ nhất. Người đến nhờ đoán đứng hỏi nên lấy số của quẻ chủ cộng với số hào động là 14. 2 giờ rưỡi chiều ngày 2 đến 4 giờ rưỡi chiều hôm sau đúng là tất cả 14 tiếng, hơn nữa ngày hôm sau lại chính đúng ngày dậu, giờ thân, nên đoán giờ thân ngày hôm sau tìm được.

Ở ví dụ thứ 1, đoán mất xe được quẻ tỷ của quẻ khảm, tượng quẻ hoàn toàn giống với ví dụ 2, nhưng vì ngày tháng mất xe khác nhau nên 1 cái dùng tượng quẻ để đoán, còn cái khác dùng sáu hào để đoán. Kết quả chứng tỏ, cho dù là dùng tượng quẻ hay sáu hào, kết quả đoán được đều chính xác.

Ví dụ 3. Tìm thấy xe máy rồi.

Tháng 4/1985, ông Tô bị mất cắp xe máy. Tìm đã khá lâu mà không được, đến tôi nhờ đoán, ngày át Hợi, tháng quý tỵ được quẻ Tiết của quẻ Nhu.

QUẺ CHỦ : NHU

Thê tài tỵ thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ .
 Tử tôn thân kim .. thế
 Huynh đệ thìn thổ O
 Phụ tỵ : Quan quý dân mộc .
 Thê tài tỵ thủy . ứng

QUẺ BIẾN : TIẾT

Thê tài tỵ thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ .
 Tử tôn thân kim .. ứng
 Huynh đệ sừu thổ ..
 Quan quý mao mộc .
 Phụ mẫu tỵ hỏa . thế

Tôi xem quẻ xong nói với ông Tô : bắt đầu từ hôm nay trong vòng 7 ngày sẽ tìm thấy. Đến ngày thứ 4, ông Tô báo cho tôi biết : Hôm đến nhờ thấy đoán cũng là hôm tìm thấy.

Giải : Trong quẻ hào huyah đệ động tuy chủ về kiếp tài, nhưng hào thìn thổ lâm nguyệt vượng lại động mà sinh cho hào thế, hơn nữa hào thê tài lâm nhật kiến vượng địa, hào thế và hào thê tài tương sinh là tượng không mất. Chọn phụ mẫu tỵ hỏa làm dụng thần, phục dưới hào quan quý dân mộc là phi thân sinh cho phục thần, nên phục thần được trường sinh cũng là điềm không mất của. Đoán từ hôm nay trong vòng 7 ngày tìm thấy, là vì lẽ quan quý được nhật kiến tỵ hỏa sinh cho 1 mạch dài. Ngày thứ 7 là ngày tỵ, là phục thần xuất hiện. Về sau ngày át Hợi tìm thấy là vì lẽ : phi thân gặp ngày hợp nên phục thần được xuất hiện.

Ví dụ 4. Xe mất không tìm thấy.

Đầu tháng 11/1987, ông Vương bị mất xe đạp, đến nhờ tôi đoán có tìm được không. Được quẻ Đỉnh của quẻ Cẩu.

Năm 1987
 Đinh Mão

tháng 11
 Nhâm Tý

ngày 10
 Quý Sửu

giờ Mão
 Ất Mão



Quẻ cẩu, quẻ thượng là càn kim, là quẻ dụng; quẻ hạ là tốn mộc, là quẻ thể. Đây là trường hợp dụng khắc thể. Trong "Mai hoa dịch số" nói : Đoán mất của gặp quẻ dụng khắc quẻ thể thì không tìm lại được. Về sau quả nhiên đúng thể.

Ví dụ 5. Mất liên tiếp hai xe đạp.

Tháng 12/1987 cô Lưu ở cơ quan tôi nhờ đoán xe đạp bị mất có tìm lại được không. Ngày bính tý, tháng quý Sửu được quẻ Truân của quẻ Ký tế.

QUẺ CHỦ : KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy .. ứng
 Quan quý tuất thổ .
 Phụ mẫu thân kim ..
 Huynh đệ hợi thủy O thể
 Quan quý Sửu thổ ..
 Tử tôn mao mộc

QUẺ BIẾN : TRUÂN

Huynh đệ tý thủy ..
 Quan quý tuất thổ . ứng
 Phụ mẫu thân kim ..
 Quan quý Thìn thổ ..
 Tử tôn dần mộc .. thể
 Huynh đệ tý thủy .

Quẻ ký tế vốn chủ về việc có kết quả, nhưng đoán cầu tài, mất của gặp quẻ này thì không lợi. Nên tôi nói với cô Lưu : Cô cách đây không lâu đã mất một xe không tìm được. Cô Lưu nói : tháng trước khi tôi xem phim đã bị mất cắp một xe, không tìm được. Nay vừa mua xe mới lại bị mất cắp ngay, thật rủi ro. Tôi nói : Chiếc xe này cũng sẽ không tìm được. Về sau quả nhiên đúng thể.

Giải : Hào phụ mẫu thân kim là dụng thân, tuần không hóa thành tuần không, lại gặp tử tuyệt và mộ ở nguyệt kiến là tượng không tìm được. Trong quẻ hào huynh đệ hiện hai lần, huynh đệ hợi thủy lại trì thể, vượng địa và lâm động. Huynh đệ trì thể mà động là chủ về kiếp tài, phá tài cho nên đoán xe không tìm được. Ngoài ra còn đoán cách đây không lâu cũng mất một xe là vì huynh đệ hợi thủy trì thể, hào dương động, chủ về việc quá khứ, cho nên nói : liên tục mất liên hai xe.

Ví dụ 6. Tiền không mất.

Giờ tuất ngày 19 tháng 7/1985, cô Trương ở cơ quan tôi đến tìm tôi nói : "Giờ thân chiều hôm nay, tôi không thấy ví tiền. Nghi là có người khác lấy. Nhờ thầy đoán xem có thể tìm được không". Được quẻ Đại tráng của quẻ Hằng.

Năm 1985
 Đinh Mão

tháng 7
 Mậu Thân

ngày 19
 Ất Ty

giờ Thân
 Giáp Thân

QUÊ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ .. ứng

Quan quỷ thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa .

Quan quỷ Dậu kim . thế

Phụ mẫu Hợi thủy .

Thê tài Sửu thổ x

QUÊ BIÊN : ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..

Quan quỷ thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Thê tài Thìn thổ .

Huỳnh đệ Dần mộc .

Phụ mẫu Tý thủy . ứng

Theo các thông tin biểu thị trên quẻ, tôi nói với cô Trương : Tiền cô khoảng hơn 80 đồng, nhưng chưa đến 100 đồng. Cô nói : Đúng, 90 đồng. Tôi lại nói : Hôm nay là ngày cô có tiền tiến tài, nên tiền không mất. Về tìm kỹ lại xem. Cô nói : 90 đồng này là tiền bán dưa hấu, tôi đã tìm mấy giờ ở nhà mà không tìm thấy, quả thực là mất rồi. Nói xong cô đi về. Ngày hôm sau, vừa thấy tôi cô phấn khởi nói : Thấy Thiệu ơi, tiền chưa mất. Vốn là ví tiền bỏ dưới quầy, sau đó quên mất, tối qua về nhớ lại mới tìm ra. Rất cảm ơn thầy.

Giải : Đoán hơn 80 đồng, chưa đến 100 là vì : số của quẻ hàng vượt quá số 8; số quẻ hàng cộng thêm hào động là 1 thì chưa đến 10. Vì sao không phải là 800, hoặc 1.000 là vì hào tài xì hơi ở nguyệt kiến nên không vượng, do đó chỉ đoán số tiền là hàng chục chứ không đoán hàng trăm.

Vì sao nói : hôm nay là ngày tiến tài nên tiền không mất : hào quan quỷ Dậu kim trị thế, hào tài tuất thổ là hào ứng sinh cho Dậu kim, đã thế hào thế lại hóa thành Thìn thổ sinh trở lại cho hào thế nên càng là tin mừng. Nhật kiến sinh cho hào tài, hào tài lại sinh cho hào thế. Tài sinh thế là tượng tiến tài thì làm sao lại mất tiền được. Tất nhiên tiền bán dưa hấu là tiền tài. Trong "Chu dịch với dự đoán học" có câu : "Hào thế, hào ứng tương sinh cho nhau là hư không. Phạm gặp hào thế và hào ứng tương sinh cho nhau, đặc biệt là hào ứng sinh cho hào thế thì mất của là hiện tượng giả". Vì vậy mà nói tiền không mất. Ví tiền để dưới gầm quầy là ứng với quẻ tổn có tượng là giường.

Ví dụ 7. Máy sủi bị mất trộm.

Ông Dư ở cơ quan tôi không tìm thấy máy sủi, đến nhờ đoán có bị mất không. Căn cứ thời gian ông phát hiện bị mất được quẻ Tiết của quẻ Truân



Năm 1985

Át Sửu

tháng 10

Đình Hợi

ngày 26

Át Hợi

giờ Tỵ

Tân Tỵ

Tôi nói với ông Dư : bọn trộm đến lấy cắp gồm 2 nam, 1 nữ. Chúng dùng xe chở đi, ban đầu đi về phía tây, sau ngoặt về phía đông, đến phương

đông bắc của nhà ông thì dừng lại. Lò sưởi có thể tìm lại được. Về sau quả nhiên tìm thấy.

Giải : Đoán bọn trộm gồm 3 người là vì : quẻ truân quẻ thượng là khám, quẻ hạ là chấn là 2 nam. Hào động ở quẻ đoài là nữ. Trước hết chúng đi về phía tây, sau đó về phía đông, rồi hướng đông bắc, xong ngừng lại là vì : quẻ đoài có hào động là phía tây; chấn là đông; trong quẻ truân, quẻ hồ là chấn, chấn là đông bắc, cũng là ngừng lại; khám là tượng xe.

Đoán có thể tìm được, bởi vì trong quẻ chủ có thể sinh dụng, vốn là khó tìm, nhưng biến thành quẻ tiết nên quẻ thể lâm nhật, nguyệt kiến vượng địa, cho nên đoán tìm được.

Ví dụ 8. Bản vẽ giá trị hàng vạn đồng, mất lại tìm được.

Hơn 10 giờ đêm ngày 1-6-1986, anh Văn Hiến ở nhà máy Tây An đến tìm tôi về vô cùng lo lắng nói : Hơn 6 giờ sáng nay tôi đi xe máy đến cơ quan, dọc đường phát hiện bản vẽ giá trị hàng vạn đồng không biết rơi mất khi nào. Hôm nay, cơ quan cử người đi tìm, vừa nhờ Đài phát thanh, vừa dán cáo thị, suốt cả 1 ngày mà vẫn không kết quả. Tôi muốn nhờ thầy đoán xem có thể tìm được không ? Được quẻ Tụy của quẻ Khốn.

Năm 1986	tháng 6	ngày 1	giờ Mão
Bính Dần	Ất Mùi	Nhâm Tý	Quý Mão

QUẺ CHỦ : KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim .
Tử tôn hợi thủy . ứng
Quan quý ngọc hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ O
Thê tài dần mộc .. thế

QUẺ BIẾN : TUY

Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ dậu kim . ứng
Tử tôn hợi thủy .
Thê tài mão mộc ..
Quan quý tỵ hỏa .. thế
Phụ mẫu mùi thổ ..

Sắp xếp lục thân của hào ứng và hào thế tôi nói với anh Văn Hiến : Anh đánh rơi tài liệu ở phương tây nam. Anh Hiến nói : Đúng, đúng ! Tôi an ủi nói : Đừng lo, có thể tìm được, nhưng phải chi 1 ít tiền. Nếu ngày 3 tháng 6 không tìm được thì ngày 4 nhất định sẽ tìm được. Về sau, quả đúng ngày 4 tháng 6, có 1 nông dân theo giấy cáo thị tìm đến địa chỉ nhà máy trả lại bản vẽ. Văn Hiến đã mời ông ở lại ăn cơm và tặng năm chục đồng làm quà cảm ơn.

Giải : 1. Quẻ khốn có tượng quẻ ly, ly là phía nam; quẻ ngoại đoài là tây, nên đoán mất ở phương tây nam. 2. Quẻ dụng khám biến thành quẻ khôn cũng là phương tây nam. Lấy hào phụ mẫu thìn thổ làm dụng thần, hóa thành hào quan quý tỵ hỏa sinh trở lại là tượng không mất. Hào thế và hào ứng lại tương sinh, hào ứng sinh cho hào thế và vật giá mất, hay vật

mất có thể tìm lại được. Đoán ngày 3 hoặc ngày 4 tháng 6 có thể tìm được, vì hào thê tài dẫn mộc trị thế, nay đang tuần không, nên không được hào ứng hợp thủy sinh cho. Ngày 3 hoặc ngày 4 xuất không, hào thế sẽ được nó sinh cho. Ngày 3 bản vẽ chưa được đưa đến vì ngày 3 là ngày dẫn hợp với hợp nên có sự ràng buộc, chính ứng với câu nói của người nông dân là : định ngày 3 thì mang bản vẽ đến, nhưng vì còn bận việc nên chưa đi được. Ngày 4 thê tài dẫn mộc xuất không, nên người nông dân mang bản vẽ đến. Đoán phải chi phí ít tiền là vì quẻ thể sinh cho quẻ dụng gây nên.

Việc đoán bản vẽ giá trị hàng vạn đồng mất rồi lại tìm được, không những khiến cho tài sản cơ quan tránh được tổn thất lớn mà cũng bảo đảm cho công việc được tiến hành bình thường, không vì thế mà nhiều loạn.

Ví dụ 9. Áo khoác ngoài không thể mất được.

Bà Thiệu ở cơ quan tôi trước đây đã nhờ tôi đoán 5 lần đều chuẩn. Lần này hơn 1 giờ chiều ngày 6 tháng 2 năm 1988 lại đến tìm tôi. Thấy dáng bà vội vàng lo lắng, tôi biết lại có việc cần nhờ. Bà nói : Trưa hôm nay tôi và chồng tôi đưa khách ra tiệm cơm chiều đãi. Khi vào nhà hàng, để 1 áo choàng mới trên ghế tựa. Ăn xong, đi rửa tay trở lại thì không thấy nữa, tuy đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không thấy. Nhà tôi tần tiện lắm mới góp mua được chiếc áo này. Hôm nay lần đầu mặc đi thì bị mất, thật rui ro ! Tôi căn cứ thời gian mất áp lập quẻ, được quẻ Hoán của quẻ Tốn.

Năm 1988	tháng 2	ngày 6	giờ Mùi
Mậu Thìn	Ất Mão	Đinh Sửu	Đinh Mùi

QUẺ CHỦ : TỐN

Huynh đệ mao mộc . thế
 Tử tôn ty hỏa .
 Thê tài mùi thổ ..
 Quan quý Dậu kim O ứng
 Phụ mẫu hợp thủy .
 Thê tài Sửu thổ ..

QUẺ BIẾN : HOÁN

Huynh đệ mao mộc .
 Tử tôn ty hỏa . thế
 Thê tài mùi thổ ..
 Tử tôn Ngọ hỏa ..
 Thê tài Thìn thổ . ứng
 Huynh đệ dẫn mộc ..

Tôi thấy quẻ tốn, quẻ thể và quẻ dụng ngang hòa, liền an ủi nói : Không nên buồn bực, trước 7 giờ tối nay, áo sẽ tìm được. Nếu không tìm được thì bà khóc cũng chưa muộn. Bà Triệu không tin nói : Thời buổi này cướp ngày cũng có, áo khoác đã mất rồi làm sao còn lấy lại được, chẳng có hy vọng gì. 6 giờ rưỡi tối, giám đốc nhà hàng đưa áo đến trả.

Giải : Tốn là quẻ ngang hòa. Quẻ ngang hòa thì vật không mất. Ở quẻ này huynh đệ mao mộc trị thế là tượng không lợi, nhưng có hào ứng quan quý Dậu kim động chế ngự huynh đệ mao mộc không cho kiếp tài, cho nên áo không thể mất. Phụ mẫu hợp thủy là dụng thần, tuy không vượng, nhưng

có quan quý dậu kim động đến sinh cho, đó là tượng được lại áo. Buổi chiều từ 5 đến 7 giờ là giờ dậu, đúng là lúc quan quý dậu kim gặp vượng địa, dụng thần phụ mẫu hội thủy được sinh, cho nên áo được người đưa đến. Giám đốc mang áo đến là ứng với quan quý sinh dụng thần.

Ví dụ 10. Tiền này do người nhà lấy trộm.

Tháng 9/1988, khi tôi giảng bài ở Nam Kinh, Tổng thư ký Hội nghiên cứu Kinh dịch của tỉnh cùng với vợ tìm đến tôi nói : 1 giờ rưỡi trưa nay, trong nhà bị lấy cắp mất hơn 1.000 đồng, nhờ thầy đoán xem có tìm lại được không. Được quẻ Khốn của quẻ Khảm.

Năm 1988	tháng 9	ngày 24	giờ Mùi
Mậu Thìn	Nhâm Tuất	Nhâm Tuất	Đinh Mùi

QUẺ CHỦ : KHẢM

Huỳnh đệ tứ thủy .. thế
 Quan quý tuất thổ .
 Phụ mẫu thân kim x
 Thế tài ngộ hỏa .. ứng
 Quan quý thìn thổ .
 Tử tôn dần mộc ..

QUẺ BIẾN : KHỐN

Quan quý mùi thổ ..
 Phụ mẫu dậu kim .
 Huỳnh đệ hội thủy . ứng
 Thế tài ngộ hỏa ..
 Quan quý thìn thổ .
 Tử tôn dần mộc .. thế

Tôi xem xong tượng quẻ và tượng hào, cười nói với 2 vợ chồng : Đừng lo, cũng không cần đi trình báo. Tiền không phải do người ngoài lấy, mà là trẻ con trong nhà lấy. Trong số anh chị em thì cháu này ở hàng thứ hai, trong số con trai thì đó là cháu cả. Chị về giải thích cho các cháu rõ là được. Bà vợ hoài nghi nói : hiện trường làm đảo lộn lung tung, không giống là người nhà lấy cắp. Tôi khẳng định trả lời : quyết không phải là người ngoài. Ngày hôm sau, hai vợ chồng đến cảm ơn nói : Thầy Thiệu, thầy đoán rất đúng, không sai tí nào.

Giải : Quẻ khảm là quẻ thể và quẻ dụng ngang hòa, ngang hòa là vật không mất. Hào tài ở quẻ nội, hơn nữa hào tài hóa thành hào tài là vật đang ở trong nhà, hay nói cách khác là người nhà lấy. Trong quẻ, hào quan quý tuất thổ lâm nhật, nguyệt kiến là không phải bị mất trộm, quẻ khảm hào dậu là hào âm, dần mộc đóng ở đó, dần thuộc giáp mộc là con đẩu, nên con đẩu là gái. Khảm là trung nam là trộm, quẻ hổ chấn là trường nam. Cho nên nói trong số anh chị em thì người đó là thứ hai, nhưng trong số con trai, đó là người lớn nhất.

Ví dụ 11. Mất chó béc-giê khó tìm lại được.

Tháng 8/1989, ở hiện trường thí nghiệm chó béc-giê của Sở công an Tây An, 1 con chó béc-giê rất quý và đắt bị mất, ông Vương hỏi xem có thể tìm lại được không ? Được quẻ Tụy của quẻ Hàm.

Năm 1989

tháng 8

ngày 20

giờ Thìn

Kỷ Ty

Quý Dậu

Quý Mùi

Bính Thìn

QUÊ CHỦ : HÀM

Phụ mẫu mùi thổ .. ứng

Huynh đệ dậu kim .

Tử tôn Hợi thủy .

Huynh đệ thân kim O thế

Quan quý ngọ hỏa ..

Phụ mẫu Thìn thổ ..

QUÊ BIẾN : TUY

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim . ứng

Tử tôn Hợi thủy .

Thê tài mao mộc ..

Quan quý ty hỏa .. thế

Phụ mẫu mùi thổ ..

Tôi xem qua tượng quẻ, tượng hào và dụng thần rồi nói : Con chó này rất khỏe, là chó cái phải không ? Nó đang có chửa sắp đẻ. Mấy người cùng đến đều đồng thanh kinh ngạc : đúng, con chó rất khỏe, lại đang chửa, có thể đẻ trong 1 ngày gần đây. Bất quá tuyệt thật, ngay đến chó đang chửa cũng có thể đoán ra, thực thần kỳ. Tôi nói tiếp : con chó này bị bắt trộm. Kẻ trộm đi về hướng tây bắc rồi lại chuyển sang hướng tây nam. Đúng đấy ! mấy cán bộ công an chúng tôi đang đi tìm, nghe có người nông dân nói : Thấy 1 người dắt 1 con chó béc-giê đi về phương tây bắc. Chó này tuy bị bắt trộm nhưng vẫn bình yên vô sự. Xem ra khả năng tìm được không nhiều. Nếu tháng 10 năm nay tìm được là được, còn không là chịu mất. Về sau, chính xác là không tìm được.

Giải : Đoán những quẻ về chim bay, thú chạy lấy hào tử tôn làm dụng thần. Nay hào tử tôn Hợi thủy làm dụng thần lâm nguyệt mà được sinh, lại được hào động thân kim sinh cho, cho nên đoán, con chó này rất khỏe. Dụng thần tử tôn Hợi thủy là hào dương thuộc ngôi âm, lại đóng ở cung đoài, hóa thành ngôi âm nên nhất định là chó cái. Quẻ hàm, quẻ hạ là cấn, là chó, là quẻ dụng; quẻ biến là khôn là trong bụng có con nhiều, có nhiều con nên đoán có thai. Đoán sắp đẻ là vì dụng thần tử tôn Hợi thủy gặp ngày tỵ là xung là phá, tỵ xung Hợi là tượng đẻ. Đoán chó bình an vô sự vì dụng thần được nguyệt kiến và hào động sinh cho. Đoán kẻ trộm ban đầu đi hướng tây bắc sau chuyển hướng tây nam vì dụng thần Hợi thủy hóa thành Hợi thủy, quẻ cấn biến thành quẻ khôn. Đoán khó tìm là vì tháng 8 dậu kim vượng tương sinh cho dụng thần, tháng 9 là tuất là chó gặp vượng địa, tháng 10 dụng thần tử tôn Hợi thủy lâm nguyệt kiến vượng địa. Nếu vượng mà không trở về được thì những thời gian khác càng khó trở về. Hơn nữa quẻ cấn biến thành quẻ khôn là thổ biến thành thổ, chủ về yên tĩnh, là dừng, là tượng không động. Mặt khác hào huynh đệ lâm vượng mà động, chủ yếu về kiếp tài. Cho nên rút cuộc khó tìm lại được.

Ví dụ 12. Tiền sẽ tìm được.

Tháng 5/1989, ông Ngô và lãnh đạo cơ quan tôi đến nói : Hôm nay phân xưởng họ phát lương. Có một công nhân, sau khi tắm xong quay về, thấy tiền

lượng 100 đồng bỏ trong ngăn kéo không còn nữa, làm cho mọi người suy đoán nghi ngờ. Muốn nhờ thầy Thiệu đoán giúp xem người ngoài hay trong nội bộ và có tìm lại được không. Được quẻ Đại tráng của quẻ Hằng.

Năm 1989	tháng 5	ngày 17	giờ Thân
Kỷ Ty	Canh Ngọ	Tân Hợi	Bính Thân

QUẺ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ . ứng
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Quan quý Dậu kim . thế
 Phụ mẫu Hợi thủy .
 Thê tài Sửu thổ x

QUẺ BIẾN : ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài Thìn thổ .
 Huynh đệ Dần mộc .
 Phụ mẫu Tý thủy . ứng

Tôi xem xong quẻ nói với họ : căn cứ quẻ mà nói, tiền là người trong phòng lấy, không phải người ngoài, có thể tìm lại được. Xem ra có lẽ lãnh đạo hoặc nhân viên bảo vệ phải làm công tác tư tưởng. Trước ngày 30 tháng 6 dương lịch nhất định tìm được. Đặc biệt phải chú ý ngày 24 tháng 5 âm lịch (tức là 27 tháng 6), vì ngày đó tiền sẽ xuất hiện. Nên tìm nhiều ở các bàn hoặc ghế. Kẻ lấy tiền là nữ. Về sau quả nhiên sáng ngày 24 tìm được phía dưới ghế băng có gói giấy trong đó có 100 đồng.

Giải : Hằng là quẻ ngang hòa, là vật không mất, nên nói có thể tìm thấy. Quẻ hằng hào thê tài hiện hai lần, lấy hào động thê tài Sửu thổ làm dụng thần, tài ở quẻ nội là vật không mất ra ngoài, hơn nữa hào tài và hào phụ mẫu Tý thủy tương hợp ở quẻ nội là không phải người ngoài lấy. Lãnh đạo và nhân viên bảo vệ phải ra tay một tý là vì : quẻ hằng có quẻ hạ là tổn mộc biến thành càn kim khắc trở lại. Càn là quân vương là lãnh đạo; càn cũng là người dũng mãnh, là nhân viên bảo vệ. Cho nên nhân viên bảo vệ đã đến hiện trường nói rõ : Ai lấy tiền nên tự động trả lại, chúng tôi sẽ không truy cứu khuyết điểm.

Phải chú ý ngày 24 tháng 5 là vì : hào tài Sửu thổ động hợp với tý thủy, là tượng hợp chặt. Ngày Mậu Ngọ là ngày 24 Ngọ Hỏa xung mất Tý Thủy, Sửu Tài không hợp được nữa nên tất nhiên tiền xuất hiện.

Phải chú ý phía dưới bàn, ghế là vì : quẻ hằng, quẻ hạ là tổn, hào hai, hào ba của quẻ tổn là hào dương, hào đầu là âm, hào âm ở phía dưới hào dương là tượng chân bàn ghế. Do đó sáng ngày 24 phía dưới ghế phát hiện thấy tiền. Số tiền 100 đồng ứng với số của quẻ hằng cộng với số hào động.

Ví dụ 13. Xe tự mình quay về.

Tháng 4 năm nay khi tôi giảng bài ở Quảng Châu, ngày 9 tháng 4 Thiệu Yến mất xe đạp. Vì anh ta có dự lớp học Chu dịch của tôi, nên tự mình đoán

xe có thể tìm thấy không. Anh ta lấy hai chữ "đơn xa" để lập quẻ, được quẻ

Phong của quẻ Tiểu quá 

Năm 1990

tháng 4 (lệnh tháng 3)

ngày 9

Canh Ngọ

Canh Thìn

Mậu Thìn

Theo sách Mai hoa dịch số : quẻ thể khắc quẻ dụng là vật mất có thể tìm, nhưng tìm thấy muộn. Vì vậy đoán xe không mất. Ngày hôm sau quả nhiên xe trở về với chủ cũ. Anh ta vì lần đầu đoán thành công nên cảm thấy rất phấn khởi, đồng thời càng cố gắng học tập nâng cao bản lĩnh dùng bát quái để dự đoán.

Ví dụ 14. Tiền cát ở phía dưới tử có kính.

Ngày 27-8-1990 chị Mã ở thành phố Tây An vì không tìm thấy thẻ gửi tiết kiệm, đã tìm khắp nơi nên rất lo lắng đến nhờ đệ tử của tôi là Trần Toàn Nhân đoán giúp.

Năm 1990

tháng 8

ngày 27


giờ Ngọ

Canh Ngọ

Ất Dậu

Quý Sửu

Mậu Ngọ

được quẻ Đại quá của quẻ Quái 

Trần Toàn Nhân nói với ông Mã : phiếu tiết kiệm của ông chưa mất, ở trong đáy tử. Ông Mã nói : nhà tôi tử to, tử nhỏ, tử sách mấy cái, có thể biết ở tử nào không ? Trần Toàn Nhân nói : ở cái tử có kính, dưới ngân đáy của tử.

Ông Mã nghe xong liền trở về nhà kéo ngăn kéo dưới cùng của tử kính đựng quần áo liền tìm thấy ngay phiếu tiết kiệm. Vì là khoản tiền lớn, nên sau khi tìm thấy, ông Mã vô cùng sung sướng, chạy đến ca ngợi anh Trần hết lời.

Giải : Quẻ Quái, quẻ thượng là đoài, quẻ hạ là càn đều thuộc kim, là quẻ thể và quẻ dụng ngang hòa, đó là tượng vật không mất. Ở quẻ biến, quẻ thể khắc quẻ dụng, là vật có thể tìm lại được. Quẻ đại quá có tượng là tử, quẻ hổ của quẻ đại quá là càn, càn có tượng là kính. Hào đầu của quẻ quái động hóa thành quẻ tổn, cho nên phiếu ở ngăn kéo, đáy tử kính.

Ví dụ 15. Vì không nghe lời khuyên mà mất hơn 1.000 đồng.

Ông Kim ở nhà máy huyện Tam Môn tỉnh Triết Giang, rất yêu thích học Kinh dịch. Qua lớp học Chu dịch và dự đoán học của tôi, ông kiên trì thử nghiệm. Ông Đinh là bạn cũ của ông đi công tác để đặt mua hàng, nhờ ông đoán, được quẻ Đại tráng của quẻ Hằng (ngày nhâm dần, tháng quý mùi).

QUÊ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ .. ứng
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Quan quý Dậu kim . thế
 Phụ mẫu hợp thủy .
 Thê tài sùu thổ x

QUÊ BIẾN : ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài thìn thổ .
 Huynh đệ dẫn mộc .
 Phụ mẫu tý thủy . ứng

LỤC THÂN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ

Ông Kim xem tượng quẻ, tượng hào rồi nói với ông Đinh : chuyến đi này tốt nhất là thay đổi thời gian, nếu không thì công việc không thuận, hoặc mất của. Ông Đinh cho rằng, tất cả đều đã chuẩn bị tốt, nên cứ thế ra đi, về sau bị mất cấp hơn 1.000 đồng, hối hận mãi vì không nghe lời khuyên của ông Kim.

Giải : Hằng là quẻ ngang hòa, đáng lẽ vốn là thuận lợi, nhưng không nên quẻ nhập mộ ở nguyệt kiến. Nhập mộ là tượng không tốt, xuất hành rất kỵ.

Hằng là quẻ thuộc cung chấn, thuộc mộc. Đi công tác về phía tây bắc (càn), tháng 6 kim vượng mộc suy, mà mộc bị khắc là không tốt. hơn nữa, quẻ biến càn kim khắc quẻ thể chấn mộc, cũng là điềm không tốt.

Theo sáu hào mà nói, đoán về xuất hành rất kỵ gặp quan quý trì thế. Nay quan quý Dậu kim trì thế, tuy được nguyệt kiến sinh, hào ứng thê tài tuất thổ cũng sinh cho, nhưng tuất là tây bắc, Dậu tuất tương hại nhau, cho nên đi rất bất lợi. Hào đầu thê tài sùu thổ của quẻ hằng làm huyền vũ động mà hóa hợp, bị nhật kiến và huynh đệ dẫn mộc kiếp tài, đó là tượng mất của. Cho nên chuyến đi bị mất cấp.

II – DỰ ĐOÁN VỀ PHÁ ÁN

Án trộm cắp là loại án nhiều nhất trong các loại án, cũng là loại án dân sự phổ biến nhất. Nó giống như bệnh dịch, cho dù là nông thôn hay thành thị, khắp nơi đều có. Sự phát sinh trộm cắp không những là nhân tố gây mất ổn định trị an trong xã hội mà còn gây ra những nỗi lo lắng về tinh thần và tổn thất về vật chất cho mọi người. Hơn nữa trộm cắp cũng gây ra những khó khăn rất lớn cho công tác bảo vệ trị an.

Cho dù kỹ thuật trinh sát phá án của ngành công an ngày càng được nâng cao, nhưng trong quá trình phá án phải đầu tư nhiều nhân lực, vật lực và tiêu phí thời gian mới có thể phá án được. Thậm chí có những vụ án cho dù đầu tư tiền của rất lớn nhưng vẫn không phá nổi.

Ngành công an nếu muốn tăng nhanh tốc độ phá án, nâng cao hiệu suất phá án mà chỉ dựa vào kỹ thuật của nhân viên và các thiết bị khoa học là chưa đủ, mà còn nên dùng bát quái để dự đoán thông tin về vụ án, tức là kết hợp chặt chẽ giữa khoa học dự đoán cổ đại với thiết bị và kỹ thuật hiện đại, mới có thể phá án nhanh, nâng cao hiệu suất, để truy quét bọn tội phạm một cách có hiệu lực, bảo đảm an ninh cho xã hội.

Có vụ án phá nhanh, có vụ án phá chậm hoặc không phá nổi. Đó là vì : thứ nhất, mức độ phức tạp các vụ án khác nhau; thứ hai là kỹ thuật của các điều tra viên và các thiết bị khoa học, mức độ trang bị cho họ cũng khác nhau; thứ ba là vận khí của người bị nạn, có người tốt, người xấu khác nhau; thứ tư là : vận khí của người chỉ huy phá án, nhân viên phá án và vận khí của bọn tội phạm tốt xấu khác nhau; thứ năm là : quần chúng hiểu biết về tình hình vụ án, mức độ phối hợp của họ với ngành công an cũng khác nhau.

Trong 5 yếu tố kể trên, thì yếu tố về vận khí con người là điều quan trọng bậc nhất. Tôi phát hiện rằng : có những tình sát viên có thời kỳ hiệu suất phá án rất cao, cho dù là vụ án đó rất nặng hoặc rất phức tạp, đều có thể phá án đúng thời hạn với chất lượng cao. Nhưng cũng có lúc vụ án không phức tạp, song ngược lại phá không nổi. Ví dụ năm 1989 khi tôi đang giảng bài ở một thành phố, ở đó phát sinh một vụ trộm giá trị mấy chục vạn đồng. Ngành công an nhờ tôi dự đoán. Sau khi dự đoán về vụ án, tôi lại đoán về vận khí của người chỉ huy phá án. Tôi nói với ông Trưởng phòng đó trước mặt mọi người rằng : Từ năm 1988 về trước, hiệu suất phá án của anh rất cao. Nhưng đến năm 1988 thì hiệu suất phá án sút dần. Ông trưởng phòng đó rất kinh ngạc nói : Đúng, trước năm 1988 tôi lần lượt phá hết án này đến án khác. Nhưng sang năm 1988 đến nay, mặc dù hao tốn nhiều sức lực mà vẫn chưa phá nổi một vụ án. Bản thân tôi cũng cảm thấy rất kỳ lạ. Tôi nói : Không phải là kỹ thuật của anh không cao, hoặc bị kém đi mà chính là vận khí của anh đã thay đổi không thuận. Anh đang bước sang vận không tốt. Nếu ngành công an muốn phá vụ án này thì nên thay người chỉ huy khác mới được. Sau khi thay xong, tháng 11/1988 thì muộn nhất là tháng 2/1990 sẽ phá án. Nếu không thay người thì đến thời gian đó vẫn chưa phá nổi, hơn nữa qua thời gian đó sẽ rất phiền phức, khả năng phá án rất nhỏ, khó khăn càng lớn. Kết quả là vì không tìm được người chỉ huy để thay thế, nên vụ án đó đến nay vẫn chưa phá được.

Có những công an trong quá trình phá án hoặc quá trình bắt tội phạm không những không bắt được tội phạm, ngược lại còn bị tội phạm giết hại hoặc làm bị thương. Tra cứu lại nguyên nhân cơ bản thì thấy người công an đó đang ở bại vận, hoặc thương vận, hoặc tử tuyệt. Đối với bọn tội phạm cũng có vấn đề tương tự về vận khí. Do đó bát quái không những có thể dự đoán được toàn bộ thông tin của vụ án, mà còn có thể dựa vào các thông tin dự đoán để điều chỉnh lực lượng và thời vận các nhân viên phá án, nâng tăng tốc độ và hiệu suất cao hơn.

Ví dụ 1. Án này có thể phá được.

Ông Trương là bác công nhân già ở đơn vị tôi. Tháng 2/1986, ông nói với tôi : Ngày 28 tháng 2 âm lịch năm nay nhà ông bị mất trộm. Nhờ đoán xem có thể phá án được không, được quẻ Mông của quẻ Bốc.

Năm 1986	tháng 2	ngày 28	giờ Thân
Bính Dần	Tân Mão	Canh Ngọ	Giáp Thân

QUẺ CHỦ : BỐC

Thê tài dẫn mộc .
Tử tôn tý thủy .. thế
Phụ mẫu tuất thổ ..
Thê tài mão mộc ..
Quan quý ty hỏa x ứng
Phụ mẫu mùi thổ ..

QUẺ BIẾN : MÔNG

Thê tài dẫn mộc .
Tử tôn tý thủy ..
Phụ mẫu tuất thổ .. thế
Quan quý ngộ hỏa ..
Phụ mẫu thìn thổ .
Thê tài dẫn mộc .. ứng

Tôi báo với ông Trương kết quả dự đoán như sau :

Thứ nhất : đồ vật của nhà ông đáng giá, gác ở chỗ cao nhất trong nhà mà bị mất trộm.

Thứ hai : công an đối với vụ án này không tìm thấy đầu mối nào, cũng không có mục tiêu nào để truy tìm.

Ông Trương nói : hai điều này đúng cả. Tôi lại nói :

Thứ ba : bọn trộm có 3 người, 2 nam, 1 nữ.

Thứ tư : bọn trộm từ phương đông nam đến. Trộm xong lại đi theo đường cũ trở về. Tháng 3 năm nay có thể phá án, đồ vật có thể thu hồi một bộ phận.

Ông Trương báo cho tôi biết rằng : bất quá thật thần kỳ ! Tháng 3 đã phá án. Thực tế đúng như thấy dự đoán, trừ có điều thứ 3 thì công an nói rằng bắt được bọn trộm 2 tên nam giới, không thừa nhận có nữ tham gia.

Giải : Bốc là quẻ ngang hòa, tức là vật không mất, hơn nữa hào thê tài lại lâm nhật kiến vượng địa.

Nói công an không có manh mối là vì hào tử tôn tý thủy là người bắt bọn trộm, rơi vào tử địa nên bất lực. Bất lực có nghĩa là rất khó khăn trong việc triển khai phá án.

Đoán đồ vật bị mất có giá trị và để ở chỗ cao nhất là vì : hào sáu của quẻ bốc là hào dương, dương là cứng, là quý giá. Đoán bọn trộm có 3 người vì trong quẻ chủ, quẻ hồ, quẻ biến có 3 hào quan quý. Trong quẻ có 1坎, 1 khảm, 1 khôn, là hai nam, 1 nữ. Đoán bọn chúng từ phương đông nam đến, trộm xong lại trở về theo đường cũ là vì quan quý ty hỏa lại biến thành ty

hỏa. Đoán tháng 3 phá án là vì thủy thổ mộ ở thìn. Đoán có thể thu về một phần tài sản là căn cứ vào hào thượng của quẻ cần dẫn mộc lại hóa thành dẫn mộc, lại được hào tử tôn tý thủy sinh cho. Hào ba mao mộc biến thành quan quý ngọc hỏa là mộc sinh hỏa nên có hao tổn, đó là phần của cái bọn cấp đã dùng mất không thu hồi được.

Ví dụ 2. Tháng 7 phá án.

Tháng 6/1986, ông Mạnh ở đơn vị tôi nói : cơ quan bị mất cấp, thầy thử đoán xem có phá án được không ? Căn cứ thời gian phát hiện mất cấp, lập được quẻ Tụng của quẻ Cấu.

Năm 1986	tháng 6	ngày 8	giờ Mão
Bính Dần	Ất Mùi	Kỷ Mùi	Đinh Mão

QUẺ CHỦ : CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim .
 Quan quý ngọc hỏa . ứng
 Huynh đệ dậu kim O
 Tử tôn hợp thủy .
 Phụ mẫu sửu thổ .. thế

QUẺ BIẾN : TỤNG

Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim .
 Quan quý ngọc hỏa . thế
 Quan quý ngọc hỏa ..
 Phụ mẫu thìn thổ .
 Thế tài dẫn mộc .. ứng

Tôi nói : ông Mạnh ơi, bọn trộm từ phía nam tới, trộm xong lại theo đường cũ trở về, đi chưa xa. Tháng 7 năm nay thì có thể phá án. Về sau tháng 7 phá được án, bọn trộm bị bắt.

Giải : Quan quý ngọc hỏa là bọn trộm, là dụng thân. ngọc hỏa thành ngọc là phương nam. Đoán bọn trộm đi chưa xa vì quan quý ngọc hỏa tương hợp với nguyệt, nhật kiến mùi thổ, hợp có nghĩa là ràng buộc.

Đoán tháng 7 phá án vì hào tử tôn hợp thủy là người bắt bọn trộm, tháng 6 rơi vào hưu tù vô lực. Tháng 6 là nguyệt kiến thân kim, thủy trường sinh ở thân, hào ba huynh đệ dậu kim động sinh cho hợp thủy. Thủy gặp được vượng địa là tượng người bắt kẻ trộm lực mạnh lên, còn bọn trộm ngọc hỏa tháng 7 rơi vào bệnh địa, nên đương nhiên dễ bị bắt. Kết quả tháng 7 phá án.

Ví dụ 3. Vụ án này khó phá.

Ông Lý vì không biết thông tin về cầu tài, muốn cho hoạt động kinh tế của cơ quan sôi động lên, nên đã mua về một đợt hàng. Hàng chưa kịp bán thì đã bị trộm. Hỏi án này có phá được không ? Được quẻ Truân của quẻ Kỳ tế.

Năm 1987	tháng 12	ngày 6	giờ Thìn
Đinh Mão	Quý Sửu	Mậu Dần	Bính Thìn

QUÊ CHỦ : KÝ TẾ

Tử tôn tý thủy .. ứng

Quan quý tuất thổ .

Phụ mẫu thân kim ..

Tài ngộ :

Huynh đệ hợi thủy O thế

Quan quý sừu thổ ..

Tử tôn mao mộc .

QUÊ BIÊN : TRUÂN

Huynh đệ tý thủy ..

Quan quý tuất thổ . ứng

Phụ mẫu thân kim ..

Quan quý thìn thổ ..

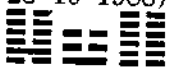
Tử tôn dần mộc .. thế

Huynh đệ tý thủy.

Tôi nói với ông Lý xem ra món của này mất thật, không phá nổi án. Ông nói : đã báo cáo với đồn cảnh sát và họ trả lời sẽ cử ngay người điều tra. Kết quả về sau án này không phá được.

Giải : Ở ví dụ trước đã nói đến đoán câu tài, mất của gặp quẻ ký tế, tài thì khó cầu, của mất khó tìm lại được. Vì hào thế, hào ứng đều là hào huynh đệ. Huynh đệ trì thế là chủ về kiếp tài, hạn phá tài, cho nên khó phá án. Quan quý lại ở vượng địa hóa thành thìn thổ khắc trở lại hào thế. Hào thế bị khắc là tượng không tốt. Tử tôn mao mộc tuy vượng ở mùa đông, nhưng lại gặp nguyệt kiến vượng địa, vốn có thể áp được quan quý, nhưng tử tôn không sinh cho hào thế, mà là hào thế sinh cho tử tôn mao mộc, hào thế tài lại phục dưới hào huynh đệ, vì thế đó là tượng kiếp tài, án rất khó phá.

Ví dụ 4. Án đã được phá.

Ngày 10-11-1988, khi tôi giảng bài ở Nam Kinh, ông Tế phóng viên của một tờ báo mang đến một tập hồ sơ ghi chép thời gian phát sinh và quá trình điều tra vụ án, nói là Ty công an Giang Tô nhờ tôi đoán. Tôi căn cứ thời gian phát sinh vụ án (10 giờ sáng ngày 28-10-1988) chuyển đổi thành ngày âm lịch, lập được quẻ Khôn của quẻ Sư  .

Năm 1988

tháng 9

ngày 18

giờ Tỵ

Mậu Thìn

Nhâm Tuất

Bính Thìn

Quý Tỵ

Vì lúc đó vội lên lớp nên chỉ đoán gấp trong vòng 15 phút rồi viết kết quả dự đoán vào giấy, giao cho nhà báo để kẹp lên xe đi. Kết quả đoán lúc đó như sau :

- 1) Sau khi phát sinh vụ án, Sở công an đã điều động rất nhiều lực lượng.
- 2) Trong vòng 10 ngày phá xong án, khoảng 3 tháng 11 thì bắt được bọn trộm.
- 3) Bọn trộm tối thiểu có 2 người, tầm vóc không cao, khoảng 1m6 đến 1m66. Trong đó có 1 tên mặt trắng, 1 tên mặt rám đen.
- 4) Người phụ trách phá án này có năng lực chỉ huy rất mạnh. Sở CA Giang Tô xem kết quả tôi dự đoán, vô cùng kinh ngạc và ngay ngày hôm đó

viết lời kết luận phá án ngay phía dưới tờ giấy tôi ghi như sau : Toàn chi cục đã xuất binh nên phá án nhanh. Ngày 29 tháng 10 thì phá án. Bọn trộm gồm hai người : 1 người cao 1m60, tên kia cao 1m62. Có 1 tên trên mặt có nhiều vết râm đen. Ở dưới ký tên Lý, Cục trưởng phân cục công an Nam Kinh ngày 10-11-1988.

Về sau ký giả Té cho tôi biết : ông Lý là người có công phá án, đã từng 3 lần lập công và được thưởng huân chương.

Giải : 1) Đoán toàn bộ phân cục công an xuất binh, khí thế đông và hùng mạnh là vì : quẻ sư có nghĩa là quân đội, cũng có nghĩa là hàng vạn người. Hai quẻ sư và khôn chỉ có 1 hào dương, còn tất cả là hào âm, tức là quân chúng đông, là tượng lính đông. Trong sư có đại xa, tiểu xa, có xe cảnh sát rú còi. Khôn là đại dự, là đại xa. Khảm là vòng cung, là tiểu xa. Quẻ hồ của quẻ sư là chấn, chấn là kêu. Đông người khí thế rầm rộ tức là quân đông tướng mạnh.

2) Đoán trong vòng 10 ngày phá án, trong vòng 7 ngày bắt được bọn trộm là vì số quẻ sư là 14, thêm hào động 2 là 16 vì phóng viên đến hỏi quẻ trong trạng thái di lại nên chia đôi lấy một nửa là 8. Do đó đoán 8 ngày sau phá án. Vì tôi lần đầu nhận đoán phá án ngay lập tức cho một vụ án to như thế, nên để bảo hiểm, tôi đã nói rộng ra thành thời gian phá án trong vòng 10 ngày. Còn ngày đoán bắt được bọn trộm là 1 nửa số của quẻ sư.

3) Đoán bọn trộm tối thiểu có 2 tên, tầm vóc không cao khoảng 1m6 đến 1m66 là vì : số của quẻ sư thêm hào động là 2 là số 16 để ước lượng chiều cao của bọn trộm. Dương nhiên không thể cao 16 m mà phải là 1m60. Số quẻ khôn là 16 thêm số 2 hào động của quẻ sư là 1m62. Số quẻ vốn là 1m62, không có 1,66. Nhưng tôi đoán 1m66 là vì lúc đó trong trạng thái vội vàng có thể viết sai. Hai tên 1 tên mặt trắng, 1 tên mặt râm đen là vì quẻ khảm có màu đen; hào động quẻ đoài là màu trắng.

4) Đoán người chỉ huy phá án có năng lực tổ chức rất mạnh là căn cứ vào hào hai của quẻ sư là hào dương duy nhất. Đó là hào chủ của quẻ sư. Một người thống lĩnh cả vạn người quyết không thể là người yếu ớt mà phải có bản lĩnh cao cường.

Vụ án này được phá trong vòng 2 ngày là vì : trong quẻ sư quẻ thương là khôn thổ, là Sở công an, là quẻ thổ; quẻ hạ là khảm thủy, là bọn tội phạm là quẻ dụng. Quẻ thổ khắc quẻ dụng, quẻ chủ, quẻ biến gồm có 3 quẻ khôn thổ, 1 quẻ khảm. Khôn là sở công an, khảm là bọn tội phạm, tức chúng bị bao vây từ 3 mặt. Hơn nữa quẻ khôn lâm nhật nguyệt kiến vương địa, là 3 khôn mạnh khắc 1 khảm. Ngày ty phá án đúng là ngày quẻ khảm tức bọn tội phạm lâm tuyệt địa mà bị khắc.

Hồi đó, tôi đoán trong vòng 10 ngày phá án, 1 mặt là vì để bảo hiểm, chủ yếu hơn là vì xe đang chờ tôi, hơn nữa đây là lần đầu tiên tôi dự đoán

về 1 vụ án lớn trước mặt đông người, nên tinh thần cũng có căn thẳng. Vì thế đã quên nhớ khâm trường sinh ở thân, tuyệt ở ty, do đó đã đoán thành 10 ngày. Sự dự đoán này về nguyên tắc không sai, nhưng nếu với yêu cầu kỹ thuật đoán phải tinh vi chính xác thì còn là một khoảng cách.

Ví dụ 5. Vụ án này có thể phá, tháng 8 sẽ lấy lại được tiền.

Có một bạn già trong cơ quan tôi một buổi trưa tháng 6/1989 đến tìm tôi nói : bọn cướp đã lấy trộm mất hơn 1.300 đồng trong túi xách. Tôi về nhà mới phát hiện. không biết khi nào thì có thể phá án và có thể lấy lại được tiền không ? Tôi lắc quẻ được quẻ Cấu của quẻ Đỉnh.

Năm 1989	tháng 6	ngày 7
Kỷ Ty	Tân Mùi	Canh Ngọ
QUẺ CHỦ : ĐỈNH	QUẺ BIẾN : CẤU	LỤC THẦN
Huỳnh đệ ty hỏa .	Tử tôn tuất thổ .	Phi xà
Tử tôn mùi thổ x ứng	Thê tài thân kim .	Câu trần
Thê tài dậu kim .	Huỳnh đệ ngọ hỏa . ứng	Chu tước
Thê tài dậu kim .	Thê tài dậu kim .	Thanh Long
Quan quý hội thủy . thế	Quan quý hội thủy .	Huyền vũ
Tử tôn sửu thổ ..	Tử tôn sửu thổ .. thế	Bạch hổ

Căn cứ tượng hào trong quẻ, tôi nói với cụ già : tiền không phải mất ở phương đông bắc của cơ quan như cụ nói mà là ở phía tây nam. Tiền trong túi xách chia làm hai gói, gói để phía ngoài là 1.300 đồng, bị lấy cắp; gói bên trong nhiều hơn, chưa bị lấy cắp, không hiểu vì sao chúng chưa lấy. Cụ già nói : Lúc chúng lấy cắp có người đang đến nên không kịp phát hiện. Tôi nói : theo đó mà nói, tên này lấy cắp lần đầu, có lẽ là trẻ em, đáng lẽ nó có thể xách cả túi đi chứ không cần dùng dao rạch túi.

Tôi nói thêm : sau khi lấy cắp tên trộm đi về phía tây bắc. Khoảng tháng 6 vụ án này phá ở phương đông bắc. Có thể bắt được tên trộm, tháng 8 lấy tiền về.

Sau khi sự việc kết thúc, ông già phấn khởi nói với tôi : Thấy Thiệu, thầy như tận mắt nhìn thấy. Tên trộm là con trai khoảng 13, 14 tuổi. Nó cắp xong liền đến ở khách sạn cao cấp của thành phố Tế Nam - Sơn Đông, bị công an ở đó bắt, đúng vào tháng 6. Hôm tôi mất tiền, chiều hôm đó đến bệnh viện khám bệnh quên túi xách ngoài xe đạp, đúng là mất tiền ở phía tây nam cơ quan. Tháng 8 bố của tên trộm đã mang tiền trả lại.

Giải : Tiền mất ở phương tây nam là vì : trong quẻ đỉnh hào bốn thê tài dậu kim động biến thành ngọ hỏa là phía nam, dậu là phía tây, nên nói phía tây nam.

Tiền chia làm 2 gói, chỉ gói ở ngoài bị mất trộm là vì hào thê tài dậu kim ở quẻ ngoại động biến thành huynh đệ ngộ hỏa, hào thê tài dậu kim ở quẻ nội không động.

Kẻ trộm là con trai vì hào quan quý hợp thủy lâm huyền vũ là kẻ trộm. Nhưng hợp thủy vào tháng 6 là rơi vào đất tù không vượng, là trẻ em. Lúc trộm có người đến, nên chỉ kịp lấy gói tiền bên ngoài.

Đoán vụ án này tháng 6 sẽ phá ở phương đông bắc là vì hào tử tôn hai lần xuất hiện đều lâm, nhật kiến vượng địa, hào quan quý ở đất hưu tù mà bị khắc nên nhất định sẽ phá án. Phá án ở phương đông bắc vì hào ứng tử tôn mùi thổ vốn khắc hào quan quý hợp thủy, nhưng mùi thổ tương hợp với nhật kiến ngộ hỏa nên là tượng tham hợp quên khắc, tức là cách xa hào quan quý quá nhiều, nên không quản được vụ án này. Trong quẻ hào quan quý hợp thủy tuần không, xuất không là bị khắc. Còn hào đầu tử tôn sữu thổ biến thành sữu thổ, sữu thổ lại lâm hào hai quan quý hợp thủy rất gần. Tháng 6 mùi thổ xung mất tử tôn sữu thổ nên khắc trực diện hào quan quý hợp thủy. Sữu ở ngôi cán, cán là đông bắc, thành phố Tế Nam đúng là phương đông bắc của Tây An, cho nên nói án này sẽ phá được ở phía đông bắc. Đoán tháng 8 thu được tiền về là vì hào thê tài dậu kim của quẻ định hóa thành ngộ hỏa khắc trở lại, là tượng tiền về. Tháng 8 hào thê tài dậu kim lâm vượng địa, còn huynh đệ ngộ hỏa ở tử địa không có lực để khắc hào thê tài, nên tháng 8 sẽ thu được tiền.

Ví dụ 6. Phá án ngay trong ngày phát sinh vụ án.

Ngày 11-1-1990, có một tờ báo đưa bản tin rất thu hút người xem là : đồn công an đã phá một vụ án rất lớn, rất quan trọng. Đó là vụ án về một vụ ăn cắp lớn. Thời gian từ phát sinh đến khi phá án chỉ có 12 tiếng đồng hồ. Tốc độ phá án rất nhanh. Nhưng nào ai đã biết vụ án ăn trộm này chính là đệ tử Trần Toàn Nhân của tôi đã dùng bát quái để dự đoán ra toàn bộ thông tin. Sau đó trình sát viên, căn cứ lời dự đoán để tiến hành phá án. Ví dụ này quẻ được lập theo thời gian phát sinh vụ án, đó là quẻ Khuê của quẻ

Đại Hữu 

Năm 1989
Kỷ Tỵ

tháng 12
Đinh Sửu

ngày 9
Canh Ngọ

giờ Tỵ
Tân Tỵ

Lập xong tượng quẻ, Trần Toàn Nhân kể lại với tôi quá trình đoán quẻ để phá án như sau :

1) Án này có thể phá, thời gian trong vòng 12 giờ. Quẻ đại hữu, quẻ thượng là ly hỏa, là quẻ thể; quẻ hạ là càn kim là quẻ dụng. Càn bị nhật kiến khắc, lại mộ ở nguyệt kiến, là hỏa khắc kim, thể khắc dụng nên án có

thể phá. Đoán trong vòng 12 tiếng phá án vì số của quẻ chủ, quẻ hồ và quẻ biến cộng lại là 12.

2) Đoán tên trộm lấy tất cả ba đồ vật. Đó là căn cứ vào quẻ ly của quẻ đại hữu, quẻ càn và quẻ đoài của quẻ biến. Thực tế là ba kiện hàng : 1 kiện là tivi màu nhập khẩu, 1 kiện là máy chụp ảnh cao cấp nhập khẩu, còn kiện thứ ba là đồ điện gia đình cao cấp.

3) Quẻ đại hữu, quẻ dụng là càn biến thành quẻ đoài. Đoài là tây, là nơi tường nhà rách nát. Do đó, bọn trộm để hàng ở phía tây ngôi nhà không chủ rách nát. Kết quả là ở phía tây quả thực có một ngôi nhà hoang vắng, thùng tivi màu tìm thấy ở đó.

4) Bọn tội phạm và tang vật ở phương tây nam. Sau khi tìm được tivi thì hai kiện khác chưa tìm thấy. Công an theo vết vân tay trên tivi đã xác định được bọn tội phạm, nhưng không biết hiện nay chúng và đồ vật để đâu. Tôi đã căn cứ vào quẻ càn biến thành quẻ đoài là tây, trong quẻ chủ có quẻ hồ là ly, là nam, nên đoán ở phía tây nam. kết quả là 10 giờ đêm hôm đó bắt được bọn tội phạm ở phía tây nam, hai kiện hàng cũng tìm thấy ở đó. Trần Toàn Nhân sau khi nói hết sự việc, vừa phấn khởi vừa khiêm tốn nói với tôi : bọn trộm sau khi bị bắt nói : chúng đã ăn trộm 8 năm, nào ngờ đến đây bị bắt quá bắt được. Tôi theo nguyên lý của quẻ, đoán được vụ án, nhưng cũng còn một số chưa rõ, ví dụ : bọn trộm người như thế nào, làm việc gì, bao nhiêu tuổi, tâm vóc ra sao, giá trị đồ vật mất cắp bao nhiêu tiền... Tất cả những điều này có phản ánh trong tượng quẻ không. Mong thầy nói cho biết.

Thấy anh Trần đoán quẻ có rất nhiều tiến bộ, tôi rất phấn khởi và chúc mừng anh ta, tiếp đó căn cứ vào câu hỏi của anh ta mà nói rằng : xem tượng quẻ mà biết vật, lấy tượng quẻ mà biết sự việc là bởi vì trong quẻ đều tàng chứa đầy đủ những thông tin đó. Những vấn đề anh hỏi đều có ở trong quẻ.

1. Quẻ hạ càn là bọn trộm, càn về nhân vật là người công chức, chủ về trắng kiện, có quyền chức. Người vũ dũng đại loại như quân nhân, công an, cảnh sát, bảo vệ. Trần Toàn Nhân kinh ngạc nói : Đúng, sau khi phá án công an cho tôi biết tên trộm là cán bộ bảo vệ của một trường phổ thông.

2. Càn là xương cốt, nên tên trộm người cao gầy, nhưng hơi trắng. Anh Toàn nói : tên đó dáng người giống như thầy tá.

3. Tên trộm khoảng 40 tuổi, vì quẻ chủ đại hữu là số 4, tức là 40 tuổi. Đúng !

4. Trị giá các đồ vật bị mất khoảng 5.000 đồng. Đó là căn cứ tổng số của quẻ chủ là 40, quẻ hồ là 3, quẻ biến 5, hào động 3, cộng lại thành 51.

Tên trộm lấy ba kiện hàng là đồ điện gia đình có giá trị, vậy thì số 5 không có nghĩa là 50 đồng, 500 đồng, mà chỉ có thể là khoảng 5.000 đồng. Đúng đến kỳ lạ, trong hồ sơ bản án ghi rõ trị giá tang vật khoảng 5.000 đồng.

5. Tên trộm cao khoảng 1m78, đó là vì số quẻ chủ 4 cộng thêm hào động 3 là 7, quẻ hồ 3, cộng thêm quẻ biến 5 là 8, cho nên đoán thân cao 1m78. Trần Toàn Nhân nói : Bát quái thật tuyệt, tầm vóc cũng chính xác không sai. Sau khi phá án không ít người trong cơ quan Trần Toàn Nhân biết được anh ta dùng bát quái để dự đoán đều cho rằng bát quái có tính khoa học rất cao, và cảm thấy rất kinh ngạc.

Ví dụ 7. Tháng 8 không phá được thì về sau càng khó.

Mùa thu năm 1990, giám đốc Sở bảo vệ của thành phố Cẩm Châu, để phá vụ án hung sát giết người dã không quản đường xá xa xôi tìm đến Tây An nhờ tôi dự đoán. Căn cứ thời gian phát sinh án, tôi lập được quẻ Lâm của quẻ Phục.

Năm 1990	tháng 5	ngày 20	giờ Hợi
Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Mậu Thân	Quý Hợi
QUẺ CHỦ : PHỤC	QUẺ BIẾN : LÂM	LỤC THẦN	
Từ tôn dậu kim ..	Từ tôn dậu kim ..	Chu tước	
Thê tài hợi thủy ..	Thê tài hợi thủy .. ứng	Thanh long	
Huynh đệ sữu thổ .. ứng	Huynh đệ sữu thổ ..	Huyền vũ	
Huynh đệ thìn thổ ..	Huynh đệ sữu thổ ..	Bạch hổ	
Quan quý dẫn mộc x	Quan quý mao mộc . thế	Phi xà	
Thê tài tý thủy . thế	Phụ mẫu ty hỏa .	Cầu trăn	

Ông Chu giám đốc sở tuy là sĩ quan cấp tá, làm công tác bảo vệ trong quân đội, nhưng ông rất hứng thú với nghiên cứu chu dịch, coi trọng thông tin dự đoán của bát quái. Ông nói : Các chiến sĩ ở cửa hàng căng tin của đơn vị chúng tôi một đêm bị người khác sát hại. Từ khi phát sinh sự việc cho đến nay vẫn chưa tìm ra đầu mối, hy vọng nhờ bát quái dự đoán để cung cấp thông tin cho việc phá án.

Tôi nói với giám đốc sở rằng : người chiến sĩ bị hại trong hoàn cảnh bị bất ngờ, có thể nói không kịp đề phòng. Hung thủ sau khi giết người, cướp đi một ít tiền, nhưng không nhiều, khoảng 100 đồng. Vì tiền trong cửa hàng đặt ở hai nơi, chỗ tiền nhiều nó chưa lấy được, có lẽ là vì không kịp. Tên tội phạm giết người cướp tiền đã chạy trốn về phía đông. Nó vóc người không cao lắm, hơi gầy. Đã đi về rừng cây phía đông, chỗ có ao hồ, gần đó có nhà máy luyện gang. Sau khi phát hiện vụ án, vì công an ở cách xa hiện trường khoảng 12 cây số, cho nên dù đã đến hiện trường cũng không tích cực lắm,

vì vậy việc phá án rất khó khăn. Nếu tháng 8, tháng 9 âm lịch năm nay không phá án được thì về sau sẽ rất khó khăn. Tương lai bọn tội phạm có khả năng bị phát giác, lộ ra ở vùng khác.

Giám đốc Chu nghe xong lời dự đoán của tôi, vừa phấn khởi, vừa kinh ngạc nói : Thầy Thiệu dự đoán thật chính xác, quả thật danh bất hư truyền, giống như tự mình tận mắt nhìn thấy. Chiến sĩ bị hại, tầm vóc không cao, khoảng 1m65, mặt không trắng. Hung thủ, sau khi giết người, đã đi về phía đông. Căn cứ vết bàn chân thì vóc người không cao. Theo quan sát hiện trường thì chiến sĩ bị hại trong điều kiện không được chuẩn bị sẵn sàng nên đã bị giết hại đột ngột. Tiền đặt ở hai chỗ : tiền trong két lớn chưa bị cướp đi, chỉ có 100 đồng trong ngăn kéo bàn bị lấy mất. Sở công an thành phố cách chỗ chúng tôi vừa đúng 12 km. Vì quân đội và địa phương là hai ngành khác nhau, nên việc phá án có gặp bất lợi... Giám đốc sở còn hỏi : thầy Thiệu từ trong quẻ có thể biết đêm đó trời sáng hay tối không ? Tôi nói : "Không phải trời sáng". "Đúng ! đêm hôm đó mưa to, sấm rền và chớp giật".

Giải : Hào ứng huynh đệ sừ thổ là chiến sĩ bị hại. Vì ở cung khôn, lại là sừ thổ cho nên mặt không trắng, cao 1m65 là vì số quẻ chủ cộng hào động 2 là 1,6; số quẻ lâm là 10, chia cho 2 được 5, cho nên là 1m65. Vì số quẻ phục và quẻ lâm là 26, người không thể cao 2m6, hơn nữa sừ thổ vốn là tượng không cao nên tính là 1m65.

Nói chiến sĩ đó hoàn toàn bị bất ngờ là vì hào ứng huynh đệ sừ thổ là chiến sĩ, hào hai quan quý dẫn mộc là hung thủ, sừ và dẫn đều ở trong cung坎, rất gần nhau nên chiến sĩ đó không biết là mình bị giết, nên mới để cho hung thủ đi đến sát mình. Hơn nữa dẫn mộc bị thân kim của nhật kiến xung, nhật xung là ám động, cho nên hung thủ đi đến bên chiến sĩ, nhân bất ngờ mà giết hại.

Đoán tiền đề ở hai nơi, chỉ mới mất 100 đồng, số tiền còn lại nhiều hơn chưa bị mất là vì hào đầu thê tài của quẻ phục là 1, là ít, gần kề với hào hai quan quý dẫn mộc, là thủy sinh mộc, cho nên 100 đồng đã bị lấy mất. Hào năm thê tài hợi thủy là 12, là số nhiều, vì ở quẻ ngoại, hoặc để ở chỗ cao, cho nên dẫn mộc cách xa, chưa lấy được.

Nói hung thủ đi về phía đông, người không cao mà gầy là vì quan quý dẫn mộc vừa ở từ địa nên không vượng. Dẫn biến thành mao, mao là phương đông, là mộc. Quẻ hổ của quẻ lâm là chấn. Chấn là rừng cây to, quẻ hạ của quẻ phục là chấn biến thành đoài, đoài là chỗ ao hồ, chỗ có sắt thép.

Đoán đồn công an cách xa 12 cây số là căn cứ vào số của quẻ chủ. Hào tử tôn dậu kim là công an, vì ở quẻ khôn nên có nghĩa là bất động, suy ra có nghĩa là không tích cực giải quyết.

Nếu tháng 8, tháng 9 không phá án được thì về sau sẽ khó là vì tháng 8 kiến dậu, là tử tôn dậu kim gặp vượng địa còn quan quý dẫn mộc, mao mộc ở tuyệt địa. Tháng 7 là tuất, tuất thổ sinh dậu kim, cũng là kim vượng khắc mộc. Nếu ở vượng địa là thời cơ có lợi mà còn không phá nổi án, thì thời cơ không lợi càng khó phá.

Trung tuần tháng 11, ông Chu Giám đốc Sở gửi thư đến báo : Đúng như dự đoán, tháng 8, tháng 9 có thời cơ tốt nhưng vì đơn vị và địa phương phối hợp không tốt nên đã bỏ lỡ thời cơ. Đến nay án vẫn chưa phá được.

Thông tin mà bát quái dự đoán là thông tin tiên thiên, chỉ có thể nói cho ta biết thời cơ lợi và không lợi. Còn sự việc đó thành công hay không còn tùy thuộc vào sự cố gắng hậu thiên và vận khí của người đó tốt hay xấu. Cho nên chỉ có kết hợp cả hai mặt mới có thể đạt được mục đích công việc.

Chương 9

DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN

Vấn đề hôn nhân nam nữ tức là vấn đề chọn phối hôn như thế nào cho vừa ý, lại vừa sống được với nhau đến đầu bạc răng long. Khoa học hiện đại về mặt này chưa có sự phân tích, lý giải thật hoàn chỉnh và hệ thống. Còn ở Trung Quốc trong sách Chu dịch đã bàn về hôn nhân, đó là điều độc nhất vô nhị trên thế giới. "Lời từ của Chu dịch" nói : "Có trời đất sau đó mới có vạn vật, có vạn vật sau đó mới có nam nữ, có nam nữ mới có cha con". "Nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh". Cho nên 64 quẻ trong Chu dịch đều liên quan với hôn nhân. Có quẻ như quẻ Tiệm là bàn về nam nữ tương phối, quẻ Cấu bàn về người phụ nữ mà cương cường quá thì không lấy được chồng. Quẻ tiểu súc nói về vợ chồng bất hòa... Đó điều là những lời bàn quan trọng về hôn nhân.

Chu dịch bàn về hôn nhân là lấy âm dương ngũ hành tương sinh tương hợp, sinh khắc chế hóa làm căn cứ chủ yếu. Đại thể tương sinh tương hợp là tốt; tương xung, tương khắc, tương hình là xấu. Đặc biệt nam gặp quẻ huỳnh đệ trì thế, nữ gặp quẻ tử tôn trì thế thì đối với hôn nhân vô cùng bất lợi. Vì nam huỳnh đệ trì thế là khắc vợ con, nữ tử tôn trì thế là khắc chồng. Đương nhiên, đó chỉ là hai loại hình chủ yếu trong nhiều loại hình khác nữa.

Tóm lại, cuộc hôn nhân có mỹ mãn hạnh phúc, vợ chồng có sống mãi đến đầu bạc răng long, hay có những cặp vợ chồng bất hòa coi nhau như thù địch đều là do sự sinh khắc chế hóa của âm dương ngũ hành dẫn đến. Đó là khách quan, không thay đổi do ý chí chủ quan của con người.

I - DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN (1)

Dự đoán về hôn nhân phạm gặp được hào thế, hào ứng tương sinh cho nhau là tốt mà dễ thành. Quan vượng sinh cho hào thế là cuộc hôn nhân mỹ mãn và bền chặt. Hào tài vượng tương lâm nhật, nguyệt, hào động sinh hợp cho hào thế là vợ chồng yêu nhau say đắm. Nam gặp hào ứng là thế tài thì không những được vợ hiền, mà còn giỏi nội trợ, quán xuyến gia đình, còn hay được thêm của cải. Hào dụng thần sinh hợp hào thế, hào thế, hào ứng tương hợp nhau là hôn nhân dễ thành, gia đình hòa thuận. Nam gặp hào ứng thế tài đắc địa là vợ đẹp mà phúc đức. Quan gặp thanh long là người chồng sang trọng; Tài gặp thanh long là người vợ phú quý, có nhiều tư trang.

Tài tinh được ngôi là nhờ vợ mà giàu. Phàm đoán hôn nhân, không phân biệt nam nữ, quẻ gặp lục hợp là tượng rất tốt. Nam đoán về vợ hào tài phải vượng; Nữ đoán về chồng thì hào quan phải hưng thịnh. Cả tài và quan đều vượng là cuộc hôn nhân dễ thành mà tốt.

Ví dụ 1. Hôn nhân dễ thành và vợ chồng thương yêu nhau.

Tháng 2/1984, ông Chu ở thành phố Tây An đến hỏi cuộc hôn nhân ra sao? Tôi căn cứ giờ sinh của anh lập được quẻ Tinh của quẻ Nhu (sinh ngày mậu dần, tháng giáp dần).



Xem qua tượng quẻ, tôi nói: "Anh và người yêu đều không phải là con cả. Người yêu anh nhà ở trong thành. Điều kiện kinh tế của cả hai gia đình đều hơi kém, nhưng gia đình người yêu có thể giúp đỡ anh, đối với anh rất tốt, nên khi anh đặt vấn đề thì gia đình ủng hộ ngay. Sau khi cưới, vợ chồng cũng sẽ hòa thuận yêu quý nhau. Ban đầu là cô ấy yêu anh, về sau anh cũng yêu cô ấy. Vợ chồng anh có thể chung sống với nhau đến đầu bạc răng long". Anh Chu nghe nói vừa vui sướng, vừa kinh ngạc nói: "Theo thấy thì cuộc hôn nhân này rất tốt, tôi rất mừng".


Giải: Nói hai người đều không phải là con cả là vì: quẻ nhu, quẻ thượng là khảm, là thủy, là quẻ thể; quẻ hạ là càn, là kim, là quẻ dụng, đều ở đất hưu tù. Quẻ nhu ở đất hưu tù cho nên kinh tế gia đình kém. Nói người yêu ở trong thành (hoặc sinh ở trong thành) là vì càn là kinh thành.

Cần kim là quẻ dụng là phía nữ, sinh cho quẻ thể khảm thủy là tượng phía nữ tìm đến phía nam, hay phía nữ đối với phía nam tốt. Sách "Mai hoa dịch số" có câu: "Dụng sinh thể thì hôn nhân dễ thành, hoặc được lợi nhờ hôn nhân". Nói về sau anh ta yêu lại cô ấy là vì quẻ biến tinh có quẻ thể sinh cho quẻ dụng.

Hai vợ chồng từ ngày kết hôn đến nay đã hơn ba mươi năm mà vẫn thân mật như đôi uyên ương thuở ban đầu.

Ví dụ 2. Người yêu ở phương tây nam.

Tháng 3/1984, cô Lâm ở cơ quan tôi, một lúc tìm hiểu mấy đối tượng, nếu bên nam không phải vừa thấy mặt đã chê thì cũng nửa chừng bỏ dỡ. Vì thế cô rất đau khổ, công tác cũng bị ảnh hưởng, suốt ngày ủ rũ buồn rầu. Cuối cùng cô tìm đến tôi nhờ đoán xem khi nào thì tìm được đối tượng.

Được quẻ Tốn của quẻ Lâm  .

Năm 1984

tháng 3

ngày 28

giờ Dậu

Giáp Tý

Mậu Thìn

Nhâm Thìn

Kỷ Dậu

Tôi nói với cô Lâm : người chồng tương lai của cô ở phương tây nam nhà cô. Anh ấy không trắng lắm. Trong tháng 4 sẽ có người ở phương tây nam đến đặt vấn đề tìm hiểu và sẽ thành. Tháng 9 hoặc tháng 12 năm nay có thể kết hôn. Sau khi cưới, anh ta đối với cô cũng tốt, nhưng hay cãi nhau, thậm chí đòi ly hôn, nhưng ly hôn không nổi.

Cô Lâm đã thấy vững dạ, nên không lo lắng và không hay đi ra ngoài nhờ người giới thiệu, chỉ chờ có người đến tìm hiểu như lời dặn. Quả nhiên tháng 4 có một thanh niên từ phương tây nam đến cầu hôn. Mới gặp nhau đã thấy vừa lòng. Về sau kết hôn vào tháng 12. Năm 1987, cãi nhau định ly hôn, nhưng không ly hôn được.

Giải : Đoán người yêu ở phương tây nam là vì quẻ lâm có quẻ thượng là khôn, là quẻ dụng, là tây nam. Đoán tháng 4 có người đến đặt vấn đề là căn cứ vào tháng 4 tỵ hỏa sinh cho khôn thổ, thổ lại sinh cho quái kim, kim trường sinh ở tỵ. Gặp quẻ dụng sinh quẻ thể là hôn nhân dễ thành, cho nên đặt vấn đề là thấy ưng thuận. Đoán tháng sáu kết hôn, là vì quẻ lâm âm nguyệt kiến vượng địa sinh cho quái kim.

Năm 1987 cãi nhau đòi ly hôn là vì : quẻ hồ của quẻ lâm là quẻ phục, quẻ phục trên là khôn thổ, dưới là chấn mộc. Mộc lâm thái tuế mao mộc mà khác khôn thổ. Nhưng chấn mộc có quái kim khắc nên vợ chồng ly thân một năm, sau đó lại hòa hợp.

Ví dụ 3. Sinh con trong năm kết hôn.

Tháng 3/1984, có người bà con ở Hồ Bắc gửi thư đến cho tôi hỏi : con họ năm nào có thể kết hôn. Căn cứ vào ngày sinh (ngày mậu ngọ, tháng tân mùi), tôi lập được quẻ Bốc của quẻ Tấn.

QUẺ CHỦ : TẤN

Quan quý tỵ hỏa .

Phụ mẫu mùi thổ ..

Huynh đệ dậu kim O thể

Thê tài mao mộc ..

Quan quý tỵ hỏa ..

Phụ mẫu mùi thổ .. ứng

QUẺ BIẾN : BỐC

Thê tài dần mộc .

Tử tôn tỵ thủy .. thể

Phụ mẫu tuất thổ ..

Thê tài mao mộc ..

Quan quý tỵ hỏa .. ứng

Phụ mẫu mùi thổ ..

Quẻ này hào thể và hào ứng tương sinh cho nhau, tài quan tương sinh cho nhau, nên hôn nhân dễ thành, mà vợ chồng cũng yêu nhau, nhưng không nên gặp huynh đệ dậu kim động mà tri thể, cũng không nên có thê tài tử ở lệnh ngày, mộ ở nguyệt kiến. Vì thế, cuộc hôn nhân này khó bền chặt đến đầu bạc răng long.

Vì cả hai người yêu nhau như keo sơn, hai gia đình cũng rất mãn ý, cho nên khi đoán khó mà nói thẳng vấn đề với họ. Nên tôi chỉ khuyên, sau khi

kết hôn phải quan tâm lẫn nhau, gắn bó với nhau. Mùa xuân 1987 có thể kết hôn, mùa đông đã sinh cháu. Về sau quả nhiên sinh cháu trong năm kết hôn.

Giải : Năm 1987 sinh con trong năm kết hôn là vì : Dậu kim là hào thế, mào mộc là hào tài. Năm 1987 là năm mào là Dậu kim được thời của tài, được tài như được vợ. Thê tài mào mộc gặp Dậu là phá ví dụ như phá thân. Nữ kết hôn là phá thân, sinh con cũng là phá thân.

Ví dụ 4. Năm 1987 nhất định kết hôn.

Khi bà Liễu ở cơ quan tôi nhờ đoán vận cho con có hỏi : khi nào thì con bà có người yêu, người yêu ở vùng nào, khi nào thì có thể kết hôn. Theo ngày sinh (ngày canh Thìn, tháng quý Hợi) tôi lập được quẻ Tỳ của quẻ Kiến.

QUẺ CHỦ : KIẾN

Tử tôn tý thủy ..

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim .. thế

Huynh đệ thân kim O

Thê mào :

Quan quý ngọ hỏa ..

Phụ mẫu Thìn thổ .. ứng

QUẺ BIẾN : TỶ

Tử tôn tý thủy .. ứng

Phụ mẫu tuất thổ .

Huynh đệ thân kim ..

Thê tài mào mộc .. thế

Quan quý ngọ hỏa ..

Phụ mẫu Mùi thổ ..

Tôi nói với bà Liễu : con bà năm 1986 có thể tìm được người yêu. Đối tượng con bà ở phương đông bắc hoặc phương đông nhà bà. Năm 1987 sẽ kết hôn. Nhưng con trai bà khắc vợ nên sẽ kết hôn hai lần. Bà nói : Những cái khác thì tôi xin chịu, nhưng năm 1987 tuyệt đối không cưới được, vì năm 1988 cháu mới tốt nghiệp nghiên cứu sinh. Nó nói : chờ sau khi tốt nghiệp mới nghĩ đến kết hôn. Chúng tôi cũng đồng ý và kiên trì ý kiến này. Tôi lại khẳng định lần nữa : Đến lúc đó thì bà không quyết định được nữa, mà do phía nữ nhất định yêu cầu năm 1987 kết hôn. Về sau quả nhiên con bà năm 1986 tìm được một cô gái ở phương đông bắc. Năm 1987 vì phía nữ kiên quyết yêu cầu kết hôn, nên đành phải kết hôn.

Giải 1986 là năm dần, hào thế thân kim tuy tương xung với dần, nhưng gặp dần là gặp vợ, hơn nữa dần cùng với quẻ tổ hợp thành dần, ngọ, tuất thành quan cục, hoặc dần mộc sinh cho quan quý ngọ hỏa mà gây nên.

Đoán người yêu nhà ở phương Đông bắc là vì dần ở cung坎, là phương đông bắc. Năm 1987 phía nữ kiên quyết yêu cầu kết hôn là vì thê tài mào mộc phục dưới quan quý ngọ hỏa, là tài đến sinh quan, nữ sinh nam tức tìm đến nam. Năm 1987 lại là năm mào, đúng là năm tài vượng, cũng là lúc nữ vượng cho nên thành hôn.

Ví dụ 5. Hai lần kết hôn ở năm mao.

Tháng 10/1984, ông Nguyễn ở một nhà máy thuộc thành phố Tây An nhờ tôi đoán vận. Tôi đoán ông ta đã ly hôn và nói : năm 1985 nhất định sẽ tái hôn. Theo ngày sinh là ngày tân tỵ, tháng thìn lập được quẻ Phủ của quẻ Tụy.

QUẺ CHỦ : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ x
Huynh đệ dậu kim . ứng
Tử tôn Hợi thủy .
Thê tài mao mộc ..
Quan quý tỵ hỏa .. thê
Phụ mẫu mùi thổ ..

QUẺ BIẾN : PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ . ứng
Huynh đệ thân kim .
Quan quý ngộ hỏa .
Thê tài mao mộc .. thê
Quan quý tỵ hỏa ..
Phụ mẫu mùi thổ ..

Tôi nói với ông Nguyễn : "Năm 1981 ông đã ly hôn". "Đúng !" "Năm 1985 có thể tìm thấy đối tượng, lại kết hôn lần nữa". Về sau quả đúng năm 1985 ông Nguyễn tìm được đối tượng và kết hôn luôn trong năm đó.

Giải : Nam đoán về nữ hào thế nên dương, hào ứng nên âm. Nay quẻ gặp hào thế âm, hào ứng dương là nghịch lý. Hơn nữa hào thế, hào ứng đều ở vượng địa, tương khắc nhau là vợ chồng không ai nhường ai. Năm 1981 là năm tân dậu, là hào ứng huynh đệ lâm thái tuế mà khắc thê tài mao mộc, do đó mà ly hôn.

Năm 1985 sẽ tìm thấy đối tượng và kết hôn là vì : 1985 là năm Sửu, huynh đệ dậu kim nhập mộ không xung khắc thê tài nên hào thê tài mao mộc sinh cho hào thế.

Ví dụ 6. Hôm sau nhất định thuyết phục được đối tượng.

Tháng 3/1986, cô Từ ở cơ quan tôi vì mấy lần nói chuyện với đối tượng mà chưa thành, đến nhờ tôi đoán khi nào thì có đối tượng. Ngày mậu tỵ, tháng nhâm thìn tôi lắc thẻ được quẻ Tụng.

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ .
Thê tài thân kim .
Huynh đệ ngộ hỏa . thê
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ .
Phụ mẫu dấn mộc .. ứng

Tôi nói với cô Từ tuy có thể thành hôn nhưng không lý tưởng. Ngày hôm sau đối tượng sẽ đồng ý. Cô Từ cười nói : thầy Thiệu đừng đùa. Bây giờ, ngày đến bóng dáng đối tượng còn chưa có, nói chi đến chuyện thành hôn.

Hôm sau cô Từ có người đến đặt vấn đề, ngày thứ ba thì đồng ý với nhau. Tháng 10 năm đó tổ chức cưới.

Giải : Nói hôn nhân không lý tưởng là vì : nữ đoán nam hào thế nên âm, hào ứng nên dương. Ở đây hào thế và hào ứng ngược lại. Trong quẻ huỳnh đệ ngộ hỏa trì thế mà tuần không, tý thủy nhật kiến làm quan tinh, lại mộ ở nguyệt kiến. Nhưng may nhờ tý thủy nhập mộ không xung khắc được hào thế nên hào thế và hào ứng tương sinh cho nhau.

Ngày thứ ba là ngày dần, dần mộc sinh cho hào thế ngộ hỏa, cho nên nói : hai bên tán thành nhau. Tổ chức cưới vào tháng 10 là vì ở tháng đó phu tinh lâm vượng địa.

Ví dụ 7. Vợ chồng thương yêu nhau nhưng chồng tính nhu nhược vợ cứng rắn. Tháng 4/1987, khi tôi giảng bài ở Bắc Kinh, chị Giang là cán bộ ở 1 viện nghiên cứu nhờ đoán hôn nhân ra sao. Lắc thẻ được quẻ Khuê của quẻ Phê Hạp (ngày mậu thân, tháng giáp thìn).

QUẺ CHỦ : PHÊ HẠP

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ .. thế

Quan quý Dậu kim .

Thê tài thìn thổ ..

Huỳnh đệ dần mộc x ứng

Phụ mẫu tý thủy .

QUẺ BIẾN : KHUÊ

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý Dậu kim . thế

Thê tài Sửu thổ ..

Huỳnh đệ Mão mộc .

Tử tôn ty hỏa . ứng

Tôi nói : 1 - Chị năm 1969 đã kết hôn. 2 - Quan hệ vợ chồng khá tốt, nhưng chị hay tự ái, còn tính cách của chồng hơi yếu luôn nghe theo chị. Năm nay anh ấy nếu sức khỏe không tốt thì trong công việc cũng sẽ không thuận. Từ nay về sau hôn nhân sẽ không có vấn đề gì.

Cô Giang nghe xong vô cùng kinh ngạc nói : "Tôi tuy là nữ xưa nay làm công tác chính trị nên không tin đoán mệnh bao giờ, cũng chưa hề đoán mệnh. Hôm nay lần đầu phá lệ, nhờ thầy Thiệu đoán. Những lời thầy nói hoàn toàn phù hợp với sự thật. Tính nết tôi không tốt, chồng tôi luôn phải nhường tôi. Năm nay sức khỏe chồng tôi không được tốt lắm, công việc cũng không thuận, nên tôi rất lo lắng cho chồng.

Giải : 1969 là năm kỷ Dậu, là quan tinh lâm thái tuế mà gặp quan, hơn nữa hào thế thê tài với dụng thân Dậu kim là tài quan tương sinh. Tính nết vợ mạnh mẽ hơn chồng là vì ly hỏa là quẻ thế lâm vượng địa, còn chấn mộc lâm suy địa, mộc lại sinh hỏa cho nên vợ mạnh chồng yếu. Mặt khác theo sáu hào mà nói quan quý Dậu kim ở tù địa, thê tài mùi thổ lâm nguyệt kiến vượng địa, cũng là tượng vợ mạnh chồng yếu.

Nói quan hệ vợ chồng tốt là vì : hào thế và quan quỷ dậu kim tương sinh cho nhau. Hào ứng huỳnh đệ dần mộc tuy lâm hào động, nhưng quan tinh bị nhật kiến thân kim chế ngự nên không khắc hào thế. Vì vậy quan hệ vợ chồng không có vấn đề gì.

Năm 1987 sức khỏe của chồng không tốt, hoặc công việc không thuận, vì quan tinh dậu kim xung khắc thái tuế mao mộc mà gây ra. Hiện nay cặp vợ chồng này quan hệ vẫn tốt như cũ.

Ví dụ 8. Nhất định sẽ cưới nhau.

Tháng 3/1988, cô giáo ở một viện cảnh sát đã đứng tuổi, bố mẹ cô rất lo lắng về việc thành lập gia đình của cô. Qua người khác giới thiệu, nhờ tôi đoán cho cô ấy. Ngày tân dậu, tháng kỷ tỵ được quẻ Thăng của quẻ Tỉnh.

QUẺ CHỦ : TỈNH

Phụ mẫu tỵ thủy ..

Thê tài tuất thổ O thế

Quan quỷ thân kim ..

Quan quỷ dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy . ứng

Thê tài sữu thổ ..

QUẺ BIẾN : THĂNG

Quan quỷ dậu kim ..

Phụ mẫu hợi thủy ..

Thê tài sữu thổ .. thế

Quan quỷ dậu kim .

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sữu thổ .. ứng

Quẻ này quan quỷ hiện hai lần, lấy dậu quan nhật kiến làm dụng thần. Tôi nói với cô giáo : việc hôn nhân đại sự của cô sở dĩ không thuận là vì lúc nói đến chuyện yêu đương đều xuất hiện hiện tượng tranh chấp. Nói nôm na bắt cả hai tay, hơn nữa hào tài và hào quan đều xuất hiện hai lần là hôn nhân không thuận, cho nên việc khó thành. Đến năm 1989 nhân duyên đến nhất định sẽ được thành hôn. Về sau quả nhiên năm 1989 thì cưới chồng.

Giải : Quẻ có hai hào tài, hai hào quan, điều đó không những là về hôn nhân có sự tranh chấp mà cũng là tượng trùng hôn.

Trong quẻ có hai hào tài, hai hào quan, đáng lẽ cứ 1 tài phối với 1 quan. Nhưng hào đầu thổ tài ở tuần không, như vậy xảy ra tình trạng chỉ có 1 hào tài hai hào quan, nên sinh ra tranh chấp, cho nên nói hôn nhân không thuận, khó thành.

Đoán năm 1989 kết hôn là vì nguyệt kiến tỵ hỏa tổ hợp với tỵ dậu sữu của quẻ thành quan cục, là quan vượng. Quan tinh thân kim bị thái tuế tỵ hỏa tương hình mất, lại hóa thành mộ cho nên chỉ còn lại 1 quan tinh dậu kim. Hào thế tuất thổ được thái tuế tỵ hỏa sinh cho, hào thế lại sinh cho quan tinh tức là quan tinh và hào thế tương sinh cho nhau, lại còn được thái tuế sinh cho hào thế nên năm đó ắt sẽ có tin mừng. Vì vậy năm 1989 là năm nhân duyên đến, kết hôn sẽ thành.

II – DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN (2)

Cuộc hôn nhân tốt là hôn nhân hạnh phúc mỹ mãn, vợ chồng song toàn, đầu bạc răng long. Hôn nhân không tốt là nếu không chia lìa thì cũng có một người chết.

Nam đoán hôn nhân, gặp hào huynh đệ trì thế là tổn thương vợ hoặc tái hôn. Nữ đoán hôn nhân gặp tử tôn trì thế là thương tổn chồng, hoặc tái giá.

Nam đoán hôn nhân hào tài gặp không vong là chủ về mất vợ. Nữ đoán hôn nhân quan tinh gặp không vong là chủ về mất chồng. Nữ mà quan tinh nhược nếu chồng không chết thì sức khỏe cũng yếu.

Nam đoán hôn nhân trong quẻ có hai hào thể tài nếu không tái hôn thì cũng là tượng cưới nhiều lần. Nữ đoán hôn nhân trong quẻ có 2 hào quan quý không tái giá thì cũng gặp những điều xấu bất ngờ.

Hào thế, hào ứng âm dương ngược nhau, nam đoán hôn nhân mà hào âm trì thế, hào tài trì thế. Nữ đoán hôn nhân mà hào dương trì thế, quan tinh trì thế đều là tượng vợ lấn quyền chồng.

Hào thế hóa thoái là chồng phụ vợ, hoặc vợ phản chống.

Hào quan quý hưu tù là không chung sống đến cuối đời, hào thể tài hưu tù tất nửa đường chia tay.

Hào quan quý phục dưới hào tài là người chồng đang có vợ; hào tài phục dưới quan quý là người nữ đang có chồng.

Hào quan quý khắc hào thế thì không thể thành hôn, càng phải đề phòng tai họa. Quẻ gặp 2 hào quan quý, không có hào thể tài thì không nên kết hôn, nếu không thì sẽ có người chết hoặc ly hôn.

Hào thể tài gặp vượng địa, hào huynh đệ gặp hưu tù là suốt đời vợ chồng không hòa thuận.

Hào huynh đệ trì thế, hào tài vượng có thể dịch lại huynh đệ là vợ chồng cảm ghét nhau.

Quẻ gặp nhật, nguyệt, hào động xung khắc hào thế, động mà hóa thành huynh đệ là cưới xong có chuyện tử biệt sinh ly. Hào tài hóa thành hào quan quý, hoặc quan quý hóa thành thể tài, hào tài hóa thành huynh đệ, hoặc ngược lại huynh đệ hóa thành thể tài là nhất định có sự tử biệt giữa vợ chồng.

Quẻ gặp lục xung, hoặc gặp hào thể tài, quan quý ở đất hưu tù tử tuyệt, nếu không ly hôn thì cuộc sống cũng nghèo đói, chết non.

Hôn nhân tốt hay xấu trong sách "Chu dịch dự đoán học" đã bàn đến chi tiết rõ ràng. Chỉ cần kỹ thuật đoán quẻ cao cường thì cho dù là quá khứ, hiện tại hay tương lai đều có thể đoán được. Hôn nhân là việc đại sự. Những người đến đoán về hôn nhân phần nhiều đều gặp trắc trở, thậm chí gặp hoàn cảnh đau khổ. Trong những ghi chép về dự đoán của tôi, những trường hợp hôn nhân bất hạnh có đến hàng trăm ví dụ. Hôn nhân không tốt là việc có thể đề phòng, có thể tránh được. Ly hôn thực ra không phải bao giờ cũng xấu, chỉ có chết mới là điều không tốt. Chỉ khi không thể đề phòng được, hoặc là bất lực, nhưng nếu được dự đoán thì cũng sẽ có điều lợi về mặt chuẩn bị tư tưởng, không để đến nỗi khi bất hạnh giáng xuống vì chịu đựng không nổi, tai họa sét đánh mà làm cho bản thân đau khổ vô cùng.

Ví dụ 1. Khắc liên tiếp ba vợ.

Mùa hè năm 1985, bố ông Hứa ở cơ quan tôi đến Tây An. Ông Hứa tìm tôi nhờ đoán vận cho cụ. Căn cứ vào ngày giờ sinh (ngày giáp tuất, tháng kỷ ty) tôi lập được quẻ Khuê của quẻ Tốn.

QUẺ CHỦ : TỐN

Quan quý dân mộc . ứng

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ x

Huynh đệ sửu thổ .. thê

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu ty hỏa .

QUẺ BIẾN : KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa .

huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim . thê

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu ty hỏa . ứng

Xem qua tượng quẻ, tôi nói với anh Hứa : bố anh khắc liên tiếp 3 vợ mà còn chưa ngừng. Bố anh Hứa là ông cụ đã hơn 80 tuổi. Nghe xong ông cụ nói : Đúng ! Tôi đã lấy 3 lần vợ đều chết cả, sau đó không dám lấy vợ nữa.

Giải : Trong quẻ hào huynh đệ hiện bốn lần mà trì thê, huynh đệ lại hóa thành huynh đệ, hào thê lâm nhật kiến, được nguyệt kiến sinh là thân vượng, khí mạnh. Thê tài tý thủy tuyệt ở nguyệt kiến, lại bị nhật lệnh khắc và hóa thành huynh đệ mùi thổ khắc trở lại. Thê tinh bị khắc mà không có sinh nên chắc chắn là chết. Cho nên nam gặp huynh đệ trì thê tất sẽ có tang vợ.

Ví dụ 2. Quan hệ con trai và con dâu khó qua được năm 1987.

Ông Hứa sau khi đoán cho bố, lại nhờ tôi đoán về quan hệ của con trai và con dâu. Ngày nhâm thìn, tháng bính thân được quẻ Độn của quẻ Đồng nhân.

QUÊ CHỦ : ĐÔNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ . ứng
 Thê tài thân kim .
 Huynh đệ ngộ hỏa .
 Quan quý hợp thủy . thê
 Tử tôn sừ thổ ..
 Phụ mẫu mao mộc O

QUÊ BIÊN : ĐỘN

Tử tôn tuất thổ .
 Thê tài thân kim . ứng
 Huynh đệ ngộ hỏa .
 Thê tài thân kim .
 Quan quý ngộ hỏa .. thê
 Tử tôn thìn thổ ..

Tôi nói với ông Hứa : quan hệ vợ chồng con anh khó qua được năm 1987. Anh Hứa hỏi lại : "Sao lại thế được, chúng nó hai người như một. Kết hôn đã 5, 6 năm nay mà chưa hề một lần nóng mặt cãi nhau".

Thực tế : năm 1987, họ ly hôn nhau một cách êm thấm.

Giải : Trong quê hào thế vượng, hào tài vượng, 1 quan 1 tài lại tương sinh cho nhau vốn là tượng rất tốt. Nhưng không nên tài vượng huynh suy. Vì huynh đệ suy không thể chế ngự thân tài, nên thê (vợ) tất có ngoại tâm. Hào thế quan tinh hợp thủy hóa xuất thành thê tài thân kim sinh trở lại hào thế đó là tượng vợ tái giá, cũng là tượng ly hôn.

Ly hôn ứng vào năm 1987 là vì hào đầu mao mộc động hợp mất tuất thổ, tử tôn sừ thổ bị thái tuế khắc, thê tài thân kim không được sinh, quan quý hợp thủy không bị chế ngự, hào mao mộc trợ giúp huynh đệ ngộ hỏa nên kiếp tài. Thực tế tình hình là vợ đã hẹn hò với người khác.

Ví dụ 3. Sang năm 1986 lại tái hôn.

Mùa đông năm 1985, cô Vi ở cơ quan tôi xin đoán hôn nhân. (Ví dụ này đã được dẫn ra ở trang 283 của sách "Chu dịch dự đoán học", về mặt thời gian có sai sót). Ngày tân tỵ, tháng canh thân tôi đoán được quê Tuy của quê Truân.

QUÊ CHỦ : TRUÂN

Huynh đệ tỵ thủy ..
 Quan quý tuất thổ . ứng
 Phụ mẫu thân kim x
 Quan quý thìn thổ ..
 Tử tôn dẫn mộc .. thê
 Huynh đệ tỵ thủy .

QUÊ BIÊN : TÙY

Quan quý mùi thổ .. ứng
 Phụ mẫu dậu kim .
 Huynh đệ hợp thủy .
 Quan quý thìn thổ .. thê
 Tử tôn dẫn mộc ..
 Huynh đệ tỵ thủy .

Tôi nói với cô Vi : "Tốt nhất tạm thời chưa nên kết hôn, sang năm 1986 hãy nghĩ đến". Cô ta nói : "Tất cả đều đã chuẩn bị tốt, tình cảm cũng thấm thiết, không đến nỗi nghiêm trọng như thế". Cuối năm, sau khi kết hôn, năm 1986 lại ly hôn.

Giải : Nữ gặp tử tôn tri thê, quan tinh trùng lập là tượng khắc chồng tái giá. Năm 1986 ly hôn là vì hào thế tử tôn dẫn mộc lâm thái tuế vượng

địa, còn hào phụ mẫu thân kim rơi vào đất hưu tù nên khó chế ngự dần mộc, quan tinh ở tử địa, bị khắc lại không có sinh, cho nên ly hôn.

Ví dụ 4. Vì cha mẹ kích động mà ly hôn.

Tháng 3/1985, anh Lý đến tìm tôi nhờ đoán vận khí. Ngày giáp dần, tháng bính thân được quẻ Giải của quẻ Vị tế.

QUẺ CHỦ : VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa O ứng
Tử tôn mùi thổ ..
Thê tài dậu kim ..
Huynh đệ ngộ hỏa .. thế
Tử tôn thìn thổ ..
Phụ mẫu dần mộc ..

QUẺ BIẾN : GIẢI

Tử tôn tuất thổ ..
Thê tài thân kim .. ứng
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Huynh đệ ngộ hỏa ..
Tử tôn thìn thổ .. thế
Phụ mẫu dần mộc ..

Tôi nói : anh Lý, hôn nhân của anh không thuận. Năm 1965 anh đã ly hôn, chủ yếu là vì anh khắc vợ, còn một nguyên nhân khác nữa là : bố mẹ anh khiêu khích, muốn anh ly hôn. Anh Lý ngạc nhiên nói : "Đúng ! Tôi năm 1965 đã ly hôn, bố mẹ tôi kiên quyết yêu cầu như thế".

Giải : Trong quẻ thê tài dậu kim tuy lâm nguyệt kiến mà vượng, nhưng một nữ khó mà địch được bốn hào huynh đệ. Huynh đệ trì thế, huynh đệ lại biến thành huynh đệ, thê tài dậu kim lại hóa thành huynh đệ ngộ hỏa khắc trở lại, thật là tượng không ly hôn thì chết.

1965 là năm ất ty, năm hỏa, đúng là huynh đệ lâm thái tuế, huynh đệ ty hỏa vốn vượng, lại được phụ mẫu dần mộc sinh cho, cho nên lần ly hôn năm 1965 là do cha mẹ khiêu khích mà dẫn đến.

Ví dụ 5. Mong thấy giữ bí mật cho tôi.

Mùa đông năm 1985, cô Nam ở cơ quan nhờ tôi đoán vận khí từ nay về sau xem tốt hay xấu. Ngày ất ty, tháng nhâm tuất được quẻ Đoài của quẻ Lý.

QUẺ CHỦ : LÝ

Huynh đệ tuất thổ O
Tử tôn thân kim . thế
Phụ mẫu ngộ hỏa .
Huynh đệ sửu thổ ..
Quan quý mao mộc . ứng
Phụ mẫu ty hỏa .

QUẺ BIẾN : ĐOÀI

Huynh đệ mùi thổ .. thế
Tử tôn dậu kim.
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sửu thổ .. ứng
Quan quý mao mộc .
Phụ mẫu ty hỏa .

Xem xong tượng quẻ, tôi nói : cô đã từng ly hôn. Người chồng cũ của cô lớn tuổi hơn cô nhiều. Cô Nam vừa lo lắng vừa ngạc nhiên nói : Thấy có thể

xem ly hôn bao giờ không ? Tôi nói : Năm 1988. Cô Nam thừa nhận : Đúng thế ! nhưng mong thầy giữ bí mật cho tôi. Những người ở bộ phận tôi không có ai biết việc này.

Giải : Quẻ Lý, quẻ thượng là càn, là quẻ dụng, là lão nam; quẻ hạ là Đoài, là quẻ thể, là thiếu nữ. Tức lão nam phối với thiếu nữ và tượng không tương xứng, cũng chứng tỏ nam tuổi lớp hơn nữ nhiều.

Trong quẻ hào tử tôn thân kim tri thể, được hào 6 huỳnh đệ tuất thổ động sinh cho, hào tử tôn lại hóa thành tiến thân. Phu tinh mao mộc ở dương địa mà **tuần** không, cho nên tử tôn tri thể tất phải tái giá.

Đoán năm 1988 ly hôn, vì đó là năm tuất, cũng là hào sáu tuất thổ lâm thái tuế mà sinh cho hào tử tôn thân kim để khắc quan quý mao mộc.

Ví dụ 6. Nếu kết hôn thì sẽ ly hôn.

Tháng 10/1983, Dương báo cho tôi biết, con ông sắp kết hôn, mời tôi đến dự cưới, và nhờ tôi đoán thử cuộc hôn nhân này có tốt không. Ngày đình mào, tháng ất dậu được quẻ Tụng của quẻ Cấu.

QUẺ CHỦ : CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .

Huỳnh đệ thân kim .

Quan quý ngọc hỏa . ứng

Huỳnh đệ dậu kim O

Tử tôn hợi thủy .

Thê dẫn :

Phụ mẫu sửu thổ .. thế

QUẺ BIẾN : TỤNG

Phụ mẫu tuất thổ .

Huỳnh đệ thân kim .

Quan quý ngọc hỏa . thế

Quan quý ngọc hỏa ..

Phụ mẫu thìn thổ.

Thê tài dậu mộc .. ứng

Tôi xem quẻ xong nói với ông Dương : Ông đáng lẽ không nên cho con kết hôn, vì cưới xong thì sẽ ly hôn. Cuối cùng là mất của mà cũng chẳng có đâu, thậm chí còn kiện tụng rất **đen đủi**. Ông Dương không tin, nói : Cái trò đoán mệnh này xưa nay tôi vốn không tin. Chúng nó yêu nhau lắm, gần bó như keo sơn, như bóng với hình, làm sao có thể bỏ nhau được. Kết quả là kết hôn chưa đến 10 ngày thì cô dâu đòi ly hôn, không những tiêu phí nhiều tiền vô ích, mà còn đập nát nhiều thứ quý giá ở trong nhà. Cho nên cưới xong con trai trở thành tay không, còn thua cả kiện.

Gidi : Quẻ Cấu có nghĩa là : Nữ cương cường thì khó lấy được chồng, cũng tức là tượng hôn nhân không tốt.

Trong quẻ hào thể và hào ứng nghịch lý, tức là nam đoán hôn nhân hào thể nên dương, hào ứng nên âm, nay trong quẻ hào thể là âm, hào ứng là dương lại còn lâm quan quý, tuy là hào thể, hào ứng có tương sinh cho nhau, nhưng đã nghịch lý thì chắc chắn là bất lợi.

Trong quẻ chỉ có hào quan quý mà không có hào thể tài là không thể lấy vợ. Càng kỳ hơn là hào thể sừ thổ biến thành thể tài dần mộc khắc trở lại hào thể, là tượng không tốt.

Khảng định nếu cưới thì sẽ ly hôn là vì : Thể tài dần mộc gặp 1983 là năm Hợi, đúng là đất trường sinh, nhưng hào thể hưu tù, bị khắc mà không có sinh cho nên kết hôn rồi nhất định sẽ ly hôn.

Quẻ Tụng chủ về kiện tụng. Năm 83 là năm quý Hợi, Hợi thủy vượng, quan quý ngộ hỏa không sinh được cho sừ thổ, mà còn phương hại hào thể sừ thổ. Quẻ Tụng là quẻ thể sinh cho quẻ dụng cho nên rõ ràng thua kiện.

Ví dụ 7. Tất sẽ có sự tái giá.

Mùa đông năm 1986, một phóng viên Đài truyền hình tỉnh đến nhờ tôi đoán vận. Ngày tân Hợi, tháng Mậu Ngọ được quẻ Tụ của quẻ Hàm.

QUẺ CHỦ : HÀN

Huynh đệ mùi thổ .. ứng
Huynh đệ Dậu kim .
Tử tôn Hợi thủy .
Huynh đệ thân kim O thể
Thể mao :

Quan quý ngộ hỏa ..
Phụ mẫu Thìn thổ ..

QUẺ BIẾN : TỤY

Phụ mẫu mùi thổ ..
Huynh đệ Dậu kim . ứng
Tử tôn Hợi thủy .
Thể tài Mão mộc ..

Quan quý ty hỏa .. thể
Phụ mẫu mùi thổ ..

Tôi căn cứ tượng hào nói lời dự đoán với cô, và cuối cùng nói thẳng ra rằng : Hôn nhân của cô không thuận, chắc chắn sẽ có tái giá. Người chồng hiện nay của cô vốn đã có vợ. Người vợ đó nếu không phải là ly hôn thì đã chết. Cô và chồng cô sau này đều có chuyện lập lại gia đình. Cho nên năm 1989 không ly hôn thì năm 1990 cũng phải ly hôn. Cô ta nói : Hai vợ chồng chúng tôi từ kết hôn đến nay quan hệ vẫn tốt, còn có thể ly hôn à ? Tôi thấy cô còn nghi ngờ nên nói rõ : Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Đến lúc đó, cô sẽ hiểu được tính chính xác của lời dự đoán hôm nay.

Quá trình phát triển của sự vật là tuân theo quy luật âm dương ngũ hành, sinh khắc chế hóa một cách nghiêm ngặt. Nữ phóng viên này năm 1989 đòi ly hôn chồng, về sau lại hòa thuận với nhau. Cuối cùng tháng 5 năm 1990 thì ly hôn thật.

Giải : Đoán cho nữ đáng lẽ hào âm trì thể, ở đây quẻ lại do hào dương trì thể, còn hào ứng là âm, đó là nghịch lý. Hơn nữa hào thân kim trì thể thân lâm mộc dụng là bại địa, cho nên hôn nhân không lợi.

Hào thể thân kim tương khắc với dụng thân quan tinh, hơn nữa quan tinh ngộ hỏa lâm nguyệt kiến vượng địa. Trong sách "Chu dịch và dự đoán

học" có nói : "Quan quý khắc hào thế thì không thể kết hôn, càng phải đề phòng gặp tai họa". Cho nên ở quẻ này có tượng ly hôn, tái giá.

Vợ chồng mỗi người có người yêu riêng là vì hào thế tài mao mộc phục dưới hào quan quý, lại hóa thành quan tinh ty hỏa tức là có sự hợp giữa ty và thân.

Năm 1989 chưa ly hôn thì khó qua được năm 1990 là vì : 1989 là năm ty, quan tinh ty hỏa lâm thái tuế, thế tài tương hợp với ty quan, quan tinh ngộ hỏa nhất định không chịu nổi cho nên năm 1989 đã đòi ly hôn. Sang năm 1990 quan tinh ngộ hỏa lâm thái tuế mà khắc hào thế thân kim, nên chắc chắn là ly hôn, không nghi ngờ gì nữa.

Ví dụ 8. Không thể tránh khỏi ly hôn lần thứ hai.

Ngày 23 tháng giêng năm 1987, cô Trương ở ngoại ô Tây An đến nhờ tôi đoán vận. Ngày canh dần, tháng canh thân được quẻ Lý của quẻ Vô Vọng.

QUẺ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ .

Quan quý thân kim .

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Thê tài thìn thổ ..

Huynh đệ dẫn mộc x

Phụ mẫu ty thủy . ứng

QUẺ BIẾN : LÝ

Thê tài tuất thổ .

Quan quý thân kim . thế

Tử tôn ngộ hỏa .

Thê tài sửu thổ ..

Huynh đệ mao mộc . ứng

Tử tôn ty hỏa .

Trước hết tôi nói với anh ta : Hôn nhân của anh không thuận, đã qua 1 lần ly hôn. Năm nay lại phải ly hôn, thời gian khoảng tháng 2 hoặc tháng 3. Anh Trương nói : Vợ chồng tôi hiện nay quả thật không hòa thuận. Xem ra khó tránh khỏi ly hôn lần thứ hai. Về sau quả thật trước tiết thanh minh tháng 3 thì ly hôn, đúng là tháng 2 mao mộc nắm lệnh là lúc khắc thế tài.

Giải : Trong quẻ hào tử tôn ngộ hỏa trì thế, tuần không lại hóa thành không, hào thế và hào ứng lại tương khắc nhau là chủ về hôn nhân không thuận. Vô vọng là quẻ lục xung, cũng là tượng không tốt.

Thê tài thìn, tuất là có hai thổ, tuy tương sinh với hào thế ngộ hỏa, vốn là tượng tốt, nhưng không nên gặp hào hai huynh đệ dẫn mộc động, hóa thành tiến thân mà khắc thế tài, vì đó là nguyên nhân ly hôn, lấy vợ lại. Đoán tháng hai, tháng 3/1987 ly hôn là vì : 1987 là năm đinh mao, hào mao mộc lâm thái tuế vượng địa, nên lục khắc hào thế tài rất mạnh. Cho nên trước thanh minh tháng 3 năm 87 là ly hôn.

Ví dụ 9. Người này đã ly hôn.

Tháng 7/1985, ông Mẫn ở cơ quan tôi nhờ đoán vận cho bạn của ông (ví dụ này ở phần trước đã có) ngày tân mùi, tháng kỷ sửu được quẻ Ích của quẻ Trung phù.

QUÊ CHỦ : TRUNG PHÙ

Quan quý mảo mộc .
 Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ .. thế
 Huynh đệ sủu thổ ..
 Quan quý mảo mộc ○
 Phụ mẫu ty hỏa . ứng

QUÊ BIẾN : ÍCH

Quan quý mảo mộc . ứng
 Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ ..
 Huynh đệ thìn thổ .. thế
 Quan quý dân mộc ..
 Thê tài ty thủy .

Quê này khi tôi nói về hôn nhân, đã nói với ông Mãn rằng : bạn của ông hôn nhân không thuận. Năm 1973, ông ấy đã ly hôn. Ông Mãn nói : Đúng, năm 1973 đã ly hôn một lần.

Giải : Trong quê không những hào huynh đệ hiện bốn lần mà còn lâm nhật, nguyệt kiến vượng địa, hơn nữa hào huynh đệ mùi thổ lại tri thế, huynh đệ hóa thành huynh đệ, đó là thông tin khác thê tài và nhất định tái giá. Hào thế, hào ứng tuy tương sinh cho nhau, nhưng âm dương nghịch lý là tượng hôn nhân bất lợi.

Quê gặp hai hào quan ở vượng địa, không có thê tài thì phải luôn luôn ghi nhớ không thế thành hôn. Đoán hôn nhân gặp quê như thế không ly hôn thì cũng chết người.

Năm 1973 là năm quý sủu, đúng năm huynh đệ lâm thái tuế vượng địa, là thời kỳ nhiều huynh đệ kiếp tài đoạt thê mãnh liệt nhất, cho nên xảy ra ly hôn. Trong quê hào hai quan quý mảo mộc tuy có thể chế ngự hào huynh đệ, nhưng vì hào đó động hóa thoái, cho nên 1 quan quý khó địch lại 4 huynh đệ.

Ví dụ 10. Nếu không chết thì cũng đã ly hôn, hoặc đã bỏ đi.

Tháng 8/1988 khi tôi tham gia Chủ tịch đoàn ở Hội thảo khoa học nghiên cứu Chu dịch toàn quốc ở Quý Châu, một vị học giả đã nhờ tôi đoán vận cho ông ta. Ngày giáp thìn, tháng kỷ sủu được quê Chấn của quê Quy muội.

QUÊ CHỦ : QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ .. ứng
 Huynh đệ thân kim ..
 Quan quý ngọ hỏa .
 Phụ mẫu sủu thổ .. thế
 Thê tài mảo mộc ○
 Quan quý ty hỏa .

QUÊ BIẾN : CHẤN

Phụ mẫu tuất thổ .. thế
 Huynh đệ thân kim ..
 Quan quý ngọ hỏa .
 Phụ mẫu thìn thổ .. ứng
 Thê tài dân mộc ..
 Tử tôn ty thủy .

Vị học giả đó thấy tôi lập quê xong, hỏi lâu chưa nói thì ông ta hỏi : Ngài xem tình hình tôi thế nào ? Tôi nói : Ngài về các mặt khác bình thường, không thuận nhất, bất hạnh nhất là tai họa trong hôn nhân lớn quá. Ngài

là người có nhiều cuộc hôn nhân. Năm 1981 và 1987 ngài về hôn nhân gặp trắc trở, nếu không ly hôn thì cũng chết người. Vị học giả đó thừa nhận rằng : Tôi đã lấy ba lần vợ, lần thứ nhất vợ mất, lần thứ hai và thứ ba vào các năm 1981 và 1987, 1 lần ly hôn, 1 lần vợ bỏ đi.

Giải : Quê Quy muội hào thế sừ thổ tuy lâm nguyệt kiến mà ở vương địa, nhưng hào thế tài mao mộc vương mà khắc hào thế. Tuy thế tài khắc hào thế nhưng hào thế đắc địa, cho nên không bị hình thương, do đó xảy ra hạn trong hôn nhân.

Trong quê hào tài vương, còn hào huynh đệ suy mà nhập mộ, hào quan quý ở tử địa, lại còn tuần không. Vì vậy vợ chồng không thể chung sống với nhau mãi đến già.

1981 là năm tân dậu, thái tuế dậu kim xung khắc hào thế tài mao mộc. Còn 1987 năm thê tài mao mộc lâm thái tuế mà khắc hào thế cho nên hôn nhân xảy ra tai họa. Vì vậy hai lần tai họa hôn nhân rơi vào hai năm đó.

Ví dụ II. Sê ly hôn tái giá.

Ngày 12-11-1988, khi tôi giảng bài ở Nam Kinh đã dự đoán cho vị Tham tán và người nhà ông ta của sứ quán nước ngoài đóng ở Trung Quốc. Khi ông ta cho biết ngày sinh của con gái, (ngày ất tỵ, tháng giáp tuất) tôi lập được quẻ Đại tráng của quẻ Hằng.

QUÊ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ .. ứng

Quan quý thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa .

Quan quý dậu kim . thế

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sừ thổ x

QUÊ BIẾN : ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..

Quan quý thân kim ..

Tử tôn ngộ hỏa . thế

Thê tài thìn thổ .

Huỳnh đệ dần mộc .

Phụ mẫu tỵ thủy . ứng

Căn cứ tượng quẻ tôi nói với ông Tham tán và phu nhân rằng : Con gái ngài hôn nhân không thuận, kết hôn thì sẽ ly hôn. Ông ta hỏi : Ngài xem khi nào thì ly hôn. Tôi nói : năm 1985. Cả hai vợ chồng đều rất kinh ngạc. Họ nói : bất quá Trung Quốc thật thần kỳ. Thấy Thiệu đoán rất chính xác. Con gái tôi tháng 5/1985 kết hôn, thì tháng 7 đã ly hôn.

Giải : Quẻ này hào thế và hào ứng tương sinh cho nhau, tài quan cũng tương sinh cho nhau, vốn là tượng tốt. Nhưng không nên hào thế hào ứng nghịch lý, lại tương hại. Trong quẻ tài và quan xuất hiện hai lần, quan quý dậu kim hóa thành tương hợp với thê tài thìn thổ, tức là người chồng có mối tình khác. Hơn nữa quẻ biến thành lục xung, đó là tượng sinh ly. Năm sừ kết hôn, sừ thổ động lại tương hợp với tỵ thủy, cho nên hôn nhân không thuận.

Ví dụ 12. Tài quan hưu tù thì kết cục sẽ bất lợi.

Tháng 9/1989, một nữ sĩ quan công an nhờ đoán hậu vận ra sao. Ngày ất tỵ, tháng kỷ mùi lập được quẻ Lâm của quẻ Phục :

QUẺ CHỦ : PHỤC

Tử tôn dậu kim ..
Thê tài hợi thủy ..
Huynh đệ sừ thổ .. ứng
Huynh đệ thìn thổ ..
Quan quý dần mộc X
Thê tài tỵ thủy . thế

QUẺ BIẾN : LÂM

Tử tôn dậu kim ..
Thê tài hợi thủy .. ứng
Huynh đệ sừ thổ ..
Huynh đệ sừ thổ ..
Quan quý mao mộc . thế
Phụ mẫu tỵ hỏa.

Sau khi tôi nói xong các việc khác, nói thêm với chị đó rằng : cuộc đời chị điều đau khổ nhất là hôn nhân không thuận. Điều đó làm chị đau khổ rất nhiều. Chị đã ly hôn, nếu không phải là năm 1965 thì là năm 1966. Chị ta thừa nhận : "Đúng, năm 1965 tôi đã ly hôn".

Giải : Trong quẻ hào thế hào ứng nghịch lý. Càng xấu hơn là quan tinh dần mộc tuần không, tử ở nhật kiến, mộ ở nguyệt kiến, thê tài tuyệt ở nhật kiến, hưu tù ở nguyệt kiến. Thật là tài và quan đều rơi vào hưu tù không phá tử tuyệt, cho nên cưới nhau xong, nếu không ly hôn thì cũng nghèo đói, chết yếu, nhất định là hai lần lấy chồng.

1965 là năm ất tỵ, quan tinh dần mộc ở bệnh địa, hơn nữa dần mộc và thái tuế tỵ hỏa tương hình lẫn nhau, hình hại mất quan tinh. Đã thế, hào thế tỵ thủy lại hóa thành tỵ hỏa ở tuyệt địa, cho nên dẫn đến ly hôn.

Ví dụ 13. Cưới năm nào thì ly hôn năm đó.

Tháng 10/1989, khi tôi du lịch ở Phố Đà Sơn, bà Ngô là anh hùng lao động toàn quốc qua một người khác giới thiệu, nhờ tôi đoán vận. Được quẻ Đồng nhân của quẻ Dộn (ngày kỷ mao, tháng mậu ngọ).

QUẺ CHỦ : DỘN

Phụ mẫu tuất thổ .
Huynh đệ thân kim . ứng
Quan quý ngọ hỏa .
Huynh đệ thân kim .
Thê dần :
Quan quý ngọ hỏa .. thế
Phụ mẫu thìn thổ X

QUẺ BIẾN : ĐỒNG NHÂN

Phụ mẫu tuất thổ . ứng
Huynh đệ thân kim ..
Quan quý ngọ hỏa .
Tử tôn hợi thủy . thế
Phụ mẫu sừ thổ ..
Thê tài mao mộc .

Lập quẻ xong, câu đầu tiên tôi nói : Hôn nhân của bà không thuận. Kết hôn đã muộn, lại còn họa tái hôn. Bà ấy không chờ tôi nói hết, đã xúc động nói rằng : Thấy Thiệu, thấy đoán rất đúng. Tôi, năm 1986, 29 tuổi mới kết

hôn, năm đó cũng đã ly hôn. Tôi nói tiếp : Nguyên nhân chi ly hôn là vì chồng có mối tình khác. "Đúng".

Giải : Trong quẻ quan quý lâm nguyệt kiến, nhật lệnh sinh cho nên quan rất vượng. Nhật kiến mảo mộc là vợ, thê tài ở tử địa cho nên là tượng hôn nhân hai lần.

Thê tài dẫn mộc phục dưới hào quan quý, là chồng chi đã có ngoại tình. Năm 1986 là năm bính dần, năm đó ly hôn là vì năm dần hào thê tài dẫn mộc vượng nên được lộ ra, do đó hôn nhân có sự biến đổi. Ở ví dụ 9, khi đoán cho nam, trong quẻ gặp 2 hào quan quý không có hào tài là tượng ly hôn. Còn ở ví dụ này đoán cho nữ quẻ gặp 2 quan cũng không có tài vẫn là tượng ly hôn. Nguyên lý này không phân biệt cho nam nữ, ai gặp phải đều như thế.

Ví dụ 14. Chồng có ngoại tình, làm sao để giữ được chồng ?

Năm 1990, một hôm có hai nữ diễn viên nổi tiếng của một xưởng phim nhờ tôi đoán vận xem từ nay về sau tốt hay xấu ? Qua dự đoán biết được hôn nhân của họ đều không thuận. Tôi nói với họ : Các chị, 1 người đã ly hôn, còn 1 người đang đòi ly hôn. Họ đều rất kinh ngạc, thậm chí tính khoa học của bát quái vô cùng huyền diệu, nên coi trọng, nghiên cứu, ứng dụng nó vào trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và đời sống của xã hội để đem lại lợi ích cho mọi người.

Dưới đây xin giới thiệu quẻ đoán căn cứ vào ngày sinh của một trong hai diễn viên đó với độc giả. Ngày kỷ ty, tháng nhâm tuất, được quẻ Tốn của quẻ Tiểu súc.

QUẺ CHỦ : TIỂU SÚC

Huynh đệ mảo mộc .

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ .. ứng

Quan dậu : Thê tài thìn thổ .

Huynh đệ dẫn mộc .

Phụ mẫu tý thủy O thế

QUẺ BIÊN : TỐN

Huynh đệ mảo mộc . thế

Tử tôn ty hỏa .

Thê tài mùi thổ ..

Quan quý dậu kim . ứng

Phụ mẫu hợi thủy .

Thê tài sửu thổ ..

Tôi vừa xem trên quẻ, liền nói với chị ấy : hôn nhân của chị không thuận, phải ly hôn tái giá. Vợ chồng chị từ năm 1988 bắt đầu có mâu thuẫn. Chị ta thừa nhận : Đúng ! Chúng tôi đòi ly hôn đã một thời gian rồi. Nhờ thầy xem khi nào thì chồng tôi đồng ý ly hôn ? Tôi nói : Năm 1990. Về sau quả nhiên 1990 họ đã ly hôn.

Giải : Quẻ Phong thiên tiểu súc chủ về hôn nhân không thuận, vợ chồng bất hòa. Trong quẻ hào thế và hào ứng vừa nghịch lý vừa tương khắc. Đoán hôn nhân cho nữ, trong quẻ không có quan tinh lại gặp quẻ lục xung là tượng không tốt.

Trong quẻ hào quan quý dậu kim phục dưới hào thể tài thìn thổ, thìn lại hóa thành quan quý dậu kim, là chồng có ngoại tình, vợ cũng có, tức là mỗi người đều có mối tình riêng. 1988 là năm thìn, nên đòi ly hôn.

Năm 1990 sẽ ly hôn vì hào thể tý thủy là mình, hào ứng mùi thổ là chồng, 1990 là năm canh ngọ, ngọ và mùi hợp lại khắc hào thể tý thủy, hơn nữa hào thể tý thủy xung khắc thái tuế nên bản thân có tai họa, ứng vào việc hôn nhân.

Ví dụ 15. Đối tượng đã bỏ.

Ngày 11 tháng 5 nhuận năm 1990 một cậu thanh niên Thượng Hải nhờ đệ tử của tôi là Hạo Văn đoán hôn nhân. Được quẻ Tốn của quẻ Đại súc.

Năm 1990	tháng 5 nhuận	ngày 11	giờ Dậu
Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Kỷ Tỵ	Quý Dậu

QUẺ CHỦ : ĐẠI SÚC

Quan quý dẫn mộc .
 Thể tài tý thủy .. ứng
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Huynh đệ thìn thổ O
 Quan quý dẫn mộc . thể
 Thể tài tý thủy .

QUẺ BIẾN : TỐN

Quan quý dẫn mộc . ứng
 Thể tài tý thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Huynh đệ sửu thổ .. thể
 Quan quý mao mộc .
 Tử tôn tỵ hỏa .

Hạo Văn nói với anh thanh niên đó : Hôn nhân của anh không thuận. Anh vốn có 1 bạn nữ, người cao khoảng 1m63. Năm nay đã chia tay anh, yêu người khác. Anh thanh niên đó nói : Anh đoán rất đúng.

Giải : Quẻ Đại súc hào quan quý, thể tài đều hiện hai lần là tượng hôn nhân không thuận. Hào ứng thể tài tý thủy là dụng thần tương xung với thái tuế và nguyệt kiến, cho nên đã chia tay nhau. Hào huynh đệ thìn thổ động là chủ về kiếp thể tức là người khác tranh mất. Đoán người cao 1m63 là căn cứ vào số của quẻ chủ, quẻ hỗ, quẻ biến mà tính.

III – DỰ ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN (3)

Ở mục này là các ví dụ dự đoán về hôn nhân đưa đến tử vong. Dùng bát quái để dự đoán những thông tin về tử vong do hôn nhân đưa đến, khó hơn rất nhiều so với dự đoán ly hôn. Vì ngoài những tiêu chí cá biệt ra, còn phần lớn các tiêu chí khác đều giống với tiêu chí ly hôn. Do đó, khi dự đoán, muốn phân biệt được giữa ly hôn và tử vong là rất khó khăn. Dưới đây cử mấy ví dụ để độc giả tham khảo trong quá trình nghiên cứu.

Ví dụ 1. Quan quý khắc hào thế là chồng ở tử địa.

Tháng 10/1984, cô Vương nhờ tôi đoán vận khí. Ngày bính tuất, tháng giáp ngọ được quê Khuê của quê Tốn.

QUÊ CHỦ : TỐN

Quan quý dẫn mộc . ứng

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ x

Huynh đệ sửu thổ .. thế

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu tý hỏa .

QUÊ BIÊN : KHUÊ

Phụ mẫu tý hỏa .

Huynh đệ mùi thổ ..

Tử tôn dậu kim . thế

Huynh đệ sửu thổ ..

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu tý hỏa . ứng

Mặc dù cô Vương cùng cơ quan với tôi, nhưng vì cơ quan rất lớn, nên tôi không quen chị ta. Xem xong quẻ tôi nói : Hôn nhân của cô có vấn đề, có phải chồng cô đã mất không ? Cô Vương nói : Đúng ! Nhờ thầy đoán xem mất năm nào ? Tôi nói : Là năm thân hoặc năm dậu. "Tôi không biết năm nào là năm thân, năm dậu". Tôi giải thích thêm : gần đây là năm 1980, 1981, xa hơn nữa là năm 1968, 1969. Cô Vương nói : Chồng tôi năm 1969 sau khi đi vùng khác thì bị mất.

Giải : Quan quý hai lần xuất hiện là tượng tái giá. Hào quan quý khắc hào thế là hung. Quan tinh dẫn mộc là dụng thần mà ở vào tử địa, lại hóa thành tử địa. hào tài gặp hưu tù, lại lâm nguyệt phá. Hào huynh đệ tuất thổ động mà khắc hào tài, quan tinh dẫn mộc không có nguyên thần cứu tế thì lấy gì mà tồn tại ?

Người mà mất chồng là cô Vương nhờ tôi đoán đúng vào giờ thân, ngày quý dậu 13, tháng 10 âm lịch, đúng là lúc thân dậu xung khắc quan tinh.

1969 là năm kỷ dậu, năm đó chết chồng là vì : quẻ hổ của quê Tốn là quẻ Phục, quan tinh dẫn mộc hóa thành tử tôn dậu kim khắc trở lại, đó là nguyên nhân chính.

Người phụ nữ này chết chồng là ứng với câu : "Tài quan hưu tù, không, phá, tử tuyệt, không phải hôn nhân tan nát thì cuộc sống cũng nghèo đói, chết yếu". Và câu "Quan quý khắc hào thế thì hôn nhân không thành, càng phải đề phòng gặp tai họa".

Ví dụ 2. Quan gặp tuyệt địa thì khó mà đầu bạc răng long.

Tháng 3/1985, mẹ của ông Mã ở thành phố Tây An nhờ tôi đoán hậu vận. Ngày nhâm ngọ, tháng đinh hợi được quê Đinh của quê Cấu.

QUẾ CHỦ : CẤU

Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim O
 Quan quý ngộ hỏa . ứng
 Huynh đệ đậu kim .
 Tử tôn hợi thủy .
 Phụ mẫu sừ thổ .. thế

QUẾ BIẾN : ĐỈNH

Quan quý tỵ hỏa .
 Phụ mẫu mùi thổ .. ứng
 Huynh đệ đậu kim .
 Huynh đệ đậu kim .
 Tử tôn hợi thủy . thế
 Phụ mẫu sừ thổ ..

Người phụ nữ này 50 tuổi, theo ngày sinh lập được quẻ Cấu. Tôi nói :
 Chồng bà năm 1984, khó vượt qua cửa ải sinh tử. Bà thừa nhận nói : Đúng !
 Chồng tôi đã mất năm 1984.

Giải : Quẻ Cấu chủ về hôn nhân bất lợi. Lời từ có câu : "Người nữ cương
 cường thì đừng lấy làm vợ". Có nghĩa là : ai lấy người phụ nữ đó sẽ bị khắc
 hại.

Quan tinh ngộ hỏa thân ở tuyệt địa, lại không có tài tinh sinh trợ, hơn
 nữa hóa thành đậu kim là tử địa. Hào tử tôn hợi thủy lâm nguyệt kiến, lại
 được huynh đệ thân kim động đến sinh cho hợi thủy, trực khắc quan tinh
 ngộ hỏa, ngộ hỏa có khắc mà không có sinh. Người như thế sống mà không
 nhiều bệnh thì cũng chẳng làm được gì.

Năm 1984, là năm giáp tý, tử tôn lâm thái tuế mà xung khắc quan tinh.
 Vì quan tinh không có nguyên thần tài tinh sinh trợ, tức là bị khắc vô sinh
 cho nên chồng chết.

Ví dụ 3. Chết liên tiếp 2 người chồng.

Tháng 1/1985, chị ông Trương ở cơ quan tôi nhờ đoán vận. Ngày quý
 Dậu, tháng giáp tuất được quẻ Tồn của quẻ Lâm.

QUẾ CHỦ : LÂM

Tử tôn đậu kim ..
 Thế tài hợi thủy .. ứng
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Quan quý mao mộc . thế
 Phụ mẫu tỵ hỏa .

QUẾ BIẾN : TỒN

Quan quý dân mộc . ứng
 Thế tài tỵ thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Huynh đệ sừ thổ .. thế
 Quan quý mao mộc .
 Phụ mẫu tỵ hỏa .

LỤC THẦN

Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trần
 Chu tước
 Thanh long
 Huyền vũ

Người đoán tuy là phụ nữ đã trên 50 tuổi, xưa nay chưa hề biết đến dự
 đoán bằng bát quái, bà thấy tôi sắp xếp lục thân, hào ứng, hào thế nên không
 hiểu nổi rồi hỏi : Thấy dùng những chấm chấm này mà có thể đoán được
 vận mệnh à ? Tôi nói : Chỉ cần có bản lĩnh là có thể đoán chính xác. Đời
 người của bà có lẽ điều đau khổ nhất là hôn nhân, tuy chưa ly hôn lần nào,
 nhưng chồng bà nếu không phải là chết đột ngột thì cũng là bệnh mà chết.

Bà là người hai lần lấy chồng, đều khó chung sống đến tận già. Tôi chưa nói xong, người phụ nữ này đã vô cùng xúc động, vừa khóc vừa nói : Thấy Thiệu đoán linh nghiệm quá, tôi đã lấy hai lần chồng, đều chết cả. Một người mất năm 1959, ở trong tù, người thứ hai năm 1984 ốm chết.

Giải : Nữ gặp quan quý trị thế, vừa âm dương nghịch lý còn thêm quan quý hóa thành quan quý là chủ về hôn nhân không tốt.

Trong quẻ hào quan quý mào mộc lâm nhật kiến, hào động khắc phá là tượng đại hung. Sách "Chu dịch dự đoán học" có nói : "Nhật, nguyệt, hào động xung khắc hào thế là chủ về có tang trong hôn nhân". Ở đây bạch hổ lại cũng động là chủ về việc tang. Người phụ nữ này chết hai lần chồng là đúng với nguyên lý ấy.

1959 là năm kỷ hợi, 1984 là năm giáp tý, chồng của bà đều chết năm thủy là vì thủy vượng làm cho mộc trôi giạt, thái quá tất sẽ dẫn đến đại hung.

Ví dụ 4. Vợ không may bị mất.

Năm 1987, một phóng viên của báo thành phố Chu Hải nhờ tôi đoán vận. Ngày kỷ sữu, tháng tân hợi được quẻ Sư của quẻ Giải.

QUẺ CHỦ : GIẢI

Thê tài tuất thổ ..
Quan quý thân kim .. ứng
Tử tôn ngộ hỏa O
Tử tôn ngộ hỏa ..
Thê tài thìn thổ . thê
Huynh đệ dẫn mộc ..

QUẺ BIẾN : SƯ

Quan quý dậu kim ..
Phụ mẫu hợi thủy ..
Thê tài sữu thổ ..
Tử tôn ngộ hỏa ..
Thê tài thìn thổ .
Huynh đệ dẫn mộc ..

Nhà báo này đã từng nhờ rất nhiều người dùng các phương pháp khác nhau để đoán hậu vận cho mình, song cuối cùng vẫn muốn nhờ tôi để khẳng định lần cuối. Đầu tiên tôi nói : Anh có tai họa trong hôn nhân. Năm 1986, nhất định vợ anh bị mất. Phóng viên và mọi người xung quanh đều vô cùng kinh ngạc. Anh phóng viên thừa nhận : Đúng, năm 1986 vợ tôi bị mất. Bao nhiêu người đoán trước, đều không đoán ra được sự việc trọng đại này.

Giải : Đoán cho nam hào tài trị thế là nghịch lý. Trong quẻ chỉ có 1 hào quan mà 2 hào tài, là tượng hôn nhân hai lần.

Hào thê tài hiện hai lần lại gặp xung. Dụng thần thê tài thìn thổ tử ở nguyệt kiến, tử tôn ngộ hỏa thì tuần không, còn huynh đệ dẫn mộc gặp nguyệt kiến vượng địa lại gắn chặt với hào thế, vì thế hào thê tài thìn thổ bị khắc mà không có sinh.

Khẳng định năm 1986 vợ mất là vì : 1986 là năm bính dần. Huynh đệ dẫn mộc lâm thái tuế vượng địa, thái tuế khắc hào thế, nên tất nhiên có hạn đại hung. Hào thế là thê tài thìn thổ, nên nạn đó là tang vợ. Điều đó ứng với câu : "Tài tinh hưu tù tử tuyệt, tất có sự phá tán chết yếu".

Ví dụ 5. Còn có thể đoán ra thời gian mất chồng hay sao ?

Tháng 4/1990, khi tôi giảng bài ở Quảng Châu, có bà Hoa rất ngưỡng mộ tôi đến nhờ đoán vận. Ngày nhâm thân, tháng giáp dần được quẻ Tiết của quẻ Nhu.

QUẺ CHỦ : NHU

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim .. thế

Huynh đệ thìn thổ O

Quan quý dần mộc .

Thê tài tý thủy . ứng

QUẺ BIẾN : TIẾT

Thê tài tý thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim .. ứng

Huynh đệ sừu thổ ..

Quan quý mao mộc .

Tử tôn tý hỏa . thế

Tôi xem quẻ xong nói với bà : Năm 1985 bà mất chồng. Bà ta ngạc nhiên nói : "Vì sao bát quái lại có thể đoán đúng năm chồng tôi mất ?

Giải : Đoán cho nữ quẻ gặp hào tử tôn tri thế là tổn thương chồng. Trong quẻ quan tinh dẫn mộc lâm nhật kiến, nên chồng vượng là phúc, nhưng không nên gặp tử tôn thân kim tri thế, vì như thế sẽ là hình xung khắc hại.

Thê tài tý thủy là nguyên thần của quan tinh, nhưng tý thủy thân ở bệnh địa, lại bị hào động huynh đệ thìn thổ khắc còn nhập mộ của hào động. Do đó quan tinh dẫn mộc tuy vượng nhưng không có thủy cứu tế nên sẽ khô héo, hơn nữa bị thân kim hình xung khắc hại cho nên mất gốc, cây chết là chắc chắn.

Năm 1985 là năm ất sừu, huynh đệ thìn thổ lâm thái tuế vượng địa nên lực khắc nguyên thần tý thủy càng mạnh, hoặc nói cách khác tý hợp với sừu, sừu thổ hợp mất nguyên thần, khiến cho quan quý trở thành gỗ mục không có nguyên thần. Ví dụ này đúng với câu : "Nguyên thần bị khắc, dụng thần không có cứu là tượng mất chồng".

Chương 10

DỰ ĐOÁN VỀ ỒM ĐAU, THƯƠNG TẬT

Vạn vật trong vũ trụ đều chịu sự sinh khắc, chế hóa của âm dương, ngũ hành. Con người cũng không ngoại lệ. Cho nên, sách "Hoàng đế nội kinh", chương "Bàn về âm dương ứng tượng đại luận" có nói : "Âm dương là đạo trời đất, là kỷ cương của vạn vật, là sự biến hóa thành phụ mẫu, là nguồn gốc của mọi sự sinh sát". Sự hòa hợp của trời đất gắn chặt với ngũ hành. Tức là nói sự sinh khắc của âm dương, ngũ hành nắm quyền chủ tế sinh hóa của vạn vật.

"Hệ từ Chu dịch" có câu : "Bất đầu và kết thúc là thuyết về sự sinh tử của vạn vật", "Âm dương gieo hợp là vạn vật bất đầu, âm dương phân ly là vật kết thúc. Hợp thì sống, chia ly thì chết". Sách "Nội kinh - Ngọc bản ký yếu thiên" có câu : "Dương mạnh quá cũng chết, âm mạnh quá cũng chết". Khoa học hiện đại ngày nay cũng cho rằng : người ta bị bệnh, thậm chí bị chết, hoặc bị thương tật đều là do sự sinh khắc, chế hóa của âm dương, ngũ hành quyết định. Bất quá chính là căn cứ vào quy luật biến hóa, sinh khắc chế hóa của âm dương, ngũ hành để dự đoán thời gian ốm đau và cái chết của con người. Con người tuy nhỏ, nhưng cũng là hình tượng hợp nhất của trời đất. Vũ trụ là đại thiên thể, con người là tiểu thiên thể. Sự vận động của tiểu thiên thể này được diễn ra dưới ảnh hưởng của sự vận động đại thiên thể. Cơ thể có bệnh gì, thời gian nào bị bệnh, thời gian nào phát sinh bị thương, hoặc chết... đều được tàng chứa trong ngày giờ sinh và trong tượng quẻ. Nếu dự đoán được trước thời gian ốm đau hoặc bị thương tật thì sẽ chủ động đề phòng, hoặc giảm nhẹ sự tổn thất. Có những bệnh dù đông y hay tây y đều không chẩn đoán được, song thông qua tứ trụ, căn cứ vào sự sắp xếp của thiên can, địa chi, sự sinh khắc, chế hóa của âm dương, ngũ hành lại có thể đoán ra được. Đoán được để là tiền đề để chữa trị. Có những cái chết, đặc biệt là những cái chết phi lý, hay gọi là hung tử, nếu đoán trước được là có khả năng tránh được. Do đó, dùng bát quái để dự đoán ốm đau, thương tật đối với phòng bệnh, chữa bệnh, đề phòng và giảm nhẹ sự phát sinh thương tật, không những rất cần thiết đối với việc bảo đảm sức khỏe cho nhân dân mà còn có giá trị kinh tế vô cùng to lớn nhằm giảm nhẹ những chi phí không cần thiết cho cá nhân và quốc gia.

I - DỰ ĐOÁN ỐM ĐAU

Thông tin của vạn vật trong vũ trụ đều tàng chứa trong bát quái. các dạng thông tin của cơ thể con người cũng tàng chứa trong bát quái. Vì nhu cầu đoán quẻ, đoán bệnh, dưới đây giới thiệu tóm tắt các tiêu chí bát quái phối hợp với nhân thể như sau :

Bát quái phối hợp với các bộ phận bên ngoài cơ thể theo ngũ hành là : càn đầu, đoài miệng, ly mắt, chấn chân, tốn bắp đùi, khảm tai, cấn tay, khôn bụng.

Bát quái phối hợp với nội tạng theo ngũ hành là : càn, đoài là phổi, ly là tim, chấn là gan, tốn là mật, cấn là lá lách, khôn là dạ dày, khảm là thận.

Ngũ hành : *thủy là thận.* Hào quan quý thuộc thủy, nên kinh thận có bệnh thì chứng của nó là cảm phong hàn, chua môi, tứ chi rã rời, chua đau tê môi.

Hỏa là tim; hào quan quý thuộc hỏa là tim có bệnh, triệu chứng tất phát nhiệt, miệng khô, lưỡi táo, hoặc mụn nhọt.

Thổ là tỳ vị. Quan quý thuộc thổ là tỳ vị có bệnh. Triệu chứng của nó là vàng da phù thũng. Thổ quý hóa mộc là phù thũng, cước khí (chân phù).

Kim là phổi. Quan quý thuộc kim là phổi có bệnh. Triệu chứng là ho, sợ lạnh, cơ ro yếu ớt, hoặc hen suyễn đờm nhiều, đau răng, gãy xương, bị đâm chém.

Quan quý ở cung khảm, thủy quý hóa thành thổ khắc trở lại, nếu là hào đầu của cung này thì tiểu tiện không thông, là hào âm thì đại tiện không thông. Cung âm mà tượng dương thì đại tiểu tiện đều không thông. Nếu lâm hào dương bạch hổ thì đó là nước tiểu có máu, hào âm thì đó là ỉa chảy có máu, nếu còn có cả hình hại thì đó là bệnh trĩ. Gặp Đoài quý sát phạt thì phải cẩn thận. Phạm bệnh gặp kim quý vượng mà khắc hào thế là tượng tai nạn bị đâm chém, thương tổn.

Quan quý ở cung chấn là chủ về bệnh ở chân, nếu gặp phi xà là chân phù thũng, gặp bạch hổ là gãy chân.

Quý ở cung ly là bệnh ở mắt, ở tim, cao huyết áp, hoặc bị hôn mê.

Quan quý ở cung càn là phải đề phòng bệnh ở đầu, nếu gặp mộc quý là bệnh đau đầu, hôn mê.

Quan quý ở cung Cấn là bệnh mụn nhọt. Hỏa quý của cung cấn nhất định gây ra nhọt độc, biến thành thổ quý thì đó chứng phù thũng cổ trướng.

Quan quý ở cung tốn là bệnh ở cánh tay, đùi. Nếu tốn là âm mộc thì kim quan quý sẽ khắc trở lại, phải đề phòng bị thương ở đùi, ở mắt.

Quan quý ở cung Khôn là bệnh ở bụng. Nếu là hỏa quý thì bệnh đau bụng, còn thủy quý thì đau bụng đi chảy hoặc kiết lỵ. Thổ quý là ăn vào bị tích mà chướng bụng, mộc quý là đường ruột bị đau xoắn, kim quý là gân liên sườn và ngực đau mỗi.

Sáu hào của bát quái trên cơ sở được xếp như sau : hào đầu là bàn chân, hào hai là bắp chân, hào ba là đùi, hào bốn là thắt lưng, hào năm là ngực, hào sáu là đầu.

Lục thần chủ về các bệnh : thanh long lâm quan quý là chủ về các chứng bệnh do tiêu sặc, quan hệ vợ chồng quá độ mà suy nhược yếu đuối. Chu tước lâm quan quý là chủ về người nóng mặt đỏ, nói năng lung tung. Câu trăn lâm quan quý là ngực đầy, bụng chướng, tỳ vị không yên ổn. Phi xà lâm quan quý là chứng lo lắng hoảng hốt, đứng ngồi không yên. Bạch hổ lâm quan quý là bị đánh hoặc bị ngã gãy xương, trong lòng buồn bực, đối với nữ là băng huyết, hồng huyết, hoặc sản hậu hư chứng. Huyền vũ lâm quan quý là sắc dục quá độ, lo lắng bồn chồn, hoặc các chứng âm hư.

Bàn luận chi tiết về quan hệ sáu hào chủ về các bệnh trong sách "Chu dịch dự đoán học" ở mục 2 : Bàn về dự đoán bệnh tật đã nói cụ thể chi tiết.

Ví dụ 1. Bệnh ở bắp đùi.

Ngày 9-7-1984, cô Phạm ở cơ quan tôi hỏi : Thầy Thiệu bát quái có thể đoán bệnh được không ? Nhờ thầy xem cho mẹ tôi bệnh ở đâu, tốt hay xấu ? Được quẻ Đỉnh của quẻ Cấu.

Tôi xem xong tượng quẻ, biết bệnh ở chỗ kín, vì cô Phạm là thanh nữ, hơn nữa xung quanh còn có mặt rất nhiều cô nên tôi đành nói như sau : Bệnh mẹ cô ở bắp đùi, khó qua khỏi tháng 8 âm lịch năm nay. Cô Phạm ngạc nhiên nói : Bát quái có thể đoán được bệnh. Mẹ tôi bị khối u ở tử cung. Về sau đúng bà mất vào tháng 8.

Giải : Quẻ Cấu năm hào dương một hào âm. Âm ở hào đầu, như tượng giữa hai chân người có huyết, huyết là âm đại, cho nên bệnh trong tử cung. Quẻ cấu quẻ hạ là tổn, là quẻ thể, tổn là bắp đùi, cũng là tử cung, đều thuộc phần dưới của cơ thể. Đoán khó qua được tháng 8 vì quẻ cấu quẻ thượng là càn, là kim, là quẻ dụng, lâm nguyệt kiến còn được nhật kiến sinh cho, nên kim vượng nhiều. Quẻ hạ tổn là mộc, là quẻ thể, tử ở nguyệt kiến, mộ ở nhật thin, nên quẻ này có quẻ dụng khắc quẻ thể, lại biến thành quẻ thể sinh quẻ dụng, quả thực là tượng đại hung.

Tháng 8 kim vượng, mộc tử, đã thế mộc còn bị vượng kim động đến khắc cho nên chết là điều chắc chắn.

Ví dụ 2. Mẹ cô khó qua khỏi tháng 9 năm nay.

Ngày 10-1-1985, cô Hồ đến nhà tôi chúc tết và nhờ tôi đoán vận khí năm đó cho cô. Vì còn dịp tết, có một số vấn đề không tiện nói, cho nên tôi

kiên quyết không đoán. Song cô ta nói, có sao thầy cứ nói thế, tốt hay xấu đầu năm tôi không kiêng dẫu. Vì không thể từ chối được, nên tôi đành theo thời gian cô đến để lập quẻ. Được quẻ Tiết của quẻ Trung phủ.

Năm 1985

tháng 1

ngày 10

giờ Thìn

Ất Sửu

Mậu Dần

Kỷ Hợi

Mậu Thìn

QUẺ CHỦ : TRUNG PHỦ

Quan quý mao mộc O

Phụ mẫu ty hỏa .

Huynh đệ mùi thổ .. thế

Huynh đệ sừ thổ ..

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu ty hỏa . ứng

QUẺ BIẾN : TIẾT

Thê tài ty thủy ..

Huynh đệ tuất thổ .

Tử tôn thân kim .. ứng

Huynh đệ sừ thổ ..

Quan quý mao mộc .

Phụ mẫu ty hỏa . thế

Tôi xem tượng quẻ thấy vận năm nay của cô rất kém. Lúc đó chủ yếu chỉ nói cho cô 3 điều :

1. Năm nay cô phải bôn ba, có họa mất của.
2. Mẹ cô khó qua được tháng 9 năm nay, nên cần chuẩn bị tốt tư tưởng.
3. Chồng cô trước ngày 30 tháng 2 năm nay, tuyệt đối không nên đi về phía đông nam nhà cô ở, nếu không sẽ có chuyện bất hạnh.

Về sau đúng như dự đoán. Ngày 29 tháng 2 là ngày Đinh Hợi buổi sáng trước khi đi làm, chồng cô vì có việc nên đi về phía đông nam. Anh ta nghĩ rằng hôm nay đã là ngày 29, cho nên chủ quan không đề phòng, kết quả sau khi đi hai mắt tối sầm, chân quy xuống không đi được. Về sau đưa đi bệnh viện cấp cứu một tuần mới đỡ. Như thế là vì mao mộc động khắc hào thế. Về sau bại liệt mất nửa năm. Còn bà mẹ tháng 9 năm đó mất ở quê nhà Hồ Bắc. Kết quả là chồng bệnh, mẹ mất, cô phải bôn ba chạy đi chạy lại tổn rất nhiều của.

Giải : Đoán vận năm, kỵ nhất là các hào quan quý, huynh đệ hiện lên trong quẻ. Ở đây, quan quý và huynh đệ hiện 2 lần, thật là tượng rất xấu.

Khảng định bà mẹ khó qua khỏi tháng 9 năm nay là vì : trong quẻ hào phụ mẫu ty hỏa xuất hiện hai lần đều ở tuần không. Đáng lẽ hào dẫu phụ mẫu là dụng thần, nhưng vì rơi vào tuần không là không có sinh. Hơn nữa hào dẫu dương là cha, nhưng cha cô đã mất từ lâu, cho nên phải lấy hào năm ty hỏa làm dụng thần. Dụng thần phụ mẫu ty hỏa tuy được hào động sinh cho, nhưng rốt cuộc lại bị nhật phá tuần không, hóa thành tuất thổ mộ địa, cho nên đoán mất vào tháng 9.

Trong quẻ, hào quan quý hiện hai lần phải lấy hào sáu quan quý mao mộc làm dụng thần. Quan quý lâm nguyệt kiến vượng địa, lại trường sinh ở

nhật kiến hơi thủy, tức là vượng quá mức. vật quá mức thì biến ngược trở lại. Tháng 2 là lúc mộc vượng, phương đông nam là vượng địa của mộc, vì vậy dạn trước ngày 30 tháng 2 cấm kỵ đi về phương đó. Kết quả ngày hội người chồng vẫn đi về đất mộc vượng, cho nên bị tai họa như trên.

Ví dụ 3. Đoán lâm bệnh thổ huyết.

Ngày 4-4-1985, thấy ông Chu là bệnh nhân thổ huyết, đoán xem cát hay hung. Ngày Nhâm tuất, tháng tân tỵ được quẻ Khuê của quẻ Phệ hạp.

QUẾ CHỦ : PHỆ HẠP

Tử tôn tỵ hỏa .
 Thê tài mùi thổ .. thế
 Quan quý dậu kim .
 Thê tài thìn thổ ..
 Huynh đệ dần mộc x ứng
 Phụ mẫu tỵ thủy .

QUẾ BIẾN : KHUÊ

Tử tôn tỵ hỏa .
 Thê tài mùi thổ ..
 Quan quý dậu kim . thế
 Thê tài sửu thổ ..
 Huynh đệ mao mộc .
 Tử tôn tỵ hỏa . ứng

Kết luận của dự đoán là : ông Chu khó qua khỏi giờ dậu, ngày bính dần mồng 8 tháng 4. Kết quả đúng như dự đoán.

Giải : Nguyên thần tỵ hỏa lâm nguyệt kiến mà sinh cho hào thế mùi thổ, vốn là tượng tốt. Nhưng hào thế mùi thổ lại tương hình với nhật kiến, hơn nữa nguyên thần tỵ hỏa lại một ở nhật kiến nên không có lực sinh cho hào thế. Thậm tệ hơn là huynh đệ dần mộc động hóa thành tiến thần khác hào thế. Ngày bính dần là kỵ thần dần mộc lâm vượng địa, nguyên thần tỵ hỏa bệnh ở giờ dậu, mộ ở nhật kiến. Cho nên đoán không qua khỏi giờ dậu ngày dần.

Ví dụ 4. Bà mẹ tuyệt đối không có bệnh.

Đêm ngày 22-4-1985, ông Tô với vợ là chị Lý ở cơ quan tôi vừa bước vào nhà đã nói với tôi : Bốn giờ 50 phút chiều nay vợ chồng tôi nhận được điện báo. Nhờ thầy xem là việc gì ? Được quẻ Đại tráng của quẻ hằng.

Năm 1985	tháng 4	ngày 22	giờ Thân
Ất Sửu	Tân Tỵ	Kỷ Dậu	Nhâm Thân

QUẾ CHỦ : HẰNG

Thê tài tuất thổ .. ứng
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa .
 Quan quý dậu kim . thế
 Phụ mẫu hội thủy .
 Thê tài sửu thổ x

QUẾ BIẾN : ĐẠI TRÁNG

Thê tài tuất thổ ..
 Quan quý thân kim ..
 Tử tôn ngộ hỏa . thế
 Thê tài thìn thổ .
 Huynh đệ dần mộc .
 Phụ mẫu tỵ thủy . ứng

Vừa xem tượng quẻ, tôi đã nói với vợ chồng ông Tô : Mẹ anh có việc, nhưng không phải là việc xấu. Vợ chồng ông Tô cảm bức điện ra đọc rõ : Mẹ ốm nặng về ngay ! Cô Lý buồn rầu nói : Mẹ tôi mất khi nào, về nhà còn kịp thấy cụ không ? Nói xong liền khóc và chuẩn bị hôm sau lên đường.

Tôi cười nói với họ : Chị Lý, chị không nên lo lắng, mẹ chị căn bản không ốm, nếu không phải cãi nhau với anh cô thì là với em trai cô. Cô về thì sẽ rõ.

Sau khi về quê, quả nhiên là bà cụ cãi nhau với em trai. Chị ấy đưa bà cụ lên Tây An, ở lại 3 năm, sau đó mới đưa về.

Giải : Hào phụ mẫu hợp thủy tụy gặp nguyệt phá, nhưng được nhật kiến sinh cho, hào thế và dụng thần lại tương sinh cho nhau là tượng không có bệnh.

Đoán cãi nhau với anh hoặc em là vì nguyệt kiến ty hỏa và hào tử tôn ngộ hỏa tương xung với phụ mẫu hợp thủy, thủy hỏa tương xung tất sẽ bốc khí, cho nên mẹ và em cãi nhau. Đón về Tây An là vì sũ thổ động hợp với phụ mẫu tý thủy, tức là Tây An ở phía đông bắc của Tứ Xuyên.

Ví dụ 5. Bố vợ khó qua được tháng 11.

Tháng 10/1985, anh Thôi ở cơ quan tôi nhận được thư từ nhà vợ gửi đến nói : Bố vợ ốm. Cho nên nhờ đoán xem bệnh tình sẽ ra sao. Được quẻ Lữ

của quẻ Ly 

Năm 1985	tháng 10	ngày 23	giờ Mùi
Ất Sửu	Đinh Hợi	Canh Thìn	Quý Mùi

Lập xong quẻ tôi hỏi anh ta : Bố vợ của anh ốm đã lâu hay mới ốm ? Anh ta nói : ốm đã lâu. Tôi lại nói : Anh đã chuẩn bị tốt hậu sự chưa. Bố vợ anh không qua nổi tháng 11 năm nay. Về sau cụ mất ngày 20 tháng 11.

Giải : Ly là quẻ lục xung. Sách "Tăng san bốc dịch" có câu : "Bệnh lâu gặp xung thì chết". Quẻ Ly biến thành quẻ Lữ, lữ cũng có nghĩa là đi xa.

Ly là hỏa, tháng 11 tý thủy vượng mà khắc ly hỏa, cho nên mất vào tháng 11.

Ví dụ 6. Bà mẹ khó qua được ngày 20 tháng chạp.

Ngày 1-12-1985, cô Lại ở cơ quan tôi nhận được thư nhà, nói bà mẹ ốm nặng. Đến hỏi xem bệnh tình sẽ ra sao. Được quẻ Tiệm của quẻ Cấn.

Năm 1985	tháng 12	ngày 1	giờ Mùi
Ất Sửu	Kỷ Sửu	Giáp Dần	Tân Mùi

QUÊ CHỦ : CẤN

Quan quý dẫn mộc . thế
 Thê tài tý thủy x
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Tử tôn thân kim . ứng
 Phụ mẫu ngộ hỏa ..
 Huynh đệ thìn thổ ..

QUÊ BIẾN : TIỆM

Quan quý mảo mộc . ứng
 Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Tử tôn thân kim . thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa ..
 Huynh đệ thìn thổ ..

Vì cô Lại là phụ nữ, mẹ lại ốm lâu, nên tôi an ủi nói : Tháng này các ngày 11, 19, 20 phải chú ý nhiều. Sau khi cô đi khỏi, cô Đồng người cùng phòng hỏi tôi : Mẹ cô Lại bệnh tình ra sao. Tôi đưa vở ghi chép về lời dự đoán cho cô ấy xem : Không qua được ngày 20 tháng chạp.

Về sau mất vào giờ dậu, ngày nhâm thân 19 tháng chạp.

Giải : Cấn là quê lục xung. "Bệnh lâu gặp lục xung thì chết". Phụ mẫu ngộ hỏa là dụng thần, mùa đông thủy vượng, hỏa tử, lại còn bị thê tài tý thủy động đến khắc dụng thần. Tuy ngộ hỏa lâm dẫn mộc nhật kiến, nhưng dụng thần ở tử địa mà không có gốc, cho nên dẫn mộc khó cứu.

Dặn chú ý ngày 11 tháng chạp là vì ngày đó tý thủy xuất không. Chú ý ngày 19, 20 tháng chạp là vì : những ngày đó tý thủy lâm đất trường sinh để vượng. Thủy vượng tất sẽ khắc dụng thần ngộ hỏa. Tý thủy là kỵ thần của ngộ hỏa, ngày thân kim là cứu thần của ngộ hỏa, cho nên chết ngày 19. Ví dụ này ứng với câu : Đoán bệnh cho cha mẹ như sau : "Tử tôn vượng tướng, hào thê tài biến động, còn dụng thần suy nhược thì nhất định sẽ nhập hoàng tuyền".

Ví dụ 7. Tỳ vị có bệnh.

Tháng 7/1985, ông Mãn dẫn bạn đến tôi xin đoán vận, căn cứ ngày sinh (ngày tân mùi, tháng kỷ sửu) lập được quẻ Ích của quẻ Trung phủ.

QUÊ CHỦ : TRUNG PHỦ

Quan quý mảo mộc ..
 Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ .. thế
 Huynh đệ sửu thổ ..
 Quan quý mảo mộc O
 Phụ mẫu ty hỏa . ứng

QUÊ BIẾN : ÍCH

Quan quý mảo mộc .. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa .
 Huynh đệ mùi thổ ..
 Huynh đệ thìn thổ .. thế
 Quan quý dẫn mộc ..
 Thê tài tý thủy .

Ví dụ này trong phần hôn nhân đã nói đến. Khi đoán về tình trạng sức khỏe, tôi nói với ông Mãn : Người này hai năm 1974, 1975, tỳ vị khẳng định là đã mắc bệnh nặng, may mà thoát chết. Ông Mãn nghe xong trợn mắt lên, há miệng, không ngừng gật đầu tán thưởng nói : Ái chà ! Ông ấy năm 74, 75, lần lượt qua hai lần mổ dạ dày, thật là thập tử nhất sinh.

Giải : Khôn là thổ, là dạ dày, cán là thổ là lá lách. Trong quẻ mùi thổ ở cung khôn, sừu thổ ở cung cán là chủ về tỳ vị. Năm 1974 là giáp dần, 1975 là át mao, đúng là năm quan quý lâm thái tuế vượng địa. Trong quẻ, dần mao vượng, thổ của sừu mùi bị khắc, đó là tượng bệnh tỳ vị. Thái tuế khắc hào thể tất có đại hung, cho nên thoát chết.

Ví dụ 8. Ông của anh chưa chết, không tin cứ về xem !

Tháng 6/1987 anh Thích ở đơn vị tôi nhận được điện báo ông nội mất. Anh Thích cầm điện đến nhờ tôi đoán. Căn cứ giờ nhận được bức điện, tôi lập được quẻ Minh di của quẻ Khiêm.

QUẾ CHỦ : KHIÊM

Huynh đệ dậu kim ..

Tử tôn hợp thủy .. thế

Phụ mẫu sừu thổ ..

Huynh đệ thân kim .

Quan quý ngộ hỏa .. ứng

Phụ mẫu thìn thổ x

QUẾ BIẾN : MINH DI

Huynh đệ dậu kim ..

Tử tôn hợp thủy ..

Phụ mẫu sừu thổ .. thế

Tử tôn hợp thủy .

Phụ mẫu sừu thổ ..

Thê tài mao mộc . ứng

Tôi nói với anh Thích : Người căn bản không chết. Rõ ràng trong bức điện là : Ông chết về ngay, tại sao lại chưa chết ? Tôi nói : Ngày 20 tháng này sẽ chuyển nguy thành an, không tin cứ về rồi sẽ biết.

Sau khi anh Thích về thấy cụ chỉ là bệnh nặng, quả nhiên chưa chết, đến nay vẫn còn sống.

Giải : Phụ mẫu thìn thổ là dụng thần, lâm nguyệt kiến vượng địa, biến thành thê tài mao mộc khắc trở lại là tượng không tốt. Nhưng dụng thần đắc địa, kỵ thân mao mộc mộ ở tháng mùi, ngày mùi, cho nên không phải là xấu lắm. Trong quẻ hào quan quý ngộ hỏa vốn sinh cho dụng thần thìn thổ, nhưng vì ngộ hỏa tương hợp với nguyệt, nhật mùi thổ là tham hợp vong sinh cho nên trước mắt bệnh nặng. Ngày 20 là nhật kiến sừu thổ nắm lệnh, xung mất mùi thổ, ngộ hỏa không hợp nữa, tất sinh cho dụng thần thìn thổ mà chuyển nguy thành an. Quả nhiên đúng như thế. Ngày 20 thì bệnh đỡ dần rồi xuất viện.

Ví dụ 9. Không nên lo lắng, bà mẹ vô sự.

Tháng 10/1987, cô Lưu ở đơn vị tôi nói với tôi : Mẹ tôi tuổi đã cao, gần đây ốm nặng, bà cụ nói thấy mình khó sống, yêu cầu rửa chân sạch sẽ. Chị em nghe xong rất lo lắng, yêu cầu tôi nhờ thầy đoán xem có thật là cụ sẽ đi không. Ngày nhâm dần, tháng tân hợi, được quẻ Lý của quẻ Càn.

QUÊ CHỦ : CÀN

Phụ mẫu tuất thổ . thế
 Huynh đệ thân kim .
 Quan quý ngộ hỏa .
 Phụ mẫu thìn thổ O ứng
 Thê tài dần mộc .
 Tử tôn tý thủy .

QUÊ BIẾN : LÝ

Phụ mẫu tuất thổ .
 Huynh đệ thân kim . thế
 Quan quý ngộ hỏa .
 Phụ mẫu sừ thổ ..
 Thê tài dần mộc . ứng
 Quan quý tý hỏa .

Tôi an ủi cô Lưu nói : Đừng lo, hôm sau sẽ khỏi.

Quả như dự đoán, sáng ngày thìn bệnh của bà mẹ đỡ dần, xuống giường đi được, tối còn ăn được 1 bát mì.

Giải : Càn là quẻ lục xung, mới ốm gặp xung thì khỏi. Phụ mẫu thìn thổ là dụng thân, động mà hóa thoái là tượng bệnh giảm. Hôm nay thìn thổ tuần không, sau ba ngày là ngày giáp thìn xuất không, xuất không thì bệnh khỏi. Cho nên đoán bà mẹ bình an vô sự.

Ví dụ 10. Đau khắp mình mà tìm không ra bệnh.

Giờ tuất ngày 16-11-1987, cô Triệu ở cơ quan tôi đột nhiên đau khắp mình không chịu nổi, lăn mình trên nền nhà kêu trời đất. Người nhà và láng giềng đưa cô đi bệnh viện. Tiêm liền ba mũi mà vẫn đau, vẫn không có hiệu quả. Cô Triệu đau đến mức thét vào chồng mà bảo : Mau đi mời thầy Thiệu đến đây, thầy ấy có thể cứu tôi được.

Tôi và vợ nghe thấy thế liền vội đến bệnh viện, xem cô đau ra sao, thì thấy còn đang lăn dưới đất, mấy người giữ không nổi. Bác sĩ nói, mọi mặt đều đã kiểm tra mà không thấy bệnh. Đối với bệnh nhân đặc biệt này bác sĩ đành chịu bó tay. Tôi thấy tình hình như thế, lập tức căn cứ thời gian phát bệnh lập được quẻ Lâm của quẻ Tốn.

Năm 1987
 Đinh Mão

tháng 11
 Nhâm Tý

ngày 16
 Kỷ Mùi

giờ Tuất
 Giáp Tuất

QUÊ CHỦ : TỐN

Quan quý dần mộc O ứng
 Thê tài tý thủy ..
 Huynh đệ tuất thổ ..
 Huynh đệ sừ thổ .. thế
 Quan quý mão mộc .
 Phụ mẫu tý hỏa .

QUÊ BIẾN : LÂM

Tử tôn dậu kim ..
 Thê tài hợi thủy .. ứng
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Huynh đệ sừ thổ ..
 Quan quý mão mộc . thế
 Phụ mẫu tý hỏa .

Tôi xem tượng quẻ xong hỏi cô Triệu : Ngày hôm nay cô có đi về phía đông bắc nhà cô không ? Cô nói : trưa hôm nay sau lúc tan tầm, tôi đi về

phía chợ mua rau (chợ ở phương đông bắc). Tôi nói : Cô bị nhiễm bệnh ở phương đông bắc. Trước đây tôi đã từng gặp người khác bị bệnh này, bôi một ít thuốc dùng ngoài rất có hiệu quả. Ngày mai sẽ xuất viện. Ngày hôm sau thì khỏi hoàn toàn. Quả nhiên, thuốc bôi vào thì bệnh hết, giờ Dậu ngày hôm sau ra viện. Ngày thứ ba thì chẳng còn việc gì.

Giải : Đoán bệnh lấy hào quan quý làm dụng thần. Trong quẻ quan quý hiện hai lần, lấy quan quý dẫn mộc làm dụng thần. Dụng thần động khắc hào thể nên bị bệnh. Dẫn mộc là phương đông bắc, cho nên đi về phương đông bắc mà nhiễm phải bệnh. Hôm sau là ngày canh thân, tử tôn thân kim xung khắc quan quý dẫn mộc; ngày thứ ba là ngày tân dậu, cho nên thân, dậu xung khắc quan quý dẫn, mao mộc mà khỏi bệnh.

Ví dụ 11. Bệnh viêm gan loại A ở Thượng Hải tháng ba sẽ được khống chế.

Ngày 3-3-1988, ông Trương Chấn Hoàn là Tổng thư ký Hội nghiên cứu khoa học khí công của Trung Quốc, rất quan tâm đến bệnh dịch viêm gan loại A đang bùng nổ ở Thượng Hải. Tuy bận trăm công nghìn việc, nhưng ông vẫn gửi thư đến nhờ tôi đoán khi nào thì bệnh dịch sẽ giảm xuống. Trước tấm lòng yêu dân của vị Tổng thư ký, tôi vô cùng cảm động và lập tức gieo quẻ. Ngày đinh tỵ, tháng đinh mao lập được quẻ Độn của quẻ Đồng nhân.

QUẺ CHỦ : ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ . ứng

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngộ hỏa .

Quan quý hợp thủy . thể

Tử tôn sửu thổ ..

Phụ mẫu mao mộc O

QUẺ BIẾN : ĐỘN

Tử tôn tuất thổ .

Thê tài thân kim . ứng

Huynh đệ ngộ hỏa .

Thê tài thân kim .

Huynh đệ ngộ hỏa .. thể

Tử tôn thìn thổ ..

Tôi đoán xong, liền viết thư cho ngài Chấn Hoàn báo cáo kết quả dự đoán. "Dịch viêm gan Thượng Hải tháng 3 sẽ được khống chế, tháng 4, tháng 5 nhất định chuyển tốt" và dặn ông không nên vì thế mà quá lo lắng.

Sau đó ít lâu Đài phát thanh trung ương đưa tin : Bệnh dịch viêm gan Thượng Hải đã được khống chế.

Giải : Quan quý hợp thủy là dụng thần, hiện ở tử địa. Trước mắt vì mao mộc động, tác hợp với tử tôn tuất thổ, tức là tham hợp vong khắc. Tử tôn tuất thổ lại tuần không, cho nên quan quý hợp thủy tuy ở tử địa, nhưng được thân kim sinh trở lại nên có khí. Sửu thổ xuất không thì quan quý hợp thủy bị chế ngự. Tháng 3 thìn thổ xung mất tuất thổ, mao mộc không có để hợp, hào ứng tuất thổ trực khắc hào quan quý hợp thủy. Hơn nữa tháng 3 thìn thổ là mộ địa của quan quý, thủy quý nhập mộ nên không có hại nữa. Tháng 4,

tháng 5 thủy rơi vào hư tù. Vì vậy nói : tháng ba dịch bệnh gan được khống chế, tháng 4, 5 chuyển tốt dần.

Ví dụ 12. Nếu nhanh thì trong vòng 3 ngày là chết.

Ngày 9-6-1988, cô Đinh ở cơ quan tôi đến hỏi bệnh của chồng có thể khỏi được không. Ngày mậu dần, tháng tân mùi được quẻ Hằng của quẻ Đại Tráng.

QUẾ CHỦ : ĐẠI TRÁNG

Huynh đệ tuất thổ ..

Tử tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngộ hỏa . thế

Huynh đệ thìn thổ .

Quan quý dần mộc .

Thê tài tý thủy O ứng

QUẾ BIẾN : HẰNG

Huynh đệ tuất thổ .. ứng

Tử tôn thân kim ..

Phụ mẫu ngộ hỏa .

Tử tôn dậu kim . thế

Thê tài hợi thủy .

Huynh đệ sữu thổ ..

Cô Đinh hỏi tôi : Bao giờ thì bệnh khỏi ? Tôi an ủi nói : Cần chuẩn bị tư tưởng. Bác sĩ Triệu cũng hỏi tôi ra sao. Tôi nói : Hôm nay là ngày 22 tháng 7 dương lịch, muộn nhất không qua khỏi tháng 7, còn nếu nhanh trong vòng 3 ngày nữa thì chết.

Về sau quả nhiên mất vào ngày canh dần, tức là gần ba ngày.

Giải : Đại tráng là quẻ lục xung, bệnh lâu gặp xung thì chết. Quan quý dần mộc mộ ở nguyệt kiến, bệnh ở nhật kiến. Nay trong quẻ thê tài tý thủy tuy động mà tác hợp với sữu thổ là tham hợp vong sinh, là tượng xấu. Trước mất chỉ có hợi thủy hóa sinh trở lại. Nhưng tháng 6, hợi thủy ở đất tù nghĩa là một giọt nước khó cứu được cây khô, đó là tượng rất xấu. Chết vào ngày thìn là vì : nguyên thần hợi thủy nhập mộ, dụng thần không có cứu mà chết.

Ví dụ 13. Khó qua khỏi tháng 3 âm lịch.

Tháng 2/1988, tôi nhận được thư của ông Dịch đại học giao thông Tây An, nhờ đoán bệnh tình cho một giáo sư. Theo thời gian nhận thư lập được quẻ Đại hữu của quẻ Đinh.

Năm 1988 tháng (lệnh tháng 3)

Mậu Thìn

Bính Thìn

ngày 20

Tân Mão

giờ Dậu

Đinh Dậu

QUẾ CHỦ : ĐĨNH

Huynh đệ ty hỏa .

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim .

Thê tài dậu kim .

Quan quý hợi thủy . thế

Tử tôn sữu thổ X

QUẾ BIẾN : ĐẠI HỮU

Huynh đệ ty hỏa . ứng

Tử tôn mùi thổ ..

Thê tài dậu kim.

Tử tôn thìn thổ . thế

Phụ mẫu dần mộc .

Quan quý tý thủy.

Tôi đoán xong viết thư trả lời như sau : Khó qua khỏi tháng ba âm lịch (tức tháng 5 dương lịch).

Về sau ông Dịch gửi thư báo lại : Bệnh của giáo sư Vương quả nhiên không qua nổi tháng 5.

Giải : Hào thế quan quý hội thủy mộ ở nguyệt kiến, lại bị hào ứng tử tôn mùi thổ khắc, tử tôn sừ thổ động khắc nữa. Tháng 3 thìn thổ là đất mộ vượng của hội thủy, trong quẻ hai hào tử tôn sừ, mùi thổ lâm nguyệt vượng địa mà khắc hào thế, cho nên hào thế bị khắc không có sinh. Đoán bệnh kỵ nhất hào thế, dụng thần nhập mộ và kỵ thần động đến khắc.

Vì vậy chết vào tháng 3 là do hào thế hội thủy nhập mộ.

Ví dụ 14. Thiên hoàng Nhật Bản tạm thời chưa chết.

Ngày 11-8-1988 Đài phát thanh trung ương nói : Thiên hoàng Nhật Bản ốm rất nặng. Đúng lúc đó có mấy người bạn đến thăm tôi, họ nghe xong liền báo tôi đoán. Được quẻ Ký tế của quẻ Minh di.

Năm 1988	tháng 8	ngày 11	giờ Tuất
Mậu Thìn	Tân Dậu	Kỷ Mão	Nhâm Tuất

QUẺ CHỦ : MINH DI

Phụ mẫu dậu kim ..
Huynh đệ hội thủy x
Quan quý sừ thổ .. thế
Huynh đệ hội thủy .
Quan quý sừ thổ ..
Tử tôn mao mộc . ứng

QUẺ BIẾN : KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy .. ứng
Quan quý tuất thổ .
Phụ mẫu thân kim..
Huynh đệ hội thủy . thế
Quan quý sừ thổ ..
Tử tôn mao mộc .

Tôi nói với ông Lý và những người xung quanh rằng : Thiên hoàng Nhật Bản ốm nặng, nguyên có bệnh cũ, nếu vì bệnh tý vị mà dẫn đến không ăn được thì trong vòng một, hai tháng tới vẫn chưa chết, nhưng bệnh khó khỏi, và còn nặng thêm nữa, sau đó mới chết. Về sau quả nhiên như dự đoán.

Giải : Đoán bệnh tật mà gặp quan quý trì thế thì thứ nhất là bệnh cũ tái phát, thứ hai là bệnh nặng khó khỏi. Thế tài chủ về ăn uống, quẻ chủ và quẻ biến đều không có hào thế tài nên ăn uống không được. Sừ thổ trường sinh ở thân, nay hào thế quan quý sừ thổ hóa thành thân kim là hóa trường sinh, cho nên bệnh tình sẽ nặng thêm nhưng chưa chết, vì sừ thổ ở vượng địa.

Ví dụ 15. Tuyệt đối không thể chết.

Tháng 3/1989, khi tôi giảng bài ở Quảng Châu, một phụ nữ ở thành phố Thập Giang được bà mẹ đưa đến, 12 giờ đêm gõ cửa tìm tôi, nhờ đoán bệnh

cho con gái. Bà ấy nói : từ năm 1987 đến nay, người con gái đã ốm hơn 1 năm rưỡi, đã chữa trị bằng nhiều cách nhưng vô hiệu, các loại y cụ hiện đại cũng không kiểm tra được bệnh gì. Bác sĩ nói : có chữa nữa cũng vô ích, nên bảo bà mang con về. Bố mẹ hai gia đình chạy khắp bốn phương tìm thầy thuốc, hoặc đoán mệnh, nhưng đều nói không qua khỏi tháng 3 năm nay, cuối cùng với tia hy vọng yếu ớt đến nhờ tôi đoán giúp. Tôi vừa xem thấy cô ấy sinh tháng 8/1960, có can ngày là giáp mộc, không những ở đất tử tuyệt mà còn bị hỏa của bình đĩnh thiêu đốt, không có một giọt nước để cứu, nên tôi nói : Cô này vừa phát bệnh đã hôn mê, chết lịm một thời gian dài. Bệnh ở thận, nên đã uống nhiều thuốc bổ thận. Hai bà mẹ nghe nói bệnh chứng thì rất kinh ngạc và đều đồng thanh nói : Đúng. Vừa phát bệnh thì đã chết đi sống lại mấy ngày liền.

Vì bệnh tình cô gái nặng và nguy hiểm, nên tôi lại căn cứ tên cô lập được quẻ Đại quá của quẻ Cấu.

Sau khi kiểm tra thấy tượng quẻ lập theo tên và quẻ lập theo ngày sinh nhất trí với nhau, tôi nói với hai bà mẹ : Cô này tuyệt đối không được mang đồ trang sức vàng bạc. Nếu mang vòng vàng, nhẫn vàng, dây chuyền thì đều phải lấy ra, nếu không thì chết. Hai bà mẹ không hèn mà đều đồng thanh trả lời : Con tôi không những đeo dây chuyền, mà hai tay đều có nhẫn, cổ tay còn có vòng vàng. Chúng tôi về nhất định lấy ra ngay. Tôi còn dặn thêm họ : tháng 3 năm nay chắc chắn không chết, nhưng tháng 5, tháng 6 âm lịch còn có một cửa ải rất nặng, song chỉ cần uống thuốc theo phương pháp tôi dặn thì cũng sẽ vượt qua. Nửa năm cuối bệnh sẽ đỡ dần. Chỉ cần vượt qua được hai năm 1990, 1991 thì sẽ bình an vô sự.

Hai bà mẹ nghe nói con không chết thì vô cùng cảm động và tỏ lời cảm kích. Về sau họ làm theo lời dặn của tôi, kết quả bệnh nhân ngày hôm sau từ hôn mê tỉnh lại dần. Họ đã gửi thư dài hàng nghìn chữ để cảm ơn tôi, và gọi tôi là "cha thứ hai" của cháu. Tháng ba cô ấy vượt qua bình an vô sự. Tháng 4 khi tôi rời khỏi Quảng Châu còn đến bệnh viện thăm. Qua câu chuyện thấy cô phục hồi gần được như người bình thường và đầy lòng tin là sẽ sống. Nhân việc đó, tôi cảm thấy vô cùng phấn khởi.

Ngày 15-9-1989, tôi lại nhận được thư của bố chồng cô gửi đến, nói : Trong tháng 4, sau khi tôi rời khỏi Quảng Châu lại hôn mê 371 lần. Nhưng nhờ kiên trì làm theo lời dặn của tôi, cuối cùng đã vượt qua cửa ải nguy hiểm tháng 5, tháng 6.

Giải : Quẻ cấu, quẻ thượng là càn kim, là quẻ dụng; quẻ hạ tốn mộc là quẻ thể. Cô gái đó sinh ở tháng dậu, đúng là kim vượng, mộc suy. Trong quẻ kim lâm vượng địa, động mà khắc quẻ thể, quẻ biến lại là quẻ dụng càn kim khắc thể. Do đó mang đồ trang sức vàng bạc nhiều tất nhiên sẽ làm tăng kim khắc mộc, làm cho bệnh nặng thêm. Nếu bỏ những đồ trang sức bằng vàng ra khỏi người thì tự nhiên sẽ giảm nhẹ bệnh, có lợi cho sức khỏe.


Về việc đeo đồ trang sức bằng vàng bạc nhất định phải căn cứ vào nhu cầu sinh khắc của người đó. Có người đeo có lợi, có người tuyệt đối không thể đeo, vì nhẹ thì ảnh hưởng đến vận khí và sức khỏe, nặng ra có thể bị tàn phế, thậm chí uy hiếp tính mệnh. Cho nên cần thông qua dự đoán mới có thể quyết định đeo trang sức hay không. Nếu sử dụng một cách mù quáng có thể gây ra bất hạnh.

Ví dụ 16. Đêm khuya vẫn đến gõ cửa nhất định là nhờ đoán bệnh.

Tối 30-2-1990, tôi vừa ngủ say, bị một trận gõ cửa kịch liệt đánh thức dậy. Xem đồng hồ lúc đó là 12 giờ rưỡi, tôi lập tức căn cứ thời gian đó lập được quẻ Tấn của quẻ Bốc, biết là có bệnh nhân đến nhờ đoán. Song vì ốm không cấp tính nên không ra mở cửa. Ngày hôm sau kể lại chuyện này, Trần Viên hỏi tôi : Thầy Thiệu, vì sao thầy biết người đến gõ cửa là muốn đoán bệnh mà không phải là mất con đến nhờ đoán ?

Tôi không vội vã mà từ từ lập ra từng quẻ, mặt khác giải thích cho có quẻ chủ về việc gì.

Năm 1990	tháng 2	ngày 30	giờ Tý
Canh Ngọ	Kỷ Mão	Canh Dần	Bính Tý

Đó là quẻ Tấn của quẻ Bốc 

1. Quẻ Bốc, quẻ thượng và quẻ hạ đều là thổ, thổ chủ về việc yên tĩnh không động, hơn nữa quẻ có 5 âm áp chế một dương mà không động là tốt.

2. Quẻ Bốc, quẻ thượng cần là quẻ dụng, người gõ cửa nhất định là thiếu nam, là con thứ ba trong số anh chị em, hoặc là người mặc quần áo đại thể màu xanh.

3. Người đến tìm tôi có thể là đoán cho người ốm bởi vì : Bốc là quẻ 5 âm, âm nhiều dương ít tức âm dương không cân bằng, đó là bệnh. Hơn nữa quẻ bóc có tượng là giường, có nghĩa là nằm hay ngủ trên giường.

4. Người ốm là em trai. Em đó bị bệnh bại liệt. Quẻ Bốc, quẻ thượng là cần, là dừng, là tượng không động. 5 âm ở dưới là tượng không thực, là nhu mềm, cho nên em bé đó có thể là chứng chân bại liệt.

5. Em này hiện tại bệnh rất nghiêm trọng vì cần thổ ở tử địa, lại bị nguyệt kiến, nhật kiến khắc. Nhưng may nhờ cần thổ biến thành ly hóa sinh trở lại, cho nên tình hình sẽ không xấu thêm, mà chỉ có thể tốt dần lên. Hơn 5 giờ chiều ngày hôm đó có một em trai đến tìm tôi. Trần Viên thấy em đó mặc quần màu xanh công an, liền hỏi lại có phải đêm hôm qua em đến gõ cửa không ? "Đúng !". Có phải là con anh bị ốm không ? Là cháu ngoại bị bệnh. Vậy vì sao không đưa nó đi viện. Nói ra đáng lẽ không nên đêm khuya đến làm phiền như thế, đó là do một thầy khí công bảo tôi đến tìm thầy Thiệu.

Qua mấy lời chuyện trò tiếp theo thì tất cả rõ ràng đúng như tôi dự đoán.

Ví dụ 17. Rõ ràng là bệnh đường ruột, dạ dày.

Tháng 4/1990, khi tôi giảng bài ở Quảng Châu, một nhà báo họ Sài của tờ báo Hồng Kông nhờ tôi đoán vận. Căn cứ vào ngày sinh của ông (ngày nhâm tý, tháng mùi) được quẻ Lý của quẻ Vô vọng.

QUẺ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngộ hỏa. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc x
Phụ mẫu tý thủy.. ứng

QUẺ BIẾN : LÝ

Thê tài tuất thổ.
Quan quý thân kim. thế
Tử tôn ngộ hỏa.
Thê tài sữu thổ..
Huynh đệ mao mộc. ứng
Tử tôn ty hỏa..

Tôi giảng giải cho anh ta nghe về những việc trong các vận trình, và dặn anh ta : tháng 5 âm lịch phải đề phòng bệnh dạ dày, đường ruột... Ngày 18 tháng 7 năm nay, nhà báo Sài gửi thư cho tôi nói : Lần này ngài lập quẻ đoán mệnh cho tôi ở Quảng Châu, 10 điểm đầu nói về các việc quá khứ đúng 100%. Những việc từ nay về sau chủ yếu có 4 điều, thì tháng 5 đã ứng nghiệm hai điều. Điều thứ ba là tháng 5 âm lịch phải đề phòng bệnh dạ dày, đường ruột. Ban đầu tôi không tin nhưng đến giờ sữu ngày 22 tháng 5 nhuận, đúng lúc nửa đêm tôi đột nhiên thấy đau ở vùng bụng kịch liệt, đi ra buồng rửa mặt thì "miệng nôn, trôn tháo". Tôi vô cùng khâm phục sự ứng nghiệm và bản lĩnh đoán quẻ cao cường của thầy.

Giải : Trong quẻ hào tử tôn ngộ hỏa tri thế, ngộ hỏa lâm thái tuế, hào ứng tý thủy lâm nhật kiến xung khắc hào thế và thái tuế, đó là việc không thuận.

Đoán bệnh về dạ dày, đường ruột là vì : trong quẻ thìn, tuất, sữu thổ hiện 4 lần, thổ là tý vị lâm nguyệt kiến, được hào thế và nhật kiến ngộ hỏa lâm thái tuế sinh cho, nên là tý vị vượng. Năm nay quan quý ngộ hỏa lâm thái tuế, tháng 5 lại là đất hỏa vượng, tức là hỏa sinh thổ làm cho thổ quá vượng. Trong quẻ mộc ở đất tử mộ, thổ vượng không có chế ngự, tức là vượng quá, tý vị vượng mà thái quá thì âm dương mất cân bằng, nên sinh ra bệnh tật. Nhưng nhờ hào tử tôn tri thế, cho nên "thiên tai vạn họa đều tan thành tro bụi", vì vậy vẫn còn là bệnh nhẹ và bình an vô sự.

Ví dụ 18. Là bệnh gan.

Ngày 27-1-1989, ông Diệu là nhà buôn tìm đệ tử của tôi là Trương Thành để hỏi về bệnh tật. Ngày quý Hợi, tháng dần lác thế được quẻ Quy muội của quẻ Lâm.

QUÊ CHỦ : LÂM

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy.. ứng
 Huynh đệ sừ thổ x
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý Mão Mộc. thê
 Phụ mẫu tỵ hỏa.

QUÊ BIẾN : QUY MUỘI

Huynh đệ tuất thổ.. ứng
 Tử tôn thân kim..
 Phụ mẫu ngọ hỏa.
 Huynh đệ sừ thổ.. thê
 Quan quý Mão Mộc.
 Phụ mẫu tỵ hỏa.

Lập xong quẻ, Trương Thành nói với ông Diệu : bệnh gan của ông rất nặng. Cuối tháng 3 sẽ tốt dần, mùa thu bệnh tình sẽ đỡ càng nhanh. Ông Diệu kinh ngạc nói : Tôi bị gan xơ hóa, đang nằm viện. Sau này quả nhiên cuối tháng ba ra viện, đến mùa thu bệnh gan đỡ hơn, nên ngừng uống thuốc.

Giải : Đoán bệnh kỳ nhất là gặp quan quý tri thê. Mão Mộc là gan, vượng ở nguyệt kiến, lại được nhật kiến sinh cho, hào ứng hợi thủy còn sinh cho nữa, làm cho Mão Mộc quá vượng tất nhiên là gan bị bệnh.

Đoán tháng 3 bệnh tốt dần ra viện là vì : Mộc quá vượng bắt đầu chuyển sang suy địa. mùa thu kim vượng, Mộc bị chế ngự, cho nên bệnh gan đỡ dần, thôi uống thuốc.

Ví dụ 19. Con của cô bị bệnh gan.

Ngày 15-7-1990, cô Lại ở Thượng Hải nhờ đệ tử của tôi là Hạo Văn đoán bệnh cho con của cô. Ngày tân mùi, tháng giáp thân lác thê được quẻ Quan của quẻ Tốn.

QUÊ CHỦ : TỐN

Huynh đệ Mão Mộc. thê
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Quan quý dậu kim O ứng
 Phụ mẫu hợi thủy O
 Thê tài sừ thổ..

QUÊ BIẾN : QUAN

Huynh đệ Mão Mộc.
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thê
 Huynh đệ Mão Mộc..
 Tử tôn tỵ hỏa..
 Thê tài mùi thổ.. ứng

Hạo Văn xem qua tượng quẻ rồi nói : Con chị bị bệnh gan. Đúng ! Con trai tôi tháng ba âm lịch năm nay bị bệnh gan. Nhờ anh xem khi nào khỏi bệnh. Tháng 7, tháng 8 bệnh sẽ nặng thêm, sau tháng 9 trở đi mới đỡ dần.

Giải : Tốn là Mộc, là gan, tuyệt ở nguyệt kiến mà còn bị khắc, lại mộ ở nhật kiến, tức rõ ràng là có bệnh gan nghiêm trọng.

Theo sáu hào mà nói, Mão Mộc là gan, tuyệt ở nguyệt kiến lại bị hào động quan quý dậu kim khắc. Hào phụ mẫu hợi thủy động mà xung khắc tử tôn tỵ hỏa, cũng là tượng bị bệnh gan nặng.

Tháng 7, tháng 8 là các tháng kim vượng mộc tử, lại là quẻ lục xung nên bệnh tình nặng thêm và có cơ nguy. Nhưng may nhờ dụng thần tử tôn được thái tuế ngộ hỏa tương phù là tượng gặp hung hóa cát. Đoán tháng 9 bệnh đỡ dần vì mao hợp với nguyệt kiến tuất làm thành tử tôn cục, là tượng thân vượng. Vì vậy ngày 8 tháng 10 âm lịch bệnh giảm dần có thể ngồi dậy đi lại.

Ví dụ 20. Anh gần đây có bệnh đau chân.

Tháng 9/1990, ông Nhiệm Đạo Trường là cố vấn Hội nghiên cứu Chu dịch của tỉnh... đến miếu Bát tiên ở Tây An. Khi tôi và các đệ tử Trương Thành, Trần Toàn Nhân, Trương Văn đến thăm ông ta, Trương Thành nhờ ông Nhiệm Đạo Trường đoán cho. Ngày mậu tý, tháng ất dậu được quẻ Phục của quẻ Lâm.

QUẺ CHỦ : LÂM

Tử tôn dậu kim..

Thê tài hợp thủy.. ứng

Huynh đệ sữu thổ..

Huynh đệ sữu thổ..

Quan quý mao mộc O thế

Phụ mẫu tý hỏa.

QUẺ BIẾN : PHỤC

Tử tôn dậu kim..

Thê tài hợp thủy..

Huynh đệ sữu thổ.. ứng

Huynh đệ thìn thổ..

Quan quý dần mộc..

Thê tài tý thủy. thế

Ông Nhiệm Đạo Trường trong nghiên cứu về Dự đoán theo Chu dịch có rất nhiều sáng tạo. Ông xem quẻ xong nói với Trương Thành : Anh gần đây có bệnh đau chân phải không ? Trương Thành xác nhận : Đúng ! Chân Trương Thành mới đỡ được mấy ngày hôm nay. Tất cả chúng tôi đều khâm phục thuật đoán quẻ của ông rất tinh thông.

Ông Nhiệm Đạo Trường còn giảng giải thêm : Quẻ lâm chủ về những việc mới xảy ra, hào hai là chân, nay mao mộc trì thế, lại gặp tháng 8 dậu kim vượng địa, mộc suy, nên bị kim khắc, đó là bệnh đau chân. Mao mộc hóa thành thoái thần, lại được nhật kiến tý thủy sinh cho là chân đã khỏi.

II – DỰ ĐOÁN VỀ THƯƠNG TẬT

Về những sự cố phát sinh đưa lại thương tật, trong Chu dịch có rất nhiều quẻ bàn đến. Vì trong sách "Chu dịch dự đoán học" của tôi đã nói rõ, nên ở đây không bàn thêm nữa.

Các sự cố hằng ngày gây ra thương tật, có cái là do mình gây nên, có cái do người khác tạo ra. Có bị thương cá nhân, có lúc bị thương tập thể, như lái ô tô dè chết người, húc bị thương, hoặc các loại phương tiện giao thông khác tạo nên thương vong. Các sự cố, ngoài nguyên nhân khách quan ra thì

điều chủ yếu nhất, căn bản nhất vẫn là những tiêu chí thông tin trong ngày, giờ sinh của người đó, hoặc trong quẻ có tiềm chứa các tiêu chí thông tin về thương tật. Nếu không có tiêu chí thông tin này, hoặc không có quy luật thì làm sao có thể dự đoán được chính xác. Chính là vì có tiêu chí, có quy luật nên mới có thể đoán ra thời gian bị thương tật trước đây và sau này có thể xảy ra.

Trung Quốc là quê hương của Chu dịch, cơ sở lý luận phong phú, nhân tài đông, thực lực mạnh. Nếu các cơ quan các ngành đều thành lập những tổ chức dự đoán về sự cố giao thông thì nhất định các phương tiện giao thông gây ra sự cố ngày càng giảm ít. Điều này sẽ tiết kiệm cho Nhà nước một khoản lớn, đồng thời cũng đem lại hạnh phúc cho xã hội, tức là một việc làm ích quốc, lợi dân.

Ví dụ 1. Lần đầu dự đoán đã thành công.

Thượng tuần tháng 6/1983, tôi nhìn thấy bác Vương là người láng giềng, vì bị sự cố máy móc làm cho cụt ngón tay nên lấy bác làm ví dụ, thử dùng bát quái để đoán thương tật. Lúc đó tôi căn cứ vào ngày sinh của bác (ngày mậu thìn tháng quý dậu) lập được quẻ Khiêm của quẻ Minh di.

QUẺ CHỦ : MINH DI

Phụ mẫu dậu kim..
Huynh đệ hợi thủy..
Quan quý sừ thổ.. thế
Huynh đệ hợi thủy.
Quan quý sừ thổ..
Tử tôn mao mộc O ứng

QUẺ BIẾN : KHIÊM

Phụ mẫu dậu kim..
Huynh đệ hợi thủy..thế
Quan quý sừ thổ..
Phụ mẫu thân kim.
Thê tài ngọ hỏa.. ứng
Quan quý thìn thổ..

Vì đây là lần đầu tiên tôi dùng bát quái để thử đoán về thương tật đã biết, nên trước hết tôi xem qua tượng quẻ, tượng hào, thấy phù hợp với thương tật ở tay của bác thì rất mừng rỡ. Vì là lần đầu đoán thử nên tôi phải lấy cả tứ trụ kết hợp với tượng quẻ để đoán. Tôi nói với bác Vương : Tay của bác bị thương tháng 5/1985 phải không ? Bác Vương kinh ngạc nói : Đúng ! Thấy thật giỏi. Năm 1985, lúc tôi chở thiết bị ở Cát Lâm mà bị thương đấy.

Giải : Trong "Tự quẻ truyện" có câu : "Tiến tất có bị thương, nên lấy quẻ Minh di, di là bị thương". Cho nên quẻ Minh di chủ về thương tật.

Sách "Tăng san bốc dịch" nói : "Quý hóa quý, huynh hóa huynh, quý hóa huynh, huynh hóa quý, chủ về thương tật ở tay chân". Trong quẻ Minh di có huynh hóa huynh, quý hóa quý, cho nên chủ về thương tật ở tay.

Đoán bị thương tháng 5/1985 là vì hào thế sừ thổ, hào ứng mao mộc, hào ứng khắc hào thế là không tốt. Hào ứng mao mộc ứng ở năm mao, nạp âm năm mộc xảy ra sự việc, là người đó thuộc mệnh mộc. Mộc gặp mộc tất sẽ có chuyện va chạm lẫn nhau mà gãy xương, cho nên càng nặng. Hào thế

sửu thổ tương hình với tuất, là hình thái tuế nên không tốt. Năm 1985 vừa là năm mộc bình địa, vừa là năm tuất, nên bị thương vào năm đó. Đoán tháng 5 là vì hào thế sửu thổ tương hại với nguyệt kiến ngộ hỏa của tháng 5.

Ví dụ 2. Quả nhiên bị thương.

Tháng 6/1983, bà Trương ở cơ quan tôi nhờ đoán vận cho ông và người nhà. Tôi phát hiện thấy con trai cả của bà thời gian tới có thể bị thương. Ngày dinh mùi, tháng ất mao được quẻ Độn của quẻ Lữ.

QUẺ CHỦ : LỮ

Huynh đệ ty hỏa.

Tử tôn mùi thổ x

Thê tài Dậu kim. ứng

Thê tài thân kim

Huynh đệ ngộ hỏa..

Tử tôn Thìn thổ.. thế

QUẺ BIẾN : ĐỘN

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim. ứng

Huynh đệ ngộ hỏa.

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngộ hỏa.. thế

Tử tôn Thìn thổ..

Tôi báo cho bà Chương biết : Con trai bà khoảng thượng tuần tháng 9 năm nay, có thể gặp tai nạn bị thương nặng. Tôi muốn giải hạn cho anh ta. Lúc đó vì ông Trương là nhà báo chưa hề tiếp xúc về lĩnh vực này nên không tin. Kết quả ngày 12/9/1983, vì cưỡi xe máy đâm vào máy kéo bị thương vào mặt suýt chết.

Giải : Quẻ Lữ hào sáu là đầu, hào huynh đệ ty hỏa gặp năm quý Hợi là lâm thái tuế bị xung khắc, lại hóa thành mộ khoa của tuất thổ, là tượng đại hung. Huynh đệ bị khắc, là có tai họa bị thương, nên tai nạn bị thương ở đầu. Đoán sự việc xảy ra vào thượng tuần tháng 9 vì tử tôn Thìn thổ trì thế, quý Hợi là năm "thủy biến cá", tức là nước biển dâng trào mạnh mẽ, xung vào vạn vật không thể áp chế được. Hào thế Thìn thổ tương xung với tuất thổ của nguyệt kiến tháng 9, hơn nữa hào sáu ty hỏa hóa thành tuất mộ cũng là tháng 9. Thượng tuần tháng 9 là lúc thổ vượng, do đó trước sau thời gian này nhất định phải đề phòng bị thương. Lần bị thương này là ví dụ đầu tiên dự đoán của tôi, nhưng đã ứng nghiệm.

Ví dụ 13. Năm 1985, phải đề phòng bị thương ở tay chân.

Tháng 7 năm 1983, bác Trương ở cơ quan nhờ tôi đoán vận cho con gái. Ngày mậu Thìn, tháng ất Dậu được quẻ Khiêm của quẻ Minh di.

QUẺ CHỦ : MINH DI

Phụ mẫu Dậu kim..

Huynh đệ Hợi thủy..

Quan quý sửu thổ.. thế

Huynh đệ Hợi thủy.

Quan quý sửu thổ..

Tử tôn Mão mộc O ứng

QUẺ BIẾN : KHIÊM

Phụ mẫu Dậu kim..

Huynh đệ Hợi thủy.. thế

Quan quý sửu thổ..

Phụ mẫu thân kim.

Thê tài ngộ hỏa.. ứng

Quan quý Thìn thổ..

Tôi nói với vợ chồng bác Trương : Con gái bác năm 1985 phải đề phòng bị thương ở tay hoặc chân. Về sau, cô gái đó năm 1985 chân bị ô tô cán bị thương. Cô gái đó nhìn thấy tôi thì đùa rằng : đây là tại vì thấy đấy !

Giải : Trong quẻ huynh đệ hóa thành huynh đệ, quan quý hóa thành quan quý rõ ràng là bị thương chân tay. Hào huynh đệ sừ thổ tri thế, sừ thổ 3 lần hiện, quẻ dụng gặp năm sừ tức là gặp 4 thổ, thổ nhiều là quá vượng, nên có tai họa bị thương. Quẻ ngoại phục ngâm, cho nên bị thương ở nơi khác. Do đó, năm 1985 bị xe cán chân.

Ví dụ 4. Chỉ còn 8 giây cuối cùng cũng phải chú ý.

Ngày 22 tháng 12 năm 1984, ông Từ ở cơ quan tôi nhờ đoán vận cho con. Ngày giáp tuất, tháng mậu dần được quẻ Giải của quẻ Dự.

QUẺ CHỦ : DỰ	QUẺ BIẾN : GIẢI	LỤC THẦN
Thê tài tuất thổ..	Thê tài tuất thổ..	Huyền vũ
Quan quý thân kim..	Quan quý thân kim.. ứng	Bạch hổ
Tử tôn ngộ hỏa. ứng	Tử tôn ngộ hỏa.	Phi xà
Huynh đệ mào mộc..	Tử tôn ngộ hỏa..	Câu trần
Tử tôn ty hỏa x	Thê tài thìn thổ. thế	Chu tước
Thê tài mùi thổ.. thế	Huynh đệ dần mộc..	Thanh long

Tôi nói với ông Từ : Con ông, trước sau tết nhất định phải đề phòng tai nạn bị thương. Ông Từ hồ hững nói : Chỉ còn 8 ngày nữa là hết năm. Tôi nói : Cho dù 8 giây nữa cũng phải chú ý.

Kết quả con ông ngày 28 tháng chạp, lúc làm vệ sinh nhà máy, từ tầng ba ngã xuống bị thương phải đi bệnh viện.

Giải : Trong quẻ Dự hào năm quan quý hóa thành quan quý là tất có tai nạn, hơn nữa thanh long khác hào thế là tượng không tốt, đoán trước sau tết phải đề phòng bị thương là vì thế tài mùi thổ tri thế biến thành huynh đệ dần mộc khác trở lại. Ngày 15 tháng 12 năm 1984 là lập xuân, nên lệnh năm đã bước sang năm ất sừ, lệnh tháng là dần, đúng là huynh đệ dần mộc lâm nguyệt kiến vượng địa, hào thế mùi thổ rơi vào tử địa mà bị khác.

Thê tài mùi thổ tri thế gặp thái tuế sừ thổ, sừ mùi tương xung, mùi thổ xung mất thái tuế là không tốt.

Trong quẻ hào 5 quan quý thân kim lại có điều nên kỵ là tương hình tương xung với nguyệt kiến dần mộc. Cho nên thương tật phát sinh vào tháng dần, đúng vào trước sau tết.

Ví dụ 5. Năm 1975 nhất định bị thương tay hoặc chân.

Trong ví dụ về mục dự đoán hôn nhân đã nói đến trường hợp tháng 7/1985 anh Hứa ở cơ quan tôi nhờ đoán hôn nhân cho bố. Trong lúc đoán

vận, đồng thời tôi cũng đoán được việc ông bố gặp tai nạn bị thương. Đó là quẻ Khuê của quẻ Tốn. (ngày giáp tuất, tháng kỷ ty).

QUẺ CHỦ : TỐN

Quan quý dẫn mộc. ứng
Thê tài tý thủy..
Huynh đệ tuất thổ x
Huynh đệ sừ thổ.. thế
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa.

QUẺ BIẾN : KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Tử tôn dậu kim. thế
Huynh đệ sừ thổ..
Quan quý mao mộc.
Phụ mẫu ty hỏa. ứng

Sau khi tôi nói về việc cụ già khắc vợ, còn nói thêm năm 1975 cụ bị trọng thương ở tay hoặc chân. Nghe xong ông cụ và anh Hứa đều kinh ngạc và thừa nhận : Đúng, năm 1975 tôi bị gãy chân.

Giải : Quẻ Tốn hào quan quý, huynh đệ hiện 2 lần, huynh đệ trì thế, lại huynh hóa huynh, quý hóa quý là tượng tay chân bị thương.

1975 là năm ất mao, đúng là hào hai quan quý mao mộc lâm thái tuế mà khắc hào thế. Cho nên năm 1975 gãy chân. 1974 là năm dần, quan quý dẫn mộc tại sao lại không khắc hào thế, đó là vì dần hóa ty, tức tham hình quân khắc.

Ví dụ 6. Tháng 9 phải đề phòng bị thương.

Tháng 3 năm 1985, ông Mã ở cơ quan tôi nhờ đoán vận. Ngày kỷ hợi, tháng nhâm thìn được quẻ Tỳ của quẻ Vô vọng.

QUẺ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ O
Quan quý thân kim.
Tử tôn ngọ hỏa. thế
Thê tài thìn thổ..
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUẺ BIẾN : TÛY

Thê tài mùi thổ.. ứng
Quan quý dậu kim.
Phụ mẫu hợi thủy.
Thê tài thìn thổ.. thế
Huynh đệ dẫn mộc..
Phụ mẫu tý thủy.

Ông Mã nhờ buôn bán mà có rất nhiều tiền, muốn mua một xe máy để đi lại. Tôi nói : Ông tuyệt đối không nên mua, tháng 9 năm nay phải đề phòng tai nạn. Ông không nghe theo lời khuyên của tôi, tháng 9 mua một chiếc xe máy, chạy khắp nơi, kết quả xe lật người bị thương, gãy nát xương đòn gánh nằm viện đến nửa năm.

Cho nên, như phần trên đã nói, không sợ đoán ra tai nạn, mà chỉ sợ không biết đề phòng. Có nạn mà không giải, xe hỏng là việc nhỏ, mà tổn thất nhiều hơn là ảnh hưởng nguy hiểm đến tính mạng.

Quẻ Vô vọng là vong ơn, tức là được việc mà quên ơn nên chuốc lấy tai họa. Quẻ gặp lục xung vốn là không lợi.

Vô vọng quẻ nội huynh hóa huynh, ở quẻ ngoại quý hóa quý là chủ về thương tật.

Đoán tháng 9 gặp nạn vì hào sáu của quẻ vô vọng tuất thổ lâm nguyệt kiến mà minh động ám động. Tuất là tháng 9, là mộ kho của hỏa, nên hào thể ngộ hỏa nhập mộ động cũng có nghĩa là bị thương vào viện.

Ví dụ 7. Khu cấm, không được làm càn.

Ngày 13-12-1986, sau khi tôi gặp đoàn đại biểu Nhật Bản, cô Lô ở Đài truyền hình Thiểm Tây lúc đó làm phiên dịch cho đoàn nhờ tôi đoán vận. Qua tứ trụ, đoán được nửa đầu năm 1987 cô có đại họa. Nghe xong cô Lô hơi nghi ngờ, tôi lại dùng bát quái để đoán. Được quẻ Tốn của quẻ Khôn (ngày tân mao, tháng canh tý).

QUẺ CHỦ : KHÔN

Tử tôn dậu kim x thế
Thê tài hợi thủy x
Huynh đệ sữu thổ ..
Quan quý mao mộc x ứng
Phụ mẫu tỵ hỏa x
Huynh đệ mùi thổ..

QUẺ BIẾN : TỐN

Huynh đệ mao mộc. thế
Phụ mẫu tỵ hỏa.
Huynh đệ mùi thổ..
Quan quý dậu kim. ứng
Thê tài hợi thủy.
Huynh đệ sữu thổ..

Cần cứ tứ trụ lập được quẻ Lữ đều chứng tỏ năm 1987 có nạn nguy hiểm đến tính mạng. Quẻ tổn của quẻ khôn cũng có nghĩa như thế, hơn nữa qua quẻ gieo càng thể hiện rõ hơn. Do đó tôi nhấn mạnh với cô : Tứ trụ và hai quẻ gieo đều đã chứng minh năm 1987 cô có tai họa uy hiếp tính mệnh. Thời gian ở nửa năm đầu, đặc biệt là tháng 3, tháng 4 (tức tháng 3 âm lịch). Cô tuyệt đối không được đi về phía tây bắc, đó là khu cấm, nếu không thì hậu quả khôn lường. Về sau cuối tháng 12, tôi lại viết thư báo cô đến để giải hạn. Cô ta trả lời vì bận công việc nên không đến được. Tháng 3/1987 vì phải đi phía tây bắc để quay phim kịch truyền hình, kết quả trên đường trở về vì tai nạn đâm xe nên vỡ ngực không cứu được. Với cô gái mới 24 tuổi, tiền đồ còn rất rộng mở mà đã chết thật là đáng tiếc.

Giải : Khôn là thổ biến thành tốn mộc khắc trở lại. Quẻ biến khác trở lại là tượng đại hung. hào sáu quẻ khôn lâm hào thế, lời từ nói "... huyết huyền hoàng". Tức là muốn nói đổ máu nhiều. Hơn nữa quẻ biến thành quẻ nội, ngoại phản ngâm cũng là tượng đại hung.

Quẻ khôn có hào sáu dậu kim là hào thế lâm nhật phá, lại hóa thành mao mộc. Hào thế và hào ứng của quẻ khôn và quẻ tổn đều là mao dậu tương xung tương phá, đó là nạn nguy hiểm đến tính mạng.

Tháng 3/1987 cấm đi về phía tây bắc, là vì : 1987 là năm đinh mao, tức là hào thể dậu kim xung khắc thái tuế, phạm khắc thái tuế cũng giống như phản lại hoàng đế, tất có họa mất mạng. Trong tứ trụ có hai thìn thổ, tháng 3 thêm một thìn thổ nữa, tây bắc là phía tuất, cho nên tạo thành 3 thìn xung 1 tuất, hoặc 1 tuất xung 3 thìn là điều đại kỵ. Vì vậy sự việc xảy vào tháng 3.

Khôn là quẻ lục xung, biến thành tổn cũng là lục xung, tức lục xung biến thành lục xung, quẻ như thế xuất hành là vô cùng xấu. Do đó ứng vào tai nạn xe đâm nhau mà chết.

Ở ví dụ này dùng ba loại quẻ : quẻ đoán theo tứ trụ, quẻ đoán theo giờ sinh và quẻ do lắc thẻ, tức là dùng những phương pháp dự đoán khác nhau, tượng quẻ khác nhau, nhưng vì thông tin của một người là đồng bộ nên tuyệt đối không xảy ra hiện tượng qua tứ trụ thì thấy năm 1987 là đại hung, còn qua bát quái lại thể hiện năm 1987 là đại cát. Ngoài ra mỗi người đều có khu cấm riêng của mình và trong thời gian gặp khu cấm, chỉ cần đoán ra, tìm cách tránh nó là sẽ an toàn.

Nhà báo Sài là đồng nghiệp của cô Lô năm 1985 cũng nhờ tôi đoán vận, tôi cũng dự đoán tháng 3/1987 có tai họa nguy hiểm đến tính mạng. Nhờ cô Sài thường nhớ đến lời nhắc nhở của tôi nên gặp việc gì cũng cẩn thận, do đó mà qua được.

Hôm xảy ra sự việc cô Lô, cô Sài cũng ngồi trên xe đó. Trước lúc xe chạy, cô Sài ngồi ở dãy ghế phía trước, nhưng đột nhiên cô nhớ đến lời dặn của tôi, đi xe phải cố tránh tất cả những yếu tố không an toàn, để phòng gặp trường hợp xấu nhất, nên cô lại đổi chỗ ngồi ra phía sau. Cô Lô nhìn thấy cô Sài bỏ ghế đó, thì lập tức ngồi vào vị trí trước xe. Kết quả khi tai nạn xảy ra, cô Sài đã thoát khỏi cái chết, còn cô Lô và một người ngồi hàng đầu bên cạnh đều bị đâm chết, những người khác bị thương nặng, riêng cô Sài chỉ bị xây xước nhẹ.

Về sau cô Sài xúc động nói với tôi : May nhờ có chú Thiệu dự báo trước những thông tin xấu, nên khiến tôi luôn chú ý để phòng, nếu không thì hậu quả cũng khôn lường. Qua sự việc này có thể thấy rõ, tai họa một khi đã dự đoán ra chỉ cần cẩn thận để phòng là có thể tránh được.

Ví dụ 8. Là em gái cô ấy chết.

Ngày 23-7-1986, anh Lương ở tỉnh Sơn Tây mang đến quẻ đoán cho một người phụ nữ vào ngày canh thân, tháng 4 năm 1986 (ngày canh thân, tháng quý tỵ), là quẻ Đoài của quẻ Tỳ.

QUÊ CHỦ : TÙY

Thê tài mùi thổ.. ứng
 Quan quý Dậu kim.
 Phụ mẫu Hợi thủy.
 Thê tài Thìn thổ.. thế
 Huynh đệ Dần mộc x
 Phụ mẫu Tý thủy.

QUÊ BIẾN : ĐOÀI

Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý Dậu kim.
 Phụ mẫu Hợi thủy.
 Thê tài Sửu thổ.. ứng
 Huynh đệ Mão mộc.
 Tử tôn Tỵ hỏa.

Anh Lương mở quẻ ra nhờ tôi giải xem đoán việc gì và tốt xấu ra sao ?

Tôi xem xong quẻ nói : Việc mà người phụ nữ này muốn đoán là em gái cô ấy bị chết, hỏi có thắng kiện không. Anh Lương vô cùng kinh ngạc thừa nhận : Đúng, tháng giêng năm nay em gái cô ấy vì bị tai nạn mà chết, hiện tại đang kiện. Nhưng lời của hào từ rõ ràng nói rằng "là người nhỏ, mất chồng. Vì vậy nên đoán là việc chồng cô ấy bị mất mới đúng, tại sao thấy lại đoán đó là việc cô em gái ?

Giải : Hào hai của quẻ tùy là huynh đệ dần mộc, là hào âm ở chính ngôi, tất đó là nữ. Hơn nữa biến thành quẻ đoài, đoài là thiếu nữ, tất là em gái cô đó. Trong quẻ đoài nhiều, đoài là cãi vã, nên nhất định là việc kiện tụng.

1986, là năm bình dân, đúng là hào hai của quẻ tùy huynh đệ dần mộc lâm thái tuế, lại gặp đúng nguyệt kiến tháng giêng dần, động mà biến thành tiến thần khắc lại hào thế. Cho nên đoán chết vào tháng giêng năm nay.

Ví dụ 9. Bị chó cắn bị thương.

Ngày 12-6-1987 ông Mạnh giám đốc nhà máy quạt điện Tây An đến nhờ tôi đoán vận. Ngày giáp ngọ, tháng giáp tuất được quẻ Tốn của quẻ Khuê.

QUÊ CHỦ : KHUÊ

Phụ mẫu Tỵ hỏa.
 Huynh đệ mùi thổ..
 Tử tôn Dậu kim O thế
 Huynh đệ Sửu thổ..
 Quan quý Mão mộc.
 Phụ mẫu Tý hỏa. ứng

QUÊ BIẾN : TỐN

Quan quý dần mộc. ứng
 Thê tài Tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ..
 Huynh đệ Sửu thổ.. thế
 Quan quý Mão mộc.
 Phụ mẫu Tỵ hỏa.

Tôi nói ngay tháng 6 năm nay ông có tai họa bị thương ở tay chân. Giám đốc Mạnh và những người xung quanh đều rất kinh ngạc. Ông mạnh vén ống quần lên, nói một mạch : Đúng, ngày 4 tháng 6 năm nay tôi bị chó cắn ở chân trái.

Giải : Quẻ Khuê có quẻ nội huynh biến huynh, quý biến quý là nhất định có thương tật ở tay, chân.

Đoán tháng 6 năm nay là vì dậu kim tri thế xung khắc hào hai quan quý mao mộc. Mão mộc lâm thái tuế bị xung khắc tức là có tai nạn. Tháng 6 mùi thổ vượng mà sinh cho hào thế dậu kim, dậu kim vượng tất sẽ xung khắc quan quý mao mộc cho nên bị thương vào tháng 6.

Hào hai là bấp chân, ngày 4 tháng 6 là ngày át dậu, dậu xung hào hai mao mộc cho nên bị thương ở bấp chân. Chớ cần bị thương là vì hào thế dậu kim hóa thành tuất thổ, dậu tuất tương hại nhau, tuất là chớ. Đó là trong sinh có hại.

Ví dụ 10. Thời gian tới không nên đi về phía nam.

Ngày 23-7-1987, tôi về thăm quê ở Hồ Bắc. Cô Đường em họ nhờ tôi đoán vận. Ngày tân dậu, tháng mậu ngọ, được quê Độn của quê Lữ.

QUÊ CHỦ : LỮ

Huynh đệ tỵ hỏa.

Tử tôn mùi thổ X

Thê tài dậu kim. ứng

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngọ hỏa..

Tử tôn thìn thổ.. thế

QUÊ BIẾN : ĐỘN

Tử tôn tuất thổ.

Thê tài thân kim. ứng

Huynh đệ ngọ hỏa.

Thê tài thân kim.

Huynh đệ ngọ hỏa.. thế

Tử tôn thìn thổ..

Tôi nói với cô Đường : Thời gian tới cô nên ít đi xa đặc biệt không được đi về phía nam của nhà cô, để phòng tai họa. Về sau vì cuối tháng 7 cô đi về phía chợ Hoàng Thạch, tức phía nam nên bị ôtô cán gãy chân phải nằm viện.

Giải : Quê Lữ chủ về xuất hành, là quê nói về buôn bán. Lời từ hào đầu hào thế nói : "Rời khỏi chỗ ở để chuốc lấy tai họa".

Hào thế thìn thổ được nguyệt kiến sinh vượng, lại ở cung ly hỏa, trong quê tỵ, ngọ hỏa bốn lần xuất hiện. Lúc dự đoán là đúng mùa hỏa vượng, phương nam cũng là phương hỏa vượng. Thân vượng lại gặp được hỏa sinh tất sẽ thái quá, đó là đại hung. Cho nên dặn thời gian tới không nên đi về phương nam. Trong quê huynh hóa huynh là thương tật ở chân, tay. 1987 là năm mao mộc thái tuế, hào thế thìn thổ tất sẽ bị khắc nên gặp tai họa.

Chương 11

DỰ ĐOÁN VỀ ĐẤU BÓNG

Xã hội ngày càng tiến bộ, sự nghiệp thể dục cũng phát triển rất nhanh. Những cuộc thi đấu thể thao thế giới liên tục diễn ra. Do đó các cao trào thi đấu thể thao giữa các nước, nhất là những môn được nhiều người quan tâm như bóng đá, bóng chuyền càng diễn ra dồn dập.

Về vấn đề đấu bóng ai thắng ai thua, những chuyên gia chuyên ngành trên thế giới, trước khi tiến hành thi đấu, đều có dự đoán trước. Nhưng phương pháp mà họ sử dụng phần nhiều là căn cứ vào thực lực của các đội, rồi diễn đoán theo lôgic hoặc theo kinh nghiệm. Phương pháp này có cơ sở lý lẽ nhất định, nhưng vì hiệu suất chính xác thấp, nên sai số rất lớn. Những bài báo và bình luận của nước ngoài, vì không có các luận chứng khoa học, nên không có cách gì đoán ra những kết quả bất ngờ, do đó chỉ biết dựa vào kinh nghiệm mà phán đoán, thường làm cho danh dự của tờ báo bị tổn thất. Ngoài ra còn có người lợi dụng tỉ số trận đấu để cá cược, cũng chỉ vì chủ quan phán đoán, hoặc hiểu biết sai mà dẫn đến khuyh gia bại sản.

Dùng bát quái dự đoán đấu bóng rất cuộc là dự đoán thế nào, về mặt này, ngày xưa không để lại một phương pháp và kinh nghiệm nào cả. Tôi, khi dự đoán chủ yếu căn cứ vào nguyên lí sinh khắc, chế hóa của âm dương, ngũ hành để phán đoán. Phương pháp là : căn cứ vào quẻ thể và quẻ dụng sinh khắc lẫn nhau, hoặc hào thể, hào ứng sinh khắc lẫn nhau và kết hợp hai phương pháp tượng quẻ và sáu hào để dự đoán.

Từ năm 1984, tôi bắt đầu nghiên cứu dùng bát quái để dự đoán các mặt của cuộc đấu. Chủ yếu là dự đoán đội bóng chuyền, bóng đá của Trung Quốc thi đấu với các đội nước ngoài. Kết quả dự đoán rất mãn ý. Thực tế chứng minh rằng chỉ cần thuật đoán quẻ cao là hoàn toàn có thể đoán được kết quả thắng bại của từng trận đấu với độ chính xác 100%.

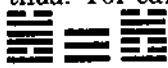
Chương này chủ yếu bàn về dự đoán đấu bóng chuyền và bóng đá.

I - DỰ ĐOÁN VỀ ĐẤU BÓNG CHUYỀN

Ví dụ 1. Đoán về kết quả trận đấu bóng chuyền của đội nữ Trung Quốc với đội nữ Nhật Bản ở Đại hội Olympic.

Tháng 7/1984, anh Viên ở cơ quan tôi, báo với tôi : cơ quan thông báo giờ thân chiều nay đội bóng chuyền nữ Trung Quốc ở thể vận hội sẽ đấu với

đội nữ Nhật Bản, mời mọi người đứng giờ đón xem. Anh Viên yêu cầu tôi đoán xem ai thắng, ai thua. Tôi căn cứ thời gian bắt đầu trận đấu lập được

quẻ Tỳ của quẻ Cách 

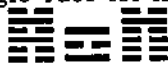
Năm 1984	tháng 7	ngày 10	giờ Thân
Giáp Tý	Nhâm Thân	Nhâm Thân	Mậu Thân

Trước trận đấu tôi và anh Viên cùng xem truyền hình trực tiếp, tôi đoán xong tượng quẻ, nói chính xác với anh ta rằng : Tôi dự đoán đội Trung Quốc thắng, đội nữ Nhật Bản thua. Về sau kết quả của trận đấu là đội nữ Trung Quốc thắng.

Giải : Cách là quẻ thuộc cung khảm. Quẻ thượng quái là kim, là thể, là đội nữ Trung Quốc; quẻ hạ ly là hỏa, là dụng, là đội nữ Nhật Bản. Theo quẻ thì quẻ dụng khắc quẻ thể, tức đội Nhật Bản khắc đội Trung Quốc, không có lợi cho đội nữ Trung Quốc. Song quẻ thể quái kim lâm nguyệt, nhật kiến, ở đất kim vượng, là tượng thể lực đội Trung Quốc mạnh mẽ, tráng kiện. Còn đội nữ Nhật bản tuy ở ngôi ly, vì hỏa ở bệnh địa cho nên sức khỏe của họ kém khó khắc được kim vượng của đội Trung Quốc.

Quẻ biến là tỳ, đội Trung Quốc là quái, đội Nhật Bản là chấn. Tháng 7 kim vượng, mộc tử, là vượng kim khắc tử mộc. Từ sự sinh khắc của quẻ chủ và quẻ hỗ thì đội nữ Trung Quốc thắng là điều chắc chắn. Đó là hỏa hưu tù khó khắc được kim vượng.

Ví dụ 2. Đội bóng chuyên nữ Trung Quốc nhất định thắng.

Ngày 28-12-1985, ở cơ quan mọi người đều bàn tán xem tối nay đội nữ bóng chuyên Trung Quốc đấu với đội tuyển các Ngôi sao thế giới ai thắng, ai thua. Phần đông đều cho rằng, lần này đội tuyển Ngôi sao thế giới là những mũi nhọn rút từ các nước tổ chức thành, còn thực lực của đội tuyển Trung Quốc rõ ràng là khó địch nổi đội nữ Ngôi sao thế giới, cho nên rất khó thắng; cũng có người cho rằng đội nữ Trung Quốc là quán quân thế giới, nên nhất định thắng. Mỗi bên đều bảo lưu ý kiến của mình. Cậu Đồng ở phòng tôi nói : Thấy Thiệu, thấy đoán xem kết quả trận đấu 7 giờ rưỡi tối nay ai thắng ai thua. Tôi liền lập quẻ, được quẻ Tỳ của quẻ Kiến 

Năm 1985	tháng 11	ngày 17	giờ Thân
Át Sửu	Mậu Tý	Tân Sửu	Bính Thân

Tôi lập xong tượng quẻ, nói trước mặt với mọi người rằng : Đội nữ ta nhất định thắng. Mọi người phần khởi nói : Được, chờ kết quả tối nay xem.

Kết quả đúng như tôi dự đoán.

Giải : Quẻ Kiến, quẻ thượng là khảm thủy, là quẻ dụng, là đội nữ Trung Quốc; Quẻ hạ là khôn thổ, là quẻ thể, là đội Ngôi sao thế giới. Tượng quẻ là

thổ khắc thủy, là dụng khắc thổ, là đội Ngôi sao thế giới khắc đội Trung Quốc, là không lợi. Nhưng may nhờ mùa đông, là mùa thủy vượng. Khám thủy lâm nguyệt kiến vượng địa, tức là đội nữ Trung Quốc vững vàng chắc chắn, lực lượng hùng hậu, kỹ thuật cao siêu. Còn liên đội Ngôi sao thế giới tuy ở ngôi thổ, thổ có thể khắc thủy, chế ngự thủy, nhưng mùa đông đóng băng mà hưu tù, là tượng vô lực thiếu khí. Do đó thổ của quẻ thể hưu tù khó khắc được thủy vượng tướng, nên đội TQ thắng.

Ví dụ 3. Đội nữ bóng chuyền Trung Quốc chuyển bại thành thắng.

3 giờ chiều ngày 31-12-1985 đệ tử Trương Thành biết được ngày 28 tháng 12 tôi đã dự đoán đúng trận đấu giữa đội nữ Trung Quốc với đội liên quân các ngôi sao Thế giới, nên bảo tôi rằng : thầy Thiệu hôm nay đội nữ Liên quân các Ngôi sao thế giới lại đấu với đội nữ bóng chuyền ta ở Thượng Hải, thầy thử đoán xem ai thắng ai bại. Căn cứ thời gian Trương Thành hỏi, tôi lập tức gieo quẻ, được quẻ Đoài của quẻ Lý.

Năm 1985	tháng 11	ngày 20	giờ Thân
Ất Sửu	Mậu Tý	Giáp Thìn	Nhâm Thân

QUẺ CHỦ : LÝ

Huynh đệ tuất thổ O
 Tử tôn thân kim. thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa.
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mao mộc. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa.

QUẺ BIẾN : ĐOÀI

Huynh đệ mùi thổ.. thế
 Tử tôn dậu kim.
 Thế tài hợi thủy.
 Huynh đệ sừ thổ.. ứng
 Quan quý mao mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.

Tôi nói với Trương Thành : Trận đấu hôm nay so với trận đấu ngày 28 ngoan cường kịch liệt hơn nhiều. Đội nữ ta hôm nay chuyển bại thành thắng.

Trận đấu vô cùng sôi nổi. Kết quả đội nữ Trung Quốc từ thế thua chuyển thành thắng.

Giải : Quẻ Lý, quẻ thượng là càn kim, là quẻ dụng, là lão nam, là liên đội Ngôi sao thế giới; Quẻ hạ là đoài kim, là quẻ thể, là thiếu nữ, là đội Trung Quốc. Ngũ hành của hai quẻ thượng và hạ giống nhau, nên là quẻ quang hòa. Càn đoài đều là kim, đều ở tử địa. Nhưng càn là lão nam, bản thân suy nhược, lại gặp cuối đông băng giá, càng là thân nhược khí đoản, nên không gánh nổi trọng trách. Còn đoài là thiếu nữ, tuy gặp mùa đông băng giá nhưng tuổi trẻ tráng kiện, chịu được rét, đó là tượng có lợi cho đội ta.

Theo sáu hào mà nói, hào thế tử tôn thân kim là đội ta, ở ngôi năm thiên tử, là được chính ngôi, tuy ở tử địa là tượng bất lợi, nhưng được nhật kiến thìn thổ và hào sáu tuất thổ động sinh cho, lại hóa thành tiến thân dậu kim là từ thế thua chuyển thành thế thắng.

Hào ứng quan quý mao mộc là Liên đội ngôi sao Thế giới được tý thủy nguyệt kiến sinh cho, là tượng có lực, có lợi. Nhưng hào ứng mao mộc ở đất không vong, đã là tuần không thì việc gì cũng thành, hơn nữa còn bị hào thế phúc thân là tử tôn thân kim hóa thành tiến thân dậu kim xung khắc mao mộc. Cho nên Liên đội ngôi sao ban đầu thắng, nhưng về sau ở thế thua. Lời dự đoán lại một lần nữa đúng như thực tế.

Ví dụ 4. Đội nữ bóng chuyền Trung Quốc ngày mai nhất định sẽ giành được quán quân.

Ngày 25-5-1986, đội nữ bóng chuyền Trung Quốc đấu với đội nữ của Nhật Bản, lại giành được thắng lợi trong thế bất lợi. Ngày mai 26 là đội nữ bóng chuyền Trung Quốc quyết đấu với đội Nhật Bản để giành quán quân. Căn cứ vào thời gian khai mạc trận đấu ngày mai, tôi lập được quẻ Tỳ của quẻ Vô vọng.

Năm 1986	tháng 4	ngày 18	giờ Tuất
Bính Dần	Quý Tỵ	Canh Ngọ	Bính Tuất

QUẺ CHỦ : VÔ VỌNG

Thê tài tuất thổ O
 Quan quý thân kim.
 Tử tôn ngộ hỏa. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dấn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

QUẺ BIẾN : TÛY

Thê tài mùi thổ.. ứng
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dấn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

Căn cứ vào quẻ, tôi đoán ngày mai đội nữ Trung Quốc nhất định giành quán quân.

Giải : Hào thế ngộ hỏa lâm nguyệt, nhật kiến là đội nữ Trung Quốc lực khỏe, khí mạnh. Hào ứng tý thủy là đội nữ Nhật Bản tuyệt ở nguyệt kiến lại gặp nhật phá là lực không tòng tâm, là tượng phí lực vô ích. Cho nên, đội nữ Trung Quốc sẽ giành quán quân, lập công cho tổ quốc.

Ví dụ 5. Đội Liên Xô nhất định quán quân.

Đại hội thi đấu bóng chuyền nữ thế giới lần thứ 11 sẽ khai mạc vào tháng 9/1990 ở Cung thể thao Bắc Kinh. Ngày 1/10 trận hai đội Trung - Xô thi đấu giành quán quân vô cùng thu hút sự chú ý của mọi người. Khán giả Trung Quốc đều hy vọng đội nữ nước mình giành được quán quân. Đúng ngày hôm đó, có mấy học viên đến thăm tôi. Họ đồng thanh yêu cầu tôi đoán quẻ. Theo thời gian khai mạc trận đấu, lập được quẻ Đại hữu của quẻ Đỉnh



Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 7
Giáp Thân

ngày 13
Kỷ Ty

giờ Dậu
Quý Dậu

Căn cứ tượng quẻ mọi người đều bàn tán xôn xao. Có người nói : Quẻ Đỉnh, quẻ thượng là ly hỏa, là quẻ thể, tuy ở bệnh địa, nhưng lâm nhật kiến ty hỏa; còn quẻ hạ là tổn mộc, là quẻ dụng, là đội bóng chuyên nữ Liên Xô tuyệt ở nguyệt kiến, bệnh ở nhật kiến. Cả hai quẻ thượng hạ tuy đều không ở vượng địa, nhưng mộc sinh hỏa, tức là dụng sinh thể, còn ở quẻ biến lại là thể khắc dụng. Theo nghĩa đó họ cho rằng : đội nữ Trung Quốc chắc chắn sẽ giành quán quân.

Riêng cô Thiệu Hồng đứng một phe. Cô ta nói : theo tượng quẻ mà nói thì quẻ thể và quẻ dụng sinh khắc nhau nên mọi người nói đều đúng. Nhưng theo quẻ chủ thì đội Liên Xô ở thế bất lợi, còn theo quẻ biến ly hỏa là đội Trung Quốc, càn kim là đội Liên Xô. Ly bệnh ở nguyệt kiến, còn càn kim thì vượng ở nguyệt kiến, trường sinh ở nhật kiến, là hỏa bệnh khó khắc kim vượng. Hơn nữa càn là đầu, đầu là thứ nhất. Do đó đội Liên Xô nhất định quán quân. Nếu mọi người không tin thì chờ xem kết quả.

Về sau quả nhiên đội Liên Xô giành được quán quân.

Ví dụ 6. Đội bóng chuyên nam Trung Quốc nhất định thắng.

Sáng này 17 tháng 8/1990, ông Từ, người vừa mới bắt đầu học Kinh dịch đem đến cho tôi tượng quẻ mà ông gieo về đội bóng chuyên nam Trung Quốc và đội bóng chuyên nam Triều Tiên. Đó là quẻ Khiêm của quẻ Minh di



Năm 1990
Canh Ngọ

tháng 8
Ất Dậu

ngày 17
Quý Dậu

giờ Tuất
Nhâm Tuất

Lập quẻ xong ông nói với tôi trận đấu bóng chuyên này đội nam ta nhất định thắng. Tôi hỏi lại ông ta, lý do đội ta thắng, đội Triều Tiên thua ở chỗ nào, ông thử cắt nghĩa xem. Ông giải thích : quẻ minh di, quẻ thượng khôn là quẻ thể, là đội ta. khôn thổ vượng ở tháng 8 là đội ta có lợi, quẻ hạ là ly hỏa, là quẻ dụng, là đội nam Triều Tiên. Ly hỏa ở tháng 8 là đất tù, tức hỏa không vượng. Hỏa lại động đến sinh cho quẻ thể khôn thổ, đó là tượng họ ở thế bất lợi. Do đó đội ta nhất định thắng. Tôi nghe xong cảm thấy một người mới học mà đã có tiến bộ như thế thì rất phấn khởi. Về sau quả nhiên đội bóng chuyên nam Trung Quốc đã giành thắng lợi.

II – DỰ ĐOÁN VỀ BÓNG ĐÁ

Tôi xưa nay không có duyên với bóng đá, thứ nhất là không hiểu, thứ hai chú tâm vào nghiên cứu, không có thời gian quan tâm đến bóng đá. Khi vì nhu cầu mà dự đoán về bóng đá thì cũng chỉ là người ngoại đạo mà thôi. Song vì để dự đoán về bóng đá, tôi đã bỏ ra rất nhiều công sức để cố gắng dự đoán cho chính xác.

Ví dụ 1. Lời dự đoán gây tiếng vang cả trong và ngoài nước.

Ngày 9 tháng 3, (tức ngày 2 tháng hai âm lịch) năm 1989 các ký giả của báo, tạp chí, đài phát thanh, đài truyền hình của thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông đều tập trung đầy đủ ở cuộc tọa đàm tổ chức tại khách sạn Việt Tú ở Quảng Châu. Họ mời tôi giới thiệu về tính khoa học của dự đoán theo bát quái và phong trào nghiên cứu Chu dịch trong nước. Họ muốn để cho độc giả toàn quốc nhận thức được rõ hơn về tính khoa học và sự quan trọng của dự đoán theo bát quái, nên đã đặt ra một đề bài là nhờ tôi đoán ngay tại cuộc tọa đàm về trận đấu bóng đá của đội tuyển Trung Quốc với đội tuyển I-ran ở vòng ngoài của Cúp bóng đá thế giới năm 1990, sẽ xảy ra vào tháng 6 năm nay, xem ai thắng ai thua.

Ngày mậu thìn, tháng đinh mão, lắc được quẻ Thủy địa tỷ.

QUẺ : THỦY ĐỊA TỶ

Thê tài tỷ thủy.. ứng

Huynh đệ tuất thổ.

Tử tôn thân kim..

Quan quỷ mao mộc.. thế

Phụ mẫu ty hỏa..

Huynh đệ mùi thổ..

Tôi đưa ra thể dự đoán theo sáu hào, xem qua tượng quẻ, tượng hào rồi nói với các ký giả : Trận đấu của tháng 6 giữa đội bóng đá ta với đội I-ran, nếu điểm cả hai trận cộng lại thì nhất định đội ta chuyển bại thành thắng.

Tiếp theo đó, báo Cửa sổ Nam phong của Quảng Châu, công bố ngay kết quả dự đoán của tôi và bình luận thêm rằng mong độc giả chú ý theo dõi.

Sau khi công bố dự đoán, không ít chuyên gia, học giả những người mê bóng đá đều hỏi rằng : thầy có thích bóng đá không, thầy có biết được trình độ đội bóng của ta không. Họ nói : Đội bóng đá Trung Quốc xưa nay chưa hề thắng được đội I-ran, vậy tôi căn cứ vào đâu mà đoán đội Trung Quốc thắng. Tôi trả lời : Tôi tuy không thích bóng đá, cũng không hiểu trình độ bóng đá nước ta. Tôi hoàn toàn chỉ căn cứ vào tượng quẻ mà kết luận. Rất nhiều người xưa nay sùng bái tôi hoặc đồng nghiệp, hoặc bạn bè đều lo lắng cho tôi. Chờ 134 ngày, tức đến ngày 20 tháng 6 âm lịch, tổng số điểm của hai trận đấu

đã rõ ràng, quả nhiên là đội Trung Quốc đã chuyển bại thành thắng. Kết quả hoàn toàn phù hợp với lời dự đoán đã đưa ra cách đó hơn 4 tháng.

Dùng bát quái dự đoán bóng đá : đăng công khai trên báo lời dự đoán kết quả, đó không chỉ là lần đầu trong lịch sử Trung Quốc, mà e rằng cũng là lần đầu trong lịch sử thế giới. nhất là từ năm 1949 đến nay được báo chí nước ta công khai đăng kết quả dùng bát quái dự đoán càng không dễ.

Sự kiện đội tuyển bóng đá trung Quốc thắng đội tuyển I-ran đã gây sự chú ý cho mọi người, cho nên việc công khai đăng tin tôi dự đoán kết quả bóng đá ở trên báo lại càng gây nên sự chú ý và coi trọng của độc giả trong và ngoài nước. Sau khi trận đấu kết thúc, tôi nhận được rất nhiều thư gửi đến của độc giả mọi miền trong nước. Có thư nói : Về sau thầy không nên dự đoán như thế nữa, cả nhà tôi đều vì mong kết quả dự đoán có ứng nghiệm hay không mà căng thẳng đến toát mồ hôi lạnh, gần như sắp bị bệnh tim. Cho đến khi kết quả dự đoán của thầy ứng nghiệm, tim chúng tôi mới bình tĩnh trở lại.

Sau khi kết quả dự đoán ứng nghiệm, có những đồng nghiệp và các chuyên gia, học giả ở Hồng Kông hỏi tôi đã lập quẻ gì. Tôi trả lời là : quẻ Thủy địa tỷ có sáu hào tĩnh. Hỏi lại nói theo tượng quẻ mà nói, thì đội bóng đá Trung Quốc nhất định thắng lợi, vì sao thầy lại bảo là chuyển cục diện từ bại sang thắng. Về sau tôi từ tượng quẻ và sáu hào giải thích cho họ hiểu. Họ đều ca ngợi : Tuyệt là ở chỗ chuyển bại thành thắng, kỳ diệu, thần kỳ cũng là ở chỗ thấy được chuyển bại thành thắng. Có độc giả còn nói kết quả dùng bát quái dự đoán kết quả bóng đá được ứng nghiệm, đã có sức thuyết phục mọi người về tính khoa học của bát quái rất lớn.

Giải : Tỷ là quẻ của cung khôn, theo thủy, thổ trường sinh ở thân, quẻ thượng của tỷ là khâm, quẻ hạ là khôn đều từ ở nguyệt kiến. Quẻ tỷ không có hào động, lấy quẻ hạ có hào thế là khôn thổ làm quẻ thể, là đội tuyển bóng đá Trung Quốc; quẻ thượng có hào ứng là khâm thủy làm quẻ dụng là đội tuyển I-ran. Cả hai quẻ khôn và khâm đều từ ở nguyệt kiến, nhưng khâm bị nhật kiến thì thổ khắc lại nhập mộ, quẻ hạ khôn lâm nhật vượng địa là quẻ thể khắc quẻ dụng, cho nên đội tuyển Trung Quốc chiếm ưu thế.

Trận đấu diễn ra vào tháng 6 là tháng mùi, quẻ khôn thể là đội Trung Quốc lâm nguyệt kiến vượng địa, còn quẻ dụng khâm thủy lâm đất hưu tù mà bị nguyệt kiến khắc, cho nên đó là tượng Trung Quốc thắng, I-ran thua.

Trận đấu lượt đi diễn ra ở Thẩm Dương Trung Quốc. Đầu tiên đội Trung Quốc bị ép, 25 phút sau mới từ bị động chuyển thành chủ động, vào liền hai quả, giành được thắng lợi ở trận đầu.

Trận thứ 2 đấu ở Iran. Iran ở phía tây trung Quốc, phía tây Bắc Kinh, là đất kim vượng. Đội Trung Quốc khôn thổ đến đất kim vượng, có thổ sinh


kim nên bị xỉ hơi bất lợi. Còn đội I-ran là khảm thủy, ở miền tây là đất của kim, có lợi thể kim sinh thủy cho nên đội Iran có lợi.

Theo sáu hào mà nói, hào thể quan quý mao mộc là đội trung Quốc, hào ứng thể tài tý thủy là đội Iran, nhưng mộc mộ ở tháng mùi, còn thủy tù ở tháng mùi, tức là hào thể và hào ứng đều không vượng, cũng là bất lợi cho đội Trung Quốc. Đội Iran hào ứng tý thủy tuy tù ở nguyệt kiến, nhưng được kim của phương tây sinh cho thủy nên có lợi hơn Trung Quốc. Đội Trung Quốc mao mộc mộ ở nguyệt kiến lại còn bị kim phương tây khắc, đã thế lại còn gặp tý, mao tương hình nên càng không lợi. Do đó tôi nói : quẻ thể bị xỉ hơi, hào thể mao mộc bị khắc, còn khảm thì được sinh, hào ứng tý thủy được sinh là có lợi, nên đội Trung Quốc tất sẽ thua trận thứ hai. Kết quả trận đấu là Iran thắng 3-2. Tóm lại tổng cả hai trận thì ta vẫn còn thừa một quả.

Vì theo đại tượng của bát quái là đội Trung Quốc khắc đội Iran, còn theo sáu hào tuy có tý hình mao, nhưng trong hình có sinh, hào ứng tý thủy là đội Iran sinh cho hào thể mao mộc là đội Trung Quốc, cho nên đội trung Quốc có tiềm lực có cơ hội để phản kích, bại không nản, trầm tĩnh đồng tâm anh dũng, khéo léo cuối cùng thắng liền hai quả tức là vượt hơn một quả. Rút cuộc cộng cả hai trận lại, đội Trung Quốc đã chuyển bại thành thắng.

Ví dụ 2. Đội bóng đá Hà Lan tất thắng.

9 giờ sáng ngày 25 tháng 6 năm 1989 có mấy người bạn biết tôi từ Quảng Châu mới trở về, đến thăm. Trong câu chuyện họ nói 10 giờ sáng nay đội tuyển bóng đá Trung Quốc sẽ đấu với đội Hà Lan, nhờ tôi đoán xem kết

quả ra sao. Được quẻ Càn của quẻ Đại hữu 

Năm 1989	tháng 5	ngày 24	giờ Tý
Kỷ Tỵ	Canh Ngọ	Mậu Ngọ	Đinh Tỵ

Lập xong tượng quẻ tôi nói : Đội Hà Lan thực lực hùng hậu, đội ta quá yếu nên Hà Lan chắc chắn sẽ thắng.

Giải : Quẻ đại hữu quẻ hạ là càn kim, là quẻ dụng, là đội Trung Quốc. Trong tứ trụ toàn là đất hỏa, còn quẻ thể yếu tức là thể lực yếu, kỹ thuật yếu là tượng chắc chắn sẽ thua. Quẻ thượng là ly hỏa, là quẻ dụng của đội Hà Lan làm đất hỏa vượng địa, là sức khỏe tốt, kỹ thuật cao, là tượng thắng. Kết quả thực tế đúng thế.

Ví dụ 3. Đội ta nhất định thắng đội Thái Lan.

Ngày 27-6-1989 diễn ra trận đấu giữa đội bóng đá Trung Quốc và đội Thái Lan. Đoán xem ai thắng, ai thua ? Ngày canh dần, tháng tân mùi gieo được quẻ Đại hữu của quẻ Gia nhân.

QUÊ CHỦ : GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.
 Tử tôn ty hỏa O ứng
 Thê tài mùi thổ x
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sữu thổ x thê
 Huynh đệ mao mộc.

QUÊ BIẾN : ĐẠI HỮU

Tử tôn ty hỏa. ứng
 Thê tài mùi thổ..
 Quan quý dậu kim.
 Thê tài thìn thổ. thê
 Huynh đệ dần mộc.
 Phụ mẫu tý thủy.

Tượng quẻ đã rõ, tôi nói : Đội ta nhất định thắng ! Kết quả đúng như dự đoán.

Giải : Trong quẻ Gia nhân, hào thê tài sữu thổ là đội Trung Quốc, hào tử tôn ty hỏa là đội Thái Lan. Sữu thổ tuy lâm nguyệt phá, nhật khắc nhưng may nhờ có nhật kiến dần mộc mộ ở nguyệt kiến, sữu thổ bị phá lại được hào năm quân vương tử tôn ty hỏa là phúc thần lâm thái tuế động mà sinh cho, đó gọi là thái tuế sinh cho hào thê, nên thuận lợi tăng tiến, là tượng đại hỷ.

Hào ứng tử tôn ty hỏa là đội Thái Lan. Ty hỏa tuy trực thái tuế, lại được nhật kiến trợ giúp vốn là có lợi, nhưng thái tuế không nên động, lại động mà sinh thổ là xỉ hơi, cho nên ở thế bất lợi.

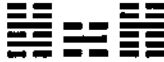
Ví dụ 4. Tây Đức nhất định giành quán quân.


Cúp bóng đá thế giới đã bước vào giai đoạn chung kết. Nhưng ai sẽ giành được quán quân thì đó là điều làm cho cả thế giới chú ý. Không ít chuyên gia nước ngoài cũng đưa ra các dự đoán, đa số đều cho rằng Argentina sẽ giành được quán quân. Kết quả là đội Đức giành được.

Dùng bát quái dự đoán kết quả đá bóng, trước đây chỉ dự đoán cho các trận đấu giữa đội Trung Quốc với đội nước ngoài. Vì vậy thường lấy quẻ thể là đội Trung Quốc, quẻ dụng là đội nước ngoài, hoặc hào thể là đội Trung Quốc, còn hào ứng là đội khác. Còn dự đoán cho hai đội nước ngoài, lấy ai làm quẻ thể, ai quẻ dụng, hoặc ai là hào thể, hào ứng, về vấn đề này vừa không thể tùy ý chọn, lại vừa phải chọn chính xác quẻ thể, quẻ dụng, hào thể, hào ứng. Đó quả thật là vấn đề mới và khó.

Để giải quyết vấn đề này, tôi đã nghiên cứu nhiều phương pháp nhưng đều không lý tưởng. Cuối cùng nghiên cứu ra một phương pháp, tức là dùng cách lập quẻ riêng biệt cho từng đội để dự đoán. Vì lúc đó tôi rất bận nên truyền lại phương pháp này cho đệ tử Chu Đông Mẫn, để cô ta kiểm nghiệm.

Năm 1990	tháng 5 nhuận	ngày 17	giờ Sửu
	(lệnh tháng 6)		
Canh Ngọ	Quý Mùi	Ất Hợi	Đinh Sửu

Đội Argentina được quẻ Dự của quẻ Giải 

Đội Tây Đức được quẻ Đại hữu của quẻ Đỉnh 

Ngày 8 tháng 7 cô Chu căn cứ theo thời gian thi đấu ngày 9 lập nên tượng quẻ cho hai đội rồi đưa tôi xem. Tôi hỏi lại : Theo cô ai sẽ quán quân ? Cô ta khẳng định : Đội Tây Đức. Lúc đó tôi nói với cô Chu và anh Từ rằng : Tây Đức quán quân, hơn nữa là dựa vào quả đá phạt mà thắng.

Kết quả là Tây Đức dựa vào quả đá phạt mà thắng.

Giải : Đội Argentina được quẻ Dự của quẻ Giải. Quẻ giải, quẻ thượng là mộc, là quẻ thể, là đội đó; quẻ hạ là khảm thủy, là quẻ dụng, là đội Tây Đức. Chấn mộc mộ ở nguyệt kiến, được nhật kiến hợp thủy sinh cho, nhưng không nên quẻ hạ khảm thủy hóa thành khôn thổ là khắc trở lại, lại vì chấn mộc nhập mộ tức là thủy tù khó cứu được mộc không rễ, cho nên đội Argentina tất nhiên thất bại.

Đội Tây Đức được quẻ Đại hữu của quẻ Đỉnh. Quẻ đỉnh, quẻ thượng là ly hỏa, là quẻ thể, là Tây Đức; quẻ hạ là tổn mộc, là quẻ dụng, là đội Argentina. Vì mùa hạ thuộc hỏa, tháng sáu có hỏa khí mà đắc địa, nhật kiến hợp thủy rơi vào hưu tù nên không có hại. Hơn nữa quẻ dụng tổn mộc động đến sinh cho quẻ thể. Hai quẻ so với nhau, đương nhiên là Tây Đức có lợi.

Quẻ giải của Argentina, quẻ hạ là khảm hóa thành quẻ khôn khắc trở lại khảm thủy, tức là không có thủy để cứu mộc. Quẻ đỉnh của đội Tây Đức quẻ hạ tổn hỏa thành càn kim khắc trở lại mộc, có nghĩa là kim chặt phá mộc sinh cho hỏa. Cả hai đều hóa khắc trở lại, nhưng ý nghĩa thì trái ngược nhau.

Đoán đội Tây Đức nhờ vào quả đá phạt mà thắng là vì : quẻ đỉnh có quẻ hạ là tổn, tổn là gió, là tức tốc. Hào đầu của tổn là âm, là chân, hào động là càn, càn là mạnh khô. Quẻ hạ tổn biến thành càn khắc trở lại, là đội Argentina tự mình khắc mình.

Chương 12

DỰ ĐOÁN CÁC VIỆC KHÁC

Chương này bàn về dự đoán các việc tương đối quan trọng hơn trong các việc bình thường hàng ngày, nó cũng có giá trị nghiên cứu, nhưng nội dung hơi tản mạn, tập trung thành một chương. Những việc đó không những quan trọng mà còn có giá trị nghiên cứu và có ý nghĩa lịch sử. Ví dụ như : dự đoán ứng nghiệm về "sấm động trời đất", hay "5 mặt trời". Những vấn đề này đã gây ra sự chú ý đối với các chuyên gia, học giả trong và ngoài nước trong Hội nghị quốc tế.

Những ví dụ được đưa ra trong chương này, nhỏ thì như một bức thư, lớn là sấm động cả trời đất, cho dù là nhân tạo hay hiện tượng khác thường xuất hiện trong tự nhiên, đều tiềm chứa những thông tin về việc phát triển biến hóa của sự vật. Chỉ cần chúng ta không bỏ lỡ thời cơ, lập quẻ dự đoán đều có thể tìm thấy những thông tin quý báu bất ngờ. Đối với những việc không lợi và tai họa tự nhiên, sẽ có những biện pháp để phòng trước để giảm nhỏ sự tổn thất không cần thiết; đối với những việc có ích, ta sẽ nỗ lực thực hiện để có thể thuận lợi đạt được mục đích.

I - DỰ ĐOÁN CÁC THÔNG TIN VỀ THƯ TỪ

Các sách cổ bàn về dự đoán các thông tin, thường lấy tên quẻ để xác định có thông tin hay không, gồm có các quẻ : chấn, ly,坎 là chủ về có tin đến. Càn, khôn, đoài, khảm là không có tin tức. Quẻ tốn chủ về thư muốn gửi mà không gửi được. Đó là một loại phương pháp dự đoán. Phương pháp thứ hai là lấy hào phụ mẫu làm thư tín, thông tin. Hào phụ mẫu động, hoặc hào phụ mẫu vượng động mà được sinh là có tin, hoặc có thư đến. Phương pháp thứ ba là lấy hào thể, hào ứng tĩnh hay động để phán đoán tin tức. Hào thể động thì không có tin, hào ứng động là có. Phương pháp thứ tư là 3 hào của quẻ nội đều động là không có tin, 3 hào của quẻ ngoại đều động là có tin. Phương pháp thứ 5 là : lấy sự khắc của tượng quẻ để đoán có tin hay không.

Nhà quân sự lỗi lạc nổi tiếng đời xưa, đại sư bát quái Quỷ Cốc Tử đã phát minh ra cách dùng sáu hào của bát quái để tiến hành phân loại các loại thư tín khác nhau. Phương pháp này đã trải qua mấy nghìn năm, nhưng đến nay vẫn còn giá trị ứng dụng. Thí dụ hào đầu là thư khẩn, hào hai là tin

miệng, hào 3 là thư tín, hào 4 là thư tay, hào 5 là tin mừng, hào 6 là tin lành, tốt.

Năm loại phương pháp dự đoán về thư từ trên đây, tôi phần nhiều dùng hào phụ mẫu, cũng có lúc dùng tên quẻ. Dưới đây xin giới thiệu phương pháp này, để mong rộng rãi độc giả ứng dụng và tham khảo trong nghiên cứu thực tiễn.

Ví dụ 1. Trong vòng 9 ngày tất sẽ nhận được thư.

Ngày 15-1-1984, ông Nhậm và tôi cùng chuyện trò bàn bạc mãi đến nửa đêm. Ông Nhậm nói : Cách đây nửa tháng đã viết thư cho một người bạn, đến nay vẫn chưa thấy thư trả lời. Hỏi lúc nào thì nhận được thư. Được

quẻ Đoài của quẻ Lý .

Năm 1984	tháng 1	ngày 15	giờ Tý
Giáp Tý	Bính Dần	Đinh Hợi	Canh Tý

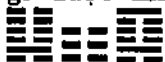
Tôi thấy quẻ ngang hòa hóa thành quẻ ngang hòa thì nói với ông Nhậm : trong vòng 9 ngày nhất định sẽ có thư, có tin vui. Ông nghe xong liền nói : thử chờ 9 ngày nữa xem đúng hay sai.

Giải : Quẻ lý, quẻ thượng là càn kim, quẻ hạ là đoài kim, là quẻ ngang hòa chủ về sự nhanh chóng thuận lợi. Trong quẻ lý, quẻ hổ là quẻ ly, ly chủ về văn bài thư tín. Quẻ biến đoài có nghĩa là cười nói, vui mừng. Hào sáu động là tin lành.

Đoán 9 ngày có thư đến là vì cộng số của quẻ càn, quẻ đoài và hào động được 9. Ví dụ này căn cứ theo sinh khắc của tượng quẻ để đoán thư đến.

Ví dụ 2. Người thứ hai trong số anh em đã quy tiên nhập địa.

Tháng 9/1984, cô Thích ở cơ quan tôi đã hơn nửa năm nay không nhận được thư nhà. Hôm nay nhận được thư rất phấn khởi. Ông Trịnh đang có mặt ở đó nói với tôi : Thấy Thiệu, thấy có thể đoán xem trong thư này nói gì được không ? Tôi nói để thử xem. Được quẻ Mông của quẻ Sư



Năm 1984	tháng 9	ngày 14	giờ Tý
Giáp Tý	Giáp Tuất	Ất Hợi	Tân Tý

Tôi xem qua tượng quẻ thì thấy không tốt, nói với ông Thích : "Ở nhà anh có người đứng hàng thứ hai trong số anh em e rằng đã "quy sơn nhập địa" (chết) ! Ông Trịnh phản đối nói : Thấy không được đoán mò. Ngay lúc đó tôi cầm lấy thư, viết vào phong bì lời tôi dự đoán rồi nói : Các anh thử

bóc thư xem. Ông Thích bóc thư quả nhiên biết được chồng cô em gái không may đã qua đời. Mọi người có mặt ở đó đều trợn mắt, há mồm kinh ngạc.

Giải : Quẻ Sư, quẻ thượng là khôn thổ, là quẻ dụng, lâm nguyệt kiến vương địa; quẻ hạ là khảm thủy, là quẻ thể, bị nguyệt kiến tuất thổ khắc, lại còn bị khôn thổ động đến khắc quẻ biến là cấn thổ khắc khảm thủy. Quẻ chủ thì dụng khắc thể, quẻ biến cũng là dụng khắc thể, nên nhất định là việc xấu.

Khôn là địa, cấn là sơn đều khắc khảm, là người thứ hai trong số anh em quy sơn nhập địa.

Ví dụ 3. Gửi điện đến vay tiền.

Ngày 3-3-1986, tôi đi khám bệnh. Ban cũ của tôi là ông Tăng thấy tôi đến thì nói với mọi người rằng : "ông Thiệu nay nghiên cứu về dự đoán Chu dịch. Sáng hôm qua tôi nhận được một bức điện báo, nếu anh có thể đoán được trong bức điện nói gì, người đánh điện làm nghề gì, thì tôi mới tin bát quái là khoa học". Lập được quẻ Thái của quẻ Thăng.

Năm 1986	tháng 3	ngày 2	giờ Thìn
Bính Dần	Nhâm Thìn	Giáp Thân	Mậu Thìn

QUẾ CHỦ : THĂNG

Quan quý Dậu kim..
Phụ mẫu Hợi thủy..
Thê tài Sửu thổ.. thể
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài Sửu thổ X ứng

QUẾ BIẾN : THÁI

Quan quý Dậu kim.. ứng
Phụ mẫu Hợi thủy..
Thê tài Sửu thổ..
Thê tài Thìn thổ. thể
Huynh đệ Dần mộc.
Phụ mẫu Tý thủy.


Tôi nói với tất cả mọi người rằng : Người này ở ngoài buôn bán đang gặp khó khăn, gửi điện báo về vay tiền ông.

Ông Tăng kinh ngạc nói : Bát quái thần kỳ quá, ông anh tôi có một người quen đang đi buôn bán ở bên ngoài. Vì tiền không đủ, nên đánh điện nhờ tôi gửi thêm.

Giải : Quẻ thăng, quẻ hạ là tốn, là quẻ dụng, là người được lợi ở chợ búa, nhất định đó là người buôn bán. Quẻ tốn biến thành quẻ càn kim khắc trở lại nhất định là vì buôn bán mà gặp khó khăn. Hào đầu của quẻ Thăng là thê tài Sửu thổ, là hào ứng, là người khác, Sửu tài biến thành Tý thủy mà hợp là tài bị người khác hợp mất, tức là tượng thiếu tiền, cho nên đánh điện vay tiền.

Ví dụ 4. Con anh chưa chết, rất nhanh sẽ có thư về.

Ngày 1-11-1988, khi tôi giảng bài ở Nam Kinh, trước khi lên lớp ngày thứ nhất có một học viên họ Vương tâm tình bất ổn lên bục giảng nói với tôi : Thấy Thiệu trước đây một thời gian tôi có chiêm bao thấy con tôi đang lưu học ở Mỹ bị người ta giết chết. Nửa tháng lại đây, tôi ăn không ngon, ngủ không yên, gần như phát điên. Nhờ thầy đoán giúp xem con tôi còn sống nữa không. Tôi thấy sắc mặt có tiểu tụy, quả thực là vì con mà lo sợ, tích thành bệnh tật. Nhưng vì giờ lên lớp đã kể nên vội vàng lập được quẻ Hàm

của quẻ Tiểu quá. 

Năm 1988

tháng 3

ngày 2

giờ Thìn

Mậu Thìn

Nhâm Tuất

Canh Thân

Bính Tuất

Vì đây là lần đầu tôi đến Nam Kinh giảng bài, cô Vương lại hỏi đúng trước lúc lên lớp có đông đủ hàng trăm học viên, đối mặt với trường hợp này như là vào thi trước cung đình, nhưng tôi không do dự. Sau khi lập được tượng quẻ, với lòng tự tin tôi nói với Tổng thư ký Hội nghiên cứu Chu dịch tỉnh Giang Tô và trước bao nhiêu học viên rằng : Cô không nên lo lắng, con cô căn bản không chết. Yên tâm đi, rất nhanh sẽ có thư về.

Cô Vương nghe xong vẫn còn bán tin bán nghi, nhưng dù sao về mặt tinh thần cũng có được an ủi. Trên khuôn mặt cũng đã có nét cười thâm, đồng thời lúc đó từ phía dưới bàn học tôi cũng nghe thấy có học viên nói rằng : bát quái dự đoán sao có thể nhanh như thế được, đơn giản đến mức chỉ dùng ngón tay vạch vạch mấy cái là đoán ra sự việc, khéo mà lại là tên bịp giang hồ ! Lại có mấy học viên khác chỉ vào học viên kia nói : Anh không nên vội vàng kết luận như thế. Cứ chờ xem thầy đoán lần này có ứng nghiệm không rồi kết luận cũng không muộn.

Ngày hôm sau trước khi lên lớp, tôi vừa lên bục giảng thì đã thấy cô Vương hôm qua nhờ đoán chờ sẵn ở đó. Vừa nhìn thấy tôi, trước mặt lãnh đạo và tất cả học viên cô Vương vui mừng nói : Vô cùng cảm ơn thầy. Bát quái thật đúng như thần. Con tôi, 12 giờ đêm hôm qua đã từ Mỹ gọi điện thoại đường dài về nói rằng cháu rất tốt, quả nhiên là bình an vô sự. Mọi người nghe xong đều thừa nhận lần dự đoán tại chỗ này rất nhanh, rất ứng nghiệm và cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Có người vốn không định báo tên học, nhưng thấy thế cũng báo tên xin học.

Giải : Quẻ Tiểu quá, quẻ thượng là chấn, quẻ hạ là坎, chấn,坎 là quẻ chủ về tin tức, quẻ tiểu quá có tượng con chim, hào đầu hào hai, hào năm, hào thượng là 4 hào âm, là cánh chim. Ngày xưa chim là loài vật đưa thư. Nó có thể bay qua sông núi, nhanh hơn người, cho nên nói rất nhanh sẽ có thư. Đang đêm có điện thoại là vì chấn là điện. Lời quẻ tiểu quá nói :

đại cát. Quẻ chủ lại biến thành quẻ hàm, đó là tượng người chưa chết, bình an vô sự.

Ví dụ 5. Tự đoán thư và bài báo gửi cho Hội Dịch học Trung Hoa ở Đài Loan có được đăng không.

Ngày 12-1-1990, tôi gửi cho Tạp chí hàng tháng của Hội Dịch học Trung Hoa Đài Loan 1 bức thư và 2 bài báo. Người nhà nói với tôi : Thấy thử đoán trước rồi hãy gửi xem có được họ quan tâm không, có an toàn không, nếu không thì lại chước lấy phiền phức. Tôi thấy có lý, bèn gieo được quẻ Hằng của quẻ Đại hữu (ngày quý Mão, tháng Mậu Dần).

QUẺ CHỦ : ĐẠI HỮU

Quan quý tỵ hỏa O ứng
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Phụ mẫu Thìn thổ. thế
Thê tài dần mộc.
Tử tôn tỵ thủy O

QUẺ BIẾN : HẰNG

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
Huynh đệ thân kim..
Quan quý ngọ hỏa.
Huynh đệ dậu kim. thế
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu Sửu thổ..

LỤC THẦN

Bạch hổ
Phi xà
Cầu trăn
Chu tước
Thanh long
Huyền vũ

Tôi xem xong tượng quẻ và tượng hào rất phấn khởi. Thư và bài báo của tôi sau khi gửi đi nhất định sẽ đạt được mục đích, hơn nữa còn có hy vọng được đăng trong tháng 2, nên đã gửi đi ngay. Quả nhiên Tạp chí "Trung Hoa Dịch học" sau khi nhận được thư tôi, không những đăng toàn văn bức thư trong Tạp chí số 121, đồng thời còn đăng công khai bức thư của Tổng biên tập gửi cho tôi và quyết định đăng hai bài báo của tôi. Thư và các bài báo của tôi đều đã được coi trọng đúng mức.

Giải : Lời từ của quẻ Đại hữu có câu : "Đại hữu, nguyên hanh". Có nghĩa là : sự nghiệp lớn và có thành đạt lớn.

Quẻ đại hữu, quẻ thượng là ly, là mặt trời, quẻ hạ là càn, là ngày. Mặt trời ở trên trời chiếu khắp thiên hạ là tượng quang minh chính đại. Ly là văn, lâm nguyệt, nhật kiến dần Mão mộc mà vượng và hóa thành chấn mộc sinh trở lại, là tượng mộc hỏa liên thông và sáng sủa.

Hào phụ mẫu Thìn thổ văn thư trì thế, hào ứng quan quý tỵ hỏa động đến sinh cho. Thìn thổ tuy rơi vào tuần không nhưng có hào động sinh cho nên không còn là tuần không nữa. Tỵ hỏa cũng rơi vào tuần không, lâm nguyệt, nhật vượng địa nên cũng không tuần không nữa. Hơn nữa ngày mai là Thìn tỵ xuất không, càng là tượng có lợi.

Chu tước lâm hào thế, lâm văn thư sinh cho hào thế cũng là tượng có tin mừng về mặt văn thư.

Hào thể tài dẫn một lâm đất để vượng mà sinh cho quan tinh, quan tinh sinh cho hào thể là tương sinh liên tục. Cho nên tháng 2 dâng thư của tôi, tháng 8 đến tháng 10 lại liên tục đăng các bài báo của tôi "Biết tượng thì lý đã ở trong đó" theo sách "Bát quái và dự đoán động đất".

Ví dụ 6. Tự đoán mộng xuất bản được hai cuốn sách.

Ngày 13-4-1990, khi tôi đến Quảng Châu giảng bài, đêm đó trong giấc ngủ chiêm bao thấy có 1 người đưa cho tôi một cuốn sách bìa màu đen, nói là cuốn Chu dịch dự đoán học của tôi đã được xuất bản. Tôi mừng rỡ mà tỉnh dậy, nhìn vào đồng hồ thấy hơn 1 giờ đêm, sau đó ngủ lại và lại chiêm bao thấy có 1 người đem đến cho tôi 1 cuốn sách bìa màu đỏ, nói đó là cuốn sách của tôi xuất bản đã được phát hành. Tôi nói : lạ quá vừa rồi mới đem đến 1 quyển, bây giờ lại đem đến quyển nữa, tại sao có hai nơi xuất bản sách của tôi. Vì mừng quá nên lại tỉnh giấc.

Ngày hôm sau, tôi đem chuyện chiêm bao nói với Hiệu trưởng Hoàng Bình Phương và Thiệu Yến biết. Họ bảo : Thầy thử lập quẻ đoán xem có phải là có Nhà xuất bản muốn liên hệ với thầy để ra sách, xem khi nào có thể xuất bản được. Tôi theo màu sắc của hai bìa sách lập được quẻ Truân của quẻ Ký tế (ngày mậu thân, tháng canh Thìn).



Căn cứ tượng quẻ tôi nói với Hiệu trưởng Hoàng Bình Phương rằng : Sách của tôi có thể được hai Nhà xuất bản in. Một nhà ở phía bắc Quảng Châu, một nhà ở phía nam Quảng Châu. Đầu tiên ở phía bắc xuất bản cuốn sách bìa đen, thời gian vào trước cuối tháng 5 âm lịch năm nay. Cuốn ở phía bìa đỏ lẫn màu vàng sẽ xuất bản vào tháng 10 và tháng 11 âm lịch năm nay.

Kết quả tối ngày 14 nhận được điện thoại nói là Nhà xuất bản văn nghệ Hoa Sơn của thành phố Thạch Gia Trang tỉnh Hà Bắc muốn xuất bản sách của tôi. Tiếp sau đó lại có nhân sĩ người Hồng Kông cử người đến gặp tôi để xuất bản sách. Bà Hoàng hiệu trưởng rất quan tâm đến việc xuất bản sách của tôi. Bà đã mời hai người khác thăm dò về việc này. Người nhà xuất bản đến nói : hai nơi đều có thể xuất bản. Ở Hồng Kông xuất bản trước, Hà Bắc xuất bản sau. Tôi nói với bà Hiệu trưởng : Tôi vẫn kiên trì bảo lưu kết quả dự đoán của tôi là chính xác.

Về sau, nhà xuất bản Hoa Sơn Hà Bắc đúng ngày 3 tháng 5 đã xuất bản và phát hành cuốn Chu dịch dự đoán học của tôi, bìa sách màu đen. Còn ở Hồng Kông thì tháng 11 âm lịch xuất bản cuốn bìa sách trong màu vàng có màu đỏ.

Giải : Quẻ ký tế, quẻ thượng là khảm thủy, là phương bắc, là màu đen; quẻ hạ là ly hỏa, là phương nam, là màu vàng đỏ. Cho nên Thạch Gia Trang


của tỉnh Hà Bắc ở phía bắc Quảng Châu, sách xuất bản ở đó bìa màu đen, còn Hồng Kông ở phía nam Quảng Châu, vì sách sắp xuất bản, nên chưa biết bìa màu gì.

Đoán phương bắc xuất bản trước là vì : thứ nhất, khảm là quẻ thể khắc quẻ dụng, thứ hai là dựa vào quẻ Lý Thuận Phong đoán hai ngựa 1 đen, 1 đỏ xuống sông tắm, con nào tắm trước.

Phương bắc, tháng 5 xuất bản là vì : khảm ứng ngôi tỵ, năm nay ngũ hỏa là thái tuế, có tỵ ngũ tương xung, vì ngũ hỏa thái tuế ở tháng ngũ là thái tuế đương quyền được lệnh, xung mất tỵ thủy. Hồng Kông tháng 10 và tháng 11 xuất bản là vì lý hóa chấn, chấn mộc vượng ở tháng hợp tỵ.

Ví dụ 7. Phiếu báo nhận bưu kiện trong đó gửi vật gì.

Tối ngày 28-03-1990, khi tôi giảng bài ở Quảng Châu vừa tan lớp, bà hiệu trưởng Hoàng Bình Phương đưa cho tôi một phiếu báo bưu điện về nhận quà bưu phẩm, có học viên hỏi : Thầy Thiệu, ai gửi cho thầy cái gì đấy. Tôi nói : tôi cũng không rõ. Học viên đó lại nói : có thể đoán được trong bưu kiện là gì không. Tôi nghĩ : có thể đoán được nó thuộc về loại gì.

Lúc đó tôi về nhà Thiệu Yến, căn cứ theo giờ nhận được phiếu báo lập được quẻ Truân của quẻ Tiết .

Năm 1990	tháng 3	Ngày 28	giờ Hợi
Canh Ngọ	Canh Thìn	Mậu Ngọ	Quý Hợi

Căn cứ tượng quẻ biểu thị vật gì, tôi đoán :

1. Vật trong bưu kiện màu đỏ và mềm, loại thư từ tài liệu.
2. Trên bọc gói hoặc trong bọc gói có vật màu vàng, màu đen, màu trắng, màu xanh, màu vàng nhũ.
3. Trong bọc có thư và tài liệu.

Ngày hôm sau Hoàng Yến nhận bưu phẩm về, mở ra xem thì đúng như dự đoán.

Giải : Quẻ tiết và quẻ truân đều là tượng quẻ đại lý. Lý là màu hồng, là tài liệu. Trong tượng quẻ lý có quẻ khôn, khôn là vật mềm, phù hợp với Hợi nghiên cứu dịch học Thượng Hải gửi thư cho tôi mời làm cố vấn. Bên ngoài là miếng vải bọc bằng lụa mềm.

Quẻ tiết, quẻ thượng là khảm, là màu đen, nên đoán tài liệu trong bưu kiện dùng mực màu đen viết; trong quẻ hổ thấy quẻ cần, và quẻ khôn là màu vàng, nên đoán tài liệu đó dùng giấy màu vàng da bò gói; đoài là màu trắng, chấn là màu lục nên đoán trên bưu kiện có màu xanh và màu trắng; cần thổ là màu vàng, đoài là kim cũng là màu vàng. Do đó chữ viết trên vải bọc màu hồng và chữ trên bìa tài liệu đều là màu vàng.


Trong tài liệu có thư của Hội nghiên cứu dịch học Thượng Hải trên đây có đóng dấu. Điều đó ứng với quẻ ly đại. Vì trong quẻ có hai tượng quẻ ly cho nên nhất định là thư từ, tài liệu.

Sau khi chúng tôi mở xem các vật trong bưu kiện rồi căn cứ số của quẻ là 31, cân lại bưu kiện thì được 3,1 lạng, diện tích là 29,76 cm². So với số 31 có một ít sai số là vì dùng thước đo không được chính xác lắm.

Ví dụ 8. Lại đoán phiếu nhận bưu kiện xem sẽ nhận vật gì.

Tháng 4 năm 1990, buổi tối sau khi giảng bài xong tôi lại nhận được một phiếu báo nhận bưu kiện. Hiệu trưởng Hoàng Bình Phương bảo tôi: "Thầy Thiệu, thầy lại đoán xem phiếu báo lần này là họ gửi vật gì".

Năm 1990	tháng 4 (lệnh tháng 3)	Ngày 4	Giờ Hợi
Canh Ngọ	Canh Thìn	Quý Hợi	Quý Hợi

được quẻ Di của quẻ Bôn 

Vì đã đoán lần trước, nên lần này không đến nỗi khó khăn lắm. Tôi viết kết quả dự đoán lên tờ giấy.

1. Mặt ngoài gói bưu kiện có màu vàng, màu đỏ, màu xanh, trên giấy bên trong bưu kiện cũng có màu đỏ.

2. Trọng lượng khoảng 3,4 g.

3. Có việc cần đến tôi.

Hôm sau Thiệu Yển giúp tôi đi nhận bưu kiện. Kết quả là một bức thư. Tôi bóc thư trước mặt mọi người, mọi điều hoàn toàn giống như dự đoán.

Giải : Quẻ Bôn có hai tượng quẻ Ly, quẻ Ly thượng là phong bì, quẻ ly hạ là quẻ nội, nên là thư. Ngoài phong bì là màu vàng có chữ đỏ của đơn vị có tài khoản, còn tem màu xanh. Thư bên trong màu đỏ là nội dung thư và kẻ hàng. Trọng lượng 3,4 g, đáng lẽ là số của toàn quẻ còn phải cộng thêm số hào động. Có việc cần đến tôi vì đó là theo nghĩa của quẻ Di.

Để chứng minh tính khoa học của bát quái, khi tôi giảng bài ở Quảng Châu và trong các báo cáo học thuật, đều đưa những kết quả dự đoán được ghi lại trên giấy và các vật trong bưu kiện của hai trường hợp này để làm chứng vật cho đồng đạo học viên và những người yêu thích. Mọi người đều cảm thấy sự kỳ diệu và các nguyên lý sâu xa của bát quái.

Ví dụ 9. Dự đoán xem Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa Sơn khi nào gửi thư đến.

Ngày 28 tháng 3 năm 1990, Tổng biên tập Nhà xuất bản Văn nghệ Hoa Sơn, Hà Bắc là Trương Chí Xuân đến Quảng Châu để tận tay lấy được bản thảo của tôi. Mười ngày hôm sau vẫn chưa thấy thư trả lời. Để biết được công

việc sẽ triển khai ra sao, tôi đã đoán quẻ để biết khi nào họ gửi thư hồi âm. Được quẻ Đồng nhân của quẻ Tỳ (ngày Mậu thìn, tháng Canh thìn).

QUẺ CHỦ : TỖY

Thê tài mùi thổ x ứng
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy.
Thê tài thìn thổ x thê
Huynh đệ dần mộc..
Phụ mẫu Tý thủy.

QUẺ BIẾN : ĐỒNG NHÂN

Thê tài tuất thổ. ứng
Quan quý thân kim.
Tử tôn Ngọ hỏa.
Phụ mẫu Hợi thủy. thê
Thê tài Sửu thổ..
Huynh đệ Mão mộc.

Căn cứ tình hình quẻ chủ, quẻ biến, dụng thần bị khắc, tôi đoán những ngày tới gần đây không có thư. Nhưng từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 4 đều có thư đến, mà trong đó thư của Nhà xuất bản Hoa Sơn đến trước.

Quả nhiên ngày 14, tôi nhận được thư của Trương Chí Xuân, Nhà xuất bản Hoa Sơn, ngày 15 nhận được điện báo của Tây An và Thành Đô, ngày 16 nhận được thư của Trần Viên từ Thượng Hải gửi đến.

Giải : Dự đoán về thư từ lấy hào phụ mẫu làm dụng thần. Nay hào phụ mẫu Hợi, Tý thủy ba lần xuất hiện, mộ ở nguyệt, nhật kiến, lại bị hào động thìn thổ khắc là điềm không có thư.

Hào phụ mẫu ba lần hiện là không chỉ có một thư. Phụ mẫu Tý thủy là phương Bắc, tức tỉnh Hà Bắc ở phía Bắc Quảng Châu, Tý thủy lại không tuần không, ngày 13, 14 là nhật kiến thân Dậu, Tý thủy lâm trường sinh để vượng là chủ về có thư đến. Sau thư Hoa Sơn chính là ngày Dậu.


Trong quẻ hào phụ mẫu Hợi thủy hai lần hiện, vừa nhập mộ vừa bị khắc, lại tuần không cho nên phải chờ ngày xuất không, xung mất mộ mới có thư đến. 15 là ngày giáp tuất, Hợi thủy xuất không, hơn nữa tuất thổ xung mất mộ kho, thìn thổ giải phóng Hợi thủy, do đó ngày 15 nhận được hai bức điện báo. Ngày 16 phụ mẫu Hợi thủy lâm nhật kiến, cho nên nhận được một bức thư. Như thế gọi là ngày xuất không thì có thư đến bởi vì khi Hợi thủy đang tuần không thì không nhận được thân Dậu sinh cho, chỉ có sau khi xuất không mới được sinh.

II – DỰ ĐOÁN VIỆC LINH TINH

"Dự đoán việc linh tinh", tuy đó là những việc tán mạn, nhưng những việc dự đoán đều có đặc điểm riêng, trong phương pháp đoán quẻ cũng có những chỗ khác nhau. Dưới đây xin đưa ra một số ví dụ để đáp ứng nhu cầu độc giả.

Ví dụ 1. Hối hận vì quan hệ nam nữ.

Tháng 8 năm 1984, ông Nhậm ở cơ quan tôi đến tìm tôi dự đoán, được

quẻ Tụng ở quẻ Khốn 

Năm 1984	Tháng 8 (lệnh tháng 7)	Ngày 9	Giờ Hợi
Giáp Tý	Nhâm Thân	Tân Sửu	Kỷ Hợi

Sau khi lập xong tượng quẻ, tôi hỏi ông Nhậm đoán việc gì. Ông Nhậm thăm dò hỏi lại : "Thầy Thiệu, nghe nói bát quái có thể đoán được muốn hỏi việc gì cơ mà ? Thầy thử đoán xem tôi định hỏi việc gì ?" "Ông có việc hối hận". "Về mặt nào" ? Tôi nói : vì ông có quan hệ nam nữ bất chính mà cảm thấy hối hận. Ông Nhậm nói : đúng đấy ! Có một người quả phụ cứ bám lấy tôi, tôi không thể thoát được, vì áy náy sự việc phát triển xấu, nên nhờ thầy xem cho cần làm sao ?

Giải : Quẻ Khốn, hào sáu là hào động, lời từ nói : "Vì nể nang, nên áy náy, có hối hận là tốt". Điều đó chứng tỏ rằng ông Nhậm đang có việc hối hận. Làm việc sai, tìm cách cải chính, đó đương nhiên là việc tốt.

Việc hôn nhân nam nữ ở Trung Quốc xưa kia là phối hôn theo quy tắc, tức trưởng nam với trưởng nữ, trung nam với trung nữ, thiếu nam với thiếu nữ. Nay quẻ Khốn, quẻ thượng là đoài, là thiếu nữ, quẻ hạ khảm là trung nam, là trung nam phối với thiếu nữ, đó là sự phối bất chính, rõ ràng là mối quan hệ nam nữ không tương xứng.

Quẻ Khốn biến thành quẻ Tụng, Tụng là cái và kiện tụng. Cho nên tôi bảo ông ta cần giải quyết êm thấm, nếu không sẽ có tai họa. Ông nghe theo lời khuyên của tôi, về sau may bình an vô sự.

Ví dụ 2. Sấm động trời đất.

Giờ tuất ngày 20 tháng 8 năm 1986, đúng là lúc cuối Trung thu, bỗng nhiên nổi lên mưa to gió lớn, sấm động khắp nơi. Đó là điều ít thấy ở phương Bắc, là hiện tượng dị thường. Tôi gieo quẻ đoán xem điềm gì. Được quẻ Mông của quẻ Vị tế.

Năm 1986
Bính Dần

Tháng 8
Đinh Dậu

Ngày 20
Giáp Tuất

Giờ Tuất
Giáp Tuất

QUÊ CHỦ : VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa. ứng
Tử tôn mùi thổ..
Thê tài dậu kim O
Huynh đệ ngọ hỏa.. thế
Tử tôn Thìn thổ.
Phụ mẫu dần mộc..

QUÊ BIẾN : MÔNG

Huynh đệ dần mộc.
Quan quý tý thủy..
Tử tôn tuất thổ.. thế
Huynh đệ ngọ hỏa..
Tử tôn Thìn thổ.
Phụ mẫu dần mộc.. ứng

Những tư liệu lịch sử quý báu về dự đoán thiên tai ở nước Trung Quốc thì "Vô bị chí" là một trong những cuốn sách chuyên về ghi chép những dự đoán các hiện tượng dị thường như sấm sét trong tự nhiên. Về những hiện tượng khác thường đều chứa đựng những thông tin ngoài sự tưởng tượng của con người. Do đó, "sấm động trời đất" đương nhiên cũng là tiêu chí và sự phản ánh của một loại thông tin nào đó.

Vì sấm khắp nơi, nên thông tin của nó vừa có tính quốc gia, vừa liên quan với khu vực. Tôi đoán được :

Lấy Bắc Kinh làm trung tâm, phía Đông Nam và phía Nam Bắc Kinh vào tháng 11 âm lịch sẽ xuất hiện những việc không thuận, quốc gia phải tổn của. Ở khu vực Tây An :

1. Tháng 11 âm lịch năm nay, mặt trăng hoặc mặt trời sẽ có hiện tượng khác thường.

2. Tháng 11 âm lịch năm nay, ở phía nam hoặc đông nam nhà máy tôi sẽ có sự kiện chết người.

Tôi ghi lại tất cả những thông tin dự đoán, ngày hôm sau đưa cho ông Viện, ông Đỗ, ông Sài và một số người khác trong cơ quan tôi xem. Ông Sài nói : bắt đầu từ hôm nay chúng tôi sẽ theo dõi kiểm nghiệm.

Về sau tất cả những điều tôi dự đoán đều ứng nghiệm. Mỗi lần ứng nghiệm, ông Sài đều đến báo và chúc mừng tôi.

Tháng 11 âm lịch, ở Thượng Hải, Nam Kinh, Vũ Hán... sinh viên các dân tộc thiếu số xuống đường biểu tình, ứng với dự đoán Nhà nước gặp việc không thuận và có tổn thất.

Hỏa của ty và ngọ là một âm một dương, tháng 11 âm lịch tý thủy nắm lệnh, gặp điều kỵ là thủy khắc hỏa cho nên mặt trời hoặc mặt trăng có điều dị thường. Kết quả ngày 18 tháng 11 âm lịch, ở Tây An xuất hiện 5 mặt trời.

Báo chí và Đài truyền hình của Thiểm Tây và Tây An đều kịp thời thông báo tin tức đặc biệt này.

Quẻ Vị tể thuộc cung ly. Hào thế và hào ứng của nó đều là hỏa, đều ở tử địa, tháng 11 tý thủy vượng nên khắc hỏa. Ngọ là phía nam, ty là đông nam, ngày 7 tháng 11 ở phương đông nam nhà máy tôi, xe lửa Tây An và ô tô công cộng đâm nhau, chết khá nhiều người, gây nên tổn thất to lớn.

Ví dụ 3. Nhà máy tôi tháng 11 âm lịch tất có họa phá tài.

Ngày 7 tháng 10 năm 1986, ông Ngô, ông Chu, ông Bành... ở nhà máy tôi rất quan tâm đến tình hình sản xuất, yêu cầu tôi đoán cho vận khí của nhà máy sắp tới sẽ ra sao. Ngày giáp thân, tháng đinh dậu được quẻ Kiến của quẻ Ký tể.

QUẺ CHỦ : KÝ TỂ

Huynh đệ tý thủy.. ứng
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim..
Tài ngộ :
Huynh đệ hợi thủy. thế
Quan quý Sửu thổ..
Tử tôn mao mộc O

QUẺ BIẾN : KIẾN

Huynh đệ tý thủy..
Quan quý tuất thổ.
Phụ mẫu thân kim.. thế
Phụ mẫu thân kim..
Thê tài ngộ hỏa.
Quan quý Thìn thổ.. ứng

Lập xong tượng quẻ, tượng hào, tôi ghi ngay lên vở : Nhà máy ta tháng 11 âm lịch năm nay ở phía nam hoặc đông nam có họa phá tài rất lớn.

Về sau ở phía đông nam nhà máy, vì người trông coi bê ghi đường sắt mất chức, nên sáng ngày 7 tháng 11 (tức ngày 8 tháng 12 dương lịch) phát sinh sự kiện tàu hỏa và ô tô đâm nhau chấn động toàn quốc, gây tổn thất kinh tế cho nhà máy mấy chục vạn đồng.

Giải : Hào huynh đệ hợi thủy tri thế, hào ứng cũng là huynh đệ lâm nguyệt, nhật kiến vượng địa, quả là tượng thái quá. Thái quá tất sẽ sinh ra tai họa.

Huynh đệ là họa kiếp tài, phá tài. nay hào thê tài ngộ hỏa phục dưới hào thế huynh đệ, nên chắc chắn là có họa kiếp tài.

Tháng 11 âm lịch là nguyệt kiến tý thủy, đúng là thân kiếp tài huynh đệ hiện hai lần lâm đế vượng mà khắc tài, nên họa phá tài xảy ra vào tháng đó. Ngọ hỏa là phương nam, ty hỏa là đông nam, ngộ hỏa và ty hỏa bị hào thế huynh đệ hợi thủy và nguyệt kiến xung khắc nhau, cho nên phía đông nam nhà máy xảy ra tai họa.

Ví dụ 4. Lũn đâm xe này trách nhiệm thuộc về hai công nhân già.

9 giờ sáng ngày 8 tháng 12 năm 1986, con gái tôi là Thiệu Quân và bạn học từ thành phố về nói : Bố ơi ở Bát phủ Trang thành phố Tây An, 6 giờ 50 phút sáng nay phát sinh sự cố ô tô và tàu hỏa đâm nhau, bây giờ đang có nhiều người cứu chữa ở đó. Tôi nghe xong lập tức gieo quẻ, được quẻ Tốn của quẻ Tiểu súc.

Năm 1986	tháng 11	ngày 7	giờ Mão
Bính Dần	Canh Tý	Bính Tuất	Tân Mão

QUẺ CHỦ : TIỂU SÚC

Huynh đệ mao mộc.
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ.. ứng
Huynh đệ dần mộc.
Huynh đệ dần mộc.
Phụ mẫu ty thủy O thế

QUẺ BIẾN : TỐN

Huynh đệ mao mộc. thế
Tử tôn ty hỏa.
Thê tài mùi thổ..
Quan quý dậu kim. ứng
Phụ mẫu hợp thủy.
Thê tài sừ thổ..

Xem xong quẻ tôi nói với con : Lũn đâm xe này thanh niên và phụ nữ chết khá nhiều. Ít nhất chết 17 người trở lên. Gây ra sự cố là hai công nhân già. Tối hôm đó đài truyền hình tỉnh đưa tin : Chết tại trận 17 người, hơn 70 người bị thương. Gây ra sự cố là hai công nhân già đã về hưu hiện đang bị công an bắt giữ. Ngày hôm sau tờ Nhật báo Thiểm Tây đưa tin cụ thể hơn, trong số 17 người bị chết có 6 nam, 11 nữ.

Giải : Đoán số thanh niên và phụ nữ chết nhiều là vì hào tử tôn ty hỏa ở tử địa bị nguyệt kiến khắc, mộ ở nhật kiến. Quẻ tiểu súc, quẻ thượng là tổn mộc, là phụ nữ, là quẻ thế; quẻ hạ là càn kim, là quẻ dụng khắc tổn mộc, cho nên phụ nữ chết nhiều.

Quẻ tiểu súc quẻ thượng là tổn mộc, còn quẻ hạ là càn kim, là lão nam. Do đó hai công nhân già phụ trách quản hạt của nhà máy tôi bị mất chức vì khi tàu hỏa đến đã không bỏ cần chắn đường, làm cho ô tô đâm vào tàu hỏa.

Ví dụ 5. Trên bầu trời Tây An xuất hiện năm mặt trời.

Vì hiện tượng đồng thời xuất hiện mấy mặt trời trong lịch sử Trung Quốc đều có sử liệu ghi lại, cho dù là nguyên nhân gì tạo thành thì đó cũng là một hiện tượng khác thường. Hiện tượng khác thường xuất hiện sẽ chứa đựng những thông tin bất bình thường.

9 giờ 30 ngày 19 tháng 12 năm 1986, trên bầu trời Đông nam thành phố Tây An đồng thời xuất hiện năm mặt trời. Tôi gieo được quẻ Khôn của quẻ Sư.

Năm 1986	tháng 11	ngày 18	giờ Ty
Bính Dần	Canh Tý	Đinh Dậu	Ất Ty

QUÊ CHỦ : SƯ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Thê tài ngộ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ O
 Tử tôn dần mộc..

QUÊ BIẾN : KHÔN

Phụ mẫu dậu kim.. thế
 Huynh đệ hợp thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.. ứng
 Thê tài tỵ hỏa..
 Quan quý mùi thổ..

LỤC THẦN

Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước

1. Năm 1987 phía tây nam Trung Quốc không những có tranh chấp lãnh thổ, có họa chiến tranh, mà phía tây nam còn có khói lửa của chiến tranh mới.
2. Năm 1987 Trung Quốc có nạn hao tài, nặng nhất là tháng 4, tháng 5.
3. Nhiều thiên tai.
4. Năm 1987 toàn quốc hoặc vùng Thiểm Tây có hạn nặng.
5. Năm 1987 phương tây nam e có nhiều loạn phát sinh, hoặc có những sự kiện gây đổ máu.

Sau một năm tất cả những dự đoán trên đều ứng nghiệm.

Giải : Sư là quê quán sự, có tượng xuất sư. "Một dương thống lĩnh năm âm là tượng đại tướng thống lĩnh ("Chu dịch tân thuật"). Có chiến tranh tất dùng binh, đã xuất quân tất có chiến tranh. Cho nên năm 1987 không những Trung Quốc đánh Việt Nam mà nội bộ Ấn Độ cũng có chiến tranh. Trong quê Sư có quê Khôn, lại biến thành quê Khôn, Khôn có nghĩa là tây nam.

Đoán vận nước tốt hay xấu kỳ nhất là hào huynh đệ và hào quan quý hiện trong quê, vì hai hào này hiện lên thì năm đó nhiều tai họa. Nay hào huynh đệ hợp thủy ở hào năm quân vương, lại hóa thành huynh đệ hợp thủy lâm huyền vũ. Huynh đệ là thần kiếp tài, là họa phá tài, lại lâm nguyệt kiến vượng địa, được nhật kiến sinh cho, cho nên năm 1987 Trung Quốc nhất định có nhiều loạn thiên tai, tổn thất to lớn.


Tình hình thực tế đúng như thế. Trong toàn quốc đều bị hạn ở những mức độ khác nhau, diện tích rất rộng và thời gian rất dài.

Ngày 2, ngày 3 tháng 10 năm 1987, người thiểu số ở Tây Tạng đã xuống đường biểu tình, đòi tự trị, gây nên sự kiện đổ máu.

Ví dụ 6. Bận phân lại nhau.

Ngày 5 tháng 11 năm 1989 khi tôi đang giảng bài ở đại học Tây bắc, Tây An, đệ tử Trần Toàn Nhân nói : "Tối hôm qua sau khi tan lớp, có một vị lãnh đạo gọi điện thoại bảo tôi đến đoán xem 10h30 ông ấy có việc gì". Trần Toàn Nhân căn cứ thời gian lãnh đạo hỏi việc mà lập quẻ.

Năm 1989	tháng 11 (lệnh tháng 10)	ngày 4	giờ Hợi
Kỷ Ty	Ất Hợi	Ất Mùi	Đinh Hợi

Được quẻ Trung phù của quẻ Tiểu súc 

Tôi thấy Trần Toàn Nhân lập xong tượng quẻ thì hỏi anh ta : "Cậu đoán thế nào?". Trần nói : "Quẻ Tiểu súc, quẻ thượng là tổn mộc, là quẻ thể; quẻ hạ là càn kim, là quẻ dụng, tức quẻ dụng khắc quẻ thể. Kim chủ về sát phạt, càn kim động đến khắc quẻ thể, lại biến thành quái kim khắc thể, quái là kinh hoàng, nên tôi nói là có người muốn giết ông ta. Ông ta rất ngạc nhiên và bàng hoàng".

Cậu Trần lại nói : "Ông lãnh đạo đó sau khi nghe xong rất kinh ngạc và luôn mồm nói đúng. Tối hôm qua lúc 10h30 ông ấy về nhà, trên đường đi có một người túm lấy tóc ông ta, kẻ dao vào cổ. Ông ta liền vừa vùng vẫy đẩy ra vừa hô kêu cứu, đối phương bỏ chạy". Ông ta hỏi cậu Trần có biết ai muốn giết ông ta không. Cậu Trần nói : "tôi không biết đoán. Ông ấy yêu cầu cậu Trần đến hỏi tôi. Tôi cũng nghĩ rằng : tổn mộc là quẻ thể, càn động đến khắc, lại biến thành quái kim vẫn là khắc thể, đáng lẽ phải có thương tổn, nhưng vì sao lại vô sự ?

Tôi nói với Trần : khi đoán quẻ nhất định phải kết hợp với lệnh của ngày tháng : càn kim, quái kim tuy khắc thể, nhưng kim của tháng 10 ở bệnh địa vô lực, tổn mộc lại ở đất trường sinh, là quẻ thể vượng nên là tượng bình yên. Cho nên ông đó không bị thương tổn. Quẻ này nếu ở vào tháng 7 tháng 8 thì đã xấu càng thêm xấu.

Tôi nói tiếp : còn muốn biết ai hành hung thì phải xem lời từ của hào động. Lời từ nói : "Vợ chồng bất hòa". Nhưng quan hệ vợ chồng của họ rất tốt, nên nhất định là một người bạn thân nào đó vì bất hòa mà muốn hại lại ông ta.

Về sau cậu Trần nói với tôi : vị lãnh đạo đó có một người bạn vì bất hòa mà thù địch nhau, có khả năng là người đó, hiện đang điều tra về việc này.

Ví dụ 7. Năm 1987 nếu có thai thì khó giữ được.

Ngày 8 tháng 12 năm 1986 cô Khoan ở cơ quan tôi đến nhờ đoán có thai hay không. Ngày bính thìn, tháng tân sửu được quẻ Khôn của quẻ Cấu.

QUÊ CHỦ : CẤU

Phụ mẫu tuất thổ ○
 Huynh đệ thân kim ○
 Quan quý ngọc hỏa ○ ứng
 Huynh đệ dậu kim ○
 Tử tôn hợi thủy ○
 Phụ mẫu sửu thổ.. thế

QUÊ BIẾN : KHÔN

Huynh đệ dậu kim.. thế
 Tử tôn hợi thủy..
 Phụ mẫu sửu thổ..
 Thê tài mao mộc.. ứng
 Phụ mẫu tỵ hỏa..
 Phụ mẫu mùi thổ..

LỤC THẦN

Thanh long
 Huyền vũ
 Bạch hổ
 Phi xà
 Câu trăn
 Chu tước

Căn cứ vào các thông tin của quẻ, tôi nói với chị Khoan và anh chồng : năm 1987 tốt nhất không nên có thai. Nếu tháng giêng năm 1987 có thai thì e rằng không qua được cửa ải tháng 6.

Về sau quả nhiên tháng giêng năm 1987 có thai, tháng 6 đẻ non chết yếu.

Giải : Trong một quẻ có 5 hào phát động là chủ về việc không thuận, hơn nữa quẻ Cấu biến thành quẻ Lục xung, là điềm không tốt.

Hào thế phụ mẫu sửu thổ không hợp, hào tử tôn hợi thủy bị nguyệt kiến khắc là tượng chưa có thai. Hào tử tôn hợi thủy suy ở nguyệt kiến, mộ ở nhật kiến, lại hóa thành tuyệt địa. Câu trăn động mà khắc tử tôn là tượng không tốt.

Hào thế phụ mẫu sửu thổ hóa thành mùi thổ xung trở lại, có thai bị xung là xấu, nên tháng 6 đẻ non chết yếu.

Ví dụ 8. Tháng 8 sẽ sẩy thai.

Ngày 1 tháng 8 năm 1989, cô học viên Lưu Tú Mai ở Quảng Châu đoán cho bạn nữ. Người bạn nữ nói khoảng 35 ngày gần đây không thấy kinh nguyệt, không biết đã có thai chưa. Được quẻ Tồn của quẻ Minh di

Năm 1989	tháng 8 (lệnh tháng 7)	ngày 1	giờ Thìn
Kỷ Tỵ	Nhâm Thân	Quý Hợi	Bính Thìn

Sau khi lập xong tượng quẻ, Lưu Tú Mai nói với bạn nữ : bạn đã có thai, nhưng tháng 8 nhất định sẽ sẩy thai.


Về sau vì vi phạm quy định, nên tháng 8 đã phải nạo thai.

Giải : Quẻ Di có quẻ thượng là坎 thổ, là mẹ, là quẻ thế; quẻ hạ là 艮 木, là thai, là quẻ dụng, là dụng khắc thế cho nên không thành. Chấn biến thành 兌 kim khắc trở lại, 兌 kim vượng ở tháng 8, nên tháng 8 hỏng thai.

Ví dụ 9. Anh thua cô gái.

Ngày 25 tháng 10 năm 1989, anh Chu ở nhà máy gang thép Thượng Hải nhờ học viên Lưu Khánh Hồng đoán ngày 26 anh ta tham gia đấu cờ vây, xem sẽ thắng hay thua.

Năm 1989	tháng 10	ngày 26	giờ Dậu
Kỷ Ty	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Dậu

Được quẻ Truân của quẻ Tỳ 

Căn cứ tượng quẻ Lưu Khánh Hồng nói với Chu : đối thủ ngày mai của anh là một cô gái. Anh sẽ thua cô ấy.

Quả nhiên Chu thua cô gái 12 tuổi.

Giải : quẻ Tỳ có quẻ thượng là đoàn kim, là thiếu nữ, là quẻ dụng; quẻ hạ là chấn mộc, là trưởng nam là quẻ thể. Cho nên nói đối phương là thiếu nữ. Đoàn kim động đến khắc quẻ thể, nên đoán anh Chu thua.


Ví dụ 10. Chắc chắn có thể đoán được.

Ngày 13 tháng 6 năm 1990, khi tôi đang giảng bài ở Thâm Quyến, buổi chiều sau khi tan lớp, ngài Hoàng Nguyên Phúc là người phụ trách Trung tâm khí công phục hồi sức khỏe của thâm Quyến nói với mọi người rằng : có một vị thầy khí công ở Thạch Gia Trang muốn nhân dịp này biểu diễn cho mọi người xem viên gạch để cách đầu khoảng 10 cm, tóc có thể đánh vỡ viên gạch, để mọi người khám phục. Mọi người nghe xong đều nhiệt liệt vỗ tay, chờ đón thầy biểu diễn.

Vị đại sư khí công này khoảng 65 tuổi, cảm ơn mọi người đã vỗ tay hoan nghênh, sau đó nói : "Tóc có thể làm vỡ viên gạch, việc này đã được biểu diễn 2 lần, một lần thành công, một lần thất bại. Hôm nay là lần biểu diễn thứ 3, không biết có thành công không. Nếu không thành công thì mong mọi người thông cảm".

Học viên nghe thấy vị đại sư không nắm chắc, liền bảo tôi xem quẻ đoán xem. Đáp ứng nhu cầu mọi người, tôi gieo quẻ ngay tại đó.

Năm 1990	tháng 5	ngày 21	giờ Hợi
Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Kỷ Dậu	Ất Hợi

Được quẻ Tụng của quẻ Cấu 

Tôi lập quẻ xong liền nói với học viên và Tổng thư ký Hội khí công thành phố rằng : gạch nhất định vỡ. Qua 10 phút chuẩn bị, vị đại sư bắt đầu biểu diễn. Kết quả viên gạch đặt cách đầu 10 cm đã vỡ. Hơn 200 người thấy

cuộc biểu diễn thành công, liền nhiệt liệt vỗ tay chúc mừng, nhưng vì vị đại sư đó hao tổn khí quá nhiều, nên quy xuống quay mấy vòng đứng không nổi.

Tổng thư ký Triệu Lạc Thiên đứng lên nói với mọi người : thầy Thiệu Vĩ Hoa trước khi biểu diễn đã lập quẻ dự đoán, khẳng định gạch nhất định vỡ. Kết quả đoán đúng, ứng nghiệm tức thì. Ông nói chưa xong thì lại một tràng vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh và chúc mừng lời đoán của tôi đã ứng nghiệm tại chỗ. Lần dự đoán này càng khiến cho học viên nhận thức rõ ràng hơn về tính khoa học dự đoán thông tin của bát quái, càng quyết tâm và hăng hái học tập hơn.

Chương 13

NGOẠI ỨNG

Khi dùng bát quái để dự đoán thông tin, trên cơ sở nắm vững lý luận và phương pháp dự đoán thì độ chính xác của kết quả dự đoán hoàn toàn quyết định bởi trình độ và bản lĩnh của người dự đoán. Nhưng trong thuật dự đoán, giới vận dụng ngoại ứng không những là khâu rất quan trọng mà còn có thể nói rằng, có lúc là nhân tố then chốt để quyết định sự thành bại của dự đoán.

Ngoại ứng là sự phản ánh thông tin của môi trường bên ngoài một cách tức khắc, tự nhiên nằm ngoài nguyên lý của quẻ, số quẻ và tượng quẻ. Tức là nói khi vừa lập xong tượng quẻ, hoặc lập xong hào thế hào ứng, phối lục thần cho sáu hào thì đột nhiên nghe thấy tiếng khóc, tiếng cười, tiếng nổ, tiếng mưa, hoặc tiếng đàn ông đàn bà, tiếng ồn ào, tiếng ẩu đả, v.v... của môi trường xung quanh tác động đến. Tất cả những cái này đều là sự phản ánh thông tin của ngoại giới. Cho nên khi đoán quẻ nhất định phải kết hợp chặt chẽ giữa sự việc cần đoán với ngoại ứng để dự đoán sự cát hung của quẻ. Có lúc thậm chí không cần dùng đến quẻ mà căn cứ vào sự phản ánh thông tin của ngoại giới để quyết đoán ngay quẻ tốt hay xấu. Ví dụ có người đến đoán về bệnh tật, tượng quẻ sắp lập thành hoặc vừa lập thành, bỗng nhiên nghe thấy có tiếng khóc rất bi ai thì cho dù tượng quẻ ra sao vẫn đoán là xấu. Nếu nghe thấy có tiếng cười vui vẻ thì cho dù tượng quẻ ra sao cũng có thể khẳng định quẻ tốt. Nghe thấy tốt là tốt, thấy xấu là xấu, nhìn thấy tốt là tốt, nhìn thấy xấu là xấu. Đó là ngoại ứng.

Ngày xưa các bậc thánh sư bát quái, khi dự đoán thông tin rất coi trọng ngoại ứng. Song những sách cổ bàn về ngoại ứng rất ít, duy chỉ có nhà thiên văn học đời Tống, đại sư bát quái Thiệu Khang Tiết mới bàn đến ngoại ứng một cách hoàn chỉnh và chi tiết. Hai cuốn sách "Tam yếu linh ứng biên" và "Thập ứng dự luận" của ông đã để lại cho đời sau những kinh nghiệm quý báu.

Về vấn đề làm thế nào để ứng dụng ngoại ứng chính xác, trước hết Thiệu Khang Tiết nhấn mạnh đến tính quan trọng của sự vận dụng "tam yếu". "Tam yếu" tức là : tai, mắt, lòng. Một người dự đoán không những phải vận dụng dịch lý chính xác, nắm vững quy luật sinh khắc, chế hóa của âm dương ngũ hành mà còn phải lắng tai nghe tiếng động bốn phương, mắt quan sát mọi sự biến đổi xung quanh, lòng tập trung vào sự suy nghĩ cho vấn đề. Khi có ngoại ứng mà biết vận dụng thì trăm lần đoán, không có một lần sai; có

ngoại ứng mà không biết vận dụng là đã bỏ lỡ thời cơ. Muốn nắm bắt ngoại ứng một cách nhạy bén, ứng dụng ngoại ứng một cách chính xác, kịp thời phát hiện những điểm then chốt của ngoại ứng thì mắt phải nhìn sáu phía, tai nghe tám phương, tình cảm nhạy bén. Do đó cái lý của quẻ hoàn toàn là ở sự thông biến kỳ diệu của người đoán.


Ngoại ứng là khi dự đoán, ngoại giới đột nhiên xuất hiện sự phản ánh thông tin. Sự phản ánh này đương nhiên là do thông tin được tiềm chứa trong sự vật hoặc sự kiện nào đó. Cho nên ngoại ứng vẫn là một loại thông tin.

I - CÁC VÍ DỤ VỀ NGOẠI ỨNG

Tôi, trong dự đoán tuy cũng chú ý vận dụng ngoại ứng, nhưng ví dụ ghi lại không nhiều. Trong mục này, nhằm mục đích nói rõ tính quan trọng của vận dụng ngoại ứng trong dự đoán, một mặt là lấy các ví dụ cổ, mặt khác là dùng ví dụ của tôi để chứng minh. Các câu chuyện về ngoại ứng xưa đều là những ví dụ các cụ già trong dân gian kể về sự quan trọng của ngoại ứng trong dự đoán bát quái, tuy xưa nay chưa từng có ai khảo chứng, nhưng có thể qua nội dung câu chuyện ta cũng hiểu rõ được tính quan trọng của ngoại ứng đối với sự phán đoán tốt, xấu của quẻ.

1. Quẻ Kiến của chữ "thử"

Ngày xưa có một người đi xa, gặp được một đại sư bát quái, xin nhờ đoán vận. Đại sư bát quái để cho anh ta tùy ý viết một chữ. Anh ta viết chữ "thử". Đại sư căn cứ vào chữ đó lập quẻ bằng cách chia số nét chữ làm hai phần, được quẻ thượng là Khảm, quẻ hạ là Cấn. Đó là quẻ Ký tế của quẻ

Kiến . Đại sư bát quái vừa lập xong quẻ, bỗng nhiên nhìn thấy ngoại ứng, bèn vứt quẻ mà nói với người xin đoán rằng : "Cuộc đời anh đại phú, đại quý, của cải ăn dùng không hết". Sau khi nghe thấy, người kia rất vui mừng rồi đi thẳng".

Bên cạnh đó có một người lái buôn, nhìn thấy anh kia viết chữ "thử", được mệnh đại phú, đại quý, anh ta cũng xin nhờ đoán. Khi đại sư bát quái đang tính quẻ để đoán cho anh ta thì thấy có tín hiệu ngoại ứng, bèn nói với anh ta : "Anh nếu tham của thì sẽ chết, không sống được; còn nếu không tham của thì sẽ thoát chết". Người lái buôn nghe xong vô cùng tức tối, chỉ thẳng vào mặt đại sư mà mắng rằng : "Người nói láo ! Vừa rồi có người viết chữ "thử" thì nhà người đoán nó đại phú, đại quý, còn tôi viết chữ "thử" thì lại toàn xấu, không tốt". Tiếp đó miệng chửi lảm bảm, không trả tiền đoán và gánh hàng bước đi trong cơn tức giận. Một hồi sau, người lái buôn hai tay không kinh hoàng chạy trở lại, quỳ lạy dưới chân đại sư và kêu cứu mệnh.

Ông ta nói: "Sau khi đoán quẻ, tôi đi vào rừng được một chốc thì bỗng có hàng chục tên cướp từ sau các gốc cây nhảy ra, tay cầm dao, rìu xông đến. May nhờ đại sư đã bảo tôi đừng tham của, do đó tôi vội vứt gánh hàng chạy thoát thân, giữ được mạng sống".

Những người bên cạnh, có mấy người thấy rõ hai người cùng viết một chữ "thử" như nhau, thế mà người trước thì tốt, còn người sau thì xấu, ứng nghiệm như thần, không biết vì sao lại thế. Vì vậy có người hỏi đại sư về nguyên lý quẻ đoán ra sao.

Đại sư nói : "Người trước viết chữ thử, tượng quẻ vừa lập xong thì có mấy người gánh gạo đến. Một con chuột làm sao có thể ăn hết. Cho nên đoán cuộc đời anh ta đại phú, đại quý, ăn tiêu không hết của. Còn người sau khi vừa viết xong chữ "thử", lại có một người gánh đến một gánh mèo. Chuột là mối của mèo. Một con chuột mà bầy nhiều con mèo thì làm sao mà thoát chết được. Nhưng mà chuột là loài tham của, nên mới dặn anh ta : Đừng tham của thì may ra thoát chết".

2. Vợ thất cổ chết

Xưa có một người nông dân một hôm được tin có đại sư bát quái đến trong thôn. Anh ta liền gói mười quả trứng gà vào khăn tay làm lệ phí, đến nhờ đoán hậu vận và hôn nhân. Người đó không chú ý nghe đại sư đoán quẻ mà lại vội vàng mở khăn tay. Vì khăn buộc chặt quá, tay không gỡ được nút, nên dùng răng cắn nút. Đại sư thấy thế, liền bảo anh ta cấp tốc về ngay, vợ còn thất cổ ở nhà. Người nông dân không tin, cãi lại thấy : "Tôi vừa ở nhà ra đây, vợ tôi rất vui vẻ, vì sao lại thất cổ được?". Anh ta chửi thề là đồ lừa bịp, còn định đánh thầy. May có nhiều người ngăn lại. Đại sư nói : "Trước hết anh nên bình tĩnh, chạy nhanh về nhà xem đã. Nếu không có việc đó thì ra đây đánh tôi vẫn chưa muộn". Những người xung quanh thấy thầy nói có lý, liền lời anh ta bảo về. Đến nhà quả nhiên vợ đã thất cổ tự tử. Mọi người đều vô cùng kinh ngạc về thuật đoán quẻ cao siêu của đại sư. Vì sao đại sư lại biết được vợ anh ta thất cổ ? Nguyên lý rất đơn giản : Vì khi đại sư thấy hình ảnh ngoại ứng - anh ta nghiêng răng cắn nút khăn tức là dưới miệng có cái khăn, đó là tượng chữ "Điếu...". Vì cái khăn thiên về chỉ nữ giới, cho nên đoán vợ đang thất cổ.

Những ví dụ ngoại ứng tương tự như trên còn nhiều, không thể kể hết. Song đó vẫn là chuyện xưa. Dưới đây tôi xin cử vài trường hợp thực tế mà tôi đã vận dụng ngoại ứng để dự đoán.

Ví dụ 1. Bài học kinh nghiệm là quý báu nhất.

Một đêm cuối thu năm 1983, hai vợ chồng ông Trương ở cơ quan tôi đến hỏi con gái đi xa bao giờ sẽ về (rất đáng tiếc là quẻ đoán của ví dụ này đã bị mất). Nay chỉ còn nhớ được con gái của họ đi về phía Đông Nam với một

thanh niên, sáng hôm sau là có thể quay về. Lúc đó sau khi lập xong tượng quẻ, con gái cả của tôi tay cầm chày gỗ tròn cán bột đi vào nhà để làm bánh. Tôi thấy thế, trong lòng lo sợ, hồi hận không dám nói thẳng với họ là con gái họ đi với một thanh niên, sợ khi cô ấy trở về bà ấy dùng gậy đánh con thì rất phiền. Song tôi lại nghĩ rằng, ngoại ứng có thật chính xác đến thế không ? Rồi sau đó bỏ qua chuyện ấy.

Sáng hôm sau, con gái thứ của tôi báo cho tôi biết : Bà Trương sáng hôm nay khi thấy con gái về, đã dùng chày cán bột đánh con gái, vết thương đầy mình. Tôi nghe xong rất kinh hoàng và xúc động, nhưng vì hồi đó lãnh đạo cho rằng tôi đang làm trò mê tín, bị đặt vào tình thế rất khó khăn. Nếu bà ta đánh chết con, chắc nguồn gốc tai họa sẽ trút lên đầu tôi. Vì vậy tôi phải vội vàng mang thuốc xoa bóp sang khuyên bà đừng đánh con và chữa giúp cho cô.

Từ sự việc này, tôi rút ra bài học : Thứ nhất là không thể xem thường tác dụng quan trọng của ngoại ứng trong khi dự đoán. Từ đó về sau, khi dự đoán tôi luôn chú ý đến tác dụng của ngoại ứng; Thứ hai là không nên nói thẳng quá, đặc biệt là những sự việc có liên quan với những chi tiết quan trọng. Khi đoán quẻ vừa phải gây sự chú ý cho đối phương, vừa phải thận trọng có chừng mực trong từng lời từng chữ, nếu không thì sẽ tạo thành những việc không hay hoặc những hậu họa khôn lường.

Ví dụ 2. Chồng cô khoảng nửa tháng nữa sẽ được điều về.

Tháng tám năm 1984, cô Hùng ở cơ quan tôi vì chồng công tác ở miền Nam, đã có lệnh điều về hơn một tháng nay mà vẫn chưa được về, nên đến nhờ đoán khi nào thì được về Tây An.

Năm 1984	Tháng 8	Ngày 24	Giờ Mùi
Giáp Tý	Quý Dậu	Kỷ Mão	Tân Mùi

Được quẻ Dự của quẻ Khôn  .

Tôi vừa lập xong tượng quẻ thì bỗng nhiên có một công nhân đập cửa bước vào. Tôi lập tức nói với cô ta : Chồng cô trong vòng nửa tháng nữa nhất định sẽ về.

Cô Hùng vì trước đây đã nhờ tôi đoán nhiều lần, hiểu tôi rất kỹ, chỉ có xem đúng rồi mới đưa ra lời dự đoán, nay thấy tôi kết luận nhanh như thế thì cho rằng tôi sẵn miệng an ủi cô. Nên cô nhắc lại : Thấy không an ủi tôi đấy chứ ! Sao có thể đoán nhanh thế được ? Tôi trả lời rằng : Cô xem, tôi vừa lập xong quẻ thì anh kia bước vào, chứng tỏ chồng cô rất nhanh sẽ về.

Về sau, quả nhiên khoảng nửa tháng sự việc thành hiện thực.

Giải : Khôn, Cấn là thổ, là tĩnh. Đoán người đi xa là chưa về, đoán người xuất hành là chưa đi nổi. Đây là quẻ lục xung, gặp xung là việc sẽ tan. Nhưng hôm nay ngoại ứng là có người đến cho nên đã ứng nghiệm vào quẻ.

Ví dụ 3. Ông bị rắn cắn.

Tháng 8 năm 1986 ông Đường trong cơ quan nghe nói tôi có nghiên cứu bát quái, đoán được cát hung, nên nhờ tôi đoán tình hình hiện tại và sau này cho ông. Căn cứ ngày sinh (Ngày Nhâm tuất, tháng Bính Tuất) lập được quẻ Truân của quẻ Tỳ.

QUẺ CHỦ : TỖY

Thê tài mùi thổ.. ứng
Quan quý Dậu kim.
Phụ mẫu Hợi thủy O
Thê tài Thìn thổ.. thế
Huynh đệ Dần mộc..
Phụ mẫu Tý thủy.

QUẺ BIẾN : TRUÂN

Phụ mẫu Tý thủy..
Thê tài tuất thổ. ứng
Quan quý Thân kim..
Thê tài Thìn thổ..
Huynh đệ Dần mộc.. thế
Phụ mẫu Tý thủy.

Tượng quẻ vừa lập xong, tôi nói với mọi người : ông năm nay sẽ bị thương ở chân hoặc tay. Thời gian vào tháng giêng hoặc tháng bảy. Cả ông Lưu và ông Đường đồng thanh hỏi : Thấy có thể đoán được bị thương vì gì không ? Tôi soát lại tượng quẻ khoảng bốn năm phút, bỗng nhiên xuất hiện một ngoại ứng. Tôi nhân đó liền khẳng định : Ông bị rắn cắn. Ông Đường và những người xung quanh đều trở mặt ngạc nhiên. Ông Đường cảm động nói : Bát quái thần kỳ quá ! Đoán rất đúng. Năm nay khi tôi về quê, đúng ngày 1 tháng 7, chân bị rắn độc cắn, phải nằm viện, đến nay chưa khỏi.

Giải : Khi tôi đang xem quẻ thì có một người cầm ống nước cao su đen đi đến. Ống cao su có tượng con rắn, cho nên đoán là rắn cắn.

Trong quẻ hào huynh đệ hóa thành huynh đệ là tất nhiên bị thương ở tay chân. Tháng giêng dần mộc vượng khắc hào thế Thìn thổ, nên tháng giêng có nạn bị thương. Tháng bảy Thân kim xung động dần mộc, dần mộc động khắc hào thế nên tháng bảy cũng có nạn bị thương ở tay chân. Vì dần mộc lâm thái tuế nên lần bị thương này rơi vào năm 1986.

Vì dùng bát quái xưa nay chưa hề đoán về rắn cắn, cho nên khi về đến nhà tôi lại đưa tượng quẻ ra nghiên cứu kỹ hơn để xem trong quẻ có tiêu chí tượng rắn không. Kết quả phát hiện thấy quẻ hổ trong quẻ Tỳ là quẻ tiệm. Quẻ tiệm có quẻ thượng là tổn mộc, là xà (rắn), là quẻ dụng; quẻ hạ là cấn thổ, là quẻ thế. Dụng khắc thế là bị thương vì rắn. Bát quái bao la vạn tượng, khi ứng dụng vừa phải thành thạo cộng thêm với sự nhạy bén, tinh táo, mới đạt đến sự kỳ diệu.

II - BỔ SUNG VỀ NGOẠI ỨNG

Loại ngoại ứng này trong sách "Bốc ứng ảo luận" của Thiệu Khang Tiết đã bàn đến. Đó là tài liệu ngoại ứng vô cùng quý báu của dự đoán thông tin. Dưới đây xin trích chọn giới thiệu để mọi người biết thêm và tham khảo ứng dụng trong nghiên cứu và thực tiễn dự đoán.

Khi ứng dụng ngoại ứng, về nguyên tắc, kết hợp với sự sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng. Sinh cho quẻ thể là tốt, khắc quẻ thể là xấu, quẻ ngang hòa là có lợi, sinh cho quẻ dụng là không lợi. Ngoại ứng là sau khi thành quẻ có một hiện tượng nào đó tạm thời xuất hiện ở chung quanh, khi đoán quẻ phải kết hợp với hiện tượng đó để tổng hợp phán đoán. Đó gọi là vận dụng ngoại ứng.

Ngoại ứng thiên thời

Nếu lúc trời không có mây, nắng sáng là Càn. Càn, Đoài là quẻ thể, ngang hòa và tốt. Nếu Khâm là quẻ thể mà gặp sinh là đại cát. Nếu Khôn, Cấn là quẻ thể thì xì hơi. Nếu Chấn, Tốn là quẻ thể thì không tốt.

Trong ngày nắng là Ly. Khôn, Cấn là quẻ thể thì tốt. Trời mưa tuyết là Khâm. Chấn, Tốn mộc là quẻ thể thì tốt, Đoài là quẻ thể thì không tốt. Sấm gió là Chấn, Tốn, Ly quẻ thể thì tốt, Khôn, Cấn là quẻ thể thì không tốt. Đó gọi là ngoại ứng thiên thời.

Ngoại ứng địa lý

Nơi có cây cối rậm rạp là Chấn, Tốn, Ly và Chấn, Tốn là quẻ thể thì tốt, Khôn, Cấn là thể thì xấu. Vùng sông hồ khe suối, đầm nước là Khâm, Chấn, Tốn là thể thì tốt, Ly là thể thì xấu. Chỗ lò bếp là Ly, Khôn, Cấn với Ly là thể thì tốt, Càn, Đoài là thể thì xấu. Chỗ hốc đá là Khôn, Cấn; Càn, Đoài, Khôn, Cấn là thể thì tốt, Khâm là thể thì xấu. Đó gọi là ngoại ứng địa lý.

Ngoại ứng nhân sự

Nhân sự có thuyết bàn đến ngũ hành tượng quẻ, cũng có thuyết không bàn đến ngũ hành tượng của quẻ. Thuyết bàn đến tượng quẻ thì cụ già thuộc Càn, bà già thuộc Khôn, Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ. Theo nguyên lý ngũ hành sinh khắc và ngang hòa để phán đoán giống như ngoại ứng thiên thời, địa lý. Thuyết không chia tượng quẻ theo ngũ hành thì lấy ngoại ứng theo nhân sự, căn cứ theo cát hung của nhân sự làm điểm cát hung. Cũng có lúc xem người ra sao thì đoán việc ra thế, đó gọi là ngoại ứng nhân sự.

Ngoại ứng thời lệnh

Thời lệnh không bàn về tượng quẻ mà chỉ căn cứ vào thời lệnh. Ví dụ căn cứ ngày tháng trực để quyết định sự vượng suy của ngũ hành. Ngày tháng dần, mao thì mộc vượng; ngày tháng tỵ, ngọ thì hỏa vượng; ngày tháng thân, dậu thì kim vượng; ngày tháng tý, hợi thì thủy vượng; ngày tháng thìn, tuất, sữu, mùi thì thổ vượng.

Suy là mộc vượng thì thổ suy, thổ vượng thì thủy suy, thủy vượng thì hỏa suy; hỏa vượng thì kim suy; kim vượng thì mộc suy, tức là căn cứ khí quẻ sinh cho quẻ thể. Đoán quẻ nên gặp vượng khí của ngày, tháng trực, không nên gặp suy khí. Nếu khí quẻ khắc quẻ thể thì không tốt. Đó gọi là ngoại ứng thời lệnh.

Ngoại ứng theo phương vị quẻ

Phương vị quẻ tức là : ly nam, khảm bắc, chấn đông, đoài tây, tốn đông nam, càn tây bắc, cần đông bắc, khôn tây nam. Bàn về cát hung là phải xem người đến đoán quẻ ở phương vị quẻ nào, rồi tham khảo thêm quẻ dụng. Ví dụ khảm là quẻ dụng thì nên ở ngôi khảm và chấn, tốn là tốt, ở ngôi ly thì không tốt. Ly là quẻ dụng thì nên ở ngôi ly và khôn, cần là tốt, ở hai ngôi càn, đoài thì không tốt. Phương của quẻ thể nên được quẻ dụng sinh cho, không nên bị quẻ dụng khắc.

Có thể dùng khí của quẻ để thẩm định thêm. Ví dụ thủy từ phương bắc đến là khí quẻ khảm vượng. Thủy từ quẻ khôn hoặc cấn đến thì khí quẻ khảm suy. Hỏa từ phương nam đến là khí quẻ ly vượng, nếu từ phương bắc đến thì khí quẻ ly yếu. Những cái còn lại đều hiểu theo tương tự. Đại để phương của quẻ gốc được sinh là vượng, bị khắc là suy.

Nên tham khảo quẻ thể, khí quẻ sinh cho quẻ thể nên ở phương vượng, khí quẻ khắc thể nên ở phương bị khắc.

Ngoại ứng động vật

Động vật là bàn theo tượng quẻ : càn là ngựa, khôn là trâu, chấn là rồng, tốn là gà, khảm là lợn, cấn là chó, đoài là dê, v.v...

Ngoại ứng về tính vật

Nếu vật tròn là việc thành, vật khuyết thiếu là việc thất bại. Ngoài ra còn xem đó là vật gì, ví dụ bút nghiên chủ về văn thư, áo bào chủ về quan chức, cùm khóa là tai họa về quan...

Ngoại ứng về ngôn ngữ

Ngoại ứng về ngôn ngữ là chỉ nghe tiếng nói mà không cần chú ý đến tượng quẻ. Nghe việc người ta bàn đến mà đoán quẻ ứng tốt hay xấu. Nghe lời nói tốt thì tốt, lời nói xấu thì xấu. Nếu ở chỗ ít người thì mới nghe được xung quanh nói chuyện gì, chỗ đông người ồn ào không áp dụng được.

Ngoại ứng về màu sắc

Màu xanh lục thuộc mộc, màu đỏ tím thuộc hỏa, màu trắng thuộc kim, màu đen thuộc thủy, màu vàng thuộc thổ. Căn cứ vào ngũ hành đó để xem sự sinh khắc của quẻ thể và quẻ dụng.

PHƯƠNG PHÁP NẠP CHI CHO BÁT QUÁI

Nạp chi cho quẻ nội

- Quẻ nội càn : tý thủy, dần mộc, thìn thổ
- Quẻ nội khảm : dần mộc, thìn thổ, ngọ hỏa
- Quẻ nội cấn : thìn thổ, ngọ hỏa, thân kim
- Quẻ nội chấn : tý thủy, dần mộc, thìn thổ
- Quẻ nội tốn : sửu thổ, hợi thủy, dậu kim
- Quẻ nội ly : mao mộc, sửu thổ, hợi thủy
- Quẻ nội khôn : mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc
- Quẻ nội đoài : tỵ hỏa, mao mộc, sửu thổ.

Nạp chi cho quẻ ngoại

- Quẻ ngoại càn : ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ
- Quẻ ngoại khảm : thân kim, tuất thổ, tý thủy
- Quẻ ngoại cấn : tuất thổ, tý thủy, dần mộc
- Quẻ ngoại chấn : ngọ hỏa, thân kim, tuất thổ
- Quẻ ngoại tốn : mùi thổ, tỵ hỏa, mao mộc
- Quẻ ngoại ly : dậu kim, mùi thổ, tỵ hỏa
- Quẻ ngoại khôn : sửu thổ, hợi thủy, dậu kim
- Quẻ ngoại đoài : hợi thủy, dậu kim, mùi thổ

Trên đây là quy tắc nạp địa chi cho tám quẻ. Địa chi trong sáu hào của hai quẻ càn, chấn sắp xếp giống nhau. Đó là phương pháp xếp cách ngôi từ dưới lên trên. Ví dụ quẻ càn hào đầu là tý thủy, hào hai là dần mộc, hào ba là thìn thổ, hào bốn là ngọ hỏa, hào năm là thân kim, hào sáu là tuất thổ. Các quẻ khác cũng tương tự. Càn, khảm, cấn, chấn là quẻ dương, địa chi của các quẻ dương xếp theo chiều thuận. Tốn, ly, khôn, đoài là các quẻ âm, địa chi của chúng xếp theo chiều nghịch từ hào đầu đến hào sáu.

Biết được cách sắp xếp ngũ hành của các hào thì có thể hiểu được chính xác quy tắc sinh khắc chế hóa của âm dương ngũ hành, đó là khâu quan trọng để đoán quẻ được đúng.

Tượng quẻ

Càn



Đoài



Ly



Chấn



Tốn



Khảm



Cấn



Khôn



Phụ lục 2

PHƯƠNG PHÁP GIEO QUÊ

Có nhiều phương pháp dùng bát quái để dự đoán thông tin, trong đó dự đoán theo sáu hào là phương pháp chiếm ưu thế nhất của Trung Quốc. Phương pháp lập quẻ theo sáu hào là dùng ba đồng tiền, úp trong lòng hai bàn tay, lắc mở sáu lần để lập quẻ.

Khi lập quẻ, đầu tiên lấy ba đồng tiền đồng đặt vào lòng bàn tay, dùng tay kia úp lên, để yên một phút chờ cho từ trường giữa nhân thể và từ trường ba đồng tiền liên thông nhau. Khi ta nghĩ về một việc gì, việc đó sẽ làm ta rung động, lòng rung động sẽ phát ra thông tin. Chỉ khi nào người đến đoán tập trung suy nghĩ vào việc muốn đoán thì đồng tiền mới phản hồi các thông tin đó một cách chính xác theo các mặt sấp, ngửa. Mỗi lần lắc sẽ cho ta một hào theo quy tắc dưới đây.

Mặt có chữ là ngửa, mặt không có chữ là sấp.

Trong ba đồng, có một đồng sấp ghi một chấm "." là dương; có hai đồng sấp, ghi hai chấm ".." là âm; cả ba đồng sấp ghi vòng tròn "O" là hào dương động; cả ba đồng ngửa ghi dấu nhân "x" là hào âm động.

"O" vẫn có nghĩa là một ".", dấu "x" có nghĩa là "..", là hào âm động. Động tất có biến, dương động biến thành âm, âm động biến thành dương. Trong quẻ cả sáu hào đều động thì sáu hào đều phải biến. Hào "O" là hào dương, chủ về việc quá khứ, hào "x" là hào âm, chủ về việc tương lai. Khi lập quẻ ghi theo thứ tự hào từ dưới lên trên tức từ hào đầu đến hào sáu. Bạn đọc có thể xem chương 6 sách "Chu dịch dự đoán học" để nắm được chi tiết hơn.

Phụ lục 3

TƯỢNG HÀO CỦA 64 QUẾ

1. Cung càn bát quái thuộc kim

CÀN VI THIÊN

Phụ mẫu tuất thổ. thế
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Phụ mẫu thìn thổ. ứng
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tỵ thủy.

THIÊN ĐỊA PHỦ

Phụ mẫu tuất thổ. ứng
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.
Thê tài mao mộc.. thế
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ..

THIÊN PHONG CẦU

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa. ứng
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. thế

PHONG ĐỊA QUAN

Thê tài mao mộc.
Quan quý tỵ hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

THIÊN SƠN ĐỘN

Phụ mẫu tuất thổ.
Huynh đệ thân kim. ứng
Quan quý ngọc hỏa.
Huynh đệ thân kim.
Quan quý ngọc hỏa.. thế
Phụ mẫu thìn thổ..

SƠN ĐỊA BỐC

Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tỵ thủy.. thế
Phụ mẫu tuất thổ..
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa.. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..

HỎA ĐỊA TẤN

Quan quý tỵ hỏa.
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. thế
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa..
Phụ mẫu mùi thổ.. ứng

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Quan quý tỵ hỏa. ứng
Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Phụ mẫu thìn thổ. thế
Thê tài dẫn mộc.
Tử tôn tỵ thủy.

2. Cung đoài bát quái thuộc kim

ĐÀI VI TRẠCH

Phụ mẫu mùi thổ.. thế
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy.
Phụ mẫu sửu thổ.. ứng
Thê tài mao mộc.
Quan quý tỵ hỏa.

TRẠCH THỦY KHỐN

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim.
Tử tôn hợi thủy. ứng
Quan quý ngọc hỏa..
Phụ mẫu thìn thổ.
Thê tài dẫn mộc. thế

TRẠCH ĐỊA TỤY

Phụ mẫu mùi thổ..
Huynh đệ dậu kim. ứng
Tử tôn hợi thủy.
Thê tài mao mộc..
Quan quý tỵ hỏa.. thế
Phụ mẫu thìn thổ..

TRẠCH SƠN HÀM

Phụ mẫu mùi thổ.. ứng
 Huynh đệ đậu kim.
 Tử tôn hợp thủy.
 Huynh đệ thân kim. thế
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ..

THỦY SƠN KIẾN

Tử tôn tứ thủy..
 Phụ mẫu tuất thổ.
 Huynh đệ thân kim.. thế
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

ĐỊA SƠN KHIÊM

Huynh đệ đậu kim..
 Tử tôn hợp thủy.. thế
 Phụ mẫu Sửu thổ..
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa.. ứng
 Phụ mẫu Thìn thổ..

LÔI SƠN TIỂU QUÁ

Phụ mẫu tuất thổ..
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa. thế
 Huynh đệ thân kim.
 Quan quý ngọc hỏa..
 Phụ mẫu Thìn thổ.. ứng

LÔI TRẠCH QUY MUỘI

Phụ mẫu tuất thổ.. ứng
 Huynh đệ thân kim..
 Quan quý ngọc hỏa.
 Phụ mẫu Sửu thổ.. thế
 Thế tài mao mộc.
 Quan quý ty hỏa.

3. Cung ly bát quái thuộc hỏa**LY VI HỎA**

Huynh đệ ty hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài đậu kim.
 Quan quý hợp thủy. ứng
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

HỎA SƠN LỬ

Huynh đệ ty hỏa.
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài đậu kim. ứng
 Thế tài thân kim.
 Huynh đệ ngọc hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.. thế

HỎA PHONG ĐỈNH

Huynh đệ ty hỏa.
 Tử tôn mùi thổ.. ứng
 Thế tài đậu kim.
 Thế tài đậu kim.
 Quan quý hợp thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..

HỎA THỦY VỊ TẾ

Huynh đệ ty hỏa.. ứng
 Tử tôn mùi thổ..
 Thế tài đậu kim.
 Huynh đệ ngọc hỏa.. thế
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu Dần mộc..

SƠN THỦY MÔNG

Phụ mẫu dần mộc.
 Quan quý ty thủy..
 Tử tôn tuất thổ.. thế
 Huynh đệ ngọc hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu dần mộc.. ứng

PHONG THỦY HỎA CÁN

Phụ mẫu Mão mộc.
 Huynh đệ ty hỏa. thế
 Tử tôn mùi thổ..
 Huynh đệ ngọc hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ. ứng
 Phụ mẫu dần mộc..

THIÊN THỦY TỤNG

Tử tôn tuất thổ.
 Thế tài thân kim.
 Huynh đệ ngọc hỏa. thế
 Huynh đệ ngọc hỏa..
 Tử tôn Thìn thổ.
 Phụ mẫu dần mộc.. ứng

THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

Tử tôn tuất thổ. ứng
 Thế tài thân kim.
 Huynh đệ ngọc hỏa.
 Quan quý hợp thủy. thế
 Tử tôn Sửu thổ..
 Phụ mẫu Mão mộc.

4. Cung chấn bát quái thuộc mộc

CHẤN VI LÔI

Thê tài tuất thổ.. thế
 Quan quý thân kim..
 Tử tôn ngộ hỏa.
 Thê tài thìn thổ.. ứng
 Huynh đệ dần mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

LÔI ĐỊA DỰ

Thê tài tuất thổ..
 Quan quý thân kim..
 Tử tôn ngộ hỏa. ứng
 Huynh đệ mao mộc..
 Tử tôn tỵ hỏa..
 Thê tài mùi thổ.. thế

LÔI THỦY GIẢI

Thê tài tuất thổ..
 Quan quý thân kim.. ứng
 Tử tôn ngộ hỏa.
 Tử tôn ngộ hỏa.
 Thê tài thìn thổ. thế
 Huynh đệ dần mộc..

LÔI PHONG HẰNG

Thê tài tuất thổ.. ứng
 Quan quý thân kim..
 Tử tôn ngộ hỏa.
 Quan quý dậu kim. thế
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ..

ĐỊA PHONG THẮNG

Quan quý dậu kim..
 Phụ mẫu hợi thủy..
 Thê tài sửu thổ.. thế
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ.. ứng

THỦY PHONG TỈNH

Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ. thế
 Quan quý thân kim..
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy. ứng
 Thê tài sửu thổ..

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ TRẠCH LÔI TÙY

Thê tài mùi thổ..
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy. thế
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ.. ứng

Thê tài mùi thổ.. ứng
 Quan quý dậu kim.
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dần mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

5. Cung tổn bát quái thuộc mộc

TỐN VI PHONG

Huynh đệ mao mộc. thế
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Quan quý dậu kim. ứng
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ.

PHONG THIÊN

Huynh đệ mao mộc..
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. ứng
 Thê tài thìn thổ.
 Huynh đệ dần mộc.
 Phụ mẫu tý thủy. thế

PHONG HỎA GIA NHÂN

Huynh đệ mao mộc.
 Tử tôn tỵ hỏa. ứng
 Thê tài mùi thổ..
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ.. thế
 Huynh đệ mao mộc.

PHONG LÔI ÍCH

Huynh đệ mao mộc. ứng
 Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ..
 Thê tài thìn thổ.. thế
 Huynh đệ dần mộc..
 Phụ mẫu tý thủy.

THIÊN LÔI VÔ VỌNG HỎA LÔI PHỆ HẠP

Thê tài tuất thổ.
 Quan quý thân kim.
 Tử tôn ngộ hỏa. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dần mộc..
 Phụ mẫu tý thủy. ứng

Tử tôn tỵ hỏa.
 Thê tài mùi thổ.. thế
 Quan quý dậu kim.
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dần mộc.. ứng
 Phụ mẫu tý thủy.

SƠN LÔI DI

Huynh đệ dẫn mộc.
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ.. thế
 Thê tài thìn thổ..
 Huynh đệ dẫn mộc..
 Phụ mẫu tý thủy . ứng

SƠN PHONG CỔ

Huynh đệ dẫn mộc. ứng
 Phụ mẫu tý thủy..
 Thê tài tuất thổ..
 Quan quý dậu kim. thế
 Phụ mẫu hợi thủy.
 Thê tài sửu thổ.

6. Cung khảm bát quái thuộc thủy**KHẨM VI THỦY**

Huynh đệ tý thủy.. thế
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Thê tài ngọ hỏa.. ứng
 Quan quý thìn thổ.
 Tử tôn dần mộc..

THỦY TRẠCH TIẾT

Huynh đệ tý thủy..
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim.. ứng
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.
 Thê tài tỵ hỏa. thế

THỦY LÔI TRUÂN

Huynh đệ tý thủy..
 Quan quý tuất thổ. ứng
 Phụ mẫu thân kim..
 Quan quý thìn thổ..
 Tử tôn dần mộc.. thế
 Huynh đệ tý thủy.

THỦY HỎA KÝ TẾ

Huynh đệ tý thủy.. ứng
 Quan quý tuất thổ.
 Phụ mẫu thân kim..
 Huynh đệ hợi thủy. thế
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc.

TRẠCH HỎA CÁCH

Quan quý mùi thổ..
 Phụ mẫu dậu kim.
 Huynh đệ hợi thủy. thế
 Huynh đệ hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc. ứng

LÔI HỎA PHONG

Quan quý tuất thổ..
 Phụ mẫu thân kim.. thế
 Thê tài ngọ hỏa.
 Huynh đệ hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ.. ứng
 Tử tôn mao mộc.

ĐỊA HỎA MINH DI

Phụ mẫu dậu kim..
 Huynh đệ hợi thủy..
 Quan quý sửu thổ.. thế
 Huynh đệ hợi thủy.
 Quan quý sửu thổ..
 Tử tôn mao mộc. ứng

ĐỊA THỦY SỬ

Phụ mẫu dậu kim.. ứng
 Huynh đệ hợi thủy..
 Quan quý sửu thổ..
 Thê tài ngọ hỏa.. thế
 Quan quý thìn thổ.
 Tử tôn dần mộc.

7. Cung cấn bát quái thuộc thổ**CẤN VI SƠN**

Quan quý dần mộc. thế
 Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim. ứng
 Phụ mẫu ngọ hỏa..
 Huynh đệ thìn thổ..

SƠN HỎA BÔN

Quan quý dần mộc.
 Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ.. ứng
 Thê tài hợi thủy.
 Huynh đệ sửu thổ..
 Quan quý mao mộc. thế

SƠN THIÊN ĐẠI SỨC

Quan quý dần mộc.
 Thê tài tý thủy.. ứng
 Huynh đệ tuất thổ..
 Huynh đệ thìn thổ.
 Quan quý dần mộc. thế
 Thê tài tý thủy.

SƠN TRẠCH TỐN

Quan quý dẫn mộc. ứng
 Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ..
 Huynh đệ sừ thổ.. thế
 Quan quý mảo mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.

HỎA TRẠCH KHUÊ

Phụ mẫu ty hỏa.
 Huynh đệ mùi thổ..
 Tử tôn dậu kim. thế
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa. ứng

THIÊN TRẠCH LÝ

Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim. thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa.
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa.

PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

Quan quý mảo mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa.
 Huynh đệ mùi thổ.. thế
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc.
 Phụ mẫu ty hỏa. ứng

PHONG SƠN TIỆM

Quan quý mảo mộc. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa.
 Huynh đệ mùi thổ..
 Tử tôn thân kim. thế
 Phụ mẫu ngộ hỏa..
 Huynh đệ thìn thổ..

8. Cung khôn bát quái thuộc thổ**KHÔN VI ĐỊA**

Tử tôn dậu kim.. thế
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc.. ứng
 Phụ mẫu ty hỏa..
 Huynh đệ mùi thổ..

ĐỊA LÔI PHỤC

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ.. ứng
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dẫn mộc..
 Thê tài tý thủy. thế

ĐỊA TRẠCH LÂM

Tử tôn dậu kim..
 Thê tài hợi thủy.. ứng
 Huynh đệ sừ thổ..
 Huynh đệ sừ thổ..
 Quan quý mảo mộc. thế
 Phụ mẫu ty hỏa.

ĐỊA THIÊN THÁI

Tử tôn dậu kim.. ứng
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ sừ thổ..
 Huynh đệ thìn thổ. thế
 Quan quý dẫn mộc.
 Thê tài tý thủy.

LÔI THIÊN ĐẠY TRÁNG TRẠCH THIÊN QUẢI

Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim..
 Phụ mẫu ngộ hỏa. thế
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dẫn mộc.
 Thê tài tý thủy. ứng

Huynh đệ mùi thổ..
 Tử tôn dậu kim. thế
 Thê tài hợi thủy..
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dẫn mộc. ứng
 Thê tài tý thủy.

THỦY THIÊN NHU

Thê tài tý thủy..
 Huynh đệ tuất thổ.
 Tử tôn thân kim.. thế
 Huynh đệ thìn thổ..
 Quan quý dẫn mộc.
 Thê tài tý thủy. ứng

THỦY ĐỊA TÝ

Thê tài tý thủy.. ứng
 Huynh đệ tuất thổ..
 Tử tôn thân kim..
 Quan quý mảo mộc.. thế
 Phụ mẫu ty hỏa..
 Huynh đệ mùi thổ..

Phụ lục 4

THIÊN CAN PHỐI VỚI LỤC THẦN

Dưới đây giới thiệu bảng Lục thần phối với các hào như sau :

Hào quẻ	Ngày GIÁP, ẤT	Ngày BÍNH, ĐINH	Ngày MẬU
Hào trên	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào năm	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long
Hào bốn	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ
Hào ba	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào hai	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào đầu	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào QUẺ	Ngày KỶ	Ngày CANH, TÂN	Ngày NHÂM, QUÝ
Hào trên	Câu trần	Phi xà	Bạch hổ
Hào năm	Chu tước	Câu trần	Phi xà
Hào bốn	Thanh long	Chu tước	Câu trần
Hào ba	Huyền vũ	Thanh long	Chu tước
Hào hai	Bạch hổ	Huyền vũ	Thanh long
Hào đầu	Phi xà	Bạch hổ	Huyền vũ

Thiên can phối với lục thần là :

Ngày giáp, ất bắt đầu ở thanh long.

Ngày bính, đinh bắt đầu chu tước.

Ngày mậu bắt đầu câu trần.

Ngày kỷ bắt đầu phi xà.

Ngày canh, tân bắt đầu bạch hổ.

Ngày nhâm, quý bắt đầu huyền vũ.

Có nghĩa gieo quẻ vào ngày giáp hay ngày ất, hào đầu của quẻ phối với thanh long, hào hai chu tước, hào ba câu trần, hào bốn phi xà, hào năm bạch hổ, hào sáu huyền vũ.

Lục thần là mượn tên các sao để phân loại sự việc. Hào của quẻ phối với lục thần không những là để phân loại sự việc mà còn để tham khảo phán đoán cát hung.

Lục thần chủ các việc :

Thanh long chủ về các việc vui mừng. Khi khắc hào thế, khắc dụng thần là trong vui mừng có điều xấu, điều đau khổ. Chu tước chủ về cãi vã, kiện tụng. Câu trăn chủ về nỗi lo vì ruộng đất, lao tù. Phi xà chủ về nỗi lo kinh dị, vu vơ. Bạch hổ chủ về gặp thương tật, tang hiếu. Huyền vũ chủ về bị trộm cắp, các việc mờ ám.

Trong dự đoán, lục thần chỉ để tham khảo. Quẻ tốt gặp thanh long càng tốt, quẻ xấu gặp bạch hổ, phi xà càng xấu thêm.

XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ỨNG NGHIỆM

Thời gian ứng nghiệm của sinh khắc

Quẻ có 6 hào phối với lục thân, lục thân là dùng để chọn dụng thần. Hào thế là mình, hào ứng là người khác, dụng thần là việc cần đoán. Việc xác định thời gian ứng nghiệm của sự việc chủ yếu là lấy hào thế, dụng thần làm chính rồi xem trong quẻ có những hào nào sinh cho hào thế hoặc dụng thần. Theo cát hung của sự việc mà nói, thì hào thế và dụng thần nên gặp sinh, không nên bị khắc, sinh thì tốt, khắc thì xấu. Nguyên thần lâm đất trường sinh để vượng để sinh hợp với hào thế hoặc dụng thần thì phúc lộc càng tăng thêm; kỵ thần lâm đất trường sinh để vượng mà khắc hào thế, dụng thần thì tai họa càng không nhỏ.

Xác định thời gian ứng nghiệm theo hào thế hoặc dụng thần được sinh

1. Phạm đoán những việc vui mừng, nếu hào thế và dụng thần gặp được nhật, nguyệt kiến, hào động hoặc gặp hóa sinh trở lại thì tốt.

Phương pháp xác định thời gian ứng nghiệm của những trường hợp đó như sau : Nếu tự đoán về bệnh tật, ví dụ lấy hào thế sừ thổ làm dụng thần, ty, ngộ hỏa là nguyên thần thì có thể căn cứ thời gian ty, ngộ hỏa sinh cho sừ, thổ để xác định thời điểm khỏi bệnh. Nếu nguyên thần ty, ngộ hỏa không xuất hiện thì phải chờ đến lúc xuất hiện mới ứng nghiệm. Nếu nguyên thần ty, ngộ yên tĩnh mà không động, sau đó gặp được ty, ngộ là ứng nghiệm. Nếu nguyên thần ty, ngộ bị hợp thủy khắc thì phải chờ đến lúc xung mất hợp, tý thủy, hoặc hợp, tý thủy nhập kho, đó là lúc bệnh khỏi. Nếu ty, ngộ hỏa tuần không, hoặc gặp nguyệt phá thì phải chờ đến lúc xuất không hoặc lúc gặp hợp mới là lúc bệnh khỏi. Nếu ty, ngộ hỏa tham hợp quên sinh thì phải chờ đến lúc gặp xung mới ứng nghiệm. Nếu ty, ngộ hỏa nhập hóa kho thì phải chờ đến lúc xung mất kho mới ứng nghiệm.

2. Xác định thời gian ứng nghiệm khi hào thế, dụng thần bị khắc.

Đoán cát hung của sự việc, nếu hào thế, dụng thần bị khắc là xấu. Nhưng không thể nhất luật cho rằng cứ gặp hào thế, dụng thần bị khắc đều xem là xấu, mà nhất định phải xét xem đoán việc gì. Nếu đoán người đi xa ngày nào trở về thì kinh nghiệm đáng nhớ là : "Dụng thần khắc hào thế là người nhất định về". Nếu dụng thần không khắc hào thế là người còn chưa quay

về. Đoán về kiện tụng lấy hào quan quý làm dụng thân, quan quý là người khắc tôi, nếu dụng thân quan quý bị khắc thì không những không xấu mà ngược lại là tốt.

Cái khắc hào thế, khắc dụng thân là kỵ thân. Ví dụ hào thế, dụng thân là mộc thì kỵ thân nhất định là thân, Dậu kim. Cho nên ngày, giờ, tháng, năm là thân, Dậu xuất hiện thì sẽ ứng nghiệm, phát sinh kết quả xấu. Như đoán bệnh, hào thế là Mão mộc, thân kim là kỵ thân thì nhất định gặp năm, tháng, ngày, giờ thân, Dậu là ứng nghiệm bị khắc. Nếu thân, Dậu là kỵ thân, lúc được cừu thân hay nhật, nguyệt kiến hoặc hào động sinh cho thì bị khắc sẽ ứng nghiệm. Nếu thân, Dậu gặp tuần không hoặc nguyệt phá thì phải đến lúc xuất không, hoặc gặp đất trường sinh, đó là lúc bị khắc ứng nghiệm. Nếu kỵ thân hóa Dậu, kim tức là lúc gặp năm, tháng, ngày, giờ Dậu kim thì bị khắc ứng nghiệm. Nếu kỵ thân hóa thành kỵ thân như Dậu kim động mà hóa thành thân kim khi gặp dần xung động thì sẽ ứng nghiệm, cũng có lúc gặp thân là ứng nghiệm. Tóm lại đoán việc xấu, kỵ thân nên gặp mộ kho, nhập kho, hóa kho hoặc gặp hưu tù, tử địa, hóa thoái, hóa tuyết, hóa tử, hóa hợp là tốt.

Thời gian ứng nghiệm của tuần không

Tuần không có cát, có hung. Phàm đoán về cát hung, nếu hào thế, dụng thân gặp tuần không thì lúc xuất không, hoặc năm, tháng, ngày, giờ diễn đây là lúc ứng nghiệm. Đoán việc xấu thì khi năm tháng ngày giờ xuất không, hoặc được diễn đây, như trong tuần giáp Thìn đoán cầu tài, được dần, Mão mộc là hào tài làm dụng thân thì lúc dần, Mão xuất không là lúc được tài. Ví dụ : đoán về bệnh tật, dần, Mão là kỵ thân thì lúc dần, Mão xuất không tất sẽ hết bệnh tật.

Dụng thân tuần không phát động thì ra khỏi tuần không là lúc việc thành. Dụng thân động mà gặp tuần không, hoặc hóa không thì phải chờ lúc xuất không mới ứng nghiệm cát, hung. Dụng thân tuần không mà gặp hợp thì phải chờ lúc xung khai mới ứng nghiệm. Dụng thân tuần không mà gặp khắc thì phải chờ đến lúc xuất không, hoặc lúc bị chế sát mới ứng nghiệm. Dụng thân tuần không mà nhập kho thì phải chờ lúc xung mất kho mới ứng nghiệm.

Xác định thời gian ứng nghiệm khi gặp hợp

Gặp hợp chia thành tam hợp hay lục hợp. Phàm đoán những việc vui mừng, gặp tam hợp hay lục hợp đều tốt. Đoán những việc lo lắng, nghi ngờ, xuất hành, người đi xa thì không nên gặp hợp. Đoán việc lo lắng mà gặp hợp thì khó giải, khó kết. Đoán xuất hành mà gặp hợp là bị ràng buộc, muốn

đi mà không đi được, hoặc muốn về mà còn bị ràng buộc. Tam hợp hay lục hợp mà sinh hợp cho hào thể hoặc dụng thần là tốt, xung khắc hào thể hoặc dụng thần là xấu. Nguyên thần, dụng thần nhập cục là tốt; kỵ thần, cừu thần nhập cục là xấu. Cho nên nói tam hợp, lục hợp có lúc là tốt, có lúc là xấu.

Tam hợp ví dụ như : thân, tỵ, thìn hợp thành thủy cục. Khi dự đoán, nếu trong quẻ dụng thần hoặc hào động kết hợp với hào khắc để thành cục, hoặc lâm nhật, nguyệt kiến hợp thành cục thì ngày đó sẽ ứng nghiệm. Tam hợp cục có 1 hào bị phá thì phải chờ đến lúc gặp hợp mới ứng nghiệm. Nếu 1 hào tĩnh, 2 hào động thì phải chờ hào tĩnh gặp ngày trực nhật mới ứng nghiệm. Một hào tĩnh mà gặp tuần không hoặc động mà hóa không phải chờ đến lúc xuất không mới ứng nghiệm. Ví dụ tuần không mà gặp hợp, hay tĩnh mà gặp hợp phải chờ đến lúc xung mất, hợp sự việc mới ứng nghiệm. Tam hợp, tự hợp hoặc hợp với ngày, tháng thì phải chờ đến lúc xung mất hợp sự việc mới ứng nghiệm. Nếu nhập kho hoặc động mà hóa kho thì phải chờ đến lúc xung mất kho sự việc mới ứng nghiệm. Nếu hóa tuyệt hoặc có một hào tuyệt thì phải chờ đến lúc sinh vượng sự việc mới ứng nghiệm.

Chú ý : Khi hào thể hoặc dụng thần ở trong cục, hoặc cục sinh hợp với hào thể hay dụng thần là tốt; Cục khắc hào thể hay dụng thần là xấu.

Lục hợp như : tỵ hợp với sửu. Nếu dụng thần gặp mao phát động về sau gặp năm, tháng, ngày, giờ mao, tuất là ứng nghiệm.

Xác định thời gian ứng nghiệm theo gặp xung

Thời gian ứng nghiệm gặp xung là nói đến lục xung. Xung có hi có kỵ. Phàm đoán việc vui mừng không nên gặp xung, xung thì tán. Đoán việc kiện tụng lo buồn nên gặp xung, vì xung là giải thoát. Đoán bệnh tật gặp xung nếu mới ốm thì khỏi, ốm lâu gặp xung thì chết.

Dụng thần gặp xung, lúc gặp hợp là việc sẽ ứng nghiệm. Nếu dụng thần bị xung mà tuần không thì khi ra khỏi tuần không sự việc sẽ ứng nghiệm. Ví dụ dụng thần là dẫn không phát động, thì sau lúc gặp dẫn, đến ngày, tháng thân sự việc sẽ ứng nghiệm.

Thời gian ứng nghiệm của tam hình

Tam hình chủ về những việc xấu, tai họa, gặp phải tam hình thì tai họa không nhỏ. Tam hình có hai hào tương hình và ba hào tương hình. Tam hình như dẫn hình tỵ, tỵ hình thân, thân hình dẫn. Tỵ hình mao, mao hình tỵ, là hai hào tương hình. Dẫn, tỵ, thân hình một tỵ, ba mao hình 1 tỵ gọi là ba hào tương hình.

Hào thế hoặc dụng thần gặp tương hình thì ngày, giờ trực nhật là sự việc ứng nghiệm. Ba hào có 1 hào tuần không, lúc xuất không điền đầy là sự việc ứng nghiệm. Ba hào có 1 hào nhập kho, lúc xung mất kho là việc xấu ứng nghiệm. Ba hào có 1 hào hưu tù lúc hào đó được sinh vượng là việc xấu ứng nghiệm.

Phụ lục 6

CÁCH SỬ DỤNG BỘ THẺ SÁU HÀO ĐỂ DỰ ĐOÁN

1. Màu sắc trên thẻ là tiêu chí âm dương, ngũ hành. Màu trắng là kim. Màu xanh là mộc. Màu đỏ là hỏa. Đen là thủy. Vàng là thổ (vì hai màu trắng và vàng in ra chệnh lệch màu không rõ, nên bên cạnh các màu đều thêm 1 vạch đen để dễ so sánh).

2. Thẻ toàn màu trắng là dậu kim. Trên màu trắng có một vạch đỏ là thân kim. Thẻ toàn màu xanh là mao mộc, trên màu xanh có 1 vạch đen là dần mộc. Thẻ đen là tý thủy. Trên thẻ đen có 1 vạch vàng là hợi thủy. Thẻ đỏ là ngọ hỏa, trên màu đỏ có một vạch vàng là tỵ hỏa. Thẻ vàng là thìn thổ, trên màu vàng có 1 vạch đỏ là mùi thổ, trên màu vàng có 1 vạch trắng là tuất thổ, trên màu vàng có 1 vạch đen là sửu thổ. Một hình vuông là hào dương, 2 nửa là hào âm. Còn ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ thì căn cứ đã nói ở trên.

3. Ký hiệu màu đỏ bên phải của thẻ là tiêu chí hào thế, hào ứng. Dấu "+" là hào thế, dấu "-" là hào ứng.

4. Ký hiệu bên trái của thẻ là tiêu chí của lục thân. Dấu x là hào phụ mẫu, dấu "-" là hào huynh đệ, dấu "+" là hào thê tài, chữ "A" là hào tử tôn, dấu "÷" là hào quan quý.

5. Tên quẻ dùng chữ trắng đều là thuộc kim, dùng chữ xanh là thuộc mộc, dùng chữ đen là thuộc thủy, dùng chữ đỏ là thuộc hỏa, chữ vàng thuộc thổ. Vì trong kim có cung càn, cung đoài nên để phân biệt càn và đoài thì dưới tên cung càn của bát quái có 1 vạch đen viền khung trắng. Mộc có cung chấn và cung tốn, nên dưới tên cung tốn có 1 vạch xanh. Thổ có cung cấn, cung khôn nên dưới tên quẻ thuộc cung khôn đều có 1 vạch đen, đóng khung bằng màu vàng. Tất cả các thẻ được in theo thứ tự sắp xếp quẻ thượng trên thẻ (Ví dụ quẻ thượng đều là càn) để tiện cho việc tra tìm và tính quẻ.

6. Tiêu chí ngũ hành của lục thân giống như tiêu chí ngũ hành của các hào. Thanh long thuộc mộc, dùng chữ màu xanh, chu tước thuộc hỏa dùng chữ màu đỏ, câu trần, phi xà thuộc thổ dùng chữ màu vàng dưới đáy có vạch đen, huyền vũ thuộc thủy dùng chữ màu đen, bạch hổ thuộc kim dùng chữ màu trắng dưới có màu đen.

Số của lục thần trên thẻ là tiêu chí của can ngày. 1, 2 là ứng ngày giáp, ất; 3, 4 ứng ngày bính, đinh; 5 là ngày mậu; 6 là ngày kỷ; 7, 8 là ngày canh, tân; 9, 10 là ngày nhâm, quý.

7. Bên cạnh tiêu chí lục thần phía bên trái của thẻ có các số "1 hoặc 9 hoặc 5". Đó là số các thiên can.

8. Cách dùng : Cho dù là gieo quẻ theo thời gian, hay theo đồng tiền, chỉ cần sau lúc thành quẻ là có thể căn cứ quẻ để rút ra thẻ của quẻ chủ và quẻ biến, phối với lục thần chứ không cần học thuộc cách sắp xếp vị trí của lục thần, hào thế và hào ứng nữa. Đây là một phát minh, sáng tạo lớn, dùng rất thuận tiện, nhanh gọn và không bị sai. Những người cao tuổi trí nhớ kém dùng càng thích hợp. Do đó rất nhiều học giả, chuyên gia đều xem sự thiết lập bộ thẻ này là một sáng tạo lớn. Khi sử dụng để rời thành từng quẻ, làm một túi nilon hoặc túi vải chia thành 8 ô theo thứ tự quẻ thượng là càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn để đựng. Bộ thẻ này giá bốn đồng, độc giả cần mua có thể gửi đến Trung tâm phát hành sách báo số nhà 75 đường Văn Đức, thành phố Quảng Châu là có thể mua được.

Số của lục thần trên thẻ là tiêu chí của can ngày. 1, 2 là ứng ngày giáp, át; 3, 4 ứng ngày bính, đinh; 5 là ngày mậu; 6 là ngày kỷ; 7, 8 là ngày canh, tân; 9, 10 là ngày nhâm, quý.

7. Bên cạnh tiêu chí lục thần phía bên trái của thẻ có các số "1 hoặc 9 hoặc 5". Đó là số các thiên can.

8. Cách dùng : Cho dù là gieo quẻ theo thời gian, hay theo đồng tiền, chỉ cần sau lúc thành quẻ là có thể căn cứ quẻ để rút ra thẻ của quẻ chủ và quẻ biến, phối với lục thần chứ không cần học thuộc cách sắp xếp vị trí của lục thần, hào thế và hào ứng nữa. Đây là một phát minh, sáng tạo lớn, dùng rất thuận tiện, nhanh gọn và không bị sai. Những người cao tuổi trí nhớ kém dùng càng thích hợp. Do đó rất nhiều học giả, chuyên gia đều xem sự thiết lập bộ thẻ này là một sáng tạo lớn. Khi sử dụng để rời thành từng quẻ, làm một túi nilon hoặc túi vải chia thành 8 ô theo thứ tự quẻ thượng là càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, cấn, khôn để đựng. Bộ thẻ này giá bốn đồng, độc giả cần mua có thể gửi đến Trung tâm phát hành sách báo số nhà 75 đường Văn Đức, thành phố Quảng Châu là có thể mua được.

THIỆU VĨ HOA

**CHU DỊCH
VỚI DỰ ĐOÁN HỌC**

(In lần thứ 4 có bổ sung)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc : AN CHƯƠNG

Biên tập :

Sửa bản in : HOÀNG HÀ

Trình bày bìa : HS. ĐÔNG SƠN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

37 Lò Đúc - Hà Nội

CHU DỊCH VỚI DỰ ĐOÁN HỌC

周易预测学讲义

Cuốn sách “Chu Dịch Dự Đoán Học” do Thiệu Vĩ Hoa - đại sư dịch học nổi tiếng thế giới biên soạn. Sau khi xuất bản được đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước nhiệt liệt hoan nghênh.

Bộ sách của ông gồm ba tập : “Chu dịch với dự đoán học”, “Nhập môn chu dịch dự đoán học” và “Chu dịch dự đoán các ví dụ có giải”. Sau khi xuất bản bằng tiếng Hán và tiếng Anh đã đẩy lên một cao trào nghiên cứu ứng dụng Chu dịch.

Năm 1991 ông được Singapore và Thái Lan mời sang giảng về dịch học và dự đoán một số vấn đề. Nhờ thành tựu nghiên cứu đã đạt được và dự đoán các sự việc đạt độ chính xác cao, hai nước đã phong tặng ông danh hiệu cao quý “Ngôi sao dịch học”.

Ông cũng được Trung Quốc xếp vào danh mục “Danh dân dương đại của Trung Quốc”. Những năm gần đây mười mấy tờ báo và tạp chí trong và ngoài nước luôn đưa tin về thành tựu nghiên cứu của ông và những thành quả đạt được trong ứng dụng thực tế.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc các Trung tâm Thiệu Vĩ Hoa ở Trung Quốc.



80025 75540

chu dịch với dự đoán



1 005042 800259
105.000 VND

GIÁ : 105.000đ